VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP CHÍN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP CHÍN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP CHÍN

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

Tổ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP CHÍN

Phiên dịch : Nguyễn Ngọc Tỉnh, Phạm Huy Giu,
Trương Văn Chinh

Hiệu đính : Nguyễn Mạnh Duân, Nguyễn Trọng Hân

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ

LỜI DỤ

Ngày mồng 9 tháng 11 năm Thành Thái thứ 12 (1900), vua Dụ rằng :

Quốc triều có bộ *Thực lục* cũng như *Lỗ sử* [1] có bộ biên niên, cốt để tỏ bày phúc sáng, biểu dương cảnh đẹp lớn, trong đó có đủ lời nói, việc làm, chính sự, cùng với phép tắc, chế độ và kỷ cương.

Nhà nước ta : Thần truyền thánh nối, hơn 300 năm, đức hậu nhân sâu, chứa chất những điều hòa thuận và sáng ngời. Dựng nền rủ mối ngang rực rỡ Chu, Hán, Đường, Tống ; văn trị võ công riêng vượt cao hơn Đinh, Lý, Trần, Lê.

Kính nay : Sách *Liệt thánh Thực lục Tiền biên* với các kỷ *Chính biên* lần lượt chép xong, đều đã dâng vào kho sử.

Kính nghĩ Giản tông Nghị hoàng đế [2] ta : Thiên tư vốn nhuệ triết sáng, thánh học được quang minh ; yêu kẻ sĩ, trọng bầy tôi, hậu với lân bang, hòa cùng họ mạc. Theo phép cũ ưu cần làm việc bằng đức vua Ngu [3]. Thờ Đông triều hiếu kính mến lòng như thời vua Thuấn [4]. Tuy nối ngôi trong khi tuổi nhỏ, công việc gặp nhiều khó khăn, nhưng biết kính sợ giữ tấc lòng, chèo chở được cuộc lớn ; lên ngôi chưa tới một năm, chính sự tốt rỡ ràng đáng ghi chép, đủ nối theo thói hay của liệt thánh,

---

(1) Tức là kinh *Xuân Thu* do Khổng Tử chép.

(2) Miếu hiệu của Đồng Khánh.

(3), (4) Nói về việc làm và lòng hiếu mộ của vua Ngu, vua Thuấn.

ghi chép vào sách quý mãi mãi về sau. Sử thần đã vâng mệnh biên tập, xác định nghĩa lệ, khảo xét rõ ràng, ghi thành bộ sách.

Nay, căn cứ vào bọn bề tôi ở Quốc sử quán là Tổng tài Trương Quang Đản, Phó tổng tài là Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Xứng, Cao Xuân Dục, và Toản tu là Ngô Huệ Liên tâu bày về việc kính sửa bộ *Thực lục Chính biên Đệ ngũ kỷ* về *Giản tông Nghị hoàng đế* đã làm xong, vâng đem bản mẫu tiến trình, xin cho san khắc, v.v... Trẫm kính cẩn xem xét thực ngửa thấy một vị anh quân của một triều đại, công nghiệp sánh bày với các đời vua trước, thực đáng khắc vào ván gỗ in để lâu dài về sau.

Vậy, việc làm bộ *Thực lục Đệ ngũ kỷ* này thành bao nhiêu quyển, chuẩn cho quan Thái sử chọn ngày tốt, cho khởi công làm. Rồi giao cho viên Toản tu kiểm xét thêm từ chữ viết đến các khoản thực cần được rõ ràng. Tổng tài đại thần thì để tâm kiểm tra đối chiếu ; mong sao sớm xong được hoàn thành bộ sách lớn này. Phàm có các việc nên làm, chuẩn giao cho các quan hữu tư kính cẩn tuân hành. Khâm thử !

*

* *

Bọn chúng tôi được sung làm Tổng tài và Toản tu ở Quốc sử quán, kính cẩn xin tâu :

Chúng tôi vâng lệnh soạn bộ *Thực lục Chính biên* về Giản tông Nghị hoàng đế thực đã xong, xin đem khắc in để tỏ bày việc tốt. Trộm nghĩ : Nước phải có sử để ghi các việc thời sự, nhủ bảo đời sau, cho nên phép chép sử theo lối biên niên, đã nêu đủ ở kinh *Xuân Thu*, mà từ Hán, Đường trở về sau đều có *Thực lục*. Những lời nói, việc làm và chính sự của vua trước là tấm gương sáng và con rùa bói của các vua đời sau, nên việc chép đức kể công đều do ở đó. Còn với thời gian không khỏi có lúc thường, lúc biến, mà công việc tất phải có khi trước, khi sau. Cho nên chính lệ biến lệ, văn pháp có khác nhau, viết lớn viết nhỏ thể lệ lại có phân biệt, một để tỏ bày được chính thống, hai để ràng buộc lấy quốc kỷ nước nhà. Đó cũng là cái ý sâu nhiều của Tử Đường chép bộ *Cương mục* vậy.

Nhà nước ta : Thần truyền thánh nối, từ đời Dực tông Anh hoàng đế trở về trước khoảng vài trăm năm, liệt thánh văn trị võ công lực sáng nghiệp, lực trung hưng của các vua đời trước, đều đã khắc ở quán gồ đăng lên kho sử rồi...

Nay Giản tông Nghị hoàng đế ta : thông sáng khiêm nhường, trời giúp, dân theo, dù khi tuổi trẻ lên ngôi, việc nước khó nhọc, thế mà một dạ siêng lo, noi khuôn phép mà giữ gìn từ sớm. Sửa sang trăm việc, nắm đại thể mà giữ lấy kỷ cương, còn đại thế mới hay duy trì toàn cục, chuyển nguy làm yên. Đặc biệt là lại vui nơi sách vở, học nghiệp tiến lên cõi quang minh, hiếu thuận để thờ phụng Đông triều, ơn để hòa hợp trong họ. Lễ độ đối với bầy tôi, huệ trạch nuôi cùng dân chúng.

Chưa đầy một năm, mà mọi việc tốt thiên hạ cùng biết tiếng tăm, ai cũng khen là đức tốt. Mọi người đồng từ, chép vào sử sách, ngõ hầu theo được thói tốt của liệt thánh ngày xưa.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1887], kính được nghị chuẩn cho bộ *Thực lục* ấy, nên làm tiếp *Đệ ngũ kỷ*, chiểu theo nghĩa lệ bộ *Chính biên* mà làm. Xuất đế [1] thì chép phụ ở sau tháng 6 năm Kiến Phúc thứ nhất [1884] đến thời kỳ giao tiếp với năm sau thì lấy năm Ất Dậu [1885] để phân biệt.

Năm Thành Thái thứ 9 [1897] lại được nghị chuẩn cho Xuất đế đổi gọi niên hiệu Hàm Nghi : Cước chú thành hai hàng ở dưới năm Ất Dậu [1885]. Phàm việc đều chiếu y như nghĩa lệ phụ biên mà thi hành. Bọn tôi đã phụng nghĩ làm lệ, tâu chuẩn cho tuân làm. Nhưng khi đem việc từ sau tháng 11 năm Tự Đức thứ 36 đến tháng 6 năm đầu Kiến Phúc, cứ xét năm mà chép làm *Chính kỷ* ; lại từ tháng 6 năm đó đến tháng 8 năm Ất Dậu thuộc về phần tháng vua Hàm Nghi thì xét theo tháng mà chép để làm *Phụ biên*. Nay hiện đã làm xong bản mẫu *Thực lục Chính biên Đệ ngũ kỷ* về Giản tông Nghị hoàng đế, sách gồm 8 quyển, phàm lệ, tổng mục 1 quyển ; tổng cộng 9 quyển, kính cẩn tiến trình, chờ Chỉ tài định cho làm, chọn ngày lành khởi công khắc in để việc lớn được hoàn thành, khiến cùng với các kỷ *Tiền biên*, *Chính biên* của liệt thánh, để mãi mãi về sau không bao giờ mất và đặc biệt để thấy Nhà nước ta vận mệnh lâu dài tới ức muôn năm mà không cùng vậy.

Bọn tôi xiết bao mong đợi, kính cẩn xin tâu.

Ngày mồng 4 tháng 11 năm Thành Thái thứ 2 [1900].

Châu phê : Y theo lời tâu, cho chọn ngày lành, kính cẩn khởi công làm... Khâm thử !

Thần : Trương Quang Đản.

Thần : Nguyễn Thuật.

Thần : Hoàng Hữu Xứng.

Thần : Cao Xuân Dục.

Thần : Ngô Huệ Liên.

Vâng mệnh được sung làm Phó tổng tài, Toản tu ở Quốc sử quán, bọn tôi kính cẩn xin tâu :

Vì bộ *Thực lục Chính biên* về Giản tông Nghị hoàng đế đã khắc xong. Mừng thấy : Hạt Châu [2] đầy hộp, vồng ngọc [3] ứng điềm, bọn chúng tôi thực vui mừng, cẩn dâng biểu, tiến theo. Cúi thấy : Tướng chiêm ngũ vĩ, mừng trời Nam nhật nguyệt

(1) *Xuất đế* : ông vua đã bỏ ngôi chạy ra ngoài. Đây chỉ vua Hàm Nghi.

(2) Sách vở quý như ngọc châu la liệt ở trong hòm.

(3) Khổng Tử làm kinh *Xuân thu* mà cầu vồng đỏ bỗng hóa ra ngọc.

trùng quang[1]. Đạo mở tam mô, vui đông quán đồ thư thêm sắc[2]. Họp vẻ mới ở pho Lân sử[3], truyền vận sự ở cõi Ngao phong[4]. Bọn tôi trộm nghĩ rằng : Rõ ràng bày công võ, chước văn, đời trị có gương soi từ trước. Rành rẽ đủ việc cai, văn thẳng, *Thực lục* là pho sử về sau. Chất phải mà chẳng quê, lời rõ mà không lòe loẹt, xem phát phẩm và khởi lệ có phân biệt khác nhau. Khảo cứu mà không trái, xây dựng mà không sai, so kỷ truyện với biên niên được phân chia rành mạch.

Để người ở nghìn đời sau biết việc nghìn đời về trước, thì sử của một đời cần phải chép rõ việc một đời. Việc không mất thực, văn đủ làm bằng. Huống chi : Ba trăm năm thánh nối thần truyền, đem tâm pháp tỏ ra trị pháp ; mười mấy đời công lao đức cả phần *Chính biên* trên nối *Tiền biên*, như ngày nay ấy...

Nhớ từ : Nam phục xây nền[5], Xuân kinh dựng vạc[6]. Bảy trăm dặm ở Chu Kỳ mở đất, có nước có vua[7]. Sáu bảy đời theo Thương Bặc nối ngôi, ấy hiền ấy thánh[8]. Kiến, đốc, cơ, cần, mở mang từ trước[9]. Điển chương văn vật truyền nối đến sau.

Đức Thế tổ Cao hoàng đế ta, nhân vận tất mà gây nền, thuận lòng thần mà mở nghiệp. Ra tay dẹp loạn phản chỉnh một mình kiêm sáng nghiệp, thủ thành. Lập kỷ trần kinh, 18 năm đã khôi trương vạn hóa. Trước rủ nối sau nên nối đấy. Đạo làm vua kể đã tốt thay ! Đức Thánh tổ Nhân hoàng đế ta : thế đức nối tìm, hiếu tâm đầy đủ. Trước mở Sử cục, bao điều nghĩa lệ đã phát huy. Cả dấy văn phong những kẻ tuấn mạo đều phấn khởi[10]. Công việc một hai ngày răn dạy, ghi ở bên lòng. Khuôn mẫu hăm mốt năm đúc rèn, tạc sâu trong dạ.

Đức Hiến tổ Chương hoàng đế ta : noi gương hiếu trước, nối sáng tấc lòng. Lấy kỷ cương xây dựng trong bảy năm, làm công nghiệp rỡ ràng cho vạn thế.

Đức Dực tông Anh hoàng đế ta : soi theo phép trước, cả có công lao. Khơi nguồn sâu từ biển học, sông văn ; tô vẻ đẹp ở văn biên, thi tập. Ba mươi sáu năm thần công thánh đức, quyết noi theo cho sáng nghiệp nhà ; nghìn muôn đời để điển

---

(1) Năm ngôi sao liên châu, họp chiếu vào địa phận nước nào thì nước ấy hưng vượng.

(2) Ba chước dịch lão, *tam mô* : Cao Dao mô, Đại Vũ mô và Ích Tắc mô chép ở *Kinh Thư*. Đông quán là nơi chứa sách vở.

(3) Kinh *Xuân thu*.

(4) Chỉ nơi hàm uyên.

(5) Tức là thành Gia Định.

(6) Thành Phú Xuân.

(7) *Chu Kỳ* : nhà Chu Trung Quốc, xưa, khởi nghiệp ở núi Kỳ Sơn, đất chỉ có 700 dặm.

(8) *Thương Bặc* : vua Thành Thang dựng nghiệp nhà Thương, bắt đầu ở ấp Bặc, rồi sau 6 - 7 đời con cháu nối lên làm vua đều là những bậc thánh hiền cả.

(9) *Kiến, đốc, cơ, cần* là nói về các đời vua nhà Chu : ông Hậu Tắc thì dựng nước, ông Công Lưu hay chăm chỉ theo gương trước, vua Thái vương thì xây nền làm vua, ông Vương Quý thì siêng năng làm việc. Bốn ông này gồm cả nghĩa bốn chữ kiến, đốc, cơ, cần.

(10) *Tuấn mạo* : người có tài cao, đức tốt.

hoàng phần, cố xếp đặt để truyền con cháu. Nhìn về trước võ công văn trị, đã treo gương sáng rỡ ràng. Xin đem dâng thạch thất lan đài[1] để sánh với ngọc cầu chói lọi.

Đức Giản tông Nghị hoàng đế ta chịu vâng mệnh lớn, mở rộng công xưa. An Ấp[2] truyền ngôi, ngợi hát chầu mừng, đều nói con vua ta cả. Đại Phiên[3] nối nghiệp, thánh hiền nhân hiếu, đã lừng trong nước cùng nghe. Lòng thành kính thờ mẹ ở cung Đông triều[4], nết thảo thuận đãi người trong vòng tộc thuận[5]. Dùng lễ nhượng, đối với thần hạ. Lấy tín thành tiếp sứ bang giao. Cần nhân tài chốn khoa trường, thi văn võ đã từng định lệ. Thương tật khổ trong làng xóm, thuế đinh điền cùng được giảm. Ngạch quan lại tăng bổng mà bớt người, sĩ càng nức dạ. Chốn Kinh phủ lựa cùng mà định ngạch, quân cố rèn nghề văn tịch luận bàn, đem *Chính yếu*, *Sử thư* khắc ván[6]. Chí hòa cảm triệu, cho Bắc Kỳ, Nam hạt được mùa. Thế mà còn sợ tai mắt của thần dân, nên phải giữ tôn nghiêm trong cung miếu. Đã nên trăm việc, tấm lòng riêng còn vẫn căng căng. Chưa tới một năm, chính sự tất chép coi rờ rỡ. Thiên hạ ngửa trông đức hóa. Triều đình lại thấy quan nghi. Tốt lắm thay ! Mông dương thành công, đương buổi núi lặng, suối trong, kiền vị thiên đức, dù lúc mây bay, mưa rẩy. Trời nếu thêm cho tuổi, ngày hẳn trông thấy thái bình. Mệnh cố nhiên còn dài, đời chắc được lâu lịch số.

Kính nghĩ nay Hoàng đế bệ hạ : vâng nối nghiệp to, ngược nhờ phúc tốt, cùng với 2 - 3 đại thần bàn việc, gồm đã 14 năm. Trời nay gọi là theo đức tốt nết hay của tiền vương, làm gương cho thiên hạ.

Đặt lễ nhạc pháp độ ở dương thế, dủ phúc lại cho đời sau.

Sai Sử quán chúng tôi trông coi, sửa sang các kỷ lục của tiền triều, kính chép từ năm Tự Đức thứ 36 [1883] Quý Mùi, đến phần tháng 8 năm Ất Dậu [1885], chia làm hai phần chính và phụ : khởi làm từ năm Thành Thái thứ 9, Đinh Dậu [1897] đến năm thứ 14 Nhâm Dần [1902], trước sau gồm 6 năm, xong việc hiệu chính. Sửa chép thành biên. Dâng vào kho sử, nối theo sách liệt thánh mà vẻ vang. Truyền để lâu dài, sánh với sử nghìn thu mà chói sáng. Vì có điển chương phép tắc, dành để về sau ; và hay nối chí noi làm, mới xưng là hiếu.

Chính trị rõ ràng, công lao trời đất, sử sách đầy đủ, nghĩa suất xưa nay.

---

(1) *Thạch thất* : cung để thần chủ trong nhà thái miếu. *Lan đài* : những nơi cung điện để sách vở. (Xem *Bội văn vận phủ*, vần *thập khôi*).

(2) Tên đất, nơi vua Vũ truyền ngôi cho con là ông Khải.

(3) Tên một nước hầu, vua Văn đế nhà Hán giữ trị ở đấy. Sau khi vua Huệ đế chết, các bầy tôi đón về làm vua nhà Hán, gọi là Hán Văn đế. (Xem *Hán thư*).

(4) Cung của Hoàng thái hậu.

(5) Họ nhà vua.

(6) *Chính yếu*, *Sử thư* : là tên hai bộ sách.

Bọn tôi chỉ làm nổi được một chức, đâu có trên đủ ba điều [1]. Thẹn không làm sách như Lưu Tử Chinh [2], học đòi viết sử theo như Hàn Xương Lê [3]. Cầm nắm điều chủ chốt, tìm tòi gọi góp chuyện xưa, tác thuật ấy thánh minh, quyết định ngược trông gương sáng. Dám đâu là công sức của mình, vâng nhờ ở lệnh trên tỏ bảo.

Cúi mong : gắng theo lòng hiếu, vâng học lời xưa. Noi gương răn trước ngừa sau, tôn sư nghe noi theo sự biết. Tưởng tượng nhìn tranh, đọc sử, nối lấy chí theo lấy việc làm. Đức sáng tỏ bày, nghiệp lớn đấy, cháu con cùng giữ nghiệp to vâng chịu, đức tốt thay, phúc lộc càng nhiều. Bọn tôi khôn xiết vui mừng, hết lòng mong đợi, kính cẩn đem bộ *Thực lục Đệ ngũ kỷ* 8 quyển và mục lục 1 quyển, cộng 9 quyển kèm theo tờ dâng lên.

Ngày 28 tháng 7 năm Thành Thái thứ 14 [1902] :

Thần : Cao Xuân Dục.

Thần : Ngô Huệ Liên.

Thần : Trần Sĩ Trác.

(1) Nhà sử có ba điều sở trường : một là tài cao, hai là học rộng, ba là kiến thức nhiều.

(2) Lưu Hướng đời Hán (Trung Quốc).

(3) Hàn Dũ, người đời Đường.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ (VÀ PHỤ BIÊN)

PHÀM LỆ

1. Những nghĩa lệ nên chép ở *Chính biên*. Theo như *Đệ tứ kỷ* châm chước quy định, chắc đã gọn gàng thưa đáng rồi, nay kỷ này từ sau ngày tháng 10 năm Tự Đức thứ 36 [1883] rước vua lên ngôi đến trước ngày 12 tháng 6 năm Kiến Phúc thứ nhất [1884], hết thảy những điều đáng chép ở *Chính biên* thì đại lược cũng y theo như thể lệ *Chính biên* ở *Đệ tứ kỷ*.

2. Từ sau ngày 13 tháng 6 năm Kiến Phúc thứ nhất đến trước ngày 10 tháng 8 năm Hàm Nghi thứ nhất [1885] là thuộc về lúc Xuất đế ra ngoài. Còn về phần tháng nay tuân như nghị, chuẩn phụng chép Xuất đế là vua Hàm Nghi, đem sự tích phụ chép với niên hiệu Hàm Nghi : thì chữ can (Ất), chi (Dậu) phải chua làm hàng song cước, để cho biết phần thảng không thể viết to được, vì năm đó đã có Cảnh tông Thuần hoàng đế ta lên ngôi, lấy niên hiệu là Đồng Khánh. Duy Đồng Khánh kỷ nguyên hệ ở năm sau, năm Bính Tuất. Năm ấy, từ mồng 1 tháng 10 năm Ất Dậu là năm Đồng Khánh thứ nhất, dưới chữ can chi phải chua nêu ra, để cho sáng tỏ chính thống.

3. Phụ biên : Trước chép là "Hàm Nghi đế" phụ ở đằng sau. Phàm việc đều chép bằng chữ "đế". Chữ "đế" châm chước đài ở khoản thứ 2, vì khi viết còn dùng chữ "đế", thì chữ "đế" long trọng, không thể không đài, mà đài ở khoản thứ 2, để cho cùng với chữ "đế" trong *Chính biên* và đối với khoản đài Hoàng thượng ngày nay đều có phân biệt. Còn các tên húy, đã được bãi bỏ không kiêng kỵ thì đều viết thẳng mặt chữ và các khoản nên viết đều y theo lệ chép ở *Phụ biên, Đệ tứ kỷ*.

4. Kỷ này chép từ tháng 10 năm Tự Đức thứ 36 đến trước tháng 8 năm Hàm Nghi thứ nhất, lúc đó xếp đặt và cất bổ quan quân mọi việc đều tuân theo điều lệ mà thi hành. Phàm có việc gì nên chép thì cứ theo y như lệ ở các kỷ trước mà chép. Việc gì do ý riêng của quyền thần thì cứ việc chép thẳng, để tỏ những điều trái phép của bọn đó.

5. Từ ngày 23 tháng 5 năm Hàm Nghi thứ nhất, sau khi Kinh thành có việc, đến trước ngày mồng 10 tháng 8, Xuất đế (Hàm Nghi) đã dời ra ngoài rồi, trong triều đình và ngoài các tỉnh không biết lệ thuộc vào đâu và từ sau ngày mồng 10 tháng ấy đến cuối tháng 9, vua Cảnh tông Thuần hoàng đế ta (Đồng Khánh) dẫu đã nối ngôi vua mà tuyên bố bảo Dụ, nhưng trong nước còn chưa biết, niên hiệu vẫn chép là Hàm Nghi. Vả phương nam phương bắc đều vâng Dụ vua Hàm Nghi dấy quân Cần vương, những kẻ khởi sự đều cầm nắm làm cớ để khởi binh. Còn từ sau ngày mồng 1 tháng 10 năm Ất Dậu [1885] niên hiệu Đồng Khánh, ngôi lớn đã ổn định lâu rồi ; nếu kẻ nào có dám làm hồ đồ thì đến kỷ thứ 6, sẽ chép làm nghịch.

TỔNG MỤC

ĐẠI NAM THỰC LỤC - CHÍNH BIÊN - ĐỆ NGŨ KỶ

THỰC LỤC VỀ GIẢN TÔNG (NGHỊ) HOÀNG ĐẾ

Quyển I : Quý Mùi, tháng 11 mùa đông, năm Tự Đức thứ 36 [1883].

Quyển II : Quý Mùi, tháng 12 mùa đông, năm Tự Đức thứ 36 [1883].

Quyển III : Giáp Thân, từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 4 mùa hạ năm Kiến Phúc thứ nhất [1884].

Quyển IV : Giáp Thân, tháng 5, tháng 6 mùa hạ năm Kiến Phúc thứ nhất [1884].

Quyển V : Giáp Thân, từ tháng 6 mùa hạ đến tháng 8 mùa thu năm Kiến Phúc thứ nhất [1884], phụ kỷ từ đây trở xuống.

Quyển VI : Giáp Thân, từ tháng 9 mùa thu đến tháng 12 mùa đông, năm Kiến Phúc thứ nhất [1884].

Quyển VII : Ất Dậu, từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 4 mùa hạ [1885].

Quyển VIII : Ất Dậu, từ tháng 5 mùa hạ đến tháng 8 mùa thu [1885].

VÂNG SẮC KHAI CHÉP NHỮNG TÊN VÀ CHỨC TƯỚC

Tổng tài :

Thái tử Thiếu phó, Đông các Đại học sĩ sung Kinh diên giảng quan, kiêm quản Quốc tử giám, thần : Trương Quang Đản.

Phó tổng tài :

Thái tử Thiếu bảo, Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần, Kinh diên giảng quan, tước An Trường tử, thần : Nguyễn Thuật.

Hiệp biện Đại học sĩ sung Kinh diên giảng quan, thần : Hoàng Hữu Xứng.

Hiệp biện Đại học sĩ, kiêm quản Quốc tử giám, tước An Xuân nam, thần : Cao Xuân Dục.

Toản tu :

Hàn lâm viện Trực học sĩ, thần : Nguyễn Quán.

Quang lộc Tự khanh, thần : Ngô Huệ Liên.

Hồng lô Tự khanh, thần : Trần Sĩ Trác.

Hồng lô tự Thiếu khanh, thần : Nguyễn Liễn.

Biên tu :

Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ, thần : Lê Đình Luyện.

Hàn lâm viện Thị độc, thần : Hồ Trung Lượng.

Hàn lâm viện Thị độc, thần : Vũ Trọng Liễn.

Hàn lâm viện Thị độc, thần : Phạm Tuân.

Hàn lâm viện Thị giảng, thần : Nguyễn Thiện Hành.

Khảo hiệu :

Hàn lâm viện Biên tu, thần : Trịnh Hữu Phu.

Hàn lâm viện Kiểm thảo, thần : Hoàng Văn Quỳ.

Hàn lâm viện Kiểm thảo, thần : Hồng Trứ.

Hàn lâm viện Kiểm thảo, thần : Lê Kinh Tuấn.

Đẳng lục :

Tòng thất phẩm, thần : Nguyễn Thoại.

Tòng thất phẩm, thần : Lê Nguyên Xán.

Chánh bát phẩm, thần : Nguyễn Hữu Cận.

Chánh bát phẩm, thần : Nguyễn Quát.

Chánh bát phẩm, thần : Lê Chuân.

Tòng bát phẩm, thần : Đồng Văn Tốn.

Tòng cửu phẩm, thần : Nguyễn Trọng Đỉnh.

Thu chưởng :

Chánh thất phẩm, thần : Hoàng Văn Trung.

Tòng thất phẩm, thần : Nguyễn Cận.

Đẳng tả :

Tòng cửu phẩm, thần : Nguyễn Đại Đoan.

Tòng cửu phẩm, thần : Phan Văn Tập.

Tòng cửu phẩm, thần : Võ Thiệu.

Tòng cửu phẩm, thần : Hồ Hoành.

Vị nhập lưu thư lại, thần : Lê Thiệu.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN I*

THỰC LỤC VỀ GIẢN TÔNG NGHỊ HOÀNG ĐẾ

Giản tông Thiệu đức Chỉ hiếu Uyên duệ Nghị hoàng đế, húy là Hạo, tự là Ưng Hỗ, lại tự nữa là Ưng Đăng, con thứ ba vua Dực tông Anh hoàng đế, sinh ngày mồng 2 Giáp Tuất, tháng giêng Bính Dần, năm Kỷ Tỵ [1869], năm Dực tông Anh hoàng đế Tự Đức thứ 22 (Thanh, năm Đồng Trị thứ 8). Trước đây, theo hệ phiên vương[1], đặt là Ưng Đăng. Nhà vua nguyên là con thứ ba, hàng con vợ lẽ của Hồng Hợi, Kiên quốc công (sau tấn phong hoàng thúc là Phụ thuần nghị Kiên thái vương (Hồng Hợi) do phủ thiếp (sau tấn phong là Hoàng thúc mẫu Kiên thái vương phi) tên là Bùi Thị Thanh sinh ra. Tháng giêng mùa xuân năm Canh Ngọ, Tự Đức thứ 23 [1871] mới lên 2 tuổi, phụng mệnh kén vào ở trong cung, sung làm Hoàng thiếu tử, sai Học phi là Nguyễn Văn Thị Chuyên nuôi dưỡng.

Vua từ thuở nhỏ đã hiểu biết sớm, ôn hòa, yên lặng, sạch sẽ, cẩn thận lời nói và việc làm. Khi hầu cơm, khi thăm hỏi kính cẩn giữ phận làm con. Ngày thường chỉ ưa thích sách vở, thơ văn.

Dực tông Anh hoàng đế khen ngài thông minh, chăm học, giống tính vua cha, tỏ ý yêu dấu khác thường. Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Tự Đức năm thứ 35 [1882] cho ra nhà đọc sách ở bên tả Duyệt Thị đường đặt tên nhà ấy Dưỡng Thiện đường, sau lúc rảnh rang sử sách, vua lại sai đem các chương tấu ở các nha thuộc các bộ mà cắt nghĩa giảng giải để tập xem cho quen.

---

(1) Tước vương ở khu đất nhỏ, không phải là vua ở Kinh sư.

Tháng 6, mùa hạ năm Quý Mùi (Tự Đức thứ 36), vua (Tự Đức) se mình, ngày 14 Nhâm Tuất, để tờ di chiếu, cho Hoàng trưởng tử là Thụy quốc công (tức là Cung tông Huệ hoàng đế ngày nay) lên nối ngôi.

Di chúc cho rằng ngài chực hầu thận trọng, chuẩn cho sung làm hoàng tử thứ ba, đổi tên là Ưng Hỗ và dặn tự quân phải đối với ngài lấy sự hữu ái hậu trước sau như một, rất là đinh ninh cặn kẽ. Ngày 16 Giáp Tý, Dực tông Anh hoàng đế mất. Khi ấy tự quân vào nhà chịu tang vua được 3 ngày, bị Phụ chính đại thần là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phế đi mà đón lập Lãng quốc công (tức nay chép là Phế đế). Những việc lần lượt phế lập này phụ chép ở Đệ tứ kỷ (ngày mồng 3 tháng 8 mùa thu, ngày Canh Tuất đặt yên linh cữu vua Dực tông Anh hoàng đế ở điện Hòa Khiêm trong Khiêm cung. Vua tuân theo di mạng riêng ở quán quan xá ngoài Cửu vụ khiêm, cũng gọi là Dưỡng Thiện đường hầu chực cẩn thận.

Ngày Đinh Sửu 30 tháng 10, Văn Tường và Thuyết lại bàn bỏ Lãng quốc công, bèn họp các đình thần rước nhà vua về bái yết ở điện "tịch điền quan canh" và tâu trình về ý nghĩa nghênh lập.

Vua nói : "Ta còn non trẻ, sợ không kham nổi công việc". Hai người lại tâu rằng : "Đó là ý của Tiên đế, nay là mệnh trời, xin nghĩ lấy tôn miếu Xã tắc làm trọng". Tức thì cùng với tôn nhân và đình thần tâu xin ý chỉ Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ bỏ Lãng quốc công, rước ngài vào nối ngôi Hoàng đế, để kế thừa chính thống.

Ngày Mậu Dần mồng 1 tháng 11, niên hiệu Tự Đức thứ 36, năm Quý Mùi [1883], tiến lễ tế điện ở trước linh tộc điện Hòa Khiêm, Hải Ninh quận công là Miên Tằng kính làm lễ thay (khi ấy nghi chủ về việc đại tang, vâng lệnh Chỉ đều tuân y lệ trước thi hành). Hôm ấy vua mặc áo thêu con mãng đến điện Cần Chính, lạy nhận tỷ ngọc ấn vàng truyền quốc. (Vì khi đó mũ cửu long, áo bào vàng và đai ngọc chế chưa xong, đến nỗi không mặc áo bào, tấn tôn đã 3 ngày rồi cũng vẫn mặc áo thêu con mãng). Việc lễ làm xong, quần thần dâng tờ Kim tiên khuyên mời lên ngôi.

Sách văn chép rằng :

Vương vị ở đầu, mừng thấy nước sang hội thái.

Hoàng trù dựng phép, tin như trời sáng phương Đông.

Chôn ngọc ứng theo[1].

Cưỡi rồng thấy lợi[2].

---

(1) Ý nói được lên ngôi vua, do điển Sở Văn vương chôn ngọc cho các con vào lạy, người con nào đứng đúng chỗ ngọc chôn ấy thì cho làm vua (xem kinh *Xuân Thu*).

(2) Ý nói vua chết ; theo điển vua Hoàng đế cưỡi rồng lên trời (xem ở *Tam hoàng kỷ*).

Kính nghĩ : Hoàng tử Dưỡng Thiện đường điện hạ :

Tư trời thông tuệ. Tính nết nguyên lương. Dạy lấy điều lành, Tiên đế đã định lòng kén chọn. Nhỏ mà nết tốt, thiên hạ đồn đại nghe tin. Trời lại sáng, sao lại ngời, điềm tốt lồng theo ánh mới. Dân cùng theo, trời cùng giúp, phúc lành sớm đón xuân về.

Nay vâng ý chỉ Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, cho điện hạ nối ngôi, truyền lệnh kính cáo linh tọa. Ở điện Cần Chính, vâng lĩnh ấn tỷ truyền quốc. Ngôi trời đã định, nay mừng đại nghĩa sáng rồi. Ngai báu thuộc về, đều nói bang gia phúc đấy. Trên đường hoàng đạo, tiết đông sang, vừa tháng nhất dương[1]. Trong chốn thanh cung, quẻ càn ứng đúng hào tam sách[2]. Bọn tôi vâng sách dâng tâu tôn hiệu Hoàng đế.

Cúi mong : nối nghiệp gian nan của Liệt thánh, thể ơn giáo dục của Tiên hoàng. Vâng ý thánh mà thuận lòng dân. Giữ dao đồ[3] mà lên ngôi báu. Ngày tăng đức thịnh, thỏa lòng dân ca ngợi Khải ở muôn phương. Rộng mở công xưa, giữ nghiệp lớn lâu bền Chu đến vạn đại.

Vâng lệnh mở hòm kim quỹ[4], duyệt lại 20 chữ thánh chế ở trong sổ vàng, lấy chữ thứ tư (trên chữ nhật dưới thiên)[5] dùng làm tên húy của vua và lấy hai chữ tên mới, tên cũ đã ban ở trước đây, để làm tên tự). Lễ xong, kính cáo linh diên ở điện Hòa Khiêm, tâu lên Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ và Khiêm hoàng hậu Học phi, sai quan kính cáo liệt miếu, đều ban lệnh Chỉ bá cáo cho khắp trong, ngoài.

Lại sai quan trước ngày làm lễ tấn quang[6]. Kính cáo linh tọa và các nơi Giao, Miếu, Xã tắc, tâu tới Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, Khiêm hoàng hậu Học phi.

Ngày Canh Thìn, lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hòa, lấy sang năm là năm Giáp Thân làm niên hiệu Kiến Phúc thứ nhất.

Ban ân chiếu cho trong, ngoài gồm 26 điều. Chiếu rằng : "Trẫm nghĩ : Thiên hạ rất to, ngôi vua rất trọng, phải người tài đức hơn đời rồi sau mới có thể làm việc được. Vua Thái Giáp nhà Thương, vua Thành Vương nhà Chu đều là tuổi nhỏ lên ngôi, những biết dời đến điển nghĩa, ở vững chỗ nhân, ngừa sau, răn trước, cuối cùng hai vua ấy mới làm nên được vua giỏi của nhà Thương, nhà Chu. Công nghiệp chép ở sử sách, tiếng thơm còn mãi. Nhà nước ta thần truyền, thánh nối hơn 200 năm, đức hậu nhân sâu, người đều nghe biết, công đức chói lọi, để lại ức năm. Đức Hoàng khảo Tiên hoàng đế ta là bậc thiên tư minh triết, vâng thánh mệnh của

(1) Tháng 11 là tiết Đông chí, âm khí đã gần hết, bắt đầu dương khí mới chớm, tức là tháng nhất dương (theo nghĩa quẻ Phục *Kinh Dịch*).

(2) Theo nghĩa *Kinh Dịch*, 3 lần gieo quẻ mà cầu được quẻ Càn, đó là con trai.

(3) Bức đồ quý trọng như ngọc dao.

(4) Hòm vàng đặt ở nhà Thái miếu.

(5) Chữ Hạo.

(6) Ngày lên ngôi vua.

ba vua[1], trong sửa việc nước, ngoài chống quân thù, đau đáu bên lòng, trong khoảng 36 năm siêng lo thường như một ngày, thọ khảo yên hành, để bảo vệ cho chúng ta là những kẻ sinh sau. Đương tràn đầy hy vọng thì giờ Thìn, ngày 16 tháng 6 năm nay, Ngài cưỡi rồng lên chầu trời. Than ôi ! Đau thay ! Cái cung rơi ở Đỉnh Hồ[2] trở thành một mối vĩnh cảm, nhớ đến ơn trạch, hang núi kêu thương ! Đã theo ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ chuẩn cho Lãng quốc công lên nối ngôi, vì lúc này nhiều việc, nước cần có vua lớn tuổi, mới có thể gánh vác được. Ngờ đâu mới được 4 tháng, đã làm nhiều điều lầm trái. Nay hoàng thân vương công, Tôn nhân phủ, Phụ chính đại thần và văn võ trăm quan đồng thanh đem việc tâu lên cho rằng trẫm là con nhỏ của Tiên hoàng đế, xin nối ngôi để giữ mối lớn, kính vâng ý Chỉ y cho. Trẫm nghĩ : Ngôi lớn không thể bỏ không lâu được, nên không dám không ngửa theo ý Chỉ, cúi chiều lòng dân được, lúc giờ lành Canh Thìn ngày mồng 3 tháng này đã lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hòa, kể sang năm Giáp Thân làm năm Kiến Phúc thứ nhất. Ta thấy ta tuổi hãy còn nhỏ, trí lực chưa đủ, kiến thức chưa rộng, sợ mình gánh vác chưa xứng ! Vò võ lo âu ! Gan ruột như đất. Huống lại thời sự khó khăn, ngoại biến rất gấp ! Làm sao cho yên trăm họ, để thu phục được người xa. Làm sao giữ vững gốc nền, để cho thế nước được mạnh ? Nghĩ rồi lại nghĩ, ăn ngủ không yên ! Chỉ tự nơm nớp lo sợ như giẫm trên băng mỏng, vực sâu ! Nói giữ làm lòng, ngửa nhờ ơn trời đất, tổ tiên thương đoái và phúc thừa của Tiên hoàng đế dành để lại sau, thần mở tấm lòng, xa thao đức tốt. Gần thì có thân huân kỳ thạc tả hữu 2 - 3 đại thần giúp cho ta những điều chưa biết tới và đỡ đần ta trong lúc gian nan, cùng với các thần công lớn nhỏ, ngoài quận trong triều, tỏ dạ trung lương, hết lòng với nhà vua, để thờ một người, ngõ hầu trên làm vẻ vang cơ nghiệp gian nan của liệt thánh và ơn phó thác giáo dục của Tiên đế ; dưới có thể thỏa thiếp lòng mong đợi của thần dân, mà đặt Nhà nước vững yên như ở núi Thái Sơn, bàn thạch. Đó là lòng ta mong lắm, thực phúc cả cho thiên hạ. Vậy có các điều ban ơn ghi bày ở sau này :

1. Đàn Xã tắc, miếu Lịch đại đế vương và Văn miếu, Võ miếu, miếu Đô thành hoàng, miếu Thành hoàng với các thần kỳ ở trong tự điển đều tế một đàn.

2. Sông to núi lớn ở các địa phương đều tế 1 đàn.

3. Những thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công hoàng thân, Tôn nhân phủ đều gia thưởng có thứ bậc.

4. Các quân thứ Bắc Kỳ đều gia thưởng có thứ bậc.

---

(1) *Ba vua* : Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị.

(2) Điển vua Hoàng đế chết ở Đỉnh Hồ. (Xem sử *Tam hoàng kỷ* của Trung Quốc).

5. Các thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công ở Kinh từ chánh tứ phẩm trở lên, ở ngoài từ tòng tam phẩm trở lên và các quan tại Kinh ngũ phẩm ấn quan, các tỉnh án sát sứ, quản đạo, các đạo, người nào dưới tên hiện không có đeo giữ giáng, đều thưởng quân công gia 1 cấp, còn văn từ chánh thất phẩm trở lên ở các bộ, viện, tự, các chính nhu, chánh thất phẩm trở lên, ngoài tứ tòng lục phẩm trở lên và tri huyện, thổ tri châu, võ từ hiện đương làm suất đội trở lên, đều thưởng gia 1 cấp tầm thường.

6. Quan viên lớn nhỏ ở ngoài Kinh đã được giáng lưu, cách lưu, không kể tội công hay tội tư và không chuẩn tra xét, phần giáng 5 cấp trở lên thì đổi giáng 3 cấp, giáng 4 cấp đổi giáng 2 cấp, giáng 3 cấp đổi giáng 1 cấp, giáng 1 - 2 cấp ấy đều cho khai phục, cách lưu ấy đổi giáng 4 cấp đều lưu làm việc.

7. Quan viên ngoài Kinh từ thất phẩm đến cửu phẩm, ai chưa dự gia cấp và khai phục ấy đều thưởng cho 2 tháng lương tiền.

8. Các cử nhân, tôn sinh, ấm sinh, giám sinh, học sinh theo học ở Giám và cử nhân, võ cử, tú tài, sĩ nhân có ngạch hành tẩu, hậu bổ, đều thưởng cho 1 tháng tiền lương.

9. Vị nhập lưu thư lại ở các nha trong Kinh và ở 2 thừa ty phủ Thừa Thiên, 2 ty Phiên, Niết ở các tỉnh ngoài, đều thưởng một tháng lương, còn dư các ty lại ở tạp ngạch như thuộc lại lễ sinh, y sinh, thầy thuốc chữa voi, thầy phù thủy, người xem thời tiết, không kể ở trong Kinh hay ở ngoài Kinh và có lương hay không lương cùng các nha lại ở phủ huyện, đều thưởng cho nửa tháng lương tiền.

10. Các sắc chính ngạch biền binh và thợ các cục ở Kinh, lính trạm ở Kinh và dân thợ lệ được chi tiền lương như lệ, thợ hiện tại đương làm việc, đều thưởng tiền lương một tháng, còn các binh phu tạp ngạch và những người hàng mở ở các trạm, đều thưởng nửa tháng tiền lương.

11. Năm Kiến Phúc thứ nhất, các lệ thuế tiền thóc về ruộng đất, đinh điền ở các địa phương đều rộng cho tha nộp. Duy nay quân nhu cần nhiều, vậy sang năm nơi nào được tha cả 10 thành thuế lệ, nên chia làm 4 năm, năm đầu và năm thứ hai, mỗi năm đều miễn 3 thành, năm thứ ba, năm thứ tư, mỗi năm đều miễn 2 thành.

12. Lệ các hộ biệt nạp ở các địa phương, không phải nộp thuế thân, hạng tráng đều thưởng cho mỗi người 1 quan 2 tiền, nhân đinh già ốm, đều thưởng cấp cho một nửa.

13. Cuối tháng chạp năm Tự Đức thứ 35 trở về trước, các lệ thuế sản vật tiền thóc của dân còn thiếu ở các địa phương hay số tiền thóc bán cho vay của Nhà nước mà chưa nạp thanh, đều rộng cho tha miễn ; ngoài ra những khoản tỉnh lại biên thu, giảm khiên, huy hoắc thì không ở lệ này.

14. Phủ Cam Lộ ở Quảng Trị, phủ Trấn Man ở Thanh Hóa, 4 phủ Chân Ninh, Trấn Định, Trấn Tĩnh, Trấn Ninh ở Nghệ An, cùng với 2 huyện Cam Môn, Cam Cát mới thuộc về phủ Đức Thọ ở Hà Tĩnh và dân Thổ ở các phủ huyện có số bạc ưng nộp ở năm Kiến Phúc thứ nhất bao nhiêu, chuẩn cho giảm đi 5 phần 10, và thuế lệ để thiếu từ năm Tự Đức thứ 35 trở về trước là bao nhiêu, đều cho miễn hết.

15. Các vị thần kỳ thông quốc đều gia phong tặng có bậc. (Sau chuẩn cho các chính thần linh ứng chưa có phong tặng, thì vựng tâu để xét, còn các vị đã được phong tặng rồi thì bớt đi.

16. Lệ khoa thi Hương về hàng văn, thì dùng năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Lệ khoa thi Hội thì lấy 4 năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cử hành. Nay chuẩn cho năm Kiến Phúc thứ nhất là Giáp Thân thì mở ân khoa thi Hương, vào năm thứ 2 (Ất Dậu) ân khoa thi Hội về mùa xuân sang năm.

17. Lệ thi Hương ở Kinh, về hàng quan võ thì dùng các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu cử hành. Nay chuẩn cho năm Kiến Phúc thứ nhất Giáp Thân mở ân khoa thi Hương võ, năm thứ 2 Ất Dậu mùa hạ mở ân khoa thi Hội võ.

18. Các địa phương có người tài phẩm ưu trường và trong Kinh ngoài quận có những người giảng binh thư, thạo nghề võ, tài sức hơn người và những kẻ sĩ ẩn dật trong rừng núi, chuẩn cho thượng ty ấy xét hạch tâu lên sẽ liệu lục dụng.

19. Quan viên trong ngoài xử phân phạt bổng, không kể tên tội công hay là tội tư, cùng không chuẩn cho tra xét, đều cho miễn.

20. Quan viên văn, võ trước đã bị lỗi phải cách bãi, võ từ ngũ phẩm trở lên và văn từ lục thất phẩm, gián hoặc có tiến sĩ, cử nhân xuất thân, trừ thực người nào có tội trạng về tham tang, và tuổi 70 trở lên, không kể nữa, còn đều do 2 bộ Lại, Binh phân biệt làm sổ tâu lên, chờ Chỉ xét cho bổ dùng.

21. Những nhân viên bị lỗi, đã được phát đi hiệu lực sung làm binh, chuẩn cho thượng ty và quản viên ấy đều đem tình tội án cũ và viên ấy bị can từ trước, xem nay có cố gắng hay không, làm sổ tư bộ (văn tư bộ Lại, võ tư bộ Binh), chờ tâu xuống án thi hành.

22. Trước lúc tinh mơ sáng ngày 3 tháng 11 năm Tự Đức thứ 36, phàm ai phạm từ các tội quân lưu trở xuống, trừ quan thiệp vào tội giặc cướp do các nha vấn hình ở Kinh hay ngoài các tỉnh đã xét kỹ, nhưng ngoài ra những tên phạm đích là hung ác, cố ý làm thì không nên kể đến, còn các án không kỳ đã kết hay chưa kết, đều cho khoan miễn buông tha.

23. Phàm cho án đền bồi tang vật chưa xong, trừ võ có tình trạng xâm khuy ngoài, còn ở Kinh chuẩn do bộ Hình, ở ngoài các tỉnh do thượng ty tỉnh ấy, đều

đem những án cũ đã can phải và số tang vật nên bồi, đóng sổ tâu lên, lượng cho khoan giảm.

24. Ty Tam pháp năm nay, đóng sổ kê những lệ án xét về mùa thu, trình đình thần thẩm lại, nay chuẩn cho miễn đình thẩm một lần, duy trong đó có án nào, tình có thể tha được, chuẩn cho đình thần trích ra dâng tâu, chờ Chỉ khoan giảm.

25. Nguyên phân sáp an trí những người Man, người Lạp làm dân, làm nô ở từ các tỉnh Hữu kỳ về phía Nam, trừ người nào đã thành sản nghiệp, tình nguyện xin lưu ở lại nên cho, ngoài ra còn dư, đều được thả về quê cũ yên nghiệp.

26. Từ sáng tinh mơ ngày mồng 3 tháng 11 năm Tự Đức thứ 36 trở về trước, phàm những người thân thuộc bị tội lây, người chính phạm đã đem xử trị, hay đã bị giết ngầm rồi thì thân thuộc người ấy không kể là đã bắt giam hay ra thú chưa, chuẩn cho đều miễn phải chịu tội lây.

Than ôi ! *Kinh Thư* nói rằng : "Nhà vua dựng lên ở ngôi, thu lượm phúc để ban cho dân chúng". Đó là bậc vương giả thể theo đạo của trời đất vậy. *Kinh Thi* nói rằng : "Sớm hôm xây dựng mạnh lớn cho thân mật, ôi, nối sáng cốt ở lòng mình". Đó là sự thực của nhà vua, dùng để sửa sang đức vậy. Ta nay cũng hằng ngày cố gắng mà thôi. Vậy đặc biệt báo cáo khắp nơi, khiến cho mọi người đều nghe biết. Khâm thử".

Chiếu thư ban xuống, trong ngoài xem thấy đều hớn hở mừng nói : "Nhỏ mà hiền lương, đó chính là con của vua ta". Chẳng ai là chẳng mong được thái bình vậy.

Sai Hữu tôn nhân ở phủ Tôn nhân Gia Hưng quận vương là Hồng Hưu sung làm Phụ chính đại thần. (Trước đây hoàng thân, tôn nhân, đình thần tâu nói : "Hiện nay công việc nặng nề khó nhọc, tự quân tuổi nhỏ lên ngôi, cần có những bậc thân thần trọng hậu, lão luyện giúp đỡ, mới mong trọn vẹn" (vì đó nên mới có lệnh này).

Sai các nha ở bộ, các, từ nay trở đi, phải có mảnh giấy tâu. (Trừ ra những sổ sách, án, tập do các nha phiếu nghĩ trình duyệt với ngoài những công việc không quá đáng, không nên phúc duyệt). Trước phải tâu bày với Phụ chính thân thần Gia Hưng quận vương là Hồng Hưu và Phụ chính đại thần kiêm sung Cơ mật viện đại thần, Thái tử, Thái phó, thự Văn Minh điện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Hộ tước Kỳ Vĩ hầu Nguyễn Văn Tường, Điện tiền tướng quân Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại tước Vệ Chính bá Tôn Thất Thuyết vâng duyệt, rồi sau sẽ tâu lên vua. (Đó là kính theo lệ cũ của Dực tông Anh hoàng đế khi mới lên ngôi chuẩn y cho làm).

Lại chuẩn cho Nguyễn Văn Tường kiêm quản Khâm thiên giám, Tổng tài Quốc sử quán, chuẩn cho thự Thượng thư bộ Công là Đoàn Văn Hội kiêm quản Đô sát viện (nguyên trước Hà Văn Quan kiêm quản), Tả tham tri bộ Binh là Hà Văn Quan

cải thụ làm Tả tham tri bộ Công, thự Tả tham tri bộ Công là Tôn Thất Phiên đổi làm thự Tả tham tri bộ Binh, nguyên thự Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Thành Ý (nguyên trước can việc thương thuyết không có công trạng, ở ngoài chờ xét, đến nay đội ơn được tha, viện theo lệ trước được giảm) đổi làm thự Hữu tham tri bộ Lại. Còn bao nhiêu thì được kiêm biện, nhưng biện, cải biện, cải thự, cải lĩnh từ Hoàng Hữu Thường đến bọn Nguyễn Hữu Thảng gồm có 11 người là :

(Quang lộc Tự khanh sung biện Các vụ là Hoàng Hữu Thường kiêm Tham biện Cơ mật viện vụ ; Hồng lô Tự khanh, Biện lý bộ Hộ đi sang các nước phương Đông về là Nguyễn Thượng Phiên vẫn làm Biện lý như cũ. (Nguyễn Thượng Phiên theo chép ở Đệ tứ kỷ đều lấy nguyên danh là Nguyễn Phiên, đến năm Thành Thái thứ 4 vâng châu phê thêm cho chữ "thượng" nữa). Nguyên Thái bộc Tự khanh lĩnh chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Nguyễn Hàm Quang cải làm Biện lý bộ Binh. Quang lộc tự Thiếu khanh Biện lý bộ Lễ là Lê Đại đổi làm Biện lý bộ Binh. Thị giảng học sĩ, biện lý bộ Binh là Phạm Thanh Thục đổi làm Biện lý bộ Lễ. Thị độc lĩnh Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Lê Thanh đổi làm Hồng lô tự Thiếu khanh, sung làm Kinh lý thủy sư Phó hiệp lý. Thị giảng Học sĩ, Tham biện Thừa Thiên phủ vụ là Đinh Viết Tấn đổi lĩnh Phủ thừa phủ ấy. Phò mã Đô úy là Đặng Huy Cát cải thụ làm Thị độc Học sĩ. Thái bộc tự Thiếu khanh, lĩnh Án sát Bình Định là Hà Thúc Quán đều sung làm Tham biện Thừa Thiên phủ vụ. Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Lê Doãn cải thụ làm Thị độc, lĩnh Án sát Bình Định. Thự Hồng lô tự Thiếu khanh Biện lý bộ Binh Nguyễn Hữu Thảng cải thụ chức Thị độc, lĩnh Án sát Quảng Trị, đều Dụ rằng vì nền chính trị buổi đầu cần cân nhắc tài năng mà thiên chuyển cho xứng đáng).

Ngày Nhâm Ngọ, ngày sinh nhật của bà phối vị ở điện Hiếu Tư, sai hoàng thân tước công thay vua làm lễ. (Lúc ấy đã có tấu chuẩn : Giữa hai kỳ đại tang thì các dịp lễ sinh nhật của các vị ở các tôn điện đều phái hoàng thân tước công kính thay).

Ngày Quý Mùi, vua đội mũ cửu long, mặc áo hoàng bào, mang đai ngọc, cầm ngọc trấn khuê thân tới Triệu miếu, Thái miếu ; ngày Giáp Thân, vua thân tới Hưng miếu, Thế miếu kính làm lễ tế yết. (Sau lễ đăng quang, theo lệ, có lễ tế yết).

Một ngày sau, vua mặc lễ phục tới cung Gia Thọ, viện Học phi làm lễ tế yết. Khiêm hoàng hậu vâng trực điện Hòa Khiêm, đường đi hơi xa, sai Thái giám mặc lễ phục kính đến Ôn Khiêm đường tâu đạt.

Vua tuân theo di chúc (miếu hiệu chỉ được gọi là "tôn" chứ không được gọi là "tổ") và bên dưới Tôn nhân phủ cùng đình thần đã bàn bạc, chuẩn cải miếu hiệu Tiên đế trước gọi là Thành tổ (nguyên do vua Phế đế đặt cho) nay đổi là "Dực tông". Lại sai quan hữu ty chọn ngày tốt dự nghĩ các việc cần làm, do hoàng thân công làm lễ cáo trước vào ngày Ất Dậu tháng ấy. Rồi đợi đến ngày mới kính làm lễ dâng lên (xem ở bên dưới).

Ngày Bính Tuất, sai Gia Hưng quận vương Hồng Hưu kính tới điện Hòa Khiêm thay vua làm lễ bái yết. (Lễ phục loại nhất hiến, lễ phẩm : như lễ ân tiến). Lễ tế yết xong, thưởng cho các viên chấp sự hỗ tòng cho đến nhân viên, binh lính các loại tiền, vàng, bạc và cấp kỷ có thứ bậc khác nhau.

Sau lại sai quan tôn thất kính về Nguyên miếu (ở Thanh Hóa), miếu Trừng quốc công (cũng ở Thanh Hóa) tế cáo. Ngày hôm ấy vua mặc đồ cát phục, ngự ra điện Văn Minh nghe chính sự, các quan thịnh phục, xu bái chầu hầu. (Lúc này quan phụ chính tâu chuẩn : Trong 3 năm quốc tang, các lễ mừng, triều, yến trong dịp rằm, mồng một đều đình bãi, hết tang mới ngự ra chính điện nghe chính sự thảy như thường lệ).

Ngày Kỷ Sửu, đúc kim sách. (Lần này lên ngôi chưa kịp đúc, đến nay mới chọn ngày tốt đúc ra, để ngày 15 tháng sau kính dâng lên).

Dụ cho các hoàng thân, vương công từ nay trở đi, hễ có triều ban, khánh điển đều miễn xu bái để tỏ rõ sự ưu lễ đối với bậc vương công.

Rồi lại có lời tâu rằng : "Trời đặt ra vua, khắp nước đều là bề tôi, thờ bề trên cốt phải cung kính, xin cho những vị tuổi từ 60 trở lên được miễn lạy, còn những người khác đều theo lễ, như thế mới yên lòng được". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Chuẩn cho (ty) Thương bạc trong viện Cơ mật đem việc lễ đăng quang đã xong, viết thư báo cho Công sứ Pháp là Sam-bô để ông ta chuyển tư cho súy phủ của Pháp ở Gia Định, báo cáo về Quốc trưởng nước Pháp.

Chuẩn cho các viên giáng cách đợi bổ và các công tử đỗ cử nhân, tú tài, ấm sinh, dụng tử[1], viên tử tình nguyện do các Bộ tùy phái, được cấp tiền, gạo có thứ bậc. (Từ ngũ phẩm trở lên, mỗi tháng tiền 4 chuỗi từ lục, thất, bát phẩm trở xuống 3 chuỗi chưa có phẩm hàm thì 2 chuỗi, còn gạo đều 1 phương).

Ra ơn ban cho hoàng thân, vương công cho tới các chi tôn thất xa 3.460 lạng bạch kim (ngoài ân chiếu).

Ra ơn ban tiền cho người ngoại thích là Nguyễn Văn Lữ và thôn An Đức có thứ bậc. (Nguyên quán của Học phi ở thôn An Đức, tỉnh Vĩnh Long. Nay Văn Lữ là cháu đích tôn phụng sự từ đường, ngụ ở xã Dương Xuân, phủ Thừa Thiên, cho Nguyễn Văn Lữ 200 chuỗi, thôn An Đức 100, sau đó hỏi người thôn ấy hiện không có ai ở Kinh đô, tiền thưởng bèn để lại đợi).

Chuẩn cho quan ở ty Thương bạc, viện Cơ mật sang chỗ quan Khâm sứ Pháp là Sam-bô để thương thuyết về việc đi lại trên biển. Quan Pháp từ mùa thu năm ấy tới cửa biển Thuận An đòi cho tàu của họ vào đỗ thường xuyên 2 - 3 chiếc và 3.400 lính

(1) *Dụng tử* : tức là nhiệm tử, sau vì kiêng tên Tự Đức là Hồng Nhiệm, nên đổi là dụng tử.

phong bế cửa biển, thuyền buôn nước ngoài không được ra vào. Những chiếc thuyền đồng của ta dừng lại ở cửa biển Đà Nẵng, Quảng Nam, thì tất cả khí giới máy móc đều bị họ tịch thu. Họ lại cho tàu qua lại hải phận Nam, Bắc để tuần phòng đường biển, cho nên nhà vua chuẩn cho đi thương thuyết với sứ của Pháp, xin cho các thuyền ra vào cửa biển Thuận An mà có treo cờ hiệu của ta, thì quan Pháp ghi lấy và cho đi. Lại sai ra lệnh cho phủ Thừa Thiên nộp đủ số thóc (trước đây chỉ phải chiết nộp) và các tỉnh kỳ, trực điều hòa số thóc lẫn cho nhau (khi được mùa) để giảm bớt việc vận chuyển qua lại.

Chuẩn cho bọn Nhị đẳng thị vệ Nguyễn Duy Thiên, Ngũ đẳng thị vệ Lê Văn Quý, gồm 16 người phải giáng cách cấp bậc khác nhau. Quan phụ chính tâu rằng : Những người hầu cận cần quen việc và chăm chỉ, bọn này hoặc không chăm chỉ, hoặc ít tuổi, không thạo việc nên cho được giáng bổ hoặc cách về làm dân thường.

Chuẩn cho các viên quan trấn thủ các xứ mà bị thua, hiện can tội phải nghị xử như quan tỉnh Hà Nội (mùa xuân năm ngoái), tỉnh Nam Định (mùa xuân năm nay), Hải Dương (mùa hạ năm nay), Thuận An, Hải Phòng (mùa thu năm nay), đều được gia ơn khoan giảm có thứ bậc (vì cớ lần ấy đường lối chiến hay hòa chưa xác định, tình hình diễn biến quá bất ngờ, việc phòng thủ có khó khăn, nên ra đặc ân giảm tội đến mức thấp nhất. Nguyên Đề đốc Hà Nội là Lê Văn Trinh, Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng, Án sát là Tôn Thất Bá, các quan Chánh, Phó lãnh binh là Lê Trực, Hồ Như Lễ, Nguyễn Đình Đường. Nguyên Tổng đốc Nam Định là Vũ Trọng Bình, Tán lý Nguyễn Chính, Bố chính Đồng Sĩ Vịnh, Chánh, Phó lãnh binh Tôn Thất Vu, Lê Trung Cương đều cách chức, phái đi hiệu lực. Các viên suất quân thủ ngự từ chức Thành thủ úy Vũ Văn Lịch, Tôn Thất Bàn, cho đến chức Quản suất Nguyễn Thành, Mai Văn Thượng, Dương Đức Vị, Nguyễn Đắc Tính v.v... gồm hơn 140 tên đều cách chức lưu. Duy có viên nguyên Bố chính Hà Nội là Phan Văn Tuyển, lần ấy lại bỏ thành trốn trước thì cách về làm dân thường, phải chịu sai dịch. Còn như vụ án ở Hải Dương thì cần xem lại, chỉ có viên Án sát sứ Lê Mô Khải lần ấy đi trú ra tỉnh mới, có hiềm khích với các quan tỉnh, hiện nay đã về Kinh đợi tội, chuẩn giáng xuống 3 cấp, điều bổ. Nguyên Thuận An, Hải Phòng trụ thủ Tham biện là Đinh Viết Tân, Bang biện Nguyễn Hữu Thi, Tiễu phủ sứ Nguyễn Ngoạn, Biện lý Nguyễn Hữu Thảng là chức Tỳ tá ở Lộ Châu (Quảng Nam), Tham biện Ông Ích Khiêm [1], Bang biện Lưu Cung, Vũ Văn Vĩ, đóng ở đồn Hòa Thược cách con sông lớn, đều miễn nghị. Các viên sai đi thương thuyết là Tham tri Nguyễn Thành Ý sai đi lần trước, không được việc và 7 viên chuyên đốc thủy vận đem 2 chiếc thuyền đồng Điềm Dương và Tĩnh Hải đi, bị vỡ chìm, là Lê Văn Chiếu, Trần Hữu Diệu v.v...

(1) Nguyên bản viết là Kiêm, đó là do kiêng tên lăng Tự Đức, nay chữa lại cho đúng.

thì giáng 2 cấp lưu. Các viên phái đi thương thuyết lần sau không nên công cán gì là Biện lý Phạm Như Xương và viên phái đi lần sau đến đồn Lộ Châu mà không biết cứu ứng là Hậu quân Nguyễn Hanh, đều giáng 1 cấp lưu. Bang biện Nguyễn Văn Cố, Quản viên Hồ Đình gồm 8 viên chỉ chuyên giữ ở Thiết Long, không biết phối hợp đánh giặc đều giáng 3 cấp, lưu. Bang biện Lê Đình Xuân, Tham biện Trương Văn Đễ gồm 42 viên, chia giữ lũy bên phải phương đồn ở các xứ Hải Đài, Cáp Châu, Trấn Lãng, Thái Dương... hoặc là không cố thủ được, hoặc là không cứu ứng được, đều cách chức lưu).

Nguyên Tổng đốc Hà - Ninh là Hoàng Diệu lần ấy tử tiết cùng với thành, chuẩn cho giữ nguyên chức hàm, lại cho chép ngay vào sổ ghi những người thờ ở đền Trung nghĩa để biểu dương. (Hoàng Diệu trước đã được vua tưởng lệ ban lệnh tế, các quan ở Hà Nam bị cách chức hiệu lực, chỉ có Hồ Như Lễ về sau vì việc khác mà chết, còn lại lần lượt đều được khai phục, Phan Văn Tuyển cũng đội ơn được khai phục Cử nhân).

Luận về những người có công lao nghênh lập và những người làm việc mẫn cán, cất nhắc viên Thị giảng Biện lý bộ Lễ là Ông Ích Khiêm lên làm Thị lang bộ Binh, phong tước nam, thưởng cho huy chương "Long vân khế hội" hạng nhất bằng một đồng tiền vàng và dải đeo. Lại từ Chu Đình Kế, Tôn Thất Phiên, Hoàng Hữu Thường cho đến bọn Phó vệ úy lĩnh Nhị đẳng Nguyễn Hổ v.v.... được gia hàm thực thụ, thăng thự, đều thưởng cấp kỷ và cho tiền vàng gồm 39 người. Ngoài ra các chức quản suất, cho đến binh đinh, anh danh, võ cử, giáo dưỡng được thăng trật đều thưởng ngân tiền có thứ bậc. Những việc ấy đều theo sự sắp xếp và đề nghị của Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường mà làm.

Phiến kể riêng : Ông Ích Khiêm trước đã có chiến công, nay có dự vào việc gian khó nặng nề, nên gia thưởng đặc biệt. Tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế có tham dự việc này (các viên dưới đây đều thế) gia hàm Chánh nhị phẩm ; thự Tham tri bộ Binh là Tôn Thất Phiên được thực thụ Quang lộc Tự khanh sung biện Nội các. Tham biện viện Cơ mật Hoàng Hữu Thường thăng thụ Thị lang, tái thự Tham tri, vẫn sung chức Thiếu khanh ở Hồng lô tự. Biện lý bộ Lại Tôn Thất Triệt thăng thụ Hồng lô Tự khanh, tái thự Thị lang ; Hồng lô tự Thiếu khanh biện lý Binh bộ Lê Đại thăng thụ Quang lộc Tự khanh, vẫn Biện lý Thị độc. Biện lý bộ Công là Trương Văn Đễ thăng thụ Quang lộc Tự khanh, cải Biện lý bộ Binh 6 viên kể trên được thưởng huy chương "Long vân khế hội" hạng nhất bằng 1 đồng tiền vàng cùng dải đeo. Hồng lô Tự khanh Biện lý bộ vụ Nguyễn Thượng Phiên (bộ Hộ), Nguyễn Văn Thúy (bộ Lễ), đều thăng thụ Quang lộc Tự khanh. Quang lộc tự Thiếu khanh sung biện bộ các vụ Đinh Nho Điển (bộ Hình), Tạ Thúc Dĩnh (Nội các)

đều thăng thụ Hồng lô Tự khanh ; Hồng lô tự Thiếu khanh Lê Thanh (Phó hiệp lý Thủy sư), Lê Duy Thụy (Tham biện Nội các), đều thăng thụ Hồng lô Tự khanh. Nguyễn Hữu Thảng mới lĩnh chức Án sát Quảng Trị nay được thực thụ. Bảy viên kể trên đều gia thưởng một đồng loại tiền vàng trên nhưng là hạng 2. Tham tri bộ Hình là Phạm Bính, Thị lang bộ Lễ là Lương Thành, đều gia thưởng quân công 2 cấp, một đồng tiền hạng nhất. Biện lý bộ Lại Nguyễn Đình Tiếp, Biện lý bộ Hộ Lê Đình Hòe, Biện lý bộ Hộ Phạm Thanh Thục đều gia thưởng quân công 1 cấp, một đồng tiền hạng nhì. Tham tri bộ Lễ Nguyễn Văn Thúy, gia hàm Chánh nhị phẩm ; Hồng lô tự Thiếu khanh Biện lý bộ Hộ là Hồ Lệ, thăng thụ Hồng lô Tự khanh (Văn Thúy và Lệ lần này không tham dự nên không được thưởng tiền vàng). Viên Chưởng phủ Tiền quân Tôn Thất Thế được gia thưởng quân công 1 cấp ; Đô thống Hậu quân Nguyễn Hanh gia quân công 2 cấp. Thống chế lĩnh Hữu quân Đô thống Hồ Hiển thăng thự Đô thống. Thự Vũ lâm Tả dực Thống chế Đinh Tử Lượng được thực thụ. Thự Đề đốc Kinh thành Vũ Văn Đức được thực thụ, lại gia hàm Đô thống. Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Long võ Nguyễn Hữu Ngoạn thăng thự Thống chế. Vệ úy lĩnh Phó đề đốc Kinh thành Trần Xuân Soạn được thăng thụ là Chưởng vệ. Bảy viên trên đều được thưởng 1 đồng tiền vàng hạng nhất. Lĩnh Chưởng vệ Mai Văn Nghị gia quân công 2 cấp. Lĩnh Chưởng vệ Trịnh Lạc, thự Chưởng vệ Nguyễn Đình Bàn, Vệ úy quyền Chưởng dinh Hổ oai là Nguyễn Văn Cát đều gia quân công 1 cấp. Bốn viên trên đều được thưởng mỗi viên 1 đồng tiền vàng hạng nhì. Quyền Chưởng Trung quân Trương Văn Hùng, Đề đốc Thừa Thiên Tôn Thất Hỗn, quyền Chưởng Tả quân Tôn Thất Trang, Cẩm y Chưởng vệ Lê Văn Bằng, đều thưởng gia 1 cấp và mỗi người 1 đồng tiền vàng hạng nhì. Quyền ấn Chưởng dinh Trần Văn Cư, Vệ úy sung Hiệp lĩnh Tống Phúc Tiệp, Đỗ Hữu Lợi, đều thăng thự Chưởng vệ. Hữu Lợi có tham dự tại hành, nên gia thưởng 1 đồng tiền vàng hạng nhì. Phó vệ úy lĩnh Nhị đẳng Nguyễn Hổ thăng thụ Vệ úy, gia thưởng 1 đồng tiền vàng hạng nhì, còn như các viên quản suất có tham dự tại hành đều thăng một trật. Quản viên thì gia thưởng một đồng loại tiền bạc Ngũ phúc. Suất viên thì thưởng một đồng bạc 2 rồng hạng trung (song long trung hạng). Các binh lính có tham dự tại hành, mỗi người được thưởng 3 chuỗi tiền ; mỗi người tại ngũ 2 chuỗi ; Anh danh, võ cử mỗi người 4 chuỗi ; Giáo dưỡng mỗi người 3 chuỗi 5 mạch.

Ban cho Phụ chính thân thần là Gia Hưng quận vương Hồng Hưu một đồng tiền vàng hạng to (có chữ) "Vạn thế vĩnh lại" (Muôn đời nhớ mãi) và một cái nhẫn vàng, mặt khảm hạt kim cương mắt mèo, hai vị đại thần Phụ chính là Thái tử Thái phó thự Văn Minh điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ, Kỳ Vĩ hầu Nguyễn Văn Tường và Điện tiền tướng quân Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh, Vệ Chính bá Tôn Thất Thuyết, mỗi người một đồng tiền vàng loại ấy.

Tước quận vương của Hồng Hưu, nguyên từ ngày tháng 6 năm ấy được vua Phế đế phong cho, đến đây chuẩn cho cải, lấy tháng ấy thụ phong (sách văn ghi ngày 23 tháng 11), sau đó lại tấn phong là Nhất tự vương (cao hơn tước vương cũ gồm 2 chữ Gia hưng). Văn Tường và Thuyết cũng chuẩn nghị gia hàm tăng tước, giao cho Nội các phúc biện (tước hàm của 2 viên đại thần này lúc ấy cũng nguyên do vua Phế đế phong cho từ tháng 6 năm ấy. Sau đó 2 đại thần xin chuẩn truất đi, lại chuẩn gia phong, đều xem chép ở dưới, vào tháng 2 năm Kiến Phúc nguyên niên).

Cho thự Thị lang bộ Lại Tôn Thất Triệt cải lĩnh Tuần phủ Trị - Bình (Quảng Trị, Quảng Bình). Nguyên thự phủ là Đinh Nho Quang, tháng trước đã điều đi Hưng Yên.

Sai bàn định điển lễ tấn tôn hoàng thái hậu, hoàng thái phi và làm sách vàng, triện vàng. Lúc này các bậc hoàng thân vương công và đình thần cùng dâng lời tâu xin theo di chiếu, tấn tôn Khiêm hoàng hậu lên làm Hoàng thái hậu và tôn Học phi làm Hoàng thái phi. Nhà vua đem lời ấy tâu lên và được ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ chuẩn y, nên mới ra mệnh ấy.

Lời Dụ nói rằng : "Tôn lễ của hậu và đế là do nghĩa mà có. Thánh mẫu Trung phi của ta đức sáng ngang Mặt Trời, sánh phối cùng Thượng đế. Nắm giữ đức nhân từ nhu thuận, trên thừa hoan phụng, dưới suất tần ngự để giúp Hoàng khảo ta trong 36 năm trời. Giáo hóa bề trong sánh với Cơ Sần, Cơ Tử[1]. Hoàng mẫu ta là Học phi bẩm tính từ tường, thực hành nhân hậu, thừa mệnh Hoàng khảo ta nuôi dạy ta từ nhỏ đến trưởng thành. Nay ta vâng chịu phó thác, lấy thiên hạ nuôi dưỡng từ thân, cũng là một cách tôn kính. Trẫm đã bảo bộ Lễ bàn rõ các điển lễ, tâu lên đợi trẫm quyết định, Hữu ty chế tạo trước kim sách, kim bảo, đợi trẫm kính duyệt, đến ngày sẽ cử hành nghi thức long trọng để thỏa lòng hiếu kính của trẫm và phù hợp với sự kính đồng lòng của vạn họ". Sau đó bàn dâng lời tâu xin vâng ý Chỉ đến để tới sau khi mãn tang sẽ cử hành (đến tháng 8 năm Ất Dậu tức Hàm Nghi nguyên niên).

(Khi vua Cảnh tông Thuần hoàng đế lên ngôi, chuẩn cho dừng việc sách phong huy hiệu cho Hoàng thái phi, vị thứ của Học phi cũng để như cũ. Năm Đồng Khánh thứ hai, tháng 9, đặc cách tấn tôn Khiêm hoàng hậu làm Trang Ý Hoàng thái hậu).

Lễ Vạn thọ khánh tiết vào ngày 2 tháng giêng.

Hoàng thái phi Diên Xuân khánh tiết (ngày 12 tháng giêng là ngày sinh của Học phi, kính vâng nghị chuẩn lấy 2 chữ "Diên Xuân" ghi tiết sinh nhật, lấy các chữ đẹp ở trong câu "Ngọc hải thư cấm trung diên xuân các". Đều chuẩn chiếu theo lệ kính in vào chỗ bên trên tờ lịch mới (in bằng son).

---

(1) *Cơ Sần, Cơ Tử* : hai bà hoàng hậu giỏi đời nhà Chu.

Lại vì tiết Vạn thọ vừa đúng vào trong 3 ngày Nguyên đán, Nhà nước và dân chúng cúng tế tất phải cần có thịt súc vật, cho nên miễn lệnh cấm sát sinh (đến tháng 8 năm Ất Dậu, tiết Diên xuân cũng bỏ bớt).

Dụ khiến viên Thống đốc quân thứ Bắc Kỳ đóng ở Sơn Tây là Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc Ninh - Thái kiêm Thứ vụ Trương Quang Đản, Đề đốc Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Chư, Tán lý Lương Quy Chính, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật v.v... đều thoái triệt về Kinh. Nước Thanh ban đầu từ sau khi quan Pháp đánh thành Chiêm Hà, họ lần lượt phái dinh đoàn đến đóng đồn ở các tỉnh biên giới ven nội địa và hai tỉnh Sơn (Tây), Bắc (Ninh), tuy nói rằng để làm thanh viện cho lực lượng ta ở Bắc Kỳ, nhưng kỳ thực là để tự bảo vệ vững phên giậu của họ thôi. Mùa thu năm nay, thuyền Pháp đến đánh cửa biển Thuận An. Vua Hiệp Hòa đã bảo quan các tỉnh đều triệt thoái binh dõng, nhưng quan các tỉnh còn làm bạn trú cho quân Thanh. (Quan Cơ mật viện cho rằng nước ta ở giữa hai nước lớn, đối với nhà Thanh thì là kẻ phiên phục ngàn năm, theo nghĩa không nên đoạn tuyệt. Mà đối với Pháp thì lại là nước xa lửa gần, thế buộc không thể đừng được, chi bằng cứ đứng trung lập, đợi hai nước hành động thôi).

Đến lúc này, Toàn quyền Pháp là Ra-măng (trước đây có khi dịch là Hà-a-măng), hai lần gửi thư về cho viên Khâm sứ ở Kinh đô là Sam-bô nói rằng nước ấy định đánh quân Thanh, xin chỉ thị rõ cho quan nước ta không được phép thông lưng với quân Thanh, nếu kẻ nào lưu lại giúp đỡ quân Thanh phải coi là trái mệnh triều đình. Họ lại kể ra các quan đóng ở các tỉnh Sơn, Bắc (quan đóng ở địa phương là Hoàng Tá Viêm, Lương Quy Chính, Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Chư, Nguyễn Thiện Thuật ; quan tỉnh là Trương Quang Đản, Nguyễn Đình Nhuận, Nguyễn Tu, Nguyễn Ngọc Chấn, Nguyễn Văn Giáp, Tôn Thất Vịnh) và đòi công khai cách chức những người ấy. Quan Khâm sai Nguyễn Trọng Hợp gần đây lại nói thêm là "chấp nhận tai họa nên chọn cái nào nhẹ", xin triệu bọn Hoàng Tá Viêm về Kinh để cho quan Pháp tự lo liệu, ngõ hầu đỡ sinh sự ra. Sau đó quan Cơ mật viện tâu xin cứ giữ lý của mình trả lời bác đòi hỏi của họ, mà lại triệt hồi bọn Hoàng Tá Viêm để ngăn chặn lời nói của người ta.

(Lời tâu trình bày rằng : Nước chúng ta với nước Thanh vốn có tính giao hảo cũ, gần đây quân lính của họ sang đóng, các quan tỉnh Sơn, Bắc cũng khó ngăn giữ. Hai viên tỉnh thần ở đó như Đình Nhuận, Quang Đản là quan giữ đất, không phải là vì thông đồng với quân Thanh mà đặt ra. Tá Viêm sau lần giảng hòa ấy cũng đã triệt thoái về tỉnh Sơn (nguyên trú ở đồn Thục Luyện, mới rồi đã tiến giữ Hà Nội, nay lại về Sơn Tây) nguyên không phải là trái mệnh triều đình. Nay nếu đem 2 viên quan đó kết tội là trái mệnh triều đình và yết cáo cách chức thì thật phi lý trái tình. Xin nắm lấy lý đó mà phúc đáp cho họ. Lại nói : "Nếu thế thì đem các viên quan

đóng quân ở đó mà cách chức thì sợ không lấy gì để thỏa mãn lòng người, chỉ có quý sứ lấy làm điều nhắc đi nhắc lại nhiều lần mà thôi. Trừ Nguyễn Đình Nhuận, Nguyễn Văn Giáp, Tôn Thất Vịnh ở tỉnh Sơn ; Nguyễn Tu, Nguyễn Ngọc Chấn, Nguyễn Văn Chư ở tỉnh Bắc, là các tỉnh thần cần lưu lại để làm việc tỉnh, số còn lại như Hoàng Tá Viêm đều là kiêm việc quân thứ. Trương Quang Đản, Ngô Tất Ninh, Lương Quy Chính, Nguyễn Thiện Thuật, Lê Văn Hổ đều nên triệt hồi về Kinh. Nếu không chịu về, là trái mệnh triều đình, lập tức trừng trị, thế mới đáng tội của họ. Nếu quý quan phái quân tiến công họ, mà có phạm đến những viên ấy, thì bản quốc cũng không xét đến. Nếu những viên ấy có vì cớ gì mà trì trở không về Kinh được, thì một mặt phi tấu, một mặt phúc trình cho quý quan Khâm sai tường trình lên quý quan Toàn quyền được biết". Gộp đem các ý ấy trả lời cho họ, xem ý họ như thế nào rồi sẽ liệu).

Nhà vua chấp nhận ý kiến đó. Quan Cơ mật viện lập tức tuân theo phúc đáp, ý quan Khâm sứ cũng ưng thuận, vì vậy mới có Dụ ấy. (Sau đó, các quan ở các tỉnh ấy vẫn làm bạn trú cho các doanh trại quân Thanh, cho đến khi quan Pháp phái tới chiếm cứ 3 tỉnh Sơn (Tây), Bắc (Ninh), Hưng (Hóa) mới lục tục tản mát kéo về hoặc bỏ đi nơi khác).

Đề đốc Nam Định là Tạ Hiện, Án sát là Phạm Vụ Mẫn, Tri phủ phủ Kiến Xương là Hoàng Văn Hòe đều nạp ấn bỏ chức. (Tạ Hiện là người Nam Định, từ mùa xuân năm ấy đã xin về Nam Định mộ vài nghìn hương dõng, đánh nhau với quân Pháp 20 trận, đến mùa thu triều đình giảng hòa, triệt binh, Tạ Hiện thác cớ không về tỉnh lỵ. Khi Dụ về Kinh, đã sai người nạp ấn, rồi do quan nhà Thanh để tâu lên xin theo quân Bắc. Quan nhà Thanh cấp cho con dấu "Bắc Ninh Đề đốc quan phòng". Viên ấy trở về phủ Kiến Xương, Nam Định truyền hịch tố cáo người Pháp xé bỏ minh ước, nên chống lại. Lúc này viên Công sứ ở Nam Định đem quân thuyền sang phủ Kiến Xương. Tạ Hiện dẫn lính dõng xông ra đánh, quân Pháp lại bị chết 1, bị thương 5 người, bị đuổi đến tỉnh thành. Quan Công sứ tâu lên, hạ lệnh cách chức, cho quan Pháp tự xử. Về sau Tạ Hiện đi mất.

Phạm Vụ Mẫn, người Nam Định, đỗ Cử nhân, nguyên đang ở nhà nuôi mẹ già, nhân việc quan Pháp chiếm cứ Nam Định, có Dụ cho lĩnh Án sát trù biện. Đến mùa thu có lệnh triệt binh, y lại xin về nhà nuôi mẹ và cũng sai người nạp ấn rồi bỏ đi mất.

Hoàng Văn Hòe, người Bắc Ninh, đỗ Tiến sĩ. Vì cớ viên công sứ ở đó yết sức cho các viên chức ở các phủ, huyện phải tới tỉnh đầu thú rồi xếp việc cho, nên cũng nạp ấn, theo quân Bắc).

Ở Ninh Bình từ trước tháng 9, Toàn quyền Pháp Ra-măng đã đặt công chức Công sứ lưu trú tại tỉnh thành. Viên công sứ ấy triệt bỏ phủ thành mới của An Khánh

(năm trước chuẩn cho đặt ra để phục vụ việc thiên di và tích tụ (?), thuốc súng và tiền thóc vải vóc cùng với sổ sách, giấy tờ đều bị thu hồi. Các kho tàng của tỉnh ấy đều bị canh giữ nghiêm ngặt, không cho chi phát. Lại sức cho dân phải khai nộp sổ đinh, sổ điền, nơi nào nộp không kịp thì họ bắt viên tri phủ ra đánh phạt roi, đòi thu thuế của dân. Tiền bạc trong kho đều bị họ thu giữ lấy (có khi họ lại đem viên Bố chính tỉnh đó ra núi Dục Thúy mà trói, có khi đem viên phó lãnh và nhân viên, lính hầu mà giam lại). Họ ngày càng thêm tàn ác ngang ngược. Quan Tuần phủ ở đó (Bố chính, Hộ lý) là Tôn Thất Úy thấy không thể cộng tác với họ được, lại nhân vì đường dịch trạm bị nghẽn tắc (ở xã Phát Diệm trong hạt ấy có viên Giáo mục Trần Lục thông mưu với sứ Pháp, y mộ nhiều giáo dân và hàng nghìn tên vô lại, nhiều lần ra chặn bắt dịch phu để cướp lấy công văn. Các quan trú quân tại các tỉnh đều phải theo đường qua phủ Nho Quan mà đệ công văn về) bèn mật tâu xin cùng với chánh, phó lãnh binh thừa cơ trốn ra ngoài ở với dân và tìm đặt trạm tạm thời để tiện đệ trình về. Công văn viết ngày 8 tháng ấy, khi tiếp được tờ tâu ấy, quan viện Cơ mật cho rằng tình hình ở tỉnh ấy như vậy thì quan ở tỉnh ấy tránh đi là có lý do. Nhân đó chuẩn cho quan tỉnh ấy tìm chỗ đóng lại và phối hợp với nha Sơn phòng, tùy thế mà giữ gìn cốt sao cho thuận tiện, để chờ giải quyết sau, không được hành động vô nguyên tắc. Nhưng công văn trả lời chưa gửi đến thì đêm 11, quan tỉnh đó đã bỏ đi rồi (lúc ấy viên Tuần phủ đó đã mang ấn quan phòng cùng bọn chánh, phó lãnh binh đều mang con dấu đi theo. Chỉ có viên Án sát Phạm Hy Lượng hiện có bệnh còn ở lại trong thành, con dấu của viên Án sát thì viên Tuần phủ cũng đem theo đi rồi).

Nhà vua định thể thức đề chủ. Lúc này theo lệ, chọn ngày tốt, đã dự đề thần chủ từ trước. Gia Hưng quận vương Hồng Hưu đem những chỗ dị đồng trong thể thức đề chủ mà tâu bàn. Nhà vua đem hỏi các quan Phụ chính. Bộ Lễ phúc tâu : "Các kiểu thức thần chủ đời Gia Long, Minh Mệnh của quốc triều phụ thờ còn lưu lại thì : Nơi chỗ lõm ở giữa kính viết miếu hiệu và thánh húy, bên trái ghi giờ, ngày tháng năm thánh sinh, bên phải ghi giờ ngày tháng năm thánh mất, còn ở mặt phấn thì gọi miếu hiệu, huy hiệu, bên phải thì ghi tên ngự danh của hiếu tử là vua nối ngôi và chữ "phụng tự". Kiểu mẫu đời Thiệu Trị lưu lại thì có viết thêm hai chữ "Hoàng khảo". Một đằng ở bên cạnh có ghi tên người con nối dõi, khảo nghĩa đã rõ, thì ở trên nên bỏ bớt để tránh đời sau cải đề (như chữ "khảo" đổi làm chữ "tổ" chẳng hạn) như thế là để bảo toàn cái ý kính cẩn. Một đằng là theo phép viết cổ, nghĩa đều thỏa đáng, đã thành phép tắc đầy đủ, kính theo phép tắc thời Gia Long, Minh Mệnh mà đề.

Còn về minh tinh tra trong sách chép về lễ chỉ viết quan tước tính danh, chứ không ghi rõ chữ "khảo". Xin cũng chỉ viết miếu hiệu, đều chuẩn như lời phúc tâu.

Bộ Lễ bàn dâng những chữ tôn húy cần kính tránh, chuẩn cho đều theo y nghị sao lục ban hành.

- Chữ : bên trên chữ Nhật, bên dưới chữ Thiên (tức là chữ Hạo).

- Chữ : bên trên chữ Bát, bên dưới chữ Đậu (tức là chữ Đăng).

- Chữ : bên trái chữ Thị, bên phải chữ Cổ (tức là chữ Hỗ, đều phải đọc tránh âm, khi viết đổi dùng chữ khác, tên người, tên đất không được mạo dùng).

- Chữ : bên trên chữ Nhận, bên dưới chữ Nhục (tức là chữ Ưng, kính bớt một nét thành chữ).

- Bộ Thị tên người phải tránh đặt.

- Chữ Hương (cũng kính bớt một nét, về sau lại tha không cấm).

Lấy viên Hộ lý Tuần phủ Lạng - Bình Lã Xuân Oai sung chức Hầu mệnh chánh sứ. Án sát Lạng Sơn là Hoàng Xuân Phùng làm Phó, mang tờ biểu đệ sang nước Thanh. Lại xin đợi khi nào đường thủy, đường bộ đều thông mới sai cống sứ sang. Sau đó, vì quan Pháp đòi ta tuyệt giao với nước Thanh nên không sai sứ đi nữa.

Nhà vua định lễ tiết về tang và ngày giờ. (Ngày 15 tháng ấy kính cáo Giao, Miếu, điện đàn Xã Tắc. Ngày 16, cáo với hậu thổ sơn thần, thành hoàng. Ngày 20, cáo khải kỳ và tâu cho biết. Sáng sớm ngày 28, Thánh từ ban tế điện. Giờ Ngọ, tế khiển điện.

Giờ Dần, ngày 2 tháng 12, khiển điện. Giờ Mão, linh giá (xe tang) khởi hành. Giờ Thìn, xe rồng đã đặt yên ở lư điện (điện lợp bằng cỏ) tại Bảo thành, làm lễ tiến tặng. Giờ Tỵ, rước tử cung (quan tài) lên kiệu rồng, bày minh tinh, tiến tặng tiền, đặt yên huyền cung, phong thạch thất, rồi hội đồng biến hóa (đốt) các nghi vật thần ngự. Các viên đổng lý ở lăng tẩm lưu lại chỗ lăng mà chỉnh lý lại. Sáng sớm ngày mồng 3, đề chủ điện Hòa Khiêm làm lễ sơ ngu. Giờ Ngọ thì an vị, lễ hậu thổ sơn thần, thành hoàng. Ngày mồng 4 lễ xong, cáo với giao miếu, điện, Xã Tắc. Ngày mồng 9, làm lễ tái ngu, ngày 14 làm lễ tam ngu, ngày 21 lễ tứ ngu, ngày 26 lễ ngũ ngu, ngày 29 lễ lục ngu. Ngày 4 tháng giêng năm sau lễ thất ngu, ngày 11 lễ bát ngu, ngày 16 lễ cửu ngu, ngày 20 lễ tốt khốc. Từ khải điện đến Đàm tế, Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi đều chia lượt kính dâng lễ phẩm. Các tần ngự nữ quan của tiên triều, cùng thái giám, hoàng thân quốc thích nội ngoại quan viên, người làng người họ bên ngoại đều có lễ phụ tiến. Sau lễ sơ ngu an vị, các buổi sớm, tối, trưa, chiều đều có tiến soạn như nghi thức, đến lễ tốt khốc mới thôi. Vào ngày sóc, ngày vọng có lễ ân tiến, đến Đàm tế thì thôi. Theo lệ trước, trong các lễ khải kỳ ngu điện và tặng tiền, an huyền cung, nhà vua đều thân đứng ra lễ. Nay vì đường sá xa xôi, chỉ có hai lễ tặng tiền và an huyền cung là tự vua tới, ngoài ra, do hoàng thân công làm thay.

Nhà vua nghĩ việc tang nghi doanh tạo nặng nề, nên thưởng trước cho các quan viên từ đồng lý tới các chức dịch, thợ, lính 3 tháng tiền lương, lấy kỳ hạn làm lễ Ninh lăng bá cáo cho trong ngoài. Dụ rằng : "Từ xưa, lễ tang Thiên tử 7 tháng thì táng, trong khoảng tang tế phải tận luân tận nghĩa. Bởi vì công đức càng lớn thì lễ số càng cao, yêu kính càng nhiều thì nhớ mong càng tha thiết. Ngày 16 tháng 6 năm nay, Hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế ta cưỡi rồng lên chầu trời, vin níu gào khóc cũng không kịp, thương cảm biết bao nhiêu cho cùng. Trẫm nay vò võ đau buồn, tự giữ cư tang, mọi việc kính theo điển lễ mà làm. Nhân sâu ân dày sánh ngang trời cao, lòng người không quên. Mới rồi khảo xét di chương kính dâng tôn thụy, trước là nêu cao sự kính trọng để tỏ rõ sự hiếu kính của một thân trẫm và để an ủi tấm lòng tôn thân của bách tính các ngươi. Đến các việc kinh kỷ lớn lao nhất, trẫm đều kính tuân cố mệnh ; ở núi Khiêm Sơn dựng lên một tòa bảo trạch gọi là Khiêm lăng, đường toại đạo thì theo y như quy chế ở lăng Thiên Thụ. Đến nay công việc đã được xếp đặt, sớm báo hoàn thành, bèn chọn ngày tốt, kính cáo Nam Giao, miếu, điện, Xã Tắc, lấy ngày 20 tháng này làm ngày mở đầu, ngày 2 tháng 2 làm lễ ninh Khiêm lăng, tuân làm lễ cửu ngu. Ngày 20 tháng giêng sang năm làm lễ tốt khốc, vật vã trời đất, đau buồn khôn xiết. Ta nghĩ rằng bọn bầy tôi các ngươi đội ơn hàm dưỡng, lòng nhân của Tiên hoàng đế đào tạo đã lâu. Thần cũng như dân, đồng lòng yêu mến. Đến nay sức cho làm lễ lần cuối, tức là hạn kỳ đi xa. Bởi vậy, hợp nghìn vạn người như một, đặc biệt ra lời cáo này để cho mọi người đều biết". (Răn cấm giá thú, tiệc vui, quần áo màu hồng, màu tía ; xử lý các hình phạt, tử hình thì vẫn chiếu theo lệ cũ).

Nhà vua lấy kỳ đại lễ ở Ninh lăng, thân đến Khiêm cung. Mệnh thự Văn Minh điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Văn Tường, Hậu quân Đô thống là Nguyễn Hanh, quyền Chưởng Tả quân là Phạm Viết Trang, thự Thống chế dinh Long võ là Nguyễn Hữu Ngoạn, sung Lưu thủ Kinh thành. Thị lang bộ Binh là Ông Ích Khiêm, Biện lý là Trương Văn Lễ, quyền Chưởng hai dinh Vũ lâm và Hổ oai là bọn Ngô Văn Bàn, Nguyễn Văn Cát gồm 10 người lưu ở Kinh đô tuần kiểm, Thống chế là Đinh Tử Lượng, Biện lý bộ Công là Trần Chỉ Tín sung vào làm dinh Tiền quân Đô thống, Chưởng phủ sự là Tôn Thất Thế, Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh là Tôn Thất Thuyết, Thủy sư Đô thống là Nguyễn Bái, thự Tả quân Đô thống là Hồ Văn Hiển, thự Thượng thư bộ Công là Đoàn Văn Hội, Tham tri là Chu Đình Kế, Tôn Thất Phiên, Phạm Bỉnh, Hoàng Hữu Thường, Nguyễn Thành Ý, Biện lý là bọn Nguyễn Thượng Phiên, Nguyễn Đình Tiếp, được sung vào táng nghi thị hầu. Còn các hoàng thân, vương, công, bầy tôi văn võ, trừ những người dự vào việc tang lễ và những người lưu ở ngoài Kinh ra đều chuẩn cho tòng giá.

Quân Pháp đến đánh thành Sơn Tây, quân của dinh đoàn bị vỡ, bèn chạy vào thành. Tổng đốc là Hoàng Tá Viêm lui quân về đóng ở Thục Luyện. Trước kia, quân Pháp mấy lần đánh chiếm thành này, nhưng bị dinh đoàn đẩy lùi. Đến khi Pháp tăng thêm hơn 7.000 tên lính (có lính A Rập tức là nước mỏm đầu châu Phi, bọn lính thú có bọn lính Sài Gòn, tức là giám binh thuộc Nam Kỳ lục tỉnh, lại có lính mộ ma tà tức bọn vô lại giáo dân theo mộ). Tàu thuyền lớn nhỏ 15 chiếc (lại mộ lính và phu chở những thuyền buôn phụ theo rất đông). Chiến xa có đại bác vài trăm chiếc. (Lính đều mang súng không dùng cờ và giáo). Chia làm hai đường bộ và thủy từ Hà Nội tiến lên. Tối ngày 14 thì đến sát thành Sơn Tây, Đề đốc Tam Tuyên là Lưu Vĩnh Phúc, Đoàn Dũng và Thống lĩnh dinh quân Thanh là Đường Cảnh Tùng và Đốc đới Trương Vĩnh Thanh ra thành nghênh chiến. Ngày 15, quân thủy, quân bộ của Pháp cùng dựa nhau đến ngoài đê tỉnh thành Sơn Tây (các làng Phù Xa và Phù Nhi), đánh nhau từ giờ Mão đến giờ Dậu. Dinh đoàn thắng nhiều lần, bắn chết rất nhiều (hơn 300 tên, thu được súng và đại bác). Quân Pháp mạo hiểm chiếm đóng các làng Phù Xa và Phù Nhi. Đến tối dinh đoàn thu quân, giữ chắc La Thành. Đêm ấy đến sáng, quân Pháp cố sức đánh cửa bắc La Thành (giáp sông), dinh đoàn giữ thành bắn chết rất nhiều giặc. Ngày 16, hai bên giằng co. Ngày 17, quân Pháp chuyên đánh các cửa phía bắc La Thành, đại bác thủy bộ cùng bắn vào. Dinh đoàn cùng án binh trong thành, bị thương vong khá nhiều. Giờ Thân, một đội quân của Lưu Vĩnh Phúc vượt thành tiếp chiến, hồi lâu quân Pháp phải rút lui vài dặm. Bỗng đến giờ Dậu, dinh mặt bắc thành, binh lính sợ hãi phá cửa thành mà ra, quân doanh vị vỡ. Cảnh Tùng, Lưu Vĩnh Phúc và các quan trong tỉnh là bọn Nguyễn Đình Nhuận ngăn lại không được, quân Pháp thừa thế trèo lên thành. Sớm ngày 18, quân Pháp vào được trong thành. Dinh quân Thanh của Lưu Vĩnh Phúc, Đoàn Dũng rút về đóng quân ở Hưng Hóa. Tá Viêm và bọn Lương Tư Thứ đóng quân ở ngoài cửa nam La Thành, luyện tập quân lính, sau đó kéo quân về đóng ở Thục Luyện. Tổng đốc tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Đình Nhuận, Bố chính là Nguyễn Văn Giáp, Đề đốc là bọn Nguyễn Từ sau cũng về đóng ở đó. (Án sát là Tôn Thất Vịnh, trước kia từng ra ngoài, nhân bị bệnh mà lưu lại ở huyện Bất Bạt). Thế là Tá Viêm thương lượng với Cảnh Tùng đem bốn dinh chuyển về đóng ở phía bắc để việc vận chuyển binh lương được dễ dàng. Ba dinh của Vĩnh Phúc phụ thủ Hưng Hóa (khi ấy Tuần phủ Hưng Hóa là Nguyễn Quang Bích). Lại phái các quan của Lưu Vĩnh Phúc và Đoàn Dũng về đóng ở hai phủ Lâm Thao và Vĩnh Tường (thuộc phía tả sông Sơn Tây), chia ranh giới để đóng giữ. Các quan trong tỉnh Sơn Tây đốc suất bọn đồng sự đến hai phủ này, phân hành đốc thu binh lương để lợi ứng biện (khi ấy Tuần phủ Quảng Tây là Từ Diên Húc đến Lạng Sơn để đốc tiễn). Tá Viêm vẫn chỉnh đốn quân lính chuyển về đóng ở Bắc Ninh, bàn bạc trước tiên, trình bày

sự việc, nhận tội không giữ được thành. Vua theo lời bàn bạc của viện Cơ mật mà nghiêm khắc khiển trách, rồi Dụ lệnh đến sát hạt Sơn Tây tụ tập binh dân sở thuộc.

Lấy Tả tham tri bộ Công là Hà Văn Quan giao cho chức Tả tham tri bộ Binh lĩnh chức Tổng đốc Hải - An (nguyên Tổng đốc là Lê Điều vì can tội thất thủ bị đàn hặc về nguyên quán, nhưng Lê Điều bị ốm được cách về Kinh để chờ chiếu Chỉ).

Ngày Bính Thân, kính sửa Thượng hoàng khảo miếu hiệu Dực tông. Lúc đầu Phế đế được lập, trải ngày 13 tháng 10 (ngày Canh Thân), phụng tôn thụy là "Kế thiên Hành vận, Chí thành Đạt hiếu, Lễ kiện Đôn nhân, Khiêm cung Minh lược, Duệ văn Anh hoàng đế", miếu hiệu Thành tổ. Vua nối ngôi thừa kế, kính theo di chúc, trải bàn bạc chuẩn kính cải thượng miếu hiệu là Dực tông. Bèn ra lệnh cho bộ Lễ, tạm bàn trước, định nghi chú và cải biên những việc kim sách, kim bảo minh tinh (lấy giờ Thân ngày mồng 8 tháng này), do các hoàng thân công đương ban, nhân cuộc lễ kính cáo rót rượu xong, một nhân viên Lễ bộ đường được sung vào cáo từ. (Cáo rằng : Nay phụng cải thượng miếu hiệu là Dực tông và ghi thêm hai chữ Hoàng khảo, ghi rõ ngày tháng, tên tử thần, xin kính rước kim sách, kim bảo ở nhà Cung khiêm, kính biện dám đem việc kính cáo, cúi mong ngài chứng giám cho. Kính cẩn xin thưa). Lễ xong, hai thái giám phụng trực kính mang kim sách, kim bảo (trước đã trải bày để lễ), giao cho quan bộ đường hai bộ Lễ và bộ Công, tiếp phụng đặt ở Long đình (trước định bày ở giữa chính Thái điện), lọng vàng đưa từ cửa giữa Khiêm cung đến hành lang Cung khiêm, kính đặt ở chính giữa. Đồng lý hai bộ Lễ và bộ Công, mỗi bên một người, và người nguyên được cử thuộc sáu bộ khoa đạo, cùng phụng mang chương thứ nhất và chương thứ năm của kim sách sức cho thợ đúc, nhưng do nguyên thư viên Nội các (hạ tư) đem chương thứ nhất cải viết thành ngày sóc, Mậu Dần, tháng 11. Tới ngày 19 Bính Thân, cùng với tên vua và tử thần, lại vâng mệnh viết hai chữ "Hoàng khảo" trên chữ "Đại hành Hoàng đế". Trang thứ năm cải viết hai chữ "Dực tông", kim bảo thì tùy thế mà đổi khắc những chữ "Dực tông Anh hoàng đế chi bảo". Trên lưng bên phải thì khắc ngày tháng phụng đúc tạo, bên trái thì theo hiện chất mà khắc trọng lượng cân được. Việc xong, kính đặt giữ gìn cẩn mật. Đến buổi cúng sớm ngày 19, lễ xong Hữu ty theo như sóc, vọng ân tiến lễ. Thiết đặt dấu đã khắc, do Lễ bộ chuẩn bị đầy đủ long đình, lọng vàng, kính rước vào chính giữa Khiêm cung. Lễ bộ đường kính mang kim sách, kim bảo, giao cho viên thái giám, đặt trước hương án nội (trước dự định đặt án vàng). Hoàng thân công được mệnh kính hành thượng lễ 3 lần, có chúc văn. Lễ xong, do viên thái giám kính mang bày lễ thờ. Chữ vàng miếu hiệu minh tinh ấy được đính vào, chữ vàng cũ tháo ra rồi hóa đi. Đến khi mọi việc đã xong, bèn mệnh lệnh cho Kiên Giang quận công (tức Cảnh tông Thuần hoàng đế) kính đến hành lễ,

đặt thờ kim sách, kim bảo[1] như xưa. Lễ xong lại làm lễ tiến thư, lễ kính tiến tập văn thơ và các sách truyện gồm 130 bộ, do vua làm (nghi tiết y theo lệ trước), thưởng cho 14 người hoàng thân đại thần nhiều lần phụng lễ hành lễ và 20 người đường thuộc[2] tham dự việc tùy biện, một số vàng, bạc, tiền khác nhau, phu thợ và những viên hộ tùy nghi trượng 200 quan tiền kẽm. Bèn lấy ngày 13 tháng 10 làm ngày lễ tôn thụy. Lễ xong, liền dùng ý nghĩa của ơn trạch cao dày để dụ họ.

Ngày Đinh Dậu, kính cáo cho Nghi quốc công là Hồng Tố vâng mệnh hành lễ. Sớm hôm đó, vua thân hành đến cung Gia Thọ, lấy ngày giờ Ninh lăng[3] tâu với Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ và phụng ban ý Chỉ về việc thân chinh đi đưa. Ngoài ra, còn phái thái giám đến Khiêm cung tâu cho Hoàng thái hậu biết, tối hôm đó vua đến viện Thái phi tâu cho Thái phi biết. Vua lấy lời Chỉ của Từ Dụ (Thái hoàng Thái hậu) dụ cho bộ Lễ bàn bạc nghi thức cúng tế và thân hành đi đưa. Sau đó, tuân theo lệnh đã bàn bạc trên mà nhà vua cho phép. (Trước đó 1 ngày, Từ Dụ xa giá do đường thuyền đến điện Lương Khiêm. Ngày 28, bày các lễ phẩm của Từ Dụ làm lễ chiêu điện. Hai người thái giám mặc lễ phục trắng đứng hầu, một viên quan Lễ bộ đường mặc lễ phục trắng quỳ tấu thỉnh thần bạch [4] ngự lên ngôi báu, việc xong, khấu đầu lạy rồi đi ra. Khâm mệnh công mặc quần áo tang đến quỳ trước diên kỷ (không có tán xướng), thượng tấu (thái giám chấp sự). Một viên quan Lễ bộ đường đi vào quỳ cáo từ, xong, lại khấu đầu đi ra. Khâm mệnh công lễ hai lạy rồi mặc thường phục đến đứng đợi ở hành lang phía đông Thái điện. Thánh Từ (Thái hoàng Thái hậu Từ Ý) mặc ngự chế, ngự giá đến điện Hòa Khiêm. Khâm mệnh công quỳ đón Thánh Từ vào chỗ ngồi (dự định đặt ngự tọa tại bên tả, thần ngự quay hướng tây). Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi, cùng các cung tần đều ngự, các công chúa chế phục đầy đủ, ai nấy đều phụng thị trong rèm. Khâm mệnh công đến vị trí đứng (dự đặt ở một gian bên tả Thái điện trước ngự tọa của Thánh Từ), đứng hầu đốt hương (thái giám chấp sự). Hai người cung tần tiên triều mặc lễ phục trắng, một bưng be vàng, một bưng khay vàng (gồm 1 đĩa, 3 chén), dóng hàng quỳ bên hữu ngự tọa của Thánh Từ, đợi mệnh rót 3 chén rượu xong, đứng lên. Người bưng be đi ra, đặt be ở trên bàn. Người bưng chén phụng tiến trước ngự tọa kính dâng, xong đi ra. Khâm mệnh công kính thay bái tạ 5 lễ, xong trở về hành lang đông Thái điện, theo mệnh Từ Giá (Hoàng thái hậu) quỳ xuống đưa chân, rồi thay thường phục trở về đứng ở vị trí cũ. Quan thái giám tâu xin thần bạch hồi ngự long sàng. Lễ xong, Khâm mệnh công thay thường phục đến điện Lương Khiêm, lại lễ tạ 5 lễ, lễ xong đi ra.

---

(1) *Kim sách* : sách đóng những sắc phong. *Kim bảo* : ấn tín nhà vua.

(2) *Đường* : người đứng đầu. *Thuộc* : nhân viên.

(3) An táng vua vào lăng tẩm.

(4) *Thần bạch* : hình người giả cuốn lụa, tượng trưng cho vua.

Thánh Từ vẫn lưu lại đến khi đưa tử cung[1] vào nội điện, thì thân chinh đưa tận thạch thất, thương khóc ở trước bảo thành, đến khi an vị, lễ thành mới trở về.

Hai sách thượng táng nghi của bộ Lễ (một bày để thờ, một đốt đi) tiến hành xếp bày 3 tấm đồ bản (một là bài lập đồ Hòa Khiêm điện cùng nhị cấp bái đình, một là thị hậu đồ linh giá khởi hành, một là đình tiền bài lập đồ bia bảo thành). Các công tống hộ sứ Tôn Thất Thuyết, Đổng lý tang nghi Đoàn Văn Hội cùng hội đồng với bộ Lễ kính theo thứ tự của đồ bản, bàn bạc hiệu lệnh trên, gồm 11 khoản, chuẩn cho tất đều theo như đã bàn bạc trên mà tuân hành).

Chuẩn cho Bình Định và Hà Tĩnh đẩy mạnh thi võ cử và võ sinh (hơn 600 tên) phân chia nuôi dưỡng tập luyện.

Tấn phong An Phúc quận công Hồng Kiện làm Thường quốc công. Tuy Hòa quận công là Hồng Phó làm Tuy quốc công. Sau đó, phong tước cho Trọng Miên Trí. (Tháng giêng năm Minh Mệnh thứ 20, tấn phong Miên Trí làm Tuy quốc công), chuẩn cải làm Vinh quốc công. Tiết Đông chí năm Canh Tý, hoàng thân công khâm mệnh đến kỷ diên điện Hòa Khiêm, kính thay hành lễ (theo như lễ ân tiến, đầy đủ lễ phục, đình tán cử ai). Vua mặc cát phục ngự ở Văn Minh, hoàng thân, vương công, văn võ đình thần đầy đủ thịnh phục lễ năm vái.

Trước kia, Tuy Lý vương là Miên Trí, Hoằng Hóa công là Miên Triệu, Hải Ninh quận công là Miên Tăng, Nội các Tham biện là Hồng Tham can dự vào sự biến vào ngày 30 tháng trước, sợ bị họa (chư vương công và Hồng Phì đều được Phế đế tin dùng), liền dắt gia thuộc và con cháu phiêu bạt về Thuận An ở với quan Pháp. Tham tri bộ Lại sung Phó khâm sai Bắc Kỳ là Hồng Phì (trước cùng với Hồng Tham có tờ mật xin đuổi quyền thần) vừa từ Bắc về, cũng đi đường tắt vào ở chung (với quan Pháp). Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết thương lượng với sứ Pháp để giải (bọn Miên Trí) về. Đến lúc đó bèn tra xét, tam vương công xưng là nghe nhầm. Hồng Tham, Hồng Tu (đều là con Tuy Lý vương dẫn đến cuồng vọng).

Bèn giáng Tuy Lý vương làm Huyện công, Hoằng Hóa công làm Hương công, Hải Ninh quận công làm Kỳ Ngoại hầu, đều cho ở nhà riêng (không được tham dự triều chính và giao thiệp với người ngoài). Hồng Tham, Hồng Tu, Hồng Phì phải tội chém, (khi) giam chờ (chém) đổi theo họ mẹ (giao cho Nha vệ thành canh giữ. Tháng 12 năm đó, nha ấy báo rằng, Hồng Phì đồng thời trúng gió chết). Bọn công tử Hồng Đồn (là em Phì, nguyên theo Phì ra Bắc cùng về và cùng vào cửa Thuận), Hồng Côn, Hồng Nhĩ, Hồng Tốt, Hồng Ngãi, Hồng Danh, Hồng Phiên, Hồng Hữu, Hồng Tô, Hồng Tảo, Hồng Thị, Hồng Vu, Hồng Thiết, Hồng Kỳ (đều là con Miên Trí), Hồng Dư, Hồng Hỷ, Hồng Tuân (đều là con Miên Tăng), công tôn Ưng Cử,

(1) *Tử cung* : quan tài bằng gỗ tử, chỉ dùng cho vua chúa.

Ưng Đỗ, Ưng Tuần (đều là cháu Miên Trí) gồm 20 người giáng làm Tôn thất, trừ Kỳ, Đỗ, Tuần, tuổi chưa cập cách ra, còn lại giao cho phủ Thừa Thiên giam giữ. Sau đó, phân đặt Tam công ở các tỉnh (Miên Trí ở Quảng Ngãi, Miên Tăng ở Bình Định, Miên Triệu ở Phú Yên). Con cháu chư công cũng đều đi theo. Duy chỉ có Nhĩ, Tốt, Hữu, Thiết (nói rằng bọn này tính vốn kiệt hiệt) vẫn giam lại. Hai con của Phế đế và Ưng Hiệp, Ưng Bác cùng thị vệ là Nguyễn Duy Thiện (cháu ngoại Phế đế) nên ban rằng không nên giao giam như bình thường. Thời gian sau phát về Sơn phòng Quảng Trị thúc khẩn.

Ngày Nhâm Dần, ban cho năm tới (là năm Giáp Thân Kiến Phúc nguyên niên) quyển lịch Hiệp kỷ như lệ cũ, theo thứ tự : Ngày sóc tháng 12 hằng năm ban xuống, nay kính đặt lễ ở Ninh lăng, rồi ban hành vào ngày 25 tháng này.

Ngày Giáp Thìn, Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, ngự giá đến điện Lương Khiêm (Hoàng thái phi tần ngự theo hầu).

Sáng sớm ngày Ất Tỵ, Thái hoàng Thái hậu ban điện lễ, giờ Ngọ thì khiển hành điện lễ, lễ xong, phụng rước tử cung đặt vào Thái điện.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN II*

THỰC LỤC VỀ GIẢN TÔNG NGHỊ HOÀNG ĐẾ

Ngày Đinh Tỵ, tháng 12 năm Quý Tỵ, Tự Đức thứ 36. Vua thân đến Khiêm cung, sáng sớm ngày Mậu Thân ở kỷ diên điện Hòa Khiêm làm lễ thiên điện, giờ Mão thì linh giá khởi hành, giờ Thìn đặt ở Bảo thành Lô điện làm lễ tặng, giờ Tỵ đặt huyền cung ở Kim lăng. Ngày Kỷ Dậu đề thần chủ ở điện Hòa Khiêm (Thọ Xuân vương là Miên Định kính đề), giờ Ngọ phụng an vị hành lễ sơ ngu (bát ngu sau này đều theo như trước định ngày giờ mà hành lễ). Xây dựng dinh Khiêm lăng, trên dựng Bảo thành, dưới làm trụy đạo như quy chế Thiên Thụ lăng. Còn như Khiêm cung phàm các cung điện, lầu các, đường tạ, viện vũ, hồ đảo ; bi đình đều phụng theo kiểu chế dinh của Tiên đế, làm bài cung ký, để lúc rỗi rãi tới thăm, trải 60 năm, nay phụng làm lễ tang ở đây, không tăng gia gì thêm, vì đều tôn kính thánh mệnh lễ tiên trí vậy.

Lễ tang xong, [vua] sai ban thưởng ba bộ Lại, Hộ, Binh để làm lớn ơn trạch của Tiên đế. Các nha đều nói : "Đó là phận sự của những kẻ bầy tôi, xin đình lại việc ban thưởng", [vua] y chuẩn. (Tám tháng trước, phu kiệu, quan võ, lính tráng kính nghênh đại lễ gồm 1.515 viên, đã được thưởng tiền là 3.296 quan).

[Vua] lại đặt hương binh ở các hạt thuộc miền Nam và miền Bắc. (Vì các hạt phần nhiều đã tụ tập nhau lại, bảo vệ gia hương cho nên ra lệnh thiết đặt lại). Nguyên Tri huyện là Dương Hữu Quang (người Hà Nội) trước kia, do quan nhà Thanh cấp trát dấy binh, cùng chống nhau với quan Pháp. (Trú vài trăm quân ở các

hạt Hà Nội, Ứng Hòa, Thanh Oai và xưng là "Tín nghĩa hội", ra hịch rằng người Pháp bội ước, nên không theo). Bọn phỉ do Sô cầm đầu bèn hùa theo, Sô thu tập voi ngựa (Phó công sứ Ninh Bình giải giao Công sứ Hà Nội), do Thống đốc Hoàng Tá Viêm đệ nạp. Đến lúc ấy, Tá Viêm với những điều đã biết, bèn dụ lệnh xem xét quả là hướng thuận, lập tức thu nhận.

[Vua] cho các quân địa phương đi lưu thủ, đem các hạng tù dưới đây giao cho các Nha khai khẩn ở Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. (Trừ bọn tội tương đối nhẹ mà có người đảm bảo cho thì được tha bổng, ngoài ra, những kẻ không tường hương quán, dân không ai đảm bảo cho và những kẻ tội hơi nặng, không được theo lệ tha đó mà đã bị giam lâu ngày, đều vẫn giữ nguyên tội, bèn giao cho Nha khai khẩn ở sơn phòng ấy, làm cho tránh được việc giam giữ lâu mà tăng thêm nhân lực khai khẩn). Cộng là 385 phạm nhân.

[Vua] đặc biệt cho xây dựng đê công ở hai xã Đặng Xá và Xuân Đình thuộc tỉnh Hưng Yên. (Đoạn đê ở Đặng Xá là 42 trượng, gần sông. Đoạn đê Xuân Đình là 28 trượng. Chỗ vỡ đắp thật vững ở bên trong, số trượng tăng 3 - 4 lần, đều bổ theo đầu ruộng).

Vua lại Dụ cho đạo Bình[1] ở hai miền Nam - Bắc cùng yên ổn.

Vua, lúc đầu, tiếp nối dòng dõi, vì việc đạo Bình ở các phủ hạt Thừa Thiên chưa yên ổn, ra Dụ : "Đạo Bình đều là con đỏ của triều đình, nên yên phận đợi lệnh của triều đình, chớ nói nhăng làm bậy". Một thời gian sau thì có thư của sứ Pháp là Sam-bô gửi đến, xin phái cử lính phủ đến bảo vệ giáo dân ở hai xã Thanh Tân và Sơn Quả. [Triều đình] chuẩn y, lập tức phái cử (lính phủ) đến bảo vệ. Lại Dụ các phủ thần chia nhau đi hiểu tập [giáo dân]. Sau đó, công tử Hồng Thành (là con của Chấn Định quận công Miên Trí) cư tập đảng phái, thiêu đốt nhà cửa, giết hại giáo dân thuộc huyện Hương Trà, xã Dương Hòa, thiêu 89 hộ, giết hơn 20 người. Sự việc bị phát giác, án chưa thi hành, Thành bèn đổi họ ra họ mẹ, đợi đến sau tế Giao đầu năm mới trảm quyết. Đảng ấy gồm bọn Trương Văn Đức, Trương Văn Định, đều đợi xét đem chém. Còn ngoài ra, đều phải tội đồ, tội lưu. Lại thông báo cho sĩ dân ở Quảng Trị biết để cảnh giới. Sau đó lại báo cho các hạt có nhiều đạo Bình từ Nam chí Bắc đều biết. Nhân đấy, lại ra lời Dụ cho họ. Dụ rằng :

"Trời ban huệ cho dân, Vua phụng theo mệnh trời, những kẻ có tội hay vô tội, nào ta dám trái. Theo trí ấy thì đạo Bình ở nước ta, tuy đi con đường khác, nhưng cũng là dân của trời, cũng dòng giống, không có gì khác nhau. Xưa nay triều đình vẫn coi trọng người theo lòng nhân, mọi người cùng nhau yên ổn. Nhưng gần đây, do sự kiện ở Bắc Kỳ, tin tức bay ra ngoài Kinh đô, sĩ thứ, dân chúng nói càn, có kẻ

(1) Đạo Gia tô.

bất bình vì hòa nghị [với Pháp], có kẻ phẫn nộ giết hại đạo Tả[1], bàn tán khắp đầu đường ngõ hẻm, ồn ào dao động, sao chẳng biết suy nghĩ sâu xa ? Còn như đạo Bình là dân nước ta, chiến hay hòa đã có triều đình lo toan. Còn như sĩ dân, nếu như có lòng trung nghĩa trong trắng, thì nên yên tĩnh mà đợi lệnh triều đình. Ta đã lấy lòng trăm họ mà làm lòng mình, các ngươi sao dám đem lòng mình làm lòng ấy mà lại càn rỡ chia rẽ ? Nhiều lần phân chia ranh giới ? Các ngươi dám gây rối loạn, để tự mau chóng đi đến chỗ vong ơn. Lễ thường, [ta] vỗ kiếm, giận giữ nhìn mà nói : Các ngươi sao dám chống lại ta, nhưng sự dũng cảm của kẻ sất phu này, không những vô ích mà lại có hại. Trước đây, cái án đốt nhà, giết người ở xã Dương Hòa phủ Thừa Thiên, qua phân giải, thì bọn đầu sỏ và tòng phạm đều đã chịu tội chém và tội lưu. Triều đình sao mà dung tâm được. Nay nghiêm sức cho bọn bầy tôi ở các phủ, huyện, tỉnh, từ Nam chí Bắc, lập tức đi xuống các hạt của mình, hiểu tập nhân dân, mọi người đều phải yên giữ phép tắc, không sai một tấc. Những kẻ ghét đạo tôn vương và những người hiếu đạo tôn vương, đều cũng được hưởng phúc thăng bình. Qua lần huấn sức này, nếu như còn chia rẽ, trừ bọn phạm tội ra, lập tức tăng cường thêm trọng trị. Bầy tôi ở tỉnh, phủ, huyện ra huấn sức không được nghiêm thì khó tránh phải tội lỗi, chớ nói là không bảo".

Khi mới xây dựng sở Dinh thiện, bèn bãi ty Khám biện bộ Công. Lúc đó đình thần tâu rằng : "Xưa nay, tôn lăng miếu điện và các tòa đường sá, gặp lúc cần bổ tạo, thì bộ Công thỉnh cầu và do bộ Binh cử lính ra ứng biện. Trong thời gian đó, phân chia ra nhiều nhóm người để trông coi việc làm. Ngày thường, hoặc có kẻ hành động ám muội, nghỉ ngơi bừa bãi, gặp việc ấy, cần sai phái (đốc thúc). Cũng vẫn tốp lính ấy, buổi sáng thì đốc thúc ở chỗ này, chiều lại đổi đi đốc thúc chỗ khác, ngày làm việc vất vả, đêm lại phải khổ sở về canh tuần, thường xuyên phải thay đổi công sở. Quan tư thôi, động cần đến (việc) tuần nhật sai phái lính nhiều lần, nhưng số nhân công hiện làm việc lại ít, nên công việc phần lớn là trì trệ. Cuối cùng là việc sai phái lung tung, nên bọn lại dịch nhân đó mà dẫn đến chỗ hư hỏng ghê gớm. Huống chi bọn chuyên làm việc quản suất, gặp khi phải sai phái, không phải không nhận khóa liễm chung, mượn cớ mà mua bán vật liệu lung tung, trong đó có cả việc thả và bán lính, dân đinh để hòng chấm mút. (Vì vậy) số lính ngày một giảm đi, sợ không kịp thời hạn, nên tìm nhiều cách đốc thúc, kiêm dịch công việc gấp bội, sức lính khó mà kham nổi, không trốn thì bị ốm đau, lính thiếu nhiều chỉ vì nguyên do ấy. Lính phòng ngự của nhà vua bất đắc dĩ cũng phải điều động đến để phục dịch. Cái tệ là như vậy. Vả lại công việc bề bộn, lính thì ít, lại luyện tập sơ sài. Gặp việc sai phái, e khó đắc lực. Kiểm tra việc phái người đến làm ở các

(1) Đạo Gia tô.

công sở năm nay, đều chưa được sai phái. Trong số 20 sở ấy, số lính cần thiết là ngoài 3.000 người. Cùng một năm thường cần làm việc ở các công sở, số lính cần thiết phỏng chừng hơn 1.200 người. Ngoài việc ấy ra, tùy việc mà phái thêm hay rút bớt, không chỉ dừng lại ở mức nhất định ấy. Nhưng vẫn chiếu theo công tác xếp đặt công việc cho thích nghi. Gặp phải việc nhiều mà lính ít thì làm chậm, việc ít mà lính nhiều thì lộn xộn, tất phải có người chuyên việc chiểu theo công việc nhiều ít mà cử người đến làm cho vừa với thời gian. Xin thiết lập sở Doanh thiện ở bên phải sở Mộc thương ngoài thành quách. Lượng trích các quân thủy bộ, quản vệ 6 người, suất đội 30 người, binh đinh 1.500 người, hậu giản công bộ đường quan và võ ban thống chưởng, mỗi bên một người, sung làm đổng lý. Phàm tất cả các tài liệu (đều) phân phái, dự trù, dự lĩnh. Gặp có sở nào bổ tạo, trừ các khoản cần làm hằng năm, đều chiểu theo như cũ sai làm. Cùng với tôn lăng và các tòa, sở ở Nội điện đường, trong đó có một số cần sửa chữa nhỏ gấp rút, tạm thời bộ Công thỉnh cầu (và) do Túc vệ và biền binh Thủ hộ ứng biện. Ngoài ra, đều do hai viên đổng lý của sở ấy hội đồng với bộ Công, theo thứ tự mà xem xét, dự trù, dâng án xin làm. Các quân ở dinh, vệ chỉ chuyên thao luyện, thay nhau canh tuần không lại phải phái đi phục dịch ở công sở. Như thế thì công tác thao luyện đều có lính chuyên nghiệp, và chính sách binh, công đã được đặt ra". Bèn chuẩn y bàn bạc thi hành. Còn thiết lập sở thuộc lung tung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm, mỗi loại một người, vị nhập lưu thư lại 8 người, thợ 420 người, các viên dịch của ty Khám biện bộ Công đều bãi bỏ.

Đề đốc phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Côn vì chế phục không đúng (tiến hành việc này khi phụng hậu ngự chu ở Hương Giang trước đây) bị giáng 3 cấp, điều về làm việc ở Kinh thành. Đề đốc là Vũ Văn Đức kiêm làm Đề đốc phủ này. Thống chế Thủy sư là Nguyễn Bái Kỳ, Thống chế Võ dinh là Hồ Ngoạn (đều đã 70 tuổi) về chí sĩ. Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Tiền phong là Lê Bình về nghỉ. Lấy Thống chế quyền Chưởng Tả quân là Phạm Viết Trang được đổi giao cho chức Thủy sư Đô đốc. Thự Chưởng vệ sung Hiệp lĩnh Thị vệ Đỗ Hữu Lợi, quyền Chưởng dinh Kỳ võ. Giáng Thống chế quyền Chưởng Trung quân là Trương Văn Hùng (võ cán tầm thường) làm Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Tiền phong. Lấy thự Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự là Tôn Thất Thế kiêm Chưởng Trung quân, Hậu quân. Đô thống Nguyễn Hanh kiêm Chưởng Tả quân.

Thưởng cho người tiết phụ Sơn Tây (họ Vương, hạng thứ).

Vua thỉnh phục ngự ở điện Cần Chính, Toàn quyền Pháp Đức-lý-cố làm lễ triều yết (miễn mũ ba lạy). Tháng trước Toàn quyền Pháp là Hà-truất-mang từ Bắc xuôi về cảng Đà Nẵng (thuộc Quảng Nam), Lý-cố cũng vừa tới đây (Lý-cố đến để thay cho Truất-mang về nước), Khâm sai Nguyễn Trọng Hợp (cùng về Đà Nẵng với

Truất-mang) biết lệnh, cho Biện lý Công bộ là Trần Doãn Khanh, Phủ thừa là Đinh Viết Tân, Tham biện là Nguyễn Hữu Cư cùng vào bến Thuận An để hộ tống và nghênh tiếp. Thế rồi Lý-cố đến sứ quán, chuẩn cho quan Thương bạc của viện Cơ mật hội hàm với tướng là Truất-mang, trước nghĩ hòa ước 27 khoản, nhiều điều không kham nổi và kịp về Bắc tranh trước bờ cõi rồi hoành hành ngang ngược với các công sứ, đến nỗi sĩ dân không yên với mọi sự. (Đông Nam Hà Nội không giao cả, lại gây nên sự biến ở ba tỉnh Ninh Bình, Quảng Yên, Hưng Yên. Ba tuần phủ, có kẻ bị bắt, kẻ bị đánh. Giam quan tỉnh, đánh quan phủ, trách nã đề đốc, tư sức các phủ huyện đợi chiếu Chỉ, phá bỏ khí giới súng đạn, cướp đi kho bạc, buộc xé bỏ sổ sách đinh điền, dẫn đến quan thân, sĩ dân trung nghĩa đều phấn khích. Có người uống thuốc độc, có kẻ nhảy xuống sông tự tử, có kẻ mang ấn ra khỏi thành, nạp ấn rồi bỏ quan truyền hịch khởi binh. Có chỗ đánh sứ Pháp, hoặc có chỗ giết phái đoàn Pháp. Bọn côn đồ nhân đó mà làm nhiều điều xấu xa, tổn hại. Tất cả đều do quan toàn quyền gây nên). Chuyển thư đến chỗ nghị bàn của Lý-cố, đòi hợp với công pháp, để làm cho vững vàng sự hòa hảo. Lý-cố đệ thư xin nhập triều yết, cùng nhau ký tên đóng dấu và nhận thư giao ước, chỗ cần thì châm chước sửa đổi, xin đệ hồi giám quốc nghĩ định. Rồi chuẩn đặt toàn quyền đại thần coi giữ quan ải, giao cho Lý-cố một bản, Lý-cố cũng đặt toàn quyền đại thần coi giữ quan ải, giao ta một bản, đều có bản lưu tồn. Đặc biệt chuyển thư cho giám quốc đợi sau bàn bạc, đến như việc triều yết trao đổi với nhau sau mới tiến hành, tiếp đó trao đổi công việc cho xong xuôi. Lý-cố lại xin thỉnh yết (triều đình) cũng đồng ý. Lễ xong, phụng cấp cho các phẩm hạng như ngọc bội, kim khánh và kim ngân tiền. Sau đó Lý-cố lại đi ra Bắc rồi chuyển về nước.

Tôn Thất Thuyết lập "Phấn nghĩa quân". Lúc đó, Thuyết muốn lập lính chân tay riêng của mình, bèn thương lượng với Nguyễn Văn Tường nói rằng : Tiến hành vào ngày 29 tháng 10 là quan trọng nhất. Hai viên quan này cùng với những đình thần đã dự biết trước nên ai nấy giao cho những người thân thuộc tham dự vào việc hiểu dụ các thân hào, sĩ dân kết đảng làm theo. Lần này, qua chọn lọc số người trong đó mà ban thưởng. Ngoài ra tuy chưa được dự vào phái cử, nhưng đều vui lòng đáp ứng. Gần đây nhiều người làm theo, nay các binh ngạch thiếu nhiều, nên nhân tình hình ấy mà thu dụng họ, xin hội đồng Binh bộ xét tuyển dụng được bao nhiêu lính (nhưng không được khấu giản) chia làm vệ đội, lượng mà thiết lập quản suất, tùy số mộ được nhiều hay ít mà thưởng phẩm hàm, đặt tên là "Phấn nghĩa quân". Số quân đó được khao thưởng và đặt tên riêng, chiểu theo thứ tự tuyển hai vệ Tiền phong, nhưng vẫn lệ thuộc vào các viên quan mà hai vị thần đó ủy nhiệm cho để luyện tập và phân phái. Theo thời kỳ này thì hữu dụng nên (Tường) cho phép.

Sau đó, Thuyết cho Trần Xuân Soạn lĩnh số quân ấy.

Đốc thần Bắc Ninh là Trương Quang Đàm tâu rằng : "Thuyền bè của Pháp hiện đang dò xét quấy nhiễu các giang phận hạt này. Bọn Hán gian thỉnh thoảng hò hét tụ tập, xin cho nhiều tốp binh dõng đến chi viện và phân phái nhau đi trừ dẹp. (Lại xin) cho quyền thiết đặt 3 viên quan phó lãnh binh, lấy Quản cơ là bọn Hồ Tiến Tử, Văn Khắc Thân, Thân Văn Tài sung vào, để cậy nhờ, bàn bạc ủy thác".

(Tôn Thất Thuyết) hứa cho, nhưng vẫn lệnh sức các xã dân, ai nấy đem hết sức lực ra chống cự (với giặc) để tránh khó khăn sau này. Trong đó, có ai hơn chút ít, thì đặc cách khen thưởng để khuyến khích họ. Khâm sai Bắc Kỳ Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp, Phó khâm sai thự Thượng thư bộ Công là Trần Văn Chuẩn về Kinh đô để nhận tội, vì thương thuyết không có công trạng gì. (Vua) cho phép trước hết hãy giải chức và chờ đợi (lệnh).

(Vua) lệnh cho hoàng thân công chia nhau đến các tôn lăng hành tỉnh yết lễ.

Chuẩn cho 69 thôn xã điêu tàn ở tỉnh Bình Định tạm hoãn binh ngạch (phân thành triển 1 hoặc 2 năm).

Lệnh cho Phụ chính đại thần Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh bộ Lại Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thần là Tôn Thất Thuyết, kiêm làm Chưởng Binh bộ sự vụ, kiêm quản văn ban phò mã.

Di chuyển nha đóng ở Sơn phòng Quảng Trị cùng với nha ở phủ Cam Lộ. Nguyên nha Sơn phòng và phủ Cam Lộ trước đặt ở địa phận xứ Động Ngang, huyện Thành Hóa. Quan Cơ mật viện tâu rằng : "Sơn phòng của Quảng Trị có thể làm hậu lộ cho Kinh đô. Chuẩn cho quan Sơn phòng này xem xét tường tận lại, tăng thêm kinh lý. Quan nối theo coi Sơn phòng này cho rằng, địa thế ở đây chật hẹp, đã khảo xét được nơi liền với chỗ đất cũ này là ở phía trên địa phận xã Bảng Sơn. (Tương truyền, nơi đây trước kia có con cầu[1] hoạt động, cho nên tục gọi là Lang Cầu), địa thế rộng rãi, có thể chứa được một khu kiến trúc lớn di về đây, xin cho di đến, phủ, nha cũng xin chuyển đến phòng nội". (Vua) chuẩn y.

Đến lúc ấy, bèn chuẩn cho đắp thành, đào hào, xây cất nha thự, kho súng, nhà lính, cùng với các tòa kỳ đài, pháo đài, chọn nơi di chuyển trấn Lao Bảo (Bảo nguyên là nơi giáp giới ba phường Tân Mỹ, An Mỹ, Linh Xuân ở biên giới Man [2], nay chuyển đến châu Na Bôn, cách (Lao) Bảo hai ngày đường, thổ chướng (ở đây) hơi nhẹ. Thiết lập nhà ở và làm việc cho các quan viên văn võ, đặt ra kho thuốc, nhà lính, xưởng voi).

Lại định ra kỳ hạn mua muối (6 châu mua muối trước kia thì không có hạn nào, nay lượng xem dân số cần mua là bao nhiêu, đều phải có đầu mục nhận thực,

(1) Một loại rồng có ngà.
(2) Biên giới Lào - Việt.

để phân biệt rõ người lạ, người quen trong đám Man dân). (Lại) đặt cơ Can thiện (để quản thúc bọn tù khẩn hoang ở đây, quyền suất đội chia đi đồn trú và đào hố để tránh nạn hổ dữ).

Thiết lập đồn Động Chu (đóng ở thượng du, từ sườn núi lên đến đỉnh núi phải mất nửa ngày đường, khác nào chiếc thang lên trời. Từ sơn phòng đến đây mất ngày rưỡi đường, từ đây đến trấn Lao Bảo cũng đi mất ngày rưỡi đường, đường đi bằng phẳng, (nhưng) địa thế hiểm trở, cho nên đóng đồn ở đây).

Khai quặng sắt (gần sở phòng để tiện việc đúc). (Việc) kinh lý trước sau đều chuẩn cho tỉnh thần kiêm coi giữ (khi đó, sứ Pháp phái người đến xem bản đồ, nói rằng là để chuẩn bị bản đồ toàn cảnh). Lại mở hai thượng lộ, phía nam thông đến Kinh phủ, bắc thông đến Quảng Trị, sơn phòng, có lẽ ý ấy là muốn củng cố con đường phía sau để bảo vệ Kinh sư vậy ; (tiếp đó, lại đem thuốc súng, vàng bạc, tiền nong về trữ ở (sơn) phòng ấy khá nhiều. (Lại) cấp tiền gạo cho vợ con ba người là bọn Lưu (Vĩnh Phúc), Đoàn (Dũng) và Dương Chước Ân. (Bọn Chước Ân đều chết ở trận Chỉ Kiều trước kia, đã được ơn cấp tuất, nay cấp thêm cho vợ con (họ) mỗi tháng một quan tiền và một phương gạo).

Dân xã Nguyệt Phiếu (thuộc huyện Hương Thủy) kiếm được súng thần công bằng đồng đệ nạp, được thưởng 10 quan tiền.

(Vua) mệnh cho kiểm tra lại các dinh vệ biền binh ở Kinh đô. Lúc này lính tráng già yếu, bệnh tật nhiều, không chịu nổi sự sai phái. Lại lệnh cho quan Nội các là Lê Đại và quan bộ Binh là bọn Tôn Thất Phiên và Nguyễn Hàm Quang, cùng hội đồng thống chưởng kiểm tra nghiêm ngặt thêm, chọn ra 360 tên già yếu cho thải hồi cả, và 436 tên ốm yếu hạn cho 2 tháng trở về quê quán, (nếu) chữa chạy không khỏi thì các địa phương lập tức tuyển người thay vào. Chuẩn cho các biền binh chết trận ở bến Thuận An tiền tuất, ấm nhiêu khác nhau. Trước tiên là trải chuẩn đem các đại viên (Lê Sĩ, Lê Chuẩn, Lâm Hoành, Nguyễn Trung) chiếu lệ tặng tuất. Ngoài ra, từ quản suất trở xuống, giao riêng cho bộ tiếp tục giải quyết. Còn bộ Binh nghiên cứu kỹ hội tấu lên, phê chuẩn tặng Cấm binh Vệ úy cho hai người (Quản cơ sung Hiệp quản Hổ oai Tả vệ Võ Thành Danh, Tiền phong Tả vệ là Hồ Hữu Nho). (Lại) tặng cho ba người làm Phó quản (Cai đội sung Hiệp quản là Phạm Tiến Uyển, Cai đội là Nguyễn Xuân Tâm, Tam đẳng Thị vệ là Nguyễn Khoa). Ngoài ra, tặng cho Cấm binh Cai đội 5 người, Tinh binh Cai đội 3 người, Tinh binh Suất đội 2 người, Cấm binh Chánh đội trưởng 32 người, Cấm binh Đội trưởng 209 người. Như trên, tiền tuất cho ấm nhiêu, ai nấy đều được chiếu lệ thi hành, tất cả gồm 256 người.

Lại định việc giáo huấn cho tú tài xuất thân và các viên từ lục, thất phẩm trở xuống ứng lệ thi Hội. (Nguyên lệ, giáo huấn và cửu phẩm chính ngạch Dực thiện

lại mục, điển ty và người tú tài xuất thân, tình nguyện thi Hội, kỳ thứ nhất cùng với giám sinh thượng hạng là bọn học sinh tôn (thất), ấm (nhiêu), do Quốc tử giám sát hạch, kẻ trúng loại ưu, loại bình mới được vào thi. Đến lúc đình nghị tú tài, người đã trải qua khảo hạch, dự loại bình, loại ưu mới được phân bổ. Đến kỳ đầu thi Hội, lại vào Kinh hội hạch, sợ dẫn đến sự phiền phức, các hạng người nói trên tự liệu học lực của mình có thể kham được Hội thí, mà tình nguyện vào thi, ở Kinh do bộ, ở ngoài do tỉnh cấp bằng vào Kinh Hội thí. Giả thử đến kỳ thi, có người văn lý quá vụng về, không đủ, không thành, nạp quyển trắng v.v... đều căn cứ theo tên mà hạ xuống hạng dưới. Quan trường cố ý giấu giếm, qua quan ở bộ đã gạt bỏ, mà quan trường vẫn theo lệ giấu giếm thì nghĩ xét đình chỉ khoản sát hạch, đến như giám sinh thượng hạng là bọn học sinh tôn ấm đều chiểu theo lệ mà làm).

(Vua) chuẩn cho những nhân viên tiễu phỉ ở Hà Nội, thưởng tặng có chênh lệch. Hạt ấy, từ tháng 10 lại đây, bọn phỉ hai lần thừa cơ quấy nhiễu, bức vây phủ thành Ứng Hòa, các quan viên phủ ấy đã cử xuất binh dõng cố thủ phủ thành. Nhiều lần công tiễu đều có thực trạng bắt chém, cho nên chuẩn chiếu lệ thi hành (lĩnh Ứng Hòa phủ là Cao Xuân Dục được thăng Tri phủ, Suất đội là Nguyễn Văn Nhung miễn tội cách lưu, Phó tổng tử trận là Nguyễn Đình Tuấn được truy tặng Tòng bát phẩm bách hộ).

(Vua) tặng thưởng cho quản suất và biền binh gồm 128 người của hai chiếc thuyền đồng là Tường Nhạn và Tĩnh Dương. Vì bọn ấy, trước có ra Bắc tuần phòng và chuyên chở, nhân bị gió lớn đắm thuyền chết (thuyền Tường Nhạn là 77 nhân viên, thuyền Tĩnh Dương là 51 nhân viên).

(Lại) lấy Đề đốc Hải Dương là Tôn Thất Hòe cải làm quyền và sung làm Thanh (Hóa), Đề đốc Sơn phòng (Nguyên [Hòe] có chiếu Chỉ về Kinh đô, khi đến tỉnh Thanh (Hóa), tỉnh thần Thanh (Hóa) là Tôn Thất Trường thỉnh lên, (vua) nhân đó là chuẩn cho).

(Vua) lại giáng cố Cần Chính điện Đại học sĩ là Trần Tiễn Thành làm Thượng thư bộ Binh. Trước kia, Tiễn Thành can khoản tuyên độc di chiếu, trải giáng lưu 2 cấp, (đêm 30 tháng 10 năm trước bị cướp giết chết). Đến lúc này, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết tâu lên cho là quá nhẹ, bèn chuẩn giáng xuống hàm ấy và chiểu theo hàm mới mà cấp tuất.

Lệnh cho dân xã Nhiêu Tập, phủ Thừa Thiên, ngộ khi gặp quan binh Pháp đi do thám, chớ được cười giễu, lại cũng không được chăn dắt ở xung quanh Sứ quán. (Khâm sứ Sam-bô viết thư nói rằng : Quan Pháp do thám đã bị dân xã An Truyền, huyện Phú Vinh cười giễu và lính (Pháp) ở đấy thổi kèn ở ngoài Sứ quán, đã bị trâu húc bị thương, nên ra lệnh cấm chỉ).

Lập Khiêm cung ở ngoại giới La Thành, lộ cấm ngăn bằng trụ gạch (mặt trước dài 215 trượng 5 thước, mặt sau 50 trượng, mặt tả 129 trượng, mặt hữu 126 trượng 8 thước, các mặt xây trụ gạch làm giới hạn).

Gần đến kỳ tang sự của Phế đế, (vua) mệnh cho tôn thất các quan văn võ ai nấy được ban tế một lần.

Miễn 6 phần 10 thuế ngọn nguồn năm này cho Thanh Hóa (vì cớ giang trình có khó khăn mà thương thuyền ít).

Hoãn thu thuế vụ đông cho các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, Hưng Yên.

Súng máy do hai nước Hoa Kỳ và Phổ Lỗ Sĩ[1] mới chế ra và các loại vải hoa, vải thô của Tây dương, trải thí nghiệm dạy tập, đều đã được khéo léo và thành thục, thì tiết phụng cho chế tạo. Nguyễn Xuân Phiếu cùng các lính thợ đều được đặc cách ban thưởng khác nhau. (Đốc công nha tòng cửu phẩm thừa phái là Xuân Phiếu lần lượt kính tôn thánh sắc chế tạo, đến lúc ấy bạt thưởng cho tư vụ. Ngoài ra (thưởng cho) thợ 3 người, biền binh 20 người, thợ dệt 15 người, mọi người đều phân theo hạng thưởng mà thăng trật, hoặc ngân phiếu, tiền bạc).

Ngày Ất Sửu, phụng kỵ thì chính vị ở tiện điện, vua thân đến hành lễ.

Lấy nguyên Bố chính quyền lĩnh Tuần phủ Thuận - Khánh là Trần Lưu Huệ (trước vì ốm mà nghỉ, đến nay bệnh khỏi, hồi Kinh đợi Chỉ) cải làm quyền lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh. Cấm binh Vệ úy là Trịnh Lạc, lĩnh Đề đốc Nghệ An. Trước kia, Hộ đốc tỉnh này là Trần Nhượng, Đề đốc là Ngô Đạt tâu xin nguyên Tán lý là Nguyễn Chính (lúc đó, can án chưa rõ), nguyên Tham biện là Nguyễn Tế Mỹ, Biện lý là Nguyễn Văn Đỉnh (chịu tang ở quê) sung làm Thương biện. Lại xin Phó lãnh binh là Trần Văn Tài (nguyên là Lãnh binh ở Hà Nội, khâm mệnh làm xong việc, về đến tỉnh này, vì ốm mà chờ điều động) lưu lại ở thương phái tỉnh. Bộ (Lại) bàn bạc cho rằng : Văn Tài sợ khổ, nên sau đó bèn giáng 3 cấp rồi điều động. (Còn) Nguyễn Chính và Tế Mỹ đều về bộ (Lại) chờ đợi cứu xét. Nhượng vì nịnh hót mà giáng xuống làm Quang lộc Tự khanh, về Kinh chờ chiếu Chỉ. Đạt bị giáng làm Phó lãnh binh Sơn phòng tỉnh này. Đến lúc ấy, bèn lấy Lưu Huệ và Lạc thay vào.

Giáng Hộ phủ Hà Tĩnh là Cao Hữu Sung làm Hồng lô Tự khanh. Nhưng quyền Hộ lý là Hữu Sung, trước kia tấu xin cho nguyên Tri huyện tập biện Hương Khê, Phủ vụ Đức Thọ là Hồ Phi Tự thăng thự vẫn được cai trị phủ này, trải việc phụng mệnh không đúng, lại tâu là Phi Tự bị bệnh, thỉnh xin về quê quán. Bộ (Lại) bàn bạc cho rằng Phi Tự trốn tránh, còn Hữu Sung bao che, nên chuẩn giáng mỗi người

(1) *Nước Phổ Lỗ Sĩ* : nước Đức.

3 cấp, rồi mới điều động. Đặc biệt, gia ân cho Hữu Sung vẫn quyền hộ lý. (Vua) mệnh cho Biện lý Binh bộ là Trương Văn Đễ sung Khâm phái ra các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, cáo rõ cho các quan tỉnh biết dò xét tình thế, để trấn áp quần chúng nổi lên, bèn lưu ở Thanh Hóa, điều đình với đạo Bình làm cho mọi người yên ổn. Lúc đó, tàu Pháp đến hải phận 4 tỉnh ấy, có chiếc đã bỏ neo ở Nghệ An, Thanh Hóa, có chiếc đậu ở bến các hạt thuộc Quảng Bình, Hà Tĩnh. Giáo mục và giáo dân ngầm đến tàu này xin viện trợ. Quan các tỉnh này sợ rằng lại xảy ra việc như ở Ninh Bình, ai nấy đều xin thúc binh di chuyển tiền bạc, để trấn tĩnh hiểu dụ họ. Nhưng đạo Bình ở Thanh Hóa không yên (sau khi cái án thiêu sát giáo dân đã được phát giác rõ). Giáo mục có người xin phái mộ binh của Pháp đến giữ nhà thờ, nhân đó (mà) cho phép đến điều đình để yên dân.

(Vua) mệnh cho Thượng thư bộ Công là Đoàn Văn Hội sung làm Tham tri Khâm sai đại thần, sung biện Nội các Tham biện viện Cơ mật là Hoàng Hữu Thường làm Phó, Lang trung bộ Lại là Lê Cơ sung làm Tham biện, đi ra Bắc Kỳ để khu xử, hiểu tập, động viên nghĩa quân (50). Tiếp theo, trước tiên là chuyển thư của sứ Pháp nghị xử về sự kiện Bắc Kỳ. Đến lúc ấy Khâm sứ Sam-bô trú ở Kinh viết thư đến nói rằng : "Đờ-li-cô đến Bắc Kỳ bàn bạc với tướng Pháp là Cô-phi-nghiệp sức cho các công sứ, ai nấy đều phải yên tĩnh. Phàm quân sự dân sự ở các tỉnh đều không dự vào. Kịp đến khi bọn Khâm sai Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn từ Bắc Kỳ về, quan ở các tỉnh đều không muốn làm việc, đến nỗi người ta hết thảy hoài nghi, trộm cướp nổi lên tứ tung, xin cử các cán viên đến gấp để xử trí, kịp sớm được yên ổn. Bọn quan Phụ chính tâu rằng lời nói ấy cận lý, xin giảm cán viên bổ sung vào, cho nên mới có mệnh trên.

Lấy Tả tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế cải làm Tả tham tri bộ Công, Hội đồng Thị lang Biện lý chư thần quyền Chưởng bộ ấn thự Hữu tham tri bộ Lại là Nguyễn Thành Ý kiêm Chưởng viện Đô sát (nguyên Văn Hội kiêm Chưởng).

Ngày Mậu Thìn, tế hưởng tổ tiên, mệnh cho Tôn quốc công Miên Trữ, thân chinh đến Thái miếu kính thay (vua) hành lễ.

Hộ phủ Ninh Bình là Tôn Thất Úy, tháng trước vì Công sứ tỉnh này ngang ngược tàn khốc, không thể ở chung được, đem dấu tuần phủ cùng ấn triện của án sát mà đi ra khỏi thành, vẫn đến nha Sơn phòng tỉnh này cùng ở, lập tức đem ấn án sát giao cho Sơn phòng sứ là Lã Năng Hoằng quyền kiêm biện Niết sứ sự. Sau đó, Khâm sai Nguyễn Trọng Hợp thương lượng với Đốc thần Hà Nội và Ninh Bình là Nguyễn Hữu Độ, cho Phạm Hy Lượng (Án sát tỉnh này hiện vẫn còn ở tỉnh) quyền Tuần phủ tỉnh này. Tri phủ phủ Thường Tín là Hoàng Dung Tân, quyền Án sát tỉnh này, đòi lấy ấn, (Tôn Thất) Úy không giao ngay. (Bọn họ) bèn tâu việc này lên.

Hữu Độ lại nói với (viên Công) sứ ở đây là chờ sau sẽ khắc dấu cho. Nhưng sợ viện Cơ mật, tâu lên (vua) rằng : "Hiện nay ở phủ Niết, tỉnh Ninh Bình không thiếu nhân viên, mà Trọng Hợp và Hữu Độ trước đã sơ suất, muốn mở rộng quyền hành. Hy Lượng và Dung Tân lại không lượng được mình, tùy tiện nghe theo, dẫn đến chỗ không có ấn, gây ra chuyện lôi thôi, lại còn có ý chờ đợi (Công) sứ cấp ấn cho. Nói như vậy thật là khó nghe. Việc xin quyền cấp phủ Niết đều không được phê chuẩn thi hành, mà việc phân xử mỗi người khác nhau (Trọng Hợp và Hữu Độ, mỗi người giáng 1 cấp ; Hy Lượng và Dung Tân mỗi người giáng 2 cấp, đều lưu lại)". Đến lúc đó, Khâm sứ Sam-bô đóng ở Kinh đô viết thư nói rằng : Công sứ ở các tỉnh đều không tham dự vào việc này, lại còn lựa chọn sai phái Khâm sai đến Bắc Kỳ khu xử và hiểu tập. Rồi chuẩn cho Úy theo quan Khâm sai về tỉnh làm việc. Nếu như quan sứ ở đây có hỏi thì tùy nghi mà trả lời, cốt cho yên ổn, không cho phép làm rối ren, không được về ở riêng một chỗ như trước, cũng không được lấy việc hiềm thù trước mà làm chậm trễ (Úy, gần đây ở nha Sơn phòng cùng nha huyện Yên Hóa, trải việc lính Pháp phái lại và lính mộ đến đốt phá, nên đã cùng các quan chánh, phó lãnh binh hiện chọn nơi hiểm trở trong hạt tạm trú chờ đợi yên, nhưng (họ) cũng đều nhận lỗi, mỗi người trước tiên là giáng hai cấp, rồi lưu lại. Ngoài ra, còn phải chờ xử tội nặng hơn. Đến lúc này đã có chuẩn y ấy, rốt cục, vì quan Pháp gây trắc trở, nên chưa thể về tỉnh).

Từ khi thành Sơn (Tây) có sự biến, côn đồ khắp nơi nổi lên như ong. Dịch lộ từ Mỹ Đức, tỉnh Ninh Bình đến Sơn Tây không thông. Các phủ, huyện Mỹ Lương, Quốc Oai, Thạch Thất đều trở thành nơi tấn công và chiếm cứ của bọn phỉ. Thế là viện thần tấu chuẩn, lệnh cho Hoàng Tá Viêm lập tức về đóng ở tỉnh Sơn (Tây). Một mặt, cử người đi giúp việc tiễu phỉ, mặt khác, nhanh chóng báo cho các án hạt, tỉnh đạo, hoặc cùng nhau nhanh chóng giải quyết, nhưng phải nhất loạt trừ xong, để tiện giao thông thư tín và yên dân cư.

Sơn phòng sứ Hà Tĩnh là Nguyễn Thức Tự, vì ốm mà xin nghỉ ở ngoài, viện thần cho rằng việc lập ra sơn phòng, tuy vì kế hoạch khẩn hoang, nhưng cũng tham dự việc phòng bị khi có sự biến. Thức Tự ở đây lâu năm, mà không thấy có khả năng, công trạng gì, nay việc phòng bị đang khẩn cấp, lại đệ đơn xin nghỉ ở ngoài, điều trốn tránh đó đã thấy rõ. Bèn tâu xin phê chuẩn giáng 2 cấp, rồi điều đi.

(Vua) phê chuẩn cho các thuộc viên viện bạc[1], Nội các, dù mới được thăng, hoặc làm ở đây mới ít ngày mà lại làm việc thận trọng (trừ người đã dự thưởng ra), ai nấy đều được thưởng tiền bạc, đó cũng là suy ơn tấn quang[2] vậy.

(1) Coi việc thuyền bè, bến bãi.

(2) *Tấn quang* : ơn vua ban.

Quan tỉnh thần Sơn Tây sau khi thất thủ, chuyển về đóng giữ ở Trù Biện, mà không trở về lỵ sở. Tướng Pháp là Cô-bi thúc giục Hộ đốc Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ chọn người thay thế, Hữu Độ chọn Nguyễn Khuyến (lĩnh Trực học sĩ, dưỡng bệnh tại quê) quyền lĩnh Tổng đốc, Thành Ngọc Uẩn (Thị độc Học sĩ đình gian trung chế) làm quyền Bố chính, (hai ông) đều không đến. Thế nên, bèn lấy nguyên Tú tài theo đạo (giáo) là Nguyễn Trần Cáp, nguyên Ngũ phẩm sung Thương chính Phó quản lý là Nguyễn Hậu bổ vào (Cáp quyền Tổng đốc, Hậu quyền Bố chính, đều do quan Pháp cử ra). Quan viện Cơ mật biết được việc này, tâu rằng : Trần Cáp tên cũ là Nguyễn Văn, can ngụy án đang trốn tránh, Hậu là lại điển xuất thân, không có trí thức nào khác, thỉnh không phê chuẩn. Bèn lệnh cho thần viện thương lượng với Khâm sứ Sam-bô, viết thư cho các vị tướng ấy ngừng việc đó lại. Sau đó, ưng dùng nhân viên nào thì do bọn Khâm sai Đoàn Văn Hội tiến cử, tâu lên bằng cách khác.

(Lúc đó, Cáp và Hậu vẫn lưu lại để thi hành, sau đấy, Văn Hội đến thương lượng với tướng Pháp, xin để Nguyễn Trọng Hợp thay thế, Cáp mới về ngụ ở Hà Nội, Hậu vì can một khoản nên phải đuổi về).

Ngày Giáp Tuất, chính vị ở điện Hiếu Tư, vua thân đến hành lễ.

Sao Tuệ xuất hiện (hiện ở phía tây nam, đuôi chỉ về hướng đông bắc, thể sắc hơi tối, dài 6 - 7 tấc, giáp cung Hợi, ở dưới sao Bích, vài ngày thì tắt).

Tuần phủ Quảng Tây nhà Thanh là Từ Diên Húc đến Lạng Sơn, yết cấm binh dõng các dinh quấy nhiễu, lệnh cho tỉnh ấy phải cung ứng vật dụng (dầu, than, củi, v.v...) đều có trả tiền, (nhưng vua) chuẩn lệnh không cho nhận.

Chuẩn cho quan ở viện thuyền bè, theo như trước mà biện (lễ) để đến tết Nguyên đán sang năm, ra khoản xong (cho) các hạng quan phẩm và Khâm sứ ở Kinh cùng với quan thuộc Sứ quán.

Năm ấy, thuyền bè của quan dân canh gác, chuyên chở ngoài Kinh gồm 69 chiếc, nhân vì gió, bị bọn phỉ đánh chìm mất 19 chiếc, ngoài ra, đều chạy về thanh thỏa.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN III*

THỰC LỤC VỀ GIẢN TÔNG NGHỊ HOÀNG ĐẾ

Tết Nguyên đán, ngày mồng 1, Bính Tý, **tháng giêng, mùa xuân, năm Kiến Phúc thứ nhất, Giáp Thân [1884]** (Thanh, Quang Tự thứ 10). Vua mặc cát phục, thân đến cung Gia Thọ, kính dâng giấy mừng và phẩm vật (vàng tốt 10 đĩnh) làm lễ người trong nhà và tiến phẩm vật cùng giấy mừng lên Hoàng thái hậu và Hoàng thái phi.

(Hoàng thái hậu vàng tốt 8 đĩnh để phụng chực Khiêm cung, chuẩn phái cho thay vua cung tiến. Hoàng thái phi vàng tốt 7 đĩnh, để ở nội viện, vâng thân đến làm lễ). Xong rồi, vua ngự điện Văn Minh, các hoàng thân, vương công, các quan văn, võ đều mặc áo thịnh phục rảo lạy.

Tiết Vạn thọ (ngày mồng 2 tháng ấy). Trước 2 ngày, Quận công Kỳ Anh là Miên Đình vâng mệnh kính đến điện Hòa Khiêm kính cáo, đến ngày đó, vua mặc áo cát phục ngự điện Văn Minh, hoàng thân, vương công, các quan văn võ cũng đều mặc áo thịnh phục rảo lạy như ngày Nguyên đán. Sai Phụ chính đại thần là Tôn Thất Thuyết bói ngày tế Giao.

Khâm sai Phạm Thận Duật là Thượng thư bộ Hình, Thị lang gia hàm Tham tri là Nguyễn Thuật làm Chánh, phó sứ đi Thiên Tân (thuộc tỉnh trực lệ nước Thanh) về đến Kinh. Chuẩn cho Thận Duật vẫn giữ chức làm việc, Thuật thăng thự Hữu tham tri bộ Binh và những người tùy phái đều lượng thăng có thứ bậc.

Xuân Giáp Thân, làm lễ hưởng[1], Tuân quốc công là Miên Ninh vâng mệnh đến nhà Thái miếu, kính làm lễ thay.

Tiết lập xuân làm lễ nghinh xuân và tiến xuân. (Kính gặp quốc hiếu, chỉ tiến trâu đất, không tiến xuân sơn ; ở cung Gia Thọ, thì trâu đất, xuân sơn đều tiến).

Đầu mùa xuân, kính dâng cung Gia Thọ tiền kẽm 10.000 quan, Hoàng thái hậu 8.000 quan, Hoàng thái phi 7.000 quan.

Phủ doãn phủ Thừa Thiên Nguyễn Liên, Phủ thừa Đinh Duy Tân vì tra xét án lại mọt không đúng, bị tội, giáng chức, đổi đi nơi khác. Khi Tri huyện huyện Quảng Điền là Tôn Thất Hội Thường phái cho Huyện lại là Lê Diệu đi xuống dưới hạt, đốc đồng giúp đỡ tổng lý đặt mua thóc hạt, bọn ấy tạ sự đòi lấy tiền của dân (134 quan). Việc ấy phát giác, các quan trong Chính phủ ý muốn răn trị bọn mọt dân, tức thì sức giải, giao cho bộ Hộ tra xét. Phủ thần bèn làm án kết xử (Diệu bị phạt trượng đi đày, còn dư bị phạt trượng bãi chức), bộ Hình xét lại bọn Diệu tạ sự nhũng nhiễu, xin tuân thánh Dụ năm Minh Mệnh thứ 16.

(Suất đội cho đến bọn tri bạ, thư lại, hoặc nhân việc công thu bổ, lấy ít bảo nhiều, hoặc làm biếu đãi riêng chỉ xưng là việc nhu phí : tức thì đem kẻ phạm xử đúng phép.

Khoảng đời Tự Đức, Điển ty Nguyễn Du đòi lấy tiền của lính 100 quan, cũng đã tuân đó kết án xử chém ngay).

Đổi kết án tên Diệu bị chém và bêu đầu (đợi sau khi tế Giao sẽ làm) còn dư đều được giảm dần đến án lưu đồ, phát khẩn. Hội Thường sai phái không đúng người cho cách chức ; bọn phủ thần đều bị giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác, còn dư những bọn dự bàn thì bị giáng 2 - 3 cấp lưu dụng. Án ấy dâng lên, chuẩn cho như bộ đã xử, nhân sai lục suốt cho các nha xử hình ở trong và ngoài Kinh biết, từ nay trở đi nếu có việc tương tự, nhất luật phải chiểu theo như thế mà làm và yết sức cho xã dân cùng biết.

Tiết Diên xuân (ngày 12 tháng ấy). Trước một ngày, Hoàng thái phi kính đến điện Hòa Khiêm làm lễ chi cáo. Hôm ấy, vua mặc cát phục, đến viện Hoàng thái phi, làm lễ trong người nhà, còn nghi tiết khánh hạ, vâng ý Chỉ của Hoàng thái phi đều cho đình. Đình việc ngự duyệt binh, nhưng chuẩn cho kiểm điển thưởng cấp như lệ.

Bãi bỏ những bọn võ cử, võ sinh ở các tỉnh Trị, Bình, Nam, Ngãi, Hà Tĩnh, Bình Định cho về quê.

---

(1) *Hưởng* : hợp tế.

(Tháng 7, tháng 11 năm ngoái, nhiều lần chuẩn cho đòi phái đi làm việc, đến đây việc hơi ít, liền bãi đi).

Đình lệ xét hạch các người đi học. (Lệ cũ dùng học trò đến trường chịu học và đến khoa thi trúng, đều chiểu số học trò, tùy theo nhiều ít, chia hạng thưởng phạt, khoảng đó có nhiều người hư ứng, cho nên đình đi).

Sam-bô là Khâm sứ người Pháp đóng ở Kinh về nước, Ba-rô (có chỗ dịch là Pha-cô) đến thay, sai phái bộ mời đến sứ quán. Ba-rô dâng thư kính chúc yên lành tốt đẹp, chuẩn cho thưởng cấp. (Ba-rô tiền vàng, tiền bạc và nộp trầu khảm xà cừ, các thứ).

Quyền Tuần phủ Hà Tĩnh là Cao Hữu Sung lại bị tội giáng chức, đổi bổ nơi khác. Khi quyền Tuần phủ tỉnh ấy có việc ngăn ngừa, Hữu Sung cấp bằng cho Vệ úy vệ Chấn võ là Phan Đình Huấn quyền làm Phó lãnh binh để đủ việc sai phái, nhưng tư bộ không có tập tấu, bị bộ Binh tâu hặc, giao xuống đình thần bàn xử cho là tự tiện xướng suất, chuẩn phạt 100 trượng, giáng 4 cấp, đổi, bổ, gia ơn nhưng lưu quyền Tuần phủ.

Trước đây, phủ thần Thừa Thiên (nguyên Phủ doãn Nguyễn Liên, Phủ thừa Đinh Duy Tân) bày tâu 3 điều :

1. Kén dồn lính phủ :

(Nói lính phủ nguyên thuộc về hàng lính mộ, những viên suất đội, đội trưởng mới điền vào, chưa từng quen biết, đến khi sai phái, dễ điều dối trá, xin nên chọn tên nào thực có căn cước, phỏng 200 tên, dồn làm 4 đội. Hiệp quản 1, suất đội 4, điển ty 1, chia làm 3 ban, để sung theo hầu và sai phái các công việc, nhưng không cần chính quê hay quê ở ngụ, cứ do lý dịch nơi đó kết nhận làm bằng, từ sau trở đi có kẻ nào trốn mất, hay can phạm khoản gì, lý dịch nơi ấy tra xét, còn thừa lại bao nhiêu, án quán giao về chịu sai dịch với dân, kẻ nào không rõ quê quán ở đâu cho phát ra Sơn phòng Quảng Trị ở đấy khai khẩn).

2. Phái cho canh giữ nhà giam. (Phái cho quan binh đổng đội ở tỉnh khác).

3. Phái cho đi tuần kiểm ở ngoài quách. (Phái bắt quân Tuyển phong và đội lệ tùy). Đến đây duyệt xét rồi cho thi hành.

Giảm bớt viên dịch ở nha Hộ thành.

(Theo lệ cũ đặt chánh, phó sứ 4 người, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, vị nhập lưu thư lại 8 người ; đến đây lấy cớ lính phủ kén dồn để đi tuần phòng, chuẩn bớt chánh, phó sứ, tư vụ, bát cửu phẩm mỗi hạng 1 người, vị nhập lưu thư lại 2 người).

Dời dựng trường học ở huyện Phù Cát (thuộc tỉnh Bình Định) đến thôn Phúc Khánh.

(Nguyên trường học dựng ở phía đông huyện lỵ, đất này mới mở, nhà ở còn thưa, không đủ chỗ cho học trò trọ, nên phải dời đến).

Sai thống chưởng các dinh thủy, bộ sửa sang lại trên thành bốn mặt Kinh thành và các cửa thành ở trên đài Trấn Bình.

(Cánh cửa pháo đài, nhà tạm, trường bia, giá gác súng, sọt, thúng bằng tre các hạng).

Chuẩn cho lĩnh Thượng thư bộ Lại kiêm bộ Binh là Tôn Thất Thuyết chuyển lĩnh Thượng thư bộ Binh. Lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Văn Tường đổi lĩnh Thượng thư bộ Lại. Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật đổi làm Thượng thư bộ Hộ).

(Ấn bộ Hình do các quan tham tri, biện lý hội đồng quyền giữ).

Tả thị lang bộ Công là Chu Đình Kế đổi làm Tả tham tri bộ Hộ. Thự Hữu tham tri bộ Lại là Nguyễn Thành Ý đổi làm thự Tham tri bộ Công.

Bãi bỏ chức Bang biện 6 huyện ở phủ Thừa Thiên.

(Trước đây có đặt hội đồng huyện viên để vỗ yên dân chúng, đến đây hơi yên nên đình chức đi).

Chuẩn cho Vũ Trọng Bình làm Thương biện tỉnh vụ Nghệ An, Nguyễn Chính sung làm Sơn phòng sứ Hà Tĩnh, Nguyễn Trọng Hợp sung làm Phó sứ Sơn phòng Thanh Hóa, đều được mượn hàm Hồng lô tự Thiếu khanh.

Giả hàm Hồng lô Tự khanh là Trần Văn Chuẩn sung làm Doanh điền sứ Quảng Bình.

Triệu nguyên Tả tham tri bộ Hộ sung làm Tham tán quân thứ ở Bắc là Bùi Ân Niên (tháng 9 năm ngoái đã chuẩn cho lĩnh Tổng đốc Ninh - Thái, vì ốm phải từ chức về ở quê) về Kinh, đổi bổ Tả tham tri bộ Lại.

Ngày Bính Thân, làm lễ tốt khốc ở điện Hòa Khiêm. Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ đi xe đến cho tế điện, Hoàng thân công vâng mệnh làm lễ (lễ xong, rỡ nhà Thái điện, miễn phải phụng trực).

Sai Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật sung làm Phó tổng tài Quốc sử quán, kiêm quản Quốc tử giám.

Cô-bi là Tổng thống Thủy sư Bắc Kỳ người Pháp về nước, Mi-lô lại thay.

Sai sửa bộ "*Dực tông Anh hoàng đế Thực lục Chính biên*", làm Đệ tứ kỷ, chuẩn định viên số (tổng tài 1, phó tổng tài 2, toản tu 3, biên tu 6 và các người khảo hiệu, đằng lục, thu chưởng, mọi người cùng mọi chương trình nguyệt lẫm, cấp thưởng, ứng nhu). Lại dựng thêm một dãy nhà ngói làm sở khâm tu (về phía đông ở trước nhà sử quán, 7 gian 2 chái) dùng vào mùa xuân, sang năm bắt đầu làm.

Triệu dùng các tiến sĩ, phó bảng tại quán và các ấn quan tại quán. Dụ rằng : "Nhà nước có nhân tài để trù bị dùng đến. Người quân tử ra làm quan, cốt để làm nghĩa vụ. Nghĩa vụ nên làm, người quân tử không cẩu thả, cầu lấy yên thân. Còn bọn tầm thường hèn yếu thì không đáng kể. Bằng học đã đỗ đến giáp khoa, làm quan đã đến ấn quan, ân đãi ngộ không phải là không hậu, chính nên phấn đấu cho hết đạo làm tôi chứ khi không việc thì mong tiến làm vinh, lúc có việc thì tìm thú nhàn rỗi ; hằng đòi không đến, thì đạo làm tôi ra sao ? Nếu mọi người đều như thế, thì ai cùng mình mà làm việc. Ta lấy lúc tuổi trẻ nối ngôi, lại gặp thời gian nan, ngồi góc chiếu để đợi người hiền, mong cùng nên việc. Các ngươi đều nhờ ơn Tiên hoàng đế giáo dục tác thành, để cho Nhà nước dùng đua sức đền ơn, đó là lúc các ngươi nên gắng sức. Qua được lúc truân, vượt được lúc kiển, người đời xưa là người thế nào ? Nên nghĩ để giao tu ta, đừng bỏ ta, giúp đỡ ta cho tới trị bình và giúp ta những khi khó nhọc gian nan, để yên lòng thiêng liêng của Tiên đế ở trên cung trời, để nối được cơ nghiệp gian nan của liệt thánh, thế mới không phụ lòng. Xuống lệnh cho trong Kinh ngoài tỉnh ai hễ là tiến sĩ, phó bảng xuất thân, không kể là đã hay chưa làm quan, cùng cử nhân, tú tài làm quan đã đến ấn quan, gần đây người thác cớ lưu ở quê nhà thì do quan địa phương cấp ngựa trạm cho về Kinh hầu Chỉ. Nếu quả là bệnh nặng cũng cho ngựa trạm khám xét và chuẩn cho về. Nếu bằng thác cớ biếng lười, hẳn bị biếm truất. Ở địa phương che chở hư báo, thì cũng xét luật trị xử, thực khó khoan tha. Kính vâng lời đấy. Rồi lại chuẩn cho các người khoa bảng đã bị giáng cách, cung cấp cho ngựa trạm về Kinh chờ lệnh kén dùng".

Dạy khuyên các quan trong Kinh ngoài tỉnh. Dụ rằng : "Làm phúc làm oai là quyền của vua chúa. Khi làm khi dạy, là nhiệm vụ của bầy tôi. Vua ra lệnh, bầy tôi thi hành thì nước cùng hưởng phúc. Vua giữ quyền, bầy tôi lạm dụng thì nhà cũng hung nguy. Gương trước thực đáng nên soi. Hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế ta siêng lo mọi việc, thu dụng mọi hiền tài. Mỗi nghiệp mỗi tài đều cho bổ dụng, một thưởng một phạt đều tự ý vua. Bấy giờ hàng trăm quan theo nhau, không ai là không tôn kính vâng theo hợp lực cùng lòng, vượt qua việc khó, đó là do các bầy tôi đã đều thân thấy cả. Nay trẫm nối đại thống, gặp lúc khó nhiều. Cùng giao tu ta, đừng xa bỏ ta, cũng đều là trách nhiệm của các ngươi đó. Nếu không thương ta là kẻ con nhỏ chưa thông suốt thì cũng nên nghĩ đến tình nghĩa Hoàng khảo ta từ trước tới nay. Gìn giữ điển chương cho các ngươi, thận trọng địa vị cho các ngươi để giúp cho một người là ta, thế mới là không phụ. Thế mà gần đấy thấy quyền Tổng đốc Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ, quyền Tổng đốc Nghệ An là Trần Nhượng thiện quyền tuyển dụng bố chính, tự tiện lưu lãnh binh lại. Tuần phủ Hà Tĩnh Cao Hữu Sung, Bố chính Hải Dương Nguyễn Khắc Vĩ đặt thêm lãnh binh, tự hà chức thủ, hoặc không tâu cho biết, hoặc tâu mà không đợi báo tin ; thậm chí có nơi muốn

khắc ấn tỉnh để thi hành. Lấy những việc làm như thế, rất trái đạo bầy tôi. Đại viên còn như thế, thì làm phép cho người nhỏ làm sao được ? Người dưới đã như thế, thì lấy gì để tôn kính người trên ? Tuy đã có biếm truất, nhưng há đủ che tội đâu ? Vả lại những người ấy đều đảm nhận một phương diện, sự ủy thác không phải là không quan trọng, chính thể không phải là không am tường, sao khá bảo là nhầm nhỡ được. Được chả phải lấy ta là người tuổi trẻ, triều đình gặp lúc nhiều việc, cho nên coi thường sự thế mà lòng có đo lường ư ? Nhưng đạo làm tôi thì bảo sao ? Phép nước thì bảo sao ? Ta thực chẳng vui, các ngươi mà có lòng như thế, làm cho ta có hận về thiểu ân vậy.

Ôi, đạo có khi bĩ, khi thái, việc có lúc biến, lúc thường, mà thấy nguy trao mệnh, nhận khó nhường dễ, lấy lòng trung thuận để thờ bề trên, không khi nào gián cách, ta với các ngươi, tình vừa sơ khoát, tuy chưa thấm nhuần mưa móc, mà đã tự có phận thiên trạch. Duy mong trăm quan khanh sĩ, đừng nói không được. Cứ tin ở lòng, đều hết mưu chước, để cố giúp vua. Bốn phương không ai dám khinh, muôn đời vẫn còn để tiếng thơm, đó là vua tôi ta cần nên nghĩ sâu như thế. Mong nên đều nghĩ thế, khuyên thế. Đừng bảo rằng ta chưa có biết mà có lòng khác vậy. Khá chép thông lục cho các nơi. Kính vâng lời ấy. (Nguyễn Khắc Vĩ, trước đã vì ốm tự tiện về quê, bị khiển trách, sức tới làm việc. Muốn khắc ấn tỉnh, là việc xảy ra gần đây ở Ninh Bình, cho nên trong Dụ mới bày tỏ ra đấy).

Tháng 2, lấy đỉnh Thể Khiêm ở Khiêm cung làm Thần khố[1] Khiêm lăng. Trước đây, lệ ở trước mọi tôn lăng có dựng kho Thần khố để cất đặt các đồ tự khí[2], nay lấy đỉnh ấy rộng sạch, thay làm Thần khố.

Ngày Kỷ Dậu, ngày giỗ vị hữu phối ở chính án điện Phụng Tiên. Cẩm Giàng quận công là Miên Miễn vâng mệnh làm lễ.

Sai người làng họ ngoại là Phạm Đăng Toản đi Quảng Ngãi hội đồng với tỉnh thần tu sửa các sở sơn phần[3] họ Phạm ở làng họ ngoại (gồm 4 nơi).

Mới định lệ cho các quan hậu bổ ở ngoài Kinh kỳ. Kỳ Ngoại hầu ở sau trật chánh tứ phẩm, như có tình nguyện hiệu dụng, chiểu theo lệ công tử ở Giám (xét trúng bình hạng, sơ thụ cho bổ kiểm thảo, kém một bậc cho bổ điển tịch, hạng thứ sơ bổ điển bạ, kém một trật bổ cung phụng). Trước do bộ, các, khoa, đạo xét hạch : hỏi về thư nghĩa, văn sách và luận, đều mỗi thứ một bài, luật một điều, như có được dự hạng, thì do bộ Lại phân phái, đi làm việc ở phồn nha 2 năm, giản nha 3 năm, do thượng ty xét đúng là làm được, tư do bộ Lại làm danh sách sẽ chuẩn y, kém một

(1) Kho để đồ thờ tự.
(2) Các đồ thờ tự.
(3) Nơi để phần mộ.

trật án bổ thuộc viên thực hàm ở Kinh. Từ sau thiên chuyển, chiểu theo lệ quan nhân, nhưng chỉ bổ ở Kinh, không nên chuyển bổ làm quan ngoài ở các tỉnh).

Đổi định lại lệ người chọn phái làm phó quản đốc ở tàu thủy.

(Lệ cũ, tàu thủy lấy quan võ sung làm quản đốc, quan văn sung làm phó quản đốc. Những người quan văn khóa mục, phần nhiều văn chương yếu ớt, không am hiểu sự chương hiểm, hằng phái đến, hằng bị đổi đi, đến đây mới đổi định lại. Từ sau đi, chọn phái lại điển hay tú tài xuất thân, ai có thể làm được thì sung làm. Đợi khi phái đi nước ngoài, thì không câu nệ cử nhân hay tiến sĩ, người nào thông thạo làm việc giỏi và có lòng việc thế vụ thì chọn sung 1 - 2 người đi với tàu, xét hỏi tình hình ở nước ngoài cho am hiểu việc giao thiệp. Đến như phái đi trong nước, thì người khoa mục tạm đình).

Đổi phái bọn quản suất, binh đinh ở 6 đạo Kinh thành chia đóng phòng ngừa làm việc, còn chỗ phòng kiểm ở Thất khuôn thì bãi đi.

(Lệ cũ 6 đạo thì có 12 suất đội, 240 người lính, hằng năm phái ra 2 viên quản vệ đốc suất đi tuần. Ở Thất khuôn có 3 suất đội, 120 người lính để đi tuần và kiểm xét, đến đây bãi Thất khuôn, đổi phái lấy mỗi đạo 2 người suất đội, 15 người lính, 3 người quản vệ, mỗi người chuyên đốc quản suất binh đinh của 2 đạo phái đi, cần đem các toàn đội đi theo để đốc hộ thành, đêm thì canh phòng, ngày thì an phận sửa sang đường sá).

Phò mã Nguyễn Phổ bị tội, kết án giảo giam hậu. Trước đây, Phổ xui ngầm Trương Văn Lễ (nguyên Kiến Hòa quận công thuộc quyền, sung làm Suất đội bị tước tịch), tự tiện mộ binh lính 50 tên, mạo làm quân hiệu ở tiềm để Phế đế, việc ấy phát giác, giao xuống bộ Hình tra xét. Đến đây án thành kết tội giảo giam hậu. Văn Lễ bị kết án, lưu ứng ra lính mộ, hai người đều bị miễn chức.

Đổi định lệ cấp cho cáo sắc và phong tặng.

(1. Về cáo sắc : Theo lệ trước, khoảng năm Minh Mệnh, các quan văn, võ trong ngoài, văn từ tòng ngũ phẩm, võ từ chánh tứ phẩm trở lên cùng với đồng tri phủ, tri huyện, tri châu về văn giai đều cấp cáo sắc, còn dư thì cấp sắc văn. Năm Tự Đức thứ 18, nghị chuẩn cho văn từ tứ, ngũ phẩm, võ từ tam phẩm ấn quan trở lên. Cùng với bố, án, lãnh binh, quản đạo, thì chiểu cấp cáo sắc, còn từ thuộc viên trở xuống đến các bậc thái giám, đều cấp sắc văn (dùng giấy lệnh hội). Đến như kiêm hàm, đối điệu, lĩnh thự đều cấp lục chỉ. Lại quan viên văn, võ ai bị cách chức, bãi chức truy thu tờ bằng sắc, đã được trước ; người bị giáng điệu, chiểu theo bậc sở giáng mà truy thụ bằng sắc. Đến đây đổi định lại quan viên văn, võ, người nào thăng tứ, ngũ phẩm văn giai ấn quan, võ tam phẩm thuộc tiêu, chiểu lệ cấp cho cáo trục một đạo. Còn thuộc viên tứ, ngũ phẩm về văn giai, thuộc tiêu tứ phẩm về võ giai trở

xuống cùng với người đã làm ấn quan đã được cấp cho cáo trục một lần, sau gặp có được thăng cấp cũng đều chiểu phẩm khâm cấp cho lục chỉ một đạo (dùng giấy lệnh hội). Đợi sau như có được hưu trí, hưu dưỡng cùng chết đi, thì chiểu hiện hàm cấp cho cáo (ấn quan), sắc (thuộc viên) một đạo, rồi thu lấy lục chỉ đã được trước tiêu hủy đi, duy có lạc quyên và ấm thụ ở nhà thì phẩm hàm đã được đều lưu với lục chỉ phụng giữ. Lại các quan văn, võ đã được dự cấp cáo trục một lần, mà gián hoặc có văn kế thăng đến thượng thư, tổng đốc, võ đến thống chế trở lên, thì đều tùy phẩm cấp cho cáo trục, không nên chờ đến hồi hưu hay chết đi để cho có phân biệt.

2. Phong tặng : Theo lệ trước, năm Gia Long thứ 3 [1804] chánh tòng nhất phẩm phong tặng ba đời, chánh tòng nhị phẩm phong tặng hai đời, chánh tòng tam phẩm phong tặng một đời, đúng có huân lao công trạng mới được nghị hành. Năm Minh Mệnh thứ 8 [1827], lễ đại khánh đã làm xong, Dụ chuẩn cho các quan văn, võ từ tam phẩm trở lên, trừ ra cha mẹ viên ấy gián hoặc có phạm vào 10 điều ác và các tên tội khác mà không thể phong tặng, ngoài ra đều được chiểu phẩm phong tặng có thứ bậc. Năm thứ 18 [1837], lại chuẩn cho các quan văn chánh, tòng tứ phẩm, ấn quan ở ngoài Kinh đều được chiểu phẩm phong tặng cha mẹ. Tự Đức năm thứ 17 [1864] chuẩn cho phàm ai đã làm ấn quan trở lên, đều chiểu lệ do bộ xin phong tặng, không đợi đến năm khánh tiết nữa. Sau khi đã được phong rồi, có được thăng trật, nên chiểu hàm gia phong nhưng đợi kỳ khánh tiết thi ân, chưa kịp dự mà bị chết, hay bị về, mà không có tội lệ gì khác, cũng chuẩn cho truy phong. Năm thứ 18 [1865], chuẩn định cho mỗi khi đến những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, lấy hiện hàm cuối năm đó làm tiêu chuẩn, do hai bộ Lại, Binh làm danh sách vâng tâu chiểu lệ phong tặng. Lại chuẩn cho sau khi đã được phong tặng rồi, như có làm việc gì bị can cữu, không kể việc chung hay riêng, mà giáng làm thuộc viên và cách chức, thì đều truy thu lấy cáo sắc của cha mẹ viên ấy. Đến nay đổi định lại, hễ phàm đến năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm trở lên, phong tặng theo y lệ cũ, ngoài ra văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm ấn quan như gặp năm đại khánh, vâng có ra ơn, mới được nghị hành, còn văn tam phẩm, võ nhị phẩm trở lên, có nên theo lần lượt gia phong, thì cho y như khoảng năm Gia Long và Tự Đức, vua chuẩn cho làm. Đến như các quan viên văn, võ trở lên sau khi đã được phong tặng, như bị phải cách chức, giáng chức, trừ ra có phạm vào 10 điều ác và tham tang, cùng các tội nhầm nhỡ việc quân thì chiểu lệ thu tiêu cáo sắc ngoài. Còn hết thảy tội công cũng bị giáng chức, cách chức các hạng khác, xin chiểu theo điển lệ nhà Thanh đều miễn truy đoạt. (Theo lệ trong hội điển nhà Thanh, người sau khi cấp tặng mà can vào việc nhầm nhỡ quân cơ, tham ô cách chức thì bị truy đoạt. Nếu nhân việc công mà nhầm lẫn cùng với sự cách chức hạng khác, thì cho miễn truy đoạt).

Đặc biệt gia phong tước trật cho Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết có thứ bậc. Hai đại thần ấy đều cùng tâu xin tước bỏ chức tước của Phế đế gia phong cho.

(Văn Tường - thự Văn Minh điện Đại học sĩ, Kỳ Vĩ hầu ; Thuyết - Điện tiền tướng quân, Hiệp biện Đại học sĩ, Vệ Chính bá).

Đình nghị bảo thế cũng hợp đạo thường, phụng chuẩn cho theo như chức tước trước.

(Văn Tường - Thái tử Thái phó Hiệp biện Đại học sĩ, Kỳ Vĩ bá ; Thuyết - Thượng thư bộ Binh, Vệ Chính nam).

Đình nghị lại giáp xin cho y theo chuẩn nghị gần đây. (Tháng 11 năm ngoái, phụng phê chuẩn cho các thần tham chước bàn giao tiến tước hàm cho hai đại thần ấy, còn chưa bàn xét). Đặc biệt gia tước trật, đến đây mới chuẩn cho Văn Tường gia hàm Thái phó, thăng thụ Cần Chính điện Đại học sĩ, Vĩ quốc huân thần, tấn phong Kỳ Vĩ quận công ; Thuyết, thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ, Vệ quốc Thượng tướng quân, tấn phong Vệ Chính hầu, còn kiêm sung hàm đều theo như cũ.

Tấn phong Phụ chính thân thần Gia Hưng quận vương là Hồng Hưu làm Gia Hưng vương, kiêm sung chức Tôn chính phủ Tôn nhân, Hoài Đức quận công là Miên Lâm sung là Tả tôn nhân phủ ấy.

Vua hai nước Thủy, Hỏa Xá sai sứ thần là bọn Sơn Luân kính làm lễ Tiến hương (ở sảnh lý Phú Yên, 8 cân 10 lạng sáp ong), lễ Khánh hạ (ở Hành cung Phú Yên, ngà voi 4 chiếc, sừng tê 2 tảng) 2 lễ. Dụ cho sắc thư, tiền bạc và phẩm vật cho về. Lại ban danh lệ cho Quốc trưởng mới thành lập ở nước Thủy Xá và vẫn họ là họ Vĩnh (nguyên Quốc trưởng cũ là Vĩnh Khắc chết).

Kính đúc sách vàng (2 tập 5 tờ nặng 58 lạng 5 tiền 9 phân, dùng thứ vàng tốt 8 tuổi hay 5 tuổi, dưới cũng như thế), ấn vàng (nặng 86 lạng 4 tiền 8 phân), tiến dâng Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ. Làm lễ xong, hoàng thân, các quan văn, võ cùng lời tâu xin cử hành đại lễ tấn tôn. Vua đem lời tâu đạt lên, kính vâng ý Chỉ, đợi đến khi xong tang, mới chuẩn cho cử hành (đến tháng 3 năm Hàm Nghi thứ nhất cử hành).

- Quyền Tổng đốc Thanh Hóa là Tôn Thất Trường vì tội đốt nhà, giết người của dân giáo, bị xử án có thứ bậc. Năm ngoái, Trường nghe hơi những dân giáo ở thượng du tụ họp, bèn phi hội với Sơn phòng sứ là Hồ Tư Cung, Phó sứ Đỗ Huy Toản phái người đi thám có đúng, tức thì đến trong rừng rậm, làm bí mật cho mất tăm tích, bọn Tư Cung bèn sai lính quản mộ là bọn tên Huyền, tên Mao, họp với Tri phủ Thiệu Hóa là Nguyễn Dĩnh đốt nhà, giết người của dân giáo ở trong các rừng. Do đó, giáo dân, giáo mục ngờ sợ không yên. Việc ấy động đến tai vua, giao cho bộ Hình bàn. Giáo mục là Trần Lục hằng tới đến dinh sứ Pháp kêu xin tư xét. Đến đây

giao cho đình duyệt. Đầu tiên giáng chức Trường làm Hồng lô Tự khanh, về Kinh chờ Chỉ. Từ khi xử án xong, Tư Cung, Huy Toản vì là người xướng suất, xử tội chém chờ lệnh. Dĩnh sung làm quân, bọn tên Huyền, tên Mao xử chém (tên Huyền bị chém, tên Mao trốn). Trường vì là người suất tư báo, phạt trượng bắt đi đày, giao cho vệ Cẩm y giam giữ. Còn những người bị đốt, giết, trước đã chia hạng chẩn cấp chiêu tập, đến đây lại chuẩn tha và triển hạn cho việc binh thuế.

Lấy Tuần phủ Quảng Trị là Tôn Thất Triệt quyền Tổng đốc Thanh Hóa, Hồng lô Tự khanh là Phan Văn Dư lĩnh Bố chính, hội đồng Án sát quyền Chưởng Trị - Bình Tuần phủ quan phòng.

Chuẩn cho quyền Tuần phủ Ninh Bình là Tôn Thất Úy về Kinh chờ Chỉ.

(Úy trước đã có Chỉ cho lại về tỉnh lỵ. Từ khi bị Công sứ ở tỉnh bắt giữ, bèn chuẩn cho về Kinh).

Lĩnh Bố chính Quảng Nam là Nguyễn Văn Thi, đổi lĩnh Bố chính Ninh Bình, hội đồng Án sát, quyền giữ ấn quan phòng Tuần phủ. Văn Thi khi đi đến Thanh Hóa tư giấy cho các nơi biết. Quan Pháp ở Ninh Bình cho rằng Phạm Hy Lượng hiện đã quyền Tuần phủ rồi, không muốn cho Văn Thi đến nhận chức ấy nữa, nhân đình việc đặt Tuần phủ tỉnh ấy.

Tướng Pháp là Mi-lô đến đánh quân Thanh hiện đóng ở tỉnh Bắc, bèn tiến vào tỉnh thành. Trước đây công việc phòng ngừa các tỉnh thượng du, tướng Pháp giao cho Khâm sai đại thần phái biện, bèn chuyển binh thuyền chở về đóng ở 2 tỉnh Hà Nội và Hải Dương. Chia ra làm vài đạo : đạo đường thủy thì đi qua các sông Nghĩa Trụ, sông Lục Đầu và sông Thiên Đức, Nguyệt Đức ; đạo đường bộ thì do các phủ, huyện Siêu Loại, Quế Dương, Gia Lâm, Thuận Thành. Các thuyền lớn nhỏ hơn 40 chiếc, ngựa 200 con, quân 6.000 - 7.000 người. Kèm có thuyền buôn để chở thuốc đạn ; lính mộ số nhiều trong tháng ấy đều họp ở Bắc Ninh. Khi ấy, quân Thanh có 60 dinh chia ra khắp bốn mặt thành tỉnh Bắc để nghiêm phòng.

(Thống lĩnh Triệu Ốc ở ngoài thành, Hoàng Quế Lan đóng ở trong thành, kỳ đài ở dinh Đốc bộ treo cờ hiệu nước Đại Thanh. Các cửa thành đều khóa và hết thảy phải canh coi. Tổng đốc tỉnh ấy là Trương Quang Đản tuân theo chuẩn định trước, trung lập, hiện đem quân nguyện theo đi quân thứ cũ đi ra đóng ở địa phận xã Nghi Vệ, huyện Tiên Du).

Ngày mồng 10, quân Pháp tới dinh đồn quân Thanh đánh bắn, cướp được 7 đồn ở Mẫn Tuyên, Phù Lương, Thuận Lương của đảng Trần Đắc Quý. Ngày 13, Đề đốc Tam Tuyên là Lưu Vĩnh Phúc đem quân đoàn từ Hưng Hóa đến Bắc Ninh, đồn đóng chưa định. Đến sáng 15, quân Pháp cùng quân Thanh đánh nhau ở địa hạt Quế Dương, chưa phân thua được. Trưa hôm ấy, quân Pháp tới dinh quân Thanh,

thả khí cầu, bèn thu quân về thuyền ngay. Buổi chiều, quân Pháp chợt đưa quân trở lại vây đánh. Quân ở dinh Thanh nhiều người bị thương, chết, chống địch không nổi đều vỡ, do đó gom cùng với quân các dinh hiện đóng ở tỉnh thành đều vỡ tan, lùi về Thái Nguyên, Lạng Sơn. Đoàn quân của Lưu cũng lui về Hưng Hóa (đoàn ấy lần này lại cùng với quân Thanh chẳng hợp, chẳng từng có đánh viện trợ trận nào). Quan Pháp bèn chỉnh đội sấn vào tỉnh thành, Bố chính Nguyễn Tu, Án sát Nguyễn Ngọc Chấn (đều đóng ở trong thành) và viên biền, lại dịch đều tản ra các xã dân ở quanh tỉnh. Đốc thần Trương Quang Đản từ Tiên Du nghe báo tin tức đem các quân ở quân thứ nguyên theo về tỉnh ; quá chiều đến huyện Võ Giàng, bị tản binh của dinh Thanh tranh nhau chạy ngăn lại. Đến đêm, tới ngoài tỉnh thành, đã thấy quan Pháp vào thành đóng giữ, nhân đi tắt tới hạt huyện Yên Phong đóng tập tâu lên. Rồi, dưới hạt chốn chốn nhốn nháo, phủ huyện không thể kiểm chế được. Đốc thần ấy lại đem những quân ở quân thứ cũ đi tuần trấp ở quân hai phủ là Đa Phúc và Lạng Giang. Bọn Khâm sai đại thần là Đoàn Văn Hội ở Hà Nội cũng ủy cho thám báo tập tâu. Nhân chuẩn cho nguyên Bố chính Nguyễn Tu quyền biện Tổng đốc. (Khi ấy Nguyễn Tu đã về Thanh Hóa, nguyên Án sát Hà Tĩnh là Dương Danh Lập ở gần tỉnh thành, cùng quan Pháp yết kiến nhau. Quan Pháp đã cho quyền Tổng đốc, sau đó lại bàn lấy Nguyễn Tu quyền biện, cho nên mới có chuẩn này). Quan Phiên, quan Niết có khuyết, thì lấy ngay người ở gần đấy, chuẩn quyền sang biện. (Lấy Án sát là Nguyễn Xuân Duẩn đổi làm Bố chính, Giám lâm Trần Hữu Văn quyền biện Án sát). Dùng Tuần phủ nguyên Đốc thần Quang Đản và các quan ở quân thứ tỉnh cũ, chuẩn cho đều được về Kinh chờ Chỉ.

(Bản hồ sơ của các quan tỉnh ấy, ủy phái cho về đến Thanh Hóa sẽ giao phát. Trong khi đi đường bị rơi mất, cuối tháng ấy lại tâu, sau đến ngày 15 tháng 3 mới tiếp được Chỉ chuẩn, bèn cùng Đề đốc Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Chư đem quân ở quân thứ theo đi cũ, lấy đường đi về Thanh Hóa, tức thì đem các lính theo đi lệ thuộc từ Thanh Hóa trở về Nam, đều lấy lần lượt giao về hàng ngũ cũ rồi chuyển về Kinh).

Quan Pháp đã vào thành tỉnh Bắc Ninh, bèn chia quân ra làm 2 đạo : 1 đạo đi phá hủy các thành trại ở đồn Nhã Nam, 1 đạo lính và số ngựa đi tỉnh Thái Nguyên. Khi ấy Lưu đoàn và bọn Thống lĩnh nhà Thanh là Triệu Ốc đã về Hưng Hóa, Lạng Sơn. Duy còn có 5 dinh quân của Quản đốc Trần Đức Triều còn lưu ở tỉnh thành ấy đánh nhau phút lát cũng lui về thành Hưng Hóa. Thủ úy là Nguyễn Quang Khoan bị bắn, tỉnh thần bèn dời đóng ở trong dân. Ngày 22 tháng 2, quân Pháp bèn vào thành, đốt cháy 3 cửa thành và các giấy tờ, của cải ở kho, rồi đem hết tiền bạc, súng gang, đồ đồng mọi vật chở về tỉnh Bắc. Do đó, một cõi Thái Nguyên bị quân đoàn luyện, tán dõng giày xéo, sau đến giữa tháng 5, quân Pháp mới chia quân

đóng ở đấy. Được tin báo, chuẩn cho nguyên Án sát Hà Tĩnh ở quê là Dương Danh Lập quyền làm Tuần phủ tỉnh ấy. Lĩnh Bố chính là Vũ Dốc, Án sát là Triệu Đức Vong đều vẫn làm chức cũ, nguyên Tuần phủ lánh về Thanh Hóa là Trần Quang Huấn về Kinh chờ Chỉ.

(Quang Huấn trước đây báo tin về Thanh, cho nên được phong, chuẩn về Kinh, nhưng trước đã lén về quê làng ở phủ Thừa Thiên).

Tân Mùi (ngày 25) tế Nam Giao, sai Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự Tôn Thất Thế vâng mệnh tế thay. Việc lễ xong, thưởng tiền bạc cho các nhân viên dự việc lớn nhỏ có thứ bậc.

Giặc Xá ở 2 hạt phủ Tương, phủ Quỳ ở Nghệ An cùng với đám giặc tan của nhà Thanh thông đồng nhau lại quấy rối, Lãnh binh Nguyễn Văn Chẩn, Phó quản cơ Trần Dậu nhiều lần đem binh dõng đón chặn ở làng Trình, làng Xui, làng Vàng bị trận vong, chiểu lệ truy tặng Chẩn làm Chưởng vệ, Dậu làm Tinh binh Vệ úy và cấp cho tiền tuất, phong ấm cho một con của Dậu, Chẩn vì khinh tiến nên đình việc ấm nhiêu. Lại sai tỉnh thần chia quân đánh chúng để cho yên được địa phương.

Đình lệ cho thuộc viên tứ phẩm trở xuống, được tới nơi gần để thăm nuôi cha mẹ.

(Lệ năm Tự Đức thứ 18 định rằng : Quan viên ở Kinh hay ở ngoài, cha mẹ tuổi ngoài 70 già suy ốm yếu, lại nhà không có thứ đinh hoặc có thứ đinh mà không thể hầu nuôi được, và người cha mẹ tuổi ngoài 80 trở lên, lệ được về quê chung dưỡng, trừ ấn quan tứ phẩm có những tình trạng ấy, lâm thời cho được bày xin chờ Chỉ, ngoài ra thuộc viên tứ phẩm trở xuống, ai muốn tình nguyện về gần thăm nuôi, do các thượng ty ấy, chiểu xét trong chức phận đều không thiếu thốn tiền lương, liên can án kiện, lại không có trốn lánh biệt tình, tư do bộ Lại tâu xin, chuyển bổ chức Kinh ở trong, chức giáo ở ngoài, đến đây chuẩn định ấn quan trở lên, chiểu y lệ cũ. Đến như tứ phẩm thuộc viên trở xuống, như có người nào nhà có cha mẹ già, xin làm quan thì đi đông, đi tây phải theo mệnh, bằng muốn nuôi cha mẹ, cho được về quê chung dưỡng, đình lệ chuyển bổ về nơi gần, để ngăn việc thác lánh).

Tháng 3, năm Tư mục thổ châu Mường Vang, Na Bôn, Thượng Kế, Xương Thịnh, Làng Thìn (tri châu 5, lại mục 4, tùy đinh 23) đều kính đệ phẩm nghi, xin làm lễ Tiến hương (ở dinh tuần phủ tỉnh ấy, tiến sáp ong 10 cân) và lễ Khánh hạ (làm ở hành cung tỉnh ấy, ngà voi 2 cặp, gấm thổ 3 tấm) 2 lễ ; xong, đều thưởng cấp rồi cho về. Tới sau châu Tá Bang (tri châu, lại mục đều 1 người, tùy đinh 8 người) lại tiến phẩm nghi 2 lễ ấy (sáp ong 10 cân, sừng tê 1 chiếc), thưởng cho cũng y như trước. (Tri châu mỗi người 6 lạng bạc, 5 tấm sa nam ; lại mục mỗi người 2 lạng bạc, 2 tấm sa nam ; tùy đinh mỗi người 1 lạng bạc, 2 tấm vải đen).

Tiết Thanh minh, hoàng thân công vâng mệnh chia đến các điện tôn lăng làm lễ tỉnh yết. Ở điện Hòa Khiêm, Khiêm lăng, Kiên Giang quận công vâng mệnh làm lễ.

Sai Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật kiêm sung làm Sư bảo phủ Kiên Giang quận công. Khi ấy ông thích phi ngựa ở các đường phố, những làng xóm gần Kinh thành. Các quan Phụ chính đại thần ở phủ Tôn nhân thường nói về việc đó, xin chuẩn cho không phải là người công phái, cho ra ngoài thành đi nơi khác thì không được phi mã, lại xin đem Thận Duật sung vào chức ấy, khiến giúp việc phụ đạo. Vua y cho.

Đổi định lại lệ phúc hạch thi Hương về hàng văn. (Lệ cũ, thi Hương ai dự trúng tam trường, trường quan chiểu giải ngạch nhiều ít châm chước kén lấy, người nào hễ dự có ưu, bình thì ghi làm hạng cử nhân, và thứ thì ghi làm hạng tú tài. Đến ngày xướng danh, dẫn các cử nhân tới thì viện sát hạch qua về biểu, chiếu hay luận 1 bài, hay thơ 1 bài, rồi cấp phát cho áo mũ. Việc xong, yết bảng. Đến đây mới đổi định. Tự phàm ai đã thông suốt 3 trường (kỳ), lấy trúng số bao nhiêu, trừ ra ưng đem làm hạng tú tài, ngoài còn dư bài nào, lệ có văn lý, dự có ưu, bình ưng trúng cử nhân, lệ có phúc hạch (không câu nệ giải hạng ngạch) đều do viên đề điệu kê liệt họ tên, tuổi và quê quán, tư giao cho ngoại trường (không được nói rõ ưu bình ở trường) yết tên. Nhưng định trước một ngày ngày phúc hạch, cho đến nộp quyển ở ngoài cửa trường, trong quyển ấy áp dụng ấn kiểm y như quyển thi, đến sáng sớm ngày xướng danh thì vào phúc hạch, lều chiếu cách nhau hơn 10 trượng, quan trường trong ngoài hội đồng lược ra đầu bài kỳ đệ tam, chia viết mỗi người một đạo, xét chỗ ngồi phát giao cho bọn người dự vào phúc hạch, cứ ở trong lều làm bài, không được đi qua, đi lại hỏi nhau, kẻ nào làm trái thì đuổi ra, bớt tên ở trong sổ trung đi. Còn làm bài thì lấy hết hồi trống sưu không làm hạn ; do viên đề điệu thu giữ dán tên, chia hiệu y như quyển thi, làm bài xong đưa giao điểm duyệt, bài ai hễ so với nét chữ, lời văn chút có hơi đúng, thì ghi làm hạng cử nhân (chiểu theo hạng cũ hoặc thêm hoặc bớt 1 - 2 tên), cốt là không hẹp, không rộng. Sau một ngày chiểu lệ xướng danh, cấp cho áo mũ, yết bảng. Nếu văn lý tuy kém quyển cũ, mà không quá vụng về, kém cỏi thì đặt làm hạng tú tài. Nếu so với quyển cũ mà nghĩa không thông suốt ấy thì trích giao bộ Lễ cứu xét bàn làm. Nếu quan trường điểm duyệt còn có chỗ không tinh, gồm giao cho bộ ấy hội đồng Ngự sử, Nội các gia đẳng nghĩ xử, lấy khoa ấy làm đầu).

Lại thêm giải ngạch đỗ tú tài. (Lệ cũ 1 cử nhân thì lấy trúng 2 tú tài, đến đây chuẩn định 1 cử nhân lấy trúng 3 tú tài, để rộng đường cho học trò).

Lại định lệ thi Hương võ, đình lệ thi Hội võ. (Nghị chuẩn từ nay trở đi, phàm thi đệ nhất trường thì dùng cất quả tạ và múa quyền (đi một đường thảo ngọc trản) 2 nghệ, phàm cất quả tạ đi được 24 trượng trở lên, mà cách cất quả tạ nhanh nhẹn là

hạng ưu, hơi nhanh nhẹn là hạng bình ; người cất quả tạ đi được 18 trượng mà cất được nhanh nhẹn là hạng bình, hơi nhanh nhẹn là hạng thứ ; ai cất quả tạ đi được 12 trượng mà cất nhanh nhẹn ấy là bậc thứ, ai hơi nhanh nhẹn là hạng liệt. Bằng cất quả tạ đi được 18 trượng trở lên, mà cách cất lên bỡ ngỡ đều là hạng liệt. Trường (kỳ) ấy trước cất quả tạ, sau múa quyền, cất quả tạ đi không được 12 trượng, không cho múa quyền. Trường (kỳ) thứ 2 dùng múa côn gỗ, đi một bài (ngũ môn), một bài múa đao to (xung thiên đề đao), một bài lăn khiên (thẳng trước lậy trông, tay co trung bình) và 3 bài nhảy ngòi đâm đích nhanh như múa, nhảy ngòi nhanh nhẹ, đâm đích chóng lánh, sát giữa là hạng ưu, múa nhanh đâm đúng là hạng bình, đâm chậm múa hơi nhanh nhẹn là hạng thứ. Múa hơi nhanh nhẹn mà đâm không trúng hay đâm trúng mà chậm là hạng liệt. Trường ấy trước múa bài sau nhảy đâm, nếu múa bỡ ngỡ thì không cho nhảy đâm. Trường (kỳ) thứ 3 thi bắn súng chim 6 phát, khi bắn không kỳ trúng đĩa hay trệch đĩa, chỉ lấy khuyên làm đích làm tiêu chuẩn, như trúng một đích thì đương được 2 khuyên, 5 - 6 phát trúng khuyên là ưu, 3 - 4 phát trúng khuyên là bình, 2 phát trúng khuyên là thứ, không trúng phát nào là liệt. Trong tam trường trở về trên đây, lấy sự thi súng làm cốt yếu, như 3 trường đều dự trúng ưu, bình cùng với kỳ đệ nhất đệ tam đều ưu bình, mà kỳ đệ nhị, đệ tam đều ưu bình, mà đệ nhất thứ, hay đệ nhất, đệ nhị thứ, mà đệ tam ưu, và đệ tam thứ, mà đệ nhất, đệ nhị đều ưu, đều ghi làm võ cử. Người nào hễ đệ nhất, đệ nhị đều bình, hay đệ nhất ưu, mà đệ tam thứ, hoặc đệ tam bình, mà đệ nhất, đệ nhị đều thứ và tam trường đều thứ, đều ghi làm hạng võ tú sĩ. Đến như múa côn sắt, kiếm dài đâm bù nhìn, đấu côn và phúc hạch cất quả tạ một lần đều đình chỉ, 3 kỳ thi đã xong rồi, ai dự hạng võ cử mà hơi biết binh học, tình nguyện phúc hạch (khi nộp quyển thi, mặt quyển trước phải chua rõ) trước một ngày treo bảng. Quan trường yết đòi lược xét 1 - 2 điều ở trong binh pháp trận pháp, võ kinh võ bị. Người nào văn lý sảo thông thì đặt ở đầu bảng, do bộ Binh ghi án, không câu nệ niên lệ, tức đem bổ trước, để bày tỏ cho phân biệt, còn ngạch đỗ cử tú thì tùy theo trúng cách nhiều ít mà lấy, không nên định sớm, lấy khoa này làm đầu. Đến như thi Hội võ, lấy hạng người ấy biết chữ thì ít. Từ khi đặt khoa thi tới nay, kỳ thi phúc hạch trúng giáp đệ ấy rất ít, ngoài ra đều hư thiết, cho nên đình đi).

Chuẩn xét những thuộc biền già yếu và đến lệ tuổi ở các dinh và các vệ ở Kinh đều cho về hưu trí hưu dưỡng.

Giảm 5 phần 10 thuế sáp ong còn thiếu từ năm trước (3.224 cân) cho dân Man huyện Tân Định, tỉnh Khánh Hòa (vì cớ năm gần đây Man ấy bị đói ốm điêu háo).

Đặt đồn núi Dũng Quyết ở Nghệ An. (Núi ấy ở mặt bên tả trước tỉnh thành hơi gần. Tỉnh thần ấy là Trần Văn Chuẩn, Trần Lưu Huệ hằng tâu cho là địa thế quan yếu nên phòng, nên chuẩn cho lập đồn đặt súng để giữ).

Mở Kinh diên ở điện Vũ Hiển (lễ tiết theo y như năm Tự Đức) dùng Đại học sĩ điện Cần Chính là Nguyễn Văn Tường, Thượng thư là Phạm Thận Duật sung làm Giảng quan ở Kinh diên, Tham tri Bùi Ân Niên, Nguyễn Thuật, Nội các sung biện là Nguyễn Thượng Phiên, Tham biện là Lê Duy Thụy sung làm quan giảng hằng ngày. (Nguyễn Hữu Chính, Phan Trọng Mưu, Trần Phát (đều đỗ Tiến sĩ), Nguyễn Trăn (Cử nhân) đều sung chức Khởi cư chú). Lễ khai giảng xong, ban tiền bạc cho hoàng thân quốc công trở lên đến ban chầu (bọn Hồng Hưu, Tôn Thất Thuyết) và các giảng quan, nhật giảng quan, triển thư cho đến các viên khởi cư chú thay bữa yến có thứ bậc.

Quảng Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên 3 tỉnh ít mưa, sai cầu đảo, đều được mưa.

Nêu thưởng cho dân thọ trăm tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi (Phạm Văn Linh, Nguyễn Văn Đắc).

Thương biện đạo Mỹ Đức là Lưu Thiện Kế, Hiệp quản tác vi Lãnh binh là Đinh Công Mi đem 300 quân đuổi bọn giặc (bọn giặc Hán gian thổ và bọn giặc đất Thanh thông đồng) ở chợ Kệ Sơn, huyện Mỹ Lương, Công Mi chết trận, tặng cho Quản cơ, chiểu theo lệ cho tuất ấm, Thiện Kế vì không cứu viện phải cách chức và lưu dùng.

Dụ sai quyền Tổng đốc Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ, phải cho người giỏi đi đánh để cho dân yên ở.

Quyền Tổng đốc Hà - Ninh là Nguyễn Hữu Độ, Án sát Nguyễn Xuân Duẩn bị tội giáng chức đổi bổ nơi khác, nhưng chuẩn cho được quyền hộ, quyền sung. Trước đây, tỉnh ấy phái cho Phó lãnh binh là Hà Văn Thứ cùng Vệ úy Lê Thìn đi phủ Thường Tín nã bắt bọn cướp, Văn Thứ hạ lệnh cho quân đi tuần phải dùng tù và, khẩu hiệu bắn súng hỏa mai, Thìn chẳng chịu theo, Văn Thứ bực giận tự thắt cổ chết. Tỉnh ấy cho là Văn Thứ càn nhát khinh sinh, kết án cách chức. Thìn phạt trượng lưu dụng. Bộ duyệt, xin đổi Thìn án cách bỏ chức dịch, về chịu sai, không tha (việc ở trước khi tha), đến đây tỉnh ấy lại tâu xin viện lệ cho miễn. Nhân Dụ khiển trách rằng :

Văn Thứ là một viên quan to không có tội gì lớn, há chẳng ái sinh ư ? Tỉnh ngươi kết nghĩ án trước, nhiều chỗ chưa hợp, từng đã giáng Chỉ châm chước sửa đổi, cốt để trọng nhân mạng và nghiêm quân luật, vả lại để tỉnh lại sự sơ suất cho bọn ngươi, chớ nên chấp nê, để cho kẻ kia được thoát tội, như thế là đã không nhẫn tâm với những bọn thuộc biền nhờn trái, mà lại nhẫn tâm cả với những người liêu tá uổng tử kia. Vả đã có Chỉ không chuẩn tha, lại cốt trái ý. Vậy, chuẩn cho Hữu Độ ngươi giáng 4 cấp đổi bổ nơi khác, cũng chuẩn được quyền hộ, Xuân Duẩn giảm xuống 3 cấp đổi bổ, cũng chuẩn được quyền sung.

(Xuân Duẩn đã chuẩn làm quyền biện Bố chính Bắc Ninh, nhưng trước ở Hà Nội khoản ấy đã có dự làm).

Thuyền đồng Chuẩn Kích trước được phái đi chở lương Thanh Hóa về qua biển núi Ngư Sơn, Hà Tĩnh bị vỡ chìm, những quan quân chia ngồi và lũ lái thuyền đều bị thất lạc cả. Chuẩn theo lệ bị gió bão tặng cho tiền tuất, gồm 46 người.

Sai tỉnh thần Sơn Tây giúp đỡ cho dân 3 xã (đều thuộc huyện Tam Dương) là Tiên Canh, Ngọc Canh, Hòa Canh. Trước đây, Lưu Vĩnh Phúc đem đoàn quân dõng tới miền Bắc để hợp đánh. Khi đi đường qua 3 xã này, nói vào trọ đỗ. Dân xã ấy ngờ sợ, đóng chặt cổng làng không cho vào. Bọn dõng ấy đốt giết hơn 1.000 nhà, đã sai chia hạng chẩn tuất. Lại Dụ Hoàng Tá Viêm và Vĩnh Phúc đều gia tâm kiểm thúc quân lính, không được buông tha như thế. Đến đây, lại cho là dân 3 xã ấy tàn hại rất thảm, sai cứu giúp dân.

Kỳ Ngoại hầu Hồng Chuyên có tội xử chém. Chuyên (anh Hồng Thành, con thứ 6 của Chấn Định quận công Miên Niết) ngầm xui bọn đồ đảng giả làm quan quân sấn vào nhà cố Thượng thư Trần Tiễn Thành, cướp của cải. Việc phát giác, xích giao cho bộ Hình giam xét ; án xong, Chuyên đổi theo họ mẹ (họ Phan) kết án trảm quyết, còn dư đảng kết tội có thứ bậc. Chuyên sau được nhờ ơn hoãn quyết, do nha Vệ thành nghiêm giam đợi biện.

Miễn các thuế cho các thuyền ở nơi khác đến buôn thóc gạo ở Thừa Thiên và các hạt Nam - Ngãi, Trị - Bình (không câu nệ các thuyền buôn của Tây hay của nhà Thanh). Lúc đó, gạo ít giá cao, cho nên miễn thuế, để họ vui lòng đến bán, đợi khi nào việc yên, lại sẽ đánh thuế.

Chuẩn cho khắc bộ sách *Sử giám toát thư* (1 bộ 4 quyển sách *Thanh Cú lũ khoáng mẫn bản nguyên biên*, lại 1 quyển luận lược, cộng 5 quyển). Sách này do sứ thần đi Thiên Tân là Nguyễn Thuật mua về cung tiến, cho là sách này lược chép chính trị hưng vong, được mất, giản dị mà không sót, người đọc dễ nhớ, duy chữ biên nhỏ dày, mở duyệt khiếm tiện, cho nên sai Sử quán kiểm xét (chia làm 8 quyển và 1 quyển mục lục), phó cho in khắc để công truyền.

Lại định lệ thi Hội, thi Đình về hàng văn.

(1. Về thi Hội, năm Minh Mệnh thứ 6, nghị chuẩn cho 4 kỳ đều ưu cả là bậc nhất, 3 ưu 1 bình, 3 ưu 1 thứ, 2 ưu 2 bình là bậc thứ ; 2 ưu 1 bình 1 thứ, 2 ưu 2 thứ, 1 ưu 3 thứ, 3 ưu 1 liệt, cùng với 4 kỳ đều bình, lại là bậc thứ ; 4 kỳ thông tính, chước định lấy đỗ. Năm thứ 10 đổi định làm phân số. Văn lý thông được 10 phân trở lên, mới chuẩn cho trúng cách. Ngoài ra, quyển nào 1 kỳ văn lý không kịp 1 phân, mà 3 kỳ thông được 10 phân trở lên cùng 4 kỳ văn thể gồm đủ được 4 phân trở lên, đều chuẩn làm phó bảng. Năm thứ 16, mới chuẩn thi 3 kỳ (năm Minh Mệnh thứ 14,

đổi định thi Hội làm 3 kỳ) tinh thông được 10 phân trở lên, ghi làm trúng cách, ngoài ra quyển nào 1 kỳ không kịp phân số, mà 2 kỳ thông tính được 10 phân trở lên và 3 kỳ thông được 3 - 4 phân trở lên thì lấy làm phó bảng. Tự Đức năm thứ 6, bàn chuẩn cho thi làm 4 kỳ (năm Tự Đức thứ 4, lại định văn thức thi 4 kỳ) tính thông được 8 phân trở lên là trúng cách, 3 kỳ mà thông được 9 phân trở lên, tâu bày chờ Chỉ. Trúng cách và tâu bày được bao người, đều vào thi Điện. Quyển nào được 4 phân trở lên thì cho là giáp đệ tiến sĩ, 3 phân trở xuống làm Phó bảng. Năm thứ 18, lại định lại việc thi Hội. Cập cách ghi làm trúng cách, 7 phân trở xuống, ghi làm trúng cách hạng thứ, cũng viết ở cùng bảng, nhưng có trước sau, không được xưng làm Phó bảng, đợi phúc hạch xong mới định làm chánh, phó. Năm thứ 30, Dụ chuẩn cho thi Hội 4 kỳ, đều có phân số. Ai được 4 phân trở lên đều chuẩn cho ghi làm trúng cách, không phải phân làm hạng thứ nữa. Ai dự trúng 3 trường mà được 7 phân trở lên, chuẩn do quan trường trích tiên chọn lấy. Năm thứ 32, chuẩn cho 4 kỳ thông suốt được 5 phân và 3 kỳ thông được 10 phân trở lên, mới chuẩn làm trúng cách. Khi vào thi Điện 4 kỳ, chỉ được 4 phân và 3 kỳ chỉ được 8 - 9 phân ấy đều ghi làm hạng Phó bảng. Không được vào thi Điện, đến đây chuẩn định : Từ nay đi thi Hội, người nào hễ vào tứ trường đều có phân số thông tính được 7 phân trở lên ấy ghi làm học trúng cách, chuẩn cho Điện thí. Người nào vào 4 kỳ thông tính được 5, 6 phân, cùng 3 kỳ thông tính được 7 phân trở lên ấy ghi làm Phó bảng, không được vào Điện thí. Phân số của người đỗ Phó bảng đệ giao cho bộ Lễ chuẩn, cho Khoa đạo, Nội các hội đồng xét duyệt, như có chỗ nào không đúng trích tâu chờ Chỉ.

2. Về thi Điện : Năm Minh Mệnh thứ 10 lệ định ai : thi Đình, văn lý được 10 phân thì cho đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, ai được 9 phân thì cho đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh, ai được 8 phân thì cho đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh ; ai 7 phân hay 6 phân, cho đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, từ 5 phân trở xuống cho đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Đến nay, chuẩn định người 10 phân cho đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, người 8 - 9 phân cho đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh, người 6 - 7 phân cho đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, người 4 - 5 phân cho đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, người 3 phân trở xuống, cho đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Lại hội thí điểm duyệt cần được 10 phần tinh xác. Như có quyển nào, khi duyệt sao nhãng, trót đã phê trúng mà duyệt lấy. Khi dán bảng họp duyệt lại kiểm ra nên bỏ đi, cũng cho tâu xin truất lui, như còn không tinh, văn lý thi Điện sút kém, bị phải chỉ trích ấy, thì quan trường giao bàn phân biệt, tính làm giáng chức và đổi bổ nơi khác. Còn quyển nào nguyên dự trúng mà trích ra vụng kém ấy, tới kỳ cho được tâu lên chờ Chỉ).

Quân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Hưng Hóa. Bấy giờ thuyền quân Pháp họp đông ở thành bên núi (hơn 7.000 quân, thuyền lớn, thuyền nhỏ và súng đạn có nhiều).

Tháng ấy, tiến đánh Hưng Hóa. Tổng đốc Vân Quý, nhà Thanh là Sầm Dục Anh cho rằng Hưng Hóa là nơi chiến trường không thể ở được, yết sức cho các dinh bọn Thống lĩnh Đinh Hòe, Mã Trụ về giữ nội địa, Tổng thống Hoàng Tá Viêm cũng dỡ đồn Phương Giao (gần tỉnh thành, Tá Viêm trước về đồn Thục Luyện, gần, trích bọn lính ở quân thứ tiến đóng đồn ấy), lại về đồn Thục Luyện. Thự Tuần phủ Nguyễn Quang Bích đem đại binh dời đóng sợ trở ngại, bàn xin Lưu đoàn đem quân lại giúp. Ngày 13, quân Pháp đến tỉnh thành, tỉnh thần dời đóng ngoài thành. Ngày 14, quân Lưu đoàn cùng quân Pháp đánh nhau, chưa rõ thua được. Đến giờ Ngọ ngày 15, súng lớn nổ liền tiếng, Lưu đoàn không thể địch lại, rồi theo trên đường phủ Lâm Thao dẫn quân đi. Bấy giờ, quan quân đồn Thục Luyện bèn theo con đường thượng du Thu Cúc đi tắt, tỉnh thần cũng đều tùy tiện tản ở các nơi. Ngày 17, quan Pháp bèn vào thành, chia quân đóng ở đó, chia quân phá hủy các đồn bảo Thục Luyện. Việc đến tai vua. Chuẩn cho Hồng lô Tự khanh nguyên lĩnh Bố chính Ninh Bình, quyền hộ Tuần phủ là Nguyễn Văn Thi (hiện đóng ở Thanh Hóa, đã tư cho sứ Pháp ở Ninh Bình biết, hãy còn ngăn trở, nên chưa tới chức). Đổi quyền Tuần phủ tỉnh ấy, nguyên lĩnh Bố chính tỉnh ấy là Bùi Quang Thích vẫn làm việc như cũ, nguyên bổ Án sát Sơn Tây còn lưu ở Hà thành là Lê Ngọc Uẩn đổi sang làm Án sát tỉnh ấy ; nguyên tỉnh thần ở quân thứ Sơn Tây là Hoàng Tá Viêm, Lương Tú Thứ, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Đình Nhuận và bọn Nguyễn Quang Bích ở tỉnh Hưng Yên đều chuẩn về Kinh chờ Chỉ.

Rồi, Quang Bích (Nhị giáp Tiến sĩ, người xã Trình Phố, Nam Định) ủy người nộp ấn, lẻn lên thượng du, muốn đi sang nước Thanh (gửi thư vĩnh biệt người nhà), việc đó không thành, rồi mất ở sơn phận tỉnh ấy. Tá Viêm đem quân ở quân thứ về tới Quảng Bình, tâu nộp ấn cờ tiết nhưng vẫn lưu ở quê nhà. Tú Thứ, Tất Ninh đem quân ở quân thứ về Kinh. Còn Đình Nhuận thì sau đi sang nước Thanh (năm Đồng Khánh thứ 2, nguyên Tuần phủ Lạng Sơn là Lã Xuân Oai về Hà Nội, do nha Kinh lược sứ trình thực, dẫn tới quan Pháp bàn định, cho về quê nhà). Nguyễn Văn Giáp (nguyên Bố chính Sơn Tây), Nguyễn Thiện Thuật (nguyên Tán tương quân thứ Sơn Tây) đều từ biệt đi mất.

Lại định lệ tặng tuất cho người chết trận.

(Nghị định tháng 4 năm Tự Đức thứ 27. Phàm đánh bắt những giặc Thổ, Mán, người Hán, người Thanh, ai là người mạnh dạn đi đánh được giặc mà bị chết, thực hàm, gia tặng 2 trật, chiểu tặng hàm cho bội tiền tuất một lần. Lĩnh hàm từ suất đội trở lên, như lĩnh một trật, truy cho thực thụ lĩnh đến 2 - 4 trật, cũng chỉ truy thu 1 trật, nhưng đều gia tặng 2 trật, thí thự sung lĩnh cấp bằng đều cho thực thụ, lại gia tặng 2 trật, chiếu theo hàm tặng cấp tuất. Người quyền sung như ngũ trưởng quyền sung đội trưởng, quyền sung suất đội, đều truy tặng 2 trật, nhưng cấp tuất gấp bội

một lần ; quản suất quản đoàn, người nào hễ có thực hàm, chiếu lệ truy tặng 2 trật, người nào hễ cấp bằng thí sai, chiểu lệ thực hàm, lại gia tặng 2 trật, người nào hễ là hương hào vật lực chưa có phẩm hàm, quản đoàn tặng chánh bát phẩm bá hộ, suất đoàn tòng bát phẩm bá hộ, Cấm binh tặng Cấm binh đội trưởng, Tinh binh tặng Tinh binh đội trưởng, dân dõng đều tặng chánh cửu phẩm bá hộ, đều chiểu tặng hàm cấp tuất nhiêu ấm.

Chánh nhất phẩm phong ấm cho con, hay em, cháu một người làm chánh lục phẩm ; tòng nhất phẩm phong ấm cho con hay em, cháu một người làm tòng lục phẩm ; chánh nhị phẩm phong ấm cho con hay em, cháu một người làm chánh thất phẩm ; tòng nhị phẩm được phong ấm cho con hay em, cháu một người làm tòng thất phẩm ; chánh tam phẩm được phong ấm cho con hay em, cháu một người làm chánh bát phẩm bá hộ ; tòng tam phẩm được ấm phong cho con, em hay cháu một người làm tòng bát phẩm bá hộ ; chánh tòng tứ phẩm được ấm phong cho con, hay cháu một người làm chánh cửu phẩm bá hộ ; chánh tòng ngũ phẩm được ấm phong cho con, hay em, hay cháu một người làm tòng cửu phẩm bá hộ ; từ lục phẩm trở xuống, đều cho nhiêu một suất ở con, em hay cháu binh dao trọn đời).

Còn người nào khinh tiến được giặc mà bị chết đều gia tặng một trật ; quản đoàn tặng tòng bát phẩm bá hộ, suất đoàn tặng chánh cửu phẩm bá hộ, Cấm binh tặng Tinh binh đội trưởng, Tinh binh tặng chánh bát phẩm đội trưởng, dân dõng, thủ dõng tặng tòng cửu phẩm bá hộ, đều chiểu tặng hàm cho tiền tuất gấp bội. Chiểu lệ cho nhiêu ấm : ai hễ khinh tiến bị thất lợi mà chết, cũng đều truy tặng một trật, chiểu cho tặng hàm và tiền tuất gấp bội, nhưng đình lệ cho nhiêu ấm. Ngày tháng 3 năm thứ 36, bàn chuẩn cho phàm ai đánh Tây mạnh dạn đi trận mà bị chết ấy, thì lệ cũ tặng 2 trật, gia tặng 3 trật, ai khinh tiến mà được giặc ấy, thì lệ cũ tặng cho 1 trật, gia tặng 2 trật, ai khinh tiến mà thua trận thì lệ cũ tặng cho 1 trật, tiền tuất gấp bội, đình cho nhiêu ấm. Nay y tặng 1 trật, nhưng chiểu tặng hàm cấp cho tiền tuất và cho nhiêu ấm. Ngày tháng 4, nghị chuẩn cho phàm đoàn dõng đánh giặc Tây, người nào được trận bị chết ấy, quản đoàn tặng tòng thất phẩm thiên hộ, suất đoàn dõng mục tặng chánh bát phẩm, dõng tráng tặng tòng bát phẩm, đều bá hộ ; thua trận mà bị chết ấy, quản đoàn tặng chánh bát phẩm, suất đoàn dõng mục tặng tòng bát phẩm, dõng tráng tặng chánh cửu phẩm, đều bá hộ, đều chiểu tặng hàm cho nhiêu và cho tiền tuất. Còn lệ nhiều lần theo nghị cũ thắng trận truy tặng là : Có phân biệt người mạnh dạn và người khinh tiến, cũng quá ư phân biệt. Lại những người Anh danh võ cử, Hộ vệ, Giáo dưỡng, Cảnh tất có nên tặng tuất không ? Lệ cũ đều có chua tới. Đến đây lại định : Từ nay trở đi, ai đánh bắt được giặc Thổ, Mán và người Hán, người Thanh, thắng trận mà bị chết ấy, thì viên biền, binh đinh

đều chiểu y lệ cũ (năm thứ 27) gia tặng 2 trật. Anh danh võ cử, Hộ vệ đều truy tặng Tinh binh suất đội trưởng (chánh lục), Giáo dưỡng, Cảnh tất đều truy tặng Cấm binh chánh đội trưởng (tòng lục) đều chiểu hàm cấp tuất nhiêu ấm. Thất lợi mà bị chết thì viên biền, binh đinh đều gia tặng 1 trật, Anh danh võ cử, Hộ vệ đều truy tặng Cấm binh chánh đội trưởng (tòng lục), Giáo dưỡng, Cảnh tất đều truy tặng Cấm binh đội trưởng (chánh thất) đều chiểu hàm cấp tiền tuất gấp đôi, đình cho nhiêu ấm. Ai đánh được Tây mà bị chết, thì viên biền, binh lính đều chiểu y nguyên lệ (năm thứ 36) gia tặng 3 trật, Anh danh võ cử, Hộ vệ đều tặng Cấm binh suất đội (tòng ngũ phẩm), Giáo dưỡng, Cảnh tất đều tặng Tinh binh suất đội (chánh lục) đều chiểu hàm cấp cho tiền tuất và nhiêu ấm. Người thua trận mà bị chết là viên biền, binh lính đều gia tặng 2 trật, Anh danh võ cử, Hộ vệ đều tặng Tinh binh suất đội, Giáo dưỡng, Cảnh tất đều tặng Cấm binh chánh đội trưởng (tòng lục) đến như đoàn dõng đều theo y lệ cũ (năm thứ 27, năm thứ 36) gia tặng, tựu trung ai được cấp bằng đội trưởng và thí thự sung lĩnh chỉ 1 trật, hoặc 2 - 3 trật ấy không câu nệ thắng trận hay thất bại, đều truy thưởng cho 1 trật, nhưng đều chiểu lệ gia tặng có thứ bậc, quyền sung và tác vi ấy, chỉ cứ nguyên hàm gia tặng nhưng y theo lệ cũ, cấp tiền tuất gấp đôi, cho có phân biệt, còn trước đây, phân biệt kẻ mạnh dạn và người khinh tiến ấy bớt đi.

Ngày mồng 1 Ất Tỵ, **tháng 4, mùa hạ,** làm lễ Hạ hưởng, Tuân quốc công là Miên Ninh vâng mệnh đến làm lễ ở nhà Thế miếu. Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ đi xe đến điện Hòa Khiêm xem coi hoàng thân công vâng mệnh làm lễ.

Mở khoa thi Hội về hàng văn. (Đây bổ vào chính khoa Quý Mùi năm Tự Đức thứ 36. Khoa ấy lấy khoa thi Hương năm Nhâm Ngọ, khi đó 2 trường Hà, Nam nhân có việc triển hoãn đến năm Quý Mùi, cho nên thi Hội, chuẩn đến năm ấy mới cử hành theo lệ cũ, tháng 3 vào thi, gần đó nhân có nhiều việc cũng chuẩn cho triển hạn đến tháng 4).

Vua se mình, văn võ các quan hợp lời tâu xin vua ở trong cung tĩnh dưỡng yên nghỉ, lại xin ý Chỉ Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ sai bọn Phạm Viết Trang, Bùi Ân Niên, Nguyễn Hanh, Chu Đình Kế kính đến miếu Hội đồng mật đảo 2 lần, hơn một tháng, mình vua yên khỏe, chuẩn cho làm lễ để tạ.

Quan Pháp từ khi chiếm giữ 2 tỉnh Tây Bắc, phàm các phủ huyện nhiều người bàn chọn những dân thổ trước chia quyền cai trị, Khâm sai là Đoàn Văn Hội đem việc tâu lên. Viện thần tâu nói : Sự thế hiện nay cũng phải quyền nghi như thế. Nhưng phải xét người thực có văn học, không liên can án kiện gì mới được. Quan Pháp nếu cứ thiên lệch, cũng nên giữ lễ tranh biện không được khinh suất nghe lời. Chuẩn cho theo lời viện tâu thi hành.

Dụ cho quyền Tổng đốc Hà - Ninh Nguyễn Hữu Độ, từ nay phàm Bắc Kỳ có việc gì gian đại, đều cho hiệp đồng với quan khâm sai bàn bạc thỏa định, đó là theo lời xin của bọn Khâm sai Đoàn Văn Hội vậy.

Sai thủy sư các dinh vệ, kiểm sửa súng đạn để phòng bị cho quân dùng.

Dùng quyền Tuần phủ Nam - Ngãi là Đặng Đức Địch đổi thự Tham tri bộ Lễ, sung Quốc sử quán Toản tu. Quang lộc Tự khanh sung Sơn phòng Tiễu phủ sứ Nghĩa - Định là Nguyễn Ngoạn thăng thụ Thị lang bộ Binh. Quyền Tuần phủ Nam - Ngãi, cai phòng Tham biện là Nguyễn Thân thăng thụ Hồng lô tự Thiếu khanh, quyền sung Tiễu phủ sứ.

Truy đặt tên huý cho Lê Xuất đế làm Mẫn hoàng đế. Trước đây Dực tông Anh hoàng đế cho rằng Lê triều Xuất đế giữ nước gặp lo buồn, nên đặt tên huý là Mẫn, đã sai văn ban đình thần xét rõ để phúc duyệt.

(Đã tra xét miếu Lê hoàng đế thôn Kiều Đại, tỉnh Thanh Hóa nguyên ở bài vị thờ Xuất đế, chép tên huý là chữ "Nghị", đình thần cho rằng đó hoặc do các bầy tôi tòng vong bàn đặt tên huý, đã không có chiếu sách rõ ràng, và chỉ ở một tiết cầu cứu, chưa bao quát được chí khí và cảnh ngộ một đời của vua).

Đến đây tâu nói xin tuân thành mệnh, làm lễ truy ôn tên huý, bèn chuẩn sai quan đến miếu sở tuyên đọc Sách văn đổi đề những chữ làm "Lê Mẫn hoàng đế". Sách văn đã chép vào sách *Khâm định Việt sử Cương mục*.

(Trong *Sách văn* có câu rằng :

"Mệnh trời chẳng phải có thường, nên khó làm được như vua Thiếu Khang lấy lại nhà Hạ.

Lòng trung không bao giờ chết, thực không thẹn với Trang Liệt chết theo nhà Minh").

Sai Đình Tử Lượng hội đồng Khoa đạo bộ Binh, y theo lệ võ sinh, xét hạch kén chọn lấy lính biền binh sung làm quân Tuyển phong.

(Lệ đình về việc sát hạch võ sinh vệ binh, nghề võ bắn súng chim 2 khóa được ưu cả, người nào đội trưởng gặp khi suất đội khuyết thì hết cho thăng bổ, người nào được cấp bằng đội trưởng, tức cho thăng thụ chánh đội trưởng 2 khóa, 1 ưu 1 bình, người nào là đội trưởng thì cho thăng thụ chánh đội trưởng, người nào đã cấp bằng đội trưởng, tức hành bộ thụ ngũ trưởng, binh đinh ký tên để cấp bằng đội trưởng, dùng đợi khuyết sẽ bổ ngay).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN IV*

THỰC LỤC VỀ GIẢN TÔNG NGHỊ HOÀNG ĐẾ

Giáp Thân, năm Kiến Phúc thứ nhất [1884].

Tháng 5, mùa hạ, dời dựng nhà Võ học (nguyên ở ngoài Kinh thành, dời dựng vào phường Liên Năng ở trong thành).

Tiết Đoan dương, điện Hòa Khiêm kính dâng lễ, hoàng thân công vâng mệnh làm lễ.

Ngày Giáp Thân, tiết Thiên thu. Thánh đản nguyên ở ngày 12 tháng ấy. Trước đây, Dực tông Anh hoàng đế cho rằng ngày ấy là ngày gần với ngày Thánh đản Hiến tổ Chương hoàng đế (ngày 11), chuẩn đổi lấy ngày mồng 9 làm ngày đản, đến nay phụng lấy ngày ấy làm tiết Thiên thu. Khi ấy, Hoàng thái hậu ở nhà Ôn Khiêm trong Khiêm cung. Trước một ngày, Hoàng thái hậu thân đến điện Hòa Khiêm kính cáo, đến ngày, khâm mệnh hoàng thân công và bộ Lễ đương quan kính đem tờ biểu và nghi phẩm đến lạy tiến, ngoài ra, thì tham chiểu tiết Thánh thọ năm Tự Đức thứ nhất, sửa làm, việc ăn yến mừng rỡ đều đình.

Đình lệ phải xét các đồ binh trượng ở các quân về 2 quý xuân, thu và mật kiểm các lính mộ ở Kinh, về 2 quý hạ, đông. Lệ trước, hằng năm 2 quý xuân, thu phái 2 người thuộc về bộ Binh, hạn trong 1 tháng, đi đến các quân, hợp đồng với thống chưởng và bọn khoa đạo chuyên môn, để kiểm điểm binh trượng đều 1 lần, hạ, đông 2 quý, phái cho bộ Binh hội đồng Nội các, Đô sát, Thị vệ, kiểm điểm những hiện ban lính mộ ở Kinh đều một lần. Đến đây, chuẩn cho đều đình phái, chuyên do

các thống quản chiểu lệ, tự hành kiểm soát đầy đủ, nhưng bất thần do bộ Binh ủy cho đường quan hoặc do các khoa đạo chuyên môn đi đến vệ đội các dinh, kiểm xét chỉnh đốn mọi việc. Nếu có một vật ngoan tệ, hay một người trốn thiếu ấy, tức thì tham hặc nghiêm trị.

Quan quân Pháp lại đóng ở Tuyên Quang, 3 tháng trước nguyên Lưu đoàn Lãnh binh là Hoàng Thủ Trung đem 2.000 quân từ Hưng Hóa lui về tỉnh thành ấy (khi ấy doanh biền đã về ở giáp đất nước Thanh), hoạnh bắt Tuần phủ Hoàng Tướng Hiệp an trí ở phủ Yên Bình, cướp hết kho tàng và sổ sách của công, rồi chở đi. Thông phán Nguyễn Trung Hội bị bắn chết. Án sát Nghiêm Niệm kính cáo bệnh về, Bố chính Lê Văn Duyên lẻn về Hà Nội, đến đây quan Pháp bàn sai Văn Duyên đáp ngồi ở binh thuyền chèo đi, vào đóng ở thành ấy. Lại đòi Nghiêm Niệm về giữ chức cũ, từ đó mùa hạ đi đánh, mùa đông về giữ. Còn Trung thì thu viện lấy quân tán dõng hoặc 6.000 - 7.000, hoặc hơn 10.000 lại quấy rối, đường thủy, đường bộ đều bị ngăn trở. (Từ tháng 6 đến tháng 12, hoặc mỗi tháng 1 - 2 lần, hoặc 4 - 5 lần). Quân Pháp cố giữ để chờ quân viện.

(Tướng Hiệp đỗ Đồng tiến sĩ, người Hà Nội, sau bị Thủ Trung ép đi sang nước Thanh ở Long Châu, rồi chết. Khoảng năm Đồng Khánh, truy tặng cho làm Thượng thư bộ Lễ).

Thự Thị lang quyền Tổng đốc Thanh Hóa là Tôn Thất Triệt, thự Tuần phủ là Trần Soạn đều ốm cáo về nghỉ. Chuẩn cho đều mang nguyên hàm đều về hưu dưỡng. Dùng thự Tiền quân, Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự là Tôn Thất Thế lĩnh làm Tổng đốc tỉnh ấy, đình đặt Tuần phủ.

Toàn quyền đại thần Pháp là Ba-đức-na (một tên Ba-tờ-nô), Giám đốc Lê Na lại định ước mới. Trước đây Giám quốc Pháp tiếp thư của nước ta (thấy ghi ở tháng chạp năm ngoái) sau báo thăm hỏi yên ủi và nói ý kiến hòa ước sở định xin châm chước công bằng. Lại lấy tháng trước đã phái giao cho Toàn quyền ấy đi trước (ngày mồng 4 tháng 4 trước xuống thuyền) báo cho biết, bèn sai Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật sung làm Khâm sai Toàn quyền đại thần, Tham tri bộ Công là Tôn Thất Phiên, quyền sung Thượng thư bộ ấy sung làm Phó toàn quyền, Tham tri Chu Đình Kế, Thị lang Lương Thành đều sung hộ tiếp để phòng bị lúc lâm thời thù ứng. Lại chuẩn cho dự bàn các công việc khoản tiếp gồm có 5 khoản để đợi.

(1. Bắt đầu bộ Binh phái cho biền binh 50 tên, khí giới quần áo chỉnh tề, theo viên hộ tiếp, hễ quan toàn quyền ấy khi đến cửa biển Thuận An, tức thì tới ngay đón tiếp, và dự sai 200 tên lính trực ở bến tàu sứ quán, đợi toàn quyền ấy đến quán thì hộ tiếp cho trọng sự thể.

2. Cứ theo lời sứ Pháp thương lượng bày tỏ số lính theo hầu Toàn quyền 2.300 người, yêu cầu trước bắt cho 10 chiếc thuyền đi đến cửa biển Thuận An hộ chở đến

sứ quán ấy và xin sửa sang vài dãy trại lính quân thủy ở gần quán để cho lính đó tạm ở.

3. Cứ sứ Pháp bàn nói : Thuyền toàn quyền khi tới cửa biển, tục lệ có bắn súng để chào, nay đến sứ quán, bản quốc cũng nên bắn súng chào 15 tiếng để tỏ lòng vui mừng, sẽ do viện bạc tư cho phủ Thừa Thiên, chuyển sức cho dân hạt cùng biết để khỏi ngờ sợ.

4. Khi Toàn quyền ấy đến quán nghỉ ngơi chút lâu, thì 1 viên Thương bạc, cùng với 1 viên Lễ bộ, đi để tiếp đón viên ấy có bàn tâu khoản gì, lĩnh sẽ tâu làm, sau khi đến quán sáng sớm ngày hôm sau, do phủ Thừa Thiên sắm đủ, bò 1 con, dê 1 con, lợn 1 con, phẩm quả 1 mâm, gạo nếp 1 thúng, chè ô long 1 cân, gà vịt đều 10 con, trứng gà vịt đều 30 quả đệ đến ty Thương bạc, báo trước cho hộ tiếp viên nhận biếu, Toàn quyền ấy khen tốt. Lại biện riêng 3 bò, 3 lợn, chuối 1.000 quả, 10 thúng gạo trắng, trứng gà, vịt đều 150 quả, đường cát 50 cân đem biếu cho tùy phái và tùy binh đưa đến. Từ nay trở đi, cứ mỗi 5 ngày đều chiểu như khoản ấy mà cấp. Đến như thuyền quân đóng ở cửa biển, lần này và kỳ về, đem biếu cũng châm chước, đem biếu các hạng vật như lần này, lại chiều hôm ấy do viên hộ tiếp đón mời : Toàn quyền ấy và Công sứ ấy cùng tới thự Thương bạc ăn yến.

(5. Một lần, trước do ban Lý thiện làm cỗ hạng nhất 1 mâm, hạng nhì 2 mâm, cần được nhã và sạch đệ tới thự thương bạc bày đặt, do viên hộ tiếp và Toàn quyền bản quốc khoản tiếp và trước khi về một ngày, cũng chiểu làm như thế. Còn như so sánh sắc thư và công việc viên Toàn quyền ấy có dâng trình quốc thư hay không, nghi chú thế nào, lánh sẽ chờ phái viên ấy đến quán thương nghĩ).

Đến đây, Ba-đức-na, Lê Na đem bọn tùy phái, tùy binh đến sứ quán, lấy tờ khâm cấp, sắc thư của nước ấy tấu đạt. Chuẩn cho Thận Duật và Phan đem sắc thư yết kiến so sánh truyền Chỉ cho yên úy trả lời thương định hòa ước, lấy ngày 13 tháng này là ngày Đinh Hợi làm xong, phàm 19 khoản.

(Khoản thứ 1 – Nước Đại Nam tự nhận nước Đại Pháp giúp đỡ, nghĩa là nước Đại Nam có giao thông với nước nào, thì nước Đại Pháp giúp đỡ công việc, và nhân dân nước Đại Nam có ở nước ngoài thì Đại Pháp cũng giúp đỡ.

Khoản thứ 2 – Quân nước Đại Pháp đóng lâu ở đồn cửa biển Thuận An, từ cửa biển ấy lên tới Kinh thành, các đồn lũy ở ven sông và công việc phòng bị, nước Đại Nam cần phải triệt bỏ.

Khoản thứ 3 – Địa giới nước Đại Nam, từ giáp tỉnh Biên Hòa, Nam Kỳ về phía Bắc cho đến giáp tỉnh Ninh Bình Bắc Kỳ, các quan viên ở tỉnh đều làm chức tự trị dân như cũ. Trừ ra các nha Thương chính và cục Tạo tác, nên có quan Pháp trông coi, còn việc thường mà có ứng dụng quan bác vật hãy dùng người Pháp để trông coi.

Khoản thứ 4 – Nước Đại Nam từ giáp tỉnh Biên Hòa đến giáp tỉnh Ninh Bình, những tỉnh ở khoảng giữa ấy, trừ ra cửa biển Thi Nại đã mở buôn rồi, nay Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam, Xuân Đài thuộc tỉnh Phú Yên, 2 cửa biển đó nên mở thêm bến buôn ra, ngoài ra các cửa biển khác, sau này xét có ích lợi thì họp bàn mở thêm việc buôn. Nước Pháp cũng có đặt quan ở những chỗ bến buôn mở thêm ấy. Nhưng những quan ấy phải theo lệnh của quan Khâm sứ đại thần ở Kinh.

Khoản thứ 5 – Quan Khâm sứ đại thần đóng ở Kinh, chuyên về giữ công việc ngoại giao nước Đại Nam với nước ngoài, không có dự kịp tới công việc các tỉnh ở trong giới hạn khoản thứ 3. Khâm sứ đại thần, lại được thẳng vào tâu với Đại hoàng đế nước Đại Nam. Quan Khâm sứ đại thần ấy ở trong Kinh thành có quân Pháp theo hầu.

Khoản thứ 6 – Các tỉnh nước Đại Nam từ giáp Ninh Bình trở về phía Bắc, tỉnh nào có sự cần cấp, thì nước Đại Pháp nên đặt công sứ hay bọn phó công sứ, đều theo lệnh quan Khâm sứ ở Kinh. Tỉnh nào có công sứ hay phó công sứ, thì ở trong các tỉnh ấy, gần chỗ quan tỉnh ở thì công sứ, phó sứ đó, có lính Pháp hay lính Nam theo hầu.

Khoản thứ 7 – Quan công sứ nước Pháp đặt ở tỉnh nào ở Bắc Kỳ, quan công sứ ấy không được dự làm những việc dân chính trong tỉnh ấy, các quan tỉnh ấy, không kể là hạng quan nào, cứ cai trị hạt dân như cũ. Như quan Pháp có kiểm được quan Nam nào nên thay đổi, có xin thay đổi ấy, sẽ thay đổi.

Khoản thứ 8 – Nước Đại Pháp không kể viên dịch nào, như có việc gì nên tư báo với các quan nước Đại Nam thì do quan công sứ nước Pháp tư báo mà thôi.

Khoản thứ 9 – Nước Đại Pháp sẽ dựng một con đường điện báo từ Sài Gòn đến Hà Nội, chuyên do người Pháp trông làm, khoản này nếu được tiền lời bao nhiêu, nước Pháp trích lấy một phần giao cho nước Nam tiêu dùng, vì nước Nam có nhường phần đất để đủ chỗ làm, do đó những nhân viên điện báo mới có thể dựng được buồng bếp nhà cửa để ở.

Khoản thứ 10 – Các người ngoại quốc ngụ ở nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình và địa hạt Bắc Kỳ, thì đều chịu dưới quyền nước Đại Pháp xử đoán, như người nước Nam cùng người nước ngoài, hay người nước ngoài cùng người nước Nam có việc gì tranh kiện nhau thì đều do quan nước Pháp phân xử.

Khoản thứ 11 – Nước Đại Pháp từ giáp tỉnh Biên Hòa đến giáp tỉnh Ninh Bình, thì quan Bố chính chiểu thu thuế lệ về cho triều đình nước Đại Nam y theo như cũ, không có quan Pháp kiểm cố tới đó. Đến như địa hạt Bắc Kỳ thì quan công sứ hợp với quan bố chính, tóm các thuế lệ mỗi tỉnh một xứ, khiến cho tiện việc kiểm cố, biết được số sở thu và sở chi, khi thu xong, quan nước Đại Pháp và quan nước Đại Nam

hội đồng chuẩn định sự chi phí các nơi và các số công nhu tiền kẽm bao nhiêu, số chi còn bao nhiêu, quy nộp vào kho ở Kinh của triều đình nước Đại Nam.

Khoản thứ 12 – Các sở Thương chính ở trong nước Đại Nam, lại muốn bàn định giao hết cho quan Đại Pháp chuyên biện, những sở Thương chính có nên xây dựng thì chỉ ở những nơi ven biển và biên giới mà thôi, lấy các sở Thương chính trước, quan võ nước Pháp đã làm như thế nào, nước Đại Nam ngày nay cũng nên thôi bàn. Đến như điều lệ các sở Thương chính và các lệ thuế ngoại ngạch kịp các khoản lệ cấm các thuyền không được vào cửa biển, trong khi có dịch khí, thì trong nước Đại Nam và các sở Bắc Kỳ cũng y như điều lệ của 6 tỉnh Nam Kỳ.

Khoản thứ 13 – Trong địa hạt Bắc Kỳ, nước Đại Nam và những người Pháp mở buôn ở các sở, và những người được nước Pháp bảo trợ, đều được đi lại buôn bán, mua đất dựng cửa hàng, thung dung tự tiện, lại khoản các giám mục, linh mục giảng giáo cho giáo dân đã ước định ở ngày 15 tháng 3 năm 1874, tức ngày 27 tháng 1 năm Tự Đức thứ 27 (khoản thứ 9). Nay Đại hoàng đế nước Đại Nam cũng phê chuẩn y như khoản ấy.

Khoản thứ 14 – Như có người nước ngoài muốn đi trong nước Đại Nam có công việc gì, thì phải xin giấy thông hành ở quan Khâm sứ tại Kinh, hay quan Tổng thống Gia Định, đến trình quan nước Đại Nam phê chữ đóng ấn vào 2 chữ "dĩ trình" mới có thể đi được.

Khoản thứ 15 – Nước Đại Pháp tự hứa rằng, từ sau đi, xin giúp Đại hoàng đế nước Đại Nam hoàn toàn tốt đẹp và trong nước khỏi phải giặc cướp trong ngoài, do đó mà nước Đại Pháp chiểu cho là ở trong nước Đại Nam, hoặc Bắc Kỳ hay nơi nào cần kíp, có nên đón quân thì được dùng quân đóng để bảo trợ.

Khoản thứ 16 – Đại hoàng đế nước Đại Nam cai trị trong nước, trừ ra những điều đã định ở trong hòa ước ngoài, còn đều theo như cũ.

Khoản thứ 17 – Nước Đại Nam còn thiếu số bạc của nước Pháp (tức là món nợ Y Pha Nho) sau sẽ bàn định tính trả, nước Đại Nam đừng đi vay mượn nước ngoài. Nếu nước Pháp không đồng ý, thì nước Đại Nam không được vay nước ngoài.

Khoản thứ 18 – Sau khi quan của hai nước hội đồng chia định giới hạn các nơi mở buôn, và việc nhường đất cho người mở bến buôn, trong đó có bàn dựng cây đèn pha ở nước Đại Nam, từ ven biển Biên Hòa đến giáp Ninh Bình cùng địa hạt Bắc Kỳ, và lệ định thuế khai các mỏ, lệ dùng tiền bạc. Hội đồng định chia các sở Thương chính và những lợi tạp thuế và thuế điện báo, và chia các khoản thuế chưa cho liệt vào khoản thứ 11, trích giao cho nước Đại Nam nhận dùng. Điều ước ấy đệ về, đưa tới triều đình Đại Pháp và tiến lên Đại hoàng đế nước Đại Nam phê chuẩn, tùy tức trao đổi.

Khoản thứ 19 – Tờ ước này thay thế cho các tờ ước ký ngày 23 tháng 11, ngày 30 tháng 8 và ngày 15 tháng 3 năm 1879, khi nào hai bên như có thay đổi ý kiến gì ở trong tờ ước đó thì cứ lấy bản chữ Pháp làm chính, toàn quyền đại thần của hai bên đã ký tên và đóng ấn ở tờ ước ấy làm bằng. Tờ ước ấy đã lập ở Kinh vào ngày 13 tháng 5 năm Kiến Phúc thứ 1, tức là ngày 6 tháng 6 năm 1884. Dự thương Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, Toàn quyền đại thần Phạm Thận Duật, Phó toàn quyền đại thần Tôn Thất Phiên đều ký tên đóng ấn).

Hôm ấy tức thì hội đồng đem ấn cũ của nhà Thanh phong cho, phá đi để đúc lại.

(Khi ấy Toàn quyền Pháp cùng Khâm sứ Ba-rô bàn nói : Cái ấn cũ nhà Thanh phong cho nước Đại Nam, chỉ có khi nào gửi quốc thư sang nước Thanh thì mới dùng, ngoài ra không cần gì cả. Nay nước Đại Nam đã nhận nước Pháp bảo trợ, không làm phiên phục nước Thanh nữa, thì cái ấn nhà Thanh ấy nên lấy ngày trao đổi lại để trả nước ấy. Nhưng đã nói mãi 2 - 3 lần, vẫn đều như thế. Nguyễn Văn Tường bàn lại nói : "Bảo không thôi thì phá đi để đúc cái khác mà thôi". Viên ấy cũng thuận nghe, bèn lại yêu cầu làm ngay để kịp ngày trao đổi, không thì viên ấy giao cho quan võ chiểu biện, và châm chước các lễ ở trong tờ ước cũng đình, chuẩn cho kính cáo Thế miếu và điện Hòa Khiêm, sai Thận Duật và Phiên hội đồng cùng với tên ấy áp ấn để lại khuôn mẫu, đợi để đệ về cho nước ấy biết, rồi tức đem ấn ấy đến sứ quán phá, đúc thành khối bạc).

Công việc đổi trao đã thành, Ba-đức-na bèn đem các vật hạng cung tiến và tặng các quan phụ chính, kịp các bầy tôi giúp việc ở đó. (Thanh đơn dâng đặt ở Lễ bộ đường, cung tiến kiệu 1 chiếc, máy nói 1 chiếc, lồng chim 1 chiếc, gấm hoa vàng 4 tấm, rượu thơm La-cờ-trê 15 chai [1], rượu Mô-ca-ten 15 chai, y số dâng tiến. Còn biếu tặng các vật trở xuống : Hồng Hưu một bộ chén nậm bằng pha lê, 3 tấm lụa, 1 chiếc áo mưa, 1 chiếc mục kỉnh bằng vàng, 8 chai rượu Ma-la-gà, 8 chai rượu Mác-ten. Nguyễn Văn Tường, 1 thùng đạn máy. Tôn Thất Thuyết, 1 bộ mâm chén uống rượu bằng pha lê, gương soi, áo mưa, mâm đựng rượu đều như trước. Phạm Thận Duật, mục kỉch bạc 2 chiếc, vũ đoạn 1 tấm, áo mưa 2 chiếc, rượu Ma-chi 6 chai, rượu Ma-la-gà 6 chai. Tôn Thất Phiên và Chu Đình Kế, mục kỉnh bằng bạc 1 chiếc, vũ đoạn 1 tấm, áo mưa 2 chiếc, rượu Ma-chi 4 chai, rượu Ma-la-gà 2 chai, gương lương thành và áo vũ đoạn như trước, rượu Ma-chi 2 chai, rượu Ma-la-gà 2 chai. Lê Thận (Hiệp lý Thủy sư) gương, đoạn, áo mưa như trước, rượu Ma-la-gà 6 chai các hạng, trừ ra y số chia cấp cho Hồng Hưu, ngoài ra đạn máy và chén nậm pha lê, mục kỉnh cũng chiểu nguyên tặng cấp lĩnh, đến như áo đoạn 8 tơ 11 chiếc, áo tơ vũ

(1) Những tên các thứ rượu của phương Tây, sách viết ra chữ Nôm, dịch theo đúng như chữ Nôm phiên âm ra.

21 chiếc, áo vũ 10 chiếc và nậm rượu châm chước chiểu hướng mà làm, chia tặng cho các đình thần, áo 1 chiếc cộng 42 viên, rượu 2 chai hay 1 chai, cộng 24 viên).

Rồi, Toàn quyền ấy lại dùng Giám đốc Lê Na làm quyền Khâm sứ đóng ở Kinh (thay cho Ba-rô), kịp sứ bộ ấy về, gồm chuẩn cho đem bức thư và tặng vật đệ đến sứ quán đáp tặng lại Quốc trưởng nước ấy và sứ ấy các quan ấy đều có thứ bậc :

1. Tặng Quốc trưởng nước ấy ngà voi 1 cặp (nặng 40 cân trở lên), kiếm đeo bọc vàng 1 chiếc, khánh vàng 1 chiếc (trong khắc hai chữ "vĩnh bảo" trân châu san hô làm dây đeo), câu đối khảm xà cừ một đôi (trong khắc : "Thảo bất tri danh tuy xứ lục, điểu như hữu ý, dĩ xuân minh") và tiền vàng hạng nhì 1 đồng (khắc chữ "vạn thế vĩnh lại" (mỗi đồng tiền nặng 5 đồng cân, dùng ngọc châu làm dây đeo, các hiệu tiền ở dưới đều như thế), một đồng tiền vàng văn rồng hạng vừa (nặng 3 đồng 5 phân) đồng tiền bạc "vạn thế vĩnh lại" hạng nhì (nặng 5 đồng trở xuống), đồng tiền bạc ngũ phúc, đều nặng 1 đồng, the tốt nhuộm màu 5 tấm, the mỏng nhuộm màu 5 tấm, lại 1 chiếc ngà voi sống (nặng 16 cân 5 lạng, xin tặng để ở trường Bác vật, tặng toàn quyền ngà voi 1 đôi nặng độ 30 cân), nậm rượu 1 chiếc, 1 cái hộp trầu chạm bạc, hình vuông khảm xà cừ bằng thứ gỗ đỏ. Một đồng tiền vàng chạm rồng hạng lớn (nặng 7 đồng cân), một đồng tiền bạc hạng nhất có chữ "vạn thế vĩnh lại" (nặng 1 lạng), nhiễu trắng 1 súc, tơ chín nhuộm màu 5 tấm, gương đeo bọc bạc 1 chiếc, khánh vàng 1 chiếc (trong khắc 2 chữ "giảng tín", dùng hạt châu làm dây đeo, dưới này cũng như thế), một câu đối khảm xà cừ (trong khắc "Hữu tình đoan tự vô tình thủy, quán kiến hà như nhất kiến tâu", nghĩa là : Có tình vốn tự không tình trước, quen thấy sao bằng mới thấy hơn !). Tặng giám đốc ngà voi 1 cặp (cùng nặng 25 cân trở lên), 1 cái hộp trầu bao bạc hình vuông khảm xà cừ bằng thứ gỗ màu đỏ, 1 đồng tiền vàng hạng lớn, có chữ "sử dân phú thọ" (nặng 4 đồng cân), 1 đồng tiền bạc khắc chữ "ngũ phúc", 2 súc nhiễu trắng, 2 tấm the chín nhuộm màu, 1 chiếc khánh vàng. Tặng quan Năm hộp trầu bao bạc hình chữ nhật khảm xà cừ bằng gỗ màu đỏ (có ô bằng thiếc), 1 bộ đồ uống rượu, 1 cơi trầu bát giác bằng xương voi bao bạc, 1 đồng tiền vàng có chữ "ngũ phúc" (nặng 5 đồng cân), 1 đồng tiền bạc tứ mỹ (nặng 4 đồng cân), the chín nhuộm màu 2 tấm, lụa dày 2 tấm.

2. Tặng quan Ba, 1 tham biện, 1 ký lục, cộng 3 viên. Tiền vàng hạng lớn viết chữ "sử dân phú thọ", tiền bạc viết chữ "tứ mỹ", mỗi người đều 1 đồng, the mát nhuộm màu đều 2 tấm, ô trầu (khay) vuông dài (khảm xà cừ bao bạc), mỗi người đều 1 chiếc, lụa dày trắng đều 2 tấm.

3. Tặng Thương bạc, 1 thủy bộ thượng thư, 1 phó thượng thư, cộng 3 viên, mỗi người 1 đồng tiền vàng hạng 2 có chữ "vạn thế vĩnh lại". Thìa, dĩa ngà mỗi người 1 bộ, đồng tiền bạc có chữ "ngũ phúc" mỗi người 1 đồng, the mát nhuộm màu mỗi người 1 tấm, bình hoa bằng ngà voi, mỗi người 1 chiếc.

4. Tặng cho nguyên soái đóng ở đồn cửa biển Thuận An cũng như thế (duy bớt có đồng tiền "ngũ phúc").

5. Tặng cho chưởng thủy đóng ở cửa biển, một gửi tặng 2 phó quản lý, một thủy bộ chánh hiệp lý cộng 4 viên, tiền vàng hạng lớn viết chữ "sử dân phú thọ", tiền bạc có chữ "ngũ phúc". Mỗi viên 1 đồng. Chưởng thủy lại tặng thêm 1 bộ đồ uống rượu, 1 bộ thìa ngà... một gửi tặng thủy bộ phó biện lý, một thương biện cộng 3 viên, tiền vàng hạng lớn có chữ "sử dân phú thọ" mỗi viên 1 đồng, còn tặng quốc trưởng ấy, gián hoặc lệ có khánh vàng có quốc thư, và riêng có quốc thư, thư dùng giấy sạch sẽ, phong thư dùng giấy tiểu long tiên, ở ngoài mặt đều viết niên hiệu, kính dùng ấn "Đại Nam Hoàng đế chi tỉ", phong bì chứa ở trong ống, dùng ấn "Văn lý mật sát".

Tặng toàn quyền ấy và lũ quan ấy (trừ toàn quyền ấy tặng cái khánh riêng, có thư thiếp, ngoài ra các vật hạng, đều có thanh đơn. Duy có vàng, bạc, tiền sẽ có giấy cấp để lưu chiểu, đều do Thương bạc và bộ Lễ xét từng khoản để sửa làm : Những vật hạng tặng cho, đều do phủ Nội vụ hội đồng với 2 bộ Hộ, Lễ, đều do một viên kiểm xét chỉnh đốn, đệ giao cho viên hộ tiếp tuân cấp. Trong đó có thứ hạng gửi tặng quan nước ấy đều gửi qua toàn quyền, và tặng các quan đóng ở đồn cửa biển Thuận An : Quan Năm và nguyên soái, chưởng thủy, 3 viên, tuy không dự định ước nhưng cùng châm chước cấp cho, để khỏi xem hình hài) gồm giao cho sứ ấy nhận lĩnh chia cấp, đến như cách thức đề thư thì viết như sau :

- Đại Nam Hoàng đế kính thư gửi tới trước điện Quốc trưởng nước Đại Pháp soi biết : Nay quý quốc đặc phái toàn quyền đại thần trước lại đây định điều hòa ước, lâu giữ tình giao hảo, nay việc đã xong, thực xin cảm tạ, kính dâng những vật thổ nghi nhỏ mọn cẩn thận giao quý toàn quyền đại thần đem về Kinh biếu, để tỏ lòng tốt, vậy có các thứ thổ ngơi tỏ bày như sau (ghi ở trên), nay kính thư. Ngày mồng 10 tháng 5 năm Kiến Phúc thứ nhất. Còn quốc thư cũng y như trước, duy có chữ "thự" nay đổi làm chữ "giản" gián hoặc ở dưới câu (thực cảm tạ lắm) thì đổi chép rằng sẽ đủ có các vật nhỏ mọn dâng lên, giao đưa về biếu ngoài, lại đặc biệt thêm đồ rất quý trọng để tỏ tình hòa hảo lâu dài, một cái khánh vàng hạng lớn có dây đeo bằng trân châu và san hô để biếu, để trọng tình lân hảo và mong tới mùa hè, cầu được phúc lành, nay tức giản. Còn thư tặng cho toàn quyền ấy và các thứ giấy tờ cấp cho quan ấy như sau :

Đại hoàng đế nước Đại Nam sắc chuẩn tặng thêm cho những vật quý báu hạng lớn một chiếc khánh vàng giảng tín dây đeo bằng hạt châu, để tỏ hậu tình... kính vâng đấy, tuân phụng đưa thư gửi giao cho Toàn quyền đại thần lực nhất nước Đại Pháp là Ba-rô. Lại như nói : Đại Nam quản lý Thương bạc sự vụ đại thần Tôn Thất Phiên làm việc kính cấp giấy như sau : Nay vâng... Đại hoàng đế nước Đại Nam

sắc cho quan nước Đại Pháp (quan hàm, tòng thực điền vào đây) đồng tiền bạc hay vàng hạng nào mấy cái, có đủ hạt châu, hay dây thùy anh để đeo, để tỏ lòng tốt, kính vâng. Kính tuân, cấp cho giấy này. Đây là tờ khâm cấp.

Hữu khâm cấp cho... (quan hàm, tên họ) nước Đại Pháp chấp chiểu. Những thứ tặng quan Pháp chấp chiểu, đều dùng giấy rồng hạng nhỏ ở kho, làm bao thư, viết rõ ràng, áp dùng ấn bộ Lễ cấp để tồn chiểu, dùng ấn quan phòng Thương bạc).

Lại thưởng cấp tiền kẽm cho lính theo hầu ấy (theo đóng ở sứ quán và đóng ở đồn cửa biển Thuận An) hơn 400 tên, gồm 2.000 quan, đĩnh bạc 5 đồng gồm 500 đĩnh (trở về trước, từ khi mới hộ tiếp đến khi trở về, mọi khoản chuẩn làm đều tham chước với khoảng các năm Tự Đức thứ 16 đến thứ 28 do bọn sứ ấy đến Kinh, đổi trao làm quà).

Sai kiểm duyệt bộ sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* để giao khắc in (sách này, nguyên tu sửa từ khoảng năm Tự Đức, nay đã làm xong, sai kiểm duyệt cho khắc in).

Ngày Nhâm Thân, sai quan Kinh doãn làm lễ cày ruộng tịch điền, còn ruộng tịch điền các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương về trước nhân có việc, của chung bỏ sót, còn đợi sửa chữa, nên hãy tạm đình.

Tiết Thánh thọ. Trước ngày 19 tháng ấy một ngày, Thái Thịnh công Hồng Phó vâng mệnh kính đến điện Long An làm lễ chi cáo ; Nghi quốc công Hồng Tố kính đến điện Hòa Khiêm làm lễ cung tiến. Đến như nghi tiết lạy mừng, vâng theo ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, chuẩn cho đình một lần.

Lãnh sự Pháp là Na-viên lại tới đóng ở sở Thương chính, cửa biển Thi Nại thuộc tỉnh Bình Định làm việc (trước đây thuế ở sở đó do quan ta chuyên thu, nay phái ấy đến biên giao các bạc thuế đã thu từ trước cho phái ấy nhận).

Quan Pháp trao trả kho đúc tiền ở Hà Nội cho ta. (Trước đây nơi đó bị quan Pháp đóng giữ).

Đốc học tỉnh Quảng Bình đòi cả các cử nhân, ấm sinh, học sinh, xin đình cấp lương tháng để giúp cho việc công nhu (lúc ấy ở dân phải thu trước tiền công sai để chiết cấp). Chuẩn cho tạm đình, rồi sau lại cấp nguyên như cũ.

Sai Hậu quân Đô thống phủ kiêm coi Tả quân là Nguyễn Hanh kiêm coi Tiền quân, thự Hữu quân Đô thống là Hồ Văn Hiển kiểm coi Trung quân, Thống chế Tả dực quân Vũ lâm là Đinh Tử Lượng kiêm coi các vệ Tiền phong.

Ngày Đinh Dậu là ngày kỵ phối vị ở điện Hiếu Tư. Nghi quốc công là Hồng Tố vâng mệnh làm lễ ; Thái Thịnh công là Hồng Phó kính đến điện Long An làm lễ cung tiến.

Đặt thêm tham biện và quan lãnh binh ở nha Sơn phòng Quảng Trị (vì việc trông coi bê bối), nên phải đặt thêm mỗi chức 1 người.

Trước đây bộ Lễ bàn dâng tôn thụy và miếu hiệu có nên kiêng tránh như chữ "Anh", chữ "Dực" và hai tên làm một như chữ "Đăng" (trên chữ bát, dưới chữ đậu), tên người và phong hiệu không được mạo dùng, đến đây nói theo cổ điển (năm Minh Mệnh thứ 7) những phẩm hàm thụy hiệu của văn, võ quan chế gián hoặc có văn giai chánh cửu phẩm là đăng sĩ lang, tòng cửu phẩm là đăng sĩ tá lang, võ giai chánh tam phẩm anh dũng tướng quân, kinh xa đô úy và chánh tam phẩm tên thụy là anh túc, tòng tam phẩm là anh mại, đều cùng chữ cùng tiếng với miếu hiệu và chữ tên vua, bèn chuẩn đổi chữ "đăng sĩ" làm "tiến sĩ", "anh dũng" làm "cương dũng", "anh túc" làm "cương túc", "anh mại" làm "cương mại".

Vụ chiêm này những ruộng ở 20 phủ tỉnh đạo thuộc về Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nội, Mỹ Đức, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Quảng Yên đều được mùa to. Ngoài ra có nơi nào tổn hại, thì đều được chiểu hạng tha miễn đóng thuế.

Tháng 5 nhuận, thi Điện, sai Thống chế Tả dực quân Vũ lâm là Đinh Tử Lượng sung làm Giám thí, Thượng thư bộ Hộ (bộ Hộ tháng trước đã đổi làm bộ Hội, cùng với quan hàm, quân hiệu có trùng chữ trùng tiếng ấy, cũng tham chước đổi đi, đến tháng 8 năm sau Cảnh tông Thuần hoàng đế lên ngôi, lại chuẩn cho theo như cũ, nay đều theo như sách cũ) là Phạm Thận Duật sung làm Độc quyển, thự Hữu tham tri bộ Binh là Nguyễn Thuật, thự Trực học sĩ sung Sử quán Toản tu là Vũ Nhữ sung Duyệt quyển. Cho 3 tên bọn Nguyễn Đức Quý được đỗ xuất thân và đồng xuất thân có thứ bậc là :

Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân là Nguyễn Đức Quý (người Hoành Sơn, Nghệ An), Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân là Dương Thúc Cáp (người Quỳnh Đôi, Nghệ An), Nguyễn Thích (người Chiêu Đàn, Quảng Nam).

Bốn tên phó bảng là : Nguyễn Phụ (người Mỹ Xuyên, Quảng Nam), Nguyễn Âu Chuyên (người Hành Thiện, Nam Định), Phan Xuân Quán (người Phù Việt, Hà Tĩnh), Trần Khánh Hội (người Phong Lộc, Quảng Bình). Tuân theo nghị mới, không dự phúc thí, do quan trường thi Hội yết ra ở bảng.

Gần tới kỳ đại lễ tiểu tường ở điện Hòa Khiêm, truyền với các quan địa phương ở Nam - Bắc, mỗi nơi một viên về Kinh chiêm bái.

(Nam trực kiêm Tả kỳ 1 viên : Lĩnh Bố chính ở Bình Thuận là Phạm Xứng (tên cũ là Hữu Thanh, sau đổi). Bắc trực gồm Hữu kỳ 1 viên : Bố chính Nghệ An là Lê Viết Huy).

Chuẩn ban cấp 2 đồng tiền vàng, 1 đồng tiền bạc cho Thống binh nước Pháp tên là Mi-lô (trước gọi là tướng Pháp đóng tại Bắc Kỳ) rồi lại ban cấp cho 4 viên quan nước ấy là 1 thượng thư, 2 đề đốc, 1 lãnh binh, tiền vàng tiền bạc có thứ bậc, 4 quan Pháp đều dâng thư tạ ơn.

Khâm sứ Pháp đóng ở Kinh là Lê Na cho rằng thủy bộ Thượng thư của nước ấy đánh điện báo cho hai nước Thanh - Pháp biết : Hiện nay ở Thiên Tân nước Thanh đã giảng hòa rồi, ước thư còn chưa trao đổi, do Cơ mật viện tâu biết. Quân dinh Thanh đánh bại quân Pháp ở cầu Quan Âm Lạng Sơn, thu phục được đồn Bắc Lệ. Trước đây, quân dinh nhà Thanh từ tỉnh Bắc về tỉnh Lạng, nước Thanh đã nghị xử rõ ràng.

(Dụ nói : Từ Diên Húc đóng giữ Lạng Sơn, không hay tiến trước về làm việc, đến nỗi Bắc thành không giữ được, chuẩn cho về Kinh, giao bộ nghị xử ; Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đều cách chức, đợi xét ; Trần Đắc Quý trước làm mất đồn sông Phù Lương, đảng là Mẫn Tuyên sợ lui không tiến, tức thì dùng quân pháp xử ngay, để bảo mọi người cùng biết, ngoài ra, các dinh phân biệt để cứu xét rõ ràng kính nghị). Đổi sai Tuần phủ Hồ Nam là Phan Đình Tân thay làm Tuần phủ Quảng Tây đốc biện quân vụ, trong tháng 4 ra cửa ải cùng với Tổng đốc Vân Quý là Sầm Dục Anh hiệp bàn đổi bổ Thống lĩnh Tô Nguyên Chương, thự Đề đốc Quảng Tây và bọn Thống lĩnh Vương Đức Bảng (Bố chính), Phương Hữu Thăng, Hoàng Nguyên Xuân, 70 dinh chia đóng ở Nam Quan và xứ Lạng Quang và Quang Âm, phòng ngừa tiễu biện. Khi ấy Tuần phủ tỉnh Lạng là Lã Xuân Oai tâu lấy Tán tương quân thứ tỉnh Đông là Nguyễn Thiện Thuật sung làm Thương biện ứng tiếp, cùng Đề đốc Tạ Hiện, Ngự sử Phan Huy Quang, nghĩa dân Hải Dương là bọn Phạm Hữu Bằng 10 người.

Nguyên Bang biện huyện vụ Đường Hào là Tú tài Phạm Hữu Bằng, Đốc binh Nguyễn Tất Đạt, Hào mục phủ Kiến Thụy là Đỗ Đình Trịch, Phạm Trung Trực, Trịnh Văn Ất, Chánh tổng phủ Nam Sách Phạm Huy Dự, Phạm Quý Ích, Hào mục Nguyễn Danh Mẫn, Nguyễn Đức Kính, Sĩ nhân Nguyễn Y Trạc, trước đã họp quân dõng bắt chém có thực trạng, ban thưởng bạc lạng).

Đem quân dõng tới tỉnh Lạng, quan Tuần phủ tỉnh ấy lại tâu xin, hoặc sung ứng tiếp, hoặc sung điều khiển, đều lệ thuộc vào dinh quân Thanh. Từ sau đi, nước Thanh lại dụ quan Pháp tới đến nghị hòa bàn định điều ước, chuẩn đều yên lặng chờ lệnh, đừng đem quân đánh trước. Đến canh tư sáng ngày mồng 2 tháng ấy, quân Pháp hơn 700 - 800 người, sang qua sông Hóa (cách cầu Quan Âm 8 - 9 dặm) bắt đầu nổ súng, quân dinh bèn đua sức đánh đến giờ Thân, được trận bắt được 1 tên quan Tư, 2 tên quan Hai, 20 người lính, hơn 100 lính ma tà và bắt được áo, mũ, lừa, ngựa rất nhiều và chết đuối ở sông Hóa Giang, không biết đâu mà kể. Quân Pháp

lui giữ Bắc Lệ. Ngày mồng 7, quan nhà Thanh cấp bằng Tán tương quân vụ là Hoàng Đình Kinh (Tri huyện huyện Hữu Lũng) và những viên nhân, thuộc vào quân ngạch, đốc quân nghĩa dõng đánh lấy lại Bắc Lệ. Bắt được 1 quan Hai, 1 quan Một và 6 - 7 đầu người lính.

Ngày 11, lại phái quân nghĩa dõng chặn núi Thiên Cầu đánh chém quân ấy, hơn 50 người, giải nộp dinh nhà Thanh lĩnh thưởng. Quân Pháp do đó phải lưu giữ dưới nhà trạm Bắc Cần 10 dặm.

Đình việc xét án mùa thu năm ấy. (Vì các tỉnh đạo Bắc Kỳ phải giao thiệp bận việc, sổ các hạng tù phạm chưa tiện đệ tâu).

Các tỉnh thượng du Bắc Kỳ, từ sau khi có việc xảy ra giặc cướp nổi dậy, tình thế càng ngày càng lao lướt, quan tỉnh còn chưa về hết, quyền Tổng đốc Hà - Ninh là Nguyễn Hữu Độ đem việc tâu lên. Vua Dụ rằng : Các ngươi ở đây gần hơn, lại cùng quan Pháp đi lại khoản tiếp, tình ý hơi có thể tin được, cần nên tùy nghi châm chước mà làm, quan tỉnh nào hay quan phủ, huyện nào, có ai tản lánh đi đâu, tức thì tư sức cho trở về nguyên chức. Tỉnh hạt nào bọn gian tụ họp còn ít, thì sức cho dân sở tại bắt phải phân tán ngay, nếu còn nhiều thì bàn với quan Pháp đem quân họp đánh, cho dân được yên ổn.

Quan Thượng thư Pháp đóng ở Hà Nội là Ba-rô cùng với quyền Tổng đốc là Nguyễn Hữu Độ bàn chọn tướng sĩ sung bổ làm Thương biện bang biện ở các phủ, huyện Bắc Ninh, Thái Nguyên và phái đi thừa biện ở Hưng Yên. Hữu Độ đều làm giấy quyền cấp. Việc ấy tâu lên. Dụ từ sau có ưng đặt ấy, nên tư cho các tỉnh thần tính làm giấy quyền phái, để hợp với thể lệ triều đình, không nên sơ suất tự vượt thay quyền.

Nêu thưởng cho thọ dân Quảng Nam sống 100 tuổi (Đào Văn Trứ, Lương Văn Tạo).

Dùng quyền Tổng đốc An - Tĩnh là Trần Lưu Huệ, đổi làm quyền Tổng đốc Bình - Phú (Nguyễn Trọng Biện về Kinh chờ Chỉ).

Khởi phục cho Trần Văn Chuẩn hàm Thị lang, quyền Tổng đốc An - Tĩnh.

Chuẩn định phạt lương miễn cho sự phạt thực, nhưng phải chua vào sổ để đợi quy về lệ giáng cấp.

(Lệ trước quan viên ở trong Kinh ngoài tỉnh hoặc nhân tội công hay tội tư, ưng được phát bổng, mà dưới tên không có kỷ cấp để khấu trừ thì đều làm phạt thực, đến đây chuẩn định rằng : Từ nay phàm ai nhầm nhỡ, ơn được phạt bổng mà không có kỷ cấp ấy đều đem chua sổ, miễn cho việc phạt thực, đợi tội công phạt đến 2 năm, tội riêng phạt đến 1 năm, do hai bộ Lại, Binh ghi sổ, đều đổi giáng một cấp, lưu dụng, nhưng chiểu theo những cấp bị giáng xuống, chi lương lấy từ tháng giêng sang năm làm đầu).

Quảng Trị bị bão to, mưa đá.

Công sứ đóng ở Hải Dương bàn trích 600 tên lính tỉnh giao cho sứ ấy chi lương huấn luyện. Lĩnh Tổng đốc là Hà Văn Quan tâu lên. Viện thần tâu nói : Quân ta mà chịu quân Pháp trả lương thì rồi sau đây sai phái, họ chịu để cho ta dùng chăng ? Nên bàn nói lại, nếu có ý tốt, thì sai quan đến hội đồng rèn tập, lương tháng do ta chiểu cấp làm hơn, chuẩn như lời tâu để bàn.

Dồn Thủy sư Kinh kỳ làm 2 dinh tả, hữu. Trước đây 3 dinh Thủy sư, lấy Thừa Thiên, Trị, Bình, Nam, Ngãi, Bình Định các tỉnh, không kể thượng, trung, hạ bạn, đều cùng kén lẫn vào, gồm hơn 6.000 người, chia làm 15 vệ lệ thuộc vào đó. Đến đây, chuẩn cho lính thuộc về dinh ấy, người nào hệ ở về hạ bạn, cùng với phủ hạt Thừa Thiên gần đây thì vẫn lưu ngạch cũ, dồn làm tả hữu 2 dinh. Người nào hệ là trung, thượng bạn cùng là những nơi hơi xa, thuộc về tỉnh Bình Định ấy dồn làm lính bộ ở Kinh hay ở tỉnh, hay ở vệ Long thuyền (nguyên là Thủy vệ chọn dồn lấy 500 người) châm chước để lại 300 biền binh, thừa bao nhiêu cùng với vệ binh Hải Phòng, Thừa Thiên (nguyên số 350 người) chọn kỹ lấy 100 gồm về thủy vệ. Dư ra giao về các xã thuộc về ngạch thợ Quảng Nam, xã Thanh Hà (dân hạ bạn nguyên kén làm lính thủy rồi sau đổi về làm thợ làm ngói), 24 tên cũng gồm về thủy vệ phận thúc (ngạch thợ thiếu sót, do bộ Công bàn làm).

Khởi phục cho Nguyễn Trọng Hợp làm Hồng lô tự Thiếu khanh quyền thự lý Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên. (Tướng Pháp gửi thư xin sung, nên có mệnh này).

Triển hạn bắt lính cho 170 xã dân bị điêu háo tỉnh Quảng Nam.

Thu chuyển tiền thóc 2 tỉnh Sơn Tây, Hà Nội chi cấp cho quan binh Tuyên - Hưng. (Trước nhân tàn phá, quan quân tản đi, đến đây mới về, nên chuẩn cho thu cấp).

Khâm sai đại thần Bắc Kỳ về Kinh phục mệnh. Chuẩn cho Khâm sai nguyên thự Thượng thư bộ Công Đoàn Văn Hội vẫn làm việc như cũ, Phó khâm sai nguyên thự Hữu tham tri bộ Lại, Tham biện Cơ mật viện vụ là Hoàng Hữu Thường đổi làm thự Hữu tham tri bộ Binh vẫn giữ chức Tham biện, còn nguyên thự Hữu tham tri bộ Binh là Nguyễn Thuật đổi thự Tả tham tri bộ Lại.

Bộ sách *Minh Mệnh chính yếu thư* đã xong, chuẩn cho kiểm kỹ lại là đem san khắc. (Gồm 26 quyển, trên dưới 3.000 chữ. Tháng 8 năm ấy cho khắc, rồi nhân bận việc chưa làm xong, đến năm Thành Thái thứ 7, chuẩn cho kế làm, mới được hoàn toàn để dâng).

Khơi vét sông cũ Vĩnh Định ở Quảng Trị. (Sông ấy vốn có mạch cát hễ khơi lên thì lại bị đầy, rồi sau mới khơi sông mới ; nước cát chưa chảy, sông cũ lại bị bồi lấp nhiều. Bốn tổng thuộc về huyện Hải Lăng là : Câu Hoan, An Thư, An Nhân, An Thái, ruộng mùa rất nhiều, sông cũ không khơi, thì ruộng bị nước ngập,

dân bốn tổng ấy xin xuất tài lực, thẳng khơi một đoạn ở hai xã Kim Lung, Kim Giao, lược vét một đoạn từ xã Kim Lung đến xã Hội An đều cho ưng làm để tiện việc cấy ruộng mùa).

Định lại lệ các hạng tù trốn. Khi ấy, quan Sơn phòng Quảng Trị đem một số tù đến ở khẩn ruộng, gần khoảng 5 tháng trốn đến hơn 100 người. Quan bộ Hình tâu xin tham chiểu lệ cũ, bàn thêm thông lục cho các tỉnh phòng một luật tuân làm.

(Nghị chuẩn cho các hạng tù hiện tại ở nơi khẩn ruộng, từ sau còn có lăng ngược hống hách và trốn đi), có tái phạm hay không tái phạm, mà nguyên bị tội chết được giảm phát ấy tuân y nghị năm Tự Đức thứ 30. (Năm thứ 30, nghị rằng : Chuẩn tha cho những tù phạm làm lính tội đồ, tội lưu và sung quân, hống hách lăng ngược, không chịu kiềm chế và trốn tránh, bắt được tra ra có tái phạm hay không có tái phạm mà nguyên can tội chết được giảm phát ấy, tức trảm quyết ngay. Đến như hạng tù phạm quân lưu để binh lần đầu trốn không có tái phạm, xử trảm giam hậu ghi án đóng gông, một tháng việc xong, lại giao về nơi đó để khẩn ruộng, nếu bắt được lại trốn, không kỳ có hay không tái phạm, nã được cũng xử trảm quyết).

Những lính bị tội đồ hay quân, lưu mà không bị tái phạm vẫn y theo tội cũ, thì tuân theo nghị năm thứ 31 : (Bổ nghị năm thứ 31, nguyên án can tội ăn cắp, chỉ xử phạt trượng, xét ra không tường hương quán cùng với không phải can án cắp, mà xét ra không tường hương quán phát binh ấy trốn lần đầu xử sung quân, lần thứ hai xử trảm giam hậu, ghi án đeo gông một tháng, rồi lại giao về khẩn ruộng, trốn lần thứ ba tức chém quyết ngay).

Còn những tù đã khỏi tội rồi, tuân theo nghị chuẩn năm thứ 34. (Nghị chuẩn năm thứ 34, cho các hạng tù khẩn ruộng ở sơn phòng các tỉnh, trốn lần thứ nhất có phạm lỗi xét ra tội phạm ấy nên xử trảm, giảo giam hậu, thì xử trảm quyết, bị quân lưu trở xuống thì xử trảm giam hậu, trốn lần thứ hai, xử chém ngay. Đến như trốn mà không tái phạm, xét ra tên nào nguyên can tội chết, quân, lưu, đồ thì giảm làm binh và nhiều lần phạm trộm cắp phạt trượng thích chữ, dân cung là nẫm ác, hạn mãn, dân không xin lĩnh, mà phát binh ấy thì lần đầu xử tội quân, lần thứ hai xử trảm giam hậu, lần thứ ba xử trảm lập quyết. Người nào nguyên can án ăn cắp, phạt trượng, không tường hương quán cùng với người không can án ăn cắp, mà xét ra không tường hương quán mà bị phát làm binh ấy, lần thứ nhất xử tội đồ, lần thứ hai xử tội quân, lần thứ ba xử trảm giam hậu, lần thứ tư xử trảm lập quyết).

Các khoản phân biện mà xử án, duy hạng không tường quê quán, theo nguyên nghị, trốn ba lần xử trảm giam hậu, nay xin đổi làm xử trảm quyết, quyết không nên để đến bốn lần, để tỏ sự nghiêm trừng. Những lính canh và quản về việc sơ phòng thì các nha ấy tuân ý như nghị năm 24.

(Năm thứ 24 phụng chuẩn : Phàm tù để khẩn ruộng, như có trốn đi, cho hạn 100 ngày nã được thì miễn tội, như không được, thì lính canh chiểu theo luật canh đánh mất tù ở nơi giam các đồn bảo, người phân canh thì giảm 4 bậc, lại lượng giảm 1 bậc nữa, cộng tính 5 bậc. Đốc canh thì giảm phân canh 3 bậc, quản suất theo thứ bậc mà giảm dần đi). Cấp hạn cho đi tầm nã, nhưng trước đem tên phạm ấy trốn và ngày tháng gia hạn đi bắt tù cho Bộ biết, hết hạn ấy mà không bắt được, thì ghi ấn đệ lên, còn khoản cuối năm chia thành định tội thì đình chỉ. Người phạm trốn về nguyên quán, hay trốn đi nơi khác, lý dịch sở tại đã do thượng ty sức nã, mà biết rõ người phạm ở đấy, sở tại không tức thì dò bắt, nên chiểu điều luật bắt phạm, không kém người phạm hai bậc mà xử trị. Cai, phó tổng thì bãi cách, quan thủ đồn trấn bị đòi xét, các viên thành thủ úy, tấn phủ, quản suất, chiểu luật phạt 100 trượng. Chuẩn giáng 4 cấp, đổi bổ nơi khác. Những trường hợp trên, như có tra ra kẻ nào dung túng hối lộ, đều xử tội nặng. Phủ, huyện và tỉnh thần chiểu lệ thất sát, phân biệt nghị xử. Thân thuộc phạm nhân dung lưu không thú (trừ những người chịu tang ba tháng trở xuống, y luật xử ngoài), đều chiểu lệ định tội, không được viện lệ cùng nhau dung ẩn. Đến như Sơn phòng Quảng Trị, lần này trốn tránh, còn chưa có bổ nghị, vì do quan sơn phòng ở đấy tư nã, trong trăm ngày ra thú thì y theo nghị cũ mà làm, nếu quá hạn ấy chiểu theo nghị mới).

Định đặt chức Tuần phủ Quảng Yên. Nguyên Tuần phủ tỉnh ấy là Hoàng Vĩnh, vì mùa đông năm ngoái, bị quân Pháp bắt, đã chuẩn cho lại đặt Bố chính (dùng Hồng lô Tự khanh là Bùi Tiền lĩnh làm) hội đồng với Án sát (nguyên Án sát là Trần Văn Úc) quyền giữ ấn quan phòng Tuần phủ. Đến đây lấy tỉnh ấy là tỉnh nhỏ, nguyên trước không đặt Tuần phủ, nên đình đi, vẫn chuyên đặt Bố chính.

Đổi định lại lệ trả hạn để chữa bệnh cho thất phẩm lại điển, tú ấm xuất thân và bát, cửu phẩm thư lại, các điển ty ở các dinh vệ, lại mục ở các phủ huyện và thừa biện ở các đồn.

(Lệ năm Tự Đức thứ 7 định rằng : Phàm quan viên như có bệnh xin về nghỉ, trừ quan văn từ tứ phẩm ấn quan trở lên, viên nào lệ được đủ số bày xin ấy, thì nên nghỉ ở dinh thự, hay ở ngoài điều trị, hoặc về nhà trọ hay về quê dưỡng bệnh, tới hẹn ra, đã có Chỉ riêng, ngoài ra, văn từ tứ phẩm thuộc viên trở xuống đến lục phẩm và những viên giáo huấn thất, bát phẩm ở ngoài đều do thượng ty cứu xét, không có tình ý quy tỵ xảo trá, mà tình hình mắc bệnh không quá trầm trọng, nên cho triển hạn 1 - 2 tháng hoặc 3 - 4 tháng, chữa khỏi bệnh lại về làm việc nhưng đều cứ thực tâu thay, hết hạn lại đến làm việc. Nặng ấy cũng chỉ tới 4 tháng mà thôi. Bằng hết hạn rồi, bệnh thế liệu không thể ở trong tuần nhật mà khỏi, và người đó xét ra là người có tài nhanh nhẹn, phẩm hạnh văn học cũng khá, thì phải nói rõ ở trong tờ sớ xin về quê hay về nhà trọ điều trị, ngày nào bệnh khỏi, tư bộ hậu bổ, còn người nào

tài hạnh tầm thường, làm việc, sai phái lại không đắc lực, mà lần ấy mắc bệnh, thực cũng không thể nhắc nhói được, cũng phải nói rõ ở trong tờ sớ xin cho gia hạn về hưu, chứ không nên 2 - 3 lần xin thêm hạn mãi, ai được gia hạn về hưu, người khoa mục xuất thân, không kỳ đã hay chưa tới tuổi đều chuẩn cho nguyên hàm về hưu dưỡng, còn không phải là người khoa mục, mà tuổi 50 trở lên cũng chuẩn cho nguyên hàm về quê hưu dưỡng, chưa đến 50 tuổi đều giáng một cấp, bắt về hưu, để tỏ sự phân biệt. Đến như từ thất phẩm trở xuống, lần đầu mắc bệnh đều do thượng ty xét thực, cho hạn ở ngoài, hoặc cận tiện về quán, về nhà trọ chữa trị, phải tư cho bộ Lại biết tỏ. Nếu đã gia hạn đầy 4 tháng điều trị, mà nguyên bệnh không được chóng khỏi, ai hễ ở quê hay ở nhà trọ điều trị mà khỏi, thì sẽ bổ ngay, còn ai được đem nguyên hàm về hưu dưỡng hay ai bị giáng một cấp mà bắt về hưu thì chiểu theo thể lệ trên mà tuân làm, tựu trung viên nào đã do thượng ty cho hạn về quê, về nhà trọ để điều trị ấy, thì bệnh tình do ở địa phương ấy xét thực, tư cho bộ Lại, nhưng cứ thượng ty ấy cứu xét người hay dở để phân biệt, tuân lệ tâu làm. Đến đây đổi định : Văn từ tứ phẩm ấn quan trở lên, cùng tứ phẩm thuộc viên trở xuống, đến lục phẩm và giáo huấn thất, bát ở ngoài vẫn theo lệ cũ biện lý. Ngoài ra, thất phẩm lại điển ở ngoài Kinh ; tú tài ấm sinh xuất thân cùng bát, cửu phẩm thư lại, điển ty các dinh vệ, lại mục các phủ huyện và thừa biện các đồn, mắc bệnh xin hạn nghỉ ở ngoài điều trị, đều do thượng ty xét thực, tư sang bộ Lại biết rõ. Ai đã nghỉ chữa 4 tháng mà chứng bệnh chưa thuyên ấy, thì không kể đã hay chưa đến tuổi 50, đều chuẩn lấy nguyên hàm về quê hưu dưỡng, không được lại xin nghỉ, lại xin bổ nữa. Đến như thượng ty và quan địa phương nếu có nể mặt ẩn giấu, bị người cáo giác ra, cũng chiểu luật nghĩ trị, để ngăn sự trốn lánh và cho trong sạch đường làm quan).

Đổi định lệ thưởng phạt cho biền binh diễn bắn súng Tây.

(Lệ cũ biền binh học tập súng Tây cứ 5 ngày phái ra võ ban, hiệp lĩnh, thị vệ và khoa đạo, Nội các, Binh bộ thuộc mỗi ban một người, hội đồng sức đem các sắc biền binh đã diễn tập, đủ cả thuốc đạn đều làm bắn thực, mỗi người 20 phát. Người nào trúng vòng 7 phát là hạng ưu, 4 - 6 phát là hạng bình, 1 - 3 phát là hạng thứ, ngoài ra, cũng đều trúng đĩa, tựu trung như có người nào trượt bia, thì lấy trúng khuyên một lần trừ đi, định hạng, như không trúng khuyên mà đều trúng bia, hay trượt một phát ấy thì ghi lỗi, bằng trượt hai phát thì phạt 20 roi, trượt ba phát thì phạt 30 roi, bốn phát thì phạt 40 roi, 5 phát thì phạt 50 roi. Từ 6 phát trở lên thì phạt 60 trượng, đều làm cho đúng quyết. Người nào ở hạng ưu thì thưởng thăng một trật. Chánh đội trưởng thì thăng thụ Tinh binh, suất đội đội trưởng thăng thụ chánh đội trưởng, cấp bằng đội trưởng, bổ thụ đội trưởng thư lại. Ngũ trưởng án bổ đội trưởng, dụng binh đinh cấp bằng đội trưởng. Hạng bình thưởng cho một đồng tiền bạc, hạng thứ thì được miễn nghị. Những viên quản suất phân luyện, cứ theo số ứng

hạch, chia làm 10 thành, trừ những hạng thứ miễn nghị ngoài, còn bao nhiêu thì được dự thưởng, xử phân án số khấu trừ. Những số thặng ngoài số thưởng. Được 1 thành hay không tới một thành đều không nên nghị ; 2 thành, thưởng cho 2 tháng lương tiền ; 3 - 4 thành, thưởng cho 3 tháng lương ; 5 - 6 thành thưởng cho 5 tháng lương ; 7 thành trở lên, quản suất thưởng 6 tháng, lại thêm kỷ lục 2 lần, đội trưởng thưởng thăng 1 trật, còn những người thăng ngoài số xử phân đến 2 thành ấy, thì phạt 20 roi, 3 - 4 thành phạt 30 roi, 5 - 6 thành phạt 40 roi, 7 thành trở lên phạt 50 roi. Quản suất chiểu lệ phạt bổng, đội trưởng xử luôn. Đến đây, đổi định mỗi người diễn bắn 12 phát, không kể trúng bia hay trượt bia, người nào 9 phát trúng khuyên là hạng ưu, 6 - 7 phát trúng là hạng bình, trúng 4 - 5 phát là hạng thứ, trúng 3 phát trở xuống là hạng liệt. Người nào dự ở hạng ưu, chuẩn thưởng như trước, tựu trung thư lại, ngũ trưởng binh đinh đều được thưởng và bạt bổ đội trưởng, không nên chia hạng. Dự ở hạng bình, chánh đội trưởng thưởng thí sai Tinh binh suất đội, đội trưởng, thưởng thụ Cấm binh, chánh đội trưởng, cấp bằng đội trưởng, thưởng thụ Tinh binh đội trưởng, nhưng lĩnh Cấm binh đội trưởng, thư lại ngũ trưởng, binh đinh thưởng cấp bằng đội trưởng. Hạng thứ đều thưởng cho 1 tháng lương tiền, hạng liệt đều đánh cho 50 roi, xử luôn. Những viên quản luyện, phân luyện nên được thưởng phạt thế nào, tuân y lệ cũ biện lý).

Tháng 6, mở khoa thi ân khoa về thi Hương hằng năm cho hai trường Bình Định và Thừa Thiên.

Dụ sai các tỉnh Bắc Kỳ : Từ nay phàm các công sứ đóng ở tỉnh như có tư báo khoản gì quan trọng ấy thì do tỉnh ấy giữ theo điều ước : (Khoản thứ 6 nói : Chánh, Phó công sứ nước Pháp đều theo lệnh Khâm sứ ở Kinh) bàn bạc rồi tư về quan Khâm sứ cùng viện bạc phúc y, rồi mới tuân làm, đến như việc do ở tỉnh khác, khoản khác mà tư vấn tắt ấy, tức thì bác khước, không được suất nhận, tự mắc phải lỗi.

Chuẩn định cho các quan thất thủ ở quân thứ các tỉnh Sơn, Bắc, Hưng, Tuyên, Thái, Đông giáng chức, cách chức được miễn nghị có thứ bậc. Trước đây, đình thần tâu lên, đã qua Phụ chính duyệt y, chuẩn như lời phúc đáp thi hành. Vua bèn xuống Dụ rằng : "Sơn, Bắc quân thứ cùng với các tỉnh Hưng, Tuyên, Thái, Đông, lần này thất thủ, thành trì, đoán lấy quân pháp, đều là có tội. Hoàng Tá Viêm hệ sung làm Đại tướng quân, việc ở trong quân, hết thảy ủy cho tướng quyền cả địa vị xiết bao long trọng, đương sự thế ấy, chẳng hay khéo trù tính, làm hỏng cuộc to, nay nên chiểu luật, xử trảm giam hậu, để tỏ bày phép nước. Tham tán là Lương Huy Ý (nay đổi làm Tư Thứ), thự Đô thống sung Đề đốc là Ngô Tất Ninh đều là quan to ở trong quân thứ ấy, một niềm tư tuận, cùng với Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đình Nhuận, Tuần phủ Bắc Ninh thự lý Tổng đốc là Trương Quang Đản đều có khổn trách, thế mà không bày được một chước gì, để đến hỏng việc, đều nên chiểu

theo nịch chức, xử cho cách chức. Duy 5 viên ấy hoặc tuổi cao, làm việc lâu, tình cũng đáng thương, hoặc tuổi mạnh hơi khỏe, có thể mưu đồ ở sau. Vậy Hoàng Tá Viêm chuẩn gia ơn giáng làm Thượng thư bộ Công, nguyên hàm tước tử, về quê hưu dưỡng.

Còn bọn Lương Huy Ý, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Đình Nhuận, Trương Quang Đản chuẩn gia ơn giáng xuống 2 trật, đổi bổ nơi khác. Đó là những ơn đặc biệt, chưa có thể vin đấy mà làm lệ được. Phó đề đốc Sơn Tây là Nguyễn Trì, Án sát thự Bố chính là Nguyễn Văn Giáp, Lãnh binh quân thứ Sơn Tây sung Phó đề đốc là Nguyễn Văn Hậu, Lãnh binh quyền Phó đề đốc Nguyễn Hữu Phu, thự Lãnh binh sung Phó đề đốc là Trương Văn Ban, Bố chính Bắc Ninh là Nguyễn Tu, Phó lãnh binh Phó đề đốc là Nguyễn Văn Chư, Bắc thứ Phó lãnh binh lĩnh Lãnh binh quyền lĩnh Phó đề đốc là bọn Lê Văn Hổ 8 viên chuẩn cho đều giáng xuống 4 cấp, đổi bổ nơi khác. Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây thự Lãnh binh là Đồng Văn Quý, Quản cơ lĩnh Phó lãnh binh là Nguyễn Văn Như, Sơn thứ Thị độc sung Tán tương là Nguyễn Thiện Thuật, Đồng tri phủ sung Tán tương là Nguyễn Huy Lân, Tri huyện lĩnh Tri phủ, giáng 4 cấp, đổi bổ nơi khác, sung Tán tương là Đào Bá Khải, Tu soạn sung Bang biện Nguyễn Hữu Danh, Lãnh binh Trần Văn Bẩm, Phó lãnh binh là Trần Nha, Nguyễn Văn Mẫn, Nguyễn Văn Hanh, Lưu Văn Thúc, Nguyễn Văn Mùi, Phó quản cơ sung Lãnh binh Thái Văn Hiển, Cai đội tác vi Phó lãnh binh Hoàng Đôn Điển, Bắc tỉnh Trước tác thự Án sát Nguyễn Ngọc Chấn, Lãnh binh Hồ Văn Phấn, Phó lãnh binh Cù Thản, Quản cơ tác vi Phó lãnh binh Trần Văn Mậu, Bắc thứ Thự giảng sung Thương biện Nguyễn Cao, Thị độc sung Tán tương Phạm Phú Lân, sung Bang biện Hoàng Văn Hòe, Trước tác sung Tán tương Đào Doãn Địch, Tu soạn sung Tán lý là Lương Quy Chính, Phó lãnh binh là Hồ Khắc Hòa, Quản cơ sung Phó lãnh binh là Phan Đức, Phó quản cơ lĩnh Phó lãnh binh là bọn Thiều Văn Dược 26 viên, chuẩn cho đều giáng 3 cấp, đổi bổ nơi khác. Tỉnh thành Hải Dương ở gần với tỉnh Hải Phòng, tình thế hơi khác tội còn có thể tha được, Tổng đốc Lê Điều trước đã can án tự tiện lùi về bị cách chức, nay đã tới lệ tuổi, lữ lực đến ngày suy, chuẩn cho gia ơn đổi giáng làm Hồng lô Tự khanh, hưu trí, nguyên được khoản cách chức, chuẩn cho tiêu án. Đề đốc Tôn Thất Hòe chuẩn cho giáng xuống 3 cấp, đổi bổ nơi khác. Tuần phủ Nguyễn Văn Phong đã bị bắt đi, đợi về sẽ nghị án. Lãnh binh Lương Văn Phú, Phó lãnh binh Nguyễn Triệu, Phó quản cơ lĩnh Phó lãnh binh là bọn Nguyễn Viết Vinh chuẩn cho đều cách chức, lưu dụng làm việc ở nơi ven góc hẹp hòi thuộc 3 tỉnh Hưng, Tuyên, Thái. Đại thế đã đến, thực khó chống nổi, nên theo án nhẹ để xử. Duy Tuần phủ Thái Nguyên là Nguyễn Quang Huấn, không đợi mệnh triều, trước tự bỏ về, thì tội nặng hơn xử phạt 100 trượng, giáng 4 cấp, đổi bổ nơi khác. Ngoài ra, còn Thị độc lĩnh Bố chính là Vũ Đốc, Thị giảng lĩnh Án sát

là Triệu Đức Vọng, Lãnh binh là Nguyễn Lộc, Phó lãnh binh Phan Văn Mỹ, lĩnh Bố chính thự Tuần phủ Hưng Hóa là Nguyễn Quang Bích, Thị độc học sĩ lĩnh Bố chính Bùi Quang Thích, Thị độc lĩnh Án sát Nguyễn Đình Dương, Phó lãnh binh lĩnh Lãnh binh Nguyễn Văn Thuận, Phó quản cơ lĩnh Phó lãnh binh Đoàn Văn Phòng, Tuần phủ tỉnh Tuyên Quang là Hoàng Tướng Hiệp, Hồng lô Tự khanh thự Bố chính là Lê Văn Duyên đều bị cách chức lưu dụng. Nguyên lĩnh Án sát Tuyên Quang, lần ấy bị bệnh về, Nghiêm Niệm nguyên là Án sát Sơn Tây đã được cách chức hiệu dụng. Tôn Thất Vịnh nguyên là Án sát Hải Dương bị giáng chức đổi bổ, Lê Mô Khải nguyên là Bố chính Hải Dương đã chết, Võ Túc nguyên là Phó lãnh binh Tuyên Quang đã chết và lũ Nguyễn Cửu Luyện đều được miễn nghị.

Trở lên trên này, văn từ Tham tán, võ từ Đề đốc trở xuống, chuẩn cho về 2 bộ Lại, Binh xét kỹ lại, ai là người mạnh khỏe có thể hiệu dụng được, thì cho lưu lại lượng bổ, người nào hèn nhát cho đem hàm mới, về quê hưu dưỡng. Đến như các viên phủ, huyện ở các tỉnh ấy, ai là người bỏ chức vị đi, xa lánh tỉnh khác là bậc thứ. Đốc binh, quản suất cùng với thành thủ úy, ai hễ có phòng giữ chuân chiểu theo 2 tỉnh Hà - Nam xét qua án đều cho xử cách lưu. Viên nào còn vẫn làm việc như cũ, thì cho miễn nghị. Ngoài ra, các chức giám lâm, kinh, thông, giáo chức cùng Thương biện, Bang biện các phủ, huyện và lũ bát, cửu phẩm thuộc về các tỉnh ấy chuẩn cho được miễn chức.

Thái giám Trần Đạt có tội xử chém bêu đầu, ân giảm làm trảm giam hậu. Trước đây, Đạt ngầm lấy đồ dùng ở trong nội đình (nồi hộp các thứ), thái hóa các hạng (dầu, lụa, v.v...) đem về nhà dùng riêng. Bộ Hình đã chiểu theo lệ lấy cắp trộm tài vật trọng khoản trong cung điện.

(Năm Minh Mệnh thứ 21, nghị chuẩn cho ở trong chốn cung điện hoàng thành, kẻ nào dám lẻn vào lấy trộm cắp, không câu nệ đã hay chửa lấy được của, không phân thủ phạm hay tòng phạm, đều chém ngay, bêu đầu, để bảo cho dân chúng biết. Lại trong phủ Nội vụ ở hoàng thành và các sở trại quân Cẩm y, Loan giá, có kẻ nào dám lẻn vào trộm cắp, hễ đã lấy được tài vật không cứ nhiều ít, thủ phạm chém ngay).

Xử tội chém ngay, bêu đầu để bảo quần chúng, Phụ chính phúc duyệt cho rằng Đạt là đầy tớ cũ của triều vua trước, chầu chực nhiều năm, xin gia ơn đổi làm trảm giam hậu và Hữu quân kiêm quản Thái giám là Hồ Văn Hiển cũng gia ơn cải làm cách chức lưu dụng (nguyên xử cách ly) tâu dâng, chuẩn cho đều như phúc duyệt, tống giam Đạt xuống nhà ngục phủ Thừa Thiên giam giữ, rồi phát giao cho nha Sơn phòng Quảng Trị để hiệu lực sai phái.

Truy thu cho cố thự Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận (Cử nhân, Võ Xá Quảng Bình) lại tặng cho Thượng thư bộ Công, chiểu theo tặng hàm cấp tiền

tuất, sai tỉnh Hà Nội (viên ấy quyền táng ở tỉnh ấy) và các địa phương ở ven đường phái bắt binh phu (quân thủy quân bộ tùy tiện) đưa về quê cũ. Văn Thận trước đây cai trị Hưng Yên, bị quan Pháp ngờ bắt, bèn hay hăng hái không chịu khuất, thung dung tới chết, nên nghĩ càng thương.

Chuẩn cho bớt quan lại để tăng lương bổng. Trước đây, vua Dụ bảo đình thần rằng : Đặt quân cốt ở được người giỏi, hậu lương lộc cốt để khuyến khích người làm quan. Từ xưa các bậc minh vương dựng lên chính trị cũng đều do đường lối ấy cả. Triều đình ta đặt quan chế lộc, đã có khuôn sẵn, gần đây nhân vì Nam - Bắc nhiều việc, Nhà nước thiếu tiêu, quan lại ngày càng tăng thêm, lương bổng thời thường giảm bớt. Ôi ! quan lại đặt nhiều, khó bề cầu trị yên được, bổng lộc ít ỏi, chưa có thể bắt giữ được thanh liêm. Người xưa nói thế, thực đã sâu rõ mối tệ. Vâng Tiên hoàng đế ta khi làm vua, ngày thường lưu tâm đến điều đó. Nhưng vì bận việc, chưa rỗi sửa chữa được. Trẫm nay nối ngôi, nghĩ cùng 2 - 3 quan đại thần, chấn chỉnh trăm việc, để mong được bình trị. Phàm hết thảy lương bổng của quan viên trong Kinh hay ngoài các tỉnh, cần nên một phen chước định khiến đều quy tiện. Tới đây, đình thần bàn nghĩ ở Kinh, lương bổng quan lại nên bớt nên tăng, đóng thành tập tiến trình.

Bèn lại giáng Dụ cho những người nào nên lưu hay nên giảm đều do thượng ty xét rõ : Người nào có phẩm hàm, tự do bộ Lại chiểu biện, về khoản tăng lương ấy thì lấy tháng giêng sang năm làm đầu ; duy thất, bát, cửu phẩm đến vị nhập lưu thư lại, như có chia bổ, làm giám thủ từ đường ở các phủ đệ tản nha. Công việc rất giản, chuẩn cho chiểu y nguyên lệ, cùng với thân phiên công chúa và các tôn tước, vẫn được bổng lệ ưu hậu, không nên cấp thêm, duy hiện tại gián hoặc có người thiếu thốn thì do Tôn nhân cùng quan Phụ chính xét kỹ dâng tâu. Chuẩn cho ơn bổng một lượt, để bày tỏ chí ý đôn thân. Xong rồi nhiều lần tuân Dụ, lại nghĩ đủ tâu. Chuẩn cho đều được thi hành.

(1. Giảm bớt ty Văn tuyển nguyên đặt ở bộ Lại, lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 2 người, cửu phẩm 2 người, thư lại 12 người.

Ty Trường tự : Lang trung, viên ngoại, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 2, cửu phẩm 3, thư lại 15 người.

Ty Phong điển : Lang trung, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 1 người, thư lại 12, gồm 3 ty cộng 68 người.

Nay trừ ty Văn tuyển việc nhiều, vẫn theo như cũ, ngoài ra, 2 ty Phong điển, Trường tự việc coi hơi ít, vậy hợp ty Trường tự với ty Phong điển, lưu lại lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2, thư lại 13, ấy là chỉ lưu 41 người.

Bộ Binh nguyên đặt Võ tuyển ở Kinh kỳ 2 ty, mỗi ty lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 2, cửu phẩm 3, thư lại 18 người.

Ty Trực tỉnh : Lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 18 người.

Ty Khảo công : Lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 16 người.

Ty Bưu chính : Chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 15 người.

Ty Phong cáo : Viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 1 người, thư lại 12 người.

Hai kho súng đạn và thuốc súng : Lang trung, viên ngoại lang đều 2 người, tư vụ 2 người, bát, cửu phẩm 4 người, thư lại 24 người. Gồm 7 ty hợp cộng 178 người, nay lưu lại lang trung 3 viên, ngoại lang 3 viên, chủ sự 3 viên, tư vụ 6 viên, bát phẩm 8 viên, cửu phẩm 11 viên, thư lại 56 viên.

Phong cáo, Bưu chính 2 ty ít việc, thì ty Phong cáo hợp với ty Võ tuyển, ty Bưu chính hợp với ty Trực tỉnh, ngoài ra, đều như cũ, số lưu ấy chỉ có 90 người.

Bộ Lễ nguyên đặt ty Nhân tự, lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 14 người.

Ty Nghi văn : Lang trung, chủ sự đều 1 người, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 12 người.

Tân hưng và Thù ứng 2 ty : Mỗi ty viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại đều 12 người.

Ty Quang lộc : Viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 2 người, cửu phẩm 1 người, thư lại 12 người.

Ty Thái thường : Viên ngoại lang, chủ sự đều 1 người, bát phẩm 1, cửu phẩm 2, thư lại 12 người.

Phàm 6 ty, hợp cộng 105 người, nay Thái thường gồm vào với Quang lộc. Hợp các ty hiện lưu viên dịch là : Lang trung 2 viên, ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 3 người, bát, cửu phẩm đều 6 người, thư lại 36 người. Ấy số lưu chỉ có 69 người.

Bộ Hộ nguyên đặt ở Kinh trực, Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Thuế hạng, Thưởng lộc 5 ty : lang trung 3 người, ngoại lang 4 người, chủ sự 4 người, tư vụ 6 người, bát, cửu phẩm 11 người, thư lại 61 người, cộng 101 người, nay để lại ty Kinh trực và ty Nam Kỳ là lang trung, chủ sự đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 10 người.

Ty Bắc Kỳ là : Lang trung, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 9 người.

Ty Thuế hạng : Viên ngoại lang, tư vụ, bát phẩm đều 1 người, cửu phẩm 2 người, thư lại 7 người.

Ty Thưởng lộc : Viên ngoại lang, tư vụ, bát phẩm, cửu phẩm đều 1 người, thư lại 6 người, ấy lưu lại chỉ 54 người.

Bộ Hình, nguyên là Kinh trực, Bắc điển 2 ty : Lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm đều 2 người, cửu phẩm đều 3 người, thư lại đều 18 người.

Ty Nam điển : Lang trung, chủ sự đều 1 người, bát phẩm 2 người, cửu phẩm 1 người, thư lại 12 người. Hợp cộng 68 người. Nay lưu ở ty Kinh trực : Lang trung, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 10 người.

Ty Nam điển : Viên ngoại lang, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 1 người, thư lại 6 người.

Ty Bắc điển : Lang trung, chủ sự đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 8 người, ấy lưu lại chỉ 41 viên nhân.

Bộ Công, nguyên ty Quy chế : Lang trung, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 3, cửu phẩm 2 người, thư lại 18 người.

Ty Doanh kiến : Lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 14 người.

Ty Tu tạo : Lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 2 người, cửu phẩm 3 người, thư lại 15 người.

Ty Tài mộc : Lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 1 người, thư lại 12 người. Hợp cộng 90 người, nay lưu lại lang trung 2 viên, ngoại lang 3, chủ sự, tư vụ đều 4 người, bát phẩm 5, cửu phẩm 7 người, thư lại 35 người, cùng nha Thuyền chính (trích bổ thêm 10 người) gồm hợp với ty Tu tạo, đấy chỉ lưu lại cộng 60 viên nhân.

Nha môn Vũ khố : Nguyên tư vụ, bát cửu phẩm 12 người, thư lại 40 người, hợp cộng 52 người, nay lưu lại tư vụ 4 người, cửu phẩm 5 người, thư lại 17 người, ấy là lưu lại chỉ 26 người.

Nha Vũ khố đốc công : Nguyên lang trung 1 người, viên ngoại lang, chủ sự đều 2, tư vụ 4 người, bát phẩm 3 người, cửu phẩm 4 người.

Nội vụ đốc công sở : Nguyên viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 2 người.

Nội tạo sở : Nguyên viên ngoại lang, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 1 người, cộng 26 người. Nay lưu lại lang trung 1, viên ngoại lang, chủ sự đều 2 người, tư vụ, bát cửu phẩm đều 3 người, đấy lưu lại chỉ 14 người.

Ty Hành nhân : nguyên 98 người, nay lưu lại 65 người. Thị vệ, ty Cẩn tín : Lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người,

vị nhập lưu thư lại 16 người, nay giảm lang trung 1 người, thư lại 8 người, cộng lưu lại 15 người.

Nội các : Nguyên 4 sở Thượng bảo, Ty luân, Bí thư, Chưởng tịch : thị độc, Thừa chỉ, trước tác, đều 2 người, tu soạn 4 người, biên tu 6 người, kiểm thảo, điển bạ đều 5 người, đãi chiếu 2 người, nay lưu thị độc, thừa chỉ, trước tác, tu soạn, đều 2 người, biên tu, kiểm thảo đều 3 người, điển bạ 4 người, bút thiếp, thừa biện 10 người, cộng 28 người. Đến như Quốc sử quán hiện khâm tu thực lục bận việc, đợi khi thanh thỏa sẽ bàn, lại viện Hàn lâm gồm vào với Nội các Bí thư, để cho các nha đều châm chước công việc nhiều ít, tính để đổi bổ, còn thừa cho về quê quán chờ bổ hay về hưu. Còn lệ lương theo lệ đồng niên cấp như sau :

Chánh nhất, tiền lương 400 quan, gạo 300 phương ; tòng nhất, tiền 300 quan, gạo 250 phương ; chánh nhị, tiền 250 quan, gạo 200 phương ; tòng nhị, tiền 180 quan, gạo 150 phương ; chánh tam, tiền 150 quan, gạo 120 phương ; tòng tam, tiền 120 quan, gạo 90 phương ; chánh tứ, tiền 80 quan, gạo 60 phương ; tòng tứ, tiền 60 quan, gạo 50 phương. (Tự Đức năm thứ 29, châm chước : Chánh tứ, tiền 60 quan, gạo 50 phương ; tòng tứ, tiền 50 quan, gạo 40 phương) ; chánh, ngũ, tiền 40 quan, gạo 30 phương ; tòng ngũ, tiền 35 quan, gạo 30 phương ; chánh lục, tiền 30 quan, gạo 25 phương ; tòng lục, tiền 25 quan, gạo 22 phương ; chánh tòng thất, tiền đều 22 quan, gạo đều 20 phương ; chánh tòng bát, tiền đều 20 quan, gạo đều 18 phương ; chánh tòng cửu, tiền đều 18 quan, gạo đều 16 phương. Quan văn, quan võ cũng như nhau, nay thêm cho đồng niên theo dưới đây : Văn chánh nhất, tiền 2.000 quan, gạo 200 phương ; tòng nhất, tiền 1.800 quan, gạo 150 phương ; chánh nhị, tiền 1.500 quan, gạo 150 phương ; tòng nhị, tiền 1.200 quan, gạo 120 phương ; chánh tam, tiền 1.000 quan, gạo 100 phương ; tòng tam, tiền 800 quan, gạo 80 phương ; chánh tứ, tiền 500 quan, gạo 50 phương ; tòng tứ, tiền 400 quan, gạo 40 phương ; chánh ngũ, tiền 300 quan, gạo 35 phương ; tòng ngũ, tiền 250 quan, gạo 30 phương ; chánh lục, tiền 220 quan, gạo 26 phương ; tòng lục, tiền 200 quan, gạo 24 phương ; chánh thất, tiền 180 quan, gạo 22 phương ; tòng thất, tiền 160 quan, gạo 20 phương ; chánh bát, tiền 140 quan, gạo 18 phương ; tòng bát, tiền 120 quan, gạo 18 phương ; chánh cửu, tiền 100 quan, gạo 18 phương ; tòng cửu, tiền 80 quan, gạo 18 phương, vị nhập lưu thư lại, tiền 6 quan, gạo 1 phương rưỡi.

Từ đây trở lên, văn thất, bát, cửu phẩm và vị nhập lưu thư lại như được phân bổ làm giám thủ từ đường, phủ đệ các tản nha, thì lương bổng chiếu y nguyên lệ. Đến như phẩm trật quan võ tuy có cùng nhau, mà sở sự có phân biệt, cho nên từ trước tới nay, hết thảy những cuộc yên vui, cũng đều sai kém, nay lương của quan văn có người bớt, có người thêm mà quan võ chưa tiện giảm bớt, thì số người còn nhiều, bằng theo lệ lương cứ tăng lên, thì tiền thiếu khó kế tục được, chuẩn cho so với

quan văn có kém, để biết phân biệt : chánh nhất : tiền 1.500 quan, gạo 180 phương ; tòng nhất, tiền 1.200 quan, gạo 150 phương ; chánh nhị, tiền 1.000 quan, gạo 120 phương ; tòng nhị, tiền 800 quan, gạo 100 phương ; chánh tam, tiền 600 quan, gạo 80 phương ; tòng tam, tiền 500 quan, gạo 60 phương ; chánh tứ, tiền 400 quan, gạo 40 phương ; tòng tứ, tiền 300 quan, gạo 36 phương ; chánh ngũ, tiền 250 quan, gạo 30 phương ; tòng ngũ, tiền 200 quan, gạo 26 phương ; chánh lục, tiền 160 quan, gạo 24 phương ; tòng lục, tiền 130 quan, gạo 24 phương ; chánh tòng thất phẩm, tiền đều 100 quan, gạo đều 20 phương ; chánh tòng bát phẩm, tiền đều 80 quan, gạo đều 18 phương ; chánh tòng cửu phẩm, tiền đều 70 quan, gạo đều 18 phương. Trở lên đây, chánh, thất, bát, cửu phẩm chia bổ ở các đồn Hòa Thanh, Thanh Bình, Hưng Bình, du mộc, các phủ đệ phòng hải, tể sinh và lương công tác của Kiên Hòa, Kiên Vũ, Dực Thuận, Dực Thịnh đều chiểu theo y lệ cũ).

Những kỳ mục ở quý hương, quý huyện về Kinh kính dâng phẩm nghi (18 thoi bạc) tấn quang làm lễ khánh hạ. Vua Dụ chuẩn cho thưởng trả lễ về và gia ơn ban cấp có khác nhau :

(Gia Miêu ngoại trang bạc 100 lạng ; huyện Tống Sơn tiền kẽm 200 quan. Những kỳ lão huyện ấy hơn 100 tuổi trở lên, đều thưởng cho 2 lạng bạc và 2 tấm lụa ; 90 tuổi trở lên, 2 lạng bạc, 1 tấm lụa ; 80 tuổi trở lên tiền bạc hạng nhỏ Phi long 1 đồng, lụa 1 tấm. Bọn kỳ mục 4 người hiện đến Kinh : 2 người đều được tiền bạc Phi long hạng lớn đều 10 đồng, 2 người đều được tiền bạc ấy đều 8 đồng. Áo the dài hoa màu lam và the mỏng hoa hạng ấy, áo trắng ngắn bằng vải Tây, cùng quần trừu, hoa nam trắng đều mỗi người một).

Vua không khỏe, tháng tư trước, ngọc thể vi hòa, đình thần đã xin vua tĩnh dưỡng và chia nhau đi cầu đảo các linh từ, sau đó đã khỏe, nhưng chưa được bình phục như cũ, đến ngày mồng 7 tháng này, ngày Kỷ Mão mới ngự điện Văn Minh chịu lễ chầu mừng, ban thưởng lụa hoa cho các bầy tôi có thứ bậc, rồi sau lại không được khỏe. Thái y tiến thuốc, không thấy công hiệu. Ngày mồng 10 Nhâm Ngọ, bệnh kịch, giờ Ngọ hôm ấy vua mất ở chính tẩm điện Càn Thành. Hoàng thái phi bèn vời bọn Tôn nhân phủ Miên Định, Phụ chính phủ thân đại thần Hồng Hưu, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết và Thượng thư bộ Hộ Phạm Thận Duật truyền bảo Hoàng đế di chúc rằng : "Hoàng đế đức mỏng, có em là Ưng Lịch có học có hạnh, Hoàng đế như có mất đi, truyền bảo Tôn nhân, Phụ chính nên lấy Ưng Lịch vào nối ngôi lớn, để phụng tôn miếu, lại đại lễ Tiên hoàng đế chưa xong và lấy của dùng chưa sắn. Vậy hợp hành lễ tang châm chước làm được 4 - 5 phần mà thôi, chớ câu nệ thể lệ, bây giờ Miên Định công và Phụ chính thân đại thần truyền lệnh cho biết. Tôn nhân phủ văn võ đình thần bèn hợp từ tâu lên Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, Hoàng thái hậu rước công tử Ưng Lịch (là con thứ 5 Kiên Thái vương

Hồng Hợi, biện phụng ở đền vương ấy), vào nhà tang xưng là tự quân, phàm việc tâu xin tuân hành, chọn ngày lành làm lễ tấn tôn (đó là vua Hàm Nghi) qua 5 ngày, Bính Tuất, phụng yên linh cữu Đại hành hoàng đế ở điện Quang Minh, rồi sau 8 tháng, ngày Canh Thìn, kính dâng tôn thụy rằng :

Thiệu đức Chỉ hiếu Uyên nhuệ Nghị hoàng đế, miếu hiệu Giản tông. Ngày Nhâm Ngọ, phụng nghinh linh cữu khải hành, ngày Quý Mùi, phụng yên ở điện Chấp Khiêm (nguyên trước là một trại, nhân tôn dâng làm điện, đó là nơi ở khi vua chưa lên ngôi). Ngày Giáp Thân, giờ Thìn, yên lặng làm đường tụng làm lễ yên táng dâng tên lăng là Bồi lăng, giờ Mùi vâng đề thần chủ, rước về điện Chấp Khiêm, an vị, đến tháng 12 năm Thành Thái thứ 6, ngày Mậu Thân, phụng thần chủ phụ lên Thế miếu thánh vị, bèn phụng thờ ở điện Chấp Khiêm.

Vua thông minh cung nhượng, trời giúp người theo, nối giữ cơ nghiệp lớn lao không cùng, khuya sớm siêng năng, học hỏi thêm phần noi sáng cho quang minh, giữ sau lo trước, cẩn thận hằng ngày, mưu đồ mọi việc. Đương khi vận nước gian nan, mà sáng suốt lo toan, chống giữ cuộc lớn, để yên được công nghiệp vua cha, hiếu phụng Đông triều. Tình văn hậu kính bắt chước kiền, hành vi tốn, giữ ngôi làm ơn cho dân, một đức thuần toàn, đạt làm chí thuận. Thượng đế giáng phúc, năm được mùa, vật thịnh vượng. Vì dù trời thêm cho tuổi, thì ơn trạch thấm khắp thiên hạ, chưa biết đâu mà lường được.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN V*

THỰC LỤC VỀ GIẢN TÔNG NGHỊ HOÀNG ĐẾ

(Đế tên là Ưng Lịch, con thứ năm Kiên quốc công, nay tiến tặng là Hoàng thúc phụ Thuần nghị Kiên Thái vương, mẹ là Phan Thị Nhàn, sinh ngày Bính Tý, 17 tháng 6, mùa hạ, năm Tự Đức thứ 24. Tháng 6 năm Kiến Phúc thứ nhất, Giản tông Nghị hoàng đế mất, vào nối ngôi vua, tuân mở 20 chữ trong thơ đế hệ ở hộp vàng, bèn lấy chữ thứ năm là chữ "Minh" đặt tên, hai tên cũ làm tên tự. Tháng 5 năm Hàm Nghi thứ nhất, Kinh thành có việc, Tôn Thất Thuyết ép dời xe vua ra chơi ngoài, nhiều lần phái cho rước về không được. Kịp khi Cảnh tông Thuần hoàng đế lên ngôi, đã vâng Dụ của Từ Dụ, Bác huệ, Khang thọ, Thái hoàng Thái hậu đợi về cho làm công tước để thừa tự Kiên Thái vương. Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887] nghị chuẩn cho phụ kỷ vào sách làm Xuất đế. Năm ấy đế từ sơn phận Quảng Bình trở về. Khâm sứ bảo hộ Pháp nhân bàn rằng : Vì đế nhiễm phải lam chướng nhiều, đưa về nước để chữa thuốc, chờ sau khi khỏi sẽ trả về. Tháng 9 năm Thành Thái thứ 8, lại nghị chuẩn theo cách chép Kiến Văn đế, Cảnh Thái đế [1] ở sử nhà Minh để chép Hàm Nghi đế và phụ vào kỷ này).

Giáp Thân, ngày Quý Mùi (tức ngày 11), tháng 6, mùa hạ, năm Kiến Phúc thứ nhất [1884], quần thần rước Tự quân đến điện Cần Chính nhận bảo tỷ truyền quốc và áo bào muôn năm nối ngôi, dâng thư rước lên ngôi vua. (Sách văn nói :

(1) Hai ông vua này vì bị giặc cũng phải bỏ nước chạy ra ngoài (xem *Minh sử* Trung Quốc).

Kính nghĩ dưới điệu hoàng đệ v.v...) bèn kính mở quỹ vàng duyệt lấy tên vua cùng kính cáo giao, miếu, các điện, tâu suốt ba cung hợp hành sự nghi, đều y như lệ trước.

Giáp Thân (tức ngày 12), Tự quân lên ngôi ở điện Thái Hòa, lấy sang năm là Ất Dậu làm năm Hàm Nghi thứ nhất, ban bảo chiếu cho khắp trong ngoài.

Lễ tấn quang đã thành, lấy ba ngày lành trong tháng ấy là Đinh Dậu, Mậu Tuất, Canh Tý vâng ở ba cung liệt miếu, kính làm lễ thân đến yết kiến và bái yết, lại sai quan đi đến miếu Trừng quốc công và Nguyên miếu ở Thanh Hóa, tế cáo đều theo như nghi lễ.

Sắc phiến tấu ở các nha 6 bộ và chương sớ ở bốn phương, trước hết phải do Phụ chính đại thần viện Cơ mật duyệt biện, rồi sau tấu lên cho vua nghe.

Định hạn mặc áo tang cho cả trong ngoài Kinh thành. (Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ đình không phải mặc đồ tang. Hoàng thái hậu vẫn mặc áo tang : Hoàng thái phi mặc áo tang đến sau khi yên táng 13 ngày thì bỏ. Tự Hoàng đế mặc áo tang một năm ; thân vương, quận vương, hoàng thân, công chúa, các công tử có tôn tước và văn võ trong ngoài, ấn quan đều chịu tang một năm. Phi tần các triều, vợ lẽ các phủ, các con gái tước công còn ở nhà, các vợ lẽ công tử đã phong tước, hạn để tang cũng như hoàng hậu ; vợ cả các quan đều theo lệ tang như chồng ; con gái tước công đã gả chồng, cháu trai tước công và cháu gái còn ở nhà, để tang sau Ninh lăng 13 ngày thì thôi tang. Phò mã, thuộc viên văn lục phẩm, võ ngũ phẩm trở lên, con cả quan nhất phẩm và thái giám, nữ quan, lão tỳ, người vú, người đầy tớ theo hầu Đại hành Hoàng đế, thì hạn để tang đều như nhau ; văn thất phẩm, võ lục phẩm trở xuống đến cửu phẩm, chịu tang đến sau Ninh lăng 9 ngày thì thôi ; con cả quan nhị phẩm, tịch tiến sĩ, phó bảng ở quê quán và học sinh ở trường, ấm, giám sinh, cử nhân, tú tài, võ cử, hạn để tang đều như nhau, còn ngoài ra đều đình miễn cả).

Chuẩn cho Tả tham tri bộ Lại Bùi Ân Niên kiêm sung Biện sự vụ viện Cơ mật ; thự Tả tham tri bộ Binh Nguyễn Thuận quyền sung làm Nội các sự vụ, vì công việc ở viện, các bề bộn, mà hai quan ấy là người am luyện hơn vậy.

Thương bạc thần ở viện Cơ mật cho rằng lễ tấn quang đã thành, đưa thư cho Khâm sứ Pháp là Lê Na chuyển tư cho tướng Pháp Mi-lô và gửi về Quốc trưởng Pháp.

Chuẩn cho Tả tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế sung làm Đổng lý tang nghi đại thần, Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Hổ oai là Nguyễn Văn Cát làm Phó. Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Tiền phong là Trương Văn Hùng sung làm Đổng lý coi việc xây dựng sơn lăng, thự Thị lang bộ Công là Lê Hữu Thường làm Phó.

Ngày Bính Tuất, phụng yên linh cữu Đại hành Hoàng đế ở điện Quang Minh. Ngày Mậu Tý, kính gặp ngày tiểu tường Dực tông Anh hoàng đế, Thái hoàng

Thái hậu Từ Dụ ngự xe đến điện Hòa Khiêm làm lễ dâng rượu. Đế thân đến làm lễ, theo như nghi thức. Ngày Nhâm Thìn, làm lễ thành phục.

Ngày Đinh Dậu, xây Huyền cung ở phía tả (tọa hướng Quý, trông hướng Đinh, kiêm Tý, Ngọ, mẫu mực làm Huyền cung bảo thành, kính theo trị mệnh [1], xây dựng đều tỉnh giảm ước lược) trai Chấp Khiêm ở Khiêm lăng (ở phía tả La thành Khiêm sơn là nơi lúc Đại hành Hoàng đế chưa lên ngôi thời thường ở đó).

Chuẩn cho khai phục nguyên hàm Tổng đốc Định - Yên Vũ Trọng Bình về quê hưu trí. Trọng Bình (Cử nhân, Quảng Bình) trải thờ bốn triều vua, vốn nổi tiếng là người liêm năng, trước can vào việc thất thủ, bị cách chức hiệu lực. Từ khi được về nghỉ hạn, hàm Hồng lô tự Thiếu khanh, sung Thương biện tỉnh Nghệ An, năm ấy ông đã 77 tuổi. Vua thương là người bầy tôi cũ, cho nên mới có mệnh này.

Khâm sứ Pháp đóng ở Kinh thành là Lê Na đem quan quân cùng đóng ở điện Thái Hòa, dâng sớ mừng lễ tấn quang và một cỗ kiệu (mạ vàng, bọc gấm), cất mũ, làm lễ ba lần cúi đầu. Lễ xong, truyền Chỉ ban cấp có thứ bậc. (Tham chước cách thưởng cấp như cũ : Lần này quan quyền khâm sứ, tham tán, quan năm, ba viên ấy đều được thưởng tiền vàng (nặng 7 đồng cân) chạm vân rồng hạng lớn, mỗi viên một đồng, đều có gù dây đeo. Hộp chữ nhật bằng thứ gỗ đỏ khảm xà cừ, bốn góc bịt bạc. The màu tốt đều 2 tấm. Kịp những số người cùng bày hàng kể dưới đây : Quan tư 2 người, tiền vàng văn rồng hạng nhỏ (nặng 3 đồng cân) đều 1 chiếc, đều có dây gù đeo bằng tơ (dưới cũng thế). Quan ba 8 người, tiền bạc văn rồng hạng lớn (nặng 7 đồng cân) đều một chiếc. Quan hai, quan một bác vật, ký lục 15 người, tiền bạc văn rồng (nặng 5 đồng cân) mỗi người một đồng. Ký lục là Lê Duy Hinh và hai tên thông ngôn, sa thường nhuộm màu và lụa trắng đều 1 tấm. Lính 160 người chia cấp cho bạc phiến, đều nặng 5 đồng cân, cộng 160 phiến, bạc nguyên 200 đồng, và bò, gà sống, gà vịt các hạng, khoản cấp cho những lính ấy ăn dùng). Trước đây, đem việc làm lễ tấn quang gửi thư sang Giám quốc Đại Pháp. Đến đây, gửi thư trả lời nói : Chính thể ở nước ta, nước ấy đã chẳng biết gì, duy việc đại lễ tấn quang và các việc đặt phụ chính thần, nước ấy cùng với Tri Phương đã hợp biết sự thể, viện thần phúc y rồi, cho nên chuẩn cho đến tiến yết, sứ ấy lại yêu cầu xin cho quan quân nước ấy vào đóng ở đài Trấn Bình à. Vua cũng y cho (đài Trấn Bình làm ở ngoài cửa Trấn Bình, thành cao một tầng, chu vi 246 trượng 7 thước 4 tấc, tục gọi là thành Mang Cá, nay cho quan quân ấy vào đóng, đó là nơi đất nhượng).

Sai Phụ chính đại thần bàn với quan Khâm sứ đóng ở Kinh, xin cho thuê người nước ấy quản coi 3 chiếc tàu thủy là Thuận Tiếp, Thuận Ổn và Lợi Đạt để chạy đi Hải Dương, Hải Phòng, chở gạo về Kinh.

---

(1) *Trị mệnh* : di mệnh hợp lẽ phải.

Quan Thượng thư Pháp là Sinh-bích xin triệt quân ở tỉnh đi, chỉ để lính tuần thành, lính lệ, phu trạm để khấu trừ những số dân thuê làm việc mọi việc ; các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Bắc Ninh đem việc tâu lên, sai tỉnh thần lại bàn bạc châm chước cho đúng.

Khai phục quyền Tổng đốc Hà - Ninh cho Nguyễn Hữu Độ làm Hồng lô Tự khanh về Kinh biện lý bộ Lại. Lấy quyền Tổng đốc Sơn Tây là Nguyễn Trọng Hợp đổi làm quyền lý Tổng đốc Hà - Ninh. Sau nhân tướng Pháp là Mi-lô, hai lần thương thuyết, đều chuẩn cho lưu chức, đặc biệt đem câu xem gió chuyển buồm, trách Hữu Độ.

Cho người Pháp Ê-mô-ni-ê ở trong nước tìm học về môn bác vật. (Do viện bạc cấp giấy thông hành, trừ ngoài đất cấm, sở Bác vật ấy học những môn về truyện cổ tích lưu truyền ở dân gian và những vật kiến tạo của bản quốc).

Đặt quân võ sinh. Trích một viên quản, hai suất đội, 100 quân ở hai vệ Thượng tứ và Khinh phi sung vào quân ấy. Đặt trường diễn võ, diễn tập võ nghệ và cách bắn súng mở bụng, cấp thêm cho mỗi tháng 1 quan tiền, được miễn việc công dịch, khiến cho chuyên tập, để phòng bị lúc cần dùng.

Năm đó ân khoa thi Hương võ, đã chuẩn cho hai trường Thừa Thiên, Bình Định thi tháng 7, trường Thanh Hóa thi tháng 10, trường Hà Nội hợp thí với trường Thanh Hóa. Đến đây, nhân công việc bề bộn, chuẩn cho hoãn đến sang năm sẽ hợp với chính khoa cử hành, lấy thêm ngạch đỗ.

Ngày mồng 1, Quý Mão, tháng 7, làm lễ Thu hưởng, vì kính gặp ngày quốc hiệu, nên tạm đình. (Tháng trước bộ Lễ phiến tấu, chuẩn cho lễ Thu hưởng này đình đến lễ Đông hưởng, về sau, đã qua hạn tốt khốc, sẽ chiểu lệ thi hành. Duy các tiết lễ và ngày mồng 1, mười rằm ở trong miếu điện, năm đó lễ thường, không phải là ngày đại lễ. Sai chức quan Tôn thất làm lễ).

Lễ tiểu tường Dực tông Anh hoàng đế đã xong, đặt đàn chay trên cạn và dưới nước ở chùa Linh Mụ, đọc kinh 7 ngày. Cho Chưởng vệ là Ngô Đình Bàn, Biện lý bộ Công là Trần Doãn Khanh, trông coi việc ấy.

Nêu thưởng cho kỳ dân [1] Hà Tĩnh là Đặng Nhai, một nhà ngũ đại đồng đường (bạc 5 lạng, vải lụa màu đều mỗi thứ 1 tấm).

Nêu thưởng cho những người tiết phụ [2] ở Nghệ An, Hà Tĩnh. (Hà Tĩnh là Đào Thị Hiển, hạng ưu ; Nghệ An là Nguyễn Thị Thiện, hạng bình).

---

(1) Dân già.

(2) Người đàn bà trinh tiết.

Hà Nội, Mỹ Đức hai hạt, giặc cướp nổi nhiều. Tri phủ phủ Ứng Hòa là Cao Xuân Dục đánh dẹp đắc lực, làm việc mạnh giỏi, nhiều người khen ngợi, chuẩn cho thăng thụ Hồng lô tự Thiếu khanh biện lý Hình bộ, sau vì Án sát Hà Nội còn thiếu, Xuân Dục trước trị phủ Ứng Hòa, tình thế đã am, lại chuẩn theo hàm mới thăng, đổi lĩnh Án sát tỉnh ấy, hiệp cùng Thị giảng sung Bang biện là Hoàng Cao Khải (nguyên là Tri huyện huyện Thọ Xương, viên ấy nhiều lần bàn với quan Pháp dẹp bắt các giặc, rất là được việc, nên mới được thăng hàm này) đốc sức bộ biền đánh bắt các tên tướng giặc cần được kết án một lượt, để trừ đứt mầm ác, cho yên địa phương.

Chuẩn cho Bố chính, quyền sung Tổng đốc Bình - Phú là Trần Lưu Huệ thăng thự Tuần phủ, nhưng vẫn quyền sung.

Dùng thự Tham tri bộ Lễ kiêm sung Toản tu Sử quán là Đặng Đức Địch thăng thụ Tả tham tri bộ Hình, quyền lĩnh Thượng thư bộ ấy, nhưng kiêm quán chức.

Chuẩn cho tu sửa các đền miếu từ sở và đồ thờ ở Văn thánh Hà Nội, Hội đồng, Thành hoàng và các miếu nhà Lê cũ và tự khí. (Nhân vì hủy thất, nên chuẩn cho tu tạo, các tỉnh Bắc Kỳ, hễ nơi nào như thế, thì phải nhất luật tuân làm).

Chuẩn cho Thống chế Tả dực quân Vũ lâm là Đinh Tử Lượng quyền Chưởng Tả quân, kiêm quản nhà võ học. Chưởng vệ dinh Thần cơ thự Thống chế là Tôn Thất Phê, thự Thống chế sung Quản biện Thị vệ kiêm quản Kiền hộ vệ ty là Nguyễn Đình Phổ đều thăng thụ Thống chế ; Chưởng vệ Cẩm y là Lê Văn Bằng, quyền Chưởng Tả dực quân Vũ lâm.

Ngày Đinh Tỵ, vua mặc áo cát phục ngự điện Văn Minh nghe việc triều, các quan mặc áo đẹp vào lạy, theo ban chầu chực. (Khi ấy, bàn chuẩn từ nay trở đi có chầu hầu, áo trắng, khăn đen, sau khi đã bỏ trở rồi, vua ngự chính điện cũng như ngày lễ thường).

Chuẩn thự Thống chế dinh Long võ Nguyễn Hữu Ngoạn đổi làm thự, làm Đề đốc Kinh thành, kiêm lý phủ vụ phủ Thừa Thiên. (Nguyên Vũ Văn Đức can vào việc thả tên phạm, bị giải chức, giao xét). Lĩnh Chưởng vệ là Trần Văn Quý, quyền Chưởng dinh Long võ.

Dùng nhật kỳ làm lễ Ninh lăng bá cáo trong ngoài. Dụ rằng : Việc tang tế của đế vương, điển lễ rất là long trọng, tình rất là thương đau. Lễ dùng hậu hĩ, cốt để bày tỏ lòng thân ái và tỏ sự nhân hiếu. Ngày mồng 10 tháng 6 năm nay, Đại hành Hoàng đế ta lên chầu trời, lòng ta vò võ thương đau, kính giữ lễ tang, tuân theo điển lệ. Mới đây, vâng theo di điển, bàn dâng tôn thụy, nêu rõ tiếng khen, để giãi mối lòng của một người là ta nhớ mến ; cho yên niềm các ngươi trăm họ tôn thân. Còn đến việc lớn kinh kỷ, dẫu hợp cả tài lực của thiên hạ lại mà làm, cũng chưa dám lấy thịnh đại. Kính phụng ý Chỉ của Hoàng thái phi truyền rằng :

Hoàng đế di chúc rằng : Vâng việc đại lễ Tiên hoàng đế chưa xong, kiêm vì tiền dùng chưa đủ, Hoàng đế đức mỏng, như có mất đi, thì việc làm lễ tang, 10 phần nên châm chước 4 - 5 phần, đừng bó buộc theo thể lệ. Ta kính vâng di huấn, không dám trái lời, kính bói ở phía tả trong La Thành núi Khiêm Sơn, chọn ngày lành đất tốt, vâng dựng lăng tẩm dâng tên lăng, gọi là Bồi lăng. Còn đường hầm và nơi đặt quan tài vẫn tuân theo thể lệ trước, tẩm điện thì làm ở nhà Chấp Khiêm về phía tả Khiêm cung, đó là theo lời di chúc của Dực tông Anh hoàng đế, lấy đó làm trụ tất của Đại hành Hoàng đế ta khi chưa lên ngôi ; nhưng dựng thêm nhà tiền đường làm nơi bày đồ thờ, cốt dùng nhà này làm nơi chính điện. Kính vâng nơi thần ngự sở tại dâng làm điện Chấp Khiêm, nay mọi việc đã xong, chọn ngày kính cáo giao, miếu, các điện và đàn Xã Tắc, lấy ngày mồng 2 tháng 8 mùa thu này làm lễ cất đưa, ngày 12 rước linh cữu, ngày 13 yên táng, dùng lễ 7 tuần tế ngu, đến ngày 20 tháng 9 làm lễ tốt khốc. Kêu gào trời đất, thương xót biết bao ! Nghĩ tới bọn dân tôi các ngươi, núi hang kêu khóc, mến tiếc cùng lòng, nên nay đã làm xong việc lớn rồi, thì tức có kỳ vọng xa xôi nữa. Đặc biệt bá cáo, khiến cho mọi người nghe biết. Vậy có các điều khoản cấm răn như lệ trước, chuẩn cho bộ Lễ khâm tống tuân hành. (Khi ấy hiện đã bàn dâng tôn thụy, nhưng chưa kịp làm ; cho nên trong Dụ còn xưng là Đại hành Hoàng đế).

Kỳ đại lễ Ninh lăng đã tới, sai Hậu quân Đô thống phủ Đô thống kiêm Chưởng Trung quân là Nguyễn Hanh, Thượng thư bộ Hộ sung đại thần viện Cơ mật là Phạm Thận Duật sung là Tổng biện sứ, Thống chế Nguyễn Đình Phổ sung Tổng biện phó sứ.

Chuẩn định các điển lễ về việc tế cáo đề chủ và thăng phụ lên nhà Thế miếu. Khi ấy, đình thần văn ban ở phủ Tôn nhân tâu nói : "Cẩn xét thiên *Bàn Canh* trong kinh *Thượng thư* chép : "Nhà Hữu Thương truyền ngôi cho em". *Sử ký* nói rằng : "Từ Dương Giáp đến Tiểu Ất, anh em bốn người cùng nối ngôi nhau, cho nên không xưng là tự tử, mà nói là cập vương để tỏ bày em không nối dòng anh". Lại Xuân thu, Thành Công năm thứ 15, Trọng Anh Tề mất, Hà Hưu nói : "Cái nghĩa em không chịu nối dòng anh là loạn, chiểu theo thứ tự hàng mục, thì trái với đạo cha con. Văn đế, Huệ đế nhà Hán, đều là con của Cao tổ, Văn đế chịu ngôi Huệ đế, mà đời Hán bàn việc lễ ấy đều tôn Văn đế, là trên nối ngôi Cao tổ". Sách nhà Tấn, Hạ Tuân bàn rằng : "Anh em không nối dòng nhau, vua Bàn Canh nhà Ân không nối Dương Giáp, vua Quang Vũ nhà Hán không nối Thành đế. Huệ đế không có con, Hoài đế nối ngôi, em không theo dòng anh. Hoài đế tự nối với Thế tổ mà chẳng nối ở Huệ đế". Ôn Kiều lại nói : "Nếu không phải là con, thì cứ chép thẳng là Hoàng đế dám cáo với mỗ Hoàng đế. *Tống sử lễ chí* chép : Thái tông thờ cúng Thái tổ, 22 năm xưng là hiếu đệ, Chân tông thờ Thái tổ vẫn xưng là hiếu tử, hợp mấy điều đó lại, thì nghĩa đó có thể làm bằng cứ được. Vâng Hoàng thượng ta chịu lời di

chúc của Đại hành hoàng đế, để nối chính thống của Dực tông Anh hoàng đế, nghĩa ấy rất chính, việc ấy rất thuận. Trước đã vâng cáo ở điện Hòa Khiêm rằng : Hiếu tử tự hoàng đế, thần, tên vua, dám cáo với Hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế, đấy là y theo phép cũ của nhà Thương, nhà Hán, nhà Tấn, nhà Tống vậy. Duy vâng ở chỗ viết giữa và bên cạnh thần chủ Dực tông Anh hoàng đế, cung thỉnh như cũ, đình việc cải đề, làm lễ dâng lên bàn thờ rằng : Hiếu đệ tự hoàng đế thần tên vua dám cáo với Giản tông huy hiệu hoàng đế, mé bên hữu mặt thần chủ kính đề hiếu đệ tự hoàng đế tên ngự phụng tự. Đó là phỏng theo di ý của vua Thái tông nhà Tống, xưng là hiếu đệ, để thờ Thái tổ vậy".

Phụng làm lễ ở điện Hòa Khiêm, ngự mặc áo trở ; phụng làm lễ ở bàn thờ thì mặc áo gấu bằng, tức là theo lời người trước, bảo là một người gồm chủ hai việc tang vậy. Lại xét anh em nối nhau làm vua, đều là hàng chiêu, hàng mục. Về đời nhà Thương, anh chết thì đến em, cho nên 16 đời mà có 28 vua. Vua Cảnh, vua Văn thờ cùng một miếu ; vua Kính tông, vua Văn tông, vua Vũ tông cùng là một đời, mà chế độ hoặc thờ cùng nhà, hay là thờ khác nhà, hoặc cùng một ngôi hay khác vị, cổ nhân đều có làm rồi. Nay vâng sau khi tế đàm Đại hành hoàng đế, thăng phụ xin liệt vào nhà thế miếu, để tỏ bày chính thống, đến như chỗ nhà thờ hay ngôi thờ, đợi sau sẽ xét, đó là nhân theo tỉnh định nghĩa mà chiết trung các lễ, chuẩn như lời tâu mà thi hành.

Mở nơi giảng sách. (Mỗi ngày một viên đường quan ở Nội các luôn thứ rảo tới kính giảng kinh sử và lưu chực ở Các để phòng bị lúc có việc vời hỏi. Mỗi tháng ngày mồng 2, 12, 22, các ngày ấy, quan Phụ chính đại thần và quan giảng rảo tới châu giảng, vâng đợi hỏi han).

Phạm viên[1] là Ông Ích Khiêm chết ở nhà ngục Bình Thuận. Ích Khiêm mùa hạ năm ấy vâng lệnh phải đi khám Sơn phòng Quảng Nam, bị bọn Chưởng ấn là Đào Hữu Ích, Nguyễn Doãn Tựu đem việc chỉ hặc (tự tiện bắt lính Kinh hơn 50 tên hộ tống và lấy công nữ, đuổi dân cư, xây nhà riêng) giao cho đình nghị, sau thành án, cách bỏ chức tước (nguyên Thị lang bộ Binh, phong tước nam) phát đi Bình Thuận sung quân (theo về khoản tự tiện bắt người, hỏi tội), thu hết ấn quan phòng cấp cho cũ, khóa tay giải đến chỗ đi đày, khi đi đường đến Quảng Ngãi, bị bệnh xin nghỉ. (Nói : đi theo việc bắt giặc, trải 150 trận, mình bị trọng thương, nay đi đường bị nóng, nhức đau, xin nghỉ lưu lại). Tỉnh thần là Trần Nhượng y cho hạn xin ở lại. Bộ Hình cho rằng vì tình riêng khinh thường phép luật, tâu hặc, phạt Nhượng bị giáng 2 cấp lưu lại làm việc, sai mỗi ngày phải đi hai trạm, hạn cho đi tới các tỉnh (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa), không được hạn lưu lại một khắc, kịp khi tới chỗ đày,

(1) *Phạm viên* : viên quan bị tù.

Phủ thần là Lê Liêm an trí xuống ngục. Ích Khiêm tháng ấy chết ở trong ngục, gia ơn miễn tội sung quân, khai phục Hàn lâm viện Thị độc, chiếu hàm cấp tiền tử tuất.

Chuẩn cho Bố chính Bình Thuận là Phạm Xứng, Bố chính Nghệ An là Lê Viết Huy (nguyên kính hầu đại lễ tiểu tường ở điện Hòa Khiêm) là quân thứ đóng ở Kinh và sung được khâm điển, kính làm lễ dâng hương.

Triệu địa phương ở phía Nam và phía Bắc cử một viên quan về Kinh, kính đến ngày đại lễ Ninh lăng. (Lĩnh Bố chính Quảng Bình là Trương Như Cương sung Bắc trực, kiêm Hữu kỳ Lãnh binh, lĩnh Phó lãnh binh Bình Định là Dương Đình Long sung Nam trực kiêm Tả kỳ).

Tha và triển hạn binh thuế cho các dân xã bị đốt, giết nhiều lần ở hai hạt Hà Nội và Nam Định có thứ bậc. (Hà Nội rất thiệt hại gồm 173 xã ; Nam Định rất thiệt hại gồm 404 xã. Các hạng thuế thiếu đều tha hết. Hà Nội thiệt hại vừa 22 xã, Nam Định thiệt hại vừa 86 xã, đều tha nộp 5 phần 10. Binh hạng đều chia hoãn 1 năm, hay 1 năm rưỡi, hay 2 năm). Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Mỹ Đức, các tỉnh, đạo, tình hình giống thế, cũng đều chuẩn cho phân hạng tha hoãn.

Chẩn cấp cho dân bị hỏa tai 97 hộ ở xã Lý Nhân, Quảng Bình.

Tu sửa phòng Sơn phòng Quảng Nam ở xã Dương Hòa phủ Thăng Bình. Đồng rừng thượng du có hàng muôn mẫu, đất rất màu mỡ, nhưng vì nước độc, khí nặng, gồm có giặc Mán quấy nhiễu, Đốc tiễu sứ là Trần Văn Dư xin tăng thêm việc hoàn tụ để cho thế lực Tả kỳ được mạnh lên, nên sai tu lý, để chứa muối gạo cho nhiều. Lại định cục buôn quế Quảng, chọn những người có hiểu tiếng Mán ấy sung làm. Phòng quan coi giữ công việc, cấm những người ngoài cuộc không được giao dịch với người Mán và vào trong làng Mán bóc quế để thu lợi quyền riêng.

Tháng 8, dùng Quang lộc Tự khanh là Trương Quang Đản thự lý Tuần phủ Trị - Bình (nguyên Phan Văn Dư quyền Chưởng).

Mở ân khoa thi Hương ở hai trường Thanh Hóa và Nghệ An.

Ngày Canh Thìn, làm lễ tấn tôn tên thụy và tên hiệu Giản tông Nghị hoàng đế. Trước đây vua Dụ : Từ xưa đế vương có đức thịnh nết tốt, hẳn có hiệu đẹp tiếng hay để tỏ bảo muôn đời, lễ điển rất là long trọng. Kính nghĩ... Đại hành hoàng đế : Anh minh chất tốt, hiếu hữu tinh kiêm. Ngày chưa lên ngôi, người đều mong đợi ; kịp khi kính nối nghiệp lớn, ngửa theo chí xưa, tấc dạ tiếng lo, dựng làm trăm việc. Kính sợ trời trong khi biến chuyển, bắt phép tổ, đốc chí nối noi. Tôn sự Dao cung, vui vẻ quạt nồng đắp lạnh ; phụng nơi linh tọa, âu sầu dạ xót lòng thương. Hòa họ mạc lấy ơn, mà được gia phong khuê tước. Đãi bầy tôi lấy lễ, mà ban sắc mệnh vẻ vang. Lo việc triều xem xét tấu chương, yêu dân chúng ban cho ơn chiếu. Kinh diên

ngày ngự, nghiên cầu học thuật đế vương. Sử yếu sửa sang, xem xét việc làm sau trước... Cho đến các việc binh, lý, tài, tuất hình, bình ngục, chỉnh đốn lại trị, giảm bớt văn thư, mọi việc đều tuân theo phép cũ, mà châm chước thi hành. Có lợi thì dấy, có hại thì trừ, người đều mong làm nên sự nghiệp lớn lao vậy. Vả lại, thời sự đương nhiều gian nan, ngày cùng với Phụ chính thân thần và đại thần, đo đắn cơ nghi, tính kỹ công việc, làm cho ngoại tình thiếp phục, chuyển nguy làm yên, chưa kịp một năm mà thiện chính không sao xiết kể ! Đương cho là Mặt Trời mới mọc, thị thính duy tân. Không ngờ đám mây che khắp Đỉnh hồ (vua chết), mọi người theo gào không kịp nữa. Than ôi đau thương thay !

Ta ngửa vâng di mệnh, lại phụng ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ và Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi vào nối mối lớn, với trông gương trước. Sâu nhớ Đại hành hoàng đế, đức thịnh như thế, há lại không có một lời gì thuật lại để bày tỏ với thiên hạ hay sao ? Vậy nay kính noi điển cũ, tôn dâng miếu hiệu là Giản tông, để cho trên sáng tỏ công trước, như bảo đời sau. Nên kính dâng tôn thụy tốt đẹp này, chuẩn cho Tôn nhân phủ, hoàng thân, đình thần và quốc tử, viện, quán, các, đều chuẩn cho dự bàn cho việc đến xác đáng. Ta sẽ thỉnh mệnh giao, miếu, kính cáo ban thờ, cử hành lễ lớn, ngõ hầu chút hả được chí tình ai kính và an úy được niềm tư mộ của thần dân. Kính vâng đấy !

Từ nay phụng nghị dâng lên, vâng ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, hợp dâng tôn thụy huy xưng 6 chữ. (Ý Chỉ bảo : Phép đặt chữ thụy của triều ta, vâng có vị tấn tôn 20 chữ, có vị tấn tôn 18 chữ, có vị tấn tôn 12 chữ, có vị tấn tôn 8 chữ, trật tự rõ ràng, nay Đại hành hoàng đế tuổi trẻ lên ngôi mới ít ngày, hợp dâng lên cả 6 chữ). Rồi lại chuẩn định chọn ngày tốt để đúc sách vàng, ấn vàng và sách hoa, ấn hoa kính cáo. Duyệt xét cho được chu đáo. Đến ngày ấy, vua mặc áo chế đến điện Quang Minh, làm lễ tiến dâng bảo sách. Cung tiến tôn thụy. Sách văn rằng : Tôi nghe tự cổ thánh đế triết xương từ xưa đều có huy xưng hiển hiệu, cho nên xưng vua là trời để đặt tên hèm, đó là lòng thực của tôi con. Theo chữ nhật mà đặt tên, đó là lễ thường của kim cổ. Kính nhờ Đại hành hoàng đế, lòng chuộng cao xa, đạo theo khiêm tốn. Khi chưa tức vị, tiếng nhân hiếu đồn khắp mọi nơi. Lúc đã lên ngôi, lời ca ngợi hầu vang khắp chốn. Buổi Mặt Trời mới mọc, gặp biên đinh đa gian. Lo lắng một niềm. Sửa sang trăm việc. Đem lòng kính để thờ trời, thì đặt đàn giao tế lễ. Lấy bụng nhân ở cùng họ, thì đem khuê tước phân phong. Yêu dân chúng thì bảo chiếu gia ơn. Đãi bầy tôi thì ban phong sủng mệnh. Mở kinh duyên, để tìm xem chính trị dở hay. Chép sử yếu, để xét việc xưa nay suy thịnh. Cùng với việc chỉnh sức lại trị, giảm bớt văn thư, không việc gì là không lớn lao khó nhọc, để mở đường hạnh phúc cho công việc vẻ vang. Đến sự ân cần, hỏi lúc lên ngôi. Cẩn thận

như bưng nước đầy không biếng. Làm theo đức trước, rộng nối sáng xưa. Vâng phúc của chín miếu, kính phụng dưỡng ba cung. Lặng yên nghĩa đạo, lúc ở tang thường chẳng nói năng. Kính đáo giữ lòng, gặp nhiều nạn không quên cố hiệu. Trí trùm khắp nước, mà sự lớn sự nhỏ, biết được rõ ràng. Việc soi mỗi đầu, mà chỗ tối chỗ mờ, hết đều thông suốt. Lòng khoan hậu, ít bắt lỗi người. Chí anh đoán, việc làm không cẩu thả. Cả tốt thay ! Trong khoảng một năm, mọi việc tất đều làm ; ở sau muôn đời, nhưng tiếng lành vô hạn. Bèn noi theo lời văn để lại, mà cử làm một lễ tôn sùng. Kính cẩn dùng lấy ngày lành, xin mệnh ở trong giao, miếu, tâu tới Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi, thân đem Tôn nhân phủ, văn võ trăm quan và bọn đình thần kính để bảo sách dâng tôn thụy rằng : Thiệu đức, Chí hiếu, Uyên nhuệ, Nghị hoàng đế, miếu hiệu Giản tông. Cúi xin soi tới không xa, cảm cách có tin. Nhận lấy tên hay, ban cho nhiều phúc. Lễ dâng sách đã xong, ngày hôm sau bèn ban bảo chiếu cho khắp trong ngoài.

Ngày Giáp Thân, kính làm lễ Ninh lăng. Trước kỳ kính cáo Giao, miếu, các điện và Xã tắc, đều tâu đạt như nghi tiết, lấy ngày mồng 2 tháng ấy là ngày Quý Dậu, kính cáo làm lễ đưa đám. Mồng 3 ngày Giáp Tuất, Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ thân đến bàn thờ cho làm tế điện. Ngày mồng 5 là ngày Bính Tý, sáng sớm Hoàng thái hậu, buổi chiều Hoàng thái phi cũng đều thân đến tế điện dâng rượu. Ngày mồng 9, Canh Thìn tế khải điện. Ngày mồng 10 Tân Tỵ tế tổ điện. Ngày 11, Nhâm Ngọ tế khiển điện ; giờ Ngọ phụng linh cữu đưa đám. Vua mặc áo tang làm lễ đi bộ kính đưa. Tổng biện, đổng lý, thủy lục đề đốc, phù liễn các viên, đều theo chức vụ làm việc. Cáng, xe, đình, án, lỗ bộ tang nghi đều theo đồ thứ dẫn đi. Bọn hoàng thân, văn võ các quan theo chầu, đưa đến bến sông Hương Giang, rồi phụng đưa lên thuyền rồng nghiêm chỉnh ; vua bèn trở về điện. Phụng thuyền rồng do đường thủy tiến đến bến Khiêm Sơn. Ngày 12 Quý Mùi, phụng yên nghỉ ở điện Chấp Khiêm, tế khiển điện. Ngày 13 Giáp Thân, giờ Thìn, phụng yên ở đường hầm, đưa vào chính huyệt ; giờ Mùi phụng đề thần chủ. (Gia Hưng quận vương Hồng Hưu kính đề) làm lễ sơ ngu, phụng rước về điện Chấp Khiêm, làm lễ yên vị. Các nghi tiết và hết thảy mọi việc đều tham chiểu làm như trước, tuân theo di mệnh kính làm, kịp khi việc Ninh lăng đã xong, chọn ngày lành làm lễ yết Khiêm lăng và Bồi lăng. Vua thân đến làm lễ, còn các tiết khác, đều từ tuần tái ngu trở về sau đến tốt khốc. (Tháng ấy, ngày 22 tế tái ngu, ngày 25 tế tam ngu, ngày 30 tế tứ ngu ; tháng sau ngày mồng 3 tế ngũ ngu, ngày 16 tế lục ngu, ngày 19 tế thất ngu, ngày 29 tế tốt khốc). Đều sai hoàng thân công kính làm lễ thay.

Đình đặt Tuần phủ Thái Nguyên. Nguyên quyền Tuần phủ là Dương Danh Lập (Phó bảng, người Khắc Niệm, Bắc Ninh) vì xin nghỉ tự tiện về. Can nghị, rồi được

ân chuẩn cho đem hàm Quang lộc Tự khanh về quê hưu dưỡng. Nhân tỉnh ấy đã có Tổng đốc Ninh - Thái thống hạt, thì chức Tuần phủ đình đi.

Thự Thượng thư bộ Công Đoàn Văn Hội vì việc tọa biếm chuẩn cho theo hàm Hồng lô Tự khanh về hưu. Tháng trước đình thần kén sung làm Tổng hộ sứ, Văn Hội vì có bệnh từ chối. Đến đây nghị xử, giáng xuống 3 cấp, đổi bổ, vì già ốm, chuẩn cho đeo hàm ấy về quê hưu dưỡng, đình việc điều bổ. (Văn Hội sau ở đời Đồng Khánh được khởi phục, nối làm đến Hiệp biện Đại học sĩ, rồi mất ở quan).

Nguyên Kỳ Phong quận công là Hồng Đình vì việc bị tội, án trảm giam hậu, bạo tử, gia ơn khai phục. Kỳ Phong hương hầu Hồng Đình từ khi Giản tông chầu trời, phàm các lễ thụ tỷ, tấn quang đều bỏ không dự, giao cho bộ Hình bàn, theo luật thác cố bất triều, bớt tước công đi, đổi theo họ mẹ, kết án trảm giam hậu. Do phủ Thừa Thiên giam giữ, đợi khi có hối cải sẽ xét làm, đến đây vượt ngục trốn thoát, bắt được, giao nghị chưa xong, vụt chết (cứ báo là do trúng phong) gia ơn khai phục cho tước này và phục lại tôn tịch, chiểu theo hàm mới cấp tiền tuất. Hồng Đình là con thứ 23 của Hiến tổ Chương hoàng đế. Đề đốc phủ ấy là Vũ Văn Đức vì sự tư tuận dung túng bị phạt trượng, đi đày. (Hồng Đình đến đời Đồng Khánh lại được khai phục nguyên như tước cũ).

Chùa Ứng Chân, tỉnh Quảng Nam được 1 pho tượng đồng đệ nộp. (Sư là Đoàn Văn Phương đào đất được tượng ấy, cả ghế ngồi, cân nặng 80 cân, tượng cao 1 thước rưỡi, ngang 6 tấc, đầu đội mũ bình thiên, mình chạm áo long bào, thắt đai cầm hốt vàng mạ, màu đã bay nhạt, bọn sư gọi là tượng Huyền thiên chí tôn Ngọc hoàng Thượng đế).

Sai chế thưng, bát, cáp, thược và các hạng thước, cân, quả cân bằng đồng để cấp cho Nam Định (nhân việc bị mất, nên chuẩn cho kho Vũ khố chế cấp).

Chuẩn đặt bang biện cho hai châu Thường Xuân và Lương Chánh (thuộc phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Hai châu này trước vì điêu háo, từ khoảng năm Tự Đức thứ 33 tới nay, thuế lệ đều thiếu. Vả tục thổ quê mùa, thế đất xa cách, viên phủ Thọ Xuân khó lòng kiêm lý được, có con thổ tù ở tổng Trịnh Vạn là Cầm Bá Thước tình nguyện ra sức chiêu vỗ dân chúng, khiến đều trở về. Đốc thần là Tôn Thất Triệt nhận xin cho tên ấy làm Bang biện ở hai châu ấy. Bộ thần phúc nói : Dùng thổ hào làm việc ở dân thổ, tình thế vốn đã am hiểu, xin tỉnh y cho, để xem công hiệu về sau, bèn y cho.

Tên phạm trốn là Phan Chuyên (nguyên Kỳ ngoại hầu, nguyên can về tội họp đảng cướp của, kết án chém, nhưng chuẩn cho hoãn lại, nghiêm giam để đổi lệnh), Ngô Tu (nguyên Tuy Lý huyện công, nguyên can về việc mùa đông năm ngoái,

nghe tin việc nghinh lập biến, tức thì đi ra cửa Thuận An, cầu Pháp phái cứu, án nghĩ kết phải trảm giam hậu) đều giam ở nha Vệ thành, ban đêm thông đồng bẻ cùm vượt ngục, qua thành thoát đi, bắt được, đều xử chém ngay. Nha Vệ thành vì tội sơ phòng, giáng cho tội đồ để phân biệt.

Sét đánh cây tháp Phúc Duyên ở chùa Thiên Mụ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN VI*

HÀM NGHI ĐẾ (PHỤ)

Giáp Thân, năm Kiến Phúc thứ nhất [1884]. Tháng 9, mùa thu, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết dời để vua mới nối ngôi là Thụy quốc công xuống ngục, rồi giết ngầm đi. Tháng trước, Văn Tường và Thuyết tâu nói : Gần đây nha Vệ thành canh phòng hờ hững, nên tên Đình Chuyên đã vượt được ngục. Vậy Tự quân ở lâu viện Thái y (nguyên Tự quân trước bị giáng làm công tử, giam giữ ở đây) cũng nên làm sớm đi, để khỏi sự trở ngại về sau, xin chuyển dời sang nhà ngục phủ Thừa Thiên để giam giữ cho được cẩn mật. Tâu lên làm ngay, các con trai con gái đều cho theo về ở với mẹ, giao về quê ngoại quản thúc. Nguyên phi Phan thị (tức là Hoàng thái hậu ngày nay) bèn cùng với người con thứ bảy (tức là vua bây giờ), con thứ chín là Bảo Đóa (tức là Hoàng tử thứ chín bây giờ) cùng về xã Phú Lương. (Hoàng tử thứ 10 là Bảo Khiêm theo sinh mẫu là Nguyễn Văn Thị về ngụ ở xã Phú Xuân. Hoàng tử thứ 11 là Bảo Lối còn ở trong bụng, tên các hoàng tử đều theo bộ "sơn", lần này phải đổi theo bộ "thạch", nay vẫn viết theo bộ "sơn"), lương xướng do phủ Thừa Thiên đệ cấp, rồi hai người bí mật sai không cho tự quân ăn uống. Đến ngày mồng 6 tháng ấy là ngày Đinh Mùi, giờ Thìn, thì tự quân chết ở ngục. Người coi ngục cứ báo là chẳng ăn mà chết, bèn an táng ở cánh đồng xứ Tứ Tây, xã An Cựu, huyện Hương Thủy (nay dân tên lăng là An lăng).

Đổi định lại việc xét tư thưởng phạt về cuối năm cũng như sự thưởng phạt về chuyên tập cử tri. Lệ cũ xét tư thưởng, phạt đình đi cả. (Khoảng năm Tự Đức đã

định việc chuyên tập cử tri trong Kinh và ở ngoài cùng với hội đồng xét tư thưởng, phạt có khác nhau (thấy chép ở *Đệ tứ kỷ* tháng 12 năm thứ 25) và cử nhân sơ thụ được lẻ 2 năm xét sung lệ (thấy chép ở *Đệ tứ kỷ* tháng 4 năm thứ 28). Đến đây bàn, chuẩn cho trong Kinh và ở ngoài có xét tư người khả kham ấy, tứ, ngũ, lục, thất phẩm, không câu nệ khoa, lại và trước đây đã hay chưa xét tư, kịp tại chức được bao năm tháng, mỗi khi đến cuối năm đều do thượng ty tuân theo nhiều lần bàn chuẩn xét rõ. Người nào là mẫn cán khả kham chức gì, hay kém cỏi phải nên truất bỏ, đều chỉ thực trạng rõ ràng, vâng tư để đủ việc bổ khuyết. Như hoặc có người mới đến nhiệm chức, hay dở chưa rõ, và trước xét là giỏi mà sau làm việc lại dở, xét ra quả là tầm thường, thì cũng cứ thực phúc xét, người nào 2 - 3 lần xét, đều khen là giỏi, mà lại mãn khảo (3 năm) hoặc hơn 2 năm trở lên, gặp khuyết do bộ Lại chiểu bổ. Nếu sau người đó, bổ làm chỗ khuyết ấy quả thật xứng với chức trách ; hoặc có người phát ra kém cỏi, thì không câu nệ là chuyên cử hay tư xét, thưởng phạt đều chiểu lệ cử tri mà làm. Đến như lệ tư xét thưởng phạt thì đình chỉ. Bằng dụng ý yêu ghét, hoặc người giỏi mà chỉ là tầm thường, hoặc nên xét mà bỏ sót không tâu, một lần xét ra, thì thượng ty ấy đều chiểu lệ thất sát nghị xử).

Khâm sứ Pháp đóng ở Kinh là Lê Na gửi thư nói : Nước ấy và nước Thanh giảng hòa ở Yên Kinh, nước Nga đứng ra điều đình. Thư ấy do viện, bạc tâu lên bộ Lễ bàn dâng. Chữ Giản, chữ Nghị, chữ Bối, đều thuộc vào tên miếu, tên hiệu, tên lăng cả, còn tên đất xin miễn kiêng tránh. Đến như tên người, xin đều kính tránh. Quan chế : văn võ thông thụy, gián hoặc có võ chánh nhất phẩm, tên thụy là Võ Nghi, xin đổi là Võ Nghiễm để tiện noi theo. Y cho.

Khâm sứ mới của Pháp đóng ở Kinh kiêm chức Toàn quyền đại thần Bắc Kỳ là Lô-mi-ơ (một tên là Lý Mai) đến thay sứ cũ là Lê Na về nước. (Khoản tiếp sứ mới, khoản tặng sứ cũ, đều phải châm chước mà làm).

Ân khoa thi Hương về hàng văn ở hai trường thi Hà - Nam phụ vào trường Thanh Hóa. (Nguyên sung Chủ khảo trường Thanh là thự Tham tri Nguyễn Thuật, Phó chủ khảo là Toản tu Nguyễn Liên, phụng chuẩn cho vẫn sung làm trường vụ Hà - Nam) gia ơn lấy thêm giải ngạch. Tháng trước, bộ Lễ tâu số học trò ứng thi hai trường ấy nguyên là hơn 3.000 người. Kỳ thi đã định, rồi Đốc thần tỉnh Nam Định là Phan Đình Bình cho rằng Công sứ Pháp không cho học trò vào Thanh thi, đón đường cản về. Ở giữa đường, có người bị lính Pháp bức bách bắt làm công việc sai dịch. Đốc thần ấy lại tư xin đình hoãn, đợi sửa lại trường thi Nam Định, sẽ mở khoa thi. Đã không cho làm và giáng Đốc thần ấy xuống 3 bậc, đổi bổ nơi khác, nhưng cho quyền hộ. Kịp khi vào Thanh ứng thi chỉ có 2.000 người, rồi quyển thi đệ về giao cho đình thần hội đồng phúc duyệt chuẩn cho lấy thêm 5 tên nữa. (Nguyên ngạch trường Hà Nội : cử nhân 25, tú tài 75 ; trường Nam Định : cử nhân 24, tú tài 72.

Khoa ấy, quan trường lấy trúng cách cử nhân cộng 50 tên, tú tài cộng 150 tên, ấy là đã tăng thêm 4 tên, đình duyệt lại tăng thêm 2 người đỗ cử nhân, 3 người đỗ tú tài, cộng thêm là 9 tên : 1 cử nhân, 3 tú tài). Nhân dụ rằng : "Hai trường Hà - Nam từ Nhâm Ngọ chính khoa đã chuẩn cho triển hoãn, nay lại nhân lúc giao thiệp, xử trí chưa thanh, nên chuẩn cho hợp thí với trường Thanh Hóa, do các tỉnh thần không hay khuyên sức, để cho người ta vui lòng đến thi. Tức như kỳ vào trường thi đã định hạn rồi, mà Đốc thần Nam Định riêng nghe người nói, đón đường triệt giữ, hoặc tư cho đình hoãn. Kẻ chưa tới thi thì tiến thoái hai đường, không biết theo về đâu. Kẻ đã đến thi thì ngồi đợi dây dưa, tiền ăn hết cả, thậm chí tay không trở về, hoặc bị sung làm sai dịch, sĩ số bớt mất già nửa, chưa chắc không phải là không vì đó. Phan Đình Bình thực chịu nỗi ấy, đã chuẩn cho giáng chức đổi bổ, để khua tỉnh lại. Huống chi việc thi cử trọng đại, lễ lớn kén chọn nhân tài, Nhà nước ta từ khi khai sáng tới nay, thần truyền thánh kế hơn 300 năm, trong đạo sùng nho thường như một ngày. Phàm việc gì làm để gia ơn cho bọn học trò, không gì là không chu trí. Vậy kẻ làm học trò nên nghĩ thế nào, để khả dĩ khỏi phụ ý tốt ơn dưỡng của triều đình, thế mới gọi là kẻ sĩ. Vả thời vận có khi bĩ, khi thái, mà đạo ta chưa từng lấy đó làm thịnh suy. Bắc Kỳ ngươi, vốn xưng là nơi văn học thịnh vượng, gần đây bận rộn việc quân, giảng đọc không thể làm được, chẳng chấn tác lên, thì việc văn hiến tính sao ? Các tỉnh thần, học thần nên đốc trách việc dạy dỗ, thêm lòng hun đúc và hiểu dụ các học trò, đều nên yên cư giữ nghiệp, để đợi kỳ thi. Nếu có người không chăm học, khoa thi sau, số học trò thấy ít, thì các tỉnh thần, học thần cho đến các viên giáo huấn, đều phải thêm bậc nghiêm nghị. Đừng nghe lời nói phao, đừng rối chí mình, gột mài phấn phát, trong trắng một lòng, để ngửa trông đức tốt, ấy là điều ta rất mong mỏi, đó cũng là một dịp may lớn cho nền văn học vậy. Vả lại, lần này học trò đến tỉnh Thanh để thi, chờ đợi lâu ngày, tỉnh ấy có mở kho cho vay và giúp đỡ hết vài nghìn quan, chuẩn cho khai tiêu, Dụ này chuẩn cho thông lục ra Bắc Kỳ, để cùng biết mà tuân".

Phụ chính thân thần Gia Hưng vương kiêm sung Tôn chính phủ Tôn nhân Hồng Hưu bị tội, cách chức tước, phải an trí ở phủ Cam Lộ. Trước đây, Chấn Tĩnh quận công là Miên Trí tâu hặc vương ấy vì nhân việc tư bỏ việc công, tiết lộ quân quốc trọng sự, gia dĩ thêm thói dâm dục (cùng với công chúa Đồng Xuân can tội tước tịch, đổi theo họ mẹ là Hồ Thị Đốc thông gian sinh con) mọi khoản xin giao cho Tôn nhân phủ hội đồng Phụ chính đại thần xét nghĩ, bèn giao sở Túc vệ giam xét. Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết lại đem đủ tình trạng vương ấy tâu bày xin cùng xét nghĩ một thể. (Tâu nói, ngày tháng 6, Giản tông Nghị hoàng đế mất, bọn chúng tôi tuân vâng lời di chúc, chọn lấy ngày 13 làm lễ tấn quang. Trước một ngày đó, sứ cũ của Pháp là Lê Na ủy cho Ký lục Hinh tới dinh bọn tôi nói : Nếu tôn

Gia Hưng vương lên làm vua thì y thuận nghe, bằng không thế thì y gây chuyện, đem hết gia quyến bọn tôi bắt tội. Bọn tôi trộm nghĩ việc lớn của Nhà nước, không dám đoái riêng, một mặt cứ y ngày làm lễ tấn quang, một mặt nói với vương ấy, bằng không tình gì, thì nên ủy cho báo với sứ ấy đình chỉ bớt việc, đừng nên ngăn trở sinh ngờ ; nhưng vương ấy để lòng đã lâu, không chịu ủy báo cho sứ ấy. Chước đó không thành, mới đưa thư cho quan binh ấy đóng ở miền Bắc. Ngày 22 tháng ấy, quan tham tán đóng ở miền Bắc xuất đem hơn 10 chiếc thuyền quân, đến sứ quán đó đe dọa, toan muốn sinh chuyện và vào thành đóng giữ. Bọn tôi bất đắc dĩ phải nhấn nhún để định ngôi lớn. Xin chuẩn cho quan ấy vào làm lễ tiến yết và cho quan binh ấy vào thành. Từ đó trở đi, Hồng Hưu lấy bệnh nằm rền ở trong phủ đệ, không để ý gì đến việc công, trong các hàng thân phiên đã có nhiều người cùng biết. Chấn Tĩnh quận công thưa nói thế cũng do ở lòng công phẫn. Nay phát ra việc này, tội án thật là sâu nặng, thế mà còn dám kéo dằng dai gần được một ngày. Lê Na hiện đóng ở cửa đồn Thuận An, liền về sứ quán ủy người tới dinh chúng tôi bảo phải khoan tha cho Hồng Hưu về phủ, không thì y gửi điện về nước ấy, không khỏi lại sinh chuyện lôi thôi. Hôm qua, tôi và Nguyễn Văn Tường đi đến sứ quán ấy (Lê Na về rồi), sứ mới bảo rằng : Trước đây, về khoản làm lễ tấn tôn và việc Hồng Hưu có người không bằng lòng (ám chỉ vào Lê Na) đưa tin gièm pha đã nhiều. Nước ấy hẳn cũng sinh lòng thiên lệch, nay nên xử trí cho khéo. Vả nước ấy bảo hộ quý quốc, việc triều đã chẳng hề can dự. Duy có việc lớn là lễ tấn tôn cùng với Phụ chính đại thần đều là việc quan trọng, nên cho viên ấy dự biết, thế mới hợp thể, rồi về sẽ báo tin về nước ấy, hẳn sẽ bằng lòng, còn tội án của Hồng Hưu, mặc dù quý quốc xử đoán, viên ấy không dám nói các lẽ. Vả, Hồng Hưu hệ thuộc là người ý thân của nhà vua, chung lòng nghĩa vui lo. Xem như lời nói và việc làm của sứ Pháp thì mối tình thông quan, thực đã không thể che được, duy đương lúc Nhà nước có tang, lòng người chưa định, cung đương lúc đau thương, bọn tôi không dám vào tâu, sợ phiền lòng thánh lo nghĩ mà làm cho dân chúng ngờ hoặc, nín nán lựa theo để nên việc lớn, nay can khoản ấy, vốn không dung giết, mà còn dám như thế, thực đáng khá sợ. Bọn tôi cùng bàn, nghĩ theo lời xin của sứ mới, do viện tôi nghĩ soạn tờ tư, đệ giao cho sứ ấy và đem cái án của Hồng Hưu để tuân làm). Bèn chuẩn như lời tâu. Đến đây án thành, cách bỏ chức tước, phát đi an trí ở phủ Cam Lộ, Quảng Trị. Phòng (nhà) vương ấy có 7 công tử, giáng làm tôn thất, chia giao cho các tỉnh quản thúc. (Tôn Thất Huy, Tôn Thất Diễn an trí ở Cam Lộ ; Tôn Thất Chấn, Tôn Thất Dũng giao về Nghệ An ; Tôn Thất Linh, Tôn Thất Tân, Tôn Thất Vệ giao về Hà Tĩnh).

Dời dựng trường thi Thừa Thiên ở địa phận hai xã La Chử, An Lưu, huyện Hương Trà. (Nguyên ở về bên tả chùa Thiên Mụ, xã An Ninh huyện ấy, địa thế chật hẹp, cho nên dời đến đây).

Lấy người Tả tôn nhân phủ Tôn nhân Hoài Đức quận công là Miên Lâm đổi quyền Hữu tôn nhân phủ ấy. Sung Phụ chính thân thần Tuân quốc công là Miên Trữ kiêm quyền Tả tôn nhân phủ ấy.

Ngày kỵ, vị tả phối chính án điện Phụng Tiên, Kiến Hòa quận công là Miên Điều kính làm lễ thay.

Khâm sứ mới của Pháp đóng ở Kinh là Lô-mi-ơ làm lễ vào triều yết, ban cấp tiền vàng tiền bạc có sai, bậc. (Cấp cho chánh tùy sứ bộ lần này 9 người, lại quan văn đi theo 6 người, quan võ 10 người, tiền mỗi người 1 đồng, cộng tiền vàng hết 3 đồng, tiền bạc 22 đồng ; lại 3 người thông ngôn, ký lục 3 người và 150 người lính đều cấp cho bạc đĩnh).

Sơn Tây và Bắc Ninh 2 tỉnh từ khi hữu sự đến nay, dân tản đi, ruộng bỏ hoang, so với hạt khác thực càng làm quá lắm. Vua nhân Dụ rằng : "Chức trách các quan thú, mục, cốt ở nuôi dân mà thôi. Hai hạt Sơn, Bắc ngươi, gần đây trộm cướp đầy dẫy, dân ở không yên, ruộng đất bỏ hoang, nhờ đâu mà nuôi sống được. Hiện tình so với các hạt, thật là quá lắm. Bọn ngươi nhìn nhận không rõ ư ? Hiện nay chứa góp, lại không được như trước. Có tiêu mà chẳng có thu, thì làm thế nào mà cứu chữa được. Ta nhìn về phương Bắc, ruột rối chưa được mấy lúc yên. Nay nên làm thế nào, ngăn ngừa vỗ yên nhiều cách, mà khiến cho người ta không đến nỗi mất chỗ ăn ở, mọi người đều hết lòng khuyên nhau làm việc nhà khiến cho nghề làm ruộng không lỗi thời. Sớm được một ngày lo tính về việc nông tang ăn mặc, thì hầu miễn được một ngày khổ vì đói rét kêu gào. Trẫm đối với việc nông tang, tình trạng làng xóm, cày cấy gian nan, chưa hay biết khắp, mà đem lòng làm việc thiên hạ, một ngày hai lần, chưa từng không lo trước thiên hạ vậy. Bọn ngươi nên thể ý ta mà gắng làm đi, không phụ lòng ta để phụ lòng trăm họ vậy". Sau lại khuyên Dụ cho các địa phương, khuyên dân khẩn làm ruộng. Theo mùa xét tâu, hay dở, đón vâng thưởng phạt.

Lại chuẩn cho 2 tỉnh Hưng Yên, Hải Dương đổi ruộng cấy mùa làm ruộng cấy chiêm. (Hải Dương nguyên ngạch ruộng cấy mùa hơn 357.040 mẫu ; khoảng năm Tự Đức đổi làm ruộng cấy chiêm 95.630 mẫu, còn thì chuẩn cho làm ruộng mùa. Hưng Yên nguyên ngạch ruộng mùa là hơn 12 vạn mẫu ; khoảng năm Tự Đức chuẩn cho đổi làm ruộng cấy chiếm hơn 6 vạn mẫu, còn chuẩn cho làm ruộng cấy mùa. Đến đây lại cho đều cấy chiêm cả, cho nên lại chuẩn cho chép lại).

Người lái buôn nhà Thanh là Lý Thành Long chở ngầm tiền đồng kiểu khác (thuê tàu thủy Địa-lý-a chở 20 bao, bao chứa vào trong thùng) đưa vào vụng biển An Vĩnh, Quảng Ngãi, việc ấy phát ra kết án phạt trượng và phát lưu. Bộ Hộ đổi xin trảm quyết. Phụ chính phúc duyệt lại, xin y. Chuẩn cho chính pháp ngay ; thông lục cho các địa phương có nơi nào như thế, cũng tuân làm một lượt. Rồi thì phố Gia Hội,

phố Đô Hạ có hiệu buôn của bọn La Đậu, Phan Vu Hán và Phù Định Tam là người buôn nhà Thanh dùng tiền đồng kiểu khác, ngầm đem mua bán với nhau, cũng kết án chém ngay (La Đậu, Phan Vu Hán), trảm giam hậu (Phù Định Tam) có thứ bậc.

Giáng chức Kiên Giang quận công xuống làm Kiên Giang hầu. Tháng trước, Sư bảo phủ ông là Phạm Thận Duật cùng ông đi chùa tế chay, rồi về ngay cho biết, ông không trở về ngay (từ ngày 13 đến sáng ngày 18 mới về). Tâu xin do phủ Tôn nhân cứu xét. Ông đem đủ tình trạng tỏ bày, lời văn vả có biện bạch. (Đại lược nói : Nguyên Kiến quốc công mất đi đã lâu, người công tử thứ tư là Ưng Đăng hằng xin làm chay đọc kinh, cầu để báo ơn. Ông phụng phái ra ngoài (kính chực các lễ Ninh lăng) nhân tiện ở lại chùa Báo Quốc xem Ưng Đăng làm lễ và cúng Phật. Phút chốc viên sư bảo ấy đề hạch, chỉ bằng ở sự hỏi nghe, không biết đó là nhân đi công phái, rồi vội sai về, để đến bị oan bằng một cách không xác đáng, trong đó lời nói vả dài, phần nhiều là biện luận cả). Đã ở Nội các duyệt tâu lấy làm nên do phủ Tôn nhân khai biện, đến đây phủ ấy tâu lên, lại do Nội các nghị tâu : Chiểu chi tập tâu nói, thì tính khí của ông chưa thuần, trước đã phụng chuẩn cho không được tự tiện ra ngoài cửa thành, mà lại tạ sự dông dài, làm riêng việc trai tiếu, xin chiểu luật vi chế giáng làm Kiên Giang hầu, phủ đệ vẫn ở nơi cũ (Chính Mông đường), khi cư trú hay đi lại cũng tuân theo chuẩn trước, phủ thuộc lại chiểu theo lệ hương hầu lượng giữ, về giảng tập gồm cùng sư phó, xin giảm bớt đi. Đợi sau quả có hối cải, chờ gia ân cách mọi lễ ; chính phủ thần thúc duyệt xin y. Duy chỗ giáp : Xin ông còn tuổi trẻ, phải nên có người dạy dỗ, mới mong thành tựu được, vậy chỗ nguyên đặt giảng tập, nghĩ nên lượng lưu lại, để giúp cho việc giáo hối, và lượng để 1 suất đội, 10 tên lính sung việc canh hầu. Đến như sư bảo thì đình bớt, ưng do Tôn nhân phủ thần quản cố, bèn chuẩn như nghĩ thi hành.

Ngày kỵ ở điện Long An, vua kính đến làm lễ.

Ngày mồng 1 Nhâm Thân, tháng 10, mùa đông, làm lễ Đông hưởng, Hòa Thịnh quận công là Miên Tuấn, kính đến Thế miếu kính thay làm lễ.

Đình ngạch thuế sâm ở Quảng Ngãi. (Thứ sâm sinh ra ở huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, hạng già là tốt. Nguyên người hạt ấy mộ 30 tên dân đinh, đặt làm hội sâm đi tìm lấy, lệ đồng niên mỗi tên nộp 2 cân, hạng nhất chiết nộp mỗi cân 4 quan 3 tiền, hạng nhì mỗi cân 3 quan 8 tiền, chước trừ thuế thân giao dịch. Nhiều lần hội đinh thiếu nhiều, ngạch thuế không đủ, đã sai xét nghĩ. Viện Thái y cho rằng sâm ấy ít dùng, bãi đi. Lính mộ đều cho về quê chịu sai dịch).

Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị bão lụt, đều sai chẩn cấp cho.

Kho ở Thanh Hóa, số tiền thóc bị hao hụt mất nhiều (tiền 99.904 quan, thóc gạo 75.014 hộc, phương). Án ấy phát ra, quan lại bị tội, đều có thứ bậc. Án ấy ở

mùa xuân năm ấy, việc phát ra, đã sai Ngự sử Vương Duy Trinh, Lang trung Nguyễn Lịch (Lịch nghe bọn coi kho thỉnh thác bị Duy Trinh tham hặc, bèn tự vẫn), trước khi đi hiệp cùng với quan Bố chính mới là Nguyễn Khoa Luận (Khoa Luận nguyên là Án sát, vì trích phát án ấy, chuẩn cho lĩnh chức Bố chính, phiên cũ là Nguyễn Huy Quỳnh giải chức hậu cứu) xét đệ, đến đây án ấy đã thành, tâu lên. Chủ điển thủ là Trần Tử Giải, Mai Văn Kinh và phòng bạ thư lại gồm 7 người, xử án trảm quyết, tức thì làm chính pháp. Bọn Đội trưởng Hà Quang Nhạn 8 người, binh đinh 2 người đều trảm quyết, nhưng gia hạn cho giam bồi, hết hạn, có bồi được, hay không bồi được sẽ tính. Tịch sĩ 4 người phạt trượng và phát lưu. Giám lâm Nguyên Phu, mãn trượng, đồ. Nguyên Bố chính Nguyễn Huy Quỳnh (ở chức lâu) phạt trượng đồ (2 năm rưỡi) đều giám bồi. Lê Cát (ở chức ít) giáng 4 cấp, lưu dùng. Nguyên Hộ đốc Tôn Thất Phiên giáng 3 cấp, Tôn Thất Trường giáng 2 cấp, đều điều bổ. (Trường trước can vào việc sơn phòng giết dân giáo, bị phạt trượng đồ, sẽ theo xử nặng), Án sát Cao Duy Trí (ở chức ít) giáng 3 cấp, Trương Như Cương (ở chức lâu) giáng 4 cấp, đều lưu, đều chia thành bồi thường. (Tôn Thất Trường sau tuy phải theo khâm sai đi Hà Tĩnh đón giá vua, bị bệnh mất ở tỉnh ấy, ơn được khai phục Quang lộc tự Thiếu khanh, đến đầu năm Đồng Khánh lại khai phục đến Thị lang).

Mới định lệ thêm tiền lương con trai, con gái của hoàng thân vương công, tôn thất được xét bổ và những người có cưới xin chia đi cư trú ở các nơi. Gồm có 4 điều (vì hiện nay sinh tụ ngày càng nhiều hơn trước, nên làm chước định, cho nên chuẩn cho phủ Tôn nhân bổ nghị chuẩn làm.

1. Sát hạch công tôn, tôn thất, bổ vào tôn sinh.

2. Đặt thêm những nhân viên cận vệ, dùng công tôn, tôn thất xét bổ vào tôn sinh ; thi trúng nhất, nhị trường sung bổ từ tế, cửu phẩm và giám thủ các từ.

3. Công tử, công nữ đều thuận nhân tình thì gả lấy. Lại nghị định một điều công tử, công tôn cùng tôn thất cho được tùy tiện chia đi các tỉnh các đạo cư trú. Phàm ai xin đi do bộ Hộ cấp tiền trước : công tử mỗi người 300 quan, công tôn 150 quan, tôn thất 100 quan. Công tử đem con theo tức là công tôn 18 tuổi trở lên cấp 100 quan, 10 tuổi đến 17 tuổi 80 quan, 3 tuổi đến 9 tuổi 50 quan. Công tôn, tôn thất đem con cùng đi, con 18 tuổi trở lên thì cấp cho 60 quan, 5 tuổi đến 17 tuổi 40 quan để làm tiền vốn. Từ sau, lương năm của công tử cùng với lương tháng của công tôn, tôn thất đều chiếu hạn cấp phát, cứ lấy ngày mới đến thì bắt đầu cấp, hễ đến mãn 6 năm tức làm đình chỉ, ai không xin thì không ở lệ này).

Định lệ tiền đồng kiểu lạ 1 đồng ăn 4 đồng tiền kẽm và vàng, bạc tăng lên giá. Khi ấy các tỉnh Thừa Thiên, Phú Yên, Bình Định, Quảng Trị, có số tiền đồng

kiểu khác, 2 - 3 năm nay lưu bá số nhiều, đã khai phủ Thừa Thiên quyền trích tiền đồng ở kho hơn 2.000 quan, yết cho quân dân đem đồng tiền lạ kiểu đổi cấp tiêu dùng. Duy của chung khó chu, cho nên chuẩn cho đình nghị, giảm bớt, nên trọng cấm để cứu lấy tệ ; bèn định từ nay đi, phàm đồng tiền của nước ta trừ ra 2 hạng nặng 1 đồng cân và hạng nặng 9 phân, vẫn ăn 6 đồng như cũ, còn các hạng tiền đồng 6 - 7 phân trở xuống, cùng thứ tiền kiểu lạ mới cũ các hạng, mỗi đồng đều giảm ăn 4 đồng tiền kẽm. Phàm chợ búa mua bán đều xét kỹ những tự dạng ở vành quách đồng tiền cho minh bạch, cho được tiêu dùng. Nếu có sứt mẻ, cong vạy, dáng chữ không được rõ ràng, một mặt thì chọn bỏ, một mặt phải báo quan xét trị. Còn bọn buôn gian chở ngầm và đem tiền đồng của nước ta rút ra ngoài, không kể người ta hay người Thanh, tang số nhiều hay ít, tức thì chém ngay, như án của Lý Thành Long gần đây mới biết. Vả lại, giá chung vàng bạc của nước ta chưa có chuẩn định, đến nỗi tiền đắt mà vàng bạc rẻ. Đến đây nghị chuẩn cho giá vàng, cứ 1 lạng vàng đủ 10 tuổi giá vàng 300 quan, 8 - 9 tuổi trở xuống thì giá giảm dần xuống mỗi lạng sụt xuống 15 quan, nhà chung hay nhà riêng cũng đều chiểu theo giá ấy mua khấu nộp, hoặc lâm thời giá chợ có cao hơn lên, thì mua bán cũng tùy theo giá chợ mà tiêu dùng, nhưng không được giảm rẻ hơn giá Nhà nước đã định. Nếu ai trái ấy, thì dùng luật vi chế mà xử tội, lại phạt thêm 100 lạng bạc, đều thông lục yết sức thi hành. (Khi ấy, định giá vàng bạc sức xuống, bọn vô lại và hiểu sự ở chợ phố phần nhiều cứ đi nhòm những người đòi ăn của đút hay cáo phát quan lại, lại nhân đó sinh ra rối việc, chợ búa vì đó mà không được yên, rồi dân gian mua bán, sau cũng tùy thời, thuận tình như cũ, lệnh ấy trọn không thi hành được).

Khởi phục cho Nguyễn Chính hàm Hồng lô Tự khanh vẫn sung Sơn phòng sứ Hà Tĩnh.

Nêu thưởng cho người tiết phụ Hải Dương (Nguyễn Thị Chất, Mai Thị Bái đều là hạng thứ).

Đắp thêm phòng Sơn phòng ở Hà Tĩnh, nguyên trước phòng ấy ở huyện Hương Khê, trong tiếp với Quảng Bình, Quảng Trị, ngoài thông với Thanh Hóa, Nghệ An. Thượng du lại tiếp với Xiêm La. Nhưng lúc buổi đầu đóng giữ ở đấy chỉ phái có 300 người. Từ Nguyễn Chính sung làm Chánh sứ và bọn Phó sứ là Phan Trọng Mưu, Tham biện là Phan Đình Phùng, trù tính xin làm, đã tư viện thần chước định ; xây đắp thành lũy, công đường tư thất và các nơi kỳ đài pháo đài, phái vệ binh 830 người chia ban đóng giữ, đặt súng gang, súng lớn 20 cỗ, súng vượt núi 50 cỗ. Phái quân thần cơ 2 đội, đổi phiên nhau phụ đóng giúp việc. Lại mộ lính Mán, tên nỏ thuốc độc để đủ sai khiến. Phàm việc đều do phòng thần chuyên làm ; như có việc quân hay việc gì khẩn yếu, cho tỉnh thần họp bàn. Đổi đặt nha Phó sứ ở xứ Đồng Chi, huyện Hương Sơn, vì nơi địa thế bằng phẳng đủ giúp cho sự bền vững ; mở 2 con đường

ở trên : phía nam thông với sách Thanh Lãng đến sơn phòng Quảng Bình, phía bắc thông với huyện Thanh Chương đến Sơn phòng Nghệ An.

Dời đặt nha Doanh điền Quảng Bình. Nha này nguyên ở trang Thanh Lãng, huyện Bố Trạch, phần nhiều thuộc về nhiều trùng núi, không có thung lũng gì. Từ Trần Văn Chuẩn sung làm sứ nha ấy, sai khám vẽ đồ, xin dời về huyện Phong Niên (nguyên cũ là Phong Đăng, kiêng tên húy phải đổi) địa phận xã Vạn Xuân đã do viện thần tâu chuẩn y cho làm, dựng dinh thự, đắp lũy đất, đặt pháo đài, đặt tham tá, lại dịch, khuyên quyên tiền sung việc chi tiêu, như lệ ở các sơn phòng, mở 2 con đường phía trên, phía nam thông với sông Tất đến Quảng Trị, bắc thông cửa Bái Đức đến Hà Tĩnh.

Vụ mùa năm ấy, lúa ruộng 13 tỉnh phủ ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nội, Nam Định, Mỹ Đức, Sơn Tây, đều được phong thu, còn có nơi nào tổn thương, đều chiểu hạng tha và miễn thuế.

Tháng 11, dùng Tả tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế đổi bổ làm Tả tham tri bộ Công, hội đồng quyền giữ ấn triện bộ ấy. (Thượng thư bộ Công là Đoàn Văn Hội gần đây bị giáng chức về, chưa kén bổ).

Khởi phục chức cho Lương Quy Chính hàm Hồng lô Tự khanh sung làm Thương biện coi việc tỉnh Nghệ An.

Đổi định lại lệ cho các nha nhiều việc hay ít việc lĩnh hàm thăng trật. (Năm Tự Đức thứ 18 nghị chuẩn : Phàm thuộc viên văn giai, từ cửu phẩm đến tứ phẩm, lâm thời có khuyết, người nào đã được kén bổ, dùng người không kể tại chức đã hay chưa đủ 1 năm, đều cho sung lĩnh. Nhưng kể lúc tại chức cũ và tới lúc lĩnh hàm, hoặc sau trước nguyên hàm, hoặc chuyển bổ nha khác, đều phải thông tính nha nhiều việc làm đủ 3 năm, nha ít việc làm đủ 4 năm, đều cho bổ thụ. Quá nặng đình lưu lại một năm, hạn mãn, mới được tâu xin thăng bổ. Năm thứ 23, nghị chuẩn thuộc viện ở trong nha trong tiêu có khuyết, cho được suy cử và lận cử. Trong lệ thăng chuyển, chuẩn cho ở nha nhiều việc phải 2 năm, ở nha ít việc phải 3 năm, không lưu việc lại, không lỗi gì quá, có người nên thăng thì được thăng 2 trật, khiến thăng chuyển có người, không đến nỗi để thiếu nhiều quá. Năm thứ 26 nghị chuẩn rằng : Phàm người không gặp thiếu mà hiện sung ở hàm cao thì chiểu lệ ở nha nhiều việc 2 năm, ở nha ít việc 3 năm. Do thượng ty xét đúng là siêng năng không lỗi, hay lỗi nhẹ, tâu xin lượng thăng một trật, người nào xử phân thuộc nặng mà thường ngày làm việc hơi giỏi, thì cho chiểu lệ đình lưu thi hành. Trở lên trên này, thuộc về nha tiêu nào, nguyên đặt ở phẩm nào, thăng đến thực hàm ấy mà thôi ; như có người nào thực trạng rất xuất sắc, do thượng ty xét thực tâu xin đợi lệnh kén bổ,

không được khai lấy nhiều năm mà xin thăng trật. Lại phàm hàm lĩnh chưa đến hàm thôi, mà còn thấp cũng chuẩn chiểu lệ 2 - 3 năm, do thượng ty xét quả là cần cán, không có lỗi hay không lỗi nhẹ, tâu xin, lượng thăng 2 trật. Ai lỗi nặng mà thường ngày làm việc hơi giỏi, đình lưu hết hạn, cũng chuẩn cho thăng 2 trật. Tản nha, tạp nha, người nào sung lĩnh, đều chiểu lệ ấy mà làm. Đến đây cho rằng nhiều lần nghị chuẩn cho thăng chuyên, nhưng sợ quá nhanh, mà lĩnh hàm, chỉ hàm kia nọ sinh điều hơn kém, bèn đổi định từ nay trở đi, phàm gặp khuyết, cứ người lĩnh, không kỳ ở 2 - 3 trật đều cho sung lĩnh. Người nào làm ở nha nhiều việc đã được 2 năm thăng 1 trật, lại 1 năm nữa lại thăng 1 trật ; nha ít việc 2 năm thăng 1 trật, lại 2 năm nữa lại thăng 1 trật, rồi từ sau đi đều chiểu theo lệ nha nhiều việc 2 năm, nha ít việc 3 năm đều thăng 1 trật. Còn hạn năm thì kể từ khi ở chức cũ, không kể chức lĩnh. Thăng trật thì kể từ niên hạn không kể ở lĩnh hàm. Bằng theo lệ thường, ở mãi một chức thì cho chiểu theo lệ khảo 1 lần hay khảo 2 lần để làm việc, đến như lĩnh hàm thì cứ lệ ở nơi nhiều việc 2 năm, nơi ít việc 3 năm thì thăng 2 trật mới đình chỉ).

Mới định lệ hoàng thân, vương công tôn tước, công tử, công tôn, vì tội riêng hay tội chung mà chia ra phải thực phạt hay miễn phạt. (Nguyên nghị : Gián hoặc có người lầm nhỡ bị phạt, đều làm thực phạt cả. Đến nay chuẩn định : Phàm sở can, không kể tội công hay tội tư, trừ ra dưới tên có ghi cấp kỷ được khấu trừ ngoài, còn ai không có cấp kỷ mà bị phạt bổng, tội công chia làm 3 thành, thực phạt 1 thành, còn 2 thành thì được miễn ; tội tư chia làm 2 thành, thực phạt 1 thành, còn 1 thành thì miễn, để tỏ tình đôn thân).

Mở cục đúc tiền ở nha Đốc công, kho Vũ khố. (Trích sai tên thợ làm khuôn ở Hà Nội, 1 tên thợ đúc đem đủ các đồ dùng về Kinh, để dạy tập đúc tiền).

Triển hoãn một khóa tuyển duyệt ở các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên. (Vì dân các làng bị đốt phá, chưa được trở về tụ họp, cho nên triển hoãn đến năm Đinh Hợi mới làm).

Sửa định lệ cấp thêm lương bổng. (1. Công tử bổ làm quan, theo lệ trước đã lĩnh lương công tử, lại kiêm lương quan, áo mát gấp đôi. Đến đây lệ lương đã tăng, áo mát cũng lấy ở trong số tiền lương. Tiền phạt lại miễn khấu trừ. Nên chiểu thứ lương nào hơn thì dùng một thứ được lĩnh tước cao bổ quan, cũng chiểu đấy mà làm. 2. Người tôn thất bổ làm quan, theo lệ trước, ai chưa đến lục phẩm thì do tôn thất chi lương (mỗi tháng tiền gạo đều 2 phân) đến đây cũng chiểu xem lương nào hơn thì cho lĩnh. 3. Lương bổng những người thuộc về viện Đô sát và Thương bạc cho đến thư lại đều cho cấp thêm gấp rưỡi. Nay viên dịch các nha ở Kinh đều được thêm lương, thì bọn này được theo lệ mới chi cấp cho gấp rưỡi. 4. Lệ cũ những tháng về nghỉ của vệ đội, đội trưởng ở các dinh đều được bổ cấp tiền áo mát tháng

ấy, cho vẹn lệ đồng niên. Đến nay bàn chuẩn, ngày nào về ban, thì đình bổ số tiền cấp ấy. 5. Những viên nhân có phẩm hàm, thừa làm công việc sai phái ấy, tham chước mỗi tháng tiền 3 quan, gạo 1 phương, ngoài ra, người nào không có phẩm hàm, đều được lĩnh như cũ (tiền gạo đều 1 phần). Đến như phò mã và những người có phẩm hàm theo như bộ học tập (chức ấm thụ và thưởng thụ hiệu úy) và những hiệu sinh, người chữa thuốc voi đều là nơi việc ít, và những người ở nhà chi nửa lương hay cả lương, đều theo cấp như cũ).

Lại đặt Tuần phủ ở các tỉnh Thái Nguyên, Ninh Bình và Quảng Yên. (Thư của Thống binh Pháp do Khâm sứ bàn nói 3 tỉnh ấy là nơi địa đầu khẩn yếu, cần phải đặt lại). Cho Thị độc Học sĩ lĩnh Bố chính Tuyên Quang là Bùi Quang Thích quyền sung Tuần phủ Thái Nguyên, Bố chính Ninh Bình là Lê Như Dạng quyền sung Tuần phủ tỉnh ấy, thự Bố chính Quảng Yên là Vũ Hữu Ngọc quyền sung Tuần phủ tỉnh ấy. Từ khi Hữu Ngọc bị bệnh cáo về, quan Thống binh Pháp phục thư theo lời bàn của Khâm sứ, lấy Ngô Đức Tiến để quyền biện chức ấy. Vua y cho.

Ngày rằm tháng ấy làm lễ ân tiến ở điện Chấp Khiêm, chuẩn cho quý hương quý huyện và công tính, làng họ ngoại, lại Kinh hậu bái. Các người vâng đến làm lễ tiến hương, lễ xong, cho thưởng ngân tiền mỗi người 4 đồng.

Mệnh cho bộ Lễ và 3 - 4 viên đường quan ở các bộ, hễ tới ngày Nguyên đán của nước Pháp, tức thì đến sứ quán chúc mừng. (Từ trước tới nay chưa làm việc đó, đến đây, sứ Pháp gửi thư ngày 16 tháng ấy là ngày tết Tây, cầu sai quan bộ đường đi đến sứ quán chúc Giám quốc nước ấy và trong nước yên tốt, kịp mừng Toàn quyền khâm sứ, đến ngày Tết nước ta, sứ ấy cũng đi đáp lễ, cho nên có mệnh này, sau dùng làm lệ thường).

Công việc sai phái ở Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, chuẩn cho lượng lưu lính biền binh ở lại làm việc cấp lương, còn dư thì thả về nghỉ ngơi. (Nam Định nguyên có hơn 5.000, Hải Dương hơn 4.000, tính cho lưu lại 1.000 ; Ninh Bình nguyên có hơn 2.000, tính cho lưu lại 600). Các tỉnh đợi khi ít việc, cũng chiểu đó mà làm.

Lại chuẩn cho những quan quân thất lạc năm ngoái ở cửa biển Thuận An, từ bọn Suất đội Nguyễn Văn Bình trở xuống đến binh đinh, chiểu lệ cho nhiêu ấm và tặng tiền tuất, gồm 76 người.

Ngày mồng 1 Tân Mùi, tháng 12 ban lịch. Lễ ân tiến ở điện Hòa Khiêm và điện Chấp Khiêm đều hoãn đến ngày mồng 2 mới làm lễ.

Ngày Quý Dậu làm lễ thăm yết, hoàng thân khâm mệnh chia đến các tôn lăng làm lễ. Còn Khiêm lăng điện Hòa Khiêm, Bồi lăng điện Chấp Khiêm, vua kính đến làm lễ.

Đặt thành cấm chông ở nha 2 huyện Cam Môn, Cam Cát thuộc về Hà Tĩnh. (Dùng thổ huyện thừa biện lý phòng thổ phỉ).

Dùng Tả tham tri bộ Hình quyền lĩnh Thượng thư kiêm sung Toản tu là Đặng Đức Địch sung làm Phó tổng tài Quốc sử quán.

Chuẩn đặt ty đúc tiền ở 2 tỉnh Thanh Hóa, Bình Định.

Ban ơn cho 4 tên làm thuốc Tây ở sứ quán biết cách trồng đậu (người làm thuốc Tây này, trước đem mủ người đã lên đậu lại trồng, đã tư cho dân hạt Thừa Thiên đem các trẻ chưa mọc đậu, lấy mủ để trồng, thấy có kinh nghiệm, cho nên ân cấp cho tiền về đường, mỗi người 5 đồng bạc đồng).

Sai Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật sung Toàn quyền Khâm sứ, thự Hữu tham tri bộ Binh là Hoàng Hữu Thường làm Phó, hội đồng với Toàn quyền Khâm sứ Pháp là Lô-mi-ơ bàn định thuế lệ về việc khai mỏ. (Chiểu theo hòa ước khoản 11, lần ấy Khâm sứ bàn định điều khoản công việc, phần nhiều không được ổn thỏa, đã 2 - 3 lần tư đi tư lại bàn bạc chưa xong, rồi việc cũng thôi).

Tổng đốc Hải - An là Hà Văn Quan tâu xin vì ốm trả hạn về Kinh, không chuẩn. Tháng trước, có một bọn giặc trốn ở đất Thanh, từ rừng Đông Triều chia quân đến đánh đồn Pháp, quân đồn lui, giặc cũng đi. Quan Pháp ngờ là Bang biện Đông Triều Nguyễn Văn Ban cùng bọn giặc quán thông. Văn Ban đã bị sở hại, sau lại nhặt được một tờ thư giả. (Trong nói Đốc thần tỉnh ấy mật tư cho Tuần phủ Lạng Sơn xin quân Thanh kịp đến tỉnh ấy giúp việc đánh giặc, duy ấn kiểm đóng vào giấy đó, so với ấn kiểm tỉnh ấy thì sai khác). Và ngờ Tổng đốc tỉnh ấy làm, bèn đem Tổng đốc ấy vào thành giam giữ (lúc đó quan tỉnh ấy đều đóng ở ngoài). Và ngày xét đúng là thư giả, mới thả cho về nơi cũ. Tổng đốc ấy sau lại cùng với Án sát Quảng Yên là Đào Quý đi Hà Nội, đến quan Thống lĩnh Pháp bày tỏ công việc. Đến khi về qua tỉnh hạt Bắc Ninh bị giặc đón đi, rồi lại tha về. Do đó tâu nói : Trước vì quân Pháp bắt giữ, sau vì bọn giặc đón bắt, lo sợ thành bệnh, sợ khó chịu nổi sự rối ren ấy. Xin chọn viên khác thay cho, về Kinh chờ tội, viện Đô sát và Thương bạc cho rằng hiện nay công việc giao thiệp rất phiền phức, viên Tổng đốc ấy ở vào tình thế ấy đã am hiểu, nghĩ xin cũng cho lưu chức, Thống binh Pháp cũng gửi thư do Toàn quyền Khâm sứ Lô-mi-ơ bàn nói, viên đốc ấy chưa nên vội cho từ về, bèn yên ủi giữ lại làm việc.

Đình ban cấp phẩm vật tết Nguyên đán cho bộ Khâm sứ đóng ở Kinh. (Gần gặp tết Nguyên đán nước Pháp, viện, bạc theo lệ trước tư lấy danh hàm sứ bộ nước ấy để cấp phẩm vật, nhưng sứ ấy gửi thư lại nói : Nước ấy không có lệ ấy, xin từ, cho nên đình, duy ban cấp cho những người thông ngôn nước ta làm việc đóng ở quán ấy mà thôi).

Đình việc gia phong những mỹ tự cho bách thần, có vị nào chưa được phong, thì mới xét rõ phong tặng ; nhân đó thông Dụ cho các địa phương rằng : "Phong tặng bách thần, cốt để tỏ niềm nhu hoài và trọng điều sùng báo vậy. Ân điển cố nhiên không thiếu được, mà phải châm chước cho hợp thời nghi, năm ngoái dâng lễ tấn quang Giản tông Nghị hoàng đế ta, xuống Chiếu ra ơn, chuẩn cho các vị thần kỳ trong nước đã dự phong tặng ấy thì phong tặng, còn vị nào chưa phong mà nẫm trứ linh ứng và có công đức thì đều do các địa phương vựng tâu, đệ sang bộ Lễ phiếu làm. Vì khi vua mới lên ngôi, cần nên cử hành việc cũ, để tỏ bày ơn điển lớn. Nhưng nghĩ bách thần nước ta từ các triều trước mỗi khi gặp ân điển phong tặng, gia thêm mỹ tự để khen ngợi hiệu tốt tưởng thế chắc cũng đúng rồi. Bằng nay lại nghĩ mỹ tự để phong, thì vẫn nghĩa không khỏi chồng chất, vô vị. Này, thông minh, chính trực mà chuyên nhất là thần, há vui gì sự khen hay của người, chỉ là hư văn hót nịnh, mà mở tâu viết lách ban cho cũng thuộc phồn phức, kéo dài năm tháng, chưa thể đổi được ; vả ơn Chiếu năm trước, đã chuẩn cho các thần kỳ dự vào tự điển ở trong Kinh và ngoài tỉnh, đều cho tế một lần, chắc cũng đủ tỏ bày ơn mới, về khoản gia phong, tưởng cũng nên không theo điển cũ.

Nay chuẩn cho thần kỳ các địa phương, vị nào ở năm Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức đã được phong tặng rồi thì chuẩn cho dân xã phụng thờ như cũ, đình việc gia phong lại. Ngoài ra, vị nào chính xác linh ứng, sự tích rõ ràng, xét mà chưa được phong tặng, thì chuẩn cho đều làm ngay tâu xét đệ lên do bộ Lễ xét làm. Chuẩn cho phong tặng, để tỏ bày quốc điển mà hợp với thời nghi.

Chuẩn định lệ cấp tuất cho các thuộc viên chờ bổ. (Lệ cũ phàm ngũ phẩm thuộc viên trở xuống, đều lượng cấp cho nửa tiền cấp tuất, đến đây chuẩn cho những viên chờ bổ lượng cấp cho 2 phần 3).

Thống binh tướng Pháp là Mi-lô đánh thua quan quân dinh Thanh ở đồn Giản Hoàn tỉnh Lạng Sơn, vào đóng tỉnh thành. Trước đây, tướng Pháp lại chỉnh binh pháo hàng nghìn và có quân mộ, và số nhiều thuyền bè phụ vào, từ thành Hà Nội tiến đi cùng với các đạo đồn thủ Bắc Ninh họp làm, đến ngày 18 - 19 tháng ấy tiến đánh, cướp được đồn Điều Vàng nhà Thanh, ngày 20 liền cướp được 3 đồn, ngày 22 thẳng cướp được đồn Giản Hoàn, là đại doanh ; các dinh quân nhà Thanh tản về thượng du ; tỉnh thần ấy dời đóng ngoài thành. Tướng ấy bèn vào thành chia ủy cho phó súy giữ đó, bèn về. Việc ấy động đến tai vua. Sai nguyên tỉnh thần là bọn Lã Xuân Oai đều trở về chức cũ. Đó là theo lời bàn của viện thần vậy.

Ngày Kỷ Sửu là ngày kỵ chính vị ở điện Phụng Tiên, vua kính đến làm lễ. Hôm ấy gặp tiết Lập xuân, tuân y như lệ năm thứ 4 Thiệu Trị, đổi hoàn lại ngày hôm sau làm lễ nghinh xuân, tiến xuân.

Ngày Nhâm Thìn làm lễ Hợp hưởng, Tuân quốc công Miên Ninh vâng đến nhà Thái miếu để làm lễ thay.

Ngày Mậu Tuất là ngày kỵ điện Hiếu Tư, vua kính đến làm lễ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN VII*

HÀM NGHI ĐẾ (PHỤ)

Năm Ất Dậu, năm Hàm Nghi thứ nhất [1885], (Thanh, Quang Tự năm thứ 11). Năm ấy, từ tháng 7 trở về sau đã thuộc về phần tháng của vua Cảnh tông Thuần hoàng đế, nguyên tháng ấy và tháng 8 - 9, còn theo về trước, chuẩn làm năm Hàm Nghi thứ nhất. Từ mồng 1 tháng 10 trở về sau, mới chép là năm Ất Dậu Đồng Khánh. Sau lại bàn chuẩn cho năm ấy là niên hiệu Hàm Nghi, nhưng cứ chua ở dưới can chi, không viết to, vì năm đó, Cảnh tông Thuần hoàng đế đã lên ngôi, nên lấy Đồng Khánh chép niên hiệu. Duy năm đầu Đồng Khánh thì định ở năm sau là năm Bính Tuất, cho nên năm ấy chỉ xưng là Ất Dậu thôi, để tỏ nghĩa chính thống vậy). Ngày mồng 1 Tân Dậu, tháng giêng, mùa xuân tết Nguyên đán, kính dâng phẩm nghi và thiếp mừng 3 cung (y như tết Nguyên đán năm Kiến Phúc thứ nhất). Tiết ấy về lễ khánh hạ ở cung Gia Thọ, đã vâng ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ chuẩn cho đình. Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi cũng cho về Dao cung chưa dựng riêng biệt, các quan chưa tiện đến xu bái. Vua bèn mặc áo cát phục vâng đến cung Gia Thọ và viện ở của Hoàng thái phi làm theo lễ người nhà. Hoàng thái hậu ở nhà Ôn Khiêm Khiêm cung, cũng sai quan vâng đệ tiến lễ thay, rồi ngự ở điện Văn Minh, các quan đều mặc áo thịnh phục rảo lạy, y như nghi tiết ngày mồng 1 tháng giêng năm Kiến Phúc thứ 10.

Ngày Mậu Thìn, làm lễ Xuân hưởng.

Đầu xuân ra ân. Văn ban : Chuẩn cho thự Vũ Hiển điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết thực thụ Thượng thư bộ Hộ. Phạm Thận Duật thăng

thự Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh Tả tham tri bộ Công, gia hàm Chánh nhị phẩm. Chu Đình Kế thăng thự Thượng thư bộ ấy. Thự Tả tham tri bộ Binh quyền sung làm sự vụ Nội các, Nguyễn Thuật thực thụ Tả thị lang bộ Lễ, Lương Thành thăng thự Tham tri bộ ấy. Thị lang bộ Binh quyền lý Tổng đốc An - Tĩnh là Trần Văn Chuẩn thăng thụ Tham tri ; thự lý Tổng đốc nguyên Tuần phủ giáng 4 cấp, điệu quyền lĩnh Tổng đốc Định - Yên là Phan Đình Bình khai phục nguyên hàm, lại thăng thự Tổng đốc ; Lĩnh Tổng đốc Hải - Yên là Hà Văn Quan thăng thự Tổng đốc. Hồng lô Tự khanh quyền biện Tổng đốc Hà - Ninh là Nguyễn Hữu Độ thăng thự Thị lang, Hồng lô tự Thiếu khanh ; thự lý Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Trọng Hợp khai phục hàm Thị lang. Quyền biện Tổng đốc Ninh - Thái là Nguyễn Tu khai phục hàm Quang lộc Tự khanh. Quyền Tuần phủ Hưng Hóa là Nguyễn Văn Thi thăng thự Quang lộc Tự khanh, thự lý Tuần phủ ; thự lý Tuần phủ Trị - Bình là Trương Quang Đản, thự Tuần phủ Thuận - Khánh là Lê Liêm, thự Tuần phủ Hưng Yên là Đinh Nho Quang đều thực thụ Tuần phủ. Võ ban : Chuẩn cho Hậu quân Đô thống phủ Đô thống kiêm Chưởng Trung quân quản võ thần phò mã tập ấm là Nguyễn Hanh thăng thự Đô thống phủ Chưởng phủ sự Thống chế ; thự Hữu quân Đô thống sung Quản lĩnh Thị vệ đại thần kiêm quản. Anh danh, Giáo dưỡng là Hồ Văn Hiển thực thụ Thống chế ; quyền Chưởng Tả quân kiêm Chưởng Tiền quân, quản võ học đường là Đinh Tử Lượng thăng thự Tả quân Đô thống ; Cấm binh Vệ úy thự Chưởng vệ quyền Chưởng Vũ lâm Hữu dực là Ngô Tất Ninh thăng thự Chưởng vệ, lại thự Thống chế. (Ngoài ra, văn ban thực thụ, hoặc thăng thụ tam, tứ, ngũ phẩm 28 người, lại thự Tiền quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự lĩnh Tổng đốc Thanh Hóa là Tôn Thất Thế, Bố chính Nguyễn Khoa Luân, nguyên Án sát Lê Cơ sở can giáng điệu, đều cho miễn cả. Võ ban thăng thụ, hoặc thăng thự, hoặc thực thụ từ tòng nhị phẩm đến tòng tứ phẩm gồm 23 người ; nguyên được giáng chức khai phục 2 người). Điều dụ đó là đặc ân, cũng có ý nghĩ đến người có công khó nhọc và tài năng làm việc lâu hay chóng.

Kính sửa bộ sách *Dực tông Anh hoàng đế Thực lục Chính biên Đệ tứ kỷ*. Mùa xuân, năm Kiến Phúc thứ nhất đã định chương trình lấy mùa xuân năm sau kính sửa, khi đến năm ấy sai Tả tham tri bộ Binh quyền biện Nội các sự vụ là Nguyễn Thuật tuyên Dụ, lấy ngày 16 tháng ấy bắt đầu làm, thưởng bạc thay tiệc yến cho tổng tài, toản tu cho tới những người biên tu, khảo hiệu, đẳng lục, thu chưởng có thứ bậc. (Hợp hành sự việc, đều y theo lệ năm Tự Đức thứ 2. Duy số bạc cho thay bữa yến thì nguyên chánh tổng tài mỗi người 12 lạng. Phó tổng tài mỗi người 10 lạng, toản tu mỗi người 8 lạng. Biên tu mỗi người 6 lạng, khảo hiệu mỗi người 3 lạng, đẳng lục, thu chưởng mỗi người 2 lạng. Nay châm chước cấp cho tổng tài mỗi người 6 lạng, phó tổng tài mỗi người 5 lạng, toản tu mỗi người 4 lạng, biên tu mỗi

người 3 lạng, khảo hiệu và thừa biện, tiến sĩ, phó bảng, mỗi người 1 lạng 5 tiền, đằng lục, thu chưởng 1 lạng).

Dùng Thái bộc Tự khanh, quyền lĩnh Bố chính Thái Nguyên Nguyễn Hàm Quang quyền làm Tuần phủ tỉnh ấy (nguyên quyền Tuần phủ Bùi Quang Thích đổi lĩnh Bố chính Sơn Tây).

Lại đặt Tuần phủ tỉnh Thanh Hóa. Tuần phủ tỉnh ấy năm trước đã đình thiết. Đến nay cho đó là nơi quan trọng và công việc nhiều (các hạt ở thượng du, hiện có giặc Xá) Đốc thần (Tôn Thất Thế) võ biền khó làm nổi việc, cho nên chuẩn cho lại đặt tên dùng Tả tham tri bộ Binh là Nguyễn Thuật sung làm chức ấy.

Đình chức Chánh, Phó sứ ở Quảng Nam, Hải Phòng. Phái viên Pháp từ tháng chạp năm ngoái bắt đầu làm thuế thương chính, chuyên thu thuế xuất nhập cảng của người buôn nhà Thanh và thuế thuốc phiện, phòng tỉnh ấy không phải làm việc ấy nữa, cho nên đình đi, tính để lại 2 người tỉnh thuộc, để đủ việc khai báo, các hạng thuốc súng, súng đạn ở đồn cũ, phái cho thu đệ về tỉnh.

Khởi phục cho nguyên hàm Tổng đốc hưu trí là Vũ Trọng Bình làm Thượng thư bộ Hộ sung đại thần viện Cơ mật. Thự Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật đổi lĩnh Thượng thư bộ Hình. Nguyên lĩnh Thượng thư bộ Hình Đặng Đức Địch đổi lĩnh Thượng thư bộ Lễ. Từ khi sứ Pháp cho Trọng Bình nguyên Tổng lý Nam Định cùng với quân Pháp giao binh sinh ra, có ý nghi phòng, gửi thư nói : Quý quốc vâng mệnh kén dùng Thượng thư 6 bộ, không từ cho biết, đó là ý không nhận nước Pháp bảo trợ. Trọng Bình lại nhân đó dâng sớ từ chối, rồi lại về hưu trí, chuẩn cho Phạm Thận Duật lại điệu bổ lĩnh Thượng thư bộ Hộ ; thự Tả tham tri bộ Lễ là Nguyễn Thành Ý, đổi thự Tả tham tri bộ Hình hội đồng quyền giữ ấn triện bộ ấy.

Chuẩn định cho đồng tiền đồng kiểu mới khác 1 đồng ăn 2 đồng tiền kẽm. Cho được tiêu dùng. Khi ấy người buôn nhà Thanh chở ngầm thứ tiền ấy lại tung ra tiêu dùng lẫn lộn. So thứ tiền nay với thứ tiền dùng trước, thì mỏng nhỏ hơn nhiều, đã do Bộ thần tâu chuẩn kén bỏ không dùng ; sau vì phủ Thừa Thiên và các hạt phía nam, lưu bá tiền ấy đã nhiều, nếu hết thảy lựa bỏ, thì dân nghèo không được tiện lợi, nên chuẩn cho tiền hạng mới này ăn 2 đồng tiền kẽm, để dân tiêu dùng được tiện.

Tháng 2, thưởng cấp tiền vàng khánh vàng cho quan thầy thuốc người Pháp. (Khánh vàng nặng 5 đồng cân khắc 2 chữ "tu mục", có dây đeo bằng vàng, nặng 4 đồng). Vì trước đây nhà vua se mình, quan Khâm sứ xin phái quan thầy thuốc Tây đến xem mạch điều trị. Nhưng sau đó viện Thái y dâng thuốc, vua đã được khỏe, thuốc Tây không phải dùng nữa, nhưng cứ thưởng cho.

Tấn phong Phụ chính thân thần là Hoài Đức quận công Miên Lâm làm Lạc quốc công, Hòa Thịnh quận công là Miên Tuấn làm Thịnh quốc công.

Lại đặt Tuần phủ Nghệ An. Tuần phủ tỉnh ấy trước đã định đặt rồi, đến nay công việc thêm nhiều (sự phòng khẩn 2 phủ Tương Dương, Quỳ Châu rất cần). Theo lời Đốc thần Trần Văn Chuẩn tâu xin, lấy Hồng lô Tự khanh Thương biện tỉnh ấy là Lương Quy Chính quyền sung, đình chức Thương biện.

Bang biện ty Hành nhân là Nguyễn Hoằng Tuân, chuẩn cho đáp tàu đi Gia Định chọn mua sách Tây gồm 412 quyển (trị giá bạc 152 đồng 7 hào 7 xu). Sách đó đều có thể thông dịch và thích dụng, chuẩn giao cho ty ấy phụng giữ dịch học.

Triệt bỏ cỗ súng ở quán sứ Sở Chỉ ở trên Kinh thành. Tháng trước, Khâm sứ Pháp là Lô-mi-ơ bàn nói : Hai nước đã ký hòa rồi, mà các cỗ súng đặt chỏ vào chỗ sứ ấy đóng, nên hội đồng xem xét rút bỏ đi. Chuẩn cho Thống chế Thần cơ là Tôn Thất Phê, Đề đốc Kinh thành là Nguyễn Hữu Ngoạn cùng với bọn đề đốc, lãnh binh của Pháp phái đi họp xét. Đến đây phái viên Pháp đem quân lên thành tới Bắc Đài, đóng kín cửa châu mai ở chỗ các cửa súng gồm 45 cỗ, lại yêu cầu rút cả các nơi ở về phía tả nửa đài Nam Xang đến phía hữu nửa đài Bắc Trung và các nơi đài Trấn Bình. Cơ mật đình thần 2 - 3 lần bàn bạc không hợp, bèn gồm cho triệt đi.

Thủy sư Đề đốc là Phạm Viết Trang về hưu trí, lấy Vệ úy Cấm binh là Lưu Cung lĩnh chức ấy.

Ngày Tân Tỵ, tế đàn Nam Giao, sai Thượng thư bộ Lễ là Đặng Đức Địch, kính làm lễ thay. Lễ xong, những nhân viên dự việc được thưởng kỷ lục, tiền vàng tiền bạc đều có thứ bậc.

Quân dinh Thanh đánh thua quân Pháp ở thành Lạng Sơn. Tháng chạp năm ngoái Thống binh tướng Pháp là Mi-lô đánh bại quân Thanh, rồi vào đóng ở thành ấy, để cho Phó thống binh giữ đó, rồi về ngay Hà Nội. Đã chuẩn cho phái viên viện Cơ mật đệ khánh vàng, ngọc, ngà voi, gươm độc kiếm, vàng bạc tiền các hạng đem tặng. Đến đây quân Thanh đánh bại quan quân Pháp, lại vào thành trú ở, Phó thống binh bị thương, lui về Hà Nội. Viên Thống binh ấy hiện ở Hà Nội cũng trở về nước Pháp. Đồ tặng phẩm cũng đem đến đó. Thương thú phái ấy là Sinh-bích cho rằng lần trước phái đại viên đến, lần này lại phái thuộc viên, xin từ chối không nhận. Bèn sai Phạm Thận Duật, Hoàng Hữu Thường đi đến sứ quán, nói với Toàn quyền Khâm sứ Lô-mi-ơ và thăm hỏi vui vẻ để biếu.

Quân Pháp phá góc đông nam thành tỉnh Hải Dương (5 - 6 trượng) đắp thêm thành gạch (vuông 7 mẫu), dựng trại lính và cho thêm 2 chiếc tàu thủy, chở 5.000 - 6.000 lính A Rập, 300 con ngựa, chia đóng tỉnh ấy và ở đồn Hải Phòng, lại bàn với tỉnh ấy bắt giúp cho 6.000 phu tráng và một viên quan tỉnh hội đồng xem ngày đốc phát

tiền gạo. (Tạm ra kho lĩnh mỗi ngày dùng 800 quan tiền và hơn 100 phương gạo), sửa sang nha Hải Phòng, lấp hào ao, sửa đường sá. Tỉnh thần đem việc tâu lên, sai châm chước để làm.

Đình quan lại nha Thương chính và đề đốc nha Hải phòng ở Bình Định. Trước đây Thống nhiếp Pháp là La-lơ-ri-ê đem quân đến nha Thương chính soát lấy số bạc thuế cảng của người Thanh và thuế thuốc phiện thì do người Pháp chuyên thu như ở Đà Nẵng một thể ; sau lại đem quân đi tắt đến đài Hải Phòng đóng đinh che kín các lỗ châu mai các thuốc súng, phàm 67 cỗ và súng mổ bụng, lưỡi lê, thuốc đạn số bao nhiêu và ở phòng số bạc hiện còn 13.504 đồng 0253 lấy hết chở đi, cho nên đều đình cả tư cho quan Khâm sứ ở Kinh biết. (Rồi sứ cũng bỏ không phúc đáp).

Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Tiền phong là Trương Văn Hùng bị ốm xin nghỉ, đã chuẩn cho Lãnh binh Ninh Bình là Hồ Trí có Chỉ về Kinh đổi trao cho Vệ úy Cấm binh lĩnh chức Chưởng vệ, quyền giữ dinh ấy, sau dùng Đô thống tướng mới của Pháp là Cô-ra-xi (lại tên nữa là Đa-la-câu-ra-xuy. Tướng cũ là Mi-lô về, tướng mới lại thay) tư cho Khâm sứ ở Kinh bàn xin quan lại Bắc Kỳ chớ vội thay đổi, bèn lại dùng đội ấy quyền sung Lãnh binh Quảng Trị là Nguyễn Văn Chư thăng thự Chưởng vệ để thay.

Chuẩn định lệ cho nhà giàu lưu trữ số tiền đồng, tiền kẽm. Khi ấy Phụ chính, bộ Hộ họp tâu nói : Từ phủ Thừa Thiên trở về Nam đến Bình Thuận, trở về Bắc đến Thanh Hóa, phần nhiều các nhà giàu hay chứa để tiền đồng, tiền kẽm. Hiện nay tiền của không được lưu thông, vật giá vọt cao, đều bởi đó sinh ra cả. Nghĩ xin do quan địa phương thông sức những nhà giàu trong hạt, nhà nào còn chứa nhiều tiền đồng tiền kẽm, thì đem ra mua bán các vật, mỗi chủ cho lưu lại tiền kẽm 100 quan hay tiền đồng ăn 6 đồng, 100 quan ; thứ tiền ăn 4 đồng, ăn 2 đồng 200 quan. Chứa dùng dư bao nhiêu, cho quan địa phương thu nộp đem bạc chung chiểu theo giá trên thị trường cấp trả, lấy ngày mồng 1 tháng sau làm đầu. Chuẩn như lời tâu thi hành, nhưng sau cũng ít thấy có người đem tiền kẽm nộp để lĩnh bạc Nhà nước.

Lại đặt huyện thừa, lại mục ở hai huyện dân Thổ là Cam Môn, Cam Kết. Hai huyện này lâu nay bị giặc Xá và người Thổ Thanh Hóa là tên Mao, tên Tú gây chuyện quấy rối, lại có người Tiêm phái biên số người, dân Thổ sợ hãi tản đi các nơi. Nhiều lần yên vỗ dần về. Chuẩn cho lấy người Thổ am tình thế ấy bổ làm huyện thừa, lại mục mỗi huyện đều một người, còn người Kinh lưu ngụ, cho được tùy tiện cư trú, gọi tên là dân ở ngụ. Tổng đặt tổng trưởng, phó tổng trưởng, trưởng khu. Cũng mỗi nơi đều một người. Phàm việc kiểm tra số người, đều do huyện thừa sở tại trông coi.

Quốc vương Thủy Xá là Vĩnh Lệ mất, vua mới nước ấy nối dựng, cho tên là Vĩnh Thừa.

Quảng Nam, Quảng Ngãi hiếm mưa, bọn tỉnh thần là lũ Bùi Tiến Tiên, Lê Duy Thụy và phủ huyện đặt lễ cầu đảo 6 - 7 lần, chưa ứng, được mưa đều phạt lương 6 tháng, vì lỗi không hay tích thành, nên đến nỗi thế.

Lại định 2 điều tuất điển quan viên : (Nghị chuẩn năm Minh Mệnh thứ 13 : Phàm các quan văn, võ từ tòng tam phẩm trở lên, đều được lấy nguyên hàm về hưu và những quan về quê, dưới tên không có đeo chữ giáng chức và lặc hưu, như có chết đi, lâm thời do bộ Lễ tâu lên, lượng cấp cho tiền tuất. Dụ chuẩn năm Tự Đức thứ 7, người nào hễ là thự hàm và thí sai, văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên, đều do thượng ty kính tâu, lượng cho thực thụ, văn từ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm trở xuống, đều do thượng ty tư cho 2 bộ Lại, Binh, 2 bộ ấy mỗi tháng họp tâu chờ chuẩn cho thực thụ. Lại như lệ tuất quan viên, trừ ra chánh nhị phẩm trở lên, cho nhà vua kén biết, lâm thời sẽ gia ân ngoài. Ngoài ra, văn từ tòng nhị phẩm cho đến lang trung, khoa đạo ở Kinh, đốc học, phủ huyện châu ở ngoài các tỉnh, người nào bình tố vốn thạnh cần, làm việc siêng năng và có thành tích mà nhân dân yêu mến ; võ từ chánh tòng nhị phẩm cho đến quản vệ, cơ, người nào sai phái đắc lực, đều chuẩn do 2 bộ Lại, Binh và thượng ty cứ thực bày tâu chờ Chỉ, sẽ gia lệ tuất. Năm Tự Đức thứ 13 nghị định : người nào chỉ lĩnh một trật, năm thứ 16 phê chuẩn : Truy thụ cho quan viên đều chiểu hàm mới cấp tuất. Năm thứ 19 lại phê chuẩn : Từ sau trở đi, những người được cử lĩnh mà chưa làm việc, nhân bệnh ốm chết, như có công trạng, chiểu nguyên hàm cấp tuất, không được truy thụ, văn, võ cũng như nhau. Lại tâu chuẩn cho hàm thí thự, được 1 năm thì cho truy thụ. Năm Tự Đức thứ 30 nghị chuẩn : Phàm hưu trí, hưu dưỡng cùng người ở tang xin trả hạn về quê, do quan địa phương xét không có liệt tích và không phải lệ lặc hưu được cấp tuất, tư cho 2 bộ Lại, Binh cứu xét, tư cho quan sở tại tuân theo lệ mới năm Tự Đức thứ 29 : chánh nhất phẩm 900 quan, tòng nhất phẩm 800 quan ; chánh nhị phẩm 700 quan, tòng nhị phẩm 600 quan ; chánh tam phẩm 500 quan, tòng tam phẩm 400 quan ; chánh tứ phẩm 300 quan, tòng tứ phẩm 200 quan ; lệ không đeo triều bào ; chánh tam phẩm cấp tiền 200 quan, tòng tam phẩm 150 quan ; chánh tứ phẩm 100 quan, tòng tứ phẩm 80 quan ; chánh ngũ phẩm 70 quan, tòng ngũ phẩm 60 quan ; chánh lục phẩm 50 quan, tòng lục phẩm 40 quan ; chánh thất phẩm 35 quan, tòng thất phẩm 30 quan ; chánh bát phẩm 25 quan, tòng phát phẩm 20 quan ; chánh cửu phẩm 18 quan, tòng cửu phẩm 15 quan. Chiểu phẩm cấp cho tiền tuất (văn võ từ tứ phẩm trở lên, chiểu phẩm cho tiền tuất, trở xuống lượng cho một nửa). Tháng chạp năm ngoái, nghị chuẩn : Phàm các viên nhân chờ bổ, người nào hễ là bệnh chết, từ tứ phẩm trở lên, chiểu theo lệ cũ biện lý, còn từ ngũ phẩm trở xuống, tham chiểu về lệ nghỉ ốm, nhưng lượng cấp cho 2 phần 3, đến đây chước định 2 điều :

1. Phàm quan viên văn võ, ai là người sung lĩnh chức thí thự đã đủ một năm, nhân bệnh mà chết, chiểu theo nguyên lệ nên được thực thụ ấy, tuân theo Dụ chuẩn năm Tự Đức thứ 7, Dụ chuẩn, đều chiểu hàm cấp tuất, tựu trung người nào hễ có thành tích, phần nhiều được người ta khen, đã từng trải qua nơi hàng trận, sai phái được việc, mới hay cứ thực tâu bày xin gia ơn chiểu theo hàm mới cấp tuất, để tỏ lòng phân biệt, còn ra không được nhất khái vin ở lẽ gì.

2. Người nào hễ được hưu trí xét không có liệt tích, lặc hưu, nhân bệnh mà chết, ấn quan do quan địa phương kính đóng thành tập để tâu, còn thuộc viên, thuộc tiêu trở xuống, do quan địa phương tư cho 2 bộ Lại, Binh phiến tấu, xin đều chiểu nguyên nghị cấp tuất. Đến như hưu dưỡng, chung dưỡng, dưỡng kha, đinh gian, về nghỉ và chờ bổ, trừ ra liệt tích, lặc hưu ngoài, còn từ tứ phẩm ấn quan trở lên thì chiểu nguyên lệ cấp tuất. Bằng tam, tứ phẩm thuộc viên, thuộc tiêu trở xuống, thì những người ở tang, xin nghỉ để nuôi cha mẹ thì chiểu theo nghị mới năm ngoái đều cấp tiền tuất 2 phần 3, còn người xin hưu dưỡng, dưỡng bệnh thì đình, để khỏi sự quá rộng).

Tiết Thanh minh, mệnh chia hoàng thân công kính đến các tôn lăng làm lễ thăm yết.

Tháng 3, ngày Nhâm Dần tấn tôn Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ. Trước đây, năm Tự Đức thứ 36, kính vâng di chiếu của Dực tông Anh hoàng đế, tấn tôn làm Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, nhiều lần tâu xin. Kính vâng ý Chỉ đình chờ đến mùa đông năm ngoái lại xin, phụng chuẩn lấy năm nay mới làm. Lại phụng ý Chỉ, hiện nay kho nước vì trước đã hao hụt nhiều, mọi việc cần nên tỉnh tiết cho hợp thời nghi. Đến đây định kỳ trước chia sai quan làm lễ chi cáo, đến ngày vua đem các hoàng thân, quần thần thân đến cung Gia Thọ, kính dâng sách vàng, ấn vàng, tấn tôn huy hiệu là : Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ.

Lời sách văn nói rằng : Tôi nghe, nuôi nên muôn vật là Khôn (đất), đức ấy dày nên hậu tái. Nối được chí cha là hiếu, lễ nào lớn bằng tôn sùng. Vì rất dày phải sánh với rất cao, mà tiếng lớn phải về người đức lớn. Cung Khánh Thọ tôn bà Quang Hiến, thịnh điển nên kể[1] ; Cung Bảo Từ thờ hậu Tuyên Nhân, long nghi khá sáng[1]. Dáng mây tỏ vẻ. Cõi biển tươi màu. Kính nghĩ : Hoàng tổ mẫu Thái hoàng Thái hậu bệ hạ, đức thuận theo trời, vẻ hay sánh đất. Giúp hoàng tổ 7 năm nội trị, sánh Thượng Sằn[2], Chu Tự[3] mà càng tươi. Thờ Tiên hoàng một dạ hiếu thành, đem

(1) Quang Hiến hoàng hậu và Tuyên Nhân hoàng hậu đều là hoàng hậu ở về triều nhà Tống Trung Quốc (xem *Bội văn vận phủ*).

(2) Vợ vua Thành Thang nhà Thương.

(3) Vợ vua Văn Vương nhà Chu.

bốn biển chín châu mà phụng dưỡng. Ba sáu năm cao treo gương mẹ, bóng Vụ tinh[1] soi sáng bao lần. Ức muôn năm từng thấm ơn trời, điềm tiên đào đã ghi ba độ. Nền phúc nọ rủ cho con cháu, lợi trạch kia ra khắp nước nhà. Tôi : Vâng đội ơn to, kính vâng chí trước. Hoàng khảo không quên, ghế ngọc ghi sâu lời di chúc. Tiểu tử chưa biết, cung Dao càng mến cuộc thừa hoan. Mở dương đức tốt, khảo xét phép thường. Nay vâng lời di chiếu chọn lấy ngày lành, thỉnh mệnh ở miếu, điện và bàn thờ, thân đem quần thần văn võ, phủ Tôn nhân, kính dâng sách vàng, ấn vàng, tấn tôn huy hiệu là Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ.

Cúi mong nhận lấy tiếng khen, hưởng thêm phúc lớn. Bước đầu giữ cho lành tốt, cho thỏa lòng kính ái muôn phương. Thọ khảo để giúp người sau, được yên việc gửi trao chín miếu.

Lễ xong, bèn ban ơn chiếu cho trong ngoài.

Chiếu rằng : Trẫm nghĩ thánh nhân chế lễ, tự bề thân mà trên tới tổ tiên. Vương giả ra ơn, từ nhà rồi sau ra đến nước. Vì đồng tôn hợp kính, để đoàn kết lòng ức triệu người, mà làm phúc ra ơn, để nên hiếu thảo cho thần dân một nước. Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ bệ hạ, đức tốt hợp với trời, thường nghi sánh cùng vầng nhật. Phúc khánh cho khắp nước nhà. Lợi trạch ra cả Xã tắc. Hào lục ngũ tốt nhất, sánh đại thủy để thành tài. Tám nghìn năm làm xuân, trải tháng ngày thêm mạnh khỏe. Vâng Hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế ta, lòng kính mến như vua Thuấn. Lệ cẩn hầu như vua Văn. Trải ba sáu năm hiếu phụng rất thành, dựng nghìn muôn đời di luân làm chuẩn. Rỡ ràng di mệnh, là nghi văn rất mực vẻ vang. Chói lọi huy xưng, nên đức lớn rất điều sáng sủa. Trẫm thẹn mình đương bích, lấy việc kế thuận làm lo. Kính vâng hàm di ; tỏ dạ mến yêu là thiết. Mới đây, ngửa tuân di chiếu, vâng xét điển chương. Khẩn xin mấy lần, mới được y chuẩn. Kính cẩn xin mệnh miếu điện, chọn ngày lành lấy ngày mồng 3 tháng này, thân đem thân công vâng làm sách vàng, ấn vàng, kính làm đại lễ tấn tôn, dùng để tỏ bày đức tốt, chút trả đức lớn hồng từ. Đức to hẳn được danh to, tin đúng tôn tôn đại nghĩa. Lòng hiếu sung làm trị hiếu, mới hay lồng lộng hồng ân. Vậy nay có các điều ban ơn, viết ở sau đây :

1. Thân vương, thân công, quốc công, quận công đều thưởng bạc có thứ bậc để thay tiệc yến.

2. Tôn thất xa gần ở phủ Tôn nhân, đều gia ơn cho ân tứ.

3. Quan văn ở Kinh từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên ; quan văn ở các tỉnh từ án sát, võ từ phó lãnh binh trở lên, đều thưởng bạc thay tiệc yến có thứ bậc.

---

(1) Sao Thọ thuộc về đàn bà.

4. Các phủ thiếp của hoàng thân chư công, đều gia ân tứ.

5. Văn võ từ tam phẩm trở lên, mệnh phụ đều gia ân tứ.

6. Ở Kinh và ngoài các tỉnh, văn võ quan viên từ tam phẩm trở lên, và văn từ tứ phẩm ấn quan về hàng văn, trừ ra bố mẹ gián có phạm vào 10 điều ác và các tội có tên, không nên phong tặng, ngoài ra đều chiếu phẩm phong tặng có thứ bậc.

7. Ở Kinh văn từ lục, thất phẩm, võ từ ngũ, lục phẩm, ở tỉnh văn ngũ phẩm đến thất phẩm và bát, cửu phẩm huấn đạo, võ quản vệ, quản cơ đều thưởng cho mỗi người 1 đồng tiền Tam thọ bằng bạc. Ở Kinh bát cửu phẩm, ở ngoài suất đội đều thưởng mỗi người 1 đồng tiền Nhị nghi do hữu ty chiểu theo từng hạng mà cấp phát, thiếu thì cấp cho đĩnh bạc. Còn như tri phủ, phủ úy, tri châu, tri huyện, huyện thừa người Thổ, đều thưởng cho đồng tiền bạc Phi long hạng vừa mỗi người 1 đồng.

8. Thôn Đông Tân Niên họ Phạm đều gia ân tứ có thứ bậc.

9. Người dân già tuổi từ 80 trở lên, cấp cho tiền 1 quan, gạo 1 phương ; 90 tuổi trở lên, vải 1 tấm, gạo 2 phương ; 100 tuổi trở lên, lụa 1 tấm, gạo 3 phương, và chiểu lệ để biểu nêu thưởng.

10. Những quan viên lớn nhỏ ở Kinh và ở ngoài, không kể tên, tội chung hay tội riêng và không chuẩn cho tra xét, phàm ai bị giáng 5 cấp cho đến cách chức lưu dụng, chuẩn đổi giáng làm 4 cấp, lưu, bị giáng 2 - 3 cấp chuẩn cho khai phục 1 cấp, bị giáng 1 cấp ấy đều cho khai phục.

Than ôi ! Yêu người sở thân, kính người sở tôn, một người là ta nghĩ nối chí tiền nhân. Che như trời, chở như đất, muôn họ người đều đội ơn sâu của vương mẫu.

Báo cáo xa gần, đều được nghe biết. Lễ tấn tôn xong, Dụ thưởng cho các đại viên dự thưởng đến những người tùy biện, vàng bạc và tiền, có thứ bậc.

Kính đúc sách vàng, ấn vàng, tấn tôn Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi. (Tuân chiếu năm Tự Đức thứ 2, quy thức sách vàng, ấn vàng tấn tôn Hoàng thái hậu vẫn châm chước, giảm số nặng, dùng vàng 8 tuổi, 5 tuổi cùng bạc để tỏa cúc bản bao đỉnh các hạng đều có đẳng cấp). Mùa đông năm ngoái, hoàng thân quần thần lại tâu xin tấn tôn Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ. Lễ làm xong, thứ tự làm lễ tấn tôn hai cung. Kính vâng ý Chỉ hai cung, đợi sau tế đàm điện Hòa Khiêm chuẩn cho làm, cho nên đặc biệt phụng mệnh đúc sẵn.

Đình những viên nhân chết về việc, văn thất phẩm, võ lục phẩm cho đến cửu phẩm liệt, thờ ở đền trung nghĩa. Dân có nguyện lập đền khác hay theo thờ ở tự điện trong làng cũng cho.

Đặt hai vệ tập lính ở Hà Nội, khi ấy tướng Pháp bàn trích 1.000 lính tỉnh ấy giao cho súng tốt để diễn tập, để phòng bị lúc lâm thời phái đi đánh giặc. Về việc

cấp thêm quần áo lương bổng cho quản suất và binh lính bắt đầu từ mồng 1 tháng ấy nên chuẩn ưng cho từ nay đi các tỉnh Bắc Kỳ cũng lấy lần lượt tính đặt.

Đặt trường diễn võ ở các dinh, mỗi trường một người bang biện. (Tả hữu hai dực quân Vũ lâm đều 1 người, các bảo 2 người, Tiền phong, Long võ, Hổ oai, Hùng nhuệ đều 4 người, cộng 8 viên, đốc sức quản suất binh lính ở trường, rèn tập võ nghệ, chế bài ngà bang biện cấp cho).

Dùng quyền Tổng đốc Bình - Phú là Trần Lưu Huệ thự Hữu tham tri bộ Lại, Hiệp lý Thủy sư Lê Thận thự Tuần phủ, lĩnh Tổng đốc tỉnh ấy ; Thị lang bộ Binh là Trương Văn Đễ thăng thự Tả tham tri bộ ấy.

Phái viên Pháp bắt thự Tổng đốc Hải - Yên là Hà Văn Quan, vây dinh Tổng đốc và nơi ở của Phó lãnh binh, soát lấy giấy tờ và kiểm ấn quan phòng, các dấu đồ ký và vàng bạc ở kho tỉnh ấy, cùng các triện riêng của các nhân viên, rồi đem Hà Văn Quan xuống thuyền chèo về Gia Định. Việc ấy động đến tai vua, sai viện Cơ mật tư cho Khâm sứ Lô-mi-ơ biết. Khâm sứ ấy cho rằng tướng Pháp là Cô-ra-xi ngờ đốc thần ấy có thông đồng với quân Thanh, phúc lại cho biết các hạng đã lấy sẽ giao trả lại.

Chuẩn phái cho người đã trồng đậu cũ, chia đi Nam - Bắc mỗi phương một người, đi tới các hạt, truyền cho phương pháp trồng đậu, cấp cho tiền đi đường. (Trở đi về Nam là Võ Duyệt, trở đi về Bắc là Bùi Hanh).

Triệt gác Tuy Thành ở nhà Thái miếu. (Gác này dựng từ khoảng đời Gia Long ở trước sân Thái miếu, có 2 tầng : tầng giữa và tầng trên có đặt án thư và giường ngồi, đến nay đã lâu ngày, tài liệu hư nát cả, nên chuẩn cho triệt xuống, xếp vào xưởng tướng quân đợi làm).

Dựng lại miếu Thành hoàng ở Ninh Bình. (Miếu ấy gần đây nhân có việc bị đổ nát cả).

Dỡ chùa Giáo Hoàng và đền Trùng Tiêu ở chùa Linh Hựu, vì hai nơi ấy lâu năm đổ nát cả, cho nên sai dỡ đi rồi dời tượng Phật và long bài hợp thờ ở điện Trùng Tiêu chùa Diệu Đế. Nguyên đặt các tượng tiên, thần, phật tướng hợp thờ ở hai gác Từ Vân và Tường Quang. (Ở sâu bên tả, bên hữu điện Trùng Tiêu, tự sở Linh Hựu cũng cho dỡ hết).

Thị lang quyền lý Tổng đốc Hà - Ninh Nguyễn Hữu Độ vì rút quân giản binh về trạm, được giáng 4 cấp điệu bổ, hãy tạm chuẩn cho lưu chức. Hữu Độ lại nhân quan Pháp sắp đến Lạng Sơn, xin đem Hoàng Cao Khải quyền Bố chính Lạng Sơn, Nguyễn Huy Lân quyền Án sát. Vua Dụ khiển trách rằng : "Đặt quan chia chức, quyền tự triều đình, cứ theo ước mới, thì ngươi không được dự, duy gần đây nhân việc chiến tranh xảy ra, ta đặt quan viên Nam - Bắc nên tư biết trước, đó là do lúc

sự thế khẩn yếu, chỉ là có quyền tạm một thời. Như nay tỉnh ấy có nên đặt, quan Thống sứ Pháp như có bàn nói, lập tức giữ theo lời ước bàn thôi đi, và tức tâu lên chờ Chỉ, huống chi toàn hạt ngươi chỉ có hai tỉnh Hà - Ninh nay bèn yên nhiên lấy cả toàn kỳ theo mình, phép nước lòng bầy tôi, hỏi vậy có đúng không ? Nếu kẻ kia một niềm cố yêu cầu, thì mặc họ làm lấy. Mình không dự đến".

Cây thông dưới núi thứ 5 ở lăng Thiên Thụ bị sét đánh nảy lửa. (Ở trong hạn cấm cùng với bờ hồ ở trước mặt tôn sở cách nhau 200 trượng, chuẩn theo năm Tự Đức thứ 31, ở trong hạn cấm núi thứ 3 lăng Thiên Thụ và ngoài hạn cấm bên tả Xương Lăng đều có sét đánh nảy lửa hai lần ; sai quan khám thực sửa chữa).

Ngày mồng 1, Kỷ Hợi, tháng 4, mùa hạ, đình lễ Hạ hưởng. Chiểu làm lễ mồng 1 theo lệ như tháng thường. Lệ trước, cứ ngày mồng 1 tháng 4, tháng 10 kính làm 2 lễ hưởng về mùa hạ và mùa đông ; năm ấy bàn chuẩn cho châm chước theo thời nghi, đình không làm lễ ; các lễ ở các miếu điện, cũng đều đổi bớt, chung kính cáo ở ngày mồng 1 ấy.

Mở ân khoa về thi Hội bên văn.

Thự Tổng đốc An - Tĩnh Trần Văn Chuẩn mất. Văn Chuẩn, Đồng tiến sĩ, người xã La Hà, tỉnh Quảng Bình, lậu giữ làm mọi công việc ở hạt ấy rất giỏi giang, sĩ dân đều yêu mến. Gia ơn truy thụ Tổng đốc, chiểu hàm cấp tiền tuất. Do quan địa phương bắt phu lính hộ đưa quan cữu về quê.

Lại cấp ruộng tự điền và lộc điền cho các công thần. Dụ rằng : "Nước ta từ xưa tới nay, phàm các công thần dự ở phong tước, nhiều lần đã ban ơn cho điền mẫu có thứ bậc. Kẻ sống nhờ đấy để nuôi nấng, gọi là ruộng lộc điền, kẻ chết nhờ đấy để cúng giỗ, gọi là ruộng tự điền, thưởng đền lâu đời, ơn điển rất là ưu hậu. Gần đây, các làng hằng kêu xin đổi cấp đến tế ; vâng mệnh chuẩn cho đổi cấp bằng tiền, mỗi mẫu đồng niên 40 quan, cũng để chữa tệ cho một thời. Nhưng về khoản cấp tiền, hiện có người còn đến tự lĩnh thì hơi tiện ; như người mất rồi, con cháu làm đơn lĩnh nhận, quan lại cứu tị phê phát chờ đợi chày chã cũng không phải là chí của triều đình ưu đãi công thần. Vậy, ruộng ấy chuẩn cho như cũ, trích giao các công thần và con cháu người ấy đời đời giữ lấy cày cấy, lệ nộp thuế lâu cho được miễn, để dùng làm ruộng dưỡng thiệm và hương hỏa, ngõ hầu khiến cho dòng dõi các công thần, được để thờ cha ông, hưởng cựu đức, mà ơn điển thưởng công của quốc gia cùng với sông núi bé như dải áo, mòn như đá mài, để lâu tới không cùng vậy".

Lại định lệ đồng tiền đồng được ăn giá 6 đồng hay 3 đồng tiền thường. Khi sau lưng đồng tiền đồng nước ta có 2 chữ "lục văn" và nặng 9 phân trở lên giá 6 đồng, dư nặng 6 - 9 phân cùng với đồng tiền dày lớn kiểu cũ ăn giá 4 đồng thường, đồng tiền nhỏ mỏng kiểu mới ăn giá 2 đồng thường, đã phụng lục thi hành rồi. Gần đây

các phố chợ chung quanh 2 hạng tiền ăn giá 2 đồng và 4 đồng, gián hoặc có cạnh tranh nhau, do đó giá mua của các hàng ngày càng cao lên ; lại tư cho từ Bình Thuận trở về Bắc, Nghệ An trở về Nam (đồng tiền đồng Bắc Kỳ còn chưa thông hành) xét rồi phúc lại. Từ khi tiếp được tờ phúc đến, ý kiến bất đồng. Viện Cơ mật duyệt cho rằng tiền đồng bản quốc trước chỉ đương giá được 2 đồng, hay 3 đồng, thì nhân công và vật liệu cũng đã thích đáng. Từ khi nhân tiền dư, đổi ăn giá 6 đồng, thì hơi có nhiều lời, nên bọn buôn ngoài ham lợi đúc ngầm tiền đem lại, ngày dần mỏng nhỏ, đến nay lại quá tệ, như muốn một phen chữa tệ, bắt buộc không thể không giảm giá đi, đồng tiền lạ có nặng nhẹ dày mỏng không giống nhau, nếu nhất luật cứ ăn giá 4 đồng cả, thì tiền nhỏ mỏng ấy được lời, mà ăn giá 2 đồng ấy, thì tiền hơi dày ấy bị thiệt, nên chuẩn cho chia hạng đổi sự ăn giá (ăn 2 đồng hay 4 đồng), duy tiểu dân rất là dễ hoặc, mà lập pháp cần ở tiện cho dân. Cứ như các tỉnh sở tư và bọn tôi đã xét, thì sự làm khó cho dân ấy, cũng chỉ vì có hai thứ đồng tiền lạ ăn giá 2 đồng hay ăn giá 4 đồng, chưa phân biệt rõ. Đến như tiền ta cùng tiền lạ, dân ta đều nhận rõ cả, không đến ngờ vực nhầm lẫn, đến nỗi các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Phú Yên xin đem tiền ta nhất luật ăn giá 6 đồng, tiền lạ cũng nhất luật ăn giá 2 đồng, hay 3 đồng, hay 4 đồng, bởi muốn cho dễ phân biệt mà không tranh cạnh. Nếu nay thu hết đúc lại (Hà Tĩnh nguyên tư) cùng nghiêm sức phải theo (Bình Thuận nguyên tư) sợ cũng làm không chạy mà khó cưỡng được. Xét ra một hạt Thừa Thiên, tình thế cũng cùng như nhau, nay xin tiền đồng của nước ta, không câu nệ ở hạng nào, đều xin cho ăn giá 6 đồng, còn dư các hạng tiền kiểu khác cũng không kể lớn nhỏ, dày mỏng, mới cũ đều theo nhất luật ăn giá 3 đồng, duy đồng nào xỏ không được thì đều đổi bỏ. Như thế thì tiền trong nước và ngoài nước có phân biệt, nặng nhẹ có thích quân, dân gian dễ điều kiện nhận dấu, buôn bán vừa được lưu thông. Từ nay trở đi, y thế mà làm, quyết không thay đổi, không để ngờ hoặc nữa. Đến như tổng lý, bang trưởng không hay kiểm xét tiền nước ngoài chở đến ; xin từ nay cùng với tấn thủ cùng khoa định phạt, để chính việc buôn gian, đều chuẩn đấy làm lệ.

Trước đây, tỉnh Hà Nội có dựng đền Sinh từ Nguyễn Hữu Độ là quyền Tổng đốc tỉnh ấy. Đốc thần ấy đã dâng tâu xin lỗi. (Lược nói : thân hào hạt ấy bảo là đốc thần ấy làm việc ở hạt ấy đã lâu, người đều biết cảm tình xin quyên và xuất của riêng tự dựng ngôi sinh từ. Đốc thần ấy đã nhiều lần từ chối, nhưng bọn ấy giữ ý không nghe, tình khó ngăn trở). Rồi vì Khoa đạo là Bùi Hữu Tạo tâu hặc. (Lược nói : Đốc thần ấy nghe lời nịnh hót của Hoàng Cao Khải và Đề đốc Trương Văn Hậu, xây dựng sinh từ trù phí động tới hàng vạn ; hai viên bang biện, đề đốc ấy gửi tờ cho các thân hào phủ, huyện chia bổ bạc cho mỗi người 200 lạng, xin xét nghiêm nghị, để ngăn sự gian tà ở trong quan trường). Chuẩn cho đốc thần ấy và hai ty

Phiên, Niết cùng thành thần là bọn Lê Đĩnh, Cao Xuân Dục đều đã minh bạch hồi tấu, đến đây tập hồi tấu đã đến, từ ý đều nói sinh từ do dân thôn Đông Thành, huyện Thọ Xương là Võ Văn Hoạt xướng làm mà thôi. (Văn Hoạt là môn thuộc của đốc thần ấy khai nhận, tự chủ công việc và tập nhận cữu, tập tham tâu đều tả cả). Phụ chính Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết duyệt nói đền ấy dựng làm tới hơn một vạn đồng. Văn Hoạt là một người tiểu dân, khó đoán được sự lập tâm làm việc này, chẳng qua trước thì vì người ta bảo, sau thì bị người rời bỏ. Bèn tâu chuẩn cho hai ty Phiên, Niết tỉnh ấy, lại làm nghiêm giam Văn Hoạt, bắt khai để tư xử án. (Từ lâu chưa phúc, Hữu Tạo nói với người rằng : Người nguyên tham bị Phụ chính thần đã chê bác, dần đến mùa hạ năm sau Kinh thành xảy chuyện, việc bèn im).

Chuẩn định hằng năm xuân tế một lần ở các nơi thờ và các đàn miếu. (Theo lệ cũ, xuân thu tế 2 lần). Duy miếu Hỏa thần (ngày 23 tháng 6), miếu Hỏa pháo (ngày mồng 1 tháng 9), vị pháo thần võ phá địch thượng tướng quân (ngày 2 tháng 9) đều y theo nghị năm Minh Mệnh làm. Thưởng cấp độ điệp tăng cương cho chùa Thập Tháp tỉnh Bình Định. (Các chùa chung có lệ tuyển cử tăng cương, chiểu cấp độ điệp một đạo, dùng giấy kỳ lân, bốn chung quanh vẽ mây leo bằng mực, sau niên hiệu dùng ấn kiểm bộ Lễ). Trưởng sư chùa ấy là Trần Văn Lý trước đã quyên bạc thóc, trị thành tiền 1.700 quan. Chuẩn thưởng cho cái bài vàng có chữ "hiếu nghĩa". Lần này, việc cứu chữa ở tỉnh rất khẩn, lại quyên tiền 800 quan, chuẩn cho độ điệp một đạo, cho ở chùa ấy chuyên nghiệp.

Khâm sứ Pháp là Sam-bô lại đến thay Lô-mi-ơ về nước. (Việc tiếp khoản tặng cấp châm chước y theo trước mà làm). Khâm sứ Pháp đóng ở Kinh thành là Sam-bô đưa thư nói : "Hai nước Thanh - Pháp giảng hòa ở Yên Kinh nhà Thanh ngày 28 tháng ấy, tờ ước áp dấu ký tên, trao đổi việc xong. Xin tư cho các tỉnh Bắc Kỳ biết". Lại thư khác nói quan Khâm sai nhà Thanh trước đến Hà Nội, quan Pháp phái quân hộ tống, đi các tỉnh Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn thông báo cho rút quân về, khi đưa đến hạt Hưng - Tuyên, gián hoặc vì đạo quân của nguyên Bố chính Sơn Tây là Nguyễn Văn Giáp đánh có bị thương chết, xin chiểu luật mưu phản đại nghịch nghĩ xử và thông dụ cho mọi nơi biết. Chuẩn sai tư đi cho biết và xét việc Nguyễn Văn Giáp như quả có thực, thì xét trị tội, cho khỏi tiếng phao đồn. (Nguyễn Văn Giáp sau đó lánh trú chẳng biết ở đâu).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - *QUYỂN VIII*

HÀM NGHI ĐẾ (PHỤ)

Tháng 5, mùa hạ, năm Ất Dậu [1885], dùng thự Hữu tham tri bộ Lại Trần Lưu Huệ đổi thự Tuần phủ, lĩnh Tổng đốc Nghệ An (nguyên đốc là Trần Văn Chuẩn mất).

Thự Tả tham tri bộ Hình là Nguyễn Thành Ý ốm, xin nghỉ. Chuẩn cho cứ nguyên hàm về hưu.

Đô thống tướng Pháp là Cô-ra-xi kiêm quản các đạo quân của nước ấy hiện đóng ở miền Nam, miền Bắc và sung làm Toàn quyền đại thần mới đến Bắc Kỳ, tức thì gửi thư báo cho Khâm sứ đóng ở Kinh biết. (Khâm sứ đóng ở Kinh là Sam-bô cũng theo lệnh của Đô thống ấy). Đến đây, đem binh thuyền theo nhiều, từ Bắc Kỳ đến cửa biển Thuận An sai hộ tiếp Đô thống ấy đến sứ quán.

Tết Đoan dương, vua mặc áo đẹp (khăn đen áo lam) kính đến cung Gia Thọ, viện Hoàng thái phi, làm lễ người trong nhà. Hoàng thái hậu ở Khiêm cung, sai thái giám kính đến nhà Ôn Khiêm tâu biết. Xong rồi mặc áo cát phục (khăn áo đen) ngự điện Văn Minh, hoàng thân trăm quan đều đủ đồ thịnh phục rảo lạy, còn việc yến tiệc đều đình.

Sai làm thư gửi sang Giám quốc Pháp. Khi viện bạc tâu nói : Hiện nay nước ta với nước Pháp công việc giao thiệp nên phải bàn bạc nhiều, nghĩ làm quốc thư cho sứ đi sang Kinh đô nước đó, thăm hỏi Giám quốc. Nhân tiện đem các việc làm của phái viên nhiều lần không đúng và các điều khoản ở trong tờ hòa ước không thể

chịu được, xin phải bàn định châm chước lại cho. Nhưng chưa biết nước ấy có thuận nghe hay không. Xin sửa bức thư nhờ quan khâm sứ gửi về Giám quốc, ý nghĩa thế nào, phúc đến sẽ làm và sẽ nghĩ thư đệ trình. (Cách thức trong thư nói : Tự quân nước Đại Nam kính gửi thư trình quan Giám quốc nước Đại Pháp xét cho : Nước ngoài với nước tôi giảng hòa với nhau, tình nghị không xa cách nữa, gần đây nhân có nhiều cớ, tin tức hơi thưa. Nay nghe quý quốc cùng với nước Đại Thanh giảng hòa, công việc giao thiệp, nên còn bàn bạc nhiều, nghĩ nên đặc biệt sai sứ bộ đi sang Kinh đô quý quốc hỏi thăm quý Giám quốc khỏe tốt, nhân tiện bàn nói, khiến cho tình giao hảo ngày thêm đẹp đẽ, việc hòa nghị ngày thêm lâu dài, đó là lòng tôi rất tha thiết. Hoặc khi sứ đến, như có điều gì chưa tiện nói, thì nước tôi sẽ làm quốc thư khác gửi thẳng sang quý Giám quốc, để tỏ tình trạng. Ý nghĩ của nước tôi như thế, quý Giám quốc cho làm thế nào ? Xin phúc thư cho biết. Gió sen mùa tốt xa chúc phúc lành.

Niên hiệu : Ngày... tháng 5, năm Hàm Nghi thứ nhất.

Chỗ niên hiệu, kính dùng quả ấn truyền quốc "Đại Nam thụ thiên vĩnh mệnh", đóng ở chỗ giấy giáp nhau ở trong 3 miếng, đóng ở chỗ giáp ngoài bao bì 3 miếng, đều kính đóng ở trước mặt vua cả). Chuẩn cho theo như lời tâu thi hành. (Từ sau đi nhân có việc, nước Pháp im không trả lời).

Tiết Thiên thu, kính dâng ở điện Hòa Khiêm, Hoàng thái hậu kính đến làm lễ. Tới ngày đó, sai quan kính đệ phẩm nghi và giấy mừng đến nhà Ôn Khiêm. Khiêm cung tiến thay cũng như nghi tiết năm Kiến Phúc thứ 1.

Thi Điện, sai Hữu quân Đô thống là Hồ Văn Hiển sung làm Giám thí ; thự Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật ; thự Hữu tham tri bộ Binh là Hoàng Hữu Thường sung Độc quyển ; Thị độc học sĩ sung Sử quán Toản tu là Vũ Tử Văn ; Hồng lô tự Thiếu khanh, Tham biện Nội các sự vụ là Đỗ Huy Liệu sung Duyệt quyển. Chuẩn cho các cống sĩ lấy ngày 15 tháng ấy vào thi. (Khoa ấy, Hội thí trúng cách, thứ trúng cách 13 người đều chuẩn cho vào Điện thí, mới định chánh, phó bảng). Rồi mới duyệt định đẳng đệ, chợt nhân có việc, chưa kịp truyền lô phát bảng bèn đình. (Đến tháng 8 năm ấy, Cảnh tông Thuần hoàng đế lên ngôi, nhân chuẩn cho chờ khóa sau sẽ gồm vào thi Điện một thể).

Tiết Thánh thọ, vua mặc áo đẹp, kính đến cung Gia Thọ tiến dâng phẩm nghi giấy mừng thượng thọ, làm lễ người trong nhà. Còn các tiết yến tiệc đều đình.

Lại đặt phòng đề đốc ở biển Bình Định. (Phòng đề đốc ấy trước đã chuẩn đình, đến nay chuẩn cho lại đặt, để trọng về trách nhiệm). Dùng quan Lãnh binh Hà Tĩnh là Lê Viết Diễn thăng thự Phó đề đốc lĩnh chức ấy.

Lễ Đại tường điện Hòa Khiêm (ngày 16 tháng sau), lễ Chu cơ (ngày mồng 10 tháng sau) điện Chấp Khiêm. Hai lễ gần tới kỳ, bộ Lễ dự dâng đồ mặc tế đàm, chuẩn như lời tâu. (Hoàng thái hậu, Hoàng thái phi, đều một bộ, khăn dùng nhiễu màu huyền màu xanh, áo bằng cổ dùng lụa thâm. Lại theo lệ cũ áo ngự phục một bộ, mũ xuân thu dùng nhiễu xanh huyền, không có hoa sức, áo giao cổ bằng the thâm, trong mặc xiêm bằng lụa màu lam hay lụa màu trắng, tất lam hài đen không có viền. Các công tử, tôn tước, hoàng thân mặc áo đoạn đen. Võ tú tài mũ bằng lụa thâm, áo giao cổ lụa thâm, xiêm màu lụa xanh lam, xiêm đều mình trơn không có trang sức, tất hài cũng không có văn sức. Các công tần, công chúa, phủ thiếp, công nữ, thuộc về tiên triều hay các triều trước khăn thâm áo the thâm bằng cổ. Văn, võ phẩm quan như ngày kỵ thì dùng áo bồi tế, và mũ về quan văn thì văn tú tài dùng, mũ võ thì võ tú tài dùng, đều làm bằng đoạn đen ; áo thì dùng cổ giao nhau bằng the, đoạn đen và xanh. Xiêm dùng lụa màu, không dùng gấm vóc. Vợ cả các quan văn, võ, khăn đen, áo bằng cổ bằng lụa đen, sa đen tùy đó mà dùng. Lệ trước từ phủ thiếp, công nữ trở lên, chi tiền kho dự chế cho mệnh phụ văn, võ phẩm quan. Mệnh phụ đều tự làm lấy, đến đây nghị chuẩn cho cách thức áo mặc đều y theo lệ trước, duy tiên triều từ cung tần trở lên, do Nhà nước chế cho ; các triều trước cung tần và hoàng thân công trở xuống đều tự chế lấy).

Chuẩn đặt nha Doanh điền Quảng Trị (Thạch Hãn nguyên có những phường Ná Nậm, Tân Giang, Xuân Lâm ở thượng du, địa phận ấy có thể khai khẩn được trên dưới số ruộng hơn 3.000 mẫu ; tỉnh ấy đặt nha Dinh điền 1 sở ở phường Xuân Lâm, đúc cấp đồ điền khí để cấp cho quan quân khai khẩn. Chuẩn y. Xin đi, nhân có việc, chẳng thực hành).

Ngày Ất Mão, Kinh thành có việc, Tôn Thất Thuyết kèm vua vâng mệnh 3 cung, ngự giá chạy ra miền Bắc. Trước đây, Đô thống tướng Pháp là Cô-ra-xi đến tòa sứ xin dâng quốc thư làm lễ vào chầu yết, nhưng tức trước yêu cầu của Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cùng tắt sang sứ quán hội thương. Thuyết thác cớ có bệnh không đi. Văn Tường một mình cùng Phạm Thận Duật đi. Tướng ấy không nghe, cố mời Thuyết, Thuyết sợ đi, hoặc có việc gì xảy ra chăng, sau bèn không đi, ngày thường cho quân Phấn nghĩa làm tự vệ cho mình, lại nghiêm sức các quân dinh kiểm soát chỉnh đốn những đồ khí giới. Văn Tường với đình thần cho rằng đó cũng là thanh thế phòng bị vậy.

Đêm ngày 22 tháng ấy, Thuyết ngầm chia quân các dinh vệ làm 2 đạo : 1 đạo sai em là Trị phòng Tham biện (nguyên ở phòng, Thuyết sức về), Tôn Thất Lệ cai quản, nửa đêm sang đò sông Hương hợp cùng với bọn Đề đốc Thủy sư và Hiệp lý đánh úp tòa sứ. Thuyết tự cùng với bọn Phấn nghĩa Chưởng vệ là Trần Xuân Soạn làm một đạo đánh úp đài Trấn Bình, doanh Nam Pháp, Nguyễn Văn Tường không

biết gì hết. Thuyết phân bổ xong, bèn ở lúc đầu trống canh tư (tức ngày 23) bắt đầu nổ súng ở đài Trấn Bình, tiếng kêu vang động. (Khi ấy Văn Tường ở bộ Lại đương ngủ. Thự Tham tri bộ Binh là bọn Hoàng Hữu Thường nghe tiếng súng nổ, tức thì đến gõ cửa báo Văn Tường biết. Tường dậy, sợ nói : Nguy rồi ! Bèn vội vàng gửi tâu xin mở cửa Hiển Nhân và cửa Đại Cung chạy vào tả vu, nhưng không biết làm thế nào). Quân Pháp đóng cửa chặt, lẻn nấp đợi sáng, nhưng từ từ nổ 1 - 2 tiếng súng lớn. (Thuyết khi ấy ở vườn sau điều khiển, Xuân Soạn ủy người báo cho đài Trấn Bình biết quân Pháp đã bị súng ta bắn chết hết rồi ; tiếng súng lớn bắn, tưởng là súng quân Pháp ở ngoài sông đài Trấn Bình bắn vậy). Thuyết lại sai vần súng lớn lên thành chỉ bắn tòa sứ. (Cũng bị phá vỡ mất hai nơi). Đạo quân Tôn Thất Lệ cũng phóng súng bắn cháy các nhà tranh gần tòa sứ, tới lúc sáng rõ, quân thủy lục của Pháp đều họp súng lớn xe máy để ở trên đài và trên cột buồm tàu, bắn liền mấy tiếng, ầm ầm như sấm và đạn bay rơi xuống, bị thương trúng chết khá nhiều và rơi vào các cung điện nhà cửa ở trong hoàng thành và cung thành, gián hoặc có xuyên hoại. Bọn lính Pháp lại chia nhau từng toán, đem súng tay ngang ngược bắn phá, 2 đạo quân ở trong và ở ngoài của ta bị tan vỡ cả, trong thành rối loạn). Văn Tường tâu xin vua và xa giá ba cung đi ra Khiêm cung tạm thời lánh loạn. (Khi ấy, Văn Tường đã vào bên tả vu, một lát xin mở cửa Hòa Bình đến chỗ Thuyết điều khiển, nhìn trông biết là thất bại rồi, lại vào tả vu tâu xin vua xuất hành, trong khi vội vã, chỉ soạn được cái ấn ở ngự tiền văn lý mật sát và ấn kiểm 2 quả với hạng để vàng bạc đồ đệ đem theo). Dũng Hữu quân Đô thống là Hồ Văn Hiển phù xe, giờ Thìn hôm ấy bắt đầu từ cửa tây nam ra. Văn Tường vâng ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ và lưu lại giảng hòa, tức thì đi tắt vào nhà thờ đạo Kim Long. Thuyết ra sau gặp giá, bèn một mình hộ chuyển đi đến Trường Thi (ở xã La Chử) nhân kèm đi ra ngoài Bắc. Thự Hiệp biện Đại học sĩ là Phạm Thận Duật, thự Tham tri Trương Văn Đễ và Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Lệ đều đi theo xa giá. (Khi đó, tùy giá chỉ có xe loan và lính biền binh lẻ tẻ chầu chực trên dưới ước 100 người, còn các dinh vệ, sau khi thua trận đều tức tìm đường tản về quê quán). Giờ Ngọ mới đến xã Văn Xá, nghỉ một chút, Thuyết tức thì kèm vâng mệnh vua, đem qua tình hình vua phải ra đi thông báo cho thiên hạ Cần vương, lần lượt tư cho Nam - Bắc tuân làm. Ngày Bính Thìn, vua cùng với xa giá ba cung đến tỉnh Quảng Trị, dừng nghỉ ở hành cung. (Từ thự Hậu quân Chưởng phủ Nguyễn Hanh, thự Thống chế Ngô Tất Ninh, thự Tả quân Đinh Tử Lượng, Tham tri bộ Công Tôn Thất Phiên, Biện lý Trần Khánh Tiến, Hiệp lý Thủy sư Cao Hữu Sung, Phủ doãn Nguyễn Đình Dương, Toản tu Phạm Phú Lâm cũng đều nối tiếp đến hành tại).

Đương lúc xa giá nhà vua đã đi rồi, quân Pháp lên kỳ đài treo hiệu cờ tam tài, súng bắn vẫn còn ầm vang, quan lại, nhân dân giành nhau tìm cửa chạy ra, rồi tự

giày xéo lên nhau, chết và bị thương rất nhiều. Quân Pháp bèn đốt 2 bộ Lại và Binh (nguyên là nơi Văn Tường và Thuyết ở đó) và thuốc đạn khí giới các dinh trại bốc lên xông trời (2 ngày đêm không tắt), chia giữ các cửa thành trong ngoài và các sở kho tàng cung điện. Ngày phát gạo kho thuê vát những dân còn ở trong thành và những bọn ở ngoài lẻn vào (đều là đồ vô lại nhòm vào toan lấy đồ đạc của quan tư còn bỏ sót lại), sửa đắp các trại lính làm nơi trú đóng và nhặt chôn, hỏa táng các xác bị chết và bị nạn ở lúc trận vong. Dưới đô thành nơm nớp sợ chạy. Văn Tường hôm ấy đã vào nhà thờ đạo Kim Long, bèn cùng với Giám mục Lộc thương thuyết, cùng đến tòa sứ trần tình, cùng bàn nỗi khổ với Đô thống Pháp, lại xin giảng hòa. Đô thống ấy cũng nghe lời, dặn phải rước ngay vua và ba cung hồi loan về triều. Buổi chiều hôm ấy, Văn Tường bèn bàn với quan Pháp vào thành tạm đóng. (Đóng ở trong nhà bộ Hộ). Hôm sau (tức là ngày 24) bèn hội đồng yết thị cho 2 nước hòa hảo như cũ. Nhưng cho ở trong thành là không tiện, lại bàn ra nha Thương bạc tạm đóng đấy làm việc. Bèn đem hiện tình giảng hòa phi tấu nơi hành tại và thông báo cho Nam - Bắc biết. Lúc đó, trong đô thành nhân dân hãy còn nhốn nháo sợ hãi, bọn gian đồ, phần nhiều đi cướp bóc ở ngoài mặt phố và các nơi làng xóm. Văn Tường nghiêm sức đi tuần ngăn cấm. Viên huyện Hương Trà tức thì bắt được vài tên phạm ở 2 chợ Nam Phố, An Hòa, đem chém đầu bêu ngay để cảnh cáo, các bọn khác nghe tin đều dẹp cả. Văn Tường lại ủy Thị lang bộ Binh là Phạm Hữu Dụng thân đến hành tại, đem hiện tình bàn với Thuyết tâu vua biết, định xin rước xe vua về, Hữu Dụng đến bị Thuyết ngăn cản. (Thuyết không tâu vua, nhưng dặn Hữu Dụng về báo với Văn Tường, phải nên đoàn kết với quan Pháp, không lại lấn áp như trước, thì mới đón xe vua về). Hữu Dụng sợ Thuyết, bèn từ về ngay, không dám tâu cho vua biết. Thuyết tức thì lấy ngày 27 Kỷ Mùi, ép vua lên xe đi ra Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. (Khi ấy Thuyết đã tâu xin ba cung cùng đi ; nhưng ba cung có ý lần lữa, Thuyết bèn mật cùng với bọn hỗ tòng là Hồ Văn Hiển, Phạm Thận Duật, Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Lệ lấy hôm ấy ước giờ Sửu hộ thánh giá đi Sơn phòng ; Tuần phủ Quảng Trị là Trương Quang Đản đều hiện tiếp tục đến hành tại, các quần thần đều không biết gì cả. Sáng ra mới rõ việc. Thuyết đến phòng, tức phái cho Phấn nghĩa quân về đòi Trương Văn Đễ, Ngô Tất Ninh đều tiếp tục đến phòng. Bọn Tôn Thất Phiên đều lại về Kinh, duy Nguyễn Hanh, Đinh Tử Lượng, Lương Thành, phủ thần ấy bàn hãy lưu lại ở tỉnh ấy). Do đó, lòng người càng thêm ngờ sợ, không biết theo về đâu. Riêng 1 hạt phủ Thừa Thiên, vì có Văn Tường ở đó giảng hòa và hay hiệu lệnh ngăn cấm, hơi nhờ được yên ; còn các hạt Nam - Bắc, thì bọn côn đồ tụ họp, cướp bóc nổi lên. Lương, giáo ngày thường thù nhau, sinh ra tàn sát lẫn nhau, nơi nào cũng có. Đô thống Pháp lại yêu cầu Văn Tường để chiêu tập quan lại,

thôi bắt đinh dân, hiểu bảo cho lương giáo Nam - Bắc cùng yên và cấm sự xảy ra trộm cướp, hạn đến tháng 2 là thanh thiếp.

Tháng 6, ngày mồng 1 Quý Hợi. Vua ở Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. (Khi ấy sau quân Phấn nghĩa bị thua, trốn tan chạy, quan Pháp treo thưởng cho người bắt được quân ấy. Bọn quân ấy bèn đều lục tục đến sơn phòng theo Thuyết). Ba cung vẫn nghỉ xe ở hành cung tỉnh ấy. Trước vài ngày, Tôn Thất Thuyết lại ủy người gửi tâu, xin ba cung tiếp tục đi Sơn phòng. Tuần phủ Quảng Trị là Trương Quang Đản vẫn bàn cùng Lương Thành cho thành Quảng Trị là nơi phong trần, nghĩ xin ba cung hồi loan, đã tư cho Văn Tường biết làm. Văn Tường được tin báo, bèn gửi thư đến Khâm sứ Pháp là Sam-bô trình bàn với Đô thống Cô-ra-xi thỏa nghĩ phúc làm. Ngày mồng 2 tháng ấy, tức tâu đệ trước xin ba cung hồi loan ở Khiêm cung, cho yên lòng dân, tịnh ủy cho Biện lý là Trương Như Cương, Tôn Thất Niêm kính đến đón rước. (Tập tâu lược rằng : Thần là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết vâng di mệnh Tiên đế cùng sung chức Phụ chính, nay mà hỏng việc, tội thần không nói sao cho hết. Nhưng thần cũng không tưởng rằng Tôn Thất Thuyết lại lừa dối thần như thế, đến ba cung tuổi già, nhà vua còn trẻ, lặn lội gió bụi, chịu làm sao nổi. Huống chi Kinh thành, miếu điện, lịch đại sơn lăng, một buổi bỏ đi như không, lòng thần tử chịu sao được sự chua xót ấy, nên thần phải tuân theo sắc văn, đem thân lăn lộn ở đây, cùng với quan Pháp đi lại, vì bản tâm của thần, nguyền cùng với Xã tắc mất còn, không dám lìa bỏ vậy. Nay tiếp tờ của Trương Quang Đản tỏ bày mọi lẽ đã gửi thư cho Khâm sứ Pháp, cứ theo lời phúc tư, thì Đô thống đại thần rất mong rước vua về. Cũng mong giữ gìn cung điện như cũ. Duy trong thành ấy chưa tĩnh, cũng có người ngầm muốn nổ súng, bằng rước vua vào thành, sợ có chưa tiện, xin hãy ngừng nghỉ ở Khiêm cung. Đô thống ấy xin phái 100 hay 200 quân ở ngoài canh chực, để giữ khỏi sự quan ngại, nhưng bọn quân ấy nên dùng thứ ăn như trâu, dê, gà, vịt mọi thứ, ta cũng ưng cho. Thần trộm chiểu cung điện trong thành dẫu còn như cũ, nhưng số quân Pháp ở đó khá nhiều chưa được yên lặng, xin trú ở Khiêm cung, tưởng cũng thỏa thuận. Thần nghiệp dĩ phái người kiểm soát chỉnh đốn, tịnh ủy bọn thần là Trương Như Cương đi Quảng Trị chực đón hỗ tòng. Cúi xin mệnh giá hồi loan, để yên lòng dân, cuối cùng viết nên hiệu, mượn dùng ấn quan phòng của Khâm sứ Pháp). Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ và hai cung chuẩn như lời tâu, lấy ngày mồng 3 Ất Sửu thì hồi loan. (Phủ thần là Trương Quang Đản đem quan quân binh phu tỉnh ấy theo đi hộ tống). Ngày mồng 5, Đinh Mão, về đến Khiêm cung. (Quang Đản lại trích giải 200 thoi bạc kho của tỉnh ấy, ăn 6 đồng tiền đồng 100 quan, theo đến cung tiến). Tôn Thất Thuyết còn giữ giá vua còn đóng ở Sơn phòng Quảng Trị, đã kèm vua ra lệnh dụ thiên hạ Cần vương, lại sẽ dụ bảo Nguyễn Văn Tường và yên ủi những người họ mạc ở trong Kinh đều 1 đạo, do

đường dịch lộ chuyển chạy về Kinh. (Khi ấy từ phòng đến Kinh ống trạm còn chuyển đệ được). Đó đều là việc từ mồng 7 tháng này trở về trước. Ngày mồng 2 dụ Văn Tường, lược nói : Y thấy ta ngày càng khuất, y càng ngày càng lấn, khiến triều đình không còn mặt mũi nào, vạn bất đắc dĩ mà ta mới phải làm cái kế bỏ thành đi ra ngoài. Nay đại thần Tôn Thất Thuyết cùng ta cùng quanh quẩn, còn ngươi là Phụ chính đại thần thì ở lại mà thương đàm, kẻ ở, người đi đều lấy lòng yêu nước, lo dân làm căn bản. Trời đất thực cũng chứng giám, ngươi nên khéo thể tấm thịnh tình của Tiên hoàng đối với nước láng giềng rất có thủy chung và cùng y giảng rõ về lý thế, cân nhắc về lợi hại, hết lòng thỏa hiệp, phàm những khoản gì bách thiết, chung nhau bàn đổi, cốt khiến cho 2 nước như anh em, vinh nhục cùng quan hệ, vui lo cùng chung nhau mười phần chân thành, không còn dùng đến uy thuật. Lúc này ta mệnh cho hồi loan, trên để phụng dưỡng ba cung, dưới để yên lòng thần dân, khanh cùng với Tôn Thất Thuyết trung trinh chói lọi, muôn thuở cùng sáng, những phường nịnh tử gian phu, đều phải lặn hình giấu bóng. Nam triều ta há chẳng hân hạnh ư, nước Đại Pháp chắc cũng vui vẻ mà cũng giữ lấy cường thịnh vậy. Nếu không như thế thì miếu xã, lăng tẩm và các vương công không kịp đi theo ấy thì hết thảy ủy cho khanh. Ta duy có chọn đất lánh ở, sợ trời vui trời, rường cột cương thường, cả nước cùng thế, không đâu không phải là triều đình, và không phải là tôi con vậy. Trẫm quyết không cùng với họ tranh được thua vậy. Tình thế ví lại không thôi, trẫm nguyện phái thêm cán viên, lấy đường đi khắp các nơi, nghiêm sắc cho Ninh Bình trở về phía Bắc, bao nhiêu quan tỉnh, phủ, huyện đều để ấn lại mà đi, người nào như có trung nghĩa tài lược không kể quan hay dân, đều cho được tiện nghi làm việc, cốt không phụ tấm lòng tốt của triều đình dưỡng dục, tác thành, yên được bóng thiêng liêng ở trời của liệt thánh và đáp phó được nguyện vọng tha thiết của thần dân trong nước. Khanh nên nghĩ cho kỹ, có muốn nên tâu đối, thì gửi theo đường trạm chờ xét cũng chẳng hại gì.

Ngày mồng 7, Dụ các người trong họ, đại lược nói : Dụ Thọ Xuân thân vương, Phụ chính Hoài Đức công và các bọn hoàng phiên, công chúa nghĩ coi : Nước Nam ta nhiều lần bị kẻ khác bức hiếp nhiều khoản, phàm có tai mắt khí huyết không ai là không uất ức buồn dầu. Chẳng riêng người trong họ ta mà thôi. Trẫm vâng di mệnh của tiên quân và các vương công, phụ thần cùng suy tôn lên quyền giữ việc nước. Phàm có trăm điều đều duy kiến nghị, phải ấy thì theo. Trẫm tuổi trẻ, kiến thức chưa rộng, dám đâu chuyên trái việc gì, cho nên hễ khi tiếp được thư của nước Đại Pháp gửi đến khoản gì, nếu quá lăng nhục và yêu sách quá đáng, nhân tình không thể chịu được, mật nghe vương công và các phụ chính khuyên bảo, không đâu là không cưỡng tự đau đớn nín náu, chịu theo êm việc, vì muốn bảo toàn Xã tắc, để họ mạc lâu dài hưởng tôn quý giàu sang vậy. Không ngờ sứ Pháp ngang ngược ngày thêm,

không còn được chút quốc thể, cúi xuống đất, ngửa lên trời, xiết bao hổ thẹn, vạn bấc đắc dĩ mà phải làm ra việc này, quay nhìn nơi lăng miếu và các bậc ý thân, thực không biết bao nhiêu là tưởng nhớ, chả biết trong tôn tộc từng có tin đến sự lo xuôi nghĩ ngược của ta không ? Nay đã có Phụ chính huân thần là Nguyễn khanh ở lại giảng nói. Che chở nhiều việc, hơi được yên ổn, huân thần tâm sự như thế, cáng đáng như thế, thực là đau khổ quá chừng.

Nhân vật nước ta, những người trung nghĩa từ xưa, tưởng không hơn được. Trẫm cũng dụ cho đại thần ấy hết lòng bàn tính công việc, tâu chờ quyết định. Vương công đều là cốt nhục chí thân, đều nên thương ta khổ tâm thể tất ta vô cùng. Phàm việc gì cùng với Nguyễn khanh châm chước thỏa đáng, cốt không trái với cương thường của trời đất. Nên được nền bình trị lâu dài của quốc gia, ngõ hầu để được tiếng thơm muôn đời, thế là lành lắm tốt lắm. Trời đất dài lâu, gặp nhau có hẹn. Nước nhà suy thịnh, gặp hội đổi thay, càng nên trân trọng di dưỡng, để yên tấm lòng xa của người tuổi trẻ. Còn ra sẽ ủy cho Nguyễn khanh sẽ vì ý thân điều đình cho thỏa đáng, cốt được như thường. Phàm người họ ta, cần tin lời ta, thế thì ta mới yên lòng).

Ba cung dụ Chỉ, chuẩn phái người đến hành tại tâu xin ngự giá hồi loan. Dụ rằng : Nay cứ Tôn nhân, đình thần tâu bày : Tôn Thất Thuyết ép rước xe vua, đi Sơn phòng Quảng Trị dừng nghỉ, đất ấy không tiện ở lâu, ngôi lớn không thể bỏ không được, xin vâng dụ Chỉ tâu rước xe vua sớm kịp hồi loan, cho yên lòng thần dân, mọi lẽ đều đã biết rõ. Vả nay hòa nghị đã định, hoàng thân quốc thích, văn võ quan viên, đều đã trở về, nhận làm chức cũ. Duy xe vua chưa về, lòng dân chẳng biết hướng về đâu. Đó hẳn có kẻ giữ lòng riêng để làm ngăn trở, sao không nghĩ việc thiên hạ, không phải của riêng một người, mà tai mắt thiên hạ, cũng không phải một người che nổi. Nay ta đã về cung, thân thích trăm quan cùng quan Đại Pháp đều ngày trông xe thừa dư đến, thì ý trời lòng người, đã không dung thôi. Huống chi ta ở đây, miếu xã ở đây, triều đường ở đây ; nếu muốn giữ một ý kiến mình, riêng làm công việc gì, thì ai tin mà theo. Muôn một mà có phải ở lâu thì khí lam chướng có chỗ trở ngại, thì tội các người tùy giá, hỏi có thể dung với công luận muôn đời không ?. Vua tôi, Xã tắc, đâu nặng đâu nhẹ, người có học tưởng đã phân hiểu, đợi gì phải mình già bao nhiêu nữa. Chuẩn cho tức phái người đi đến hành tại tâu xin vua về, để khỏi phụ lòng dân và truyền bá cho các viên biền văn, võ lớn nhỏ tùy giá, người nào chưa trở về ấy đã do đình thần bàn với Khâm sứ Đại Pháp cho đều theo về, chiểu lệ thường làm việc, không nên tri nghi, tự để lo cho mình, kính vâng lời nhé. Khi thấy Phạm Thận Duật, Trương Văn Để, Hồ Văn Hiển, Ngô Tất Ninh, Trần Xuân Soạn, Phạm Văn Mỹ (Lãnh binh Hà Tĩnh, nguyên tỉnh ấy phái đi Quảng Trị rước xe vua) hiện theo Tôn Thất Thuyết cùng đóng ở đấy, cho nên

gồm Dụ và truyền bảo cho. (Khi ấy, Thuyết ngày thường ở bên vua không rời, những người phải đem dụ Chỉ rước vua về, mỗi khi đến đấy, Thuyết lại ngăn trở, hiện các người tùy giá, cũng không dám mở miệng nói xin về. Rồi thì Văn Đễ nhân lúc kết lẻn về tỉnh Quảng Trị, nhân phái cùng với Đinh Tử Lượng lại lên rước xe vua, Tất Ninh cũng về Kinh). Ý chỉ ba cung chuẩn cho Thọ Xuân vương là Miên Định quyền coi việc nước, phàm việc tâu suốt ba cung, xin Chỉ tuân hành. Thời tôn nhân, đình thần cùng với Khâm sứ Pháp bàn lại hòa hảo như cũ, duy chưa rước được vua về, lòng dân không biết thuộc về đâu, cho nên vâng mệnh tâu chuẩn cho thân vương ấy nhiếp quyền coi việc nước, khiến cho thần dân thiên hạ có sự thống thuộc, đợi ngày nào xe vua về, thân vương ấy sẽ vẫn sung làm phụ chính. Ngày Tân Mùi, xe vua ra chơi Bảo Đài dừng đóng ở đấy.

(Giáp hạt Quảng Bình, ngày mồng 5, Án sát Quảng Trị là Tôn Thất Nam đi phòng cùng với Thuyết họp. Ngày mồng 7, Thuyết lại kèm xe vua đến sơn phòng do xã Thủy Ba đến Quảng Bình trở về phía Bắc. Ngày mồng 9, đêm dừng xe đỗ ở xã ấy. Đi lần này, bao nhiêu vàng bạc hiện trữ ở phòng đều cho gánh đi hết, sau có tin báo nói : Lúc bắt đầu đi, vua bèn khóc, các người theo cũng lau nước mắt, rồi theo đi). Ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ lại xuống Dụ cho các địa phương rước xe vua về và trị tội Tôn Thất Thuyết chuyên quyền làm bậy. Dụ rằng : Binh là việc lớn của Nhà nước, tất vua tôi phải hợp mưu với nhau rồi sau mới động. Nếu bầy tôi lại lạm quyền vua, việc do ở riêng một người, thì là chuyên quyền làm bậy vậy. Người bầy tôi chuyên quyền làm bậy, không tội gì lớn bằng. Mới đây, Đô thống Pháp đến nước ta, xin dâng quốc thư, làm lễ triều yết, yêu cầu đại thần viện Cơ mật cùng đi đến sứ quán, muốn vì cho mặt ngoài bàn bạc để được cùng lòng lo tính chung nhau. Nhưng Tôn Thất Thuyết ngờ sợ không tới họp. Sau cùng, bọn ấy lập mưu ngầm, không tâu vua biết và không bàn với đình thần, tự tiện dấy quân, trong thành náo loạn. Trong khi vội vã, Phụ chính đại thần là Nguyễn Văn Tường tức thì đem lão cung và xe vua ra thành tạm lánh. Ta nhân dặn thầm đại thần ấy rằng : Lui cùng với quan Pháp ở trong bàn tính ; may được nghe lời và sớm tan quân. Không ngờ Tôn Thất Thuyết không chống được một cuộc thua, dám lại đón đường rước xe vua đi thành Quảng Trị, kịp tiếp phái báo Nguyễn Văn Tường, nghiệp đã về thành, đã thương lượng với quan Pháp hòa hảo như cũ, lão cung nghe tin rất mừng, tức thì ngày mồng 5 tháng ấy cùng với hai cung trở về Khiêm cung yên đỗ. Quan Pháp cũng vì đó mà vui mừng, và đã chuẩn cho Thọ Xuân vương quyền giữ việc nước để đợi Hoàng đế hồi loan. Nguyễn Văn Tường vẫn sung coi sự vụ ở viện Cơ mật và lục bộ đường thuộc ở các bộ, cũng đều làm việc như cũ. Nhiều lần ủy phái người đi rước xe vua. Tôn Thất Thuyết lại ép cõng vua do đường núi đi Quảng Bình ra Bắc, vua khóc lóc phải theo, rất điều đau xót. Vả miếu xã tôn trọng, trong thuở Dực tông

Anh hoàng đế hấp hối, cũng lấy sự đừng nên kinh động làm to. Tôn Thất Thuyết là người trong khánh phổ, ơn sủng sâu dày, không hay thể theo lời dặn, càng động lòng riêng, tự làm cho mình thoát họa, mà không nghĩ đến tôn xã trăm năm, và ức vạn sinh linh, tự dám bỏ đi, lại lấy tiền bạc của Nhà nước, như thế là làm nhầm cho nước là người ác nhất thiên hạ vậy, ai cũng cho thể giết được. Bèn nghe tin đến đâu, còn kèm xe vua để hiệu lệnh thiên hạ, mà sinh sát đều do ở tay. Gián hoặc có người bị hắn lừa dối, hoặc cam tâm phục dịch, mà không biết đến mình, hoặc cùng bảo nhau phụ họa mà không trở về ; lấy việc làm như thế, trước thì dối vua cha để làm việc riêng, sau thì dối thiên hạ để che đậy cho rồi việc. Bọn Tháo, Mãng ngày xưa chẳng qua cũng thế. Phàm có tai mắt, ai cũng nghe biết, không phải đợi lão cung này nói nhiều. Nếu không chính được tội danh ngay, thì tai vạ hầu không thôi được. Nay chuẩn cho địa phương các ngươi đều cùng báo cáo : Phàm Tôn Thất Thuyết đến đâu và ở nơi nào, một mặt phi tấu, một mặt đặt phép nã giải đích thân tên ấy và đưa xe vua rước về Kinh sư. Một để chính tội kẻ gian thần, một để yên Xã tắc, ngõ hầu sớm yên được sự mong mỏi của thần dân. Địa phương các ngươi nên phải kính theo, sẽ có hậu thưởng. Như dám ẩn giấu hay bị bọn ấy lừa dối, triều đình sẽ có xử trí, đừng bảo là không cho biết. Dụ đem niêm yết khiến cho đều biết. Tịch thu hết gia sản nhà Tôn Thất Thuyết, nhà Phạm Thận Duật và bắt cả gia thuộc (cha con, anh em, vợ con), giao giam chờ xét. (Khi ấy mẹ, vợ và con của Thuyết là Đàm, Hước đều đã theo Thuyết đi rồi).

Ngày Nhâm Thân, làm lễ Tiểu tường điện Chấp Khiêm. Kiên Giang hầu (tức là Kiên Giang quận công, gần đây vì có việc được giáng tước làm hầu) vâng ý Chỉ kính đến làm lễ (sau khi công việc xảy ra, Hoàng thái phi xuất của trong cung biện lễ phẩm dâng cúng, còn các nghi tiết khác, đều không được bằng tháng trước mà bộ đã tâu ấy).

Ngày Quý Dậu, xe vua lại ngự về thành phủ cũ ở Cam Lộ. (Ngày mồng 9, Thuyết kèm xe vua đến Bảo Đài, nghe tin thuyền quân Pháp đậu ngoài cửa biển Nhật Lệ, lại kèm xe vua chuyển về sơn phòng, để theo lên thượng đạo, ngày 11 tháng ấy, xe vua đến thành phủ cũ dừng đóng).

Ngày Đinh Sửu, xe vua ngự thượng đạo đến đồn Chấn Lào. (Thuyết lại kèm xe vua, từ thành phủ cũ Cam Lộ do đường trước núi Mai Lĩnh đi, ngày 15 tháng ấy thì đến đồn ấy).

Ngày Mậu Dần, lễ Đại tường điện Hòa Khiêm. Kiên Giang hầu vâng ý Chỉ, kính đến làm lễ. (Khi ấy, Văn Tường quyền sức cho Thừa Thiên phủ kính biện xôi thịt lễ phẩm dâng tiến, Hoàng thái hậu cũng biện lễ phụ tiến ; duy các nghi tiết cũng không được như tháng trước mà bộ đã tâu).

Kính sửa màn khám chờ ở điện Thụy Khánh, điện Minh Thành, điện Gia Thành, điện Sùng Ân. Khi ấy, Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ lấy điện thờ ở các tôn lăng kiểm xét thấy bị thiếu các thứ đó, bèn trích đem các thứ hàng lụa ở trong cung (các hạng lương, địa, the nhiễu) sai chế 4 chiếc màn song khai treo cửa khám để sung việc tế tự. Lại lấy 2 ty Từ tế tả hữu miếu và các tôn điện Phụng Tiên, Hiếu Tư, Long An, những cung nhân nữ quan phụng chực ở đấy đều nhân việc sợ chạy tan đi các nơi, Dụ sai nhiếp chính Thọ Xuân vương, phủ thần Tôn nhân cùng Phụ chính Nguyễn Văn Tường khéo nói bàn giảng đi tới kính xem và cho nghiêm cấm phong tỏa không cho ra vào tiết độc. Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ Dụ hỏi Nguyễn Văn Tường về hiện tình phủ hạt Thừa Thiên và các địa phương Nam - Bắc và quân dân gặp nạn, ai đã chôn cất, hòa nghị đã bàn định xong chưa. Lại Dụ sai trong từ thượng thư, ngoài từ đốc phủ trở xuống, ai là người yếu nhất kém cỏi, tâu lên trọng trị. Nên khởi dụng những người kỳ cựu như Trần Đình Túc cho cùng làm việc. Tức thì duyệt xét những lời phúc của Văn Tường nói : Ngày 23 tháng trước có việc xảy ra. Chiều hôm ấy thần bàn với quan Pháp vào thành tạm đóng. Ngày 24 hội đồng quan Pháp, yết thị 2 nước đã hòa hảo như xưa, quan lại binh dân đều về như cũ. Từ sau đi, thần hỏi các nơi ở ngoài, từ ngày 23, 24 trở đi, những xã ở gần Kinh thành, giản hoặc có bọn cướp bóc nổi lên, đến ngày 26, thần sức cho các viên huyện, rộng đi tuần trấp, bắt được 2 - 3 tên phạm, đem chính pháp ngay. Từ đấy trở đi, bọn côn đồ sợ có uy lệnh của triều đình, dần phải liễm chấp, hiện nay dần được ninh thiếp, dân được yên ở ; tin tức các tỉnh Nam - Bắc gần đây đều được cùng thông cũng không có việc gì khác. Duy có Lê Trung Đình tỉnh Quảng Ngãi nổi loạn, rồi cũng yên tĩnh. Binh dân trong ngoài Kinh thành bị thương chết rất nhiều, người bị thương đều đã lục tục về quê, còn người chết thì quan binh Pháp hoặc đốt đi, hoặc chôn cất, nay đã sạch sẽ. Đến như điều khoản nghị hòa, quan Pháp bàn nói : Chờ khi rước Hoàng thượng hồi loan, giao trả thành trì, mới có thể bàn định được. Lại như quan viên trong ngoài, gián hoặc có người tài, có người không tài, vốn nên cất bỏ. Nhưng nay ngôi lớn trong Kinh chưa định, hiệu lệnh chưa thống nhất, sự thưởng phạt chưa nên vội ra, xin chờ sau sẽ làm, khởi dùng người cũ là việc cần kíp hiện nay, là duy Đình Túc, tuổi gần 80, đi đứng nhờ người, thế khó khỏe mạnh, Hoàng Tá Viêm, Vũ Trọng Bình lại bị bọn kia ngờ ghét, cũng khó giảng giải. Việc nhiều người ít, không biết làm sao, thần chỉ biết hết lòng hết sức thôi. (Việc Lê Trung Đình chép ở dưới).

Quyền Tổng đốc Hà - Ninh Nguyễn Hữu Độ về Kinh bàn bạc. Thượng thư Pháp đóng ở Hà Nội là Sinh-bích gửi thư cho quyền Tổng đốc Định - Yên là Phan Đình Bình nên đi ra sung thay chức ấy. Đình Bình tiếp thư đi Hà Nội họp nói : Đem việc xin tâu chờ mệnh. Nguyễn Văn Tường tâu nói : Trước đây sứ Pháp là Sam-bô bàn nói : Hiện nay sự tình đã khác, Hữu Độ làm việc ở Bắc đã lâu nên

sung Kinh lược Bắc Kỳ, nhưng hãy về Kinh cùng bọn tôi cùng bàn cùng giúp việc, dăm ba ngày việc xong, lại về Hà Nội làm việc, Đình Bình sẽ về Kinh nhận chức. Nay Hữu Độ vào ngày 17 tháng này hiện đã về rồi. Đình Bình đi Hà Nội cũng chỉ quyền tạm một thời thôi.

Ngày Nhâm Ngọ, xa giá vua đi đến sách Bờ Cạn (Thuyết lại kèm xe vua từ đồn Chấn Lào đi, ngày 20 tháng này thì đến sách, đi một ngày nữa đến Mã Hạc tới đồn mất 3 ngày đường). Đinh Tử Lượng vâng mệnh đi rước xe vua về hiện theo kịp đó. (Khi ấy Trương Văn Đễ cũng cùng Tử Lượng cùng sung phái đi đón xe vua, nhưng Văn Đễ đi đường khác, cho nên không gặp). Quan quân trông thấy xe vua (Thuyết phụng xe vua lộ ra) không dám bắn súng, chợt bị đạo quân Trần Xuân Soạn chắn ngang tản đi, khi ấy đạo quân Thuyết gián hữu có quân tỉnh Hà Tĩnh và lính Thổ Ninh Bình do tiền thứ Phạm Thận Duật mộ đến lần trước được hơn 500 tên ; Phủ thần Quảng Trị là Trương Quang Đản tư xin phái viên đi các tỉnh hiểu sức khẩn làm cho khỏi quan ngại, bèn vâng ý Chỉ, lấy thự Hữu tham tri bộ Hình là Nguyễn Thành Ý, Tham tri bộ Công Tôn Thất Phiên, Biện lý bộ Hộ Võ Khoa sung làm Khâm sai, chia đi các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An họp cùng với quân của nhiều phái viên chia đường dò đón để rước xe vua trở về.

An trí Tôn Thất Đính (cha Tôn Thất Thuyết, 74 tuổi) ở Côn Lôn. (Đính cùng với Thuyết đi theo xe vua, rồi do tỉnh phái Quảng Trị bắt giải về Kinh, triều nghị cho Đính lúc bình nhật đã chẳng hay biết trước con đã không hay giới trấp, lần này lại theo Thuyết đi đóng ở sơn lăng cư suất giúp tiễu, chung một tội ác nên xử tử hình. Duy tuổi già, chuẩn theo họ mẹ làm Lê Đính, giảm xuống tội lưu, cho đi an trí).

Tịch thu gia sản của Hồ Văn Hiển và Trần Xuân Soạn, Phan Văn Mỹ, bắt cả gia thuộc giao giam đợi xét. (Văn Hiển tháng trước phụng giá ra thành, Nguyễn Văn Tường phân phó cho đi hộ giá đến Khiêm cung tạm lánh, ở đó rồi y lại theo Thuyết hộ giá đi Quảng Trị, lại đi sơn phòng, Văn Tường và Phủ thần Trương Quảng Đản đã 4 lần viết thư dặn : Hễ gặp quan binh, tức thì làm nội ứng, rước xe vua về. Y bèn không nghe, Xuân Soạn a dua, Thuyết khuyên nên gây hấn. Văn Mỹ đem tỉnh binh Hà Tĩnh theo Thuyết, cho nên gồm trị về tội theo nghịch).

Dụ định cách thưởng cho việc rước giá vua về và bắt nghịch Thuyết, yết cáo khắp các hạt từ Quảng Trị về phía Bắc (cai quản lại quân dân, ai hay thiết kế trực tiếp đưa xe vua ra giao cho quan quân rước về, thưởng trao cho hàm chánh nhị phẩm, tấn phong tước nam. Như đã có chức hàm tứ ngũ phẩm trở lên rồi, thì hàm thưởng cũng thế. (Chánh nhị) lại gia phong cho tước bá ; bắt sống được Tôn Thất Thuyết thưởng bạc 1.000 lạng, chém được thưởng 800 lạng. Bắt sống Trần Xuân Soạn, thưởng 600 lạng, chém được thưởng 300 lạng. Ở trong đi theo như bọn Hồ Văn Hiển hay nội ứng thì được miễn nghị và thưởng cho vàng, bạc, tiền có thứ bậc).

Sai đình thần kiểm soạn thư tịch dời đóng ở phủ Gia Hưng vương cũ làm việc. Trước đây Nguyễn Hữu Độ về Kinh đến thăm sức khỏe ba cung, việc xong, đi ra sứ quán bàn bạc ; ngày 25 tháng ấy, 6 bộ và Sử quán đường quan hội họp, mỗi nơi đều cử một viên vào thành chiều xét trong bộ, quán, kiểm soạn thư tịch xem thứ nào nên đệ ra thì đệ ra, bèn tới chiều hôm ấy đình thần cùng tới vương phủ Gia Hưng cũ tạm trú làm việc, đã phụng ý Chỉ chuẩn làm. Duy Nguyễn Văn Tường và những viên dự sung vào Cơ mật viện, đều lưu ở nha Thương bạc. Lấy quyền Tổng đốc Hà - Ninh là Nguyễn Hữu Độ thăng thự Vũ Hiển điện Đại học sĩ, sung đại thần viện Cơ mật, vẫn sung Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ. Khi ấy Hữu Độ đã trở về Hà Nội, Đô thống Pháp là Cô-ra-xi, Khâm sứ là Sam-bô bàn nói : Hiện nay Bắc Kỳ lắm việc, Hữu Độ ở đấy hiểu nhiều, nên trao cho điện hàm sung viện chức và vẫn sung chức sứ ấy, phàm đốc, phủ, bố, án ở các tỉnh Bắc Kỳ cho đến các phủ, huyện, nếu nơi nào có khuyết, cho do nha Kinh lược sứ chọn tâu chờ chỉ định đoạt. Nhiếp chính Miên Định, Phụ chính Nguyễn Văn Tường phúc tâu việc đó là tạm thời, nghĩ nên tạm nghe ý đó mà làm. Văn Tường nhân phụng Dụ nói : Trải bày lý do. Lại nói : Do ngươi tuy việc thỏa bàn cốt hợp thời nghi để xứng với lời khen của người mới được, vì ý ám chỉ chê Hữu Độ nương tựa vào thế quan Pháp, để được ngôi cao, mà không phải tự bản ý do mệnh lệnh của triều đình vậy. (Trước đây, Nguyễn Văn Tường cùng Tôn Thất Thuyết cho rằng Hữu Độ ở Hà Nội, phần nhiều hay nịnh hót, quan Pháp rất được vui lòng, viện Cơ mật nhiều lần đem việc tâu lên, chuẩn cho khiển giáng hay triệu về Hữu Độ đều được quan Pháp che chở, rất là đáng ghét. Ngày tháng 7 năm ngoái, khuyên Bùi Hữu Tạo lấy việc xây sinh từ để tâu hặc, vì muốn nhân đó để đẩy Hữu Độ đến tội. Hữu Độ chứa sự bất bình đã lâu, gần đây Đô thống Pháp từ Bắc về sứ quán, tức thì trước mời Văn Tường và Thuyết đến họp. Thuyết ngờ sợ cho là hẳn Hữu Độ đã có ngầm chỉ thế nào, nên mới như thế, cho nên sau không chịu đi ; bèn gây hận, đến đây về Kinh, lại đi tắt đến sứ quán, rồi về nhà riêng, ủy đón Nhiếp chính Thọ Xuân vương Miên Định tới bàn với Văn Tường và dèm không bàn với Thọ Xuân vương thì đừng đi. Kịp khi Hữu Độ tới sở Thương bạc mà Văn Tường ở đó, 2 người nói chuyện với nhau, đã hơi có ý khiếm hòa, Văn Tường nay phụng Dụ này, lời lẽ lại có ý chê ngầm theo kiểu bì lý xuân thu. Hữu Độ tiếp Dụ giận lắm, nhân đó càng thêm để lòng).

Tỉnh thần ở Quảng Nam, Phú Yên, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hải Dương đã nhiều lần sửa tập ủy phái về Kinh thỉnh an ba cung, gián hoặc có kính dâng phẩm hạng chuẩn cho thưởng thụ. (Quảng Nam chè ô long 3 cân, Hà Tĩnh lụa dày 5 tấm, Nghệ An sa lụa 16 tấm, chè ô long 5 cân, Tuần phủ Thanh Hóa là Nguyễn Thuật nhân bộ gửi mua son ngự dụng không có, bèn tiến hạng son rất tốt của người Thanh tặng 1 thoi, bút 2 cây).

Tháng 7, mùa thu, ngày mồng 1, Nhâm Thìn, đình làm lễ Thu hưởng. (Vì sau khi có việc biến, những đồ thờ bị mất nhiều).

Quan quân Pháp đóng giữ ở cửa biển Đà Nẵng, Quảng Nam. (Gồm 150 viên danh, đóng ở trong đồn Điện Hải).

Thưởng cất Đề đốc Sơn phòng ở Quảng Ngãi và Bình Định là Đinh Hội : thăng làm Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự. Hồng lô tự Thiếu khanh quyền Tiểu phủ sứ là Nguyễn Thân thăng Thị lang bộ Binh nhưng đều còn giữ chức cũ. Trước đây quyền Bố chính tỉnh ấy là Lê Duy Thụy, quyền Án sát là Nguyễn Văn Dụ nghe trong Kinh thành có việc, sức cho thuộc hạt kiểm điểm hương binh, đóng từng thôn chia nhau canh giữ, để yên địa diện. Bình sơn tả vệ hương binh Chánh quản là Cử nhân Lê Trung Đình, Hữu vệ Phó quản là bọn Tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoành cho rằng xe vua đã ra, lại nghe có Dụ Cần vương, muốn nhân đó dấy quân, tức thì tới tỉnh xin cấp khí giới lương xướng. Tỉnh thần cho rằng lính hương binh chỉ canh giữ nơi làng xóm, không ví với lính tỉnh được, không dám tự tiện cấp, đợi chạy giấy mời những quan viên tại quán, bàn nghĩ sẽ làm. Bọn Đình, Tân bèn chia phát binh phu làm 3 đạo, tất cả hơn 3.000 tên. Trước ngày mồng 2 tháng này, tiến đến tỉnh thành, Hiệp quản là Trần Tu, Thành thủ úy là Nguyễn Côn mở cửa nội ứng, bọn ấy sấn vào tỉnh thành, đem 2 viên bố án ra thành giam trói, thu lấy ấn triện, binh trượng, tiền lương, buông tha tù phạm, trước chém 1 tên suất đội, 2 tên dân đạo, cất nguyên Tuy Lý vương là Miên Trinh (nguyên được giáng tước công, an trí ở trong tỉnh thành này) làm Phụ chính quốc vương. Miên Trinh không theo, giả làm có bệnh nằm lỳ không dậy. Bọn ấy bèn đặt những danh chức ngụy là thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh, đốt nhà và giết chết dân giáo làm việc ngang ngược không kiêng nể ai. Quyền Tiểu phủ sứ ở Sơn phòng Nghĩa - Định là Nguyễn Thân báo với Tổng đốc Bình - Phú là Lê Thận. (Thận đã ủy cho Án sát Bình Định là Lê Duy Cung đi cùng Sơn phòng họp làm), ủy cho Đinh Hội đem hơn 900 biền binh tiến tiễu. Ngày mồng 5 tháng ấy đến tỉnh chia quân sấn vào thu phục tỉnh thành và ấn triện bố án, bắt sống được Trung Đình và giết được bọn Tự Tân tất cả 7 tên, còn đều trốn chạy, bèn đưa 2 viên Phiên (Bố chính), Niết (Án sát) về dinh, Tiễu phủ sứ ấy tức thì ủy cho mời các quan viên ở quán (nguyên Thượng thư bộ Lễ là Đỗ Đệ, thự đốc Bình - Phú Nguyễn Trọng Biện, Tuần phủ Nam - Ngãi là Đoàn Nhượng, Biện lý bộ Công là Vũ Duy Tĩnh (nguyên cũ là Văn Thanh) họp bàn và tư bàn với Tuần phủ Nam - Ngãi là Nguyễn Ngoạn, quyền lưu 2 viên Phiên, Niết nhận ấn làm việc để chờ mệnh triều đình và Trung Đình chém ngay ; rồi người ta báo cho Lang trung bộ Hộ biết. Khi nhân việc tản về, Nguyễn Hữu Tạo cũng mưu khởi binh, Nguyễn Thân lại tức phái viên biền đến thẳng nhà bắt giết ngay, thu cả đồ binh trượng, (viên huyện Mộ Đức nói : Do quan Sơn phòng báo, nói phong văn

nghe Hữu Tạo ngày 25 tháng 6, âm mưu họp đảng kiểm xét sửa sang các đồ binh trượng đi Bình Định để giết giáo dân) đều đem việc báo lên, hạt Quảng Ngãi nhân được yên ổn. Đến đây, viện Cơ mật cho rằng Sơn phòng ấy sớm hay làm tắt được ngòi cơ biến, nghĩ chuẩn theo đặc cách thưởng cất cho Đinh Hội, Nguyễn Thân để tỏ sự khuyến khích.

Còn bọn dư đảng nguyên đi theo Trung Đình đã tan về thì miễn khỏi cứu xét. Lần này những binh đinh viên biền đi trận đều được thưởng chung 500 quan tiền. Tựu trung những viên nào nên được gia thưởng cùng với những viên thổ trước ở quê nghe tin biến họp bàn, cũng hễ có tâm, nên thưởng, đợi khi việc bình do phòng ấy phân biệt tập tâu chờ chuẩn, sau lấy Lê Duy Thụy, Nguyễn Văn Dụ nhận lỗi tâu xin kén người thay, đều cho về Kinh chờ Chỉ ; bèn chuẩn cho thổ trước là Võ Duy Tĩnh quyền sung Bố chính và Án sát còn khuyết cũng chuẩn cho Lang trung bộ Hộ là Hồ Ngọc Hào lĩnh làm. (Nguyên lấy Hồng lô Tự khanh sung Sơn phòng sứ Quảng Nam là Trần Văn Dự lĩnh Bố chính, Thị giảng Học sĩ sung Quốc tử giám Tế tửu, Nguyễn Đình Tựu sung Sơn phòng sứ Quảng Nam. Dự vì bệnh ốm cáo nghỉ, khi bệnh khỏi sẽ chờ lệnh ở bộ, bèn đổi lấy Võ Duy Tĩnh làm thay) cho tới lúc dẹp yên.

Dùng Hồng lô Tự khanh sung Sơn phòng sứ Hà Tĩnh là Nguyễn Chính thăng thụ Tả tham tri bộ Hình lĩnh Thượng thư bộ ấy, nhưng lưu họp làm việc rước vua về việc xong sẽ về Kinh làm việc.

Ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, ra ơn chuẩn cho Tuy Lý huyện công Miên Trinh, Hoằng Hóa hương công Miên Duyện, Hải Ninh Kỳ Ngoại hầu Miên Tằng và con Phế đế là Ưng Hiệp, Ưng Bác, con nguyên Gia Hưng vương (đã chết bệnh) là Ưng Huy, Ưng Chân, Ưng Dũng, Ưng Linh, Ưng Suất, Ưng Vệ (trừ Ưng Diễn bị bệnh chết) trước đã an trí ở các tỉnh. (Tuy Lý ở Quảng Ngãi, Hải Ninh ở Bình Định, Hoằng Hóa ở Phú Yên ; Ưng Hiệp, Bác và Huy đều ở Quảng Trị, Cam Lộ, Chân, Dũng ở Nghệ An ; Linh, Suất, Vệ ở Hà Tĩnh) ; nay đều tha về Kinh ở, nhưng do 3 công ấy xét xem con cháu theo đi an trí hạnh kiểm thuần cẩn ấy, có 1 - 2 người cùng về, cùng nhau sáng chiều ăn ở với nhau, ngoài ra đều vẫn như cũ. (Đến đời Đồng Khánh năm đầu, các công tử cũng đều chuẩn cho về, các vương công cũng đều lục tục khai phục và truy phục).

Quyền Phủ ở Nghệ An là Lương Quy Chính bị bệnh nghỉ về quê. (Ấn tuần phủ quan phòng do đốc thần phụng giữ, không đặt thêm nữa).

Thị độc ở quê là Đặng Hữu Phổ vì có tội bị chém đem rao. Hữu Phổ người ở Đông giáp Bác Vọng, con Phò mã Đặng Cát (ấm thụ hàm ấy). Khi ấy, phủ Thừa Thiên sức huyện Quảng Điền đòi bắt lính. Cát cùng Hữu Bác ngăn gạt đi, bắt giam huyện phái, Hữu Phổ lại đem dân quân hơn 30 tên đến huyện nha, buông thả tù

phạm, nã bắt viên bang biện huyện ấy, đem về đình giáp ấy canh giam, cầm súng dọa bắn, việc ấy đã phái cho nã xét, chuẩn cho Hữu Bác chiểu lệ côn quang xử trảm đem rao, Cát vì cha con cùng can, giảm đẳng xuống tội trảm giam hậu ; bọn Hiệp quản Lê Văn Ngãi, Ấm sinh Nguyễn Tán cộng 5 người là tòng phạm đều kết án đi đày.

Phái viên Pháp bắt Thượng thư bộ Hộ sung đại thần viện Cơ mật là Phạm Thận Duật về sở Thương bạc, rồi ép xuống tàu thủy chạy đi Gia Định. (Thận Duật nguyên theo giá vua, rồi khi về đến Quảng Trị, bị phái viên của Pháp bắt được).

Dùng thự Công bộ Thượng thư là Chu Đình Kế sung làm Khâm sai đại thần, thự Hữu thị lang bộ Hộ là Hồ Lệ làm phó, hiệp cùng Phó đô thống đại thần đi tàu thủy đến Bình Thuận hiểu thị và ngăn dẹp. Tháng trước thân hào tỉnh ấy cũng nghe hành tại có Dụ Cần vương, mưu dấy quân, bèn họp đem những lính Kinh tan về và lính dõng ở dân, đốt phá nhà đạo, dìm giết giáo dân, rồi đem binh dân ước hơn vạn người, quanh tới tỉnh thành, yêu cầu cấp cho khí giới (đã bách giám Đốc thần là Lê Thận lại cho về dinh), ngụy đặt những danh mục đề đốc, tham tán, lại đi khắp trong hạt giết dân giáo, mộ lính dõng, nói phao lên tiến đánh quân Pháp ở cửa Thi Nại. Khâm sứ Pháp là Sam-bô bàn phái cho khâm sai đã mệnh cho Tham tri bộ Binh Hoàng Hữu Thường sung phái ngồi tàu thủy Pháp chạy đi. Lúc đó vì đường ngăn trở, phải trở về. Khâm sứ Pháp lại bàn tục phải đổi sai Thị lang bộ Lễ là Ngô Trọng Tố (lĩnh Bố chính tỉnh ấy về trước, tình thế đã am hiểu) rồi vì đường dịch lộ Quảng Ngãi không đi được, lại sai lĩnh Bố chính Quảng Nam là Bùi Tiến Tiên (nhưng lấy Án sát Hà Thúc Quán quyền sung Bố chính Quảng Nam, Hồng lô Tự khanh về quê nuôi cha mẹ, là Nguyễn Duy Hiệu sung làm Án sát). Thự Thống chế Ngô Tất Ninh sung Chánh phó khâm sai quản đem quan binh 2 tỉnh Nam - Ngãi 700 tên đi ngay đến họp làm, đều nhân đường ngăn trở chưa đi được. Đến đây thự Tổng đốc là Lê Thận tâu nói : Đã họp văn thân quan viên trong hạt ấy hiểu dụ. Bọn ấy đều đã tản về, xin nên rộng tha, cho yên sự phản trắc, cho nên sai Đình Kế và Lệ cùng đi, đình Trọng Tố ở lại bộ. Nhưng trước hết tư yết cho thân hào đầu mục và các giám linh mục ở các nhà đạo đều tới tỉnh hay cửa biển Thị Nại nghe các đại thần Đô thống Khâm sai 2 nước hiểu Dụ : Cho là việc lớn hơi yên, tình người chưa định đến có sự nhầm ấy, bao tội lỗi về trước, triều đình hãy tạm gia ơn, khoan miễn cho một lần. Từ nay về sau đều được tha lính, yên thường giữ phép, không nên ghen ghét hằn thù. Nếu bọn bình dân còn dám làm xằng, đốt nhà giết người dân giáo, thì lỗi ở bọn thân hào ; dân giáo còn dám cậy thế lấn áp kẻ bình dân, thì lỗi ở linh giám mục, hai bên đều phải giữ gìn lẫn nhau, khiến đều hòa thuận. Nếu còn giữ thói mê, do các quan Đô thống Khâm sai đem đại đội quan binh, không kể lương hay giáo, cũng phải đau lòng đánh dẹp. Rồi từ sau Phú Yên cũng toan gây động, liền chuẩn cho sai thân nhân đi hay đòi lại hiểu dụ ngăn đón một thể, lại sai Tiến Tiên, Tất

Ninh cũng đều cần đi Bình Định họp bàn (Tiến Tiên, Tất Ninh lại nhân thân hào Quảng Nam nhạ sư, rồi không đi nữa).

Quảng Trị đệ nộp một cỗ xe vua, 2 con ngựa vua và các đồ vua dùng (trước đây xe vua đi ra Bảo Đài, các hạng ấy vẫn lưu ở phòng tỉnh ấy tôn trí, đến đây phái cho đệ về, nộp ở Khiêm cung).

Thống chế thự Đô thống Tả quân là Đinh Tử Lượng chết. Tử Lượng trước đến hành tại Quảng Trị. Từ khi xe vua đi sơn phòng, vẫn lưu ở tỉnh ấy vâng mệnh khâm cấp để đi về miền Bắc đón rước xe vua cùng Trương Văn Đễ cùng đi, (Văn Đễ sau về tỉnh Quảng Trị ốm mất, nguyên hàm thự Tham tri đã chuẩn cho truy trao cấp tuất) đến cửa quan Quảng Bình ốm chết, chuẩn cho chiểu hàm cấp tuất.

Chuẩn tặng hàm Tu soạn cho Nguyễn Thích là Tư vụ viện Cơ mật. (Thích, Đồng tiến sĩ, người Chiên Đàn, Quảng Nam, trước nhân Kinh thành có việc bị giết chết).

Xe vua đến Hàm Thao. (Thuyết gần kèm xe vua đến sách Bờ Cạn, vào ngày 20 tháng này thì nghỉ chân ở xứ này, gần phía bắc sông Khung Giang, đến Sơn phòng Hà Tĩnh chừng 7 ngày), sắc cho tỉnh phòng Hà Tĩnh, vận lương mở đường, rước xe vua đến sơn phòng tỉnh ấy, tỉnh thần tâu lên. Ba cung lại phê chữ : "rất mừng", chuẩn cho y theo lệ trao thưởng lần trước, bội thêm số bạc, khiến cho sớm đón được vua về, để khỏi sự lo ngại khác. Khâm sai Tôn Thất Phiên đem 350 tên lính ở Hà Tĩnh và 1 viên tác vi lãnh binh đi họp với phòng thần đợi rước xe vua về sơn phòng. Nghe truyền ngôn, có quân Pháp lại, Thuyết liền ép xe vua đi nơi khác, bèn không rước được. (Khi xe vua đi, Lê Thuyết ủy cho phòng sứ là Nguyễn Chính đốc quân hậu đạo, để hộ vệ xe vua. Chính nhân lúc cách lẻn thoát lánh, rồi về đóng ở tỉnh Nghệ An).

Ý chỉ ba cung, lại xuống Dụ cho thân hào, giám linh mục ở các địa phương trong ngoài và các dân lương giáo. Gần đây xe vua xuất hành, trong ngoài bàng hoàng, dân sĩ Nam - Bắc sợ ngờ, không biết theo đâu, nghe có Dụ Cần vương ở hành tại, phần nhiều bảo quan Pháp bội với lời minh ước, hòng toan gây việc như ở Quảng Ngãi, Bình Định ấy. Bọn côn đồ nhân đó gá mượn theo bóng thừa cơ cướp của giết người, lương giáo phục thù, nhờ đó càng thêm ngông ngược, đã Dụ rước xe vua về và thanh minh tội trạng của Tôn Thất Thuyết chuyên quyền làm bậy. Còn sợ bề ngoài, nghe ngóng chưa đều, lại đem lấy lý thế thuận nghịch khúc trực hiểu thị cho các thân hào địa phương nên lấy việc gần đây đúng nghĩa để làm gương. Đại lược nói : Từ xưa tới nay, những người giúp việc cho thiên hạ, duy ở sự hiểu nghĩa lý, biết thời thế mà thôi. Ta cùng Đại Pháp giảng hòa, thời phải nên thế, mà thế cũng phải đến thế ; trong khoảng tập tục chẳng cùng nhau, nên mọi việc thường có

chỗ không trùng khớp, nhưng sau rồi cũng được lành tất cả. Nam Kỳ việc trước, chưa am tình thế, sự ăn năn đã khó đuổi kịp. Đại đoạn chiến tranh ở Bắc Kỳ cũng duy cùng với Đại Thanh so sánh, bằng đất ấy dân ấy đều là của ta cả, nước Đại Pháp chẳng qua làm kế bảo hộ thông thương thôi. Từ điều ước tái định đã được phân minh, khiến nước Pháp trước tự bại hòa gây biến, thì phàm ai ở đất vua, cũng đều thù ghét, ai bảo là không nên. Không gì bằng cuộc nghĩa cử đêm 22 tháng 5 năm nay, chỉ vì Tôn Thất Thuyết quá vì thiếu lẽ, kịp ở thân mưu, rồi lại ép xe vua ra chơi, làm sĩ dân ấy, đều có thể giết kẻ nghịch thần mà rước xe vua về. Sớm làm được việc ấy, mới là nghĩa cử.

Thế mà không giận kẻ nghịch thần, lại gây thù cho nước. Có kẻ lấy Cần vương làm danh nghĩa, có kẻ lấy bình Tây làm phận sự, bèn đến họp đảng nổi loạn như ở Quảng Ngãi, Bình Định ấy. Sao chẳng nghĩ lẽ thiên hạ duy thắng ấy thì thắng. Bằng thắng ở người, mà ta thì cong, càng thêm chóng tội, nào có ích gì. Huống chi ta với Pháp, thế lực thế nào, mọi người đều đã biết cả, bèn nói man lên chiến tranh là dễ lắm, là nho sinh không đạt thời vụ vậy. Nên cẩn thận nghĩ đó, đừng để cái lo ấy lại. Đến đây lại lấy hai bên bình giáo còn chưa được yên, lại Dụ thêm rằng : Bình, giáo dù có khác lối, nhưng cũng đều là con đỏ của triều đình, không nên chia rẽ khác nhau. Gần đây có nhiều việc giống nhau và khác nhau. Người làm dân lương ghét vì không đồng đạo mà trong lòng sinh ra nóng lạnh. Người làm dân giáo, cậy thế lấn át mà tình ruột thịt đem đặt ra ngoài da ; hai đằng ghét nhau thì hai đằng hằn thù nhau, thì thế cố nhiên như thế. Nhưng xét kỹ ra thì đầu đuôi cũng tự người đầu mục không khéo xử trí cho nên nỗi ấy. Ôi ! Nhà nước dựng lên quan tư mục, cốt để trị dân. Làm sư đạo của dân một địa phương, phải nên giữ lòng minh chính. Hoặc có kẻ bị ghét quá đáng, một khi kiện cáo, gia thêm nạt nộ mà dân giáo uất ức không bày tỏ được. Hoặc sợ hơi nóng bốc lên, gặp có sự lăng ngược, một chiều nín nhịn, mà ẩn tình của người dân lương không bày được. Làm giám linh mục ấy trách nhiệm ở việc giảng giáo, phải nên giữ lòng công bình. Binh dân hoặc có kẻ trốn tránh dao thuế, mà chạy vào nhà giáo ấy, hoặc có kẻ tranh chiếm ruộng đất mà nhờ thế ấy đều bao dung cả. Đến nỗi có kẻ cậy thế mà bức bách người, hoặc có kẻ khinh thường pháp luật mà không đoái, đều không phải là sở ý của Thiên Chúa dạy dân. Kẻ bình dân kia sao không nghĩ cùng ở đất vua, đều là dân vua, giáo dân bình nhật binh dao thuế khóa cùng với lương dân cùng thế. Gián hoặc có kẻ ức hiếp bình dân vì lẽ gì, sao không tới quan địa phương mà tố cáo, mà dám hại nhau, ngược đãi nhau ngang trái như thế, đối với pháp luật thực là khó dung. Giáo dân ấy sao chẳng nghĩ sinh ở đời này, tam giáo cửu lưu, đều có đạo cả, nào ai có cấm đâu, mà bèn mượn thế lấn người, đến nỗi chứa bao thù oán, lòng sao nỡ thế. Ôi ! giáo đã không dung được lương, thì lương cũng không cam tâm chịu thua giáo, phải đến tranh nhau,

khiến cho trong chốn làng xóm, không lấy ơn lễ ở với nhau mà lại trông nhau như thù nghịch. Giết người đốt nhà, tội có nhỏ đâu, mà lại đem thêm thử pháp luật như việc gần đây xảy ra ở Bình Định và Quảng Ngãi rất là quái gở đáng giận, cần nên tỏ rõ điển hình để răn bảo. Nhưng nghĩ, bọn ngươi một khi giận dỗi, dám làm điều trái đạo, rồi hay cải hối được, nếu chẳng uốn nắn cầu toàn, hẳn đến ngọc đá đều cháy, trong lòng ta thực không nỡ thế, đã chuẩn cho gia ơn cho miễn sự tra xét một lần. Từ nay nên hậu tình hòa hảo, không nên ghen ghét lẫn nhau. Làm người coi địa phương phải ngay sáng để xướng suất, mà sự oan uổng cần được thân lý. Làm giám linh mục phải công bằng để dạy dỗ, mà sự ghen ghét phải bỏ đi, khiến cho cùng thuận, cùng giúp, cùng phù trì nhau, hai bên hòa thuận thì còn gì vui bằng. Nếu không khéo khu xử, đều tự thù hằn nhau, thì đều có tội để xử. Quan địa phương chiếu theo lệ nịch chức nghiêm trị. Giám linh mục tư sang nước Pháp nghĩ xử, đều nên kính cẩn nhé ! Thông lục đều tuân.

Dùng nguyên thự Tả tham tri bộ Hình hồi hưu là Nguyễn Thành Ý (hiện sung Khâm sai đi Thanh Hóa) lĩnh Thượng thư bộ Hình (Nguyễn Chính còn lưu lại ở Hà Tĩnh đợi ngày rước xe vua chưa về, cho nên lấy Thành Ý thay) rồi lại chuẩn cho đổi lĩnh Tổng đốc Hải - Yên.

Dùng thự Tổng đốc Định - Yên Phan Đình Bình điều bổ thự Thượng thư bộ Hộ, kiêm sung Cơ mật viện đại thần, sau chuẩn cho thăng Thượng thư bộ Lại (nhưng kiêm sung viện). Bố chính Võ Văn Báo quyền lĩnh Tổng đốc Định - Yên.

Đô thống Pháp là Cô-ra-xi bắt Thái phó Cần Chính điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại kiêm sung Cơ mật viện đại thần Kỳ Vĩ quận công là Nguyễn Văn Tường xuống tàu thủy chạy đi Gia Định. Cứ theo lời cáo thị của Khâm sứ Sam-bô nói : Văn Tường từng đã chống cự nước ấy thực đã nhiều năm. Từ khi cùng với Tôn Thất Thuyết sung làm Phụ chính, lại đổng suất quan quân nổi dậy công kích quan binh nước ấy và Văn Tường do Đô thống ấy xin cho 2 tháng lo liệu việc nước cùng Bắc Kỳ đều được lặng yên vô sự, đến ngày 27 tháng ấy hết hạn, mà các tỉnh Tả kỳ về phía Nam, có nhiều nơi nổi quân chém giết dân giáo. Đến đây, Đô thống ấy định án, ưng kết tội lưu. Hôm ấy chở đem Văn Tường đến cửa biển Thuận An. Buổi chiều Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình đi tàu thủy Pháp cũng về đến cửa biển ấy. (Thuyền Pháp chở Văn Tường đến Gia Định, sau chở gồm cả Phạm Thận Duật, Lê Đính đem về nước ấy. Thận Duật trong khi đi đường bị ốm chết ở trong tàu, buông xác xuống biển.

Đô thống Pháp là Cô-ra-xi, Khâm sứ Sam-bô đưa thư nói giao trả thành trì, yêu cầu rước ba cung đều trở về cung điện, quan lại các nha ở 6 bộ vào thành đóng ở làm việc như cũ. Phàm các hạng ở trong Kinh thành đều giao trả cả và cáo thị cho trong Kinh, ngoài tỉnh rằng : Trước đây, Nguyễn Văn Tường đã giảng hòa, Đô thống Pháp

đã đánh điện về triều Pháp biết, gần đây mới điện phục lại ngôi Hoàng đế nước Đại Nam như trước, Nhà nước Đại Nam cũng y như cũ cho nên tới đây mới nói rõ sự giao trả thành trì. Việc ấy tâu lên. Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ nhân Dụ cho bọn Nhiếp chính Thọ Xuân vương Miên Định và đình thần Tôn nhân rằng : Nay nghe Đô thống đại thần nước Đại Pháp và Khâm sứ đại thần có bụng tốt trả lại thành trì của ta, yêu cầu bọn ta về cung, rất là vui vẻ ; nhưng bọn ta đàn bà, không am hiểu việc nước. Huống chi phép quốc gia ta, không có lệ thủy liêm thính chính. Trước nên định lấy ngôi vua, có người làm chủ, rồi sau bọn ta về cung, mới làm thỏa hợp ; nên bàn hỏi quan Pháp thế nào sẽ hồi tấu. Rồi đó triều đình Pháp nghe tin xe vua còn chưa đón về, lại tục điện báo cho thành trì, nên chờ có chủ quân mới trả. Bèn phụng ý Chỉ, chuẩn gồm bàn phúc xét.

Tháng 8, dùng thự Hữu tham tri bộ Binh, quản lý Thương bạc sự vụ là Hoàng Hữu Thường đổi thự Hữu tham tri bộ Hộ sung làm việc ở viện Cơ mật.

Nhiếp lý quốc chính là Thọ Xuân vương Miên Định tâu xin quan lại từ có phẩm hàm trở lên, phàm ai nhân việc ở lại nhà quê, trước giáng 2 cấp, điệu, nhưng hạn 1 tháng cùng tới xét bổ. Bằng cố ý chậm trễ, thì cách về dân tịch ; lại giục những người vị nhập lưu thư lại nhận việc. Quá hạn 1 tháng không đến cũng cách về chịu sai, để làm gương cho người chọn chỗ tiện. Vâng ý Chỉ ba cung y cho.

Chỉ Dụ : Chuẩn cho các tỉnh Nam - Bắc, dùng quân Pháp chia phái trấn giữ. Khi ấy thành trì ở Kinh còn cần sửa chữa, lính các tỉnh còn thuộc thưa thớt ; Đô thống Khâm sứ đại thần Pháp bàn bạc rằng : Từ Quảng Nam đến Bình Thuận, Quảng Trị đến Thanh Hóa, tính theo tỉnh lớn hay nhỏ phải bắt lính Pháp chia đóng, trấn giữ cho yên dân cư, còn đến quan tỉnh thì cứ trị dân làm việc như thường ; đợi khi Kinh thành giao xong, kén quân sung ngạch, lính Pháp sẽ lại rút về ; xin Dụ cho dân hiểu biết, khỏi sự ngờ vực, cho nên có lệnh chuẩn này.

Mậu Thìn (tức ngày mồng 4 tháng này), Chỉ Dụ chuẩn rước Kiên Giang quận công vào nối ngôi Hoàng đế. Tháng trước, vâng Dụ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ bảo : Sớm định ngôi vua, để tiện về cung ứng bàn nghĩ phúc mọi lẽ. Nhiếp chính Miên Định và Đại thần Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình đã cùng với quan Pháp bàn định, đến đây đại thần 2 nước và tôn nhân văn võ đình thần hội hàm tâu xin để chung một mối, vâng ý Chỉ chuẩn cho, bèn phụng Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, bá cáo trong Kinh ngoài tỉnh rằng : Vua làm chủ cả thần dân, tôn miếu xương sinh, đều quan hệ ở đó ; nước ta cùng nước Đại Pháp kết hảo đã 20 năm, hai bên không lừa dối nhau, nước nhờ đó mà yên. Ngày 22 tháng 5 năm nay, nghịch thần là Thuyết làm càn hỏng việc. Tôn xã rung sợ, xe vua chạy quanh, cung quyết và triều đình ngày ngày trông mong, không còn nước mắt. Từ khi y ép vua đi nơi khác, đã hơn 2 tháng nay, đã nhiều lần phái đi đón rước rồi, mà không có tin gì. Lão cung

nghĩ tới đó đau giận rất nhiều. Nay may Đại Pháp giảng hòa bàn để cho Đại Nam Hoàng đế ngự vị như trước, Nhà nước Đại Nam cũng y như cũ. Những ý tốt ấy từng đã bảo khắp trong ngoài cho bọn ngươi biết. Nay tiếp triều đình Đại Pháp điện báo rằng : Cần có vua chúa, mới trả thành trì. Lão cung nghĩ rồi lại nghĩ, nếu chẳng theo thời thi thố, thì đàn Xã, đàn Tắc và nơi 9 miếu, hương lửa ắt phải lạnh lùng. Trong triều ngoài nội, thần dân không biết hệ thuộc vào đâu. Ba tháng bỡ ngỡ, bốn biển ầm vang, sự thế đến thế, làm sao mà kéo lại được. Ôi ! Ngôi vua không thể bỏ không, ý tốt không thể trái mãi được, chấn hưng sự gần mất, nối tiếp sự gần đứt, chính là ở việc này. Nếu trái thời và nghịch với lòng dân, thì nước lớn tính sao. Bậc tiên dân có nói rằng : "Xã tắc làm trọng", lão cung rất lưu ý lắm ! Đã có Đại Pháp đô thống bảo hộ Đại Nam quốc Toàn quyền đại thần Cô-ra-xi, trú Kinh Khâm sứ đại thần Sam-bô, Nhiếp lý quốc chính Thọ Xuân vương Miên Định, đại thần viện Cơ mật Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình và bọn văn võ đình thần ở phủ Tôn nhân tuân Dụ tâu xin rước lập con thứ hai của Dực tông Anh hoàng đế là Kiên Giang quận công Ưng Kỹ làm tự Hoàng đế để nối ngôi chính và thống nhất lòng người ; lão cung sâu được yên vui, đã chuẩn cho chọn ngày lành, lấy ngày mồng 6 tháng này kính rước vào thành, ngày 11 làm lễ tấn quang, Hoàng thái hậu ngự về nội điện, để chính lại ngôi quốc mẫu. Khi vua Hàm Nghi trở về sẽ lại tập phong công tước, để thừa tự Kiên quốc công. Nước có trưởng quân là phúc của Xã tắc, trên có thể yên được uy thiêng của Tiên đế ở trên trời, dưới có thể thỏa sự trông mong của thần dân một nước, mà lão cung trong lúc tuổi già được thấy vật cũ của tiên triều, thì sự may nào bằng nữa. Phàm thần thứ ở trong triều ngoài nội của ta, đều nên kính noi khuôn phép, để vui hội tốt. Bá cáo cho cả trong ngoài đều được nghe biết. (Nguyên phiến tâu xin Chỉ chép : Trú Kinh Khâm sứ thần Sam-bô, Nhiếp lý quốc chính thần Miên Định, Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Độ, thần Phan Đình Bình và phủ Tôn nhân văn võ đình thần vâng Dụ này trước tường quan Pháp kính duyệt, cứ Khâm sứ bàn bảo sự ấy có làm, cũng vâng lệnh đô thông ấy, dụ ấy việc rất quan trọng, hẳn có sao về cho nước Đại Pháp biết, cần chép thêm hàm đô thống đại thần làm quý, nên trong Dụ hiện chép v.v... Lại Kiên Giang quận công trước đã vì việc chuẩn giáng làm Kiên Giang hầu, còn chưa khai phục, nên lần này bàn xin rước dựng phiến tâu, chỉ chép là con thứ hai của Dực tông Anh hoàng đế mà không xưng là tước gì, kịp vâng Dụ này theo ý Chỉ vẫn truy xưng nguyên tước là Kiên Giang quận công, mà gác bỏ việc bị giáng đi vậy).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN ĐẦU*

DUY TÂN NĂM THỨ 3 [1909], THÁNG 7, NGÀY 12

Vua ban Dụ : Xưa kia, sách *Thực lục* kiêm cả thể chế, chép từng năm, ghi các truyện mà làm ra chính sử, là để tỏ rõ công tốt, biểu dương đức sáng, cùng là ngôn hành chính sự, pháp độ, kỷ cương đều phải chép cả vào đấy.

Nước nhà ta, vua chúa nối truyền hơn 300 năm, nhân, trạch sâu dày, bao lần rực rỡ. Công dựng nghiệp truyền thống, sáng cùng Đường, Tống, Hán, Chu ; phép văn trị, võ công, thịnh hơn Đinh, Lê, Lý, Trần. Các kỷ *Tiền biên*, *Chính biên Thực lục* về các vua trước lần lượt cáo thành, đều đã xếp lên kho sử.

Kính nghĩ : Cảnh tông Thuần hoàng đế, tư chất hơn bậc thượng triết ; vận hội gặp buổi trung hưng, khôi phục ngôi cao, cả nhận mệnh lớn, kính trời đất làm lễ Nam Giao ; theo tổ tiên giữ hiến chương cũ. Phụng thờ Hoàng thái hậu, hiếu thảo một lòng, đối xử với họ hàng, ơn ban khắp cả ; lấy lễ độ đối đãi bề tôi, dùng khoan hoà trị yên dân chúng, thân ra chiến trận, công võ hiển dương ; sửa lệ bang giao, lân hiếu càng hậu ; xem tờ can gián, nêu thưởng kẻ trung ngôn ; nghe giảng kinh diên, biết rộng đạo hiền thánh. Yêu dân chăm việc ; trị ngục hoãn hình, cùng là mở rộng khoa thi, gia ơn cho sĩ tử ; tha số thuế thiếu để vỗ yên nhân dân ; gặp khánh tiết thì ban ân, cứ đầu xuân là thưởng khắp.

Trẫm từng xem chính sự năm Đồng Khánh, trong lòng đều nghĩ đến không bỏ quên được. Cho nên, đương lúc vận nước nhiều nỗi gian nguy mà chống giữ được

đại cục, để được hưởng phúc đến ngày nay. Tuy lên ngôi mới được 3 năm, nhưng công việc tốt về trung hưng, sử chép không xiết ; thực đủ nhớ lại phong hoá tốt của các vua ghi trong sách báu, để lại mãi không mất. Sử thần đã phụng mệnh biên chép thành tập, định rõ từng nghĩa, từng lệ lại khảo đính kỹ càng.

Gần đây, cứ phụ chính phủ thần tâu rằng : Ngày tháng 5 năm ngoái, tiếp quan ở Quốc sử quán trình bày : Quán ấy trước đây phụng mệnh kính làm pho *Thực lục Chính biên Đệ lục kỷ* về đời Cảnh tông Thuần hoàng đế, khi sách làm xong, dâng lên trẫm xem, đã giao cho sử thần duyệt lại, công việc đã xong. Nay Quốc sử quán ấy dâng biểu xin khắc in, đệ cả bản mẫu tiến trình.

Trẫm kính cẩn duyệt kỹ, kính thấy bậc anh quân một đời, cử động, thi hành, công tốt sánh cùng tiền cổ, đáng nên khắc vào bản in, cho được bền bỉ, để tỏ bảo mãi sau này. Về kính làm pho *Thực lục Đệ lục kỷ* bao nhiêu quyển, chuẩn cho Thái sử chọn ngày bắt đầu làm. Nhưng giao cho sử thần kiểm xét chữ viết và cách thức cần được chu đáo, rõ rệt. Tổng tài đại thần lại phải xem xét, trông coi cho được khánh thành, ấy là trẫm mong lắm. Các công việc phải làm, giao cho quan có trách nhiệm kính cẩn tuân theo làm việc, phải kính tuân Dụ này.

Bọn thần phụng mệnh sung chức Tổng tài, Toản tu ở Quốc sử quán tâu về pho *Thực lục Chính biên* về đời Cảnh tông Thuần hoàng đế chép xong, xin đem khắc in để tỏ công việc rực rỡ. Trộm nghĩ, bụng nghĩ của đế vương thấy ở sách, việc làm của đế vương chép ở sử, tâm pháp, trị pháp, nhân thế để truyền lại. Nhưng mà chép từng việc, biên từng năm, cách thức đều khác, sử phải chứng ở chép mà rất là rõ, là vì lời văn thì thẳng, sự việc thì thực, thực lục là bắt đầu về việc làm sử.

Xét từ đời Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu làm ra có các thể văn điển, mô, huấn, cáo, nhã, tụng ; đến một đời Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến nay ; cùng là đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê nước ta, đời nào tất có sử chép việc đời ấy. Cho nên người sinh sau nghìn năm, có thể tìm được công việc trị nước ở trước nghìn năm, chiêm nghiệm muôn đời, chứng tỏ định trị công giữ nghiệp lớn.

Nhà nước ta, vua chúa truyền nối, bao độ huy hoàng, đức hoá chứa chan, sáng trưng trời đất. Từ Giản tông Nghị hoàng đế ta trở về trước, hơn 300 năm ; kể các vua từng dựng nghiệp đế trung hưng, công to, đức tốt, sự nghiệp đều đáng thuật lại, văn chép có đủ chứng nghiệm, lần lượt đã cáo thành, vốn đã khắc vào bản in cho bền, xếp lên kho sử, truyền bá đức hay tiếng tốt để lại mãi sau này.

Cảnh tông Thuần hoàng đế ta, được quần thần cùng suy tôn ; từ đại phiên lên nối nghiệp, kính cẩn thời cơ, như đời Ngu, Thuấn ; chính đính pháp độ, như bậc

Chu Văn, việc lớn như giao miếu triều đình ; việc nhỏ như cung vi tử tính ; kính theo mệnh trời, bắt chước tiên tổ ; lòng hiếu thấu trên ; ơn huệ ban khắp, đãi các bề tôi lễ độ ; đối với nước bạn chí thành, tính khoan hoà coi dân như con ; oai nghiêm khắc răn kẻ trái phép. Tuy đương vận nước gian nguy, mà dùng quyền vua quả quyết, chấn hưng kỷ cương, mà đại thể vẫn còn ; nắm vững điều hay, cho lòng người cố kết, để có thể duy trì được đại cục, trị an được các phương, mới chuyển nguy làm yên, nối tốt nghiệp lớn, ghi chép ở sử, đủ tỏ rằng công đức lớn lao, giành cho con cháu, rực rỡ thay ! tốt đẹp thay ! mới được 3 năm, vội đã xa chơi tiên cảnh, truy tìm các việc làm trước, sử sách còn đủ nguyên.

Hoàng phụ hoàng đế ta, sáng tỏ công trước ; để hiếu về sau. Năm Thành Thái thứ 6 [1894] kính định chương trình, chuẩn cho sửa soạn bộ *Cảnh tông Thuần hoàng đế Thực lục Chính biên* làm kỷ thứ 6. Bọn thần đã tuân theo nghĩa lớn và lệ thường, phụng soạn từ tháng 8 năm Ất Dậu, niên hiệu Hàm Nghi [1885] đến tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 3 [1888] tuỳ việc biên chép. Về phép kết hợp đạo trời và tài cuốn mở tác dụng, lời văn trung thực, sự việc tỏ tường rất là đầy đủ, rõ ràng, nên giao cho khắc in, cho chóng được thành sách, truyền bá khắp trong nước, để lại mãi trăm đời, tưởng cũng là một việc tốt làm cho rực rỡ nền văn trị, tô điểm cảnh thái bình.

Năm Thành Thái thứ 16 [1904], sách đã làm xong, đem tiến trình, nhưng chưa được Dụ chuẩn y.

Nay Hoàng thượng, các việc đương đổi mới, lưu tâm về việc hiếu trị, lại xin đem bản mẫu tập *Thực lục Chính biên, Đệ lục kỷ*, tất cả 11 quyển và 1 quyển *Mục lục*, cộng 12 quyển dâng trình ; đợi được chuẩn cho thi hành, mới chọn ngày tốt, khởi công khắc bản in, cho chế độ tốt đẹp hoàn toàn, khiến cho tập sử này cùng với *Tiền biên, Chính biên* chép văn mô, võ liệt của các vua cùng lưu truyền mãi mãi và càng tỏ đức tốt nối theo chí hướng, nhắc lại sự nghiệp của hoàng thượng ta, sánh tốt cùng tiền nhân là may cho thần liêu và cả nước lắm, thần đẳng mong mỏi vô cùng. Thần kính tâu.

Đề ngày 19 tháng 5, niên hiệu Duy Tân năm thứ 3.

Thần : Cao Xuân Dục,

Thần : Lưu Đức Xứng,

Thần : Trần Sán.

Thần đẳng phụng sung Tổng tài, Toản tu Quốc sử quán kính tâu : Về bản in tập *Thực lục Chính biên Cảnh tông Thuần hoàng đế* đã làm xong.

Điềm hay biểu hiện trong hồ lô[1], triệu tốt ứng báo ở trụ hạ[2], thần đẳng thực rất vui mừng kính phụng biểu dâng lên :

Kính thấy [Khổng Tử] khi biên chép *Lân kinh*, bỗng có sao Bắc Thần giáng cho phiến hoàng ngọc có khắc chữ[3] [Lưu Hướng] soạn sách ở gác Thiên Lộc, bỗng thấy vị Thái Ất cầm gậy thanh lê chiếu lửa soi[4], pho sử hoàn bị của họ Mã ; văn thơ danh tiếng ở núi Ngao[5] [đều là sử sách có giá trị].

Thần đẳng trộm nghĩ : Trong nước có 3 đại quyền : Quốc sử cùng hoàng thiên, quân vương đều tôn hơn cả ; đời sau có 3 thể sử : thực lục, biên niên và kỷ truyện để truyền cho đời. Vì chất phác không quê mùa, rõ ràng không văn vẻ, cách làm phàm lệ phân biệt khác nhau ; mà việc làm thì trung thực, lời văn thì thẳng thắn, đức nghiệp lớn lao, khó nói hết được.

Xét từ đời Hiên Viên, Hoàng đế, bắt đầu đặt Sử quan, văn tuy mờ, nhưng công dụng rõ. Đến Hạ Vũ Thương Thang, đều vẫn có chức sử, trên chép việc, mà dưới chép lời. Đời Chu trở lên, có sách chép đủ 100 thiên ; đời Hán trở lại, đều làm thành sử các nước. Đến đời Nguyên, Minh thì có tiền sử, tục sử ; cùng nước Việt ta thì có chính biên, phụ biên, đó đều là kỷ cương, văn chương để lại cho đời, càng đủ thấy quy mô, thể thống từ khi lập quốc. Cho nên sử của đời nào, trước hết tất phải chép rõ sự tích của đời ấy ; khiến cho người sau nghìn năm có thể giảng rõ được việc trước nghìn năm. Huống chi là công tốt hiếm có từ vua trước đến vua sau, 300 năm vẫn cùng một lối và những văn hiến đủ chứng như tâm pháp cùng trị pháp, mấy mươi đời, theo đó cùng truyền, như ngày nay ư !

Xét ngược lên từ khi gây dựng bờ cõi ở Nam phục ; định đặt vạc báu ở Xuân kinh, nghiệp kiến, đốc, cơ, cần để cho người sau, truyền điển chương, văn hiến, tỏ rõ công trước.

Từ sau khi trung hưng, cơ nghiệp xưa khôi phục, các chính sự mở mang, đức lớn tựa trời cao, rộng, khiến cho muôn nước hiệp hoà, lại từ khi thủ thành đến nay,

---

(1) Tiêu Sâm, khi làm Thái thú Tuyên thành, bỗng có vị bắc tăng đem một cái hồ lô sang nam đưa cho Sâm. Trong hồ lô ấy có tựa, truyện ở sách đời Hán. Vị sư nói : Đây là sách tam phụ, tương truyền là chính bản của Ban Cố. Sâm sau tìm được nhiều sách khác hẳn sách đời bấy giờ, lối chữ cổ văn, viết như hình rồng bay, không phải lối triện, lệ (theo *Bội văn vận phủ*).

(2) Sương Tự Tần làm chức Trụ hạ sử, học tập rất rõ về các đồ thư, kế tịch của thiên hạ (sách dẫn trên).

(3) Khổng Tử làm *Lân kinh* (*Xuân Thu*), khấn sao Bắc Thần, sau bỗng thấy cầu vồng sa xuống hoá thành phiến ngọc dài 3 thước có khắc chữ (theo *Vận học tầm nguyên*).

(4) Lưu Hướng soạn sách ở gác Thiên Lộc, ban đêm bỗng có ông lão áo vàng, chống gậy thanh lê, hiện đến, thấy Hướng đọc sách trong tối, ông lão ấy thổi bùng lửa ở đầu gậy soi vào, rồi cho Hướng bộ sách *Ngũ hành hồng phạm* (theo *Bội văn vận phủ*).

(5) Đời Hán, Tư Mã Thiên làm Thái sử lệnh, chơi xem phong cảnh sơn xuyên các nơi, sau soạn thành bộ *Sử ký* 130 thiên. (*Từ hải*).

chính hoá mới ban hành, trăm việc làm chấn chỉnh, trung hưng nghiệp đế huy hoàng, nên được văn giáo truyền khắp bốn biển. Nhờ thánh đức thần công rực rỡ, trước đấy, cùng hai đời đế[1] mà thành ba, đem đế điển hoàng phần quý giá chép vào, hợp với sáu kinh mà hoá bảy[2].

Cảnh tông Thuần hoàng đế ta, tư trời sáng suốt ; đức hợp nguyên lương, sao sáng, biển nhuần, hiệp với ca chương nơi nhạc phủ ; suối trong, non lặng, nuôi dưỡng đạo chính lúc buổi đầu. Những mong vịnh câu : "Hàn, bính, phiên, viển trong thơ Nhã, không để tâm đến cảnh nhà vàng ; nhưng xem thấy triệu "hiện, tiềm, phi, dược" ở hào Kiền, ứng cho quẻ lên ngôi bệ ngọc. Đương lúc, cung nhà Đường bụi phủ[3], xe nhà Tống chưa dừng[4] lòng dân mong vua như mong được mùa, không biết theo vào đâu được ; người có đức lớn tất được danh lớn, lòng trời hầu có đợi chờ, ngục tụng, âu ca, chỉ theo ông Khải[5] gần xa đều yên vui ; non sông, cây cỏ đều hướng nhà Chu, triều chợ không thay đổi, vốn nhờ phúc của thiên, địa, thần nhân thực hiển linh của tổ tông, miếu xã.

Hiện thấy việc làm : Kính thuận mệnh trời, noi theo tiên tổ, hiếu với cha mẹ, hoà với họ hàng, thể tất với bề tôi, giao hiếu với nước bạn, điều khoản rất rành mạch, được thấy muôn việc kính răn như đời Ngu Thuấn ; cùng là sửa sang việc văn, mở mang võ bị, thương yêu đến quần chúng, tuất cập đến học trò, trọng nghề nông tang, cẩn thận việc hình phạt, biên ghi thật phân minh, trông rõ trăm phương chỉnh đốn, như đời Chu vương. Khiến cho tai mắt thiên hạ nom thấy chính mới, nghiệp vương trùng hưng, mà đại thể vẫn còn ; dư đồ nhất thống lại được tạo thành đại cục, giữ vững cho lòng dân kết hợp.

Mới trải 3 năm, bấy giờ đã trị, nhờ xem đức hoá, ngày mong thái bình ; đương mong cơ đồ Hán Vũ, đời sáng rực bóng lồng, phúc để lại cháu tằng hưởng mãi ; bỗng đâu khúc nhạc Đường Nghiêu, 8 tiếng âm trầm lặng ngắt, mang lòng thương cha mẹ khôn khuây. Hận rằng cung để lại còn âm, ngán nỗi râu rồng không kịp, chức giữ việc chép sách, may nhờ công lớn còn lưu.

Hoàng phụ hoàng đế ta lên ngôi, bảo rằng : Nết tốt, lời hay của tiền vương, bày tỏ ở trong sách ; cho nên vinh quang công trạng ngày nay, mài giũa ở tập này, vì chép để ghi nhớ, thần xin kính thuận, kính chép từ tháng 8 năm Hàm Nghi Ất Dậu [1885] đến năm Đồng Khánh Mậu Tý [1888]. Bắt đầu từ tháng giêng năm Bính Tuất, Đồng Khánh nguyên niên [1886], đến tháng Quý đông năm thứ 3 [1888],

(1) Đường, Nghiêu, Ngu, Thuấn.

(2) Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu.

(3) Đời Đường Đức tông.

(4) Tống Huy tông, Khâm tông. (Ý nói Hàm Nghi xuất bôn).

(5) Đời Hạ Vũ, định truyền ngôi cho Ích, nhưng dân đều đi theo Khải là con Hạ Vũ.

chép xong mà lời nói sợ không văn hoa ; ghi thực mà sự việc cần phải khảo sát ; đặt lời văn, chọn tài liệu, nguồn trấp sử hơi khai thông ; nên từng năm, theo từng năm, giúp lục kinh đâu bổ ích, chỉ được tóm tắt mà ghi việc ; khiến cho cương mục đều nêu lên, duy làm ra phải rất chu đáo ; thì khảo đính tất tốn thì giờ.

Kính nghĩ hoàng đế bệ hạ, đức cũ sẵn sàng, mưu trước rực rỡ, phong hội tám phương đương đổi mới, sách xe một đường đều như nhau, nơi kinh diên tiến giảng tình tứ Khổng, Chu, chốn Học bộ xem văn, mài giũa vàng ngọc, vốn đã dốc một lòng sâu xa, kính nối đức sáng, sửa được chí khiêm tốn, cốt phải siêng năng. Hãy còn kê cứu phép xưa, muốn dò tới uyên nguyên ngành sử, noi theo chí trước, cho khắc, in công bố học hành. Hiện nay, sách vở truyền tin có thể làm tranh Quần ngọc, trang hoàng thành tập, rực rỡ như gấm thất tương, nhờ khéo nối khéo theo, lòng hiếu sánh với đời trước ; mà có phép có tắc, thịnh vượng để cho sau này, ngày nay để cho ngày sau theo. Này *Tiền biên* lại có *Chính biên* tiếp, thần đẳng, đâu có ba tài[1], tạm giữ một chức, chức Thái sử Long môn là lạm nối ; chức công thần cương mục có dám đâu, suốt năm cầm cụi, cố làm hết trách nhiệm hiệu thu[2] ; khen quá nhiều lời, sợ không thực lòng trần thiện[3]. Cúi xin cất vào nhà chứa sử, bày ở trên chỗ ngồi, như nhà Chu hậu đã làm xong bức tường[4], như nỏ Ngu nhân[5] đã xét rõ đúng mức, trọng điều đã nghe, làm việc đã biết, có học mới có hay, khuyên răn việc trước, cẩn thận việc sau, tìm xưa để bắt chước, đương lúc tuổi khoẻ mạnh, chính lúc học tiến dần. Duyệt mệnh bàn học ba thiên, toàn là lời nói giúp đức[6] ; Mân phong làm thơ thất nguyệt, nêu rõ lời răn đổi lòng[7], huống chi là khuôn mẫu lồng theo tấm gương đời trước để lại ; kinh kỷ bày đặt nề nếp gia pháp còn nguyên, thực nên nối nghe lời hay ; noi theo phép trước, lấy bụng dạ tiền nhân làm bụng dạ ; ngày ngày càng phải cẩn thận hơn lên. Như thế thì tấm gương báu truyền gia, cùng 3 cực[8] để răn bảo ; bản đồ ngọc bảo quốc, cùng trời đất mà cùng bền.

Thần đẳng rất lấy làm trông nhờ, vui mừng không kể xiết. Kính đem tập *Thực lục Chính biên, Đệ lục kỷ* hiện làm xong 11 quyển và 1 quyển *Mục lục* hợp cộng là 12 quyển dâng trình, kính dâng biểu tâu lên để biết.

---

(1) Tài, học, thức.
(2) Khảo đính.
(3) Tỏ bày điều hay.
(4) Chu Vũ vương bảo Khang Thúc (thiên *Tử tài, Kinh Thư*).
(5) Y Doãn răn Thái Giáp (thiên *Thái giáp thượng, Kinh Thư*).
(6) Cao tông bảo Phó Duyệt về trách nhiệm phò tá nhà vua (*Kinh Thư*).
(7) Chu công tỏ bày phong hoá của Hậu Tắc khi dựng nghiệp vương (*Kinh Thư*).
(8) Thiên, địa, nhân, cũng như Tam tài (*Từ hải*).

PHÀM LỆ

VỀ *ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN - ĐỆ LỤC KỶ*

Nghĩa và lệ nên viết ở *Thực lục Chính biên*, theo kỷ đệ tứ chước định, chắc đã giản tiện thoả đáng. Kỷ đệ ngũ cũng đã tuân theo thế làm việc. Nay là chép từ ngày tháng 8 năm Hàm Nghi nguyên niên [1885] đến cuối tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], phàm liên quan đến tất cả chính sự, chế độ, có điều gì mới định, hoặc thay đổi, cùng là các việc tất phải chép và các việc lệ thường có việc phải chép ở tiết đầu thì hết thảy phỏng theo cách chép ở hai kỷ đệ tứ, đệ ngũ mà chép.

Các kỷ trở về trước, dưới chỗ biên năm đều có chua niên hiệu nhà Đại Thanh, để cho có liên quan với nhau.

Nay là chép từ ngày 10 tháng 8 năm Hàm Nghi nguyên niên trở về sau, sự thể so với các kỷ trước khắc hẳn, nước ta cùng với nước Đại Thanh, không quan thiệp nữa. Duy chỉ cùng nước Đại Pháp bảo hộ, chính là quan thiết. Nhưng nước Đại Thanh cũng là nước lớn ở phương Đông, lại cùng nước ta liền nhau, nên hãy còn chép như cũ, để biết các đời. Còn dưới chỗ biên năm ấy, trước hết chua lịch Tây giáng sinh mấy năm, sau đến niên hiệu Đại Thanh năm thứ mấy, đó là tuỳ thời mà đổi lệ.

Phàm lệ phụ biên ở kỷ đệ ngũ, trong đó có một điều chép rõ từ ngày 23 tháng 5 năm Hàm Nghi nguyên niên, sau khi Kinh thành có việc, đến ngày 10 tháng 8 trở về trước, xe vua đã dời đi, trong, ngoài không hệ thuộc được và từ ngày 10 tháng ấy trở về sau đến cuối tháng 9, Cảnh tông Thuần hoàng đế ta tuy đã nối ngôi, nhưng tuyên bố dụ bảo, sợ chưa biết được khắp, niên hiệu vẫn còn chép là Hàm Nghi ; về việc Nam, Bắc có vâng theo Dụ của vua Hàm Nghi, mà khởi việc Cần vương thì đều

hãy chép làm "khởi binh", để có cớ mà nói. Còn từ mồng 1 tháng 10 năm Đồng Khánh Ất Dậu trở về sau, ngôi lớn định đã lâu, Dụ bảo chắc đã biết khắp cả, mà còn làm liều, thì ở kỷ đệ lục sẽ lại chép là nghịch, đã được chuẩn cho lục ra để chép vào.

Nay, hai tháng 8 và 9 năm Hàm Nghi nguyên niên, là còn thuộc vào phận tháng của kỷ ấy, cũng vẫn theo thế chép là khởi binh ; còn từ mồng 1 tháng 10, là năm Đồng Khánh Ất Dậu trở về sau, thì mới chép là nghịch.

* *
*

Phụng sắc khai chép chức danh các quan :

Tổng tài :

Phụ chính đại thần Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Học bộ Thượng thư, kiêm quản Quốc tử giám, An Xuân nam, thần : Cao Xuân Dục.

Toản tu :

Nguyên Hộ bộ Tham tri, thần : Nguyễn Vỹ ;

Hàn lâm viện thự Tham tri Trực học sĩ, thần : Lưu Đức Xứng ;

Hiện Lễ bộ Thị lang, thần : Ngô Huệ Liên ;

Quang lộc tự Thiếu khanh, thần : Trần Sán.

Biên tu :

Nguyên Án sát tỉnh Quảng Ngãi, thần : Lê Đình Luyện ;

Hiện Học bộ Lang trung, thần : Nguyễn Thiện Hạnh ;

Nguyên Hàn lâm viện Thị độc, thần : Phạm Tuân ;

Hàn lâm viện Thị độc, thần : Trương Tuấn Nhiếp ;

Hiện Đốc học tỉnh Bình Thuận, thần : Phạm Khắc Doãn ;

Nguyên Hàm lâm viện Trước tác hiện Tri huyện huyện Can Lộc, thần : Nguyễn Xuân Thưởng.

Khảo hiệu :

Hàm lâm viện Trước tác, thần : Lê Hoàn ;

Nguyên Tòng thất phẩm hiện Học bộ ty Tư vụ, thần : Trần Cán.

Đằng lục :

Chánh thất phẩm, thần : Lê Hy ;

Tòng thất phẩm, thần : Nguyễn Quát ;

Tòng thất phẩm, thần : Lê Chuân ;

Chánh bát phẩm, thần : Nguyễn Trọng Đĩnh ;

Nguyên Chánh bát phẩm hiện lĩnh Chánh cửu phẩm tỉnh Quảng Trị,	thần : Nguyễn Hữu Cận ;
Nguyên Chánh bát phẩm hiện sĩ bổ,	thần : Đồng Trọng Duật ;
Tòng bát phẩm,	thần : Trần Văn Diệu ;
Tòng bát phẩm,	thần : Dương Hưng Lang.

Thu chưởng :

Nguyên Chánh cửu phẩm, hiện Học bộ Tòng bát phẩm,	thần : Phan Văn Tập ;
Chánh bát phẩm,	thần : Nguyễn Đại Đoan.

TỔNG MỤC

VỀ *ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN - ĐỆ LỤC KỶ*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Quyển I : Năm Ất Dậu, Hàm Nghi năm thứ nhất [1885] mùa thu, tháng 8, tháng 9.

Quyển II : Năm Đồng Khánh, Ất Dậu, mùa đông, tháng 10 đến tháng 12.

Quyển III : Năm Bính Tuất, Đồng Khánh năm thứ nhất [1886], mùa xuân, tháng 1 đến tháng 3.

Quyển IV : Năm Bính Tuất, Đồng Khánh năm thứ nhất, mùa hạ, tháng 4 đến mùa thu, tháng 8.

Quyển V : Năm Bính Tuất, Đồng Khánh năm thứ nhất, mùa thu, tháng 9 đến mùa đông, tháng 12.

Quyển VI : Năm Đinh Hợi, Đồng Khánh thứ 2 [1887], mùa xuân tháng giêng đến mùa hạ, tháng 4.

Quyển VII : Năm Đinh Hợi, Đồng Khánh thứ 2, mùa hạ, tháng 4 nhuận đến mùa thu, tháng 7.

Quyển VIII : Năm Đinh Hợi, Đồng Khánh thứ 2, mùa thu, tháng 8 đến mùa đông, tháng 12.

Quyển IX : Năm Mậu Tý, Đồng Khánh thứ 3 [1888], mùa xuân tháng 1 đến tháng 3.

Quyển X : Năm Mậu Tý, Đồng Khánh thứ 3, mùa hạ, tháng 4 đến mùa thu tháng 7.

Quyển XI : Năm Mậu Tý, Đồng Khánh thứ 3, mùa thu, tháng 8 đến mùa đông, tháng 12.

* *
*

Phụng sắc khai chép chức danh các quan :

Tổng tài :

Phụ chính đại thần Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Học bộ Thượng thư, kiêm quản Quốc tử giám, An Xuân nam, thần : Cao Xuân Dục.

Toản tu :

Lễ bộ Tham tri, thần : Lưu Đức Xứng ;

Nguyên Quang lộc Tự khanh, hiện Lễ bộ Tả thị lang, thần : Ngô Huệ Liên ;

Quang lộc Tự khanh, thần : Trần Sán.

Biên tu :

Nguyên Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, hậu cử thụ Án sát tỉnh Quảng Ngãi hiện sĩ bổ, thần : Lê Đình Luyện ;

Nguyên Hàn lâm viện Thị độc hiện Học bộ Lang trung, thần : Nguyễn Thiện Hạnh ;

Hàn lâm viện Thị độc, thần : Phạm Tuân ;

Hàn lâm viện Thị độc, thần : Trương Tuấn Nhiếp ;

Nguyên Hàn lâm viện Thừa chỉ hiện Đốc học tỉnh Bình Thuận, thần : Phạm Khắc Doãn.

Thừa biện :

Nguyên Hàm lâm viện Thừa chỉ hiện Học bộ Viên ngoại lang, thần : Nguyễn Đình Diểu ;

Hiện Học bộ Viên ngoại lang, thần : Nguyễn Đình Điển ;

Hiện Tri huyện huyện Can Lộc, thần : Nguyễn Xuân Thưởng.

Khảo hiệu :

Hàm lâm viện Tu soạn, thần : Lê Hoàn ;

Hiện Học bộ ty Tư vụ,	thần : Trần Cán ;
Hiện Tri huyện huyện Nghĩa Hành :	Thần : Văn Phú Trí.

Đẳng lục :

Chánh thất phẩm,	thần : Lê Hy ;
Tòng thất phẩm,	thần : Nguyễn Quát ;
Tòng thất phẩm,	thần : Lê Chuân ;
Tòng bát phẩm,	thần : Nguyễn Trọng Đĩnh ;
Chánh bát phẩm,	thần : Nguyễn Hữu Cận ;
Nguyên Chánh bát phẩm,	thần : Đồng Trọng Duật ;
Tòng bát phẩm,	thần : Trần Văn Diệu ;
Tòng bát phẩm,	thần : Dương Hưng Lang.

Thu chưởng :

Hiện Học bộ Tòng bát phẩm,	thần : Phan Văn Tập ;
Chánh cửu phẩm,	thần : Nguyễn Đại Đoan.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN I*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Cảnh tông Hoàng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần hoàng đế. Tên huý[1]..., tên tự..., lại biệt tự..., đó là phụng mệnh Dực tông Anh hoàng đế đặt cho tên riêng.

Vua sinh ngày 12 tháng giêng năm Giáp Tý. Vua là con trưởng Kiên quốc công (sau tấn phong là Thuần nghị Kiên Thái vương) Hồng Cai, mẹ là Bùi Thị (sau tấn phong là Hoàng thúc mẫu).

Năm Tự Đức thứ 18, được Tiên đế chọn vào nuôi ở trong cung. Bấy giờ, vua mới 2 tuổi, Tiên đế sai Thiện phi là Nguyễn Đình thị chuyên trách nuôi nấng, đó là hoàng nhị tử.

Mùa xuân năm Tự Đức thứ 32, vua ra ngoài Các học tập, dựng ngôi nhà học ở phía hữu xứ Thị vệ, gọi là Chính Mông đường[2], đặt các chức tán thiện, giảng tập và chính tự, sai hầu vua giảng học. Năm thứ 34, lại dời nhà ấy đem dựng ở phía tả Dục Đức đường. Năm 36, tháng giêng, vua được sách phong là Kiên Giang quận công.

Năm Hàm Nghi nguyên niên, tháng 5, Kinh thành có loạn, vua Hàm Nghi dời đi, 2 cung[3] đi theo đến Quảng Trị, vua cũng lẻn ra ngoài Kinh thành, trốn ẩn ở

---

(1) Tên huý Đồng Khánh, trước là Ưng Đường, rồi lại đổi là Ưng Kỷ.

(2) Nhà học của vua khi còn tuổi đồng ấu.

(3) Thái hoàng Thái hậu là bà nội và Hoàng thái hậu là mẹ.

các làng bên cạnh. Bấy giờ chỉ còn Nguyễn Văn Tường lưu ở ở Kinh để bàn bạc cùng quan Đại Pháp, đi đón 2 cung hồi loan. Mới phụng ý Chỉ 2 cung chia phái đi đón vua Hàm Nghi, rồi xin cho Thọ Xuân vương là Miên Định tạm coi việc nước. Lại uỷ người đi tìm vua, mời vua về tạm nghỉ ở phủ đệ Tĩnh Gia quận công. Về sau đón vua Hàm Nghi không được, Văn Tường đã có ý dự định đón vua lập lên nối ngôi, vừa gặp lúc vua Hàm Nghi bị quan Đại Pháp đem về nước ấy. Sau có Nguyễn Hữu Độ (nguyên Thị lang, Hộ lý Tổng đốc Hà - Ninh nghe tin báo, về Kinh, thì quan Pháp bàn xin được ý Chỉ 2 cung, thăng cho Độ Vũ hiển điện Đại học sĩ sung đại thần viện Cơ mật nhưng sung Kinh lược sứ Bắc Kỳ), và Phan Đình Bình (nguyên Tuần phủ lĩnh Tổng đốc Định - Yên, mới được ý Chỉ thăng Thượng thư bộ Hộ sung đại thần viện Cơ mật), đều từ Bắc Kỳ về, mới cùng người Đại Pháp bàn định, hiệp cùng phủ Tôn nhân và đình thần tâu lên Thái hoàng Thái hậu và Hoàng thái hậu đi đón vua, lập lên làm vua.

Năm Ất Dậu, Hàm Nghi nguyên niên [1885], mùa thu, tháng 8 (tháng ấy và tháng 9 sau vẫn chép niên hiệu Hàm Nghi. Từ mồng 1 tháng 10 trở về sau, đổi làm năm Đồng Khánh, Ất Dậu), ngày Nhâm Thân, quần thần phụng ý Chỉ 2 cung, mới đưa hoàng nhị tử là Kiên Giang quận công vào cung nối ngôi Hoàng đế. (Từ ngày hôm ấy đến ngày 10, phàm gặp các việc đều theo lệnh Chỉ phụng hành).

Vua chuẩn cho : Thượng thư bộ Hộ, sung đại thần viện Cơ mật là Phan Đình Bình đổi sang bộ Lại, kiêm quản công việc Khâm thiên giám ; Tuần phủ Thanh Hoá là Nguyễn Thuật, đổi bổ Tham tri lĩnh Thượng thư bộ Hộ kiêm quản Thị vệ ; Thượng thư bộ Công hồi hưu là Đoàn Văn Hội, được khởi phục làm Thượng thư bộ Hình, kiêm sung Phó tổng tài Quốc sử quán.

Sai làm 2 ấn : "Ngự tiền chi bảo" và "Văn lý mật sát" ; cùng là ấn, phòng, kiềm, bài ở các nha có bỏ mất, đều cho làm ra để dùng.

(Ấn "Ngự tiền chi bảo", trước đúc bằng vàng, hình tròn, nay vua cho là ấn ấy đã bị Tôn Thất Thuyết mang đi, nếu lại theo mẫu cũ, e có sự ngại khác. Chuẩn cho làm theo hình bát giác, cho có dấu riêng, Viện thần lại cho là ấn ấy phải dùng, là việc khẩn, nếu chiểu theo như cũ, làm bằng vàng, không những làm khuôn tốn, mà hiện nay thợ làm tán lạc, thế khó kịp việc, nghĩ xin tạm đem ngà voi chế khắc, đợi khi ít việc, sẽ đem vàng chiểu theo mẫu mới để chế làm. Vua y cho).

Viện Cơ mật tâu xin : Bắc Kỳ hiện nay công việc bề bộn và khẩn thiết, Nguyễn Hữu Độ nay được sung chức Cơ mật, từ nay phàm gặp việc quan trọng phải về Kinh bàn cho thực rõ, tâu lên để xét, thì xin cho Nguyễn Trọng Hợp, lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên, tạm làm công việc kinh lược ; đợi khi Nguyễn Hữu Độ lại về Bắc Kỳ, thì đều theo như trước. Vua y cho.

Vua đem quan đại thần mở hòm vàng, kính xem kim sách về dòng dõi nhà vua do Tiên đế làm ra, lấy chữ thứ 6 (trên là chữ nhật (日), giữa chữ mỗ (厶), dưới chữ chấp (廾), làm tên huý, lấy tên cũ của nhà vua và tên đã đặt cho khi trước, làm tên tự.

Khi vua còn làm hoàng tử, vẫn dùng tên cũ : (Tả chữ đậu (豆), hữu chữ chi (支) chưa được Dụ rõ ràng ban cho tên khác, đến bây giờ được Tiên đế phê bảo : Trước được thánh Chỉ, chuẩn cho sung hoàng tử là Dục Đức, cho tên là Ưng Chân, trẫm được cho tên là Ưng Đường. Sau lại phụng sắc : Trẫm còn thơ ấu, đợi khi trưởng thành sẽ xét sau, các lễ như thế, Các thần phải xét rõ rồi phúc tâu để tuân hành, mới hợp thể thống trong nước.

Sau Các thần phúc tâu : Tuân lệnh kiểm duyệt chưa thấy (đạo sắc của Tiên đế), hoặc giả trong sắc Tiên đế có phê, chưa có giao ra, nên Các thần và đình thần đều không được biết. Nhưng việc này liên quan đến tên huý nhà vua là long trọng, kính vâng các lễ phê bảo, thì đã được Chỉ dụ của Tiên đế rõ ràng, xin lục giao, do bộ Lễ tuân làm.

Vua lại phê : Ngày nọ, theo lời thuật lại : Tên trẫm là Ưng Chân, Hồng Hưu, mới biết là nghe trăm câu nói phỏng không bằng mắt được trông thấy, Nội các phải xét kỹ phúc tâu, chớ để cho đời sau bàn tán.

Các thần lại 2 - 3 lần kiểm xét không được, lại tuân phúc tâu như trước. Vua lại giao cho 2 đại thần duyệt lại, phúc tâu (vào tháng 11 năm ấy). Hai đại thần tâu nói : Phụng chiểu quận vương thuỵ nguyên xưa, trước nhận tên ban cho, hiện có Dụ bảo rõ ràng. Còn như Giản tông Nghị hoàng đế, cũng chưa nhận được minh Dụ, các quan trong triều đều không được biết. Đến sau khi đăng quang, tuân phụng phê điền (tên huý), do bộ Lễ tuân hành ; nay chữ tôn huý ngự danh, đã phụng phê bảo, xin tức thì giao cho quan bộ Lễ chiểu theo như thế tuân làm. Vua mới chuẩn cho lấy chữ tên ấy cùng chữ tên trước, đều làm tên tự).

Ngày Ất Hợi, theo lễ tấn quang, kính cáo đàn Nam Giao, các miếu, điện, đàn Xã Tắc, vua chia sai hoàng thân và đại thần văn võ phụng sung làm lễ. (Đàn Nam Giao thì sai 1 đại thần ban văn ; Thái miếu, Thế miếu và điện Hoà Khiêm thì sai hoàng thân, mỗi nơi 1 người ; đàn Xã Tắc, sai 1 đại thần ban võ).

Vũ Hiển điện Đại học sĩ sung đại thần viện Cơ mật là Nguyễn Hưu Độ tâu nói : Quốc triều lập phép, hình phạt có đủ điều lệ, kỹ càng đến nhường nào. Dực tông Anh hoàng đế ta nối ngôi 36 năm, chính sách trung hậu, hữu ái một lòng, trên từ vương, công, dưới đến thần liêu sĩ thứ, không ai là không ca ngợi nhớ ân đức. Từ sau khi Tiên đế lên châu trời, quyền thần giữ chính nước, khinh thường bỏ cả điển hình. Về việc hình phạt, bỗng làm theo ý riêng, có người tôn thân mà phát đi tù đày, có người vô tội mà phải giáng cách, hình phạt không đúng phép, người không xếp đặt

được, cho nên khi trái ngược quái gở sinh ra, binh qua, tai hạn, chưa khỏi không do ở đó. Đương lúc nước mới hoàn phục này, tưởng nên gia ơn khắp cả, để cho thiên hạ thần dân thoả mong. Trừ các tội danh phạm phải từ ngày 16 tháng 6 năm Tự Đức thứ 36 trở về trước đều theo án trước xử lý, còn từ ngày 17 trở về sau, không cứ là can khoản gì, phạm tội gì (trừ án trộm cướp không phải kê khai), ở Kinh thì do bộ Hình, ở tỉnh ngoài thì do quan địa phương đều làm danh sách tâu lên đợi Chỉ cho khoan xá và truy trả lại chức hàm, khiến cho khỏi bị can lạm. Vua y cho.

Vua chuẩn cho Hồng lô tự Thiếu khanh, Hiệp lý Thuỷ sư là Cao Hữu Sung được khai phục Thị lang bộ Binh, sung chức Khâm sai ; Biện lý bộ Hình là Nguyễn Lữ sung chức Tham biện, đều đi đến Quảng Trị hiểu thị và dẹp loạn. Tháng trước, thân hào tỉnh ấy thông đồng với quân lính quân Vũ lâm thuộc tỉnh ấy đem nhau vào tỉnh thành bức lấy ấn quan phòng và khí giới. Được tỉnh thần là bọn Trương Quang Đản ra sức hiểu thị. Bỗng nghe tin quân của Đại Pháp tiến đến, đều đem ấn quan phòng và khí giới lục tục thú nộp, nhân đó đi tản mát trong hạt, đốt phá dân bên giáo. Quan tỉnh hiện cùng người Pháp đi tuần dẹp yên, đem việc ấy tâu lên.

Vua cho là hiện tình tỉnh ấy, dân đã chia tan như thế, nếu chuyên giao cho quan tỉnh, khó mong được chóng yên, cho nên mới có mệnh lệnh ấy. Nhưng cho cần bắt tên đầu mục tra xét, còn tất cả những tên bị hiếp theo, thì tuyên bố rộng tha, cho sớm được yên.

Chuẩn cho : Thự Bố chính Hà Nội là Lê Đĩnh thăng thụ Thị lang quyền lĩnh Tổng đốc Hà Nội, Ninh Bình ; Thị giảng sung Bang biện Hà Nội là Hoàng Cao Khải thăng thụ Quang lộc tự Thiếu khanh, lĩnh Bố chính, quyền sung Tuần phủ Hưng Yên ; Án sát Hưng Hoá là Bùi Quang Thích, thăng thụ Bố chính, lĩnh Tuần phủ Hưng Hoá ; Thị độc quyền làm việc tỉnh Ninh Bình là Vũ Ích Khiêm, thăng thụ Hông lô Tự khanh lĩnh Bố chính, quyền Tuần phủ Ninh Bình ; đều là theo lời xin của Kinh lược sứ Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Độ.

Đặt thuộc viên và biền binh nha Kinh lược xứ Bắc Kỳ : (Chánh phó tham biện, chủ sự, tư vụ và bát phẩm thư lại mỗi chức 1 người ; cửu phẩm thư lại 2 người ; vị nhập lưu thư lại 6 người ; quản cơ 1 người ; suất đội 6 người ; lính 100 người).

Quần thần phụng dâng kim sách nói rằng : Ngôi báu rất trọng, lịch số thuộc về, cho nên bàn đến người có công lớn của xã tắc, tất phải là người cứu được nạn lớn của cả nước ; mà người có đức tốt đứng đầu cả trong nước, mới có thể ở địa vị chí tôn của cả nước. Kính nghĩ : Hoàng đệ nhị tử Kiên Giang quận công điện hạ, thần trao cho thông minh, trời phú tính nhân hiếu, trên nhờ ân giáo dục, công tốt ấy chính gây lên từ tuổi đồng mông, ở vào lúc ưu tư, mà trí lực không quên đến tôn xã. Hiện thời, Kinh thành có loạn, ngôi lớn để không, trong thì 2 cung, quạt nồng ấp lạnh,

hiểm không người ; ngoài thì 9 miếu, tế chưng lễ thường ai là chủ, lòng người mong vua như mong lúa tốt, chẳng biết theo đâu ; ý trời thấy đức, kiêm tuổi trưởng thành, hầu như vẫn đợi, nên nơi xa về chiều, nơi gần vui sướng, dân theo về triều cận, âu ca ; gặp nguy mà yên, gặp nạn mà toàn, phúc may, từ thần nhân thiên địa.

Thần đẳng kính cẩn phụng sách dâng tôn hiệu Hoàng đế, cúi xin trên theo ý Chỉ, dưới thuận dân tình, khôi phục nghiệp huy hoàng, tiến lên ngôi quý báu ; kiến văn một mới, tình kết liên hai nước[1] giao hoan, non nước như xưa, giữ yên mãi muôn năm cơ nghiệp.

Ngày Đinh Sửu, vua lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hoà, lấy năm sau là Bính Tuất Đồng Khánh nguyên niên.

Vua ban Chiếu cho thiên hạ :

Chiếu rằng : Trẫm nghĩ, ngôi chí tôn, không thể bỏ không lâu được ; chủ miếu xã, không thể giao phó cho ai. Cho nên, khi trời trao cho nhà Tấn, Tấn Văn Công trở về nước được thành công[2], lòng người đều tôn nhà Chu, đô Đông Lạc điển triều hậu lại như trước[3], chỉ xã tắc lấy làm trọng, biết vận mệnh đã thuộc về.

Nhà nước ta cõi Nam dựng nền tảng, đóng đô ở Xuân kinh, vua, chúa dõi truyền, 300 năm chẵn ; ơn nhân sâu rộng, không phải một ngày, đế nghiệp huy hoàng, dư đồ trải muôn năm rạng vẻ ; thần kinh kính cẩn, ấn tín họp năm cõi vui vầy. Hiện nay, quyền gian gây vạ, tôn xã gần nghiêng, việc Đỉnh Hồ[4] nước mắt chưa khô, vết ngựa đã[5] bụi mù bỗng nổi ; nay 3 tháng, xe xuất đế không về ; khắp trong nước, lòng nhân dân khôn định, 2 cung sớm tối, ai kẻ phụng hầu ; 9 miếu vắng tanh, ai người cúng tế ; trẫm nói đến đấy, lòng đau biết bao !

Trẫm là con thứ 2 của Dực tông Anh hoàng đế, gặp thời vận nhiều nỗi gian nguy ; thương thần dân không ai làm chủ, trên vâng theo ý Chỉ, dưới nghe lời đình thần, nghĩa lớn tỏ thêm, để kết lân hiếu ; vị hiệu được chính, để hợp lòng dân, từng đã thỉnh mệnh giao, miếu ; lễ cáo điện Hoà Khiêm[6] và tâu lên Thái hoàng thái hậu cùng là Hoàng thái hậu, chọn ngày tốt, dùng giờ Tỵ ngày 11 tháng này, lên ngôi

---

(1) Hai nước là nói nước ta và nước Pháp.

(2) Tấn Văn Công tức là Trùng Nhĩ, thời Xuân Thu khi bị nạn chạy đến nước Vệ ; sau gặp Tần Mục Công, cho làm Tấn hầu, rồi phá Sở, cứu Tống, nối Tề Hoàn Công, làm minh chủ chư hầu. Sau con cháu nối nghiệp bá hơn 100 năm. (Xem *Từ hải).*

(3) Chu Công xưa dựng Tân đại ấp ở Đông Quốc Lạc, rồi lập kinh đô nhà Chu ở đấy, dân bốn phương vui vẻ về triều hội đông đủ. (Xem *Bội văn vận phủ).*

(4) Đời Hoàng đế đúc vạc ở núi Kinh, khi đúc xong vạc, thì cưỡi rồng bay đi. Người bấy giờ đặt tên xứ ấy, gọi là Đỉnh Hồ. Sau dùng điển Đỉnh Hồ là nói vua băng hà. Đây là nói Tự Đức mới chết. (Xem *Từ hải*).

(5) Đời Trần Nhân Tông đánh quân Nguyên 2 lần có câu : "Xã Tắc lưỡng hồi lao thạch mã". (Xem *Nam sử*).

(6) Điện Hoà Khiêm : nhà quàn quan tài Tự Đức khi mới chết.

Hoàng đế ở điện Thái Hoà, lấy sang năm là năm Bính Tuất làm Đồng Khánh nguyên niên. Uy nghi lại trông thấy, càng vững lòng nhớ nhà Hán khi xưa ; chuông, giá không dời nhau, đúng hợp điệu vịnh nhà Đường khi trước. Ngôi lớn đã định, nên rộng ban ân, các điều ban ân, sẽ do đình thần nghị định tâu lên, đợi chuẩn cho sao lục tuân theo.

Than ôi ! Trông theo đổi mới, tuy người mưu, mà thực ý trời ; vận hội đãng bình, theo vương đạo cho nhà được thịnh, xa gần bá cáo, đều được trông nghe.

Sau đình thần nghị 12 điều ban ơn dâng lên :

- Từ ngày 17 tháng 6, năm Tự Đức thứ 36 trở về sau, đến mờ sáng ngày 11 tháng 8 năm Hàm Nghi nguyên niên trở về trước, không cứ bị can khoản gì, phạm tội gì (trừ tội làm giặc ăn cướp, không phải kê khai) ở Kinh thì do bộ Hình ; ở ngoài các tỉnh do quan địa phương, đều khai danh sách tâu lên, đợi chuẩn cho khoan xá và cho truy phục chức hàm.

- Thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công và ở Kinh, tứ, ngũ phẩm ấn quan trở lên ; ở tỉnh ngoài từ tòng tam phẩm trở lên, cùng là án sát các tỉnh, quản đạo các đạo, mà dưới chỗ ghi tên, hiện không ghi phải giáng chức, thì đều thưởng đồng quân công, gia nhất cấp. Còn thì văn từ chánh thất phẩm trở lên ở các chính nha Bộ, Viện, Tự ; ở ngoài từ lục phẩm trở lên và thổ tri châu, tri huyện, võ từ hiệu bổ suất đội trở lên, đều được thưởng tầm thường gia nhất cấp.

- Ở Kinh và ngoài các tỉnh, văn từ tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm trở lên, mà cha mẹ đã được phong tặng, thì chiểu hàm hiện được gia phong tặng, chưa được phong tặng thì đều được chiểu hàm phong tặng.

- Ở Kinh và ngoài các tỉnh, quan viên văn, võ lớn nhỏ, đã bị giáng lưu hay cách lưu, trừ người can phải tư tội, cùng là người bị tội không cho xét đến cùng ra, người bị giáng 5 cấp, đổi làm giáng 2 cấp ; người bị giáng 4 cấp đổi làm giáng 1 cấp ; người bị giáng 3 cấp trở xuống thì cho khai phục cả ; người bị cách lưu thì đổi làm giáng 4 cấp lưu ; công, tội đều rộng tha cho cả.

- Từ cuối tháng 12 năm Kiến Phúc nguyên niên trở về trước, các thuế lệ tiền, thóc và sản vật ở các địa phương hiện thực thiếu ở dân và tiền, thóc Nhà nước bán ra, cho vay, chưa trả xong, chỉ thiếu 3 phần trở xuống thì đều cho được miễn cả ; từ 3 phần trở lên thì khoan miễn cho 2 phần. Còn các khoản do lại viên ở tỉnh và tổng lý biên thu giảm, thiếu, bớt xén, thì không dự vào lệ ấy.

- Quan viên văn, võ trước đã bị lỗi, cách bãi : Từ ngũ phẩm trở lên và văn lục phẩm, thất phẩm, trong đó có người do tiến sĩ, cử nhân xuất thân, trừ người có thực trạng tham tang và người 70 tuổi trở lên, không phải nghị xử ra, còn thì đều do 2 bộ Lại, Binh phân biệt khai danh sách, tâu lên đợi chuẩn cho lục dụng.

- Nhân viên bị tội, đã phải phát giao đi làm việc và sung làm lính, thì chuẩn cho thượng ty ấy và các quản viên ấy, đem đủ tình tội án cũ bọn ấy phạm phải và thực trạng từ trước đến nay có cố gắng làm việc hay không, phải khai danh sách, rồi do 2 bộ Lại, Binh tâu lên, đợi giáng Chỉ thi ân.

- Phàm các án bồi tang, trừ những việc có tình trạng bớt xén rõ rệt ra ; còn thì ở Kinh do bộ Hình, ở tỉnh ngoài, do thượng ty đều đem nguyên án đã phạm và số tang phải bồi, khai danh sách tâu lên, lượng cho khoan giảm.

- Lệ kê khai sổ thu thẩm ở ty Tam pháp để trình đình thần xét lại kỳ năm nay, nay cho miễn đình thẩm một lần, duy trong đó người nào tình có đáng tha, thì chuẩn cho đình thần trích ra tâu lên, đợi Chỉ khoan giảm.

- Các người Man, Lạp, trước chia đi an trí làm dân, làm nô ở các tỉnh từ Hữu kỳ trở vào Nam, trừ người nào hễ đã thành sản nghiệp tình nguyện lưu ở đấy ra, còn thì đều tha cho về quê cũ yên nghiệp.

- Từ mờ sáng ngày 11 tháng 8 năm Hàm Nghi nguyên niên trở về trước, phàm những người thân thuộc bị tội lây, khi nào người chính phạm đã bị xử trị và đã chết rồi thì thân thuộc kẻ ấy, không cứ đã bắt được và đã ra thú hay chưa, đều tha cho tội lây ấy.

- Thần kỳ ở các trong nước, vị nào đã được phong tặng, thì lượng cho phong tặng ; vị nào chưa được phong, mà đích là chính thần, vẫn linh ứng đã lâu, có công đức với dân rõ rệt, thì các quan địa phương xét thực làm danh sách đệ do bộ Lễ làm phiếu góp ý kiến có nên phong tặng, đợi chuẩn cho phong tặng.

Vua chuẩn y các điều, nghĩ định cho sao lục thi hành.

Viết quốc thư gửi sang nước Đại Pháp để tạ lòng tốt.

Thư rằng : Nối ngôi hoàng đế nước Đại Nam, quốc tính, tên vua, kính gửi thư : Kính thăm đại hoàng đế điện hạ nước Đại Pháp bình yên, tốt đẹp nhiều phúc lành.

Nay ơn nhờ oai linh quý quốc, bảo hộ tôn xã nước tôi, được còn nước ở sau khi táng vang, rất là ơn to, kính tạ, kính tạ. Vả lại nước tôi cùng với quý quốc cùng giao hảo đã lâu. Thế tổ Cao hoàng đế tôi, trước khi trung hưng, quý quốc giúp đỡ thực nhiều. Đến Dực tông Anh hoàng đế, giữ tín thành, sửa hoà hảo hơn 20 năm, không có hiềm khích chút nào, việc ấy vạn quốc thiên hạ cùng đều nghe biết cả. Không may, trời không thương đến, Hoàng khảo tôi bỗng bỏ bờ cõi khu vực, quyền thần là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết giả mạo lộng quyền của nước, tự ý làm bậy. Ngày 23 tháng 5 năm nay, Kinh thành thất thủ, xe Tiên đế dời đi, 2 người ấy thực là căn nguyên tai vạ, may nhờ lượng rộng quý quốc, không nỡ làm tuyệt dòng dõi, cướp lấy đất đai, nhân dân ; khiến cho quả nhân này được vào, nối ngôi lớn, làm chủ xã tắc. Lại nhờ được các quý vị, quý Đô thống đại thần là Cô-ra-xi, Phó đô thống

đại thần là Ba-duy-đam, Khâm sứ đại thần là Sam-bô, Thượng thư bộ Lại đại thần là Sinh-bích, hợp sức giúp đỡ được chu toàn, các việc đều ổn thoả cả, non sông, cây cỏ nước Đại Nam lại có ngày nay, đều là ơn của quý quốc. Có lòng nhân, làm việc nghĩa, vạn quốc đều khen, đâu phải chỉ một nước tôi cảm ơn.

Vả lại, nước tôi hẻo lánh ở một nơi xa, từ trước đến nay, về việc hoà hảo, chỉ có thần với dân, thường thường nghi ngại, trăn trở, thực là sợ quý quốc không bao dung cho.

Nay quý quốc vừa mới lấy nước xong, liền trả cho ngay, bảo hộ cho, mới biết quý quốc vốn không có lòng tranh lấy nước Đại Nam và muốn nước Đại Nam ngày càng tiến lên giàu mạnh, cùng ngang hàng với các nước, thì công tâm là nhường nào ? Chỉ vì quả nhân tài kém, đức bạc, rất sợ không gánh vác nổi, nên sớm tối lo sợ, không biết làm thế nào, chỉ mong quý quốc giúp đỡ, cho được cùng hưởng phúc hoà bình, đó là hy vọng lắm.

Cái ân giúp theo ấy, không biết lấy gì báo đáp, nước tôi xin nhận quý quốc là thượng quốc và xin tuyên bố quý Đô thống đại thần Cô-ra-xi làm Bảo hộ quận vương ; Khâm sứ đại thần Sam-bô làm Bảo hộ công, sẽ tặng mỗi viên 1 cuốn lụa màu hạng tốt và một thẻ bài vàng, cái mà nước Nam vẫn quý, chỉ là để đáp lại công đặc biệt, đợi khi nước tôi yên ổn cả, tôi sẽ sai sứ thần sửa lễ vật để tỏ tình giao hảo lâu dài, nay kính thư.

Quan nước Pháp giao trả 20.000 lạng bạc (2.000 thoi, mỗi thoi 10 lạng) và 20.000 quan tiền đồng. Cung tiến trong Nội cung 10.000 lạng bạc, 10.000 quan tiền ; 2 cung 10.000 lạng bạc, 10.000 quan tiền.

(Lúc bấy giờ, ta mới bắt đầu về thành, cho nên quan Pháp trích trả số ấy và cung tiến để phòng chi dùng ở Nội cung, còn như kho tàng vẫn quan quân Pháp canh giữ, mỗi tháng chiểu số tiền, gạo, lương bổng phải chi trích giao cho thương trường nhận trữ chiểu phát).

Chuẩn cho : Vũ Hiển điện Đại học sĩ sung đại thần viện Cơ mật là Nguyễn Hữu Độ làm Cố mệnh lương thần, gia hàm Thái tử Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ Bảo quốc huân thần, nhưng kiêm sung đại thần viện Cơ mật, sung Kinh lược sứ Bắc Kỳ và tấn phong tước Vĩnh Lại bá ; Thượng thư bộ Lại sung đại thần viện Cơ mật là Phan Đình Bình làm Cố mệnh lương thần, thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ, thự Văn Minh điện Đại học sĩ, Tá quốc huân thần lĩnh Thượng thư bộ Lại nhưng sung đại thần viện Cơ mật, quản lý Khâm thiên giám sự vụ sung Tổng tài Quốc sử quán, kiêm quản văn thần phò mã, tấn phong tước Phù Nghĩa tử, (vợ đều được phong Chánh nhất phẩm phu nhân).

Dụ rằng : Đức tốt thì quan cao, công tốt thì thưởng hậu là phép đời xưa, Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, bản tính trung trinh, để tâm đến việc nhà vua, phụng thờ Hoàng khảo ta, lòng vua kén chọn. Gần đây Kinh thành bị mất, trong ngoài nghe thấy kinh sợ ; thế mà 2 đại thần lại biết hợp sức, cùng lòng, cùng với đô thống, khâm sứ các đại thần nước Đại Pháp, cùng nhau tính liệu, khiến cho xã tắc gần nguy mà lại yên ; nhân dân đã tán mà lại tụ, thì công lao, tài năng và lòng trung thành ấy, anh linh chín miếu ở trên thực soi thấu đến.

Trẫm mới lên ngôi, thấy nghe đều mới, nghĩ đáp công lao đặc biệt, ban ân có tiếc gì. Đấy là đặc cách tạm thời, do từ chân thành của trẫm ; 2 đại thần đều nên làm hết trách nhiệm, giúp trẫm những điều chưa nghĩ kịp, giữ lòng tin hoà, cho ổn tình lân hảo ; chỉnh đốn cẩn thận, để bền vững đất đai, cùng nước cùng hưởng phúc, như non sông lâu dài mãi mãi, đó là trẫm mong lắm.

Phủ Tôn nhân và đình thần dâng sớ tâu bày tội trạng của Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, xin tước hết quan tước và tịch thu gia sản ; Tham tri Trương Văn Đễ đã quá cố và Chưởng vệ Trần Xuân Soạn, đều là bè đảng làm loạn, cũng tước cả quan chức. Trong bọn ấy, thì Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn, xin do quan địa phương xét bắt bằng được và chém ngay, để tỏ rõ hiến pháp trong nước. Vua nghe theo.

Bãi nha Sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh (quan lại nha ấy thì đổi bổ chỗ khác, còn tiền lương, văn thư, khí giới do tỉnh đệ nạp).

Ngày Tân Tỵ, vua mới lên ngôi, kính đến các miếu làm lễ bái yết.

Chuẩn cho hằng năm lấy ngày 12 tháng giêng, làm tiết Vạn thọ.

Chuẩn cho tô thuế công điền phủ Thừa Thiên, lại tuân theo chuẩn định của Tiên đế (Tự Đức năm thứ 4) giảm mãi cho 3 thành, còn 7 thành phải chiểu lệ thu nộp, để tỏ ý tốt là ban ân từ nơi gần trước (vì năm ngoái thấy của dùng thiếu chi, nên bộ bàn xin chuẩn cho thu cả).

Chuẩn cho đội hộ vệ ở bộ Hộ, đều vẫn theo danh hiệu như cũ. Năm trước, Chính phủ nghĩ 2 chữ ấy cùng với chữ tên huý của vua đồng âm (tả chữ thị 示, hữu chữ cổ 古 nên đổi chữ hộ 户 làm chữ hội 会 , chữ hộ 護 làm chữ cân 斤). Đến nay bộ Hộ tâu xin : Chữ hộ khi làm giấy tờ, cho được cứ dùng, vì lần trước câu nệ quá, nên đổi tránh ra thế thì chữ và nghĩa chưa ổn, xin nên theo như cũ.

Vua bảo sự ngu của Tường, Thuyết kể làm gì ! Hộ vệ cũng thế, đổi rất vô lý, cho nên cũng chuẩn cho cả.

Cho Thị lang bộ Lễ là Ngô Trọng Tố, đổi lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh (vì Bố chính Lê Đại đổi bổ chỗ khuyết khác).

Ban Dụ chuẩn cho tấn phong kiêm nhiếp Hữu tôn nhân phủ Tôn nhân, Công Lạc quốc là Miên Lâm làm Hoài Đức công, đổi sung chức Hữu tôn chính ; An Xuyên quận công là Miên Bàng làm Xuyên quốc công, kiêm Hữu tôn nhân ; Trấn Ninh quận công là Miên Tả làm Trấn quốc công, kiêm nhiếp Tôn nhân Tả tôn chính ; Thọ Xuân vương là Miên Định, tuổi và đức đều tôn trọng, trước, sau vẹn một tiết, duy phẩm tước đã cao, không được gia phong, nên cho 200 lạng bạc, để sung chi việc dưỡng lão, vì lễ tấn quang xong, suy ân cho họ hàng.

Ban Dụ chuẩn cho Tham tri lĩnh Thượng thư bộ Lễ, kiêm quản viện Đô sát là Đặng Đức Địch ; Tham tri lĩnh Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Thuật ; thự Thượng thư bộ Công Chu Đình Kế ; thự Hữu tham tri bộ Hộ Hoàng Hữu Thường ; thự Hữu tham tri bộ Lễ Lương Thành đều được thực thụ. Quyền lý Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Trọng Hợp được thực thụ, lại thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh chức cũ ; quyền lý Tổng đốc Ninh - Thái là Nguyễn Tú được thực thụ. Thống chế sung quản lĩnh Thị vệ xứ là Nguyễn Đình Phổ, thăng thụ Hữu quân Đô thống phủ Đô thống ; Chưởng vệ là Nguyễn Hữu Thận thăng thụ Thống chế ; đều lại vẫn cai quản Thị vệ ; Chưởng vệ lĩnh Nhất đẳng là Nguyễn Lượng thăng thụ Thống chế, vẫn lĩnh chức cũ.

Định kỳ thi khoa thi Hương, thi Hội năm ấy. Khi bấy giờ, bộ Lễ tâu xin chuẩn cho năm nay gặp chính khoa thi Hương, chợt nhân có loạn, đình chỉ. Nay nên theo thứ tự cử hành (trừ tỉnh Bình Định đã thi ra ; còn thì trường Hà Nội, Nam Định hợp thí vào tháng 11 năm nay ; trường Thừa Thiên, vào tháng 2 sang năm ; trường Nghệ An, tháng 4 ; Thanh Hoá hợp thí ở đấy ; tháng 7 thì cử hành thi Hội).

Và khoa này Điện thí vẫn chưa truyền lô, xin nên đình lại. Duy kỳ thi Hội, đã yết bảng tất cả 14 người (từ Trần Đạo Tiềm đến Đặng Quỹ), vẫn theo như trước, đem làm hạng chánh, phó trúng cách, đợi sang năm chuẩn cho vào thi Điện, sẽ hãy chia ra chánh bảng, phó bảng.

(Sau các tỉnh đều có việc, nhiều lần vua chuẩn cho hoãn lui lại : Trường Hà Nội, Nam Định đến tháng 10 năm sau mới cử hành, nhưng chuẩn định ngạch thi : Sĩ nhân ở Ninh Bình, nguyên phụ thí ở trường Thanh Hoá, thì nay phụ thí trường Thừa Thiên, lại đến tháng 4 năm Đinh Hợi mới cử hành. Thanh - Nghệ - Tĩnh thì năm ấy vẫn chưa yên ổn, mới đình lại đến chính khoa năm Mậu Tý. Việc thi Hương ở các trường chưa được đều cả, nên thi Hội cũng đình đến khoa sau).

Vua ban y phục cho hoàng thân và ấn quan văn, võ cùng là thuộc viên ngũ phẩm trở lên, đều có thứ bậc, vì cho là sau khi loạn, y phục bá quan, phần nhiều là cũ và bạc, khi triều hội trông có vẻ khiếm nhã :

Hoàng thân từ quận công ; văn, võ từ ấn quan trở lên thì áo tay rộng, bằng thứ the mỏng hàng Trung Quốc màu lam, mỗi người 1 cái và 1 cái quần bằng nhiễu hoa màu đỏ thẫm ; 4 viên thân đài và 2 viên đại thần Cơ mật lại được thêm mỗi người 1 cái áo màu xanh, thuộc viên : Văn tứ ngũ phẩm, võ tam tứ phẩm thì mỗi người 1 cái áo tay rộng bằng thứ the hoa tốt hàng nam và 1 cái quần bằng lụa dày).

Ngày Bính Tuất, kính gặp ngày lễ đạm ở điện Hoà Khiêm, vua sai Xuyên quốc công là Miên Bàng đi làm lễ thay (Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình tâu nói : Hiện nay các thuyền chưa đủ, số biền binh thiếu nhiều, nay bệ hạ ngự giá làm lễ, mà đương lúc này, sự trông nghe mới mẻ, các việc chưa được chỉnh tề, sợ ngại tai mắt nhân dân, cho nên vua mới chuẩn cho người đi làm lễ thay).

Tấn phong trong Nội đình Trần Đăng thị là Quan phi (bậc thứ 2 trở xuống) ; Phan Văn thị làm Giai phi, Hồ Văn thị làm Chính tần (bậc thứ 3 trở xuống) : Lê Văn thị làm Nghi tần, còn thì 1 người tiệp chữ[1], 1 mĩ nhân, 2 tài nhân và 1 tài nhân chưa vào bậc nào, tất cả 9 người.

Thọ Xuân vương Miên Định xin nghỉ chức Nhiếp lý quốc chính. Vua y cho.

Chuẩn cho lấy nhà Chính Mông làm nơi viện Cơ mật đóng để làm việc. Khi bấy giờ việc bàn bạc nhiều, viện ở trong Cấm thành, quan Pháp đi lại không tiện, cho nên viện thần xin dời viện đến nhà ấy, nhưng vẫn tránh một sở tiền đường, để tỏ kính trọng.

Chuẩn cho đình huy hiệu Hoàng thái phi, còn bổng lộc chiếu vị thứ Học phi chi cấp ; tiết Diên xuân và tên huý đều đình cả. Đình thần cho việc tấn tôn ấy là tự quyền thần, không phải là di mệnh của tiên triều.

Ngày Quý Tỵ, vua bắt đầu ngự điện Cần Chính để nghe triều chính, rồi chuẩn cho thị triều cứ 5 ngày 1 lần.

(Ngày mồng 1, 11, 21, phụng ngự ở điện Cần Chính ; ngày 5, 15, 25, phụng ngự tại điện Văn Minh, bắt đầu từ tháng 9).

Dụ rằng : Nay trẫm là tiểu tử, đức bạc, tài hèn, chính thể chưa hiểu rõ lắm ; phần nhiều nhờ có các quan trong ngoài đồng tâm giúp bảo, mới được không phải thân dự đến các việc, ngồi yên mà nhờ được thành công. Nhưng nghĩ : Trẫm mới nối ngôi, trông nghe đều mới, nghi chương triều hội, không thể để khuyết, liền sai ngay Khâm thiên giám chọn lấy giờ Thìn ngày 27 tháng này cùng tốt và bộ Lễ tham định triều nghi đã thoả hợp, đến ngày ấy trẫm ngự điện Cần Chính, để cho hoàng thân, vương, công, ấn quan văn võ và văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở lên, chuẩn cho đều được đến sân rồng lạy mừng. Khi lễ xong, phải theo từng ban tâu

(1) *Tiệp chữ* : là một chức trong Nội cung.

việc theo như nghi lễ, từ nay về sau chiểu lệ tuân hành, cho trẫm không trễ nải, đó là điều trẫm mong.

Viện Cơ mật tâu nói : Tỉnh Quảng Trị ngày nọ bị bọn thân hào chiếm giữ. Sau quan Đại Pháp đến đấy thu phục và được chuẩn cho Thị lang Cao Hữu Sung sung làm Khâm sai đến hiểu thị, đánh dẹp, hiện nay cũng đã hơi ổn. Nhưng xét Trương Quang Đản đã bị chúng bức được, nay nếu vẫn để như cũ, sợ rằng hô ứng không hiệu nghiệm, xin triệt về đợi Chỉ. Còn Cao Hữu Sung thụ lý Tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình, cần phải gia tâm hiểu thị ngăn dẹp, khiến cho đều yên ổn cả. Vua y theo.

Quan Đại Pháp giao trả 2 điện Hiếu Tư, Long An và Quốc sử quán, (3 sở ấy, trước đều bị quan, quân Pháp tạm đóng).

Tăng tiền lương cho trạm ở Kinh (lệ cũ tiền lương có 1 quan tiền, 1 phương gạo, đến nay cấp thêm 1 quan tiền nữa) ; cho là trạm ấy chuyển đệ, công việc so với trạm các hạt có bận hơn.

Chuẩn cho thự Tiền quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự, lĩnh Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Thế, được thực thụ Chưởng phủ sự, đổi sung làm Thống quản Thị vệ đại thần ; Hữu tham tri bộ Lễ là Tôn Thất Lương đổi bổ Tuần phủ, thụ lý Tổng đốc Thanh Hoá.

Tuần phủ Bình Thuận, Khánh Hoà là Lê Liêm, vì thân hào hạt ấy kiện y tham nhũng (Án sát Đặng Văn Duy đề tâu giúp). Vua chuẩn cho triệt về đợi xét. Cho thự Thị lang sung Điển Nông sứ Khánh Hoà là Vũ Doãn Tuân đổi lĩnh chức ấy.

Thân hào Quảng Nam kết đảng làm hội nghĩa (Sơn phòng sứ là Trần Văn Dữ làm chủ việc ấy), tụ họp dân chúng bức giữ tỉnh thành, bọn Tuần phủ là Nguyễn Ngoạn, Bố chính Bùi Tiến Tiên, Án sát Hà Thúc Quán đều chạy trốn, nước Đại Pháp tiến quân đến đánh đuổi, bọn nghĩa hội mới tản đi các phủ, huyện, cùng với dân bên giáo cùng nhau đốt nhà giết người. Lúc bấy giờ, hạt Bình Định, Phú Yên đã gần yên, Khâm sai là Chu Đình Kế và Hồ Lệ đã về đến giữa đường, vua lại chuẩn cho các viên ấy lập tức đi đến Quảng Nam, tuỳ nghi hiểu thị và ngăn dẹp cho được cùng yên. Rồi cho Lệ là người thổ trước ở đấy, nên chuẩn cho treo hàm vốn có, quyền lĩnh Tuần phủ tỉnh ấy. Lại cho Hồng lô Tự khanh Tá lý bộ Công là Vũ Xuân Cơ làm Bố chính ; Viên ngoại lĩnh Lang trung bộ Binh là Lê Văn Đạo làm Án sát. (Ấn kiềm đều tạm làm bằng gỗ).

Vua cho Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình mỗi người 500 lạng bạc. Hai quan ấy dâng sớ từ chối. Vua phê bảo rằng : Được tiền của thì dễ, nhưng được người bề tôi xã tắc thì rất khó, nay may mà được, thì đừng lo không đủ, chớ trái lòng tốt kính

yêu đại thần của trẫm. Hai đại thần lại nói : Hiện nay trăm việc bề bộn, kho tàng trống rỗng, xin tạm gửi vào phủ Nội vụ để phòng chi cấp bất thần, đợi khi công việc đã rồi, chi dùng được thư, sẽ xin chiểu số kính lĩnh, vua mới y cho.

Lê Ninh ở Hà Tĩnh (người La Sơn, là con Bố chính Lê Kiện) họp quân bức giữ tỉnh thành, Bố chính là Lê Đại bị hại. Bấy giờ, thân hào hạt ấy nhận được tờ chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, nhiều nơi tụ họp dân chúng để đợi ứng mệnh. Tỉnh thần lúc đầu cũng nghe theo, về sau việc làm trái hẳn với nhau (mật sức các nhà đạo ngầm dồn giáo dân lại, ở tỉnh nếu có triệu đi thì tới ngay để phòng sai phái ; lại uỷ cho quan án cùng phái viên ở Kinh đi đến thượng du đón chặn xe Xuất đế) nên bị mọi người ghét. Ninh bèn tự đem quân bản đạo, thẳng bức tỉnh thành ; quân đóng ở trong thành, thấy quân ngoài đến, mở cửa dẫn vào, Ninh vào thẳng trong thành bắt Đại giam chặt, thu lấy tiền lương, súng ống, khí giới, rồi đem Đại thắt cổ giết chết.

Án sát Trịnh Văn Bưu tháng trước đến thượng du đón xe Xuất đế không được ; đến nay trở về cũng bị quân đạo khác bắt được, rồi nhân bệnh chết. Tỉnh thành đã không giữ được ; phủ, huyện đều bỏ thành trốn tránh, toàn hạt đâu cũng khởi binh, ứng tiếp cùng nhau. Dân bên giáo sợ chúng ức bách, nên chỗ này chỗ khác nổi lên trước cùng binh dân như là thù hằn ; tai ách binh lửa, so với các hạt là hơn cả.

Chuẩn cho quan viên văn võ gặp có thăng bổ, chiểu cấp các sắc theo như lệ cũ :

(Năm Tự Đức thứ 18, có nghị chuẩn cho ấn quan văn tứ, ngũ phẩm, võ tam phẩm trở lên, cấp cho cáo trục ; còn thuộc viên trở xuống và thái giám các bậc đều đổi cấp cho sắc văn, dùng bằng giấy lệnh hội. Năm Kiến Phúc nguyên niên đổi nghị ; văn thăng đến ấn quan tứ, ngũ phẩm, võ thăng đến tiêu tam phẩm, thì chiểu cấp 1 đạo cáo trục ; còn thuộc viên văn tứ, ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở xuống, cùng những viên đã được làm ấn quan đã được cấp 1 lần cáo trục ấy thì gặp có thăng bổ, đều chiểu phẩm cấp cho 1 đạo lục chỉ, đợi sau, như có được hưu trí, hưu dưỡng, cùng là không may bổ khuyết, thì mới chiểu phẩm hàm hiện tại cấp cho 1 đạo cáo (ấn quan), sắc (thuộc viên) để làm gia bảo. Đến nay, cho là việc làm gần đây rất là khinh rẻ, hẹp hòi, chuẩn cho theo như lệ trước để cho danh khí được trọng).

Đổi đội Hoà thanh làm đội Nhạc chính, thự Thanh bình làm thự Vũ can.

Chuẩn cho các hạng binh đinh tuyển mộ ở Kinh, trừ đội Hộ vệ, chiểu theo lương Tôn nhân ; đội Anh danh theo hàm của cha ; cùng là thuộc binh các phủ đệ, đội Nhạc chính, thự Vũ can, nông phu, tể phu, chi cấp lương theo lệ cũ ra, còn các binh và thợ, thì chi cấp mỗi tháng 3 quan tiền, 1 phương gạo, các vệ đội : Dực hùng, Kiên hoà, Kiên vũ, Kiên thành, Tư pháo, Phủ binh, Ngư nghiệp, thì 2 quan tiền, 1 phương gạo.

Tháng 9, sinh ra hoàng tử Bửu Đảo (ngày mồng 1 Bính Thân).

Thân hào tỉnh Phú Yên chiếm giữ tỉnh thành, Bố chính là Phạm Như Xương bị bức giam ; bọn Án sát Hoàng Cân, Lãnh binh Nguyễn Văn Hanh đều đi tránh. Phó đô thống nước Pháp định phái tàu binh đi lấy lại, bèn phái viên Bố chính, Án sát mới cùng đi để kiểm nhận thành trì và làm việc. Vua chuẩn cho Tá lý bộ Hộ là Lương Xuân Huyến lĩnh Bố chính, Thị độc ở Nội các là Cao Đệ lĩnh Án sát ở tỉnh ấy (Đệ rồi được đổi chuẩn cho vào Nội các, chỉ Xuân Huyến đi Bình Định).

Chuẩn cho Thọ Xuân vương đình quyền việc phủ Tôn nhân. Trước đây, vương đi đến sứ quán Pháp nói là túng thiếu, ngày hôm sau, quan Pháp đem 1.000 đồng bạc nước Pháp giao viện Cơ mật tặng vương. Tá lý bộ Hình là Tôn Thất Bá đem việc ấy tâu hặc. Vua chuẩn cho giao Viện xét nghĩ. Đến nay, bàn xin chuẩn cho vương tuổi cao, già cả và không nhớ đến lời răn "về tham", để người cười và mất quốc thể, phạt bổng 3 năm, sự phạm ấy, tuy là việc riêng, sau cũng khó tiêu biểu được, cho đình cả chức coi công việc ở phủ. Còn tả, hữu tôn nhân, tôn khanh là người cùng làm việc không biết hặc tâu, cũng đều phải xử phân có thứ bậc.

Tôn Thất Thuyết cho là Hàm Nghi đế đến nha Sơn phòng ở Hà Tĩnh, Thuyết đến tháng 6, từ Sơn phòng Quảng Trị tìm đường đi ven các phận Mán miền thượng du để đến Hà Tĩnh, đường sá quanh co, núi khe hiểm trở, ngày đi được 10 dặm, quân sĩ bị khí độc và đói, chết ở đường không ngớt, kịp đến đền Quỳ Hợp, (thuộc huyện Hương Khê ở Hà Tĩnh) quân sĩ chỉ con hơn 100 người, Sơn phòng sứ là Nguyễn Chính (đã có Chỉ bổ làm Tả tham tri bộ Binh, chưa đi được) đem quân đến đón, thân hào cũng có người đến tiếp, mới rước Hàm Nghi đế về phòng nha, lấy phòng nha ấy tạm làm trụ sở của vua, sức bắt dân, dõng làm thêm nhà tạm trú ở xung quanh, làm kế đóng lâu.

Cho Hồng lô Tự khanh, Hiệp lý Thuỷ sư là Đồng Sĩ Vịnh quyền lĩnh Tuần phủ Ninh Bình (Tuần phủ trước là Vũ Ích Khiêm bị can dân kiện, đã do viên Thượng thư người Pháp tư giao nha Kinh lược sứ xét nghĩ).

Khâm sứ Pháp là Sam-bô về nước (công việc Khâm sứ do Phó đô thống là Ba-duy-đam quyền làm việc), vua chuẩn cho trích lấy đồ vật ở kho Nội phủ để tặng ; lại tặng thêm 1 hình độc giác thiên trung hoàng [1], là của tiên hoàng ban cho vua khi vua còn ẩn.

Phủ Thừa Thiên ít mưa, vua sai phủ thần đến miếu Hội đồng bày đàn cầu đảo, liền được mưa, thưởng cho Phủ thừa là Đoàn Như Bích 1 đồng kim tiền nhị nghi.

---

(1) *Độc giác thiên trung hoàng nhất hình* : hiện tra các sách không có chữ *thiên trung hoàng*. Tra *Từ hải* chỉ thấy *thiên trung thiên* là vị Phật chí tôn, nên chưa rõ là hình gì.

Vua đến thăm sức khoẻ cung Gia Thọ, nhân tiến một bài thơ mừng (trong bài thơ bày tỏ ý thánh đức sánh với bà Khương Tự, muốn thánh thể ngày càng mạnh khoẻ), được Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ khen vui lắm, Dụ bảo các quan rằng : Ta nghe người ta cầu hiểu biết nhiều, là để làm nên việc. Anh hoàng đế trị vì 36 năm, lo siêng mọi việc, ngày không nhàn rỗi, mà từng thích đọc sách, tay không rời quyển. Nay hoàng đế nối nghiệp lớn, biết chăm chính sự, thích học hành, kính tuổi già, yêu người tài, có nề nếp tốt của Anh hoàng đế để lại, ta cũng ban khen. Hoàng đế, khi trước ở Đông cung, tuổi còn nhỏ tư bẩm vốn yếu, chưa thể chăm xem các sách, còn phải bồi dưỡng tâm tính. Từ khi lên ngôi đến nay, ta thường mật khấn các vua giữ giúp dạy bảo, khiến cho đức nghiệp tấn tới, làm vị vua có tiếng một đời, để giữ được cơ đồ lớn lao ấy lâu dài, nay lại biết siêng năng như thế, há chẳng phải là tinh linh của các vua ở trên trời bảo ngầm ở trong lòng ư ! Xem ra, sự học của đế vương cốt để làm việc cho cả nước : Sửa mình, tiếp người, dùng hiền tài, làm chính trị, rất nhiều đạo lý, đều là học ở trong kinh sách mà ra, vốn không phải chỉ bo bo ở chỗ văn chương. Duy đã biết thích học, thì ngày càng tấn tới lên, nối đức sáng rực rỡ là từ đấy gây nên. Xưa Phu Tử nói rằng : "Ta từng suốt ngày không ăn, suốt đêm không ngủ, chỉ nghĩ thì cô ích, không gì bằng học", bậc thánh còn thế, huống chi người khác ư ?

Hoàng đế biết cẩn thận về sau, theo như trước, giữ đúng mực trung bình, ấy là phúc của Nhà nước. Các quan muốn xem đức hoá, nên phải có lòng giúp nên, há những thân già này mừng và mong đâu ? Tờ Dụ này Hoàng đế nên tuyên bố cho phủ Tôn nhân và các quan trong, ngoài đều biết khắp cả.

Mở nhà Kinh diên. Vua khi mới lên ngôi lập tức phê bảo : Đức không thể bỏ một ngày không sửa, học không thể bỏ một ngày không giảng. Nay lễ lên ngôi đã thành, Khâm thiên giám phải chọn ngày, mở nhà Kinh diên, sau giám thần tâu : Ngày 13 tháng này là ngày cùng tốt, vua bèn chuẩn cho tất cả công việc đều tuân chiểu lệ năm Tự Đức (các năm thứ nhất và thứ 2) châm chước nghĩ làm, cho Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Nguyễn Thuật, Đoàn Văn Hội sung làm giảng quan. Hoàng Hữu Thường, Vũ Nhự, Nguyễn Kham, Phạm Hữu Dụng, Hoàng Hữu Xứng, Tôn Thất Niêm đều sung nhật giảng quan. Phạm Hữu Thanh, Lê Trinh sung chức triển thư. Còn 6 viên khởi cư trú, cũng chuẩn cho nhưng viên ngũ, lục phẩm ở bộ, viện sung chức ấy.

Đến ngày ấy, vua ngự điện Văn Minh, sai cac quan tiến giảng ; rồi chuẩn định nhật kỳ tiến giảng, (các ngày : mồng 2, mồng 8, 12, 16, 22, 28).

Chuẩn cho các địa phương có loạn, bỏ mất ấn kiểm và quan phòng, phải khắc lại, thì đều ở thành trên khắc chìm 2 chữ Đồng Khánh, để có dấu riêng mà ngăn ngừa việc giả dối.

Viện Cơ mật tâu nói : Ngày nọ, phụng chuẩn cho Thị lang bộ Lễ là Ngô Trọng Tố lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh, Tá lý Trần Khánh Tiến sung Thương tá. Nay hiện tình tỉnh ấy hơi khác, viên quan mới ấy đến đấy, không có ấn tin, sợ khó xếp đặt. Còn Thương tá Trần Khánh Tiến xin đổi làm quyền lĩnh Bố chính tỉnh ấy, xin do đốc công chế cấp cho ấn kiểm và tuần phủ quan phòng bằng gỗ, phát giao cho để dùng làm việc. Vua y theo. Tuần phủ và Bố chính ở Hà Tĩnh đều bắt đầu đặt từ đấy.

Giảm bớt viên dịch lệ thuộc cục Ấn thư ở Quốc tử giám (nguyên trước đặt chức kiểm hiệu 1 người ; bát, cửu phẩm mỗi chức 1 người ; thư lại 4 người) cho là cục ấy nhiều người cũng là phiếm nhũng, cho nên dồn về Sử quán cả cho tiện một thể.

Lại đặt nha Hải phòng ở Quảng Nam (đặt chánh, phó sứ mỗi chức 1 người, bát hoặc cửu phẩm 1 người, vị nhập lưu 2 người, suất đội 1 người, lính 40 người) vì việc giao thiệp nhiều, quan Pháp bàn đặt ra.

Giảm bớt 3 nha : Thông chính, Đại lý tự, Doanh thiện sở. (Thông chính sáp nhập bộ Binh, Đại lý sáp nhập bộ Hình, Doanh thiện sáp nhập bộ Công).

Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình tâu nói : Hai tôn điện Hiếu Tư và Long An, từ trước đến nay, quan Pháp đóng trú ở đấy, hoặc đặt chỗ ngồi ở gian giữa, hoặc đem kỷ thờ bày ra hàng để ngồi, nếu đem sửa sang ngay để bày bàn thờ, sợ chưa được tinh khiết, xin do bộ Lễ xét sửa lại, phái quân canh giữ, đợi bàn sau. Từ nay có gặp ngày kỵ, ngày đản, các án thờ chính và thờ phụ tạm làm lễ ở điện Phụng Tiên, ngõ hầu được hợp thời nghi mà tỏ sự kính trọng. Vua chuẩn cho theo nghĩ làm việc.

Thổ tù Thanh Hoá là Hà Văn Mao, từ tháng 5 năm ấy, dẫn giặc người Thanh lẻn về huyện Cẩm Thuỷ hiếp dỗ thổ dân, nhân khi sơ hở cướp bóc, quấy nhiễu, quan tỉnh ấy bàn uỷ Lãnh binh là Đặng Văn Dũng hợp cùng các viên sơn phòng đem binh, dõng đến chặn đánh ; quân của Dũng đóng mãi không công hiệu, đến bây giờ gặp giặc lại rút lui trước ; binh, dõng đều tan, giặc mới thừa thế quấy nhiễu, quan đem việc ấy tâu lên. Vua chuẩn cho Đặng Văn Dũng giáng 3 cấp, phải dời khỏi chức triệt về, cho người khác lĩnh phái thay, nhưng hạ lệnh tỉnh ấy phải gia tâm đốc sức ngăn đánh, cho địa phương ấy được yên.

Vua cho là các đại thần nước Đại Pháp đều có lòng thực giúp đỡ, bữa trước đã tuyên bố Đô thống toàn quyền đại thần là Cô-ra-xi làm Bảo hộ quận vương, Khâm sứ đại thần là Sam-bô làm Bảo hộ công. Đến nay lại tuyên bố Phó đô thống đại thần Ba-duy-đam làm Bảo quốc công, quan bảy khoanh Tham tán đại thần Hoa-nê làm Dực quốc công, Thượng thư bộ Lại Sinh-bích làm Vệ quốc công, còn cáo trục đẹp thì đều ban cấp cho thứ đoạn màu đỏ mà thêu.

Tờ chế phong Quận vương rằng : Đình việc binh đao, sửa tình lân hảo, là quyền làm theo điều nghĩa của đại thần ; xếp vào hàng tước, đến báo công lao, là tình ưu

đãi thượng tân của vương giả. Nay gặp được ngày tốt, biểu dương lời khen. Đô thống đại thần nước Pháp là Cô-ra-xi, lượng cả bao dung, trí khôn đầy đủ ; tài năng rất bậc, chí đeo cung trải khắp bốn phương ; khí vũ tuyệt vời, oai phá sóng xông pha muôn dặm. Gần đây, quyền gian gây hấn, kinh lạc bụi mù, may có đại quốc không đòi hỏi chiến tranh ; khiến cho tệ quốc, lại áo xiêm đô hội, thành trì trả đủ, cây cỏ lại tươi ; Nam, Bắc yên vui, quan hà như cũ ; đó đều là lòng tốt của thượng quốc, mới có ngày nay, thực là nhờ sức đại thần, khoan dung cho trước, nên gia ơn hậu ; để tỏ tấm lòng, nay tấn tôn là Bảo hộ quận vương của nước Đại Nam, để biểu hiện đức tốt, để đáp lại công to. Than ôi ! Vinh danh rực rỡ, dám kể đâu là báo tặng quỳnh, giao ; lời chế vẻ vang, mong cố kết lấy tình vui đào lý, cho được yên lòng khách, để tỏ mãi điềm hay.

Tờ chế phong Bảo Hộ công rằng : Thời đại lấy thiên hạ làm công, bài tin thực, kết hoà hảo, ấy là đại đồng ; phận sự kẻ nhân thần đi sứ, bình loạn lạc, khéo giao lân, càng làm việc tốt, kể công rất lớn ; báo ơn nên nhiều, khâm sứ đại thần, đóng tại Kinh của nước Đại Pháp là Sam-bô, ôn hoà như rượu thần[1] ; tốt đẹp như ngọc báu ; muốn cơ sâu và kiến thức trội, vốn là tài tốt kỷ tử[2] ở châu Âu ; đất nước khác mà tâm chí cùng, thực có nhã vị chi lan[3] cùng nước Việt. Vừa rồi, quyền thần gây hấn, biến ngọc bạch[4] mà tìm chiến tranh ; may nhờ đại quốc được yên, còn non sông mà phụng xã tắc, đông, tây hoà thuận không khác thời xưa ; núi Ngự, sông Hương ngày nay lại có ; không lợi về đất cát, vốn nước Đại Pháp có công tâm ; có khuyết thì sửa sang, cũng nhờ sứ thần hết sức lực, là bậc khách quý, dám đâu đem tước buộc ràng ; nghĩ đến công to, gọi chút vinh danh đáp lại. Nay tấn tôn là Bảo hộ công của nước Đại Nam, để tỏ ban ơn đặc biệt. Than ôi ! Giữ được bờ cõi, là vì sứ thần thân yêu[5] ; báo bằng quỳnh cư, để đáp mộc qua[6] trao tặng, thực là quốc bảo, để ngài vui lòng.

Tờ chế phong Bảo quốc công rằng : Sứ mang cờ tiết, không mưu nhòm ngó nước người ; xưa kết giao lân, có ý thường trọng hiền triết, đương được chức ấy, phải có người tài. Phó đô thống quản lý binh chính sự vụ đại thần của Đại Pháp là Ba-duy-đam, kỷ tử tài lành, san hồ giá trọng, trí mưu sâu rộng, hiệu quả không

---

(1) *Rượu thần* : rượu ngọt.

(2) *Kỷ tử* : người tài giỏi (ở Quốc ngữ, ở Sở ngữ nói : Quan khanh nước Tấn không bằng Sở có đại phu tài giỏi như kỷ tử). *(Từ hải)*.

(3) *Chi, lan* : ví người tài đức tốt, thơm tho như cây chi lan. *(Từ hải)*.

(4) *Ngọc bạch* : một thứ lễ của nước chư hầu đem triều sính : tức là ví như các chư hầu. *(Từ hải)*.

(5) *Hành lý* : Tức sứ thần, hành nhân, còn nghĩa nữa là các đồ vật mang đi đường. *(Từ hải)*.

(6) *Mộc qua* : loài cây, cao 6 - 7 thước ta, cành dài 1 thước, có 120 đốt, có hoa đẹp, quả ăn được, có thể dùng làm vị thuốc. *Kinh Thi, Vận phong* (tra *Bội văn vận phủ)* có câu : "Đầu ngã dĩ mộc qua, báo chi dĩ quỳnh cư" là khen Tề Hoàn công, cứu nước Vệ, rồi người Vệ nhớ ơn, mong hậu tạ.

bỗng chốc đã thành ; gắng sức kinh doanh, chí hướng ngoài bốn phương rắp định. Gần đây, quyền thần làm bậy, gây hấn chiến tranh ; thế mà quý quốc bền lòng giữ tình giao hiếu, không tranh giành bỏ thù oán, chỉ nói đến tình ; mưu chính mới, trừ tệ xưa, lấy công làm thích, khiến cho chuông treo ở giá, nay vẫn như xưa, ví như khuyết mẻ âu vàng, lại tròn như cũ, ơn mộc qua trọng hậu ; tặng vinh, hiệu vẻ vang, nay tấn tôn làm Bảo quốc công, đáng kể đến công, gọi là chút báo, mong rằng : Đôi bên đều không ngờ vực ; ơn huệ ngày càng tốt thêm, tình hai nước kết liên, trước sau không khác ; nhận một chữ vinh bao rực rỡ, phúc khánh cùng chung, ôi vị khách quý kia ; giữ cho dân ta đấy ! Kính theo lời chế này.

Tờ chế phong Dực quốc công rằng : Phép để giao lân, ngọc bạch là dịp thêm tỏ ; nhà vua ban phúc, cổn ba là chữ vẻ vang ; lòng định ban cho, để cùng tốt đẹp, thật khuyên quan Tham tán đại thần nước Pháp là Hoa-nê, là bậc học giả ở Âu thổ, tài giỏi ở Thái tây ; độ lượng cao xa, phương Tây chung đúc khí tốt ; tính tình thuần nhã, y như vẻ ngọc nõn nà, lòng không phân biệt đến cõi bờ ; bụng nghĩ dựa nhau như răng lợi, quan Nam Dương của Cao Tử, nước Lỗ[1] ngợi khen ; thành Sở Khâu của Hoàn công, nước Vệ báo đức[2], chép ở sử sách ; sẵn có thành quy. Nay tấn tôn làm Dực quốc công, để ghi công to, mà tỏ ơn hậu. Mong rằng : Chớ quên lòng tốt ấy ; nghĩ đến nước bạn này, yên nạn, mà càng thân, lời thề hương hoả còn mãi ; ban ơn, giữ tình hiếu, thơ vịnh quỳnh cứ nối thêm, theo lời chế này.

Tờ chế phong Vệ quốc công rằng : Buổi đời đại đạo làm công, xa xôi cũng hoá gần gặn ; coi công trạng sứ thần dẹp nạn, công hầu để tặng khách hiền, một chữ vinh phong mấy hàng chiếu chỉ. Lại bộ kiêm Thượng thư Thông quốc chính sự vụ nước Đại Pháp là Sinh-bích, khí tốt chung đúc ở hải quốc ; giá tốt giữ chức ở Thuyên tào[3], xa mấy cũng đi, cung tên thoả chí ; hiểm mà thông được, thuyền lái đại tài, có vượt đường biển từ châu Âu La Ba sang nước Nam ở châu Á Tế Á, cân nhắc nhân vật, bóng trăng soi sông Nhị, sông Đằng ; màn trướng tính mưu, thổi sạch bụi núi Nùng, núi Tản, hoà hảo bền mãi ; oán tranh đều không. Về đại quốc không mong báo ơn ; nhưng tệ quốc há im không tặng. Xưa kia, cứu Tề là Trịnh Hốt mà thứ bậc ở hàng trên ; giúp Triệu là Tín Lăng mà được gia thêm lễ thọ, huống chi công lao của khanh vĩ đại ; thực lòng trẫm rất khen vui. Nay tấn tôn là Vệ quốc công, để tỏ ban ơn đặc biệt. Than ôi ! Kìa tốt ấy ngươi, tước quý vốn không ràng được, ta có khách quý, môi răng có thể nhờ nhau, mong rằng, đừng chán ở đây, tiếng tăm còn mãi. Kính theo lời chế này.

---

(1) Cao Tử đem quân ở Nam Dương đến nước Lỗ, lập Hy công làm vua Lỗ và đắp thành ở Lỗ, nên người Lỗ ca tụng.

(2) Tê Hoàn công đắp thành Sở Khâu nước Vệ, để giữ yên cho Vệ, nên người nước Vệ nghĩ báo đức tốt của Hoàn công. *(Bội văn vận phủ)*.

(3) *Thuyên tào* : bộ Lại.

Lại tặng 5 đại thần, mỗi người 1 chiếc kim bài. Tặng thêm cho Bảo Hộ quận vương 1 tấm ngọc quý có chữ : "An dân tị phù" và 1 đồng kim tiền hạng lớn có chữ : "Vạn thế vĩnh lại" ; Vệ quốc công 1 hình con thần hổ bằng vàng và 1 cái kim bài có chữ : "Tài dũng tướng".

Lại vâng ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ tặng cho quý phu nhân của 2 đại thần Bảo Hộ quận vương và Vệ quốc công, mỗi người 1 chiếc kim khánh có chữ "trinh thuận" và 1 cái phiến truỵ bằng ngọc, đều có tua buông xuống.

Chuẩn cho Án sát Bình Định mới thăng là Lê Tiến Thông đổi thăng Hồng lô Tự khanh quyền lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên. Bấy giờ, Khâm sứ Pháp bàn rằng thự đốc Bình Định là Lê Thận, trước đã bị bọn giặc bức giam ; gần đây ở lại lỵ sở cũ, quý quan hiện đóng ở tỉnh ấy, cũng không bằng lòng. Lê Tiến Thông từng làm Tuần phủ Hải Dương, giao thiệp rất quen, nên cho viên ấy quyền lĩnh Tổng đốc tỉnh ấy, còn Lê Thận thì nên rút về, để khỏi ngại khác. Cho nên vua chuẩn cho theo lời bàn ấy. Bộ Hộ tâu nói : Ban lịch là việc lớn, phụng mệnh tuân hành từ lâu, nay xét lệ cũ, thứ tự chia cấp, số quyển rất là nhiều lắm, xin nên châm chước giảm bớt số ấy, cho được vừa phải ; rồi chước nghĩ số quyển dâng trình :

Thân vương 5 quyển (trước 22 quyển).

Thân công, quốc công, quận công 4 quyển (lệ trước thân công 15 quyển, quốc công 14, quận công 13).

Huyện công, huyện hầu, kỳ ngoại hầu, đình hầu 1 quyển (lệ trước : Huyện công 4 quyển, huyện hầu đến đình hầu 2 quyển).

Trợ quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc uý, trợ quốc lang 1 quyển (lệ trước đều 2).

Công chúa 2 quyển (lệ trước 12).

Các bậc trong nội cung đến cung nga 100 quyển (lệ trước 150).

Các bậc phụng trực : Bậc nhất 5 quyển (lệ trước 13) ; bậc nhì 4 quyển (lệ trước 12) ; bậc ba, bậc bốn 3 quyển (lệ trước bậc ba 11, bậc bốn 10) ; bậc năm, bậc sáu 2 quyển (lệ trước bậc năm 9, bậc sáu 8) ; bậc bảy, bậc tám, bậc chín 1 quyển (lệ trước bậc bảy 7, bậc tám 6, bậc chín 5) ; các sở phụng trực, tài nhân vị nhập giai, đến nữ quan, lão tì thì theo lệ trước đều 1 quyển.

Công tử đến tôn nam mỗi phòng 1 quyển (lệ trước mỗi người 1).

Các ngành tôn thất, mỗi ngành 1 quyển (lệ trước mỗi người đều 1 quyển).

Văn giai : Chánh nhất phẩm 5 quyển (lệ trước 13).

Tòng nhất phẩm 4 quyển (lệ trước 11).

Chánh, tòng nhị phẩm 3 quyển (lệ trước chánh nhị 9, tòng nhị 7).

Chánh, tòng tam, tứ, ngũ phẩm ấn quan 2 quyển (lệ trước chánh, tòng tam 5, chánh, tòng, tứ, ngũ 4).

Thuộc viên từ chánh tứ đến tòng cửu 1 quyển (lệ trước : Tứ phẩm 3, ngũ, lục, thất phẩm 2, bát, cửu phẩm 1).

Dực thiện, cử nhân hậu bổ, điển ty, quan tự, lại mục theo lệ trước 1 quyển).

Võ giai : Chánh, tòng nhất phẩm 3 quyển (lệ trước chánh nhất 13, tòng nhất 12).

Chánh, tòng nhị và chánh, tòng tam phẩm ấn quan 2 quyển (lệ trước : chánh nhị 9, tòng nhị 7, chánh tòng tam 5).

Thuộc tiêu từ chánh tam đến thất phẩm (sung suất đội) và thái giám, cung giám 1 quyển (lệ trước : tam, tứ phẩm 3, ngũ, lục, thất phẩm và thái giám 2, cung giám 1).

Tổng, xã, thôn, phường, ấp, đàn từ, dịch trạm, theo lệ trước 1 quyển.

Hai quốc vương nước Thuỷ Xá, Hoả Xá theo lệ trước 102 quyển (trong đó : dùng giấy nguyên giáp, bìa đỏ 2 quyển).

Phụ phát Nam Kỳ theo lệ cũ 130 quyển.

Ở Kinh và tỉnh ngoài : Vị nhập lưu thư lại, các dinh vệ, cơ, đội, ty, thự, tôn ấm sinh, bách hộ, hậu phái, giám thủ, văn võ cử nhân tại quán, anh danh, tập ấm, bách công, phủ thuộc, cùng các phủ thiếp, con trai, con gái, trưởng các công chúa, cho đến các sở miếu, tự, quan tân, đều cho thôi không cấp lịch nữa (lệ trước đều là 1 quyển). Vua chuẩn y cho chiểu thế mà cấp.

Viện Cơ mật xin cho Toản tu Sử quán là Vũ Tử Văn sung làm Thương tá Quảng Trị (người ở địa phương ấy). Vua chuẩn y lời xin, nhưng bảo rằng : Trẫm nghe vạn dân đều nói rằng : Con của vua ta, khanh có nghe thấy không ? Đời xưa có nói không có lỗi, không bằng biết đổi lỗi. Vả lại nhân tình, thế cố, trẫm cũng được hiểu biết một vài, khanh phải kính cẩn hiểu dụ, dẹp yên hạt ấy, cho chóng xong việc, đó là sức lực của khanh, vì hiện thời có người nói : Việc quấy nhiễu Quảng Trị, là tự Tử Văn xướng xuất.

Ngày Quý Hợi, kính gặp ngày kỵ ở điện Long An, vua chuẩn cho bày đặt các đồ thờ cúng ở điện Phụng Tiên ; ngày hôm ấy vua kính đến làm lễ.

Bè lũ bọn giặc Sậy (tục gọi là Bãi Sậy, ở giáp giới Hưng Yên, Bắc Ninh, các đồ đệ giặc phần nhiều tụ họp ở đấy) hợp với các tên phạm trốn ở hạt Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hoà, Thường Tín thuộc Hà Nội, quấy nhiễu ở các hạt ấy. Tổng đốc tỉnh Hà Nội, Ninh Bình là Lê Đĩnh phái Lãnh binh là Vũ Hữu Tín coi đem binh dõng đi dẹp thất cơ phải rút lui. Giặc nhân đó mới đốt phá phủ thành Thường Tín. Viên Tổng đốc ấy tức thì rút Hữu Tín về, lại bàn uỷ quan Tuần phủ là Cao Xuân Dục, đến đấy chặn đánh. Đến nơi, thì người hạt phủ ấy là Nguyễn Chúc (Chánh bát phẩm

Bang tá phủ Trường Khánh cáo bệnh về hôm trước, viên phủ Thường Tín đã sức đến phủ bàn giúp), mới cùng Tòng cửu phẩm bách hộ Phùng Văn Thuận, đem thủ hạ đến, cùng giao chiến, thu lại được phủ thành. Giặc lại chia 2 đường thuỷ, lục đóng đồn để ứng tiếp cùng nhau. Bấy giờ có bọn giặc Sậy tiếp tục sang sông ngay, đi đánh chiếm bừa thành của 3 huyện Thanh Trì, Phú Xuyên, Thanh Oai, các huyện viên đều đi trốn cả, Xuân Dục lập tức thân hành đốc suất các toán quân lần lượt giao chiến ; bọn giặc thua trốn, chém bắt và thu lấy được nhiều khí giới, đã trích tiền thuế 600 quan, thưởng khắp cả cho biền binh đi đánh trận và đem việc ấy tâu lên. Bộ Binh nghị thưởng Xuân Dục kỷ lục quân công 2 bậc ; Nguyễn Chúc chánh thất phẩm, Phùng Văn Thuận chánh cửu phẩm bách hộ.

Vua phê bảo : Trẫm vâng làm mệnh trời, gặp lúc khó khăn này, không ngày nào là không nghĩ đến phương kế bảo vệ tôn xã. Nay quan tỉnh ngoài có lòng trung ái ấy, thì công ấy không thể không ghi chép. Vậy gia thưởng cho Xuân Dục 1 chiếc kim khánh có chữ "nhung công" có tua buông xuống, Chúc, Thuận, mỗi người 1 cái bài bằng vàng tía, để tỏ khuyến khích, sẽ thông báo cho Tả, Hữu 2 kỳ đều biết cả.

Thân hào tỉnh Phú Yên đã chiếm giữ tỉnh thành ; lại toan đến quấy rối Bình Định. Quân của Đại Pháp cho là đường biển sang đến mùa thu hơi ngạnh trở, chưa thể tiếp quân đến đánh được. Tri huyện huyện Tuy Hoà là Đinh Duy Tân một mình bảo toàn được huyện hạt, không bị chúng quấy nhiễu. Vua chuẩn cho thăng thụ Thị giảng, lĩnh Án sát tỉnh ấy, để tiện tuỳ cơ hiểu thị, ngăn dẹp. Lại chuẩn cho tân Phiên (Bố chính mới) là Lương Xuân Huyến đi đường trạm đến Bình Định, tạm trú gần đó, tự bàn với viên Án sát mới, phải gia tâm hiểu dụ ; đợi khi gần yên, sẽ đáp tàu thuỷ đi cung chức.

(Tháng sau, Duy Tân cũng bị thân hào bức bách, liền đi ẩn trú ở Khánh Hoà, nhân đó đáp thuyền về Quảng Nghĩa, Xuân Huyến lưu trú ở Bình Định, đến tháng 5 năm sau, vì có bệnh cũng về Kinh).

Viện Cơ mật tâu nói : Năm Tự Đức thứ 33, Tiên đế có làm ra *Thi văn* và *Việt sử tổng vịnh*, khắc in đã xong, cho ban cấp từ ấn quan trở lên mà dự có khoa mục, mỗi người 1 bộ. Từ trước đến nay, Nội các phụng giữ, hiện còn rất nhiều, mà ấn quan hiện còn có người chưa được lĩnh, xin ban cấp cho mỗi người 1 bộ *Thi văn* và *Tổng vịnh*, để phòng khi việc công nhàn rỗi kính đọc, ngõ hầu được có ích. Vua y cho.

Chuẩn cho Văn minh điện Đại học sĩ quản lý sự vụ bộ Binh, sung đại thần viện Cơ mật đã quá cố là Trần Tiễn Thành được truy phục nguyên hàm.

Chuẩn cho lấy ngày mồng 1 tháng 10 năm nay trở về sau làm năm Đồng Khánh, Ất Dậu. Bây giờ, phụng ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, hoàng đế lên ngôi đã hơn 2 tháng, vẫn chép niên hiệu Hàm Nghi, nên lòng người hãy còn

nghi hoặc, nghĩ nên chép là niên hiệu Đồng Khánh cho lòng dân được yên, chớ đợi đến sang năm làm gì. Đình thần theo lời Dụ bàn rằng : Để qua năm mới đổi năm đầu, chính là hợp lễ, duy việc có khi thường, khi biến, không thể câu nệ theo lệ được. Ngày tháng 5 năm nay, bọn nghịch thần gây loạn, xe xuất đế dời đi ; thần dân không biết hệ thuộc vào đâu. Ngày tháng 8, được Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ xuống Dụ, đón Hoàng thượng ta vào nối nghiệp lớn. Đã phụng Dụ chuẩn cho : Hàm Nghi đế, nếu có ngày về, thì tập phong tước công, để kế tiếp việc thờ cúng Kiên quốc công, thực là làm được trọn điều nhân nghĩa, mà phận vua tôi đã rõ ràng, không ví như việc cha truyền, con nối, anh chết, em thay. Khi ấy, các quan kính nghĩ tờ ân chiếu tấn quang, lấy năm sau là năm Bính Tuất làm Đồng Khánh nguyên niên, mà năm nay vẫn cứ chép niên hiệu Hàm Nghi, biết là chưa được chu đáo, nên trong ngoài nghe thấy, hãy còn nghi hoặc, xin nghĩ định lại, từ ngày mồng 1 tháng 10 năm nay trở về sau, chép là năm Đồng Khánh Ất Dậu, đợi sang năm là năm Bính Tuất, sẽ theo lời Dụ trước, chép là Đồng Khánh nguyên niên, để cho sự trông nghe đều được đổi mới, mà thống nhất lòng người.

Vua chuẩn cho đem ý Chỉ và tờ tâu của đình thần, thông sức cho cả trong ngoài biết.

Tước bỏ tên trong sổ Tôn nhân của Tôn Thất Thuyết. (Đổi theo họ của mẹ làm Lê Thuyết, con trai, con gái của y cũng thế).

Quốc sử quán tâu nói : Dực tông Anh hoàng đế ở ngôi 36 năm, trong khoảng đó chính thể ban hành, biên tập rất nhiều, trước đã tâu xin chuẩn cho bắt chước thể thức sách *Đông hoa*, chép lược qua dâng lên vua xem, việc ấy xong, kế tiếp làm thành sách *Thực lục* (vào tháng giêng năm ấy). Nay thần đẳng bàn với nhau, nghĩ nên chiểu theo phép chép kỷ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, châm chước nghĩ soạn cho được gọn gàng, mà chính thể cũng không thiếu mất sự rõ ràng, đó là *Thực lục chính biên Đệ tứ kỷ*, các khoản trước cho lược biên xin đem bỏ đi, rồi lại kính nghĩ, phàm lệ tất cả là 22 điều (xem ở kỷ trước), dâng trình. Vua chuẩn cho theo nghĩ làm việc.

Tấn tặng Kiên quốc công làm Kiên vương, cho tên thuỵ là Ôn Nghị, là vâng theo Dụ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ chuẩn cho. (Lệ trước, niên hiệu, can chi trong sách văn đều lấy ngày có Dụ chuẩn cho chép điền vào, ngày 24 tháng ấy, phụng Dụ chuẩn cho đến tháng giêng năm sau, kính làm kim sách, bộ Lễ cho là tấn tặng tôn vương là điển lớn tấn quang, nếu tuân lệ lấy ngày có Dụ chuẩn cho chép niên hiệu Hàm Nghi, sợ chưa rõ ràng thoả đáng, nên tâu xin chuẩn cho chép là ngày 13 tháng giêng năm Đồng Khánh nguyên niên để cho phân biệt mà ân điển rõ ràng.

Bài sách văn rằng : Được nghe thánh thần tỏ lòng luyến ái, nghĩa thân thân[1] là việc lớn hơn ; vương giả nối nghiệp trung hưng, lễ quý quý[2] là trọng trước hết ; có đức tất có báo, dẫu chết cũng như còn. Nghĩ đến Kiên quốc công là người em yêu quý của hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế ta, bản tính đoan trang ; vốn lòng hiếu hữu, tự biết rèn luyện, thực tinh hoa lá ngọc cành vàng ; không cần múa gươm, có khí khái cánh chim vó ngựa, hạnh nghĩa ấy, tam hoàng[3] rõ rệt ; bản chi này bách thế còn lưu. Nên nay phải ngọc bích được truyền ; cầm tỷ phù nối nghiệp, nghĩ đến rung rinh đai ấn, còn tưởng đến Đông Bình[4] ; hiềm vì văng vẳng sinh ca, không theo được Tử Tấn[5], dòng dõi vốn lòng nhân hậu ; cáo sắc phải được hiển dương.

Nay tuân theo đặc Chỉ của Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu, tấn tặng là Kiên vương, tên thuỵ là Ôn Nghị, để yên ủi linh hồn, mà tỏ rõ ơn nước. Than ôi ! Hàm sắc thêm phần rực rỡ, hầu nêu vang vẻ ở tuyền đài ; lá đồng[6] há phải việc riêng, che chở giúp ngầm cho căn bản, mong xin linh sảng có thấu ; xin phải kính theo.

---

(1) *Thân thân* : yêu mến người thân trong họ gần.

(2) *Quý quý* : kính trọng bậc tôn quý.

(3) *Tam hoàng* : hệ thống là chi thứ 3 (hoàng tức là sông Ngân Hoàng trên trời, ví như dòng dõi nhà vua.

(4) *Đông Bình vương* : là con thứ 8 của Hán Quang Vũ, khi được tiến phong tước vương, đeo cái đai rộng 10 vòng. *(Từ hải)*.

(5) *Vương Tử Tấn* : Sở Cung vương có 5 người con yêu cả, không biết chọn lập con nào làm Thái tử, mới đem ngọc bích chôn xuống đất, rồi bảo các con, người nào lễ trúng chỗ ngọc bích ấy, thì được lập lên. Sau Tử Tấn lễ trúng chỗ ngọc bích ấy, nên được lập lên. *(Tả truyện* và *Từ hải)*.

(6) *Lá đồng* : lá cây ngô đồng, *ở Sử ký Tấn thế gia* : Thành vương chơi đùa với Thúc Ngu, tước lá đồng làm ngọc khuê, rồi đưa cho Ngu bảo rằng : Ta phong cho mày, rồi sau phải phong cho Thúc Ngu thực, vì câu Sử dật nói : "Thiên tử không có nói đùa" *(Bội văn vận phủ)*.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN II*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Đồng Khánh năm Ất Dậu [1885], mùa đông, tháng 10. Vua chuẩn cho ngạch giản binh hạt phủ Thừa Thiên, không kể nhiều lần đã trốn, chết, nghĩ, thải và điêu háo, mà chưa thể sung điền, thì chỉ cứ nguyên giảm ngạch ấy, trước hết gia ơn chuẩn cho miễn một nửa ; hạn gấp phải điền thế. Rồi lại chuẩn cho các hạt từ Trực kỳ và Tả, Hữu kỳ cũng theo như thế.

Phó đô thống nước Pháp tư bàn : Phía nam núi Bình và ở cạnh chùa Linh Mụ đều có đất rộng bỏ không, xin lập trường bắn ở 2 xứ ấy để cho lính tập học tập. Vua y cho.

Chuẩn cho Thị lang bộ Binh Tôn Thất Phiên được khai phục Tả tham tri bộ ấy.

Tỉnh Quảng Trị phái quân cùng với quan quân của Đại Pháp tiến đánh sơn phận các hạt Cam Lộ, Do Linh, bọn Trương Đình Hội, Trần Quang Chuyên, Hoàng Hoản, Nguyễn Tự Như trốn chạy, đường trạm đi thông.

Vua chuẩn cho lương tháng của phu trạm, trong Nam, ngoài Bắc cũng chiểu theo làm việc gần Kinh mà gia cấp (tiền 2 quan, gạo 1 phương) ; lại cấp thêm tiền lương tháng cho thừa mục ở trạm (lệ cũ 1 quan, 5 tiền, nay cấp bội lên thành 3 quan, còn số gạo cũng cùng như phu trạm).

Cho từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, chọn và hạn chế tập binh, (ở Kinh 1.300 người, các tỉnh, mỗi tỉnh 650 người) là chiểu theo ước khoản mới định.

Chuẩn cho các người : Thân vương công, công chúa, công tử tôn và tôn thất đã bị tội lỗi, lượng cho khai phục tước hàm có thứ bậc.

Tuy Lý vương là Miên Trinh, được khai phục là Tuy Lý công, Quỳnh quốc công Miên Triệu được khai phục là Triệu Phong quận công, Hải Ninh quận công Miên Tranh, Kỳ Phong quận công Hồng Đãi, Tuy Lý quận công Hồng Tu, đều được khai phục tước cũ, cử nhân là công tôn Ưng Phương, được khai phục nguyên ngạch là Thị độc Học sĩ ; Tham tá Các vụ Hồng Sâm được khai phục chức cũ, dòng thứ 7 Tôn Thất Bá được phục hồi tôn tịch. Còn người nào hiện bổ quan chức, mà bị giáng cách sẽ do hai bộ Lại, Binh xét và thi hành. Đình thần lại tâu nói : Gia Hưng công đã quá cố là Hồng Hưu, tháng 9 năm ngoái cùng Đồng Xuân công chúa can khoản phải cách mất tước công, đổi theo họ của mẹ là Vũ Hưu ; công chúa đổi làm Hồ Thị Đốc, truất bỏ làm hạng người thường, bọn ấy ngày thường làm điều bất cẩn, nhưng nay gặp khánh điển, thì Hồng Hưu, xin cho truy phục tước Gia Hưng công ; Gia Đốc được khai phục là công chúa, bỏ đi 2 chữ "Đồng Xuân", nhưng xin chiểu lệ chi lương. Còn con trai, con gái Hồng Hưu, trước giáng làm Tôn thất, cũng xin khai phục là công tử, công nữ ; còn như tập tước thì giáng 1 bậc. Con của Gia Đốc cũng không được tập chức hiệu uý, để tỏ là có phân biệt.

Vua bảo Gia Đốc thực là đáng tội, tạm chuẩn cho chi nửa lương, đình chỉ việc triều hầu, nếu thói cũ không chừa, thì tội lại nặng hơn, còn thì y lời nghĩ định.

Tấn tặng Thuỵ quốc công làm Thuỵ Nguyên quận vương.

Sách văn rằng : Triều đình hậu đãi dòng dõi, sống thác đều được nhờ ơn ; người nhân xử với anh em, lễ, tình, phải cùng xứng đáng ; thân yêu muốn được tôn quý, ân huệ vốn không thiên tư.

Nghĩ đến Thuỵ quốc công Ưng Chân, con của Dực tông Anh hoàng đế ta, là anh của trẫm, bản chất quý như vàng ; thiên tư hơn cả ngọc, công thánh học dự nuôi từ tuổi trẻ ; đọc Kinh thì, răn bảo lúc qua sân, rực rỡ ngọc, lá đồng[1], yêu quý cùng hưởng ; liên lạc màn hoa ngạc[2], kính thuận dốc lòng, thế mà lệ Đỉnh Hồ[3] chưa khô ; bỗng đâu kim quỹ đã đổi, chim hồng đang bay cao mà cụp cánh ; chim linh hồng rộng phải kêu sầu, xưa Xương Ấp vương[4] trở về Để cung, vẫn giữ đạo cổ ;

---

(1) *Lá đồng* : xem chú thích ở trang 192.

(2) *Hoa Ngạc* : Đường Minh Hoàng, có 5 anh em rất yêu quý, đặt ra một cái lầu che màn cùng ở với các vương, gọi là lầu Hoa Ngạc.

(3) *Đỉnh Hồ* : xem chú thích ở trang 174.

(4) *Xương Ấp vương* : sau đời Hán Chiêu đế, Xương Ấp vương được lập làm vua. Sau bị bỏ, lại trở lại cung Tiêm để.

như Hán thiên tử đọc thơ Thái Thúc[1], lòng càng nhớ thương, muốn yên ủi linh hồn ; phải long trọng thường điển, vậy tấn tặng làm Thuỵ Nguyên quận vương, tên thuỵ là Trang Cung, ban cho sách mệnh.

Than ôi ! Thơ đường lệ[2] 3 lần nhắc lại, tình yêu còn nhớ lúc sinh tiền sách truy phong một chữ vẻ vang, sủng mệnh được vinh khi thân hậu, linh sảng có biết xin phải kính theo và chuẩn cho dựng đền thờ, cấp ruộng thờ cúng (dựng đền thờ ở xã Phú Lương ; còn số ruộng thờ cúng thì lấy 12 mẫu ruộng tư của Nguyễn Văn Tường ở sổ cũ tại xã Triều Sơn để sung vào).

Ban áo dệt và kim bài cho huân thần là Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình. Vua Dụ rằng : Ngày nọ, triệu Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, 2 đại thần vào chầu tại điện Văn Minh, hỏi han chính sự, chính mình trông thấy 2 huân thần ấy mặc áo xanh, đội khăn đen, đeo bài ngà ; vào hầu lễ thường, cố nhiên nên như thế, nhưng nghĩ đến khi trước Kinh thành có loạn, trong ngoài nghe tiếng sợ hãi, thế mà 2 đại thần ấy biết hiệp sức mưu khôi phục, để có ngày nay, tuy đã gia cho tước, thưởng ngọc khánh, ban kim tiền, nhưng lòng kính trọng xét thương gia thêm không ngừng. Kìa như người công cao thì thưởng tất hậu, mà người có trách trọng thì lễ nên tôn, 2 đại thần công lao tài giỏi như thế, mà đeo bài, mặc áo cùng với đình thần không khác, không phải để tỏ ơn đặc biệt. Về 2 đại thần ấy, trẫm thân chọn hoàng kim trong kho Nội phủ, giao cho quan có trách nhiệm lập tức tuân theo ngự chế làm bài vàng, một chiếc khắc chữ : "Đồng Khánh sắc tứ báo quốc huân thần", một chiếc khắc chữ : "Đồng Khánh sắc tứ tá quốc huân thần" đều có tua 5 sắc buông xuống ; và chọn ban cho mỗi người 1 cái áo tay rộng bằng thứ đoạn gấm màu tơ chính, có kim tuyến, ngân tuyến thêu dệt chữ "vạn phúc" và đôi rồng (cúc cài áo bằng vàng), lấy ngày 15 đặt lễ thường triều ở điện Cần Chính. Trẫm thân ban cho huân thần, còn nghi tiết do bộ Lễ châm chước nghĩ tâu. Khi lễ thành, được phái đường quan bộ Lễ và Nội các đều 1 người, sắm sửa đủ long đình, nhã nhạc đệ tới dinh thự 2 đại thần ấy, truyền Chỉ để làm của báu đời đời lâu dài. Phàm có Chiếu hầu và giao thiệp, phải tuân theo đeo bài, mặc áo ấy, để tỏ phân biệt, mà đẹp. Còn như hàng đứng chầu hầu của 2 đại thần, phải có vị thứ riêng. Từ nay trở đi, ở điện Cần Chính, chuẩn cho 2 viên ấy, đứng ở 2 gian bên tả ; ở điện Văn Minh, chuẩn cho đứng ở bậc thứ nhất ; khi gặp có vào bái yết, đều chuẩn cho ở trên thềm. Các khanh

---

(1) *Thái Thúc* : truyện Đông Bình Hán vương Thương. Thương đến chầu ở Kinh sư, khi về nước. Vua nhớ Đông Bình vương lắm, xuống chiếu cho trong nước biết, có câu nói : Ta đọc thơ Thái Thúc ở *Kinh Thi*, càng thêm lòng nhớ. *(Bội văn vận phủ)*.

(2) *Đường lệ* : Thơ Đường lệ ở Tiểu nhã, *Kinh Thi*, nói về anh em thân yêu nhau ăn yến và vui hát. *(Kinh Thi)*.

đều phải tuân theo không được trái ân mệnh. Rồi sai Các thần soạn thi chương ngự chế (cũng là ý kể đến công khó nhọc, khuyên phải thuỷ chung) để ban cho.

Bãi các hiệu quân : Dực chấn, Dực đễ, Dực võ. Bộ Binh nói : 3 dực ấy đều là quân dồn lại, sung vào hầu trực khi các triều còn ẩn náu, từng đã lâu năm, các người đầy tớ cũ ở các dực, hoặc già, hoặc chết, có còn người nào đều là lính mới mộ, không phải bản ý đặt ra từ trước, mới chuẩn cho mộ binh các dực ấy đều phải đình bãi cả. Người tình nguyện sung tuyển thì cũng cho, còn đội trưởng, người mạnh giỏi thì dồn bổ làm quân túc vệ, người già yếu cùng đuổi về cả.

Cách chức nguyên Thống chưởng ban võ là bọn Trương Văn Ban (Chưởng vệ dinh Tuyển phong), Ngô Đình Bàn (Chưởng vệ vệ Cẩm y), Lê Văn Bằng (quyền Chưởng Vũ lâm Tả dực), Phạm Khoa (Chưởng vệ dinh Thuỷ sư), Tôn Thất Đoá (Đề đốc ở Kinh thành), vì các viên ấy, sau khi loạn, không thấy đến bộ.

Chuẩn cho văn, võ ấn quan trở lên, khi vào hai bên tả hữu vu và nhà Duyệt Thị đều được đi giày. Lệ trước, các quan vào chầu hầu, vào cửa chỉ các vương công được đi giày. Đến nay, vua cho là việc giao thiệp nhiều, quan viên nước Đại Pháp thường đến triều yết, mà đình thần đi chân không, thì mất cả thể diện, cho nên có chuẩn ấy.

Nước Đại Pháp chọn phái 1 quan to ban võ sung làm Đề đốc, coi đem các quan võ có thể được việc, đến giúp việc luyện tập biền binh nước ta. Khi ấy, Phó đô thống Pháp tâu nói : Khoảng đời Thế tổ Cao hoàng đế, nước Pháp phái Đề đốc Cô-lô-vi-e đến trước giúp việc ; công việc viên ấy làm, các xứ trong nước ta đều còn dấu. Nay nước Pháp phái quan đến đây, là muốn làm thành công trước, mà giúp cho nước Nam giàu mạnh, mới thân dẫn Đề đốc Ba-đi-sô và hơn 40 viên quan coi tập binh đến điện Cần Chính làm lễ triều yết. Vua chuẩn cho viện Cơ mật ban cấp cho quan Đề đốc 1 chiếc kim khánh, để tỏ lòng tốt.

Định rõ lệ bài tâu của các nha phải kiểm xét rồi hãy dâng lên. Lệ trước, bài tâu các nha, ngày lẻ buổi chiều, ngày chẵn cả 2 buổi sớm, chiều, đều do Nội các xét dâng. Sau vì việc bận quá, bài tâu nhiều khi dâng riêng (năm Tự Đức thứ 20 trở về sau) ; Các thần nói : Việc có việc khẩn, có việc thường, nếu thu tiến không có trình hạn, sợ phiền lòng vua nghĩ suốt ngày. Xin từ nay về sau, bài tâu các nha 6 bộ, trừ công việc quan trọng khẩn cấp, nên phải dâng riêng ra, còn các việc tầm thường đều theo lệ trước thi hành, duy ngày chẵn hay ngày lẻ, đều chỉ được dâng bài 1 lần thôi. Trong đó, các ngày thị triều, kinh diên, về buổi chiều, thì 1 giờ kiểm thu, 3 giờ dâng tiến ; các ngày khác, thì buổi sớm, 4 giờ kiểm thu, 6 giờ dâng tiến, cho tiện tuân theo mà tỏ ý thận trọng. Vua y theo.

Chuẩn cho Tham tri bộ Hộ là Hoàng Hữu Thường thăng bổ Thượng thư bộ Công.

Tuần phủ Quảng Nam là Hồ Lệ vì hiện tình hạt ấy khẩn cấp, hiểu dụ, ngăn dẹp không công trạng, xin về Kinh đợi tội. Vua y cho.

Vua chuẩn cho Khâm sai Chu Đình Kế quyền làm việc Tuần phủ tỉnh ấy. Đến khi Lệ về Kinh, chuẩn cho chiểu nguyên hàm đổi bổ Hữu thị lang bộ Hộ.

Chuẩn cho các quan viên được ân điển phong tặng năm ấy, viên nào được thăng bổ từ cuối tháng 8 trở về trước, đều được dự cả, không cứ hạn theo ngày ấy. (Ngày 11 là ngày đăng quang).

Bộ Lễ tâu nói : Lệ trước, khi gặp ân điển, các thần đều gia phong mỹ tự. Nay ân điển phong tặng, xin nên chiểu chuẩn Chỉ của Tiên đế năm Tự Đức thứ 31. (Năm ấy phụng chuẩn phê : Từ trước phong tặng, mỗi hiệu đã được bao nhiêu chữ. Nay mỗi lần nhân ân điển, lại được gia phong, tất đến chồng chất, không chữ nào nghĩ được rất không ý nghĩa, nghe rất không nhã, mà gần như là nịnh thần, không thích hợp ; viết sắc cấp, rất thấy phức tạp, sai lầm, chỉ tốn phí vô ích). Ân cấp mỗi vị 1 đạo, mà đình gia phong mỹ tự.

Vua bảo rằng : Tiết đại khánh và các lễ tiết có luôn, duy đại lễ tấn quang, trăm năm mới gặp 1 lần, nên gia tặng tất cả 4 chữ : "Cộng bảo trung hưng", để tỏ sự mong mỏi, cảm kích ; còn thì theo thế làm việc, rồi lại cho chữ "cộng" đổi làm chữ "dực".

Các phủ, huyện tỉnh Nghệ An cũng có quân nổi lên (do nguyên Đốc học Nguyễn Xuân Ôn và Sơn phòng sứ là Lê Quang Nhạ làm chủ). Đề đốc Đại Pháp đem binh tiến đánh, thường được thắng trận, vua ban cấp cho viên ấy 1 chiếc kim khánh, 1 đồng kim tiền, chuẩn cho viện Cơ mật viết thư gửi tặng để yên ủi.

Vua bảo : Các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam đều có loạn, Tiễu phủ sứ Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân, lại biết lấy công đền tội, đặc cách ban cho 1 chiếc khánh lớn bằng thứ vàng tía có chữ "liêm bình", để khuyến khích kẻ khác. Viện thần nhân nói : Quyền Bố chính tỉnh ấy là Vũ Duy Tĩnh từ khi đến làm việc ở hạt ấy, rất được yên ổn, cũng đáng khen nhắc, xin gia ơn thăng bổ làm Hữu thị lang bộ Binh, vẫn quyền Bố chính. Vua y cho.

Cho Tả tham tri bộ Binh là Tôn Thất Phiên sung làm Khâm sai đại thần kiêm quyền Tổng đốc Bình Thuận, Phú Yên. Bấy giờ, Tổng đốc mới tỉnh ấy là Lê Tiến Thông và Án sát mới là Đặng Huy Sán, đi đường đến huyện La Sơn (thuộc phủ Hoài Nhân) đều bị bắt, cho nên được chọn để thay.

Vua cho là từ khi Kinh thành có loạn, vua Hàm Nghi dời đi, thân hào, sĩ thứ mới có tiếng "cần vương[1] xướng nghĩa" ; nguyên trong lòng vốn không phải muốn

(1) *Cần vương* : hết lòng, hết sức với việc của nhà vua.

làm loạn. Gần đây, quan quân Đại Pháp dẹp bắt, chúng tuy muốn đổi lỗi, nhưng không biết đi con đường nào, mới hiểu bảo hoạ phúc, cho chúng sớm biết quay đầu trở về.

Dụ rằng : Kẻ sĩ phu đáng quý là có cương thường, tài giỏi rồi biết việc đời. Ngày nọ, quyền thần gây nên chiến tranh, xe từ cung chạy đi, trong ngoài bồn chồn, hằng ngày như đàn quạ trông ngóng ; người hữu tâm, hoặc xướng lên là cần vương ; người hiếu sự, cũng xướng lên là đi đón vua ; để đến nỗi bọn vô lại dẫn dụ bè lũ, tụ họp ở núi rừng ; phú nông thì hết cả của cải ; nhà nghèo thì khổ về phục dịch ; Nam, Bắc rối loạn, làm được việc gì. Xưa Minh Hoàng[1] chạy đến nước Thục, mà phụ lão đón lập Thái tử ; Đạo Quân[2] chạy sang nước Kim, mà sĩ dân đón lập Khang vương, xem việc làm ấy, rất không bằng xưa. Huống chi lại chia phá tỉnh thành, lấy của kho mang đi. Đến khi việc không thành, thì mang gia quyến trốn xa ; bảo là không lấy nghĩa công làm đầy túi riêng, có ai tin được, nhưng đương lúc không vua ấy, việc đã qua, không nên trách.

Nay trẫm là con thứ 2 của Dực tông Anh hoàng đế, chí vốn hữu ái, không để tâm đến nhà vàng, lui ở chức phiên phong, mà có ngày nay, đấy cũng là trời già còn để lại cho, không phải liên quan ở sức người, non sông nước Nam, há có phải là sự ngẫu nhiên đâu !

Nhân dân trong nước, đều là thần tử nhà vua, phải tự mình tin tưởng mà tự làm, sao để phiền đến dạy bảo nhiều. Bọn kia tự giữ cách sống tạm thời, không chịu theo kỷ luật, khinh quan lại tức là khinh triều đình ; đâu có khinh nhờn triều đình, mà lại dung cho ở khoảng trời đất được ? Hoặc giả, lấy sào cắm cờ, đẵn cây làm giáo như (Trần Thắng, Ngô Quảng) dân nhà Tần chăng ? Hay là tranh nhau nêu cao danh nghĩa như Trung Nghĩa đường ở xứ Lương Sơn Bạc chăng ? Bắt chước cái dại thì sao có thể lâu được. Nhiều lần quan Pháp yêu cầu tiến quân đánh dẹp, trẫm thương dân như một, thường để ý ân cần, thực đáng thương ở chỗ mũi tên hòn đạn ấy, vạ lây đến kẻ không tội, mà nhầm lỗi như trước, thì truy hối sao được ? Từ nay về sau, quan và dân phải bảo ban nhau và sớm biết quay đầu về, hoặc tìm đường đến Kinh, hoặc đến tỉnh đầu thú, bán gươm mua trâu, ruộng của các ngươi đấy, nhà của các ngươi đấy, bỏ hết lòng ác như giống ưng, chiên[3], để được an cư như chim hồng nhạn, há chẳng tốt ư ! Nếu lần khân không tự quyết, mà ở ngoài vòng đức hoá sinh thành của nhà vua, bất đắc dĩ mà phải đem quân đến, thì như vượn ở rừng, cá dưới

(1) *Minh Hoàng hạnh Thục* : Đường Minh Hoàng trốn An Lộc Sơn, chạy sang nước Thục. Sau phụ lão đón Thái tử lập làm vua.

(2) *Đạo Quân như Kim* : Tống Khâm Tông, Huy Tông bị nước Kim bắt, sau dân lập Khang vương lên ngôi. (*Bắc sử*).

(3) *Ưng, chiên* : giống chim cắt hay diều hâu, hay bắt, đánh các chim khác.

ao, cứu chữa sao được, đó là lũ các ngươi không muốn để trẫm có lòng nhân mở lưới (cho bay thoát), đến nỗi bọn các ngươi có sự cố chấp mà rồi chết đầy ngòi lạch, ấy là lòng nghĩ ra sao ? Trẫm không nói đến 2 lần, phải kính tuân Dụ này.

Lại cho là giặc Thuyết hiện nay về đến sơn phòng Hà Tĩnh, mượn tiếng danh nghĩa cổ động mê hoặc sĩ dân, mới biết rõ giặc Thuyết là người thế nào ? Tiếp tục Dụ sĩ dân Bắc Kỳ rằng : Xem người tất tự ở lòng, cách xử thế cốt có kiến thức nhất định, nếu chỉ thấy dấu vết, mà không căn cứ ở lòng, ít khi chẳng vì việc mà mất cả đức hạnh vẫn giữ. Giặc Thuyết là người bất học không có tài năng, tính quen tàn nhẫn, trước Dực tông Anh hoàng đế ta tuy thương đến, giữ cho toàn vẹn, cũng từng phê bình y là người bề tôi vô đạo (lời phê của Tiên đế, trong có câu rằng : Thứ loài kim bỏ vào lò nung mà phấn khởi là bất tường, người bề tôi vô đạo thì dùng làm gì). Chức đại thần ở Hựu phủ[1], Thuyết cố nhiên không dự, về sau cần người, y mới tham dự việc ở viện ; rồi nhận di mệnh, phụ việc chính, ân mệnh rất long trọng, thân thấy việc không đừng được, rồi mới chứa chất lòng gây hoạ ngầm, lộng quyền nước, bỏ vua này lập vua khác, giết vua làm phản, không việc gì là không làm, nhà Hán bắt tội người "bất đạo", Thuyết chính là hạng ấy.

Ngày tháng 5, Đô thống đại thần Đại Pháp, mời đến bàn bạc, tự đem lòng nghi sợ, mưu cho thân mình, nguy đến tôn xã, bắt hiếp vua phải đi, mà hiệu lệnh đều do tay hắn. Nay lại nói là khôi phục, để mê hoặc sĩ dân, tuy người có kiến thức, cố nhiên không bị hắn mê hoặc được, nhưng chỉ sợ bên ngoài nghe thấy chưa được giống nhau, thì hoặc nói thác là cần vương, hoặc xướng là khởi nghĩa, trong Nam, ngoài Bắc ồn ào lên, hại đến dân các địa phương, sao không nghĩ nước ta 20 - 30 năm nay, lụt hạn, chiến tranh, tài lực đã hết, nhân dân đã thấy có lòng phân tán, giữ nước đều không vững chí ; thời thế như thế, mà lại bỏ công gây dựng trăm năm, đặt triều đình vào nơi cỏ rác, rất thấy là không biết suy tính, không kể tình thế rối ren, trong ngoài chấn động, tóm lại cũng như cá ở đáy nồi, khó trốn được lửa nóng, hoặc là công việc tạm xong, thì Thuyết chẳng là kẻ tiếm ngôi như Đổng Trác[2], tất cũng là kẻ cướp ngôi như Bang Xương[3]. Đến khi ấy, thẹn mặt, gục đầu thì làm bọn loạn tặc, để tiếng xấu muôn năm. Nếu không biết nhẫn nại, hơi trái trong lòng, thì như

---

(1) *Hựu phủ* : tra trong các sách, chưa rõ chữ ấy xuất xứ ở đâu, vậy dịch giả theo nghĩa chữ hựu mật mà phỏng đoán là viện Cơ mật.

(2) *Đổng Trác* : đời Hán Linh đế, Trác làm Tiền tướng quân. Sau Linh đế chết, Trác đem binh đến Kinh sư giết hoạn quan tự làm Tướng quốc, bỏ Thiếu đế, giết Hà thái hậu rồi lập Hiến đế. Vì vua dâm loạn, bọn Viên Thiệu cử quân đến đánh. Trác đem Hiến đế chạy, đô ở Tràng An, lại tự làm Thái sư, có ý thoán vị, sau bị Lã Bố giết. (*Từ hải*).

(3) *Bang Xương* ; người Tống, đỗ Tiến sĩ, quan Thái tể, năm Tĩnh Đường, người nước Kim đến bắt 2 vua Khâm, Huy đem đi, rồi lập Trương Bang Xương làm vua, các bề tôi không theo. Sau Cao Tông lên ngôi, đem đày Bang Xương ra Đàm Chân, rồi bắt chết. (*Từ hải*).

Tuân Hoặc[1] đối với Tào Man, chết cũng vô ích. Phàm các ý ấy, người có kiến thức, nghĩ ngầm tự biết, đợi gì nói nhiều, huống chi nước, vua và xã tắc theo lẽ phải còn mất cùng chung, Hàm Nghi đế đã bị giặc Thuyết bắt hiếp dời đi, xã tắc hương lạnh khói tàn, tính mệnh muôn dân dựa vào ai là chủ.

Trẫm là con thứ 2 của tiên thánh đế, vâng theo ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, trăm quan cùng một lòng, đón trẫm lập làm vua, trẫm vài bốn lần từ chối không được, mới lên ngôi báu, nghĩa lớn rõ ràng khắp cả nước. Trẫm nhiều lần bá cáo, tưởng bọn chúng đã nghe hiểu ; thế mà còn giúp Thuyết làm loạn, không biết lòng chúng ra sao ? Kể ra, bỏ chỗ tối, đến chỗ sáng, người trí giả vẫn quý ; bỏ lẽ thuận, giúp lẽ trái, người thức giả không làm. Từ nay về sau, mong sĩ, thứ của ta, đều phải nhận xét, người đã bị chúng mê hoặc, thì nên sớm quay đầu về ; người chưa bị chúng dỗ dành, thì quyết tâm bỏ tránh, khiến cho giặc Thuyết thế cô, sớm bị bắt giết ; ngõ hầu nhân dân, cùng giữ được an toàn. Nếu cứ lần lữa không quyết, tuỳ thế chuyển dời, giúp giặc Thuyết, tức là trái lệnh triều đình, tất sai quan có tài đem quân giết hết, có hối lại hầu không kịp, chớ bảo là trẫm không răn bảo trước. Phải kính tuân Dụ này.

Nguyên Điển nông sứ tỉnh Khánh Hoà là Vũ Doãn Tuân dâng tập tâu đem số đinh, điền hao tán, bỏ hoang của 3 ấp, hội thuộc mộ xin xoá sổ tha thuế. Vua y cho.

Ấp Ninh Phú : đinh 20 suất, điền thổ 70 mẫu ; hiện còn 1 suất đinh và 30 mẫu điền thổ.

Ấp Tân Quý : đinh 15 suất, điền thổ 39 mẫu ; hiện đinh hết sạch, điền thổ còn 3 mẫu.

Hội Khánh Mỹ : đinh 31 suất, điền thổ 84 mẫu ; hiện còn 1 suất đinh, 12 mẫu điền thổ.

Tuần phủ tỉnh Quảng Trị là Cao Hữu Sung dâng tập tâu, đem việc các xã, thôn trong hạt bị đốt phá, xin tha thuế lệ hai vụ hạ, đông năm nay. Vua y cho.

Ban võ : Nguyễn Hanh (nguyên Đô thống phủ Hậu quân Chưởng phủ sự), Nguyễn Hữu Ngoạn (nguyên Đề đốc Kinh thành), Trần Văn Tư (nguyên Đề đốc Thuỷ sư), Nguyễn Văn Phó (Vệ uý, nguyên Đổng lý sở Doanh thiện), vì lười biếng bị viện Cơ mật hặc tội (từ sau khi Kinh thành giao về, tuy có chầu hầu, cũng thường lẻn về gia quán, nhiều lần bộ Binh kiểm nhận số quân, không chịu tới bộ kiểm điểm). Vua chuẩn cho giáng cấp có thứ bậc (Hữu Ngoạn 4 cấp, Hanh 3 cấp, Văn Cư và Văn Phó 2 cấp, đều phải rời chức cả).

---

(1) *Tuân Hoặc* : thời Đông Hán, giúp Tào Tháo phá Viên Thiệu, đánh Lưu Biểu, có nhiều công, được phong là Vạn tuế đình hầu. Sau bọn Đổng Chiêu muốn tiến Tháo, phong quốc công. Tuân Hoặc nói gàn trở. Tháo ghét, khi theo đi đánh Ngô, Tháo cho uống thuốc độc chết. *(Từ hải)*.

Truy tặng cho bố mẹ vợ huân thần là Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình. Tá lý bộ Công là Phạm Ngọc Thọ (nguyên là Ngọc Côn) và Nguyễn Thạc, Tá lý bộ Hình là Tôn Thất Bá tâu nói : Trước đây được ban ân chuẩn cho vợ đại thần viện Cơ mật Nguyễn Hữu Độ, là Trần Thị Lựu, vợ Phan Đình Bình là Nguyễn Thị Đào ; đều được tấn phong chánh nhất phẩm phu nhân, thực là kính thất hậu đãi bề tôi có công lao, không chỗ nào là không chu đáo, duy có bậc vương giả ban ân tất tự bố mẹ trước, khen người hay, nên theo dõi từ đời trước, 2 phu nhân ấy, bản thân thuần thục, cẩn thận ; có đức hạnh giúp chồng, không được cha mẹ dạy bảo, sao thấy trở thành người tốt, nhờ nay ban ân chiếu đăng quang, tứ phẩm ấn quan trở lên, cha mẹ đều được phong tặng có thứ bậc. Hai phu nhân ấy, được phong chánh nhất phẩm, không ví như mệnh phụ khác nhờ vào tước của chồng, thế mà cha mẹ sinh ra không được khen tặng một chữ nào, thì cái ý khen người hay, e có phần chưa chu đáo. Về cha mẹ 2 phu nhân ấy, xin chiểu hàm phong kém đi 4 trật (lệ phong tặng ấn quan, kém 2 trật) truy tặng.

Vua phê bảo : Bọn ngươi nghĩ rộng, trẫm chưa biết đến được. Rồi chuẩn y, giao cho quan có trách nhiệm tuân theo làm việc. Lệ phong tặng cho họ vợ các đại thần bắt đầu từ đấy.

Vua nghĩ những tập thơ của Dực tông Anh hoàng đế làm ra, chưa đem khắc in còn nhiều ; chuẩn cho 2 đại thần sức cho viện Tập hiền xem xét giao cho khắc xong ngay, để tỏ khéo nối chí hướng. Đến khi xem xét xong, được đặt tên là *Thánh chế thi văn* 3 tập, (đến năm Thành Thái thứ 7 mới giao cho khắc).

Thân hào các phủ, huyện : Quảng Trạch, Tuyên Hoá, Bố Trạch thuộc hạt Quảng Bình khởi loạn, dựng các hiệu cơ : "Cần vương cử nghĩa" (thủ xướng là nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân). Nhiều lần các phủ, huyện ấy hoặc trốn tránh, hoặc bị bắt. Vua chuẩn cho viện Cơ mật bàn với Phó đô thống Pháp, phải định liệu rất khẩn ; một mặt tư cho tỉnh ấy bàn với người Pháp đóng ở tỉnh ấy, hiệp sức đánh dẹp, không cho chúng lan tràn ra.

Chế kim khánh hạng to, để phòng làm tặng khoản (mặt trước đều khắc 4 chữ "báo nghĩa thù huân"[1] ; mặt sau đều khắc 4 chữ "Đồng Khánh sắc tứ").

Bấy giờ, quân ở Kinh tan về, tiếp tục giải tới quân ngũ dần nhiều. Bộ Binh tâu xin chuẩn cho : Nguyễn Hanh, Nguyễn Hữu Ngoạn, Trần Văn Cư, Lưu Cung, Nguyễn Văn Phó mới phải giáng, đều chiểu hàm giáng ấy xét bổ và Thống chế là Nguyễn Hữu Thận có chi bổ ra ngoài, cùng bổ Thống chế, chia coi cả các hiệu quân ở Kinh thành, đốc sức sửa chữa các nhà quân : Dực hùng, Dực đễ, Trấn phủ để cho biền binh các vệ đội đóng ở cho tiện.

---

(1) *Báo nghĩa thù huân* : báo nghĩa đền công.

Tuần phủ tỉnh Quảng Trị là Cao Hữu Sung tâu nói : Chữ "cai" là cùng âm với chữ tên của Kiên vương, các cai tổng trong hạt xưng hô không tiện, xin đổi làm chánh tổng. Vua y theo, rồi chuẩn cho chức hàm nào có chữ cai, thì đều chiểu theo thế mà làm.

Chuẩn cho ngũ phẩm ấn quan trở lên ở Kinh và các tỉnh ngoài, xét rõ các ty thuộc ; hoặc ngày thường quen biết, người nào dự có khoa mục, tên sinh, ấm sinh, tú tài xuất thân, có thể sung vào chức khuyết nào, thì khai tên bầu cử, tư bộ ký bổ. Khi ấy phủ, huyện khuyết nhiều, sổ quan bị mất, bộ Lại không xét bổ được, cho nên chuẩn cho tiến cử người được biết, để khỏi bỏ sót nhân tài.

Chế hiệu cờ bảo hộ. Bấy giờ, Phó đô thống Pháp tư nói : Ngày Hoàng thượng lên ngôi, kỳ đài treo cờ bảo hộ, từ nay trở đi, nước tôi đi lại thông hành, nên treo hiệu cờ ấy, mới chuẩn cho làm 8 lá cờ chia giao cho 6 bộ và viện Cơ mật, ty Hành nhân, đợi khi khánh tiết và ngày tết, cùng các ngày : Tết Nguyên đán, Cộng chính[1] của Đại Pháp, đều phải treo cờ ở các bộ, viện, đường, để tỏ sự vui mừng, mà biểu hiện lòng tin nhau. Rồi đem sao lục mẫu cờ (chia làm 4 phần) : 3 phần dùng sắc vàng, trong đó 1 phần phía trên ở chỗ gần trục chỗ mặt trên trục, 1 phần 3 dùng sắc xanh, trắng đỏ, giao cho các địa phương tuân theo mà làm.

Dồn chọn quân túc vệ. Theo phép cũ, quân túc vệ, chọn lấy quân các bảo Thượng tứ ở 5 dinh, 2 dực những người khoẻ mạnh vào Kim ngô, Túc trực, trường, thường, (số quân 1.500 người). Sau khi loạn, quân tan về, đòi đến mới được 80 người, mới chuẩn cho trích lấy ở các vệ thuộc ngạch Kinh binh 220 tên (hợp là 300 tên) dồn làm túc vệ, chia làm 10 đội, mỗi đội 30 người, cho lấy 4 người chánh, phó vệ uý và 10 người chánh đội hiện ở túc vệ, quản nhận đốc suất, do viên chỉ huy coi tất cả, cho có thống thuộc.

Quan quân Đại Pháp tiến đến nha Sơn phòng ở Hà Tĩnh. Lê Thuyết lại đem Hàm Nghi đế lui về miền thượng du tỉnh Quảng Bình, tỉnh thành Hà Tĩnh cũng thu phục được.

Tháng trước, Thuyết đem Hàm Nghi đế đến nha Sơn phòng, dùng Chiếu Chỉ triệu thân hào hạt Hà Tĩnh chia đặt quan lại (cho : Viên ngoại Phan Quang Cư làm Bố chính Hà Tĩnh ; nguyên Tri phủ Phan Khắc Hoà làm Án sát ; nguyên Án sát Lạng Sơn Hoàng Xuân Phong làm Sơn phòng sứ ; nguyên Tri phủ Nguỵ Khắc Kiều làm Sơn phòng phó sứ ; Phan Đình Phùng làm Tán lý ; Phan Trọng Mưu làm Tham biện Sơn phòng. Còn các người khác, đều lượng trao cho quan chức, sai chia đi triệu mộ quân, nhưng đóng lản tản, tiếp ứng cùng nhau), đóng chặn chỗ xung yếu (đường thuỷ, ở phận xã Trúc Lâm, vào quãng ngã ba sông đi đến sơn phòng ;

(1) *Cộng chính* : cũng như Cộng hoà, tức là ngày 14 tháng 7 của Pháp.

đường bộ, xứ Trung Bát núi Hiệu Sơn, tiếp giáp phận núi về huyện Thạch Hà, Hương Khê, đều phái quân cùng quân mới ứng mộ chia giữ các nơi ấy) làm kế đóng trường kỳ.

Ngày 16 tháng ấy, quân Đại Pháp từ Nghệ An theo đường sông tiến phá đồn chánh Trúc Lâm, rồi tiến thẳng đến nha Sơn phòng. Thuyết lại đem vua về đồn Ve (thuộc Quảng Bình, chỗ ở của thổ tù Trương Quang Thủ) bọn quân đều tan. Thuyết liền lưu vua ở đấy lẩn trốn, mà tự cùng bọn Xuân Soạn đều đi sang Trung Quốc, quan tỉnh Hà Tĩnh do Thuyết đặt ra, nghe tin nha Sơn phòng không giữ được, liền đem đốt hết dinh thự, kho tàng, rồi tìm nơi chạy trốn, (viên quan mới ở Hà Tĩnh vì đường nghẽn, đóng mãi ở Quảng Bình ; đến nay mới tiến đến cung chức). Từ đấy người ứng nghĩa biết là việc không thể làm được, đều về yên nghiệp hoặc đến tỉnh trình xét, duy có Phan Đình Phùng không chịu quay về, nên mỗi huyện có 1 - 2 người mượn tiếng làm ngạnh trở ; trước sau hơn 10 năm chiến tranh tai hoạ luôn luôn, dân địa phương ấy rất khổ.

Tấn dâng huy hiệu Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ. Trước đây, các quan xin dâng huy hiệu 2 cung. Vua bèn phụng nghĩ mỹ tự để tấn tôn ; nhưng đem việc ấy tâu lên, 2 cung không y cho. Vua vài bốn lần cố xin, được Thái hoàng Thái hậu nghe theo, duy Hoàng thái hậu vẫn không y cho, chuẩn cho tạm đình lại, đợi nghĩ. Vua không dám trái lệnh, mới chuẩn cho đem công việc tấn tôn Thái hoàng Thái hậu nghĩ làm trước.

Dụ rằng : Từ xưa đế vương nổi lên, không những chỉ một đức tốt, cũng có mẫu hậu giúp cho ; như nhà Chu thì Thái Nhâm, Thái Tự ; nhà Tống thì họ Cao, họ Tào, họ Hướng, họ Hạnh, tốt đẹp ban cho xã tắc ; công to để lại đá vàng ; sử sách rõ ràng như tấm gương sáng. Kính nghĩ thánh tổ mẫu thuận theo cho tiện việc ; nhún nhường phải vui lòng, đức hoá khắp cả nước nhà, phúc trạch để cho con cháu, đời xưa bảo là bậc Nghiêu Thuấn trong nữ giới, thực cũng không hơn. Hoàng khảo ta ở ngôi 36 năm, một lòng mến yêu, trước sau không khác, nhờ được đức hay tiếng tốt, hầu muốn tuyên dương mà chưa được.

Khoảng năm Kiến Phúc, kính dâng tôn hiệu : Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ là theo tờ di chiếu của Tiên đế, trẫm vì đức nhỏ, nhận cơ nghiệp lớn ấy, nên lúc mới nối ngôi, rất nghĩ lấy hiếu trị thiên hạ, tôn danh hiệu vẻ vang, lưu tiếng tốt ở đời, hợp kính cùng tôn, là tình mà cũng là lễ. Bữa trước được tôn nhân, đình thần xin tấn gia tôn hiệu, trẫm đã đến cung Gia Thọ tâu xin, theo lời thánh Dụ rằng : Bốn phương mới bình định, thân già này lấy gì báo đáp tôn xã, mà đương được huy hiệu chí tôn ấy, lòng ta chưa yên, cháu nên tuyên bảo cho các quan tuân biết, kính theo Dụ này. Sau khi kính nghe lời thánh Dụ, thực thấy thánh tổ mẫu ta, đức khiêm nhượng rất bậc, theo ý muốn, không vượt qua khuôn phép. Hôm khác ta lại lạy kêu,

thưa rằng : Trộm nghĩ vạn an vinh dưỡng, là phép thường của đời thịnh trị, thực không thể hoãn được, mà lòng nghĩ tôn thân, là chí tình của thần tử, nên chỉ ngày nào cũng mong tấn tôn là bậc chí tôn trong nước. Hai, ba lần tâu xin, may được ưng theo. Lại nghĩ gần đây Kinh thành bị mất, xe vua chạy đi, may nhờ thánh tổ mẫu ta nghĩ xã tắc là trọng, xe người trở về, nước nhà đã nguy mà lại yên, rồi lại lo cho nhân dân không thể không có chủ, đặc ân ban ý Chỉ dụ trẫm nối ngôi khiến cho thần dân trong nước đã tan mà lại hợp, đấy là chỉ người có đức quảng đại, cho nên bao dung được, chẳng phải rộng là gì ; chỉ người có lòng nhân ái, cho nên thương toàn vẹn được, chẳng phải ơn là gì ?

Nay nghĩ định tấn gia tôn Thánh tổ mẫu là Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu, để tỏ danh hiệu đặc biệt, cho trọng đạo hiếu trị ; vậy giao cho quan có trách nhiệm chiểu lễ trước tuân hành, đạo Dụ này phải sao lục ra, cho đều biết cả, phải kính theo Dụ này.

Tháng 11, chuẩn cho tiền lương Sử quán lại theo lệ cũ : (Lệ cũ : chức toản tu 8 quan ; biên tu 5 quan ; khảo hiệu 3 quan ; thu chưởng, đằng lục, đằng tả 2 quan. Tháng giêng năm ấy, hạn kíp, các viên làm việc thì ít, nên chuẩn cho gia gấp đôi, đến nay lại theo như cũ).

Quan quân Đại Pháp thu phục được nha Sơn phòng Quảng Nam, bắt được Phòng sứ trước là Trần Văn Dư, rồi đem giết. Dư, tháng trước đã dâng tập tâu xin nhận tội. Vua cho là cựu thần giảng dạy, chuẩn cho khoan miễn tội trước và cho giải tán binh dõng, về Kinh đợi Chỉ. Dư chưa kịp đi, thì quân Pháp đã tới phòng nha, Dư bèn bỏ đồn chạy trốn, lẻn đến ở dinh Án sát tỉnh ấy là Lê Văn Đạo để đợi, (Đạo hiện theo quan Pháp đi đánh), bèn bị quan Pháp bắt giết. (Sau quan Pháp giao tỉnh kết án xử chém, thu hết cờ biển, tịch thu hết gia sản).

Sơn phòng thần Quảng Ngãi, Bình Định dâng tập tâu nói : Hiện tỉnh Bình Định, Quảng Nam chưa yên, xin do viên phòng sứ ấy bắt lấy quân ở sơn phòng và quân ở tỉnh Quảng Ngãi cho nhiều, lần lượt quản đốc đem đến 2 tỉnh ấy tuỳ cơ hiểu dụ, ngăn dẹp, nếu chúng cố chấp mê muội không tỉnh ngộ, thì lập tức bàn với Phó đô thống Pháp phái quân hội lại đánh dẹp, bắt được làm án trị tội, cho hết mầm mống giặc.

Vua khen ngợi rồi cho là Trần Văn Dư ở Quảng Nam đã nhận tội, bất nhật cũng yên, duy Bình Định hiện còn rối loạn, phải thời thường dò xét, nếu có rủ nhau tụ họp, thì lập tức một mặt đem binh đánh bắt, một mặt tâu tư.

(Sau phòng sứ ấy phái đi dò xét tỉnh Bình Định : Tên thủ xướng là Đào Doãn Địch đã ốm chết từ ngày tháng 8 ; hiện còn bè lũ hắn là Bùi Điền xưng là Đề đốc, Lý trưởng Đề xưng là Tán lý, lập đại đồn ở xứ Cây Da Vấn, huyện Phù Mỹ ;

nguyên Đề đốc hồi hưu là Vũ Hoá xưng là Thống suất huyện Bồng Sơn, lập đồn và kho tạm ở thôn Thanh Lương ; Cử nhân Tuấn làm Đồng lý ; Tú tài Tạo làm Phó lãnh binh ; Bang trưởng Minh hương là Kiều làm Giám quân ; sĩ nhân là Phùng Đại làm Đốc binh ; đều đóng ở các tổng : Van Đức, Trung An, Tài Lương).

Khâm sai quyền Tuần phủ Quảng Nam là Chu Đình Kế dâng tập tâu xin về nhận tội, nói : Bọn giặc hạt ấy quấy nhiễu bừa bãi, 2 phủ, huyện Quế Sơn, Thăng Bình đều bị đốt phá, nhiều lần đã hiểu dụ, đánh dẹp, thì dân miền hạ du, hơi biết thu dẹp, còn như miền thượng du thì lúc tán lúc tụ, tình thế rất khó. Hiện nay triệu 300 lính tỉnh, trừ trú phòng, sai phái ra, chỉ còn 30 người, tay không có một thứ binh khí, không thể làm thế nào được. Vua chuẩn cho bàn với quan Pháp đóng ở tỉnh ấy, phái nhiều quân Pháp và cho bắt thêm cả lính hạ ban cùng là lính Kinh lưu ở quê 400 - 500 quân hợp cùng nhau, chia đường đi đánh dẹp.

Dụ sức cho quan lại Bắc Kỳ đều phải chăm chỉ chức việc. Bấy giờ, Thượng thư Pháp là Sinh-bích gửi thư cho Nguyễn Hữu Độ nói : Quan lại Bắc Kỳ, phần nhiều lòng còn sợ nhát, làm việc chưa thực lòng, muốn đặt chức quan coi việc hình ngục, để hình phạt nghiêm xét xử kỹ cho nghiêm sức cho biết cố gắng làm việc để khỏi mất thể diện.

Viện Cơ mật tâu nói : Bọn Bố chính là Phạm Như Xương, Án sát Hoàng Côn ở tỉnh Phú Yên và Án sát Quảng Nam là Hà Thúc Quán, đều can án để mất tỉnh thành, đáng nên chiểu luật nghiêm trị, nhưng hiện nay, việc thì nhiều, người thì thiếu, xin đặc cách ban ơn, để cho mưu tính việc hay về sau, xin đều giáng 4 cấp, phải dời chức, do bộ chiểu bổ. Vua y cho.

Cho nguyên lĩnh Tuần phủ Hưng Hoá (có bệnh cáo về) là Nguyễn Văn Thì bổ lĩnh Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Bọn giặc ở Bình Định, Quảng Ngãi đánh phá đồn Lão Thuộc (đồn ấy là đồn to, tiền lương, súng ống có nhiều).

Bắt Đề đốc ở Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định là Đinh Hội. Vua chuẩn cho án sát hoặc lãnh binh đem 500 - 600 quân hội đồng với quan tiểu phủ để đánh dẹp.

Chuẩn cho nguyên Tá lý bộ Công là Trần Doãn Khanh, nguyên Phó sứ Sơn phòng là Nguyễn Tuy coi sóc công việc khai sông (Doãn Thanh người ở Quảng Bình ; Tuy người ở Quảng Trị), đều dùng người ở địa phương ấy.

Cho tôn nhân và đình thần nghiên quý và mực có dấu hiệu có thứ bậc : (2 giám quan đại thần và 3 thượng thư mỗi người 1 hộp nghiên, 10 đĩnh mực ; 7 nhật giảng quan 1 hộp nghiên, 10 đĩnh mực ; 1 hữu tôn chính, 2 hộp nghiên, 5 đĩnh mực ; 2 tôn nhân, 1 hộp nghiên, 3 đĩnh mực ; văn ban 20 người, 1 hộp nghiên, 3 đĩnh mực).

Bộ Lễ phụng mệnh đem những chữ huý phải đổi tránh tiến trình. Xin 3 chữ khi đọc phải tránh âm, giấy tờ thì đổi dùng chữ khác (1 chữ, đầu là chữ nhật, giữa chữ mỗ, dưới chữ chấp [là chữ 昇 (biện), 1 chữ, bên trái chữ đậu, bên phải chữ chi [là chữ 鼓 (kỹ)] ; 1 chữ, bên trái chữ thị, bên phải chữ đường [là chữ 禟 (đường)]).

4 chữ đồng âm, một bên giống chữ huý thì khi đọc tránh âm, giấy tờ phải bỏ bớt 1 nét (biền 幷 ; biện 垾 ; kĩ 𢆶).

30 chữ cùng âm khác chữ và giống cả 3 chữ hoặc nửa chữ, thì khi đọc phải tránh âm ; giấy tờ cho phép được dùng tên người và tên đất không được dùng liều (như các chữ biện 拚 ; chữ sí 蚔 ; chữ đường 禟).

Chuẩn cho từ nay trở đi, phàm quan viên văn võ bị bệnh cáo nghỉ, nếu quá hạn 1 tháng, thì chọn người khác điền vào để sung làm việc (lệ cũ, hạn nghỉ đủ 4 tháng mà chưa khỏi bệnh mới chọn người điền vào). Còn như các viên nhân mới bổ, hoặc bổ nơi nhiều việc, hoặc các tỉnh có loạn, hoặc ở gần biên giới mà cáo ốm, khi hết hạn thì do bộ chiểu theo nha bổ trước, hoặc là tình thế giống với nha bổ trước, bổ điền vào, để ngăn cấm tệ tìm cách tránh khéo.

Hà Văn Mao lại dắt giặc người nước Thanh tràn đến quấy nhiễu miền thượng du 2 phủ, huyện Thọ Xuân, Cẩm Thuỷ (các tổng xã : Vương Lộc, Quảng Thi, An Trường, Mục Sơn, Bắc Thượng) lập đại đồn ở xã Hỗn Bản (thuộc Cẩm Thuỷ), quan tỉnh Thanh Hoá triệu 1.300 lính hạ ban, giao cho Phó lãnh binh Bùi Văn Bằng đi đến hiệp cùng Đề đốc ở quân thứ là Nguyễn Như Cung chia đóng để phòng giữ đánh dẹp. Rồi sau giặc lại tụ ở các xứ : Cự Lữ, Phú Môn (thuộc Cẩm Thuỷ), Yên Lê (thuộc Thọ Xuân) theo ven sông đóng đồn canh giữ. Quan ở quân thứ ấy bàn đem tàu thuỷ nước Đại Pháp, rồi chia đi cả đường thuỷ, đường bộ tiến đánh phá tan được.

Giảm bớt và dồn lại ngạch tượng binh ở Kinh. Nguyên ngạch vệ ấy có 367 người ; bấy giờ số voi giảm ít, không sai vát lắm, nên bộ Binh tâu xin giảm cho chọn dồn lại lấy 150 người, chia làm 3 ban (2 ban lưu lại, 1 ban cho về). Từ nay trở đi, ngạch ấy có khuyết, thì chiểu lệ trước (lấy con cháu người tượng binh) điền vào ; còn thì đều cho về phải chịu sai dịch.

Ngày Giáp Dần, sao Thái Bạch mọc ban ngày (buổi chiều trông thấy sao ấy đi ở phía sau Mặt Trời, cách nhau 46 độ).

Sao Chổi mọc ở phương đông nam (đuôi chỉ về tây bắc dài 7 - 8 thước).

Vua hỏi Khâm thiên giám, điềm tốt xấu thế nào ? Dẫn đoán cho thực, tâu để biết. Giám thần tra sách thiên văn, rồi tâu trả lời, nói : Sao Chổi là sao xấu, mỗi khi mọc ra, nên có trừ bỏ cái cũ, ban bố cái mới, mọc ở nơi nào trông thấy lâu thì tai nạn nhiều, lặn chóng thì tai nạn ít ; còn phương nào bị đuôi sao ấy chỉ vào thì chịu

tai hoạ. Lại nói : Sao Chổi mọc ở phía đông nam, chỉ sang tây bắc, thì trong nước được mùa to. Địa phận nước ta, thuộc về đông nam, về điềm tốt xấu gián hoặc cũng có, sao Thái Bạch mọc ban ngày, tất chủ có gió to. Lại nói : Sao ấy mọc ban ngày, có việc quân, việc quân phải bãi, không có việc quân, việc quân sẽ nổi lên.

Vua quở Giám thần là bọn Cao Chính Thuyết rằng : Biết điềm dữ để sợ tránh, trông ngóng trong lòng. Nhân phê bảo các đại thần rằng : Làm vua rất là khó, vì một người mà có thể làm cho cả nước được phúc, cũng có thể làm cho cả nước chịu tai vạ. Quả nhân này, từ khi coi việc nước đến nay, hằng ngày lo sợ gìn giữ, tự lòng mình hỏi tội mình, trên thì nhờ ân nhân của 9 miếu[1], 2 cung[2] ; dưới thì nhờ sự giúp đỡ của 2 huân thần[3] và bách quan, quên cả thân, chỉ nghĩ đến nước, thường ăn không được no, ở không được yên, đời nay đứa trẻ con 5 thước còn biết thế, huống chi người có biết được một hai điều mà tự quên thì có khác gì loài chim muông.

Gần đây, trẫm thấy thời tiết hơi được hoà thuận, lòng thực có mừng. Ngày nay ngờ đâu ác tinh lại mọc ra, thì thân mọn này chối sao được lỗi, nên sức cho Nội các vâng theo lời Dụ, khuyên răn các quan trong, ngoài phải gia tâm giúp đời, cho vững yên cơ đồ mãi mãi, ấy là phúc lớn của vua, tôi, sĩ, thứ ta.

Cho nên tôn đài cùng các đại thần dâng nói : Từ xưa, buổi đời hữu đạo, tai quái thường nhiều, vì lòng trời nhân ái hiện ra, khiến cho vua biết tự răn mình. Nay sao Tuệ, sao Kim[4] hiện ra qua loa, liền đã tan mất ngay, kính suy luận lời phê, được thấy hoàng thượng ta một lòng chăm lo ; gặp tai biến mà biết sợ, về cách trừ tai, không gì hơn thế được. Cúi xin hoàng thượng, lòng thanh khiết khấn cầu, thường giữ kính cẩn, thì trời chứng minh cảm cách không xa, thực là phúc của thần dân cả nước. Vả lại, cảnh tượng trời huyền bí, không phải là người tinh thông sâu sắc, không thể lường biết được. Cứ theo sách chép, thì sự tốt xấu cũng khó xác thực, nay nếu tuyên bố tờ Dụ, sợ có kẻ hiếu sự, không khỏi nhân thế mà mê hoặc lòng người, về việc vâng theo lời Dụ, xin nên đình lại, nhưng xin chuẩn giao cho đình thần phải kính duyệt lời phê, khiến cho cùng nhau mưu nghĩ, giúp lúc gian nguy này, ngõ hầu có thể ngầm hợp với cơ huyền bí, để thư được lòng lo đêm lo ngày của hoàng thượng. Vua y theo.

Chuẩn cho thự Tuần phủ lĩnh Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Trần Lưu Huệ, thực thụ Tuần phủ, vẫn lĩnh chức ấy.

.....

(1) *Chín miếu* : các miếu 9 đời chúa Nguyễn.

(2) *Hai cung* : Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ và Hoàng thái hậu.

(3) *Hai huân thần* : Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình.

(4) *Sao Kim* : sao Thái Bạch (ở về phương tây, thuộc hành Kim, nên gọi Kim tinh).

Nguyễn Hữu Độ tâu nói : Cha đã chết của viên đại thần ấy, suốt đời cần học, thuộc qua kinh sử, nguyên trước vì là con cháu công thần, sắc thụ Chánh đội, nên thứ trước ân tặng, vẫn theo hàm võ, danh và thực e chưa xứng nhau ; cùng là người thứ mẫu, trước nuôi đại thần làm con, yêu đãi dạy bảo, không khác con đẻ, mà chưa có chút nào báo đáp, lòng rất chưa yên, xin chờ ân cách, phụng chuẩn cho tiên phụ đại thần ấy, đổi theo ban văn, chiểu hàm gia tặng ; đích mẫu viên ấy tặng chánh nhị phẩm phu nhân, thứ mẫu tặng chánh tam phẩm thục nhân.

Thân hào 2 phủ Anh Sơn, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An chiếm giữ, quấy nhiễu các hạt ấy ; lãnh binh, hiệp quản, suất đội phái đi đánh dẹp đều bị chúng bắt.

(Phó lãnh binh là Hồ Tiến Nghị ; Hiệp quản là Phan Khắc Đoan, Hồ Kiệm ; Suất đội là Nguyễn Khoa, Từ Văn Phúc) các viên phủ, huyện đều bỏ thành đi nơi khác.

(Tri phủ Diễn Châu là Nguyễn Đức Luận ; Tri phủ Anh Sơn là Nguyễn Văn Đạo ; Tri huyện Thanh Chương là Tôn Thất Thiệu). Vua sai quan tỉnh Nghệ An bàn với quan Pháp cần phải đánh dẹp ngay.

Giảm bớt và dồn binh đinh các vệ, đội : Thủ hộ, Kiền thị, Phụng trực, ngạch cũ, quân ở 3 vệ, đội, cộng 1.518 người ; (Thủ hộ trung vệ 408 người, vệ Tả 345 người ; Kiền thị 525 người ; các đội Phụng trực 240 người). Đến nay số binh giảm mất một nửa ; vua mới chuẩn cho bắt một nửa số lính thuộc quê phủ Thừa Thiên (còn người nào quê thuộc Quảng Trị, Bình Định, Quảng Nam sẽ lại bắt, để vào các quân) hiện được 578 người, trích thêm 22 người ở vệ Võng thành, cộng 600 người chia làm 2 vệ Thủ hộ, Kiền thị (Thủ hộ 400, Kiền thị 200) để sung vào canh, trực các tôn sở, lăng tẩm.

Khôi phục lại lệ ấn quan võ bàn giao phải làm tập tâu. Lệ trước, việc bàn giao xong, đều phải làm tập tâu dâng lên vua xem. Tháng giêng năm ngoái, đổi nghị, cho tự do bộ Lại xét biết, đến nay chuẩn cho theo lệ cũ, cho trọng sự thể.

Định lại lệ sách phong ở trong cung. Theo phép cũ, lục phi dùng sách bằng bạc mạ vàng ; cửu tần và tiệp dư, quý nhân, mỹ nhân, tài nhân đều dùng sách bằng bạc, đến nay bộ Lễ cho là triều đình đặt quan, chia chức, lấy tước bậc làm quý, không lấy vàng bạc làm khinh trọng, nay phong từ phi, tần trở xuống 8 người làm sách bằng bạc, thì dùng bạc rất nhiều, nếu chiểu lệ chế cấp, không những thợ và đồ dùng cần cấp, mà sau khi chết, đổi cấp sách bằng đồng, rất là phức tạp. Chuẩn cho từ cửu giai trở lên, đều đổi dùng sách phong bằng vóc.

(Theo mẫu mực sách bạc, mỗi quyển 3 tờ 2 trang, chiểu theo thước mộc của Nhà nước, sách của hàng phi, đều dài 7 tấc 2 phân, rộng 4 tấc 5 phân ; sách của hàng tần, đều dài 5 tấc 2 phân 2 ly, rộng 3 tấc 6 ly ; tiệp dư và quý nhân, mỹ nhân,

tài nhân đều dài 5 tấc, rộng 2 tấc 9 phân 5 ly đều dùng thứ lụa đậu 8 sợi tơ, màu vàng chính của Trung Quốc và ở mặt tơ đều trổ rồng mây, trong thì viết bài sách).

Cấp thêm ruộng lương cho các hạng giản binh có thứ bậc. Lệ cũ : Thân cấm binh 9 sào, tinh binh 8 sào, tạp sắc binh 7 sào. Đến nay vua cho là ngạch binh giảm bớt một nửa, số ruộng thừa ra rất nhiều, cấp thêm cho thân cấm binh 6 sào (cộng 1 mẫu 5 sào) ; tinh binh 4 sào (cộng 1 mẫu 2 sào) ; tạp sắc 3 sào (cộng 1 mẫu). Trong đó, xã, thôn nào số ruộng không đủ, thì chiểu theo số ruộng nhiều hay ít chia cấp cho đều, không được nhất luật câu chấp lệ này.

Chuẩn cho lệ lương thuộc viên ở viện Cơ mật được cấp thêm gấp đôi (lệ cũ gấp rưỡi), vì cớ là hiện nay công việc bận nhiều, các thuộc viên ở viện ấy, ngày đêm khó nhọc.

Sai quan chia đi trong Nam, ngoài Bắc sửa sang đường sá, cầu cống.

(Từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, do Tham tá phủ Thừa Thiên là Nguyễn Đình chuyên trông coi ; từ Bình Định đến Bình Thuận, do nguyên Án sát Sơn Tây, giáng bổ Thị độc là Trịnh Bỉnh Điểm chuyên trông coi ; từ Hà Tĩnh đến Thanh Hoá, do Tá lý bộ Hình là Dương Quán chuyên trông coi).

Tháng 12, tấn tặng cha mẹ đã quá cố của Hoàng thái hậu. Dụ rằng : Từ xưa làm vua trọng hậu nguồn phúc, ưu đãi họ ngoại, là để tỏ lòng hiếu trị. Nghĩ đến đặc tiến vinh lộc đại phu, Thái bảo Đông Các Đại học sĩ là Vũ Xuân Cẩn, phụ tá 3 triều, trước sau một đức, sinh ra thánh mẫu ta, nối theo phép tốt, sẵn phúc từ hoà. Khoảng năm Tự Đức, ban ơn phong tặng cha mẹ bậc nội cung, lần ấy, quan đại thần ấy vì phẩm cũ đã cao ; đích mẫu cho là họ Bạch theo tước của chồng, đình việc phong tặng ; sinh mẫu là họ Trần khâm tặng nhất phẩm phu nhân đó là theo lệ.

Trẫm nay nối nghiệp lớn vẻ vang, lại nghĩ đến đức sáng, nên phải ân lễ long trọng, để tỏ phúc đặc thù. Vậy cho gia ân tặng Vũ Xuân Cẩn là Lệ quốc công, họ Bạch, họ Trần đều tặng là Quốc phu nhân, để tỏ hậu lễ. Kính tuân Dụ này.

Sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại là Phan Đình Bình đi kinh lược Quảng Bình. Bấy giờ, Phó đô thống Pháp bàn rằng hiện tình Quảng Bình chưa yên, lại nghe tin Hàm Nghi đế ẩn trú ở xã Thanh Hà phủ Quảng Trạch. Các đồ đảng phân tán lan tràn, quấy nhiễu, các viên phủ, huyện ở đấy nhiều người sợ tránh, tất phải có vị đại thần trọng vọng, đi đến kinh lược, mới mong được chóng yên, cho nên có mệnh lệnh này.

Chuẩn cho lính lệ ở các hạt, phủ, huyện được đem số giản binh ở gần đấy khấu điền vào. Viện Cơ mật tâu nói : Theo lệ trước, lính lệ ở phủ, huyện đều là chiêu mộ, nên phần nhiều trốn thiếu không đủ. Nay ngạch giản binh đã được giảm một nửa, thì ngạch giản binh hiện thừa rất nhiều, xin do các phủ, huyện chiểu theo ngạch

giản binh các xã, thôn thuộc lỵ sở ấy, đem điền vào lính lệ, cứ 2 tên lính lệ cho được khấu trừ 1 tên giản binh, cốt đủ số lính cũ (các phủ và huyện ở Kinh 30 tên lính, còn các huyện đều 20 tên), còn thừa thì điền vào ngạch giản binh, nếu ngạch giản ngạch ở các xã, thôn gần đấy không đủ, thì cứ trích ở các xã thôn tiếp giáp gần lỵ sở, điền cho sung số. Về khoản tiền lương, tham chiếu lệ giản binh, lại lượng cấp ruộng lương, cứ 2 tên lệ binh thì theo như 1 tên tinh binh ngạch giản (tinh binh mỗi người 1 mẫu 2 sào, lệ binh chiểu cấp 6 sào) mà chiểu cấp, dồn xong làm danh sách tư bộ để xét. Về binh phục, may áo bằng vải màu lam (thân dài 1 thước 2 tấc) ; ở vai áo có vạch đỏ, để cho có phân biệt. Vua chuẩn cho giao các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam tuân hành.

Viện Cơ mật tâu nói : Gần đây, các vật hạng ban cho quan Đại Pháp, duy có kim khánh là quan Pháp trân trọng hơn cả. Nhưng có chữ niên hiệu Đồng Khánh lại càng quý. Xin do phủ Nội vụ bỏ ra các hạng vàng, giao cho đốc công chế rất nhiều kim khánh hạng vừa và hạng nhỏ.

(Hạng vừa khoảng độ 5 đồng cân vàng ; hạng nhỏ khoảng 3 - 4 đồng cân ; một mặt khắc chữ "Đồng Khánh sắc tứ" ; một mặt khắc các chữ : "Giảng tín, tu mục"[1] hoặc "thù huân"[2], hoặc "thưởng công"[3] để phòng ban cấp, hết lại tiếp tục đúc thêm).

Lại gần đây, các quan văn, võ lớn, nhỏ, phàm có công lao xoàng, đều được ân cấp các hạng khánh (hoặc vàng, hoặc vàng tía, hoặc bạc). Duy quan Đại Pháp đã lấy khánh của ta làm trọng, thì hạng khánh ấy cũng nên để làm quý, nếu để ty thuộc của ta được đeo, thì quan Pháp thấy thế, sợ có trạng thái như nhau, xin đã dự định, ấn quan đã được ban cấp thì được đeo ; còn các thuộc viên phải đều cất làm gia bảo, không được đeo dùng. Nhưng từ nay về sau, thuộc viên tam phẩm trở xuống, đáng được thưởng cấp, thì đều đổi cấp bằng kim tiền, ngân tiền, còn như các hạng khánh, xin nên đình chỉ, để cho có phân biệt, mà người biết là vật quý. Vua chuẩn cho theo nghĩ định.

Rút Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên là Nguyễn Tu về Kinh ; cho : Lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh là Ngô Trọng Tố đổi lĩnh Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên Hồng lô tự Thiếu khanh Tá lý bộ Hộ hiện sung Khâm sai Nghệ An là Vũ Khoa thăng thự Hồng lô Tự khanh, lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh.

Tu vì tháng trước bị quyền Kinh lược sứ là Nguyễn Trọng Hợp hặc tội nói : Tỉnh ấy mấy năm nay, trộm cướp chưa yên, viên Tổng đốc ấy từng không tìm cách dụ yên, thực là lười biếng. Thượng thư Đại Pháp là Sinh-bích cũng gửi thư cho

(1) *Giảng tín tu mục* : giữ lòng tin thực, sửa việc bang giao.
(2) *Thù huân* : đền báo công lao.
(3) *Thưởng công* : thưởng người có công trạng.

Nguyễn Hữu Độ nói Tu, phàm các công việc phần nhiều không đáng khen, cho nên chuẩn cho rút về, rồi cho Trọng Tố là người địa phương ấy đã hiểu tình thế, chuẩn cho thay sung chức ấy.

Chuẩn cho các hạng binh ở tỉnh ngoài, số lương tháng chiểu theo lệ cũ (tiền 1 quan, gạo 1 phương) nay cấp thêm cho 1 quan tiền. Bấy giờ, ngạch binh đã giảm một nửa, công việc bận nhiều, mà số lương tháng chỉ theo như cũ, quan Tuần phủ Quảng Trị là Cao Hữu Sung đem việc tỉnh ấy tâu lên, cho nên trong Nam, ngoài Bắc cũng chuẩn cho cả.

Bố chính là Nguyễn Đình Dương và Án sát là Nguyễn Huy Trác ở Quảng Bình đều bị côn đồ bắt được. Bọn Đình Dương gần đây vì quan Đại Pháp ở trong thành, mới đóng riêng ở ngoài thành, để tiện làm việc. Ban đêm, hơn 100 côn đồ thừa lúc canh phòng sơ hở, bắt được đem đi nơi khác (Đình Dương sau bị chúng hại). Việc ấy đến tai vua, vua chuẩn cho Bố chính Hưng Hoá bị cách là Lê Lượng, lĩnh chức Bố chính và nguyên Án sát Phú Yên phải giáng là Hoàng Công, theo hàm Kiểm thảo lĩnh Án sát, 2 viên ấy đều là người địa phương ấy (Lượng sau bị bệnh không đến).

Sửa cung Trường Ninh. Trước đây, Nguyễn Hữu Độ dâng sớ nói rằng : Ngày tháng 8 năm nay, thần cùng Khâm sứ Đại Pháp là Sam-bô, kính đến Khiêm lăng được ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ chuẩn cho Hoàng thái hậu về ở nội điện. Lại vâng lời Từ Dụ, trong có khoản nói : Hoàng thái hậu, đón về Nội điện để chỉnh đốn quy tắc ở Nội cung, mấy lần đã tuân theo bá cáo trong ngoài, nay Hoàng thái hậu ngự về ở đó chưa có định sở, nên thần trộm xét : Người là mẫu nghi cả nước, nếu chưa đón rước về Nội điện thì Hoàng thượng khi sớm tối, đến hầu thăm người, rất thấy thực khó, sợ rằng lòng hiếu trị vẫn chưa được xứng, vả lại gia pháp bản triều, cố nhiên không có chính sách buông rèm nghe việc nước, chỉ vì Hoàng thượng tuổi đã cao, phàm có việc gì quan hệ đến việc trong nội cung, cũng phải bẩm lên, nhờ được Hoàng thái hậu phụng thờ Dực tông Anh hoàng đế 36 năm, đối với đạo làm mẹ, tin là nối được đức tốt. Theo lời Dụ chuẩn của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ, thực là mưu kế rộng lớn lâu dài cho Hoàng thượng.

Nay xin lập tức sửa sang điện Khôn Thái hoặc cung Trường Ninh, kính tuân Dụ chuẩn, đón rước Hoàng thái hậu về ở, một là để tiện việc hầu thăm Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ ; một là để tỏ lòng thần hôn của Hoàng thượng ; giữ đúng quy tắc người mẹ, để làm gương mẫu, thì Hoàng thượng trên có thánh mẫu, việc thủ thành tất được lâu dài, không để cho bọn tiểu nhân biển nịnh được dần dà lựa ý nịnh nọt.

Lại gần đây bỗng gặp lúc gian nguy, may nhờ được miếu xã để phúc, nước Đại Pháp giữ giúp, mới có ngày nay. Hiện nay, nơi gần thì Kinh thành nhà vua hãy còn

mờ mịt ; nơi xa thì trong Nam, ngoài Bắc, giặc giã chưa yên, chính là lúc do hoạn nạn nhiều, mà nước phục hưng, lo nghĩ lắm, lòng thêm sáng suốt. Cúi xin Hoàng thượng lo siêng không nản lòng, gắng sức để cầu trị, ngày thường ăn uống, nên có tiết độ ; công việc chốn cung đình, lượng cho giảm bớt ; để sửa sang mọi việc, trị yên trong ngoài, trên thì tiên linh 9 miếu được yên, ngoài thì đáp được lòng mong ước lớn cho cả nước được may lắm.

Vua khen và nghe lời, chuẩn giao tôn nhân, đình thần nghĩ lại rồi thi hành.

Đến nay, đình thần phúc tâu nói : Tờ tâu của đại thần ấy, so sánh tình lẽ, thực đã thoả hợp. Duy có điện Khôn Thái là giáp với phía sau điện Càn Thành, nếu rước Hoàng thái hậu đến ở đấy, gặp khi có khánh tiết, các quan đến lạy mừng, sợ có điều chưa tiện, cung Trường Ninh hiện cũng to rộng, xin giao bộ Công bắt nhiều lính và thợ, cho sửa sang khẩn cấp, rồi sẽ kính rước về ở, cho nên vua chuẩn cho theo thế mà làm.

Tháng ấy, kính gặp tế Hợp hưởng. Quan bộ Lễ tâu nói : Năm đầu Thiệu Trị và Tự Đức, kính gặp lễ này, đều rước thánh giá đến làm lễ, nay Hoàng thượng mới nối ngôi, vốn phải kính theo phép trước, chuẩn bị nghi lễ long trọng, để tỏ lòng đáp ứng đến tổ tiên. Nhưng hiện nay, đồ nhạc khí chưa đủ, nghi văn tưởng chưa rõi mà chỉnh đốn được. Vậy xin lễ Hợp hưởng kỳ này và lễ Xuân hưởng tháng giêng sang năm, đều chọn phái viên sung làm lễ thay. Vua y cho.

Châm chước giảm bớt lệ thưởng cấp các phủ đệ và tôn thất. Trước đây, viện Cơ mật tâu xin chuẩn cho bổng lệ các phủ đệ và tôn thất, số ấy nhiều quá, phải nên giảm bớt, xin do bộ Hộ chước nghĩ. Đến nay bộ thần trước hết đem thưởng cấp lệ cũ nên châm chước nghĩ lại dâng lên.

Lệ trước, gặp tết Nguyên đán, hoàng thân, tôn tước và tôn thất văn lục phẩm, võ ngũ phẩm ở Kinh, ơn được thưởng cho đĩnh, bạc lạng và tiền có thứ bậc. Nay, xin gần đến kỳ ấy, do phủ Nội vụ, dự xét hạng nào hơi thừa, không cứ là bạc lạng, hoặc bạc đĩnh và tiền, có đáng thưởng cho, thì phải tâu, xin chuẩn cho thi hành.

Từ hoàng thân, vương công, công chúa, ấn quan, ngũ phẩm trở lên và tôn thất nhàn tản, thì lệ cấp tuất, đều chiểu lệ cũ cấp cho một nửa, đợi khi nào kho hơi thừa thãi, sẽ nghĩ định sau.

Công nữ các phòng đi lấy chồng, theo lệ được tiền trang sức : Trưởng nữ 800 quan, thứ nữ 500 quan, nay đều xin đình cấp.

Ấm thụ ở nhà, chiểu phẩm chi nửa lương và khi chết chiểu phẩm cấp nửa tiền tuất, nay xin đình cấp.

Cháu gái các công và con gái các dòng tôn thất đồng niên thưởng 6.000 phương gạo, nay xin đình cấp.

Vua chuẩn cho theo nghĩ thi hành.

Các phủ, huyện : Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn, Hà Đông, Duy Xuyên, hằng tuần đều bị giặc đốt phá, toàn hạt Quảng Nam lại nhiễu loạn lớn (nguyên Thương biện Nguyễn Học làm chủ). Quan tỉnh ấy đem việc tâu lên, nhân nói : Hỏi ra được biết từ sau khi Trần Văn Dư bị giết, bọn giặc mang lòng ngờ sợ, không dám quay đầu về, mới thành ra cái thế cưỡi hổ, xin xuống Dụ khuyên bảo, cho chúng yên lòng phản trắc, mà cư dân được yên.

Vua mới kể rõ tội danh Trần Văn Dư bá cáo sĩ thứ Quảng Nam rằng : Ngày trước, cứ quyền Chưởng Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Chu Đình Kế kính đệ tập tâu, trình bày nguyên Sơn phòng sứ Trần Văn Dư trái mệnh triều đình, sai bắt binh, dân ; các việc đã hội đồng với quan Đại Pháp đem chém như thế. Vả lại, giặc Thuyết đổi lời thề, sinh sự, ở Kinh và tỉnh ngoài xôn xao lên, có nơi nổi loạn, cố nhiên không nên bàn nữa. Sau trẫm nối ngôi lớn đến nay, cũng đã lâu ngày, thế mà Văn Dư còn dám làm liều như thế ; trẫm thương hắn là người cũ, không nỡ vội bỏ, đã chuẩn cho viện Cơ mật, tư bắt hắn phải sớm quay về, sẽ lượng cho khoan tha, rồi y cứ một mực trùng trình không hối đổi chút nào. Đến khi quan quân Đại Pháp đến đấy, tự biết là không thể chống nổi, trốn về tỉnh ấy thương thuyết, thì việc đã muộn rồi, quan tỉnh ấy cùng quan Đại Pháp nghĩ xử tử tội, thực không phải oan. Thế mà bọn bất mãn, không xét tình thế đầu đuôi thế nào lại bảo Văn Dư, vì ra thú mà chết, mới mang lòng ngờ sợ, không chịu thò ra, nhân thế mê hoặc lòng người, đốt nhà, cướp của làm liều, tức như ngày gần đây, các phủ, huyện Thăng Bình, Quế Sơn, bị chúng đốt phá, đến khi đại binh kéo đến, thì ngọc đá đều bị đốt cháy. Cố chấp, mê muội như thế, thực là đáng giận, đáng thương.

Này như tai hoạ làm ra, không thể tránh được, có tội phải chịu, bọn sĩ thứ các ngươi, nếu lương tri, lương năng chưa mất, lòng nghĩ đến tôn thân người trên, không nên tự theo việc làm trái với luân thường, mang lấy tội nặng vào mình, mới gọi là bậc sĩ phu có đọc sách và người dân biết thuận theo phép nước. Bọn ngươi sao không nghĩ việc thiên hạ chỉ có lý cùng thế mà thôi ; càng con bọ ngựa đương sao nổi được với bánh xe và trứng chọi với đá Thái Sơn, dập tan rất dễ, là thế tất nhiên. Bọn ngươi kíp nên đổi ác làm thiện và sớm quay về : Kẻ nào là đầu mục thì đến Kinh thú phục, sẽ lượng cho khoan miễn ; kẻ nào bị hiếp phải theo thì yên tâm cày ruộng, đào giếng, để cùng giúp nhau ở chỗ nuôi yên lâu dài, còn vui nào bằng. Nếu bọn ngươi còn vin dựa vào việc Văn Dư, nói bịa ra, làm cho người ta mê hoặc, không biết sợ hối, vẫn cứ tụ họp để làm việc ác, để quan quân phải đánh bắt, phạm vào hiến pháp hình phạt, thì muốn hối lại sao kịp. Bọn ngươi nên phải kính theo.

Chuẩn định : Các viên nhân vì năm ấy có loạn tản về, mà nay chậm đến, thì nghĩ xử có thứ bậc.

(Trừ quan dự có ấn khi ấy không thể ở lại đợi được rồi tự tiện về quê nhà, ở nhà mãi không tới, thì nghĩ xử cách chức ; cùng viên nào tâu về, chợt gặp các tỉnh ấy có việc, theo ngay tỉnh phái uỷ vào trong vòng cuối tháng 9 và có duyên cớ như bị có tang cha mẹ, hoặc gia sản bị đốt phá, hoặc mắc bệnh nặng, có bẩm tỉnh, tư báo làm bằng cứ, thì đều được miễn nghị ra, còn văn từ cửu phẩm, võ từ suất đội trở lên, viên nào từ mồng 1 tháng 10 đến cuối tháng, hiện đều đến bộ chờ đợi, có đủ đơn bằng ; và viên nào ở địa phương có loạn, mà trong tháng 11 đã đến bộ, thì đều gia ơn giáng 1 cấp. Còn viên nào hiện chưa đến, cùng viên nào nguyên ở địa phương không loạn mà đến tháng 11 mới tới ; và viên nào tản về, tuy có theo tỉnh sai phái, mà đến sau tháng 10, xét ra là có tình riêng trông ngóng, thì đều giáng 2 cấp, bắt dời chức).

Việc này vào đầu tháng 8 đã chuẩn cho giục cấp, rồi được mấy lần khoan hạn (trong khoảng cuối tháng 9), mà nhiều người chậm trễ đến ngoài hạn ; cho nên chiểu tình nghĩ xét, khiến cho biết răn sợ.

Bắt đầu cho lĩnh trưng thuế quế ở Quảng Nam. Hai nguyên Trà Mi, Thu Bồn hạt ấy, sản xuất nhiều quế, chỉ có dân đinh Man Thu Bồn chịu nộp số bạc về thuế quế để khấu trừ hơn 118 cân vỏ quế chưa có người nào lĩnh trưng, đến nay người buôn là Lê Đồng Ký có đơn xin lĩnh mua 3 năm, mỗi năm 10.000 quan, xin nộp tiền trước, thu quế sau ; trừ ra, trong 1 cân, thì được tiện mua dùng ; ngoài 1 cân, do người ấy mua cả nộp thuế, người khác không được tự tiện mua riêng, còn như xuất cảng thì phải chiểu lệ nộp thuế. Bộ Hộ xin chuẩn y cho để khỏi bỏ mất mối lợi. Vua y cho.

Đặt thêm Phó lãnh binh ở Quảng Ngãi, vì tỉnh ấy hiện nay việc cầm phòng rất khẩn, theo lời xin của quan tỉnh là Vũ Duy Tĩnh.

Tôn nhân và đình thần tâu nói : Ngày kỵ, ngày đản và các lệnh tiết hằng năm ở 2 tôn điện Hiếu Tư, Long An, đã được chuẩn cho làm lễ ở điện Phụng Tiên nhưng bài vị vẫn để ở điện sở rất không yên tâm. Xin đến ngày 28 tháng này, nhân ngày kỵ, làm lễ xong, do hoàng thân công đem việc ấy cáo xong cùng với quan bộ Lễ đến 2 tôn điện rước thánh vị và long ỷ, các thứ đệm ngồi, đệm trong khám, màn trong khám rước về điện Phụng Tiên kính làm lễ đốt đi để dâng. Vua cho lời xin ấy thực hợp tình, lễ, nên nghe theo.

Rước thần chủ Tăng Duệ (nguyên là Anh Duệ, năm trước vì kính gặp miếu hiệu, chuẩn cho đổi) hoàng thái tử đặt thờ phụ ở Hưng miếu, án bên tả vì cớ nhà thờ bị nát hỏng, không thể thờ cúng được.

Châm chước giảm bớt chức giám thủ ở đền thờ các phủ : Vị nào không có con thì vẫn đặt như trước ; vị nào có con nối được tập phong để thừa nhận thờ cúng được, đều vẫn sung làm giám thủ ; đình việc bổ thêm.

Phủ Thừa Thiên vì bắt dân phu chậm trễ, bị quan Pháp trách. Vua chuẩn cho Phủ doãn Phan Liêm, Phủ thừa Đoàn Như Bích đều phải giải chức triệt hồi, cho Tá lý bộ Công là Nguyễn Thạc, Tá lý bộ Hình Tôn Thất Bá thay vào.

Chuẩn cho Thượng thư bộ Lễ là Đặng Đức Địch về quê hưu trí.

... Bấy giờ, tấn tôn Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu và đợi vâng theo tấn tôn Hoàng thái hậu, phụng mệnh có chế làm các hạng : sách vàng, ấn vàng, hòm bằng bạc, hòm bằng gỗ và hộp sơn son thếp bạc (tính nặng tất cả hơn 300 lạng vàng và 127 lạng bạc) ; và quyển kim sách tấn quang (nặng 100 lạng vàng) và 1 khối vàng của đình thần lễ mừng (nặng 100 lạng), do đình thần góp tiền, trước chưa làm kịp, nay cũng phải kính làm để dâng một thể...

Bộ Lễ cho là hiện nay, kho ở Kinh chưa thừa vàng bạc và số thợ cũng ít, tâu xin chuẩn cho, chia giao 2 tỉnh Hà Nội, Nam Định chi phát vàng bạc ở kho tỉnh ấy hoặc đặt giá mua để kính làm, trình ngay viện lục sức thi hành, không đợi viện thương thuyết cho đại thần Pháp xét biết. Sau Phó đô thống Pháp nói với viện thần rằng Toàn quyền Pháp đưa thư lại nói : Việc ấy tuy là lễ phải nên thế, nhưng cũng nên tuỳ thời chước lượng mới hợp. Việc ấy là quan trọng, tưởng nên cùng bàn, rồi sau mới thi hành, không biết bộ Lễ có trình viện để chuyển bàn với Phó đô thống Pháp thế nào hay không ? Thực rất không hợp.

Viện thần, cho là việc ấy do bộ Lễ sơ suất lục sức, nên có lời trách ấy, việc ấy xin tạm đình hoãn, Đức Địch tuổi cao, làm việc lầm sót nhiều, xin chuẩn cho y về quê hưu trí. Vua y cho.

Lại cấp thêm tiền lương tháng cho các trạm từ Kinh đến Nam Ổ (từ thừa mục đến phu trạm đều 1 quan) vì thường phải khiêng đem hàng hoá cho quan Pháp rất bận nhọc.

Đô thống Toàn quyền đại thần Pháp là Cô-ra-xi về nước ; Tham tán là Ve-ra-nê (có tên nữa là Hoa-nê) quyền thay làm việc.

Chế cấp mũ, áo cho các đại thần Pháp được phong.

Trước đây, bài vàng và cáo trục hoa của các đại thần Pháp đều do Hà Nội chế làm. Tỉnh ấy đem mẫu thức đệ trình tại trụ sở Thượng thư Sinh-bích, đại thần Pháp rất kính cẩn yên tâm, nhưng lại nói : Mũ, áo của bản triều rồng, hoa, rực rỡ, trông rất đẹp, không hiểu có ban cấp hay không ? Nếu lệ không ban cấp thì đại thần Pháp tự phải mua chế, để phòng khi về Kinh triều hạ. Quan tỉnh đem việc ấy tư viện. Viện thần đến nói cho Phó đô thống Pháp biết, Phó đô thống Pháp rất là vui vẻ.

Nhân nói : Nay toàn quyền và thượng thư, cựu khâm sứ đều đã về nước, thong thả chế cũng được ; nên chế trước 2 bộ cho viên quyền toàn quyền và phó đô thống, để kịp mặc vào triều yết. Vua mới chuẩn cho chế 2 bộ mũ, áo đại triều quốc công để tặng cấp, còn 3 bộ tư cho Hà Nội tiếp tục làm gửi tặng sau, để tỏ lòng tốt.

Chuẩn cho Thị lang nguyên lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Lê Thận giáng 2 cấp, mang theo hàm mới về quê hưu dưỡng.

Chuẩn cho quan Pháp in chân dung của vua.

Bấy giờ, Phó đô thống Pháp bàn với Đô thống đại thần uỷ phái quan hoạ đồ ấn ảnh Đại Pháp đến điện đình in chân dung của vua, gửi về nước Pháp, để tỏ tình giao hiếu với nhau. Viện thần nói : Quốc tục phương Tây, lấy việc ấy làm trọng, xin nên y theo. Mới chọn ngày quang tạnh, vua mặc mũ, áo đại triều, ngồi ở điện Văn Minh cho quan Pháp chụp ảnh. Rồi chuẩn cho in thành 2 tấm ảnh, 1 tấm để lại dâng lên, 1 tấm gửi về Pháp.

Bãi vệ Dực hùng. Vệ ấy trước đặt ra đều là ngạch lính mộ, chỉ theo hầu, trực ở các nha, bộ, không phải sai vát. Nay các hạng mộ binh, đều đã đình bãi, cho nên bãi cả.

Chuẩn cho từ Thanh Hoá trở vào Nam, từ nay trở đi, phàm các xã, thôn có ngạch, trừ trước chịu số lính là số chẵn, thì tuân theo như trước chuẩn cho bắt một nửa ra, còn trước là số lẻ (như loại 3, 5, 7 tên) cũng vẫn chiểu số lẻ bắt một nửa ; còn số thừa 1 lính, đáng chịu một nửa và trước chịu số lính chỉ có 1 tên, thì đều được tha bắt.

Định rõ lệ thỉnh an. Lệ trước, hằng năm, 2 tháng mạnh xuân, mạnh thu, các địa phương đều dâng sớ thỉnh an, có ý kiến gì, cho được trình bày vào trong tập ấy, để vào hòm, niêm phong khoá kín, phát đệ đến thẳng. Viện Cơ mật cho là hiện nay đã có Đại Pháp bảo hộ, phàm các việc đều nên tỏ lòng thực, tuyên bố công cả, tưởng cũng không nên đều giữ ý kiến của mình trình bày riêng biệt. Xin hằng năm 1 lần về tháng mạnh xuân, ấn quan văn, võ các tỉnh hợp lại làm 1 tập thỉnh an, để tỏ lòng thành ; nhưng chiểu theo quy thức biểu mừng, để vào trong hòm, do bộ Lễ kiểm dâng. Còn việc trình bày cùng tập và bỏ hòm khoá kín, xin cho đình chỉ. Vua y theo.

Chuẩn cho : Nguyễn Hữu Độ kiêm sung chức Tổng tài ở Quốc sử quán (Tổng tài Phan Đình Bình sung đi kinh lược chưa về) ; Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội kiêm quản viện Đô sát.

Quyền Kinh lược sứ Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp dâng sớ đem các xã, thôn (2 xã Kim Bí, Văn Trưng ở Sơn Tây, xã Cập Nhất ở Hải Dương ; xã Thanh Nga ở Hưng Yên) không chịu cho giặc ức hiếp và chống cự, đánh bắt đắc lực (có đủ

thực trạng bắt, chém, thu tang vật), xin thưởng mỗi xã 1 biển ngạch "nghĩa dân" (trong bức biển ấy, khắc ngang các chữ lớn "mỗ xã nghĩa dân" ; phía trên bên hữu, khắc theo chiều đứng các chữ "Đồng Khánh, Ất Dậu niên phụng ban tứ") để tỏ khuyến khích.

Vua chuẩn cho theo nghĩ. Rồi cho là hiện nay tình thế các hạt trong Nam, ngoài Bắc, cũng nên ân thưởng như thế, sai lục sức cho tuân hành tất cả.

Tiễu phủ sứ Sơn phòng ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tuân lệnh đem những người có quân công thu phục thành Quảng Ngãi phân biệt nghĩ thưởng tâu lên. Vua chuẩn cho Trần Văn Lưỡng là người đắc lực hơn cả (nguyên Lãnh binh bị giáng 3 cấp, dời chức, quyền sung Phó lãnh binh) được khai phục Quản cơ lĩnh chức Lãnh binh và Trương Quang Hùng (Suất đội), đuổi mắng tên đầu đảng giặc, rồi bị chúng giết, được truy tặng Cấm binh Chánh đội, chiểu hàm, tặng cấp tiền tuất và cho tập ấm ; còn thì, thưởng thăng, khai phục, truy tặng tất cả hơn 40 người.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN III*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Bính Tuất, Đồng Khánh năm thứ nhất [1886] (Thanh, Quang Tự năm thứ 12), **mùa xuân, tháng giêng,** ngày mồng 1. Vua đem hoàng thân và bách quan đến cung Gia Thọ[1] lạy mừng và dâng kim tiền tiến lễ mừng (tiền kẽm 10.000 quan). Lại đến chỗ Hoàng thái hậu lạy mừng (hoàng thân và bách quan được miễn lạy), dâng kim tiền lễ mừng (tiền kẽm 8.000 quan). Rồi ngự điện Thái Hoà nhận triều hạ. Phó đô thống Đại Pháp là Ba-đam đem hơn 50 viên quan Pháp đến kính làm lễ triều hạ.

Buổi chiều hôm ấy, vua giá ngự chơi xuân. Trước đây, Phó đô thống trình bày rằng : Quý đại thần phụng mệnh quý quốc đến bảo hộ nước ta, từ bấy đến nay, tình nghĩa thân mật. Duy vua, tôi chia cách, chưa đủ tỏ lòng tin nhau. Nay gặp Hoàng thượng nhân đầu xuân đi chơi, sĩ, dân đều mừng vui tươi ; quý đại thần xin đem hết quan quân và phường nhạc Pháp theo đi hộ giá, để tỏ sự tôn kính và khiến nhân dân nước ta đều biết lòng thực của quý quốc bảo hộ.

Vua chuẩn cho theo lời bàn để tỏ lòng tốt. Đến nay vua đi chơi, quan quân Pháp cùng quan quân ta đều theo hầu, nghi vệ đổi mới ; người đi xem không ai là không cảm khái ngày nay với ngày xưa.

Phó đô thống Pháp gửi thư đến nói : Trước đây phụng Chỉ phong tước cho các quý đại thần, nay Phó đô thống cùng Đô thống Vi-nê, Thượng thư Sinh-bích, đều

---

(1) *Cung Gia Thọ* : cung của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ.

xin cảm ơn và nhận. Còn như cựu Đô thống Cô-ra-xi, cựu Khâm sứ Sam-bô cho là trong nước chưa được yên thịnh, nên chưa muốn lĩnh nhận. Mới chuẩn cho các hạng cáo trục hoa và kim bài của 2 quý đại thần ấy, đều hãy đình lại để đợi.

Sai Thượng thư bộ Công là Hoàng Hữu Thường đi đến Quảng Trị, Quảng Bình khám xét nhà trạm và đường sá, đốc thúc nghiêm ngặt cho công việc làm được nhanh.

Kính đem hoàng kim và gạo trắng cung tiến cung Gia Thọ (hạng vàng 8 tuổi và 5 tuổi 10 lạng, gạo 1.800 phương) ; tôn sở Hoàng thái hậu (hạng vàng 8 tuổi và 5 tuổi 8 lạng, gạo trắng 1.500 phương) vì theo lệ tết Nguyên đán.

Tổng đốc Thanh Hoá là Lương Thành tâu nói : Các phủ, huyện Quan Hoá, Quảng Tế, Cẩm Thuỷ, Lương Thường, Thuỵ Nguyên, An Định thuộc miền thượng du tỉnh ấy ngày nọ bị Hà Văn Mao tuyến dẫn bọn giặc người Thanh và hiếp dỗ thổ dân quấy nhiễu bừa ; đã uỷ bọn Đề đốc Nguyễn Như Cung coi đem 2.500 tinh binh, hợp cùng bọn Sơn phòng sứ, chia đường ngăn đánh, thường được thắng trận, bọn giặc đã lui dần, nhưng phận rừng rộng rãi, giặc ấy giữ hiểm, lúc hiện, lúc ẩn ; hiện đương thừa cơ đánh bắt. Nay được chuẩn cho tỉnh ấy xét rõ công trạng khó nhọc của quan quân nhiều lần đi ở trận ấy, có nên khen thưởng thế nào, sẽ giao cho xét nghĩ làm việc.

Quyền Đô thống Bắc Kỳ là Vi-nê thăng Chánh đô thống chuyên coi công việc ở Bắc Kỳ và nước ta.

Phủ Thừa Thiên giá gạo đắt. Vua chuẩn cho trích lấy 5.000 hộc thóc ở kho bán ra cho dân (mỗi hộc 1 đồng bạc hoặc tiền 6 quan).

Khâm sai Quảng Nam là Chu Đình Kế tâu nói : Thế giặc tỉnh ấy lớn dần ; quân tỉnh ấy trốn nhiều, hiện còn không mấy, chống giữ không đủ. Vua chuẩn cho sức các phủ, huyện chiêu mộ, mỗi hạt cần được 200 - 300 tên, chế cấp cho khí giới để giúp việc phòng thủ.

Chuẩn cho nguyên Thượng thư bộ Công sung Khâm sai Quảng Nam là Chu Đình Kế rút về đổi làm Thượng thư bộ Lễ.

Nguyễn Loan ở Quảng Ngãi (người huyện Mộ Đức, là con Tổng đốc đã chết là Nguyễn Bá Nghi) và Bùi Điền, Đặng Đề ở Bình Định dẫn bọn giặc chia làm 3 đường đến quấy rối Quảng Ngãi (1 đường từ núi Thạch Tân đến chiếm thẳng huyện Mộ Đức ; 1 đường từ đồn Lão Thuộc tắt qua đồn Thanh Thuỷ ; 1 đường từ núi Thạch Tân đến chợ Trà Câu). Quan Sơn phòng là Nguyễn Thân đón đánh, phá tan được. Bấy giờ, 1 đạo quân giặc đến sát ngay 1 đồn thuộc sơn phòng ấy, chia từng toán đón đánh. Quan sơn phòng phái bọn Chánh, Phó lãnh binh là Trần Văn Lưỡng,

Nguyễn Tiến Đạo, chia đường đến đánh, mà tự đốc suất các toán binh đánh sát tận nơi, quân giặc vỡ chạy, quan sơn phòng lập tức đến thẳng chợ Trà Câu đánh nhau với đạo quân hậu của giặc, giặc cũng nhiều người bị thương và chết, phải lui chạy ; mới dẫn binh đến huyện Mộ Đức, thu lại huyện thành. Đạo quân tiền của giặc lại về đóng ở Thiết Tường, quân của sơn phòng ấy đón đánh, chúng phải chạy. Ngày hôm sau, quân giặc lại từ địa phận Man, dẫn quân Man chiếm giữ đồn Thường An. Quan Sơn phòng lập tức tiến quân lấy lại đồn ấy, giặc mới lui về Bình Định. Trước đây, giặc đã chiếm huyện Mộ Đức, 1 đạo đến thẳng tỉnh thành Quảng Ngãi, đóng quân để đợi ; bỗng nghe các đạo đều thua, bèn chia ra đi cướp thóc gạo của dân cư gần tỉnh thành ấy rồi đi.

Chuẩn cho quan viên văn, võ ở Kinh và tỉnh ngoài từ ngày 30 tháng chạp năm ngoái trở về trước và ngày 11 tháng 8 trở về sau, nhân việc công bị nhầm lỗi phải phạt bổng, thì nay đều chuẩn cho khoan miễn là gặp kỳ đầu xuân, ban ơn.

Vua sắc rằng : Lệ trước, ngày thị triều, thì bách quan họp lại đến châu ; ngày không phải triều, đình thần có khi buổi sớm cũng đến họp làm việc ở 2 bên giải vũ, một lát mới lui. Nay nên chiểu theo lệ trước thi hành, cho hằng ngày sum họp giúp nhau như cũ, để công việc được nhanh.

Chuẩn cho : Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội, thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh chức cũ Tham tri sung Khâm sai ; quyền lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Tôn Thất Phiên, thăng thự Thượng thư vẫn sung chức cũ ; Thị lang bộ Công là Lê Hữu Thường, thăng thự Hữu tham tri bộ ấy ; Trực học sĩ sung Sử quán Toản tu là Vũ Nhự thăng thự Tham tri vẫn sung chức cũ.

Tiết Vạn thọ, vua chuẩn cho hoàng thân và quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài, các người phạm lỗi bị giáng cấp, thì do bộ làm danh sách tâu lên, đợi ban ơn rộng khắp.

Tổng đốc Nam Định là Vũ Văn Báo tâu nói : 50 tên mộ binh đội Định Hải ở cửa biển Ba Lạt thuộc hạt ấy, nguyên trước làm việc công ở cửa biển ấy, cấp cho khai khẩn 50 mẫu ruộng hoang. Nay vùng bờ biển yên tĩnh, đội binh ấy hiện còn 40 tên và số ruộng hiện có 443 mẫu, xin lập làm ấp Định Hải, chiểu lệ làm thành sổ, chịu thuế. Vua y cho.

Tổng đốc Thanh Hoá là Lương Thành tâu nói : Tôn thành Triệu Tường giáp các miền núi, khí độc ở núi rất nặng, từ trước phái binh các vệ đóng phụ thêm ở đấy, nhiều người mắc bệnh hoạn. Vệ Nhuệ vũ huyện Tống Sơn, thuỷ thổ đã quen, trừ đã giảm bớt một nửa và chọn sung làm tập minh ra, hiện còn 230 tên, xin cho binh ấy chia từng ban đóng giữ, cho người cùng với thuỷ thổ hợp nhau. Vua y theo.

Dân theo giáo ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đốt phá huyện lỵ và các xã, thôn : Quỳnh Đôi, Bào Hậu (hơn nghìn nóc nhà và đàn ông, đàn bà cũng nhiều người bị chết).

Quan Pháp là Hách-tô sang quyền Khâm sứ đại thần. Chuẩn cho lĩnh Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Trần Lưu Huệ triệt về ; cho nguyên Sơn phòng sứ Hà Tĩnh là Nguyễn Chính thăng thự Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh (Chính, tháng 8 năm ngoái thăng Hữu tham tri bộ Công, lục Chỉ chưa đến, rồi Lê Thuyết đem Hàm Nghi đế đến sơn phòng, Chính vẫn ở lại sơn phòng. Đến khi quân Pháp tiến quân đánh lấy phòng nha, Chính mới tìm đường về Nghệ An, nhân cáo bệnh lưu lại Nghệ, cho nên có mệnh lệnh này).

Năm ấy, gặp kỳ tế đại tự, được đình thần dâng phiến tâu xin ; vừa mới loạn xong, chuẩn cho đình tế 1 lần. Mới lấy ngày Quý Mão tháng ấy, chia sai hoàng thân công kính đến tôn đàn và Thái miếu, Thế miếu đem việc ấy kính cáo.

Chuẩn cho Nguyễn Hữu Độ sung làm Toàn quyền đại thần, Nguyễn Thuật sung Phó toàn quyền đại thần đệ bản hoà ước và điều ước về mỏ, đến Sứ quán cùng với quyền Khâm sứ Hách-tô, giao đổi cho nhau.

Bấy giờ, Đô thống Bắc Kỳ tâu nói : Bản hoà ước ngày tháng 5 năm Giáp Thân, 19 khoản và bản điều ước về mỏ ngày tháng giêng năm Ất Dậu, 4 khoản đều chưa giao cho nhau, nay uỷ quyền Khâm sứ sung làm hỗ giao sứ, hội đồng với quan bản quốc đến ngay Sứ quán làm việc cùng giao cho nhau. Vua bèn sai bộ Lễ xem xét, sửa soạn công việc phải làm, lấy ngày 20 tháng ấy, sai 2 đại thần, mang sắc thư, tuân lệnh đi làm lễ, cùng giao cho nhau.

Trước hôm ấy 1 ngày, viện Cơ mật kính đệ hoà ước và ước thư về mỏ mỗi thứ 1 bản dâng vua xem. Mặt sau các bức thư ấy đều có chữ châu phê : "Các bản điều ước trên này trẫm đã xem cả, chuẩn cho thi hành" nhưng chép ngày 20 tháng giêng năm Đồng Khánh thứ nhất, được dùng ấn "Đại Nam hoàng đế" và ấn "Văn lý mật sát", "Ngự tiền chỉ bảo", việc ấy xong rồi, viên toàn quyền đại thần phụng đem 2 bản ấy đi để giao.

Về hội đồng biên nhận làm bằng rằng : Phụng sung hỗ giao Khâm sứ đại thần nước Đại Pháp là Hách-tô phụng sung hỗ giao Toàn quyền đại thần nước Đại Nam là Khâm mệnh lương thần, Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ Bảo quốc huân thần, kiêm sung đại thần viện Cơ mật, Kinh lược sứ Bắc Kỳ, Tổng tài Quốc sử quán quản Khâm thiên giám sự vụ Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ ; Phó toàn quyền đại thần là Thượng thư bộ Hộ, quản lĩnh Thị vệ đại thần Nguyễn Thuật ; đều phụng mệnh lệnh 2 nước, kính đem bản hoà ước ngày 13 tháng 5 năm Giáp Thân và bản điều ước việc mỏ ngày 4 tháng giêng năm Ất Dậu, theo lịch nước Nam, tức lịch Tây là

ngày 6 tháng 6 năm 1884 và ngày 18 tháng 2 năm 1885. Những bản ước này là của nước Đại Pháp cùng nước Đại Nam định ra ở Kinh đô nước Đại Nam, đôi bên cùng kiểm duyệt.

Phụng sung hỗ giao Khâm sứ đại thần nước Đại Pháp giao cho nước Đại Nam hoà ước và khoáng ước chữ Tây, mỗi thứ 1 bản đều có lời phê chuẩn của Đại hoàng đế nước Đại Pháp và dịch ra chữ Hán mỗi thứ 2 bản, có đủ hỗ giao Khâm sứ đại thần nước Đại Pháp đóng dấu, ký tên, hỗ giao Toàn quyền đại thần nước Đại Nam giao cho nước Đại Pháp hoà ước và khoáng ước bằng chữ Hán mỗi thứ 1 bản, đều có hoàng đế nước Đại Nam phê chuẩn và 2 bản điều ước chữ Hán ấy mỗi thứ 2 bản có cả hỗ giao Toàn quyền đại thần nước Đại Nam đóng ấn ký tên, đôi bên cùng xét duyệt, đúng như lời ước đã định trước. Hỗ giao đại thần 2 nước, đều đã giao nhận, đóng dấu, ký tên ; xong cùng nhau làm tờ biên nhận để lưu chiểu, nay biên lịch Tây ngày 23 tháng 2 năm 1886, tức lịch Nam ngày 20 tháng giêng năm Đồng Khánh thứ nhất.

Khi việc giao, nhận xong, vua tặng hỗ giao sứ Đại Pháp các phẩm hạng (1 đồng kim tiền hạng lớn có chữ "Vạn thế vĩnh lại" ; 1 tấm khánh hạng lớn bằng ngọc tốt ; 2 tấm gấm đoạn thượng hạng ; cái khay chè bằng ngà, 4 góc bịt vàng, 1 bộ đồ uống rượu bằng ngà).

Nước Đại Pháp đưa tặng vua 1 chiếc bội tinh hạng nhất ; tặng Nguyễn Hữu Độ 1 chiếc bội tinh hạng nhì.

Lại đặt 2 huyện nha Cẩm Xuyên, Hương Khê (đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh, huyện Cẩm Xuyên, năm Tự Đức thứ 6 hợp vào huyện Kỳ Anh, do viên phủ Hà Thanh kiêm lý ; huyện Hương Khê, năm Kiến Phúc thứ nhất hợp vào huyện Hương Sơn kiêm lý).

Vì đường xa, việc nhiều, có nhiều sự không tiện, là theo lời nghĩ xin của quan tỉnh, (sau cũng chuẩn cho lại đặt huấn đạo).

Chuẩn cho : Quang lộc tự Thiếu khanh lĩnh Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải ; Thái bộc tự Thiếu khanh quyền lĩnh Tuần phủ Thái Nguyên là Nguyễn Hàm Quang đều thăng Quang lộc Tự khanh, vẫn lĩnh chức cũ.

Gia cấp lương hằng năm và y phục mùa xuân, mùa đông cho Thiện phi.

Khi trước, lúc vua còn thơ ấu, đã được tiên đế sắc cho làm con Thiện phi, tấm lòng báo nghĩa không thể coi nhẹ, muốn tấn phong hơn bậc Thiện phi và truy tặng tước hàm cho cha của Thiện phi là Nguyễn Đình Tân để đền ơn, mới đem việc ấy tâu lên Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu ; kính phụng ý Chỉ giao đình thần bàn lại, đình thần nói : Nước không bao giờ có 2 chính thống, tôn không bao giờ có 2 bậc tôn, là phép thường xưa nay. Trước đây, Giản tông Nghị hoàng đế nối ngôi,

tấn phong Học phi làm Hoàng thái phi, là chỉ do quyền thần bàn định, nên phải chuẩn cho đình chỉ. Nay, một là theo vị thứ cũ ; một là nghĩa gia tấn phong tưởng có điều chưa được thoả đáng.

Vả lại mẫu hậu đã vâng theo thánh Dụ rõ ràng ; nay Thiện phi lại được gia phong, xét đến ý nghĩa "lễ thống vu tôn", e có chưa hợp, huống chi huy hiệu của Thiện phi, là được tiên hoàng đế phong cho, đã có mệnh trước, tưởng ở trên 2 chữ Thiện phi, không dám thêm chữ nào nữa và cha của phi ấy là Nguyễn Đình Tân, trước được truy phục chức Thượng thư, cũng là vì cớ Thiện phi cấp bậc ở hàng phi. Việc gia phong Thiện phi và tặng tước cho người cha, xin nên đình chỉ. Duy đã vâng theo tờ Dụ của Thái hoàng Thái hậu và lòng báo nghĩa của Hoàng thượng thì bổng lệ của Thiện phi (đồng niên gạo 300 phương, tiền 700 quan) nghĩ nên gia thêm gấp rưỡi và y phục mùa xuân, mùa đông, kính xin hậu cấp, khiến cho hợp tình nghĩa mà tỏ đạo hậu.

Vua bảo rằng : Đầy đủ thay lời bàn luận, dù đời xưa cũng không hơn được. Chuẩn cho theo nghĩ thi hành.

Cấp lộc điền cho 2 con Ôn Nghị Kiên vương.

Trước đây, vua muốn lượng cấp ruộng thờ cúng cho vương, giao đình thần bàn, phúc tấu. Đến nay đình thần tâu nói : Sở đền thờ tôn vương, dự vào quốc tế là việc long trọng ; nếu trích cấp tự điền, chuyên giao cho người giữ việc thờ cúng cày cấy phụng sự, đối với nghĩa, tưởng có chưa ổn. Xin tại đền thờ vương, hết thảy ngày kỵ, ngày đản và ngày lễ hưởng thuộc 4 tháng quý, đều theo quốc tế, cho trọng sự thể.

Vua bảo : Tôn vương còn có 2 con (Ưng Đăng, Ưng Lịch), tưởng dùng ruộng ấy cấp cho tiện, ngõ hầu được nhờ triều đình đời đời truyền mãi, để giữ gìn được vợ con. Nếu vội vàng chuẩn cấp, sợ mất sự thể, cho nên lấy tình thực bảo cho biết. Đình thần tuân theo bàn : Đến kế lớn hậu với người thân của Hoàng thượng, như được đổi cấp lộc điền cho 2 con của tôn vương, tình lý được thích hợp cả, nay hiện tịch biên ruộng tư của Nguyễn Văn Tường ở thôn Thanh Đàm, phủ Thừa Thiên 18 mẫu đều là ruộng tốt, xin đem số ruộng ấy sung cấp. Vua y cho.

Bộ Binh tâu nói : Binh đinh vệ Phủ binh phủ Thừa Thiên hơn 200 tên (giản binh 15 tên, mộ binh 200 tên). Nay mộ binh đình bãi, thì mộ binh vệ ấy cũng nên rút cả, để bớt hư phí. Duy nha ấy việc nhiều, nếu dồn toàn giản binh, khi có việc tới, sai khiến sợ có bỡ ngỡ, xin cho phủ ấy tuyển người cường tráng có căn cước ở ngạch lính mộ trước 50 tên và trích lấy ngạch lính tuyển ở hạt ấy 100 tên, dồn bổ làm đội nhất, đội nhị, đội tam của vệ phủ binh ; còn quản vệ 1 người, suất đội 2 người và điển ty 1 người, theo cũ xét bổ. Vua y cho.

Tấn phong họ Nguyễn Hữu làm Hoàng quý phi và ban cho kim bài (khắc ngang chữ "Đồng Khánh sắc tứ", khắc dọc các chữ "kiêm nhiếp lục viện"). Nguyễn Hữu Độ dâng sớ xin tờ chối. Đại khái họ nói :

Nguyễn Hữu, tuổi còn ngây thơ, trước vâng theo ý Chỉ 2 cung, không dám trái mệnh chút nào, nên được sung tuyển, hiện nay 6 viện đều là người cũ khi Hoàng thượng còn ẩn náu, nay nhất đán được vượt ở hàng đầu, sợ sinh lòng kiêu căng, đố kỵ. Hơn nữa, việc cũ của bản triều, phàm dự họ ngoại, đều phải trốn tránh, đương lúc khó khăn này, nếu theo lệ trước thì e có liên quan đến việc nước ; nếu hơi có tư tình, thì e chưa hợp với điển lễ trong nước. Xin thu lại mệnh lệnh mới, được dự vào hàng tài nhân, mỹ nhân, 5 - 3 năm nữa dần quen nữ tắc, sẽ xin tấn phong, ngõ hầu công, tư, 2 đường đều tiện.

Vua không nghe, chuẩn giao đình thần xét lại, đình thần tâu nói : Hoàng thượng chính cần người nội trị ở trong cung, họ Nguyễn Hữu, tuổi tuy ngây thơ, nhưng khuôn phép ở chốn phòng khuê, vốn được gia đình giáo dục đã lâu. Nay được sung vào vị ấy, tin cũng kham được. Còn việc trốn tránh, chỉ kể về lúc thường, đương lúc khó khăn này, Hữu Độ thân mang trọng trách của Nhà nước, lòng công trung vốn đã xét biết, sợ không nên lấy tư tình mà bỏ phép công. Về việc tấn phong xin theo Chỉ chuẩn cho thi hành.

Vua mới ban Dụ rằng : Trong chốn buồng the, là gốc phong hoá, từ xưa đế vương dựng nghiệp, không ai là không nghĩ được người gái hiền, để chỉnh đốn nề nếp bên trong, nên *Kinh Dịch* có lời bàn ở quẻ Gia nhân, *Kinh Thi* thì đầu tiên vịnh thơ Quan thư, thực có duyên cớ. Triều ta định phép, tôn lên bậc nhất trong cung đặt ra Hoàng quý phi, làm khuôn mẫu 6 viện, nghiêm chỉnh việc bên trong, các đời nối theo, đều có vợ hiền để có thể nối được tiếng tốt, cho dòng dõi thịnh vượng. Trẫm khi còn ẩn náu, hoàng khảo ta đã tuyển con gái viên hậu quân quá cố Nguyễn Diệm là Nguyễn Thị làm phủ thiếp, đó là người vợ cả của trẫm, mới sinh được người con gái, đương mong sum họp cùng già. Trẫm mới nối ngôi, chưa kịp tấn phong, bỗng đã bỏ trẫm, thoát giầy, không thể tìm được gươm cũ[1], rất thương tiếc lắm. Mấy lần nhân lễ khánh hạ gia ơn, tuy đã kén chọn cung nhân, lượng cho cấp bậc, cũng chỉ phong đến vị phi tần, còn như việc chủ quỹ[2] khi tế tự, vẫn còn để không, đợi người hiền đức.

---

(1) *Gươm cũ* : chữ Hán là "cố kiếm". Hán Tuyên đế khi tuổi nhỏ lấy con gái Hứa Quảng Hán. Kịp khi lên ngôi vua, người con gái ấy là hàng tiệp dư. Công khanh bàn lập con gái Hoắc Quang làm Hoàng hậu. Vua mới xuống chiếu tìm thanh gươm cũ khi vua còn nhỏ. Sau đại thần biết, lập Hứa thị làm hậu. (*Từ hải*).

(2) *Chủ quỹ* : khi tế lễ thì người con dâu cả chủ việc xới cơm dâng cúng.

Hôm trước, vâng theo ý Chỉ của thánh tổ mẫu Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu và Thánh mẫu Hoàng thái hậu ta, Hoàng đế nay là cháu thừa tự, chủ việc tế lễ, làm chủ thần dân trong nước, chức vị tiêu biểu ở trốn cung vi không nên bỏ trống mãi ; mới cho họ Nguyễn Hữu là con gái viên cố mệnh lương thần Cần Chính điện Đại học sĩ Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ được sung tuyển, đến ngày 13 tháng này tiến vào trong Đại nội. Nhân nghĩ đại thần ấy, đời đời trâm anh, là không thẹn nhà cao quý ; phu nhân ấy lại sửa mình hiền thuận, vốn xưng là hiền phụ. Một nhà phúc hậu, nên sinh ra được gái hiền. Kìa như Phục Ba đời Hán, Tào thị đời Tống, đều là dòng dõi thế thần, bút đỏ còn lưu truyền rực rỡ. Sở dĩ được đội ơn đặc biệt tuyển cho, là tự trời tác hợp, há phải ngẫu nhiên ư ! Nay nếu câu nệ ở lệ thường, trong hàng cung nhân, cùng yêu quý cả thì không phải để yên lòng 2 cung, mà gây nên việc tốt nội trị được.

Về họ Nguyễn Hữu được tấn phong làm Hoàng quý phi, vị hiệu sớm được chỉnh đốn, thì các cung giai đều biết kính theo ; việc nội trị có người, ngõ hầu trẫm có thể cố gắng tinh thần về chính sự, đó là ý nghĩa trước sửa nhà rồi sau trị nước đấy.

Xứ thị vệ tâu nói : Nguyên ngạch ở xứ ấy có 50 viên đã được tinh giảm, còn 34 viên, xin đặt mỗi bậc mấy viên, cho có định ngạch. Vua chuẩn cho, chiểu số viên hiện tại, lượng đặt : nhị đẳng 2 viên, tam đẳng 4 viên, tứ đẳng 6 viên, ngũ đẳng 22 viên.

Cấp hoà ước và khoáng ước cho các địa phương, nhưng chuẩn cho tỉnh Hà Nội thuê thợ khắc để in.

Chuẩn định kiểu mẫu bội tinh và giấy khâm cấp. Bấy giờ, quyền Khâm sứ đưa thư đến nói về việc thưởng tặng các quan người Pháp, các nước thường lấy kim, ngân bội tinh làm quý, để tới khi tặng thưởng, mang đeo được dễ dàng. Đô thống đại thần Pháp ý muốn bảo nước ta làm như thế, cho hợp tình và phong tục. Rồi đem kiểu mẫu bội tinh và giấy khâm cấp đã nghĩ chế ra do viện thần dâng trình. Viện thần bàn, cho là việc nghĩ định của Đô thống Pháp đã thoả đáng ; duy trong lòng sao cho tròn, trước làm hình vuông, so với các nước hơi khác, xin đổi bằng hình bầu dục, cùng là : Phẩm có cao thấp ; công có lớn nhỏ ; nên phân biệt làm văn, võ 2 hạng, mỗi hạng chia làm 5 bậc, để cho có khác. Xin tư cho đại thần Pháp nghĩ lại và xin thuê làm giúp để phòng tạm thời thưởng tặng.

Còn như từ trước quan Pháp được dự thưởng tặng kim khánh, kim tiền bao nhiêu, thì do khâm sứ Pháp xét và trả lời cho để tiện đổi giấy khâm cấp cho trọng sự thể. Còn bội tinh thuận đổi do quý quan tự mua, không phải cấp nữa. Lại như quan nước ta, nếu được ban thưởng, cũng phải đổi dùng bội tinh ấy, để cho cùng một loạt cả, mà giao thiệp cho tiện. Vua y theo.

Sau Đô thống lại theo lời tư, bàn định kiểu mẫu và điều lệ 11 khoản. Vua chuẩn cho theo lời bàn thi hành :

(Điều lệ của viện Long tinh có nói : Phải xét, phàm các người có lòng giúp đỡ Hoàng đế nước ta và lợi ích cho Nhà nước, đều nên khen thưởng. Được viện Cơ mật xin thiếp lập viện Long tinh để giúp việc thưởng tặng, hầu nêu bật người có công, nên nghĩ định điều lệ như sau :

Khoản 1 : Nước ta định đặt viện Long tinh, để thưởng các quan viên văn, võ có công.

Khoản 2 : Viện Long tinh do Hoàng đế nước Đại Nam có quyền tự chủ.

Khoản 3 : Phàm các viên được dự thưởng long tinh, nên chia làm 5 hạng : Ban văn, hạng nhất gọi là khôi kỳ long tinh, hạng nhì là chương hiền long tinh, hạng ba là biểu đức long tinh, hạng bốn là minh nghĩa long tinh, hạng năm là gia thiện long tinh. Ban võ, hạng nhất là trác dị long tinh, hạng nhì là thù huân long tinh, hạng ba là tinh năng long tinh, hạng bốn là tưởng trung long tinh, hạng năm là khuyến công long tinh.

Khoản 4 : Long tinh bội nước Đại Nam giống hình sao, có 8 cánh toả sáng. Trên hình sao, khắc kiểu mũ hoàng đế. Trên mũ ấy, trang sức hình rồng sắc xanh, có chân cắm ở trên mũ, làm chỗ đeo ngọc. Trong lòng hình bầu dục, khảm bằng men xanh và khắc nổi bốn chữ : "Đồng Khánh Hoàng đế". Chỗ không ở bốn bên, khắc nổi hình Mặt Trời và mây, như mẫu tiền tinh văn kim ngân tiền đều làm bằng vàng. Xung quanh mé ngoài hình bầu dục, thì khảm một đường men màu đỏ ; mé trong, mé ngoài đường men ấy, viền bằng 2 sợi chỉ vàng.

Khoản 5 : Long tinh hạng năm làm bằng bạc. Các hạng bốn, ba, nhì, nhất làm bằng vàng. Về 2 hạng bốn, năm thì đường kính rộng 4 phân Tây (trở xuống đều là dùng thước Tây), hạng ba, đường kính 6 phân.

Khoản 6 : Thưởng tặng quan viên văn, võ đều dùng long tinh hạng ấy.

Khoản 7 : Cuống đeo long tinh, về quan văn, ở giữa dùng sắc xanh ; quan võ, giữa dùng sắc trắng, ở 2 bên đều dùng màu vàng sẫm. Ở giữa cuống rộng 3 phân, 3 ly, 2 bên đều rộng 7 ly.

Khoản 8 : Phàm được dự thưởng 2 hạng long tinh 2 hạng bốn, hạng năm thì đều đeo dây đeo ở bên tả đằng trước ngực. Duy hạng năm, không có hình hoa tường vi, hạng bốn thì có hình hoa tường vi. Hạng ba, dây đeo hơi to, dây ấy đeo ở cổ, rủ xuống trước ngực. Hạng nhì, đeo 1 bài tròn, bài ấy rộng 9 phân, có 8 cánh toả sáng, toàn dùng chất bạc, trung tâm khảm ngọc thạch, hình bầu dục cũng như hình long tinh, đeo ở phía bên hữu đằng trước ngực ; lại đeo thêm 1 cái long tinh hạng bốn. Dây đeo hạng nhất : Như quan văn, giữa dùng sắc xanh có vân ; quan võ, giữa dùng

sắc trắng, rộng hơn dây đeo hạng bốn một ít ; 2 bên, đều dùng sắc vàng sẫm. Đầu dây chỗ giáp nhau, đeo long tinh rộng 7 phân, đeo ở vai bên hữu, buông chếch sang nách bên tả và ở bên tả đằng trước ngực, đeo thêm cái bài tròn bằng bạc, bài ấy, y như kiểu mẫu [long tinh] hạng bốn.

Duy Hoàng đế ngự đeo long tinh đệ nhất hạng, có đeo thêm 1 chiếc long tinh đệ ngũ hạng. Còn các quan viên không được dự theo lệ ấy. Trong đó, dây đeo từ vai bên hữu đến nách bên tả, là quy chế chỉ định cho quan viên được dùng.

Còn hoàng đế đeo, nên dùng quy chế nào cho được dễ coi, thì tuỳ tiện đổi dùng.

Khoản 9 : Các hạng long tinh, chỉ hoàng đế ban cấp và đương thời, viên nào có đáng thưởng cấp, do đại thần, chính khanh tâu xin.

Khoản 10 : Viên nào hễ được dự thưởng long tinh, thì tờ chế được dùng ấn ngọc "Đại Nam Hoàng đế", phải có Thượng thư bộ Lễ kính duyệt.

Khoản 11 : Phàm các người đã được dự thưởng long tinh, bộ Lễ liền tư trước cho biết, rồi sẽ phụng mệnh tuân cấp tờ chế, nhưng phải kê biên hàm danh, hạng số dự thưởng để lưu chiểu. Về kiểu mẫu giấy khâm cấp, thì mặt trên vẽ rồng, khắc 4 chữ "Đồng Khánh Hoàng đế", kế đến khắc ngang 5 chữ "Đại Nam Long tinh viện" ; hai bên tả, hữu, vẽ nghi trượng nước ta ; mặt dưới vẽ hình bội tinh ; trong lòng bên tả thì viết : "Thừa Thiên hưng vận", hoàng đế chế viết : Mỗ quan tính danh, hữu tâm ư trẫm, cấp trợ ích quốc gia ; đặc thưởng mỗ hiệu (như quan văn được nhất hạng kỳ khôi long tinh, quan võ được nhất hạng trác dị long tinh ; còn thì theo thế mà suy ra) long tinh, dĩ chương dị sủng[1]. Kế tiếp hàng khác viết các chữ : "tại Đại Nam quốc đô thành mỗ điện". Lại kế đến hàng khác, viết "niên hiệu" ; sau viết "cung duyệt, Lễ bộ Thượng thư ký").

Vua cho là việc 2 nước cùng giao cho nhau đã xong, chuẩn cho viết quốc thư (đại ý nói qua việc cùng giao ước đã xong, tất nhiên tình bang giao ngày càng mật thiết) và sửa soạn vật hạng đến tặng Đại hoàng đế nước Pháp và các văn, võ Pháp ở Bắc Kỳ, rồi sai đại thần Nguyễn Hữu Độ đến Hà Nội để hỏi thăm.

(Tặng Đại hoàng đế nước Pháp : 1 cái như ý bằng ngọc tốt, 1 cái lò hương bằng ngọc tốt, ống bút bằng ngọc, nghiên mực bằng ngọc, lọ đựng mực bằng ngọc, núi giả bằng ngọc và cái thuyền hoa mai bằng ngọc mỗi thứ 1 cái ; 1 đôi bút bằng ngọc, 1 quả phật thủ bằng ngọc, 1 đôi ngà voi, 1 khẩu súng điểu sang có chữ vàng (bọc vàng) ; khay trà dài, khay trà vuông, hộp tròn lớn, hộp tròn nhỏ, đều bằng ngà voi mỗi thứ 1 cái ; 1 bộ đồ uống rượu bằng ngà, tráp hạng to, tráp hạng vừa và hộp

(1) Giải nghĩa : thưởng hưởng mệnh trời, mở vận nước, hoàng đế ban lời chế rằng : Họ tên, quan tước viên ấy, có lòng với trẫm và giúp ích cho nước nhà, nên đặc ơn thưởng cho long tinh hạng nào, để tỏ ban khen đặc biệt, ngươi phải kính cẩn tuân theo.

đựng trầu đều bằng xà cừ cả mỗi thứ 1 cái ; khay dài, khay hình bầu dục đều là hạng lớn bằng xà cừ mỗi thứ 1 cái, hòm vuông bằng xà cừ 1 cái, hộp đựng trầu bằng tre có hoa 2 cái ; lụa và the nam các màu 100 tấm ; nón lông hạng nhất và quạt lông hạng lớn hạng vừa, mỗi thứ 1 đôi.

Tặng Đô thống đại thần là Vi-nê : bài bằng ngọc, bài bằng vàng mỗi thứ 1 chiếc ; 1 bức cáo sắc có trục hoa ; 1 bộ mũ, áo đại triều ; gấm đoạn thượng hạng 2 tấm ; nghiên mực bằng ngọc, giá bút trổ 2 con gà bằng ngọc, quả phật thủ và bình hoa bằng ngọc, lọ đựng nước bằng ngọc, như ý bằng ngọc, mỗi thứ 1 cái ; khay trà dài bằng ngà 1 cái ; súng điểu sang hạng trung 1 cái (có bít vàng, bạc) ; tráp hạng to, hạng nhỏ và khay hạng to, đều bằng xà cừ, mỗi thứ 1 cái và hộp xà cừ 1 cái.

Tặng quan Bảy là Gia-mông ở Hà Nội : 1 toà ngọc chạm khắc rồng và hoa, 1 chiếc bài vàng, 1 cái bát đựng nước bằng ngọc, 1 bộ đồ uống rượu bằng ngà, 1 khay trà vuông bằng ngà ; tráp hạng trung và khay trà dài hộp hạng lớn đều bằng xà cừ, mỗi thứ 1 cái.

Tặng quan Bảy là Nê-gi-y ở Hải Phòng : 1 cái bài vàng, 1 cái như ý hạng trung bằng ngọc, 1 cái bát đựng nước bằng ngọc, 1 cái hình con vịt ngậm cây hoa cúc bằng ngọc, 1 quả phật thủ bằng mã não vàng, 1 bộ đồ uống rượu bằng ngà, 1 khay trầu bằng ngà, tráp hạng lớn và khay, hộp trà hình dài đều bằng xà cừ, mỗi thứ 1 cái.

Tặng đại thần Tham tán là Mô-lăng : 1 chiếc kim khánh hạng to, 1 cái hình con phượng ngậm cành đào bằng ngọc, khay trà dài và tráp, hộp hạng trung đều bằng xà cừ, mỗi thứ 1 cái.

Tặng Thượng thư bộ Lại ở Bắc Kỳ là Ba-sô : 1 cái khánh ngọc, 1 cái tráp, cái bát bằng ngọc, 1 cái bình nước bằng ngọc, 1 cái bình hoa bằng ngọc vàng, 1 cái khay trà vuông bằng ngà, khay trà vuông và tráp, hộp hạng lớn đều bằng xà cừ, mỗi thứ 1 cái.

Công sứ đại thần Hà Nội là San, quan Sáu là Mô-nê-y, quan Sáu là Gia-mê, quan Sáu là Ô-la-y Nên-li, quan Phó tham tán quan Năm là Ti-xa, Phó thượng thư đại thần là Ghi, đều tặng 1 chiếc kim khánh, hộp, tráp bằng xà cừ mỗi người 1 cái và 2 cái khay.

Còn quan Năm là : Đơ-bô-mông, Măng-suy-e, Hanh-sờ, Ba-gia-chi, Đa-gia-đinh, Bô-mít, Đô-nê-e, Đa-mô-suy, Cát-li-da, Sa-mi-ghi, Tinh-tu-ma-du ; quan Tư là : Ma-sa-đa, Du-ba-lư, Đô-mô-mi, Ê-tô-na, La-ca-lê ; quan Ba là : Lê-bồi Gi-ư-phi, Lạp Biệt Tô ; Lê-công So-ngắt ; Điện báo Bô-trờ ; Ngân khố : Đa-cúc-ti ; Chưởng ấn : Vu Viện Hiên ; Thương chính : Đắc-mi-e ; Ngân khố : Ma-sếch ;

Đốc học : Lô-sô-suy, ; Phó điện báo : Vi-lăng-xa ; Phó công sứ Hà Nội : Mo-nanh, Phó chưởng hộ : Đa-ra-lăng E-trờ và các Công sứ Thanh Hoá, Bắc Ninh, Sơn Tây, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng đều tặng mỗi người 1 chiếc kim khánh).

Quyền Khâm sứ đưa thư đến nói : Đô thống quý đại thần bàn định : Mang gạo xuất cảng, đánh thuế mỗi 100 cân là 1 quan tiền Tây (trị giá tiền kẽm của ta, từ 1 quan 3 tiền đến 2 quan, chiểu theo giá bạc cao, hạ) và tàu của Đại Pháp vận tải gạo về nước Đại Pháp, hoặc các sở nước Đại Pháp quản trị, thì thu thuế mỗi 100 cân là 7 tiền Tây. Còn như thuyền buôn vận tải gạo đem bán từ cửa biển này đến cửa biển khác ở trong nước ta thì được miễn thu. Viện thần đem việc ấy tâu xin chuẩn cho lục sức suốt các cửa biển ở các tỉnh theo lệnh mà làm.

Cung Trường Ninh sửa lại đã xong. Ngày Nhâm Tuất, vua rước Hoàng thái hậu ngự đến ở đấy ; lại thân đem hoàng thân, bách quan dâng tờ mừng và lễ phẩm để làm lễ khánh hạ.

Quan Ba và 6 tên lính Pháp đến trạm Nam Chân, xem sửa đường sá, thuyền binh của giặc nhân khi ban đêm giết chết Tri huyện huyện Hoà Vinh là Trần Bân Ứng trực ở đấy cùng gặp hại. Vua chuẩn cho tặng Bân hàm Thị độc, rồi chiểu theo hàm tặng cho tiền tuất gấp 2 và cho con tập ấm hàm Điển bạ.

Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Thi tâu nói : Nhiều lần tiếp viện, bộ lục tư giục thu thuế, làm nhà trạm, chữa cầu, dồn phu sửa đường, trồng cây, làm dây kéo thuyền và các việc công linh tinh, phức tạp, khẩn cấp, nhưng bọn giặc ở hạt ấy làm bậy, mọi người phần nhiều trông ngóng, 6 phủ, huyện thường bị đốt phá, hiện phải tìm chỗ nhà dân nào tiện lợi để chiêu tập lại, lệ làm việc, người sai phái đi, phần nhiều bị chúng giết. Bọn giặc ấy sức khắp nơi, người nào ra nhận làm lính ở tỉnh và lại, lệ ở phủ huyện, tức thì chúng bắt giết, nếu không bắt được thì bắt cha mẹ, vợ, con người ấy. Hiện tình như thế, nay nếu bắt làm các công việc cần kíp, thì không khỏi đem nhau đi làm giặc cả. Về các khoản việc công, xin tạm hoãn lại, đợi khi yên ổn cả, sẽ theo từng khoản làm dần. Vua y cho.

Chuẩn cho các đàn, miếu, đền thờ ở Kinh và tỉnh ngoài, châm chước làm lễ Thu tế 1 lần (Xuân tế thì đình bớt). Đền thờ nào là bậc trung tự (đền Xã Tắc, miếu Lịch đại đế vương, Văn miếu, đền Khải thánh), thì vẫn tế ở sở đàn, miếu ; đền nào thờ các vị thần (các thần thượng, trung, hạ đẳng) thì hợp vào miếu Hội đồng ; các bề tôi của bản triều (các linh từ vọng các, khai quốc, trung hưng, trung tiết, hiển trung và tiết thứ trận vong tướng sĩ) thì hợp vào 2 đền Hiển lương, Trung nghĩa, đều phải sửa lễ đến tế, vì hiện nay của kho chưa đầy đủ, đồ tế tự bị thất lạc nhiều, chưa tiện cử hành. Từ nay về sau, chuẩn cho các từ đường (Tuyên vương, Mục vương, Điển quốc công, Thọ quốc công, Phúc quốc công, Đức quốc công, Quy quốc công,

tích ấm, dụ trạch, dụ khánh tích thiện, thân huân và nhà chí khiêm, cùng các đền) cũng chiểu theo thế làm việc.

Tổng đốc Hà Nội, Ninh Bình là Lê Đĩnh nói : Đê công ở các phường Tây Hồ, Quảng Bá, Nghi Tàm ở huyện Vĩnh Thuận tỉnh ấy bị vỡ lỡ. Hiện 4 châu, xã ở bên ngoài đã đắp riêng 1 con đê mới dài suốt 320 trượng, lấn vào hơn 11 mẫu đất bãi xã ấy, xin trừ ở sổ, miễn thuế. Viện thần xin, vua y cho.

Tháng 2, mồng 1, ngày Ất Sửu, có nhật thực.

Phòng thần Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tâu nói : Tháng chạp năm ngoái, bọn giặc ở Bình Định đến quấy nhiễu, đánh đuổi chúng phải lui về ; rồi lại rủ nhau tụ họp, tuyển dẫn hơn 1.000 giặc Man, đốt cướp bừa bãi, sơn phòng ấy thế cô, binh ít, sợ lực lượng không chống được, đã rút binh đồn điền về, lưu cả phòng binh toàn số (trên dưới 4.000 người và trích 600 binh ở Quảng Ngãi, thúc bắt số binh ở Kinh tản về, cùng là hương binh và mộ nhiều dõng sĩ để giúp việc phòng thủ. Vua y cho.

Khâm sai Hoàng Hữu Thường tâu nói : Về việc trồng cây ở đường quan lộ, thực là công tư lưỡng lợi, tự ta làm đã lâu rồi, nhưng trong khi thừa hành, không có chuyên trách, sợ vị tất đã thành, xin sức cho các quan tỉnh sai phái thuộc viên ở tỉnh và phủ, huyện chuyên phái thông lại đều 1 tên, đi lại khám xét, đôn đốc, chỗ nào thiếu thì trồng thêm, bị khô héo thì trồng điền cây khác ; đợi 2 - 3 tháng, bộ sẽ uỷ người đi khám, nơi nào hư ứng, tức thì đem tỉnh thuộc, thông lại ở các phủ, huyện và tổng lý chuyên trách trông coi cách chức hết ; các viên phủ, huyện đều giáng 2 cấp và phải dời chức ; quan tỉnh thì giáng 1 cấp lưu, như thế thì việc có chuyên đốc, mới có thể cầu cho thành hiệu được ; đã khỏi oán trách mà tự ta cũng có lợi vô cùng. Vua chuẩn cho lục sức suốt từ Thanh Hoá trở vào Nam phải thi hành cả.

Lĩnh Tổng đốc Hà Nội, Ninh Bình là Lê Đĩnh làm tập tâu đem việc năm trước bỏ mất, (tháng 9 năm Tự Đức thứ 36, cuối năm ấy, nguyên Đốc thần Nguyễn Hữu Độ đã làm danh sách, sau nhân loạn bỏ mất, đến nay làm lại). Bọn giặc 2 lần (lần đầu đến 4 ngày đêm ; lần sau đến 16 ngày đêm) vây sát phủ thành Ứng Hoà, đường bị nghẽn, không có quân cứu viện. Nguyên Tri phủ là Cao Xuân Dục hợp cùng quản suất, nha lại, tổng lý, hào mục nhiều lần đánh dẹp (từ tháng ấy đến tháng 12, tất cả 18 lần) đều được thắng trận (bắt 24 người, chém 43, bị thương 30, bị chết 180) liền cùng giải vây, chia từng hạng xin thưởng ; các viên biền đánh dẹp ngay trận ấy, trừ Cao Xuân Dục (hiện là Bố chính tỉnh ấy), đã mấy lần được thăng thưởng không nên thưởng nữa, còn thì thưởng thụ từ quản cơ trở xuống, tất cả 60 người :

(Lê Văn Vận đóng giữ, thăng Phó quản cơ ; nguyên Tri phủ bị cách phải đi làm việc là Đinh Gia Lễ, được đổi là cách lưu đợi bổ ; Vương Hoà Trợ, Bùi Trạch đều

thăng Cấm binh Chánh đội ; Lê Đức Thuận, Nguyễn Trác đều thăng Tinh binh Chánh đội ; Cao Xuân Tiếu đốc suất mộ binh, được thưởng Chánh cửu phẩm văn giai ; Đỗ Gia Cát thưởng Tòng thất phẩm văn giai. Còn viên biền phụ thuộc đi theo : Thưởng Tinh binh Chánh đội trưởng Suất đội 10 người, Tinh binh Đội trưởng 10 người, tòng thất phẩm thiên hộ 1 người, chánh bát phẩm văn giai 1 người, tòng bát phẩm văn giai 3 người, chánh cửu phẩm văn giai 3 người, tòng cửu phẩm văn giai 3 người, tòng cửu phẩm bách hộ 16 người, điển ty, lại mục mỗi chức 1 người, lệ mục 2 người, bổ thụ chánh tổng 1 người). Xã Sà Kiều không dính dáng với giặc, cũng thưởng 1 chiếc biển ngạch "Nghĩa dân".

Tỉnh giảm viên dịch các nha ở phủ, bộ tại Kinh và phủ Thừa Thiên. Vua chuẩn cho viện Cơ mật chiểu theo nơi nhiều việc, nơi ít việc, nghĩ định số viên dịch nên để lại, giao bộ lại làm tờ tâu xin, chuẩn cho thi hành :

Tôn nhân phủ : Tả hữu tôn chính đều 1 người, tả hữu tôn nhân đều 1 người, tả hữu tôn khanh đều 1 người, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát phẩm 2 người, cửu phẩm 4 người, thư lại 6 người (cộng 21 người).

Viện Cơ mật : Viên ngoại, chủ sự, tư vụ, biên tu đều 2 người, bát cửu phẩm đều 3 người (cộng 14 người).

Quốc sử quán : Toản tu 3 người, biên tu, khảo hiệu, đằng lục, đằng tả đều 6 người, thu chưởng 1 người (cộng 28 người).

Bộ Lại : Thượng thư, tham tri đều 1 người, thị lang hoặc tá lý 1 người, lang trung 1 người, viên ngoại, chủ sự, tư vụ, bát cửu phẩm đều 2 người, thư lại 10 người (cộng 24 người).

Bộ Hộ : Thượng thư, tham tri đều 1 người, thị lang hoặc tá lý 2 người, lang trung, viên ngoại, chủ sự đều 2 người, tư vụ 3 người, bát cửu phẩm đều 6 người, thư lại 20 người (cộng 45 người).

Bộ Lễ : Thượng thư, tham tri đều 1 người, thị lang hoặc tá lý 2 người, lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 2 người, bát cửu phẩm đều 4 người, thư lại 16 người (cộng 36 người).

Bộ Binh : Thượng thư, tham tri đều 1 người, thị lang hoặc tá lý 2 người, lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 2 người, bát phẩm 4 người, cửu phẩm 6 người, thư lại 20 người và bát, cửu phẩm ty Thông chính đều 1 người, thư lại 3 người (cộng 47 người).

Bộ Hình : Thượng thư, tham tri đều 1 người, thị lang hoặc tá lý 2 người, lang trung, viên ngoại, chủ sự đều 1 người, tư vụ, bát cửu phẩm đều 2 người, cửu phẩm 3 người, thư lại 15 người (cộng 29 người).

Bộ Công : Thượng thư, tham tri đều 1 người, thị lang hoặc tá lý 2 người, lang trung, viên ngoại đều 2 người, chủ sự, tư vụ đều 3 người, bát phẩm đều 5 người, thư lại 20 người (cộng 44 người).

Nội các : Sung tham biện Các 3 người, thị độc, thừa chỉ, trước tác, tu soạn, đều 1 người, biên tu, kiểm thảo đều 2 người, điển bạ 4 người, bút thiếp 6 người (cộng 21 người).

Khâm thiên giám : Giám chính, tả, hữu, giám phó đều 1 người, ngũ quan chính, linh đài lang đều 2 người, bát cửu phẩm đều 3 người, thừa sự 1 người, thư lại 8 người (cộng 23 người).

Đô sát viện : Chưởng ấn 2 người, ngự sử 4 người, bát cửu phẩm đều 1 người, thư lại 5 người (cộng 13 người).

Từ tế tả, hữu nhị ty : Từ tế sứ 1 người, phó sứ 1 người, miếu lang, miếu thừa, bát cửu phẩm đều 2 người (cộng 10 người).

Thị vệ xứ, Cẩn tín ty viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 1 người, bát cửu phẩm đều 2 người, thư lại 4 người (cộng 11 người).

Sơn lăng : Thủ hộ sứ 1 người, phó sứ 2 người, tư vụ, bát cửu phẩm và cửu phẩm điển ty đều 1 người, thư lại 3 người (cộng 10 người).

Thái y viện : Viện sứ 1 người, ngự y, phó ngự y, tả hữu viện phán đều 1 người, nội khoa y chính 2 người, ngoại y chính 1 người, y phó 2 người, cửu phẩm y sinh 2 người, vị nhập lưu y sinh 4 người (cộng 16 người). Hợp cộng lượng lưu lại 625 người.

Về sau bộ Lại lại tâu : Thư lại bộ ấy, tính lưu lại số người ít quá, hiện nay việc nhiều, sai phái không đủ, huống chi bọn ấy chức còn thấp kém, nếu đều thường xuyên làm việc, không khỏi than thở về sự một mình chịu khó nhọc, một khi có khuyết ngạch, điều bổ chậm trễ, có nhiều sự bất tiện, xin chiểu hiện số tăng gấp đôi, chia làm 2 ban, nếu ban trước có duyên cớ, thì trích lấy ban sau để thay thế, ngõ hầu không đến nỗi thiếu người, mà bọn ấy cũng được san sẻ sự khó nhọc và nghỉ ngơi. Vua y cho.

(Rồi sau các bộ đều nói đến việc ấy, vua chuẩn cho chiểu theo nơi nhiều việc hay ít việc, lượng gia thêm và chia ban ; còn thư lại thì không lấy thế làm định ngạch).

Trước đây, Tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình là Cao Hữu Sung xin phái viên đi khắp trong hạt hiểu dụ nhân dân quyên giúp tiền, thóc, cấp cho dân bên giáo bị đốt phá, đã có Chỉ chuẩn cho thi hành. Đến nay, Khâm sứ tư nói : Nghe được tin quan tỉnh Quảng Trị sức cho dân bên lương sửa chữa nhà cửa cho dân bên giáo, hiện tình tỉnh ấy mới yên ; nếu làm như thế, chẳng khỏi lại sinh hiềm khích, phải nên khiến

cho chúng sớm được cùng yên. Còn khoản bồi thường, đợi sau sẽ định. Lại tiếp tục tư rằng : Nghe được tin linh mục ở Quảng Bình, Hà Tĩnh bức bách quan tỉnh và các dân làng, cướp lấy thuyền bè, dỡ lấy đình chùa và nhà cửa của dân, để bồi cho dân giáo, xin tư ngay cho các tỉnh trình rõ với quan Pháp hiện đóng ở đấy, phải ngăn cấm ngay việc ấy, các thứ hiện đã cướp lấy, thì thu lại giao cho dân, không được cho linh mục có sự làm bậy ấy. Vua chuẩn cho lục sức cho Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam biết mà làm.

Ngày Nhâm Thân (ngày mồng 8 tháng ấy) bắt đầu có sấm (ở phương tây).

Chuẩn cho từ nay trở đi, phàm chức nữ quan lục thượng[1] ở nội cung nhờ ơn được thăng thưởng đều dùng tờ khâm cấp bằng giấy lệnh hội để bớt phiền phức, định làm lệ mãi.

(Lệ cũ : Chức lục thượng nữ quan : Bậc đầu, quản sự ; bậc thứ, thống sự, bậc trung, thừa sự ; bậc á, tuỳ sự quản ban ; bậc hạ, tòng sự lãnh ban, mỗi khi có thăng thưởng, đều cấp sắc có trục, bằng giấy rắc bạc).

Bắc Kỳ tâu : Dòng sông được yên sóng.

Tỉnh Hải Dương từ khi trong Kinh có loạn, bọn giặc hoành hành. Phủ, huyện hoặc bị chúng yêu sách bức bách (Mỹ Hào, Cẩm Giàng), hoặc bị chúng đánh đuổi (Bình Giang), hoặc bị chúng bắt đi (Gia Lộc) ; còn thì cũng kế tiếp nhau không giữ được. Nguyên Tán tương là Nguyễn Thiên lấy tiếng là xướng suất làm việc nghĩa, tự thúc bắt binh lương, thân, viên, binh, lại ở tỉnh, đều bị chúng bức bách, quay về, thì đường sá không thông, 4 hạng dân đều phải bỏ nghiệp. Tháng 9 năm ngoái, tàu binh của quan Pháp chạy đến, Tổng đốc là Nguyễn Thành Ý phái thuộc viên hướng dẫn, lần lượt đánh giết, các phủ, huyện Bình Giang, Cẩm Giàng, Thanh Hoá, Gia Lộc được yên. Duy các hạt : Kinh Môn, Nam Sách, Ninh Giang, Đông Triều, thế giặc chưa dẹp được, tổng đốc tỉnh ấy đem hiện tình tư viện, tâu xin xét biết cho.

Bọn dân ngoan ngạnh ở Thanh Hoá, tụ họp ở tỉnh thành (hơn 30 người) mưu vào thành đánh úp để giết quan, quân Pháp. Việc ấy tiết lộ, chúng bị nã bắt, bèn đánh 2 viên quan Pháp đóng ngoài thành bị thương, phá huyện lỵ Đông Sơn, rồi trốn đi.

(Ngày mồng 7 tháng ấy, nhân có phiên chợ nhiều người, mới giả dạng làm người đi gánh thuê, trong cái đòn ống bằng tre, đều giấu dao ngắn ; chúng chia làm 2 toán : 1 toán đợi gấp vào thành, tức thì bắt đầu giết quan Pháp trong thành, 1 toán ở ngoài thành để ứng tiếp nhau. Quan tỉnh thám biết, lập tức đóng chặt cửa thành,

---

(1) *Lục thượng* : chức nữ quan ở Nội cung : Thượng thực, thượng dược, thượng y, thượng xá, thượng thăng, thượng liễu, ấy là theo lệ của đời Tuỳ, Đường Trung Quốc. *(Từ hải)*.

phái quân hợp cùng quân Pháp chia đường đánh dẹp, bắt được 5 tên và ở trên thành bắn giết được 4 tên, bọn chúng mới vào trụ sở phó công sứ ; phó công sứ và 1 viên quan hai đều bị chúng đánh bị thương nhiều chỗ, chạy thoát. Chúng lại đến phá huyện lỵ Đông Sơn, thu ấn triện, khí giới, thả các tù phạm, liền giải tán ngay). Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua chuẩn cho lập tức hội đồng tra lấy tên thủ xướng, bắt ngay xét trị, chớ để lan tràn.

Khôi phục lại phép thay đổi lính đóng đồn. Bộ Binh tâu nói : Việc thay đổi lính đóng đồn là phép hay từ xưa đến giờ, từ khi có loạn qua đến nay, binh đinh trốn tránh ; gần đây như các tỉnh từ Hà Tĩnh trở vào Nam, đều dùng lính địa phương ấy giữ thành, một khi có việc xảy ra, chúng lẻn về quê nhà, thậm chí chúng thông đồng với giặc ; lúc ấy, quan lại, quản suất cũng không làm thế nào được. Đó là lính địa phương không nên chuyên cậy, đã có hiệu nghiệm rõ ràng rồi. Nay nghĩ nên khôi phục lại phép thay đổi lính đóng đồn, khiến cho canh giữ cùng nhau, nhưng xét lính đóng đồn khi trước, hoặc cách 3 - 4 tỉnh hoặc cách 7 - 8 tỉnh, mùa đông đến, mùa xuân đi, chưa khỏi phiền nhọc. Nay xin chước định từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, mỗi tỉnh kén chọn 200 binh đinh và 1 người quản vệ, 5 người suất đội thay đổi đóng giữ (Thanh Hoá cùng với Nghệ An, Quảng Bình cùng với Hà Tĩnh, Quảng Trị cùng Kinh đô, Quảng Nam cùng Quảng Ngãi, Bình Định cùng Phú Yên, Khánh Hoà cùng Bình Thuận, cùng nhau thay đổi đóng giữ), mỗi năm đổi 1 lần, ngày đi thì quản suất, binh đinh đều được thưởng tiền, gạo lương 1 tháng ; ngày về, được nghỉ ngơi 1 tháng. Còn như Bắc Kỳ, thì do Kinh lược sứ bàn tính liệu biện.

Vua phê bảo : Như thế, không khỏi chúng lại trốn nữa, e chưa phải là kế hay, nên cho mỗi tỉnh cách 1 tỉnh, như : Lính ở Quảng Bình đến đóng ở Nghệ An, ở Hà Tĩnh đến đóng ở Thanh Hoá, cũng khỏi phiền mà không ngại. Còn thì y theo nghĩ định.

Đổi đền Ngọc Trản làm điện Huệ Nam. Vua khi còn ẩn náu, thường chơi xem ở núi ấy, mỗi khi đến đền cầu khẩn, phần nhiều có ứng nghiệm. Đến nay, vua phê bảo rằng : Đền Ngọc Trản thực là núi tiên nữ linh sơn sáng đẹp muôn đời, trông rõ là hình thế như con sư tử uống nước sông, quả là nơi chân cảnh thần tiên. Đền ấy nhờ được linh khí đắc nhất, cứu người, độ đời ; giáng cho phúc lộc hàng muôn, giúp dân giữ nước ; vậy cho đổi đền ấy làm điện Huệ Nam, để biểu hiện ơn nước một phần trong muôn phần. Rồi chuẩn cho bộ Công chế làm biển ngạch treo lên đền (4 bề chạm rồng, giữa khắc chữ to : Huệ Nam điện, bên trên khắc chữ ngự chế, bên dưới khắc niên hiệu).

Bọn giặc ở Quảng Nam, đến thẳng tỉnh thành, đốt phá nhà cửa dân cư ở quanh thành (hơn 170 hộ). Vua chuẩn cho trích tiền, thóc chia từng hạng, chẩn cấp cho

nạn dân (hạng lớn, mỗi hộ tiền 2 quan ; hạng vừa 1 quan 5 tiền ; hạng nhỏ, tiền 1 quan, gạo đều 1 phương).

Chuẩn cho : Trong Kinh thành từ nay trở đi, mỗi đêm, phái ấn quan văn, võ mỗi ban 1 người đem theo 40 người lính hợp cùng quan Pháp để tuần phòng, cho canh giữ được nghiêm.

Chuẩn cho trích 11 tên giản binh ở xã Đông Dương (thuộc huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị là quê quán Bùi thị vợ Kiên vương), đổi về đội thứ 6 vệ Kiền thị, vẫn trích phái canh giữ lăng tẩm Kiên vương, (năm ngoái, 4 tên giản binh ở phường Cát Sơn là quê mẹ Kiên vương, đã chuẩn cho dồn vào đội ấy, để giữ lăng tẩm).

Bỏ miếu hoả pháo, rước thần vị hợp thờ ở miếu Hoả thần.

Bộ Lại tâu nói : Chữ huý của quốc triều, phàm các chữ cùng âm mà khác chữ [như các chữ 花, 妊, 烘, 紅, 虹 (hoa, nhâm, hồng, hồng, hồng)], khi làm giấy tờ, đều cho đem dùng. Năm đầu Thiệu Trị, Tự Đức, chương sớ trong, ngoài có khi nệ quá về sự kính cẩn, kiêng tránh, đều được Thánh Dụ dạy bảo, phép trước còn đủ cả. Mùa thu năm ngoái, bộ Lễ nghĩ bàn, được vua chuẩn cho : Các chữ "biện, biện" cùng với chữ tôn huý, cùng âm, khác chữ, khi làm giấy tờ, cho được đem dùng, khi đọc, phải đọc tránh âm, tên người, tên đất, không được dùng liều, quan hàm các nha, có gặp chữ ấy, phải đem đổi đi. Nay xét những chữ đổi trước, trừ những chữ đổi đã nhã đáng ra (như các hàm tá lý, sung lý, thương tá, tham tá, bang tá), còn các chữ khác, hoặc là quá miễn cưỡng dứt khoát (như hiệp biện đại học sĩ, đổi làm hiệp lý và biện lại các quân, đem đổi làm tá lại) ; hoặc không khỏi trùng điệp (như thừa sự các nha và thừa sự thái giám trùng nhau). Còn như văn thư, lại phải đổi tránh tất cả (phàm chữ biện (辦) đổi làm chữ hành (行), nhiều khi rất không thông ; quan tư phê áp cũng nhiều khi trở ngại, (từ trước các giấy tư đi, việc phải làm thì phê chữ biện, nay đổi chữ nào cũng không ổn).

Lại chữ 清 (thanh) nguyên không nghị cấm ? Thế mà gần đây, hoặc bỏ thiếu 2 nét, làm ra chữ 清 (thanh) hoặc viết bên tả chữ 氵 (thuỷ), trên chữ 主 (chủ), dưới chữ 月 (nguyệt), như tên tỉnh Thanh Hoá, cũng làm hình dạng chữ như thế, thì sợ thiếu trang nhã và ổn đáng.

Kể ra, tôn kính vua cha là lẽ phải nên thế nhưng cũng không nên câu nệ quá, xin từ nay về sau : Phàm hiệp biện đại học sĩ đổi làm hiệp tá đại học sĩ ; thừa biện các nha đổi làm thừa phái ; biên lại các quân, đổi làm thư ký, để cho thống nhất, còn như tập tấu, tờ tư và học trò làm văn, thì các chữ biện, biện, thanh, xin đều theo nghị, cho được đem dùng, không được đổi tránh bậy, trái phép đã định. Vua y cho.

Phó đô thống là Ba-duy-đam về Bắc Kỳ. Vua chuẩn cho viện thần biểu phong, cáo trục bằng lụa hoa, kim bài (năm ngoái phong tước, đến nay mới làm xong) và phẩm hạng để tặng (1 cái như ý bằng ngọc, 1 đôi ngà voi hạng lớn).

Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải tâu nói : 1 đoạn đê công xã Diên An, huyện Kim Động hạt ấy, thế nước chảy xói vào mạnh, nên ở bên trong phải đắp riêng 1 con đê mới (dài suốt hơn 117 trượng, chiểu theo mẫu đê ở trung lưu sông lớn), đem cả đồ bản dâng trình. Đến như ruộng lấy đất đắp đê và lấn vào bao nhiêu, sẽ đợi khi công việc xong chiểu biện. Vua y cho.

Dời làm nha thự phủ Triệu Phong ở xã Cổ Thành (dinh thự cũ đã bị đốt phá).

Chuẩn cho Chủ sự là Vũ Bá Liêm (con của nguyên Thượng thư Vũ Trọng Bình, năm trước ốm xin nghỉ về quê) thăng thụ Thị giảng sung khâm phái Quảng Bình. Bấy giờ, Bá Liêm do bộ đệ đơn xin cho theo chức hàm về quê quán ở tỉnh ấy, để chọn dồn 400 - 500 tên binh dõng, theo Kinh lược đại thần phái uỷ, để được tiện tuỳ cơ hiểu dụ dẹp giặc, vừa gặp lúc Kinh lược đại thần cũng tư nói : Hạt ấy phải có người thổ trước, mới xong được việc, Bá Liêm xét ra dân hạt ấy rất tin phục. Xin chuẩn cho y về ngay, để tiện tuỳ việc bàn uỷ. Cho nên có mệnh lệnh ấy.

Quan tỉnh Quảng Ngãi là Vũ Duy Tĩnh tâu nói : Hiện nay binh số ở tỉnh ấy và sơn phòng lưu cả lại và triệu tập phân phái đi đóng giữ, số người nhiều quá, mà tiền thóc ở kho không có mấy, không nghĩ làm việc quyên cấp, thì không lấy gì chi đủ. Nhưng gần đây, sự làm ăn sinh sống của dân trở ngại nhiều, nếu chiểu lệ quyên cũ (tiền 800 quan, thưởng thăng 1 trật, cứ mỗi 1.000 quan, gia 1 trật) sợ dân không vui lòng hưởng ứng. Xin châm chước chiểu theo lệ quyên năm Tự Đức thứ 31, dân đói trù tính cứu chữa (tiền 600 quan, thưởng tòng cửu phẩm, mỗi 800 quan gia 1 trật) mà khuyên thưởng. Người nào quyên thóc gạo tính khấu thành tiền được 550 quan, thì thưởng tòng cửu phẩm, cứ 700 quan gia lên 1 trật, khiến cho nhiều người vui lòng hưởng ứng. Vua y cho.

Chuẩn cho : Thống chế là Nguyễn Hữu Thận chuyên sung Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm ; nguyên Lãnh binh Ninh Bình là Hồ Trí, thăng Chưởng vệ, quyền Chưởng Hữu dực dinh Vũ lâm, vẫn sung sửa sang công việc trong ngoài Kinh thành ; Vệ uý lĩnh Chưởng vệ là Nguyễn Hanh, quyền Chưởng dinh Hổ oai, kiêm dinh Hùng nhuệ ; Vệ uý Nguyễn Văn Phó, quyền Chưởng dinh Long võ kiêm Giám thành, vẫn sung Đốc công ; Vệ uý Trần Văn Cư thăng thự Chưởng vệ, quyền Chưởng dinh Tiền phong kiêm dinh Thần cơ.

Năm ngoái, sau khi loạn, các hạng binh triệu đến chưa được đều, nên giao cho Nguyễn Hữu Thận, Nguyễn Hanh chia nhau trông coi. Đến nay, số quân đã đủ, mà công tác sửa sang và thay đổi đi tuần đêm ở trong, ngoài Kinh thành rất bận, cho nên lại theo như cũ, các dinh đều đặt thống, chưởng để mong cho chóng được việc.

Quan bộ Lễ là Chu Đình Kế tâu nói : Kỳ hạch khoa trường gần đến nơi, mà đường, thuộc bộ ấy đều là tôn sinh, ấm sinh và lại điển xuất thân, khi phúc duyệt

quyển văn rất thấy thiếu người. Xin sắc xuống cho bộ Lại, xem ở nha các bộ khác, người nào là tiến sĩ, phó bảng, cử nhân xuất thân, thì đổi bổ sung bộ ấy, đường thuộc đều 1 người, đều sung làm việc, mới cho Thị độc nguyên lĩnh Án sát Quảng Bình là Phan Huy Nhuận (trước cáo bệnh về ngụ ở Kinh chữa thuốc) đổi bổ Hồng lô tự Thiếu khanh Tá lý bộ Lễ ; Tôn Thất Vịnh nguyên Tá lý đổi Tá lý bộ Hình.

Đổi dồn ngạch binh ở Tả, Hữu dực dinh Vũ lâm. Từ trước, ngạch binh 2 dực ấy, Thừa Thiên, Quảng Trị phần nhiều đóng xen lẫn nhau. Đến nay, đem người nào quê ở Thừa Thiên thì về cả Tả dực, người quê ở Quảng Trị, thì về cả Hữu dực, cho có phân biệt, mà tiện cai quản.

Bộ Binh làm tờ tâu đem quan võ ở Kinh và tỉnh ngoài chưa đến niên lệ, mà sức lực suy yếu, từ quản cơ trở xuống 31 người tâu lên. Vua chuẩn cho đều mang theo nguyên hàm về quê hưu dưỡng.

Vua nghĩ các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam, nhiều lần đã tìm nhiều cách hiểu dụ, ngăn dẹp, mà dân chúng chưa hết ngờ sợ ; hoặc giả, quan địa phương không biết thể theo ý tốt, xếp đặt trái phép, mới đến thế thành cưỡi hổ, bèn chọn nguyên lĩnh Phủ doãn Thừa Thiên là Phan Liêm thăng Thị lang, gia hàm Tham tri sung làm Khâm sai đại thần, Tham tá Các vụ là Phạm Phúc Lâm, thăng Quang lộc Tự khanh, sung làm Phó khâm sai ; Hải phòng Phó sứ ở Quảng Nam là Nguyễn Tạ thăng Thị độc học sĩ sung làm Khâm sai Tán lý ; cắm cờ tiết bắt đầu đi từ Quảng Nam, lần lượt đến các tỉnh, gia sức hiểu dụ rõ ràng, khiến cho chúng đều phải quay về, nhưng được mang theo binh (300 tập binh, do quan Pháp tuyển cấp), lương (mang nhiều bạc đồng) tuỳ tiện làm việc. Chuẩn cho viện Cơ mật bàn định với Khâm sứ Pháp, phụng nghĩ 1 đạo dụ văn và đem lời cảm động lòng người để nói, không hiềm gì bảo nhiều ; lại chuẩn cho các quan khâm sai phụng nghĩ 1 đạo cáo thị.

Vua thân tự sửa định, sai Sử quán kính in dụ văn, cáo thị mỗi thứ 100 bản, giao cho quan khâm sai niêm yết khắp nơi, khiến cho nhân dân, nhà nào cũng đều hiểu rõ, chớ mắc vào tội lỗi.

Dụ rằng : Nhà nước trị hay loạn, từ xưa vẫn có ; sở dĩ chuyển được loạn làm trị, là cốt ở người. Nhà nước ta gặp biến cố liên tiếp, từ trước đến giờ, chưa có quá lắm như thế. Tóm lại, là do tự Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết lộng quyền giết vua này, lập vua khác, Hàm Nghi là công tử ở bên ngoài, chưa từng được giáo dục ở trong cung. Hai quyền thần ấy lần này đón lập, nhiều việc man muội, trước thì lợi về dễ khống chế, sau thì chỉ mưu cho bản thân, bỗng dưng gây hấn, nghiêng đổ tôn xã, bắt hiếp vua chạy đi ; Nguyễn Văn Tường liền quỷ quyệt đem thân quay về thú tội với quan đô thống Đại Pháp, rồi đã bị tội lưu, Lê Thuyết thì sống một cách tạm bợ ở trong rừng. May mà nước Đại Pháp có lòng nhân thứ, giúp ta chấn hưng được nước đã mất, nối lại được thế đã dứt, nước nhờ đó mới còn.

Trẫm là con của Dực tông Anh hoàng đế, theo thời ẩn náu tu dưỡng, không có lòng tưởng đến nhà vàng, đại thần 2 nước, vâng theo ý Chỉ của Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu và Hoàng thái hậu bàn định lập trẫm nối ngôi. Trẫm thường nghĩ nước Đại Pháp, trước đã giúp Thế tổ Cao hoàng đế ta, khôi phục được dư đồ nhất thống ; nay lại bảo tồn được tôn miếu nước nhà ta khi gần mất. Các thần, thứ, sĩ, dân nước ta cố nhiên phải kính phục nước Đại Pháp, ân đức trước sau đãi làm thượng quốc, nhờ để dạy truyền các kỹ nghệ khéo léo, khiến cho nhân dân trong nước được tiện lợi vô cùng mãi mãi. Triều đình chính đương nghĩ đến chấn chỉnh các việc, yên định trong ngoài, thế mà các sĩ phu ở nơi hương thôn xa lánh, một khi nghe thấy Kinh thành không giữ được, thì nhận lầm, cho là nước Đại Pháp có lòng cầu lợi về đất đai của ta, mới có bức về lòng nghĩa phẫn, xướng lên thuyết Cần vương, gọi là xướng nghĩa.

Kể ra, đã gọi là lẽ phải, thì làm một điều bất nghĩa, giết một kẻ vô tội, cũng không nên làm, các sĩ phu phần nhiều dù có lòng trút giận cho người khác, giết hại dân bên giáo ; nước Đại Pháp nghe biết, cho là các sĩ phu trái mệnh triều đình, chống cự lại nước Đại Pháp, thế thì phải tội với 2 nước, để vào trọng hình cũng không là oan. Duy trẫm tin là các sĩ phu, tình thực là nhận nhầm, chứ không phải có lòng làm loạn, triều đình đã đem đầu mối hoạ loạn, là tự Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết gây ra, nói rõ ràng với quan Đại Pháp, đã tin không ngờ, để cho triều đình ta phải xử trí ngay, cho lương, giáo đều được yên ổn. Vì giáo dân cũng là con cái triều đình, từ trước, bên lương, bên giáo vẫn cùng nhau yên vui, đã hơn vài trăm năm nay, không thù hằn gì. Gốc của bên giáo, chẳng qua đọc kinh cầu hồn, có lễ tục riêng, còn như cương thường đạo lý cũng giống dân bên lương. Nếu 2 bên coi như khác đường, bảo bên giáo là có đạo, thì là không phải ; bảo bên lương là ngoại đạo lại là không phải lắm, đạo là đạo tự nhiên của trời đất ; đạo không ở xa người, ngoài người ra không có đạo gì cả ; mà lại coi nhau như khác đường, đến nỗi dân ta tự giết hại nhau, là cũng lầm lắm.

Gần đây có người dâng sớ tâu xin dùng binh, trẫm thương trong cơn binh hoả ấy, ngọc đá đều cháy tan cả, thì lầm quá hơn trước, hối lại không kịp. Nay chọn quan Khâm sai, cấp cho ấn quan phòng, cờ mao tiết đốc suất đem các vệ tập binh, khí giới tốt, lương thực đủ, đến ngay Quảng Nam, phải đem xử trí tất cả, bàn với quan Pháp hiện đóng ở đấy, tuỳ tiện làm việc, phải làm thế nào cho được sớm yên. Quảng Nam khi đã bình rồi, thì truyền hịch ngay và mang cờ tiết theo thứ tự đi đến Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận cho được sớm yên tất cả.

Vả lại, nước ta và nước Pháp, hiện nay lẽ cùng giao cho nhau đã thành, việc hoà hiếu đã định, tưởng sĩ thứ các ngươi đều nghe biết cả, khắp gầm trời này, đâu cũng là đất của nhà vua, khắp đất nước này, ai cũng là thần tử của nhà vua ; nếu các

ngươi biết hối cải, cùng bảo lẫn nhau, theo nhau cùng dẫn thân đến thú trong hạn định của quan Khâm sai, thì sẽ được lượng cho khoan miễn. Nếu chấp mê không biết hối, riêng mình sinh thành ở ngoài giáo hoá, chỉ lấy nghề cướp bóc mưu sống để hại dân ; lại dám nhân lúc 1 - 2 quan Pháp bất ý, lẻn đánh giết ngầm, bè lũ như thế, rõ là phản nghịch triều đình, thực không thể khoan tha được. Quan Khâm sai, đều phải kính theo lòng tốt của trẫm, khu xử cho thích hợp, trên giúp Nhà nước, dưới yên nhân dân, chớ phụ lòng ân cần bảo ban bắt có thành tích của trẫm.

Cáo thị rằng : Nay chọn phái Khâm sai đến Quảng Nam, đã từng xuống Dụ, nhân nghĩ lòng người mê hoặc thì dễ, hiểu biết thì khó, đó là thường tình, bèn lại bảo thêm cho thân hào, binh, dân ở các tỉnh Tả trực kỳ biết nghe rõ lời trẫm : Được đạo trung, cốt ở tuỳ thời, bỏ sự sống, quý hồ có nghĩa ; thời có biến đổi luôn, cho nên biết thời thế là phương pháp lớn học *Kinh Dịch* ; nghĩa không nên làm thì coi nhẹ sự sống, cũng là điều răn cấm của thánh nhân ; tự cho mình là người đọc sách biết chữ thì 2 chữ "thời nghĩa", phải nhận thấy được thực, cầm được nhất định. Người đời xưa, có biết thời không nên làm mà cứ làm như Gia Cát Võ Hầu lại là phải, nhưng người được giúp là dòng dõi nhà vua thì tiếng nghĩa thể được xướng lên khắp cả nước, không được thế là trái thời mà làm việc, bậc tuấn kiệt không ai làm và việc làm bội nghĩa, thì người quân tử không khen.

Thế tổ Cao hoàng đế ta, buổi đầu thịnh trị, phần nhiều là nhờ nước Pháp giúp sức, tấm tình thề nguyền giao ước đã lâu, trung gian vì bỏ sự giao hiếu, mới gây thành mối binh qua. Tiên hoàng đế tặng ngọc bạch để giảng hoà ; ban mũ, lọng để dụ bảo, đối với thời, nghĩa trù tính kỹ càng đến bậc nào ? Từ đấy đến nay, Á, Âu giao thiệp, đôi nước không nghi kỵ nhau, Tả, Hữu 2 kỳ nhờ thế được yên nghỉ.

Hơn vài mươi năm nay, đời tiên tổ các ngươi, đến đời ngươi, hoặc được thờ phụng Tiên đế, hoặc là dân thường, hưởng thụ đức trạch của Tiên đế, cày cấy ruộng nương của Tiên đế, không gì là không phải của bản triều ban cho, gần đây gặp vận nước suy kém, hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế ta băng hà, nghịch thần Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết, không theo di chiếu, tự tiện bỏ vua này, lập vua khác, quyền gian lộng quyền, liền lại giết vua, giết quan, không việc gì là không làm, kết oán với thần dân các ngươi, lại gây ra chiến tranh, ngăn trở việc hoà hiếu, làm cho quan Pháp nổi giận. Lê Thuyết nhân thấy mời đến, tự mưu tính để thoát hoạ, mới phải đem vua chạy đi, tôn xã còn như sợi chỉ. Đương khi ấy, trong ngoài bâng khuâng, không biết hệ thuộc vào đâu, lòng nghĩa phẫn nổi lên, cũng không đáng lấy làm lạ. May nhờ hoàng thiên không muốn có hoạ loạn, nước bạn dâng lòng thành, chuông với giá không dời đổi, non sông không việc gì.

Trẫm là con thứ 2 của Tiên đế, được phong tước phiên công ở Kiên Giang đã lâu. Khi trẫm còn ẩn náu, tuân theo tu dưỡng ẩn náu, không nghĩ đến nhà vàng,

vâng theo ý Chỉ của Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu và Thánh mẫu Hoàng thái hậu, sai đại thần 2 nước suy tôn lên ngôi vua ; so với Kiến Phúc thì trẫm là anh ; so với Hàm Nghi, thì trẫm là ngành chính, thời tuy có biến nhỏ nhưng nghĩa phải mưu còn. Trẫm là quân sư các ngươi, tức là cha mẹ các ngươi, đâu nỡ để các ngươi vướng vào gươm giáo, riêng hạn sinh thành ở ngoài vòng đức hoá ! nhiều lần đã hiểu dụ nhiều nơi, lưới mở 3 mặt, muôn dân có tội, là tội ở một mình ta, mình ta có tội, không can gì đến muôn dân, hầu khiến cho ngươi thêm tốt, tha cho về, để cùng hưởng phúc hoà bình vô sự. Thế mà bọn ngươi chưa hết ngờ sợ, gia dĩ quan địa phương không biết khéo thể theo, lấy lòng tốt, xếp đặt trái phép, để đến nỗi vạ lây đến cá ở ao, thế nguy như cưỡi hổ, đó là trách nhiệm của người giữ bờ cõi, chứ đâu phải tự các ngươi mang cái lo vào mình !

Kìa như đời Xuân Thu, ràng buộc Tiểu Bạch ở Tề, cho là Tiểu Bạch không có nước Tề ; cho nên Quản Trọng giúp Hoàn Công, Khổng Tử khen là đúng, còn Triệu Hốt chết vì công tử Củ, chỉ ví như kẻ thất phu ; Tống công bị bắt, mà Tử Ngư lập lên ngôi vua ; Anh tông đi, mà Thành vương coi việc nước, người đời xưa có làm đấy. Nay riêng có lòng nào, sẽ trung như việc làm của Lê Thuyết chăng ? Chưa đầy 1 năm lập đến 4 vua, muốn lợi dụng vua còn tuổi nhỏ, để thoả lòng riêng, mà tờ di chúc của tiền triều để trong kim quỹ, không biết làm đến mấy lần. Đương lúc liều mạng, từng không tâu lên, đến khi thua trận trở về, mới vội vàng bắt hiếp vua chạy đi, cũng như bọn Quách Dĩ đời Hán, Chu Ôn đời Đường, trung chăng hay không trung ? Người quân tử xưa, xem 3 người đi tòng vong[1], biết là Trùng Nhĩ khôi phục được nhà Tấn ; xem khí độ tướng quốc họ Tiêu, biết là Bái Công dựng được nghiệp họ Lưu, Lê Thuyết là bề tôi vô đạo (lời Dụ Tiên đế bảo loài kim nhảy khỏi lò đúc là bất tường, bề tôi vô đạo dùng sao được), coi mạng người như cỏ rác ; coi vua, nước như bàn cờ ; mà những người theo Thuyết như nghịch Soạn, nghịch Mỹ đều là vũ phu bất học, như thế bảo có thành công được ư !

Nay Lê Thuyết, trốn tránh ở rừng gập ghềnh, một thân tuy nhỏ, mà coi trời đất như còn hẹp, Nguyễn Văn Tường thì đã bị đi đày, tức là trời trừ kẻ tật ác, huống chi tai ách của nhà Hán mười đời, [mà Quang Vũ trung hưng] ; con của Tấn công có 9 người, [mà còn được Trùng Nhĩ] ; xem ý trời cũng có thể biết. Trẫm cùng bọn ngươi, phải nên hết sức lo toan khôi phục lại, để lại thấy được cảnh tượng thái bình như xưa. Không ngờ bọn ngươi theo ý làm liều, hoặc bức đuổi quan tỉnh, hoặc đốt phá phủ, huyện, kháng cự mệnh lệnh triều đình, cam tâm hết lòng trung với kẻ thù, từ Hải Vân trở vào Nam, không chỗ nào là không loạn, rất đáng quái lạ, sao không xem châu Hoan, châu Diễn, Quảng Bình, Quảng Trị, mượn tiếng là xướng nghĩa

(1) Ba người tòng vong Triệu Thôi, Điên Kiệt, Nguỵ Thù ở đời Tấn. (*Bắc sử*).

Cần vương, đều đem thân bón cho đồng cỏ, 10 nhà thì 9 nhà hết sạch ; còn những kẻ lọt lưới, thì bị mưa độc, khí núi, liền hoá làm giống sâu ở cát, tức như tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn là thủ xướng, phải giải quân trốn xa ; Thám hoa Nguyễn Đức Đạt phải đến tỉnh đầu thú ; đã thấy được đại khái. Trực kỳ các ngươi vốn khen là nghĩa dân thành thực, là nơi tiền triều khai thác vài trăm năm nay, đức hoá, khí tượng của nhà vua đều đổi mới cả ; Tiên hoàng đế đã bổ dụng cho, đã giáo dục cho, nhiều người làm quan tới bậc danh công, cự khanh, cũng như người ở Kinh đô Phú Xuân không khác ; mà lại mấy năm thuỷ, hạn liền, trẫm đã vỗ yên được dân điêu tàn, cứu chữa được kẻ bệnh tật, cho được sinh sống đến có ngày nay, thì sự giáo dưỡng không phải là không chu đáo, ơn trạch không phải là không sâu xa.

Ngươi nhớ đến Tiên đế, trăm năm cũng như một ngày, nỡ đến con của vua trước mà ung dung quên đi, riêng không nhớ đến ơn đức thương yêu vỗ về và công lao gây dựng chăng ? Vả lại, các hạt ngươi so với 6 tỉnh trong Nam, đất cát nhân dân, ai là giàu mạnh ; thế mà bọn Trương Định, đem cuộc toàn thịnh 10 năm, lúc làm ra vẫn thấy sức không đủ, bọn ngươi, riêng muốn đem quân tụ hội ô hợp mà làm loạn, thì sao được có thừa, sức bánh xe, không phải càng bọ ngựa có thể tránh được, cá trong đáy nồi, đâu có thể sống được lâu, đắn đo thời thế, khó như thế đấy, mà ngươi lại mờ mịt cứ làm, tóm lại là bởi nhận lầm mà không biết.

Thử nghĩ, Hàm Nghi là con tước công ở ngoài, chưa có dạy nuôi sẵn ở trong cung. Lần này được bọn nghịch Thuyết lập lên, nghĩa thực không đủ cho thiên hạ phục, Kỳ Phong quận công, nói một lời không hợp, liền thấy bị giam chết, khiến cho người phải khoá miệng ; mà nay lại bắt hiếp vua chạy đi, khinh bỏ ngôi vua của cả nước, thì xã tắc bảo sao ?

Trẫm nay nối ngôi, thực là nhờ tinh linh của 9 miếu ở trên trời, nhưng một lòng hữu ái, coi sự ở hay đi không khác, đã từng sai đại thần, đi đón xuất đế, phong cho tước Công, để giữ việc thờ cúng Ôn Nghị Kiên vương, thì nghĩa phải hay trái, tất có người biết, việc chết sống là việc trọng, núi Thái Sơn và lông chim hồng, các ngươi phải phân biệt nhẹ, nặng. Bọn ngươi, nếu không vì thân mưu sống, cũng nên tự bỏ mạng đi, mà không nên để hoạ lại cho trăm họ, thế mà có người làm cho con người ta phải mồ côi, vợ người ta phải goá bụa, để hả lòng giận riêng, có người lấy hết tài lực của người. Vả lại lương, giáo đều là con cái của triều đình, Nhà nước lòng coi như một ; làm quan hay đi lính, đâu có phân biệt khác nhau, mà lại làm liều đốt giết nhau, không bao giờ hết. Đức của trời mong cho sống, lòng người ghét sự chết, tội gì mà khổ quá đến thế, nhân đó khiến cho thiên hạ coi thanh lưu[1] làm gốc hoạ,

(1) *Thanh lưu* : bậc sĩ phu đức hạnh, cao khiết : về đời Hậu Lương, Lý Chấn bảo Thái tổ rằng, bọn Tể tướng Bùi Khu tự bảo mình là thanh lưu, vậy đem chúng quăng ra sông Hoàng Hà cho dòng sông đục mãi. *(Từ hải)*.

trung nghĩa làm đường sợ sệt, thực bởi đọc sách không tinh, xem đời không kỹ, không những đáng giận, chính cũng đáng thương. Bọn ngươi bị che lấp đã lâu, lẽ đáng bắt giết ; nhưng xét đến sơ tâm, vốn không phải muốn loạn, sau biết hối, cũng muốn cho tự sửa đổi ; tới nay quay về, bóng dâu xế chiều, không phải là muộn. Nay việc hoà đã định, việc giao cho nhau đã xong, binh dân nghỉ ngơi, chính là gặp hội. Trẫm đã sai bề tôi hiền bàn với Khâm sứ Đại Pháp, bình tĩnh bàn định, cho bọn ngươi không phải là xướng suất đầu tiên về việc hoạ loạn ; viên Khâm sứ cũng vì thế thương xót, mở cho con đường tự sửa đổi, chọn phái quan khâm sai cầm cờ tiết đi đến các địa phương từ Quảng Nam trở vào Nam, thể theo tấm lòng thương dân trọn vẹn của ta, cùng là ý kiến hoà thuận của sứ thần Đại Pháp, hiểu dụ cho khéo. Hễ thấy khâm sai đến nơi, thì thân sĩ, binh dân các ngươi, trước đã nhậm lầm, làm trái, nay phải đến hết thú với quan khâm sai, sẽ chuẩn cho theo Dụ trước, lượng cho khoan tha, còn công việc hay về sau, đã chuẩn cho khâm sai tuỳ tiện làm việc.

Kể ra, thực lòng theo về, thì ruộng là ruộng của các ngươi, nhà là nhà của các ngươi, tiếng hát già, trẻ vang lừng nơi đường ngõ. Nếu cứ đi mãi, thì sống là kẻ ngoan cố ở ngoài vòng giáo hoá, mà chết là thấy chết đói ở trong ngòi. Ai không có cha mẹ, phụng sự sao được ; ai không có vợ con, đưỡng dục nhờ ai được ; cái vạ không hiểu rõ chữ thời, chữ nghĩa mà đến nỗi thế, há không đau lòng ư !

Từ nay trở về sau, dối lo đều bỏ hết, cày ruộng, đào giếng cùng yên, lặng nghe triều đình xử trí, cứu chữa, nếu trải qua răn bảo lần này, mà bọn ngươi rút cục không tỉnh ngộ, đem quân lính đến, đến lúc ấy lửa đốt núi, gò, ngọc đá đều cháy. Trẫm tuy rất nhân, cũng không thể tha cho bọn ngươi được.

Hoạ, phúc, yên, nguy của bọn ngươi ở cả việc này, nghĩa chữ thời trọng đại lắm thay, ngươi phải hăng hái tỉnh dậy, kính theo lời răn này. Nay đặc ân cáo thị.

Các phủ, huyện Tĩnh Gia, Nông Cống, Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đều bị đốt phá, các hạt trong tỉnh cũng nổi loạn khắp nơi.

Vua cho là Thanh Hoá sinh sự, tất do tự bọn Lê Thuyết dụ ngầm dân, muốn đổi Tổng đốc tỉnh ấy là Lương Thành và rút hết những người tôn thất mà làm quan ở tỉnh Thanh. Viện thần bàn là Lương Thành tuy thực thà, tầm thường nhưng chưa tiện đổi ngay, còn như tôn thất bổ sung ở tỉnh ấy rất nhiều, rút về cả một lúc, sợ chưa ổn, xin do tỉnh ấy mật xét viên nào là thực lòng làm việc, cho lưu tại chức ; viên nào hơi còn trông ngóng, sẽ lấy cớ triệt về, hầu được ổn thoả. Vua y theo.

Trước đây, nguyên Giáo thụ Quảng Nam là Nguyễn Tạo (người xã Hà Lam, là Sơn phòng sứ phải giáng xuống hàm ấy) và em viên ấy là Tiến, bị quan Pháp ngờ bắt (em Tạo là cử nhân Nguyễn Quýnh nhận chức Bang tá của giặc Hội, rồi sợ tội trốn biệt. Tiến nhân thấy giặc Hội đốt, giết dân giáo mới cùng người nhà tới chỗ ấy

xem, bị người tố giác, cho nên quan Pháp bắt Tiến, bắt cả Tạo), giao cho tỉnh xét xử, đem Tiến phải tội lưu, Tạo phải tội đồ. Đã được viện Cơ mật bàn với viên khâm sứ y án, đều do bộ Hình bắt giam, Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Thuật dâng sớ trình bày nỗi oan của Tạo và nói : 1 nhà bị nạn, tại chức cũng không yên tâm, xin nộp giả quan hàm, chỉ giữ nguyên chân xuất thân (phó bảng) theo bộ, viện phái đi làm việc, để chuộc tội cho anh và em (Tạo là anh Thuật ; Tiến, Quýnh đều là em Thuật).

Vua chuẩn cho đình thần xét lại phúc tâu. Đình thần tâu : Cứ tập tâu của Thuật trình bày và tờ tư trước ở tỉnh Quảng Nam, thì Quýnh, Tiến là bị chúng ức hiếp bắt đi, Tạo là già yếu, răn cấm không được, tình cũng đáng tha. Xin ban ân chuẩn cho Tạo và Tiến theo quan Khâm sai Phan Liêm để làm việc chuộc tội, còn như việc Thuật xin nộp trả quan hàm chuộc tội thay, xét trong thể lệ không hợp lẽ, xin không phải bàn. Vua y cho.

Tháng 3, tặng giám quốc Đại Pháp và quan viên văn, võ 112 tấm long bội tinh.

Tặng giám quốc : Bội tinh kỳ khôi hạng nhất và 1 bức thư, đóng ấn "Hoàng đế chi bảo". Thư rằng : Hoàng đế nước Đại Nam kính gửi thư đến Hoàng đế thượng quốc soi xét : Gần đây, hạ quốc được nhờ ngài che chở, ơn như non biển. Định nhờ quý sứ thần xa dâng 1 tấm kỳ khôi long bội tinh để tỏ chút lòng. Trước hết, xin đệ bức thư, xin ngài soi xét thấu. Nay kính thư : Quản lý chư bộ sung Thương bạc sự vụ của nước Đại Pháp là Ba quý chức ; Đô thống sung Thượng thư bộ Binh là Bô quý chức ; Phó nguyên suý sung Thuỷ bộ cấp chư thuộc địa là Ô quý chức ; quyền sung Đô thống Bắc Kỳ là Ve quý chức ; bội tinh viên Phó tổng lý quý chức (khi khâm sứ không nói họ, tên viên Phó tổng lý ấy) đều tặng nhất hạng bội tinh.

Còn thì tặng 10 tấm nhị hạng, 16 tấm tam hạng, 30 tấm tứ hạng và 50 tấm ngũ hạng. Quý Đô thống Pháp trước định : Phó đô thống Ba-duy-đam thì tặng cho đệ tam hạng ; Khâm sứ Hách-tô đệ tứ hạng. Cựu Khâm sứ là Sam-bô, Lê Na, không có nghĩ định đến, Viện thần cho là 4 viên ấy đều có công lao ; xin chuẩn cho Ba-duy-đam đổi tặng đệ nhị hạng ; Hách-tô và Sam-bô, Lê Na đều đệ tam hạng).

Chuẩn cho linh mục tỉnh Ninh Bình là Trần Lục, gia hàm Tham tri bộ Lễ, sung làm Tuyên phủ sứ Thanh Hoá, vì địa phận của viên linh mục ấy ở tiếp giáp tình thế rất am hiểu (nhà đạo ấy ở xứ Phát Diệm, là chỗ tiếp giáp Thanh Hoá và Ninh Bình), là theo lời nghĩ xin của Nguyễn Hữu Độ.

Chuẩn cho Tả thị lang bộ Binh là Trương Như Cương thăng thự Tuần phủ Thanh Hoá. Hạt ấy là nơi thang mộc quan trọng, việc canh phòng rất bận, cho nên lại đặt chức ấy để giúp quan Tổng đốc là Lương Thành những việc làm không kịp.

Bãi kho nghĩa xã ở các địa phương. Quan Tổng đốc Thanh Hoá là Lương Thành tâu nói : Số tiền thóc kho nghĩa xã, phần nhiều là con số hão huyền, tệ ấy đã

lâu, lần lượt giục thu, chỉ thêm khổ dân. Xin do quan tỉnh ấy nghiêm sức cho các phủ, huyện xét rõ số thực chứa hiện đã đem chứa ở kho phủ, huyện, hoặc vẫn chứa ở các xã, thôn, thì đệ lên chứa riêng ở kho tỉnh, còn thì rộng tha cho hết. Từ nay về sau, nếu gặp năm mất mùa, thì do phủ, huyện, khuyên bảo hào phú trong hạt quyên giúp để cấp. Bộ Hộ nhân nói : Việc ấy hoặc dân làng tích khiếm cũng có ; hoặc giữ việc trông coi bớt xén cũng có, lâu ngày, tệ nhiều, có danh, không thực, các tỉnh đều thế cả. Năm trước đã chuẩn cho đem chứa cả ở phủ, huyện, nhưng phủ, huyện bận việc nhiều, trông coi không xuể, không tránh khỏi tệ gian của lại, lệ. Xin chuẩn cho theo như nghĩ định, rồi thông sức cho các địa phương hết thảy tuân theo làm việc.

Bọn giặc ở Quảng Nam lại nhân ban đêm đến tỉnh thành đốt phá các dân cư gần cạnh đấy (đốt hơn 180 hộ, bị thương 11 người). Vua chuẩn cho chiếu việc làm trước, cấp cho tiền tuất, (người bị thương thì chiếu theo lệ như hộ lớn).

Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải tâu nói : Tỉnh ấy hiện nay việc nhiều, lính ít (1.336 người) sai phái không đủ, lính ngạch tuyển của hạt ấy lại lệ thuộc tỉnh Đông, đến khi tuyển sung vào lính tập, bắt giải không tiện. Xin đem giản binh mà trước thuộc tỉnh Đông 713 người đổi về tỉnh ấy, cho được đủ sai phái, mà tiện cho dân. Vua y cho.

Chuẩn định đội trưởng, thư lại và binh đinh được cấp bằng ở ngạch giản binh giảm về và ngạch mộ binh triệt bãi, châm chước tuổi và niên lệ, chuẩn cho miễn sai có thứ bậc.

(Về ngạch giản binh : đội trưởng, thư lại có bằng cấp, tuổi 40 mà niên lệ được 2 năm trở lên ; ngũ trưởng, binh đinh tuổi 40 mà ở lính được 10 năm, hoặc tuổi 50, mà ở lính được 5 năm. Về ngạch mộ binh : đội trưởng, thư lại có bằng cấp, tuổi 45 mà niên lệ được 3 năm trở lên ; binh đinh tuổi 40, mà đến mộ được 15 năm, hoặc tuổi 50, mà đến mộ được 10 năm, đều phát bằng cho về và miễn sai. Người nào không đủ các bậc ấy, thì giao về dân vào sổ đinh chịu sai dịch).

Chuẩn cho phủ, huyện các hạt đều mộ lính mạnh khoẻ 200 - 300 tên để giúp việc phòng thủ.

Cho Thị lang bộ Lại là Phạm Xứng, sung chức Tán lý ; Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Tiền phong là Trần Văn Cư sung chức Đề đốc, đều đi đến Quảng Bình nghe theo Kinh lược đại thần bàn định, giao uỷ. Khi đi, vua ban cho sâm thượng hạng (Xứng 30 lạng, Văn Cư 20 lạng), để giúp thuốc thang khi đi đường. Bảo phải gia tâm bàn giúp, cốt cho sớm được thành công.

Tổng lãnh sự Pháp là Đình Long (có tên gọi là Địch Long) đến tiếp tục làm công việc khâm sứ (Khâm sứ cũ là Hách-tô vẫn còn ở lại).

Quyền Kinh lược Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp đem tình thế toàn kỳ tư viện nói : Vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm ngoái, các hạt Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội nhiều nơi có rối loạn. Quan Pháp lần lượt tiến quân đến đánh, bắt đầu hạ được đồn Thanh Mai ở Sơn Tây, đến Địch Châu ở Hưng Yên (có tên gọi là Lư Châu) và các hạt Thuận Thành tỉnh Bắc, Bình Giang tỉnh Đông, bỗng gặp các phủ : Thường Tín, Ứng Hoà thuộc Hà Nội ; Kiến Xương, Thái Bình thuộc Nam Định cũng đồng thời kế tiếp nổi lên, quân Pháp liền chia ra dàn đóng để dẹp, nha ấy cũng đi hiểu dụ, ngăn dẹp khắp hạt, các quan tỉnh Hưng Yên, Nam Định, Hải Dương, Hà Nội cũng cùng đi với quan quân Pháp. Sứ thần Pháp có khi cũng cùng với quan Năm tiến đến các hạt : Đông Ngàn, Đông Khuê, Kim Huy, An Lãng, Bình Xuyên đánh bắt, đi đến đâu bọn giặc chạy trốn đến đấy, đầu mục của giặc cũng đã lục tục đem xử tội, hiện đều hơi yên. Duy có phủ : Kiến Thuỵ, Kinh Môn, Nam Sách ở tỉnh Đông ; Yên Thế, Hữu Lũng ở tỉnh Bắc ; gián hoặc còn giặc tụ tập, còn như giặc khách thì đều trốn đến thượng du.

Quân của Pháp hiện ở hạt Thái Nguyên thì đóng đồn ở Đại Từ ; ở hạt Tuyên Quang thì đã tiến đến sông Gâm ; hạt Lạng Sơn, đã tiến đến Thất Khê, Trùng Định. Tên Hà Khánh Sinh là đầu mục giặc đã trốn sang Trung Quốc. Kỳ này, hiện quân Pháp tiến đến châu Bảo Thắng ; nha ấy cũng có phái quân đi theo.

Và ngày 11 năm ngoái, Khâm sai khám định biên giới đại thần của Pháp tiến đến Nam Quan cùng họp với Khâm sai nhà Thanh về việc biên giới, hiện đương bàn ổn thoả, duy quan tỉnh Cao Bằng gần đây thấy Lương Tuấn Tú ức bách, tiền lương ở tỉnh ấy hết sạch ; quân du đãng hoành hành bừa bãi, sau quan quân Pháp đến Lạng Sơn, thì Tuấn Tú đã trốn đến Thiết Sơn, nhưng quân du đãng vẫn còn tụ họp quấy nhiễu, địa hạt tỉnh ấy là nơi xa xôi, còn đợi trù tính, viên sứ thần ấy nghĩ là : Kinh lý vùng thượng du tốn nhiều công sức ; các hạt ở trung châu tuy hơi yên, nhưng tên tướng giặc vẫn còn trốn tội chết sau khi tàn phá, còn phải trù liệu cứu chữa, chậm đến hằng năm mới có thể cải tiến, các lẽ như thế. Bây giờ, sự thể ở Bắc Kỳ đã khác, không thể việc gì cũng tấu báo được. Cho nên, hằng năm chỉ 1 - 2 lần tóm tắt đại thể, do viện tâu lên để vua biết.

Lại đặt chức Đề đốc ở Kinh thành (nguyên trước đặt ra có Chánh, Phó đề đốc ; sau vì loạn xong, chưa được nghĩ đặt). Vua cho là hiện nay công việc tuần phòng, sửa chữa trong ngoài Kinh thành rất là bề bộn, tất có nha chuyên trách, mới mong chóng xong việc, chuẩn cho nha môn Hộ thành binh mã sứ ty lượng đặt 1 viên đề đốc (chánh nhị), 1 viên phó sứ (quan văn tòng tứ) và bát cửu phẩm mỗi chức 1 người, thư lại 2 người, do bộ Binh lượng trích lấy ở các quân, quản vệ 1 người, suất đội 2 người, binh đinh 100 người, mỗi tháng 1 lần thay đổi, giao cho nha ấy nhận phái để sung vào việc tuần phòng, sửa chữa.

Cho Chưởng vệ quyền Chưởng Hữu dực dinh Vũ lâm là Hồ Trí đổi lĩnh Đề đốc cai quản Hộ thành binh mã sứ ty.

Chuẩn cho ấn quan được cáo văn và viên nào đáng được cáo sắc phong tặng từ tháng 8 năm ngoái trở về sau, đều phải viết để ban cấp, trước làm cáo văn đều in để cấp, bấy giờ, vì sau khi loạn, bản in và chữ in đều bỏ mất cả, bộ Lại cho là nếu theo lệ tư làm, rất là phiền phức, cho nên tâu xin chuẩn cho đổi lại.

Đại thần nước Đại Pháp là Pôn-be sang làm Toàn quyền đại thần. Viện Cơ mật tâu nói : Tục các nước phương Đông, phương Tây, phần nhiều vụ lấy danh tiếng ; cho nên bậc sĩ phu học rộng, đi đến nước nào, phàm được dự tuyển vào địa vị thanh cao trọng yếu thì lấy làm vẻ vang. Nay cứ theo lời viên tuỳ phái quan Pháp trình bày thì Pôn-be là người từng du lịch các nước, văn học giỏi lắm ; nếu theo tục các nước, dự vào hội văn học, như một chức ở viện Hàn lâm, thì quý toàn quyền, báu như tặng 100 thứ bảo vật ; xin nên theo thế làm việc. Vua bèn chuẩn cho tôn Toàn quyền đại thần Pôn-be làm Hàn lâm viện Trực học sĩ và ẩn sĩ trong Nam là Trương Vĩnh Ký (người Gia Định đi theo Toàn quyền đến) làm Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ.

Trước đây, Nội các cho là ấn quan phòng dùng trước, thể chất, mẫu thức hơi hẹp, nét chữ mòn mỏng, trong khắc chữ cũ cùng âm với chữ quốc huý, lý nên kính tránh, tâu xin chuẩn cho đúc lại, ở trung tâm theo như ấn viện Cơ mật, 4 bên thành ấn theo như ấn thị vệ ; núm ấn bằng hình sư tử ngồi, bên trong khắc các chữ "sung lý Nội các sự vụ quan phòng" (trước khắc chữ "sung biện Nội các sự vụ quan phòng"). Lại làm thêm 1 quả kiểm nhỏ, trong khắc 2 chữ "Nội các", cho được dễ coi, sau ấn đúc xong, đã chuẩn cho đem dùng (mồng 1 tháng ấy).

Đến nay, viện Cơ mật cho là ấn Nội các quan phòng chỉ dùng đóng vào Dụ Chỉ và bản lục sao ở 6 bộ mà thôi, theo lệ không được đem dùng cho nha các tỉnh ở ngoài. Vả lại, Nội các tuy là cận thần, nhưng phẩm trật so với 6 bộ hơi kém ; về ngăn ngừa các việc sắp xảy ra và rất tinh vi, tự có ý sâu xa, nên mẫu thức ấy trước dùng núm bằng cái vong, dài 1 tấc, rộng 7 phân 2 ly, đã ghi ở trong hội điển, rõ ràng đến thế nào.

Khi Tiên hoàng đế ở ngôi, ấn quan phòng ấy sửa khắc đã nhiều lần, cũng chưa từng thay đổi, thực lấy phép cũ vẫn còn, thể yếu rất là quan trọng. Nay gặp cùng âm với chữ huý và lâu ngày mòn khuyết không ngại gì, tâu xin theo mẫu đúc lại, thế mà thay đổi trái lệ, đúc thêm quả kiểm nhỏ, thì đến khi phê phụng, không biết đóng dùng thế nào (lệ trước phê phụng đều đóng ấn quan phòng nhỏ, hình chữ nhật). Huống chi việc ấy tuy là nhỏ, nhưng quan trọng rất lớn, sợ cứ thế là mãi, thì ngày nay đổi 1 ấn, ngày mai khắc 1 bài, sau này thay đổi phép cũ, ấn quan phòng ấy là

bắt đầu. Vậy các ấn quan phòng kiểm, cái mới làm, xin cho thu lại huỷ đi, sẽ do đốc công theo mẫu cũ, đổi làm bằng ngà để tiện dùng, còn như quan Nội các ấy, theo ý riêng làm việc, xin giao bộ Lại nghị xử. Vua chuẩn cho theo như nghĩ định. (Sau nghĩa chuẩn cho Cao Đệ, Phạm Phú Lâm, Nguyễn Văn Trung đều phạt 9 tháng lương).

Bấy giờ, ngạch binh giảm mất một nửa, trong đó có các xã, thôn nguyên ngạch binh là số lẻ, năm ngoái, theo lời tâu của Các thần, chuẩn cho Chỉ chiểu xã nào có số chẵn thì bắt một nửa (như 3 người thì lấy 1 ; 5 người thì lấy 2), còn số thừa ra 1 tên và nguyên chỉ có 1 tên thì đều được tha cho. Đến nay bộ Binh nói : Từ trước đến nay, số binh ở Kinh bắt một nửa, hoặc là hiện đang có loạn, chưa tiện bắt lính điền vào ; hoặc đã điền, vẫn là chưa đủ. Hiện nay, sai phái cần nhiều người, nếu lại cứ số thừa đem tha giảm hết, sợ có không tiện, xin số thừa bắt cả, để đủ sai phái (như loại 5 người lấy 3 ; 3 người lấy 2 ; hoặc nguyên 1 tên thì bắt cả). Nếu nơi nào là điêu háo thì đợi lựa chọn, do địa phương xét thực hãy thi hành. Vua y theo.

Đúc lại 2 quả ấn : ngự tiền và văn lý mật sát, 2 ấn vàng ấy, Lê Thuyết mang đi. Tháng 9 năm ngoái, đã tạm làm bằng ngà để dùng. Đến nay, chuẩn cho chiểu theo cách thức mới (ấn "ngự tiền chi bảo", hình bát giác, dài 8 phân 5 ly, rộng 7 phân 5 ly, khắc chữ chân phương. Ấn "văn lý mật sát", hình vuông, dài 9 phân, rộng 8 phân, khắc chữ triện, đều dùng núm hình rồng), theo như cũ, đúc bằng vàng, để tỏ là quý trọng.

Nêu khen tiết phụ ở Hà Nội : (Đặng Thị Trường, Đặng Thị Hối, Đỗ Thị Ba đều hạng thứ).

Đổi tên 3 huyện : Đường Hào, Đường An, Thuỷ Đường ở Hải Dương và tên xã Chính Mông ở Quảng Ngãi (các huyện ấy cùng âm với chữ huý, đổi là Mỹ Hào, Năng An, Thuỷ Nguyên ; tên xã ấy trùng hiệu với vua lúc còn ở tiềm để nên đổi là xã Chính Lộ).

Chuẩn cho huyện Cẩm Khê đổi thuộc về quản hạt tỉnh Hưng Hoá (vì cớ trước thuộc Sơn Tây, không tiện).

Chuẩn cho các bề tôi chết vì việc nước là bọn Lê Tiến Thông (Án sát quyền lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên) được truy tặng (chiểu hàm cũ, gia thêm 1 trật), cấp tiền tuất (chiểu hàm tặng, gia 1 trật) có thứ bậc :

(Tiến Thông : được tặng Thị lang, con tập ấm Kiểm thảo.

Lê Đại : Quang lộc Tự khanh, thự Bố chính Hà Tĩnh, được tặng Tuần phủ, con tập ấm Biên tu.

Trịnh Văn Bưu : Thị giảng Học sĩ, lĩnh Án sát Hà Tĩnh và Nguyễn Đình Dương, Quang lộc tự Thiếu khanh, lĩnh Bố chính Quảng Bình ; đều được tặng Quang lộc Tự khanh, con được tập ấm Điển tịch.

Đặng Huy Sán, Thị độc lĩnh Án sát Bình Định được tặng Án sát, con tập ấm Điển bạ.

Nguyễn Ôn, Chủ sự theo làm tuỳ phái viên Khâm sai Quảng Trị được tặng Viên ngoại, con tập ấm Cung phụng.

Tạ Văn Sán, Tư vụ sung Bang tá Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định, được tặng Chủ sự, con tập ấm Đãi chiếu.

Trần Khắc Vĩnh, Huấn đạo Lệ Thuỷ sung Bang tá được tặng Biên tu, con tập ấm Đãi chiếu.

Nguyễn Đình Tuyển, Tú tài sung Bang tá phủ Cam Lộ được tặng Cung phụng.

Vũ Văn Huệ, Điển ty vệ Trung tỉnh Nghệ An được tặng hàm Tòng bát phẩm, con đều được trừ binh, dao suốt đời).

Lại chuẩn cho quan viên ở Kinh và tỉnh ngoài, từ tháng này trở về trước : văn thăng tứ phẩm ; võ thăng tam phẩm ấn quan trở lên, cha mẹ đều được chiểu lệ phong tặng. (Năm ngoái, lễ tấn quang, có ban ân chiếu, chuẩn cho từ ngày 11 tháng 8 trở về trước. Sau lại chuẩn cho từ cuối tháng 8 trở về trước. Đến nay lại chuẩn cho thêm).

Quan tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Lữ tâu nói : Hiện nay, việc tuần phòng chính là khẩn, xét ra có các thôn phường Động Hải, Phú Mỹ, Cảnh Dương, Cừ Hà, Lý Nhân Bắc, ngạch trước là lính thuỷ thủ, nay không có thuyền ; vậy xin trích bắt một nửa cộng 50 tên, dồn làm đội tuần thành. Vua y cho.

Chuẩn cho Thị giảng lĩnh Án sát Lạng Sơn là Nguyễn Huy Lân thăng thụ Hồng lô tự Thiếu khanh quyền lĩnh Tuần phủ Lạng Sơn (nguyên Tuần phủ Chu Văn Giảng cáo bệnh).

Vua rất chăm đi săn bắn, Nguyễn Hữu Độ dâng sớ can. Vua bảo rằng : Nhà có chỗ hở, khí rét tự lọt vào, nên bịt kín từ trước là phải. Trẫm tính vốn đạm bạc, phàm việc gì cũng không đam mê nhưng khanh đã chê, thì trẫm nghe theo sửa đổi.

Lập cục Đại Nam công báo. Bấy giờ, viện Cơ mật tâu nói : Tục lệ các nước đều có nhật báo tân văn : Việc lớn thì chính sự triều đình, sau đến tình trạng hương lý, cùng là giá hàng cao hạ, truyền bá với nhau, tuy việc hình như viển vông, nhưng lấy đấy mà khen chê công cộng, tình hình trong ngoài, động có điều gì lầm lỗi, tức thì bị mọi người nghị luận, đó là một việc, mà ý khuyên răn thực ngụ ở trong. Nước ta từ trước đến giờ chưa từng làm việc ấy, cho nên tình hình bên trong không thể thấu

đến bên ngoài ; tình hình ở trong không thể thấu được thì dân tình ở dưới thông với trên sao được.

Hiện nay, việc giao thiệp nhiều, nhật báo là cần hơn cả, nhưng xem xét nhật báo ở các nước đều đặt ra cục, người trông coi cục ấy phần nhiều là nhàn nhân, ẩn sĩ, cho nên nghị luận thường nhiều ý kiến cao rộng và bản in đều riêng từng chữ, xếp in dễ dàng, cho nên ngày nào cũng có, xin bắt chước phương pháp các nước, lập cục Đại Nam công báo, nhưng do Sử quán kiêm giữ việc ấy, cứ 10 ngày hợp làm 1 tờ. Viện ấy và các bộ, nha, đều theo công việc đã làm, ghi chép, giao cho cục ấy, cứ 10 ngày một lần ; cục ấy phải kiểm xét, sửa soạn, hằng ngày viết ngay, giao cho thợ khắc chữ để truyền bá, bắt đầu từ mồng 1 tháng này, đấy là buổi mới thử qua, đợi sau gửi mua bản in có từng chữ riêng cho tiện xếp in, chiểu giá bán ra. Vua nghe theo.

Bọn giặc ở Thanh Hoá lại đốt phá các huyện lỵ Nông Cống, Quảng Xương, giết viên quyền huyện là Phan Huy (Nông Cống), Trịnh Uyển (Quảng Xương), Bang tá là Nguyễn Lệ (Nông Cống), Lê Huy Kiên (Quảng Xương) và tác vi Lãnh binh đóng đồn ở huyện Nông Cống là Nguyễn Bá Thiệu.

Phủ Thừa Thiên lâu không mưa, nắng lắm, dịch lệ đôi khi có phát. Vua đã sai quan phủ đến lễ cầu ở miếu Hội đồng và các đền thiêng trong hạt 6 huyện nhiều lần (mỗi lần 3 ngày) không linh ứng. Quan phủ tâu xin chuẩn cho cầu đảo ở điện Huệ Nam, ngày hôm sau mưa xuống trận to.

Vua cho là quan phủ Nguyễn Thạc, Tôn Thất Bá biết hết lòng thành, làm trọn chức vụ, thưởng mỗi người 1 chiếc khánh bằng vàng tía ; còn 6 viên huyện đều thưởng mỗi người 2 thứ kỷ lục. Rồi nghe phê bảo rằng : Từ trước đến nay ít mưa, đã sai quan phủ tỏ lòng thành cầu khấn, nhiều nơi không ứng, đến khi ngẫu nhiên tâu xin chuẩn cho lễ đảo ở điện Huệ Nam, hết buổi sớm, may nhờ thần linh ứng, thực là rất cảm. Nhà nước đương lúc vận hội khó khăn này tất phải âm dương giúp đỡ mới có thể được việc nhanh chóng, nhưng điện ấy, từ trước chiểu lệ thăng trật, cũng giống như bách thần, cho nên giữ nước, giúp dân, chưa được hiển ứng, về 3 vị thờ ở trên và 6 vị ở dưới về bên hữu, trẫm muốn tôn phong huy hiệu để mong sự linh hiệu sau này.

(Huy hiệu 1 vị ở trên là : Thiên Y La Na Diễn vương, thượng hậu, nhân minh, uy phúc, từ huệ, cát xương, đạo đức, quang diệu, thông linh, thanh tĩnh, thượng thiên thánh mẫu tôn vị ; 2 vị ở bên tả là Hy hoà thuỷ phủ thánh mẫu tôn vị và Anh bình sơn trung thánh mẫu tôn vị.

Sáu vị ở dưới về bên hữu : Thông thiên quận chúa, Minh thượng tướng quân, Thượng thánh trưởng tử đệ nhất vị ; Linh sơn giám công, Thông đại tướng quân,

Thượng thánh thứ tử đệ nhị vị ; Lực dũng tướng quân, Thuỷ thánh trưởng tử đệ tam vị ; Duy dũng tướng quân, Thuỷ thánh thứ tử đệ tứ vị ; Quả dũng tướng quân, Sơn thánh trưởng tử đệ ngũ vị ; Vũ dũng tướng quân, Sơn thánh thứ tử đệ lục vị).

Giao cho đình thần xét lại nghĩ định thi hành. Sau đình thần nghĩ định tâu lên :

Nói : Thần hiệu nguyên thờ ở điện ấy : Gian giữa thờ Hoàng huệ, Phả tế, Linh cảm, Diệu thông, Mặc tướng, Trang huy, Ngọc trân Thiên Y La Na diễn vương phi, Thượng đẳng thần ; Trứ linh Chương ứng, Mục uyên, Hoằng bác, Uông nhuận Thuỷ long Thánh phi, Trung đẳng thần ; gian bên tả : thờ Quan thánh đế quân, có đủ điển trước, chứng thực được, mà xã dân suốt trong nước phụng thờ thần hiệu ấy cũng giống thế, tưởng không nên hết thảy khác nhau, nghĩ nên theo cũ gia phong 4 chữ "dực bảo trung hưng" để ghi ơn nước.

Còn như gian giữa, thờ thêm Anh bình Sơn trung Thánh mẫu và gian bên hữu 6 vị tướng quân, xin tuân theo tự, hiệu phê chuẩn và châm chước sửa đổi cho được trang nhã. Về vị Anh bình Thánh mẫu thì đổi là Diệu phu Quảng độ Linh chương Ý nhã Anh bình Sơn trung Tiên phi Trung đẳng thần ; thần hiệu 6 vị tướng quân thì : Thượng thánh trưởng tử đổi là Tiên cung Thông minh Thượng tướng quân tôn thần ; thứ tử đổi là Tiên cung Linh minh Đại tướng quân tôn thần ; Thuỷ thánh trưởng tử đổi là Thuỷ tinh Lực dũng Tướng quân tôn thần ; thứ tử, hiện đổi là Thuỷ tinh Uy dũng Tướng quân tôn thần ; Sơn thánh trưởng tử đổi là Sơn tinh Quả dũng Tướng quân tôn thần ; thứ tử đổi là Sơn tinh Vũ dũng Tướng quân tôn thần ; đều theo thứ tự cấp cho sắc văn, nhưng trong sắc cũng biên 4 chữ "dực bảo trung hưng", ngõ hầu nêu rõ anh linh, mà tỏ thoả đáng.

Vua chuẩn cho theo nghĩ thi hành.

Chuẩn cho tỉnh Quảng Trị lập phường Phú Lương.

(Năm Tự Đức thứ 35, người xã Phú Liêu là Nguyễn Hoài Phác có đơn xin khai khẩn ruộng hoang ở xã Lương Điền, huyện Hải Lăng, đến nay được 5 mẫu thực điền, còn 15 mẫu và ngoài ra có 10 hộ làm nhà ở, xin chuẩn cho đặt phường chịu thuế, nhưng sáp nhập vào tổng Câu Hoan, huyện Hải Lăng).

Tha bắt lính và thu thuế cho xã Phú Xuân (dân xã ấy đều ở trong thành và ngoài thành, năm ngoái có loạn, bị hại rất nhiều).

Trước đây, bọn giặc ở Bình Định là lũ Bùi Đản đến Bình Định cướp nhiễu (tháng 11 năm ngoái), lĩnh Bố chính là Trà Quý Bình đốc suất biền binh đánh dẹp, được thắng trận luôn, bắt chém được nhiều (chém hơn 100 tên, bắt được 39 tên, bắn chìm được 2 chiếc thuyền của giặc). Hộ phủ là Vũ Doãn Tuân đã làm tập tâu lên, đến bây giờ mới đến ; vua chuẩn cho Trà Quý Bình thăng thụ Hồng lô Tự khanh vẫn lĩnh chức cũ, còn biền binh đi trận ấy, đều cho thăng thưởng, truy tặng, cấp tuất

có thứ bậc. Lại cho là Doãn Tuân làm việc, cũng là có lòng, chuẩn cho được thực thụ Tuần phủ.

Bọn nguỵ ở Ninh Thuận phá huỷ phủ Ninh Thuận, tiến quân đến sát tỉnh thành, viên Tuần phủ là Vũ Doãn Tuân, Bố chính, Án sát là Trà Quý Bình, Đặng Văn Hoài đều tìm nơi chạy trốn. Bọn nguỵ mới chiếm giữ tỉnh thành.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN IV*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Bính Tuất, Đồng Khánh năm thứ nhất [1886].

Mùa hạ, tháng 4, đặt thêm viên dịch nha Kinh lược Bắc Kỳ (viên ngoại lang, bát cửu phẩm mỗi chức 1 người, thư lại 2 người).

Định lại lệ : giám sinh, tôn sinh, ấm sinh, tú tài, học sinh tình nguyện bổ dụng. (Trừ : tôn sinh, đã thi trúng nhất, nhị trường, mà tuổi 25 trở lên và ấm sinh, tú tài, học sinh đã được dự vào hạng chọn xét, chiểu lệ mà làm ra, còn tôn sinh lực học không tấn tới và chưa đến niên hạn ; giám sinh, ấm sinh, tú tài, học sinh chưa từng dự hạch, mà tình nguyện bổ dụng, đều được xét bổ thừa phái các nha, tôn sinh thì chiểu lĩnh như tôn thất nhàn tản, giám sinh, ấm sinh, tú tài, học sinh, lương hằng tháng cấp cho 1 quan, gạo 1 phương, ở trong nha gặp có thư lại khuyết ngạch thì trích đem điều bổ vào, nhưng cũng gọi là thừa phái, đợi đủ 2 năm, do thượng ty xét quả là người thông thạo, xét bổ chức hàm, sau chiểu theo lệ quan nhân mà làm).

Cho Thị giảng quyền Bố chính Sơn Tây là Hà Dương được thăng thự Hồng lô tự Thiếu khanh, quyền giúp việc Tuần phủ Tuyên Quang.

Chuẩn cho thự Thượng thư sung Khâm sai đại thần, lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Tôn Thất Phiên, theo hàm vốn có đổi lĩnh Tả tham tri bộ Binh.

Tha thuế lệ cho tỉnh Hà Tĩnh các năm trước và vụ đông năm ngoái còn đọng thiếu.

Chuẩn cho Phó vệ uý dinh Vũ lâm lĩnh Vệ uý là Lưu Cung đổi lĩnh Chưởng vệ, quyền Chưởng dinh Tiên phong kiêm dinh Thần cơ (Chưởng vệ trước là Trần Văn Cư

sung làm Đề đốc nơi quân thứ Bình Định) ; Vệ uý Túc vệ là Hoàng Đức Tân đổi lĩnh Đề đốc Nghệ An (Đề đốc trước là Trịnh Nhạc vì chậm trễ trái lệnh, bị giáng, phải dời chức).

Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Vũ Khoa tâu nói : Nhiều lần theo Dụ Chỉ phủ dụ dân chúng, mà thân hào ra thú còn ít ; binh đinh ở tỉnh phần nhiều là tuổi trẻ, huống chi lấy quân ở địa phương ấy để đánh thì cha con, thầy trò, không khỏi nể nang ; lấy giáo dân để đánh thì lại như khêu lòng giận, cho chúng tức thêm. Hôm trước được chuẩn cho 200 binh Thanh Hoá đến đóng ở tỉnh ấy, nhưng châu Hoan, châu Ái cùng sự thế ấy ; tức là binh, dân cùng tính tình ấy. Xin chọn lấy binh cường tráng hiện ra thú 500 người và 2 người quản vệ, 10 người suất đội, về Kinh để phòng sai phái, đổi đem binh ở Kinh điền trả vào sổ ấy để phòng sai phái.

Bộ Binh bàn : Ở Kinh công việc gấp, mà đường sá xa xôi, phái đi chưa tiện. Xin do tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị chọn tinh binh lấy đủ số ấy (Quảng Bình 200 người, Quảng Trị 300), cùng tỉnh Hà Tĩnh trao đổi với nhau, để giúp việc phòng thủ, đánh dẹp. Vua y cho.

Viện Cơ mật tâu nói : Gần đây người buôn nước Thanh có mang thứ xe Đông Dương sang bán (xe ấy dùng 2 bánh và 1 người kéo ở phía trước). Trong, ngoài Kinh thành, nếu dùng xe ấy đi suốt, so với cái kiệu khênh trên vai của nước ta rất là trang nhã, lịch sự (gần đây, khi đi thường gặp quan Pháp, mà nằm ngửa ở trên kiệu, thật khó chào hỏi và thiếu vẻ nhã quan) kính xin gia ân, chuẩn cho quan viên văn, võ tứ, ngũ phẩm trở lên, mua xe ấy để dùng, cho được giản tiện và hợp với nghi thức của quan. Vua y cho.

Bọn giặc ở Bình Định lẻn đến tỉnh thành đốt nhà cửa các dân làng gần quanh đấy (hơn 180 hộ). Vua chuẩn cho chiểu lệ chẩn cấp.

Toàn quyền đại thần là Pôn-be đến Kinh, được làm lễ triều yết ở điện Thái Hoà. Vua thưởng tặng 1 tấm long tinh hạng nhất.

Bọn giặc ở Quảng Bình bắt Khâm phái Vũ Bá Liêm đem giết. Bấy giờ, quan Kinh lược uỷ cho Tán lý Phạm Xứng, Đề đốc Trần Văn Cư đi đường bộ ; Bá Liêm đi đường thuỷ, đến tuần phòng tìm bắt bọn giặc ở các huyện hạt Phong Phú, Lệ Thuỷ. Bá Liêm đến tạm đóng ở đình Mỹ Lộc thì giặc bỗng đến vây, quân ít không địch nổi, mới bị hại. Vua chuẩn cho Liêm được truy tặng Thị giảng Học sĩ, Suất đội theo phái cùng bị chết là Vũ Văn Nhiêu được tặng Tinh binh Chánh đội ; tập ấm, cấp tuất, đều theo lệ mới.

Nguỵ Hội ở Quảng Nam đem bè đảng đến Văn miếu rước bài vị (cộng 150 vị) tiên thánh, tiên hiền và các hạng, đồ thờ dị biệt. (Rước đến thôn Trung Lộc, huyện Quế Sơn, nguỵ tạm làm nhà tranh để thờ).

Chuẩn cho nguyên Tư vụ nha Điển nông tỉnh Khánh Hoà là Hoàng Bá Trinh, thăng thụ Chủ sự, quyền sung làm Khâm sai Tiễu phủ sứ. Bấy giờ, Bá Trinh đến Kinh trình bày 6 khoản, do Khâm sai Phan Liêm tâu giúp.

Xin đến thương thuyết với tướng Pháp ở Gia Định thuê giúp cho chiếc tàu thuỷ để vận chở binh lương.

Xin đến thương thuyết với tướng Pháp ở Gia Định mua giúp súng ống.

Xin đến trường học ở tỉnh Gia Định lựa chọn người thông dịch mang theo đi.

Xin cho dân hạt Khánh Hoà đến đóng ở Gia Định, thì nay nhân có thuyền cho chúng đáp về.

Liệu dồn nghĩa binh ở Đồng Châu, liệu cấp cho tiền bạc ; người nào chết, liệu cho cấp tuất.

Xin dự cấp bằng sắc cho ban lạc quyên để đi quyên.

Liêm nhận xin vua ân chuẩn cho viên ấy quyền sung Tiễu phủ sứ và người trong Nam là Trương Đình Chất cũng xin chuẩn cho quyền sung Phó lãnh binh, do quan khâm sai ấy điều khiển.

Vua đều y cho. Về các khoản Bá Trinh tâu xin sẽ giao cho Viện thương thuyết với Khâm sứ nghĩ định thi hành.

Khâm sứ Pháp là Đình Long phái riêng cựu Khâm sứ là Hách-tô đến làm công việc sứ.

Chuẩn cho 3 thôn Phúc Lộc, Thuỷ Dương, Phú Gia (đều thuộc huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên) 14 tên về ngạch giản binh (Phúc Lộc 9 người, Thuỷ Dương 2 người, Phú Gia 3 người) đổi vào làm phu trạm Thừa Lưu (3 thôn ấy đều phải chịu giản binh và phu trạm, đến nay điêu háo quá, không thể sung điền được).

Trích số binh giản ở Nam Định, Bắc Ninh nguyên trước thuộc quân hiệu Hải Dương (Nam Định 800 người, Bắc Ninh 1.032 người) được rút về tỉnh trước vì địa thế xa cách, lính trốn thiếu nhiều.

Giảm thêm thuế lệ vụ hạ, vụ thu năm ngoái cho phủ Thừa Thiên (năm ngoái vì sau khi loạn, chuẩn cho hoãn đến năm nay. Đến nay, lại vì nạn đại hạn, dịch lệ cho nên lại giảm thêm cho 2 thành nữa, cùng với văn chiếu trước đã giảm 3 thành, cộng 5 thành).

Đúc tiền "Đồng Khánh thông bảo" (chiểu theo tiền đồng hạng lớn đời Minh Mệnh ; vành ngoài hơi cao, dày hơn. Mỗi đồng tiền nặng 1 đồng cân và 7 - 8 phân đến 5 - 6 phân, ngang giá bằng 10 đồng tiền kẽm).

Chuẩn cho phần mộ từ cung giai đến thị nữ, từ nay chiểu theo cấp bậc cấp tiền bớt đi.

(Lệ cũ, vật liệu do Nhà nước mua cấp, nhân công thì chiết cấp tiền gạo, các phi tần tiền 400 quan, gạo 120 phương ; bậc tiệp dư, quý nhân, tiền 300 quan, gạo 80 phương ; bậc mỹ nhân, tài nhân, tiền 240 quan, gạo 64 phương ; bậc tài nhân, vị nhập giai và cung nhân, tiền 150 quan, gạo 40 phương ; bậc cung nga, tiền 120 quan, gạo 32 phương ; bậc thị nữ, tiền 90 quan, gạo 24 phương. Đến nay cấp bớt đi, phi tần 200 quan ; tiệp dư, quý nhân 150 quan ; mỹ nhân, tài nhân 120 quan ; tài nhân, vị nhập giai và cung nhân, cung nga 100 quan ; thị nữ 80 quan). Như có người giữ việc thờ cúng và thân nhân thì được chiểu lĩnh đem về chiểu lệ xây dựng ; không có người giữ việc thờ cúng và thân nhân thì do phủ Thừa Thiên thuê người làm.

Dồn mộ binh, đội tuần thành (2 đội) và đội pháo thủ (1 đội) ở Hà Tĩnh hợp làm 1 đội tuần thành, vì sau khi loạn, số binh trốn đi linh tinh.

Chọn dồn bộ binh ở Bắc Kỳ làm 4 đạo : Hà Nội, Mỹ Đức và hữu hà Sơn Tây làm đạo thứ 1 (6.260 người, sung vào tỉnh đạo ; kinh lược, công sứ 1.260 ; tập binh 5.000 người). Nam Định, Ninh Bình làm đạo thứ 2 (6.899 người ; 2 tỉnh và 2 công sứ 1.899 người ; tập binh 5.000 người), Bắc Ninh và tả hà Sơn Tây làm đạo thứ 3 (7.520 người : 2 tỉnh và 2 công sứ cùng đi đóng ở Tuyên 2.520 người ; tập binh 5.000 người), Hải Dương, Hưng Yên làm đạo thứ 4 (6.860 người : 2 tỉnh và 2 công sứ 1.860 người ; tập binh 5.000 người). Cộng tất cả 27.539 người, theo lời bàn định của quan Đại Pháp.

Nêu khen thọ dân 100 tuổi ở Quảng Ngãi (Trần Văn Nhĩ).

Tuần phủ tỉnh Quảng Trị là Cao Hữu Sung tâu nói : Một đoạn đường cái quan ở địa phận xã Thạch Hãn thuộc tỉnh hạt ấy chỉ thẳng đến tỉnh thành, rất trở ngại. Nguyên trước có đắp lên núi đất để trấn áp, lâu ngày suy lở, nếu theo như trước đắp bồi lại, thì tốn công, mà cũng khó che lấp, được xin đổi đắp 1 đoạn, bắt đầu từ giáp xã Long Hưng qua địa phận xã Thạch Hãn, chếch đến ngoài thành, hào phía đông bắc, tất cả dài 257 trượng 2 thước ; đợi khi xong vụ làm ruộng, bắt dân phu 2 hạt Triệu Phong, Hải Lăng đi đắp. Vua y cho.

Chuẩn cho thư lại ở các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam đến các nha sơn, hải phòng được cấp thêm tiền lương 1 tháng (1 quan) và các đồn canh giữ, nửa lương gạo, chiểu cấp cho gạo thực (lệ trước, đồn canh giữ chỉ cấp cho 1 nửa lương bằng tiền, gạo ; còn nửa lương gạo thì chiết cấp bằng tiền, chỉ có 1 quan 2 tiền).

Phong con của Kiên vương là Ưng Đăng làm Kiên huyện công. Vua cho là vương ấy đã được tấn tặng, thì con nên tập phong quận công, nhưng còn đợi bàn ; cho nên hãy phong Ưng Đăng làm huyện công để giữ việc thờ cúng.

Thương tá Quảng Trị là Lê Sâm và tác vi Phó lãnh binh là Lê Xuân Tranh đi tuần bắt giặc, đến xã Vũ Xã (thuộc phủ Triệu Phong) bị giặc đánh, Xuân Tranh

bị hại, Sâm bị chúng bắt. Vua chuẩn cho Xuân Tranh truy thăng Phó lãnh binh, chiểu theo hàm mới, cấp tuất gấp đôi.

Vua nghĩ trong Nam, ngoài Bắc đã lâu chưa yên. Từ Quảng Nam trở vào Nam, đã chọn cử khâm sai đại thần, uỷ cho tiện nghi làm việc, đủ giúp được dẹp yên, muốn giá ngự ra Bắc tuần, trước hết đến Hà Nội, kiểm xét đến khí giới việc quân ; rồi chuyển vào Thanh Hoá trở vào Nam, lần lượt dẹp yên, cho oai thanh lừng lẫy, đã sai viện Cơ mật gửi điện nói cho Toàn quyền đại thần ở Bắc Kỳ biết để nghĩ định, sau Toàn quyền đại thần trả lời, nói : Thành quách ở Hà Nội đã từng triệt phá, nghĩ xin đóng nghỉ chân ở Thanh Hoá, mới là thoả đáng, trọng vọng, mà chỗ vua ngự đẹp đẽ.

Vua liền sai Cơ mật đại thần trù nghĩ các việc phải làm, các bộ nha đều chiểu việc phải làm, dự bị xem xét sửa soạn. Đến nay, Toàn quyền đại thần đến Kinh bàn với viện Cơ mật, trước hết đóng nghỉ chân ở Quảng Trị, Quảng Bình, nên chuyển đến tỉnh nào sẽ nghĩ định sau. Mới xuống Dụ rằng : Việc võ có 7 đức[1], an dân là một điều ; đem quân đi được vạn toàn, duy có bậc thiên lại[2], *Kinh Thi* chép thơ Thường vũ[3], *Kinh Thi* ghi thiên Dận trinh[4], vua nhà Hán ngự phi 6 ngựa, vua nhà Đường tự cầm hoàng việt [5], việc trước, thực đáng làm gương.

Thế tổ Cao hoàng đế ta, khi mới trung hưng, bắt đầu từ Gia Định, hăng hái múa giáo, tiến mãi tới Thăng Long, đi đến đâu ai cũng sợ phục, oai thanh để lại cho con cháu về sau. Đương khi ấy, có 1 - 2 quan Đại Pháp sẵn lòng theo giúp. Gần đây quyền thần trộm quyền, liều gây mối hoạ chiến tranh, dân tình xôn xao 3 tháng, bốn biển ầm ầm, hoặc thác là Cần vương ; hoặc gọi là xướng nghĩa ; non sông từ Nam đến Bắc, không chỗ nào yên. Đương thời thế ấy, xã tắc không thể không người thờ phụng.

Trẫm là con thứ 2 của Dực tông Anh hoàng đế, thần dân không bỏ được, trẫm nối nghiệp lớn, nay hơn nửa năm rồi, xử trí nhiều cách, nhưng trong nước chưa yên, đã sai đại thần đi đánh dẹp, mà từ bấy đến nay chưa thấy tâu công thắng trận.

Gần đây, cứ theo tin báo, về miền thượng du Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, thổ phỉ nhà Thanh hợp cùng bọn giặc quấy cướp ngày càng quá lắm, có chăng là nhiều lần đánh bắt chỉ dùng oai lực, mà không tuyên bố đức tín, nên bọn tướng giặc

---

(1) Bảy đức : cấm tàn bạo, dẹp binh qua, giữ nghiệp lớn, định công lao, yên dân, hoà quân chúng, giàu của cải. (*Từ hải*).

(2) *Thiên lại* : nhận sứ mệnh của trời đi đánh giặc là thiên lại.

(3) *Thường vũ* : thiên Đại nhã, *Kinh Thi*, vịnh khen Tuyên Vương, tự làm tướng đi đánh nước Từ.

(4) *Dận trinh* : *Kinh Thư*, đời Hạ, Trạng Khang sai Dận hầu đi đánh Hy Hoà.

(5) *Hoàng việt* : cái búa, là thứ nghi trượng của Thiên tử, búa ấy có sức chất hoàng kim. (*Từ nguyên*).

chưa chịu thú phục chăng ? Hoặc giả bao phen đi hiểu dụ, chỉ dựa vào lời văn, mà chưa tỏ rõ lòng thực, nên kẻ lỡ bước không muốn quay đầu trở lại chăng ? Kìa như bốn phương chưa dẹp yên thì trăm họ chưa yên, để chậm 1 ngày thì dân chịu hại 1 ngày, làm bậc cha mẹ dân, đâu có thể ngồi nhìn con em khốn ách mà không cứu. Trẫm nghĩ đi, nghĩ lại, ăn ngủ không rồi, nếu không thân đến một phen thì lòng người trễ nải, thế giặc ngày càng ngạo ngược, ngoan ngạnh thì tìm nơi ẩn giấu, không bao giờ hết được ; kẻ lỡ bước thì rụt rè, sợ sệt, không có đường để tự đổi mới, dẫu muốn quay đầu lại mà không thể được. Rồi chuẩn cho Khâm thiên giám chọn ngày tốt, trẫm thân tự đem quân đi đến Quảng Bình, lần lượt sẽ đến các tỉnh đánh dẹp, kẻ ngoan ngạnh thì đánh, kẻ đầu hàng thì vỗ về. Về tất cả các việc đi đánh dẹp lần này, giao cho thống soái đại thần trù liệu điều khiển ; về các công việc hộ vệ tuỳ giá, tiến đi hay dừng lại thì do hộ giá đại thần xem xét sửa soạn. Còn đóng ở tỉnh nào, phàm tất cả vật hạng phải cần dùng, đều trích lấy ở kho Nhà nước để chi, không được động cập đến của dân một ly nào ; cùng là quan lại binh đinh đi đánh trận này, phải theo kỷ luật cả. Nếu dám trái phép sách nhiễu, cướp bóc, việc phát giác ra tức thì chém ngay để răn chừa.

Vả lại, việc đi này là rất quan trọng, Kinh sư căn bản ở đấy, các vệ Cấm binh ở dinh Vũ lâm, đều chuẩn cho, lượng lưu lại canh giữ ở Kinh. Toàn quyền đại thần nước Đại Pháp Pôn-be là người thông hiểu, rất có lòng giúp đỡ nước ta ngày thêm thịnh lợi, hiện cũng phái nhiều quan, quân chia đóng khắp trong ngoài các địa đầu, để phòng thủ cho được nghiêm cẩn. Các công việc phải làm ở Kinh thì cho đại thần thân cận ở Kinh bàn định cùng nhau, tuỳ tiện làm việc. Trong đó, như có việc quan hệ đến sự giao thiệp thì do các quan viện Cơ mật làm cho được ổn ; chuyến đi này không phải là không có việc, thực là phương kế noi theo tổ tiên, trị an dân chúng.

Tổng đốc Nghệ An là Nguyễn Chính tâu nói : Bọn côn đồ nhiều lần gọi nhau tụ họp ở hạt phủ, huyện. Tỉnh ấy, hiện đã chiêu mộ dân phu, võ sĩ sức vóc tráng kiện, ở huyện Hưng Nguyên, Châu Lộc gần tỉnh và dân kiều ngụ, chia làm các đội nhất, nhị, tam, tứ, gọi là An thắng, đều đặt quyền suất đội trưởng, rồi phái cho 1 hiệp quản để coi việc luyện tập và tuỳ việc sai phái. Vua y cho.

Quan Sơn phòng ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân và quan tỉnh Quảng Ngãi là Vũ Duy Tĩnh tâu nói : Hạt bên cạnh, hiện tình chưa yên, lại thêm bọn ác Man khi hiện, khi ẩn bất thường, việc phái quân phòng thủ chính cần, nếu ngạch giản binh theo định bắt một nửa, thì sức binh mỏng yếu, có cấp báo không khỏi để ngại. Về ngạch trước tuyển binh ở Kinh (1.296 người), binh tỉnh (1.589 người), xin đều lưu lại cả, tinh binh và kinh binh thuộc huyện Bình Sơn thì do tỉnh triệu đòi ; kinh binh thuộc 2 phủ huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức thì do sơn phòng triệu đòi, chia

làm 3 ban ; 2 ban lưu lại, 1 ban cho về ; chi lương canh giữ, khi không việc thì chia ban, khi có việc thì gọi cả để sai phái. Vua y cho.

Vua kính đến điện Phụng Tiên, chia sai hoàng thân kính đến đàn Nam Giao và Thái miếu để lễ cáo và ngày ra đi.

Quan Sơn phòng ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân nói : Các cơ Man đầu hàng, có những cơ nhất, nhị, tứ, ngũ, lục, nghe lời hiệu triệu, chỉ riêng cơ tam không chịu ra (số đinh Man ấy ước hơn 4.000 người), tháng chạp năm ngoái cơ ấy theo bọn giặc ở Bình Định đánh phá các đồn Thường Xuyên, Mậu Lâm, Thạch Bi, rồi lẻn xuống cướp quấy, hiện bàn tính uỷ cho chánh, phó lãnh binh chia đường đến ngay, tuỳ cơ đánh dẹp và đi tuần các cơ trại Man, bọn Man nào theo Man ấy thì cho tàn phá cả, khiến cho chúng biết sợ hãi, ngõ hầu bè lũ chúng ở Quảng Ngãi, Bình Định, khỏi đến chiếm ngầm. Vua y cho.

Chuẩn cho : Cố mệnh lương thần, Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, Bảo quốc huân thần, sung đại thần viện Cơ mật Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ nhưng sung Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ Vĩnh lại bá là Nguyễn Hữu Độ sung làm Ngự tiền Thống suất quân vụ đại thần ; Hữu thị lang bộ Lễ, Tham tá Cơ mật viện vụ là Nguyễn Hoằng sung làm Phụ tế Cơ vụ đại thần ; Chưởng vệ Nguyễn Văn Hữu và Phủ thừa Tôn Thất Bá sung làm Hộ giá đại thần ; Tá lý bộ Hộ là Nguyễn Vỹ sung làm Tham tán quân vụ ; Tá lý bộ Công Phạm Ngọc Thọ sung làm Tán lý quân vụ ; Chưởng vệ, quyền Chưởng dinh Tiền phong là Lưu Cung sung làm Đề đốc quân vụ ; Phó vệ uý Lê Quang Chỉ sung làm Phó đề đốc quân vụ ; Hữu tôn chính phủ Tôn nhân Hoài Đức công là Miên Lâm làm lưu Kinh thân thần, Tiền quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự sung Thị vệ xứ đại thần là Tôn Thất Thế ; thự Hiệp tá Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội, Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Thuật, Thượng thư bộ Lễ là Chu Đình Kế, Thượng thư bộ Công là Hoàng Hữu Thường đều sung làm lưu Kinh đại thần ; Nguyễn Thuật kiêm Chưởng bộ Lại, Hoàng Hữu Thường kiêm Chưởng bộ Binh. Toàn quyền đại thần cũng phái : Quan Ba Đại Pháp là Pha-lê-tu-tê sung làm Ngự tiền trực hậu và quan Ba Mi-lê sung làm Đề đốc quân vụ đem quân Đại Pháp theo hộ giá.

Bọn giặc ở Khánh Hoà đốt phá nha Điển nông.

Tháng 5, chuẩn cho quan Sơn phòng ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân thăng thụ hàm Tả tham tri bộ Binh, tấn phong tước Diên Lộc nam kiêm trông coi việc quân Quảng Ngãi nhưng sung chức Chiêu thảo xử trí sứ ở Bình Định.

Vua cho là Thân đã thu phục được thành Quảng Ngãi, giữ toàn một hạt ; lại giết lui được toán giặc lớn ở Bình Định, so với các quan tỉnh trong Nam, ngoài Bắc, công trạng tốt lạ, tuy đã thăng trật, ban khánh, chưa đủ đền công, nên mới chuẩn

trao cho chức hàm ấy, phàm tất cả các việc phải làm về hiểu dụ và đánh dẹp, cho tuỳ tiện xử trí. Còn thuộc viên phân phái đi đánh bắt đắc lực, thì trừ những người đã được thăng thưởng ra, còn tất cả do sứ thần ấy xét tâu, đợi cho khen thưởng.

Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu cho là đức trạch của Tiên hoàng đế để lại cho người, người không thể quên được. Thế mà lâu ngày, dân vẫn không yên, là bởi lòng chúng ngờ sợ không hết, nên mới thế. Nay, nhà vua ngự giá coi việc quân, đem oai thanh ấy là muốn trước hết lấy đức hoá dụ bảo, để chúng sớm biết hối tội, khỏi phiền đến sức quân, nếu vẫn chấp mê, sẽ phải đánh mạnh, mới dụ sĩ, thứ Nam, Bắc rằng : Gần đây, các hạt Nam, Bắc chưa yên, dẫn bảo thường chưa cùng giống, nhiều lần Hoàng đế thân đến thăm ta, từng đem việc ấy tâu cho ta biết. Nay Hoàng đế lại xin thân đi trị dẹp, thân già này ở trong rèm, lòng nóng sốt không kể xiết. Vả lại, thân hào các tỉnh đã nhiều lần hiểu dụ, mà chúng không hề giác ngộ nghe theo, vẫn cố chấp mãi, không chịu quay về, để nhân dân lầm than, càng ngày càng lắm, hầu vin lấy Hàm Nghi để ý chăng ?

Sao không nghĩ thân già này là mẹ của Tiên đế, vua ngày nay là con của Tiên đế ; bọn ngươi không nghĩ đến con của Tiên đế, há lại không nghĩ đến thân già này chăng ? Nếu các ngươi biết nghe rõ lời của thân già này, biết sớm quay về, hoặc đến thù ở nơi hành tại, hoặc do quan tỉnh, quan khâm sai đều chuẩn cho khoan tha, các ý ấy, thân già này đã bảo nhà vua bàn với viên Toàn quyền Đại Pháp, cũng đã bằng lòng, bọn ngươi, nay biết hối lỗi, quyết bảo toàn được tính mạng các ngươi, không hại các ngươi, không nói dối các ngươi đâu. Phải kính theo Dụ này.

Khâm sai là Phan Liêm cho là sai đạo quân và súng ở chưa đủ, ngày đi còn hoãn, xin uỷ quyền sung Tiễu phủ sứ là Hoàng Bá Trinh mang các đạo từ dụ, thượng dụ đi ban bảo, đáp tàu thuỷ đến ngay Gia Định trình cho tướng của Pháp biết và tìm đường chuyển về Bình Thuận, Khánh Hoà đem hiểu dụ, ngăn cấm khắp nơi để giúp cho chóng được xong việc. Vua y cho.

Chuẩn cho Phó đề đốc sơn phòng ở Quảng Nam trước là Ngô Đắc Quang sung làm Đề đốc quân vụ đạo nam sai và Ngự sử là Lê Địch Cát sung làm Tán lý.

Nguyên Tham tri lĩnh Tổng đốc Hải Dương, Quảng Yên là Hà Văn Quan ; Tuần phủ Hải Dương là Nguyễn Văn Phong ; Thị lang lĩnh Tuần phủ Quảng Yên là Hoàng Vĩ ; về đến Kinh (Tự Đức năm thứ 36), bị quan Đại Pháp ngờ, bắt đem đi nơi khác), vua chuẩn cho Quan giáng chức bổ Thị lang, lĩnh Tả tham tri bộ Lại ; Vĩ đổi bổ Hữu thị lang bộ Binh (Văn Phong bị bệnh, xin phép nghỉ chữa thuốc).

Đặt thêm huyện nha Chí Linh, tỉnh Hải Dương (trước do phủ Nam Sách kiêm lý ; đến nay quan Pháp cho là tiếp giáp nhiều ngả, 1 viên phủ làm việc không chu đáo được, cho nên bàn thêm đặt nha ấy, nhưng vẫn do phủ thống hạt).

Cho Bố chính Bắc Ninh là Nguyễn Xuân Duẩn quyền giúp việc Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên ; Tổng đốc mới là Ngô Trọng Tố đổi lĩnh Tổng đốc Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang.

Chuẩn cho ẩn sĩ trong Nam, Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ là Trương Vĩnh Ký và Thị giảng là Nguyễn Trọng Tạo, đều theo hàm ấy sung làm Tham tá viện Cơ mật.

Bọn giặc ở Quảng Trị đốt phá phủ nha Triệu Phong.

Quyền Kinh lược sứ Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp tâu nói : Tỉnh Cao Bằng từ năm ngoái đến nay, mấy lần bị bọn quân tan rã đến quấy nhiễu, viên Án sát là Nghiêm Xuân Phương tự tiện đi nơi khác ; các viên Bố chính và Lãnh binh, lại biết giữ vững được thành trì, công lao đáng khen. Nghĩ xin cho Bố chính là Phạm Hàm gia hàm Tuần phủ, thưởng đồng quân công gia 2 cấp ; Phó lãnh binh là Trần Như Tú thăng thụ Lãnh binh sung Phó đề đốc ; Phó lãnh binh tạm đặt là Mạc Đình Ngô thăng thụ Phó lãnh binh ; các viên biền thuộc tỉnh ấy cũng nghĩ xin thăng thưởng có thứ bậc. Vua chuẩn cho đều theo như nghĩ định.

Toàn quyền đại thần, nghĩ phỏng điều lệ 3 điều, tư do viện Cơ mật xét nghĩ lại. Viện thần cho là các khoản ấy đã rất thoả hợp ; nhưng châm chước sửa đổi, tâu xin chuẩn cho thi hành.

Về điều lệ cấm vận tải súng ống, khí giới, thuốc đạn : (Khoản thứ nhất : Phàm súng ống, khí giới, thuốc đạn, súng điểu sang và tất cả các thứ thuộc về binh khí, đều không được tải vào trong đất nước ta.

Khoản thứ 2 : Phàm quan Đại Pháp đóng ở trong nước làm việc bảo hộ và người buôn nước Đại Pháp, có giấy cấp của Công sứ, hoặc Phó công sứ mới được tải các thứ ấy vào. Nhưng trong giấy phải kể rõ người chủ tải ấy ở nơi nào và binh khí tải đến là vật hạng gì, mỗi hạng bao nhiêu, từ cửa biển tỉnh nào tải vào.

Khoản thứ 3 : Trừ người đã được mang tải các hạng ấy, như đã nói ở khoản thứ 2 ra, còn người nào hễ tự tiện đem binh khí vào trong nước, thì vật cấm ấy tịch thu vào kho, người phạm pháp theo luật trị tội).

Về điều lệ phàm việc liên quan đến công ích, về Nhà nước, được nhận ruộng đất tư sung làm việc công.

(Khoản thứ nhất : Phàm Nhà nước có làm việc gì công ích, gặp có mở lấn vào ruộng tư của chủ nào, đã có Chỉ chuẩn cho, hoặc đã được quan Đại Pháp bảo hộ hội đồng nghĩ định, mà Toàn quyền đại thần y cho, thì ruộng đất tư ấy phải lấy sung công, nhưng chiểu lệ trả tiền.

Khoản thứ 2 : Lệ trích lấy ruộng đất tư sung công, chuẩn cho do quan Đại Pháp được toàn quyền nghĩ định).

Về nghĩ chuẩn định quyền chức Kinh lược Bắc Kỳ.

(Toàn hạt Bắc Kỳ, đất rộng, dân nhiều, lại cách xa Kinh sư, việc công có khi bận rộn, cần khẩn lắm, nên đặt 1 quan to đóng ở Hà Nội, chuẩn cho trọng quyền, tuỳ tiện làm việc, mới mong được việc nhanh chóng. Đã chuẩn đặt Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ, từ nay, phàm các công thuộc về Bắc Kỳ, chuẩn cho Kinh lược sứ thay vua làm việc. Duy điều ước trước đã nghĩ định việc các khoản về chức sự quan kinh lược, quan Đại Pháp và quan Đại Nam, thì Kinh lược sứ không được đổi lại và Kinh lược sứ được chuẩn cho quyền tuỳ tiện làm việc, phàm nghĩ định việc gì, đều phải đem việc ấy tâu lên cho hợp thể chế ; điều ấy chép lời Dụ, cho trọng sự thể).

Bọn giặc ở Thanh Hoá đốt phá các nha, phủ, huyện : Thọ Xuân, Thiệu Hoá, Yên Định.

Vua triệu kỳ lão 6 huyện thuộc phủ Thừa Thiên (mỗi tổng 1 người) và chánh, phó tổng đến cả sân rồng, bảo cho biết các ý : Có lệnh ngự giá đi coi việc quân, vốn là phương kế trừ kẻ tàn bạo cho yên dân, thì dân chúng nên kính theo giáo hoá, an cư lạc nghiệp, dạy bảo con em, chớ theo những điều không phải đạo.

Ngày Đinh Mùi (ngày 16 tháng ấy), ngự xa giá khởi hành từ Kinh sư.

Chuẩn cho Hồng lô Tự khanh, Tá lý bộ Hình là Tôn Thất Vịnh thăng thự Thị lang, Hộ lý Tổng đốc Thanh Hoá (Lương Thành bị quan Pháp chỉ trích triệt hồi, đợi Chỉ).

Toàn quyền đưa thư đến nói : Một nửa vàng, bạc giao trả nước ta, còn một nửa mang về đúc bạc đồng và sung cho tập binh 2 năm, cùng là chi phí các công tác. Vua chuẩn cho Thị lang bộ Hộ là Hồ Lệ và Hộ lý Nội vụ là Nguyễn Huề hội đồng với quan Pháp mà kiểm nhận.

(Phần bạc của nước ta, tất cả tiền thỏi, tiền đồng các hạng cộng nặng 78.421 cân ; tiền vàng 594 đồng cộng nặng 11 cân. Phần bạc của nước Pháp : Bạc thỏi cộng nặng 32.235 cân ; vàng và các hạng tiền bạc thỏi, bạc đĩnh, bạc lá cộng nặng 3.005 cân ; đều cân bằng thứ cân của nước Xích mao, mỗi cân ngang với trung bình 11 lạng 8 đồng cân). Cùng biên giao cho nhau để giữ lại lưu chiểu.

(Tháng 6 năm ngoái, tỉnh Quảng Trị đuổi chặn Lê Thuyết được 34 hòm bạc, cùng chứa các hạng tiền bạc 36.557 đồng.

Tháng 7, đã giải 20 hòm, cùng chứa tiền bạc 20.900 đồng, nộp ở kho Khiêm cung, còn đợi giải 14 hòm nữa và số bạc mà Lê Thuyết chưa kịp mang đi, còn để lại ở tỉnh 6 hòm, cộng 20 hòm, cùng chứa bạc thỏi 196 thỏi, mỗi thỏi 10 lạng và các hạng tiền bạc 18.696 đồng. Tháng 9, phát đệ về Kinh, nhưng do quan Pháp nhận giữ và Lê Thuyết phái mang vàng, bạc đến Quảng Nam 90 gánh, mỗi gánh 2 hòm, cũng có khi 1 hòm, mỗi hòm 100 thỏi. Trong khi nguyên Thượng thư Vũ Trọng Bình

sức đệ đến tỉnh ; trừ trích ra 3 hòm phát lương cho lính, bị mất 4 hòm, còn 83 hòm giao cho quan Pháp đóng ở tỉnh ấy, sắm tải xuống thuyền các gánh ấy, không biết ở trong chứa vàng hay bạc, mỗi thứ bao nhiêu). Về 4 gánh bị mất, được viên Thượng thư Pháp truy thu hiện mở thấy có 1.600 lạng vàng, giao cả cho quan Pháp nhận giữ. Lại ở Kinh trước phát giao cho nha Sơn phòng Quảng Bình 30 hòm, cũng do quan Pháp nhận lấy tải đi, còn như số vàng bạc phủ Nội vụ được giữ, trừ mấy lần Lê Thuyết phái giải đến sơn phòng Quảng Trị tỉnh Quảng Trị và sơn phòng Quảng Bình tỉnh Quảng Bình, sổ sách thiếu, mất, nên không biết số. Còn tháng 5 năm ngoái, hiện chứa ở tầng dưới bạc đĩnh 10 lạng là 91.424 thỏi, đĩnh 1 lạng 78.960 đĩnh ; tầng trên : số vàng trên dưới 500 lạng, bạc trên dưới 700.000 lạng. Lại kho ở cửa Thọ Chỉ hiện chứa : vàng 898 lạng, bạc các hạng 3.400 lạng, đó đều là số mất khi có loạn).

Tiết Thánh thọ, vua đặt hương án ở hành tại (xã Diên Linh) thân đem quan viên văn, võ đi hỗ tòng làm lễ bái vọng, rồi dâng biểu tâu lên.

Vua đến ngự trú ở hành cung Quảng Trị (ngày 20 tháng ấy), dâng sớ về cung vấn an (từ bấy giờ mỗi tuần dâng sớ thỉnh an 1 lần).

Bọn giặc ở Quảng Bình nhân ban đêm đến bức nhiễu tỉnh thành, rồi dẫn đi. Bấy giờ, Kinh lược đại thần là Phan Đình Bình, Đề đốc là Trần Văn Cư và Án sát là Hoàng Côn đều đến địa đầu đón xe vua. Giặc bèn thừa lúc sơ hở tụ tập ở 4 phía ngoài thành : 1 đạo đốt phường Mỹ Hội (bên tả tỉnh ấy), 1 đạo đốt xóm Sa Động (phía sau tỉnh ấy), 1 đạo đóng ở sông Phú Ninh (phía trước tỉnh ấy), hòng muốn vây thành quan ; quan tỉnh bàn với quan Pháp, ở trên thành phòng bị nghiêm cẩn, 4 mặt bắn ra ; chúng không vào được, đến mờ sáng chúng tan đi.

Cho Tán lý quân vụ hiện đi hỗ giá là Phan Ngọc Thọ đổi sung chức Tham tán và quyền Tham tá Nội các hiện đi hỗ giá là Đoàn Như Bích thăng Hồng lô tự Thiếu khanh sung chức Tán lý (nguyên Tham tán Nguyễn Vĩ vì không hiểu việc hành trận, cố từ chối, cho nên chuẩn cho sung vào thay).

Chuẩn cho phu trạm ở Kinh được chiểu cấp ruộng lương giống với hạng binh tạp sắc (trước 7 sào, nay tăng thêm 3 sào).

Chuẩn cho quản vệ, suất đội ở Hà Tĩnh, Quảng Ngãi được khai phục hết (năm ngoái 2 tỉnh thành thất thủ, đều xử tội cách lưu, đến nay quan tỉnh xét từ khi thu phục về sau, đều là có lòng sợ hãi cố gắng, cho nên chuẩn cho Hà Tĩnh 26 viên, Quảng Ngãi 18 viên, đều cho khai phục).

Chuẩn định cách thưởng phạt, về thu được và cất giấu súng ống khí giới.

(Người nhặt được đệ nộp : mác, đao và kiếm bằng sắt, mỗi ngọn thưởng 2 quan, súng điểu sang mỗi khẩu 15 quan, súng thần công mỗi khẩu 30 quan, nộp được

nhiều số, tính suốt cả thưởng tiền 600 quan và chiểu lệ quyên ở tỉnh Lạng Sơn trước, thưởng 1 trật. Người cất giấu : mác, đao và kiếm sắt, mỗi ngọn phạt 30 quan, đóng gông 3 tháng ; súng điểu sang và thần công thì chiểu điều luật "chứa riêng binh khí", gia bậc trị tội, tài sản tịch hết. Người nào cáo giác được thực, thưởng : mác, đao và kiếm sắt mỗi ngọn 15 quan, súng điểu sang, thần công 50 quan ; tổng lý, phủ, huyện sở tại cũng chiểu theo lệ thất sát gia bậc nghĩ xử).

Quan Pháp đem kho tàng ở Kinh giao trả.

(Số thóc còn ước trên dưới 42 hộc. Tiền đồng ngang với 6 đồng tiền kẽm 1.150 quan ; tiền bảo sao đời Tự Đức, từ đồng ăn 60 đồng đến đồng ăn 10 đồng cộng 280.000 và thứ tiền đồng hiệu cổ 77 quan).

Bọn giặc ở Thanh Hoá đốt phá huyện nha Hậu Lộc, giết Tri huyện là Ngô Đức Đạt ; lại đánh phá phủ thành Hà Trung, giết Thương tá tỉnh vụ là Lê Thản, bắt Phó lãnh binh Thiều Văn Dược (Thản và Văn Dược đều là tháng trước tỉnh ấy uỷ cho đi đóng để ngăn chặn).

Tha giảm thuế lệ năm trước hiện thiếu cho tỉnh Quảng Bình.

Tháng 6, lại đặt huyện nha Do Linh, tỉnh Quảng Trị. (Năm Tự Đức thứ 6 đã bỏ bớt huyện ấy, đến nay lại đặt, dựng làm huyện nha ở xứ Tam Hà ; rút về 2 tổng Bái Ân, An Định hiện thuộc phủ Cam Lộ và 2 tổng An Xá, An Mỹ hiện thuộc phủ Triệu Phong, do huyện ấy quản trị cả ; nhưng do phủ Cam Lộ kiêm lý).

Vua cho là Hàm Nghi đế chạy đi, bọn Lê Thuyết còn giấu để ở vùng Quảng Bình, Hà Tĩnh, nên kẻ hiếu sự thường cứ trông ngóng mới xuống tờ Dụ do tự tay viết, sai các hạt Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị niêm yết khắp cả ; và do quan tỉnh ấy thông lục cho các xã dân đều 1 bản khiến cho người nghe biết sợ, mến, hoặc có người có thể lập được công.

Dụ rằng : Trẫm là con thứ 2 của Tiên hoàng đế, chỉ có nghĩ đến tước phiên công, chứ không để tâm đến ngôi hoàng ốc ; hơn nữa, làm việc bất nghĩa mà làm vua, cho nên ta hai lần từ chối không được. Vả, nhân dân rất nhiều, bốn biển rất rộng, tôn xã rất trọng, ngôi lớn không thể bỏ không mãi được. Vì thế, cựu thần của Tiên đế, danh vọng đã lâu, đón mà lập lên, chứ ta có lòng nào đâu ! Hàm Nghi là em ta, bình sinh một lòng hữu ái, nay không biết đi đâu, nước mắt khôn ngăn, để lòng mong nhớ. Đáng chê Lê Thuyết là người không biết gì, ví thử hoặc bảo vệ xuất đế, để cho em mưu hại anh thì có ích gì ; hoặc sĩ phu, ngươi được mà bảo vệ cũng chỉ nhọc hoài thôi. Huống chi, lúc này là năm đầu lại gặp năm Tuất (năm Thế tổ ta đại định thiên hạ), lập xuân vào ngày Nguyên đán, thế là mệnh trời ở đấy. Cựu thần, thạc phụ của Tiên đế, triều đình đông đủ bậc quân tử ; tinh binh, lợi khí của nước bạn, giúp đỡ thực nhiều, lòng người theo về cả.

Bọn sĩ phu ngươi, văn học lập thân, trong lương tâm tự đủ, thích việc nghĩ, biết thời cơ, sơ tâm nguyên không phải muốn loạn ; chỉ vì chưa hiểu thời thế, nên còn có sự cố chấp lệch lạc ấy. Ta nghĩ đi nghĩ lại, cũng đã rõ ràng, cho nên ta nay lòng thực, tự tay viết lời Dụ để bảo các ngươi ; có gặp Hàm Nghi, đón mà đem nộp, không những tha thứ tội trước, mà công ấy ta cho là trọng. Xin theo lời từ Dụ, phong cho ngươi tước nam, trao cho ngươi chức quan nhị phẩm, muốn ra làm việc thì dùng, muốn lui về thì cho nghỉ ; đó là kế vạn toàn của bản thân và gia đình các ngươi. Hoặc bọn ngươi giữ mê không tỉnh, dù không thể dung được ở khoảng trời đất ; mà em ta nguyên là cốt nhục tình thân của ta, nhất đán không thường là trách nhiệm của ta. Bọn sĩ phu ngươi, nghĩ thiết tha đến luân lý, hồi tâm theo điều phải, tuân làm ngay đi, do tỉnh, phủ xét bẩm, hoặc đón nộp ở nơi hành tại, ấy là công lớn của ngươi. Ta không lòng nào bỏ hoài, mà lộc trời được trọn mãi, trung nghĩa vẹn cả đôi, thân và nhà cùng bảo vệ được. Ngươi nên thận trọng tin tưởng, ta không hại ngươi đâu ! không dối ngươi đâu ! và ta không nói đến lần thứ 2 nữa, phải kính theo Dụ này.

Chuẩn cho nguyên Tuần phủ lĩnh Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Trần Lưu Huệ đổi bổ Tả tham tri bộ Hộ ; Quang lộc Tự khanh lĩnh Thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xứng, kiêm quản viện Đô sát ; Quang lộc Tự khanh, lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh là Vũ Khoa thăng thụ Thị lang, nhưng lĩnh chức cũ.

Sai Thống suất đại thần là Nguyễn Hữu Độ, hiệp cùng quan quân Pháp tiến đánh các vùng núi ở Quảng Trị. Bấy giờ, các tổng Xuân Hoà, Bái Ân, An Xá, An Định, Tam Đường đều có bọn giặc tụ tập thiết lập đồn trại.

Vua bèn cho Hữu Độ ngọn cờ Phi long đốc suất quan quân 3 đạo, hiệp cùng quân Pháp tiến quân liền mấy ngày, đánh phá các đồn lớn của giặc : đồn đệ nhất (tục gọi là Khe Cây Giang) ; đồn đệ nhị (tục gọi là Khe Chử) ; đồn đệ tam (tục gọi là Bến Ma) ; thu lượm được tiền lương, súng ống, khí giới rất nhiều. Bọn giặc đều trông thấy bóng gió là chạy trốn, mới trở về nơi hành tại. Vua chuẩn cho thưởng quan quân Pháp long bội tinh và kim tiền, ngân tiền các hạng có thứ bậc. Quan quân Pháp có người bị thương (1 suất đội và 2 lính).

Vua nhân ngự giá ra chơi xem, thân đến vỗ về yên ủi. (Quan Ba là A-lê-tu-tê, thưởng bội tinh hạng 3 ; quan Ba là Bi-ra-suy Bi-lê-di Ra-đô, thưởng bội tinh hạng 4 ; quan Hai là Kê-ninh-vi Lê-ra-mông Ba-ra-đô, quan Hai thầy thuốc là Áp-phong, quan Một là Đa-bi Di-e, quan Một sung biện lương thướng là Bô-ve, quan Một là Sanh-xuân-bi và Suất đội là Kim-bô, đều thưởng bội tinh hạng 5. Còn suất đội được thưởng kim tiền có chữ tam đa 1 viên, suất đội nước Pháp và suất đội tập binh được thưởng ngân tiền 23 viên, đội trưởng được thưởng ngân tiền có chữ tứ mỹ 24 người, binh đinh được thưởng ngân tiền có 2 con rồng 324 người).

Sai quan tỉnh Quảng Trị xét tù phạm hiện giam, người nào già ốm và tình tội đáng tha, đều lượng cho tha ra.

Chuẩn cho xây dựng nha thự kinh lược Bắc Kỳ (ở trường thi Hà Nội).

Toàn quyền đại thần Pôn-be tư nói : Ngày tháng 7 năm ngoái, Đô thống Cô-suy định ra 6 khoản điều ước mới, nước ta, phần nhiều có thua thiệt, nay đã đem bỏ bản ước ấy rồi. Nước ta đã tôn đại thần Pháp là chức Hàn lâm Trực học sĩ, đại thần Pháp muốn tỏ ý kiến chuộng văn, giao cho 1.000 đồng bạc ; nếu có người nào có thể đích cứ vào đâu xét rõ bờ cõi nước ta khi trước thẳng đến bờ phía đông sông Khung Giang và ghi chép rõ các loại Man Lạo trong hạt, dân tình, phong tục, chính sự, sản vật và cách sinh nhai, biên đóng thành sách dâng lên, đợi sai quan xét duyệt, người được dự hạng trúng thì xin đem số tiền ấy chia từng hạng thưởng cấp (hạng nhất thưởng 800 đồng, hạng nhì 200 đồng).

Vua cho là quý đại thần định ra là muốn được kẻ thực tài, chuẩn cho theo thế mà làm, nhưng Dụ cho quan các phủ, tỉnh trong Kinh và tỉnh ngoài, đều đem hỏi khắp cả, không cứ quan lại, sĩ, dân, người nào là kiến văn rộng rãi, có thể biết rõ các việc đã nghĩ ấy, biên chép thành sách, hạn trong 6 tháng, tại Kinh thì do bộ Lễ, tại tỉnh ngoài, do quan địa phương làm danh sách đệ lên, đợi chuẩn cho quan xét duyệt, quả là người thông hiểu có thể làm được, thì chia thứ bậc, trừ đã có Toàn quyền thưởng riêng ra, triều đình sẽ cho bổ dụng và chuẩn cho quan viện Hàn lâm thưởng thêm cho người trúng hạng nhất 400 đồng bạc, hạng nhì 100 đồng, để tỏ thể lệ rộng rãi mà mong được thực dụng.

Viện Cơ mật tâu nói : Sào huyệt bọn giặc tỉnh Quảng Trị nay đã phá tan ; duy tên đầu mục giặc chưa xử tội được hết, sợ tro tàn lại cháy, không phải không có trở ngại về sau, phải nên dự tính trước. Rồi trình bày công việc hay về sau dâng lên, gồm có 4 điều :

Về 3 phủ, huyện Cam Lộ, Minh Linh, Do Linh và xã An Nha đều là tiếp gần các yếu địa miền trên, bọn giặc thời thường ra vào, duy ở Cam Lộ, Minh Linh trước có quan quân Pháp đóng đồn sẽ bàn nên đóng giữ như cũ. Còn huyện Do Linh và sở An Nha cùng nên bàn để lại lính Pháp, lính tập mỗi sở 50 - 60 người đóng chặn, cho thanh thế được mạnh. Khi được tin báo giặc quấy nơi nào, xin chiểu theo hạt đóng quân ấy phái đi đánh dẹp.

Về quản suất, anh danh, giáo dưỡng, trước vì loạn tản về chưa đến và các võ cử, võ sinh, viên tử ở quê quán thì do tỉnh bắt đến cả, chọn dồn lại, cốt được 200 người, riêng làm 1 vệ ; nếu hoặc không đủ thì bắt thêm số kinh binh giảm nửa trước, hoặc mộ thêm đinh dõng sung vào, rồi đặt viên quản suất để sung trông coi và cấp cho súng ống, khí giới, đặt trường luyện tập ; chia làm 2 ban, mỗi ban 100 người, mỗi

tháng thay đổi 1 lần, rồi do quan tỉnh, mỗi lần 15 ngày, thân đem đi lần lượt để tuần tập trong hạt, để phòng giặc tụ ngầm, cho dân được ở yên. Khi có loạn, được bắt cả đến tỉnh, chia phái đi đánh dẹp. Còn như lương bổng, người nào hễ có phẩm hàm, thì chiểu hàm chi cấp theo lệ lương ở Kinh ; người không có phẩm hàm và anh danh, giáo dưỡng, binh đinh, mỗi tháng cấp gạo 1 phương, tiền 3 quan ; các súng ống, khí giới do tỉnh tư Bộ trích giao cho, hoặc chi tiền công để chế làm.

Về mỗi phủ, huyện đặt ra chánh, phó phủ đoàn, huyện đoàn, mỗi chức 1 người, bắt phải chiêu mộ dân dõng trong hạt, mỗi phủ, huyện đều 200 tên, đặt riêng làm 1 đoàn, mỗi đoàn được tự chế lấy 100 khí giới, chứa để ở nha phủ, huyện hoặc tỉnh lỵ. Ngoài ra, đều sắm đủ giáo tre, gậy tre để ở nhà để phòng canh giữ, việc dồn mộ xong, mỗi phủ, huyện được để lại 100 người canh giữ ; đợi sau 5 - 6 tháng, yên ổn tất cả, sẽ cho đình triệt. Lúc không có việc thì đều cho về yên nghiệp ; có việc thì do viên phủ, huyện ấy bắt ra cả, chia phái đi canh giữ đánh dẹp. Về lương bổng : Người nào có phẩm hàm thì chiểu lệ lương ở Kinh chi cấp ; dân, dõng thì tháng chi cấp tiền 3 quan, gạo 1 phương, hạn trong 6 tháng, phủ, huyện nào trong hạt giữ được yên ổn thì chánh, phó đoàn xin đều thưởng thăng 2 trật, dân dõng được chuẩn cho miễn dao dịch 1 năm. Từ nay về sau, lệ thưởng đều lấy 2 năm làm mức.

Về phàm các xã, thôn, phường tiếp giáp nhau, nên chiểu theo số dân nhiều, ít, địa thế xa, gần, tính dồn binh dân, hoặc 3 - 4 xã làm 1 đoàn, hoặc 5 - 6 xã làm 1 đoàn, mỗi đoàn hoặc 100 tên, đều cho phép tự chế khí giới và dự đủ giáo, gậy bằng tre, để sung chống giữ, nhưng mỗi đoàn đặt ra đoàn trưởng để cai quản và bắt chánh, phó tổng thuộc hạt ấy trông coi. Xã nào nếu có báo động, hoặc đánh trống, hoặc đánh thanh la để làm hiệu ; các xã tiếp giáp gần đấy đều dùng hiệu ấy, lần lượt chuyển báo cho nhau biết, để lập tức đến cứu, nếu không đến cứu thì các xã bị hại ấy mất bao nhiêu sản vật, cứ các xã, thôn, phường tiếp giáp ấy, tuỳ theo địa thế xa, gần bắt bồi thường, các xã tiếp giáp không đánh trống hay thanh la báo hiệu, để cho các xã hơi gần hay hơi xa không biết đến cứu thì các xã, thôn không báo ấy phải nhận chia nhau bồi thường, số bồi bao nhiêu cứ trách thu ở các xã tiếp giáp. Còn đoàn trưởng và tổng, lý ở đấy đều xử tội theo điều luật "thông đồng với giặc".

Trong hạn 6 tháng, giữ được yên ổn thì chánh, phó tổng đoàn đều thưởng thăng 2 trật ; chánh, phó tổng đều thưởng 1 trật, lý trưởng đều thưởng 1 chiếc ngân bài ; dân, dõng chuẩn cho miễn dao, dịch 1 năm. Về đoàn trưởng, tổng, lý, dân, dũng, người nào hễ đánh nhau với giặc, bắt được 1 tên tướng giặc tại trận thì thưởng 30 lạng bạc ; danh mục của giặc, 15 lạng ; đồ đảng giặc, 3 lạng ; đều do quan tỉnh xét xin lượng thưởng chức hàm có thứ bậc. Người nào săn bắt được giặc, thì thưởng cấp giảm đi một nửa, đình việc thưởng hàm. Người nào bị giặc giết chết tại trận thì

tham chiểu lệ "quân thứ chết trận" truy thưởng chức hàm và cấp tuất gấp đôi ; lại chiểu lệ cho tập nhiêu, ấm có thứ bậc.

Các khoản trên đây là lệ định ở quan, còn như ở dân, khoán lệ thưởng, phạt, đều cho tuỳ tiện, nhưng phải trình xét ở các nha, phủ, huyện.

Vua chuẩn cho theo như nghĩ làm việc rồi lại chuẩn định 2 điều thưởng cách về phủ, huyện mộ dân dõng dồn thành đoàn và người bắt được bọn đầu mục giặc, thông lục cho các địa phương tuân theo làm việc tất cả.

Ngày Đinh Hợi, ngự giá khởi hành từ Quảng Trị (từ tuần đầu tháng ấy, vua se mình ; đến nay lại như thường, mới tiến hành).

Chiêu thảo xử trí sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân dâng tập tâu : đem việc đánh giặc thắng trận từ tháng chạp năm ngoái (từ các ngày 27 đến 30, xem ở trên) phân biệt công trạng nghĩ thưởng tâu lên vua biết. Vua chiểu cho thăng thưởng, khai phục, truy tặng, cấp tuất từ phó lãnh binh trở xuống, tất cả 53 người.

(Thăng thưởng : Phó lãnh binh là Trần Văn Lưỡng, nguyên lĩnh chức Quản cơ) ; Phó quản cơ lĩnh Phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Đạo (nguyên là Cấm binh Chánh đội quyền sung chức ấy) và Võ Văn Kiều ; Phó quản cơ là Thái Văn Dũng, Nguyễn Văn Thoả (đều là nguyên Cấm binh Chánh đội) ; Cấm binh Chánh đội là Lê Văn Phù, Văn Tiến Hùng, Ngô Văn Tuấn (đều là nguyên Tinh binh Suất đội), khai phục Tinh binh Chánh đội quyền sung Hiệp quản là Phan Văn Cựu (nguyên Lãnh binh đắc cách).

Tặng Phó quản cơ và chiểu hàm tặng cho cấp tuất, tập ấm là Phan Văn Quý (nguyên Tinh binh Chánh đội).

Còn từ Tinh binh chánh đội trưởng, thí sai suất đội trở xuống và bát, cửu phẩm cộng 44 người.

Chuẩn cho : Chức Hải phòng Phó sứ ở Quảng Nam nay đặt lại, dùng chức võ, vì việc giấy tờ rất ít, mà giao thiệp việc vặt rất nhiều.

Toàn quyền Pháp cùng quyền Kinh lược sứ thần bàn định thuế lệ Bắc Kỳ : Số thuế hiện thiếu từ năm ngoái trở về trước, cho khoan miễn hết, từ năm nay trở về sau thì nhất khái thu cả, không nên lại cứ viện dẫn lệ nào mà lần lữa. Về lương bổng quan lại, binh đinh, tính chiết cấp mỗi phương gạo bằng 4 quan tiền Tây (ngang với 4 quan 8 tiền 40 đồng của nước ta), rồi hội đồng biên định, trong số thu, chi hằng năm trích ra để lại một phần tải vào Kinh : tiền 380.000 quan, gạo 380.000 phương (mỗi phương gạo tính chiết giá 5 quan tiền kẽm).

Chuẩn cho : Thứ bạc thoi, gặp khi có ban cấp, hoặc chi cấp lương bổng, hễ đến 10 lạng trở lên, đều cứ mỗi thoi tức làm 10 lạng, gián hoặc thiếu 1 - 2 đồng cân thì

người lĩnh không được so kè. Như gặp có chế tạo đồ vật, hoặc đổi chác hàng hoá, số đáng cần bao nhiêu, sẽ do Nội vụ chiểu theo lệ trước hội đồng cân tính chi biện.

Mùa thu, tháng 7, định lệnh chạy trạm đệ giấy tờ để chậm hay mất. Bấy giờ, các tỉnh thường có giặc cướp nổi lên, việc quan báo không thông, giấy tờ nhiều khi thất lạc. Viện Cơ mật bàn tâu.

Từ nay phàm các trạm, do quan tỉnh phái 1 người thuộc viên thạo việc, lần lượt đến các phủ, huyện đốc thúc và nghiêm sức cho phu trạm dự thăm đường đi, nếu thông thì đi thẳng ; trở ngại thì tuỳ tiện tìm đường khác sẽ đệ đi, nhưng đều phải bắt nhiều dân phu đi hộ tống, nếu hễ thấy có đám giặc to, lập tức bẩm tỉnh, để bàn với quan Pháp hiện đóng ở tỉnh ấy đi dẹp bắt ; nếu bọn cướp nhỏ mọn, hoặc dân lương, dân giáo sở tại ngăn chặn ngang đường, thì do địa phương bắt trị ngay. Quan tỉnh thời thường gia tâm đốc sức, cần phải cẩn thận, ổn thoả đủ 10 phần để giữ được vô ngại.

Nếu chạy trạm đệ văn thư đi còn có sự không đi thông được, trừ xét quả có việc thực là thông với giặc ; theo luật trị tội nặng ra ; còn thì các văn thư đệ đi, để mất 1 - 2 lần, thì đem tổng, lý, thừa mục và phu trạm đi đệ, giam ngặt và phạt tiền mỗi người 10 quan : 10 ngày nộp phạt không xong thì phải cách bãi ngay. Đến 3 lần trở lên thì lập tức cách bãi, không phạt tiền.

Phái viên của tỉnh và viên phủ, huyện không chịu quở phạt, cứ 1 lần thì phạt bổng 1 tháng, 2 lần trở lên lần lượt gia thêm mỗi lần đều 1 tháng. Quan tỉnh 1 - 2 lần thì được miễn nghị ; 3 lần trở lên thì nghĩ xử kém viên phủ, huyện 1 bậc.

Vua chuẩn cho theo như nghĩ và thông sức cho các địa phương từ Thanh Hoá trở vào Nam theo thế mà làm.

Chiêu thảo xử trí sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tâu nói : Thế giặc ở Bình Định mạnh lắm, sơn phòng ấy hiện đương chiêu tập nhiều quan quân, nghĩ nên đặt thêm chức đề đốc, lãnh binh, thương tá, bang tá để giúp việc bàn uỷ, nhưng đều đem tên tâu lên. Vua y cho.

Phó lãnh binh là Trần Văn Lưỡng sung chức Đề đốc (đều theo nguyên hàm trở xuống) ; Phó quản cơ lĩnh Phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Đạo sung chức Phó đề đốc ; nguyên Phó quản cơ sung Phó lãnh binh ở Bình Định là Phạm Tiến Học và Phó quản cơ lĩnh Phó lãnh binh là Vũ Văn Kiều đều sung Lãnh binh ; Phó quản cơ là Thái Văn Dũng và nguyên Hiệp quản dinh Hổ oai tản về là Nguyễn Văn Sính đều sung Phó lãnh binh ; nguyên Viên ngoại lang là Trịnh Văn Thái sung Thương tá ; nguyên Bang tá Sơn phòng Quảng Nam là Nguyễn Đinh Đức và nguyên Chánh bát phẩm là Hoàng Diễm đều sung Bang tá.

Quan Khâm sai là Phan Liêm tâu nói : Các hạng quan, lại, cử, tú tỉnh Quảng Nam, người nào bị giặc bức bách, không chịu theo, nếu có người về Kinh tình nguyện được đợi bổ ở bộ thì xin do 2 bộ Lại, Binh, xét thực lượng cho bổ dụng. Người dân hạt ấy phiêu lưu đến hạt phủ Thừa Thiên thì xin do quan phủ xét kỹ, không cứ trai, gái, già, trẻ, lượng cấp cho tiền, gạo 1 lần ; còn người có đem gia quyến đi lánh nạn, ngụ ở xã thôn nào, nên chiếu cố giúp đỡ và địa phương sở tại không được tạ sự sách nhiễu.

Viện Cơ mật tâu xin chuẩn y nghĩ định ấy. Sau, quan phủ Thừa Thiên là bọn Nguyễn Thạc, Phan Huy Nhuận lại tâu, năm vừa rồi các hạt bị giặc, người lánh nạn đến phủ dung cho trú ngụ cũng nhiều, không riêng Quảng Nam mà thôi, gặp nạn như nhau mà được ban ơn có khác, thì trong khi rên thảm thiết, không khỏi có sự hơn kém. Còn quan dân từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, Bình Định trở vào Nam, nếu có khổ thiết giống nhau, xin do quan 3 bộ Lại, Hộ, Binh nghĩ xét. Còn như quan dân ở 4 tỉnh Trực kỳ gần đây bị nạn đến phủ trú ngụ, như người ở Quảng Nam thì đều do phủ, nha ấy và 2 bộ Lại, Binh tuân theo Chỉ chuẩn làm việc. Vua y cho.

Bọn giặc ở Quảng Bình đến tỉnh thành đánh và quấy nhiễu, đốt học đường, trại quân và dân cư quanh thành (hơn 300 hộ), giấy tờ, sổ sách, khí giới của quan ty đều bị cháy ra tro. Vua chuẩn cho các quan ở quân thứ và quan tỉnh đều giáng cấp có thứ bậc ; các nhà dân bị cháy, đều chiểu lệ phát chẩn và cấp tuất.

Quyền sung Tán tương ở quân thứ Quảng Ngãi là Lê Uyển cùng với bọn giặc Quảng Nam đánh nhau ở Bình Sơn, không lợi ; bọn tác vi Lãnh binh là Nguyễn Tiến Quý, Tham tá là Phạm Trọng Di đều chết trận. Kiêm lý Quảng Ngãi quân vụ là Nguyễn Thân lại đánh nhau với giặc, phá tan được. Bấy giờ, các giặc ở Quảng Nam, Bình Định cùng hẹn nhau đến tỉnh Quảng Ngãi quấy nhiễu ; giặc ở Bình Định dụ ngầm bọn ác Man, 3 đường đều tiến (1 đường từ thượng du đi xuống, 1 đường do chính lộ núi Thạch Tân, 1 đường do miền biển). Chúng nói phao lên rằng : Đến lấy sơn phòng, để ràng buộc quân sơn phòng. Giặc ở Quảng Nam thì chia làm 5 đường vào thẳng hạt Quảng Ngãi, quan tỉnh ấy uỷ bọn Uyển đem quân chống cự, gặp chúng ở Bình Sơn, quân có ít, không địch nổi, mới tan vỡ. Giặc đã phá được quan quân, chiếm giữ huyện Bình Sơn. Thân được tin báo, lập tức đem quan quân đại đội, đến ngay nơi ấy hăng hái đánh, chém được hơn 300 tên (quan quân chết 15 người), giặc đều trốn về Quảng Nam. Thân lại về sơn phòng, cùng bọn giặc Bình Định giao chiến, chém được 3 tên tướng giặc (nguỵ xưng Đề đốc là Búa, Lãnh binh là Tích, Lãnh binh là Lự) và hơn 200 tên danh mục của chúng, thu được súng ống và khí giới rất nhiều. Thân mới đem việc ấy tâu lên ; vẫn cho là hiện tình khẩn thiết, xin khẩn tư cho viên Khâm sứ cho mượn 200 khẩu súng Tây và 10.000 viên đạn thuốc, giao cho Sơn phòng ấy nhận dùng, viên Khâm sứ theo như số cấp giao cho.

Cho Hữu tham tri bộ Công là Lê Hữu Thường đổi bổ làm Tuần phủ Quảng Trị - Quảng Bình (Cao Hữu Sung đổi đi theo hầu).

Vua dừng chân đóng ở Châu Thị, ra lệnh đi xem phong tục, nhân đến cửa biển Tùng Luật, qua xã Cát Sơn (quê mẹ của Kiên vương), cho dân xã ấy 1 lạng vàng và 100 đồng bạc. Vua đi qua xã An Ninh, linh mục Pháp và linh mục nước ta ở nhà thờ xứ ấy bày hương án lạy mừng. Vua ban cho vàng, bạc, tiền có thứ bậc. Lại thấy dân giáo lánh nạn ở đấy nhiều người, ban cho 100 đồng bạc, sai giám mục, linh mục chia cấp cho chúng.

Thưởng biển ngạch cho 2 xã Hà Thanh, Ninh Xá ở tỉnh Quảng Trị. Bấy giờ, bọn giặc đến quấy, 2 xã ấy hết lực đánh, chúng phải lui, thu được khí giới, cho nên thưởng để khuyến khích nơi khác.

Quan Pháp đem các trại quân và các sở Vũ khố, Đốc công trong thành giao trả lại.

Trước đây, giáo dân ở các xứ : Bồng Lai, Hoàng Trung, Câu Xá, Phong Nha thuộc tỉnh Quảng Bình đều bị giặc đốt cướp ; linh mục là Bùi Quang Lộc đến tỉnh xin trù liệu cứu giúp ; quan tỉnh đã cấp cho dân xứ ấy 800 phương gạo. Đến nay lại xin, vì thế viện thần tư sang nói với viên Khâm sứ và trả lời nói : Bọn giặc khi trước tuy đốt dân cư bên giáo, sau cũng hại cả bên lương, không phải 1 mình giáo dân chịu hại riêng. Giáo dân ấy đã được quan Pháp cấp cho 250 đồng bạc ; tỉnh lại cấp cho số gạo ấy, thực đã may lắm, nên tìm cách tuỳ tiện mưu sống, há nên khoanh tay đợi cấp ư ! Nếu tỉnh ấy năng phải trù tính cứu giúp, tỉnh khác lại cũng bắt chước, lấy gì mà giúp nổi được, việc ấy phải nên đình xét. Vua chuẩn y sức cho các linh mục và nói với quan Pháp đóng ở tỉnh ấy được biết.

Vua đến tỉnh thành Quảng Bình, dừng chân đóng ở đấy (ngày 26 tháng trước, từ Quảng Trị khởi hành đến trú tất ở Châu Thị, lại đến trú tất ở đồn Mỹ Thổ, Quảng Bình ; ngày 20 tháng này đến tỉnh thành Quảng Bình) chuẩn cho yết sức : Tất cả đầu mục bọn giặc biết dẫn thân đầu thú ở nơi hành tại, đều cho miễn tội : Người nào nguyên trước có quan chức đều cho vẫn theo như cũ (sau các địa phương cũng chiểu theo thế mà làm) ; người nào bắt chém được đầu sỏ bọn phản nghịch là Hoàng Văn Phúc, Nguyễn Phạm Tuân thì thưởng quan hàm có thứ bậc (bắt sống được thì bổ quan tam phẩm và thưởng 200 lạng bạc ; chém được thì bổ quan tứ phẩm và thưởng 100 lạng bạc).

Tạm đặt quân ngự doanh.

Vua cho là quân hiệu các hạng đi theo hầu, quân lính linh tinh, không thành đội ngũ, tới khi sai phái khó được nhanh chóng, mới chuẩn cho tuyển dồn lại mỗi đội 30 tên, đặt chánh, phó đội mỗi chức 1 viên, cứ 2 đội đặt đốc binh, quản vệ, mỗi

chức 1 viên, có 1 ấn quan giữ việc cai quản, gọi là quân ngự doanh, chia làm các chi tả, hữu dực, trung đạo, tiền, hậu, tả, hữu. Khi bình thường thì hiệu lệnh do hộ giá đại thần xem xét, sửa sang, gặp khi đánh dẹp, vua thân tự trù tính điều khiển. Đợi lúc về Kinh, các vệ đội đều vẫn theo như cũ.

Cho Tả tham tri bộ Lại là Hà Văn Quan đổi lĩnh Tả tham tri bộ Công.

Thưởng biển ngạch cho xã Liêm Ái ở Quảng Bình. (Lý trưởng Vũ Văn Giai cùng em hắn là Vũ Văn Hưu dò thám được đích nơi giặc tụ, bắt dân ngăn chặn, một mặt đi báo quan dẫn đến chỗ ấy, chém được 6 tên, bắt được 8 tên, thu được tang vật của giặc, cho nên vua thưởng cho để khuyến khích. Anh em Văn Giai cũng đều được thưởng bát phẩm bách hộ).

Chuẩn cho từ nay về sau, phàm đường quan ở Kinh và tỉnh ngoài tư báo cho nhau, ở các chỗ hàng đầu mặt trước, biên quan hàm và tự xưng trong tờ tư, trừ cái chức điện các đại học sĩ, hiệp tá đại học sĩ, đô thống phủ, chưởng phủ sự và Bắc Kỳ kinh lược sứ vẫn theo như cũ, chỉ biên họ (như loại hàm gì, họ gì cùng bản chức là họ gì). Còn thì văn, võ từ chức ngũ quân, chính khanh, tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, lãnh binh trở xuống, đều phải biên cả họ, tên, cho dễ nhớ và phân biệt, để phòng kẻ gian giả mạo. Định làm lệ mãi.

Bọn giặc ở Bình Định chia đường đến quấy nhiễu tỉnh Quảng Ngãi (phân hạt huyện Mộ Đức). Chiêu thảo sứ là Nguyễn Thân chặn đánh ở núi Mỹ Trang, phá được (bắn chết 200 người, thu được nhiều khí giới).

Giáo dân ở Thanh Hoá lánh nạn đến trú ở Ninh Bình hơn 2.000 người. Vua sai quan tỉnh chẩn cấp cho (mỗi người 2 quan tiền).

Đặt thêm viên dịch nha Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định (trước đặt tư vụ 1 người, cửu phẩm 2 người, vị nhập lưu 4 người, đến nay đặt thêm chức chủ sự 1 người, bát cửu phẩm đều 2 người, thư lại 6 người. Trong đó, số thư lại gộp vào ngạch cũ chia làm 2 ban), đều cho lấy người địa phương ấy lượng bổ, vì hiện nay nhiều việc, cần người sai phái.

Chuẩn cho Nguyễn Hiệp (nguyên là Thị lang lĩnh Tuần phủ giúp việc Tổng đốc Bình Định, Phú Yên cáo bệnh về) thăng thụ Tuần phủ, lại lĩnh Tuần phủ Bình Định - Phú Yên (Hiệp lại xin phép lưu ở quê, tháng 3 năm sau mới đi cung chức).

Phan Đình Bình tự nghĩ là đi đánh dẹp giặc không có công trạng, để phiền đến vua phải thân chinh, dâng sớ nhận tội, rồi xin giải chức Kinh lược, đổi sung làm theo hầu các đề đốc, tán lý được theo thống suất đại thần trù liệu điều khiển, cho hiệu lệnh thống nhất, mau thành công lớn. Vua không cho. Đình Bình lại nói : Hắn là đại thần được sai đi, quân, súng ít ỏi, không giúp được việc phòng thủ và đánh dẹp giặc (bấy giờ mang theo 50 tên giản binh, khâm phái Vũ Bá Liêm giao tiếp cho

50 tên và 200 tên của bọn đề đốc, tán lý đem đi cộng 300 tên. Mấy lần, quân lính trốn đi, đau ốm và chết đến hơn 100 người ; súng ống có 34 khẩu, mỗi khẩu chỉ có 50 viên đạn, đã từng phát ra hết sạch, đến quan Pháp xin thuốc đạn, mấy lần mới được 4 - 5 cân).

Từ khi nhà vua dừng chân đóng lại đến nay, hằng ngày đến trú sở viện Cơ mật, nhưng tình hình giặc hiện nay, nên phải trù tính thế nào, cũng không được dự biết. Lúc trước được sai đi, tình ý quan Pháp đã không cùng tin (trước hứa phái đi theo 20 người lính Tây, 60 lính tập, đến khi phái chỉ có 1 suất đội Pháp và 5 lính tập).

Nay theo ngự giá ở nơi hành tại, bạn cùng làm quan lại không hoà hợp nhau. Hơn nữa Bình này, dự bậc đại thần, mà người buộc thêm cho tội là thông với giặc, nếu vẫn cứ nắm lấy binh quyền, vạn nhất lời gièm thêu dệt ấy đã thành, sẽ làm thế nào tự gỡ được. Bình này đã được chuẩn cho giáng 4 cấp lưu tại chức, tự biết là khoan quá, xin đổi là giáng phải dời hẳn chức rồi theo hàm phải giáng ấy được làm việc sai phái ở ngự dinh. Còn chức kinh lược đại thần, xin chọn người tài giỏi trong viện sung thay chức ấy.

Vua lại đem việc ấy giao cho đình thần nơi hành tại xét lại. Đình thần tâu trả lời : Nay vua ngự giá coi việc quân, công việc và quyền binh phải thống nhất, viên đại thần ấy xin đổi sung làm theo hầu, xét về thể thống là phải, nhưng xin đổi làm giáng phải dời hẳn chức và chọn cử quan ở viện thay vào, hình như thuộc về kích thích giả dối. Vậy viên đại thần ấy xin theo Chỉ chuẩn giáng mà lưu tại chức, nhưng cho theo hầu ; phàm các việc hợp cùng quan ở viện bàn định làm cho thoả đáng. Nha kinh lược tạm cho đình lại không đặt, hiện nay, quân ở quân thứ giao cho đề đốc, tán lý theo sự trù liệu, sai khiến của thống suất đại thần cho sự quyền được trọng. Vua y theo.

Quan Tuần phủ Hà Tĩnh là Vũ Khoa tư nói : Thân, hào hạt Hà Tĩnh ra thú thì bị giặc thù oán, không có chỗ để an thân, hiện tình lúc này, ở ta được thêm 1 người thì ở chúng kém đi 1 người, xin nên tạm dựng nhà gianh cho chúng ở. Người nào là tiến sĩ, phó bảng, lãnh binh trở lên, mỗi tháng cấp gạo 3 phương, tiền 5 quan ; cử nhân, tú tài, ấm sinh và quản viên thì gạo 2 phương, tiền 3 quan ; bậc lão nho tuổi tác, đạo đức, cùng suất đội và bát, cửu phẩm thì gạo 1 phương, tiền 2 quan, khiến cho chúng được có chỗ nương nhờ. Và quan viên hưu trí ở quê quán như Bùi Thức Kiên, Phan Văn Dư, Phan Trọng Du, Bùi Thố đều là bậc lão thành tuổi tác, đạo đức, từ năm ngoái có loạn đến nay lẻn trốn khắp nơi, nhà cửa bị đốt phá, hiện không có chỗ yên thân, tưởng nên gọi đến hậu đãi, nuôi dưỡng, xin cũng cấp cho mỗi tháng 1 phương gạo trắng, 10 quan tiền. Còn như ấn quan trở lên ở quê quán, không cứ còn hay chết, nếu viên nào còn cha mẹ và vợ cả mà không thể tự nuôi đủ sống thì xin cấp mỗi người 1 quan tiền, 1 phương gạo, khi loạn yên thì thôi.

Viện thần xin y nghĩ định, duy việc xin từ tiến sĩ trở xuống, cấp gạo 3 phương hay 2 phương thì chước cấp đều 1 phương, nhưng do tỉnh tuỳ việc phái uỷ, hoặc bang tá, giáo thụ, huấn đạo ở phủ, huyện và quản vệ suất đội các vệ, cơ có khuyết thì đem bổ vào, cho có chức sự và khỏi tốn phí hão huyền. Vua y cho.

Chuẩn cho Tán lý là Phạm Sứng, Đề đốc là Trần Văn Cư ở quân thứ Quảng Bình đều giáng 1 cấp, lưu tại chức về Kinh cung chức, vì đã lâu không được chút công trạng nào. Rồi cho : Quang lộc Tự khanh sung Sử quán Toản tu là Phạm Bính sung làm Tán lý ; Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Hữu Thận sung làm Đề đốc.

Bản khắc bộ *Việt sử cương mục* làm xong. Vua chuẩn cho Hà Nội in 100 bộ, rồi đáp tàu thuỷ đệ nộp dâng lên vua xem và để ban cấp bất thần. Còn thì đợi khi trong Nam, ngoài Bắc thanh bình, tất cả sẽ cho làm tiếp.

Tháng 8, quan ở Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tâu nói : Phía nam, phía bắc hạt Quảng Ngãi thì 2 bọn giặc ở Quảng Nam, Bình Định thường mưu gây việc nhiễu loạn ; về miền thượng du thì giặc Man thường xuống cướp bóc ; 3 mặt đều bị giặc. Bố chính là Vũ Duy Tĩnh ốm yếu không thể làm nổi việc. Xin cho Hồng lô Tự khanh lĩnh Thị lang bộ Hình là Trương Quang Đản kính tuân lời trước, đổi lĩnh Bố chính tỉnh ấy (tháng 5 năm ấy) đã chuẩn cho đổi lĩnh chức ấy ; Quang Đản vì ốm từ chối, mới chuẩn cho đổi sung vào chức ở Bộ) để giúp cho được việc. Còn Vũ Duy Tĩnh vẫn cho dưỡng bệnh. Vua y theo.

Viên hành nhân của quan Pháp đóng ở Quảng Bình là Nguyễn Văn Cường xuất của ra trợ cấp cho nhà dân bị đốt ở quanh thành (63 đồng). Quan tỉnh xin gia ân khen thưởng. Viện Cơ mật nghĩ xin thưởng cho viên ấy 1 đồng song long kim tiền. Vua đổi làm tứ mỹ ngân tiền. Viện thần lại xin, vua phê bảo rằng : Các quan lớn nhỏ ở hành tại, hết thảy đều không công trạng ư ! mà chưa từng được 1 đồng ngân tiền, đeo để tỏ cho mọi người biết, Văn Cường là một chức nhỏ, có việc giúp tiền ấy, không khỏi có cớ, chưa có công lao gì, nếu hấn được kim tiền để tỏ cho mọi người biết, người không có kim bội sợ tất thẹn mặt, cho nên trẫm theo ý mình đổi lại, nhưng viện thần đã xin, trẫm tạm y cho ; vì bây giờ, bị giặc đốt phá, phần nhiều là giáo dân, Văn Cường là người theo giáo, cho nên bảo rõ. Viện thần lại xin theo như chuẩn đổi lại.

Quan Sơn phòng tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tâu nói : Tướng sĩ sơn phòng ấy cùng một lòng cả, từ trước đến nay đã thưởng khắp ngân bài từ hiệp quản trở xuống ; còn như lãnh binh trở lên, chưa có thưởng hạng. Xin cho sơn phòng ấy nghĩ chế tạo bài bằng vàng tía (y theo mẫu thức bài bạc, trong khắc 2 chữ "trung, dũng") thưởng cho khắp cả, để tỏ sự khuyến khích. Vua y cho, nhưng chuẩn

cho sứ thần ấy xét đích người nào khi ra trận mà dũng cảm, công lao, có đáng khen thưởng thì cấp phát cho ngay trước mặt, việc phát thưởng xong, do ty ấy tâu lại để vua biết.

Vua bàn định về cung. Bấy giờ, tỉnh thành Quảng Bình gần sát bờ biển, gió bụi suốt ngày, ngọc thể hơi se mình, ở lâu không tiện, mới uỷ cho quan ba Pháp là Tu-ti, đi tàu thuỷ đến ngay Hà Nội, bàn với Toàn quyền đại thần sửa soạn tàu thuỷ cho chạy đến Cửa Lệ để hộ giá ; đã được Toàn quyền đại thần xin y theo làm việc, bèn để đường quan, thuộc viên ở Cơ mật, Nội các và các viên nhân thân cận ở lại chầu hầu. Còn thì đường quan thuộc viện, các bộ nha và viên nhân các quân, cho đều đi tàu buồm về trước.

Viện Cơ mật tâu nói : Ngày ngự giá hồi loan gần đến nơi, xét ra bọn thuộc viên văn, võ và các quân nhân ở hành tại, từ trước đến nay, chầu hầu, sai phái, thực cũng khó nhọc, xin nên gia ân, lượng cho thăng thưởng để tỏ khuyến khích, các thuộc viên văn võ, xin cho 2 bộ Lại, Binh ; còn như thái giám, thị vệ các quân, túc vệ và bọn quân nhân tuỳ phái, do các thượng ty ấy xét nghĩ, hoặc nên thưởng chức hàm và đồng tiền, đều làm danh sách tâu lên đợi ban ân cách. Vua chuẩn cho theo như nghĩ định.

Đê ở Bắc Kỳ vỡ lở (phận đê các huyện Gia Lâm thuộc Bắc Ninh ; Mỹ Hào, Gia Lộc thuộc Hải Dương đều bị lở cả. Các xã, thôn ven sông ở toàn kỳ ngập mất lúa mạ, tài sản trôi cả, nhân dân phần nhiều phiêu tán).

Ngày Đinh Mão (ngày 7 tháng ấy), vua đem quan quân ở hành tại xuống tàu (viên Toàn quyền phái 2 chiếc tàu thuỷ tới Cửa Lệ kính đón). Ngày hôm sau tới Kinh, bách quan xin làm lễ khánh hạ. Vua bảo rằng : Trẫm hồi loan bình yên, các quan lạy mừng là theo lễ đấy. Nhưng từ Quảng Trị trở ra Bắc, các tên tướng giặc chưa bắt làm tội hết, chưa chắc hết thảy sớm yên, chưa biết công hay tội thế nào ? Việc ấy tạm đình, hầu yên lòng trẫm.

Quan quân Pháp lấy lại được 2 tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà.

Quan quân tỉnh Quảng Trị hợp cùng quan quân Pháp dẹp giặc ở phía nam Cửa Việt, bắt được tướng giặc là Hoàng Văn Phúc (xưng là Đề đốc coi 8 đạo quân giặc) bắn giết ngay.

Chuẩn cho Tả tham tri bộ Hộ là Trần Lưu Huệ kiêm quản viện Đô sát. (Viên kiêm quản trước là Hoàng Hữu Xứng có tang, cho phép nghỉ 2 tháng, ở ngụ sở lo liệu).

Chuẩn cho nguyên Thị lang bộ Hộ (ốm xin nghỉ) là Nguyễn Tư Giản thăng thụ Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên (nguyên đốc Nguyễn Xuân Duẩn ốm xin nghỉ).

Vua cho Tư Giản là người bề tôi kỳ lão của tiên triều, vốn có danh vọng cho nên có đặc ân ấy, để tỏ là nghĩ đến người cũ.

Bỏ bớt chức Học chính ở Quốc tử giám (vì số tôn sinh ít cho nên giao cả cho tế tửu, tư nghiệp dạy cả).

Nguyễn Hữu Độ dâng sớ xin giải chức kiêm cố công việc ở các bộ, nha nói rằng : Hoàng thượng thân coi việc nước lâu ngày, chính thể hiểu rõ, chính khanh các bộ hiện đã đủ người. Phàm các việc thừa hành, nhờ có Hoàng thượng quyết định, hiện bộ Binh chưa có chính khanh, thần xin vẫn kiêm trông coi, còn thì xin chuyên giao cho các chính khanh chiểu lệ trước tuân theo làm việc.

Vua bảo rằng : Trẫm nhờ Tiên đế, được nuôi ở trong cung từ lúc 2 tuổi, cho nên theo được một hai điều thân tự dạy bảo mà thôi. Đến lúc gặp tai biến của nước, bệnh hoạn sinh ra nhiều, thường mượn tiếng điên cuồng để giữ lấy ngôi. Gặp ngày nay tôn xã không thể không người thờ phụng, khanh theo nước Pháp đón trẫm vào nối ngôi vua, là lý muôn đời không đổi của cả nước, duy lòng người khó lường, đường đời nhiều ngả, huống chi triều ta vua chúa truyền nối, vẫn lấy bậc thạc phụ làm đầu. Trẫm vốn tư chất yếu, học ít, mà công việc trong nội tu, tề gia, ngoại trị bề bộn, chưa từng để im phút nào, khanh chẳng thấy ư ? Trẫm quả là hết lòng hết sức, may ra báo đáp được mảy may, rất không tính đến thế vị khanh, đức và tuổi đều hơn, là người lịch duyệt, sao nỡ giảm bớt việc. Trẫm theo thể lệ bản triều, vua, tôi xa cách, sợ một khi có lầm lỡ, khó lấy lại được, khanh nên thể tất, đợi 1 - 2 năm giao thiệp hơi quen, binh tài dần đủ ; thì công việc ở Bắc Kỳ, giao cho khanh cả. Còn ngoài ra có sự lo khổ, rất không dám từ chối, như thế, thề cùng trời đất, đắng, ngọt cùng nhau chung, trước sau một lòng, tuổi trời hưởng mãi, để xếp đặt nước nhà cho yên vững là phúc của vua tôi ta. Lời nói của trẫm do tự trong lòng, khanh có thể tiếp thu lấy.

Hữu Độ lại tâu : Viện Cơ mật hiện nay việc giao thiệp nhiều, so với các bộ rất là khẩn yếu. Thần đã đội ơn, sung làm việc viện, ngày đêm lo lắng chỉ sợ không chu, hoặc đến trở ngại. Nếu vẫn kiêm quản như trước, không những trí có hạn độ, sức không theo lòng mà so với thể thống, rất thiếu sự ổn thoả.

Kính xét Tự Đức năm đầu, quan đại thần trước là Trương Đăng Quế thăng Cần Chính điện Đại học sĩ, lại gần đây như quan đại thần trước là Trần Tiễn Thành thăng Văn Minh điện Đại học sĩ, đều chỉ trông coi bộ Binh ; còn như công việc ở 6 bộ chưa từng giúp việc cả. Điển lệ triều trước thực đã rõ ràng, tài lực của thần, không kịp các quan đại thần trước mà được yêu dùng quá, sợ đối với phép trước có chưa hợp, về việc "kiêm quản 6 bộ", xin cho đình chỉ, như thế thì một là có thể không trái với phép trước của tiên triều về chia chức, đặt quan ; một là có thể rộng

thêm lòng tốt của Hoàng thượng đem lòng thực đãi kẻ sĩ mà tuổi già của thần, xin cố hết tài sức, lo báo còn dài, thực là nhờ đức lớn (của Hoàng thượng) hết lòng gây dựng. Vua mới y cho.

Chuẩn cho giản binh : Vệ Tả, Hữu thuỷ ở Nghệ An và vệ Hữu ở Hà Tĩnh được đổi với nhau, là theo lời thương lượng của 2 quan tỉnh cho tiện việc binh.

(Giản binh huyện Can Lộc thuộc 2 vệ Thuỷ ở Nghệ An : 158 tên ; giản binh huyện Nghi Xuân thuộc vệ Hữu ở Hà Tĩnh : 176 tên ; xét về đường đi, thì Can Lộc đến Hà Tĩnh là tiện, mà đến Nghệ An là xa cách, ở Nghi Xuân đến Nghệ An là tiện, mà đến Hà Tĩnh là xa cách, nên 2 quan tỉnh xin đem số binh huyện Can Lộc thuộc vệ Thuỷ ở Nghệ An sáp nhập vào vệ Hữu ở Hà Tĩnh ; số binh huyện Nghi Xuân ở vệ Hữu ở Hà Tĩnh sáp nhập vào vệ Thuỷ ở Nghệ An).

Toàn quyền đại thần là Pôn-be đến Kinh, kính dâng tặng phẩm của Giám quốc nước Pháp :

(1 đôi bình cắm hoa hạng to, nền trắng, hoa nổi bằng đồ sứ Tây dương.

1 cái bình hoa màu vàng nhạt, hạng lớn, nền trắng, bằng đồ sứ Tây dương.

1 cái bình hình vuông, sắc trắng, bằng đồ sứ Tây dương.

1 đôi bình hoa sắc trắng, hạng nhỏ, bằng đồ sứ Tây dương.

Bộ đồ uống nước chè bằng đồ sứ Tây dương màu xanh và màu quan lục, vẽ vàng mỗi thứ 1 bộ ; mỗi bộ chén, đĩa đều 6 chiếc và ấm, đĩa đều 3 chiếc.

Tượng người con gái bằng nguyên liệu sắc trắng và bình sứ cả nắp, đều 2 chiếc).

Đến khi về, vua chuẩn cho đệ phẩm hạng để tặng. Lại cho là 2 viên quan Ba đi hộ giá là Pha-lê, Tu-tê ủng hộ khi đi đường đều là khó nhọc, cũng thưởng tặng để tỏ lòng thể tất.

(Tặng Toàn quyền Pháp : Súng điểu sang khảm vàng 1 khẩu ; kiếm đeo chuôi bằng đồi mồi bịt bạc 1 đôi ; bình cắm hoa hình vuông hạng trung 2 cái.

Tặng 2 viên Pha-lê, Tu-tê : Kiếm chuôi bằng đồi mồi bịt bạc, mỗi người 1 thanh ; đoạn gấm màu đỏ thẫm kiểu hoa thêu chữ thọ bằng kim tuyến 5 màu mỗi người 2 tấm.

Thượng thư Bắc Kỳ là Lô-hu Câu-cơ và quan Ba là Đê-lê Sán-luy-sơ là tuỳ phái của viên Toàn quyền đều tặng cho mỗi viên 1 chiếc kim khánh).

Thưởng thụ cho người trong Nam là Diệm Văn Cường, Trương Vĩnh Thế hàm Hàn lâm viện Kiểm thảo và cho mỗi người 1 tấm kim khánh hạng nhỏ, 2 người ấy trước được viên Toàn quyền đại thần phái đến cùng với bọn Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trọng Tạo để giúp việc, cho nên viện Cơ mật xin đặc cách bổ dùng để phòng bàn uỷ.

Vua sai bọn Khâm sai Phan Liêm tiến đi (mang theo 300 binh tập và 100 binh giản). Phạm Phú Lâm vì mẹ ốm và tình trạng giặc ở tỉnh ấy hoành hành quấy nhiễu (quan viên hạt tỉnh ấy dự bàn đánh dẹp, đốt nhà, bắt thân nhân và đào phá phần mộ của giặc), xin thôi chức Phó khâm sai. Vua y cho.

Lĩnh Tri phủ phủ Triệu Phong (Biên tu lĩnh chức ấy) là Nguyễn Tăng Ý hiệp cùng quan quân Pháp bắt được 1 tên nguỵ xưng Đô thống là Nguyễn Đốc (nguyên là Phó đề đốc can án đốt nhà, giết người, chuẩn xử tội đồ, đương còn trốn). Vua chuẩn cho y thực thụ Tri huyện, nhưng vẫn lĩnh chức ấy (Nguyễn Đốc, chuẩn cho đem chém).

Chuẩn cho nguyên Phó lãnh binh Nam Định là Lê Khoa đổi bổ Phó vệ uý vệ Cấm binh quyền Chưởng Hữu dực dinh Vũ lâm ; (nguyên kiêm Chưởng là Hồ Trí chuyên sung Đề đốc Kinh thành) ; nguyên Chưởng vệ lĩnh Đề đốc Nghệ An (giáng 3 cấp đổi nơi khác) là Trịnh Nhạc được xét bổ Quản cơ quyền Chưởng dinh Hổ oai kiêm dinh Hùng nhuệ (nguyên quyền Chưởng 2 dinh ấy là Nguyễn Hanh đi nơi khác nên khuyết).

Khoa thi này, vua đã chuẩn cho 2 trường Hà Nội, Nam Định hợp thi tại trường Nam Định. Đến nay, quyền Kinh lược sứ là Nguyễn Trọng Hợp tâu nói : 2 trường đã hợp thí, thì từ cử nhân trở lên ở Bắc Kỳ đều phải tránh mặt, đường dịch lộ ở Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Nghệ An chưa thông, các viên phúc khảo, sơ khảo, không thể phái đi làm việc được. Xin 10 viên phân khảo trở lên, trước khi thi do bộ Lễ trình đình thần chọn cử quan ở Kinh để sung phái, rồi tính thì giờ đáp tàu thuỷ đi ngay cho kịp việc. Còn như phúc khảo, sơ khảo trở xuống, số ấy hơi nhiều, xin do quyền sứ thần ấy chọn giáo thụ, huấn đạo, cử nhân ở nhà chờ bổ và quan viên có văn học về hưu xin cáo ở Ninh Bình trở ra Bắc để sung phái. Nhưng ở nội trường, phúc khảo, sơ khảo chia làm 2 viện Tả, Hữu (mỗi viện 8 viên sơ khảo, 4 viên phúc khảo). Trong đó, người nào quê quán ở Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Mỹ Đức, Thái Nguyên thì ở Tả viện ; quê quán ở Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên thì ở Hữu viện ; đều giữ giới hạn ngăn cấm không được giao thông, chuyện trò, đi lại với nhau. Về việc đóng dấu vào quyển thi : Trường Hà Nội dùng dấu son, trường Nam Định dùng dấu chàm để làm dấu riêng, do viên đề tuyển kiểm nhận ; quyển thi trường Hà Nội đưa giao Hữu viện ; quyển thi trường Nam Định đưa giao Tả viện, đều chiểu phận điểm duyệt, nhưng không được đến viện Giám khảo nom xem, như thế thì trường tuy hợp thi, nhưng duyệt quyển thì chiểu lệ phải tránh mặt, tưởng cũng không ngại.

Vua cho là nghĩ định ấy thoả hợp, chuẩn y cho. Lại nghĩ mấy năm gần đây có loạn, kỳ thi mấy lần đã đình hoãn, nay 2 trường xin thi rất nhiều, chuẩn cho ngạch

đỗ thêm lên 1 lần (mỗi trường thêm 10 cử nhân và 30 tú tài) để thoả lòng mong mỏi của học trò.

Chuẩn cho Phan Đình Bình lại chiểu theo như cũ lĩnh Thượng thư bộ Lại ; nhưng nghĩ làm việc quân lâu ngày, cũng rất bận, nhọc, tạm cho miễn chức ở viện, để tỏ lòng thể tất.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN V*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Năm Bính Tuất, Đồng Khánh năm thứ nhất [1886].

Mùa thu, tháng 9, Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên là Nguyễn Thành Ý vì có bệnh xin về hưu, vua y cho, rồi chuẩn cho lượng cấp lương cả năm (1.200 quan) để giúp cho dưỡng lão ; cho Bố chính Hải Dương là Nguyễn Khắc Vĩ thăng thụ Tuần phủ, giúp việc Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên.

Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Phan Huy Nhuận được sung làm Giám khảo trường thi Hà Nội - Nam Định. Bộ thần xin cho Tá lý bộ Hình là Tôn Thất Bá đổi bổ sung chức ấy cho khỏi bỏ thiếu. Vua chuẩn y cho, nhưng phê bảo rằng : Trẫm vốn biết ngươi cũng được siêng năng, nhưng chưa được cẩn thận tưởng nên nhắc nhở, ngõ hầu chóng được nên người, mà khiến cho dân tin phục.

Thự Tham tri sung Toản tu Quốc sử quán là Vũ Nhự (đỗ Tiến sĩ, người Hà Nội) chết. Vua chuẩn cho truy thụ thực hàm.

Chuẩn cho các bộ nha tấu đổi, trừ việc nào là cộng đồng, theo lệ được làm tập tâu, tờ tâu ra ; còn thì Ấn quan và Khoa đạo, khi nào nếu có việc gì phải tâu riêng (trừ xin phép nghỉ và việc tầm thường ra) thì đều phải làm tập tâu giao cho đình thần làm phiếu, không được tự tiện đem tờ tâu để cầu may được phê 1 điểm, còn như thuộc viên, đều cấm không được bậy bạ làm tập tâu lên, nếu có tâu bày việc gì tất phải do quan thượng ty đề tâu giúp, người nào trái phép, sẽ chiểu luật :

"Dâng thứ nói dối không đúng sự thật", xử tội. Bấy giờ, chức Y phó là Vũ Đức Hậu (người ở Nam Định, trước là thần bộc khi vua còn ẩn náu) xin cấp một hạn lương 3 tháng để đến Hà Nội, Nam Định chọn mua thuốc, không trình viên Viện trưởng, tự tiện làm tờ tâu, đã được phụng chuẩn cho đi. Viện Cơ mật cho là Đức Hậu cậy ân kiêu mạn khinh nhờn, tâu xin trị tội. (Nghĩ xử phạt trượng và tội đồ, được chuẩn cho cách chức). Cho nên lại nói lại phép cũ cho rõ, khiến cho người có chức vị biết để tuân theo.

Cho Đông Các Đại học sĩ Địch Trung tử, Thượng thư phải giáng chức về nghỉ là Hoàng Tá Viêm, được khi phục nguyên hàm, sung làm An phủ kinh lý đại sứ ở Hữu trực kỳ, cho cờ mao tiết được tuỳ tiện làm việc. Nhưng phải đến ngay Quảng Bình xử trí trước cho tạm yên, rồi sẽ đến các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá tuỳ tiện xếp đặt các việc. Vua cho là Tá Viêm là thế thần, túc tướng không nên để cho nhàn rỗi, cho nên đặc cách triệu dùng. Tá Viêm nhân thế trình bày 4 khoản vỗ yên nhân dân :

Gần đây bọn phản nghịch nổi loạn, để đến nỗi dân thường nhiều người bị tàn phá, làm ăn không yên, việc đi kinh lý lần này, không bì như ngày thường được, về đem quân đi, phí tổn rất nhiều, nhưng hiện nay tiền ít, xin nên lượng trích bạc ở kho 10.000 lạng, lần lượt phát đệ đi, gạo đi theo quân 10.000 phương, giao cho Quảng Bình nhận trữ, để đủ cấp phát ; đợi sự chi biện thừa thiếu thế nào, sẽ theo sự thực tư, tâu xin theo thế làm việc.

Thanh trừ chấn chỉnh quan lại :

Quan lại không được người hiền tài thì dân địa phương không được yên nghiệp. Vậy, tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, đề đốc, lãnh binh các tỉnh cho đến phủ, huyện, thông, kinh, người nào là tham nhũng hèn kém thì chức đốc, tuần phủ xin làm tập tâu đệ tâu đợi Chỉ ; còn đề đốc, bố chính, án sát trở xuống thì xin một mặt làm tập tâu lên, một mặt chọn cử viên có tài cán thay vào, nếu không được người xin do quan ở bộ cần chọn bổ ngay, ngõ hầu được người và việc cùng xứng, không đến nỗi nhũng loạn.

Nêu khen người tiết nghĩa :

Gần đây bọn phản nghịch mượn tiếng gây loạn, hoặc có người đến quan tố giác ; hoặc không chịu dây dưa theo chúng để đến bị chúng giết hại, không cứ là dân lương hay dân giáo, đối với hạng ấy, thực là vì lòng trung phẫn khích thích, nếu người có quan chức thì xin cho tặng hàm và tiền tuất hậu thêm ; người không có quan chức thì truy thưởng cho chức hàm hoặc tha sưu, dịch cho nhà ấy ; nếu có tình hình thảm hại hơn thì lượng cho chẩn cấp, để tỏ ra ưu đãi thương xót mà khuyến khích lòng người.

Hiện tình giặc, nên xử trí thế nào ?

Bọn nghịch cổ động mê hoặc lòng người, chẳng qua là mượn danh nghĩa, cùng sinh thù hằn, để đến nỗi thế thành cưỡi hổ, nhiều lần phụng Dụ chuẩn cho vừa chiêu dụ vừa đánh dẹp, thực kính thấy là đức hiếu sinh, nhưng tên đầu bọn ác thì không cho ra thú, mua thưởng thực hậu, trộm sự sau khi nghe biết, tuy có muốn quay đầu về, nhưng không biết đi đường nào cho sống, nên không khỏi ẩn mình trong hang núi để kéo dài hơi tàn. Nay xin ban ân khắp cả, lại đem bảo rõ, không cứ là kẻ đầu mục hay kẻ bị hiếp theo, đều cho ra thú cả, nhưng phải theo kỳ hạn, mở cho đường sống. Nếu qua kỳ hạn, không chịu ra thú, rõ là cam tâm làm giặc thì gia tâm đánh giết, bắt được đem xử tội, tưởng như thế thì ân và oai đều rõ rệt.

Vua đều nghe lời. Lại cho Tá lý Binh bộ là Nguyễn Văn Dụ, sung làm Tham tán, Tá lý Lễ bộ là Đoàn Như Bích sung làm Tán lý và 4 viên Lãnh binh (Dương Văn Qua, Trần Hữu Viết, Đào Xuân Bách, Thái Văn Hiển) đều được bàn uỷ.

Lại xuống Dụ yên ủi thân hào rằng : Bậc tuấn kiệt cần phải biết thời cơ, bậc quân tử quý về biết đổi lỗi. Năm trước Kinh thành sau khi loạn, Hàm Nghi chạy đi, hoặc có người bức về lòng công phẫn tự xưng là Cần vương, thế thành cưỡi hổ, trốn tránh vào rừng rú, thường thường lấy Hàm Nghi làm mượn cớ, nhiều lần đã xuống Dụ, chuẩn cho đón Hàm Nghi về, cho tập phong tước công, hoặc làm tổng trấn Bắc Kỳ và thân hào ra thú, đều cho khỏi tội.

Gần đây lại thân đi coi việc quân, trước đến hạt Quảng Trị, hào mục nhiều người đến thú, dân hạt ấy dần yên. Rồi đến Quảng Bình, thân hào vẫn còn tụ tập nhiều. Kìa như, triều đình có ban chiếu khoan tha rộng rãi, mà nơi thôn quê không có lòng thành mong chờ hưởng ứng là lòng nghĩ ra sao ? Có lẽ bảo là nước ta không có thể bảo toàn cho ngươi chăng ? Không nghĩ hiện nay đại cục trong nước đã định, cảnh tượng trị bình đổi mới, nước bạn giảng hoà, đều giữ ước cũ, một chính lệnh nào ban hành, triều đình đều giữ quyền tự chủ, có ai trở ngại mà lại lấy đó dùng dằng không quyết, cam chịu có ý kiến lưỡng lự ư ? Hay là cho rằng : Hàm Nghi về đây, vẫn không quyền lộc, bọn ngươi cũng không nhờ vả được chăng ?

Vả lại, người có lòng nhân đối với em, có tình thân thì muốn cho sang, có lòng yêu thì muốn cho giàu, Hàm Nghi là em trẫm, trẫm nay suy rộng lòng nhân, Hàm Nghi như có thể về triều, sẽ chuẩn cho phong làm Tổng đốc 3 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh hậu đãi bổng lộc, ăn uống, cung đủ theo như vương giả, có chê trách đâu ?

Hiện nay, chuẩn cho cựu thần Hoàng Tá Viêm khai phục Đông Các Đại học sĩ sung làm An phủ kinh lý đại thần Hữu trực kỳ, cũng là muốn cho yên dân, không phải là muốn đánh lấy thắng. Từ nay, thân hào đều nên sớm biết quay đầu về, cho

giải tán binh dõng, bó thân về với triều đình, hoặc do các địa phương, hoặc do các quân thứ các tỉnh bẩm xét. Trừ Lê Thuyết không thể lại dùng được, nếu chịu quay đầu về, tạm cho lui về nhàn tản ra, còn thì trong đám đầu mục giặc, người nào hễ trước có quan chức như bọn Trương Văn Ban, Nguyễn Trực, Nguyễn Thư, Lê Mô Khải, Nguyễn Nguyên Thành, Phan Trọng Mưu, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Ngô Xuân Quýnh, Phạm Bành, Nguyễn Xuân, Tống Duy Tân, Lê Trí Thực, Lê Khắc Quýnh, Lê Đài, Hoàng Bật Đạt, Nguyễn Tư Thành, Lê Thiện Thi, đều được vẫn theo nguyên hàm lượng bổ các tỉnh từ Quảng Bình, Quảng Trị trở vào Nam, để cho mưu đồ lấy việc thiện sau che đậy tội ác trước, cùng là Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuân, Phan Đình Phùng nguyên chưa được buông tha, quả biết quay đầu về, có đủ thực trạng, xét ra là người thực lòng hối đổi thì trẫm cũng khoan giảm tội trước, sẽ thưởng chức hàm cho yên lòng phản trắc. Ngoài ra, đợi khi quả nhiên về, xét có lòng thực sẽ cho nghĩ định. Việc ấy, lần này viên Toàn quyền Đại Pháp là Pôn-be đến Kinh triều yết, trẫm đã nói ngay trước mặt, viên đại thần Pháp ý rất thoả hợp, quyết không nuốt lời, các quan nên bỗng nhiên hiểu biết, nếu đã qua hiểu bảo phen này, vẫn còn lần chần không quyết, bỏ lỡ cơ hội, đến khi ấy đại binh tiến đến, ngọc đá đều cháy, trẫm dẫu có lòng chí nhân cũng không thể tính cho bọn ngươi được.

Chuẩn cho từ nay về sau, phàm người chứa giấu đầu mục giặc, bị người bắt được, người được thưởng thì theo số thưởng (thấy ở tháng 6 năm ấy), nghiêm bắt các xã, thôn chứa giấu giặc phải nộp tiền phạt để sung vào số tiền thưởng.

Lấy nhà Dục Đức làm sở ở làm việc của viện Thái y (viện cũ vì sau khi loạn bị đốt phá).

Kiêm Đô sát viện là Trần Lưu Huệ tâu nói : Viện ấy trước đặt khoa đạo 20 viên (chưởng ấn 7 người, ngự sử 13 người), Kiến Phúc năm đầu tính để lại 10 viên (chưởng ấn 4 viên, ngự sử 6 viên). Năm ngoái tỉnh giảm, hiện để lại 6 viên (chưởng ấn 2 viên, ngự sử 4 viên). Hiện nay công việc bề bộn, xin thêm số viên. (Lại khoa kiêm Hộ khoa, Lễ khoa kiêm Binh khoa, Hình khoa kiêm Công khoa và đạo Kinh kỳ đặt làm 4 viên chưởng ấn ; Tả trực, Hữu trực, Tả kỳ, Hữu kỳ thì đặt 5 viên ngự sử) ; hợp cộng khoa đạo 9 viên cho đủ phái đi làm việc. Vua y cho.

Cho lĩnh Tả tham tri bộ Công là Hà Văn Quan kiêm quản viện Đô sát (hiện kiêm quản là Trần Lưu Huệ sung làm Chủ khảo trường thi Hà Nội - Nam Định).

Ban cho tướng sĩ ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định số tiền 3.000 quan, thưởng về 1 tháng 3 lần thắng trận (ngày tháng 7, đến huyện Bình Sơn đánh nhau với giặc ở Quảng Nam 1 lần và đánh nhau với giặc ở Bình Định 2 lần).

Vua đã ban ân cho tướng sĩ, quan, lại đi tuỳ giá :

(Văn, võ ấn quan : Quang lộc Tự khanh thự Thị lang bộ Binh là Phạm Hữu Dụng ; Quang lộc Tự khanh Tá lý bộ Lại là Hồ Đệ ; Hồng lô Tự khanh Tá lý bộ Hình hiện đổi bổ Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Bá ; Quang lộc tự Thiếu khanh Tá lý bộ Công là Phạm Ngọc Thọ ; Vệ uý vệ Cấm binh thự Chưởng vệ là Nguyễn Văn Hữu ; Phó vệ uý vệ Cấm binh lĩnh Chưởng vệ là Lưu Cung ; Phó lãnh binh là Lê Quang Chỉ ; Phó vệ uý vệ Cẩm y là Hà Văn Long, đều thưởng thăng 1 trật.

Thị lang bộ Hộ là Hồ Lệ ; Hồng lô Tự khanh Tá lý bộ Hộ là Nguyễn Vỹ ; Quang lộc tự Thiếu khanh Tham tá Các vụ là Lê Thuỵ, đều thưởng quân công kỷ lục 2 thứ.

Còn thuộc viên văn, võ đến thư lại, binh đinh, viện Cơ mật làm danh sách tâu lên 9 người ; bộ Lại làm danh sách tâu lên 50 người, xứ Thị vệ làm danh sách tâu lên 11 người ; bộ Binh làm danh sách tâu lên 143 người ; đều thăng thưởng 1 trật hoặc 2 trật. Ngoài ra, binh đinh thưởng tiền chung cả 3.000 quan).

Giáng Dụ lại chuẩn cho Thống suất đại thần là Nguyễn Hữu Độ tấn phong tước hầu, gia thưởng quân công kỷ lục 3 thứ. Hữu Độ dâng sớ xin từ chối.

Đại ý nói : Năm trước được phong tước Bá, rất lo là không được xứng đáng. Hiện nay, giặc cướp chưa dẹp yên được hết, ngoài Bắc, trong Nam còn phiền phải nhanh chóng, cái nghĩa vua phải lo bề tôi sẽ nhục, lòng kẻ thần tử nghĩ sao. Lúc này, sức lực đương mạnh, quả biết có nhờ cậy oai linh, đền ơn được chút đỉnh thì ghi công ban thưởng, ngày còn lâu dài. Nay nếu được lên bậc tôn trọng, thần trộm sợ rằng : Người được đầy đủ quá thì đạo trời vốn ghét ; người được vun đắp nhiều thì lời gièm càng sinh, càng thêm tội lỗi về việc ban ơn thưởng quân công kỷ lục 3 thứ, thần xin phụng mệnh bái lĩnh, còn như được gia phong tước hầu, xin thu lại mệnh mới, đợi khi Tả, Hữu trực kỳ đều yên ổn tất cả, nếu được gia phong, tưởng cũng chưa muộn. Nếu chưa được cho thu lại thì thần cũng xin cố từ.

Vua giao cho đình thần xét lại, đình thần tâu các lẽ Hữu Độ trình bày, tình và lời khẩn thiết, tin cũng do lòng chân thành, nghĩ nên tạm y lời xin ấy, nhưng xin chuẩn cho gia thưởng quân công 1 cấp và trước cho kỷ lục 3 thứ, đình việc phong tước Hầu, để biểu hiện đức khó nhọc mà vẫn khiêm tốn của viên đại thần ấy. Vua bèn y cho.

Chuẩn cho quan quân chết trận ở Bình Sơn được truy tặng tiền tuất, ấm có thứ bậc :

(Trước tác sung chức Tán tương tại trận đi ấy là Lê Uyển (người huyện Bình Sơn trở xuống), được tặng Thị độc, con được tập ấm Chánh cửu phẩm văn giai ; Chánh thất phẩm sung Tham tá tại trận ấy là Phạm Trọng Di tặng Trước tác,

con được tập ấm Tòng cửu phẩm văn giai ; Tinh binh Chánh đội trưởng, quyền Hiệp quản, tác vi Phó lãnh binh Nguyễn Tiến Quý (người huyện Mộ Đức trở xuống), nguyên quyền sung Hiệp quản là Lê Văn Hào (người huyện Chương Nghĩa), đều tặng Cấm binh Chánh đội sung Hiệp quản, con được tập ấm Chánh cửu phẩm bách hộ. Còn thì tặng Tinh binh Chánh đội trưởng 1 người ; Chánh bát phẩm Đội trưởng 1 người ; Tòng bát phẩm Đội trưởng 3 người ; Tòng cửu phẩm Thư lại 1 người ; Chánh cửu phẩm bách hộ 1 người ; Tòng cửu phẩm bách hộ 1 người, đều được chiểu tặng hàm cấp cho tiền tuất gấp đôi).

Chuẩn cho 2 bên tả, hữu ngoài thành cửa chính đông và dọc theo bờ phía trước bờ sông, cho quan dân làm nhà chịu thuế (do 2 bộ Hộ, Công chỉ bảo cách thức, nêu đo xứ sở, chia làm 3 dãy, nhưng đều lợp ngói ; đợi khi dựng làm được bao nhiêu, do bộ Hộ châm chước nghĩ định lệ thuế).

Chuẩn cho thần hiệu có 2 chữ "bác huệ" dùng liền nhau thì đổi làm "phổ huệ", vì trùng điệp với huy hiệu tôn cung.

Tặng Tuần phủ Tuyên Quang là Hoàng Tướng Hiệp (Đồng tiến sĩ, người huyện Từ Liêm, Hà Nội) làm Thượng thư bộ Lễ. Tướng Hiệp, năm Tự Đức thứ 36 [1883], Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang có loạn, quân thứ lui đóng ở đồn Thục Luyện. Đoàn dõng Tuyên uý sứ là Hoàng Thủ Trung đem quân đến đóng ở gần tỉnh thành ; chưa bao lâu quay đánh lại, chiếm cứ tỉnh thành, bắt ức Tướng Hiệp về Trung Quốc giam giữ. Tháng 4 năm ngoái, bị bệnh chết. Đến nay, quyền Kinh lược là Nguyễn Trọng Hợp đem việc ấy tâu vua biết. Vua chuẩn cho tặng hàm ấy ; rồi chiểu hàm tặng cấp tiền tuất và cho con tập ấm.

Toàn quyền đại thần Pôn-be đưa thư đến nói : Đại thần Pháp tới Kinh để cùng nước ta nghĩ định về đài Trấn Bình, nước ta nhượng cho để mở rộng thêm ra và xây dựng dinh, trại, rút hết quan quân Pháp về đóng ở trong đất nhượng ấy. Nay nghĩ định 2 khoản : khoản thứ nhất, mở rộng đất nhượng, theo đường thuỷ từ Mộc Kiều (tục gọi cầu Son) thẳng đến Thạch Kiều (tục gọi cầu Khố) ; lại từ Thạch Kiều xây đắp tường ngăn thẳng đến cửa chính bắc, cửa này thuộc về trong giới hạn đất nhượng ; khoản thứ 2, đem súng đồng ở trên thành phá ra đúc tiền đồng, để dùng làm phí tổn xây dựng dinh, trại ở trong đất nhượng và xây đắp tường ngăn, nhưng đợi khi làm xong thì quan quân Đại Pháp rút hết về đóng ở trong đất nhượng, còn các sở trong thành giao trả nước ta nhận giữ như cũ.

Vua chuẩn cho theo như nghĩ, sai viện Cơ mật biên giấy làm bằng và vẽ thành đồ bản giao viên Khâm sứ giữ để lưu chiểu.

(Về khoản xây đắp tường ngăn, Toàn quyền trước định khơi đào sông ngòi. Vua bảo việc ấy rất không hợp ý, sai viện Cơ mật lấy cớ đứt mạch đất nói lại với

viên Khâm sứ, nhờ gửi điện cho viên Toàn-quyền nghĩ lại, viên Toàn quyền trả lời nói viên đại thần ấy rất thể tất tôn kính nhà vua, kính xin hết lòng nghe theo, mới đổi lại làm như thế).

Sai làm sổ sách biên chép cương giới nước ta. Bấy giờ, viện Cơ mật tâu nói : Cương giới nước ta, phía bắc gần với nước Đại Thanh, phía tây nam giáp với nước Xiêm La, Miến Điện ; từ trước phải có giới hạn đích chỗ nào. Từ trước đến giờ, quốc sử ít thấy chép đến, thấy nghe cũng ít, nhiều lần các toàn quyền đại thần, khâm sứ Đại Pháp có ý nghiên cứu, hoặc định treo thưởng ; hoặc có nghe thấy gì thì tự đi yêu cầu để xem xét. Về việc treo thưởng, nhiều lần đã vâng lời Dụ thông sức, chưa có người hưởng ứng.

Kể ra bờ cõi non sông cũng là cách học bác vật, biển rộng, mây trùng, đường xa muôn dặm, người ta còn nghĩ dò tìm được, huống chi cương giới nước ta, mà lại còn mà không bàn, bàn mà không xét, tưởng không phải chỉ để cho người biết được ít nhiều ! Nghĩ nên xin phái quan, thuộc xét khắp cả, duy công việc ở bộ, viện, quán, các bề bộn, nếu giao cho làm kiêm cả, sợ không chuyên chủ kỹ càng, khó mong thành hiệu. Xin nên đặt viên có trách nhiệm để đôn đốc việc ấy. Quang lộc Tự khanh lĩnh Thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xứng là người trầm tĩnh, học cũng hơi rộng, xin cho theo nguyên hàm sung làm Đổng lý, cấp cho ấn khâm phái quan phòng và phái viên dịch theo để làm việc, đến ở phòng Nội các làm việc, phàm hễ nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm và sông Khung Giang, đích là chỗ nào để xem xét rõ ràng, cần có chứng cớ đích xác, biên chép thành sách và vẽ đồ bản để tham khảo, (tháng sau, vua chuẩn cho viên ấy đến sở tu thư ở Quốc sử quán).

Chuẩn cho từ nay trở đi, phàm lương bổng trong nội đình cùng ở Kinh và tỉnh ngoài, văn từ bát cửu phẩm cho đến thừa sự, lễ sinh, y sinh ; ban võ từ chánh đội trưởng Cấm binh cho đến các sắc binh, trạm, tăng, tượng và tù phạm ; vẫn theo như lệ cũ chiểu cấp cho thực sắc. Còn vương, công, công chúa trở xuống đến tôn thất, phò mã và ở Kinh cùng tỉnh ngoài, văn thất phẩm trở lên, võ suất đội Tinh binh, Cấm binh trở lên, không cứ là thí sai, thự hàm, sung lĩnh đều chiểu theo giá chợ, chiết cấp cho tiền hoặc bạc tất cả, kể bắt đầu từ mồng 1 tháng giêng năm sau, vì số gạo chứa ở kho Kinh có ít, trong Nam, ngoài Bắc có loạn, vận tải không đủ.

Quan Pháp đóng ở quân thứ Quảng Nam, tiến quân đến huyện Quế Sơn đi tuần đánh dẹp, phá tan đồn giặc ở xã Trung Lộc (bọn nguỵ Hội đặt nguỵ tỉnh ở đấy, có đủ 6 bộ, nha, thự, trại nhà và nguỵ làm đền Văn Thánh).

Vua chuẩn cho tặng kim khánh, kim tiền có thứ bậc.

(Quan Năm là Bô-lê : 1 chiếc kim khánh hạng lớn ; quan Năm là Ca-mích, Phó công sứ Bay, Thượng tá U-đa-ni, quan Một thầy thuốc Suy-mông, mỗi người 1 chiếc

kim khánh hạng trung ; ký lục Mi-sinh, Tri phủ Lê Duy Hình, Tri huyện Trần Văn Điều, mỗi người 1 chiếc kim khánh hạng nhỏ ; viên quan ở tàu thuỷ Quảng Nam là A-linh Ca-li, 1 đồng kim tiền hạng trung có tua buông xuống).

Chuẩn cho hoàng thân, công chúa đến con trai, con gái các công và cháu nội các công, bổng lệ đồng niên đều cho chia thành 4 kỳ :

(Lệ cũ, hoàng thân, công chúa mỗi năm làm đơn lĩnh 1 kỳ. Năm Kiến Phúc nguyên niên định lại : Hoàng thân, công chúa, phủ thiếp, tôn tước chia lĩnh 2 kỳ ; con trai, con gái các công chia lĩnh 4 kỳ. Tháng 7 năm ngoái, chuẩn cho hằng tháng làm đơn để lĩnh. Đến nay, phủ Tôn nhân cho việc lĩnh lương hằng tháng thì xem xét, phê, phát, giấy tờ phiền phức, cho nên tâu xin chuẩn cho để được giản tiện).

Lĩnh Tuần phủ Thái Nguyên là Nguyễn Hàm Quang và Án sát là Triệu Đức Vọng vì tuổi già không kham nổi việc ở nơi xung yếu nhiều việc, đều được mang nguyên hàm về nghỉ. Cho Trước tác lĩnh Án sát Bắc Ninh là Lê Bảng thăng thụ Thị giảng lĩnh Bố chính, giữ giúp ấn Tuần phủ quan phòng ; Tri huyện lĩnh Tri phủ Vĩnh Tường là Đỗ Văn Thố đổi thụ Tu soạn thự Thị giảng lĩnh Án sát.

Phủ doãn phủ Thừa Thiên là Nguyễn Thạc tâu nói : Vệ Phủ binh của thuộc tiêu nguyên đặt 6 đội, số binh 300 người, chia từng ban làm việc công (2 ban lưu lại, 1 ban nghỉ). Nay giảm bớt, dồn lại chỉ có 3 đội thường xuyên làm việc. Hiện nay, việc thì nhiều, mộ binh đều linh tinh cả, bắt phải làm việc thường xuyên thì sức mỏi mệt, không khỏi bỏ trốn, xin mộ thêm 100 tên, đặt làm 5 đội, quản, điển đều 1 người ; suất đội 5 người, binh 250 người ; chia làm 3 ban (2 ban lưu lại, 1 ban về nghỉ) thay đổi. Gặp khi có việc khẩn cấp, gọi bắt cả ban nghỉ ấy làm việc phụ thêm, cho sức binh được thư. Vua y cho.

Lại chuẩn cho dồn bổ các hạng mộ binh ở Kinh. Tháng trước, viện Cơ mật cho là hiện nay sai phái cần quân, xin chiểu ngạch mộ binh trước mà năm ngoái đình bãi như các vệ, đội : Tuyển phong, Kỳ võ, Dực hùng, Dực đễ, Dực chấn, Dực võ, Kiên hoà, Kiên võ, lượng bắt lấy 500 tên. Đến nay, bộ Binh cho số binh ấy chưa đủ, xin gồm cả các đội linh tinh : Loan nghi, Thủ hộ, Trấn phủ, Phủ binh, Giám thành, rồi nghiêm hạn cấp bằng cho các người quản, suất cũ và tư cho phủ Thừa Thiên, tỉnh Quảng Trị chiểu quê quán gọi ra hết ; nếu không đủ thì mộ thêm, cần đủ 500 tên, hợp cộng 1.000 tên, rồi tiếp tục giải đến bộ dồn bổ, để đủ sai phái. Sau lại chuẩn cho Tượng binh ở Kinh và Quảng Trị cũng chiểu theo số cũ bắt ra dồn lại. (Năm Kiến Phúc nguyên niên, hiện dồn được hơn 490 tên, tháng 5 năm ngoái giải tán cho về ; tháng 11 lại dồn được 150 tên, còn hơn 340 tên hãy còn ở quê nhà). Vì binh ấy cha truyền con nối cho nên khiến cho được chuyên nghề ấy.

Chuẩn cho Quang lộc Tự khanh sung Toản tu Sử quán là Phạm Bính thăng thụ Bố chính Bình Định, quyền giúp việc Tổng đốc Bình Định, Phú Yên. Bấy giờ, Tổng đốc mới lĩnh chức là Nguyễn Hiệp hiện bị bệnh nghỉ phép chưa đến cung chức, Bố chính là Nguyễn Thuý đi vắng nên khuyết, cho nên chuẩn cho Bính thăng bổ, phải đi ngay, đợi Nguyễn Hiệp có đến cung chức hay không sẽ lại nghị.

Lĩnh Bố chính Hà Tĩnh là Trần Khánh Tiến dâng tập tâu xin về quê chữa bệnh, khi hết hạn, hoặc đổi đi hạt khác, hoặc về Kinh đợi tội. Tuần phủ là Vũ Khoa cũng tâu nói : Viên ấy, tháng giêng năm nay bị bệnh và là người thực thà, lời lẽ không khéo, thường thấy quan Pháp nghi ngờ, để viên ấy ở lại tưởng cũng có ngại. Vua mới chuẩn y lời xin, hết hạn nghỉ về Kinh đợi lệnh.

Mùa đông, tháng 10, Tuần phủ Hà Tĩnh là Vũ Khoa tâu nói : Dân hạt ấy từ năm trước đi theo giặc, hoặc làm đội trưởng, hoặc là đồ đảng của giặc thường khi có đến nghìn, vạn. Sau được ân điển, đầu mục bọn giặc ra thú, hoặc được khoan tha, hoặc đợi nghĩ phạt. Hiện nay, các nơi đều đã quẳng giáo trở về làng, hoặc yên tâm đến đội ngũ, hoặc yên nghiệp sinh nhai, mà dân làng không biết, nhất khái chỉ bảo là theo giặc, chợt gặp là bắt, hoặc không nộp ở quan địa phương, đi thẳng đến nhà thờ bên giáo chuyển nộp cho quan Pháp, đã chỉ bảo là bè lũ của giặc, biện bác rất khó, thậm chí có người vì oán thù trước, bắt để báo thù lại ; không phải để tỏ ra khoan bình mà yên lòng phản trắc.

Kính xét bản sao lục chuẩn cho về việc xếp đặt công việc về sau ở Quảng Trị. Từ nay trở đi, phàm bắt được giặc, từ ngũ quân đề đốc trở xuống, đến suất đội và bọn giặc, đều thưởng phẩm trật, thưởng tiền bạc có thứ bậc, đó là chỉ vào bắt được ngay tại trận, hoặc hiện theo giặc mà lẻn về, mới được bắt nộp. Còn như những người hiện đã trở về với dân làng hay đội ngũ, nên định lại điều lệ, cho có giấy tờ minh bạch để tiện tuân hành. Xin từ nay, phàm người nào là trước theo giặc làm đội trưởng, binh đinh đã biết quảng giáo, về yên nghiệp thì hết thảy không hỏi đến, duy chỉ hiện đương theo giặc, mà bắt được ngay tại trận, xét ra quả thực, chiểu lệ xin thưởng, cùng tên nào hiện nay, lúc đi, lúc về không phải lương dân, không phải thực giặc, bị tổng lý sở tại bắt nộp, xin cũng chiểu điều luật "cùng thông với giặc" xử tội, nếu tổng, lý tư tình ẩn giấu, cũng cho người ngoài bắt nộp lĩnh thưởng. Còn tổng, lý sở tại xin nên nghĩ phạt :

(Bắt được 1 tên binh hoặc dân theo giặc, xét ra quả thực thì trách cứ lý trưởng, phạt tiền 50 quan ; chánh, phó tổng đều 25 quan ; cứ mỗi tên, lại gia 1 bậc. Như trong xã 2 tên theo giặc, bắt được thì lý trưởng bị phạt 100 quan, chánh, phó tổng đều 50 quan ; đến 5 tên thì lý trưởng sở tại bị tịch thu mất điền sản, chánh, phó tổng, tịch thu một nửa ; 10 tên trở lên, lý trưởng, chánh, phó tổng bị mất toàn bộ gia tài, điền sản, đều để sung thưởng cho người bắt được).

Duy khi đem nộp, phải có đơn biên kết rõ ràng (người bị bắt, theo giặc ngày, tháng nào ? Đầu mục giặc mà tên ấy đi theo tên họ là gì ? Nhận chức nguỵ là danh sắc gì ?) rồi bẩm nộp lên quan phủ, huyện, tỉnh sở tại, đợi hội lại tra xét quả thực, sẽ bàn với quan Pháp hiện đóng tại đấy, chiểu luật "thông với giặc" nghị xử, nếu xét là mang lòng thù oán, bắt bậy, xin nên xử tội "phản toạ". Còn như đi thẳng tắt đến nhà thờ bên giáo trình nộp, xin cấm chỉ nghiêm ngặt để yên lòng phản trắc.

Vua cho nghĩ định ấy là thoả hợp, chuẩn y ; rồi sai thông sức cho cả tỉnh tuân theo làm việc.

Viện Đô sát tâu nói : Điển lệ dùng người của bản triều, phàm người xuất thân là tú tài, tôn sinh, ấm sinh, hoặc lại điển thì hoặc lúc đầu được bổ (tú tài, tôn sinh, ấm sinh) hoặc thăng đến ngũ phẩm, đều do bộ Lại hội đồng với các nha (Đô sát, Nội các) sát hạch nghĩ bổ, để xét xem có tài năng hay không, mà ngăn chặn kẻ táo bạo cạnh tranh. Năm trước, sau khi mới yên, quan lại phần nhiều tản tránh, việc nhiều, người thiếu, nên không cứ gì quan lại có khoa mục, cùng người hiện tại chức, hay đã bị bắt phải về, người nào có đơn xin ra làm việc đều được lượng bổ, kính thấy nhà vua để tâm đến việc làm cho lúc suy được thịnh lên, tuỳ tình hình xử trí cho thích hợp, cố nhiên phải như thế, hiện nay, việc đã làm xong, người không thiếu lắm, so sánh không phải như năm trước, nếu không định rõ lệ sát hạch thì không những tài năng, kiến thức của mọi người cao hay thấp, làm việc giỏi hay không, không xem xét phân biệt được ; mà bọn xảo trá, nịnh hót không khỏi mong mỏi tiến thân một cách cầu may, rất sợ mắt cá, hạt châu lẫn lộn.

Xin sắc xuống cho bộ Lại xét rõ người nào là tôn sinh, ấm sinh, tú tài, lại điển, chưa từng sát hạch thì bất cứ đã thăng bổ chức hàm gì hay chưa (tứ phẩm, thuộc viên trở xuống), đều chiếu lệ trước, hội đồng sát hạch xét nghĩ để tỏ rõ phép trước. Vua y theo.

Bắt đầu chế cấp bài đeo cho chức Dực thiện các phủ. Phủ Tôn nhân tâu nói : Dực thiện là chức dẫn bảo điều hay, ngăn cấm điều dở đối với công tử, vẻ mặt phải nghiêm như bậc thầy dạy, chức ấy tưởng cũng thanh cao và trọng yếu. Vả lại, từ trước đến nay, người nào dự có khoa mục xuất thân, mới được sung bổ. Xin từ nay trở đi, chức Dực thiện các phủ, đều chế cấp cho 1 tấm bài ngà (khắc các chữ "mỗ phủ dực thiện" phát giao cho để đeo, cho trọng sự thể, cho nên vua chuẩn y cho làm.

Thọ Xuân vương là Miên Định chết. Vua nghỉ triều 3 ngày, sai hoàng thân công khâm mệnh tế 1 tuần rượu. Lại cho vương ấy dự là công tộc, người phúc hậu, kính cẩn, tuổi quá 70, so với các hoàng thân, cũng là ít có, nên đặc ân cho tên thuỵ là Đoan Khác.

Đặt thêm nha Thương chính (do người Pháp chuyển biện) cửa biển ở Hội Hải (thuộc Nghệ An) và cửa biển Đại Chiêm (thuộc Quảng Nam).

Toàn quyền đại thần Pháp ở Bắc Kỳ là Pôn-be chết. Thống sứ Vi-an quyền làm công việc Toàn quyền.

Chuẩn cho Phạm Phú Lâm lại sung Phó khâm sứ Tả trực kỳ. Vì quan Khâm sai Pham Liêm dâng sớ tâu : xin hiện nay, sào huyệt giặc ở Trung Lộc đã phá tan, thế giặc dần suy, vỗ yên được đấy, chính cần người ở địa phương ấy, cho nên vua lại chuẩn cho thi hành.

Lại đặt nha Đại lý. Viện Cơ mật tâu nói : Nha ấy là chỗ công bằng, chính trực, phàm việc lợi, hại của dân gian, điều oan khuất về án kiện, đều chuẩn cho đến kêu ở đấy. Lệ trước, mỗi tháng 3 lần, 3 nha (bộ Hình, Đô sát, Đại lý) hội đồng thu nhận đơn kiện, làm tờ tâu, do Nội các xét, rồi làm phiếu tâu. Ngay buổi bắt đầu lập pháp, vốn muốn các nha ràng giữ lẫn nhau, khiến cho kẻ có điều bất bình được kêu lên, mọi người không bị oan lạm. Năm trước, được chuẩn cho đình lại không đặt, hợp cả vào bộ Hình là vì có loạn mới yên, nên phải tuỳ tình thế xử trí cho thích hợp. Từ đấy đến nay, việc từ tụng, án lý nhiều khi không giải được oan, đến kêu bày ở viện Cơ mật, vội đem bác bỏ đi thì việc oan khuất, sợ không được giãi tỏ, chấp nhận tâu lên tất cả thì đã là thêm phiền, mà xét về thể thống, cũng thấy không hợp, mới chuẩn cho theo lệ cũ, lại đặt nha ấy và cho Tả thị lang bộ Binh là Hoàng Vĩ trông coi cả.

Chuẩn cho các địa phương tuân y lời chuẩn gần đây (tháng 6 năm ấy, công việc xếp đặt về sau ở Quảng Trị) cần dồn quân lính ở phủ, huyện, cấp cho khí giới, chi cho lương tháng (gạo 1 phương, tiền 3 quan) ; sẽ phái lính Pháp hoặc lính tập, hợp cùng quân lính đặt đồn, chia đóng ở các phủ, huyện để giúp việc canh giữ.

Chuẩn cho Tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình là Lê Hữu Thường về Kinh đợi Chỉ. Cho lĩnh Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Chi đổi lĩnh Tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình ; nguyên Tuần phủ Hải Dương là Nguyễn Văn Phong đổi bổ Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Khâm sứ Hách Tô tư nói : Hiện nay, các tỉnh hoặc có thương chính hoặc có binh sự, triều đình nước Pháp đã có chọn đặt Công sứ đóng đấy làm việc, nhưng các công sứ gián hoặc mới sang, chưa hiểu tình tục, thể lệ nước này. Viện Cơ mật nên tư cho các tỉnh : Từ nay trở đi, phàm các công sứ đóng ở tỉnh, như có nghĩ làm việc gì, hoặc có chưa hợp thể lệ thì các quan tỉnh nên bàn với công sứ về việc định làm ấy, viên Công sứ thì tư cho viên Khâm sứ ; quan tỉnh thì tư cho viện Cơ mật, lại phải thương lượng châm chước, cho được chu thoả, đợi trả lời mới thi hành. Vừa chuẩn cho thông sức các tỉnh, phòng tuân theo làm việc.

Truy tặng phủ thiếp đã quá cố là Nguyễn Thị làm Nghĩa tần. Nguyễn Thị làm vợ của vua, vào hầu vua lúc còn ẩn náu, mới sinh được người con gái rồi chết, vua nghĩ đến cho, nên có mệnh ấy. Người cha của Nguyễn Thị là Hậu quân Đô thống Nguyễn Diễm cũng truy gia hàm Thái tử Thiếu bảo.

Tháng 11, viên trông coi việc làm tập biên cương giới là Hoàng Hữu Xứng nghĩ dâng sách ấy phàm lệ có 12 điều :

Về nguyên được chuẩn cho kiểm xét cương giới nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm, nước Diến và sông Khung Giang đích là chỗ nào, biên tập thành sách. Nay kính xét miền thượng du nước ta lấy sông Khung làm giới hạn thì từ Nghệ An trở vào Nam, có giáp sông ấy, còn từ Nghệ An trở về Bắc thì giáp giới với sông ấy, không liên can với nhau. Sách này, xin chuyển lấy cương giới tiếp giáp các nước làm chủ, sông Khung cũng xét cả một thể, tuỳ theo địa phương nào, thông với sông ấy, biên thêm vào để phòng xem xét, nhưng đặt tên sách là *Đại Nam cương giới vựng biên*, không phải cùng biên cả chữ "Khung Giang".

Về sách này chuyên chủ cương giới tiếp giáp với các nước và biên thêm những địa phương thông với sông Khung. Nay kính xét các sách vở hoặc các nhà biên chép cất làm của riêng, về thượng du dọc theo biên giới, đoạn nào như có ghi chép cũ : Nước ta tiếp giáp với các nước và tiếp giáp với 2 bên tả, hữu sông Khung là tên đất ở phủ, huyện, châu nào, hoặc trại Man nào, xin phải biên chép tất cả. Đoạn nào, như chưa rõ địa giới ấy thuộc về nước ta, nhưng chép là "trại Man ở nước ta" (như Man Thạch Bích, hoặc các Man tiêu điều lán trại linh tinh, tuy hoặc chúng đổi với ta, khi theo, khi phản bất thường, nhưng ở bờ phía đông sông Khung, đều là các trại Man trong giới hạn nước ta), nơi thuộc về nước khác thì vẫn chép là địa phận nước Mỗ. Về hạ du, giáp biển thì chỉ tra xét tên cửa biển, ghi chép cả để nêu rõ toàn đồ. Còn các nơi hơi xa, cùng giới hạn không liên tiếp nhau và tất cả dân phong, thổ sản đã chép cả ở bộ *Gia Long nhất thống địa dư chí*, nay chỉ chép qua thôi.

Về cương giới tiếp giáp và 2 bên tả, hữu sông Khung, phải xét biên tên đất các trại Man đều là căn cứ ở sách cũ và thuyết cũ, từ trước đến nay, không phải không tuỳ thời thay đổi (như các loại hoặc chỗ ấy, nguyên là lán trại của Man, nên sách cũ, thuyết cũ đã chép vào, nhưng nay đã điêu tán dời đi nơi khác, cùng là có khi nguyên là Man ấy, nhưng nay bị bọn Man khác lấy cả), nhưng nay không xét vào đâu cho đúng được, xin phải kiểm xét, nguyên uỷ nơi nào đích xác thì biên chép tất cả, không thì vẫn theo sách cũ, thuyết cũ chép điền vào.

Về cách chép tổng quát, là chép tất cả toàn cõi nước ta, các địa phương các đời thay đổi thế nào, tuy đã chép rõ ở *Dư địa chí*, sách này, xin cũng dò xét tận nguồn gốc biên qua ở phần trên, sau đến số dặm dài, rộng, cả nước hiện đặt bao nhiêu phủ,

tỉnh, đạo ; cuối cùng đến cương giới, lấy sông Khung phụ thêm vào, bản đồ thì cho biên rõ ở chỗ giáp giới và sông Khung mà thôi.

Về cách chép riêng biệt, là chia riêng từng tỉnh mà chép, xin phải chiểu theo thứ tự chép tổng quát, đều chiểu theo địa phận tỉnh chép riêng ra, duy lại ghi rõ các đạo, phủ, huyện, châu hiện đặt trong cả tỉnh, nhưng lấy Kinh sư làm tôn trọng, đầu tiên là phủ Thừa Thiên, sau đến các tỉnh từ Thừa Thiên trở vào Nam, trở ra Bắc. Trong đó, tỉnh nào không có giới tiếp với nước khác thì vẫn theo từng khoản, biên rõ những chữ : "không có tiếp giáp với nước khác", để cho bản đồ riêng, cũng theo từng tỉnh vẽ kế tiếp.

Về tiếp giáp các xứ, xứ nào hễ từ trước nước ta có cùng nước khác khám định, hoặc lấy tự báo bàn định, tra trong sách sử có chép rõ ràng thì tuỳ thuộc tỉnh phận nào đem chép ra hết để tham khảo.

Về địa phận ở dọc biên giới, từ trước là thuộc nước ta, nhưng nay tuy đã mất vào nước khác (như loại trước kia nhà Hồ, nhà Mạc cắt đất cho nhà Minh, nhà Thanh) xin cũng chiểu theo trước thuộc hạt tỉnh nào, ghi chép vào, cho biết lai lịch.

Về phía sau miền núi nước ta, có đường sông nào mà chảy thông được đến sông Khung thì đường sông ấy phát nguyên và chảy qua phủ, huyện, châu nào, hoặc trại Man nào, xét các sách vở có thể căn cứ cũng ghi cả vào.

Về 6 tỉnh ở Nam Kỳ, nay là quản hạt của nước Đại Pháp, sách này biên chép cương giới có lẽ nên chiểu từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Cao Bằng, nhưng gián hoặc có biên đến địa phương nào sông Khung chảy qua thì đoạn hạ lưu sông Khung ở cả vào khoảng An Giang, Định Tường ; thì 6 tỉnh ở Nam Kỳ xin phải chép cả vào trong khoản chép tổng quát và chép riêng biệt để cho còn danh hiệu.

Về địa phương Cao Miên, đã được tiên triều kinh lý, ghi cả vào bản đồ, sau rồi bỏ đi, nay cũng xét qua sự tích biên thêm vào sau cho biết đầu đuôi.

Về xưa nay cùng truyền, cương giới của nước ta là việc lớn, mà từ trước đến nay không có chứng cứ ; đã có các nhà bàn luận (như loại dựng cột đồng của Mã Phục Ba) cũng phải chép cả cho đủ các thuyết.

Về các sách biên thuật lại, gián hoặc có nói đến cương giới nước ta và nguyên lưu sông Khung chảy đến đâu, trong đó thường có chỗ nói khác nhau, có chỗ giống nhau, cũng chép cả lưu lại, để đợi khảo chính. Vua chuẩn cho theo nghĩ làm việc.

Cấm các tổng đốc, tuần phủ không được đem tập tâu xin thăng trật cho bố chính, án sát, lãnh binh cùng làm việc ở tỉnh. Bấy giờ, bộ Binh tâu nói : Bố chính, án sát, lãnh binh, đối với tổng đốc, tuần phủ, phẩm vị tuy khác, nhưng đều là quan

tỉnh cả, từ trước thăng bổ, do từ trên quyết định. Gần đây thường thấy tổng đốc, tuần phủ làm tập tâu xin thăng trật cho bố chính, án sát, lãnh binh, coi như thuộc viên, đối với thể thống triều đình đã không hợp, mà tổng đốc, tuần phủ thực là có quyền, bố chính, án sát, lãnh binh do đó không khỏi khuất tất nghe theo, khó cho xét hặc. Vua mới chuẩn cho từ nay về sau, các tỉnh, nếu lại có trái lệnh, khinh suất như thế thì chiểu điều luật "chuyên quyền tự tiện tuyển quan" nghị xử, để trọng thể thống triều đình mà chỉnh đốn phép làm quan.

Chuẩn cho người bị chết ở tỉnh Thanh Hoá (các phủ, huyện Hà Trung, Hậu Lộc, Nông Cống, Quảng Xương bị thất thủ) được truy tặng cấp tuất và nhiêu ấm có thứ bậc.

(Tòng tứ phẩm Thương tá là Lê Thản tặng Quang lộc Tự khanh, con được tập ấm Điển tịch ; Hiệp quản là Hoàng Văn Vận tặng Quản cơ, con tập ấm Tòng bát phẩm bách hộ ; Tri huyện là Ngô Đức Đạt tặng Hàn lâm viện Thị giảng, con tập ấm Cung phụng ; Điển bạ quyền huyện là Phan Huy tặng Kiểm thảo, Huấn đạo quyền huyện là Trịnh Uyển tặng Biên tu, con đều được tập ấm Đãi chiếu ; thí sai Chánh cửu phẩm Bang tá là Lê Huy Khanh, truy thụ Tòng cửu phẩm tặng Tòng bát phẩm ; Ấm tử Bang tá là Nguyễn Lệ tặng Cung phụng, con đều được nhiêu nam suốt đời ; Tinh binh Chánh đội là Phan Tiến Giảng, Nguyễn Văn Sinh tặng Cấm binh Chánh đội ; Suất đội là Tôn Thất Nhụ tặng Tinh binh Chánh đội, đều đình lệ tập ấm. Các viên trên đây đều chiểu hàm tặng cấp cho tiền tuất).

Tỉnh Thanh Hoá theo Chỉ chuẩn cho đem 10 vệ binh ở tỉnh, giảm bắt một nửa, dồn làm vệ : Tuyên võ, Kiện võ, Tráng võ, Nhuệ võ, số binh tất cả 2.794 người (giảm bớt 5 vệ : Túc võ, Nghĩa võ, Quảng võ, Cường võ, Hùng võ).

Định lại lễ phẩm ban tế hoàng thân, công chúa, cung giai (9 bậc tài nhân trở lên). Lệ trước, gần đến kỳ chôn cất, vâng theo từ Chỉ, Hoàng thượng ban tế mỗi người 1 tuần, lễ phẩm dùng các hạng bò, dê, lợn, xôi, cỗ bàn, trầu rượu, vàng bạc, hương sáp đều đủ (lễ phẩm của 9 bậc cùng phi tần giống nhau, duy chỉ dùng dê, lợn). Đến nay, bộ Lễ nói : Hoàng thân, công chúa, cùng giai ban tế theo lệ dùng tam sinh hay nhị sinh, so với ngày kỵ ở tôn miếu, sợ có chưa hợp, xin đổi dùng lợn (hạng vừa) và xôi (giá 3 quan), còn các hạng thì theo như cũ cho hợp tình lễ, mà khỏi phí tổn. Vua y theo.

Chuẩn cho nha Kinh lược Bắc Kỳ khắc in bộ *Đại Nam hội điển* để đủ ban cấp (trước dùng bản in xếp từng chữ để in cấp, sau khi loạn, nhiều nơi bỏ mất) là theo lời nghĩ xin của quyền sứ thần Nguyễn Trọng Hợp.

Định rõ lệ chi lương cho ấm sinh. Phàm ấm sinh ở Kinh và tỉnh ngoài, người nào cha đã nghỉ việc hoặc chết thì lương ở kho vẫn theo lệ cũ chiểu cấp, còn người

nào cha tại chức thì xét từng hạng chiểu lệ cấp cho dầu (đã hội đồng sát hạch thì không cứ hạng : ưu, bình, thứ đều được 3 cân dầu, chưa hội đồng thì hạng nhất, hạng nhì 3 cân, hạng ba 2 cân) ; và cấp thêm mỗi tháng 2 quan tiền bút giấy để giúp cho học tập, còn như tiền gạo lương ở kho đều đình cấp.

Lại chuẩn cho Phan Đình Bình sung đại thần viện Cơ mật.

Phó khâm sai Tả trực kỳ là Phan Phú Lâm chịu tội. Phú Lâm đến Đà Nẵng, được 10 ngày dâng tập tâu : Bọn giặc đưa giấy bắt họ thân và bắt được vợ y, làm đủ hình ác, xin tự trói về Kinh đợi tội ; lại tục tư cho viện Cơ mật nói : Giặc hiện bắt xã, thôn ấy chỉ dẫn phần mộ tổ tiên của y, nếu để chậm tất đến mắc vạ, bèn không đợi Chỉ, lập tức đáp thuyền về Kinh đến viện Cơ mật, xin đến bộ Hình đợi tội. Tập tâu ấy, viện thần hiện đương nghĩ biên phiếu tâu lên, bỗng viện Đô sát đem việc ấy tâu lên hặc tội nói : Phú Lâm không đợi Chỉ chuẩn cho, dám tự tiện về, đi lại ở thành thị, không lo sợ chút nào, coi pháp lệnh triều đình như trò trẻ con, sau này người khác trông thế bắt chước thì thành sự thể gì. Xin trước hết giải chức, xích lại giao cho bộ Hình nghiêm nghĩ, để chỉnh đốn phép làm tôi.

Vua chuẩn y lời tâu. Sau bộ nghĩ xin xử tội 100 trượng, cách chức không được bổ dụng. Vua cho nghĩ xử ấy là nhẹ, bác đi, giao cho Các thần giữ mực công bằng nghị xử lại. Các thần phúc tâu nói : Xin chiểu điều luật "lầm lỡ việc quân", xử tội "trảm giam hậu".

Vua lại nghĩ đến chú ruột y là Phạm Phú Thứ là cựu thần của tiên triều, vốn có trọng vọng, đáng nên ban ân cho con cháu ; mới chuẩn cho cách chức phát giao đi sai phái làm việc ở đạo Hữu trực kỳ.

Chuẩn cho các bề tôi quá cố là bọn Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Trương Văn Uyển được khai phục tước hàm có thứ bậc. Nguyễn Tri Phương lại chuẩn cho được thờ ở đền Hiền Lương. Trước đây, Nguyễn Hữu Độ tâu nói : Các đại thần đã quá cố là Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Tôn Thất Hợp, Trương Văn Uyển đều là đại thần kỳ cựu của tiên triều, từng làm quan khắp cả trong ngoài, rất có công lao ; năm trước phải tội, đều là tội vì việc công cả :

(Nguyễn Tri Phương, nguyên Vũ Hiển điện Đại học sĩ Trí dũng tướng, Tráng Liệt bá, sung Bắc Kỳ tuyên dụ Đổng sát đại thần, vì Hà thành thất thủ, tuyệt thực chết, được giáng làm hàm Tham tri ; Thanh Giản, nguyên Hiệp biện Đại học sĩ, sung Kinh lược sứ Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, vì 3 tỉnh ấy bị thất thủ, nên uống thuốc độc chết, sau bị truy tước mất hết chức hàm ; Lâm Duy Thiếp, nguyên Hiệp biện Đại học sĩ, giáng xuống Thượng thư lĩnh Tuần phủ Bình Thuận, Khánh Hoà, vì sung làm Toàn quyền đại thần hoà nghị nhưng không hợp ý vua, phải cách chức ;

Tôn Thất Hợp, nguyên Thượng thư bộ Hộ sung chức Tổng thống quân vụ ở Gia Định và Định Tường thất thủ, giáng làm Viên ngoại sung Tán tương, sau được khai phục Thị lang bộ Binh, phụ tá việc quân, rồi bị bệnh chết ; Trương Văn Uyển, nguyên Thượng thư bộ Hộ, thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Tổng đốc Vĩnh Long, can vì thành trì không giữ được, phải cách chức, rồi bị bệnh chết.

Nay Hoàng thượng mới lên ngôi, rộng mở ân cách, xin đều gia ân cho khai phục nguyên hàm để yên ủi linh hồn. Vua y cho ; lại chuẩn cho việc thờ tự theo lệ được hợp phối nhưng giao cho bộ Lại nghị xét. Bộ Lại tâu xin chuẩn cho Nguyễn Tri Phương khai phục Vũ Hiển điện Đại học sĩ, vẫn tước bá theo như cũ ; Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp đều khai phục Hiệp biện Đại học sĩ, Tôn Thất Hợp, Trương Văn Uyển đều khai phục Thượng thư bộ Hộ, con cháu nên cho ấm thụ, tập tước, sẽ chiếu lệ thi hành. Còn như việc thờ cúng, sẽ do bộ Lễ xét rồi phúc tâu. Bộ Lễ nói : Đền Hiền Lương, kính vâng lời Dụ Tiên đế để thờ các bề tôi giúp việc trị nước, khen thưởng người có công lao, khuyến khích người có danh tiết, thực là kế hay cho nhân tâm phong tục.

Năm Tự Đức thứ 11, đình thần tuân theo hội đồng bàn xét : Người nào làm quan lâu năm, công lao, tài năng rõ rệt ; cùng là người gắng sức ở chiến trường, lập được chiến công ; hoặc là người giữ lòng liêm khiết, kính giữ hết bổn phận ; mà khi chết đã được Dụ Chỉ khen thưởng thì mới được dự thờ vào đền ấy. Nếu sự trạng tầm thường và đã can về tội danh khoản nặng, đều không được dự thờ ; tức như công nghiệp của Thái bảo Tân Phúc quận công Phạm Hữu Tâm, chỉ vì năm trước từng bị ô uế, kính vâng Dụ của Tiên đế không chuẩn cho, nay Nguyễn Tri Phương được vâng theo Tiên đế chuẩn cho bày thờ ở án chính đền Trung Nghĩa, còn như bọn Phan Thanh Giản 4 viên, khi sống hay hoặc dở, công hoặc tội, hãy còn nghe thấy ; lúc chết chưa được Dụ Tiên đế ngợi khen và cho liệt vào đền nào. Việc ấy quan hệ đến công luận muôn đời, không dám làm việc khinh suất, xin chuẩn giao cho đình thần bàn cho thoả đáng. Đến nay, đình thần bàn : cho là đền Hiền Lương đặt ra là để nêu khen người đã quá cố, khuyến khích người sau này, tất phải người có đức vọng long trọng, danh tiết hoàn toàn mới đủ xứng với ý dựng đền đặt tên, Nguyễn Tri Phương phụ tá 3 triều, làm quan từng trải trong ngoài, phong độ, công nghiệp rõ rệt, người không nói xen vào đâu được, trước được liệt vào đền Trung Nghĩa, chỉ bàn tới về việc quyên sinh chưa đủ biểu hiện được huân lao tài giỏi, mà tỏ phân biệt. Xin được thờ ở án chính đền Hiền Lương, để yên ủi linh hồn.

Còn Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Tôn Thất Hợp, Trương Văn Uyển, hoặc là phạm phải tội lớn, hoặc là không tài giỏi công lao gì, nay nếu chuẩn cho được thờ phụ vào, sợ không phải là để tuân theo Chỉ vua mà thoả lòng dân chúng, về việc phụng thờ 4 viên quan ấy, xin nên đình chỉ, trong đó, Phan Thanh Giản là

Tiến sĩ xuất thân, thanh liêm, siêng, giỏi, nhiều lần được Tiên đế đã xét biết ; lần này phụng mệnh phái đi mà hỏng việc, nhờ ơn được cách chức và đục bỏ tên ở bia, tưởng cũng là vì tình thế không thể nào được. Nhưng xét đến y biết tội, tự dẫn mình đến chỗ chết, thực là ở vào cảnh ngộ người không thể làm được. Nay đã được khai phục chức hàm, thực đủ yên được sự bàn tán của người thì bia ấy xin cho bộ Công lại khắc như cũ, để rộng cách gia ân. Còn như Tôn Thất Hợp năm trước bị giáng làm Viên ngoại, sau được khai phục Thị lang, đã là hậu đãi ; Trương Văn Uyển, can tội thất thủ, xử tội trọng hình, khỏi chết là may ; Lâm Duy Thiếp tuy cùng Phan Thanh Giản hơi giống nhau, nhưng xét hành trạng trước sau, so với Phan Thanh Giản có khác, đâu được nhất khái cho khai phục cả. Vả lại, pháp luật triều đình, không thể làm trái phép được, mà ơn trạch không nên dong cho được cầu may. Như các quan ấy quá cố đã một, hai chục năm, việc đã nguội rồi, vẫn được ban ơn đặc cách thì hạng ấy còn nhiều người, sau này họ không khỏi viện cớ yêu cầu, không những có lỗi với phép trước, mà quan có trách nhiệm hết thảy phải kê cứu nghĩ để thi hành, rất thêm phiền nhiễu. Về Tôn Thất Hợp đã được khai phục Thị lang thì thôi ; Lâm Duy Thiếp, xin chiểu theo Tôn Thất Hợp lượng cho truy phục Thị lang bộ Binh ; Trương Văn Uyển, xin lượng cho truy phục Hồng lô Tự khanh ; các hàm trước đã được khai phục đều xin tiêu bỏ, ngõ hầu khỏi sự quá lạm. Vua y theo lời bàn.

Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải làm sớ đem việc các tháng 9, 10, 11 năm trước, viên Tuần phủ ấy từng đã đem quan quân và các người lệ phái, mộ dõng, hợp cùng quan Pháp đánh dẹp giặc Bãi Sậy đều được thắng trận ; cùng tháng giêng năm nay, viên Tuần phủ trước là Đinh Nho Quang bàn uỷ Phó lãnh binh là Vũ Văn Mẫn coi đem quan quân tiến đến đánh dẹp ở hạt huyện Ân Thi có công ; và các tháng 3, 7, 8, 12 về Kiến Phúc năm đầu ; các tháng 8, 9, 10 năm trước, mấy lần bọn giặc kéo đến quấy, cướp các hạt, tỉnh ấy từng đã sức cho các viên nhân lệ thuộc sai phái đem binh mộ dõng, các tổng lý, hương hào đem gia thuộc, theo quan quân cự chiến đắc lực ; phân biệt nghĩ thưởng tâu lên vua biết.

Vua chuẩn cho viên Tuần phủ ấy, đốc khiến đắc lực, thưởng cho 1 chiếc kim khánh, viên Tuần phủ trước là Đinh Nho Quang, lĩnh Án sát là Đỗ Văn Ái ; Phó lãnh binh là Nguyễn Văn Hân, Vũ Văn Mẫn ; quyền tác vi Lãnh binh là Phan Văn Điện, đều thưởng quân công kỷ lục 2 thứ. Còn các viên nhân, tổng lý tuỳ phái đều thưởng phẩm trật có thứ bậc.

(Phó quản cơ lĩnh Quản cơ là Trần Văn Lễ thăng Tinh binh Vệ uý, Cấm binh Chánh đội sung Hiệp quản là Trương Như Lý, Tinh binh Chánh đội là Lê Văn Hoằng đều thăng Phó quản cơ ; Tinh binh Suất đội là Đỗ Xuân Sinh, Đặng Văn Hà, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Văn Phong, Vũ Trần Ân đều thưởng Cấm binh Chánh đội.

Ngoài ra, thưởng tòng thất phẩm văn giai 1 người, Tinh binh suất đội 4 người, tòng lục phẩm đội trưởng 6 người, chánh thất phẩm đội trưởng 3 người, tòng thất phẩm đội trưởng 3 người, chánh bát phẩm đội trưởng 15 người, tòng bát phẩm đội trưởng 4 người, chánh bát phẩm thư lại 3 người, chánh cửu phẩm thư lại 6 người, chánh bát phẩm bách hộ 4 người, chánh cửu phẩm văn giai 54 người, tòng cửu phẩm văn giai 9 người, chánh cửu phẩm bách hộ 22 người, tòng cửu phẩm bách hộ 17 người, cộng 159 người).

Các xã, thôn đắc lực (Hưng Nhân, Sài Quất, Lai Hạ, Trương Xá, Liễn Cốc) cũng đều cho biển ngạch để khuyến khích.

Chuẩn cho nguyên Thượng thư về hưu là Vũ Trọng Bình được cấp mỗi tháng 20 quan tiền, 3 phương gạo để giúp việc dưỡng lão. Trọng Bình trước vì quan Pháp tình nghi, bắt phải về Kinh đợi lệnh, được hơn nửa năm, con trưởng là Thị giảng Vũ Bá Liêm chết trận, con thứ là Vũ Bá Ba đi thuyền bị nạn bão, viện Cơ mật tâu nói : Viên ấy tình cảnh đau khổ, đáng thương, cho nên vua chuẩn cho châm chước cấp cho, để tỏ lòng tốt thương đến, rồi cho theo như trước về hưu và cho 1 cái áo đoạn hoa đậu 8 sợi tơ màu huyền, 1 đoạn lụa màu xanh, 1 cái quần nhiễu hoa màu đỏ để tỏ lòng tốt nghĩ thương người cựu thần.

Chuẩn cho thi Hương ở 3 trường Thừa Thiên, Thanh Hoá, Nghệ An cử hành vào tháng 4 năm sau. Khoa thi Hương Ất Dậu năm ngoái, trừ trường Bình Định đã thi xong, còn các trường đã chuẩn cho đình lại, đến năm nay, sau chỉ trường Hà Nội, Nam Định cử hành được, còn các phủ, tỉnh đều chưa yên ổn, nên lại chuẩn cho đình để đợi. Đến nay bộ Lễ nghĩ hiện tình hơi yên, xin đều lấy tháng 4 năm sau cử hành việc thi. Lại năm gần đây có loạn, học trò phần nhiều tản đi ngụ ở các nơi, nếu đến kỳ khoa thi trở về không tiện, nghĩ xin như có người nào tình nguyện đi thi, đến đầu đơn ở học thần sở tại (ở tỉnh ngoài, có quan viên cùng tỉnh ; ở Kinh, có tộc thuộc, tổng lý sở tại nhận thực) chiểu lệ sát hạch, cho phụ thí ở trường Kinh, trường tỉnh một lượt, để rộng cách gia ân, mà chỉ học trò được yên định. Sau lại nghĩ trường Bình Định tuy đã cử hành, nhưng hạt Quảng Ngãi, trước sau giữ được yên tĩnh, phong độ học trò cũng có đáng khen thì học trò hạt ấy, xin lại cho phụ thí ở trường Thừa Thiên một lượt, để thoả lòng mong đợi của học trò. Vua đều y theo.

Tháng 12, sai nguyên lĩnh Bố chính Quảng Nam là Vũ Xuân Cơ (thăng thụ Quang lộc Tự khanh) và Chưởng vệ là Lưu Cung sung Đồng lý, hội đồng với quan Pháp sửa chữa đường sá từ Kinh đến Đà Nẵng và bắt 2.000 dân phu ở Thừa Thiên, Quảng Nam đi làm. (Phí tổn nhân công do quan Pháp chiểu cấp).

Vua cho là sau khi loạn, quan viên ở Bắc Kỳ, nhiều người tản về, số quan ở Kinh hiện làm việc thì ít ; chuẩn cho đòi : Nguyên Thị lang sung làm việc Nội các

là Nguyễn Phiên (cáo bệnh về nghỉ) ; nguyên Tá lý bộ Binh là Vũ Ngọc Tuân (tên cũ là Hữu Lợi, về quê phụng dưỡng cha mẹ) ; nguyên Tham biện việc Các là Đỗ Huy Liệu (nhân loạn tản về), đều đến Kinh đợi Chỉ bổ dụng, vì các viên ấy đều là khoa giáp xuất thân.

Lại dựng đền Hoàng thái tử Tăng Duệ. Đền ấy năm trước đổ nát, phủ Tôn nhân cho là gỗ thiếu, thợ ít, tâu xin chuẩn cho rước thần chủ đến thờ phụ vào án bên tả Hưng miếu, mà đền cũ giao cho tự chủ[1] sửa chữa để thờ Thái Bình công là Mỹ Thuỵ. Đến nay, phủ Tôn nhân lại tâu : Hoàng thái tử là người rất thân của nước, năm trước tâu xin làm việc, là quyền nghi một thời, so với tình lễ vẫn thấy chưa ổn. Xin đem dỡ bỏ 2 toà nhà ở phía trước, sau đền ấy, lấy gỗ, theo chỗ cũ làm lại 1 toà nhà ngói 3 gian 2 chái, rồi rước thần chủ [Hoàng thái tử] về phụng thờ như trước, mà để Thái Bình công thờ phụ vào để tỏ đạo hậu. Vua y cho.

Thượng thư bộ Lễ là Chu Đình Kế vì đến niên lệ xin trí sĩ. Vua y cho và ban cho 15 lạng bạc, 2 tấm the.

Bọn đầu mục giặc ở Bình Định đến tỉnh xin thú rất nhiều :

(Thống binh là Trần Văn Tô ; Quản trấn là Trần Văn Cung, Phạm Khắc Tuy, Cao Văn Triết ; Chánh, Phó đề đốc là Lương Văn Phú, Nguyễn Văn Hy, Nguyễn Văn Đôn, Hồ Văn Tích ; Giám binh là Phùng Văn Kỷ ; Tham nghị là Nguyễn Quang Huy, Trần Thuyết ; Tán nghị là Cao Văn Đức, Vũ Văn Vận, Trần Thiện, Trần Ôn, Lê Sán, Lê Văn Toản, Trần Dung Hanh. Còn bọn thương tá, bang tá, khiển binh, nhiếp binh, kiểm binh, quản binh, chánh, phó suất đội, điển nông, tư nông, điển ty, chủ thảo, chánh, phó sơn trại, chánh, phó tổng, thư lại, cộng hơn 100 người).

Vua chuẩn cho chiểu hàm trước thăng thưởng, do tỉnh bổ dùng 7 người (Lương Văn Phú, Hồ Văn Tích, Nguyễn Văn Hy, Nguyễn Văn Quy, Lưu Văn Toàn, Thái Văn Đồng, Phùng Văn Kỷ đều là quan võ trước. Lần này chiêu tập giản binh cũ toàn vẹ, bắt được tướng giặc là Hồ Côn và nộp các hạng súng ống, khí giới, thuốc đạn rất nhiều). Còn các người khác đều tha cho về yên nghiệp.

Quyền Toàn quyền đại thần là Vy An về Kinh triều yết ; việc xong lại đi ra Bắc. Vua chuẩn cho quan và thuộc đều được tặng phẩm có thứ bậc :

(Toàn quyền Pháp, tháng trước vua đã gửi tặng viên ấy 1 chiếc kim khánh hạng lớn ; đến nay lại tặng 1 cái như ý bằng ngọc xanh, 1 cái khay trầu bằng ngà voi, 1 cái hình voi bằng ngọc quý, 1 cái hộp trầu nhỏ hình chữ nhật khảm xà cừ, 1 cái sừng tê, 1 cái ống bút bằng ngọc và 2 cái hộp tròn hạng nhỏ bằng ngà.

---

(1) *Tự chủ* : người thừa tự chủ việc thờ cúng ở đền.

Tặng thuỷ Nguyên soái đại thần 1 cái khay trầu bằng ngà, 1 chiếc kim khánh hạng to, 2 cái hộp tròn hạng nhỏ bằng ngà, 1 chiếc sừng tê, 1 cái hộp trầu nhỏ hình chữ nhật khảm xà cừ.

Lại gửi tặng Thống sứ Bắc Kỳ là Nô 1 chiếc kim khánh hạng lớn ; Phó thống sứ Nê-di 1 chiếc kim khánh hạng trung.

Chuẩn cho từ nay trở đi, phàm ruộng cúng tế, ruộng hưởng lộc của các công thần, người nào là tôn thất cùng người quê ở quý hương[1] và 6 tỉnh ở Nam Kỳ thì cho do phủ Thừa Thiên xét thực xã nào ruộng nhiều, lượng đem trích cấp. Còn viên nào quê thuộc Quảng Nam trở vào Nam, Quảng Trị trở ra Bắc thì đều do bộ Lễ xét tự cho chính quê trích cấp, vì từ trước, quê ở hạt khác, mà ngụ ở Thừa Thiên, cũng có do nơi quê ngụ ấy trích cấp, dân nhiều người kêu ca, cho nên chuẩn định lại, cho khỏi bị gánh nặng riêng.

Quyền sung Phó lãnh binh ở Hà Tĩnh (hàm vốn có là Tinh binh Suất đội) là Nguyễn Đắc Hanh phái đi làm việc công (đi đốc suất việc làm nhà cửa ở trạm Tĩnh thần) giữa đường bị giặc giết, vua chuẩn cho truy tặng Cấm binh Chánh đội, lại gia tặng Phó quản cơ, chiểu hàm tặng cấp cho tiền tuất gấp đôi.

Thuộc viên toà sứ là Lê Duy Hinh, trình bày ở viện Cơ mật rằng : Y biết con của Tùng Thiện công là Huyện hầu Hồng Tích, hơi có chút học hạnh, nên bổ làm Tá lý ở 6 bộ. Viện thần cho là Hồng Tích tuổi còn ít, lịch duyệt chưa nhiều, đặt ngay vào ấn quan, sợ có chưa xứng ; tâu xin đổi theo hàm văn Chánh tứ phẩm, bổ lĩnh Thị độc Nội các, hoặc Lang trung các bộ, cho quen chính thể, đợi sau xét quả là người dùng được, sẽ nghĩ định. Vua y cho, chuẩn cho bổ lĩnh chức Thừa chỉ ở Nội các, nhưng phê bảo rằng : Khiêm tốn thì được ích, để được tốt mãi về sau, ngươi phải ghi nhớ.

Viên Khâm sứ đem kỳ hạn viên Toàn quyền đại thần mới sắp sang đến báo cho biết. Vua sai đại thần viện Cơ mật là Nguyễn Hữu Độ và Tham tá là Hồ Đệ đến trước Bắc Kỳ để đợi đón tiếp thăm hỏi. Trước đây, vua sai viện thần đem việc nước nhiều khoản phải bàn định, tư cho Toàn quyền đại thần cũ châm chước nghĩ định, đã 2 lần chưa thấy trả lời, muốn nhân cuộc đón tiếp này, thương thuyết nhờ bàn giúp, cho nên đặc cách sai Nguyễn Hữu Độ tuân lệnh đi, nhân sai tôn nhân, đình thần, theo từng khoản viết ra và mang cả đi.

Ở Kinh từ trước, hằng năm chi tiêu việc thường và bất thường, số tiền khoảng 2.000.000 quan, gạo hơn 400.000 phương, đều trích ở Bắc Kỳ tải vào Kinh sung chi. Khi trước, nghị mới của Toàn quyền cũ là Pôn-be biên định tải vào Kinh mỗi

(1) *Quý hương* : quê hương nhà vua.

năm 380.000 quan tiền và 380.000 phương gạo ; trong ấy, số gạo thì đổi giao bằng tiền, bạc, cứ mỗi phương gạo giá tiền 5 quan, tính suốt cả trị giá thành tiền 1.900.000 quan, hợp với số tiền thực tải, cộng là 2.280.000 quan, hiện thời, hạt gạo thiếu quá trích tiền để mua thì số tiền ấy chỉ đủ mua gạo, còn chi tiêu việc khác, sợ đến không đủ. Nay nghĩ định cho tải thêm tiền và gạo tính triết thành tiền, mỗi năm tất cả khoảng 4.000.000 quan, mới có thể đủ chi.

Ngạch giản binh sung làm lính tập, ở Kinh 1.000 người ; các tỉnh ngoài như Quảng Nam, Bình Định, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá đều 500 người ; Quảng Trị, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Bình Thuận đều 400 người ; Phú Yên, Khánh Hoà đều 300 người ; số binh ấy, gần đây nước Pháp đã đem huấn luyện, xin chiểu số giao trả về, còn thiếu bao nhiêu, sẽ lấy trong số ngạch cũ giản binh sung điền vào, nên cấp cho 2.000 khẩu súng. Nguyễn Hữu Độ đã đưa thư đến Toàn quyền đại thần cũ, xin cấp y số ấy, giao cho quý quan huấn luyện, rồi chiểu nghị "canh giữ", lượng cho đổi đi đóng giữ. Còn quý quan và lính tập hiện đóng ở Kinh do bộ Binh, ở tỉnh ngoài do các quan tỉnh điều khiển, bổng lệ của quý quan, chiểu theo lệ của quý quốc, do nước tôi chi cấp. Khi nào binh ấy học tập thông thạo, các hạng binh ngạch nước tôi sung điền, quân của quý quốc có nên rút về, sẽ phải bàn định.

Tuần ty các tỉnh, đã định bãi bỏ ; còn các sản vật nước tôi như : đồng, tơ, dầu, đường, cau khô, bông gai, da, nhựa, trám, vôi, muối, rượu, cây gỗ, ngà voi, sừng tê, trầm hương, tốc hương, kỳ nam, từ trước đến nay, hoặc đánh thuế thổ sản, hoặc cho tình nguyện lĩnh trưng, nhưng các sản vật ấy, hoặc ở rừng sâu đất Man, hoặc ở dân gian trồng trọt làm ra, linh tinh không nhất định. Nếu cứ theo từng hộ thu thuế thì ẩn lậu nhiều, thu không được mấy. Không bằng cho người lĩnh trưng xem ra là tiện lợi ; cũng như các hạng thuế rượu, thuế chợ, thuế đò ngang, thuế buôn bán thuốc phiện ở 6 tỉnh Nam Kỳ thì đã do viện Cơ mật đưa thư cho viên Toàn quyền đại thần cũ, xin các sản vật ấy, đều do nước tôi so sánh giá, cho người lĩnh trưng, người lĩnh trưng ấy chỉ được chiểu theo vật hạng cho trưng mà đánh thuế, ngoài ra không được thu lạm.

Sau tiếp thư của Khâm sứ đại thần là Hách-tô tư trả lời rằng : Còn đợi bàn cho thoả đáng, nay xin chiểu theo như viên nghĩ định. Phàm các hạng sản vật, hoặc là các hộ chuyên nghề kiếm lấy hoặc là dân buôn mua bán, đều do nước tôi cho người lĩnh trưng, nộp thuế, để được tiện lợi.

Hiện nay ở các tỉnh, dân lương, dân giáo thù nhau, mà các giám mục, linh mục phần nhiều che chở dân giáo, hoặc bắt dân lương bồi thường ; hoặc muốn chiếm, chia ruộng đất ; hoặc xin chẩn cấp tiền gạo ; viện thế quý quan, quan tỉnh không theo không được, cho nên dân lương càng quá đáng, gián hoặc có người bị bọn giặc

bắt hiếp phải theo, muốn ra thú thì dân giáo nghe biết, lập tức bắt giam trách phạt, để đến nỗi sợ hãi không dám đến thú. Nhiều lần đã hiểu dụ và ngăn dẹp, tệ ấy chưa hết.

Nay xin, phàm việc của dân lương, dân giáo, sẽ do triều đình nước tôi xử trí. Các linh mục không được đến tỉnh cầu xin việc gì ; dân giáo không được tự tiện bắt người giam giữ và bắt ức bồi phạt, cho được cùng yên.

Quan viên nước tôi như tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát đều là quan to, các viên phủ, huyện cũng là người cai trị dân, như người có lỗi đáng đổi, cách phải chiểu điều ước do triều đình nước tôi tâu xin chuẩn cho định đoạt, thế mà gần đây như Tuần phủ Ninh Bình là Đồng Sĩ Vịnh, Tri phủ là Trần Bạch Lân, bọn Tri huyện là Nguyễn Huy Trác 5 viên, can phải việc gì, chưa thấy tư trả lời, thế mà quý quan, hoặc tự bắt giam tra xét, hoặc nghị xử tội lưu, tội trảm, không những chiểu điều ước trước không đúng ; mà đương lúc trong Nam ngoài Bắc chưa yên này, lòng người chưa vững, quan lại bỏ đặt, dễ dàng như thế, e rằng người làm quan, phần nhiều tự cho là nguy, cùng nhau tan rã thì kẻ hiếu sự, dễ nhân thế mê hoặc lòng người, đến sự thế ấy, nước tôi không thể làm thế nào được, mà quý quốc không khỏi phải xử trí rất phiền. Vì thế lo ngại, không thể không nói rõ.

Nay nghĩ định từ giờ trở đi, phàm quan viên các tỉnh Bắc Kỳ, can tội gì, có phải xử trị thì quý quan phải chiểu điều ước, tư cho nha Kinh lược, hoặc quan tỉnh sở tại xét nghĩ tâu xin, lượng tuỳ tình tội xử trí cho lòng người được yên.

Chức tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, đề đốc, lãnh binh các địa phương nước tôi lệ trước có khuyết, do 2 bộ Lại, Binh làm tờ tâu kê khai đợi chọn bổ. Năm trước, sau khi loạn, quan ở Bắc Kỳ từ tổng đốc, tuần phủ, đến phủ, huyện, nghĩ định do kinh lược chọn đặt, rồi sau tâu lên, là vì khi ấy ngôi vua chưa nhất định, Nam - Bắc chưa yên, nên phải tuỳ tình thế xử trí cho thích hợp, cầu cho được việc.

Nay Hoàng thượng lên ngôi, công việc, quyền hành nhất thống, quan viên các tỉnh ấy, nếu vẫn chuyên do Kinh lược chọn phái làm việc, rất thiếu long trọng, thực sợ người có khí tiết tháo, có khi không thích ra làm quan, mà người dùng để trị dân làm việc, không khỏi lạm đến kẻ táo bạo cầu cạnh. Vả lại, sĩ phu ở Bắc Kỳ, văn hiến nghìn năm, nếu không xử trí hợp phép, cho lòng người quy phục, sợ khó mong được ích lợi ngay. Nay xin từ giờ về sau, ấn quan văn, võ các tỉnh ấy có khuyết, nha ấy phải chiểu chức khuyết, làm tập tâu xin đợi Chỉ chọn bổ. Còn các phủ, huyện trở xuống, sẽ do nha ấy chọn bổ ; hoặc thiếu người thì tư bộ chọn để sung vào, nếu sau này viên nào có vết xấu, phải đổi hay cách, do tỉnh ấy sẽ chiểu điều ước mà làm, hầu được thoả hợp.

Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải làm sớ đem những việc : Tháng 2 năm ngoái, viên Tuần phủ ấy sung làm Bang tá Hà Nội, coi đem binh, voi mang theo Bang tá phủ Thường Tín là Nguyễn Chúc đến đánh dẹp bọn giặc ở hạt Kim Động thắng trận và các tháng 3, 5, 6, 7 năm nay, Bang tá huyện Tiên Lữ là Lương Văn Trực, linh mục là Phạm Tuyên thuộc hạt ấy họp lại đem quân lính, hiệp cùng thân, hào, tổng, lý canh giữ nhà và làng, không bị giặc phá hại, phân biệt nghĩ thưởng tâu lên. Vua chuẩn cho thưởng phẩm trật, truy tặng, cấp tuất có thứ bậc :

(Hiện lĩnh Tri phủ Thường Tín là Nguyễn Chúc, thưởng Tòng ngũ phẩm văn giai ; Suất đội là Nguyễn Văn Lễ, thưởng thăng Cẩm binh Chánh đội ; còn thì thưởng Tinh binh suất đội 1 người, hàm tòng thất phẩm 2 người, tòng thất phẩm thiên hộ 1 người, chánh bát phẩm đội trưởng 7 người, hàm chánh bát phẩm 2 người, hàm tòng bát phẩm 3 người, chánh bát phẩm văn giai 1 người, tòng bát phẩm văn giai 6 người, hàm chánh cửu phẩm 51 người, chánh cửu phẩm văn giai 45 người, tòng cửu phẩm văn giai 46 người, tòng bát phẩm bách hộ 1 người, chánh cửu phẩm bách hộ 19 người, tòng cửu phẩm bách hộ 63 người.

Truy tặng tòng bát phẩm bách hộ 1 người, chánh cửu phẩm bách hộ 8 người, đều chiếu hàm tặng cấp tiền tuất.

Bọn đầu mục giặc ở Quảng Bình đến đầu thú tại nơi quân thứ Hoàng Tá Viêm rất nhiều :

(Xưng Chánh, Phó đề đốc : Trương Văn Ban, Đoàn Tố, Vũ Văn Đản, Nguyễn Văn Sang, Hoàng Công Bình, Nguyễn Xuân Tiếp, Hà Văn Trứ, Nguyễn Hữu Thích, Phan Văn Xiển, Lê Đức Dụ, Tăng Quang Giáp.

Tham tá, Tán lý, Tán tương : Nguyễn Chiểu, Trần Chính Trung, Nguyễn Tuân, Trần Chân ; còn chánh, phó lãnh binh, đồng vận, đốc khẩn, kiểm tá, đốc học, cùng là quản vệ cơ, hiệp quản, thành thủ uý, đốc binh, đốc chiến, thông phán, giám lâm, giáo thụ, tư vụ đến bát cửu phẩm, tất cả hơn 350 tên), bên trong cửa quan yên ổn. Vua chuẩn cho Tá Viêm mưu tính ngay việc ở ngoài cửa quan và đến ngay các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá phủ dụ ngăn dẹp. Còn các người đến thú, hoặc nên cho phái đi làm việc, hay cho về quê yên nghiệp, đều do sứ thần nghị xử.

Nguỵ xưng Án sát Quảng Trị là Nguyễn Tự Như đem đồ đảng (thương tá, lãnh binh, đốc binh, cho đến suất đội, thư lại) tất cả 34 người đến đầu thú tại nơi quân thứ Tán lý Đoàn Như Bích. Viện thần xét nghĩ cho là Tự Như nguyên là cử nhân, hơi biết đạo lý, thế mà cũng bị dây dưa với giặc ; đến lúc bắt được cha hắn, mới chịu ra thú (5 - 6 hôm trước, bắt được cha hắn là Nguyễn Tự Cường, anh là Nguyễn Tự Khiêm, quan Pháp đem Khiêm chém bêu đầu, còn Tự Cường giam lại để đợi Tự Như có ra thú hay không sẽ lại xử), xin tước bỏ cử nhân, rút xuống hạng

học trò, nhưng do Khâm mệnh Hoàng Tá Viêm phái đi làm việc, nếu quả biết hối, gắng sức, sẽ lại xét định. Vua y cho.

Cho : An phủ Kinh lý đại sứ Hữu trực kỳ là Hoàng Tá Viêm, Khâm sai đại thần là Phan Liêm, các hạng vị thuốc và quần áo, bảo phải một lòng làm việc, để sớm làm nên công lớn (Tá Viêm, quế Thanh thượng hạng 2 phiến, sâm Cao Ly chân chính 3 lạng và 1 cái lót tay rộng bằng thứ tơ đậu 8 sợi có hoa sắc huyền, 1 cái quần nhiễu hoa đỏ, 1 cái hà bao tốt đẹp ; Phan Liêm cũng như thế, nhưng chỉ có 1 phiến quế, để có phân biệt).

Khâm sai Tả trực kỳ là Phan Liêm dâng tập tâu, đem việc tháng 10 năm nay, viên Khâm sai ấy coi đem quan quân cùng quan quân Pháp đến các phủ, huyện chia đường đóng chặn, đánh dẹp nhiều lần, hiện bắn chết (hơn 150 người), bắt (36 người), chém (11 người) và thu được các hạng súng ống, khí giới, phân biệt nghĩ thưởng, tâu lên. Vua chuẩn cho Đề đốc (Phó đề quyền sung) là Ngô Đức Quang, quyền sung Tán lý là Nguyễn Đĩnh, đều thưởng thăng 1 trật ; còn thì thăng 1 trật (8 viên) thưởng ngân tiền (11 người), ngân bài (6 người) có thứ bậc.

Truy tặng tiên tổ họ ngoại là Vũ thị. Dụ rằng : Từ xưa, các vua một lòng hiếu thiện thờ mẹ, nhân tình thân, để dạy cho người biết kính yêu, không ai là chẳng suy tôn nguồn phúc, hậu đãi họ ngoại, sổ sách để lại rõ ràng, điển lệ vẫn có.

Kính nghĩ họ Vũ ở giáp Nam, xã Hoà Luật, đức trạch đời đời, rực rỡ để mãi về sau mới sinh ra Thánh mẫu Thái hoàng Thái hậu ta, hiền hoà tích phúc, giúp đỡ Hoàng khảo Dực tông Anh hoàng đế ta, hơn 30 năm được nên nội trị. Trẫm nối nghiệp lớn vẻ vang, lại nghĩ đến đức sáng ấy, đã xuống Dụ tặng tước Lệ Quốc công và Lệ Quốc nhất phẩm phu nhân, để tỏ ơn đặc biệt. Càng muốn suy ân cho họ ngoại, để báo đáp đức thơm cho đời trước ; thì các bậc đời trở lên nên đem truy tặng, thực phải xét xem điển lệ thi hành, còn hiển tổ[1] họ Vũ là Vũ Xuân Phố, được theo như trước tặng Tư Thiện đại phu hàm Thượng thư, nay gia tặng tước Thuận Vương hầu, tên thuỵ là Ôn Nhã, vợ cả Vũ Văn thị làm Đoan nhân, thuỵ là Phương Huy ; tằng tổ[2] là Vũ Xuân Uyên (trước tặng Thái bộc Tự khanh), nay gia tặng Gia Nghị đại phu, Hàn lâm viện Chưởng viện Học sĩ, tước Đức Hoà bá, thuỵ là Đôn Trực, vợ cả là Vũ Danh thị làm Thục nhân, thuỵ là Nhu Gia ; cao tổ[3] là Vũ Xuân Yên (trước tặng Thị giảng Học sĩ), nay gia tặng Trung Thuận đại phu, Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ, tước Thế Lộc tử, thuỵ là Đoan Phác, vợ cả là Phan thị làm Cung nhân, thuỵ là Hoà Nhu ; Tiên tổ[4] là Vũ Xuân Khoa, truy tặng Trung Thuận

(1) *Hiển tổ* : ông.
(2) *Tằng tổ* : cụ.
(3) *Cao tổ* : kỵ.
(4) *Tiên tổ* : cụ thuỷ tổ.

đại phu, Hồng lô Tự khanh, thuỵ là Lương Uyên, vợ cả (trong gia phả chép sót, không rõ họ tên) làm Cung nhân, thuỵ là Tĩnh Nhàn ; cùng là 2 phu nhân của Lệ Quốc họ là Bạch, họ Trần chưa được ban tên thuỵ, nay truy ban tên thuỵ : Bạch thị, thuỵ là Trang Nhàn ; Trần thị, thuỵ là Trinh Từ.

Lệ Quốc công, Lệ Quốc phu nhân, trước có dựng đền phụng thờ, còn tiên tổ 4 đời nên dựng nhà thờ và sửa sang phần mộ, các khoản ấm thụ cho con cháu thân cận, đã giao bộ thần bàn tâu, được thoả hợp, nên chuẩn y. Còn các việc phải làm, nên giao cho quan có trách nhiệm chiểu theo từng khoản làm việc, để tuyên dương đức tốt của Từ cung, cho tỏ lòng trung hậu, phải kính theo Dụ này.

Tuần phủ Hà Tĩnh là Vũ Khoa tâu nói : Hạt Hà Tĩnh hiện nay chưa được yên ổn tất cả, việc tuần phòng không thể sơ khoáng được chút nào. Án sát là Hoàng Xuân Phùng, Thương tá là Phạm Văn Khoa, nguyên Toản tu là Nguyễn Liên, cử nhân là Lê Nhất Hoàn đều người địa phương ấy, am hiểu tình thế, về việc phủ dụ các thân hào, xét hỏi bọn côn đồ, xin đem uỷ cho các viên ấy, đã sức cho các viên ấy chia nhau đi tuần bắt.

(Huyện : La Sơn, Hương Sơn, Hương Khê thì uỷ cho Hoàng Xuân Phùng ; Can Lộc, Nghi Xuân, uỷ cho Nguyễn Liên ; Thạch Hà, Cẩm Xuyên, uỷ cho Phạm Văn Khoa ; Kỳ Anh, uỷ cho Lê Nhất Hoàn), hạn cho 5 tháng, phải dẹp yên tất cả, sẽ hậu gia khen thưởng ; nếu hư ứng thì châm chước nghĩ phạt. Vua y cho.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN VI*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Đinh Hợi, Đồng Khánh năm thứ 2 [1887], (Thanh, Quang Tự năm thứ 13), **mùa xuân, tháng giêng,** ngày mồng 1, Nguyên đán. Vua thân đem hoàng thân văn, võ trăm quan đến chầu cung Gia Thọ, lại tới cung Trường Ninh làm lễ khánh hạ (năm ấy gặp lục tuần đại khánh của Hoàng thái hậu) ; lại ngự ở điện Thái Hoà, nhận lễ mừng xong, ban ân chiếu cộng 10 điều[1] :

- Các thân phiên, hoàng thân, công chúa hiện ở Kinh, văn từ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm trở lên và các tôn tước, đều ban cho có thứ bậc.

- Những người ở nội đình, ngoại viện, cung giai và các thị nữ, nữ quan, thái giám, đều ban cho tiền bạc có thứ bậc.

- Ở Kinh, miếu Lịch đại đế vương, đền Khải Thánh, Văn miếu, Võ miếu, miếu Thành hoàng, miếu Hội đồng, miếu Tiên y và các đàn : Tiên Nông, Sơn Xuyên, Kỳ Phong, Lệ Tế, cùng các đền Công Thần, Khai Quốc, Trung Hưng, Hiền Lương, Trung Nghĩa, Trung Dũng, do bộ Lễ tra xét, đều đủ nghi lễ, đều đến tế 1 lần.

- Các hoàng thân, quý chúa, phi tần đã chết và các từ đường họ ngoại, đều cho tế 1 lần.

- Các quan viên lớn nhỏ, từ trong Kinh đến các tỉnh ngoài, gián hoặc nhân việc công lầm lỗi bị khiển trách, đã phải cách lưu, giáng phạt thì do 3 bộ Lại, Hộ, Binh trình bày tâu lên, liệu ban ơn cho.

---

(1) Ban ân chiếu cộng 10 điều, nhưng sách chép chỉ có 9 điều, còn 1 điều.

- Từ trong Kinh đến ngoài các tỉnh, có ai là hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, thời quan cai quản xét hỏi kỹ càng, đem sự thực trình bày tâu lên, đợi cho nêu lên.

- Địa phương nào có kẻ sĩ tài phẩm hơn người, mà ẩn dật ở chốn sơn lâm thì do quan địa phương xét thực trình bày tâu lên, đợi cho xét dùng.

- Nhân viên bị lỗi, đã phát giao các nơi sai phái, ra sức làm việc để chuộc tội, cho thượng ty, quản quan các nơi ấy, đem tên tuổi, quê quán và tội trạng, chia loại, làm danh sách do bộ xét định tâu lên đợi Chỉ ban ơn.

- Sở Dưỡng tế ở các hạt mà có những người : goá vợ, goá chồng, mồ côi, không có con, cùng nghèo khổ tàn tật ; quan có trách nhiệm để tâu xét thực, thời thường nuôi nấng cho đủ, chớ để mất chỗ nương tựa.

Kính dâng thêm ở cung Trường Ninh : vàng 2 lạng, tiền kẽm 2.000 quan (hằng năm kính dâng 8 lạng vàng, tiền 8.000 quan. Năm ấy gặp Thái hậu lục tuần đại khánh, nên dâng thêm).

Lại đình các tế lễ lớn thuộc năm ấy (đợi sau 1 - 2 năm sẽ cử hành), cho hoàng thân công chia nhau đến các Tôn đàn, Thái miếu, đem việc ấy kính tâu.

Cho thự Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải được thực thụ và gia hàm thự lý Tổng đốc, nhưng lĩnh Tuần phủ, kiêm Tiễu phủ sứ ở 3 tỉnh : Hải Dương, Bắc Ninh và Hưng Yên. Bấy giờ bọn giặc rừng Bãi Sậy hãy còn lan tràn liên kết, quấy nhiễu bừa bãi 2 hạt Hải Dương và Bắc Ninh, quyền Kinh lược là Nguyễn Trọng Hợp nói : Cao Khải rất có tài cán đảm lược và tình thế địa hạt ấy hơi am hiểu, xin uỷ cho đánh dẹp và vỗ yên, nên có mệnh lệnh ấy.

Chuẩn cho Thượng thư bộ Công là Hoàng Hữu Thường đổi sang bộ Lễ ; Hữu tham tri bộ Công là Lê Hữu Thường thăng thự Thượng thư bộ Công ; Thị lang lĩnh Tả tham tri bộ Công là Hà Văn Quan đổi lĩnh Tả tham tri bộ Hình ; Tả tham tri bộ Hộ là Trần Lưu Huệ lại kiêm quản viện Đô sát ; Tả thị lang bộ Binh là Hoàng Vỹ thăng thụ Tuần phủ Hà Tĩnh ; Thị lang sung làm việc Nội các là Phạm Xứng thăng thự Tả tham tri bộ Lại ; Thái thường Tự khanh, giúp việc Nội vụ là Nguyễn Huề thăng thụ Hữu tham tri bộ Hộ, nhưng vẫn chuyển sung giúp việc Nội vụ ; Chưởng vệ sung Đề đốc Kinh thành là Hồ Trí, thực thụ Đề đốc ; Vệ uý Cấm binh, quyền Chưởng dinh Long võ là Nguyễn Văn Phó, thực thụ Chưởng vệ, nhưng vẫn quyền Chưởng dinh Long võ ; thự Hiệp biện Đại học sĩ, quyền sung Kinh lược sứ Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp, Tuần phủ giúp việc Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Khắc Vỹ, đều được thực thụ ; Thị lang lĩnh Tổng đốc Bình Định - Phú Yên là Vũ Văn Báo, Thị lang lĩnh Tổng đốc Hà Nội - Bắc Ninh là Lê Đĩnh, Thị lang lĩnh Tổng đốc Sơn Tây là Ngô Trọng Tố, đều thăng thụ Tuần phủ, nhưng vẫn lĩnh Thị lang ; lĩnh

Tuần phủ Hà Tĩnh là Vũ Khoa, thực thụ Tuần phủ, lĩnh Tổng đốc Bình Định - Phú Yên, thự Tuần phủ Thanh Hoá là Trương Như Cương, Bố chính lĩnh Tuần phủ Hưng Hoá là Bùi Quang Thích đều được thực thụ ; Thị giảng lĩnh Tuần phủ Thái Nguyên là Lê Bảng thăng thụ Hồng lô Tự khanh, nhưng vẫn lĩnh chức cũ, đều là vì "Vạn thọ khánh tiết nên ban ơn". Bây giờ, Như Cương dâng biểu tạ ơn.

Vua phê bảo rằng : "Khanh là người vốn có tiếng am hiểu tài cán, ở nơi trọng yếu ấy, nên nghĩ đi nghĩ lại, để đội ơn nên nghĩ báo đáp, nghĩ đến chức phận làm việc siêng năng, trên hết lòng thờ vua, dưới gia ơn cho dân, ngõ hầu việc nước mới chóng thành thì lòng tin giao phó đã sâu lại dày, đó là trẫm mong lắm !".

Tỉnh Khánh Hoà bị lụt và đói.

Chuẩn cho trích lấy 3.000 phương, ở Bắc Kỳ chở vào hiện trữ ở cửa biển Đà Nẵng, đem tải cấp cho.

Quan quân Pháp đóng ở Thanh Hoá đánh phá ở Ba Đình (3 thôn Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mỹ Khê thuộc huyện Nga Sơn ; đình làm liền nhau nên gọi là Ba Đình) đi đến san phẳng đồn ấy.

Trước đây, Phạm Bành cùng bọn Hoàng Bật Đạt và Đinh Công Tráng, họp quân ở phận rừng các xã Kim Âu, Thạch Bằng, quan quân Pháp đi đến để dẹp. Bọn Bành cho nơi ấy hiểm trở có thể trông cậy được (đứng trông 4 phía, đều là bùn lầy, sâu hơn 2 - 3 thước, chỉ có 1 con đường ra vào), bèn đem quân đến chỗ ấy lập đồn trại, chứa lương thực, làm kế giữ vững, quân Pháp đánh mãi không được rút về, vài hôm sau lại chia 3 đường tiến đến, bọn Bành nấp bắn, quân Pháp chết và bị thương rất nhiều, không vào được, bèn phi báo cho quân đóng ở các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, hẹn ngày tụ họp để vây, ngày đêm đem đại bác bắn phá, lại bó nhiều bó củi, hằng đêm sai quân Pháp, mỗi người mang 1 bó dàn ra phía trước đỡ đạn, rồi thúc dân phải đi theo sau liều lội trong đám bùn lấp đắp con đường để vào, hơn 2 tháng mới tiến đến gần luỹ, bọn Bành ở trong bắn ra, quân Pháp dù bị thương và chết càng đánh mạnh. Bọn Bành liệu không giữ được (hôm 28 tháng chạp năm trước), bèn phá vỡ vòng vây chạy ra, quân và dân bị chết hơn 500 người, quân Pháp vào đồn thu hết lương thực, khí giới và phá huỷ đồn luỹ.

Chuẩn cho tỉnh Thanh Hoá về thuế thân và thuế ruộng đất vụ chiêm năm trước, trừ số 2 thành đã được tha giảm ; nay lại gia ơn cho miễn 2 thành nữa và thuế các hạng sản vật được miễn 3 thành, vì hạt ấy bị giặc tàn hại quá, nên châm chước theo lời tỉnh thần đề xin.

Đúc bài thưởng công (100 cái) giao cho Khâm sai Tả trực kỳ Bình, Phú, Thuận, Khánh là Phan Liêm để phòng ban thưởng.

Tỉnh Quảng Bình sau khi loạn lạc, dân tình eo hẹp, chuẩn cho lệ thuế năm trước còn thiếu, chia làm 10 thành, gia ơn giảm cho 5 thành.

Sơn phòng sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân đem quân đến Bình Định, phá đồn Lão Thuộc.

Nguyên Đề đốc là Đinh Hội (xưng Tổng đốc) ; nguyên Lãnh binh là Vũ Lân (xưng Đề đốc) và Phạm Sĩ (con Đề đốc đã chết là Phạm Biểu, xưng Lãnh binh), đều ra thú, viên sứ thần ở tỉnh ấy, tạm cấp cho quan chức, (Hội - Đề đốc, Lân - Lãnh binh, Sĩ - Phó lãnh binh), sai thu binh lương để đề phòng sai phái ; bèn tiến binh thu phục phủ thành Hoài Nhân, lại dẹp tan quân giặc ở thôn Lộc Giang, số thân hào và quản suất cũ ra thú rất nhiều, cho đều tuỳ nghi châm chước làm việc.

Kính sửa điện Cần Chính. Cho Hà Văn Quan được thực thụ Tả tham tri bộ Công, sung làm Chánh đổng lý ; Thượng thư bộ Công là Lê Hữu Thường đi lại trông coi tất cả.

Cho quyền Tuần phủ Lạng Sơn, Cao Bằng là Nguyễn Huy Lân về hưu, lấy Thị giảng Học sĩ, lĩnh Bố chính Lạng Sơn là Vi Văn Lý tạm giúp việc.

Toàn quyền đại thần mới của nước Pháp là Bi-u đến Hà Nội. Nguyễn Hữu Độ theo lời chuẩn y cho thân đến thăm hỏi khoản tặng và tặng các quý quan phẩm vật có thứ bậc.

(Tặng viên Toàn quyền đại thần : 1 bức chân dung của nhà vua, 1 khẩu súng vua dùng ; 1 cái như ý bằng ngọc, 2 lọ mực bằng ngọc, 1 ống bút bằng ngọc ; 2 cái khay chè bằng ngà voi, 4 góc bịt vàng ; 1 cái ngà voi, 2 cái sừng con tê, kim ngân tiền mỗi thứ 5 đồng ; khánh vàng hạng lớn 1 cái ; 1 bộ tô trúc văn phòng.

Dưới đây, là đồ vật bằng gỗ đỏ khảm xà cừ : tráp đựng trầu 1 cái, tủ dài 2 cái, khay hình cái mộc 1 cái.

Tặng Nguyên suý đại thần : khánh vàng hạng hớn 1 chiếc, kim tiền 1 đồng ; dưới đây là gỗ khảm xà cừ : khay chè 1 cái, tráp dài vuông 1 cái.

Tặng Thống sứ đại thần Bắc Kỳ : khánh vàng hạng lớn 1 cái ; tủ dài bằng gỗ đỏ khảm xà cừ 1 cái ; còn quý quan 33 viên, đều tặng khánh vàng hoặc tiền vàng 1 chiếc).

Trích lấy 8.000 phương gạo ở Bắc Kỳ hiện trữ ở cửa biển Đà Nẵng, chở giao cho tỉnh Quảng Ngãi để phòng cấp phát, vì quan sơn phòng hiện đóng ở tỉnh Bình Định bắt dẹp giặc cần đến vật cần dùng cho quân đội.

Nguyên Tả tham tri bộ Binh là Hồ Phong chết (người Thừa Thiên, trước vì ốm xin về).

Cấp tiền tuất về hoả tai cho các thôn, phường thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội (các thôn, phường là : Phương Bài, Hà Khẩu, Ngư Võng, Dũng Thọ và Tân Khai, cộng 146 hộ, lệ trước cấp tiền, gạo mỗi hộ 1 quan tiền, 1 phương gạo ; nay chiểu giá gạo cấp tiền 6 quan).

Đốc thần Nghệ An là Nguyễn Chính đem tình hình ốm đau, xin cấp cho thuốc men.

Vua nghĩ Chính là thầy học cũ, chuẩn cho trích lấy đồ vua dùng ở kho trong như quế Thanh, Nghệ mỗi thứ 1 thanh, dầu quế 1 lọ, trầm hương 2 lạng, sâm Cao Ly 3 lạng, ban cho và bảo cho các ý cố gắng hết lòng hết sức xử trí cho chóng yên, nếu bốn phương còn nhiều đồn luỹ là cái nhục của khanh !

Dựng từ đường 4 đời họ Vũ về quê ngoại, ấm thụ con cháu có thứ bậc. (Tự Đức năm thứ 22 [1869], đã cho dựng đền thờ Lệ Quốc công ; đến nay nhân đó chế thêm biển ngạch khắc chữ : "Lệ Quốc công từ đường" ; còn từ đường 4 đời mới dựng, cho gọi là đền "Tích Chỉ", chiểu lệ khắc biển ngạch đem treo ; về tiết lễ 2 đền cả năm, cấp tiền 380 quan ; cháu thứ của Quốc công là : Vũ Xuân Trừng và Vũ Xuân Bật, ấm thụ Cấm binh Chánh đội, chi bổng Chánh ngũ phẩm ; còn Vũ Xuân Hoán và Vũ Xuân Hoạt ấm thụ Tinh binh Suất đội, chi bổng Chánh lục phẩm ; đền "Quốc công" cho Xuân Bật phụng sung làm Giám thủ ; đền "Tứ Đại" cho Xuân Trừng phụng sung làm Giám thủ).

Chuẩn cho thự Chưởng vệ quyền Chưởng Tả dực dinh Vũ lâm là Trần Văn Cư được thực thụ Chưởng vệ nhưng vẫn quyền Chưởng ; nguyên Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Tiền phong là Trương Văn Hùng (người Bình Định, năm trước mắc bệnh được ở ngoài, nhân lẻn về quê quán) theo nguyên hàm được quyền lĩnh Đề đốc Bình Định (hiện Đề đốc là Lê Viết Diễn tuổi hơi cao, cho về Kinh vào chiêm cận, việc xong do bộ xét định).

Khâm sai ở Tả trực kỳ[1] là Phan Liêm nghĩ xin : "Hiện nay, đánh dẹp bắt được bọn giặc rất nhiều, trừ tên đại cừ mục (suất đội trở lên) tình tội thuộc tội nặng, bắt được nên đem chém ngay, ngoài ra còn người có thể lượng giảm thì xích chân (2 người 1 xích), người bị khổ sai 10 năm ; tình tội thuộc tội nhẹ mà không được khoan tha thì khổ sai 5 năm, đến làm việc ở cửa Đà Nẵng và các sở có công việc, khi mãn hạn cho về". Vua y theo.

Khi trước, tỉnh thành Cao Bằng bị bọn Lương Tuấn Tú và Nghiêm Xuân Phương vây hãm (Tuấn Tú người Lạng Sơn, nguyên là Tiểu phủ sứ ở Lạng Sơn, Cao Bằng ; Xuân Phương người Hà Nội đỗ Cử nhân, nguyên là Án sát tỉnh Cao Bằng,

(1) Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà.

năm trước có việc đều bỏ đi nơi khác) ; Bố chính gia hàm Tuần phủ là Phạm Hàm ; Lãnh binh lĩnh Phó đề đốc là Trần Như Tú ; Biên tu sung Thương tá là Nguyễn Bỉnh ; Kinh lịch là Nguyễn Thành Toản (lĩnh Tòng ngũ phẩm), đều bị hại. (Hàm, Bỉnh bị giết, Như Tú, Thành Toản bị giam chết).

Đến nay, quan quân Pháp tiến lên lấy lại tỉnh thành, quyền Kinh lược sứ là Nguyễn Trọng Hợp bàn cho quyền Tri phủ Trường Định là Phạm Văn Khôi quyền Bố chính ; Bang tá là Nguyễn Hữu Đôn, quyền Án sát và tạm làm ấn kiềm bằng gỗ để dùng, đem việc ấy tâu lên.

Vua cho hãy tạm làm việc, sau xét định, lại chuẩn cho bọn Hàm được truy tặng và tiền tuất, tập ấm có thứ bậc. (Hàm tặng Tổng đốc, ấm thụ cho con là Biên tu ; Bỉnh tặng Trước tác, ấm thụ cho con là Đãi chiếu, đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp đôi ; Như Tú tặng Phó đề đốc, ấm thụ cho con Tinh binh Đội trưởng ; Thành Toản tặng Viên ngoại lang, ấm thụ cho con Tòng cửu phẩm bách hộ, đều chiểu hàm cấp cho tiền tuất).

Hoàng Tá Viêm tâu nói : "Tháng chạp năm ngoái, viên sứ thần ấy tuân theo đi ra ngoài quan ải, Lê Mô Khải cùng đảng nguỵ ra thú hơn 180 người (từ đầu danh mục có tiếng trở lên 30 người, sĩ, lại, binh, thứ 150 người) ; trong quan ải tiếp tục ra thú hơn 90 người (từ danh mục trở lên hơn 30 người sĩ, lại, binh, thứ hơn 60 người).

Vua cho theo như trước chuẩn cho tuỳ tiện làm việc, bọn Tham lý Nguyễn Văn Dụ (Hồng lô Tự khanh), Tán lý Đoàn Như Bích (Hồng lô tự Thiếu khanh), Lãnh binh Thái Văn Hiển (lĩnh Phó quản cơ), đều cho thăng trật có thứ bậc.

(Văn Dụ thăng Quang lộc Tự khanh ; Như Bích thăng Quang lộc tự Thiếu khanh ; Văn Hiển thăng Quản cơ, vẫn lĩnh chức Lãnh binh).

Phát chẩn cho dân theo giáo ở Hà Tĩnh.

(Các xứ : Vạn Thành, Đông Đường, quân giặc quấy nhiễu, nhiều người lưu tán, trích ra 100 phương gạo phát chẩn cho).

Quân Pháp tha cho Lê Đính (bố của Lê Thuyết) về.

Vua bảo : Lê Đính bị lỗi không phải là nhẹ, phải đợi lệnh bộ Binh, không nên đề phòng sơ suất.

Sửa lại trường thi Hương ở Thừa Thiên.

(Năm trước Kinh thành có việc, quân Pháp chiếm đóng, gỗ ván phần nhiều huỷ hoại và mất. Đến nay gần đến kỳ thi Hương, nên sửa sang lại).

Đình việc duyệt binh (vì cớ ngạch binh chưa sung túc, khí giới chưa đầy đủ).

Cho Hồng lô Tự khanh là Lê Văn Duyên (trước bị giáng và mất chức, mới được khai phục hàm ấy, đợi bổ) ; quyền lĩnh Tuần phủ Ninh Bình (Tuần phủ trước là Đồng Sĩ Vịnh, hiện bị quân Pháp bắt giam).

Đốc thần Nghệ An, Hà Tĩnh là Nguyễn Chính tư về viện nói : Quan quân Pháp cùng với lính tỉnh chia đi đánh dẹp ; những cừ mục phần nhiều đã trốn xa, còn Lê Ninh rất dữ dội (xưng Tán lý), thăm dò đích bị khí độc chết, ngoài ra phân tán trốn tránh, cướp bóc, xét ra vì đói cùng, hiện đã chia quân dẹp bắt tới cùng, chẳng bao lâu cũng được yên ổn.

Phủ thần tỉnh Hưng Yên là Hoàng Cao Khải đem hiện tại tình hình dẹp giặc, tư vào viện nói : Tháng chạp năm trước đi đến các hạt có giặc đánh dẹp, lần lượt thắng trận, cộng 7 trận, bắt sống được nhiều cừ mục của giặc (cừ 10 tên, mục 12 tên) ; hiện nay các phủ, huyện ở hạt Bắc (Thuận Thành, Văn Giang, Gia Lâm, Lương Tài và Gia Bình) đều đã yên ổn, duy 1 hạt tỉnh Đông hãy còn giặc ương ngạnh, những phủ huyện : Gia Lộc, Thanh Hà, Ninh Giang) ; nhưng đã tới ngày Tết, quân tình mong về, đã chia quân đóng ở các đồn, hoặc tạm cho về nghỉ ngơi, đến mùa xuân năm nay lại phải hội họp để đánh dẹp.

Tháng 2, lĩnh đốc Nam Định - Hưng Yên là Vũ Văn Báo tâu nói : Tháng chạp năm ngoái, tỉnh ấy nghe tin viên nguyên Tá lý là Vũ Ngọc Tuân (đỗ Đồng tiến sĩ, người Nam Định, nguyên tên là Hữu Lợi), bí mật mưu toan khôi phục tỉnh thành, tức thời thương lượng với quý Công sứ, mật phái người đi do thám và bắt, hiện đã được đích thân, tỉnh ấy đã kết án Ngọc Tuân, chiểu theo luật mưu phản, xử tội chém ngay, Nguyễn Văn Quý dò bắt đắc lực (Phó quản cơ, làm Phó lãnh binh), xin thưởng thụ Lãnh binh, đã trình quý quan Toàn quyền duyệt y và đã đem Ngọc Tuân ra chém. Viện thần tâu lên ; chuẩn y án đã định.

Thế giặc ở Quảng Nam lại bùng lên. Chuẩn cho Sơn phòng sứ ở Quảng Ngãi - Bình Định là Nguyễn Thân cấp tốc tới hợp với Khâm sai là Phan Liêm và quan quân Pháp để đánh dẹp.

Bấy giờ, hạt Bình Định đã có quân Pháp phái Trần Bá Lộc đem quân đi trước, cùng với quan quân Pháp phái đi trước hội lại cùng đánh, binh lực đã đầy đủ, nên cho Thân về Nam, hẹn ngày giáp đánh, mong sớm được xong việc.

Cho Quang lộc Tự khanh, trông coi đường sá là Vũ Xuân Cơ, đổi làm Tá lý bộ Công, nhưng về nguyên quán, sung làm trông coi ở đền "Tích Chỉ", việc xong về Kinh nhận chức. Thái thường Tự khanh, Tá lý bộ Công là Nguyễn Thạc, sung làm trông coi đường sá ; vì cớ vâng theo ý Chỉ của Hoàng thái hậu làm đền Tích Chỉ thiếu người trông coi.

Đổi lại thống hạt thuộc Hà Nội, Nam Định ; cho tỉnh Ninh Bình thống hạt vào Nam Định, tỉnh Hưng Yên thống hạt vào Hà Nội.

Quyền Kinh lược Nguyễn Trọng Hợp tâu nói : Các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, khi trước chiểu theo địa thế chia đặt ra ; duy nay công việc

cầm phòng, khống chế, so với trước có khác, đã được viên Công sứ xét định cho làm (Công sứ ở Nam Định cai quản cả Ninh Bình ; Công sứ ở Hà Nội cai quản cả Hưng Yên), nay xin y như viên công sứ đã cai quản cho được thoả tiện, về quan hàm theo sự thực, cho viết những chữ : Hà - An, Định - Ninh ; như các ấn tổng đốc quan phòng, vẫn để dùng như cũ, đình việc khắc lại, cho đỡ phiền phức. Vua y lời đã định đó.

Quan quân Pháp đóng ở Thanh Hoá bắt được tên thổ phỉ là Hà Văn Mao đem chém.

Mao là thổ tù ở huyện Cẩm Thuỷ, khoảng năm Kiến Phúc (1884), can án đốt giết dân theo giáo, bèn chống cự mệnh lệnh, lúc hiện lúc ẩn ở các tổng thượng du thuộc huyện ấy, đến nay xử tội, dân mới được yên tĩnh.

Phủ thần Quảng Trị là Nguyễn Văn Thi tâu nói : Quan người Pháp ở tỉnh ấy bàn rằng, xứ Mai Lĩnh thuộc phủ Cam Lộ nên đặt 1 đồn ; lại từ phủ Cam Lộ đến đồn ấy nên khai phá 1 con đường rộng, để tiện đi lại, định bắt dân phu hạt ấy do viên phủ ấy xem xét làm việc. Vua y cho.

Những tỉnh Bắc Ninh, Thanh Hoá, Hải Dương bị tai nạn dịch lệ, đều chiểu lệ tính toán chế thuốc để điều trị.

Xây đắp đài Bị Lãm (ở trong Cấm thành), khi việc xong, thưởng cho người đứng trông coi là Chưởng vệ Nguyễn Văn Phó đồng kim tiền (có dây đeo).

Phủ thần tỉnh Hưng Yên là Hoàng Cao Khải tâu nói : "Huyện Đông Anh hạt tỉnh ấy vốn là ruộng đồng màu mỡ, mấy năm nay giặc giã quấy nhiễu, dân ly tán, ruộng bỏ hoang, thần là phủ thần tỉnh ấy bàn uỷ cho Bang tá hàm Tri huyện là Đặng Đình Trân đến đấy xem địa thế, chia đặt đồn, quan tỉnh ấy thay nhau đến khuyên bảo đốc thúc, đã tự đến và chiêu mộ, lập thành được 22 ấp (mỗi ấp 7 - 8 nhà đến 30 - 40 nhà), ruộng hơn 700 mẫu, xin cấp giấy quyên trợ, chước định tên xã và theo lệ định thưởng".

Vua chuẩn thưởng cho Đình Trân hàm Thị giảng, vẫn sung chức Đốc biện, cho sớm được thành hiệu.

Tạm đặt ngự triều ở điện Khâm Văn.

(Vì điện Cần Chính dỡ xuống lợp lại, nhân viên binh lính ra vào huyên náo, nên chuẩn cho tạm dời ra đó để được yên tĩnh, đợi công việc xong, lại theo như cũ).

Xuống Dụ quở các phi tần trong nội đình và giáng xuống có thứ bậc (Quan phi là Trần Đăng thị nói năng tục tằn, giáng làm Tuỳ tần ; Chính tần là Hồ Văn thị không nghĩ đến việc công, giáng làm Mỹ nhân ; Nghi tần là Lê thị dữ tợn, tham lam, đố kỵ, ghép tội nặng, giáng làm Tài nhân ; Tài nhân ở cửu giai là Trịnh thị,

Nguyễn Hữu thị, tính quen dối trá, khinh nhờn, đều giáng làm Cung nhân. Hoàng quý phi không biết sửa mình, quản suất mọi việc, để trong Nội đình không theo phép tắc, cũng quở mắng ngặt hơn).

Cho Phan Đình Bình thực thụ Văn Minh điện Đại học sĩ, đổi lĩnh Thượng thư bộ Hộ. Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Thuật đổi làm Thượng thư bộ Lại.

Dồn các hạng lính mộ trước mới triệu đến làm 2 vệ : Tuyển phong và Kỳ võ ; Phó đề đốc ở Sơn Tây trước (ký bổ kém 1 trật) là Nguyễn Trì cất bổ làm Chưởng vệ để coi quản 2 vệ ấy.

Cho Phó vệ uý vệ Thủ hộ là Hồ Văn Dũng thăng Vệ uý quân Cấm binh, quyền Chưởng Hữu dực quân Vũ lâm.

Dồn lính tuyển ở Hà Tĩnh làm 5 vệ (Tĩnh uy, Tĩnh chấn, Tĩnh dương, Tĩnh tiệp, Tĩnh thuỷ, trong đó thì 4 vệ lính mộ, mỗi vệ 450 người, 1 vệ lính thuỷ 300 người), chiểu theo lệ thôi thúc 1 nửa (nguyên có 8 vệ, số lính là 3.892 người).

Bố chính Hà Tĩnh là Nguyễn Doãn Tựu trong tập tâu có đem việc nhân dân thuộc hạt giữ phủ thần là Vũ Khoa ở lại (mới được thăng lĩnh Tổng đốc Bình Định - Phú Yên) đem việc ấy tâu lên. Bộ Lại xét nghĩ cho là phủ thần ấy là người lão luyện, ở đó công việc nhiều, có tài làm việc, nên dân tình ở đấy yêu mến ; nay nếu theo lệnh về thì hiện tình hạt ấy không khỏi thêm khó khăn trở ngại và viên ấy đã cai trị hạt ấy, tình thế am hiểu, phàm công việc tưởng có năng lực làm nổi, vậy Vũ Khoan xin theo hàm Tuần phủ mới được thực thụ, vẫn ở lại tỉnh Hà Tĩnh, để khỏi cô phụ lòng người mong mỏi ; còn như mới được thăng Tuần phủ là Hoàng Vĩ, xin cho về Kinh để đợi Chỉ. Vua y cho.

Hồng lô Tự khanh lĩnh Bố chính Quảng Nam là Trịnh Quang Chiểu, vì không kham nổi công việc phức tạp, làm sớ tâu xin bổ chỗ ít việc, về Kinh để đợi tội. Bộ Lại cho là Quang Chiểu sợ khó, mượn tiếng trốn tránh, xin biếm 1 trật, cho lui về nguyên hàm ở Sử quán (Quang Chiểu về năm Đồng Khánh, Ất Dậu [1885] hiện là Thị giảng Học sĩ, sung Sử quán Biên tu, thăng bổ hàm ấy).

Chuẩn cho theo bộ xét định, bàn cho Quang lộc tự Thiếu khanh, Tá lý bộ Lễ là Phan Huy Nhuận, thăng thụ Hồng lô Tự khanh để thay.

Viên ký lục Pháp là Mi-ben-ly, tháng 6 năm trước bắt được thuyền buôn nước Thanh chở trộm tiền đồng có hình dáng lạ ; tháng 9, bắt được người nước Thanh mua trộm trẻ con, đàn bà nước này đáp thuyền về Hương Cảng, Hải phòng sứ ở Quảng Nam là Nguyễn Văn Học đem việc ấy tâu lên. Chuẩn cho thưởng 1 đồng tiền vàng có 3 chữ "thọ" (có cả dây đeo) giao cho phòng thần truyền Chỉ thưởng tặng để tỏ khuyến khích.

Khâm mệnh Hữu trực kỳ[1] là Hoàng Tá Viêm tâu nói : Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Lữ làm việc tầm thường, xin cho Tá lý bộ Hộ là Nguyễn Vỹ, cất bổ Bố chính tỉnh ấy. Chuẩn cho Lữ về Kinh đợi lệnh. Vỹ được thăng Quang lộc Tự khanh để nhận thay.

Vua làm bài thơ răn bảo các quan, theo thể trường thiên (bảo về các ý lớn các quan : phải lo nghĩ chức vụ, làm việc siêng năng ; đương lúc thời cục khó khăn này cần phải lo đỡ).

Sai các thần viết tinh tả, cấp cho các nha ở 6 bộ và các ấn quan từ ngũ phẩm trở lên, mỗi người 1 bản để cùng khuyến khích.

Bọn Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình tâu nói : "Năm trước, khi làm lễ tấn quang (lên ngôi vua) xong, được mong ơn 4 chữ "cố mệnh lương thần" là vì sau khi lưu tán, thu nhặt là khó, đặc biệt theo mệnh lệnh để lại của Tiên thánh (mệnh lệnh lập con) ban cho, để hết lòng lo báo đáp. Nay nhà vua ở trong siêng năng mọi việc chính trị, ở ngoài khéo tu hiếu với lân bang, dựng đặt giường mối, chính danh phải ở mình trước, vậy 4 chữ ở trên hàm, kính xin thu về, để được yên lòng làm việc". Vua y cho.

Cho Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Thuật, kiêm sung chức Phó tổng tài ở Quốc sử quán.

Khâm sai Tả trực kỳ là Phan Liêm nghĩ định 1 điều trách phạt, đem nghiêm yết các xã, thôn, nhưng tư vào viện để tâu lên.

Đảng giặc lén ở hương thôn, mà hào lý sở tại không bẩm báo, đều theo số giặc đến trú ngụ nhiều hay ít mà trách phạt, từ 100 quan đến 3.000 quan, bốn bên cạnh không dò báo đều giảm cho một nửa, phạt tiền từ 25 quan đến 300 - 400 - 500 quan ; nếu tái phạm, phạt gấp hai, mọi lẽ.

Vua bảo : "Cốt phải đánh dẹp võ yên thế nào ?", nếu điềm nhiên ngồi nhìn, chỉ lấy phạt là thượng sách sợ sau không bao giờ hết, mà cái ý nghĩ sợ uy mến đức ra sao ?". Không cho.

Bãi bỏ cách thức đúc tiền đồng 1 đồng ngang 10 đồng.

Năm trước, nha Đốc công ở Vũ khố xin đúc tiền đồng niên hiệu Đồng Khánh, ngang với 10 đồng, chiểu theo tiền đồng lớn đời Minh Mệnh, mỗi đồng thêm từ 1 đồng cân 7 - 8 phân đến 5 - 6 phân, vành ngoài hơi rộng và dày, để có phân biệt. Đã chuẩn cho theo đó mà làm. Đến nay, viện Đô sát là Trần Lưu Huệ tâu nói : "Tháng 6 năm ngoái, nha ấy đã bắt đầu làm, đến nay đã 7 - 8 tháng, lần lượt đúc thành tiền, cộng 294 quan, 9 tiền, 37 đồng, mà phí tổn về nhân công vật liệu rất

(1) Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá.

nhiều, chỗ được không bù chỗ mất ; huống chi tiền ấy so với triều Minh Mệnh vừa nặng vừa to, không được tiện, mà 1 đồng ngang 10 đồng, dân gian tiêu thụ chưa quen, khó lưu thông được, vậy cách thức đúc tiền nơi ấy nên cho đình chỉ lại, còn các thứ khuôn và nồi tạm để lại đợi dùng. Lại chiểu theo cách thức tiền đồng Thiệu Trị vừa dày vừa tốt, ngang giá 6 đồng, đúc ra tiền Đồng Khánh thông bảo cho được tiện và dễ tiêu dùng". Vua nghe theo.

Tỉnh Thanh Hoá bắt được Lê Trí Thực đem chém (nguyên là Sơn phòng sứ, xưng Tán tương).

Trí Thực đem đồ đảng tới xã Phú Khê đòi quyên, lý hào xã ấy bày cách bắt đem nộp. Chuẩn thưởng cho cả xã bức biển ngạch có chữ "nghĩa dân", còn những người hội lại để bắt, thưởng bạc, tiền có thứ bậc.

Phát chẩn cho dân Mán bị lưu lạc ở 2 phủ Quỳ Châu, Tương Dương. Hai hạt ấy thường bị giặc quấy nhiễu, dân Mán cả trai lẫn gái phần nhiều lưu tán đến hạt huyện Hương Sơn thuộc Hà Tĩnh. Chuẩn cho tỉnh thần uỷ cho viên huyện sở tại, chi tiền, gạo đem chẩn cấp, rồi bất cứ nơi nào xếp đặt cho ở yên, để khỏi bơ vơ.

Nguyễn Hữu Độ từ ngoài Bắc Kỳ trở về trả lại mệnh lệnh. Vua nói : "Khanh đi chuyến này, trẫm mong lắm, các khoản thương lượng giảng giải (xem ở trên) tưởng cũng ổn thoả". Tâu trả lời : "Thần đi chuyến này, dẫu có ít ngày, nhưng cùng với viên Toàn quyền gặp gỡ đã 7 - 8 lần, các việc đã bàn qua". Vua hỏi : "Viên Toàn quyền là người thế nào ?". Tâu rằng : "Tốt". Lại hỏi : "Viên Toàn quyền lúc nào vào Kinh". Tâu rằng : "Viên ấy nói, mới đến Bắc Kỳ, hiện đương xem xét mọi việc, nhưng nghĩ nhà vua có ý hậu đãi ân cần, phỏng trong khoảng 1 tháng, cũng vào yết kiến". Vua nói : "Nghe nói sĩ thứ ở Bắc Kỳ muốn lưu khanh ở lại có quả thế không ?". Tâu rằng : "Nguyên viên Toàn quyền Pôn-be mới định ra thế khoá giao dịch quá nặng, lòng người vì thế lo sợ, thần cũng lấy làm lo, đã thương lượng cũng chưa châm chước giảm bớt. Sĩ dân thấy thần đã trọng nhậm lâu ở đó, tình thế đã am hiểu và giao thiệp ngày càng nhiều, đôi bên thoả thuận, chắc có thể thương lượng giảm cho, dân tình như thế, thực cũng bất đắc dĩ ; nhưng chuyến đi này, chỉ chuyên việc hỏi thăm và ban tặng phẩm, nên không dám chậm trễ ở lại, đợi viên Toàn quyền vào Kinh sẽ thương lượng sau".

Vua nói : "Khanh nên hết lòng thương thuyết, làm ơn cho dân một phương đó".

Phủ Thừa Thiên luôn mấy tuần mưa rét, ruộng lúa phần nhiều bị tổn thương, trâu bò cũng chết rét nhiều. Chuẩn cho Phủ doãn là Đào Tiến cầu đảo ở điện Huệ Nam, hết hôm ấy thì tạnh, thưởng cho Tiến 1 cái khánh vàng có 4 chữ "liêm, bình, cần, cán" và kỷ lục quân công một thứ.

Cho lĩnh Đề đốc (Lãnh binh) ở Hà Nội là Trương Văn Hậu, thực thụ Đề đốc, theo hàm mới về hưu.

Tháng 3, ở Kinh sư giá gạo cao vọt (mỗi phương 15 quan). Chuẩn cho trích lấy gạo ở kho 20.000 phương, giảm giá bán ra (mỗi phương 8 quan), để đỡ lo ăn cho dân.

Viện Cơ mật tâu nói : "Quan Pháp đi lại triều yết luôn, thiết đãi phần nhiều cần có súc vật chăn nuôi, hiện nay vật giá hơi cao, không tính dự nuôi, đến lúc ấy mới mua, sợ không được tiện ; nhưng xem xét trong thành chỗ kho ở Kinh, đất nhiều chỗ bỏ không mà rộng, cỏ mọc um tùm, tiện việc chăn nuôi, hiện giá ở tỉnh Quảng Trị hơi phải chăng, xin do tỉnh ấy kén mua : bò đực 5 con, bò cái 15 con, dê đực 2 con, dê cái 12 con, giao cho thương trường phái quân chăn nuôi, cuối năm sinh sôi được bao nhiêu, kê ra tư lên để kiểm xét vào sổ, để phòng khi cần đến". Vua nghe theo.

Hoàng Tá Viêm tâu nói : "Gần đây, dò xét được tên nghịch Đàm (em của Thuyết) lại tới nơi giáp giới Quảng Bình, Hà Tĩnh cổ động cho mê hoặc, xin tạm lưu Trấn thủ Quảng Bình, tới khi sớm được yên lặng, sẽ tuân theo tới Hữu kỳ, khẩn cấp làm việc". Vua y cho.

Viên Khâm sứ đưa thư đến nói : "Hiện nay, quan Pháp phái thêm 2 đạo binh (lính Pháp 2 đội, lính tập 1 đội, mỗi đội 200 tên) đi tới Quảng Nam hợp với 2 đạo binh của sơn phòng là Quảng Ngãi, Bình Định khâm sai Tả trực kỳ, để hết sức đánh một phen, cốt được sớm yên". Lại quan Pháp ở Bình Định báo : "Ở tỉnh ấy có 67 xã thôn, hiện đã ra thú hơn 650 xã thôn, đầu mục ra thú hơn 500 người".

Vua sai viện thần đem việc hợp lại để đánh, tư ngay cho bọn Nguyễn Thân, Phan Liêm biết mà làm. Rồi vì tình hình giặc ở Bình Định còn khẩn cấp, văn thân hạt ấy xin lưu phòng thần ở lại để giúp việc trấn áp. Ác Man ở hạt Quảng Ngãi cũng hiện đương càn dỡ quấy nhiễu, chuẩn cho Thân vẫn đóng quân ở hạt Quảng Ngãi cùng với Khâm sai Quảng Nam cùng làm thanh ứng.

Các quan Pháp ở Bắc Kỳ hội bàn đi khuyên khắp để đúc tượng viên Toàn quyền đại thần đã chết là Pôn-be bằng đồng để truyền lâu dài ; rồi đem việc ấy gửi công văn cho viện Cơ mật biết.

Vua cho Pôn-be trước đây sang ở Bắc Kỳ làm việc cho ta, rất có lòng thực giúp đỡ, nay đã có thư báo về, ta cũng nên hậu đãi, bèn chuẩn cho ban ân cấp 500 đồng và cho tôn nhân, đình thần 500 đồng, đưa cho quan Pháp để làm cho xong. (Nha Kinh lược Bắc Kỳ và quan các tỉnh, phủ, huyện đều có cúng thêm).

Viên Toàn quyền đại thần là Bi U vào Kinh, cho chiêm yết ở điện Thái Hoà. Hôm sau vua tới Sứ quán thăm hỏi, ở lại hơn 10 hôm rồi về Bắc Kỳ, tặng cho long bội tinh hạng nhất và các phẩm vật (khay vuông, dài bằng ngà voi 1 cái, chạm trổ

cành hoa con phượng cả trên dưới, 4 góc bịt vàng, đoạn gấm hạng nhất 5 tấm, cành vàng lá ngọc 1 đôi, sa tơ chín hạng tốt hàng nam 10 tấm).

Lúc trước, viên Toàn quyền đại thần đến Hà Nội, Nguyễn Hữu Độ vâng mệnh ra tiếp đón và hỏi thăm, vua đã cho tôn nhân, đình thần đưa thư đem tình hình hiện tại, công việc phải làm để bàn luận, yêu cầu định liệu. Viên Toàn quyền đáp rằng : Đợi ngày nào tới Kinh sẽ xét định. Đến khi viên Toàn quyền gần tới, lại chuẩn cho tôn nhân, đình thần đem các khoản định lại định thêm tiếp tục viết thư.

- Các thuế lệ ở Bắc Kỳ, nguyên trong tờ hoà ước, khoản thứ 11 nói, khi thu xong, quan Pháp và quan Nam hội đồng các sở chi phí và chi dùng vào việc công, tiền bạc mỗi thứ hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, trả về kho ở Kinh thuộc trình đình nước Đại Nam. Năm trước, viên Toàn quyền cũ là Pôn-be mới bàn định xếp đặt mỗi năm tải vào Kinh, tiền 380.000 quan, gạo 380.000 phương, mỗi phương chiết ra thành tiền cộng 2.280.000 quan. Thiết nghĩ : Sau khi công việc mới xếp đặt, trong Kinh còn thiếu thốn, số chi dùng không đủ ; nên được vua gửi thư cho ngài, xin cho tải thêm tiền và gạo chiết tính thành tiền, mỗi năm khoảng chừng 4.000.000 quan. Gần đây, tôi, Nguyễn Hữu Độ đi ra Bắc, thấy các tỉnh Bắc Kỳ, ngài hiện đang sửa sang, chi phí rất nhiều, thu thuế chưa được đầy đủ. Nay định hãy theo như xếp định mới, đồng niên tải vào Kinh số tiền gạo ấy (tiền và gạo đều 380.000) ; đợi Bắc Kỳ công việc đã bớt, thuế lệ sung túc, nên chiểu sổ thu vào, chia làm 10 phần, để lại mấy phần chi dùng vào việc bảo hộ, trích ra mấy phần tải vào kho ở Kinh, hai nước sẽ hội đồng bàn định.

- Quan viên ở Bắc Kỳ, từ tổng đốc đến phủ, huyện ; trước kia đã được nguyên suý cũ quý quốc là Cô-ra-xi xét định : Do Kinh lược sứ Bắc Kỳ chọn cử, rồi sau tâu lên, nhiều lần cứ theo tập trình bày của quyền Kinh lược Nguyễn Trọng Hợp, hiện nay cần người, về lựa đặt quan tỉnh, phủ, huyện, hoặc lính mộ, hoặc do lại điển, hoặc sĩ nhân, lệ dịch không có phẩm hàm, chiểu theo thể lệ dùng người của nước tôi, phần nhiều chưa hợp, nên dân tình chưa được thoả thuận. Nay định do quan Kinh lược và các quan tỉnh xét, đem người có thể kham nổi đốc, phủ, bố, án và đề lĩnh tâu lên, xin ghi để đấy, đợi có khuyết vâng Chỉ bổ dụng, nếu hoặc cần người sẽ xin chọn quan Kinh sung bổ. Còn như các phủ, huyện đều do quan Kinh lược và các quan tỉnh lựa cử lên, tư bộ để biết và xét, người được cử có hợp cách thì tâu xin y cho làm việc, người không hợp cách do bộ lựa người khác điền bổ ; nhưng vâng mệnh lựa bổ viên nào, đều đến Hà Nội đợi yết kiến quý đại thần phê phó cấp giấy chấp chiểu, mới được đến lỵ sở, tưởng làm như thế thì người ra làm quan mới lấy làm vinh, mà dân tình mới mong được sớm yên.

- Từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, trước định đặt 5 vệ lính tập ; nhưng các tỉnh ấy hiện tình chưa yên, chưa tiện bắt để dồn lại. Gần đây chỉ căn cứ

những tỉnh hơi yên, bắt để điền vào, nên chưa được đều ; nay định đợi việc dẹp giặc xong, sẽ chiểu theo ngạch trước, lính tuyển ở các tỉnh, liệu cho lựa chọn dồn lại, rồi giao cho quý quan luyện tập, các lính tập ấy nên để cho quý quan để phòng sai phái bao nhiêu, nên trích giao cho nước tôi nhận để sai phái bao nhiêu sẽ phải xét định.

- Khoản thứ 3 trong hoà ước có nói, địa giới nước Đại Nam từ tỉnh Biên Hoà giáp Nam Kỳ trở ra Bắc, đến tỉnh Ninh Bình giáp Bắc Kỳ, quan các tỉnh đều thi hành chức phận, trị dân như cũ. Và khoản thứ 11 có nói : Nước Đại Nam từ giáp tỉnh Biên Hoà đến giáp tỉnh Ninh Bình, quan bố chính cứ chiểu lệ thu thuế, nộp về triều đình nước Đại Nam, cứ theo y như cũ các việc như thế. Gần đây, các tỉnh ấy hiện tình chưa yên, nên đặt công sứ và quý quan binh đóng đồn để tiện đánh dẹp. Nay định chiểu theo ước cũ, trừ ra các cửa biển có khai thương, phải đặt công sứ trông coi ; còn các tỉnh hết thảy về dân chính cùng các hạng thuế lệ, xin do quan các tỉnh theo ước cũ mà làm ; nếu tỉnh hạt nào phải để quý quan đóng giữ, cũng chỉ giúp việc đánh dẹp, bắt bớ thôi.

- Từ Thanh Hoá trở vào Nam, hành cung các tỉnh là chỗ khi Hoàng đế nước tôi đi tuần hành vào đó nghỉ ngơi và tết Chính đán, tết Đoan dương, ngày khánh tiết, các quan tỉnh chiêm bái. Sau này quý quan phần nhiều tới đó ở, để đảng giặc vin cớ cổ động mê hoặc lòng người. Nay xin sức cho quý quan hiện đóng ở các tỉnh giao trả lại hành cung, để cho các tỉnh ấy tu sửa lại, làm nơi chiêm bái.

Yêu cầu cùng với các khoản ở thư trước, xem xét kỹ lưỡng.

Đến nay, viện Cơ mật đem các khoản thương lượng ngay trước mặt, viên Toàn quyền theo từng khoản trả lời.

- Về khoản tải tiền, gạo vào Kinh, viên ấy đáp rằng : Xét trong tờ hoà ước, nguyên không nói đến mỗi năm chở vào Kinh là bao nhiêu. Năm trước, viên Toàn quyền cũ nghĩ định số ấy, nay xét tờ biên định ấy không có bút tích của viên Toàn quyền Pôn-be, chỉ là ký vào tờ biên bản hội định trưng thu thôi. Hiện nay, ở Bắc Kỳ về việc quân nhu và các khoản sửa sang chi phí rất nhiều, tải vào Kinh con số như thế chưa tiện theo đó mà làm, duy tiền của nước tôi cũng quẫn bách ; tạm định chiểu theo số thuế hiện theo ở Bắc Kỳ năm Bính Tuất là hơn 7.500.000 quan, châm chước trích ra một phần năm tải vào Kinh, phỏng theo tiền Tây là 1.500.000 quan, còn từ năm nay trở về sau, tải vào bao nhiêu, nên đợi sẽ định sau.

- Về các tuần ty, từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận và các thuế ngạch ngoại như loại thuốc phiện, cau, rượu, thuốc lào và quế, viên ấy đáp rằng : Chiểu trong tờ ước đều nên đình bãi, thuộc về sở Thương chính trưng thu cả, hằng năm thu được bao nhiêu, chiểu theo nhiều ít, giao cho tôi một phần để dùng, duy có

sản vật nào không có xuất cảng, không dự vào các sở Thương chính, nên để tôi chiểu theo như trước tìm cách làm việc, nhưng chớ cho người buôn nước Thanh đứng lĩnh trưng, thành ra thêm hại cho dân. Hiện nay, tiền của nước tôi eo hẹp, thuế thuốc phiện ở các hạt ấy, hãy tạm để tôi lĩnh trưng, đợi sau này sẽ định.

- Về khoản từ Thanh Hoá trở vào Nam, thôi không đặt Công sứ, viên ấy đáp rằng : Đã xem xét lời bàn định của phủ Tôn nhân và đình thần cũng đúng, chỉ vì trước kia các hạt chưa được yên ổn, nên nước tôi có tạm đặt để giúp việc ; nếu tạm yên sẽ chiểu theo ước cũ mà làm.

- Về khoản cất đặt quan viên ở Bắc Kỳ, viên ấy đáp rằng : Năm trước, viên Toàn quyền cũ đã nghĩ xin, được xuống Dụ chuẩn cho, do viên Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ tuỳ tiện làm việc rồi sau tâu lên, các lẽ như thế đã được thoả hợp ; huống chi quan viên hiện đang làm việc ở Bắc Kỳ, viên nào không phải, nên do viên Toàn quyền tư xin đổi cách, nhiều lần viên Kinh lược chọn cử phải cùng với viên Toàn quyền thương lượng xem xét. Nay nếu do triều đình lựa bổ, đến thay rất chậm, tới khi tựu chức, viên Toàn quyền nếu có không hợp ý, không khỏi tư đổi, kéo dài thời giờ, rất thấy thêm phiền, nghĩ nên theo như cũ, do viên Kinh lược chọn cử là tiện.

- Về khoản trao trả các hành cung các tỉnh, viên ấy đáp rằng : Thư của tôn nhân, đình thần xét nghĩ là phải, duy gần đây các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam, hiện tình chưa yên, quan nước tôi phải đến đánh dẹp, không có chỗ ở, không thể không tới đó tạm trú. Nay sẽ sức cho quan nước tôi ở các tỉnh, dựng làm nhà tạm, dời đến ở đấy, rồi xin giao trả.

- Về khoản 5 vệ lính tập, đợi việc dẹp giặc xong, sẽ căn cứ vào ngạch tuyển ở các tỉnh, đều cốt phải chia cho đều ; khoản ấy phải theo. Lại bàn về khoản đất nhượng địa, viên Toàn quyền cũ định ra rất hợp. Gần đây viên Toàn quyền ấy đến, cũng đã để tâm tính làm, đợi mua được máy đúc tiền đến, đúc được nhiều, mới bắt đầu cho làm, còn như cho cỗ súng bằng đồng cũ và bắt phu san sửa đất nhượng địa, trong có các hồ ao, nước tôi đã nhận lời, xin theo đó mà làm mới được.

Lại nói đến 3 tỉnh : Phú Yên, Khánh Hoà và Bình Thuận, đã không giữ được ; tháng 6 năm ngoái, triều đình Pháp bàn định, chuyên do viên Nguyên suý ở Gia Định phái quan quân đi đến thu phục lại, về quân nhu hết bao nhiêu nước tôi phải chịu trả lại. Nay 3 tỉnh ấy đều đã yên tĩnh, về quân phí phải trả bao nhiêu, đợi khi về Bắc Kỳ tư xét số chi phí, sẽ tư cho viên Khâm sứ, chuyển tư lại cho biết, rồi phái quan lại đến vỗ về, cai trị dân ở hạt ấy.

Lại nói đến riêng thấy triều đình tôi những hoàng thân, quốc thích và quan viên, con số rất nhiều, trong đó há không có người ngồi ăn không ư ? Gián hoặc có người ra sức làm việc công, thời bổng lộc lại ít quá, nên khó trách được thanh liêm ;

từ nay nên giảm bớt rất nhiều, người không có việc, giảm bớt lương bổng, người đảm đương làm việc, cấp cho lương lộc nhiều. Lại thấy triều đình tôi những phí còn nhiều, đều là việc không cần cấp, nếu không sớm giảm bớt đi, sợ sinh ra nhiều điều không tiện ; tức như việc năm trước của nước Pháp, người làm cha mẹ dân, sớm tối yên nhiên vui chơi, chính sự bỏ nát, lại sinh sự nhiễu dân, để lòng người phiền chán, nên mới có hội dân chủ, rất là đáng phàn nàn, nước tôi nên lấy đó làm gương, phàm công việc trước hết sửa sang cẩn thận, chớ để mất lòng người, đó là điều cốt yếu. Nhưng bảo sẽ có thư đưa tới nói rõ ràng, rồi có thư trả lời thì cũng đều y như lời trình bày ở trước mặt mà thôi.

Dâng tôn hiệu Hoàng thái hậu.

Dụ rằng : "Từ xưa vua chúa anh minh hiền từ, cũng đều hiếu thảo phụng thờ chốn Đông triều (cung Thái hậu ở) đã đem cả nước để phụng dưỡng, phải tôn nhất trong nước để kính tôn, đời Hán có Minh Đức Hoàng hậu(1), đời Tống có Tuyên Nhân Hoàng thái hậu(2), đều là nêu đức lớn mà tỏ tốt đẹp.

Kính nghĩ, thánh mẫu ta : bao gồm rộng rãi, chung đúc phúc lành, yên lặng nghiêm trang, khuôn phép ngay thẳng, giúp Hoàng khảo ta là Dực tông Anh hoàng đế, sửa sang việc bên trong 36 năm, nối được gương sáng của Khương hậu(3), Chí hậu(4) chỉ làm nhân đức, đức hoá khắp cả nước nhà, tốt lành đầy rẫy nền xã tắc. Hoàng khảo ta trong khi hấp hối, có để chiếu lại, tấn phong làm Hoàng thái hậu, đại lễ chưa kịp làm chợt gặp biến cố, nhờ được 9 miếu linh thiêng, thánh tổ mẫu và thánh mẫu ta chứa đức, nên được hưởng phúc đến ngày nay ; đó là đức hợp trời cao, sáng ngời đất hậu, chứa ở trong mà phát ra ngoài ; vốn đã thành thực sâu xa, lại thêm hiền lành cẩn thận, không phải là nghiêm ư ! Trông thì tụ khí, tới nơi thì rất ôn hoà khôn lường, không phải là tốt ư ! Trẫm vẻ vang nhận nghiệp lớn, được đem cả thiên hạ, phụng thờ ấm lạnh, tôn thân cùng hợp, cả nước cùng chung.

Trước đã được tôn nhân, đình thần kêu xin tấn gia tôn hiệu là : Trang Uý Hoàng thái hậu, kính vâng Từ Chỉ, khiêm tốn không nhận, thực là đức cao sáng, không thể hình dung nói được. Nhân nghĩ : Sách ngọc quý giá, đời đời có huy hiệu, là tình cũng là lễ đó ! Vậy nên kính dâng huy chương, để tỏ phúc nước. Nay cứ tôn nhân, đình thần 2 - 3 lần kính xin, trẫm đem ngay việc ấy tâu lên, may được vui lòng

---

(1) *Minh Đức Hoàng hậu* : tức Minh Đức Mã hoàng hậu, con gái nhỏ của Mã Viện, Hán Hiển Tông lên ngôi, phong làm Hoàng hậu.

(2) *Tuyên Nhân Hoàng thái hậu* : khi Tống Triết Tông lên ngôi, tôn làm Hoàng thái hậu, lâm chính quân, triều đình êm lặng, người ta khen là "nữ trung Nghiêu Thuấn".

(3) *Khương hậu* : vợ Chu Tuyên vương, vì Tuyên vương hay ngủ trưa, bà cởi đồ trang sức, đứng chịu tội ở Vĩnh hạng và nói : Thiếp không có tài để quân vương thất lễ ngủ trưa.

(4) *Chí hậu* : tức Thái Nhâm, mẹ Chu Văn Vương, sinh ở nước mà trước gọi là nước Chí Trù.

Đều tra ở *Bội văn vận phủ*, vần "hậu" và vần "nhâm".

y cho, còn công việc làm lệ tấn tôn, chuẩn cho quan có trách nhiệm đều chiểu lệ mà làm, để yên lòng thành kính của trẫm là được thừa hoan phụng dưỡng và hợp ý nguyện tôn thân của muôn dân.

Trước đây tôn nhân, đình thần tâu nói : "Đạo hiếu phụng của Nhà nước, tình lễ phải long trọng, đại lễ tấn tôn cả 2 cung, phải nên lần lượt cử hành, nhưng gần đây Nam, Bắc chưa yên, kho tàng chưa dư dụ, thợ thuyền cũng thiếu, nên khó tiến hành, nay nếu để chậm lâu, thần đẳng lòng cũng không yên, xin cho theo lời, tuỳ tiện làm việc, cho hợp với tình, các kim sách ấn vàng và kim sách tấn quang tấn tôn 2 cung, đều xin đổi chế bằng chất bạc mạ vàng, còn hòm gỗ đem theo sách ấn, đều xin đổi chế bằng gỗ cẩm văn, khảm xà cừ 4 góc và chỗ để khoá sơn son thếp bạc ; hộp đổi dùng bằng thiếc, hòm bạc đem theo sách, đổi chế bằng hộp lồng gỗ cẩm văn ; 100 lạng vàng mừng, đợi thư Dụ sẽ xin kính dâng.

Lại vâng xét việc tấn tôn Hoàng thái hậu, là do Chiếu Chỉ để lại, sau vì loạn lạc, chưa kịp cử hành ; tháng 8 năm Đồng Khánh, Ất Dậu [1885], lại xin gia tôn làm Trang Uý Hoàng thái hậu, được ý Chỉ từ chối, thần đẳng 2 - 3 lần kính xin, lại được ý Chỉ, việc tấn tôn giao cho tôn nhân, đình thần chọn ngày tốt, tấn tôn Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu xong, rồi sau sẽ cử hành. Thần đẳng bàn xét : Hiện nay việc đương bề bộn, chia làm 2 lễ, sợ có chưa tiện, việc gia tôn 2 chữ "Trang Uý", xin vâng Dụ thi hành ; còn như sách và ấn đều xin cho hợp làm 1 việc. Sách văn đại khái nói các ý vâng chiếu để lại, tấn phong hoàng thái hậu và xin gia tôn Trang Uý ; về ấn thì khắc : "Trang Uý Hoàng thái hậu chi bảo", ngõ hầu được giản tiện cả, vua đem việc ấy tâu lên, được ý Chỉ bằng lòng y cho, bèn xuống Dụ cho thi hành.

Tiết Thanh minh, vua mới thân hành đến Khiêm lăng và điện Hoà Khiêm làm lễ chiêm bái.

Gần đến kỳ đại lễ rước thần chủ Dực tông Anh hoàng đế vào Thái miếu. Chuẩn cho Hiệp tá Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội và Đô thống phủ Hữu quân Đô thống quản lĩnh Thị vệ đại thần là Nguyễn Đình Phổ, đều sung trông coi hết thảy các công việc phải làm, phải dự trước kiểm xét cho tề chỉnh.

Khoa này thi Hương ở trường Thừa Thiên, đường trạm ở các địa phương chưa thông đồng, các quan viên ở tỉnh ngoài chưa tiện phái đi làm việc, đình thần xin tuỳ nghi lựa chọn, trừ những viên : Chánh, phó chủ khảo và giám khảo, gần tới kỳ sẽ vâng mệnh bàn chọn, các viên khoa đạo kê tên tâu lên, đợi Chỉ kén chọn ; còn thì từ đề tuyển, phân khảo trở xuống, đến những viên sơ khảo, đều lấy quan viên ở Kinh và giáo huấn ở Quảng Nam, Quảng Trị cùng các cử nhân ở quê quán sung phái ; nhưng ở trong trường thì sơ khảo, phúc khảo chia làm tả, hữu 2 viện (mỗi viện sơ khảo 4 người, phúc khảo 3 người), trong đó viên nào quê ở phủ Thừa Thiên thì viện

bên tả, viên nào quê ở Quảng Nam, Quảng Trị và các tỉnh thì ở viện bên hữu, không được đi lại giao thông ; nhưng mặt quyển, dưới chỗ dấu gỗ là trường thứ mấy, tôn thất, tôn sinh và người ở phủ Thừa thì đóng thêm dấu khuyên vàng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, đóng dấu khuyên đỏ những người phụ thí đóng dấu khuyên xanh chàm để ghi nhớ ; do viên đề tuyển kiểm nhận, quyển thi của tôn thất, tôn sinh và phủ Thừa giao cho viện hữu ; quyển thi của Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình và thi phụ, giao cho viện Tả, đều chiểu phần điểm duyệt, việc xong, không được tới giám viện để xem". Vua y cho.

Rồi lại vì các hạt : Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh chưa được yên ổn, về trường Nghệ An (tỉnh Thanh Hoá cũng hợp thi ở đó), chuẩn cho lui hạn đến tháng 3 năm sau mới cử hành.

Lại miễn thuế lệ về nhân đinh điền thổ, thuộc năm ngoái và năm nay cho quê ngoại là xã Văn Xá.

Xã ấy, từ trước thuế lệ đều được tha miễn, cứ hết hạn 10 năm làm tờ tâu lên, được chuẩn cho 1 lần. Từ năm Đồng Khánh Ất Dậu trở về trước, đã nhờ ơn được miễn, năm ngoái và năm nay, nhân gặp trong nước có việc, chưa được chuẩn cho.

Vua cho đời đã hơi xa, mà hiện tình không ví như xưa, chiểu theo cũ tha miễn thì thuế khoá của nước thiếu nhiều ; nhưng gia ơn lại miễn cho 2 năm ấy, còn như sang năm trở về sau, chỉ miễn cho sưu sai phái tạp dịch, còn thì thuế lệ, cũng giống như các xã, cho tình nghĩa được trọn vẹn.

Đổi cấp thẻ đeo cho văn từ bát, cửu phẩm đến vị nhập lưu thư lại, võ từ đội trưởng đến binh đinh ở nha các bộ và dinh, vệ, ty, đội, từ trước thẻ đeo của các hạng người ấy, đều dùng sừng đen chế khắc, sau khi loạn lạc phần nhiều bị thất lạc. Bộ Công cho là chế cấp theo như cũ, sợ không lấy gì phân biệt gian dối, định xin chuẩn cho văn từ bát, cửu phẩm, võ từ đội trưởng, công tượng, chánh, phó ty, bát, cửu phẩm tượng mục, đổi chế thẻ sừng trắng ; thư lại, tượng mục chế thẻ sừng đen ; binh đinh và thuyền, thợ vẫn khắc thẻ sừng đen như cũ, theo hình cái mộc, cho có dấu riêng, đó là vì năm ngoái (tháng 11) ngu dân là Nguyễn Đới tự tiện vào Cấm thành, nên theo lệ cũ chế cấp, để phòng khi ra vào mà tiện hỏi xét.

Một đoạn đê công (dài 493 trượng) ở xã Do Đạo, tỉnh Hưng Yên (thuộc huyện Diên Hà), gần cạnh bờ sông, liền mấy năm vỡ lở ; phủ thần là Hoàng Cao Khải xin cho đắp lại, dân ở 2 huyện Diên Hà, Hưng Nhân và huyện Thần Khê là chỗ thế nước chạy đến, làm việc đắp. Vua y cho.

Khâm sai Tả trực kỳ là Phan Liêm làm sớ đem việc những tháng 11 và 12 năm ngoái, đến huyện Hà Đông nhiều lần đánh nhau với giặc, đánh phá đồn luỹ, bắt chém và thu được rất nhiều tang vật, tâu lên.

Chuẩn cho quan quân ở chuyến đi ấy được thăng trật và thưởng bạc có thứ bậc. (Nguyễn Văn Sính thăng Phó lãnh binh, Lê Văn Nhượng thăng Quản cơ ; còn thì thăng Cấm binh chánh đội 5 người, thăng Tinh binh chánh đội 10 người, thăng suất đội 12 người, thăng bát, cửu phẩm văn giai 7 người).

Viên quan Pháp (không rõ tên), đóng ở đồn Minh Cầm (thuộc huyện Tuyên Hoá, Quảng Bình), đánh dẹp và bắn giết được Nguyễn Phạm Tuân (nguyên Tri phủ, xưng Tán lý), thu được ấn của vua Hàm Nghi.

Chuẩn tặng cho viên quan Pháp 1 cái khánh vàng hạng trung, lính Pháp và lính tập đều thưởng bạc, tiền có thứ bậc.

Sơn phòng sứ Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tâu nói : "Hiện nay bọn cừ mục (Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền, Phạm Thông, Nguyễn Cương, Đinh Sán), dẫu chưa thành án nhưng tự đem quan quân đánh nhau với chúng, cộng 12 trận và thu phục đồn trại, sửa sang phủ lỵ, đều là khó nhọc ; các đề đốc (1 người), lãnh binh (2 người), phó lãnh binh (1 người), tán tương (1 người) ở chuyến đi ấy, xin thưởng cho 3 tháng tiền bổng ; còn những người đốc binh đến tòng phái cộng 139 người, xin thưởng cho 2 tháng tiền lương, để được thấm ơn". Vua y cho.

Chuẩn cho từ nay, phàm nhân viên đợi bổ, trừ người nào xuất thân khoa mục, ấm thụ hay Anh danh, Giáo dưỡng và không phải xuất thân khoa mục, Anh danh, Giáo dưỡng mà tuổi sức khoẻ mạnh, có đủ sắc bằng, sự trạng rõ ràng, sẽ do 2 bộ Lại, Binh ghi bổ ra, còn thì người nào văn bằng bị lấy mất, chỉ có quan viên nhận thực ; cùng người dẫu có văn bằng, mà xét ra là đã xa lâu sự trạng không rõ và tuổi ngoài 50 ốm yếu, đều cho do quan địa phương bẩm xét tư vào bộ, cho theo nguyên hàm về quê làm ăn sinh sống, không được bổ nữa. Và các tôn sinh, ấm sinh, tú tài, năm trước đã chuẩn cho không cứ đã được đủ niên lệ hay chưa, có sát hạch hay không, tình nguyện ra làm việc, đều lựa bổ thừa phái ở các nha, lúc ấy lại dịch chưa đủ, nên có nghị ấy, hiện nay lựa bổ, không phải thiếu người, lại theo lệ trước.

Nguyên Đô thống phủ Đô thống, Chưởng dinh Kỳ võ, quản lĩnh Thị vệ đại thần là Hồ Ngoạn chết, cho chiểu lệ cấp tiền tuất.

Ngày Mậu Ngọ (ngày 21 tháng ấy), kính đúc sách vàng, ấn vàng và sách vàng tấn quang, tấn tôn Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu và Trang Ý Hoàng thái hậu (đều đổi dùng bằng bạc mạ vàng).

Lĩnh Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Nguyễn Hiệp hết hạn cáo nghỉ, theo chuẩn y trước (tháng 7 năm trước) lại cung chức.

Chuẩn cho Hồng lô Tự khanh lĩnh Bố chính tỉnh Bắc Ninh là Dương Khuê, thăng Quang lộc Tự khanh, quyền Chưởng Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình (nguyên Tổng đốc trước là Vũ Văn Báo ốm nghỉ giả hạn).

Chuẩn cho ông hoặc cha hoặc bản thân ấm sinh, học sinh, tú tài, sĩ nhân, bị giặc bắt hiếp phải theo, nay ra thú, đều cho đi thi.

Mùa hạ, tháng 4, Phạm Bành ở Thanh Hoá (nguyên Thị độc lĩnh Án sát, làm loạn, xưng là Tán lý), đến tỉnh đầu thú, rồi thắt cổ chết.

Bấy giờ, con Bành là Phạm Tiên bị quan quân bắt được, viên Công sứ hạn cho 10 hôm, Bành không chịu ra thú, bèn đem Tiên ra chém, Bành bèn tới thú, viên Công sứ cho Tiên không có tội, lập tức tha về, Bành đã mang được Tiên về, ngay đêm hôm ấy thắt cổ chết.

Hoàng Bật Đạt (nguyên Tri huyện, xưng Tán lý) cũng bị dân xã bắt giải, viên quan Pháp đem bắn giết đi.

Làm trường học chữ và tiếng nước Đại Pháp. Cho Kiểm thảo kiêm trông coi ty Hành nhân là Diệp Văn Cương, kiêm sung Chưởng giáo (mỗi tháng cấp thêm tiền 100 quan) , Hành nhân vụ là Nguyễn Hữu Mẫn, sung làm trợ giáo (tháng cấp thêm 30 quan tiền) ; phàm con quan lại, binh, dân, cho tự xuất lương nhà tới trường học tập. Hằng năm, đến cuối năm, viện Cơ mật hội đồng sát hạch 1 lần, người nào hơi thông cho vào ty Hành nhân, chiểu lệ học trò, cấp lương cho học tập.

Định rõ lệ cấp tuất cho nhân viên văn, võ. Tuất điển về khoảng năm Tự Đức, Kiến Phúc, Hàm Nghi và năm Đồng Khánh Ất Dậu, đều được chuẩn định tuân hành.

Tháng 9, Tự Đức năm thứ 18 [1865], chuẩn cho ấn quan, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, không câu nệ tại chức hay hưu trí, hễ ốm chết, chết trận, theo lệ được cấp cho áo triều bào và tặng cấp tiền tuất, chánh nhất phẩm 800 quan, tòng thất phẩm trở xuống, mỗi trật giảm đi 100 quan, đến tòng tứ phẩm 100 quan. Thuộc viên, thuộc tiêu, lệ không được đem theo áo triều bào thì chánh tam phẩm 100 quan, tòng tam phẩm 80 quan, chánh tứ phẩm 60 quan, tòng tứ phẩm 40 quan, chánh ngũ phẩm 35 quan, tòng ngũ phẩm 32 quan, chánh lục phẩm 30 quan, tòng lục phẩm 25 quan, chánh thất phẩm 22 quan, tòng thất phẩm 20 quan, chánh bát phẩm 18 quan, tòng bát phẩm 15 quan, chánh cửu phẩm 12 quan, tòng cửu phẩm 10 quan, thư lại, binh tượng đều 3 quan. Từ ngũ phẩm trở xuống, người nào về hưu, không phải bắt buộc về hưu và nhân ốm về quê quán rồi chết, liệu cấp cho một nửa tiền tuất.

Tháng 8, năm Tự Đức thứ 29 [1876], được chuẩn cho cấp thêm ấn quan từ chánh nhất phẩm 900 quan (trở xuống mỗi trật giảm đi 100 quan, đến tòng tứ phẩm 200 quan. Thuộc viên, thuộc tiêu, chánh tam phẩm 200 quan, tòng tam phẩm 150 quan, chánh tứ phẩm 100 quan, tòng tứ phẩm 80 quan, chánh ngũ phẩm 70 quan, tòng ngũ phẩm 60 quan, chánh lục phẩm 50 quan, tòng lục phẩm 40 quan, chánh

thất phẩm 35 quan, tòng thất phẩm 30 quan, chánh bát phẩm 25 quan, tòng bát phẩm 20 quan, chánh cửu phẩm 18 quan, tòng cửu phẩm 15 quan, thư lại, binh tượng đều 6 quan.

Tháng 12, Kiến Phúc năm đầu [1884], chuẩn cho nhân viên đợi bổ, người nào ốm chết, trừ văn tứ phẩm trở lên, chiểu theo lệ trước mà làm ; còn ngũ phẩm trở xuống, chiểu xem lệ hưu trí bị bệnh, liệu cấp cho 2 phần 3.

Tháng 2, năm Hàm Nghi năm đầu [1885], chuẩn cho quan viên nào mà hưu trí, xét không có vết tích hèn kém và không phải bắt về hưu, mà nhân ốm phải bỏ khuyết, đều chiểu nghị trước cấp cho tiền tuất ; còn như hưu dưỡng, dưỡng bệnh, cáo nghỉ, đợi bổ, nhân ốm bỏ khuyết, trừ vết tích hèn kém, bắt về hưu ra, còn từ ấn quan trở lên, chiểu theo lệ trước cấp tuất, thuộc viên, thuộc tiêu từ tam phẩm trở xuống, có trọng tang, cáo nghỉ, đợi bổ về phụng dưỡng cha mẹ thì chiểu theo lệ năm Kiến Phúc, cấp cho tiền tuất 2 phần 3, hưu dưỡng, dưỡng bệnh thôi không cấp.

Tháng 12, năm Đồng Khánh, Ất Dậu, chuẩn cho ngũ phẩm ấn quan trở lên, chiểu lệ trước cấp tiền tuất cho một nửa, còn thì theo lệ mà thi hành.

Đến nay, 3 bộ Lại, Hộ, Binh cho là : Hiện nay kho tàng chưa dư dụ, xin cho quan viên từ trong Kinh đến ngoài các tỉnh người nào còn tại chức mà bỏ khuyết thì văn, võ ấn quan trở lên, chiểu lệ gia cấp năm Tự Đức thứ 29, nhưng theo nghị định năm Đồng Khánh, Ất Dậu cấp cho một nửa, (chánh nhất phẩm 450 quan, đến tòng tứ phẩm 100 quan) ; trong đó văn chánh ngũ phẩm ấn quan, nguyên chưa được bàn đến, nay bàn định thêm được cấp tiền 180 quan, nhưng theo nghị này chuẩn cho cấp một nửa (tức là 90 quan) ; còn võ thuộc viên chánh tam phẩm, văn thuộc viên chánh tứ phẩm trở xuống, chiểu nghị định năm Tự Đức thứ 18, chuẩn cho cấp cả. Còn như hưu trí, hưu dưỡng, trừ ngũ phẩm ấn quan trở lên, mà vốn có công lao, thực có công trạng rõ ràng (văn thì thường tham dự việc quân, hoặc công lao tài năng tỏ rõ, mà đều có công trạng gian lao ; võ thời thường trải trận mạc, mà thường lập được nhiều chiến công), tạm thời quan địa phương xét thực làm tập tâu đệ lên, sẽ do ty sở thuộc nghĩ xin chờ chuẩn y ra, còn thì hưu trí, hưu dưỡng, dưỡng bệnh, về nuôi cha mẹ, có tang cha mẹ, cáo nghỉ và đợi bổ, không cứ đường quan thuộc viên, hằng ngày làm việc bình thường, không có công lao rõ rệt đều định lại cả, đợi kho tàng tạm dư dụ sẽ xét định. Còn như nghị trước, ấn quan trở lên, các khoản hưu trí, hưu dưỡng, cấp tuất một nửa và có tang, cáo nghỉ, đợi bổ, cấp cho 2 phần 3, đều bãi bỏ.

Làm trường thi Hương ân khoa ở Thừa Thiên. Trường ấy các khoa trước số học trò hoặc 4.000, hoặc trên dưới 3.500, nguyên định lấy đỗ cử nhân 32 tên, tú tài 96 tên. Khoa ấy phủ Thừa Thiên và Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình các tỉnh hợp thi, ấm sinh, sĩ nhân phụ thí, chỉ có hơn 1.400 người. Bộ bàn định cho

là : Mấy năm nay loạn lạc, kẻ sĩ phần nhiều bỏ nghiệp, xin chiểu theo số đã định trước phê lấy, cho ân cách được rộng. Vua y cho.

Đình lệ có tang cha mẹ sau khi mới được 3 tháng, tình nguyện ra làm việc quan. Hai bộ Lại, Binh tâu nói : "Dạy điều hiếu, khuyên làm điều trung, là nghĩa chung xưa nay, tuy thánh nhân, nhân tình đặt lễ, định ra để tang 3 năm, nhưng kẻ nhân thần đã đem thân thờ vua, không nên lấy ơn riêng mà quên nghĩa công. Nguyên định trước Tự Đức năm thứ 3 [1850], trừ việc bác bỏ lời xin bắt ra làm việc do tự đặc chỉ ra, còn từ cửu phẩm trở lên và cử nhân, võ cử, cùng ấm sinh, giám sinh đợi bổ, hạn cho 2 tháng ; thư lại, thông lại và viên binh các hạng (hạn cho 1 tháng), cố nhiên đã cân nhắc châm chước, hợp cả tình lẽ, thế mà năm gần đây được chuẩn cho thuộc viên văn, võ có trọng tang cha mẹ, người nào gia kế bần hàn, sau 3 tháng tình nguyện ra làm việc quan cũng cho ; tuy là chỉ ý thể tất thương đến các quan lúc bấy giờ, duy định lệ không thống nhất, sinh cho người có lòng đua nhau ; gần đây hoặc có người mới hơn 1 tháng, mà đã vội xin ra làm việc quan, hoặc chưa được trăm ngày mà đưa đơn xin bổ, bồn chồn danh lợi, không nghĩ đến cha mẹ. Ôi ! Cầu tôi trung phải ở hạng con hiếu, dùng người như thế, không những nhục cả đạo thường làm quan, mà kiêu bạc quen thói, có quan hệ đến trị hoá không nhỏ. Từ nay xin chiểu theo nghị trước về năm Tự Đức thứ 3 mà làm, duy viên nào tình nguyện đến hết trở, thời ấn quan trở lên, được tư bộ tâu xin chuẩn cho, miễn cho viết tờ tâu ; thuộc viên trở xuống, bẩm lên bộ sẽ cấp bằng cho, miễn cho đề tâu giúp, còn như lệ sau 3 tháng ra làm việc quan, xin cho đình chỉ. Vua y cho.

Định rõ lệ cấp tiền lương hằng tháng cho binh, dõng, phu trạm.

Từ năm Đồng Khánh, Ất Dậu trở về sau, đã từng chuẩn cho lính ở Kinh, lính ở phủ Thừa Thiên và lính tuyển mộ, lính Kinh trạm ở các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, đều 3 quan, dịch thừa 4 quan, dịch mục 3 quan 5 tiền, lính tập ở Kinh 5 quan, lính các trạm 2 quan, lính mộ 1 quan. Đến nay định lại, lính ở Kinh, lính tập mỗi tháng 3 quan ; còn lính mộ ở phủ Thừa Thiên, lính tuyển ở các tỉnh và phu trạm ở Kinh đều 2 quan, thừa mục 3 quan, phu các trạm và lính mộ ở các tỉnh ngoài 1 quan 5 tiền, thừa mục 2 quan 5 tiền ; trên đây về gạo đều chiểu theo cũ là 1 phương.

Ban cấp cho Tổng lý binh chính đại thần nước Pháp là viên quan Năm Ca-lê, viên quan Tư Lơ-suy-en và viên Thống binh cửa biển Thuận An là Ba-nô, mỗi người 1 cái khánh vàng, vì từ khi đến làm việc, đều là có tâm địa cả.

Cho dựng làm đình bằng ngói, điếm ngói ở chợ Đông Gia.

Từ trước, ở trong chợ đều làm điếm lợp gianh, đến nay tên Suất đội là Nguyễn Đình Nên, tình nguyện bỏ của nhà, làm lại 1 toà đình ngói và 2 dãy điếm ngói, xin thu thuế chợ ấy luôn 6 năm, mỗi năm tiền 1.300 quan. Viện thần tâu xin chuẩn cho theo thế mà làm, duy lệ thu thuế chỉ ở những người ngồi buôn bán ở đình điếm trong chợ, chiểu theo vật hạng châm chước mà thu, không được đòi lấy quá lệ và chước định cho chiểu giá ấy thu luôn 3 năm, hết hạn sẽ xét sau.

Các tỉnh : Thừa Thiên, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam đều bị bão lụt (lúa chiêm chưa gặt, mạ mùa đã gieo, cùng hết thảy hoa lợi, đều bị ngâm nước tổn hại) ; tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An cũng bị nạn bão (ruộng lúa phần nhiều bị tổn thương).

Kiên huyện công là Ưng Đăng tự làm tờ tâu mật (bọn thị vệ bị lỗi, đợi xét, làm tờ tâu mật xin miễn cho. Lại tờ tâu tôi tớ thiếu dùng, không đủ để sai khiến).

Vua sai phủ Tôn nhân hội đồng với đại thần là Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, triệu Đăng và bọn giảng tập là Trần Hữu Khác, Nguyễn Thận Tu tới viện Cơ mật truyền Chỉ quở mắng, rồi phê bảo rằng : "Người anh em không có mấy, hồi tưởng lại xem thế nào ? Lúc bé cùng ở với ta, thường đem việc nhà khuyên, mừng mừng, lo lo, ân tình đã sâu và thắm thiết, huống chi ngày nay ư ! Ta nghĩ người xưa hiền hay không hiền không thiếu, nếu chỉ dẫn rộng ra, ngươi cũng không rõ, không bằng đem việc gần đây đã nghe thấy và dễ hiểu ; xưa Hoàng khảo ta, yêu các hoàng đệ, dạy đọc sách, duy có Kỳ Phong quận công khi vào Các, nhầm lỡ 1 lần, sau không thèm dạy bảo đến, suốt cả đời, cũng chỉ vì một lời nói mà mắc tội lỗi thôi, thực là đáng tiếc. Lại như Kiến An vương vốn không vượt ngoài lễ phép, duy lúc bé nhầm dùng thuyền rồng, được Thánh tổ ta có lòng nhân từ, đinh ninh dặn bảo ngay trước mặt, mà y sớm biết hối cải. Ngươi muốn lập thân, nên phải thế nào cho rõ đạo trời với đời sau, ngươi nên phải nghĩ trẫm không nói nữa".

Bọn Hữu Khác nhân nói : "Đăng kiêu ngạo, ham chơi, không thích học và chỗ ở cùng với thị vệ, thái giám liền nhau, tất có một hai đứa tiểu nhân dụ dẫn ngầm, tức như việc tâu mật đủ rõ ; xin cho dời đến ở chái tây dinh cũ để tiện răn bảo, sửa chữa và xin kén 1 viên đại thần trông coi, để biết sợ hãi cố gắng".

Vua nói : "Trẫm khi làm hoàng tử, nhờ Thánh tổ cho các giảng viên dùng roi trách phạt, cho biết sợ hãi, mới có ngày nay ; nay lời nói của giảng viên, không phải là không có ý kiến". Bèn chuẩn cho dời chỗ ở, rồi cho Tả tôn khanh là Tôn Thất Phiên trông coi.

Châm chước đổi lại bổng lệ các phủ đệ và tôn thất.

Bấy giờ, đình thần tâu nói : "Các phủ đệ đến tôn thất được cấp bổng lộc hằng năm, từ trước giá gạo rẻ, nên bàn định cấp cho số gạo xem ra nhiều, hiện nay kho

chứa ở Kinh chưa dư dụ, gạo ngoài Bắc vận chở thất thường ; nếu cấp hậu như cũ, sợ không kế tiếp được, vậy nên châm chước giảm bớt gạo, gia thêm tiền (đại khái giảm 1 phương gạo, gia thêm 1 quan tiền) và tiền bổng được trước, chia ra từng kỳ mà chiểu cấp, đợi kho tàng hơi dư dụ, sẽ lại theo lệ trước, trong đó công tử nữ, công tôn, tằng tôn và tôn thất, lệ trước chia ra làm 2 hạng : bố mất, bố còn ; lại tuỳ theo tuổi chia làm 3 - 4 hạng, phân biệt khi quá, xét ra là phiền. Nay châm chước định lại : bố còn, bố mất, tính tuổi chia làm 2 hạng, cho được giản tiện ; chỉ duy đàn ông, đàn bà họ tôn thất đã 70 tuổi trở lên và con gái thân công đi lấy chồng, niên bổng đều là không có mấy, xin đều theo như cũ.

Lệ trước : thân vương : tiền 1.500 quan, gạo 1.200 phương, nay chước đổi : tiền 2.100 quan, gạo 600 phương ; quận vương : tiền 1.200 quan, gạo 1.000, chước đổi tiền 1.700, gạo 500 ; thân công : tiền 1.000, gạo 800, chước đổi tiền 1.400, gạo 400 ; quốc công : tiền 700, gạo 500, chước đổi : tiền 950, gạo 250 ; quận công : tiền 600, gạo 400, chước đổi tiền 800, gạo 200 ; công chúa : tiền 400, gạo 300, chước đổi : tiền 520, gạo 180 ; quận công được tập phong : tiền 300, gạo 200, chước đổi tiền 400, gạo 100 ; được ân phong : tiền 250, gạo 150, chước đổi tiền 325, gạo 75 ; huyện công được tập phong : tiền 250, gạo 140, chước đổi tiền 320, gạo 70 ; được ân phong : tiền 230, gạo 130, chước đổi tiền 300, gạo 60 ; hương công được tập phong : tiền 230, gạo 130, chước đổi tiền 300, gạo 60 ; được ân phong : tiền 210, gạo 120, chước đổi tiền 270, gạo 60 ; huyện hầu được tập phong : tiền 210, gạo 120, chước đổi tiền 270, gạo 60 ; được ân phong : tiền 190, gạo 110, chước đổi tiền 240, gạo 60 ; hương hầu được tập phong : tiền 190, gạo 110, chước đổi tiền 240, gạo 60 ; được ân phong : tiền 170, gạo 190, chước đổi tiền 210, gạo 60 ; kỳ nội hầu được tập phong : tiền 170, gạo 100, chước đổi tiền 210, gạo 60 ; được ân phong : tiền 150, gạo 90, chước đổi tiền 180, gạo 60 ; kỳ ngoại hầu được tập phong : tiền 150, gạo 90, chước đổi tiền 180, gạo 60 ; được ân phong : tiền 130, gạo 80, chước đổi tiền 155, gạo 55 ; đình hầu được tập phong : tiền 130, gạo 80, chước đổi tiền 155, gạo 55 ; được ân phong : tiền 110, gạo 70, chước đổi tiền 130, gạo 50 ; trợ quốc khanh được tập phong : tiền 110, gạo 70, chước đổi tiền 130, gạo 50 ; được ân phong : tiền 90, gạo 60, chước đổi tiền 105, gạo 45 ; tá quốc khanh được tập phong : tiền 90, gạo 60, chước đổi tiền 105, gạo 45 ; được ân phong : tiền 70, gạo 50, chước đổi tiền 80, gạo 40 ; phụng quốc khanh được tập phong : tiền 70, gạo 50, chước đổi tiền 80, gạo 40 ; được ân phong : tiền 50, gạo 40, chước đổi tiền 54, gạo 36 ; trợ quốc uý được tập phong : tiền 50, gạo 40, chước đổi tiền 54, gạo 36 ; được ân phong : tiền 48, gạo 38, chước đổi tiền 52, gạo 34 ; tá quốc uý được tập phong : tiền 48, gạo 38, chước đổi tiền 52, gạo 34 ; được ân phong : tiền 46, gạo 36, chước đổi tiền 50, gạo 32 ; phụng quốc uý được tập phong : tiền 46, gạo 36, chước đổi tiền 50,

gạo 32 ; được ân phong : tiền 44, gạo 34, chước đổi tiền 48, gạo 30 ; trợ quốc lang được tập phong : tiền 44, gạo 34, chước đổi tiền 48, gạo 30 ; được ân phong : tiền 42, gạo 32, chước đổi tiền 46, gạo 28 ; tá quốc lang được tập phong : tiền 42, gạo 32, chước đổi tiền 46, gạo 28 ; được ân phong : tiền 40, gạo 30, chước đổi tiền 44, gạo 26 ; phụng quốc lang được tập phong : tiền 40, gạo 30, chước đổi tiền 44, gạo 26 ; được ân phong : tiền 38, gạo 28, chước đổi tiền 42, gạo 24.

Công tử lệ chưa được phong, bố còn, có 4 hạng : 6 - 10 tuổi, tiền 50, gạo 20 ; 11 - 15 tuổi, tiền 55, gạo 25 ; 16 - 20 tuổi, tiền 70, gạo 35 ; 21 tuổi trở lên, tiền 90, gạo 45. Bố chết, có 4 hạng : 3 - 10 tuổi, tiền 50, gạo 20 ; 11 - 15 tuổi, tiền 60, gạo 30 ; 16 - 20 tuổi, tiền 80, gạo 40 ; 21 tuổi trở lên, tiền 100, gạo 50. Nay chước đổi chia làm 2 hạng : Bố còn, từ 6 - 20 tuổi, tiền 50, gạo 20 ; 21 tuổi trở lên, tiền 60, gạo 25. Bố chết, từ 3 - 15 tuổi, tiền 50, gạo 20 ; 16 tuổi trở lên, tiền 70, gạo 30.

Con gái thân công chưa đi lấy chồng, theo lệ trước bố còn , có 4 hạng : 6 -10 tuổi, tiền 30, gạo 15 ; 11 - 15 tuổi, tiền 30, gạo 18 ; 16 - 20 tuổi, tiền 40, gạo 22 ; 21 tuổi trở lên, tiền 50, gạo 30. Bố chết, có 4 hạng : 4 - 10 tuổi, tiền 30, gạo 15 ; 11 - 15 tuổi, tiền 35, gạo 20 ; 16 - 20 tuổi, tiền 45, gạo 25 ; 21 tuổi trở lên, tiền 60, gạo 35. Nay chước đổi chia làm 2 hạng : bố còn, từ 6 - 15 tuổi, tiền 30, gạo 15 ; 16 tuổi trở lên, tiền 40, gạo 22. Bố chết, từ 4 - 15 tuổi, tiền 30, gạo 15 ; 16 tuổi trở lên, tiền 40, gạo 25.

Cháu, chắt trai của thân công, lệ trước : Bố còn, từ 7 - 20 tuổi, tiền gạo đều 12 ; 21 tuổi trở lên, tiền gạo đều 18. Bố chết, từ 4 - 10 tuổi, tiền gạo đều 12 ; 11 - 20 tuổi, tiền gạo đều 15 ; 21 tuổi trở lên, tiền gạo đều 18. Nay chước đổi lại : Bố còn, từ 7 - 20 tuổi, tiền gạo đều 12 ; 21 tuổi trở lên, tiền gạo đều 15. Bố chết, từ 4 - 15 tuổi, tiền gạo đều 12 ; 16 tuổi trở lên, tiền, gạo đều 15.

Tôn thất các hệ : Đàn ông, trừ người dự có quan chức và đến tuổi đến ở chỗ cha làm việc, không có chi cấp ra, còn lệ trước và chước đổi lại cùng giống như lệ cháu, chắt các thân công.

Nàng hầu ở phủ các thân công : tiền 60, gạo 36 ; chước đổi : tiền 64, gạo 32.

Con các công chúa, không kể trai, gái, chỉ cấp cho 1 người, tiền 35, gạo 18 ; chước đổi tiền 38, gạo 15.

(Con gái thân công đã lấy chồng, tiền, gạo đều 12 và người trong tôn thất được thọ 70 tuổi, đàn ông, tiền, gạo đều 36 ; đàn bà, tiền, gạo đều 18, theo như lệ trước không đổi).

Chuẩn cho theo nghị thi hành.

Bãi 3 sở Đốc công ở Vũ khố, Đốc công ở Nội vụ và Nội tạo (do bộ Công nhận quản cả). Đặt Thông bảo chuyên nha. Năm trước, cục Thông bảo do nha Vũ khố

kiêm làm, đúc tiền đồng Đồng Khánh, ngang 10 đồng cũ. Đến nay, cho tiền ấy không tiện, đổi đúc lại ngang 6 đồng, thuyền thợ công việc bề bộn, nha ấy kiêm coi, sợ không chu, bèn cho đặt chuyên nha, liệu đặt quan lại (chánh, phó quản đốc, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 1 người, thư lại 4 người) ; 2 bộ Hộ, Công đi lại kiểm đốc ; lấy các dãy nhà thợ của nha Đốc công, Vũ khố làm xưởng đúc tiền, đặt 3 lò, tuyển mộ thợ thuyền mới, cũ 75 tên đúc và làm việc. Cho Quản đốc trước là Thị lang bộ Công Nguyễn Xuân Huyền sung làm Quản đốc ; Hồng lô Tự khanh là Đồng Sĩ Vịnh (nguyên lĩnh Tuần phủ Ninh Bình, năm trước bị người Pháp bức giam rồi tha về, hiện đợi bổ), sung làm Phó quản đốc.

Chuẩn cho từ nay, tất cả văn, võ từ tứ phẩm ấn quan trở lên, bổng lệ chia lĩnh làm 4 kỳ, ngoài ra tam tứ phẩm thuộc viên trở xuống, theo từng tháng làm đơn xin lĩnh.

Pho sách *Cương giới vựng biên* đã xong (gồm 7 quyển và 1 bức địa đồ).

Cho Đổng lý Hoàng Hữu Xứng, thực thụ hàm Thị lang bộ Lại, thự Tả tham tri (nguyên lĩnh Quang lộc Tự khanh) ; các người tuỳ phái đều gia thưởng (thăng trật, kỷ lục hay tiền) có thứ bậc. Rồi cho Hữu Xứng sung chức Toản tu ở Quốc sử quán.

Xây đắp lăng "Vạn vạn niên cát cục kim tỉnh", của Thái hoàng Thái hậu Từ Dụ (cách thức tầng ngoài, khoảng năm Tự Đức đã được xây dựng).

Bộ Công xin cho chiểu theo cách thức Khiêm lăng (tầng thứ nhất dùng quách bằng gỗ ; tầng thứ 2 dùng quách bằng đá ; tầng thứ 3 và dưới đáy, đều lát đá tỉnh Thanh 5 phiến ; xung quanh ở trong xây 2 lần đá, ở ngoài xây 2 lần gạch ; ở trên xây 1 toà nhà đá, ghế đá ; trước mặt mở 1 đường hầm, chế riêng cái xe để đẩy quan tài vào bằng gỗ vẽ rồng. Lại xây các thứ bình phong, nguyệt môn ở trước sau lần thành trong và cánh cửa đồng ở cửa lầu, lần thành ngoài) ; chước định trừ các khoản tầng thứ nhất ở lăng làm quách gỗ, xe để quan tài bằng gỗ vẽ rồng và mặt trước lầu thành ở trong, cùng mặt nền bình phong, cửa nách, đường hầm, các bậc thềm, đến lúc ấy sẽ làm ; còn tầng thứ 2 ở lăng làm quách đá ; tầng thứ 3 dưới đáy và xung quanh xây đá 2 lượt (trong xây đá tỉnh Thanh, ngoài xây đá tỉnh Quảng), ở trên lát đá tỉnh Thanh 5 phiến ; tầng thứ 4 xây 2 lần gạch, dày 1 thước, 5 tấc, 1 toà nhà đá trên lợp đá tỉnh Thanh và 1 cái ghế đá.

Vua cho theo lời bàn định, rồi sai Tá lý bộ Công là Nguyễn Văn Thái, chuyên trông coi công việc, Lê Hữu Thường đi lại kiểm đốc.

Quan Khâm sai tỉnh Quảng Nam là Phan Liêm tâu nói : "Đạo binh khâm sai ấy cùng với quân Pháp chia đi đánh dẹp, đánh phá sào huyệt ; nay bọn giặc chạy tản mát đến các xã, thôn, đốt giết càn rỡ, viên Khâm sứ bàn nên cho quân phòng thủ ở Quảng Ngãi hợp lại để đánh dẹp". Lại chuẩn cho Nguyễn Thân tức thời đem quân tinh nhuệ đi ngay đến hạt Quảng Nam hợp cùng với đạo binh khâm sai đánh dẹp.

Định lệ lính mộ khấu trừ lính tuyển. Năm trước đình bãi các hạng lính mộ, trả về hàng ngũ dân rất nhiều cho nên chuẩn cho người nào tình nguyện ở lại làm lính, mà xã, thôn ấy muốn khấu trừ vào lính tuyển cũng cho. Đến nay, lính mộ lại triệu ra, mà lính tuyển triệu có một nửa, số thiếu còn nhiều, nên bộ Binh tâu xin chuẩn cho đình lại.

Dồn lính tuyển ở Thanh Hoá (hiện số 2.750 người) làm 6 vệ (Tuyên võ, Cung võ, Kiện võ, Tráng võ, Nhuệ võ, Tả thuỷ), liệu lưu lại phó đề đốc và chánh, phó lãnh binh mỗi chức 1 người, còn cho rút về Kinh (trước đặt chánh, phó đề đốc, lãnh binh mỗi chức 1 người, cho phó lãnh binh 2 người).

Cho Đề đốc Thanh Hoá là Nguyễn Như Cung được nguyên hàm về hưu trí (nhân tỉnh giản rút về, vì tuổi đã 70, cho về hưu).

Cho 2 huyện : Phổ Yên, Phú Lương (đều thuộc Thái Nguyên), lại đặt nha riêng. Năm Tự Đức thứ 6 [1853] bỏ bớt, huyện Phổ Yên do phủ Phú Bình cai quản cả : Phú Lương do huyện Đại Từ kiêm cai quản. Đến nay, dân ở lẫn lộn và phủ huyện xa cách, khi có việc, khó được nhanh chóng, nên lại cho đặt. Huyện lỵ Phú Lương đặt ở xã Cù Vân ; huyện lỵ Phổ Yên đặt ở xã Lợi Xá).

Các hạt từ Thanh Hoá đến Quảng Bình, Quảng Trị đều đói. Cho các địa phương khuyên bảo quyên vay, để tính toán điều chữa.

Cho con cháu các tôn tước công và các ngành tôn thất, kén bổ vào ty Điển nghi và Tôn nhân phủ thuộc và chọn sung làm hộ vệ và từ tế Tả, Hữu 2 ty, để sung chầu chực.

Bấy giờ, tôn nhân, đình thần tâu nói : "Hiện nay kho chứa chưa thừa, mọi việc đều nên dè dặt ; các hạng người ấy, đều có bổng lệ, mà ở nhà không có việc gì, chỉ ngồi rồi chơi bời, sợ làm những việc không phải. Hộ vệ, Từ tế, Điển nghi là nơi chầu chực gần cung cấm, Tôn nhân phủ thuộc là vâng làm các việc tôn phả, trích đem bọn ấy sung bổ vào, tưởng cũng là người và việc cùng thích hợp. Xin cho con cháu tước công cùng tôn thất các ngành đã có phẩm hàm và tôn tước đã sát hạch đợi bổ, do bộ Lại xét bổ vào ty Điển nghi và Tôn nhân phủ thuộc, nếu tạm thời thiếu người, trích đem người thi trúng nhất nhị trường và con cháu các công cùng tôn thất ở giám lâu năm, từng đã đi thi, cùng tôn tước có học hạnh xét bổ ; còn cháu các công cho đến tôn thất các ngành mà nhàn rỗi, tuổi từ 18 đến 40, do phủ Tôn nhân xét hễ sức lực khoẻ mạnh, chọn sung làm hộ vệ và hai ty Từ tế, để sung chầu chực. Bọn ấy sau khi đã sung bổ, được đủ niên hạn, có nên thăng chuyển, đều chiểu lệ cho làm ; còn số lính ở 2 ty Từ tế, đều cho về quê làm ăn". Chuẩn cho theo đó mà làm.

Cho viên dịch các nha ở Kinh, chiểu số năm trước tính để lại, lại giảm bớt nữa.

- Ty Thừa phái phủ Tôn nhân giảm cửu phẩm 2 người, còn để lại : viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 1 người ; bát, cửu phẩm đều 2 người, chưa vào ngạch 12 người.

- Viện Cơ mật, trừ đường quan phải kiêm sung ra, giảm : bát, cửu phẩm, thừa phái đều 1 người, còn để lại : viên ngoại, chủ sự, tư vụ, biên tu đều 2 người ; bát, cửu phẩm thừa phái đều 3 người.

- Quốc sử quán, trừ chánh, phó tổng tài kiêm sung ra, giảm : toản tu 1 người, biên tu, khảo hiệu đều 4 người, đẳng tả 6 người ; còn để lại : toản tu, biên tu, khảo hiệu, thu chưởng đều 2 người, đẳng lục 6 người.

- Bộ Lại, giảm : đường quan, viên ngoại, chủ sự đều 1 người ; còn để lại : đường quan 3 người, lang trung, viên ngoại, chủ sự đều 1 người ; tư vụ, bát, cửu phẩm đều 2 người, chưa vào ngạch 30 người.

- Bộ Hộ, giảm : đường quan, lang trung đều 1 người ; còn để lại : đường quan 4 người, lang trung 1 người, viên ngoại, chủ sự đều 2 người, tư vụ 3 người, bát, cửu phẩm đều 6 người, chưa vào ngạch 40 người.

- Bộ Lễ, giảm : đường quan, lang trung, viên ngoại, bát, cửu phẩm đều 1 người ; còn để lại : đường quan, lang trung, viên ngoại đều 1 người, chủ sự, tư vụ đều 2 người, bát, cửu phẩm đều 3 người, chưa vào ngạch 32 người.

- Bộ Binh, giảm : đường quan, lang trung, viên ngoại, bát phẩm đều 1 người, cửu phẩm đều 2 người ; còn để lại : đường quan 3 người, lang trung, viên ngoại đều 1 người, chủ sự, tư vụ, đều 2 người, bát phẩm 4 người, cửu phẩm 5 người, chưa vào ngạch 46 người.

- Bộ Hình, giảm : đường quan 1 người ; còn để lại : đường quan 3 người, lang trung, viên ngoại, chủ sự đều 1 người, tư vụ, bát phẩm đều 2 người, cửu phẩm 3 người, chưa vào ngạch 30 người.

- Bộ Công, giảm : đường quan 3 người, lang trung, chủ sự, tư vụ đều 1 người ; còn để lại : đường quan 4 người, lang trung 1 người, viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 2 người, bát cửu phẩm đều 5 người, chưa vào ngạch 40 người.

- Nội các, giảm : đường quan, điển bạ 2 người, bút thiếp 3 người ; còn để lại : đường quan 3 người, thị độc, thừa chỉ, trước tác, tu soạn đều 1 người, biên tu, kiểm thảo, điển bạ đều 2 người, bút thiếp 6 người.

- Khâm thiên giám, trừ đường quan kiêm quản ra, giảm : ngũ quan chính, bát, cửu phẩm, thư lại, thừa sự đều 1 người, chưa vào ngạch 6 người ; còn để lại : giám chính, tả hữu giám phó đều 1 người, ngũ quan chính, linh đài lang, bát, cửu phẩm đều 2 người, chưa vào ngạch 10 người.

- Xứ Thị vệ, ty Cẩn tín, giảm : bát, cửu phẩm đều 1 người, chưa vào ngạch 2 người, bút thiếp 4 người ; còn để lại : viên ngoại, chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm đều 1 người, chưa vào ngạch 6 người, bút thiếp 8 người.

- Đại lý tự, trừ đường quan đem kiêm sung bộ nha ra, viên dịch giảm hết, công việc của nha ấy quy vào viện Đô sát kiêm làm cả, còn ấn triện tự ấy vẫn theo cũ, cho 1 viên đường quan ở bộ kiêm quản, để tiện khi lâm thời hội đồng với bộ Hình, viện Đô sát cùng làm.

- Nha Vũ khố, hiện định chia giao cho Nội vụ, Thương trường nhận giữ, đợi việc chia giao xong, các viên dịch nha ấy bỏ hết.

- Lễ sinh hiệu, giảm lễ sinh 8 người, còn để lại tự thừa 1 người, lễ sinh 12 người.

- Kinh kỳ Thuỷ sư, giảm điển ty 4 người, còn để lại hiệp lý 1 người, điển ty 2 người ; ngoài ra, còn các nơi như : viện Đô sát, phủ Nội vụ, nhà Thương trường, tả, hữu Từ tế 2 ty, viện Thái y, kho cửa Thọ Chỉ, nha Hộ thành, Quốc tử giám, Kiểu thị và sở Mộc thương, đều theo ngạch cũ.

Viên khâm phái hội đồng nước Đại Pháp tới Kinh. Cho mời vào yết kiến và thết yến ở trong Đại nội, lưu lại vài ngày rồi ra Bắc, chuẩn cho đem các phẩm hạng (kim tiền 2 đồng, khay trầu bằng ngà, 4 góc bịt vàng 1 cái ; sa nam hạng tốt 4 tấm, ngọc quý đeo san hô 1 cái) để tặng.

Bấy giờ, phái viên nước Pháp cùng với viện Cơ mật bàn bạc : "Nay lợi quyền nước tôi, đều về quý quốc, nên phải mưu toan việc lợi ích khác, mới mong tiếp tế được, nhưng công việc lợi ích, duy bộ Hộ, bộ Công là nhiều, nước tôi muốn chọn người tài cán của quý quốc cùng dự làm, phàm hết thảy những việc hưng lợi, trừ hại có liên quan đến sự giao thiệp, do viên dự bàn ấy hội đồng với bộ viện nước tôi xét định thoả thuận mà thi hành, hẳn được ích lợi ; việc ấy, nếu muốn theo lời bàn, phái viên quý quốc cùng muốn giúp".

Viện thần tâu nói : "Nước ta hiện nay việc lợi ích, cũng nên lần lượt cử hành ; nhưng các việc : khai mỏ, thông thương, không có quý quan dự làm, ở ta cũng khó xếp đặt, duy ở Kinh đã có viên khâm sứ, nếu tìm kiếm người khác, không khỏi thêm phiền, tưởng nên thương lượng do viên khâm sứ đại thần dự làm, hoặc lấy viên phó công sứ hiện ở toà sứ, hoặc viên thương tá sung làm, cho được thoả tiện. Đã được chuẩn cho viện thần tới bàn bạc với phái viên của khâm sứ. Quý quan cho việc nghĩ định ấy rất hợp, bèn phỏng định điều khoản tất cả hơn 10 điều, rồi xin ban Dụ cho thi hành, để nhân dân trong nước khỏi sinh nghi ngờ. Bèn sai viện thần phụng nghĩ Dụ văn, chuẩn cho quý Khâm sứ đại thần là Hách-tô dự giúp việc viện Cơ mật

và bộ Binh, bộ Công, bộ Hộ. Quý Khâm sứ và quý phái viên cùng hội xem, đều hợp ý cả, mới sai sao lục ra, giao cho quý phái viên 2 bản, 1 bản gửi về quý quốc, 1 bản giao cho viên Toàn quyền đợi trả lời cho biết để làm việc. Sau viên Toàn quyền vào Kinh, cho là không tiện. Việc ấy thôi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN VII*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Đinh Hợi, Đồng Khánh năm thứ 2 [1887], tháng 4 nhuận, viên quan Pháp ở Hà Nội bắt nguyên Bố chính Thái Nguyên là Nguyễn Cao (đỗ Cử nhân, người Bắc Ninh) ; Cao không chịu khuất rồi chết.

Cao, về năm Tự Đức thứ 36 [1883], làm Bố chính Thái Nguyên, kiêm làm việc đồn điền, Bắc Kỳ có loạn, tan rã từng về tụ họp quân chống nhau với quan quân Pháp. Khi hoà nghị đã thành, cho quân giải tán, về dạy học ở xã Kim Giang, phủ Ứng Hoà ; đến nay, quan Pháp nhặt được tờ sớ của giả xưng Tán lý là Ngô Quang Huy đưa cho vua Hàm Nghi năm trước, nói : "Sĩ phu ở Bắc Kỳ đương bí mật mưu toan khôi phục, trong đó có tên Cao,..." ; quan Pháp mật sức bắt để xét. Khi tới công đường, Cao sợ bị nhục, ngay ở chỗ ngồi, lấy móng tay khoét bụng lòi ruột ra, không chết được, quan Pháp cho đem đến chỗ chữa bệnh để chữa, Cao lại cắn lưỡi, tuyệt thực, quan Pháp bèn giao cho nha Kinh lược kết án xử chém. Cao liền tắt thở, nhưng sai khiêng đến pháp trường, bấy giờ đã chết rồi.

Đổi lại bổng lệ ty Hành nhân.

Lệ trước, người có phẩm hàm, thì chiểu hàm chi cấp, nhưng hằng tháng cấp thêm tiền 6 quan, người chưa có phẩm hàm thì cấp mỗi người hằng tháng gạo 1 phương, tiền 6 quan. Hàm Nghi năm đầu [1885], kiêm quản ty ấy là Nguyễn Hoằng tâu xin chuẩn cho : chưa có phẩm hàm, châm chước cấp cho mỗi người hằng tháng tiền 30 quan ; có phẩm hàm, mỗi phẩm không cứ chánh tòng, đều cho thêm 15 quan, còn bổng lệ trước, đều phải đình cấp ; còn như đồ đệ mỗi tên tiền 10 quan.

Đến nay viện thần nói : "Năm trước thông dịch nhiều việc, số người ở ty ấy còn ít, nên chước cấp cho như thế ; hiện nạy số viên dịch đã nhiều, theo nghị cấp ấy, rất là rộng ; định lại, người có phẩm hàm theo lệ các bộ nha chiểu hàm mà chi bổng ; chưa có phẩm hàm và đồ đệ hằng tháng cấp tiền 6 quan, gạo 1 phương nhưng cấp thêm mỗi tháng hạng nhất tiền 20 quan, hạng nhì 15 quan, hạng ba 10 quan, hạng tư 6 quan, cho được thích đáng, thích hợp.

Nghị định thêm về luật lệ trộm cắp.

Gần đây, nhân có loạn, trộm cắp thêm nhiều, viên Khâm sứ là Hách-tô thương lượng trình bày : là do luật hình rộng nên mới đến thế. Bèn chuẩn cho đình thần châm chước luật lệ, việc hình phải theo luật nặng, để hạn chế lòng người. Sau nghị ấy dâng lên, tất cả có 4 điều ; chuẩn cho đều được thi hành.

- Phàm những nơi kho tàng chứa của nước ta hay quan nước Pháp cất, không cứ ở Kinh hay các tỉnh ngoài mà ban đêm dám lẻn vào lấy trộm các vật hạng của công như : tiền, lương, thóc, gạo, súng ống, khí giới, thuốc đạn ; chưa lấy được của thì thủ phạm phải chém, giam đợi lệnh, tòng phạm phải thắt cổ, giam đợi lệnh ; đã lấy được của, không cứ tang vật nhiều hay ít (dưới cũng thế), thủ phạm xử chém ngay, tòng phạm thắt cổ ngay ; người chứa chấp biết thực sự, chia cho tang vật, cùng với kẻ phạm cùng tội, không biết thực sự, chia cho tang vật, giảm 1 bậc (dưới cũng thế).

- Phàm phủ đệ của vương công, cùng nha thự, dinh của quan văn, võ và nhà người dân ở trong Kinh thành, tỉnh thành, ban đem lẻn vào lấy trộm, chưa lấy được của thì thủ phạm phải đi biên giới xa, tòng phạm phát đi biên giới sung làm việc trong quân ; lấy được của, thì thủ phạm xử thắt cổ ngay, tòng phạm cũng xử thắt cổ, được giam đợi lệnh.

- Phàm các nhà quan, nhà dân, ban đêm lẻn vào lấy trộm, chưa lấy được của, thì thủ phạm phát đi sung quân biên giới ở gần, tòng phạm phải 100 trượng, đày xa 3.000 dặm ; lấy được của, thủ phạm xử thắt cổ, giam đợi lệnh, tòng phạm phát đi sung quân ở biên giới xa.

- Kẻ chơi bời lêu lổng, quen đi lấy trộm, dân cùng là bất lương, không cứ có tang vật lấy trộm hay không, chiểu lệ phát đi tỉnh khác làm binh.

Các tội phạm sung quân đi đày trên đây, hiện tình ngày nay, nếu chiểu theo nghị định trước, phát sai đi các địa phương rất là chưa tiện ; những tội phạm ấy, trừ đã phát đi đày ra ; từ nay về sau, đình việc phát đi đày, nhưng để lại bắt giam ở nơi đó, tên nào phải sung quân ở biên giới xa thì hạn cho 12 năm ; sung quân ở biên giới gần hạn cho 11 năm ; phải đày đi xa 3.000 dặm thì hạn 10 năm và các tội phạm phải chém, thắt cổ, giam đợi lệnh, sung làm lính, thì chiểu cấp cho lương khẩu phần, đóng gông ngắn có lá sắt chắc chắn, ban ngày giao cho ty ấy, ở Kinh giao

cho Hộ thành, tỉnh ngoài giao cho Tuần thành, bắt khổ sai các tạp dịch, ban đêm đem về nhà giam chặt lại. Khi hết hạn giao về dân xã quản lĩnh ; các tội phạm giam chờ lệnh sung quân, đi đày, làm binh, khi giam hay đi khổ sai mà dám trốn tránh, không kể có tái phạm hay không, cùng sung quân đi đày, sau khi đã mãn hạn cho về, lại tái phạm, không kể có lấy được của hay không, xét ra là cố ý, đều xử thắt cổ lập tức ; tổng lý nếu khoan tha không chịu bắt giải, cũng phải xét xử cả (kẻ phạm cùng với lý trưởng cùng làng, lý trưởng phải 100 trượng, bãi dịch ; kẻ phạm cùng chánh, phó tổng cùng làng, chánh, phó tổng cũng phải 100 trượng, bãi dịch) ; cùng là kẻ phạm tội trộm cắp nào, xã dân đã giải lên nha phủ, huyện sở tại, tức thời phải nhận giam tra xét ; nếu để chậm trễ không nhận xét ngay, huyện do phủ xét, phủ do tỉnh xét, nha nào từ chối không chịu nhận xét, thì chiểu luật nặng "bất ưng vi" hỏi tội, phải 80 trượng ; nếu tư vị phải giáng 3 cấp điều đi đày để răn kẻ không để tâm dẹp trộm và các tù phạm sung quân, trừ kẻ bị giam cầm vĩnh viễn, không cho tha ra ; còn thì không cứ án trước can về khoản gì đã phát đi đày hay chưa, cũng chiểu theo niên hạn phạm tội ăn trộm ấy mà xử lý, để cho thống nhất. Sau lại định thêm kẻ đày đi xa 2.000 dặm, đổi làm khổ sai 8 năm, hạn bắt đầu tính từ ngày thành án và cùng các khoản trước làm thành lệ.

Sơn phòng sứ tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định là Nguyễn Thân vì đau chân, xin về quê để chữa, chọn viên khác để thay.

Vua cho viên phòng thần ấy, chứng bệnh không lấy gì làm nặng, vội xin cho người thay, không hợp lẽ, sai truyền Chỉ quở mắng, nhưng phải theo như trước chuẩn cho đến ngay Quảng Nam, hoặc phái uỷ viên có tài cán cùng với quan khâm sai cùng đánh dẹp, cho kịp công việc.

Kính làm lễ tấn tôn 2 cung.

Ngày Đinh Mùi (mồng 10, tháng ấy), vua đem các hoàng thân, Tôn nhân phủ và văn, võ bách quan, kính đến cung Gia Thọ, dâng sách, ấn, làm lễ Khánh hạ.

Lời văn trong sách : "Trộm nghe nhờ cha mẹ dạy yên, là lễ trọng của vua chúa ; có vinh hiệu tôn quý, là phép lớn suốt xưa nay. Vì có đức lớn khắp cả trong nước, tất phải được tiếng rực rỡ khắp trong nước.

Kính nghĩ : Thánh tổ mẫu ta là Thái hoàng Thái hậu Tự Dụ; núi Sa Lộc[1] chung đúc điềm lành ; triệu lan thơm gây rừng phúc khánh, giúp cho Hiến tổ ta 7 năm thịnh trị, như giúp cho nhà Hạ có gái Đồ Sơn ; mở cho Dực tông ta 3 kỷ thăng bình, như giúp nhà Chu có bà Khương Hậu ; tốt đẹp khắp xã tắc, đức hoá khắp nước nhà, nên tuổi trẻ này ; được nối nghiệp lớn, mưa hay dày tựa đất, để lại

(1) *Sa Lộc* : tên núi, *Hán thư, Nguyên hậu truyện* chép : núi Sa Lộc lở là điềm có thánh nữ.

cho con cháu rất nhiều ; đức nhũn sáng càng tôn, báo đáp hết tiếng thơm khôn xứng, kính đem các quan dâng sách vàng, ấn vàng, dâng tôn hiệu là : Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu. Kính nghĩ : Huy hiệu rất chính đáng ; vui vẻ ban khắp ra, lộc để lại, vun nền nhân hậu, cùng cả nước vừa vui vừa lo ; lòng tự thích, dẫn phúc khang thường, được yên vui với con cháu".

Ngày Giáp Dần (hôm 27 tháng ấy), tới cung Trường Ninh làm lễ tấn tôn, nghi lễ theo như trước.

Lời sách rằng : "Trộm nghe : Đức lớn tất có danh thơm ; tôn thân gọi là chí hiếu. Nhà Thương điềm lành dài phát, nguồn gốc ở họ Hựu Nhung ; nhà Chu công lớn không nhoà, thịnh vượng từ nơi kinh thất, đều để nêu tốt đẹp mà tỏ phúc lành.

Kính nghĩ : Thánh mẫu Hoàng thái hậu, sẵn nền khuôn phép, nối được tiếng khen, nhờ đến đức hoá buông siêm, nhiều công giúp đỡ ; truy theo lời truyền dựa ghế, theo phép tôn phong, về lễ nghi chưa cử hành ; vì biến cố mới gặp phải !

Ơn nhờ thánh từ, thường để tâm đến miếu xã ; nên kẻ tiểu tử, từng yên định được nước nhà, tuy tốt đẹp chẳng màng, càng tỏ vinh quang sẵn có ; nhưng biểu dương sao xiết, theo đạo tôn kính báo đền. Kính đem các quần thần dâng sách vàng, ấn vàng, dâng tôn hiệu là : Trang Ý Hoàng thái hậu. Kính nghĩ huy hiệu rất chính đáng ; tiếng lành rất biểu dương, tấc cỏ báo ba xuân, xin xét cho lòng hiếu, sáu tuần mới đủ giáp, được nhờ mãi phúc lành".

Bấy giờ, 2 lễ tấn tôn, theo lệ có kính dâng lễ phẩm và các khoản xuống ân chiếu ban cho ăn yến, đều vâng theo ý Chỉ của 2 cung, cho là hiện nay tất cả các việc phải nên châm chước giảm bớt, hết thảy đình lại.

Ngày Mậu Thân (ngày 21 tháng ấy), kính đúc sách vàng của Kiên Giang quận công.

Nhà vua, về năm Tự Đức thứ 36 [1883], được tấn phong tước ấy, theo lệ có cấp sách ; sau gặp biến cố chưa được làm, đến nay cho theo lệ đúc làm, để vào hòm sắt cho truyền lâu dài, mà rõ việc thực.

Quan quân Pháp ở Nghệ An, bắt được nguyên Đốc học là Nguyễn Xuân Ôn (Xuân Ôn một mình lẻn trốn ở xã Quy Lại, phủ Diễn Châu ; viên lĩnh chức Tri phủ là Nguyễn Đình Lục, uỷ người đem quân Pháp tìm bắt). Quan Tổng đốc là Nguyễn Chính muốn khoe khoang việc ấy, tức thời đem cờ hồng báo tin thắng trận và dâng tờ sớ tấu vào, xin thưởng cho thừa phái được việc là viên quan Một Bô-lo, 1 cái khánh vàng hạng nhỏ, viên điều khiển là viên quan Tư Miết-lăng-di, và viên phái uỷ là viên quan Tư An-xa-tót, mỗi người 1 cái khánh vàng hạng trung.

(Xuân Ôn được yên đợi ở dinh Lãnh binh tỉnh ấy, đến tháng tư năm sau phái dẫn về Kinh, sau toà sứ thương lượng cho tại ngoại, rồi đến ở nhà Thị lang bộ Binh, nhân ốm chết).

Tỉnh Thanh Hoá bị tai nạn dịch lệ (từ tháng ấy đến tháng 9, cả tỉnh nhiễm bệnh chết 9.500 người) ; tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh cũng lác đác phát ra.

Tri huyện Phong Điền là Nguỵ Kham (người Hà Tĩnh, là con Thượng thư bộ Công đã chết là Nguỵ Khắc Đản) vì chậm báo về, nên việc cướp phát ra, bị cách chức ; những thân hào, tổng lý và lại lệ ở huyện hạt, đến viện Cơ mật xin lưu lại và nói : "Từ tháng 7, Hàm Nghi năm đầu trở về sau, hạt Quảng Trị gây biến, hạt ấy ở tiếp giáp, được viên ấy chống giữ hiểu dụ vỗ về có phương pháp, dân trong hạt nhờ đó được yên".

Năm trước nhà vua ngự ra chơi ở Quảng Trị, Quảng Bình, về binh lương án kiện và các khoản giao thiệp ở hạt ấy, đều được ổn thoả ; được đem thực trạng thanh liêm mẫn cán bẩm lên để xét, viện thần tâu xin, chuẩn cho gia ơn khai phục ấm thụ hàm trước Điển tịch, do Phủ thừa sai phái ; còn như việc xin lưu lại, theo lệ không chuẩn cho.

Chuẩn cho từ nay, phàm các hạng lính mộ, trừ lính cũ lại gọi ra, là theo ngạch trước ; còn thì người nào mới mộ, phải có lý dịch nhận thực, nếu có trốn về, tức do các phủ, huyện xét quê quán sức bắt ; nếu cuối quý vẫn để thiếu, chiểu theo lệ : "Lính tuyển để thiếu" mà định tội xét xử, giảm cho 1 bậc, tên nào tình nguyện ra ứng mộ, xét ra cha anh có tên ở sổ, thực có căn cước, mà lý dịch không chịu nhận, thì cũng cáo tổ cho ở quan địa phương, để xét rõ nghị xử.

Chuẩn cho các quân được ruộng lương ; trừ ngạch lính tuyển thuộc vào Cấm binh, Tinh binh, cùng lính trạm ở Kinh và lính lệ ở các phủ, huyện, đều theo chuẩn định mới năm trước chiểu cấp cho (Cấm binh nguyên trước 9 sào, thêm 6 sào ; Tinh binh nguyên trước 8 sào, thêm 4 sào ; Kinh trạm nguyên trước 7 sào, cấp thêm 3 sào ; lính lệ mỗi tên 3 sào) ; còn ngạch lính mộ thuộc vào Cấm binh (Tuyển phong, Kỳ võ, Kinh tượng, Tư pháo, Trấn thủ, Thượng trà, Võ bị, Nhạc chính, Tài thụ, Kỳ cổ, Loan nghi và Cảnh tất) và Tinh binh (lính mộ phủ Thừa Thiên và các tỉnh), đều theo lệ cũ (Cấm binh 9 sào, Tinh binh 8 sào) chiểu cấp, cho có phân biệt.

Quan quân Pháp đóng ở Bình Định bắt được bọn : Mai Xuân Thưởng (Cử nhân, xưng Nguyên suý), Bùi Điền (xưng Thống trấn), Nguyễn Đức Nhuận (xưng Hiệp trấn) và phó tướng, thống binh trở xuống 11 người, đều đem chém.

Đặt quan lại tỉnh Phú Yên. Bấy giờ quan quân Pháp đánh dẹp, hạt ấy đã tạm yên ổn ; viên Toàn quyền đánh điện nói triều đình nên đặt quan như cũ.

Bèn cho Quang lộc Tự khanh Tá lý bộ Hình là Tôn Thất Bá lĩnh Bố chính ; nguyên Án sát là Đinh Duy Tân cung chức theo như cũ ; còn như phủ huyện và tỉnh thuộc, đều cho quan tỉnh xét chọn.

Năm ấy trường thi Hương ở Thừa Thiên, quan trường phê lấy cử nhân 29 người, tú tài 67 người ; quan ở bộ xét lại : chọn được hạng Cử nhân là Nguyễn Tố (người Quảng Trị), dùng chữ phần nhiều kém vụng và thiếu nghĩa, xin truất làm Tú tài ; hạng Tú tài là Nguyễn Hữu Lưu (trở xuống là người Thừa Thiên), Nguyễn Chí Thứ, Nguyễn Viết Tuyển, hoặc văn lý vụng kém, hoặc dùng chữ kiếm nhã, xin truất xuống hỏng ; nguyên Hồ Lãm dự hạng bình, dự vào phúc hạch (người Quảng Nam, nguyên phê dùng chữ khiếm nhã), văn lý cùng với hạng Cử nhân không hơn kém nhau, đem là hạng Cử nhân ; Hồ Quý Thiều (trở xuống là người Thừa Thiên, nguyên phê văn lý có chỗ trùng nhau) ; Nguyễn Văn Thê (nguyên phê kỳ phúc hạch văn lý vụng kém) ; Nguyễn Hữu Bằng (người Quảng Trị, nguyên phê dùng chữ khiếm nhã) ; văn lý đều là nên lấy đem làm hạng Tú tài ; Trần Văn Quý, Nguyễn Diệu (đều người Thừa Thiên) kỳ đệ tam đều là hạng liệt, nhưng kỳ đệ nhất, đệ nhị, hai kỳ đều bình, cũng là đáng tiếc, xin gia ơn để vào hạng cuối tú tài cho rộng đường sĩ lộ.

Vua chuẩn cho theo như nghĩ định, quan trường (Chủ khảo là Phan Huy Nhuận, Phó chủ khảo là Lê Trinh), cũng đều vì phê duyệt không kỹ, đều cho phân xử có thứ bậc.

Chuẩn cho từ nay, phàm con cháu các quan viên tôn thất và quan văn, võ, nếu được thứ ấm thì đều theo như lệ đã định. (Những năm Tự Đức thứ 18 và 24), do phủ Tôn nhân và các quan địa phương xem xét, (người từ huyện Tống Sơn trở vào trong Nam, ngụ ở quán tỉnh, phủ, tỉnh nào, tức do tỉnh, phủ ấy xem xét), không được đến thẳng bộ Lại làm đơn xin ấm bổ. Gần đây, sau khi loạn lạc, con cháu các quan viên, phần nhiều không do phủ Tôn nhân, bộ Lễ xem xét, đi thẳng đến bộ Lại xin bổ, bộ Lại không xét kỹ, đều tâu xin chuẩn cho, dễ sinh gian dối, nên sức rõ phép cũ, để cho thống nhất.

Tháng 5, sửa sang lại các tôn lăng liệt thánh, đế hậu.

Tiết lục tuần đại khánh của Trang Ý Hoàng thái hậu (ngày mồng 9 tháng ấy).

Vua thân đem hoàng thân, Tôn nhân phủ và văn, võ trăm quan kính đến cung Trường Ninh chúc thọ, làm lễ khánh hạ ; sau 2 hôm, vua ngự điện Thái Hoà nhận lễ mừng đã thành.

Ban ân chiếu 16 điều[1] :

- Hoàng thân công tôn tước và văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên, đều cho ăn yến một lần và ban thưởng cho có thứ bậc.

---

(1) Ân chiếu có 16 điều, nhưng theo từng điều dịch ra thì chỉ có 15 điều.

- Các công chúa và hoàng nữ, các phi tần, nữ quan, phủ thiếp, đều gia ơn cho có thứ bậc.

- Về tôn thất, đàn ông, đàn bà, tuổi từ 70 trở lên, đều lượng gia ơn ban thưởng cho.

- Ở Kinh : văn từ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm trở xuống đến cửu phẩm, đều lượng gia ơn cho có thứ bậc.

- Ở các tỉnh : văn từ án sát, đốc học ; võ từ chánh, phó lãnh binh và nha Kinh lược Bắc Kỳ, cùng sơn phòng, hải phòng, thương tá, tham tá, bang tá trở lên, trừ viên nào lần này vào Kinh triều hạ, đã dự yến ra, còn đều cho tiền bạc thay yến có thứ bậc.

- Từ mồng 9 tháng 5 năm nay trở về trước, hoàng thân, công chúa, phi tần và quan viên văn võ, đã bị giáng, phạt, cách, lưu, không cứ tội công, tội tư, cùng không cho tra xét, thì 3 bộ Lại, Hộ, Binh chia loại làm danh sách, đợi Chỉ lượng ban ơn cho.

- Từ mồng 9 tháng 5 năm nay trở về trước, con cháu thân công và tôn thất, các viên có lỗi, trừ phạm can tội nặng như làm giặc, phản nghịch, ăn cướp, giết người, vẫn giam cấm như cũ ra, còn thì hễ có thân nhân kết lãnh, cho nhận về quản thúc, để được tự sửa lỗi mình.

- Trong Kinh và các tỉnh ngoài, các quan viên, văn từ tứ phẩm ấn quan, võ từ tam phẩm trở lên, trừ cha mẹ viên ấy, đã được chiểu lệ phong tặng ra, còn thì mới được thăng, hễ ở trước khi ban ân chiếu trước ngày mồng 9 tháng 5 năm ấy, người nên được phong tặng, đều chiểu phẩm phong tặng cho cha mẹ có thứ bậc.

- Trong Kinh và các tỉnh ngoài, quan viên văn võ, trừ cha mẹ đã chiểu lệ phong tặng ra, còn thì chánh tòng nhị phẩm được phong tặng 2 đời ; chánh tòng nhất phẩm được phong tặng 3 đời, đều so sánh tước hàm của con cháu người ấy theo thứ bậc phong tặng.

- Họ Vũ, giáp Nam, xã Hoà Luật ; họ Phạm thôn Đông, xã Tân Niên ; họ Hồ thôn Tây, xã Bùi Xá, đều gia ơn cho.

- Từ Kinh tới các tỉnh ngoài, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm ấn quan trở lên, các mệnh phụ đều gia ơn cho.

- Ở Kinh : thư lại chưa vào ngạch và thừa phái đương làm việc ở các nha môn, đều thưởng tiền 1 quan.

- Các hạng lính thợ hiện đương làm việc ở điện đường và "Vạn vạn niên đại cát cục" ở Kinh đều thưởng tiền 1 quan.

- Các quan viên có lỗi bị cách, bị bãi, từ tứ phẩm trở lên, không cứ có khoa mục hay không và văn, võ từ ngũ phẩm đến thất phẩm dự có khoa mục, xuất thân từ

cử nhân, võ cử trở lên, trừ đích thực có tình trạng tham tang, cùng có trọng tình can thiệp dính dáng với giặc và tuổi từ 70 trở lên ra, còn thì đều cho 2 bộ Lại, Binh, chia loại làm danh sách tâu lên đợi Chỉ, lượng cho lục dụng.

- Phàm các án bồi thường tang vật chưa xong, trừ có đích trạng bớt xén gian xảo ra ; còn thì ở Kinh do bộ Hình, ở các tỉnh ngoài do thượng ty nơi ấy, đều đem bản án trước đã can tội và tang vật phải bồi thường, cùng năm tháng thu giam lâu hay chóng, chia loại kê ra tâu lên, đợi Chỉ, lượng cho khoan giảm.

Đình lệ các thuộc viên ở viện Cơ mật, lại gia cấp thêm nửa bổng.

(Lệ trước, thuộc viên ở viện đều chiểu thực, hàm, gia cấp cho gấp rưỡi. Năm Đồng Khánh, Ất Dậu [1885], lại cấp thêm cho nửa nữa, thành ra gấp đôi. Đến nay, viện thần cho là hiện nay tài chính eo hẹp, nên tỉnh giảm bớt đi, tâu xin, chuẩn cho đình bãi.

Dựng nhà Tế Bắc ở bên hữu điện Huệ Nam, để thờ riêng Quan thánh đế quân (nguyên trước cùng thờ chung với các âm thần trong điện, sợ là khinh mạn, nên dựng nhà riêng để thờ).

Viên Toàn quyền đại thần nước Pháp vào Kinh. Chuẩn cho vào yết kiến ở tiện điện. Gần đây, viện Cơ mật nhiều lần đưa thư tới bàn bạc nhiều khoản, nên viên ấy vào Kinh để tiện cùng với viện thần bàn bạc ngay trước mặt.

- Các tỉnh Bắc Kỳ mấy năm trước còn lưu giữ khoảng chừng trên dưới 1.500.000 quan tiền Tây, định cho năm nay tải số tiền ấy nộp vào Kinh ; nhưng tính suốt cả toàn kỳ, mỗi năm số thuế thu được, cộng được 7.500.000 quan tiền Tây ; nếu thuế năm nay thu được đủ cả thì số tiền lưu trữ ấy cho sung tải vào, không thì chưa phải sung tải, nên xin Chỉ tư trước cho nha Kinh lược nghiêm sức cho các tỉnh, phủ, huyện hết sức giục thu, cốt được đầy đủ, để khỏi thiếu số tải vào.

- Khoản bồi thường phí tổn ở Bình Định, Phú Yên. Khoản phí tổn ấy có nên do quý quan bày cách chuyên thu tiền thuế các hạng, hoặc tiền phạt để sung vào, hoặc do quan tỉnh làm thế nào thu được giao cho quý quan nhận để trả viên Nguyên suý ở Gia Định, chỉ do ta nghĩ định.

Viện thần đáp là nếu thu tiền phạt sung vào bồi phí, nên do quý quan thu lấy, nhưng chưa biết cách phạt thế nào ? Đáp rằng : Cách phạt ấy rất công bằng, đợi sẽ xét rồi trả lời sau.

- Các khoản về việc hộ, từ Thanh Hoá trở vào Nam, các quý quan chi phí, đều do các sở Thương chính thu thuế cấp cho, như có lợi thừa sẽ định chia cho để giúp việc chi phí ở nước tôi ; duy các hạng tạp thuế, quý quan thu chi bao nhiêu, phải có sổ sách giao cho nước tôi xét tính. Còn như nước tôi từ nay bằng lòng cho trưng thu, chỉ có thuế thuốc phiện và thuế rượu, nhưng hễ cho lĩnh trưng, tất phải đấu giá,

người hơn thì cho và lĩnh làm cả thuế từ Thanh Hoá trở vào Nam, để khỏi linh tinh. Vả lại, thuế rượu, nếu cứ chiểu lò mà đánh thuế như cũ, cũng không được lợi nhiều. Hiện nay, thuế rượu ở Bắc Kỳ đã cho 1 người trưng cả ; còn từ Thanh Hoá trở vào Nam, nước tôi có muốn cho người lĩnh trưng cả, thời quý đại thần sẽ sức cho người buôn lĩnh trưng thuế rượu ở Bắc Kỳ, do bộ so sánh giá để cho nhận trưng.

- Về khoản : xuống Dụ cho viên Khâm sứ được dự làm việc, vì đại thần quý quốc mà dự làm công việc nước tôi, sợ chưa hợp ước ; duy nước tôi có việc gì phải bàn bạc, nên cùng với quý sứ bàn định ổn thoả mà làm, tưởng cũng không hại ; không phải được Dụ Chỉ rõ ràng, vì khâm sứ là viên đại thần của quý quốc, đã làm giúp công việc nước tôi, thì phàm có bàn bạc, nước tôi đều nghe theo cả, không theo thì sợ giảm thể thống của quý quốc. Hôm trước quý khâm sai đến, cũng là viên đại thần của quý quốc phái đến, nhưng là khám xét các việc buôn bán và kỹ nghệ. Còn như công việc nước tôi, nếu có bàn định, cũng phải bàn với quý Toàn quyền xét định ; là vì quý đại thần không phải là toàn quyền thì thôi, đã là Toàn quyền thì những quyền pháp ấy, phải do tay viên Toàn quyền, không phải người khác được dự.

- Về khoản Kinh lược sứ Bắc Kỳ : đã tâu vào, được sắc cho Nguyễn Hữu Độ sung thay làm Kinh lược đại thần, quý đại thần đến đây cũng muốn hậu lễ tiếp đãi, cùng lòng mưu toan, cho được thoả đáng, bất thần có Chỉ cho triệu vào Kinh để bàn việc gì, quý đại thần há dám không vâng mệnh. Nguyễn Hữu Độ đã ra Bắc, trong Kinh có việc gì khó, do 1 - 2 viên viện thần ra Bắc để hội bàn, quý đại thần cũng bình tâm tiếp đãi, không trở ngại gì.

- Về khoản hành cung các tỉnh : đã chuyển sức cho các tỉnh, quý quan dời đóng nơi khác, trong đó địa thế tỉnh thành Quảng Bình chật hẹp, không dời đóng được, viện Cơ mật nếu có chọn được chỗ khác, quý quan mới tiện dời đóng.

- Về khoản Công sứ ở các tỉnh : chiểu trong hoà ước thì các cửa biển khai trương, từ Thanh Hoá trở vào Nam, đều có quý quan đến đóng và thêm cả hiện tình chưa yên, nên đặt Công sứ, cho tiện trông coi cả, nay chưa nên bãi bỏ, đợi khi tạm yên, trước hết rút quân Pháp, sau đến công sứ, nếu nước tôi biết có viên Công sứ nào, cùng với quan nước tôi không tốt, nên thương thuyết với quý đại thần xét xử. Và quý Công sứ, gián hoặc có người nào không phải, vội triệt hồi ngay, sợ khắt khe quá ; cũng như viên quan địa phương nước tôi, gián hoặc có người không hợp với quý đại thần, đâu được hết thảy tư cách đổi ngay.

- Về khoản lựa đặt quan lại ở Bắc Kỳ. Trước được viên Toàn quyền Pôn-be bàn xin xuống Dụ cho viên Kinh lược Bắc Kỳ, được tuỳ tiện làm việc. Gần đây, quyền Kinh lược sứ là Nguyễn Trọng Hợp tuân theo đó làm việc, nay Nguyễn Hữu Độ tới sung làm Kinh lược sứ, nếu không theo như trước chuẩn, cho lựa đặt, thì quyền Pháp

lại kém viên quyền Kinh lược sứ, sợ nhân tình có chỗ nghĩ nghị, huống chi việc chọn cử cũng phải tâu cho biết. Trước đây, gián hoặc có tâu chậm là lỗi của Nguyễn Trọng Hợp, nay Nguyễn Hữu Độ là người tài cán am hiểu, từ nay nên một mặt lựa đặt, một mặt tâu lên cho biết, tưởng không phải làm chậm việc như trước, huống chi lấy quan Kinh phụng mệnh ra Bắc trọng nhậm ; như có người nào không phải, chiểu theo ước thì quý đại thần được tư cách, đổi, không bằng đến tận nơi do viên Kinh lược sứ cùng với quý đại thần thương lượng lựa chọn, rất là nhanh và tiện.

Lễ tết Công chính nước Pháp (ngày 14 tháng 7 dương lịch, tức ngày 24 tháng 5 âm lịch) ; cấp cho quan Pháp được Long bội tinh, cộng 354 viên (hạng nhất 6 viên, hạng nhì 17 viên, hạng ba 11 viên, hạng tư 81 viên, hạng năm 219 viên) ; sau lại cấp thêm 60 viên (hạng nhất 3 viên, hạng nhì 8 viên, hạng ba 8 viên, hạng tư 17 viên, hạng năm 24 viên), theo lời thỉnh cầu của viên Toàn quyền đại thần là Bi-u.

Viên Toàn quyền đại thần Pháp ra Bắc, chuẩn cho quan thuộc tặng vật có thứ bậc.

Tặng viên Toàn quyền : khánh bằng ngọc quý 1 cái ; hình tam thọ bằng ngọc vàng 1 cái ; chén bằng ngọc quý 1 cái ; phiến truy bằng thuỷ tinh có đeo ngọc san hô 1 cái, lồng bàn 2 cái.

Tặng viên quan Ba, quản đốc tàu thuỷ : khánh vàng hạng nhỏ 1 cái ; viên quan Năm 1 cái ; viên quan Hai 1 cái, kỷ lục 1 thứ và đều tặng mỗi người 1 đồng kim tiền hạng lớn, có 4 chữ : "Vạn thế vĩnh lại".

Khi trước sau khi Kinh thành bị loạn, các hạng súng đồng ở xưởng Tả, Hữu tướng quân và các tỉnh giữ trước (ở Kinh thành và các đồn đưa về, cộng 1.440 cỗ ; ở các tỉnh cộng 1.444 cỗ), đều do người Pháp thu lấy. Tháng 7 năm trước, viên Toàn quyền cũ là Pôn-be có viết thư trình bày : "Nước tôi nhận lấy súng đồng hạng cũ, để đổi đúc ra tiền, hễ quý quan xây dựng bình đài nơi ở mới, các phí tổn đều lấy số tiền ấy chi biện, còn lại bao nhiêu đem giao cho nước ta để chi dùng. Đã được chuẩn cho làm, nhưng tư bàn với quý đại thần mua giúp máy khuôn và liệu thuê thợ vào Kinh, do ta đúc làm. Tháng 4 năm nay, viên Toàn quyền mới đưa thư đến nói : Việc lấy súng đồng đúc tiền, máy khuôn mua được rất khó, định nên phá súng ấy thành ra đồng, bán đi lấy tiền để sung vào chi phí thuê làm bình đài. Lại chuẩn cho đình thần tư đi bàn với viên Khâm sứ, nói : "Trong số súng đồng có 9 khẩu "hùng dũng vô địch đại tướng quân", là di tích tiền triều chế ra để giữ nước, xin giao trả để làm quốc bảo, còn thì xin phái người kiểm xét hiện còn lại bao nhiêu, chia làm 10 thành, trong đó thì 7 thành do quý quốc cho bán đi lấy tiền sung việc chi phí, còn 3 thành xin trả lại nước tôi đúc tiền để chi dùng. Đến nay, viên Toàn quyền bàn rằng : "Súng đúc thành tiền, khoảng chừng đến 10 năm mới xong ; nếu vừa đúc vừa làm, thì xây dựng chỗ ấy cũng đến ngoài 10 năm, rất là chậm lâu, trừ 9 khẩu đại

tướng quân phải giao trả ra, còn thì sẽ liệu thế phá nát ra thành mảnh, hoặc đem bán đi lấy tiền, hoặc giao trả nước ta chiểu giá trả bằng bạc cho được kịp việc. Vả súng ấy, trừ 9 khẩu ra, hiện còn hơn 600 khẩu, phỏng được 700.000 cân Tây (cân ta thành 1.200.000 cân), tính thành 700.000 quan tiền Tây ; nay giao trả lại nước ta nhận lấy, phải giao cho quý đại thần nhận tiền, tính ra tiền tây là hơn 500.000 quan (thành tiền ta 650.000), tính ra thành bạc 12.050 đồng, cho đủ chi phí xây dựng bình đài để trấn giữ". Viện thần nói : "Viên Toàn quyền có bàn tính trình bày như thế, về ta tưởng cũng không nên tính toán so sánh nữa, xin chuẩn y cho".

Vua bảo : "Sau khi loạn lạc, kho tàng trống rỗng, nếu chiểu giá nhận mua những khẩu súng ấy, không những máy khuôn trước kia nhờ mua giúp, đã lâu đều chưa thấy có, mà tiền bạc quân thợ cần dùng hiện nay liền giảm bớt, quan, quân vẫn sợ chưa đủ cấp dưỡng 1 - 2 năm, lấy gì mua được. Xem như quý đại thần nói : "Làm việc ấy phải 10 năm mới xong", huống chi tình thế nước ta như thế, sợ đến 30 năm có thành không, chưa thể biết được, thực như lời ngạn ngữ có câu "tiền mất tật mang", nên lấy đó làm gương, về việc ấy còn phải xử trí, một là sợ mất tình hoà hiếu, một là sợ tốn phí, nhưng sự thể trọng đại, nên giao cho tôn nhân, đình thần bàn lại. Sau lời xét lại nói : "Nước ta hiện đã nhận nước Pháp bảo hộ, về tiền bạc có mua được hay không, chắc đã biết rõ, huống chi quý đại thần sang lần này, các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà cũng sẽ giao trả lại, tưởng nước ta được quý quốc bồi thường, chính không phải là ít, nay nếu vì tiền tài eo hẹp, không muốn nhận mua, không những tỏ cho người là không rộng và sợ có hại đến ý tốt, sau này bàn bạc tất nhiều khó khăn trở ngại, xin tạm cho nhận mua, cho được ổn thoả cả". Vua nghe theo.

Cho Khâm mệnh đại sứ ở Hữu trực kỳ là Hoàng Tá Viêm rút về đợi Chỉ.

Bấy giờ, Tá Viêm tư vào viện nói : "Đã 2 - 3 lần đưa thư cho viên Khâm sứ, giúp cho súng ống để tiện đến Hữu kỳ đánh dẹp, lâu không thấy trả lời, sứ thần ấy không biết xếp đặt ra sao". Viên Khâm sứ ấy cũng tư cho viện nói : "Việc Tá Viêm làm, thường cùng với quý quan không hợp".

Viện thần nói : "Quảng Trị, Quảng Bình đã yên, cừ mục ở các tỉnh Hữu kỳ, hoặc đã ra thú, hoặc đã bị bắt, hiện tình cũng được tạm yên, viên sứ thần đóng lâu ở Quảng Bình cũng là hư phí, xin cho rút về đợi Chỉ, còn quan quân ở hàng ngũ do sứ thần xét để lại tán lý, lãnh binh mỗi chức 1 người và 100 lính Quảng Trị, đóng ở tỉnh Quảng Bình, để thời thường đi tuần tiễu ; còn thì cho rút về hết, để đỡ nhọc phí. Còn như việc làm từ trước và xếp đặt công việc về sau ở Hữu trực kỳ, nên do sứ thần xét định chu đáo làm sớ tâu xin thi hành, nên có mệnh lệnh ấy.

Cho phường Cát Sơn ở Quảng Trị [chua ở trên], về thuế chính cung cùng chịu như các xã thôn, còn hết thảy việc : sai dịch, phu thuyền đều rộng miễn cho.

Những người ra thú ở tỉnh Quảng Bình, từ tán lý, lãnh binh trở xuống hơn 170 người, đều chiểu theo lời chuẩn trước mà làm.

Lại cho Nguyễn Hữu Độ ra Bắc Kỳ, vẫn sung Kinh lược đại sứ.

Năm trước vua cho ngôi lớn mới định, từ Kinh đến các tỉnh ngoài còn nhiều việc, chuẩn cho Hữu Độ lưu lại để giúp việc, mà cho Nguyễn Trọng Hợp quyền sung. Gần đây Hữu Độ ra Bắc công cán, sĩ dân làm đơn xin lưu lại, Trọng Hợp cũng nhiều lần dâng sớ đem bệnh tình kêu xin chọn người khác thay.

Vua cho Hữu Độ là người có phẩm vọng, tài cán, từng trải, vốn am hiểu tình thế, mới cùng với viên Toàn quyền bàn định ; cho vâng lệnh lại đi, vẫn theo như trước chuẩn cho tiện làm việc, sung Cơ mật viện đại thần và kiêm quản Khâm thiên giám đều như cũ, để tỏ ý trong ngoài không chia rẽ.

Dụ rằng : "Đương lúc tình thế khốn khó này, ở quận, ở triều, đều cùng phúc hoạ ; khanh là người có danh vọng cũ của tiên triều, làm cột trụ của nước, tính vốn công bằng, trung trực, trẫm vẫn kính trọng, ngày nay phụng mệnh sai phái ra Long Biên, đường xa nhưng lòng không xa, giang hồ hay lăng miếu, trong lòng vẫn lo. Khổng Minh nhà Hán đem thân phó thác cùng non sông, mà lòng trung treo cao sáng sủa như Mặt Trời, Mặt Trăng, đời xưa là người như thế nào, đời nay là người thế nào. Thơ của Tống Thái Tông ban cho Triệu Phổ có câu rằng : "Thuỷ chung miễn tận quân thần nghĩa, nội ngoại vô vong ưu ái tình", nghĩa là : Trước sau cố hết nghĩa vua tôi, trong ngoài không quên tình ưu ái ; nay trẫm lấy câu ấy tặng cho khanh, khanh nên cố gắng". Rồi đặc cách cho 1 cái như ý bằng ngọc quý và 1 cái long bài, để tỏ ý trong đó có chữ vua phê, có thơ vua làm, không phải viên ngọc là quý báu. Khi ra đi, vua lại muốn trước 1 hôm vua ngự tới nhà riêng Hữu Độ để tiễn, Hữu Độ cố từ, mới sai quan ở bộ, viện, Nội các mỗi sở 1 người, đưa chân đến cửa biển Thuận An.

Cho Thượng thư bộ Lễ là Hoàng Hữu Thường đổi sang Thượng thư bộ Binh ; thự Hiệp tá Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội đổi lĩnh Thượng thư bộ Lễ ; Tả tham tri bộ Binh thự hàm Thượng thư là Tôn Thất Phiên, đổi thự Thượng thư bộ Hình, sung Cơ mật viện đại thần và quyền Chưởng công việc Khâm thiên giám, đợi ngày nào Hữu Độ về Kinh giao lại để làm ; nguyên Tuần phủ Hà Tĩnh về Kinh đợi Chỉ là Hoàng Vỹ, đổi bổ Hữu tham tri bộ Binh. (Tôn thất mà giữ việc binh, việc trước đáng làm gương, nên không cho Phiên thăng ở bộ Binh).

Khi trước, bộ Lại tâu xin chuẩn cho những người ở Kinh dự có phẩm hàm khoa mục, từng đã xem xét có thể làm được và tôn ấm, giám sinh đến lệ tình nguyện ra

làm việc ; quan hiện có hồ sơ để lại rất nhiều, xin nên lượng trình chia giao cho nha Kinh lược Bắc Kỳ và các tỉnh lớn, mỗi tỉnh 4 - 5 người ; tỉnh nhỏ, mỗi tỉnh 3 - 4 người, đáp tàu thuỷ, tới ngay đợi bổ, tuỳ việc phái uỷ, gặp chỗ khuyết lựa điền vào, để khỏi thiếu người, đã tư cho nha Kinh lược thương lượng với quý Thống sứ xét lại y cho. Đến nay phái đi từ tòng ngũ phẩm trở xuống, cộng 16 người.

Tỉnh Thanh Hoá bắt được Tú tài là Nguyễn Phương (xưng Phó đô thống) và con hắn là Quýnh (xưng Lãnh binh) ; Phương bị bắt, tức thì tự tử chết, Quýnh chiểu lệ đem chém.

Ngày tết Công chính của nước Pháp, viên Khâm sứ xin diễn binh, rước vua ra xem.

Hôm ấy, dàn quân ở trước cửa lầu Ngọ Môn, vua mặc đồ võ phục lên lầu xem, rồi lại cưỡi ngựa đi duyệt binh, cho viên Thống binh Pháp 1 thẻ đeo bằng ngọc (có tua buông xuống) và thưởng cho quan, quân Pháp ngân tiền lớn, nhỏ có thứ bậc. (Quan chức 39 viên, thưởng cho long văn hạng lớn ; suất đội 48 viên, thưởng cho hạng tứ mỹ, binh lính 586 người, thưởng cho những hạng nhị thắng, nhị nghi đều 1 đồng, từ đó về sau, hằng năm đều chiếu đó mà làm) ; lệ ngày Tết duyệt binh, rước vua ra xem bắt đầu từ năm đó.

Viên Khâm sứ Pháp tư nói : Mấy năm nay, ở Sứ quán, dựng nhà dưỡng bệnh, phái viên thầy thuốc người Pháp đến chữa, phần nhiều có hiệu quả, quý quốc nên dựng thêm ở bên cạnh quý quán ấy 1 toà nhà dưỡng bệnh, phàm có ai mắc bệnh, cho đến ở đó, 1 - 2 viên thầy thuốc của tôi thường xuyên đến đó ở và làm việc, để tiện chỉ bảo cách chữa của người Pháp. Viện thần tâu lên. Chuẩn cho theo đó mà làm.

Quan Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Vũ Khoa tâu nói : "Hạt Hà Tĩnh và 2 hạt Nghệ An, Quảng Bình, trước đã lầm đường, nhiều người làm cừ mục cho giặc. Từ khi ban ơn cho ra thú được miễn tội, nhưng vì quê thuộc tỉnh này mà thân mình ở làng khác, phàm có ra thú, phải đem thân mình về tỉnh mình mới được ; trong khi đi đường, hoặc bị dân bên giáo ngăn trở, hoặc gặp quân Pháp đón giết, nếu đem cả bọn cùng đi, lại là không tiện, nếu ra thú ở tỉnh gần cho được tiện, thì tư giải chậm trễ, khó nhọc, phí tổn, nên lòng muốn ra thú mà chân không đi được ; vì cớ ấy xin từ nay, phàm có cừ mục ở tỉnh Hà Tĩnh, cùng 2 hạt Quảng Bình, Nghệ An, nếu tình nguyện ra đầu thú ở tỉnh gần cho tiện cũng được, quan tỉnh sở tại xét quả thực, một mặt tư vào viện, một mặt tư cho tỉnh nguyên quán biết, bèn sức về cho xã dân cùng biết, không phải bắt đích danh người ra thú trở về nguyên quán ; nếu có tráo trở thế nào, cứ người dẫn ra thú và tỉnh nhận đơn cho thú, phân biệt xét xử". Vua chuẩn y lời bàn định ấy, nhưng thông sức cho các tỉnh hiện nay các cừ mục chưa ra thú hết, đều theo đó mà làm, cho được sớm yên ổn.

Thưởng cho các nhân viên đi theo dẹp loạn ở Ba Đình. Quan Tổng đốc tỉnh Thanh Hoá là Tôn Thất Vịnh dâng sớ trình bày : "Trận đánh ở Ba Đình tháng 12 năm trước, tuy do quân Pháp ; nhưng tỉnh phái người đi cùng với viên phủ Hà Trung cũng đi theo để bàn định đánh dẹp ; đã hơn 1 tháng, không từ gian khổ, quan Pháp đã không chê trách, lại còn khen ngợi, thực là đáng khen ; nhưng chọn lấy nhân viên được việc, xin lượng thưởng cho để khuyến khích".

Chuẩn cho thăng thưởng có thứ bậc (Thành thủ uý quyền sung Phó lãnh binh là Tôn Thất Khang, nguyên trước bị giáng 3 cấp, cho khai phục hết cả ; Biên tu, lĩnh Tri phủ Hà Trung là Tôn Thất Đề thăng Tri huyện, nhưng vẫn lĩnh chức cũ ; còn thì chánh đội trưởng tinh binh, thăng làm chánh đội cấm binh được 3 người ; cấp bằng đội trưởng, thưởng cho bát phẩm đội trưởng 3 người ; thự, thông lại và phó tổng, thưởng cho tòng cửu phẩm 3 người).

Sơn phòng sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân tuân lệnh đến huyện hạt Hà Đông, tỉnh Quảng Nam đóng giữ, chia quân đóng đồn các nơi yếu hại (phòng thần đóng đồn ở An Tân, còn tán lý, lãnh binh mỗi chức 1 viên, đóng ở các xứ : Đức Bố và Tam Kỳ).

Truy tặng Trước tác lĩnh Tri phủ Kinh Môn là Nguyễn Hữu Lãng (người huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) hàm Hàn lâm viện Thị độc (Hữu Lãng, tháng 12 năm ngoái đi lên tỉnh công cán, giữa đường bị giặc giết, tuy không phải chết trận, nhưng cũng là chết vì việc công, cho truy tặng và tiền tuất, đình việc tập ấm).

Lại đặt huyện nha ở Tuyên Hoá.

(Thuộc tỉnh Quảng Bình, đặt từ năm trước ; từ khi tỉnh ấy có loạn, viên dịch chạy tản hết ; chuẩn cho đình bãi, đợi yên sẽ định. Đến nay hơi yên lại đặt).

Tháng 6, thưởng cho Cử nhân tỉnh Hà Tĩnh là Lê Nhất Hoãn, lại gia thêm 1 trật (Tự Đức năm thứ 27 [1874], vì bắt được kẻ phạm, chuẩn cho đợi bổ làm quan, cho gia 1 trật).

Quan Tuần phủ là Vũ Khoa tâu nói : "Một hạt Kỳ Anh là địa đầu xung yếu, viên ấy là 1 người cử nhân ở quê nhà, thế mà nghiêm dẹp được, thân hào, tổng lý trong hạt, không có một người nào chịu nhục theo giặc. Tháng 2 năm trước, dân bên giáo bị đói, phải lưu tán, ước hơn 2.000 người, sẽ muốn xui giục quấy nhiễu ; viên ấy cũng hiểu bảo yên ổn được, nên trộm giặc tạm yên, lương dân và giáo dân đều êm, hạt đó nhờ đấy được yên, xin đặc cách khen thưởng để khuyến khích".

Bèn gia thêm 1 trật, bổ Hàm lâm viện Biên tu, nhưng sung Thương tá.

Các hạt : Thăng Bình, Hà Đông và Hoà Vinh, tỉnh Quảng Nam, ra thú hơn 60 tên, miền hạ du dần được êm lặng.

Chuẩn cho bọn Khâm sai là Phan Liêm, Sơn phòng là Nguyễn Thân đi ngay tới thượng du, dẹp cho bằng hết, cấp thêm súng Tây 200 khẩu, chia giao nhận lấy làm việc.

Lại đặt 3 sở : Vũ khố Đốc công, Nội vụ Đốc công và Nội tạo.

Bấy giờ bộ Công nói : "Ba sở đều giao cho bộ ấy quản nhận, việc nhiều người thiếu, khó trông nom khắp được", nên lại chuẩn cho đặt, để phù hợp phép cũ. Cho Quang lộc Tự khanh Tá lý bộ Công là Nguyễn Văn Thái, đổi lĩnh Thị lang, sung trông nom 3 sở ấy ; còn chuyên coi "vạn vạn niên cát cúc", cho Hữu thị lang bộ Lễ là Lương Thành, đổi làm Tả thị lang bộ Công để thay.

Quan Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Vũ Khoa tư nói : "Quan Án sát là Hoàng Xuân Phùng dụ được cừ mục và đồ đảng ra thú hơn 170 người, trong đó xét có nhiều người mẫn cán, nếu không thu dùng, sợ hoặc trở về lối cũ, xin chọn những người mạnh khoẻ và quản suất hơn 90 tên, theo quan Án sát, chiểu đóng những nơi yếu hại, hằng tháng cấp cho tiền 1 quan, gạo 1 phương, đủ 3 tháng thì thôi". Chuẩn cho theo đó mà làm.

Cấp tiền tuất cho thành phố Nghệ An vì bị hoả tai (mặt trước tỉnh thành bị cháy lan 148 hộ).

Tha cho nguyên Phò mã Đô uý là Đặng Huy Cát (con của Văn Minh điện Đại học sĩ là Đặng Văn Thiêm đã chết) về quê yên nghiệp làm ăn.

Huy Cát, khoảng năm Hàm Nghi, cùng với con là Đặng Huy Phổ cùng can án về ngăn giữ lính đi thế và đón chặn huyện viên, bị xử tội chém đợi lệnh (Huy Phổ bị chém bêu đầu). Đến bấy giờ làm đơn kêu ở viện, viện thần xin giúp y là con vị kỳ thạc của tiên triều, phạm tội xét ra là nhầm lẫn nhất thời và con hắn đã bị trọng hình, nên khoan tha cho tội trước, giao cho xã dân quản thúc, để được tự sửa lỗi. Vua y cho.

Trông coi đường cái quan là Lưu Cung tư nói : "Công trình sở ấy, khó nhọc nặng nề, từ khi dời đóng đồn thứ nhất, đồn thứ 2 đến nay, khi núi rất nhiều, dân phu nhiễm bệnh đến 6 - 7 phần 10, phần nhiều bị chết, quan Pháp ở đấy, ngày thường đánh phạt, tật bệnh càng nhiều, chuẩn cho viện thần tư bàn với viên Khâm sứ, trả lời rằng về việc đánh phạt, đã sức cho quan Pháp, từ nay về sau, dân phu có lỗi, phải giao cho quan Nam xét xử. Còn như mướn phu, gần đây trách cứ ở phủ Thừa Thiên và tỉnh Quảng Trị, xét 2 hạt ấy đường đi rất xa, tỉnh Quảng Nam hiện đóng giữ nhiều nơi, nhân dân phần nhiều đã trở về, nên mướn dân 2 huyện : Hoà Vinh, Diên Phúc, độ 500 - 600 người, để cho cận tiện dễ thay đổi".

Chuẩn cho theo lời bàn định giao cho quan tỉnh theo thế làm việc.

Viên Khâm sai người Pháp ở Bình Định, Phú Yên là Trần Bá Lộc cai quản đem quan quân đi tàu thuỷ về tỉnh Gia Định.

Dời đem đình "bát phong tùng luật" vào trong cửa Tưởng Loan (trước ở hồ sau).

Ngày Nhâm Dần, ngày kỵ ở điện Hoà Khiêm, vua mới thân đến làm lễ, trong ngày hôm ấy lại về cung.

Chuẩn cho từ nay, phàm trong Kinh và các tỉnh ngoài, giấy sớ mỗi trang dùng 8 hàng, cho hợp lệ cũ. (Tự Đức năm về cuối, chuẩn cho đổi dùng 7 hàng).

Tỉnh Nghệ An bắt được Phan Văn Thông (anh ruột Đình Phùng, nguyên là Viên ngoại Quản đốc chiếc tàu thuỷ bị cách chức, tự nổi loạn, xưng là Tham tán), chiểu lệ xử chém lập tức.

Quan Tổng đốc tỉnh Nghệ An là Nguyễn Chính tư lên đem việc lính tập Bắc Kỳ là bọn Phương Ngọc Côn (Đội trưởng), Nguyễn Văn Thu (Ngũ trưởng) và Phạm Xuân bắt được Nguyễn Xuân Ôn, rất là đắc lực, xin khen thưởng hậu.

Bộ Binh xét : Xuân Ôn lần này bị thương một mình lẻn trốn, không ví như lúc giao chiến tại trận, ở tỉnh xét nghĩ không đúng. Chuẩn cho chiết thưởng 30 lạng bạc, đình bãi thưởng hàm.

Khoa ấy ở trường Thừa Thiên, có quyển thi của Tôn Thất Vỹ (dòng thứ 2), không chiểu đầu đề làm văn, toàn đem *Đế quân chân kinh* mô tả ra (trước viết bài *Văn xương bảo cáo*, sau viết bài *Quan thánh bảo cáo*). Bộ xin cho kết tội đánh 80 trượng, để cho quy luật trường thi nghiêm túc.

Vua cho hắn là người trong "khánh" phả, cho gia ơn đánh 50 roi.

Quan bộ Lại nhận lỗi vì làm nhầm tặng điển, và nói : "Những người cha đã mất của của Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội và nguyên Tổng đốc Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang là Nguyễn Trọng Hợp, đều được phải cách (cha của Văn Hội là Văn Giai làm Trưởng sử cho Định Viễn công, can án tới riêng nhà Đinh Bảo xem hát, bị cách ; cha của Trọng Hợp là Cử nhân xuất thân, từng bổ Ngự sử đạo Bình - Phú ; can án trễ nải việc túc trực và ngồi đánh bài đánh bạc với khách, bị cách) ; theo lệ lại kém 2 trật (thế là kém 4 trật). Năm ngoái, bộ ấy đều tâu xin, chuẩn cho tặng Chánh tam phẩm, biết là nhầm lẫn, đã trình với huân thần là Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình, nói là : 2 viên ấy là cựu thần thạc vọng, lịch duyệt đã lâu, cha đã chết của các viên ấy bị can án xét ra không phải việc nặng, khoảng năm Tự Đức, 2 lần đã phong tặng kém trật, cũng đủ để phân biệt. Nay Hoàng thượng ta, hiếu trị thấm khắp, rộng rãi gia ơn, nếu lại phong tặng kém trật, sợ không phải là rộng ân điển, xin miễn cho phong tặng kém trật để tỏ hậu đạo, xin theo như lời huân thuần đã xét định". Vua y cho.

Đảng giặc tỉnh Quảng Nam lẻn xuống các xã, thôn đốt nhà giết người. (Các xã, thôn : Cẩm Sa, Ngân Câu, Viêm Minh, Ngân Hà, Trân Cầu, Mông Lĩnh, Phú Trạch, Thuý Loan, Dương Sơn, Tam Kỳ, Khương Mỹ, Ngọc Thụ và Trường Huân ; tổng cộng đốt nhà hơn 370 nóc, giết dân đinh mất 13 người).

Chuẩn cho đều chiểu lệ cấp tiền tuất ; nhưng trách cứu vào xã dân chưa ra thú mà chiểu thu.

Viêm Khâm sứ Pháp là Hách-tô vào yết kiến. Vua sai mời vào tiện điện, cùng thương lượng 5 khoản :

- Về 2 tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà lúc mới giao trả, công việc bề bộn, Khâm sai Tả trực kỳ là Phan Liêm, cai trị dân và giao thiệp rất là am hiểu và có tài cán, nên cho viên ấy sung bổ làm Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà.

- Về Kinh thành quý quan vẫn chưa giao trả, dân tình rất là trông mong, quý Khâm sứ có lòng giúp đỡ, xin thương lượng với viên Toàn quyền đại thần, sớm giao trả cho, để tiện sức cho nhân dân nước tôi về ở như cũ, dựng lập phường ấp canh tuần, để đề phòng quân gian tế.

- Về thể pháp của bản triều, phàm người có tội, phải nên xét kỹ, nếu quả tình tội không thể tha được, sau mới bắt tội tử hình. Gần đây, căn cứ ở các tỉnh tư về, bắt được giặc lẩn trốn, quý quan không từng tra xét tình tội nặng nhẹ ra sao, tức thời thương lượng với quan tỉnh cho đem chém, quan tỉnh cũng sợ là che chở, không dám tra xét ; vả lại thường tình của dân, phần nhiều thù oán nhau, cùng hãm hại nhau, quý quan tính nóng, mà tổng đốc, tuần phủ các tỉnh không thể biết rõ, nếu nhất khái theo thế mà làm, thì trong đó hoặc có người mượn nghĩa công mà báo thù riêng, hoặc lây đến cả người không có tội ; vậy việc ấy, trừ bắt được, bắn chém tại trận ra, còn thì bắt được kẻ phạm lẩn trốn, nên giao cho các tỉnh tra xét tội nặng đích xác sẽ thi hành, cho mạng người được trọng.

- Về các quý quan hiện đóng ở các tỉnh, đều có bụng giúp nước tôi có nhiều lợi ích, đối với tài lợi nhỏ nhặt không đáng kể, duy gần đây, các tỉnh có tư rằng quý quan đôi khi có sức mua củi và các vật hạng cần dùng, như ở Thanh chẳng hạn, sợ các thuộc viên ở tỉnh, sau khi thừa hành, trong đó có bớt xén ; vậy sau này quý quan có cần mua vật hạng cần dùng gì, nên tư cho quý Khâm sứ, chuyển tư cho viện Cơ mật biết rõ, để sau xét sổ chi tiêu.

- Về ở Kinh thành sau khi loạn lạc, quan thuyền tổn thất một số nhiều, không nên hỏi ; duy trong đó có thuyền vua ngự của các triều chế tạo ra, gần đây thấy được ở bến sông, quý quan không dùng làm gì, đôi khi có thấy người nước tôi thuê mướn, ngồi thuyền qua lại, rất thiếu nhã quan, xin thương lượng với viên Toàn quyền,

đem trả lại các thuyền vua ngự, để tiện sửa sang lại, nếu không dùng được, thì cho tiêu huỷ đi, để khỏi coi thường khinh nhờn.

- Viên Khâm sứ trả lời rằng : "Khoản Phan Liêm làm Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà, xin theo mệnh ; khoản thuyền ngự xin sẽ xét để làm ; còn các khoản xin đợi thương lượng với viên Toàn quyền và tư cho quan người Pháp đóng ở các tỉnh chiểu đó mà làm.

- Cho nguyên lĩnh Tế tửu là Nguyễn Đình Tựu, đổi làm Quang lộc Tự khanh lĩnh Đốc học Quảng Nam.

Đình Tựu, sau khi Kinh thành bị loạn, vâng ý Chỉ bổ chức Sơn phòng Quảng Nam, để tiện hiểu dụ đánh dẹp, tới khi về, chưa kịp nhận làm việc, gặp sơn phòng tỉnh ấy có loạn, liền tự tiện đi ẩn. Đến nay, đạo binh Sơn phòng Quảng Ngãi đến thượng du Hà Đông, Đình Tựu đến ngay chỗ quân thứ trình bày, rồi dẫn các xã dân ra thú, quan Sơn phòng đem việc ấy tâu lên.

Vua cho là Đình Tựu yên thường giữ phận, quan quân tới đến, lại biết ra thú trước, không ví như kẻ dây dưa với giặc ; cho vẫn theo chức hàm cũ, rồi vì hạt ấy dần dần đã được yên, mà học chính khuyết đã lâu, viên ấy nguyên là quan có học, được sĩ tử vui theo đã lâu, lại cho đổi bổ chức ấy.

Nguyễn Thân đem quân đánh úp phá được đảng Nguyễn Hiệu ở sơn phận An Lâm, bắt chém được cừ mục (chém : 1 lãnh binh, 2 đốc binh, 2 hiệp quản, 35 binh đinh ; bắt được : tán tương, thương biện, mỗi chức 1 người) thu được cờ trống, súng ống, khí giới, tiền lương, ấn triện vô kể.

Cho quan Sơn phòng và quan Khâm sai chia đường sấn đến ngay vây bắt, để kịp cơ hội, chớ để đàn muỗi lại tụ họp, gây khó khăn trở ngại sau này.

Tỉnh Quảng Nam có xã dân bắt được kẻ phạm lẩn trốn (Nguyễn Văn Lệ), giải nộp lên đạo quân khâm sai, quan Khâm sai là Phan Liêm tra xét quả thực, bèn đem bắn chết, rồi tư cho viện, làm tờ tâu để vua biết.

Vua phê bảo rằng : "Hiện nay trong Nam, ngoài Bắc dần dần được yên và đã thương lượng với viên Khâm sứ ở Kinh, từ nay, phàm bắt được kẻ phạm tội ẩn trốn, nên do quan tỉnh xét rõ, làm tập tâu xin, sẽ nói với quý quan đóng ở tỉnh ấy biết, làm như thế để trọng mạng người, mà giữ được phép cũ. Gần đây thường viện lẽ, nói cho quý quan biết rồi mới làm tập tâu để vua biết, rất là chưa đúng ; vậy từ nay từ Thanh Hoá trở vào Nam phải đều theo phép trước làm việc, nếu lại theo như trước, quyết nhiên giao cho công luận, phải sao lục ngay tuân theo, không phiền phải tâu lên".

Viên Toàn quyền đại thần ở Bắc Kỳ, tư cho nha Kinh lược : Địa hạt Bắc Kỳ, từ năm nay trở về sau, hễ đến thuế vụ, dân xã đệ nộp ở quan Bố chính, thì quan

Công sứ tới sở thu thuế hội lại cùng thu và ký tên đóng dấu vào biên lai của xã dân đã nộp, số tiền hiện thu được là bao nhiêu, quan tỉnh làm thành sổ thuế, 1 bản giao cho viên Công sứ giữ lưu chiểu và xét theo lệ xã, thôn nào nộp thuế bao nhiêu, dịch ra chữ Tây, đưa cho viên Công sứ làm bằng, để chiểu số bạc hiện thu là bao nhiêu, đưa nộp ở kho bảo hộ.

Tháng 7, ngày mồng 1, Bính Thìn, có nhật thực. Lễ Thu hưởng đổi lại vào ngày mồng 2.

Đặt quan lại ở Bình Thuận, Khánh Hoà.

Bấy giờ, 2 tỉnh ấy, người Pháp đã giao trả, bèn chuẩn cho Thị lang, gia hàm Tham tri sung Tả trực kỳ Khâm sai đại thần là Phan Liêm được thực thụ Tham tri, lĩnh Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà ; Thị độc lĩnh Án sát tỉnh Bình Định là Nguyễn Đình Chiểu thăng thụ Thị giảng Học sĩ, lĩnh Bố chính tỉnh Bình Thuận. Chủ sự, quyền sung Tả trực kỳ, Khâm sai đạo Tiễu phủ sứ là Hoàng Tá Trinh, thăng thụ Thị độc, lĩnh Án sát tỉnh Bình Thuận ; nguyên Thị lang lĩnh Tuần phủ tỉnh Bình Thuận (giáng 2 cấp phải ly chức) là Vũ Doãn Tuân, án bổ Hồng lô Tự khanh, lĩnh Bố chính tỉnh Khánh Hoà ; Kinh kỳ đạo, Chưởng ấn Ngự sử là Nguyễn Văn Chất, thăng thụ Án sát tỉnh Khánh Hoà ; Phó quản cơ là Nguyễn Chính Văn, thăng thụ Quản cơ, lĩnh Phó lãnh binh tỉnh Bình Thuận ; Quản cơ Lê Văn Bình, thăng thụ Phó lãnh binh tỉnh Khánh Hoà, còn tỉnh thuộc và phủ huyện viên dịch, do quan tỉnh xét chọn. (Quan viên 2 tỉnh ấy đều tới cửa biển Đà Nẵng ; đợi có công văn của viên Toàn quyền tới, tức thì xuống tàu thuỷ đi ngay).

Cho Tham tri bộ Binh, sung Sơn phòng Tiễu phủ sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân, theo nguyên hàm, kiêm sung Khâm sai đại thần ở Tả trực kỳ. (Cờ mao tiết, ấn quan phòng và đề đốc, tá lãnh ở hàng ngũ, cho chí biền binh các hạng, đều do Khâm sai trước là Phan Liêm giao nhận mà làm).

Nguyễn Thân đến đóng ở Phú Yên, Bình Thuận, phái quan quân tìm chỗ tụ họp kín của Nguyễn Hiệu, thu được các bức văn khế ruộng đất công, tư của Hiệu (124 bản), giao cho tỉnh Quảng Nam tịch thu sung công.

Vua cho là Hiệu lẩn trốn ở trong rừng, nhiều lần đánh dẹp, bắt chưa được. Nay quan sơn phòng đánh phá sào huyệt cũ, khiến cho không có chỗ dung thân, tuy giặc ấy chưa ra thú, nhưng việc làm ấy cũng là đắc lực, sai truyền Chỉ khen ngợi và thưởng cho quan công 1 cấp, nhân phê bảo rằng : "Khanh nên nhân cơ hội gấp rút, cốt bắt sống được tên nguỵ Hiệu, đóng cũi giải vào để xét trị, cho yên lòng 2 cung và lòng trông mong của ta, mà may cho dân ấy một phương, tất được ban thưởng hạng nhất, sức làm được thì làm đi, khanh nên cố gắng thể theo ý ấy".

Viên trông coi công việc ở phủ Toàn quyền là Phờ-lăng-xoa, chuộc được 1 quả ấn vàng, đệ nộp cho nha Kinh lược.

Chuẩn cho thưởng cấp các hạng : bội tinh bằng ngọc tốt và kim tiền (bội tinh 1 chiếc, kim tiền 1 đồng).

Khâm sai là Phan Liêm uỷ phái người nã bắt được Phạm Như Xương và gia quyến (ở trại Mán thứ 3, thuộc nguyên Lỗ Đông). Cho áp giải vào Kinh, do bộ Hình xét xử. (Sau bộ nghĩ định viên ấy, lần này xét ra là bị bắt hiếp phải theo, xét về dân hạt Quảng Nam, không có ai oán trách gì, xin gia ơn xử tội chém nhưng giam đợi lệnh, giam cấm ở phủ Thừa Thiên và thân thuộc trai gái 7 người do nha ấy quản thúc).

Viên Khâm sứ đem việc 8 viên quan Pháp, hoặc trước kia đi đánh dẹp ở Quảng Nam, hoặc những việc đã làm nên được ban thưởng tư lên để xét, chuẩn cho thưởng cấp khánh vàng hạng trung, hạng nhỏ có thứ bậc. (Viên Đề đốc Tổng lý binh chính đại thần, quan Tư là Lê-mô-ny ; viên quan Ba đóng ở tỉnh Quảng Nam là Mông-tây đều thưởng cho hạng trung ; viên quan Hai đóng ở Quảng Nam là Băng-xi-ê ; viên coi kho bạc là Phong-tê-ny ; viên coi điện báo là Di-mông và Ba-di ; viên coi kho là Cô-lô ; viên ở toà Thương chính phái sang trường Đấu Xảo là Đơ-ni-en Hoa-linh, đều thưởng cho hạng nhỏ).

Khi trước, quan tỉnh Bình Định là Nguyễn Hiệp tra xét cái án của Mai Xuân Thưởng ; Xuân Thưởng bị tội lăng trì xử tử, anh em ruột là 2 tên Xuân Khánh, Xuân Quang, không biết can ngăn và anh em họ thân là 4 tên : Hoà, Vân, Nghị, Dao lại nhận chức hàm đều bị tội chém ngay và đem chém, còn bác hấn là Chất (72 tuổi), Đức (65 tuổi), Hanh (62 tuổi) ; anh họ thân là Dư, Dương, Tuyết, Ngân ; em họ thân là Cẩm, Hoán, Dũng, Hoá, Phát, cộng 12 tên, xét ra là an thường, không dự vào việc làm giặc, đều giảm cho tội chết, phát lưu ra nước khác, giao cho tàu Pháp nhận chở đi an trí, đã được bộ Hình làm giấy tâu lên, chuẩn cho y theo xét định.

Viện Đô sát là Trần Lưu Huệ chấp hành pháp luật tâu nói : "Các tỉnh ở Tả, Hữu trực kỳ mấy năm nay thác ra việc nghĩa cổ động làm loạn, dù quan tỉnh cũng không khống chế được huống hồ cha anh hẳn thế cũng khó ngăn cấm. Hiện nay, những tên cừ mục thủ xướng, phần nhiều chưa bắt được trị tội, nếu không kể có dự mưu đồng ác hay không, theo luật phải liên can tất cả, thì một người làm điều ác cả họ phải chịu tội, sợ không phải là để tỏ thương xót, mà yên lòng kẻ tráo trở. Gần đây, bọn đầu mục của giặc như bọn Hoàng Phúc, Nguyễn Phạm Tuân và Bùi Điền, đã không bắt tội lây ; nay anh em tên phạm ấy 5 người đều phải chém bêu đầu, đủ tỏ rõ răn bảo, còn bọn chú, bác, anh, em họ thân 12 người, xét ra không can dự, xin nên miễn cho phát đi biệt xứ, nhưng giao về quê hấn là thôn Phú Lạc đứng lĩnh quản". Vua y cho.

Ngày Nhâm Tuất, sao sa có tiếng như sấm (từ hướng đông nam chạy sang tây bắc rồi sa xuống, lẫn cả sắc xanh, sắc đỏ, lúc đầu như tiếng súng nổ, kế tiếp 2 - 3 tiếng như tiếng sấm nhỏ).

Nguyễn Thân lùng bắt đảng Nguyễn Hiệu ở thượng nguyên Phúc Sơn, bắt sống 8 tên đầu mục giặc (lãnh binh trở xuống) và các hạng : Văn thư chu bạ (936 quyển, đều là công văn tỉnh Quảng Nam), ấn học chính quan phòng (1 quả), voi đực (1 thớt), thuốc súng (16 hòm). Lại bắt được thân quyến của Hiệu (mẹ già, vợ, nàng hầu đều 1 người, con trai 3 người, con gái 2 người), đều lưu giam đợi xét.

Miễn các hạng thuế về năm ngoái và các năm trước cho 2 hạt : Bình Định, Phú Yên (vì cớ bị giặc quấy nhiễu đã lâu, dân tình điêu háo).

Cho Quản cơ lĩnh Phó lãnh binh ở Thanh Hoá là Bùi Văn Bằng thăng lĩnh Đề đốc (Đề đốc trước là Nguyễn Hữu Phi đi công cán nên khuyết).

Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải làm danh sách đem công trạng nhiều lần của các quan quân hiện đi đánh dẹp ở 3 tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, tháng 11 năm ngoái, chia hạng dâng lên định thưởng.

Chuẩn cho thưởng thăng và thưởng thụ cộng 83 người.

Quản cơ thăng Cấm binh Vệ uý, quyền sung Phó lãnh là Nguyễn Văn Huân ; Cấm binh Chánh đội, thăng Phó quản cơ tác vi Phó lãnh binh là Đỗ Văn Đội ; Biên tu Bang tá thứ vụ, quyền sung Tri phủ Nho Quan, thăng Tòng lục phẩm, nhưng vẫn lĩnh chức cũ là Ngô Như ; Kiểm thảo tòng phái, thăng Biên tu là Kiều Hữu Hanh ; còn Tinh binh Chánh đội đến Bát phẩm Đội trưởng, Tòng thất phẩm văn giai đến Tòng cửu phẩm thư lại, cộng 79 người.

Các thân hào ở Nghệ An ra thú có 442 người. Chuẩn cho đều về quê yên nghiệp.

Giảm bớt và dồn lính ngũ bảo.

(Đều quê quán thuộc về Bình Định ; nguyên trước mỗi bảo có 2 vệ Nhất và Nhị. Gần đây cho thôi thúc một nửa, nên dồn mỗi bảo chỉ có 1 vệ và ngạch khuyết còn nhiều, mỗi vệ chỉ còn 250 tên, chia làm 6 đội).

Ác Man ở Thạch Bích lẻn xuống 2 hạt Quảng Ngãi, Bình Định quấy nhiễu, cướp bóc. Quan tỉnh Bình Định xin thôi thúc 300 lính hạ ban và 500 lính đang ban ở sơn phòng Định - Biên, do bọn Lãnh binh đóng ở sơn phòng là Phạm Sĩ đem đi cùng với những viên đốc quản đến ngay để tuần tiễu. Vua y cho.

Lại đình kỳ thu thẩm năm nay. Kỳ thu thẩm năm ngoái, các tử tù ở trong Kinh và các tỉnh ngoài lần lượt tâu vào, có ân chiếu cho được khoan miễn, đã chuẩn cho đình 1 thứ. Gần đây trong Nam, ngoài Bắc có loạn, hạng tù ấy gián hoặc nhiều trốn thoát, hoặc quan Pháp ty tha cho. Năm nay, các tỉnh hoặc chưa đệ danh sách, hoặc

danh sách đã đệ hiện số không có mấy, nên Pháp ty tâu xin cho đình 1 lần nữa, nhưng do ty ấy chọn lấy tên phạm nào, tình tội đáng thương, ngờ, trình lên để đình thần xét lại, tâu xin lượng giảm.

Cho các tờ tư lại theo lệ cũ, đình việc viết tên... Năm trước, các tỉnh chưa được yên tĩnh, bọn gian phần nhiều mạo thác họ tên phẩm hàm của đường quan, tự tiện tư báo ; đã chuẩn cho tờ tư dưới chỗ quan hàm, đường quan phải tự tay ký tên, để đề phòng gian dối. Bấy giờ, trong Nam, ngoài Bắc dần yên, nên đình bãi.

Chuẩn cho các quan phủ, quan tỉnh giữ công bằng, xét kỹ những thông phán, kinh lịch thuộc các phủ, huyện, người nào già ốm mỏi mệt và tư cách không hợp, chính sự chưa hiệu, lòng dân chưa thiếp phục, thì tức thời đem ra lựa đổi, không được tư vị che chở. Lại gần đây, các ấn quan phần nhiều đem những công tử, công tôn, tôn sinh, ấm sinh, tú tài, giám sinh, chưa có phẩm hàm, cử làm phủ huyện, việc ấy đã được xuống Dụ chuẩn cho (tháng 11 năm Đồng Khánh, Ất Dậu), nên bộ Lại phải theo ký án điền bổ, đường ra làm quan nhũng lạm, rất mất chính thể, lại theo bộ Lại xét định, từ nay, phàm xét làm được phủ, huyện, tất phải có phẩm hàm và chỗ khuyết ngang nhau, tuổi với tư cách được tạm hợp, không được vượt ra ngoài khuôn phép, xét cử hỗn độn, và xét tư phải cả bộ, cả nha, không được 1 người riêng tự xét đoán.

Bấy giờ, có tai biến sao. Đình thần dâng sớ nói : "Trời rủ lòng nhân ái, quần thần khôn xiết sợ hãi, cùng khuyên bảo nhau, chăm sửa chức nghiệp, để ý đề phòng ; xin nhà vua sợ hãi tu tỉnh, chuộng việc cần kiệm, bớt việc xa hoa, hết thảy những việc không cần cấp, đều xin đình bãi".

Vua khen và nhận lời, lại sắc xuống lục hỏi Nguyễn Hữu Độ, Hữu Độ tâu nói : "Lời đình thần nói, đã được nhận cho, thì trên dưới cùng sửa, chuyển tai làm lành, lẽ tất nhiên có thể thắng số hoặc nhiên ; duy nhà vua nhận trọng trách phó thác, cần phải giữ mình. Viên Toàn quyền và Khâm sứ thường nói với thần rằng : Chỉ mong trân trọng giữ gìn thân thể, khi nghỉ ngơi, khi ăn uống, cốt có điều độ, lo nghĩ, giận dỗi, chớ nên hơn lúc thường, thì giữ được khỏe mạnh, bình yên, sống lâu hưởng phúc, chẳng những thần ở tỉnh ngoài được yên tâm làm việc, mà thiên hạ, thần dân cùng được hưởng phúc cả".

Vua phê bảo rằng : "Khanh vốn trung thành một tiết, cả nước đều biết, lại là tướng có kinh nghiệm của tiên triều và là người cha tốt ở chốn tiên phòng, vì nước ra sức khó nhọc, chắc hẳn sớm được toại chí, trẫm không phải là thiên tài, nhưng cũng ngầm biết gan dạ, khanh nên yên lòng làm việc, nghe lời theo kế, trẫm có lòng nào đâu".

Nhà vua không chịu giảm bớt, làm việc quá thường, cho nên Hữu Độ nói đến.

Định lệ lương bổng cho nhân viên tuỳ phái trong Kinh và các tỉnh ngoài. Không cứ văn võ, hễ thất phẩm đến cửu phẩm, hằng tháng tiền cấp 3 quan, gạo 1 phương 15 bát ; lục phẩm trở lên, tiền 6 quan, gạo 2 phương ; chưa có phẩm hàm, tiền 1 quan, gạo 1 phương.

Cho nguyên Đô thống Chưởng phủ sự sung Đề đốc Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định là Đinh Hội, giáng xuống 2 trật, về quê hưu dưỡng.

Hội trước giữ đồn Lão Thuộc, để thất thủ, bị giặc bức bách nhận phẩm hàm của nguỵ (Tổng thống), rồi sau ra thú.

Quan viện Cơ mật xét Hội là cựu thần và chỉ bị bức bách nhận phẩm hàm suông, không có tình trạng chống cự quan quân, xin gia ơn xử nhẹ. Vua y cho.

Kính sửa lại điện Cần Chính. Khi công việc xong, thưởng cho người trông coi là Hà Văn Quan trở xuống kim khánh, kim tiền có thứ bậc. (Đợi đầu xuân sang năm sẽ phải trình bày dâng lên).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN VIII*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Đinh Hợi, Đồng Khánh năm thứ 2 [1887], tháng 8, thổ phỉ nước Thanh tràn xuống thượng du tỉnh Thanh Hoá (huyện Cẩm Thuỷ) quấy nhiễu, cướp bóc.

Sai quan tỉnh ấy bàn tính, phái người đến làm đồn, phái quân đến đóng, cốt sớm được yên lặng.

Quân đóng giữ ở Quảng Ngãi, Bình Định đến các trại Nước Trong, Nước Trắng thuộc địa phận Mán ; thổ tù Mán đến thú, xin trả người và súc vật (nhiều lần cướp bắt dân Kinh, vừa đàn ông vừa đàn bà 19 người, trâu 46 con ; nhiều lần nộp trả, vừa đàn ông vừa đàn bà 15 người, trâu 24 con), bèn đem quân về.

Chuẩn cho sứ thần tuyên rõ uy đức, cho chúng một lòng cố sức quy thuận và nộp trả số người với súc vật còn thiếu (về dân vừa đàn ông vừa đàn bà 4 người, trâu 22 con), hoặc bày cách thu về.

Nguyễn Thân uỷ phái người nã bắt được Nguyễn Hiệu, đem cờ đỏ báo tin thắng trận. Chuẩn cho đóng cũi đưa về Kinh tra xét. Từ đấy các xã dân ở tỉnh hạt và tên cừ mục, trong 10 hôm ra thú hết, tỉnh Quảng Nam được yên tất cả. (Sau kết án xử tội lăng trì, thủ cấp đem bêu ở tỉnh Quảng Nam để răn mọi người. Chuẩn gia ơn cho chém ngay, còn y theo nghĩ định, vợ con đều phát giao cho Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định làm nô lệ).

Viên Khâm phái của Pháp là Trần Bá Lộc định đem các thân hào khởi sự ở 2 hạt tỉnh Bình Định, Phú Yên để trách phạt, chia ra 5 hạng (đại phú, trung phú,

tiểu phú, hơi nghèo và rất nghèo) ; cộng 136.210 đồng (ở Bình Định 75.690 đồng, ở Phú Yên 60.520 đồng), để bổ sung vào quân nhu và tư giao cho 2 tỉnh chiểu đó mà làm.

Cho Tổng đốc Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang là Ngô Trọng Tố về quê hưu dưỡng ; lấy Tham tri, nguyên lĩnh Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình (ốm nghỉ trả hạn) là Vũ Văn Báo đổi lĩnh để thay.

Chuẩn cho các tỉnh ở Bắc Kỳ, từ nay phàm có gặp ruộng lúa tổn hại và đê lở ngập sâu, cát bồi đổi hạng, cùng hết thảy chi tiêu các việc công ở tỉnh, đều tư trước lên nha Kinh lược xét thực, rồi tư thương lượng với viên Toàn quyền duyệt y, có đủ giấy trả lời, mới được kê khai tư vào bộ xem xét, không được tư thẳng, đó là theo lời quan Kinh lược nghĩ xin.

Tỉnh Thanh Hoá dịch lệ phát ra từ tháng 2, đến nay chưa yên (bị nhiễm chết hơn 9.500 người). Sai quan tỉnh và phủ, huyện hết lòng thành cầu đảo, cốt được sớm yên, để làm ơn cho dân bị tai nạn.

Cấp tiền tuất cho thôn Lý Hoà, tỉnh Quảng Bình bị hoả tai (cháy lan 190 hộ).

Các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị đều bị bão lụt (ruộng lúa phần nhiều bị ngập tổn hại), các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình bị đói to.

Đổi định lệ phụng dưỡng cha mẹ và khi dưỡng bệnh của sinh viên khi ở Giám.

Tự Đức năm thứ 36 ([1883], quan ở Giám nghĩ định chuẩn cho nghỉ dưỡng bệnh đến 6 tháng trở lên, xét ra quả thực trễ nải, không lòng ham học, thời tước bỏ tên trong sổ ở Giám. Đến nay quan ở Giám là bọn Trần Khánh Tiến tâu nói : "Nhân tình siêng năng trễ nải không nhất định, mà chứng bệnh chậm chóng không giống nhau, nếu nhất khái chỉ hạn 6 tháng sẽ đem tước bỏ tên trong sổ, thì kẻ mượn cớ để trễ nải, thực lỗi đích đáng ; gián hoặc người có tâm ham học mà không may gặp phải bệnh tình như thế, tưởng không phải là tỏ ra thể tất ; huống hồ đi học được chi lương, cáo ốm thì đình lương, chắc đã phân biệt. Xin từ nay, phàm sinh viên ở Giám, mắc bệnh mà không có đơn cáo, quá hạn 1 tháng, xét ra là lười, mượn cớ, thì phải tước bỏ, còn xét thực có đơn cáo, kết nhận là thực, chiểu theo lệ Tự Đức năm thứ 37 [1884] mà làm". (Năm ấy, ấm sinh là Nguyễn Lương ở ngụ sở mắc bệnh, có đơn của bố trình bày nhận thực, cho về quê chữa thuốc, ngày nào khỏi bệnh, lại tới Giám học tập).

Bộ Lễ nhân đó nghĩ định : Sinh viên, người nào nhà có cha mẹ già, tình nguyện ở nhà phụng dưỡng, cũng kính cho theo lệ Tự Đức năm thứ 31 mà làm (năm ấy, ấm sinh là Phan Thế Đĩnh, chuẩn cho về quê phụng dưỡng, việc xong, tới Giám học tập). Còn như việc nghỉ ốm, trừ không có đơn cáo, quá 1 tháng phải tước bỏ ra, còn

người có đơn, nếu đã đủ 4 tháng, do học quan sát thực, người nào là thực học, ngày thường không lười biếng, trễ nải, thì cho khi khỏi bệnh được đến học tập ; người học lực tầm thường, thì tước bỏ tên ở sổ Giám, lui về ngạch cũ, các học đường ở ngoài, cũng theo đó mà làm. Vua y cho.

Phủ Tôn nhân làm tờ tâu đem công chúa Gia Đốc xin khai phục tước trước là Đồng Xuân công chúa, theo lệ được vào chầu và chi cấp cho nửa bổng.

Gia Đốc, về Kiến Phúc năm đầu [1884], bị phát xuất ra là cùng với Gia Hưng công Hồng Hưu tư thông, sinh 1 con gái, kết án phải cách. Tháng 8, Hàm Nghi năm đầu [1885], cho khai phục công chúa, bỏ đi 2 chữ "Đồng Xuân", mà con không được tập ấm hiệu uý, cả năm chi nửa bổng, không được vào chầu, để cho có phân biệt.

Vua bảo : "Gia Đốc đã được nửa đời người mà vẫn chưa thuần, trước kia mắc lỗi, kể thì lại nói gì, duy nghĩ công đức Hiến tổ ta, mà y là con gái còn ở trong bụng, trẫm có lòng nào đâu ; vậy chính hiệu trước đã đình, nên đổi hiệu khác, để tỏ nhắc nhở, bèn đổi phong là Phục Lễ công chúa".

Cho nguyên Bố chính Bắc Ninh, quyền giúp việc Tổng đốc (nghỉ dưỡng bệnh) là Nguyễn Xuân Duẩn, đổi bổ Thị lang, lĩnh Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên (Tổng đốc hiện thời là Nguyễn Tư Giản, có việc bị can, phải triệt về nha Kinh lược đợi xét).

Nguyên quyền sung Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp, đem sự trạng của cụ, ông và cha mẹ tâu xin phong tặng (nói : Tằng tổ [cụ] là Nguyễn Công Yến, ngay thời Lê Cảnh Hưng, vì cha được tập ấm, sắc thụ Hoằng Tín đại phu, đến đời Mẫn Đế bị nhiễu loạn, được quyền sung Chiêu an sứ, rồi chết, không phải là làm quan nhà Lê, thực có quan chức).

Bộ Lại xin giao đình thần nghĩ định, sau đình thần trả lời : "Ông, cha các quan viên, trước kia có làm quan với nhà Lê, không được dự phong tặng, vì để cho nghiêm điển lễ một triều, cũng để phân biệt sự hiềm của 2 họ. Nguyễn Công Yến, trước đã làm quan nhà Lê, hiện có chức sự, nay nếu dự phong tặng, không những trái phép trước, mà so với nghĩa lớn, cũng chưa được ổn, xin nên không cho". Vua y theo.

Cho các giám sinh, ấm sinh, học sinh ở Giám, người nào đã dây dưa theo giặc, thì không được vào Giám chi lương đi học, nhưng miễn cho tước tên trong sổ ; và hạng cử nhân theo giặc ra thú, tình tội rất nặng, cách bỏ tên trong sổ cũ, còn ngoài ra dây dưa theo giặc, được miễn cách, đều vẫn cho học tập đợi khoa thi.

Cho Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Thuật sung làm Tuyên uý xử trí đại thần ở Tả trực kỳ.

Trước đây, Khâm sai đại thần là Nguyễn Thân dâng sớ trình bày : "Hạt ấy, còn lại chẳng qua 1 - 2 tên giặc lẩn trốn, mà tiết trời đã sang thu đông, lưu quân đóng đồn không tiện ; vậy những nơi đã đặt đồn đóng giữ trước, xin cho dồn lại lập thành đoàn kết tuần phòng, các nha ở 6 phủ,huyện, liệu thúc giục những lính Kinh, lính tỉnh đã tản về, đến đóng giữ thường xuyên. Hạt ấy sau khi bị loạn phải nên xử trí một cách thức rộng lớn, xin cho quan đại thần người địa phương ấy sung làm Khâm sai, hội đồng với các quan tỉnh xem xét thuận tiện, vỗ yên tính chữa và cho hết hình ngục, sạch oan uổng.

Còn như viên binh phòng thủ ở tỉnh Quảng Ngãi, xin đều chia ban nghỉ ngơi, các hạng viên binh ở sai đạo trước, do các viên đề đốc, tán lý đem về Kinh phục mệnh ; nhưng xin cho về quê chữa bệnh 1 tháng, khi khỏi sẽ cung chức".

Vua y lời xin, cho Thuật là người địa phương ấy, vốn có phẩm vọng, nên sai đi. Khi đi, cho gọi vào nơi tiện điện bảo rằng : "Dân ta có tội gì, mắc mãi hoạ hoạn, may nhờ anh linh miếu xã, dần được yên ổn, duy thu xếp công việc sau này, còn cần phải xử trí, khanh là người vốn có văn học, người và chỗ ở cùng hợp, gánh vác trọng trách ấy, cốt phải xếp đặt thế nào, cho chóng có thực hiệu".

Thuật tâu nói : "Nhờ ơn lựa chọn sai đi, xin hết lòng hết sức, hỏi ra được biết tỉnh Quảng Nam hiện nay bị vết thương và tàn hại quá lắm, nhân dân đói khổ, quan tỉnh ấy không mưu tính cứu chữa được và sau khi loạn, dân lương, dân giáo chưa được bằng lòng, hãy còn nghi kỵ nhau, hôm trước tiếp được thư của Nguyễn Thân gửi đến có nói : "Hiện nay trong hạt có 36 đồn, công việc bận lắm, quan Khâm sai ấy định muốn rút bớt đi, nhưng chưa tiện bàn bạc". Gần đây, hai hạng ra thú và bắt được, chưa phân biệt tốt xấu, quan tỉnh cũng khó xét xử, đi đến đấy, xin hội đồng với quan tỉnh bàn định, việc gì khó khăn trở ngại, phải tâu tư lên, kính nhờ nhà vua quyết định".

Vua nói : "Mưu kế hiện nay, phàm việc gì phải bàn bạc, đã có viện Cơ mật ; còn như công việc phải xét xử cho người khỏi oan uổng và hiểu dụ hay đánh dẹp, khanh phải hết lòng, mới mong được việc chu đáo. Vả nay bàn luận thì khó, ví như mưu toan việc khó ở việc dễ, làm việc lớn ở việc nhỏ, khanh nên thể tất, chớ thấy khó mà lo ; rồi ban cho sâm, quế để làm thuốc bổ".

Cho Khâm sai đại thần ở Tả trực kỳ là Nguyễn Thân, thưởng gia hàm Thượng thư, vẫn sung Sơn phòng Tiễu phủ sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định, giải binh về Sơn phòng Quảng Ngãi nhận chức, gia thưởng cho 1 cái kim khánh hạng lớn có 4 chữ "lao năng khả thưởng" [khó nhọc tài năng đáng khen], để ghi công lao. Lại đặc cách cho 1 bức ảnh của nhà vua thân đi đánh giặc. (Trên đóng ấn : Đại Nam Thiên tử chi bảo, mặt sau thân viết bài luận "Hưng lợi trừ hại" của vua làm, nhan đề sắc rằng : Phàm phí quân công, không được dự thưởng).

Lời Dụ rằng : "Đó là tấm lòng yêu tài của trẫm, đặc cách gia ơn, ngươi nên nhớ lời răn bảo của trẫm, thể theo lòng trẫm, sớm khuya kính cẩn, để tiếng khen lâu dài. Ở *Kinh Dịch* có câu : "Người quân tử có gian lao khiêm tốn mới hưởng phúc lành về sau". Người xưa như Quách Phần Dương (tức Tử Nghi), Tào Vũ Huệ (tức Tào Bôn), công trùm cả nước, mà biết không tự khoe khoang, trọn đạo làm tôi, cho nên giữ được tiếng tốt, để phúc lâu dài cho con cháu ; nếu cậy công, coi thường mệnh lệnh ; không kính giữ phận bề tôi, không những bỏ hết công trước, lại có phạt nặng". Và sai thông lục cho các quan tỉnh đều biết.

Gia cho Đông các Đại học sĩ, Địch Trung tử là Hoàng Tá Viêm, làm Thái tử Thái phó, chuyên sung đại thần viện Cơ mật. Trước đây, Tá Viêm về phục mệnh, chuẩn cho theo hàm ấy sung vào viện, rồi cùng Phan Đình Bình kiêm trông coi cả công việc bộ Hộ, Tá Viêm vì già ốm xin về thôn quê để bảo dưỡng tuổi già. Vua không cho. Chuẩn gia cung hàm, chuyên sung Cơ mật ; phàm việc lớn quan trọng, hiệp cùng bàn định, đình việc kiêm cố bộ Hộ, cho tâm lực được thư, để hết bàn nghĩ, bảo là bao giờ các tỉnh hết thảy bình tĩnh, triều đình ít việc, cáo về cũng chưa muộn.

Tá Viêm lại cố xin trả việc về hưu, cũng không cho.

Ngày Kỷ Dậu, ngày sinh nhật ở điện Khiêm Hoà. Vua kính đến làm lễ (bắt đầu từ năm ấy), trong ngày hôm ấy lại về cung.

Giáng chức viên mới chuẩn cho lĩnh Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà là Phan Liêm, cho Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Phong thăng lĩnh Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà ; Hữu tham tri bộ Binh là Hoàng Vỹ, đổi bổ Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi ; Hữu thị lang bộ Binh là Phạm Hữu Dụng thăng bổ Hữu tham tri.

Lúc đầu Liêm đã được mệnh mới, tức thời dâng sớ nói : "Hai tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà, dân sau khi bị loạn, vỗ yên răn dẹp thật khó, Liêm này mình ốm, tài xoàng, sợ không kham nổi chức ấy, xin chọn bậc danh khanh tài cán, lão luyện đến nhận chức, sẽ xin vào Kinh chiêm bái, về quê quán chữa bệnh, để dưỡng tuổi trời".

Vua không cho, gia ơn ban cho 1 cái kim khánh có 4 chữ "liêm, bình, cần, cán", bảo phải đi ngay. Rồi lại triệu về Kinh, để tiện bàn ngay trước mặt viên Khâm sứ Pháp về công việc phải làm. Khi đã về tới nơi, Liêm lại nói : "Dân hạt ấy, sau khi bị bọn giặc mê hoặc, chưa chắc mười phần hết ngờ, nghĩ nên chọn 1 vị đại thần về ngành khánh phả đến nhận chức, cho dân biết có triều đình, huống hồ 2 tỉnh ấy, dẫu nói giao trả, nhưng chưa tiếp được giấy tờ rõ ràng, dựa vào điện báo, vội đã phái quan đến ngồi đợi, không biết bàn định ra sao".

Vua cho Liêm đã nhiều lần từ chối, không cần uỷ gượng, đổi sai Văn Phong thay thế, rồi đem Liêm giải chức, giao cho đình thần trừng trị. Đình thần xin xử tội đánh 100 trượng, cách chức không được trình bày.

Vua lại nghĩ, Liêm đã từng làm Tổng đốc, lại là đời đời làm quan, chuẩn cho giáng làm Biên tu, bắt về hưu.

Cho Thị độc sung Sử quán Biên tu là Lê Mô Khải (nguyên Hồng lô tự Thiếu khanh, Tá lý bộ Lại bị giáng), tạm được hàm trước, cho đem tờ Dụ lần lượt tới sơn phận các tỉnh từ Quảng Bình trở ra Bắc, thăm dò đích thực tin tức vua Hàm Nghi, tuỳ cơ làm việc cho ổn thoả.

Mô Khải nói : "Năm trước đi theo Xuất đế, am hiểu đường sá, xin bí mật đi thăm dò nơi ở, kính đem lòng tốt của nhà vua, cần cho chóng được về triều, cho bọn bất lương khỏi vin cớ sinh sự. Quan ở viện cũng cho là : Xuất đế về chậm 1 ngày, thì lòng người ở Nghệ An, Hà Tĩnh thêm 1 ngày trông ngóng, cho nên tâu xin chuẩn y lời xin.

Tuy An quận công là Miên Hạp lên thọ 60 tuổi. Sai Quảng Hoá quận công là Miên Uyển, đem đến các phẩm hạng (1 đồng kim tiền, 3 đồng ngân tiền, 1 tấm sa toàn tơ hàng Trung Hoa, 1 tấm nhiễu hoa, 1 tấm sa cống có hoa hàng nam và 1 tấm nhiễu mộc, theo lệ tới nhà ban cấp cho).

Vua ở trong cung cấm, sửa sang xây dựng cảnh mới ở Thần kinh, làm 2 quả núi giả, nhân bảo quan Nội các rằng : "Trẫm muốn đặt tên quả núi bên tả là "Long tàng phụ", quả bên hữu là "Hổ phục sơn", để tỏ ra trẫm ngồi ở chính giữa, để trấn áp cuộc long hổ giao tranh ; duy chữ "long" có liên quan đến vận mệnh của nhà vua, chữ "tàng" hơi còn ngại".

Quan ở Nội các là bọn Tạ Thúc Dĩnh nói : "Chữ "tàng" không phải là không còn ngờ, kính xét thời Tam quốc, Ngô Đại đế đóng đô ở Kiến Nghiệp, nơi ấy có núi Chung Sơn như rồng bò, có thành đá như hổ phục, hình thế thiên nhiên, thực là nhờ đó mới xưng hùng. Hoàng thượng ta, chỉnh đốn lại dư đồ, từ lúc mới lên ngôi, 2 chữ ấy xin đổi là "bàn cứ", để tỏ Hoàng thượng ngồi ở chính giữa, cho được vượng khí mà trấn áp giao tranh". Vua cho là phải.

Dựng lầu Thái Bình ngự lãm (ở trong Cấm thành). Ở bên tả lầu, dựng toà, gọi là toà "tứ phương vô ngu" ; bên hữu dựng dãy hành lang dài, gọi là hành lang "hoá nhật thư trường" và ở bên tả đình "bát phong" dựng cái gác nhỏ, gọi là gác "lục trí thần thông", bên hữu dựng phòng "thận tu" ; lại có lầu nhỏ ở phía bắc phòng ấy gọi là lầu "lục giác", bên tả lầu ấy có 1 cái nhà, gọi là quán "trạch trung" ; đằng trước gọi là nhà "Đức viên" ; cầu, rạp liền nhau, ao hồ chảy suốt, trông có vẻ đẹp mắt lắm.

Tháng 9, Đinh Công Tráng (xưng Tham tán, việc thấy ở trên) lẻn về hạt Nghệ An (xã Chính An, phủ Tương Dương), quyên tiền quấy nhiễu, bị quan quân Pháp bắn giết.

Bố chính tỉnh Bình Định là Phạm Bỉnh, Án sát tỉnh Bình Thuận là Hoàng Bá Trinh ; Án sát tỉnh Quảng Bình là Tôn Thất Cự, đều bị người Pháp chỉ trích triệt về.

Phái Tham tri bộ Hộ là Trần Lưu Huệ, Tá lý bộ Công là Phạm Ngọc Thọ ra Bắc Kỳ do nha Kinh lược tuỳ việc bàn uỷ đợi bổ vào chức Tổng đốc, Tuần phủ có khuyết là theo lời xin của Nguyễn Hữu Độ.

Mới đặt Man mục ở tả, hữu trạch nguyên, phủ Thừa Thiên.

Địa phận Man ở vùng thượng du hạt ấy, từ trước tuỳ theo địa thế đặt dựng đồn trại, hoặc trường đổi chác, trưng thu thuế nguyên, đều chỉ cho các Man ấy đi lại với viên giữ đồn, hoặc người lĩnh trưng, Nhà nước không đặt lập đầu mục, người Man cũng không qua lại các đô thị. Đến nay quan phủ Thừa Thiên xin : "Đều đặt trưởng mục để trông coi cả trại, cấp cho lịch để vâng theo ngày chính sóc, cho về Kinh buôn bán, nếu có tình trạng oan ức, cho kêu đến quan".

Vua cho lời xin ấy cũng là một cách để chiêu dụ, vỗ về, tụ họp, mở mang, nên chuẩn y ; rồi thông sức cho các tỉnh, những trại Man như thế, nếu có thuận xin, cũng cho đều theo thế mà làm.

Chuẩn định thuế lệ cửa hàng buôn bán ở tả, hữu ngoài thành cửa chính đông và ven bờ sông.

Năm trước, đã cho không cứ quan dân được làm nhà đến buôn ở đấy. Đến nay, cho bộ Hộ khám xét chia ra từng hạng định thuế. (Chỗ tiện lợi nhất cả năm mỗi gian 24 quan, chỗ tiện lợi vừa 18 quan, chỗ tiện lợi vừa nữa 15 quan).

Tỉnh Bình Định tự tiện cho người Khách lĩnh trưng thuế mổ thịt lợn ở các hàng chợ (cả năm 1.000 quan) và thuế lò nấu tơ kén của nhân dân (cả năm 1.200 quan), sau mới đem việc ấy tư vào bộ, quan ở bộ tâu nói : "Mổ thịt lợn ở chợ và dân gian nấu kén làm tơ, dẫu có chuyên nghiệp, nhưng đều là sinh sống hằng ngày cho dân gian. Nay nếu cho người Khách buôn trưng thu, thì ở Nhà nước không có lợi ích gì, mà bọn người lĩnh trưng vin cớ quấy nhiễu, dân chịu sao nổi, xin đợi lệnh xử phân, để tỏ răn bảo". Bèn chuẩn cho bọn quan tỉnh là Phạm Bỉnh phải giáng cấp và phạt bổng có thứ bậc.

Quan Tổng đốc tỉnh Nghệ An là Nguyễn Chính, tập tâu trước xin cho người Khách lĩnh trưng thuế tạp hoá ở hạt ấy (vải, lụa, đường, giấy, dầu, vỏ gai, da trâu, bông sợi, tre ống, hạt thảo nhân, tơ sống, các hạng hàng Trung Hoa, các hạng mây song, khô dầu, cỏ hoàng thảo, cánh kiến, củ nâu, sắt chín, thuốc lá và cau khô hoá vật mà thuyền Thanh đem bán), liền phát giấy cho lĩnh trưng làm việc ngay. Sau

viên Khâm sai là Hách-tô phúc thư lại nói : "Chiểu theo điều ước thời không đúng, chuẩn cho đình lại". Lại xin vẫn cho để lĩnh trưng, khi nào nha Thương chính cử hành, sẽ xin đình bãi. Viên Khâm sứ lại phúc thư nói : "Thuyền buôn nước ta buôn bán chẳng qua chỉ ở những hạt thuộc Nam - Bắc 2 kỳ thôi, chưa từng đi buôn ra đến nước ngoài ; thuyền buôn ở Nghệ An ra vào, đều do cửa Hội, dẫu chưa đặt ra tuần ty, nhưng hạt khác đã có sở Thương chính đánh thu thuế lệ, tưởng không còn sót lậu ; tỉnh ấy cho người lĩnh trưng các hạng thuế ấy, thời thuyền buôn ở cửa biển hạt ấy, đã nộp xong cho người lĩnh trưng, khi chở đến cửa biển hạt khác, sở Thương chính không có khấu trừ, lại đem đánh thuế ; việc làm của tỉnh ấy là mưu tính cho người Khách thì được, nếu hại cho dân thì sao ?". Bộ Hộ bèn tư, sai phải theo lời chuẩn trước, đình ngay việc ấy.

Chuẩn cho nhân đinh các xã, thôn bị điêu háo thuộc tỉnh Hà Tĩnh về điền bổ tiếp tục được lùi hạn có thứ bậc. (Vì cớ bị giặc quấy nhiễu, nơi thiệt hại nhất là 1 năm rưỡi, thiệt hại vừa là 1 năm, thiệt hại vừa nữa là 6 tháng, cộng 71 xã, thôn, số đinh được lùi hạn 1.560 người).

Chuẩn cho Hiệp biện Đại học sĩ, nguyên quyền Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp, theo hàm ấy lĩnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần, kiêm Sử quán Tổng tài Kinh diên giảng quan.

Cho Hữu thị lang bộ Hộ là Hồ Lệ, thăng lĩnh Hữu tham tri bộ Hộ kiêm quản viện Đô sát. (Người trông coi trước là Trần Lưu Huệ ra Bắc).

Tuyên uý xử trí đại thần ở Tả trực kỳ là Nguyễn Thuật tâu nói : "Dân hạt Quảng Nam hiện nay điêu háo, tình hình quá lắm, xin từ Hàm Nghi năm đầu, các thuế lệ đinh điền và biệt nạp, (trừ các thuế thuốc phiện, tổ chim yến, mỏ than và rượu, chiểu giá trưng thu ra), còn thiếu bao nhiêu hết thảy cho miễn cả".

Bộ nghĩ định : "Thuế lệ về 3 năm trước, theo như Bình Định, Phú Yên gần đây cho miễn cả, còn thuế năm nay thiếu bao nhiêu, chia làm 10 thành, xin gia ơn miễn cho bao nhiêu, còn bao nhiêu phải thu".

Vua cho hạt ấy, riêng bị hại lắm, chuẩn cho y lời xin trước, rồi xuống Dụ rằng : "Hạt ấy vốn là đất xấu, dân nghèo, nay lại bị bọn nghịch Hiệu người cùng châu quận tàn hại, tình hình so với Bình Định, Phú Yên rất khẩn thiết, lại thêm lệ thuộc quan Pháp, đắp đồn, sửa đường, công việc lại nhiều, nếu không tính nghĩ trước, thời hiện nay dân tình quẫn bách, đã là không thể chịu được, sau này đói khát, không khỏi lại phiền xếp đặt. Nhà nước ta, thánh thần truyền nối, ơn huệ rộng khắp, phàm thấy giáng xá tha thuế, điêu háo, vỗ về, chính hay lần lượt, sử không xiết chép, thực vì vua dân như một, đau ốm liên quan, cho nên mới thế. Trẫm tuy dẫu đức mỏng không kịp, nhưng thương nuôi dân chúng, lòng ấy chưa từng phút nào được yên ;

hiện nay về thuế khoá trong nước, so với trước lại càng thiếu, nhưng dân là gốc của nước, gốc có vững, nước mới yên, nay hạt ấy dẫu đã yên lặng, nhưng tình hình thiệt hại, đương cần đợi gia ơn, đâu có làm cha mẹ dân, nỡ ngồi nhìn nguy khốn mà không cứu ! Vậy thuế lệ năm ngoái, năm trước và năm nay ở hạt ấy, đều gia ơn cho tha hết, để tỏ lòng kính theo tiên tổ, yêu dân trước sau không khác của trẫm đối với tai mắt của dân ta. May nhờ trời nghe tiếng không xa, của nhiều dân mạnh, thì cống thuế ngày còn nhiều, của cải trong nước lo gì thiếu thốn ; Nguyễn Thuật, ngươi là người ở đó, nên khéo thể theo ân ý, hội cùng với quan tỉnh ấy, xử trí thế nào, khiến cho kẻ lưu tán sớm được trở về, chỗ thấp chỗ cao lại được san sửa, để cứu dân phương ấy, trẫm vẫn hằng ngày chờ mong".

Hải Ninh quận công là Miên Thanh lên thọ 60 tuổi.

Cho Nam Sách quận công là Miên Ổn đem đưa phẩm hạng (1 đồng kim tiền, 3 đồng ngân tiền, 1 chiếc áo rộng tay thuần tơ sắc xanh, 1 chiếc áo hẹp tay thuần tơ sắc đỏ, 1 cái quần nhiễu đỏ, 1 cái quần nhiễu mộc sắc trắng hàng nam) theo lệ tới nhà ban cấp.

Đổi Hộ thành Đề đốc là Hồ Trí làm Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm ; Vệ uý vệ Kiền thị là Lê Thuận Lý thăng bổ Chưởng vệ lĩnh Hộ thành Đề đốc ; quyền Chưởng Tả dực là Hồ Văn Dũng, đổi quyền Chưởng dinh Thần cơ.

Nguỵ Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh là : Trần Ngọc Côn, Trần Lý, Đặng Thông, cùng hiệp quản, suất đội hơn 40 người và trong bọn hơn 200 người, đều cho ở tỉnh ra sức để sai phái. Tháng 2 năm ấy, viên Án sát là Hoàng Xuân Phùng dỗ ra thú, nhiều lần sai phái được việc, cho nên dâng sớ tâu xin.

Vua thường coi chầu, các bộ, nha tâu việc xong rồi, dẫu không hỏi han gì, cũng ngồi lưu lại 1 - 2 khắc.

Tôn nhân, đình thần dâng sớ nói : "Mặt trời đã trưa, còn ngồi coi chầu, là thịnh đức của đế vương. Dực tông Anh hoàng đế chăm lo mọi việc, trong khi ngự triều, tâu việc đã xong, nếu không có việc gì, tức thì cho lui chầu. Hoàng thượng lấy cần kiệm làm trên hết, thịnh đức như thế, cố nhiên không kẽ hở, duy đức quý ở có thường, việc cần phải kế tiếp, nếu không hỏi đến chính sự văn chương, ngồi lâu đã có sợ mệt nhọc đến ngọc thể, mà thần hạ đứng hầu, có khi đến lỗi phép, xin xem phép trước, các bộ tâu việc đã xong, không có việc gì phải bảo trước mặt, hoặc phải hỏi han, xin nhà vua lui chầu, để được thư nhàn, thì cách chăm việc chính sự, kính theo tổ tiên, ngõ hầu hai đường đều được trọn vẹn". Vua nghe theo.

Ngày Tân Tỵ, ngày kỵ ở án bên hữu điện Phụng Tiên. Vua thân đến làm lễ.

Chuẩn cho các tỉnh, đạo và các phủ, huyện, nha ở trong Kinh và các tỉnh ngoài ; năm trước tù tội nặng hiện giam như tội chết và các phạm nhân như tội lưu, sung

quân, tội đồ làm binh, nhân khi có loạn, trốn ra chạy thoát là bao nhiêu, đều hạn gấp cho 3 tháng, nếu biết trong hạn về thú, cho đều chiểu theo tình tội kêu xin lượng giảm, là theo lời xin của bộ Hình xét định.

Mùa đông, tháng 10, Án sát tỉnh Hà Tĩnh là Hoàng Xuân Phùng đem quân đánh phá các đồn nguỵ (6 nơi) ở địa phận núi, huyện Can Lộc, dụ ra thú được : Đề đốc Nguyễn Văn Chư (nguyên Chưởng vệ) ; Án sát Phan Khắc Hoà (nguyên Tri phủ Quảng Hoá), Bố chính Thái Hữu Thường (Cử nhân), Tán tương Lê Phục, Lãnh binh Nguyễn Dật, Trần Tiến, Nguyễn Vận và Nguyễn Sồ cùng thương tá, phủ huyện, quản suất hơn 40 người và lính tuyển trước 200 tên.

Nước Đại Pháp sai viên Khâm sứ cũ đóng ở nước Thanh là Công-tăng sang làm Chánh Toàn quyền đại thần ở Gia Định cai quản cả Nam, Bắc Kỳ ; Toàn quyền trước là Bi-u về nước.

Sai Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần, sung Tả trực Tuyên uý xử trí đại thần là Nguyễn Thuật và Thị lang Hộ bộ sung Cơ mật viện tham tá là Đào Tiến (nguyên là Phủ doãn Thừa Thiên đổi sung); đem các phẩm vật, đi đường thuỷ tới Gia Định hỏi thăm và trao tặng.

(Toàn quyền đại thần : 1 bức chân dung của vua, 1 chiếc kim khánh hạng lớn, 1 chiếc gươm đeo, 2 chiếc ngà voi, 1 chiếc khay chè bằng ngà voi, 4 góc bịt vàng, 1 cái như ý bằng ngà voi, 1 chiếc lọ mực bằng ngọc tốt, 1 quả lựu bằng ngọc tốt, 2 cành gấm hoa.

- Vợ viên Toàn quyền : 1 cái ngọc bội, 2 tấm đoạn hoa).

Tới tháng sau, đi công cán xong, trở về, lại theo lời chuẩn ở lại Quảng Nam làm việc.

Tỉnh Quảng Nam, từ tháng 8 đến tháng này những người ra thú, từ Tán tương (nguyên Chủ sự là Đỗ Tuyển), Tham tá (Cử nhân Nguyễn Tử Thản), trở xuống cộng 865 người, đều cho về quê làm ăn sinh sống.

Viên Giám quốc nước Pháp là Ca-suy-bi về hưu ; Công chính cùng suy cử Xa-đi-ca-nô lên thay.

Viên Khâm sứ là Hách-tô tư giao tờ kê của viên Toàn quyền, những người được cấp long tinh, quan người Pháp 191 người (hạng nhì 14 viên, hạng ba 14 viên, hạng tư 52 viên, hạng năm 111 viên) ; quan người nước ta 16 người (hạng nhì : Nguyễn Hữu Độ ; hạng ba : Nguyễn Trọng Hợp và Đoàn Văn Hội ; hạng tư : Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường, Tôn Thất Phiên, Lê Hữu Thường, Nguyễn Chính, Lê Đĩnh, Vũ Văn Báo, Nguyễn Trần Cáp, Nguyễn Khắc Vỹ, Nguyễn Xuân Duẩn, Hồ Lệ, Hồ Đệ và Phạm Hữu Dụng).

Vua phê chuẩn thêm cho 3 viên : Nguyễn Thân, Trương Như Cương, Tôn Thất Thế, đình cấp, đổi cấp 2 viên. Đình cấp : Hồ Đệ và Phạm Hữu Dụng ; đổi cấp : Đào Tiến và Ưng Quyến, giao cho bộ Hộ theo đó mà làm.

Cho Tuần phủ Thanh Hoá là Trương Như Cương, thăng thự Tổng đốc. (Nguyên Hộ lý Thanh Hoá là Tôn Thất Vịnh về Kinh đợi Chỉ).

Và xuống Dụ rằng : "Đương lúc gian nan này, tuỳ tài sử dụng, không nên câu nệ quá (Tổng đốc Thanh Hoá theo lệ dùng người tôn thất, bấy giờ đã có Tôn Thất Mỹ làm Án sát) ; khanh nên nghĩ đến cái tình cùng lo, cùng chơi thân ấy, cố bày hết mưu kế mà làm, khiến nguy lại yên, không những may cho trẫm là kẻ cơ đức này, trên thì đáp được ơn hậu đãi của Hoàng khảo ta, dưới thì xứng trách nhiệm phó thác làm phên giậu cho nơi thang ấp, thực là 10 năm gặp gỡ hiếm có, nên kính cẩn tuân theo".

Vài tháng sau, Như Cương dâng sớ nói : "Vì tỉnh ấy chọn người dùng cả thân hiền, xin cử viên có tài cán tự thay, rồi cho ở lại chức Tuần phủ".

Vua không cho.

Mới đặt Phó đề đốc ở Kinh thành. Cho Thương đốc nha Hộ thành (Phó vệ uý) là Nguyễn Thuật sung vào.

Cho Thị lang, lĩnh Hữu tham tri bộ Hộ là Hồ Lệ được thực thụ Tham tri, lĩnh Thượng thư.

Lệ dâng sớ từ chối và nói : "Công việc bộ Hộ thực là nhiều và lớn, lại phần nhiều quan hệ đến giao thiệp, khó lại thêm khó, tuyển bổ chức chính khanh, phải là người lịch duyệt về tinh cán, như Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Trọng Hợp, Nguyễn Thuật và Hoàng Hữu Thường, mới mong được việc chu đáo. Thần mới ra làm quan, vội dự chức ấy, thực không kham nổi ; huống hồ mới được Thị lang lĩnh Tham tri, chưa được 1 tuần, đã được cất đến chính khanh, rất là vượt quá, xin cho giữ chức Tham tri, vài năm sau, may ra không có lỗi lớn, nếu được bàn tiến, rất không dám từ ; không thế, thì sự lo đáng đội lại ngồi xe, tránh sao khỏi lời răn hưởng phúc quá lạm, chỉ có 2 - 3 lần phạm phải đợi tội mà thôi".

Vua giao cho viện Cơ mật xét lại. Viện thần nói : "Viên ấy tuy là thuần thục tài cán, nhưng lịch duyệt chưa nhiều, nên có tờ xin ấy, tình và lời lẽ cũng là thiết thực ; nếu được y cho lời xin ấy, thì xin theo hàm Tham tri mới được thực thụ, nhưng phải hội đồng với các viên thị tá, quyền giữ ấn triện bộ ấy, đợi Nguyễn Thuật đi việc công về sẽ xin lựa sung". Vua bèn cho thực thụ, nhưng vẫn giữ chức cũ.

Pho *Khâm định Việt sử cương mục* đã khắc xong, nha Kinh lược cho in 25 bộ dâng nộp. Giao cho Nội các giữ.

Cho lính lệ ở các phủ, huyện, về lương tháng lại theo lệ trước. (Tháng 12, năm Ất Dậu bàn cho chi cấp theo lệ lính tuyển. Đến nay vì việc ít, lại theo lệ trước, mỗi tên gạo 15 bát, tiền 5 tiền, cho đỡ những phí).

Đình lệ phái binh thay đổi đóng giữ ở các tỉnh. Các tỉnh từ Quảng Bình trở vào Nam, theo lệ không có phái binh đi đóng giữ, năm trước vì có loạn, lính các tỉnh phần nhiều là người bản xứ, có khi thông cùng với giặc, cho nên chuẩn cho từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, lần lượt thay đổi nhau đóng giữ, để kiểm chế lẫn nhau (xem ở tháng 5 năm đầu). Đến nay vì các hạt đã yên, lính tỉnh đủ phòng giữ được, nên đình bãi.

Nêu thưởng thọ dân 100 tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi (Trần Văn Đồ, Lý Văn Chỉnh và Nguyễn Văn Huấn).

Văn Minh điện Đại học sĩ, Phù Nghĩa tử là Phan Đình Bình, can phạm việc, phải xử tử.

Bấy giờ Nguyễn Hữu Độ từ Bắc Kỳ mật tâu : Đình Bình khi ở Bắc Kỳ đề xướng lên nghị muốn lập hoàng tôn, còn suy tôn nhà vua, không phải là ý chính và khi làm Khâm sai ở Quảng Bình, trông ngóng làm việc chậm trễ, lại lúc làm việc ở bộ, nhiều người chỉ trích các khoản như thế. Vua lấy làm giận, bèn giải chức Đình Bình, giao cho tôn nhân, đình thần xét rõ.

Đình thần xét định : "Như có bàn việc lập vua, là ở trước khi ngôi lớn chưa định ; từ khi về giúp chính, xét ra không có tình khác ; duy làm Khâm sai không có công trạng và ở 2 bộ Lại, Hộ, nhiều người chỉ trích, xin chiểu theo lệ mất chức phải tội cách về, xuất thân theo sổ cũ, an trí ở phủ Thừa Thiên". Vua không cho, lại sai mật hỏi tội lỗi khoản khác của Đình Bình, giao cho bộ Hình và viện Đô sát hội đồng xét xử ; sau bản án xét định dâng lên.

Bản án trình bày : Căn cứ ở tờ tâu của đình thần trình bày, xin xét về khoản trong lời khai của Đình Bình : "Khoảng Hàm Nghi năm đầu, sau khi Kinh thành bị loạn, tiếp được thư của Công sứ Nam Định trước là Vu nói hiện nay tiếp được điện báo của Toàn quyền, giục hắn đến ngay Hà Nội để kịp bàn, hắn tới toà sứ để từ biệt ra đi, viên Công sứ bảo : "Viên Toàn quyền muốn hắn về Kinh, hẳn là lại lập ra vua chúa, không còn nghi ngờ nữa ; nhưng chưa rõ lập ngành nào là phải ?". Hắn đáp rằng : "Tiên hoàng đế [Tự Đức] ở ngôi 36 năm, ơn đức ở người, nay nếu được quý quốc vẫn theo điều ước bảo hộ, tất lập con cháu của Tiên hoàng đế, mới có thể khiến dân tin phục", lúc ấy cũng chỉ nói chung, không ngờ lại có hình tích, nếu hắn có muốn lập con của Thuỵ Nguyên quận vương, Nguyễn Hữu Độ tất không cử hắn về Kinh để cùng làm việc. Và khi hắn đến Quảng Bình, có viên Suất đội người Pháp

đi theo, hắn không chịu giấu ; vả có Hoàng Tá Viêm tiếp tục đến, việc làm của hắn thế nào tưởng cũng đã được rõ"... các lời như thế.

Tờ tâu của bộ Hình về khoản : "Đình Bình tự tiện mang đồ dùng của vua về nhà, căn cứ vào Đội trưởng đội Cảnh tất là Nguyễn Văn Dung, khai rằng : Ngày tháng 8, Hàm Nghi năm đầu [1885], hắn có theo Đình Bình đến ở nhà Chính Mông để đợi, xét thấy nhà ấy hiện còn 1 cái hòm lớn, hòm ấy, năm trước hắn đặt mua giá 50 quan tiền, đem đến nhà ấy để dùng ; nay chỉ thấy hòm không, không có đồ vật và 1 cái cối đá, cũng là do hắn năm trước khiêng về nhà ấy để dùng. Đến ngày tháng 12, Đình Bình vâng mệnh đi Quảng Bình, cái hòm to và cái cối đá ấy, sức giao cho bọn nguyên ở lại giữ nhà ấy là : Thư lại Soạn ở Tả dực quân Vũ lâm, cùng binh Kỷ, binh Nhân, binh Nhắn, binh Ve, với hắn và bọn tên Điệu là người nhà của Đình Bình canh giữ. Sau hắn nhân có việc đi nơi khác, khi trở về không thấy đồ vật ấy ; nhân hỏi đồ vật ấy ở đâu ? thì Thư lại Soạn nói : Đều đã mang về nhà Đình Bình. Bọn thuộc đội thứ 6, Tả dực quân Vũ lâm là binh Lê Kỷ, binh Hoàng Nhân với bọn người nhà là Hoàng Điệu cung rằng : Ngày tháng 2 năm ngoái, vợ Đình Bình tới bảo khiêng đem cái hòm lớn tới nhà Ty viên bộ Lại, tạm để đó, lúc ấy, bọn hắn cùng với bọn Đội trưởng Xứng, binh Khanh, binh Tảo (bọn ấy nguyên ở lại canh giữ nhà Đình Bình, lần ấy vợ hắn đem đi để sai khiến) khiêng đi ; còn lại cái cối đá vợ hắn bảo người nhà khiêng về nhà hắn. Nay xét ra thấy cái hòm, cái cối đá ấy, đều ở nhà hắn".

Lời cung của Nguyễn Thị Đào : "Tháng 2 năm ngoái, không nhớ ngày, thị tới tôn đường (chỗ trụ sở của chồng thị trước), thấy có cái hòm to và cái cối đá, không biết là của ai, thị bảo với bọn tên Đậu và binh Nhân, binh Kỷ khiêng đến gửi ở bộ Lại. Đến tháng 7 năm nay, chồng thị bảo bọn binh Nhân, binh Kỷ khiêng cái hòm ấy về nhà thị để sửa chữa lại (do miếng ván ở mặt hòm gãy nát) ; nay việc phát giác ra, xin chịu tội".

Lại, Hồ Lệ kính vâng giao cho xét các tờ tâu, có 1 tờ tâu trình bày : Đình Bình trước có gửi 1 cái hòm gỗ, khi xét trong hòm thấy có 1 phong thư của hiệu Dụ Mỹ Hưng (trong có các chữ cho trưng thuế rượu ở Quảng Nam, xin kính dâng 30 lạng bạc và có đóng dấu gỗ của hiệu ấy) ; vừa phạm vào tham tang tư túi.

Lại, 1 tờ trình bày : Cứ theo các viên dịch ở bộ Hộ khai rằng : Phan Đình Bình từ khi đến làm việc bộ tới nay, có khi 2 - 3 hôm về nhà một lần ; có khi buổi sớm về nhà, buổi chiều tới bộ ; có khi buổi chiều về nhà, sớm hôm sau vào hầu, khi lui ra là về nhà. Phàm tiếp nhận công văn sớ sách, sức đem cho đến nhà đợi trình. Hôm nào ở bộ, thấy có lính hầu đem cơm đến ăn..., các lời như thế.

(Bọn thần đem các giấy tờ trước, 2 - 3 lần kính xét, thì Phan Đình Bình, để tâm làm việc, việc ấy việc khác đều là gian ác, dẫu giết không hết tội, kính xét luật "mưu phản đại nghịch", trong đó có khoản chép : Phàm có mưu phản và đại nghịch, nhưng người cùng mưu, không kể thủ phạm hay tòng phạm, đều phải tội lăng trì xử tử.

Và luật : "Ăn trộm của cải ở phủ Nội vụ", trong có khoản chép : Ăn trộm của cải ở phủ Nội vụ, đều phải chém và trong điều lệ có khoản chép : Phàm ăn trộm của cải ở phủ Nội vụ, như ấn của vua và đồ dùng của vua, đều là thực phạm phải tội chết. Và danh lệ 10 điều ác, thì điều thứ 6 là : "Đại bất kính" (trong có 1 khoản chua áo và đồ dùng của vua).

Và luật "Quan lại thụ tài", trong có khoản chép : Phàm quan lại nhận tiền tài, thì tính tang vật xét đoán, người không có bổng lộc, đều giảm 1 bậc, là quan thì lấy lại chức, trừ bỏ tên, là lại thì bãi dịch (tang chỉ có 1 lạng) đều không được dùng. Lại trong điều lệ có khoản chép : tang đến 30 lạng, phải 80 trượng, đồ 2 năm.

Và luật : "Tự tiện rời bỏ chức dịch", trong có khoản chép : Phàm quan lại vô cớ (như ốm đau, sai đi việc công) tự tiện dời bỏ chức dịch, phải 40 roi... các việc như thế.

Kính xét Phan Đình Bình là viên quan to, con của Thuỵ Nguyên quận vương, là cháu ngoại của hắn, ngay lúc bàn lập như thế, là không tính đến Xã tắc làm trọng, lại dám lấy tình riêng trong người nhà, xướng lên mưu khác, thì ngầm mang hai lòng, xem đấy đủ rõ. Rồi thì vâng mệnh ra làm Khâm sai, nuôi giặc trong tay áo ; ngôi cao hơn hàng triều thần, mảy may không được việc, nhân việc công mà nhận tiền của hối lộ, tự tiện bỏ chức phận mà về nhà, hỏng chính sự, hại việc công như thế, đầy dẫy tội ác ; huống hồ vợ chồng một nhà gian tham, dám cướp lấy đồ vật vua dùng, đem về nhà dùng, về tội bất kính, không gì to bằng, trong đó trừ các khoản : Nhận tiền của, tự tiện rời bỏ chức phận, chiểu luật là nhẹ ra, phải chịu tội nặng, chiểu luật mưu phản, đại nghịch xét xử, cũng không phải là oan uổng ; nhưng luật pháp dẫu có xử giết, mà định án tất phải bình nghị cho đúng.

Hoàng thượng ta từ khi lên ngôi đến giờ, khí tiết phản nghịch của hắn chưa lộ, nay nếu xử tội bằng cực hình, trộm sợ bậc thánh nhân đem lòng không nỡ, duy khoản lấy trộm đồ vật của vua, tang chứng rõ rệt, khép vào tội bất kính, cũng là 1 trong 10 điều ác, vậy Phan Đình Bình và vợ là Nguyễn Thị Đào, có nên xử chiểu luật ăn trộm tài vật ở phủ Nội vụ, đều phải tội chém, nhưng giam đợi lệnh ; các đạo sắc đã được, xin do bộ Lại thu tiêu, và các thứ kim bài, ngọc khánh ban cho, xin do quan có trách nhiệm thu giữ, để răn kẻ giam tham, tỏ rõ hiến pháp của nước hay không, kính chờ quyết định.

Chuẩn giao cho Nguyễn Hữu Độ xét lại. Hữu Độ trả lời nói : "Việc Đình Bình can phạm là việc trọng đại, trị bằng tội phải chịu, thực không phải là oan uổng, kính thảy nhà vua xử đoán, pháp lệnh nghiêm minh, may cho tôn xã và may cho thần dân lắm".

Bèn chuẩn cho theo như nghĩ định. Đình Bình rồi sau ở trong nhà giam uất ức mà chết.

Nhà vua được lập lên là do quan Pháp và Nguyễn Hữu Độ bàn định. Đình Bình từ ngoài Bắc về, nương tựa vào người khác mà danh vị ngang nhau, nhậm chức không nghi ngờ, Hữu Độ để tâm không bằng lòng, sau nhân làm việc quan có ý kiến bất đồng, nên mới bị nạn.

Khi trước, viên Toàn quyền ở Bắc Kỳ là Bi-u bàn với nha Kinh lược nói : "Viên Thông sự là Lê Văn Quyền, làm việc khó nhọc tài cán, xin cho thăng 2 trật" (nguyên trước thưởng hàm Tri phủ). Nguyễn Hữu Độ xin cho thăng Thị độc Học sĩ (là thăng 3 trật). Bộ Lại nói : "Thị độc Học sĩ là chức ở Bí các thanh cao, tưởng chưa được hợp, xin cho thăng Quang lộc tự Thiếu khanh". Rồi sau viên Khâm sứ có ý không được hài lòng. Lại chuẩn cho như Hữu Độ định trước.

Tháng 11, cho Quang lộc Tự khanh, Biện lý bộ Công là Nguyễn Văn Học trông coi lăng "Vạn vạn niên đại cát cục" (người trông coi trước là Lương Thành dời đi làm Bố chính Quảng Ngãi).

Cử hành lễ lớn, rước thần chủ Dực tông Anh hoàng đế vào Thế miếu.

Xuống Dụ rằng : "Báo hiếu của đế vương, không gì lớn bằng thờ cúng cha mẹ, cho nên truy tôn ông cha, hương thơm nghi ngút, ngang kịp thời trời, đạo hiếu chu đáo.

Đức Hoàng khảo ta là Dực tông Anh hoàng đế trị vì 36 năm, vốn lòng chí thiện lưu truyền, nối theo công nghiệp to tát ; đức thánh, công văn soi khắp bốn biển ; nhân sâu, ơn hậu thấm khắp hoàn cầu, cao cả thay, rực rỡ thay, thực vẻ vang cho liệt tổ ta, sau khi tế đàm, phải nên rước thần chủ vào miếu điện, thờ chung cùng tôn, cho hợp điển lễ, duy trung gian chợt gặp việc biến, nên lễ lớn chưa kịp cử hành.

Trẫm từ khi nối ngôi tới nay, tưởng nhớ ơn trước, đau xót trong lòng, ngày đêm ngay ngáy, chỉ nghĩ đến đạo tôn sùng ; bèn sai quan có trách nhiệm châm chước bàn định điển lễ, chọn ngày lành, định ngày 16 tháng này, trẫm thân đến điện Hoà Khiêm kính cáo và sai quan chia nhau tới đàn Nam Giao, các miếu, điện Phụng Tiên và đàn Xã Tắc.

Ngày 28, đem việc ấy tâu lên cung Gia Thọ, cung Trường Ninh. Ngày mồng 3 tháng sau, kính rước thần chủ Hoàng khảo ta là Dực tông Anh hoàng đế lên thờ phụ vào Thế miếu, rồi rước thánh vị lên thờ vào điện Phụng Tiên, để được tế tự

mãi mãi lâu dài vô cùng ; vậy nay bá cáo, cho đều nghe biết, để tỏ lòng thành kính hiếu phụng của trẫm, yên lòng tôn thân của thần thứ các ngươi.

Viện Cơ mật tâu nói : "Sau khi loạn lạc, tuyển bổ cần người, có khi không do khoa mục xuất thân, có khi phần nhiều tư cách không hợp ; những bọn táo bạo cạnh tranh được tiến, mà tệ tham nhũng sinh ra, nên gần đây ở phủ, huyện các hạt, trong đó nhiều người sách nhiễu để dân không được yên ; vậy các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam, xin do quan tỉnh xét rõ viên phủ, huyện, người nào tham nhũng, tức thời phải hặc trị, và người tư cách không hợp (những hạng lại điển xuất thân, cùng tú tài, tôn sinh, ấm sinh và ấm thụ, tình nguyện ra làm việc mà chưa từng sát hạch), tư lên bộ Lại xét xử. Bọn Khoa đạo là Lê Từ và Trần Hữu Khác cũng xin sắc xuống cho bộ Lại xét rõ các hạt, người nào là quan lại bản xứ từ ấn quan trở lên, kê vào danh sách dâng lên đợi lệnh sửa đổi ; còn phủ, huyện, thông kinh đến bát, cửu phẩm, đều cho lần lượt đổi bổ ; còn như các viên thương tá, bang tá ở các tỉnh, phủ huyện, đều cho triệt bãi".

Vua rất lấy làm phải, cho theo như nghĩ định mà làm ; bèn xuống Dụ rằng : "Triều đình cất đặt quan lại là chỉ vì dân, dù lớn nhỏ đều có trách nhiệm, nhưng chức sự cốt phải xứng đáng ; đường quan ở các tỉnh là quan to một phương, trách nhiệm đã nặng, thì tuyển phải kỹ, chức phủ, huyện rất là gần với dân, phải có lão luyện liêm minh, mới được sung tuyển ; cho đến thông kinh, bát, cửu phẩm, chức phận tuy nhỏ, đều là được giúp việc tỉnh, cũng phải là người chăm chỉ tài cán, mới giúp được việc. Bản triều ta, về lệ định người làm quan, ở trung châu không dùng người địa phương ấy, việc ít không đặt bang tá, phủ huyện phải dùng người xét có thể làm được, cất bổ phải theo tư cách, lập ra phép tắc đã rõ và chu đáo, cho nên quan to thì gương mẫu, quan nhỏ thì thanh liêm, quan lại xứng chức, dân được ở yên, là bởi cớ đó. Sau vì có loạn, quan lại ở các tỉnh, hoặc lấy người thổ trước tạm làm, hoặc đặt thương tá, bang tá giúp việc, trong đó có người không do khoa mục, có người chưa qua sát hạch, nên cửa bôn tẩu cạnh tranh mở ra, thói tham lam đen tối được thịnh, kẻ sĩ không yên lòng, dân không nhờ sống làm cho người ta nói hại chính thể rất nhiều. Gần đây, căn cứ vào Khu phủ và Giám viện đều đem việc ấy ra nói, so vào thể chế cũng đúng ; nên phải sửa đổi một phen, để cho đường làm quan nghiêm chỉnh, mà kẻ thuộc lại thanh liêm. Kể thì làm việc cốt ở được người ; mà sự thành là do quả quyết, bộ Lại giữ chức lựa chọn, phân biệt quan hệ, nên sớm chấn chỉnh, cho đường tuyển cử trong sạch, chớ nên chậm trễ có lỗi".

Khi trước Tuyên uý xử trí đại thần ở những tỉnh Tả trực là Nguyễn Thuật tư cho viện Cơ mật 2 khoản là :

1. Hạt Quảng Nam từ khi nguỵ Hiệu gây ra quấy rối, trong tỉnh đều bị dây dưa, trong đó kẻ cam tâm giúp hắn bạo ngược không đến 1 - 2 phần 10, còn thì đều bị

hiếp bách, tới khi quan quân tiến đánh, lẩn trốn bị bắt cũng có, hiện sung làm khổ sai và còn giam chưa kết án, hạng ấy rất nhiều. Xét ra bọn ấy đều là già yếu, bắt khổ làm việc chỉ phí lương ăn, mà làng họ không khỏi chia thu phụ cấp, rất là liên luỵ ; xin lần lượt những người bị bắt, trừ người được nguỵ hàm hơi cao, cùng đã dự việc binh và không dự việc binh, nhưng ngày thường vẫn có tiếng ác, thì chiểu án mà làm ; còn thì người nào nguyên giữ nhàn chức (như giáo chức và mộ khẩn), không dự việc binh, ngày thường không có tiếng ác ; cùng lại dịch, binh dân, người nào bị hiếp điền vào, bị hiếp bắt làm việc, xét ra là thuần cẩn, hoặc già yếu, xin nên chia ra từng hạng cho chuộc, như nhận chức ngũ, lục phẩm của nguỵ, cho chuộc bạc 100 đồng ; bát, cửu phẩm 70 đồng ; còn bọn người kiểm, thừa, tá, tạp 50 đồng, binh dân 30 đồng.

2. Ngày tháng 3 năm nay, tiếp tờ sao lục của viện : Các xã thôn có người nào theo giặc, cứ tổng lý mà phạt tiền, nếu bắt được 1 người, thì phạt lý trưởng 50 quan, chánh, phó tổng 25 quan ; 2 người thì phạt gấp đôi ; 5 người thì lý trưởng phải tịch thu gia sản, chánh, phó tổng tịch thu một nửa ; 10 người trở lên, tổng lý đều tịch thu gia sản, để sung thưởng cho người bị bắt. Trộm xét lệ ấy, là do các xã, thôn ở những tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, gián hoặc có người theo giặc mà đặt ra. Còn như hạt Quảng Nam trước bị nguỵ Hiệu bức bách, ngay bấy giờ tỉnh, phủ, huyện cũng không trị nổi, nay cứ tổng lý trách phạt, sợ chẳng hài lòng ; vậy khoản phạt tiền, xin nên khoan miễn.

Viện thần cùng viên Khâm sứ Hách-tô bàn bạc ngay trước mặt. Viên Khâm sứ đáp nói : "Trước thấy những hạt Bình Thuận, Khánh Hoà, Bình Định, Phú Yên phạt tiền rất nặng, nghĩ nên châm chước định lại, trừ phủ Thừa Thiên, tỉnh Quảng Ngãi không có khởi loạn được miễn phạt ra, còn thì có loạn, nên chia nơi quá lắm và không quá lắm, mà định phạt ; hai khoản ấy đều tạm đợi xét".

Vua nhân đó phê quở quan tỉnh Quảng Nam rằng : "Tỉnh ấy thu xếp công việc sau này, còn cần phải xử trí, mà quan tỉnh không biết cố gắng, thực là trễ nải lắm. Từ trước tới nay, án kiện kết xử, thường thường để khó, chứa ít thành nhiều, khiến người ta rất chán, vậy tỉnh Quảng Nam các tù phạm hiện còn giam, quan tỉnh phải kết xử cho xong ngay, chớ quen chậm trễ như cũ, sợ có trở ngại để lại, tất phạm công nghị".

Giáng Bố chính tỉnh Bình Định là Phạm Bỉnh làm Quang lộc Tự khanh, Biện lý bộ Hình. Bỉnh, trước vì viên Công sứ nói dân tình không phục, nên có Chỉ triệt về.

Vua bảo : "Bỉnh hơi mẫn cán, còn có thể dùng được, nên bỏ khuyết điểm mà lục dụng, nên được xử nhẹ giáng chức".

Xưởng thợ ở cửa Hải Vân, trước kia vì mưa lụt tạm đình lại. Đến nay, viên Khâm sứ tư nói : "Bắt cho 3.000 phu để làm gấp. Chuẩn cho tạm bắt 2.000 người

đến làm (ở phủ Thừa Thiên 1.000 người, Quảng Nam và Quảng Trị đều 500 người), đến mùa xuân năm sau sẽ bắt đủ số (Thừa Thiên 800 người, Quảng Trị 400 người, Quảng Nam 1.800 người).

Nguyên Hồng lô tự Thiếu khanh ở Nghệ An là Nguyễn Thành ra thú (đỗ Tiến sĩ, người ở Lương Sơn, xưng là Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh), rồi bị ốm chết ; nguyên Thương biện là Nguyễn Hữu Chính (đỗ Tiến sĩ, người ở Nghi Lộc, xưng là Tán tương) vào Kinh đầu thú, chưa tới nơi bị chết ở đường ; nguyên Tri phủ là Đinh Văn Chất (đỗ Tiến sĩ, người ở Nghi Lộc, xưng là Tán lý) bị dân bên giáo hại. Đều chuẩn cho tước hết Tiến sĩ xuất thân có tên ở trong sổ, còn vợ con cho về quê yên nghiệp.

Cho Hồng lô Tự khanh, Biện lý Lễ bộ là Nguyễn Tất Đạt và nhân viên cùng phái đi, được truy tặng tuất, ấm có thứ bậc.

Tháng 7 năm ngoái, vua ngự giá đi chơi, dừng chân ở Quảng Bình ; đình thần phái bọn Tất Đạt đi đường biển tới công cán ở nơi hành tại, khi đi đường gặp nạn gió ; đến bấy giờ quả không có tin tức, nên gia ơn, để tỏ ra thể tất.

(Tất Đạt tặng Thái thường Tự khanh, con được ấm thụ Điển tịch ; Nhị đẳng thị vệ, sung Hiệp lĩnh thị vệ là Vũ Văn Ty, tặng Cấm binh Phó vệ uý, con được ấm thụ Tòng bát phẩm Đội trưởng ; Chánh cửu phẩm Thư lại là Lại Hợp Phái, tặng Tòng bát phẩm Thư lại ; lính Thuỷ sư là Vũ Văn Kiểm, tặng Tòng bát phẩm Đội trưởng ; vị nhập lưu Thư lại là Phan Phương, Lê Thiệm và Phạm Như Hinh, tặng Tòng cửu phẩm Thư lại, đều đình nhiêu nam, các người trên đây đều chiểu tặng hàm cấp tuất).

Chuẩn cho từ nay, phàm xét làm được ấn quan, viên nào là tiến sĩ, phó bảng xuất thân, khoa cử đã lâu, mà hiện còn thấp, thì thăng đến lục phẩm, do bộ làm tờ tâu kê khai đợi chọn, đợi sau đủ người, sẽ chiểu lệ trước mà làm (thăng đến ngũ phẩm mới được liệt kê vào tờ tâu) ; vì hiện nay người có khoa mục dự vào hàng ấn quan không có mấy, là theo lời nghĩ xin của bộ Lại.

Truy tặng cho Tri huyện Tuy Hoà là Lê Đình Mại (người huyện Hương Thuỷ, Thừa Thiên) hàm Hàn lâm viện Thị giảng. Đình Mai, về khoản năm Hàm Nghi, sung làm Bang tá huyện ấy, lần ấy các thân hào khởi sự, chiếm lấy tỉnh thành, Đình Mai hiệp cùng với viên Tri huyện là Đinh Duy Tân, riêng giữ gìn trọn vẹn cả một hạt, đã được thăng hàm ấy. Rồi sau huyện thành bị thất thủ, bị giặc bắt được, đến Đồng Khánh năm đầu bị hại. Đến nay, việc đến tai vua, nên tặng cho hàm ấy và cho con tập ấm là Cung phụng.

Cho nguyên Hữu tham tri bộ Lại là Bùi Ân Niên làm Tả tham tri bộ Binh, sung Cơ mật viện Thương tá Kinh diên giảng quan. Ân Niên khoảng năm Kiến Phúc được nghỉ về quê. Vua bảo Ân Niên là người ngay thẳng, có văn học, sai nha Kinh lược

triệu vào Kinh đợi Chỉ. Khi tới nơi, bổ cho hàm ấy. Ân Niên nghĩ, đã từng sung chức Kinh lược phó sứ, trong khi giao thiệp, sợ có chưa tiện, xin cho sung một chức ở Sử quán. Vua bảo : "Việc nay, việc xưa khác hẳn", không cho.

Cho Hồng lô Tự khanh, lĩnh Bố chính Nghệ An là Lê Thuỵ, thăng thự Quang lộc Tự khanh, lĩnh Tuần phủ Thanh Hoá ; Hữu tham tri bộ Binh là Phạm Hữu Dụng đổi bổ Tuần phủ, lĩnh Bố chính Nghệ An.

Mới đặt nha Hải phòng ở Hải Dương ; trích phủ Kiến Thuỵ (2 huyện Nghi Dương, An Lão) huyện An Dương và 2 tổng, huyện Kim Thành (Đàn Kiên, Du Viên), cùng 4 xã huyện Thuỷ Nguyên (Tả Quan, Lỗi Dương, Lâm Đổng, Bính Đổng) tỉnh Hải Dương lệ thuộc vào nha ấy, đặt ra quan lại (chánh, phó sứ và đề đốc đều 1 người, kinh lịch 1 người, bát, cửu phẩm đều 2 người, thư lại 6 người, hành nhân 1 người) ; cho Quang lộc Tự khanh, lĩnh Bố chính Hà Nội là Cao Xuân Dục, thăng thụ Thị lang, sung Hải phòng sứ ; Trước tác sung Bang tá Sơn Tây là Nguyễn Văn Tân, thăng thụ Hồng lô tự Thiếu khanh, sung Phó sứ ; Lãnh binh gia hàm Đề đốc là Nguyễn Viết Vinh, sung lĩnh Đề đốc ; vì nơi ấy là địa đầu quan yếu, việc giao thiệp nhiều, nên đặt phòng sứ, lựa chọn nhân viên tài cán và nha thuộc ở đó làm việc, mới mong được việc, là theo lời nghĩ xin của Kinh lược sứ Nguyễn Hữu Độ.

Giảm bớt lại dịch ở các tỉnh.

Tỉnh lớn như : Nghệ An, Thanh Hoá và Bình Định ; Phiên ty nguyên trước đặt : bát phẩm 3 người, cửu phẩm 5 người, vị nhập lưu 25 người ; ở Niết ty : bát, cửu phẩm đều 2 người, vị nhập lưu chưa vào ngạch 15 người ; nay giảm Phiên ty : bát, cửu phẩm đều 1 người, vị nhập lưu 9 người ; Niết ty : vị nhập lưu 7 người.

Các tỉnh trung bình như : Quảng Trị, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Bình Thuận : ở Phiên ty nguyên trước đặt : bát phẩm 2 người, cửu phẩm 3 người, vị nhập lưu 22 người ; ở Niết ty : bát phẩm 1 người, cửu phẩm 2 người, vị nhập lưu 14 người ; nay giảm ở Phiên ty : cửu phẩm 1 người, vị nhập lưu 10 người ; ở Niết ty : vị nhập lưu 8 người.

Các tỉnh nhỏ như Quảng Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên và Khánh Hoà : ở Phiên ty nguyên trước đặt : bát phẩm 2 người, cửu phẩm 3 người, vị nhập lưu 22 người ; ở Niết ty : bát phẩm 1 người, cửu phẩm 2 người, vị nhập lưu 14 người ; nay giảm ở Phiên ty : cửu phẩm 1 người, vị nhập lưu 12 người ; ở Niết ty : cửu phẩm 1 người, vị nhập lưu 8 người).

Cho Đổng lý Hải Vân đạo lộ là Lưu Cung, thăng thụ Thống chế dinh Tiền phong (nguyên trước là Vệ uý Cấm binh tạm trông coi), kiêm Chưởng dinh Thần cơ, nhưng vẫn sung chức Đổng lý.

Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự, sung Thống quản Thị vệ đại thần là Tôn Thất Thế chết.

Ác man ở Quảng Ngãi thường quấy nhiễu, cướp bóc ở ngoài biên (từ tháng 9 đến tháng ấy, mỗi tháng 2 - 3 lần hoặc 4 - 5 lần).

Bộ Binh tâu xin chuẩn cho, Man ấy nhiều lần quấy nhiễu, cướp bóc bừa bãi, đã được Chỉ do quan biên phòng nơi ấy dẹp yên đã lâu, mà tại sao chưa thấy thư thái chút nào, để cho tình thế Man ấy ngày càng hoành hành, thì giữ chức phận để làm gì ! Vậy quan biên phòng là Nguyễn Thân, xin cho truyền Chỉ quở trách một lần, nhưng phải kính theo lời chuẩn trước, làm thế nào để bắt bớ ngăn giữ, cho chúng sợ phục, cho dân ở yên, chớ có nói suông để tắc trách, tất phạm tội nặng". Đề đốc Hải Dương là Vũ Văn Dũng (người Quảng Bình) xin về quê hưu dưỡng. Vua y cho.

Lại truy thụ cho con trưởng Nguyễn Hữu Độ là Nguyễn Hữu Lang, hàm Thái thường Tự khanh, tước Vĩnh Lại tử và con được tập ấm Cung phụng.

Hữu Lang chết ở nhà vào tháng 8 năm ấy (ngụ quán ở Thừa Thiên) ; đã được văn ban đình thần làm tờ tâu xin chuẩn cho gia ơn truy thụ hàm Thị độc. Sau quan Tổng đốc Hà Nội là Lê Đĩnh dâng trong tập tâu trình bày là : "Hữu Lang theo Hữu Độ ra Bắc và 2 lần theo vào Kinh, phần nhiều có giúp việc bày đặt mưu kế, nhưng không dám biểu lộ, nên không tâu lên".

Vua lại cho tập phong tước Vĩnh Lại tử. Đến nay đình thần lại tâu : "Xét kỹ tập tâu trước của Lê Đĩnh, thì lòng trung của Hữu Lang, thực đáng nên ghi, mà việc không dám biểu lộ rất là đáng khen ; lần ấy gió mây giúp vận, có dự đi theo, tỏ rõ điều hay báo đáp công lao, há nệ thường cách, xin gia ơn lại cho truy thụ hàm ấy, để tỏ lòng thương nhớ, mà nêu khuyến khích". Vua y cho.

Tháng 12, ngày Ất Dậu (mồng 3 tháng ấy), kính làm lễ rước thần chủ, thờ ở Thế miếu.

Vua nghĩ đường xa, phải đi thuyền, sai Xuyên quốc công là Miên Phương, đến điện Hoà Khiêm kính làm lễ thay. Rồi thân đem các quan ra bến Hương Giang, kính đón rước thần chủ Dực tông Anh hoàng đế vào phụ thờ ở án thứ 2 bên tả Thế miếu và rước thánh vị vào thờ ở án thứ 2 bên tả điện Phụng Tiên ; khi làm lễ xong, vua ngự ở điện Thái Hoà nhận lễ mừng và ban ân chiếu 8 điều :

- Hoàng thân công, quốc công, quận công và tôn tước nhị, tam phẩm, cùng văn, võ ấn quan ở Kinh và ngoài các tỉnh mà dưới tên, hiệu không mang theo chữ bị giáng, đều gia thưởng 1 cấp.

- Ở Kinh, từ tôn tước tứ phẩm trở xuống và các thuộc viên, văn từ thất phẩm, võ từ lục phẩm trở lên, dưới chỗ tên hiệu không mang theo chữ bị giáng, đều thưởng kỷ lục 2 thứ.

- Quan viên ở Kinh và các tỉnh ngoài, nhân việc công lầm lỗi bị quở trách, phải cách lưu và người giáng 5 cấp trở lên, thì đổi làm giáng 4 cấp ; người giáng 4 cấp đổi làm giáng 3 cấp ; người giáng 3 cấp, đổi làm giáng 2 cấp ; người giáng 2 cấp, đổi làm giáng 1 cấp ; người giáng 1 cấp, cho khai phục hết.

- Quan viên ở Kinh và các tỉnh ngoài, nhân việc công lầm lỗi bị quở trách, đã bị phạt bổng và xử phân, đều miễn tha cho hết.

- Dân hạt phủ Thừa, bày hương án bái đón, bộ Lễ liệt kê làm danh sách, đợi Chỉ thưởng cho.

- Ở Kinh và các tỉnh ngoài có những người : hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ thì quan trông coi ở đó xét hỏi cho kỹ, đem sự thực tâu lên, đợi cho nêu khen.

- Các địa phương có ai tài phẩm giỏi giang, không cầu biết tiếng, thì địa phương ấy xét thực trình bày tâu lên, đợi cho lục dụng.

- Sở Dưỡng tế ở các hạt, có người quan, quả, cô độc và nghèo khổ, tàn tật, không người nương tựa, quan có trách nhiệm phải để tâm, thời thường nuôi nấng, chớ để mất chỗ nương nhờ.

Cho nguyên Tổng đốc Hà Nội, Bắc Ninh là Bùi Thức Kiên được khai phục hàm Thị lang và lại khắc tên vào bia Tiến sĩ. Thức Kiên, về năm Tự Đức thứ 26 [1873], bị kết án để "thất thủ Kinh thành", phải chém giam đợi lệnh và chiểu lệ làm vừa qua của Phan Thanh Giản, tước bỏ tên ở bia Tiến sĩ đi, (Thanh Giản bị kết án để 3 tỉnh thất thủ, năm Tự Đức thứ 21 [1868], cho bỏ tên ở bia Tiến sĩ đi) ; sau được khai phục chức Giáo thụ rồi về hưu. Đến nay, Nguyễn Hữu Độ đề tâu xin cho, và nói : "Hà thành khi có loạn, có Khâm mệnh đại thần là Nguyễn Tri Phương ở đó mưu tính điều khiển, lần ấy thành đó cũng thất thủ, tội cũng đều bị. Nay, Nguyễn Tri Phương đã được khai phục nguyên hàm và chiểu theo như Phan Thanh Giản tên ở bia cũng được ghi khắc như cũ ; vậy Thức Kiên xin gia ơn cho khai phục Thị lang, về quê hưu dưỡng, tên ở bia cũng xin ghi khắc như cũ". Vua y cho.

Chuẩn cho từ nay, phàm văn, võ ấn quan ở trong 1 nha, 1 tỉnh, người nào quê quán cùng ở 1 huyện, ngày thường chơi bời thân thiết với nhau, thì cho tránh đi nơi khác ; trong cùng bộ, cùng tỉnh, đều là người cùng hạt, hoặc cùng làm việc có 4 người, mà 3 người cùng hạt, cũng cho tránh đi nơi khác ; 4 người, đã có 2 người ở hạt khác, đều được miễn. Còn như quê mẹ, quê vợ, đến khi ấy, cứ thực tỏ bày, nên cung chức, hay nên phải đổi, thì đợi Chỉ, còn thì tuân theo lệ năm Thiệu Trị thứ 4 [1844] mà làm.

(Các nha môn lớn, nhỏ từ trong Kinh tới ngoài các tỉnh : Như trong một nha có ai liên quan đến họ hàng còn để trở, từ 3 tháng trở lên, cùng các nhà thông gia với nhau, như bố chồng của con gái, bố vợ của con trai và anh em ruột của vợ, cùng

người chồng của chị, em gái mình, hơi có thân hậu, thì đều cho tránh cả ; ngoài ra họ xa không còn phải trở và họ vợ không có thân thiết, cùng họ hàng của thông gia, anh em của vợ lẽ và cùng ở chung, cùng quê quán, tuy thuộc một nha, cũng miễn cho khỏi tránh).

Ngày Canh Dần, ngày kỵ ở án chính ở điện Phụng Tiên ; vua thân hành đến làm lễ.

Đổi Tả tham tri bộ Binh là Bùi Ân Niên, quyền sung làm việc ở Các.

Bấy giờ Thống sứ Bắc Kỳ tư cho nha Kinh lược nói : "Ân Niên đã từng làm Phó sứ ở nha Kinh lược, lại sung Tham tán, không nên lại dùng, xin cho về hưu. Viện Cơ mật xin đổi sung làm việc ở quán Các, để được hoàn toàn ổn thoả, nên có mệnh ấy.

Đổi Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà là Nguyễn Văn Phong về Kinh đợi Chỉ ; vì cớ Văn Phong cùng với viên Công sứ ở tỉnh làm việc phần nhiều không được hợp.

Tuyên uý xử trí đại thần ở Tả trực kỳ là Nguyễn Thuật đem việc của nguyên sai đạo quyền sung Tán tương là Lê Tựu Khiết dung túng quân lính đi cướp bóc và bắt giam các hào phú, bức bách đòi lấy tiền bạc rất nhiều, tư vào viện để xét xử. Cho giải chức và do tỉnh Quảng Nam tra xét. Rồi thì Tiễu phủ sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân dâng sớ tự nhận lỗi, Tựu Khiết mới được miễn xét.

Cho Đông các Đại học sĩ, Địch Trung tử, sung Cơ mật viện đại thần là Hoàng Tá Viêm về hưu.

Trước đây, Tá Viêm thường vì già ốm, xin về hưu, chưa được. Đến nay, Hữu Độ tâu nói : "Tá Viêm ở Bắc Kỳ làm việc quân đã lâu, nay lại sung vào Cơ mật, người Pháp hơi lấy làm ngại".

Vua bèn chuẩn cho về hưu và ban cho bạc, sa các hạng (bạc 50 lạng, sa hoa Trung Hoa toàn tơ và nhiễu Trung Hoa ta đều 1 tấm).

Rồi phê bảo : "Nghĩ khanh là người tỉnh Quảng Bình, mà thu xếp công việc ở hạt ấy sau này, còn cần xử trí ; khanh là người lão thành luyện đạt, ở Kinh đã có nhà riêng, nên ở lại cho gần, tiện khi cần đến, có hỏi han việc gì, để giúp trẫm những điều chưa nghĩ tới, hoặc khi nào về thăm nhà, thì phải tư cho bộ trả lời để biết".

Giáng chức Giai phi là Phan thị làm Mỹ nhân bát giai (nguyên sung chức thượng trân, kiểm xét các hạng vật bị thất thố, phải khiển trách, lại giả ốm trễ nải).

Cho sửa sang lại nhà từ đường của công thần tiền triều là Tĩnh quốc công Nguyễn Hữu Dật và Vĩnh An hầu Nguyễn Hữu Kính, đổi cấp ruộng tự điền và người coi mộ (ruộng tự điền cũ có 23 mẫu, bị cát lấp, kém màu mỡ, cho thuê giá rất rẻ, chi biện không đủ, mà người coi mộ 15 tên, chỉ còn 5 tên ; cho trích lấy cả khu

ruộng đất ở xã Vạn Xuân 23 mẫu, đổi sung làm tự điền ; lại trích lính tuyển ở xã Vạn Xuân 17 tên, xã Đại Phúc 2 tên, chia làm 2 thập, mỗi thập 1 viên đội trưởng cho sung làm người coi mộ ở 2 đền ấy).

Lại đặt chức Toản tu, Biên tu ở Sử quán.

(Kính làm pho *Đệ tứ kỷ*, bắt đầu làm từ Kiến Phúc năm đầu, đặt toản tu 6 người, biên tu 12 người. Rồi sau giảm bớt đi, hiện chỉ có toản tu, biên tu đều 2 người. Quan ở Sử quán nói : "Nhân viên ít quá, làm việc không đủ". Nên lại đặt mỗi chức 2 người).

Kính sửa điện Sùng Ân và các tôn lăng. Cho Chưởng vệ kiêm quản 2 dinh : Tuyển phong, Kỳ võ là Nguyễn Trì sung làm Đổng lý.

Cho Thống chế, sung quản lĩnh Thị vệ là Nguyễn Trực Lượng, đổi coi quản dinh Thần cơ và kiêm Chưởng dinh Tiền phong (nguyên Thống chế kiêm Chưởng 2 dinh ấy là Lưu Cung, hiện sung Đổng lý ở công xưởng Hải Vân) ; Chỉ huy sứ là Lê Quang Chỉ, quyền Chưởng Hữu dực dinh Vũ lâm kiêm tiền, tả 2 bảo.

Quan Pháp trao trả miếu công thần và các nhà lính, từ tây nam đến cửa chính tây trong Kinh thành (còn các sở : phủ Tôn nhân, Đại lý tự, chùa Giác Hoàng, nhà lính Thượng tứ, xưởng súng tả, hữu Tướng quân, sở Lý thiện, các nhà lính ; Hữu dực dinh Vũ lâm, Trung, Tiền, Tả dực dinh Thần cơ, viện Đô sát, Sử quán, Hữu trường giải, Thái thường, Quang lộc, Hàn lâm, Thông chính, Tào chính, Dực võ, Cung giám, Bình an, Anh danh, linh hựu, ngục thất, tể sinh và kho hoả dược chưa giao trả).

Dồn lính phủ Thừa Thiên (ngạch lính mộ cộng 250 tên) vào 2 dinh : Tuyển phong, Kỳ võ. Phái lính tuyển ở Kinh (100 tên) canh giữ sai phái ở phủ, mỗi năm 1 lần thay đổi, vì lính mộ phần nhiều chơi bời lơ đễnh, sai phái không được việc.

Tiểu phủ sứ ở Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân, dâng tập tâu đem công trạng các viên biền đã lần lượt đánh dẹp ở Bình Định tâu lên.

Cho thăng thụ, thưởng thụ có thứ bậc (Phó vệ uý, lĩnh Lãnh binh là Phan Tiến Hạc, thực thụ Vệ uý, vẫn sung như trước ; Quản cơ lĩnh Lãnh binh là Vũ Văn Đằng và lĩnh Phó lãnh binh là Vũ Văn Dũng, thăng Phó vệ uý, đều vẫn lĩnh như trước ; Quản cơ sung Phó đề đốc là Văn Tiến Đạo, thăng thụ Phó vệ uý nhưng vẫn sung như trước ; Quản cơ Nguyễn Văn Thoả, thăng thụ Phó vệ uý ; Phó quản cơ : Văn Tiến Hùng, Phạm Văn Chất, Nguyễn Văn Niên, Ngô Văn Tuấn, đều thăng thụ Quản cơ ; còn thì võ từ Cấm binh chánh đội, đến tòng cửu phẩm bách hộ, 200 nhân viên ; văn từ tòng thất phẩm, đến tòng cửu phẩm thư lại, 13 nhân viên).

Ngày Canh Tuất, ngày kỵ ở án bên tả ở điện Phụng Tiên. Vua thân hành đến làm lễ.

Kinh lược sứ Bắc Kỳ là Nguyễn Hữu Độ vào yết kiến.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN IX*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tý, Đồng Khánh năm thứ 3 [1888], (Thanh, Quang Tự năm thứ 14).

Mùa xuân, tháng giêng, cho Thượng thư bộ Công là Lê Hữu Thường, kiêm quản viện Đô sát (Hồ Lệ thôi không kiêm nữa, chuyên sung ở bộ Hộ).

Nước Pháp giao trả 9 khẩu súng đồng Hùng dũng vô địch đại tướng quân. Cho vẫn để ở xưởng Đại tướng quân.

Cho ấm sinh, học sinh, tú sĩ ; người nào bị uy hiếp, nhận chức hàm nhỏ của địch, được theo lời chuẩn trước (tháng 3, năm ngoái), miễn nghị, cùng ông cha trước có theo địch, mà đã ra thú, thì con cháu cho được dự thi ; ngoài ra người nào nguyên nhận chức của địch, từ tham tá, thương tá trở lên, đều phải đình thi 2 - 3 năm (bắt đầu từ ngày ra thú), đợi khi quả là 10 phần biết hối đổi lỗi, tới khoa thi, do tổng lý đứng bảo kết, quan địa phương xét thực, làm danh sách tư bộ Lễ, cho vào thi, để có phân biệt.

Cho Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà dời đến đóng ở tỉnh Khánh Hoà.

Bấy giờ, quan tỉnh Bình Thuận cho tỉnh thành, kho tàng, nha thự hiện ở đấy đều đã bị tàn phá (khoảng năm Tự Đức dời đến làm ở thôn Xuân An, huyện Hoà Đa) ; xin cho theo cũ lại làm ở miền hạ du huyện Hoà Đa (thuộc địa phận 3 thôn : Đông An, Hoà An, Thuỵ Giang).

Viện thần xét định : Công việc ở tỉnh Bình Thuận, phần nhiều quan hệ về giao thiệp, Công sứ Pháp hiện đóng ở Phan Lang, mà tỉnh ấy dời đến đóng ở nơi ấy,

cũng là xa cách không tiện ; nếu dời làm ở Phan Lang, thì đường sá chưa được đều vừa, mà mới bắt đầu xây dựng, công việc nặng nề, cũng chưa thích hợp, vậy Tổng đốc tỉnh ấy nên dời đóng ở tỉnh Khánh Hoà, chuyên làm việc gì hệ trọng đại và giao thiệp, thời tư thương lượng với viên Công sứ và quan Tổng đốc để định xét mà làm. Còn công việc tầm thường, nên do 2 ty Phiên, Niết hội đồng thoả thuận thi hành, mới được nhanh chóng thành công. Còn tỉnh Bình Thuận vẫn theo hiện sở mà sửa làm ; duy có tỉnh Khánh Hoà đất hẹp, dân ít, hiện đã có viên Tổng đốc ở đó làm việc ; vậy phủ Ninh Thuận, nguyên vẫn lệ thuộc ở tỉnh Bình Thuận, nên trích ra cho lệ thuộc vào tỉnh Khánh Hoà, mà huyện Tuy Phong, nguyên vẫn lệ thuộc vào phủ Ninh Thuận thống hạt, cho đổi thuộc phủ Hàm Thuận thống hạt, lệ thuộc vào tỉnh Bình Thuận, cho được ổn thoả, thuận tiện". Vua y cho.

Tấn phong cho Bảo quốc huân thần Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, Cơ mật viện đại thần, Kinh diên giảng quan, Tổng tài Quốc sử quán, quản lý Khâm thiên giám sự vụ, Khâm sai Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ, Vĩnh Lại bá là Nguyễn Hữu Độ, làm Vĩnh Lại quận công, còn chức vẫn như cũ, đặc cách cho theo lệ thân công sai quan cầm cờ tiết đến làm lễ tuyên phong. Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp, thăng thự Văn Minh điện Đại học sĩ ; Thượng thư bộ Binh là Hoàng Hữu Thường thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ. Thự Thượng thư bộ Hộ là Tôn Thất Phiên được thực thụ. Thự Tổng đốc Sơn Tây là Vũ Văn Báo, lĩnh Tổng đốc Bình Định là Nguyễn Hiệp, đều được thực thụ. Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Vũ Khoa thăng thụ Tổng đốc, nhưng vẫn lĩnh như trước. Thống chế dinh Long võ là Nguyễn Gia Trinh (trước là Phó, vua cho đổi tên), thăng thự Tả quân Đô thống. Chưởng vệ dinh Kỳ võ là Nguyễn Trì, thăng thụ Thống chế, kiêm Chưởng dinh Tiền phong. Chưởng vệ lĩnh Đề đốc Kinh thành là Lê Thuận Lý, đổi bổ Chưởng vệ viện Thượng tứ, kiêm quản ty vệ Kiển thị. Nguyên Thống chế Nguyễn Hữu Thận, đổi bổ Đề đốc Kinh thành. Chỉ huy sứ, lĩnh Chưởng vệ, quyền Chưởng Hữu dực dinh Vũ lâm là Lê Quang Chỉ, đổi bổ Vệ uý Cấm binh, kiêm Chưởng dinh Long võ. Quản cơ quyền Chưởng dinh Hổ oai, kiêm cả dinh Hùng nhuệ là Trịnh Lạc, thăng thụ Vệ uý dinh Cấm binh, nhưng quyền giữ như trước.

Tu sửa điện Đông Các.

Xây dựng nha Kinh lược ở Bắc Kỳ (phía trước làm cửa trông xa, phía sau làm lầu vuông, sau đến các toà nhà ngói như : nhà công sảnh, sân gác, nhà tiếp khách, nhà các tư viên, cộng 15 toà, quy mô rất rộng rãi).

Cấp tiền tuất cho dân hạt Thanh Hoá bị hoả tai. (Các xã thôn : Tất Tác, Ngọc Sơn và Cự Nham).

Trừ thuế ruộng đất lấy để mở nha Sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh (xã Trúc Bào, huyện Hương Khê, cộng 35 mẫu).

Tỉnh Quảng Bình bị đói. Cho trích kho thóc ở tỉnh và kho thóc ở tỉnh Quảng Trị là 1.000 hộc, giảm giá bán ra và khuyên sức quyên chẩn, để thư cấp bách cho dân.

Cho sĩ tử trường Bình Định, hợp thi ở trường Thừa Thiên.

Quan tỉnh tâu nói : "Mấy năm nay binh hoả luôn luôn, học nghiệp bỏ trễ, tỉnh ấy và các tỉnh trở vào Nam đều thế, gia đĩ trường ấy đã bị giặc triệt phá, sửa sang lại một phen tổn phí rất nhiều, sức dân chưa kham nổi, xin theo lệ đã làm qua (những năm Tự Đức thứ 14 và 17), cho phụ thí ở trường Thừa Thiên, cho tiện một thể). Vua y cho.

Lại đình lui hạn Hội thí ân khoa năm ấy ; vì ân khoa, chính khoa ở các trường Bình Định, Thanh Hoá, Nghệ An đều chưa cử hành, sợ cô phụ điều mong mỏi của sĩ tử, nên lại lui hạn để đợi.

Ngày tốt đầu xuân, vua đi chơi xuân ; từ tháng chạp năm ngoái đến giờ, nóng nực hàng tuần, hôm ấy khí trời bỗng trở nên ôn hoà, vua bảo : "Thượng đế giữ gìn giúp đỡ, kính sợ càng nhiều, duy mệnh trời thêm yêu, một người có phúc, phúc cả triệu dân. Vậy sắc bảo tôn nhân, đình thần biết rõ, nhưng sai tâu trả lời để biết. Các quan đều nói : "Vua hiền ứng vận lên ngôi, hẳn được lòng trời phù hộ, *Kinh Thi* có nói : Giúp đỡ cho làm vua, lại nói : Lên xuống soi xét ở việc làm, xét khắp sách vở, đều nghiệm rõ cả.

Hoàng thượng ta, kính theo mưu trước, nối nghiệp ngôi lớn, trời cho người theo, quang minh chính đại. Ngày nay, đương lúc mùa đông, mùa xuân giáp nhau, hàng tuần không mưa, hôm trước được lệnh làm lễ mật đảo ở trong cung, mà được ứng nghiệm, móc mưa thấm khắp. Hiện nay đương buổi khí dương nóng nực, mà hôm ngự giá, lại được khí trời điều hoà, việc ấy muôn dân đều biết, không phải là ngẫu nhiên, trông thấy sắc cờ quạt, nghe thấy tiếng chuông trống, đều hớn hở mừng rỡ, đó là trời yêu vua ta, ban ơn cho dân này, rất gần không phải là xa. Bọn thần giúp chúa không có tài năng, trông mây may có hy vọng, chỉ mong nhà vua kính cẩn sợ hãi, ngày một thêm lên, thể theo đức thuần nhất của vua Văn Vương, càng tìm thiếu sót, rất lo việc trị, để được hưởng lòng trời mến yêu, vỗ yên trong nước, để thêm nhiều phúc ức muôn năm không cùng, đó là phúc cho Xã tắc và thần dân trong nước.

Vua sai sao lục khắp cho trong ngoài đều biết.

Tuân quốc công là Miên Trữ và Hoà Thịnh quận công là Miên Tuấn ; vì nói bậy bạ, bị đoạt lại chức tước.

Bấy giờ, tôn nhân, đình thần dâng sớ xin tấn phong cho Kiến Vương phi ; hai công hôm vào chầu lấy tờ sớ mở ra xem, rồi cùng nhau bàn riêng, Miên Trữ nói :

"Từ xưa tới nay chưa có phủ thiếp được phong vương phi". Miên Tuấn nói : "Việc ấy là phép cấm của đời Hán, Tống". Quan Khoa đạo đem việc ấy tâu lên. Chuẩn cho đình thần xét bàn.

Đình thần tâu trả lời nói : "Việc ấy là việc quan hệ đến điển lễ lớn, đã công đồng bàn bạc, xem xét phép xưa, hợp với tình lẽ, các quan trong ngoài, không dám một mảy nói xen vào đó, hai công ấy là người rất thân, đối với đi đứng nói làm cần phải giữ gìn cẩn thận, lại dám đương lúc triều hội, ghé đầu nói chuyện riêng, trái bậy như thế, thực là có khuyết điểm, vậy Miên Trữ, Miên Tuấn xin chiểu lệ đi đứng có khuyết điểm, đều cách mất tước hiệu, cho về nhàn tản, để răn kẻ trái bậy, cho nghiêm chỉnh triều cương".

Vua nói : "Miên Trữ, Miên Tuấn không biết quân quốc là trọng, đã tội lại tội thêm, thực không phải là oan uổng ; duy bọn ấy tuổi đã già, gia ơn cách mất tước hiệu, sách phong thu tiêu, đều phải đóng cửa xét lỗi, ngày thường không được đến chỗ khác, mỗi tháng chiểu lương huyện công cấp cho để giúp cho độ khẩu, đỡ khỏi cùng sinh biến ; đợi sau này quả được mười phần sợ hãi biết lỗi, sẽ do phủ Tôn nhân xét đợi chuẩn cho ban ơn".

(Sau phủ Tôn nhân lại dâng tờ tâu chuẩn cho các hạng áo mũ chầu, thu giao cho phủ Nội vụ nhận giữ, dực thiện, cửu phẩm, thuộc lại, thuộc binh, đều đình bãi, bổng lệ của phủ thiếp cũng đình cấp, con cháu chiểu lệ tôn thất nhàn tản mà cấp, con gái chiểu cấp mỗi tháng tiền 1 quan, gạo 1 phương).

Tỉnh Hà Tĩnh phái Hiệp quản là Nguyễn Trọng Hiệp, cùng với quan Pháp tiến đánh ở địa phận núi huyện Cẩm Xuyên, đốt phá 3 nơi đồn giặc, bắt được Đề đốc nguỵ là Dương Đồ.

Cho nha Hải phòng, tỉnh Hải Dương chiểu lệ các tỉnh, đạo mộ đặt đội Tuần thành (lính 50 người, đặt suất đội, đội trưởng, thư lại theo như lệ), đó là theo lời xin của quan phòng sứ Cao Xuân Dục.

Tỉnh Nghệ An, những người nhận phong sắc của giặc, ra thú hơn 50 người. Cho đều về quê sinh sống.

Đình việc thao diễn đầu mùa xuân. Lệ trước : Các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc, hằng năm đầu mùa xuân, tới họp hết để thao diễn và chi lương cho. Hiện nay Nam, Bắc mới yên, kho chứa chưa dư dụ, nên chuẩn cho tháng 2 năm ấy, chỉ căn cứ lính hiện tại ban, điểm duyệt 1 lần, đình việc đến họp hết để thao diễn, cho đỡ tốn phí, đợi ngày nào kho chứa gần dư dụ, sẽ theo lệ làm ; nhưng từ ngày ấy trở về sau, ngạch lính ngày giảm, việc ấy cũng bỏ không bàn nữa.

Tấn tặng huy hiệu Kiên vương.

Trước đây, bộ Lễ tâu nói : "Cha mẹ sinh ra, rất là thân tình, dẫu chuyện nặng về chính thống, cũng không nên không hậu với tư ân...Tôn vương chăm trồng cây đức, sinh ra bậc sáng suốt, ngôi báu thêm lâu dài, là nguồn gốc từ đấy, trước được tấn tặng tước "vương", cùng các hàng thân vương không khác, là chưa hết đạo tôn sùng, phải nên rộng tìm điển cũ, riêng có tên khác, ngõ hầu tỏ được lòng hiếu phụng. Nhưng xét về đời Tống, Bộc An Ý vương là Doãn Nhượng, năm Khánh Lịch thứ 4, phong làm Nhữ Nam quận vương ; Gia Hựu năm thứ 4, phong làm Bộc vương, thuỵ là An Ý ; Nhân Tôn trị vì không có con, bèn lấy con thứ 13 của vương là Tôn Thực làm Hoàng tử, Nhân Tôn mất, Hoàng tử lên ngôi là Anh Tôn. Trình Y Xuyên thành Bành Tư Viên bàn về Bộc vương có nói rằng : "Đế vương cùng với hàng cha cùng bình đẳng không có phân biệt, thì cái lòng đại hiếu khó được yên. Nay thần thiết nghĩ lời tế cáo Bộc quốc thái vương, thì nói cháu được nối ngôi Hoàng đế, viết tên, kính cáo lên hoàng bá phụ, đều noi theo rồi". Tôn vương nên theo lời bàn ấy, tấn tôn là Kiên Thái vương".

Vua chuẩn giao cho tôn nhân, đình thần duyệt bàn, nhưng phê bảo 2 chữ : "Ôn Nghị" trẫm muốn đem dùng là "Thuần Nghị", xét và trả lời một thể.

Sau tâu trả lời rằng : "Năm Tự Đức thứ 27 [1874], đình thần theo lệnh xét bàn về việc truy tôn chính bố mẹ sinh ra, trong tập tâu có khoản nói : "Nên ưu tiên bằng hậu lộc, tôn làm tước vương" ; tập ấy đã được thánh thượng phê cho theo lời bàn ấy. Lại xét lời bàn ấy của Y Xuyên, ngay bấy giờ dẫu chưa thi hành, nhưng lời bàn của hậu nho cho là được tình lẽ chính đáng. Nay tôn vương như được thêm chữ "Thái", thì đối với các vương có phân biệt mà đối với chính thống tưởng cũng không ngại ; xin theo lời bàn của bộ, tấn tôn làm Kiên Thái vương ; còn như vợ của Tôn vương là Bùi Quý thị, xin tấn phong làm Vương thái phi, hầu hợp tình lẽ. Lại vâng xét tên thuỵ để nêu đức tốt hai chữ "Thuần Nghị" đều là chữ tốt đẹp, có hợp cái chí của tôn vương lúc sinh tiền, như được đem dùng, đối với ý nghĩa đều được hoàn toàn chu đáo".

Vua phê bảo : "Lời bàn trước có khoản : Nên biên thêm "hoàng thúc", sao không đề cập đến thuỵ hiệu, chức, tước, có nên y cho biên không ?"

Đình thần tâu trả lời : "Tự Đức năm thứ 29 [1876], theo nghị chuẩn cho nghi lễ : xưng, hô, tiếp, ngộ, chính cha sinh ra, ngày nay xưng là thúc [chú], ngày sau thì xưng là "hoàng thúc". Nay tôn vương xin theo cho xưng là hoàng thúc, mà thần chủ xin biên là hiển khảo hoàng thúc tặng Kiên Thái vương, thuỵ Thuần Nghị ; bên cạnh biên : Hiếu tử Ưng Đăng phụng thờ. Để ở bia xin biên những chữ : "Hoàng thúc tặng Kiên Thái vương thuỵ Thuần Nghị ; Bùi Quý thị xin tấn phong là Kiên Thái Vương phi, ngõ hầu được hợp tình lẽ".

Vua nói : "Thái vương xưng là hoàng thúc, nghị ấy đã thành, còn như Thái Vương phi, theo nghị ấy, dịch ra thì gọi là gì ?".

Đình thần tâu trả lời : "Tự Đức năm thứ 29, bàn về chuẩn cho, trong có một khoản là : Hoàng tử đối với chính cha sinh ra mình, xưng là thúc phụ. Lại một khoản : Cha mẹ sinh ra mình, chỉ xưng là : hoàng bá thúc phụ mẫu, không được xưng là : khảo, tỷ hay đế. Nay xin theo lời chuẩn trước, xưng là hoàng thúc phụ, còn thần chủ và đề ở bia đều biên thêm chữ "phụ" ; Thái vương phi xin xưng là hoàng thúc mẫu".

Vua đều cho theo đó mà làm, xuống Dụ rằng : "Nay cứ theo tôn nhân, đình thần cùng lời kêu xin, nên chiểu theo lời bàn của Trình Di về Bộc vương, tấn tặng Kiên vương là : Kiên Thái vương, vợ của vương ấy là Bùi thị, tấn phong là : Kiên Thái vương phi ; về xưng hiệu thì theo lời bàn năm Tự Đức thứ 29, chuẩn cho xưng là hoàng thúc phụ, hoàng thúc mẫu, cùng khoản đặt tên thuỵ hay đổi dùng 2 chữ "Thuần Nghị", ngõ hầu hợp chí vương khi còn sống, trẫm 2 - 3 lần giao cho luận bàn công, lần lượt tâu lên, đều cho lời bàn trước là đúng, tưởng đã rất thích đáng, đã đem việc ấy tâu lên 2 cung, kính được bằng lòng y cho.

Vả lại, chính thống nghĩa là rất trọng, mà ơn sinh thành, vốn ở chí tình, duy hợp với lẽ phải của trời, lòng người được yên, là đạo chính của lễ. Trẫm châm chước tiếp thu lời của các quan, kính vâng ý Chỉ, tấn tặng Kiên vương là Kiên Thái vương, tên thuỵ là Thuần Nghị và vợ của vương là Bùi thị, tấn phong là Kiên Thái Vương phi, về xưng hiệu chuẩn theo lời bàn trước, còn như việc nên làm, nên giao cho quan có trách nhiệm xét từng khoản định liệu mà làm, cho hợp điển lễ".

Chuẩn định nghĩa lệ biên tập quyển *Thực lục*. (Từ tháng 6 năm Tự Đức thứ 36 [1883] trở về sau, đến tháng 8, Hàm Nghi năm đầu [1885] trở về trước).

Lúc đầu Sử quán tâu nói : "Kính làm *Chính biên Đệ tứ kỷ* đã gần xong ; còn sự tích từ năm Tự Đức thứ 36 trở về sau, đến tháng 8, Hàm Nghi năm đầu trở về trước, dâng tờ tâu xin chuẩn cho tra xét biên tập phụ vào cuối kỷ ấy để còn sự thực ; duy khi ấy việc biến đổi không thường, như lúc đầu thì Thuỵ quốc công[1] lần ấy đã vâng Chiếu để lại, được vào nhà để tang, xưng là tự quân, được vài hôm lại bỏ, rồi ngầm giết đi ; Lãng quốc công[2] được lập lên, lại cũng chỉ vài tháng cũng bị bỏ và bị giết, sau cùng thì nhà vua vì bị hiếp phải ra đi, nay danh hiệu lai lịch trước sau, đều nên làm như thế nào ?

(1) Thuỵ quốc công tức Dục Đức.

(2) Lãng quốc công tức Hiệp Hoà.

Giản tông Nghị hoàng đế[1] cũng xen vào khoảng ấy, đã có tôn thuỵ, miếu hiệu, nay đều ở vào phụ biên, lại nên làm lệ chép như thế nào ? Phàm những loại như thế, thực đều danh nghĩa quan trọng nghìn muôn đời, khen chê công cộng, thuộc về lấy việc đã qua để làm răn, xin sắc cho tôn nhân, đình thần, xét rõ điển lễ, theo từng khoản, kính định nghĩa lệ, liệt kê vào tờ tâu dâng trình, để đợi quyết định.

Vua phê bảo rằng : "Nay xét tờ tâu của sử thần trình bày, thì việc đó rất là long trọng ; phải giao cho trăm quan hội đồng xét rõ, nghĩ định thoả đáng, cốt thế nào đều được công bằng chính đại, để đời sau không còn xen nói vào đâu được, trẫm rất lấy làm mong".

Đến nay các quan đều nói, kính xét *Thực lục* cùng với sách sử, kỹ dối tuy khác, nghĩa lệ là một, thể lệ cổ sử, chẳng gì hơn kinh *Xuân Thu* ; từ nhà Chu trở về sau, thì lấy *Cương mục* của Chu Tử làm chính. Kính xét kinh *Xuân Thu*, Ẩn, Hoằn (Ẩn là anh, Hoằn là em), Mẫn, Hy (Mẫn là em, Hy là anh) đều chép ở kinh ấy. Ở *Cương mục*, phàm chính thống, nối ngôi đã thành vua, thì niên hiệu đều viết chữ to. Đời Hán thì Thượng đế (ở ngôi 10 tháng), Xung đế (ở ngôi 5 tháng) và Chất đế (ở ngôi 17 tháng), đều tuổi nhỏ lên ngôi, chính sự không ở mình, trị vì không được mấy, nhưng niên hiệu đều viết chữ to (Thượng đế Diên Bình nguyên niên, Xung đế Vĩnh Gia nguyên niên, Chất đế Bản Sơn nguyên niên) là vì danh nghĩa vua tôi có quan hệ ; và không như thế, thời quốc thống năm ấy không thuộc vào ai, cho nên viết chữ to tất cả, là lập nghĩa rất tinh.

Về *Thực lục* của liệt thánh triều ta, mỗi triều xin biên làm một kỷ, để rõ chính thống. Giản tông Nghị hoàng đế là con thứ 3 của Dực tông Anh hoàng đế, tháng 10, năm trước lên ngôi, lấy năm sau làm Kiến Phúc năm đầu, danh nghĩa đã chính, tuy bấy giờ tôn lập nên do ở quyền thần, nhưng khi nuôi dạy, từng đã được Tiên hoàng đế nghĩ đến, lại vốn được Hoàng thượng ta mến yêu, nên ngay hôm lên ngôi lớn, đều nói : Là con vua ta, cùng nhau hoà hợp, không có lời gì khác, ở ngôi vừa được 8 tháng, vội đã băng hà, nhưng chép năm đầu và chính sóc ban hành đã có 5 tháng (từ tháng giêng đến tháng chạp, năm Giáp Thân, những văn thư ghi chép, đều biên niên hiệu Kiến Phúc), so với Lê Túc Tông dẫu có niên hiệu, thuỵ hiệu, nhưng niên hiệu vẫn chưa thi hành, không có năm tháng liên hệ ; (tháng 6 lên ngôi, tháng chạp mất, năm trước là năm cuối của Hiến Tông, năm sau là năm đầu của Uy Mục đế, nên sử cũ ghi chép chữ to làm một, nhưng *Khâm định Việt sử* thì chia riêng thuỵ hiệu, niên hiệu ở năm cuối Hiến Tông), vốn là không giống nhau ; huống chi miếu hiệu, huy xưng, đã cùng tôn phụng, danh phận đã rõ ràng tỏ khắp trong nước, thờ ở Thế miếu,

(1) Giản tông Nghị hoàng đế tức Kiến Phúc.

đỉnh hiện thực là có một, kính vâng lời tổ huấn, ức muôn năm nối theo, về lễ thực hợp, nên làm chính kỷ.

Nay Hoàng thượng ta, vận mở trung hưng, thực chỉ trên nối Dực miếu, mà Giản tông nối ngôi trước, đã làm vua rồi, theo lễ có cùng kế thống, như Huệ đế, Văn đế đời Hán (đều con Cao đế), Trung tôn, Duệ tôn đời Đường (đều con Cao tôn), nghĩa cùng không khác ; nếu Kiến Phúc chép niên hiệu, đem làm phụ biên, thì năm Quý Mùi trở về sau, năm Ất Dậu trở về trước, quốc thống chưa liên hệ được, thực là chưa ổn. Nay sau khi Sử quán dâng tờ tâu, được phê bảo mọi lẽ, kính thấy Hoàng thượng ta rất lấy danh nghĩa làm quan trọng, muốn cho thiên hạ đời sau không nói vào đâu được ; bọn thần kính cẩn suy tìm cổ nghĩa, khảo xét việc thực, xin kính làm *Thực lục Giản tông Nghị hoàng đế*, kế tiếp là *Đệ ngũ kỷ Chính biên*, chiểu theo nghĩa lệ *Chính biên* mà làm ; trong đó phàm việc gì là do ý của quyền thần, thì cứ theo việc đó chép thẳng, để rõ chuyên quyền, đó là tự có cách chép sử !

Còn như Thuỵ quốc công lần ấy vâng Chiếu để lại, vào nhà chịu tang, mới vài ngày bị bỏ, bị giết, cùng với Xương Ấp đời Hán, Long Việt đời Lê hơi giống, (Xương Ấp xem ở sách Hán, Long Việt lập được 3 ngày bị giết) ; Lãng quốc công lên ngôi được vài tháng cũng bị bỏ, bị giết, đều không có năm tháng được liên hệ, xin cứ theo việc phụ biên vào sau tháng 6 năm Tự Đức thứ 36 ; Thuỵ quốc công nên chép nguyên tước ; Lãng quốc công đã lên ngôi vua, xin nên theo lệ Phế đế như Tống Tử Dục, Tề Chiêu Nghiệp (Tống Tử Dục phế làm Thương Ngô vương, Tề Chiêu Nghiệp phế làm Uất Lân vương), sách của Tống, Tề đều biên là Phế đế, tuỳ theo văn mà chép. Khoảng năm Hàm Nghi gây hấn thì giống Trọng Quý đời Thạch Tấn [Thạch Kính Đường] ; nhường nước thì giống Kiến Văn đời nhà Minh [Minh Huệ đế, niên hiệu Kiến Văn], nên cứ theo hiệu Xuất đế khi bấy giờ đã gọi để chép, nhưng phụ biên vào sau tháng 6 niên hiệu Kiến Phúc năm đầu, còn liền năm sau, thì lấy can (Ất), chi (Dậu) để phân biệt, mà theo tháng để chép công việc ; vì tháng 8 năm ấy, Hoàng thượng lên ngôi, phải lấy Đồng Khánh chép năm là theo lệ chính thống ở *Cương mục*. (Sách *Cương mục* của Chu Tử : Tháng 6 năm Ất Dậu, Quang Vũ lên ngôi, năm ấy phải viết chữ to Quang Vũ hoàng đế, Kiến Vũ nguyên niên, mà không chép đổi mới. Lời chua : Phàm lệ ở *Cương mục*, chính thống lên ngôi, ở trong năm nay thì được dùng).

Vua bảo : "Dẫn chứng đã rõ, thì danh nghĩa đã hợp ; duy tình thế cả 2 không cùng thích hợp, còn có chỗ chưa ổn nhưng vị tất đã rõ, tạm y lời bàn mà làm".

Lại thi hành cách quyên thưởng.

(Từ Thanh Hoá trở vào Nam, trừ khi nào lâm thời khẩn thiết, được chuẩn cho phái đi khuyến quyên ra, còn người nào tình nguyện quyên nộp, không cứ dân ở

nội tịch hay ngoại tịch, người quyên 1.000 quan thì thưởng từ tòng cửu phẩm bá hộ, hoặc văn giai trở lên, cứ 1.200 quan, thưởng thêm 1 trật ; quyên không đủ số thưởng hàm, thì cứ 60 quan, cho miễn binh, dao, thân thuế 1 năm). Lệ quyên, về năm Tự Đức 34 [1881], đã cho đình chỉ, không được thi hành mãi mãi ; đến nay vì xúc tích đáng buồn, số thu vào không đủ cung số xuất ra, nên lại theo lệ cũ, gia thêm số cho thi hành (lệ cũ : 800 quan thưởng từ tòng cửu phẩm trở lên, cứ 1.000 quan, thêm 1 trật ; không đủ lệ thưởng, cứ 50 quan, cho miễn 1 năm).

Biện lý bộ Hộ, kiêm nhiếp phủ Tôn nhân là Hồng Tích (con Tùng Thiện công) ; vì nói năng càn bậy (1 khoản doạ nạt người buôn, để mong hậu tạ ; 1 khoản quan lại thăng chuyển, lại nói với người ta là tự mình gửi xin cho ; 1 khoản phần nhiều quấy nhiễu ở trong phủ), bị cách chức ; Biện lý bộ Lại là Tôn Thất Diễm cũng vì tư tình che chở (biết là nói khoác, không chịu tố giác), bị giáng 3 cấp, phải ly chức.

Định rõ lệ tịch biên.

(Từ nay, phàm có tịch biên tài sản của tên phạm tội, thì do các viên hội đồng, theo từng hạng mà tịch biên, việc xong, trừ đồ vật nào giá trị chỉ trên dưới 30 quan, không phải đấu giá ra, còn từ 50 quan trở lên, thì phải xét từng hạng, liệt kê đem yết thị, hạn cho trong 1 tháng, người nào muốn nhận mua giá bao nhiêu, tới xứ sở nào đấu giá, nhưng do nhân viên hội đồng chiểu theo giá phải chăng, phỏng định phải được tiền bao nhiêu, hễ đến kỳ đấu giá, chiểu theo giá hơn, nếu không hơn, thì theo giá đã định, tức thời cho mua. Nếu không có ai theo giá muốn mua, phải do nhân viên hội đồng chước lượng nên giảm bớt bao nhiêu định lại, cốt sao thoả đáng, rồi giao cho sở tại nhận mua). Lệ trước, nhân viên hội đồng đánh giá mỗi vật hạng là bao nhiêu, nếu có vật nào không ai muốn mua, thì nhân viên hội đồng chiểu giá trị sung bổi, nhân viên hội đồng sợ phải bồi thường, tính giá phần nhiều có giảm hạ, số thu vào không khỏi có hụt, vì thế nên định rõ lại.

Đình lại không đặt đề đốc ở Nghệ An.

(Tỉnh ấy hiện nay số lính không có mấy, Đề đốc là Hoàng Đức Tân đi vắng bị khuyết, nhân đó cho đình lại).

Cho sao lục thể lệ bộ Hình, giao cho toà Khâm sứ nhận để thi hành. Viên Khâm sứ đưa thư đến nói : "Ba toà quan Tư pháp ở Gia Định, hiện đương bổ tập luật lệ ở các nước, xin sao lục thể lệ hình danh của nước ta từ Gia Long trở về sau, để tiện quan Pháp xem xét mà thi hành". Nên cho sao lục để đưa.

Định rõ lệ chạy trạm.

(Trừ nước ta hay nước Pháp, khi lâm thời phải khiêng đệ hoá vật ; và quan viên bất thần đi việc công, phải dự trước lần lượt đi bắt nhiều phu trạm đi ứng trực ; cùng việc gì rất quan trọng, khẩn cấp, phải phát đi bằng ngựa ra, còn thì công văn

tầm thường, ở Kinh và các tỉnh, phải nên dự tính giờ khắc, mỗi ngày chỉ phát đệ 1 lần, cho được giản tiện).

Cho Vệ uý, Đổng lý công sở ở Đông các là Phạm Như Vy, quyền Chưởng 2 dinh : Kỳ võ và Tuyển phong ; vì Thống chế Nguyễn Trì, hiện đang đổng lý các công sở ở Tôn điện, đường sá hơi cách trở, mà ngày làm còn lâu.

Cho binh đinh các hạng, tự may lấy quần áo mặc thường, mỗi năm 3 lần.

Bộ Binh tâu nói : "Binh để giữ nước, há nên để than thở về không có quần áo mặc vào người, mà cũng trở ngại gì về may lại ! Gần đây, xét thấy binh đinh các hạng, khi canh đợi, hoặc đón tiếp quan Pháp, mặc quần áo phần nhiều lam lũ, không những người Pháp thường nói đến, mà ở ta cũng không thể để mắt, nên sửa lại một phen, cho được nhã quan ; duy hiện nay tiền của quẫn bách, hoá vật thiếu thốn, nếu Nhà nước chế cấp cho, sợ không được kế tiếp ; phụng xét binh đinh các hạng ở Kinh, đã lần lượt cấp thêm cho thân binh, cấm binh, ruộng lương 6 sào ; tinh binh 4 sào, tạp ngạch 3 sào ; lương tháng cấp thêm tiền, hoặc 2 quan, hoặc 1 quan, thế thì nhiều lần được hậu cấp, tưởng cũng đủ sung sự ăn mặc cả năm ; xin cho thống chưởng các dinh, vệ, sức cho các quản, suất nghiêm sức cho các binh đinh, hằng năm liệu trích ruộng lương, tiền lương hằng tháng, cứ 4 tháng lại may 1 lần (áo vải đen, quần vải trắng) cho đủ mặc ; bộ của thần chiểu kỳ phái người đến kiểm xét, nếu có chậm thiếu, cứ thống chưởng và quản, suất nghĩ xử. Còn như áo nhung phục là để đến chầu hầu mới mặc, không được lấy mặc thường, định làm lệ mãi ; như thế, thì việc đã có hạn, áo cũng mới luôn, tưởng cũng là một cách chấn chỉnh quân dung".

Vua cho theo nghĩ mà làm.

Đặt thêm viên dịch ở đền Kiên Thái vương.

(Nguyên chiếu lệ đền Thân vương, giám thủ bát phẩm và vị nhập lưu thư lại mỗi chức 1 người ; nay đặt thêm tư vụ và thư lại mỗi chức 1 người).

Dựng điện Truy Tư, xây cục Thiên thành.

Hai bộ Lễ, Công tâu nói : "Đền Kiên Thái vương, mặt trước gần sát dinh Thị lang bộ Binh ; phía sau lại ngay đường phố cửa chính đông, quan quân đi lại phải đi qua, rất là ồn ào phức tạp, quan quân Pháp lại thường qua lại, ngăn cấm cũng khó, nếu theo chỗ cũ, sợ có khiếm nhã, xin chọn chỗ khác dời đến để làm".

Vua bảo : "Lăng tẩm của vương chưa dựng làm được, gặp có việc tiến cúng, thì bày ở trên mặt đất, thực là khiếm nhã ; phải ở bên cạnh lăng tẩm, dựng 1 toà chính đường, gọi là điện Truy Tư, bên tả dựng 1 toà, gọi là nhà Công Nghĩa, bên hữu 1 toà, gọi là viện Minh Ân. Chuẩn cho bộ Lễ hội đồng với Khâm thiên giám, lựa xem địa thế chỗ nào cao ráo, sáng sủa, phương hướng hợp pháp, có thể xây dựng được, thì

cho làm. Lại đổi lăng tẩm của vương là cục "Vạn niên thành" rộng thêm phạm vi, xây đắp nhà bia, cột đồng trụ, thành gạch, tường gạch, đảo ở ao, núi ở bể .v..v, đều phỏng theo các tôn lăng, châm chước nghĩ định mà làm.

(Cục Thiên thành, năm ấy làm xong, điện Truy Tư chưa xong mà vua đã mất ; ngày tháng 5, niên hiệu Thành Thái năm đầu [1889], điện ấy mới xong, bấy giờ tình thế đã khác, chuẩn cho điện ấy làm Tư lăng biệt điện, rước thánh vị nhà vua về thờ, gọi là điện Ngưng Hy).

Cho Hồng lô Tự khanh Biện lý bộ Công là Cao Hữu Sung Đổng lý công sở cục Thiên thành và Hồng lô Tự khanh là Trần Cương, sung làm Tham tán.

Tháng 2, viên Toàn quyền đại thần là Công-tăng vào Kinh yết kiến và kính dâng quốc thư.

Dịch ra, thì lời lẽ nói : "Giám quốc nước Pháp là Ca-đô kính thư đệ trình đến trước điện vị đại đức [đức lớn], chí thân [rất thân], khế hữu [bạn tốt] là Hoàng đế nước Đại Nam, soi xét ; nguyên làm Giám quốc nước tôi là Dung-kỳ Di-huy đã trả việc về nhà, nước tôi hội họp - hội Kỳ anh và viện Thứ dân, theo điều lệ trong dân chính, hết thảy bàn bạc thoả đáng, theo lẽ công tuyển cử, sung lập tôi làm Giám quốc để chủ trương việc nước, thống trị tất cả các quan và cai trị quan viên trong ngoài, đã nhậm chức từ hôm mồng 5 tháng này. Từ khi nhậm chức ấy, rất là chăm lo, địa vị rất khó, việc làm rất nặng, hằng ngày chăm chỉ, chỉ sợ gánh vác không nổi ; nay nhân tiện có tin hồng, gửi ngay vài lời, tỏ bày qua sự thể, giãi tỏ tấm lòng ; chỉ mong Hoàng đế biết rõ một tấm lòng thành của tôi, tôi xin gắng sức sửa sang, hết lòng tính toán, cốt cho tình giao hoà của các nước ngoài cùng với nước Pháp, ngày càng nhiều, để được cùng yên hưởng thái bình vô sự, mà áo xiêm ngọc lụa giao tiếp với nhau để làm hoà hảo lâu dài, quyết không gây ra chiến tranh nữa. Tôi thiết nghĩ bụng Hoàng đế, cùng với bụng tôi, đôi bên cùng phù hợp nhau, về lòng mong muốn cũng chỉ có như thế, nên dám thẳng bày khúc ruột, rất mong ông bạn đại đức, chí thân, lượng xét cho",

Vua tới Sứ quán hỏi thăm, sai tôn nhân, đình thần viết thư bàn bạc :

"Nước tôi trước kia cùng với quý quốc kết nghĩa hoà hiếu rất là đôn đốc ; hôm trước nhân quyền thần gây hấn, bỗng mất hoà khí vui vẻ, may nhờ quý triều đình có lòng nhân thứ, lại kết hoà hiếu như cũ, định ngôi lớn, lập ra triều đình bảo hộ mà được an toàn, cái ơn tái tạo ấy, cảm đội vô cùng. Gần đây, vì nhiều việc, chưa kịp cho sứ đi đáp tạ, trong lòng biết là thiếu sót ; năm Bính Tuất, quý triều đình lại cho đem khoản điều ước năm Giáp Thân, cùng giao cho nhau ngay, thực là thịnh tâm bảo hộ rất soi tràn khắp cả nước tôi. Duy các quý quan lần lượt đóng ở nước tôi, trong khi thừa hành, chưa thể tất hết lòng tốt của quý triều đình, phàm những việc

ngoài điều ước lại càng thêm lên, đôi khi có việc chưa thực được hợp lẽ công bằng. Ngày tháng 4 nhuận năm ngoái, quý Khâm phái đại thần Đờ quý chức, đến đô thành nước tôi hỏi đến tình hình hiện tại, đã được Hoàng đế nước tôi viết thư gửi dâng thượng quốc Đại hoàng đế soi xét, may được thấu rõ tình cảnh của nước xa xôi.

Nay quý đại thần là người công bằng, chính trực, mọi người cùng suy tôn ; trước đã đóng ở Bắc Kinh [nhà Thanh], tiếng tốt vốn đã rõ rệt, hiện nay vâng mệnh tới nước tôi, chắc phải mắt trông thấy, lòng thương xót, mà mưu toan lợi ích cho nước tôi rất nhiều. Chúng tôi đã được Chỉ của Hoàng đế nước tôi, cho tạm trích vài khoản trọng yếu, tính sẽ từng bàn và công việc phải làm, đến bày tỏ với quý đại thần, may ra liệu lý và chước định thế nào, cho nước tôi được nhờ giúp ích, thì công đức của quý đại thần, không những nước tôi cảm đội không bao giờ hết, mà cũng có tiếng để mãi lâu đời, các điều khoản liệt kê như sau :

Khoản thứ 11 trong điều ước có nói : Từ giáp giới tỉnh Biên Hoà đến giáp giới tỉnh Ninh Bình, quan Bố chính chiểu lệ thu thuế nộp về triều đình Đại Nam như cũ, không có quan Pháp xem xét vào đó ; duy địa hạt ở Bắc Kỳ, các Công sứ hợp cùng quan Bố chính tổng kê các thuế lệ, khi thu xong, quan Pháp cùng quan nước Nam, hội đồng để chuẩn định chi phí ở các sở và cùng vào việc công tiền bạc chi mỗi thứ hết bao nhiêu, còn bao nhiêu trả về kho ở Kinh, thuộc triều đình Đại Nam các ý như thế. Thế mà gần đây các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, các thuế tạp hạng trong đó, cùng với cửa biển các tỉnh hiện đặt Thương chính, không liên can đến khoản điều ước, mà quý quan cũng phần nhiều sức bãi, không cho thu thuế. Vả lại, sáu tỉnh ở Nam Kỳ nước tôi đã là quản hạt của thượng quốc, Bắc Kỳ gần đây lại nhiều việc, trong đó chỉ cần những thuế ấy ở các tỉnh, nếu được thu cả như cũ, vẫn chưa đủ chi cung vào dùng trong nước, huống hồ không cho thu thuế, thì lấy vào đâu, mà chiểu trong điều ước, thiết nghĩ có trái. Ở Bắc Kỳ, thì thuế lệ đinh điền ở các tỉnh, quý quan đều cho chiết nộp bằng tiền bạc, thu được bao nhiêu, nộp hết vào kho của quý quan, sau này quý quan chi biện việc gì, quan tỉnh không được dự biết. Còn như thuế sản vật, từ trước do các tỉnh ấy, thu chở về Kinh chi dùng ; nay quý quan cũng sức cho chiết nộp bằng tiền bạc, mà số chở vào Kinh, năm Bính Tuất viên Toàn quyền đại thần đã chết là Pôn quý chức phỏng định mỗi năm trích chở tiền 380.000 quan, gạo 380.000 phương, về gạo chiết thành tiền, mỗi phương 5 quan, vẫn chưa chở đủ. Đến quý Toàn quyền đại thần là Bi quý chức, lại định giảm, số chở năm ấy chỉ còn thành tiền Tây là 1.500.000 quan, tính thành tiền nước tôi là 185.000 quan, mà nhiều lần đã chở vào, cùng đợi để chở vào, tính suốt cả mới được tiền nước tôi là : 1.530.300 quan, còn thì chưa có cho chở. Còn như số chở năm Đinh Hợi, căn cứ vào quý cựu Toàn quyền đại thần là Bi quý chức, đến Kinh nói rằng, khoản ở Bắc Kỳ tải vào Kinh, viên Toàn quyền đã chết là Pôn quý chức

nghĩ định trích chở tiền gạo đều 380.000 quan và phương, nhưng xét ra tờ ấy không có bút tích viên Toàn quyền làm bằng, duy nước tôi, mấy năm nay tiền tài cũng quẫn bách, tạm định cho chiểu các tỉnh ở Bắc Kỳ năm trước còn để lại tiền Tây là : 1.500.000 quan, cho trích chở đi ; nhưng tính suốt cả toàn kỳ, thì mỗi năm số thuế được thu, cộng được tiền là : 7.500.000 quan, mới đủ chi phí của bảo hộ ; nếu thu được đủ cả, thì số tiền còn để lại ấy, số ấy phải chở đủ. Còn như số chở năm Bính Tuất, hãy còn chưa chở là bao nhiêu, phải chở về cả cho xong, các lời như thế. Sau từng căn cứ vào lời báo ở nha Kinh lược, thì số thuế năm ấy hiện thu được tiền là hơn 6.540.400 quan, hợp với số tiền còn để lại là 1.500.000 quan, cộng hơn 8.040.000 quan, trừ chi phí hằng năm của bảo hộ là 7.500.000 quan, là phải được chở vào hơn 540.000 quan, nha ấy đã tự xin trích nhận tải số tiền 540.400 quan để chở nộp về Kinh, nhưng vẫn chưa tiếp được thư trả lời. Hiện nay chi tiêu rất nhiều, số chở năm trước còn thiếu, năm ngoái chưa được trích giao ; từ Thanh Hoá trở vào Nam sau khi bị tàn phá, thuế lệ khó thu, không nhờ vào đâu được, tình hình rất là khẩn cấp, may nhờ lượng xét định cho số chở vào cả năm là bao nhiêu, hầu đủ chi dùng trong nước, được đội ơn lắm.

Khoản thứ 15 trong điều ước có nói : Nước Pháp tự hứa hẹn là : từ sau xin giúp nước Nam được tốt đẹp hoàn toàn, có thể khỏi hết giặc giã trong ngoài ; bởi thế nước Pháp xét xem trong nước Nam, hoặc ở Bắc Kỳ nơi nào có việc cần cấp, phải nên đóng quân, thì đem quân đến đóng mà giữ giúp, các ý như thế, thì việc giữ giúp nước tôi, là do ở lời hứa hẹn của thượng quốc, nên phàm giặc giã trong ngoài, quan quân quý quốc có phải đến đóng làm việc, cũng là chiểu theo điều ước.

Trước đây, viên Nguyên suý ở Gia Định phái ra sai viên là Trần Bá Lộc trả lại các tỉnh Khánh Hoà, Bình Thuận, Phú Yên trong khi đó lại nói rõ về quân phí, trách phạt tỉnh Khánh Hoà 1.000 thoi bạc, mỗi một thoi trị giá 15 đồng, cộng 15.000 đồng và trách phạt tỉnh Bình Thuận, cũng đã một số nhiều, và thu bạc thuế lĩnh trưng hơn 18.000 đồng ; sau lại trách phạt 2 hạt : Bình Định, Phú Yên, đến một số nhiều là 136.210 đồng ; tỉnh Bình Định 75.690 đồng, năm ngoái đã thu được 15.209 đồng ; tỉnh Phú Yên 60.520 đồng, năm ngoái, đã thu được 21.115 đồng, khi ấy đã đệ giao cho quý Công sứ đóng ở tỉnh ấy kiểm nhận. Vả dân nước tôi vốn nghèo thiếu, nghĩ phạt như thế quá nặng, thì dân đều hết kiệt, chiểu trong điều ước, thì nghĩa xin giúp, sợ không được hợp ; huống hồ những hạt ấy, sau khi tàn phá, dân tình thực rất gieo neo không chịu nổi, thường thường kêu giảm cho, quý đại thần thương dân như một, liệu nghĩ thế nào, cho dân những hạt ấy, may được nhờ ơn.

Khoản thứ 12 trong điều ước có nói : Ở nước Nam các sở Thương chính, lại cho lập lên, giao hết cho người Pháp chuyên coi ; còn sở Thương chính có nên lập ra, thì chỉ ở nơi ven biển và biên giới ; về các sở Thương chính trước quan võ nước

Pháp làm ra, ngày nay nước Nam cũng đừng bàn đến. Còn như các khoản về điều lệ các sở Thương chính và các thuế lệ ngạch ngoại, cùng lệ cấm các thuyền không được vào cửa biển, trong khi có bệnh dịch khí, thì trong nước Nam và các sở ở Bắc Kỳ, cũng theo như điều lệ ở 6 tỉnh Nam Kỳ, các ý như thế. Ngày tháng 11 năm ngoái, tiếp được tờ tư của viên Phó công sứ Bay nói điện báo của quý đại thần có nói : "Chiểu theo nghị đã lập ngày mồng 2 tháng 3 năm 1886, khoản thứ 12, nói về thuế thuốc phiện, thuế rượu, nếu có cho người lĩnh trưng, phải trình quý đại thần thẩm xét, rồi sau mới được cho, các lẽ như thế. Cứ theo điện báo ấy, thì nước tôi rất lấy làm ngại, vì quý đại thần đóng ở Gia Định, mà ở Kinh mỗi khi có cho người lĩnh trưng thuế hạng gì, đều có tư bàn với viên Khâm sứ xét định ; nay nếu hết thảy đều do quý đại thần thẩm xét, rồi sau đó mới cho thi hành, thì đường sá xa cách, không khỏi chậm trễ, lòng người ngại khó, sợ có chỗ thi hành không được, vậy mong quý đại thần xét nghĩ lại thế nào, cho thoả tiện, đó là nhờ ơn.

Viên Toàn quyền trình bày đáp lại :

Về khoản ở Bắc Kỳ chở vào Kinh, gần đây tiếp được điện báo của viên Toàn quyền Bắc Kỳ là Bi-đê nói : "Nha Kinh lược, lần này được chở vào Kinh, một số tiền là hơn 540.000 quan", đã xét ra là đúng, phỏng trong tháng ngày, cho giao chở đủ số, còn về được chở bao nhiêu, đợi Nguyễn Hữu Độ ra Bắc, sẽ phải bàn định sau.

Về khoản Bình Thuận, Khánh Hoà, Bình Định, Phú Yên bồi thường quân phí ; cứ theo trong thư trình bày dân tình các tỉnh ấy gieo neo lắm, thường thường kêu giảm, tôi cũng đã nghĩ thương tình, sẽ đánh điện cho Công sứ Phú Yên lại cho chước miễn. Còn như thuế tạp vật các hạng, do quý quốc được tuỳ tiện, tư bàn với viên Khâm sứ rồi cho lĩnh trưng, tôi không có ngăn trở, tôi đến đây hết lòng giúp ích, nên phải châm chước còn nhiều ; nay tạm trích 1 - 2 khoản cho cử hành, để tỏ lòng thực giữ giúp, xin tâu lên để Hoàng đế biết rõ.

Ý cũng muốn châm chước công việc cho xong, để về nước.

Vua sai viết quốc thư để đáp tạ.

"Hoàng đế nước Đại Nam kính thư trả lời ngài Đại hoàng đế nước Đại Pháp, soi xét cho, nay tiếp được Tổng thống Đông phương Toàn quyền đại thần là Công-tăng, đến đô thành nước tôi, đưa giao tờ thư của Đại hoàng đế viết cho, tôi rất là mừng rỡ cảm kích, rửa tay mở xem, thấy lời nói trong thư, thực là cao minh rộng lớn ; trong đó có nói : Đại hoàng đế được công nghị cùng suy tôn, chủ trương việc nước, nghĩ - ngôi trên thực gian nan trọng đại, phàm nghiệp lớn phải lo lắng, siêng năng, đem lòng thành thực đối đãi, cốt cho nước Pháp cùng với các nước đồng minh, tình giao hiếu càng hậu, lại giúp đỡ nước tôi, giữ mãi tình thân hoà mục,

ngày thêm lợi ích, rộng lớn thay lời nói của người đức tốt, sẽ khiến cho thế giới cùng hưởng yên vui, tiếng vang mãi mãi. Vả lại, quý Tổng thống Toàn quyền đại thần danh vọng vốn rõ rệt, đã làm Khâm sứ ở nước Đại Thanh, tri thức có thừa, tôi nay may được cùng biết, đã cùng bàn ngay các khoản việc nước, quý tổng thống nói rằng : "Xin thay quý triều đình, ưng theo lòng mong muốn, tôi lại rất cảm phục, phàm thần dân ở nước tôi cũng cùng vui lòng kính phục, hằng ngày mong quý Tổng thống đại thần làm theo lời nói cho nước tôi được thịnh trị, so sánh với trước, mỗi ngày mỗi tiến. Lần trước, cố Toàn quyền đại thần là Pôn-be đến Kinh, cũng rất có lòng giúp đỡ, không may lại chết, chưa làm được việc, nay có quý Tổng thống Toàn quyền đại thần đến mưu tính giúp tất cả việc lợi ích, mới được vài khoản quan trọng phải bàn bạc ngay.

- 1 khoản : Viên Toàn quyền trước là Pôn-be và Bi-u, bàn định thuế lệ ở Bắc Kỳ, trừ chi phí ra, còn thừa bao nhiêu cho chở vào kho ở Kinh đô nước tôi để chi dùng.

- 1 khoản : Về quân phí trong Nam, ngoài Bắc ở những tỉnh : Bình Thuận, Khánh Hoà, Bình Định, Phú Yên, bị trách phạt bồi thường bằng bạc, trừ đã thu hồi ra, hiện còn thiếu bao nhiêu, cho được đình miễn.

- 1 khoản : Hiện nay giặc đã bình, dân gian yên ổn, nếu còn để quý quan binh làm nhiều đồn đóng giữ tuần phòng, thì dân tình ngờ sợ, xin nên lượng cho rút bớt, khi nào có chỗ nào không yên, do quan địa phương tư trình viên Công sứ các tỉnh giúp đỡ. Ba khoản trên đây, quý Tổng thống đã xét biết hiện tình, xin cho theo thế mà làm.

Lại 1 khoản : Viên Khâm sứ ở Kinh, nếu nghe theo viên Toàn quyền ở Bắc Kỳ, sợ không hợp điều ước ; thảng hoặc ở Kinh đặt toàn quyền, phàm bàn định việc gì, cũng được dễ dàng tiện lợi. Hiện sung Khâm sứ đại thần là Hách-tô, vốn là am hiểu tài cán, nếu được sung làm Toàn quyền ở Kinh, càng thấy lòng thượng quốc cai quản giúp đỡ nước tôi như thế là chu đáo, cứ theo như quý Tổng thống nói, quý triều đình sở dĩ không muốn thay đổi khoản nào là sợ nước tôi có sự nghi ngại, và ý của quý tổng thống không muốn viên Khâm sứ ở Kinh theo lệnh của viên Toàn quyền ở Bắc Kỳ ; chỉ muốn viên Khâm sứ phàm các việc tư trình với quý Tổng thống, để tiện xử trí mà thôi. Nay nước tôi đã muốn ở Kinh được có Toàn quyền, quý triều đình cũng muốn cho, quý Tổng thống cũng muốn hết lòng cầu xin cho Hách-tô được thực thụ Khâm sứ, được có quyền pháp, để hả lòng trông mong của nước tôi. Vả lại, quý Tổng thống vốn có trọng danh tiếng lớn mà nước tôi phàm các việc còn cần xử trí, như các loại lập thương chính, sửa đường sá, làm đường điện báo, tất phải quý quốc giúp đỡ, mới mong được việc.

- 1 khoản : Các xứ Cam Môn, Cam Cát thuộc địa giới nước tôi ; gần đây nhân nước Xiêm mạo nhận lấn tranh, đem quân đóng đồn, nay thượng quốc chiểu điều ước tính liệu thế nào, để nước tôi không mất giới hạn ấy. Hai khoản ấy đã bàn với quý Tổng thống tâu lên giúp, mong được giúp ngay cho. Vả lại, quý Tổng thống tới đây, tôi thực rất mong mỏi, các khoản trên đây cùng năm ngoái đã viết thư gửi quý Khâm phái là Đờ, đệ về đề đạt giúp các khoản, tưởng quý Tổng thống tất phải thể theo đức khoản nhân của Đại hoàng đế và ái ngại lòng thành thực kêu ca của nước tôi, hết thảy tâu lên, may được theo lòng mong muốn, để nước tôi được nhiều ơn huệ ban cho, không những là may cho tôi, thực là may cho thần dân cả nước tôi.

Tháng trọng xuân, khí hoà ấm, xin chúc Đại hoàng đế khoẻ mạnh, sống lâu, nhiều phúc lành, quý quốc ngày càng thịnh trị, là điều rất mong của tôi.

Từ khi tới Kinh, đến ngày về, các khoản đón tiếp, thết tiệc, đưa tiễn, đều theo lệ trước mà làm.

Tháng 12 năm ngoái, triều đình Pháp đưa tặng cái ấn bằng ngọc, tinh kim hắc hoả[1].

Vua sai viết thư đáp tạ.

Trong thư nói : Nước tôi từ trước cùng với thượng quốc kết giao, tình lý rất đôn đốc, về trung gian chợt gặp ách vận, nên thành cách trở, may mà thượng quốc Đại hoàng đế lại tỏ bày tình hiếu cũ, đặc cách sai quý đại thần, hiệp cùng với đại thần nước tôi, đón lập tôi lên nối nghiệp lớn ấy, lại đem tờ ước thư, giao cho nhau thi hành, thực là nghĩa giao lân tin cậy hoà mục, trước sau không biến đổi, tôi thực cảm ơn vô cùng, chỉ phải nước tôi cùng với thượng quốc xa cách mấy lần biển rộng, chỉ sợ không chứng tỏ thì không tin. Nay tiếp được Khâm sứ đại thần hiện đóng ở Kinh đô nước tôi là Hách-tô trình bày : "Vâng mệnh thượng quốc Đại hoàng đế, đưa tặng tôi một cái ấn ngọc, là ngọc ở trong tảng đá, tự trời ứng cho điềm lành, trước đây 19 năm, được nước Đại Pháp bửa cả khối ra chế thành ấn ấy, cố nhiên là hiếm thấy, huống hồ hòn ngọc ở trong tảng đá, mài giũa đã khó lại càng khó thêm, kính đem để tặng, sau này có việc gì, phải thông báo với triều đình quý quốc, thì dùng ấn ấy để làm tin, các ý như thế. Tôi tiếp nhận được, xem xét vài bốn lần, thực là lóng lánh sáng đẹp, rất là báu lạ, đó là lòng tốt của quý Hoàng đế tràn khắp, không tiếc của báu trời cho, ban ơn cho nước Nam này, tỏ lòng tín nghĩa, truyền mãi lâu dài, kế ấy thật là chu đáo, nghĩ đến tặng cho của báu đáng giá trăm bằng[2], thì cảm tạ biết đến thế nào, liền phải gói kín cất đi, để thời thường tỏ lòng tin, dẫu xa cách biển trời 7 muôn dặm, như thân được gặp nhau, sẽ có Dụ để bảo cho

(1) *Tinh kim* : là vàng tốt, còn hắc hoả không hiểu nghĩa là gì ?

(2) *Bằng* : là thứ tiền của đời nhà Hán.

thần dân trong ngoài nước tôi, cho đều được biết tấm lòng thượng quốc đôn đốc việc hoà hiếu, hết sức bảo hộ để giữ mãi cái tình giao lân, cùng hưởng thăng bình, đó là điều tôi rất mong lắm.

Tôi lại nghĩ : Tình giúp đỡ của thượng quốc, nước tôi ghi nhớ trong lòng đã lâu, từ trước tới nay chưa có sai sứ sang để tạ, thực là thiếu sót, gần đây tiếp được báo đăng đến năm Kỷ Sửu, thượng quốc mở hội đấu xảo đồ quý lạ của các nước trên thế giới, đều đem đến cả, vật sản nước tôi hèn kém, đâu dám nói khéo, nhưng tôi muốn nhân cơ hội tốt ấy, sửa đồ sính lễ để đáp tạ thông tình, sẽ cho đem 1 - 2 thứ vật sản của nước tôi cùng đến dự bày ở hội đấu xảo, cho tỏ rõ lòng thân thiết hoà mục của thượng quốc và nước tôi với các nước cùng hoà hiếu, để tỏ rõ việc tốt. Đó là lòng sẵn có của tôi, vì thế tỏ bày khúc dạ, kính dâng lên ngài, xin ngài cao minh soi xét, làm ơn cho thư trả lời, để được dựa theo làm việc, rất lấy làm tin là đã được xét đến, đỡ khỏi trông mong. Mùa xuân sáng tỏ, cảnh vật tươi đẹp, xin chúc ngài được nhiều phúc lành. Nay kính thư.

Tờ thư ấy gửi viên Toàn quyền đưa về và xuống Dụ bảo khắp trong ngoài.

Dụ rằng : "Nước ta cùng với nước Pháp, từ trước, kết giao ước thệ còn cả, trung gian chợt gặp ách vận, để thành trở cách. May mà Đại hoàng đế nước Đại Pháp lại tỏ tình hoà hiếu như trước, đặc cách sai đại thần, hiệp cùng với đại thần nước ta, đón trẫm lên nối ngôi lớn ấy, rồi đem ước thư giao cho nhau thi hành, thực là tình lên hiếu tín nhau hoà mục, trước sau không đổi, mới được như thế, chỉ vì đất nước ta cùng nước Pháp xa cách mấy lần đại dương, sợ không chứng tỏ thì không tin. Nay tiếp được viên Khâm sứ đại thần ở Kinh là Hách-tô đem 1 quả ấn ngọc do cửu khanh của triều đình Pháp hội lại làm ra, khắc chữ triện 4 chữ "Triều đình lập tín" (ở triều đình lấy đó làm tin), đưa tặng, theo lời trình bày, vật mà Đại hoàng đế nước Đại Pháp đưa tặng, là ngọc ở trong tảng đá, mà trời ban cho điềm lành, trước đây 19 năm, nước Pháp bửa cả khối ra, chế làm ấn ấy cố nhiên là ít thấy, huống hồ ngọc ở trong tảng đá, đẽo giũa đã khó lại càng khó thêm, kính đem đến tặng, sau có việc gì phải thông báo với Pháp đình, thì dùng ấn ấy để làm tin, các ý như thế. Được ấn quý trọng ấy, là bởi có đức mới có vật ấy, phàm thần dân ta, nên biết nước Pháp cùng với nước ta có lòng hoà hiếu, hết sức bảo hộ, giữ sính lễ với đồng minh, nhờ ngọc báu mà tình hiếu bền mãi, tốt với nước bạn, giữ gìn được nước, chỉ ở lòng thực tin, từ nay trở về sau, hai bên hiểu nhau, giao hiếu càng hậu, được hưởng phúc hoà bình, lâu dài, há chẳng tốt đẹp ư !".

Thượng thư bộ Công là Lê Hữu Thường tới tuổi, theo lệ xin về trí sĩ.

Vua nghĩ, hiện nay công việc còn nhiều, Hữu Thường là bậc lão thành, tuổi dẫu cao, sức lực còn kham nổi việc, cho vẫn lưu chức.

Quan tỉnh Quảng Bình, nghĩ lương ăn của dân ngày càng khó kiếm, xin cho chiểu lệ quyên chẩn như ở Quảng Nam, Quảng Ngãi thuộc những năm Tự Đức thứ 31 và 32 (ai quyên 700 quan, thưởng tòng cửu phẩm, gấp 2 số đó, thêm 1 trật, đến chánh cửu phẩm thì thôi), châm chước định việc quyên thưởng. Cho tạm theo đó mà làm.

Nguyên Thượng thư bộ Lại, Khâm sai Tả trực, Tuyên uý xử trí đại thần là Nguyễn Thuật, sang nước Thanh trở về trả lại mệnh lệnh, chuẩn cho vẫn sung chức như cũ. (Bấy giờ lĩnh Lại bộ là Nguyễn Trọng Hợp cáo nghỉ).

Mới lượng cấp lương tháng cho học trò trường Hành nhân và cho trừ thuế khoá, dao, dịch, có thứ bậc.

Học trò ấy, từ trước đến giờ đều tự biện của nhà ; đến bấy giờ Hành nhân là Diệp Văn Cương xin lượng cấp cho, để tỏ khuyến khích.

Vua y cho. (Tất cả 12 tên, mỗi tháng mỗi tên gạo 1 phương, tiền 3 quan).

Đổi lại và cho sáp nhập các xã, thôn hạt Quảng Nam.

Trước đây, Tả trực Tuyên uý xử trí đại thần là Nguyễn Thuật xét đem 14 xã, thôn, phường hạt ấy phải cho lệ thuộc lại, để được tiện cho dân.

(1 tổng Ngọc Sơn, ở huyện Quế Sơn, đinh điền đều ít, ở xen vào trong 4 huyện : Quế Sơn, Lễ Dương, Hà Đông và Duy Xuyên, xin bỏ tên tổng ấy, rồi đem 3 xã phường Đồng Lam, Đồng An và Xuân Yên, sáp nhập vào tổng Xuân Phú Trung ở huyện ấy ; 2 xã Ngọc Sơn, Tịch An sáp nhập vào huyện Lễ Dương (trở xuống, tổng nào do tỉnh ấy xem xét làm việc), 3 xã thôn Tịch An Đông, cùng Thạch Tân, Thanh Trà sáp nhập vào huyện Hà Đông ; xã Thượng Bình sáp nhập vào huyện Duy Xuyên ; 3 xã, thôn Phúc Ấm, Phú Sơn, Phú Khương, ở huyện Duy Xuyên, sáp nhập vào tổng An Thịnh Hạ, huyện Lễ Dương ; 2 xã An Thuyên, Trúc Ảnh, sáp nhập vào tổng Hưng Thịnh Hạ, huyện Lễ Dương.

Và kèm xin : tổng, xã vào ở tỉnh hạt ấy tình thế giống như thế, mà dân muốn đổi lại lệ thuộc, xin do quan tỉnh khám rõ, chiểu theo liên lạc nghĩ định mà làm, cho đều được thích đáng ; nơi không giống như thế, không được viện lẽ xin, đề phòng tránh chỗ nặng đến chỗ nhẹ. Vua y cho.

Cho Hữu tham tri bộ Hộ là Hồ Lệ ra Bắc Kỳ đợi bổ (khuyết Tổng đốc), theo lời xin của Nguyễn Hữu Độ.

Lại tấn tặng cho Nguyễn Hữu Lang là Dực vận công thần, đổi phong là Phả Lại tử (chức Thái thường Tự khanh như cũ).

Bộ Lại tâu nói : "Phụng xét lệ trước, phàm con cháu quan viên nên được tập phong, tập ấm, đều chính bản thân đã chết, con cháu mới được nối theo, đó là người

sống mới nối theo tước của người chết. Nguyễn Hữu Lang trước đây được đặc cách gia ơn cho nối theo tước đại thần ấy, thần bộ theo nghị còn tập phong Vĩnh Lại tử, xem ra chưa đúng, thiết nghĩ Hoàng thượng ta, theo vận trung hưng, đem lại dư đồ, bề tôi có công, trung ái một nhà, thực có huân lao giúp vận hội, tờ tâu của đình thần trước đã trình bày rõ, kính được truy thụ đến chánh tam phẩm, là do có công giúp vận hội, nên được đặc cách, không ví như người theo lệ thường được nối theo. Vậy Nguyễn Hữu Lang tưởng nên đổi phong, để cùng tập phong có khác, xin đợi lệnh cho tấn phong Dực vận công thần, đổi làm Phả Lại tử, do bộ Hộ chiểu lệ trích cấp tự điền, để tỏ rõ ý chí nêu rõ người hay, báo đáp công trạng". Cho nên chuẩn y lời bàn định.

Tổng đốc là Nguyễn Hiệp, Bố chính là Nguyễn Văn Trung, Án sát là Trần Gia Tĩnh ở Bình Định vì sơ suất định án, đều phải giáng (4 trật), vẫn lĩnh chức cũ.

(Năm ngoái, tỉnh Phú Yên giải giao tên phỉ phạm nhận chức Khâm sứ sang Xiêm của nguỵ là Nguyễn Văn Phẩm ; khi tra hỏi, thì xưng là : Bị nguỵ Hội ở Bình Định ủy cho đem nguỵ thư và các hạng quế, trầm, bạc, lụa tới chỗ nguỵ đóng là Nguyễn Duy Hiệu ; đi đến địa giới Man thuộc tỉnh Phú Yên, gặp Trương Công Sương, là người của Trần Bá Lộc phái đi, bọn ấy xin Công Sương dẫn về thú tội, đến tỉnh Phú Yên, viên Công sứ giam lại, nên không làm đơn đầu thú. Tỉnh ấy xét xử đem Nguyễn Văn Phẩm chiểu luật "tự ý vượt qua biên giới", kết tội thắt cổ, giam đợi lệnh ; nhưng đã xin ra thú, xin giảm xuống phải tội trượng 100, lưu đi 3.000 dặm, và chiểu lệ mới, phải khổ sai 10 năm ; duy tên phạm ấy, tuổi đã 72, cho thu tiền chuộc tội. Viện xét định : Tự ý vượt qua biên giới, không ở vào luật tự thú ; phi nghịch là khoản nặng, không ở lệ cho chuộc ; tên phạm ấy nhận danh sắc của nguỵ, lẻn đến nước khác, ra thú lại không có giấy tờ rõ ràng, xử vào tội chết, thực không phải là oan uổng ; tỉnh ấy nhất khái theo án ra thú, xử cho được giảm, lại xin cho nộp tiền chuộc tội, thực là không đúng. Vậy Nguyễn Văn Phẩm chiểu luật phải thắt cổ, đợi lệnh, cho tỏ khuyên răn một cách rõ ràng, tỉnh ấy xét định tội án, không có tra rõ luật lệ, giấy tờ thu được của nguỵ, trong có nhiều câu xúc phạm càn bậy, lại không cẩn mật niêm phong đánh dấu, chỉ dán qua loa phát đệ đi, việc làm như thế, mọi khoản đều là cẩu thả, việc có quan hệ đến xét định tội danh, phải lấy đường quan làm đầu ; vậy Tổng đốc là Nguyễn Hiệp, Án sát là Trần Gia Tĩnh và Tuần phủ hội xét là Nguyễn Văn Trung, xin điền chiểu lệ cẩu thả định án, phải cách chức".

Vua phê chuẩn cho đều giảm xuống 1 bậc, phải giáng cấp ly chức, để tỏ trừng giới 1 lần ; nhưng gia ơn cho vẫn lĩnh chức cũ, để tỏ lòng thể tất.

Nguyễn Hữu Độ theo Chỉ chuẩn cho lại ra Bắc Kỳ cung chức.

Thưởng cấp cho quan viên Pháp được long bội tinh, cộng 32 người. (Long tinh hạng nhất : 3 người, hạng nhì : 2 người, hạng ba : 9 người, hạng tư : 11 người, hạng năm : 7 người).

Dựng đặt cục gạo.

Khi đầu, Thượng thư bộ Binh là Hoàng Hữu Thường tâu nói : "Ở Kinh, số gạo cần dùng cả năm rất nhiều, mà hiện nay, các tỉnh trong Nam ngoài Bắc, đều cho chiết nộp bằng tiền, nên mấy năm nay lương bổng quan lại đều chiết cấp bằng tiền bạc. Thóc gạo ở Thừa Thiên ít ỏi, ngày càng ngặt nghèo, nên phải dựng đặt cục gạo, định rõ chương trình, cho người buôn, hoặc tự xuất vốn, hoặc lĩnh của công, phát giấy cho vào Nam, ra Bắc mua gạo chở về, bán cho dân gian, còn lại bao nhiêu, do Nhà nước chiểu giá phải chăng để mua, một là để đủ dùng vào việc công, sung công khỏi thiếu, một là để đủ lương thực cho dân".

Vua chuẩn cho giao cho bộ Hộ bàn tính kỹ lưỡng tâu lên. Đến nay, quan bộ ấy tâu dâng chương trình cộng 10 khoản :

- *Khoản thứ 1* : Nước ta, năm nay định mua gạo là 50.000 tạ, mỗi tạ cân Tây nặng 60 cân 7 lạng 3 đồng cân 8 phân. Về kỳ hạn thu nhận đơn của người nhận bán, thì định đến 6 giờ chiều hôm 19, tháng 3 lịch ta là cùng, nhưng chỉ cho người Pháp và người bản quốc, người Minh Hương cùng người nước Thanh hiện ở các hạt trong nước, với người ở những hạt Nam, Bắc Kỳ thôi.

- *Khoản thứ 2* : Định đến 9 giờ sáng ngày hôm 20 tháng 3 lịch ta, hội đồng ở Hộ bộ đường, mở xem các đơn cam kết nhận bán, chiểu xét đơn nào nhận bán giá gạo rẻ thì cho nhận ; nhưng trong đơn đều phải nói rõ, nguyên đã hiểu được các thể lệ mà bộ Hộ đã định ra.

- *Khoản thứ 3* : Nước ta định mua chỉ gạo ở Nam, Bắc Kỳ thôi, trong đó gạo có lẫn thóc, chỉ cho 2% - 3% và sắc gạo cốt thực khô tốt ; nếu có ướt, đen và thóc lẫn vào nhiều quá, hoặc than, đất các vật khác lẫn vào gạo, đều không nhận mua.

- *Khoản thứ 4* : Gạo ấy 50.000 tạ, nên chia làm 5 lần chở tới để giao, mỗi lần 10.000 tạ, lần cuối cùng được đến cuối tháng 7 lịch ta thôi ; người nào đã do bộ Hộ định cho nhận bán, hễ tiếp được điện báo của bộ Hộ đưa đến cho biết, thì sau khi nhận điện báo 15 hôm, đã đem chở số gạo lần thứ nhất, chở tới bên cạnh cầu của cục Chiêu thương, trước ở phía trong cửa biển Thuận An ; hoặc bến sông Đông Gia ở Kinh đô nước ta. Còn giao gạo hoặc cân giao ở trong thuyền ; hoặc bốc lên trên cầu Chiêu Thương ; hoặc bốc đến kho tạm ở Đông Gia để cân giao, tuỳ theo ý muốn của người nhận bán ; nhưng phải là 3 đơn cam kết bảo lãnh ; 1 đơn nói thuyền gạo vào bên cạnh cầu Chiêu Thương, phía trong cửa biển Thuận An, mà cân giao ở trên thuyền, mỗi tạ giá bao nhiêu tiền ; 1 đơn nói : bốc gạo ở cạnh cầu

Chiêu Thương, cân giao ở trên cầu, mỗi tạ giá bao nhiêu tiền ; 1 đơn nói : cân giao ở kho tạm, trên bờ sông Đông Gia, mỗi tạ giá bao nhiêu tiền. Ba đơn ấy cho vào 1 phong bì, ngoài bì đề những chữ : "Xin nhận giá bán gạo ở nước Đại Nam" ; phong bì ấy lại cho vào 1 cái phong bì khác, ngoài đề những chữ : "Gửi đến quan Thượng thư bộ Hộ, nước Đại Nam".

Khoản thứ 5 : Hễ người nhận bán, về việc bằng cấp đã xong, mỗi khi đến kỳ chở gạo giao nộp, thì trước kỳ hạn 5 hôm, đánh điện báo cho bộ Hộ biết ; trước kỳ hạn đã có điện báo, mà phái viên tới nhận chậm trễ không kịp, để có hao tổn, thì người nhận bán mới được khiếu nại ; nếu không theo đúng có điện báo trước kỳ hạn 5 hôm, tới khi bản quốc như có nhận chậm, thì người nhận bán phải chịu, không được khiếu nại hao tổn vì lẽ gì.

Khoản thứ 6 : Thuyền gạo đã chở đến nơi đã định ; như nguyên định giao ở cạnh cầu Chiêu Thương, cân giao ở thuyền thì từ thuyền lên bờ, về chi phí do bản quốc tự chịu ; nguyên định giao ở trên cầu Chiêu Thương, thì từ thuyền bốc lên, về chi phí do người nhận bán chịu ; nếu nguyên định giao ở kho tạm, trên bờ Đông Gia, thì phàm chi phí về bốc gạo, đều do người nhận bán chịu. Lại như khi cân gạo, thì bộ Hộ và người nhận bán, đều phái người đến xem thay, còn cân để cân hoặc dùng cân đúng của nước Pháp, hoặc dùng cân đúng của Hồng Mao, cân rồi lại đem cân đúng của nước Đại Nam so sánh cân lại, khi ngày đã chiều, 2 bên phái người cùng nhau hội tính, xem trong ngày hôm ấy cân giao số gạo được bao nhiêu, người xem thay cả 2 bên biên ra, giao cho người nhận bán giữ. Hễ cân giao số gạo hiện chở 1 lần xong xuôi, thì người xem thay cả 2 bên tính suốt cả bao nhiêu ngày, đã cân giao số gạo được bao nhiêu, trừ bao bì ra, phải trả giá bạc mua là bao nhiêu, viết ra tờ biên, người xem thay cả 2 bên, đều đóng dấu ký tên. Và khi giao gạo phải giao nhận cả bao, hễ 10 bao cứ trích lấy 1 bao cân qua, là tính được cả, 9 bao số gạo còn lại là bao nhiêu, lần lượt cứ 10 bao, trích lấy 1 bao cân giao như trước. Và mỗi lần thuyền gạo chở đến, thì phải trong 4 ngày giao nhận xong xuôi ; nếu quá hạn không xong, để người nhận mua chờ lâu phí tổn, thì người được phái đi của bộ Hộ phải bồi trả ; nếu chậm đến 24 tiếng đồng hồ, thì cứ 100 tạ phải bồi phí tổn là 1 đồng 50, hoặc chậm đến 8 tiếng đồng hồ, cũng bồi tiền phí tổn như 1 ngày.

Khoản thứ 7 : Về bao bì chứa gạo, do chủ bán phải tự mua để chứa, khi nào giao gạo xong xuôi, thì bao không ấy phải giao lại cho chủ bán.

Khoản thứ 8 : Hễ lần đầu giao gạo, tính tổng cộng số gạo giao xong, thì giá gạo là bao nhiêu phải giao trả chủ bán ; nhưng bản quốc chiểu số gạo lần ấy, phải trả giá bạc là bao nhiêu ? Trích lưu lại 1 phần 15 ; kế tiếp sau đó mấy lần, mỗi lần giao gạo bao nhiêu ? Hai bên tính toán xong xuôi, đều phải lần lượt chiểu giá trả tiền. Đến lần cuối cùng, xét ra người nhận bán, đều theo đúng chương trình đã định,

không có sai trái, thì bản quốc sẽ đem số bạc trích lưu 1 phân lần đầu, giao trả đủ số ; nếu người nhận bán đối với các khoản chương trình, có khoản nào sai trái, thì số bạc trích lưu 1 phân ấy, bản quốc thu lấy, không có giao trả chủ bán.

Khoản thứ 9 : Bản quốc trả tiền mua gạo, thì chiểu trả bằng bạc thoi, mỗi thoi 10 lạng, định khấu trừ bạc đồng là 15 đồng, mỗi lần việc giao gạo xong, người nhận bán tới kho ở Kinh, nhận lĩnh bạc thoi ; duy có lần đầu định trích giữ lại một phần tiền, không được lĩnh cả, còn các lần khác đều được chiểu giá lĩnh bạc.

Khoản thứ 10 : Hễ người nhận bán, đến ngày 19 tháng 3 lịch ta, đã kết lĩnh xong việc ; nếu đến ngày 18 tháng 4 lịch ta, là đã đầy 1 tháng, mà người nhận bán không có chở gạo tới giao, đích thực là trái phụ điều ước, thì bản quốc cho người khác nhận làm, hoặc sẽ tự liệu lý với người nhận bán trước, không được can thiệp, còn tờ hợp đồng giao kết trước, không được chấp luận nữa.

Chuẩn cho tên người, mà nửa chữ bên tả gặp bộ "nhân", bộ "thị" đều phải tránh.

Kính làm *Ngọc điệp tôn phả*. Cho Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lễ là Đoàn Văn Hội sung làm Ngọc điệp Tổng tài ; Thượng thư bộ Hộ là Tôn Thất Phiên sung Phó tổng tài. (Ngọc điệp Toản tu, lấy Nội các Thị độc là Nguyễn Hoàn Dực và Nội các Tu soạn là Trần Danh Phương sung vào. Tôn phả Toản tu, lấy Lại khoa Chưởng ấn là Nguyễn Văn Đạo và nguyên Đồng tri phủ Tôn Thất Đề sung vào), theo lệ chiểu niên hạn. (Theo lệ cứ 12 năm làm hạn, từ Tự Đức năm 29, đến năm ấy vừa tới hạn).

Dồn 2 dực Tả, Hữu dinh Vũ lâm, quân Cấm binh làm 4 vệ (Tả nhất, Tả nhị, Hữu nhất, Hữu nhị), mỗi vệ 6 đội ; 2 dinh Tả, Hữu Thuỷ sư, làm 2 vệ Tả, Hữu, mỗi vệ 10 đội ; còn số quân linh tinh ở các dinh, vệ : Tiền phong, Long võ, Hổ oai, Thần cơ và Thượng tứ, đều dồn làm 1 vệ, mỗi vệ 1 đội.

Bấy giờ ngạch binh đã cho bắt có một nửa, mà các tỉnh ngạch thuộc quân ở Kinh, mấy năm nay chưa yên, bắt giải chia đều, nên cứ số hiện tại, tạm dồn lại, để có thống thuộc.

Dồn lính ở tỉnh Quảng Bình làm 2 vệ : Bình nhất, Bình nhị ; lính tỉnh Bình Định làm 2 cơ : Định tả, Định hữu và đội Định tượng ; lính tỉnh Phú Yên làm vệ Phú Yên, cơ Phú Yên và Thuỷ vệ.

Vua nghe bên ngoài, phần nhiều có kẻ vụng trộm các hiệu đem tiền đồng, tiền vàng bạc của nước ta phá huỷ để đúc đồ, cho bộ Hộ và quan phủ Thừa Thiên cần phải dò bắt để trừng trị.

Cho Vệ uý quyền Chưởng 2 dinh Kỳ võ, Tuyển phong là Phạm Như Vỵ, sung làm Phó đồng lý cục Thiên thành. Cho nguyên Lãnh binh ở Khánh Hoà là Trần Duy Lương đến thay.

Tháng 3, bấy giờ nắng lâu, các chính khanh 6 bộ (Đoàn Văn Hội, Hoàng Hữu Thường, Nguyễn Thuật, Tôn Thất Phiên, Lê Hữu Thường và Hà Văn Quan) tâu nói :

"Hiện nay chính đương khí hậu tiết Thanh minh, mà đã khí nóng hàng tuần dữ dội hơn ngày thường, dẫu đất Tạng Lâm tự trách, [Thương Thành Thang], trông sông Vân Hán thấy lo, [Chu Tuyên Vương], lòng kính sợ của nhà vua chưa từng nhãng quên một khắc, nhưng bọn tôi không hình dung được, nghĩa phải chia lo, trộm thấy người xưa, vì nắng mà cảm động, sai quan cầu đảo, hoặc sửa sang hình ngục, cốt để vì dân cầu phúc, cảm triệu khí hoà. Về việc thành kính cầu đảo, đã chuẩn cho các địa phương tuân theo làm việc, còn như bộ Hình và các phủ, huyện đã lần lượt nhà vua giao cho, cùng các án kiện về việc giao thiệp rất nhiều ; nếu hết thảy tra hỏi, sợ không phải kính theo ý chí kính trời thương việc hình, trừ cái án mà vua giao cho, án nào là khẩn nên phải lần lượt tra kết ra, còn thì xin đều tạm đình, nhưng sức cho việc hình ngục phải trong sạch, để thư khí uất ; và các tù phạm người nào phạm tội nhẹ, cho về, đội, tổng lý, thân nhân tạm lĩnh về, đợi khí hậu như thường sẽ xét. Lại các sở công tác chưa tiện đình, nhưng cũng xin do các tổng lý chước định trình hạn, cho sức quân được thư. Vua y theo.

Đặt tỉnh Phương Lâm ở Bắc Kỳ. Nguyên nghị định của viên Toàn quyền Pôn-be, các Man, Thổ đặt làm 1 tỉnh. Đến nay, đặt Công sứ ở xã Phương Lâm, huyện Bất Bạt, trích đem các hạt thuộc tỉnh Sơn Tây, đạo Mỹ Đức tỉnh Ninh Bình, phàm những dân thuộc Man, Thổ, do quan Công sứ quản trị, gọi là tỉnh Phương Lâm, đặt ngũ châu đề đốc 1 viên, án sát 1 viên, thống trị Man, Thổ 3 tỉnh đạo, quản đạo 3 viên (mỗi tỉnh đạo đều 1 viên) ; phó quản đạo 6 viên (mỗi tỉnh đạo đều 2 viên), chia trị Man, Thổ 3 tỉnh đạo, cộng 11 viên, nha Kinh lược đem việc ấy làm tập tâu lên. Vua chuẩn y.

Cho Bố chính tỉnh Khánh Hoà là Vũ Doãn Tuân, thăng thụ Tuần phủ, quyền Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà.

Từ tháng chạp năm ngoái đến tháng ấy, trong Kinh ngoài các tỉnh, đều không mưa ; đã sắc cho các quan phủ, tỉnh đều làm lễ cầu đảo, không ứng nghiệm. Đến nay, vua ở trong cung, thắp hương bái vọng giao đàn mật đảo ; đêm hôm sau mưa, trong Nam, ngoài Bắc cũng lần lượt được mưa. Xuống sắc truyền bảo cho trong ngoài biết hết. Rồi lại nắng.

Thưởng cho quan Pháp được long bội tinh, cộng 333 người (hạng nhất 2 người, hạng nhì 7 người, hạng ba 9 người, hạng tư 66 người, hạng năm 259 người).

Cho các nhân viên bị oan uổng về năm trước ở tỉnh Quảng Nam, được truy phục tặng tuất có thứ bậc.

Trước đây, Tuyên uý xử trí đại thần là Nguyễn Thuật tâu nói : "Về năm trước, ở tỉnh Quảng Nam, nguỵ Hội gây việc quấy rối, bức hiếp các thân hào là : Hoàng Chấn (nguyên Tu soạn, lĩnh Đốc học), Phạm Phú Khang (Biên tu, sung sai đạo Bang tá), Phan Thiện (Điển bạ, sung phủ Bang tá), Nguyễn Bình (lệ mục, phủ Thăng Bình) ; là vì dự có chức sự của triều đình, mắc vào thảm hoạ (đều bị giặc đốt, giết). Trần Văn Dữ (nguyên Hồng lô Tự khanh), lần ấy nhân loạn chiếm giữ Sơn phòng ; Ngô Tất Ninh (nguyên Chưởng vệ quyền Thống chế) ; Nguyễn Văn Hậu (nguyên Quản cơ, sung Phó lãnh binh) nhân loạn ở mãi ở quê nhà ; Tất Ninh lại hiểu dụ đánh dẹp không được việc, đã chuẩn cho cách chức, đều là tội về việc công không tha được ; nhưng hoặc biết hối lỗi thành thực theo về (Văn Dữ đã ra thú, Pháp quan bắt giam, xử án phải chém ngay), hoặc trước sau không liên can (Tất Ninh, Văn Hậu ở nhà, bị giặc giết), cũng đáng nên lục, xin lượng gia ơn cho, để tỏ khuyến khích". Cho nên lục để khen.

(Tất Ninh, Văn Dữ, cho truy phục nguyên hàm, đình việc cho tặng tuất lần nữa ; Văn Hậu tặng Vệ uý Cấm binh ; Chấn tặng Thị giảng, chiểu lệ chết về việc nước, cho con, hoặc cháu ấm thụ chức, hàm có thứ bậc ; Phú Khang tặng Hàn lâm viện Trước tác, Thiện tặng Kiểm thảo ; Bình tặng Chánh bát phẩm, đều chiểu tặng hàm cấp tiền tuất, cho con hoặc em, cháu được nhiêu nam 1 người).

Miễn các hạng thuế thiếu cả năm về trước cho dân bên giáo ở Hà Tĩnh (25 xã, thôn) ; vì năm trước dân giáo bị hại rất nặng, các hạng thuế về những năm Đồng Khánh năm đầu và năm thứ 2 còn thiếu cả, do tỉnh có đơn kêu lên bộ nghị định.

Chuẩn cho miễn 1 năm, còn thì chiểu lệ trưng thu.

Cho Phó vệ uý, Hữu dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Trinh, thăng thụ Vệ uý, lĩnh Chưởng vệ, quyền Chưởng 2 dinh Kỳ võ, Tuyển phong (nguyên Chưởng là Trần Duy Lương đổi sung chức Đô chỉ huy sứ).

Dồn thêm quân Túc vệ. (Gần đây mới có 300, dồn thêm 200 nữa, cộng 500 người).

Lại sửa sang dựng nhà nghỉ mát ở bến Ngự sông Hương.

Xây lại bị đình lăng Thiên Thụ. Nguyên kiểu nhà vuông lâu ngày tổn nát, nên đổi dùng gạch vôi, xây đắp kiểu cuốn khum để được lâu dài.

Lại làm guồng nước ở sông Ngự.

(Trước đã làm để dẫn nước vào sông cho được sâu trong và giải nóng nực, đặt ở bờ sông đằng trước mặt nha Đốc công Vũ khố, hằng năm chuẩn bị các vật kiện đặt làm việc dẫn nước ở chỗ ấy, đi tắt qua thành gạch xây ở Vũ khố, giáp đường ngự tĩnh tâm, bắc tre làm máng cho chảy lên trên thành, thẳng tới trong Hoàng thành vào sông Ngự bên trong, sau khi loạn, bỏ đã lâu, đến nay lại làm.

Dựng hành cung Vạn Tuế. Ở khe trước, ngoài cấm hạn cục Thiên thành, bến đò ấp Cử Sĩ, để khi thăm yết lăng nghỉ chân.

Châm chước ấn định số lấy đỗ trường Thừa Thiên, Bình Định hợp thi khoa ấy. Lệ cũ : Trường Thừa Thiên lấy cử nhân 32 người, tú tài 96 người ; trường Bình Định : cử nhân 18 người, tú tài 54 người. Khoa ấy số sĩ tử ở trường Thừa Thiên vẫn như cũ, ngạch lấy đỗ không giảm ; về Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Quảng Ngãi chỉ có 420 tên (Bình Thuận không có người đi thi), so với khoa trước, số sĩ tử không được nửa, nên chước giảm cử nhân 10 người, tú tài 30 người ; thế là lấy cử nhân 8 người, tú tài 24 người.

Mới phong tặng cho sinh mẫu của công tử ấn quan.

Bấy giờ, Quang lộc Tự khanh, lĩnh Thị lang bộ Lại là Lương Thành ; Hồng lô Tự khanh, Biện lý Lại bộ là Hồng Uẩn, đều là ấn quan, nhưng công tử theo lệ không được phong tặng.

Đình thần tâu nói : "Về việc phong tặng công tử từ trước chưa được ra làm quan, nên không bàn đến. Gần đây các công tử ra làm quan, làm đến ấn quan rất nhiều, nếu nhất khái theo trước không có định lệ, không cho phong tặng, so với nghĩa "mẹ được quý vì con" sợ có chưa hợp, mà so với các quan viên, chưa khỏi ban ơn thiên lệch ; nghĩ nên châm chước bổ thêm vào nghị định, cho hết tình lẽ. Xin cho từ nay phàm công tử làm quan đến ấn quan, thì trừ cha đã chết của người ấy ngôi đến vương công, vinh hiển đã bậc nhất, không phải phong tặng ra, còn như người mẹ đẻ ra, nguyên là phủ thiếp, nên theo lệ quan viên mà làm, để được đều thấm mưa móc cả mà tỏ rõ hậu đạo". Vua y cho.

Công tử được phong tặng, bắt đầu từ Thành, Uẩn.

Vua nghĩ các công thần khi xưa, xét trong sử truyện, cũng có ban cấp nhà riêng ; Nguyễn Hữu Độ đã phong tước công, thì nhà riêng cũng nên ban cấp ; duy hiện nay gỗ chưa được dư dụ, thợ thuyền cũng thiếu, nếu Nhà nước xây dựng cho, hơi có chưa tiện. Bèn chuẩn cấp cho 1.000 lạng bạc, giao cho nhà viên ấy thuê làm.

(Quách Tử Nghi đời Đường có công lao lớn, giữ yên nhà vua, đức tôn, cho ruộng tốt, đồ dùng đẹp, vườn đẹp, nhà chứa sách, chép không xiết được ; Nguỵ Liễu Ông đời Tống tặng Thái sư, cho nhà cửa. Đời Minh, Vu Khiêm tài lược nhanh nhẹn, lo nước quên mình, cho nhà ở cửa Tây Ba ; Thang Hoà phong Tín quốc công, Thái tổ cho tiền làm nhà. Bản triều, khoảng năm Minh Mệnh, nguyên trung hưng công thần là Trịnh Hoài Đức không có nhà riêng, vì tuổi già xin trí sự, vua không cho, cho 2.000 quan tiền cùng gỗ, gạch, ngói, để làm nhà ở ngay Kinh).

Dồn quân tỉnh Khánh Hoà làm vệ Khánh Hoà (5 đội), cơ Khánh Hoà (4 đội) và Thuỷ sư (3 đội).

Bộ Lễ tâu nói : "Nay kính làm Ngọc điệp, từ chánh, phó tổng tài cho đến những người đẳng lục, theo lệ có cho ăn yến 1 lần (tổng tài 1 viên, được 1 mâm, giá là 10 quan tiền ; toản tu 2 người, đẳng lục 2 người, được 1 mâm, giá là 7 quan tiền) ; và từ hôm bắt đầu làm trở về sau, theo lệ mỗi ngày làm cơm 1 lần, mỗi lần 2 mâm (1 mâm trị giá 8 tiền, 1 mâm trị giá 6 tiền) ; nhưng hiện nay so với trước hơi khác, về 2 khoản ấy, xin do bộ Hộ chước định".

Bộ Hộ châm chước bàn định : "Mỗi ngày làm cơm 2 mâm, cộng 1 quan 2 tiền (mỗi mâm 6 tiền), thế là mỗi tháng hết 36 quan tiền ; còn như 1 lần đãi yến, xin đình giảm đi".

Chuẩn cho y lời.

Các trại Man ở Bình Thuận, xin đặt quản mục để trông coi người Man được tuỳ tiện tới các hàng chợ ở hạ du buôn bán, chịu nộp thuế cho Nhà nước. Còn như chức Tấn thủ làm việc xin thôi không đặt nữa.

Chuẩn cho theo lệ trại Man ở các nguyên Thừa Thiên, bọn quản mục ấy do tỉnh cấp bằng cho và cho quan lịch để biết ngày chính sóc [đầu năm].

Triệt bỏ điện Khâm Văn.

Bấy giờ điện Truy Tư về tài liệu thiếu thốn một số nhiều ; nên cho triệt bỏ điện ấy, để làm phụ vào.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN X*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tý, năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], mùa hạ, tháng 4, nước Pháp mới đặt cục "Đại Nam nhật báo".

Phái quan thầy thuốc tới Sử quán học phương pháp trồng đậu, là theo lời tư bàn của viên Khâm sứ Hách-tô.

Quan Pháp đổi lập sở Thương chính tỉnh Quảng Nam ở cửa biển Đại Chiêm. (Nguyên đặt sở Thương chính ở Hội An thì triệt bỏ đi).

Thự Thượng thư bộ Hình là Hà Văn Quan chết (người Quảng Bình). Cho truy thụ thực hàm.

Cho 3 huyện : Ngọc Quan, Hùng Quan và Sơn Dương ở tỉnh Sơn Tây đổi lệ thuộc về tỉnh Tuyên Quang.

Cho Cầm Bá Thước, sung làm Bang tá ở nha Sơn phòng tỉnh Thanh Hoá, trông coi 2 châu Lương Chính và Thường Chính. Hai hạt ấy có các giặc nhà Thanh quấy nhiễu chưa yên ; Bá Thước nguyên là Thổ tù mới ra thú, nhưng vốn được dân châu ấy tin yêu, nên gia ơn cho sung chức ấy, để đoàn kết các thổ dõng đóng đồn ở đó chặn giữ cho hạt ấy được yên.

Cho những người theo giặc ra thú, người nào từ trước bị bắt hiếp phải theo, không có tiếng ác ; sau khi ra thú yên phận làm ăn như thường, thì địa phương ấy không được nghe dân mang lòng thù thêu dệt ; còn thì sau khi ra thú, nếu có cùng

với giặc ngầm thông và trước khi ra thú, có nhiều thực trạng, giết người lấy của, cũng đều chiểu tội tình xử phạt, để tỏ trừng phạt khuyên răn.

Cho thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lễ là Đoàn Văn Hội, đổi lĩnh Thượng thư bộ Hình ; Tham tri sung làm việc Nội các là Bùi Ân Niên, thăng thự Thượng thư bộ Lễ.

Bấy giờ, sơn phận từ tỉnh Hà Tĩnh đến tỉnh Quảng Bình (từ phủ thành Hà Thanh đến trạm Quảng Phú), có nhiều giặc trốn tránh ra vào, về của công của quan tư đi lại, thường bị cướp bóc. Cho từ Hà Tĩnh đến ở phủ thành Hà Thanh và từ trạm Tĩnh Thần tỉnh Quảng Bình đến trạm Quảng Phú, đều phái binh đóng đồn, để phòng hộ tống.

Quan tỉnh Thanh Hoá trong tập tâu có đem việc công tử Diên Điệp quyền nhiếp phủ Hà Trung (hàm Cung phụng, sau nối dòng An Khánh công, đổi làm Khâm Thịnh), xin thăng lĩnh Tri phủ.

Bộ Lại nói : "Về lệ công tử bổ làm quan, năm Tự Đức thứ 34 [1881], đã được chuẩn định, chỉ bổ làm quan ở Kinh, nguyên không bổ phủ, huyện ở ngoài các tỉnh. Khoản năm Đồng Khánh, Ất Dậu [1886], lựa bổ thiếu người, nên cho Diên Điệp bổ lĩnh Tri huyện Nông Cống, cũng là quyền nghi tạm thời, thế mà gần đây ấn quan ở các nha, gián hoặc có xét tư các công tử có thể làm được quan huyện, thì ghi chép lại, sợ không hợp với định, trừ Diên Điệp đã được bổ ra, còn các người khác, theo lệ sung bổ chỗ khuyết ở các bộ nha".

Vua bảo : "Lệ đã rõ ràng, há nên trái vượt, Diên Điệp cũng cho triệt về, đợi lệnh".

Cho khách buôn lập công ty. Phàm các hoá vật và gạo, đều cho đi lại mua bán, làm nhãn hiệu, treo hiệu cờ, không được thay đổi. (Cửa biển Đà Nẵng lập 1 sở công ty lớn, các tỉnh đều lập công ty nhỏ).

Đóng thuyền vua ngự "Bình Đĩnh". (Dài 5 trượng 5 tấc, rộng 6 thước, 5 tấc, sâu 2 thước 2 tấc).

Đất ở Nghệ An mọc lông (dài hơn 2 tấc, sắc đen).

Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh bị tai hoạ dịch lệ.

Cho núi ở lăng tẩm Kiên Thái vương tên đẹp là Thiên Hoàng long sơn, phong cho thần núi ấy là hàng thượng đẳng, dựng đền riêng.

Khơi đào sông Vĩnh Định ở Quảng Trị (thuộc 2 huyện : Triệu Phong, Hải Lăng). Khoảng năm Tự Đức, vì sông ấy thường bị cát lấp, đổi đào sông mới, chẳng bao lâu sông mới cũng bồi lấp, thuyền bè qua lại, đều theo nước lên to vận chở qua sông cũ. Đến nay sông mới gần thành gò đống, khơi đào rất nặng, bèn cho ở sông cũ, khơi đào rộng ra, phát đinh tráng 3.000 người, phải làm 1 tháng cho xong.

Truy tặng cho bốn đời nhà Kiên Thái phi Bùi thị ; chiểu lệ phong tặng họ ngoại, đều kém 1 bậc, đời thứ 1 tặng Chánh nhị phẩm, phong Thành Hoá hầu, đời thứ 2 tặng Chánh tam phẩm, phong Minh Lý bá ; đời thứ 3 tặng Chánh tứ phẩm, phong Phúc Mỹ tử ; đời thứ 4 tặng Chánh ngũ phẩm, phong An Bình nam, làm đền Lưu Huy (ở phường Cát Sơn, tỉnh Quảng Trị) và sửa sang phần mộ họ Bùi (từ thuỷ tổ trở xuống).

Cho tỉnh Thanh Hoá hợp thi ở trường Nghệ An, tỉnh Ninh Bình hợp thi ở trường Hà Nam (nguyên trường Thanh Hoá hợp thi cả Thanh Hoá, Ninh Bình, khoa ấy trường Thanh Hoá đình lại, nên cho theo đường sá gần tiện để hợp thi).

Đổi đạo Mỹ Đức làm phủ Mỹ Đức.

Quan Kinh lược ở Bắc Kỳ tâu nói : "Năm trước trích 2 huyện Hoài An, Chương Đức ở tỉnh Hà Nội và huyện Mỹ Lương, tỉnh Sơn Tây, đổi làm đạo Mỹ Đức, để làm phía sau cho tỉnh Sơn Tây, Hà Nội. Nay đã đặt tỉnh mới Phương Lâm, để phòng thủ phía rừng các tỉnh : Sơn Tây, Hưng Hoá, Ninh Bình và phủ Mỹ Đức, các thổ dân đều trích theo quan tỉnh mới quản trị ; 3 huyện ở đạo ấy, chỉ còn ít dân Kinh, nên chiểu theo địa thế, cho đổi lệ thuộc, để đỡ phiền phí. Về đạo Mỹ Đức, xin đổi làm phủ, trích 4 tổng : Tuy Lai, Quảng Xá, Bột Xuyên, Vân Nội, thuộc huyện Chương Đức ; và 4 tổng : Thái Bình, Phù Lưu Thượng, Phù Lưu Tế, Trinh Tiết thuộc huyện Hoài An, cộng 8 tổng, đổi làm huyện Yên Đức, lệ thuộc vào phủ mới kiêm lý ; còn 3 tổng : Bài Thượng, Văn La, Quảng Bí thuộc huyện Chương Đức ; cùng 6 tổng : Lương Xá, Chúc Sơn, Cao Bộ, Dã Cát, Phương Hạnh và An Kiện, thuộc huyện Mỹ Lương, sáp nhập vào huyện Chương Đức, đổi làm huyện Chương Mỹ, thế là cả phủ hạt mới, đều thuộc tỉnh Hà Nội". Vua chuẩn y cho.

Đặt nha Điền nông ở tỉnh Quảng Ngãi.

Bấy giờ, quan tỉnh dâng tập tâu đem việc nguyên quyền sung Bố chính tỉnh ấy là Vũ Duy Tĩnh tư trình : "Hạt ấy ruộng đất hoang vu, cùng đầm bùn lầy, cát mới bồi, có thể khai khẩn được rất nhiều, trừ miền thượng du đã được sơn phòng khai khẩn ra, còn chưa khai khẩn cùng các miền trung, hạ du, phải nên lần lượt khai khẩn hết, để chấn hưng địa lợi". Xin cho viên ấy trông nom việc ấy. Bèn chuẩn cấp cho ấn quan phòng và kiềm để làm việc, chọn người địa phương ấy, đặt bang tá 1 người, phái thêm tỉnh thuộc bát, cửu phẩm đều 1 người, quản đội 1 người, suất đội 2 người, lính 100 người, đến đóng làm việc ; về lương bổng, trâu cày, đồ làm ruộng, cho quan vay chiểu cấp, sau 3 năm chiểu sổ để thưởng phạt.

Cho Hồng lô Tự khanh, lĩnh Bố chính tỉnh Bắc Ninh là Nguyễn Chính Nhã, thăng thụ Quang lộc Tự khanh, quyền hộ Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên (nguyên lĩnh là Nguyễn Xuân Duẩn cáo nghỉ giả hạn).

Ngự giá đến các tôn lăng làm lễ thăm yết.

Lệ trước, sau khi lên ngôi, liền đi thăm yết, mấy năm nay vì sau khi loạn lạc chưa tiện, đến nay mới cử hành.

Khen thưởng các nhân viên ở Quảng Nam không có liên quan theo địch.

Khi trước, Tuyên uý xử trí đại thần ở Tả trực là Nguyễn Thuật làm danh sách đem các nhân viên ở Quảng Nam dâng lên và nói : "Lần này tỉnh ấy có việc, bọn nguỵ cổ động mê hoặc nhiều người ngu tối đi theo ; trong đó cũng có người giữ chính đáng, không a dua, yên phận không nhục, biết đường lui tới, để chọn nghĩa lớn, đều là đáng khen, xin cho ban thưởng".

Bèn cho thưởng thăng 2 trật 1 người : Cử nhân Nguyễn Hữu Quang, đỗ đã lâu, vui về yên lặng rút lui, nhiều lần nguỵ Hội bức hiếp, cố từ không chịu liên can, gọt đầu giả cách ốm, đem gia quyến dời đi nơi khác ; thưởng thăng 1 trật 8 người : Lĩnh Đốc học Quảng Nam là Nguyễn Đình Tựu, Biên tu viện Hàn lâm là Trần Đĩnh, Quản cơ là Nguyễn Tiến Tăng, nguyên lĩnh Tri huyện Phú Vinh là Trương Đĩnh, nguyên Hiệp quản là Đoàn Văn Huệ, Chánh bát phẩm chính ngạch là Lương Văn Cảnh, Bang tá Hoà Vinh là Lê Liễn, Tú tài Lương Trạch, đều lần lượt theo quan quân uỷ phái, có đủ thực sự. Còn thì thưởng gia 1 cấp 5 người và cấp 1 đạo lục chỉ khen ngợi 172 người (không có theo quan quân uỷ phái, duy trước sau không liên can, cũng đáng khen).

Bộ Lại tâu nói : "Trước đây, các tỉnh có loạn, hiện tình giống thế có nhiều, rồi những người lần lượt theo giặc, đã bị cách giáng, nhưng những người không liên can, chưa có nghĩ tới, về nghĩa nêu ra để phân biệt, sợ chưa được đều ; vậy từ các tỉnh Thanh Hoá trở vào Nam, có hạng người ấy, đúng có sự thực, xin do quan các tỉnh, chiếu theo tình trạng phân biệt làm tập tâu đệ lên, đợi gia ơn cho, để được thấm nhuần tất cả". Vua y cho.

Lại dồn các hạng lính tuyển ở Kinh.

Ngày tháng 2, đã cứ hiện số tạm dồn, đến nay lục tục giản tán ; lại dồn 3 vệ dinh Hùng nhuệ, mỗi vệ 7 đội ; 2 vệ : Tả nhị, Hữu nhị dinh Thuỷ sư, mỗi vệ 6 đội (trước đã dồn làm Tả nhất, Hữu nhất). Hai vệ : Tả tam, Hữu tam, mỗi vệ 5 đội ; dinh Tiền phong (hợp cùng với lính dồn trước) làm Trung, Tiền, Hậu 3 vệ, mỗi vệ 6 đội ; dinh Long võ (hợp với số dồn trước) làm Trung, Tiền 2 vệ, mỗi vệ 6 đội ; dinh Thần cơ, viện Thượng tứ, dồn thêm 5 đội ; dinh Hổ oai (hợp với dồn trước) làm Trung, Tả 2 vệ, mỗi vệ 7 đội.

Bọn lục khanh lấy cớ hạn hán, lại dâng sớ nói : "Từ tháng 12 năm ngoái tới nay, trong Kinh và ngoài các tỉnh, trời nắng chang chang không mưa, khí tiết rất trái hoà, Hoàng thượng ta một lòng kính sợ, 5 tối thắp hương, lại sai bộ thần và

quan địa phương, đều đến các đền thiêng, kiền thành cầu đảo, mới được mưa nhỏ, rồi lại hạn hán khô khan. Bọn thần đêm ngày lo nghĩ : Cái lỗi nắng mãi không biết bởi đâu, trộm xét năm trước có loạn, binh dân mắc phải súng đạn rất nhiều, cùng các tỉnh nhân có loạn giết hại lẫn nhau, người vô tội bị oan uổng, phách lạc không chỗ nương tựa, hồn tàn không yên, thường thường oan mãi, không làm tai hoạ sao được. Đồng Khánh năm đầu, đã chuẩn cho tế 1 tuần ở Kinh thành, ngoài ra các tỉnh gián hoặc có quyên tiền sửa lễ ; còn như ơn của nước, ban của kho ra, chưa được thấm nhuần, xin xuống Dụ cho phủ Thừa Thiên và các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào Nam, tỉnh lớn cho chi tiền công 300 quan, tỉnh vừa, tỉnh nhỏ 200 quan, mua sắm lễ phẩm và áo mã, đều chọn nơi sạch sẽ lập đàn tế 1 lần, để cứu vớt những oan hồn chìm đắm.

Lại xin dạy bảo các quan trong Kinh và ngoài các tỉnh, một lòng lo sợ thương dân, cẩn thận chức vụ, quân dân làm thế nào cho được đội ơn, hình ngục làm thế nào cho khỏi oan trệ, hết thảy đều thực bụng làm việc, hầu hết phận sự của người, để đón khí hoà của trời, cho lòng lo nghĩ đêm ngày của Hoàng thượng được thư, không những nguyện vọng của bọn thần, mà thực là may lớn cho thiên hạ thần dân lắm". Chuẩn cho theo đó mà làm.

Dựng đền Hân Vinh, để cho cung nhân Trương thị đời Thiệu Trị (mẹ đẻ Kiên Thái vương) đến ở ; ngày khác là đền riêng của cung nhân.

(Tháng 12 năm ấy, đền mới dựng xong, nhưng vua đã chết, tình thế có khác, chuẩn cho rước quan tài nhà vua để ở đền ấy, sau khi Ninh lăng [yên táng], lấy đền ấy làm đền thờ Kiên Thái vương.

Tháng 5, chuẩn cho nộp thóc tô, đổi nộp bằng tiền.

Xuống Dụ rằng : Lượng tính đất đặt ra thuế, là phép thường của Nhà nước ; tuỳ thời thi hành, là cốt yếu về làm việc ; nước ta trưng thu thuế thóc, một hạt Thừa Thiên, là ở Kinh sư ban ơn trước nhất ; từ trước được chiết nộp bằng tiền, các hạt đều thu bằng thóc ; duy địa thế có xa gần, vận tải có khó dễ, dân tình thường lấy chiết nộp là tiện. Hiện nay ruộng nương lại gặp hạn hán, cung nộp phiền phức khó khăn, rất là đáng thương. Về việc thu thuế phải nên tuỳ tiện đổi định lại, để tiện cho dân ; về toàn hạt phủ Thừa, hằng năm thuế thóc, cho theo như cũ, chiểu theo giá 2 kỳ thu mùa hạ, mùa đông, chước định chiết nộp, để giữ phép cũ ; còn các hạt từ Thanh Hoá trở vào Nam đến Bình Thuận, thóc tô năm nay mỗi hạt bao nhiêu, cùng với các phủ huyện trước được chiết nộp bằng tiền ; đều chuẩn cho mỗi hộc thóc chiết nộp tiền 8 quan, hết thảy chiểu theo giá ấy, cho dân chiết nộp, gián hoặc có muốn đem bạc thoi, bạc lạng, bạc đồng, nộp thay thế, cho theo giá bạc ở hạt ấy mà khấu thu ; còn hết thảy chi phát lương bổng bằng gạo và các việc công ; ở Kinh cho

theo Chỉ chuẩn gần đây (theo giá hằng tháng mà chiết cấp) mà làm ; ngoài ra các tỉnh, phòng, tấn, nha, sở, cho đem việc chiết nộp bằng tiền bạc này chiểu theo giá thu trước, mỗi phương gạo, chiết nộp tiền 8 quan, không được viện đem tình cớ gì, thêm bớt thay đổi, để có chuẩn định.

Từ sang năm trở về sau, cũng chiểu lệ ấy mà thu, nhưng giá thóc mỗi hộc bao nhiêu tiền, mỗi năm chuẩn định một lần, cốt được vừa phải ; nhưng năm có được mùa, mất mùa không giống nhau, dân gian chứa để không được mấy, nếu không dự bị, gặp phải mất mùa thiên tai, lấy gì giúp lúc cần cấp. Từ nay, phàm hạt nào như có được mùa, gạo rẻ, cho các quan phủ, quan tỉnh sở tại, xét tư cho quan ở bộ, tâu xin chiểu giá lượng mua thu chứa, để phòng bị khi cần dùng ; việc ấy quan hệ đến kế hoạch của nước, đời sống của dân địa phương các ngươi phải nên tuân theo việc hay, để xứng ý ta".

Kính làm thọ tàng của Trang Ý Hoàng thái hậu.

(Theo lệ, dùng gỗ ngọc am [một nghĩa là gỗ táu], nhưng gỗ ấy sinh sản ở 2 tỉnh Khánh Hoà, Bình Thuận, đưa mua chưa tiện, cho đổi dùng gỗ vàng tâm, trong lòng dài 5 thước ; rộng 1 thước 3 tấc 5 phân ; sâu 1 thước 4 tấc 4 phân ; 2 tấm trên nắp, dưới đáy, mỗi tấm dày 3 tấc 6 phân ; 4 tấm hai đầu và tả, hữu đều dày 2 tấc 3 phân).

Cấp tiền tuất cho các chợ phố trong Kinh thành bị hoả tai. (1 ở chợ Doanh, thuộc địa phận 3 ấp : Thượng Trì, Trung Trì, Đông Trì cháy lan mất 150 hộ ; 1 chợ ở An Cựu, ấp Tây Nhị, cháy lan mất 120 hộ).

Nêu thưởng những tiết phụ, hiếu nữ tỉnh Hải Dương.

(Nguyễn Thị Giản, Bùi Thị Đà là tiết phụ hạng thường ; Phạm Thị Xoa, goá chồng sớm, nhà ấy không có người thừa hậu, về nhà mình, thờ tiên tổ, nuôi cháu nhỏ, tu sửa nhà thờ và mộ, công việc nhà chồng, giao cho người thứ thiếp làm thay, thời thường trông nom. Bộ bàn, chuẩn cho việc ấy cũng là việc thường của nhà người ta ; nhưng thị ấy là một người con gái, đã đi lấy chồng, mà biết mưu tính cho nhà mình, để hương hoả các tiên tổ có chỗ hệ thuộc, cũng đáng khen, kém lệ hiếu nữ, châm chước thưởng cho 1 tấm ngân bài "hiếu nữ").

Tổng đốc Sơn Tây là Vũ Văn Báo và Án sát là Lê Văn Nghiêm (trước là Nghiễm), vì canh phòng sơ suất, đều phải giải chức, đợi nha Kinh lược xét (bọn cướp sấn vào phá trường đánh bạc).

Đổi phủ Hải Ninh làm đạo Hải Ninh ; châu Vạn Ninh làm châu Hà Cối, cùng với châu Tiên Yên, đều thuộc đạo ấy thống hạt.

Quốc sử quán vâng lệnh xem xét và viết 3 tập thơ, 3 tập văn của vua Tự Đức làm ra, đem dâng trình.

Vua thân làm bài bạt, đều chép thêm vào cuối tập.

Nêu thưởng các thọ dân 100 tuổi ở Quảng Ngãi (Trịnh Văn Hoá, Nguyễn Văn Lẫm, Lê Văn Ninh).

Mới đánh thuế chợ, thuế đò ; trừ các nơi tầm thường nhỏ nhặt, không phải là nơi tụ hội đông đúc, đợi sau dân tình yên nghiệp, buôn bán thêm lên sẽ định ra, còn hàng chợ có tiếng tụ họp đông đúc, có bến đò, đường cái đi lại, đều phải đánh thuế.

Năm ấy, bắt đầu đấu giá ở các sở trong hạt phủ Thừa Thiên, không cứ dân sở tại, hoặc người buôn ở hạt khác, người muốn trưng cả năm, xin nộp số tiền bạc là bao nhiêu, cùng điều khoản thu thuế như thế nào, mỗi hạng bao nhiêu, ở trong đơn nói rõ và nộp trước tiền thuế một nửa mới được, đợi phủ Thừa Thiên, việc đấu trưng xong, các hạt sẽ cho định sau.

Triệt Đề đốc ở quân thứ Quảng Bình là Nguyễn Hữu Hiệp và Tán lý Đoàn Như Bích về Kinh (Như Bích có tang mẹ, cho về quê chịu tang). Cho Lãnh binh ở Quảng Bình là Trần Hữu Viết và nguyên Hồng lô Tự khanh, sung làm Doanh điền sứ ở Quảng Bình (về quê phụng dưỡng tới khi bố mẹ chết) là Nguyễn Văn Bản sung làm Phó đề đốc và Tán lý.

Tết Công chính của nước Pháp, thưởng cho quan Pháp được long bội tinh, cộng 463 người. (Hạng nhất 6 người, hạng nhì 6 người, hạng ba 26 người, hạng tư 103 người, hạng năm 327 người).

Bãi thuế thân cho hộ bạch bố ở Khánh Hoà. (Giáo dân các xã, thôn thuộc phủ Diên Khánh, năm trước có loạn, dân giáo phần nhiều bị đốt giết, người trong hộ vừa chết vừa tản cư, chưa hồi phục được ; theo lệ phải nộp thuế thân 20 quan, đều không đủ sức, nên cho đình bãi, hạn sau 2 năm được hoàn phục, chiểu lệ binh dao thu thuế, cùng với dân lương cùng chịu).

Cho nguyên Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà phải giáng trật là Nguyễn Văn Phong, đổi bổ Hữu Phó đô ngự sử, viện Đô sát. Văn Phong trước can tội để quan Pháp chỉ trích.

Vua bảo : "Không phải khoản nặng lắm, vả lại người trong Nam không nên bỏ", nên có mệnh ấy.

Đặt thêm chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm ở nha Kinh lược Bắc Kỳ mỗi chức 1 người. (Thế là : viên ngoại 1 người, chủ sự, tư vụ đều 2 người, bát phẩm 3 người, cửu phẩm 4 người, thư lại 10 người).

Cho giáp Hữu Tiệp ở Quảng Bình, biệt lập thành ấp. Giáp ấy nguyên là người Nghệ An, Hà Tĩnh đi theo tiền triều đến ở đất ấy, từ trước cùng với các giáp : Hữu Hùng, Tiền Tiệp, Hữu Thắng, Hậu Thắng, đều đặt tiểu hiệu, cùng thuộc ấp

Hữu Hùng. Khoảng năm Minh Mệnh, các giáp đều làm sổ riêng ; đến nay giáp ấy vì địa thế cùng với Hữu Hùng xa cách, cũng xin dựng riêng).

Quan ở Nội các là bọn Nguyễn Hữu Đảng tâu nói : "Triều đình gây dựng nhân tài, hầu để dùng khi hoãn cấp, tôi còn báo đền nợ nước, lo vui nghĩa cũng cùng chung ; nếu gặp thời tiết gian lao, mượn cớ hưởng nhàn, dụng ý trông ngóng, đến khi việc yên, ra mà tranh giành mưu lợi, những người như thế, bụng nghĩ nặng về thân gia, nhẹ về quân quốc, Nhà nước hầu dùng làm gì ? Bọn thần đã xét bản hồ sơ ở 2 bộ Lại, Binh, văn từ bát, cửu phẩm, võ từ võ cử (đã từng theo sai phái), suất đội trở lên, từ trước cáo bệnh, cùng có trọng tang, hạn hết đã lâu, làm đơn xin ghi bổ, loại ấy thực nhiều ; và hiện nay, quan viên ở Kinh và các tỉnh ngoài, không đến nỗi thiếu người, nếu đường xin tiến không nghiêm, thì những người đi tránh trông ngóng, mong được cầu may tiến lên, lạm dự quan tước, làm khổ binh dân, không phải là kính theo lòng tốt về dùng người mưu toan thịnh trị của Hoàng thượng ta. Nay xin cho 2 bộ ấy xét rõ quan viên văn, võ, người nào có trọng tang hết hạn và ốm cáo nghỉ vào trước tháng 11 năm Ất Dậu, mà chậm đến tháng 11 năm ngoái trở về sau mới làm đơn xin đợi bổ, thì xin cùng với nhân viên đến chậm xét rõ, ban văn người nào học hạnh vốn rõ rệt, chính sự vốn am hiểu ; ban võ người nào từ trước sai phái, quả có công lao, có nên lại dùng, đều xét rõ thực trạng xét bổ, nhưng đều phải kém trật, trừ người tới chậm, đã cho giáng 2 cấp ly chức ra, còn hạng người ấy xin cho kém đi 1 trật. Ngoài ra, người nào sự trạng tầm thường cùng tuổi đã cao (55 tuổi trở lên), xin cho đều được nguyên hàm về hưu, không nên ghi bổ, để đường ra làm quan được trong sạch, mà tỏ ra có phân biệt".

Vua bảo : "Như thế rồi sau kỷ cương mới nghiêm, mà khuôn phép làm kẻ bề tôi mới chính". Chuẩn cho theo đó mà làm.

Sửa sang hành cung Vạn Thọ gần xong ; ngự sở và các sở thị hậu, đều lợp tranh.

Đến bấy giờ, vua lại sai dỡ nhà thuỷ tạ Trừng Phương, dời làm chính điện và làm thêm các sở Tả, Hữu trực phòng, đều bằng nhà ngói tường gạch, mặt nền, chân nền đến mặt nước, đều phải tính ra xây bằng gạch đá, để khỏi bị lụt lội phá lở.

Bọn đại thần là : Đoàn Văn Hội, Hoàng Hữu Thường, Nguyễn Thuật, Tôn Thất Phiên và Bùi Ân Niên tâu nói : "Ấp Cử Sĩ là một cái cảng nhỏ, địa thế nhỏ hẹp, trước vâng lệnh làm hành cung ở đó, cũng là quyền nghi một thời ; nay làm thêm nhà vuông bằng ngói và xây làm các khoản, kính thấy nhà vua lo nghĩ chu đáo chắc đã rõ hết tình thế, không phải đợi bọn thần lo nghĩ quá.

Duy có trộm nghĩ : Hành cung ngự sở rất là tôn nghiêm, địa thế tất phải cao ráo quang đãng, xây dựng tất phải bằng phẳng chỉnh đốn, chỗ vua ở mới đẹp đẽ, mà ngọc thể thư thái. Nay chỗ cảng nhỏ ấy, bốn mặt bờ đất che lấp, nước cạn đất thấp,

khí thấp nóng hun, mùa thu, mùa đông mưa lụt, nước các nơi tụ hội, rất là chảy xói ; dẫu nền tường bền chặt, nhưng đất mới bồi đắp, chưa chắc mười phần không ngại. Xin cho dời dựng ở phận sông xã Cư Chính, ngõ hầu được cao ráo phong quang, để tiện khi ngự giá tới tôn cục và tiết Thanh minh, đều là ổn tiện".

Vua phê bảo : "Việc ấy là quan phòng và muốn để giữ thể thống, quả là tình lý rất thích hợp ; duy khi trẫm lánh nạn, nhân nhàn hạ lại qua chơi xem, không rõ ý trẫm thế nào, để tâm chí ở chỗ ấy, không những nước non hình thắng, lại vì phương hướng rất hợp cung mệnh của trẫm. Trẫm đến ở mới được vài bận, mà trong lòng thấy khoan khoái gấp đôi, nên thường muốn có nhà nhỏ để ở rất tốt.

Đến nay, nói ngôi chính thống, rất không dám coi nhẹ tình thân riêng ; duy trước kia được vua ban ân Dụ, chuẩn cho nên theo đạo hậu, kính theo Dụ ấy, trừ có xưng đế, xưng hậu, xưng lăng, xưng miếu, can phạm danh nghĩa, tội cố nhiên khó từ, còn thì ban ơn gì chả được. Vả lại, trẫm nghĩ đi nghĩ lại, uống nước nhớ nguồn là thường tình của người ta, huống hồ mặc áo gấm đi đêm, thì đường đường là con trai, lại không bằng người đàn bà dựa cửa[1], và gỏi cá mắm[2] người hiền hay sao ! Cho nên hôm trước phê ngay, thêm tiện dựng làm nhà nhỏ, để sung việc phụng thờ Tôn Thái vương (còn chỗ thờ đằng sau bộ, sẽ cho triệt bãi), để xem ý mọi người ra sao, may mà người đều cho là việc đại nghĩa, lại hỏi kỹ thêm, quả cũng không lời nào nói xen vào, đó là trời xui ra thế ; nên ta theo nhờ ơn vua, gọi nơi ấy là cục Thiên thành, phái quân mang các đồ vật, trong làm chính cục, ngoài dựng từ đường và xem xét trong cục, chỗ lấp thời khai ra, chỗ khuyết bổ thêm vào, cho còn nguyên hình thế đất, để làm kế yên ổn lâu dài, được một, hai phần trong muôn phần mà thôi. Nhưng việc thổ mộc thấy ít thành nhiều, xem ra công trình hơi nhiều và nặng, trẫm từng tự hỏi trong lòng cũng lấy làm lo ngại, nhưng không thế thì thánh ân bảo phải theo đạo hậu, làm th ế nào cho yên được nguyện vọng của trẫm, thế cho nên phải làm, trẫm có lòng nào đâu.

Từ khi bắt đầu tới nay, phàm việc gì có liên quan, đều phê giao cho đình thần xét lại rồi sau cho thi hành, địa đạo rất huyền, đều hỏi bàn ở giám thần, hoặc trong đám nho thần, ai là người có biết, đều cho tới hầu, để mở đường ngôn luận ; duy nghĩ kiến thức các viên, gián hoặc có khác có giống, nếu trẫm không giữ đạo chính, thì sợ một khi lầm lỡ không thể truy lại được, cho nên sau khi làm việc thường tới,

---

(1) *Dựa cửa* : Vương Tôn Giả thời Mậu vương, khi vua phải chạy, quên mất chỗ vua ở, người mẹ bảo : Ngươi sớm đi tối về ta dựa cửa mà mong, ngươi tối đi không về, ta dựa cổng xóm... mà mong, nay vua phải chạy, ngươi không biết ở đâu, còn về làm gì. (Xem *Từ hải)*.

(2) *Gỏi cá mắm* : Đào Khâm nhà Tấn làm Huyện lại Tầm Dương, trông coi đập cá, đem một vò cá mắm đưa cho mẹ, mẹ bọc kín lại và viết thư mắng rằng : Ngươi làm Huyện lại mà lấy của công đưa cho ta, ta không cho là có ích mà còn lo cho ta. Người đời lấy điển này để khen ngợi người mẹ hiền. (Xem *Từ hải)*.

bèn nhân đất ấy, chí trước đã thế, nay lại nhân lúc này, cũng nên tuỳ tiện, hẹp nhỏ ngại gì ; chỉ duy khi đại giá tới, quan quân theo hầu, tiến lui hơi có không tiện, trẫm đã xét rõ việc ấy, nhưng đó là buổi đầu, đợi lựa chọn sẽ định sau. Còn như nơi ấy tới Tôn cục rất gần, cũng là may lắm, tạm y cho làm ở trên bờ, cái nhà ngói vuông, bốn mặt xây tường, để phòng ngại khác ; dưới bờ phải tính toán lát đá, làm nhà tranh, hàng rào tre làm thuỷ tạ hành cung cũng được. Đến mùa thu, nếu có thu gọn xếp đặt, thì khi có giá lâm, tất nghỉ ngơi ở đó cũng tiện, may được như thế, thì trẫm muốn để yên chí trước, không phải dám thích lạ cho thoả lòng dục làm gì. Các khoản trên đây trẫm nhân đó bảo cho biết một thể, bọn ngươi phải xét phải nghĩ, mới biết ý trẫm, chớ để có trở ngại, thì may nào bằng".

Cho quyền Chưởng 2 dinh Hổ oai, Hùng nhuệ là Trịnh Lạc, sung làm Tổng lý đại thần ở Vạn tuế hành cung.

Tháng 6, cho trường Bình Định hợp thí với trường Thừa Thiên, lấy thêm 10 người tú tài.

Trường ấy, ngạch lấy đỗ khoa ấy đã chiểu số sĩ tử, chuẩn định cử nhân 8 người, tú tài 24 người và hạng dự thi, trúng chỉ lấy cử, tú đều 1 người. Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Thuật tâu nói : "Những tỉnh ấy, từ trước sĩ tử có văn học, so với các tỉnh Kinh, Trực hơi kém ; gần đây, nhân việc binh hoả, lại phần nhiều bỏ nghiệp, cho cùng hợp thí, không khỏi tự phải chịu thiệt. Năm ngoái, có ân khoa, sĩ tử trường ấy vì việc binh ngăn trở, không được dự thi ; nay tới khoa chính, lòng trông xem chính giáo của nước rất là tha thiết, không sợ đi đường vất vả, mà định ngạch như thế, số trúng như thế, thực có cô phụ lòng mong mỏi của sĩ tử ; những quyển không đỗ khoa ấy, xin cho 3 nha hội đồng, người nào đủ 3 trường mà lời văn thông xuôi còn có thể lấy được, cùng phạm phải tì tích nhẹ, liệu cho chọn lấy cử, tú trên dưới 10 người, phân định thứ bậc ; người nào kỳ đệ tam bị liệt, mà đệ nhất, đệ nhị được dự có ưu bình, thì đem làm hạng cử nhân, người 2 kỳ đều thứ, thì đem làm hạng tú tài, cho ân cách được rộng".

Chuẩn giao cho đình thần bàn. Đình thần tâu lại nói : "Trường ấy vào đủ 3 kỳ, trong đó có 6 quyển, kỳ đệ nhất dự hạng bình, nhưng kỳ đệ tam bị liệt, thì không được dự phúc hạch, nếu đem làm hạng cử nhân, sợ không hài lòng mong của sĩ tử, mà không trọng trường quy, xin chọn lấy 10 tên, đem làm hạng tú tài, để khỏi quá lạm. Từ nay, trường ấy chiểu lệ cho tu bổ lại, tới khoa thi riêng, cho hợp phép cũ mà thoả lòng của sĩ tử".

Chuẩn cho theo lời bàn.

Phục Lễ công chúa là Gia Đốc (trước là Đồng Xuân bị cách, sau được khai phục, đổi phong là Phục Lễ) lúc chết có lời để lại là : "Xin được chọn đất an táng ở

từ sở, thuộc quê quán (xã Chất Long, phủ Thừa Thiên) Phò mã đã chết là Nguyễn Văn Lâm". Vua y cho. Lại chuẩn cho tự nay trở về sau, các công chúa, về phò mã quê thuộc trong hạt Thừa Thiên, mà tình nguyện về chôn ở quê chồng, cũng theo đó mà làm.

Công chúa được đem về chôn ở quê chồng bắt đầu từ đó.

Quyền Toàn quyền là Bi-đê về nước. Nguyên Thượng thư là Ba-tô sang quyền thay.

Phái Thị lang bộ Lễ là Tạ Thúc Dĩnh hiệp cùng lĩnh Thị vệ là Nguyễn Văn Thiện ra Bắc Kỳ đón tiếp.

Cho thự Tả quân Đô thống là Nguyễn Gia Trinh, sung làm Đổng lý đại thần ở cục Thiên thành.

Thưởng cho quan Pháp ở Bắc Kỳ được long bội tinh, 31 người (hạng ba 6 người, hạng tư 9 người, hạng năm 16 người).

Tháng chạp năm ngoái, phòng thần ở Quảng Ngãi, Bình Định dâng sớ đem việc đánh dẹp giặc ở Quảng Nam được thắng trận, xin ban thưởng.

Chuẩn cho thưởng thăng Lãnh binh 3 người : Vũ Văn Kiển, Thái Văn Dũng, Trần Văn Dã ; Phó lãnh binh 1 người (Lê Tùng) ; Phó vệ uý 1 người (Vũ Thành) ; còn thì chánh đội trưởng Cấm binh, Tinh binh, đến bát, cửu phẩm văn giai, bách hộ, cộng 36 nhân viên.

Khi trước cục gạo, "công ty Vạn Thiện", xin lĩnh cân đúng của nước Pháp, đọ với cân đúng của nước Hồng Mao để cân và nhận, đã do toà Khâm sứ gửi mua cân đúng của nước Pháp.

Đến nay đối cân của nước Pháp, cứ 1.000 kg được gạo 16 tạ (mỗi tạ nặng hơn 62 kg) ; đem cân Hồng Mao cân riêng được 16 tạ (cộng 2.144 bảng), đem cân Pháp cân lại được 16 tạ 3 bát, thế là trong số 16 tạ, cân Hồng Mao hơn cân Pháp 3 bát. Lại lấy cân Hồng Mao cân 1 tạ (134 bảng), đem cân Pháp cân lại (hơn 62 kg), nhẹ nặng vừa phù hợp nhau ; nhưng tính ra phương của Nhà nước, mỗi tạ 2 phương 3 bát 5 phân.

Chuẩn giao cho nha Thương trường, từ nay theo đó mà làm.

Cho Thị lang sung làm việc ở Các là Nguyễn Hữu Đảng, thăng thự Tham tri, sung sơn phòng Tiễu phủ sứ ở Quảng Ngãi, Bình Định. Bấy giờ, Nguyễn Thân dâng sớ xin về Kinh chiêm yết. Vua muốn giữ Thân nhận chức ở Kinh, sai chọn người tài cán sung thay. Thân đề cử Hữu Đảng, người địa phương ấy, là lão luyện thông đạt, nên sai đi. Rồi vì viên Khâm sứ nói Thân phải về Sơn phòng. Chuẩn cho Hữu Đảng theo hàm mới thăng, vẫn ở lại Các.

Vua bảo : "Cung Càn Thành, khoảng năm Minh Mệnh là thời bình thịnh, triều đường thường xây dựng thêm ra nhiều ; sau vì thế nước, ngày một tiết kiệm, không sửa sang được, lần lượt bỏ bớt đi, trong 20 cảng, ba phần đã bỏ bớt hai. Đến nay đã lâu ngày, mà tu bổ thì không, nên lâu các thẩm lậu, càng ngày càng lắm ; hiện nay trẫm lánh ở sau vườn, vài hàng cột ở thự lâu, cũng đủ làm việc, ngoài ra chưa từng một bước đến xem, huống hồ ngày đêm ở đấy, cũng là hiếm có, thì những nơi ấy đều là để không, vả lại càng thêm nát hỏng, chi bằng lần lượt dỡ đi, đem để một chỗ, để sung lâm thời tu bổ các tôn sở, cũng được tiện lắm, còn gác Tứ Phương, lầu Tự Cường ở trong đều đã thẩm lậu hư hỏng, thì sức cho quan tổng lý công sở ở trong nội xem xét ngay, đem lính, thợ dỡ ra để phòng dùng đến.

Quyền Hộ đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên là Nguyễn Chính Nhã, đem tình trạng mẹ đẻ, không phải người tái giá so sánh, xin cho được phong.

Bộ Lại tâu nói : "Đã tái giá không được dự phong tặng, là vì không chịu giữ tiết với chồng, thì không nên vì con, được ơn huệ của triều đình, là để trọng phép thường. Nay chiểu trong tập tâu của đốc thần ấy, trình bày cặn kẽ mẹ y bị tình trạng lừa dối hiếp bách, thì lại phạm vào tư tình ám muội, không những thiệt thân, vừa lại mắc tội, đâu có thể bảo không phải là người tái giá so sánh được, mà phô bày lỗi mẹ, nhơ nhớp tâu lên xin nên không cho ; nhưng xin cho quở trách để nhắc nhở. Cho y lời tâu.

Cho Hữu thị lang bộ Hộ là Đào Tiến, đổi lĩnh Tả tham tri bộ Hộ.

Cho huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá, vẫn theo Chỉ chuẩn của tiên đế (Tự Đức năm thứ 4 [1851], cho chiết nộp bằng tiền, mỗi hộc, phương là 1 quan 3 tiền, để có phân biệt.

Miễn tô ruộng bỏ cấy vụ chiêm năm ấy cho tỉnh Quảng Bình (hơn 3.331 mẫu, theo lệ nộp thóc là : 2.818 hộc, tiền thập vật là 999 quan).

Tỉnh Quảng Bình bị nhiều tai hoạ về hổ (từ tháng 3 đến bấy giờ là tháng 7, nhân dân bị chết hơn 390 người, vừa đàn ông vừa đàn bà). Cho chiểu lệ chết dịch, cấp tiền tuất, do quan tỉnh nghiêm sức bày cách bắt đem nộp, sớm trừ tai hoạ cho dân.

Khâm sứ đại thần tư nói : "Người buôn nước Tây là Đô-phối, trước đã lĩnh trưng 3 hạng các thứ gỗ, tre, dây song ở 2 hạt : Thanh Hoá, Nghệ An. Nay xin lĩnh trưng luôn 3 năm cả các hạng thuế sản vật ở đầu nguồn".

Cho bộ Hộ nghĩ định các điều khoản, giao cho để nhận làm.

Khoản thứ 1 : Nước Đại Nam thuận cho người buôn nước Pháp là Đô-phối lĩnh trưng luôn 3 năm về thuế sản vật ở đầu nguồn thuộc 2 hạt Thanh Hoá, Nghệ An, bắt đầu tính từ mồng 1 tháng 7 ta năm nay, hễ đủ hạn 3 năm, Đô-phối có muốn tiếp tục

lĩnh trưng nữa, thì do bộ Hộ yết sức trước cho các người buôn tới bộ đấu giá, người nào bỏ giá hơn mà đô thống chiểu theo giá hơn ấy xin kế tiếp trưng thì mới được.

Khoản thứ 2 : Đô-phối lĩnh trưng thuế ấy, trừ khoản trước nhận nộp 3 thứ : Gỗ, tre, song, giá tiền là 5.000 đồng bạc ra, nay thuế sản vật ở đầu nguồn ấy, cả năm phải nộp bạc thuế là 6.471 đồng, chia làm 4 quý, nộp ở bộ Hộ nước Đại Nam, hoặc ở nha Kinh lược Bắc Kỳ.

Khoản thứ 3 : Lĩnh trưng thuế sản vật ở đầu nguồn, ở thượng du chở xuống như : sáp ong, cánh kiến, sa nhân, hoàng thảo, khô dầu, cau tươi, cau khô, củi, củ nâu, tô mộc, đồ cát, đồ đá...; ở hạ du chở lên như : các thứ cá, muối, nước mắm, chiểu thu 40 phần lấy 1 phần, nhưng trong hạn 3 năm, chợt tìm thấy mỏ gì, phải báo cho quan nước Nam biết để xét.

Khoản thứ 4 : Nước Đại Nam khi nào như có lấy đá tỉnh Thanh để dùng, không được đánh thuế ; và hết thảy các hạng sản vật ở trong ngoài hạn cấm thuộc núi Triệu Tường, huyện Tống Sơn, hạt tỉnh Thanh Hoá và ở trong cấm khoán các xã, không được cho người tới nơi đó để lấy.

Khoản thứ 5 : Hai hạt ấy, khi nào có thứ lâm sản tên lạ, bẩm cho bộ Hộ nghĩ xét, Đô-phối không được tự quyền đánh thuế và Đô-phối đặt điếm trưng thu trong hạn 3 năm, cái gì quan ngại, do quan địa phương, bẩm xin xét xử.

Khoản thứ 6 : Nếu ngày sau thuế đầu nguồn có phải đình bãi, do tự quý quan bảo hộ xét định, không phải nước Đại Nam muốn bãi, thì Đô-phối lúc đó không được khiếu nại về bồi thường phí tổn, chỉ được xin trả lại số tiền mà y đã nộp trước cho nước Đại Nam về mấy tháng chưa trưng thu mà thôi.

Khoản thứ 7 : Như Đô-phối hoặc người nào thay Đô-phối, mà không xem xét những người ở các chỗ đã đặt ra, để các người ấy nhân đó hạch sách thu thuế quá lệ đã định, hoặc thu các hạng sản vật ở trong giấy đã trừ ra, quan đã quở trách một bận, mà các người ấy vẫn còn hạch thu như thế, thì nước Đại Nam muốn thu về cái thuế đầu nguồn ấy, không được khiếu nại.

Cho dân giáo ở Quảng Trị những người bị chết, lùi hạn điền tục có thứ bậc. (25 xã, thôn, phường, lùi hạn 2 năm, 5 xã, lùi hạn 1 năm rưỡi, 1 xã lùi hạn 1 năm).

Hai hạt Bình Thuận, Khánh Hoà có tai nạn về hổ, cho gia hậu thưởng cách, (lệ trước : Mỗi thây 1 con hổ thưởng 30 quan, nay gia thêm 100 quan), sức cho dân xã bày cách săn bắt và phu trạm đưa đệ công văn, miễn cho đi đêm.

Bệnh đậu và thời khí phát dữ ở Quảng Ngãi.

(Từ tháng 11 năm ngoái đến tháng này, bị nhiễm bệnh chết cộng : 13.934 người cả đàn ông, đàn bà). Phòng thần là Nguyễn Thân đem việc tâu lên. Cho viện Cơ mật

bàn với viên Công sứ chọn phái quan thầy thuốc nước Pháp, đem cả thầy thuốc ta, người đã quen biết cách trồng đậu, đến trồng để đỡ tai hại cho dân.

Vua nghĩ phủ Nội vụ, về bạc thoi, phần nhiều không đủ số lạng (mỗi thoi chỉ có hơn 9 lạng, 6 - 8 đồng cân), cấp phát cho người buôn gạo lại phải bù hao. Sắc xuống hiện nay việc giao thiệp quan trọng, bạc đồng ở Nội vụ cũng nên dự trữ cho nhiều, khi lâm thời để chi dùng ; vậy sức cho nha Kinh lược từ nay có bàn chở bạc vào Kinh, phải nên tuỳ tiện, cốt phải đệ nộp bạc đồng, trong đó có phần bổ ích, nếu không xét tình thế, cho đó coi thường, xét về thể chế không hợp.

Vua muốn cục Thiên thành được sớm xong, tay viết tờ Dụ rằng : "Thượng thư bộ Công là Lê Hữu Thường, tuổi đã cao, đỗ đã lâu, phẩm hạnh đáng kể, lại am hiểu việc thổ mộc, từ khi giữ chức bộ Công, giữ được không tội lỗi, cũng là đáng khen. Nay kính sửa sang cục Thiên thành, việc sửa dựng mới lần đầu, đã phái đại thần ban võ đứng trông nom, sợ khó chu tất ổn thoả, vậy gia ơn cho viên ấy, thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ, sung Đổng lý đại thần, chiểu cấp cho bài án, để trọng sự thể. Và tình hình tôn cục hiện làm, ngươi đã biết rõ, duy trước các viên chọn lầm, đều là không hiểu rõ, rất lười biếng coi thường, nên nay đặc cách cho ngươi, hợp cùng đại thần ban võ là Vũ Gia Trinh, đều là tài cán làm được việc, đều nên hết lòng bàn bạc ; một mặt chia phái quan quân, cốt mong thích hợp, để được nhanh công việc ; một mặt chi đồ vật ở kho, cốt cho rõ cả, hầu trừ tệ cũ. Ôi ! Như thế, trên đáp được ơn vua, mà hơi thư lòng mong của trẫm, dưới đỡ phí tổn cho nước, mà rất yên lòng quân, thì không việc gì là không thành, không danh nào là không thoả, mà để tiếng ở bia Tôn mãi.

Còn như Hữu thị lang bộ Công, sung làm Đổng lý là Cao Hữu Sung, hãy tạm giữ chức cũ và kiêm trông coi, nhưng chuyên giao cho việc kiểm xét, chi thu các đồ vật và tiền lương ở kho. Phó đổng lý là Phạm Như Vy, sai khiến dễ dàng, cũng tạm lưu lại, phàm quan quân võ biền, cho viên ấy kiểm xét. Lê Thuận Lý hơi biết việc nơi công sở, cho tạm ở lại đợi lệnh, ngươi đã sung làm Thương tá, phải xét chữ "thương" ấy, biết không nên không nói, nếu không xứng chức thì cách bỏ. Hồng lô Tự khanh, Tá lý bộ Công là Trần Cương, trước cho sung vào làm việc, thường giả thác ốm yếu, không chút công trạng, quan quân lại phần nhiều ngấm ngầm chỉ trích, thực là mất chức, nhưng là quan quân nơi đó, trẫm thường khoan thứ, cho giáng làm tòng ngũ phẩm, lĩnh Giám sát ngự sử ở Tả kỳ, để cho thể tất.

Các khoản trên đây là ta quyết đoán, định công thưởng phạt, để tỏ khuyên bảo, đều nên kính cẩn tuân theo.

Sét đánh bi đình Khiêm lăng (tầng trên, giữa, dưới, vôi lở hết cả).

Cho định lệ các quân ban chia. Chiểu theo đường sá xa gần, liệu cho chước định, các vệ, đội đóng ở Bình Định hơi xa, cứ 6 tháng 1 lần đổi ; các vệ đội ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Trị, cứ 4 tháng 1 lần đổi, để được thích đáng.

Mùa thu, tháng 7, cho Bắc Kỳ khai khẩn ruộng đất bỏ hoang.

Khi trước quan Kinh lược sứ là Nguyễn Hữu Độ cho là viên Toàn quyền đại thần Mi-sô bàn bạc : Núi rừng ở Bắc Kỳ có nhiều đất bỏ không, nên cho dân cày cấy khai khẩn, cũng là việc cần chiêu dụ nhân dân, dồi dào thuế khoá.

Viện thần tâu xin y theo nghĩ định.

Khâm sứ ở Kinh là Hách-tô bàn kiểu cách làm lầu Ngọ Môn, để phòng đấu xảo.

Cho đòi thợ ngoài Bắc vào làm.

Nguyên quyền Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp, nghĩ Đỗ Phát (nguyên Biên tu, sung Doanh điền sứ Nam Định, hưu trí), mộ khẩn được việc, xin cho khai phục nguyên hàm Hồng lô Tự khanh) và dự tặng điện, quan bộ Lại tâu xin cho. Quan Khoa đạo là Nguyễn Phục dâng sớ hạch Đỗ Phát về việc khẩn mộ, xét tờ tư trả lời của bộ Hộ, so với tập tâu trình bày, số mục không hợp. (Bộ Hộ tư trả lời : khai khẩn được thực điền hơn 950 mẫu, đinh 27 suất, trong tập tâu trình bày đinh 79 suất, điền thổ 4.670 mẫu. Và năm trước khuyến mộ ở xứ Hải Hậu, được thành điền 5.705 mẫu). Khinh suất viện lệ xin không đúng. Sau viện Đô sát theo luật trái lệnh xét xử quan bộ ấy, còn như tình trạng khai khẩn của Đỗ Phát và Nguyễn Trọng Hợp có việc xin khinh suất ấy, xin chuẩn giao cho quan Kinh lược sứ là Nguyễn Hữu Độ, xét lại việc thực (khẩn mộ) sẽ định.

Thượng thư sung Tiểu phủ sứ Sơn phòng Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Thân về Kinh chiêm yết.

Viên sứ thần ấy mới đến Kinh, xin vào chiêm bái. Vua nghĩ đi đường xa khó nhọc, cho ăn yến nghỉ ngơi, đợi kỳ triều sau vào hầu. Rồi lại xin.

Vua phê bảo rằng : Trước cho ngươi tạm hoãn vào chầu, là lấy chí tình cùng tin thành thực đãi kẻ dưới ; nay ngươi lại xin, thực có thuỷ chung, một lòng ưu ái, ta rất là khen, vả ngươi ở chỗ xung ấy, sợ không lấy gì tiếp với người ngoài, chắc cũng thanh liêm, công bình ; vậy gia ơn cho 2 chiếc áo rộng tay của vua, để sung chầu hầu, chỉ mong mặc áo ấy, giữ mãi lời nói trước, nghĩa cùng phúc hoạ, thì mong nào bằng".

Tôn nhân và đình thần cùng bàn : "Ngày 19 tháng 5 sang năm, gặp thất tuần đại khánh tiết của Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu, điển lễ rất là long trọng ; hiện nay tài chính quẫn bách, dựng lầu, dựng rạp, cùng bày đặt vàng, bạc, ngọc,

lụa, vóc, nhiễu, nếu chiểu theo các năm trước (những năm Tự Đức thứ 12, 22, 33) mà làm, sợ khó chu đáo, xin tuỳ nghi châm chước, cho hợp tình lẽ".

Cho kính tránh chữ huý của Kiên Thái vương (bên tả chữ "nhân" đứng, bên hữu chữ "hợi" [tức chữ Cai hay Hợi] và chữ huý của Kiên Thái phi (bên tả bộ thuỷ, bên hữu chữ "thanh") cùng những chữ đồng âm.

Quan tỉnh Nam Định tư trình : "Ấm sinh ở tỉnh học tập, đã được quan Pháp hội đồng bàn định, đình chi tiền dầu, tiền lương", bộ thần đem việc tâu lên.

Vua cho các việc ở Bắc Kỳ, gần đây làm việc phần nhiều không được như trước, tạm y theo nghị ấy.

Thu thuế ruộng năm nay cho tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An có thứ bậc (tỉnh Thanh được thu thóc tô hơn 4.600 hộc ; tỉnh Nghệ được thu thóc tô hơn 9.940 hộc) ; 2 tỉnh ấy trước vì hạn hán khô khan, lúa ở ruộng tổn hại, quan tỉnh dâng sớ, xin châm chước giảm cho thuế tô. Vua y cho.

Quan tỉnh Quảng Nam là Hoàng Vỹ, dâng sớ xin chia đặt dân trong tổng. Vua y cho.

(Lệ trước định : Phàm số đinh trong tổng từ 5.000 người, số ruộng từ 1.000 mẫu trở lên, đều đặt chánh, phó tổng đều 1 người, nay 2 tổng : Tiên Giang, Đức Hoà thuộc huyện Hà Đông, cộng 107 xã, thôn, phường, đất rộng, đường xa, xin chia làm 3 tổng, chia cắt dân 2 tổng : Đức Hoà, Tiên Giang, đặt thêm làm tổng Phúc Lợi).

Nêu khen những tiết phụ ở Quảng Nam và Quảng Ngãi. (Lê Thị Nhâm, người ở Quảng Nam, Vũ Thị Đà và Nguyễn Thị Thích, người ở Quảng Ngãi, đều là hạng thứ).

Viên nhật báo người Pháp ở Hải Phòng thuộc Bắc Kỳ, đưa tới 1 tờ báo tân văn và 1 phong thư (trong đó có bản tờ tâu, ngoài mặt phong bì về bên tả viết những chữ : Công ty Vạn Thiện thu nhận, dâng lên đại phiên vương, nước Đại Nam ; về bên hữu viết chữ Pháp, dịch ra là những chữ : "Đại Nam Hoàng đế". Cách nói chưa đúng. Viện thần tâu nói : "Viên nhật báo ấy đến nước ta làm báo tân văn để bán, có ý kiến gì muốn trình lên, phải hỏi han thể lệ cách thức ở nước ta mới phải, nay cách nói đều thiếu trang nhã, xin viết thư cho viên Toàn quyền, sức bảo cho biết".

Vua nói : "Người ngoài giáo hoá, thể lệ chưa am hiểu, tốt cũng không mừng, xấu cũng không giận, viện ngươi chớ tư cho đỡ phiền".

Truy tặng cho công tử Ưng Phong (con thứ 2 của người vợ lẽ Kiên Thái vương, lên 8 tuổi bị chết non) làm Kiên huyện hầu ; công nữ là Tú Lộc (con gái lớn của người vợ lẽ Kiên Thái vương, lên 5 tuổi bị chết non), làm An Nghĩa huyện chúa.

Vua nghĩ Hoàng thúc phụ là Thuần Nghị Kiên Thái vương, con cái không có mấy, nên con thứ 2 của người vợ thứ là Phong chết, truy tặng là Huyện hầu, và 3 người cung nữ nghĩ nên truy tặng, duy chưa rõ điển lệ, cùng Lộc đã chết, là người chị lớn, nên xưng hô thế nào ? Chuẩn cho đình thần xét lại. Các quan bàn cho là : Vương giả tỏ lòng yêu chỉ có người thân, thánh nhân vì tình đặt ra lễ, bèn phỏng theo lễ chế đời Đường (con gái thân vương là huyện chúa và phàm phong phải lấy tên hay như : Thái Bình, An Lạc, Trường Ninh), châm chước cho thi hành.

Vua cho lời tâu là phải.

Vua cho mời Nguyễn Thân ban ơn cho uống nước chè và thong thả nói rằng : "Dân Tả trực cách sinh sống như thế nào ? Nguyễn Thân tâu nói : "Cách sinh sống của dân các tỉnh hạt, so với năm trước có hơn tí chút".

Quan Khoa đạo là Nguyễn Phụ vì việc nói bị biếm (giáng 4 cấp được lưu tại chức).

Khi trước, vua tới yết Hiếu lăng ; Thượng thư bộ Lễ là Bùi Ân Niên và Thượng thư bộ Hộ là Tôn Thất Phiên phạm lỗi qua cầu vua ngự, Phụ đàn hặc.

(Đại khái nói : "Tôn Thất Phiên tình có nhầm lẫn, còn có thể nói được ; Ân Niên ở bộ Lễ, há không biết lễ, đã có thủ hộ sứ trình ngăn lại, vẫn nói là vua chưa đến, bất kính không gì lớn hơn, bộ trưởng như thế, liêu thuộc trông vào đâu ? Nên hôm 16 ty ấy bày biện ở lăng Thuỵ Thánh, không được chỉnh tề và Thị lang Tôn Thất Vịnh hậu bái ở điện Minh Thành thất lễ, chưa chắc không phải viên ấy bỏ thiếu chức vụ mới đến như thế, nên giải chức hay không, xin nghĩ xử cho nghiêm).

Giao xuống đình thần bàn. Đình thần ghét lời văn của Phụ quá khích, xin giao cho Các thần xét định. Các thần xét, cũng đại khái giống như đình thần xét.

(Ân Niên và Tôn Thất Phiên, cái lỗi sơ suất, nhầm lẫn là bởi vô tâm, mà Nguyễn Phụ thêu dệt thêm ra cho có tội, lại tham hặc quan to, không theo lời Dụ viết vào tập tâu, tự ý xin giải chức) ; đều chiểu luật giáng cấp có thứ bậc : Ân Niên, Tôn Thất Phiên, chiểu luật thẳng tới đường vua ngự, đều giáng 2 cấp được lưu lại, Nguyễn Phụ, chiểu luật trái phép, giáng 4 cấp phải ly chức).

Vua gia ơn cho Phụ phải giáng cấp nhưng được lưu tại chức (đến tháng 9, Các thần xin chiểu lệ ân miễn như Khoa đạo Lê Đình Soạn (Soạn cũng nói để hặc, không có viết vào tập tâu) ; rồi được miễn giáng).

Quân Man ở Thạch Bích xâm lấn phòng sở Quảng Ngãi, Bình Định ; Phó lãnh binh là Phạm Sĩ đánh dẹp đuổi đi.

Bấy giờ Tiễu phủ sứ là Nguyễn Thân về Kinh chiêm bái. Ý vua quyến luyến muốn lưu ở lại, mật sai viện thần là Hoàng Hữu Thường, Đào Tiến và Thân đến

Sứ quán thương thuyết, để cho Thân ở lại Kinh. Khâm sứ là Hách-tô cho phòng sở ở Bình Định, quân Man thường quấy nhiễu, cùng ngoài ra còn có việc đáng lo, cần phải Nguyễn Thân vẫn giữ chức phòng sứ như cũ.

Vua nói : "Nguyễn Thân khi bình nhật [ngày thường], trẫm đã biết, làm việc ở ngoài đã lâu, nay triệu về định cho nhận chức ở Kinh". Lại sai Viện thần là Nguyễn Thuật và Đào Tiến đi lần nữa để bàn bạc, viên Khâm sứ dẫu trái ý vua lần nữa nhưng vì quan ngại việc đề phòng và đem qua lòng trung ái của người nhân thần, dẫu ở Kinh hay ở ngoài, cũng vẫn một lòng, lời lẽ mềm dẻo, khó mà thương lượng ngăn trở. Sau Man ấy năng quấy nhiễu, vua mới chuẩn cho tới phòng sở.

Xuống Dụ : Viện Cơ mật nhiều việc quan yếu, chuẩn cho thự Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Đoàn Văn Hội, kiêm sung thần viện ấy, để nhờ bàn giúp.

Sung chức Tổng tài Toản tu *Ngọc điệp* là bọn Đoàn Văn Hội xin làm thêm bức *Ngọc điệp tôn đồ* thứ 3.

Nguyên trước, *Ngọc điệp tôn đồ* chỉ có bức thứ nhất, thứ 2, để viết dòng dõi lịch triều để lại, khoản thức hơi hẹp để ghi sự tích nhà vua, và xin chép thế thứ vào 2 bức trường hoàng đồ, bức trường đồ, ở dưới vị Dực tông Anh hoàng đế, chính giữa viết chữ to miếu hiệu và thuỵ hiệu Giản tông [tức Kiến Phúc] ; ở bên hữu chua : Hoàng tử nam ; hàng thứ nhất bên hữu viết chữ thường : Hoàng trưởng tử Thuỵ quốc công, dưới chua việc thực, hàng thứ hai bên hữu viết : Hoàng nhị tử. Ở bên tả chua : Tức kim thượng. Bức hoành đồ cũng ở dưới vị hiệu Dực tông Anh hoàng đế, chính giữa viết chữ to ; Hoàng tam tử kế thống hàng thứ nhất, bên hữu cũng viết Hoàng trưởng tử ; hàng thứ hai bên hữu viết : Hoàng nhị tử kế thống. Hai bức ấy, ở dưới vị Giản tông, đều viết tiếp : Hàm Nghi Xuất đế ; về bên tả viết : Hoàng thúc phụ Thuần Nghị Kiên Thái vương đệ ngũ tử, Ưng Lịch ; còn Phế đế (Lãng quốc công) viết ở dưới hoàng tử.

Vua xem bức đồ phê bảo : Chữ "trưởng", vâng theo Thánh Dụ và tờ Chiếu để lại, chưa thấy nói rõ, sao được gọi là trưởng huynh bọn ta ; về hàng thứ 2 bên hữu viết chữ "nhị", nên viết thẳng là hàng tự tử ; bên tả cho y theo lời chua, tức kim thượng ; lại chua tiếp nguyên là trưởng tử của con thứ 26 là thân vương phiên Thuần Nghị Kiên Thái vương (bên tả bộ nhân đứng, bên hữu là chữ "hợi") ; được nuôi ở trong cung ; còn như chữ tam, nên đổi viết là hoàng thiển tử, nhưng chua nguyên là thân phiên...; con thứ 3 người thứ mẫu...; tức là em ruột kim thượng, đó là vì không nói chữ trưởng, cho nên chữ nhị, chữ tam cũng theo đó mà đổi, cho được hoàn toàn ổn thoả. Còn Hàm Nghi Xuất đế tung tích chưa được rõ, cho theo lệ tôn phả như Hoàng trưởng nữ thị Thông viết bằng chữ son".

Tôn phả chép : Phòng của hoàng thập thất tử là Chưởng cơ, tặng Thiếu phó Xuân, thuỵ Trung Liệt ; dưới viết chữ son : thị Thông, chua rằng thị Thông theo cha sang nước Xiêm La, nhân gả cho vua nước ấy, tính từ năm Canh Tý đến nay 109 năm, vẫn viết chữ son là vì tin tức không thông, còn hay chết chưa được xác thực, không nỡ coi như chết (chết thì viết mực) !

Tỉnh Nghệ An có tai hoạ dịch lệ và tai hoạ về hổ, quan tỉnh đem việc tâu lên.

Vua sai truyền Chỉ cho quan tỉnh, phủ, huyện ấy hết lòng thành kính cầu đảo và cấp nhiều thuốc men, cùng tìm cách đuổi trừ giống hổ, cho đỡ hại dân.

Viên Khâm sứ là Hách-tô uỷ giao bức thư đã dịch của quan Ba đến xét biên giới là Lư-sơ. Trong thư nói : Đã xét sách vở, bản đồ của nước này và năm trước nước Pháp có phái quan đi dò xét các sự tích ; xét thấy nước này tiếp giáp với nước Xiêm, từ Thừa Thiên trở vào Nam, đến các hạt thượng du ở Khánh Hoà, cùng trở ra Bắc như những phủ Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị ; Lạc Biên, Trấn Tĩnh, Trấn Định, tỉnh Hà Tĩnh và Trấn Ninh, Trấn Biên tỉnh Nghệ An ; và các sách miền thượng du tỉnh Thanh Hoá, Hưng Hoá, nguyên trước hoặc không thống thuộc nước nào, hoặc là quản hạt của nước này, khoảng năm Minh Mệnh trở về sau, có sửa sang xếp đặt không, hiện nay nước Xiêm mưu toan chiếm cứ, nghĩ định do Cơ mật viện thần, tư cho các tỉnh xét rõ sổ sách, vỗ về dân Man, thông đồng buôn bán, xem xét sự tình, khiến cho phục quyền pháp của ta. Các đất nguyên thuộc nước này, từ trước đặt quan nộp thuế, phải có sắc bằng đích xác và theo phái quan, thời thường qua lại, tỏ bảo đất ấy là thống quản, đợi phái viên nước Pháp, hội định giới hạn, mới tiện cùng nước Xiêm đối chất. Viện thần tâu : "Nước ta cùng với nước Xiêm tiếp giáp, lấy sông Khung làm giới hạn, là có đồ bản sổ sách cùng truyền lại, còn như nguyên trước 2 nước, có hội đồng lập giới hay không, mờ mịt không có sự tích có thể xét được, các triều kinh lý, cũng ít nói đến. Bản triều sau khi được nước, gián hoặc có cho hàng phục, đặt ra làm phủ, châu, rồi nhân nhiều việc, chế độ cương giới dần bỏ. Nay quan Pháp đến đóng để xem xét, tưởng nên định rõ bờ cõi, mở mang miền thượng du, hoặc có cơ hội, còn các việc định phái quan phủ dụ, xin do các quan tỉnh xem xét người nào am hiểu tình thế các đất Man, trao cho quan hàm, phái đi dò xét, về nên làm thế nào, có thể phủ dụ được người Man, bền vững cương giới của ta, cần phải hết lòng tính toán định liệu". Vua nghe theo.

Bản án của bộ Hình xét định bọn ăn trộm là Nguyễn Văn Đới (ăn trộm lấy 1 cỗ súng bằng đồng của quan Pháp, bán được 9 đồng bạc) và Trần Duy Bức, đều phải tội chết (tên Đới phải chém ngay, bọn tên Bức đều phải thắt cổ ngay). Quan Khoa đạo là bọn Nguyễn Văn Bân cố tâu cho là : "Bọn tên Bức ngu dại, nghèo khổ, lúc đó lầm nghe tên Đới dụ dỗ, mà thủ phạm, tòng phạm phải giết đến 5 tên, sợ không phải là kính theo chí đức hiếu sinh ; về tên Đới xin theo nghĩ xử trước (chém ngay),

đủ tỏ răn bảo rõ ràng, còn như bọn tên Bức 4 kẻ phạm, đều xử thắt cổ, nhưng giam để đợi lệnh xét, mới là ân, pháp được cả 2 đường". Vua nghe theo, lại gia ơn cho Nguyễn Văn Đới, đổi làm thắt cổ ngay.

Quan Pháp nghĩ hiện tình các tỉnh tạm yên, rút quân đóng đồn về. (Từ Quảng Trị đến Khánh Hoà, cộng 12 đồn).

Làm "Vạn niên thiên thành hữu cục" (sinh tẩm của Kiên Thái Vương phi). Cho Hà Thúc Quán (nguyên Hồng lô Tự khanh), thăng thụ Quang lộc Tự khanh ; Lê Phú Ân thăng thụ Chưởng vệ, đều sung làm Đổng lý (Phú Ân nguyên là Lãnh binh ở Bình Định, có trọng tang chưa hết, bác bỏ, tính lại đi làm việc).

Cho thự lý hàm Tổng đốc, lĩnh Tuần phủ Hưng Yên là Hoàng Cao Khải, thăng thụ Tổng đốc 2 tỉnh : Hải Dương, Quảng Yên ; nguyên Tham tri bộ Hộ là Trần Lưu Huệ, thăng thụ Tổng đốc Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang ; Thái thường Tự khanh là Nguyễn Trần Hợp thăng thụ Tham tri, nhưng sung Thương tá ; Quang lộc Tự khanh là Phạm Ngọc Côn thăng thụ Thị lang, lĩnh Tuần phủ Hưng Yên, theo lời xin của Kinh lược sứ thần Nguyễn Hữu Độ.

Cho Tham tri bộ Lễ sung làm việc Các là Nguyễn Hữu Đảng, đổi làm Tham tri bộ Hình.

Quân giặc còn lại ở sơn phận thuộc hạt Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (phường Cha Nói, nguồn Son), quấy nhiễu các nhà dân. Viện thần nghĩ : Đồn Pháp hiện đã bãi bỏ, hạt ấy hãy còn giặc sót lại, tâu xin do quan ở quân thứ Quảng Bình (Phó đề đốc Trần Hữu Viết, Tán lý Nguyễn Văn Bản), phái quân ngăn chặn, cho dân được ở yên.

Vua nói : "Quân thứ ngươi đặt ra cũng là hão ư ! Có bổ ích gì cho dân ta, phải nghiêm sức cho cố gắng làm việc thực, nếu vẫn đề phòng sơ suất, tức thời rút về giao cho đình nghị".

Cho Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Thuật gia 1 trật, đổi lĩnh Tổng đốc tỉnh Thanh Hoá.

Dụ rằng : "Tỉnh Thanh Hoá là nơi quê quán của nhà vua, là nơi trọng địa, vỗ yên bàn bạc, cốt phải được người, mới mong giúp được việc ; Nguyễn Thuật trước đã làm việc ở đó, sĩ dân vốn vẫn tin phục, quan Pháp lại kính trọng lắm, nay cho gia 1 trật đổi lĩnh chức ấy, đó là ta vì tỉnh ấy chọn người, ngươi nên mọi việc cùng với quan cùng thành thương lượng ổn thoả, cốt làm thế nào cho tướng giặc lọt lưới, sớm được trị tội, dân trong hạt, những kẻ điêu toa ngoan ngạnh, dần được thuần lương, mới là không phụ lòng ký thác trọng trách một phương ấy. Quan Tổng đốc trước là Trương Như Cương, trước can về khoản để tên phạm Giai trốn thoát, bị người chỉ trích, đã cho cấp hạn phải đi nã bắt, hết hạn chưa bắt được, ở đó chưa chắc được

việc, cho về ngay Kinh đợi lệnh". Đến khi Nguyễn Thuật đến nhận chức dâng sớ xin từ trật mới giao cho. Vua khen là khiêm tốn, y cho.

Tuân quốc công vì can khoản bị cách (trước can việc chê nghị phong Vương phi) ; mang lòng oán vọng. Khi ở nhà riêng cùng với Tịnh Bình (nguyên Tư vụ phủ Tôn nhân), uống rượu bừa bãi, chê bai triều chính. Tôn nhân bộ Hình nghĩ xin chiểu luật xử tội phải thắt cổ giam đợi lệnh chiểu luật nô tỳ phỉ báng gia trưởng) ; duy Miên Trữ theo lệ có nghị thân, có được khoan giảm, đợi Chỉ quyết định.

Vua giao cho đình nghị. Đình thần nói : "Miên Trữ đã can tội nặng, cho theo chức huyện công cấp lương, đã là may lắm, thế mà không biết sợ, biết hối, tội còn chối vào đâu, nhưng y là ý thân, theo lệ dự bát nghị[1], xin lượng giảm 1 bậc, phải tội 100 trượng, lưu 3.000 dặm, do phủ Thừa Thiên chiểu lệ giam cấm ; duy y tuổi đã cao, đời tàn không còn mấy, xin nên đặc cách gia ơn cho.

Vua lại gia ơn cho theo chức Kỳ ngoại hầu cấp lương, nhưng sắc cho phủ Tôn nhân triệu đến hiểu bảo và thời thường đe nẹt, con cháu Tuấn, Trữ, đều hiểu rõ thịnh đức của triều đình, ngày càng cẩn thận tu tỉnh, đợi có biết sợ, biết hối, khoan tha chưa muộn ; quan ở phủ Tôn nhân vì có trách nhiệm trông coi, đều giáng (cấp), phạt (bổng) có thứ bậc.

Định rõ lệ dâng tờ tâu.

Trước đây, Lại ty là Nguyễn Trung can khoản điền gian lại mục, (ở bản thảo chọn bổ ; mạo đem Phạm Tường điền vào chỗ khuyết lại mục ở An Dương). Quan Khoa đạo là Trần Sán làm tờ tâu chỉ trích. Kiêm Phó đô thống là Hồ Lệ cho rằng Trần Sán tự tiện làm tờ tâu hặc tội không trình viện trưởng, xin cho giải chức cho Sán". Bộ Hình cho là : Trần Sán làm tờ tâu chỉ trích, việc ấy là khoản nặng, không theo nghị (Đồng Khánh năm đầu có nghị chuẩn cho ấn quan và khoa đạo, trừ cáo nghỉ và việc tầm thường ra, nếu có tâu việc khác, đều phải làm tờ tâu giao ghi phiếu), làm tập tâu, xin chiểu luật trái phép xét xử (giáng 4 cấp phải ly chức).

Vua nói : "Nghị trước chưa hợp (nghị chuẩn năm đầu), huống hồ giám sát ngự sử, mỗi khi có chỉ trích, lại đổ tội cho người hặc, sợ sau khi nghe thấy, lâu ngày lấp đường ngôn luận, thì đặt ra 6 khoa để làm gì ; nếu viện nghị trước, cho Sán vì trái phép phải giáng ly, lại sợ có lệch, giao xuống đình thần bàn. Đình thần cho là : Việc Sán chỉ trích quả thực, xin đổi giáng 4 cấp lưu, Hồ Lệ đối với việc Trần Sán hặc trước, thực hay không chưa biết, vội đã xin giải chức của Sán, cũng là không nên, xin chiểu luật (luật không nên làm nặng) giáng 2 cấp lưu, về xin định rõ lệ tâu bằng giấy mảnh".

---

(1) *Bát nghị* : 1. Nghị thân, 2. Nghị cố, 3. Nghị công, 4. Nghị hiền, 5. Nghị năng, 6. Nghị cần, 7. Nghị quý, 8. Nghị tân. (Xem *Hội điển. Hình bộ*, quyển thượng).

Vua nghe theo và Dụ rằng : "Triều đình đặt quan chia chức, cấp bậc không giống nhau, mà thể cách tâu bày, cũng rành mạch có thứ tự. Triều ta định ra phép ấn quan, đài quan được tâu việc từ trước tới nay noi theo, không dám trái vượt phép tắc, nghiêm minh biết nhường nào. Năm trước viện Cơ mật làm tờ tâu, đem việc Y phó là Vũ Đức Hậu vượt bổn phận, khinh suất tâu lên, để hặc tội xin nghĩ xử, và nghĩ xin ấn quan cùng khoa đạo, khi nếu có việc gì phải tâu riêng thì đều làm tập tâu giao ghi phiếu, không được tự tiện làm tờ tâu, các lẽ như thế, đó là đề phòng ngăn chặn khi chưa xảy ra, còn trẫm đã xem và chuẩn cho Vũ Đức Hậu, chiểu luật làm giấy trái phép, phải tội 100 trượng, cách chức không được làm việc, rồi xuống Dụ cho thi hành. Gần đây, cứ theo Khoa đạo, Trần Sán chỉ trích hặc tội Nguyễn Trung, Viện trưởng viện ấy là Hồ Lệ lại hặc tội Trần Sán, đều không làm tập tâu, thế mà đối Hồ Lệ cho rằng, đường quan chỉ trích thuộc viên, cũng được viết tờ tâu đối với Trần Sán, thì kết tội trái phép ; các quan bàn định chưa cho ai là phải, hầu theo bên nào ? Nhân nghĩ, chức khoa đạo dẫu không phải ấn quan, nhưng tờ hặc tâu ở trước mặt, lại là chức sự, trật thấp, trách nhiệm nặng, so với thuộc viên các nha bộ, sự thể cũng đã có khác, huống hồ có làm tờ tâu chỉ trích khoản gì, đều do nha có liên quan cùng định, nếu hết thảy làm tập tâu, đã phiền không kể xiết, mà lan man chậm trễ ngày giờ, hoặc cũng không khỏi lại sinh chi tiết, trẫm lại nghĩ lại : Lần ấy viện thần bàn xin chuẩn cho, đều là chưa đúng, không có tỏ rõ phép cũ, mà làm cho thêm mới ra, sao cho thống nhất rõ ràng mà triều cương nghiêm chỉnh được, trừ các phủ tỉnh ở ngoài, dâng thư tâu việc phải theo lệ mà làm ra, cho từ nay phàm các bộ, nha, viện, có việc gì thuộc về công đồng mà cáo nghỉ, việc tầm thường, cùng cố tâu, hoặc chỉ trích, tham hặc việc gì, được làm tờ tâu dâng lên, cho bớt phiền phức, còn thì có điều trần xin việc gì, việc liên quan đến nghị luận và việc án là việc trọng, đều theo lệ làm tập tâu, sẽ giao cho nha có liên quan làm phiếu xét nghĩ, không được tự tiện làm tờ tâu, các khoa đạo và ấn quan cùng giống nhau. Còn như thuộc viên các bộ, nha, nếu tâu việc gì, phải do thượng ty đề tâu giúp, và cấm không được làm tập tâu hay tờ tâu bậy, các việc trên đây, dám có trái lệnh, cho xử vào tội trái phép".

Vua nghĩ việc thờ tự, đặt ra thần chủ, thần vị, xét về lễ, lành dữ, giống khác ra sao, giao cho bộ Lễ xét lại cho kỹ, quan bộ ấy tra dẫn cổ điển, góp thêm ý kiến của mình tâu lên.

Quan bộ ấy phúc đáp rằng : Xét đời Xuân Thu, năm Văn Công thứ 2, làm thần chủ Hy Công. *Tả truyện* nói : Sau hôm tốt khốc [trăm ngày] mà làm thần chủ, chủ để hợp nhất mà thôi. Lại đọc *Kinh Lễ* thiên thông khảo có chép Trương Phu Kính bàn về điều lễ rằng : Phấn ở chủ, dùng nước không dùng dầu, vì thần chủ rất trọng, quý về chất thực một lòng thành mà không nên đổi, không giống như thần chủ có

thể trang sức cho đẹp. Thái Mô đời Tấn đáp lời hỏi của họ Lưu rằng : Đời nay có thờ bài vị, là miếu chủ của lễ, chủ cũng có đề, nay bài vị viết danh hiệu, cũng là ý đề chủ. Vương Nham bàn về làm thần chủ rằng : Thiên Đàn cũng có nói : Tôn trọng là cách làm thần chủ, chua rằng : Khi mới chết làm nơi tôn trọng, để thần có chỗ nương tựa. Ôn công đổi làm hồn bạch ; Chu công bảo là : Việc thích thời và không dám vội làm chủ, trộm nghĩ mới chết, nên lấy đạo người để thờ, mà chủ thì là đạo thần, cứ theo các sách đã chép, thì sau khi đã chôn, kính đề thần chủ, là lấy đạo thần để thờ, dần đã được lành. Còn như thần vị, tức là bài vị, đời xưa kính viết danh hiệu, thờ ở đền riêng, điện riêng, đặt ra tế lễ, lòng kính cha mẹ, tôn tổ tiên đâu đâu cũng thấy, không như trong miếu chỉ thờ có một chủ thôi, cũng như cái ý Khổng Tử nói "tế như tại", tưởng cũng là theo lành.

Vua nói : Tưởng cũng có ý kiến gì khác, nếu thế cũng đã biết cả.

Quan Khoa đạo là Trần Hữu Khác có tội bị bãi chức.

Trước đây, Lê Đình Vũ (người Nam Trung) càn bậy lấy Trần Thị Tiến (quý nhân của triều trước), Hữu Khác đem việc ấy hặc tội, đến nay lại dùng kế lừa dối Đình Vũ, Thị Tiến dọa nạt, để lấy hối lộ, việc phát giác ra ; viện thần xin chiểu lệ làm hay thôi có thiếu sót, phải bãi chức không được trình bày.

Vua ghét là làm quan mà gian tà, quở phạt nghiêm ngặt.

Vua tới cung Gia Thọ thăm sức khoẻ, vâng theo ý Chỉ của Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu, cho Phạm Tự đến Quảng Ngãi sửa sang phần mộ tổ một đời của họ Phạm.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ LỤC KỶ - *QUYỂN XI*

THỰC LỤC VỀ CẢNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tý, Đồng Khánh năm thứ 3 [1888], mùa thu, tháng 8, sơn Man thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, lẻn xuống xã dân (thuộc 3 thôn : Cây Gạo, Đồng Tình và Xuân Phong) quấy nhiễu, cướp bóc người và súc vật ; Phó đề đốc Sơn phòng là Nguyễn Tiến Đạo đánh đuổi đi.

Lấy đất thuộc Đà Nẵng (bờ biển ở Quảng Nam) làm nhượng địa của người Pháp.

Khi trước, viên Khâm sứ Hách-tô tới sơn phòng ấy, lấy các xứ thuộc địa phận Đà Nẵng (từ cầu Thương Chính đến trụ sở viên Châu sứ (địa phận thôn Thạch Than), lại định đặt sở Dây thép ở xã Hải Chân chính) ; trích ra làm đất nhượng địa, vẽ thành đồ bản, yêu cầu Phòng sứ là Thái Văn Trung đóng dấu và ký để làm bằng ; viên Phòng sứ ấy tạm ký xong, rồi đem việc tư đi để xét.

Viện thần không biết rõ, chuyển tư cho viên Khâm sứ xét lại. Viên Khâm sứ cho là "việc hội đồng chia định giới hạn, các nơi khai thương, đều đã thi hành ; phàm chỗ đất quan Pháp và người buôn Pháp được ở, chiểu theo khoản ước thứ 18". Viện thần xét ở điều ước có chép (năm Giáp Thân, khoản thứ 1, trong có chép một khoản : Sau này quan 2 nước hội đồng chia định giới hạn, các sở Khai thương và nhượng thổ ở trong sở Khai thương, cùng thuế mỏ, thuế tạp hoá, thuế điện báo, chưa có liệt kê vào khoản thứ 11, thì trích giao cho bản quốc nhận lấy chi dùng. Và khoản thứ 4 chép trong có một khoản : Sở Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam, phải định thêm để khai thương). Rồi lại không làm, duy những hạng thuế thương chính

ấy, đợi công việc khai thương xong, có chia giao thế nào sẽ định và chỗ nhượng địa ấy ở vào đất trồng dâu thôn Thạch Than, xin sắc cho quan tỉnh khám, để trừ thuế lệ.

Tháng trước, viện thần là bọn Tạ Thúc Dĩnh vâng mệnh ra Bắc Kỳ hỏi thăm và đưa tặng phẩm cho quyền Toàn quyền Ba-tô.

Vua sắc bảo : "Phàm trong Kinh khi đi đường, đi qua các tỉnh, nên xét xem dân tình làm ăn sinh sống có được như thường không, lúa má có được mùa không, quan lại, binh dân có bàn luận chính sự triều đình không ? Lại vâng ý Chỉ của Từ Dụ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu, sĩ phu ở Bắc Kỳ, thấm nhuần đức hoá của lịch triều đã lâu, hiện nay hoặc có trông ngóng thế mạnh yếu không ? Cùng quan viên có thực tâm làm việc thực được như người Pháp không ? Phải xem xét đích thực cả, khi về làm tờ tâu trả lời, hoặc phải làm tờ tâu kín, thờ vua không giấu, cho đều cứ thực bày tâu".

Đến khi bọn Thúc Dĩnh trở về, tâu nói : "Dân gian ở Bắc Kỳ làm ăn sinh sống như thường, lúa má cũng được mùa, mấy tháng nay mưa nắng như thường, việc làm ruộng cũng tiện lợi, quan lại đều chăm chức sự, sĩ phu chăm nghiệp học, đều cho là bảo hộ toàn cục ở Bắc Kỳ là nhờ oai đức của Hoàng thượng ta nên được yên lặng không có lời gì khác cả. Lại xem trình bày kèm cố Thái thường Tự khanh là Nguyễn Hữu Lang (con Hữu Độ), sau khi chết, nghe như linh ứng lắm, sĩ phu Bắc Kỳ có dựng đền thờ cúng".

Vua bảo là phiền xem ra không có ích gì.

Tỉnh Lạng Sơn báo : "Lê Thuyết và Trần Xuân Soạn lẻn đến một dải Liên Thành, Bằng Tường nước Thanh nhập bọn cùng với Lương Tuấn Tú và bọn Hoàng Văn Tường thuộc khách tỉnh ấy, cùng nhau tụ họp. Rồi lại báo : "Lê Thuyết ở nước Trung Hoa, giả làm quan nước Thanh, chiêu mộ binh dõng".

Quan Kinh lược đại sứ là Nguyễn Hữu Độ dâng sớ xin về Kinh chiêm bái.

Tháng ấy, 2 viên Toàn quyền nước Pháp (Tổng đốc Gia Định là chánh Toàn quyền Dê-dô và quyền Toàn quyền Bắc Kỳ là Ba-tô) ở Bắc Kỳ vào yết kiến ; Nguyễn Hữu Độ nghĩ hiện tại có việc, cần phải bàn bạc, nhân đó cũng xin về Kinh một thể.

Vua bảo, tháng ấy gặp kỳ hai nước đón dựng, lại gặp hành cung Vạn tuế làm xong, xe giá ngự tới vừa gặp tiết Trung thu, dẫu không có vui gì khác, nhưng cũng hơi yên lòng, các quan quân theo hầu, đều thưởng khắp có thứ bậc (ấn quan đều 10 quan, thuộc viên đều 5 quan, lính đều 2 quan).

Vua một hôm phê bảo các quan rằng : "Ta vì trời cho người quy phục, làm vua nước Việt ta, ban bố đức lệnh, tới nay đã 3 năm, mà chưa có chút công với dân, đầu năm nay, lăng tẩm của hoàng thúc phụ, truy tặng làm Tôn thái vương, đổi gọi là cục

Thiên thành, trích đem lính thợ và của kho, kính sửa nơi thờ cúng ; gần đây lại phái văn, võ đại thần, trông nom công việc ấy, trẫm lại qua lại chỉ bảo nghiêm hạn nhiều lần, cũng không tuân theo. Nay muốn phủ Tôn nhân và văn, võ đình thần đưa giấy sức bảo quan binh nơi ấy, kính biết uy đức triều đình ; hiện công việc 10 phần, đã được 8 - 9 phần, đều nên để tâm cố sức làm, cốt sao trong tháng xong được, để kịp kính rước bày biện đồ thờ ; hoặc trái lệnh coi nhờn, thì một mặt huỷ bỏ không thèm làm, một mặt rút về nghiêm trị".

Tôn nhân phủ và các văn, võ đình thần tâu rằng : "Bọn thần, kính xem lời phê bảo, khôn xiết sợ hãi đổ mồ hôi ; trộm xét việc làm tôn cục, là chí tình, chí công, tất cả các quan đều cùng một bụng, lần lượt phái quân số, chi hơi nhiều, lại được ngự giá chỉ bảo, phê sức rất khẩn, thế mà kể ngày đã lâu, chưa tâu xong việc, tuy là các quan đổng lý không được việc, mà ngày thường không chịu cùng bàn làm gấp, cũng là tội của bọn thần, đã tuân theo lệnh tư cho công sở ấy theo làm đúng hạn.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh là Hoàng Hữu Thường, sung Phó tổng tài ở Quốc sử quán.

Vua ngự điện Văn Minh coi chầu, vời Bảo quốc huân thần là Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ, cho ngồi và ban cho nước chè, nhân hỏi : "Ngươi đi chuyến này có được yên lành không ?" Nguyễn Hữu Độ tâu nói : "Thần vẫn có chứng đờm, 2 - 3 tháng nay hơi đỡ, gần đây nhân công việc nhiều, lo nghĩ khó nhọc, chứng ấy lại phát ra.

Vua nói : "Ngươi là người kỳ cựu, có đức lớn, trong triều ngoài nội đều dựa bàn vững chắc, nay quan chế thuốc, thuốc men rất nhiều, sở Thái y cũng có người nếu có cần đến, không phải là thiếu, người nên khéo bồi bổ, cho chóng khỏi, để giúp trẫm cùng mưu toan việc chính mới được". Nhân hỏi : "Công việc bàn bạc và xếp đặt ở Bắc Kỳ ra sao ?". Hữu Độ tâu nói : "Thần chỉ có kính biết uy đức của triều đình, hết lòng hết sức, chăm chỉ vỗ về, cốt cho giặc dẹp hết, dân được yên, thái bình thấm khắp, đó là lòng nghĩ nhỏ hẹp của thần, để không phụ công gây dựng, để báo đáp lòng yêu lớn của nhà vua, trong muôn phần được lấy một phần.

Từ tháng 2 tới nay, cục Thiên thành, điện Truy Tư, đền Hân Vinh, hành cung Vạn Tuế, nhà nghỉ mát ở sông Hương, mọi việc đều khởi công làm, các hạng lính thợ, đến làm việc hơn 3.000 người ; còn bất thần phải bắt người khiêng chở, không ở trong số đó và Thiên thành hữu cục cũng có Chỉ bắt đầu làm.

Viên Toàn quyền Ba-tô và Nguyễn Hữu Độ vào Kinh, liền viết mật thư can gián, tôn nhân, đình thần nhân đó dâng sớ nói : "Công sở Thiên thành tôn cục, gần đây tiếp được tờ trích lục của viện Cơ mật, hoặc hoãn làm, hoặc đình công, bọn thần ngờ và lấy làm lạ, đã tới hỏi quan viện ấy, mới rõ việc ấy là bởi công việc

nhiều, gấp, nên sinh lời bàn tán, trong đó người thừa hành, gián hoặc có gièm pha để mong được vua yêu, cũng vì soi xét, có khi không tới. Thiết nghĩ đạo hiếu phụng của đế vương, không ở hư văn ; sau khi nước nhà mới yên, càng nên dè dặt, kính làm Tôn cục, cố nhiên là tình lễ phải thế ; nhưng công việc cùng làm một lúc, không khỏi nhọc phí, nước Pháp bảo hộ chỉ lấy lợi ích làm cần nhất, phàm việc làm của ta, không việc gì là không nhòm biết. Viện thần nói ra là bởi lòng thành yêu vua, cũng là vạn bất đắc dĩ ; vả lại, lỗi của vua, như mặt trời, mặt trăng bị lấn, người đều trông thấy, đổi lỗi không mến tiếc, cũng là đức tốt của đế vương đời xưa, các việc viện thần đã xin, xin đợi lệnh chuẩn cho, do Các thần theo phiếu, xuống Dụ cho trong ngoài được biết, để đều đội đức nhân minh, đó là phúc của Xã tắc, cũng là phúc của thiên hạ thần dân". Vua nghe theo.

Châm chước tính giảm công tác ở cục Thiên thành và đình bãi công việc các sở Vạn tuế hành cung.

Xuống Dụ rằng : "Bậc vương giả tỏ lòng yêu thân, chỉ có người thường bởi tình mà đặt lễ ; bậc nhân quân làm việc chính, chỉ cốt lấy đức, nên tiết kiệm mà yêu dân, đương lúc thiếu, làm ra thừa, chả là không nên ư ! Trẫm vào nối nghiệp lớn, đến nay đã 3 năm, e dè, sợ hãi, ngày ngày cẩn thận. Thường nghĩ : Lấy một người trông nom cả nước, không lấy cả nước cung phụng một người, yêu dân chưa từng bỏ im chút nào. Gần đây, kính làm Thiên thành tôn cục, Hữu tôn cục và các công sở, phái binh, đinh, bắt phu, thợ, sai văn, võ đổng lý đại thần, kiêm giữ công việc, đó là lòng nhớ đến gốc nguồn của trẫm, do ở tình người khó mà thôi được, mà có việc vạn bất hoạch dĩ ấy ; nhưng sau khi nước nhà mới yên, bốn phương chưa được yên ổn cả, sức dân chưa thư thả, kho tàng chưa dồi dào, công việc đều làm một lúc, không khỏi nhọc phí, tình lễ như thế, thời thế như thế, trẫm nghĩ đi nghĩ lại, chưa biết thế nào là phải. Nay đại thần viện Cơ mật và Tôn nhân, văn, võ đình thần cùng lời dâng lên xin tuỳ tiện châm chước mà làm mọi lễ như thế, trẫm xem cho là thích hợp, xem quả là đúng hiện nay Thiên thành tôn cục và Vạn tuế hành cung xây dựng còn nhiều, vậy chuẩn cho những nơi hiện bắt đầu làm như : Điện Truy Tư và tả hữu Đường viện, Hân Vinh từ đường, cùng những nơi được làm kế tiếp như : Cửa cung, nhà trực phòng, sở Thượng thiện ; những nơi đã làm xong như : các toà Vạn tuế chính điện, liệu để lính 600 người các hạng, thợ 200 người, chuyên do Đổng lý đại thần là Nguyễn Gia Trinh, theo cách thức kế tiếp mà làm cho tới khi xong. Còn Thiên thành hữu cục, tạm dựng cột lên, giao cho dân canh giữ, đợi 1 - 2 năm sẽ làm ; ngoài ra các sở Thiên thành tôn cục, Vạn tuế hành cung, hoặc đang bắt đầu làm, hoặc chưa bắt đầu làm đều hết thảy đình chỉ và hiện sung đổng lý, thương tá, tham tá và tuỳ phái viên binh, hết thảy đều đình bãi, cho đỡ những phí, mà thư sức

người". Sau Nguyễn Hữu Độ ra Bắc (về Kinh chiêm bái, công việc xong, theo lời chuẩn, lại ra nha Kinh lược nhận việc) lại dâng sớ nói : "Thần từ khi được về triều, cùng với viện thần và đình thần, tâu xin mọi khoản, nay được nghe theo ; duy gần đây kính xem trả lời tờ tâu của viện, bộ, thấy phê bảo mọi lẽ, thần 2 - 3 lần nghĩ ngợi, càng thấy sợ hãi, rất lo lòng hiếu phụng của Hoàng thượng chưa tự giải được, ngày đêm lo nghĩ, cái tình trên dưới nhân đó ngăn cách, mọi người thường mang lòng sợ hãi, thần càng phải quá lo. Vả hiện nay, thời thế khác việc cũng khác, đã khó lại khó thêm, động cử của ta người đều nhòm biết, tưởng nên vua tôi cùng đức, trong ngoài một lòng để duy trì toàn cục".

Vua nói : "Chí tình do lẽ mà ra, can gián cũng là phải, ngươi hết lòng giúp ta, chóng thành vua có tiếng tốt, ta đã biết hết, ngày càng kính trọng".

Chưởng vệ Thượng tứ, kiêm quản vệ Kiền thị là Lê Thuận Lý có tội, phải phát đi an trí ở tỉnh Bình Thuận. Trước đây, người Pháp tới viện Cơ mật nói rằng : "Hỏi ra được biết ở triều đình, đôi khi có tên nịnh thần chuyên việc ton tót, sợ nhà vua lầm nghe, tất đến hại việc, đình thần sao không can ngăn và xét xử thế nào cho khỏi mất thể thống. Sau Tôn nhân phủ và đình thần cùng lời chỉ rõ các tội lớn dối nịnh của Lê Thuận Lý, đem việc cũ đời Tống như Trương Vịnh xin chém Đinh Vỵ, nhưng cuối cùng được giảm phải tội lưu.

(Tờ sớ rằng : "Chưởng vệ là Thuận Lý bình sinh vốn không có tài cán, chỉ đem thói nịnh ấy, dần đã làm được quan to, từ khi được sung Thương tá ở Thiên thành tôn cục tới nay, phàm có tâu xin, bọn thần chưa được thấy nghe, không dám phỏng đoán, nhưng đem việc lớn mà nói : Tức như đường ngự lộ ở Khiêm lăng, là chỗ tôn nghiêm, ở nhà thờ ấy là vâng thánh sắc xây dựng, là người thần tử nên phải một lòng tuân theo mới phải, thế mà một mặt thì phụng sắc Chỉ cấm những người qua lại kiêng tránh, mà y dám tự tiện đem tre gai ngăn chặn (đường ngự lộ Khiêm lăng), một mặt thì phụng chuẩn. Hiện giao cho quan có trách nhiệm xét lại, sức cho dời đổi đi, mà y đã đem binh đinh triệt phá (nhà thờ ở đó) ; và ấp Cử Sỹ là nơi xa ngoài hạn tôn cục, nguyên không cho đuổi, y bèn tự tiện dựng lên cột cấm, doạ nạt bình dân, chỉ biết nhân việc công làm việc tư, mà không biết dân quy oán, đổ cả cho nhà vua, việc làm như thế trên thì không trung với tiên đế, dưới thì để hại cho nhân dân, đã phê bảo quở mắng, nhưng chưa vội gia tội. Nay quan Pháp có lời nói ấy, nếu không chỉ rõ tội danh, thì không răn bảo được kẻ gian nịnh, mà cho người nghe tín nhiệm. Khi xưa, Đinh Vỵ lừa dối Chân Tôn, làm hết của cải trong nước, làm hại sinh mệnh nhân dân, để dựng cung quán, Trương Vịnh còn xin chém Vỵ, để đầu ở Quốc môn để tạ tội người trong nước ; huống chi Lê Thuận Lý, làm tôi không trung, so với Đinh Vỵ lại là tội nhiều hơn, vẫn phải xin Chỉ cho đem chém ngay,

ngõ hầu trị một người răn được trăm người. Duy xét y là ngu độn, vội ghép vào nghiêm hình, chắc nhà vua cũng không nỡ ; vậy Lê Thuận Lý xin đợi lệnh gia ơn, lượng xử tội lưu, phát đi an trí ở Bình Thuận để cho mọi người trông thấy, mà hết được mầm ác ; rồi đưa thư cho quý Toàn quyền đại thần và bá cáo khắp trong ngoài để cho đều biết Hoàng thượng ta cao minh quyết đoán, giống quỷ luỵ không trốn tránh được, tà chính rõ ràng, trong nước đều biết sợ phục, là lòng mong muốn nhất của bọn thần). Rồi thì con hắn là bọn Thuận Vũ, xin thay tội cho cha, Lý bèn được đi an trí ở Quảng Trị.

Tổng thống chánh Toàn quyền là Dê-đô, quyền Toàn quyền là Ba-tô vào yết kiến để bàn định số tiền ở Bắc Kỳ tải vào tất cả 4 năm (sang năm trở vào Kinh 500.000 quan, năm thứ 2 : 1.000.000 quan, năm thứ 3 : 1.500.000 quan hoặc 20.000 quan, năm thứ 4 : 2.000.000 quan) và giao trả trong thành cho nhân dân vào ở. Sau ra Bắc còn đưa thư đến chỉ nói : "Năm nay trích tải vào 100.000 quan, còn như sang năm trở về sau, đợi ngạch thuế tăng thêm sẽ định".

Quan Khoa đạo là bọn Nguyễn Văn Bân và Nguyễn Phụ, đem hặc tội quan bộ Hộ (Thượng thư Đào Tiến, Tham tri Lê Trinh) tư tình che chở cho người buôn nước Thanh là hiệu Công Xương nhận chở gạo của Nhà nước ; đại khái nói : "Hiệu buôn ấy thiếu gạo của Nhà nước (2.004 tạ), trước đã được ban ơn cho miễn 5 thành, còn phải bồi thường 5 thành ; nay thì xin bồi một nửa, hoãn một nửa, mà giá cước còn thừa của y (tiền là hơn 1.900 quan, bạc là hơn 2.800 đồng), thì cho cấp trả cũng đủ số và người buôn ấy thực có tiền bạc ở kho Nhà nước, có thể khấu trừ được, không phải như người không có sức lực. Bộ ấy lại xin giúp cho lùi hạn, đối với quốc kế thì coi như không có quan hệ ; mưu cho người buôn thì không việc gì là không làm, xin đem giao cho xét xử".

Vua mới chuẩn cho và giao cho các quan bàn, quan bộ ấy đã dâng sớ nói : "Bọn thần không có tài, được bổ vào chức khuyết, kê vào ty Tài phú ở bộ, dễ sinh điều tiếng, lời của Khoa đạo hình như muốn đành lòng như thế, bọn thần nếu vẫn cứ giữ cho đủ số, tự hỏi trong lòng rất không tự yên, xin cho cất chức việc ở bộ, tại ngoại hậu cứu". Vua không cho.

Tới khi các quan bàn : "Người buôn ấy để thiếu gạo của Nhà nước, nhiều lần làm tờ tâu xin chước giảm số bồi thường (một lần 7 thành, một lần 5 thành) là lần trước viên khác làm ; lần này lời xin của quan bộ ấy, chỉ có một khoản cho bồi thường một nửa và lùi hạn một nửa, nghĩ nên theo luật trái lệnh, phải phạt bổng 9 tháng ; quan Nội các biên phiếu nghĩ định, xin giáng 1 cấp lưu, nhưng 2 viên ấy (Đào Tiến, Lê Trinh) dự sung làm việc ở viện, theo lệ có được giảm, xin đợi Chỉ chuẩn cho. Vua gia ơn cho phạt bổng 1 năm.

Bộ Lễ tâu xin về việc thi Hội.

Trước đã chuẩn cho đến tháng 11 năm nay thì cử hành, duy hiện nay là kỳ mưa lụt, trong Nam ngoài Bắc đường sá xa cách, sĩ tử đi lại không tiện, xin lui gia hạn đến sang năm, sẽ xin cử hành.

Xuống Dụ chuẩn cho nhượng giao cho các xứ Hà Nội, Hải Dương và Quảng Nam. (Mặt phố Hà Nội, Hải Phòng ở Hải Dương và Đà Nẵng ở Quảng Nam) ; đều do viên Toàn quyền kinh doanh khai thương.

Khi trước viên Toàn quyền vào yết kiến, tới lúc cáo từ về, nhân dâng đồ bản những xứ ấy, xin nước ta nhượng giao cho để tiện khai thương. Vua nghe theo.

Sai dự chọn cát cục[1] của Trang Ý Hoàng thái hậu. Đình thần tâu nói : "Hoàng thái hậu sống lâu mạnh khoẻ, còn được thêm phúc, thọ như rùa, hạc bền lâu ; xin do Khâm thiên giám xem chọn đất tốt, xây dựng lăng sở, quan ở giám ấy kính chọn ở bên tả trong La thành Khiêm cung ; đình thần cho là : Nơi ấy nếu theo chiểu cách thức Hậu lăng, rất không tiện, xin tham chiểu cách thức Bồi lăng mà làm (bấy giờ thuộc viên ở Giám là Trần Đức Phương cùng Lê Bá Đôn, về cách để hướng gì, mỗi người giữ một thuyết. Phương xin để : Toạ Càn, hướng Tốn, kiêm Hợi, Tỵ ; Đôn xin để toạ Nhâm, hướng Bính, kiêm Hợi, Tỵ, sau theo lời của Phương ; Đôn giao đình nghị, rồi cho là nhẹ được miễn).

Cho Chưởng vệ là Nguyễn Gia Trinh, chuyên coi công việc ấy.

Tháng 9, nguyên Thượng thư bộ Công, thự Hiệp biện Đại học sĩ là Lê Hữu Thường về hưu trí. Theo lệ cấp bạc 20 lạng, sa hoa thuần tơ, nhiễu ta, nhiễu Trung Hoa mỗi thứ 1 tấm. Tới khi chết, vua nghĩ Hữu Thường từng sung công tác ở cục Thiên thành, gia ơn cấp cho bạc ở kho 50 lạng, để tỏ thể tất. (Thường xuất thân đỗ Cử nhân, người tỉnh Quảng Trị).

Ở Hữu trực kỳ (các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An) bị bão lụt lớn (nhà cửa, thuyền bè, lúa má của nhân dân phần nhiều bị hại). Cho quan các tỉnh liệu phải tính cách cứu giúp.

Cho Thượng thư bộ Lễ là Tôn Thất Phiên, kiêm trông coi công việc bộ Công, Phiên dâng sớ từ chối.

(Đại khái nói : "Thần thẹn ở chi xa, lạm dự có tên trong sổ làm quan, nhờ được lòng yêu, cất đến bậc khanh, dẫu nát xương tan thây cũng chưa đủ báo đáp. Lại nói : Tài thường gánh nặng, đã biết không thể làm được, sức chẳng theo lòng, rất không thể xứng đáng đầy đủ được).

Vua bảo : "Cố gắng lên sẽ thay đổi chưa muộn".

---

(1) *Cát cục* : ngôi đất để mộ.

Cho Tuần phủ Quảng Nam là Hoàng Vỵ thăng thự Thượng thư bộ Công, sung Cơ mật viện đại thần. Vua bảo : Ngươi nên gắng lại sức thêm, để giúp được việc, mới là không phụ danh vọng của thế thần.

Nguyên Thuỷ sư Đô thống ở Kinh kỳ đã hưu trí là Nguyễn Bái (người Thừa Thiên) chết.

Đổi nha Kinh lý ở An Khê làm huyện Bình Khê, đặt quan lại cai trị. Huyện ấy thuộc miền thượng du ở Bình Định, trước đặt nha Kinh lý, Nhà nước cấp cho trâu cày, đồ làm ruộng, mộ dân cày cấy khai khẩn, hiện thành ruộng đất hơn 900 mẫu, hộ khẩu hơn 800 người. Đến nay, quan tỉnh ấy xin đặt làm 1 huyện, để có thống suất, lại trích thêm dân 18 thôn ở huyện Tuy Viễn, giáp gần huyện ấy (Bình Khê), cho lệ thuộc vào.

Vua theo lời bàn ấy.

Tổng đốc lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh là Vũ Khoa, vì ở ngoài đã lâu, xin về Kinh chiêm bái. Vua y cho.

Sai trung sứ mang áo rét ban cấp cho Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Độ. Bấy giờ, Độ đương mắc bệnh, dâng sớ nói : "Áo tốt lành ban cho, bệnh trầm trệ liền khỏi, may bóng dâu chưa xế, mong có thân này, dẫu sương tuyết không nề, dám đâu yên rỗi".

Tuyển con em quan viên (người nào thông minh, nhanh nhẹn, tuổi từ 15 đến 22) lấy 5 người, cấp cho tiền phí tổn (mỗi người 100 đồng), cho sang thành Ba Lê bên Pháp học tập chữ Tây (trước đã tuyển 20 tên cho đi, nay Khâm sứ Hách-tô tư tuyển 5 người nữa).

Sai tỉnh Bình Định và Phú Yên khẩn cấp thu tiền phạt. Năm trước, các thân hào ở 2 tỉnh ấy khởi sự, người Pháp phái Trần Bá Lộc đến dẹp yên, định phạt một số bạc (Bình Định phạt bạc 75.690 đồng, Phú Yên phạt bạc 60.520 đồng). Viện thần nhiều lần đã đưa thư cho viên Toàn quyền xem xét, châm chước cho giảm 19.210 đồng. Nay Khâm sứ Hách-tô tư hỏi số bạc phạt ấy, 2 tỉnh ấy mới thu được 43.200 đồng. Viện thần làm tờ tâu xin hạn cho 1 tháng bắt phải thu xong đệ giao cho viên Toàn quyền xét nhận.

Năm ấy tới kỳ tuyển duyệt : Tỉnh Khánh Hoà tư xin người nào là quan viên và cử nhân, tú tài, trước đã theo giặc ra thú, thì chiểu lệ miễn sai, ghi vào sổ, nhưng ở bên cạnh tên, chua những chữ : về quê làm ăn yên nghiệp đợi xét. Viện thần cho là làm như thế chưa được hoàn toàn chu đáo, nên chua lại những chữ do "ra thú được miễn", tỉnh khác cũng theo đó mà làm.

Thượng thư bộ Công là Tôn Thất Phiên bị biếm. Trước đây, bộ Công chế kiểu cách làm lầu ở cửa Ngọ Môn, để phòng đấu xảo ; kiểu ấy chuẩn cho bàn với viên

Khâm sứ, xem ý có hợp không ? Phiên tâu nói : "Thần đi đến công sở Kinh thương, vừa gặp viên Khâm sứ đã nói chuyện thì được hợp ý".

Vua cho việc ấy liên quan đến tấu đối, mà nói chuyện ở ngoài đường, không phải là phong hiến đại thần, cho biếm 1 trật để tỉnh ngộ.

Đình bãi thuế ngựa ở tỉnh Bình Thuận. Lệ trước có làm trường đua ngựa, thu thuế khoá, nay sở Thương chính của Pháp ngăn cấm. Viện thần đem việc ấy tư đi để thương lượng ; viên Toàn quyền bảo trả cả về Thương chính, cho đỡ phiền phức.

Mùa đông, tháng 10, Khâm sứ Hách-tô về nước, vào chầu để cáo từ. Cho trích lấy đồ vật ở kho để khoản tặng (các thứ khay chè bằng ngà voi, tráp, hộp bằng xà cừ, gấm hoa, đồ bằng ngọc), vì cớ sứ thần đến làm việc, có lòng bàn bạc giúp đỡ).

Cho Trương Như Cương (nguyên thự Tổng đốc Thanh Hoá bị cách lưu, về Kinh đợi lệnh), đổi bổ làm Tham tri, lĩnh Thượng thư bộ Hộ, sung Cơ mật viện đại thần, Kinh diên giảng quan, miễn cho cách lưu.

Xuống Dụ rằng : "Như Cương từng làm quan đầu tỉnh, giao thiệp cũng hiểu biết, không nên vì tý vết mà bỏ, vậy gia ơn cho đổi bổ, đó là đặc ân, ngươi nên tiến lên phải nghĩ tận trung, lui về phải nghĩ sửa lỗi, cốt làm thế nào giúp được công việc, mới không phụ mệnh lệnh của trẫm". Như Cương dâng sớ từ chối. (Đại khái nói : "Bộ Hộ là chức giữ tài phú, là nơi quan yếu trong khu phủ ; tài khinh thường gánh trọng trách, thực biết không thể kham nổi, kính xin cho chức Tham tri Thương tá ở bộ, viện, ơn vua lộc nước, ngày hãy còn dài, nếu hoặc giao cho chức quan yếu, không dám lại phạm phải tội lỗi).

Vua phê bảo cố gắng hơn lên, không cho.

Quan Kinh lược đại sứ ở Bắc Kỳ là Nguyễn Hữu Độ vì ốm xin nghỉ.

Vua nói : "Nhiều lần thấy ngươi vào hầu, vẫn có vẻ ốm, lòng trẫm vẫn để bụng thương đã thăm hỏi, ngươi chưa dám tâu thực, nhưng cũng đã biết", bèn y lời xin ấy.

Giáng Thường quốc công là Hồng Kiện và Vinh quốc công là Hồng Truyền làm quận công. Khi trước ngày sinh nhật ở điện Phụng Tiên, vua ngự đến làm lễ, hoàng thân, công tử phần nhiều vắng thiếu. Vua bảo : "Kiện, Truyền vốn thiếu hạnh kiểm, trước được quốc công, là do may mà được, thực không cảm sợ, để giữ lấy địa vị, cho giáng làm quận công để răn, còn thì những người vắng thiếu, giao cho đình nghị".

Nêu khen người tiết phụ ở Thừa Thiên (Nguyễn Thị Thừa, được hạng bình).

Vua cho hạt Thừa Thiên, gần gũi nơi đức chính trong sáng, có người trọn vẹn tiết nghĩa như thế, gia ân thưởng cho 1 súc lụa dày để tỏ khuyến khích.

Viên Toàn quyền đại thần ở Kinh là Lê Na mới tới Kinh, vào yết kiến, và dâng thư chúc mừng, lời ý rất thân hậu. Viên thần xin vua phê đáp lại cho trọng sự thể.

Vua viết lối phi bạch [nét chữ đều hở ở giữa] đáp lại rằng : "Vẫn nghe tiếng quý đại thần là người đã có phẩm hạnh, danh vọng, lại được khâm mệnh bảo hộ nước tôi, đóng ở Kinh đã lâu ngày. Nay lại tới, quả nhân này rất là mừng rỡ, chỉ mong quý đại thần, từng trải du quan lần này, so với trước như thế nào ? 1. Là để biết tình giao hiếu của bản quốc thế nào ? 2. Là để biết lợi hại của bản quốc so với trước thế nào ? 3. Là biết vận nước, lòng trời thế nào ? 4. Là để biết nhân tài và sức dân thế nào ? Ôi ! 4 điều ấy, nếu quả biết rõ tình thực, thực là muôn lạng vàng cũng không bằng. Quả nhân này là con thứ 2 của Tiên hoàng đế, kính được nuôi dạy 3 người, chỉ còn kẻ liều mạng này, để giữ cơ nghiệp to tát ấy, hoặc vì cớ ấy nên mệnh trời cho, lòng người theo, tưởng không phải dễ dàng mà được ; quả nhân thường thêm sợ hối, chưa dám thong thả nghỉ ngơi, cốt sao trên thì hậu nghĩa môi răng, dưới thì yên lòng dân chúng, duy tình thế hình như không thể song song đứng được, nên thường lo buồn quá lắm. Vả lại, nước tôi được Cao hoàng đế khó nhọc mở mang, lại biết những người anh tài ở quý quốc, sau này không ai địch nổi, mới không từ hiểm trở trèo non vượt biển, để cầu viện, mưu tính rất là xa, may mà toàn đồ sớm được chấn chỉnh lại, cũng là nhờ các người tài giỏi của quý quốc, hết lòng hết sức giúp đỡ, mới có ngày nay. Quý đại thần tới đây thay quyền một nước, để làm việc của một nước, thể thống long trọng và to lớn, vừa vẫn có tiếng khen là từng trải, có biết quả nhân là người thế nào ? Là cháu trưởng của Cao hoàng ; các đại thần là người thế nào ? Là con cháu bậc tiên hiền, quả nhân đức mỏng, tài sơ, duy nhờ tả hữu có người, cũng đủ giúp ta những điều không nghĩ tới. Vả lại, sĩ phu trong Nam, ngoài Bắc đều nói : Con của vua ta, hình như mong cho chóng thành đem lại được nghiệp trung hưng. Gần đây, gió dần hoà, mưa dần thuận, bệnh trừ dần, lo dần hết, đó là ở trời. Còn như các quý đại thần, đều là tướng tài ít có hai, quốc sĩ chỉ có một, nước tôi còn dám có bụng dạ nào, chỉ mong sớm được thấm nhuần ơn thực. Gần đây, thấy báo *Tân văn* của quý quốc có nói : Các địa phương của nước tôi, tất phải quý quốc thống quản, thực không rõ lời nói của người ấy sao không nghĩ tới lòng thuỷ chung, tình lý thích hợp mà nỡ để cho người chịu đau khổ như thế, há yên tâm ư ! Lại không biết vũ trụ rất bao la rộng rãi, công việc tạo hoá chia thành các nước, cho dễ làm việc, nuôi trị được dân, khiến cho noi theo đạo lý, không phải khiến cho đánh nhau, nếu có đánh nhau không khác gì anh em trong nhà đánh nhau, sau vẫn phải hoà thuận, thực là ở trên quả địa cầu đều là anh em một nhà cả. Lại há không biết quý quốc là nước có nhân nghĩa mạnh lớn, đối với các nước chưa từng lấy đất lấy dân, sao riêng nước tôi là nước yếu nhỏ, mà nỡ thế chăng ? Lại há không biết thà giữ hoà hiếu cùng yên ổn với nhau, không nên tự cố

sức mà bức hiếp lẫn nhau, vì yên thì nghỉ ngơi, bức bách thì khó nhọc, người này nghỉ ngơi, người kia khó nhọc, lẽ không phải cả hai, chi bằng thực tình cố kết, hết sức giúp nhau, nước tôi ngày thêm thịnh lợi, tức là quý quốc cũng lợi vô cùng. Mọi lẽ trên đây vì viện thần dâng tờ tâu xin phê đáp lại, để thông tình với nước ngoài, cho nên bất đắc dĩ bản thảo ở trong bụng, một phút là xong, viết ngay đáp tạ, không phải quả nhân này dám dùng văn rườm lời. Vả, các quan trong triều đều là lão thành luyện đạt, đợi gì kẻ vãn sinh phải phiền bảo, chỉ muốn đạt tình ý cùng tin nhau một vài phần mà thôi, may mà quý đại thần đem lòng nghĩ đi nghĩ lại, theo lời ước mà thi hành, tự nhiên lợi lạc cùng hưởng, còn may nào bằng, hoặc việc có nên đem đề đạt lên quý quốc giúp, soi thấu lòng âm thầm, thì công đức của quý đại thần không biết chừng nào !".

Viên quan đồn người Pháp đóng ở Quảng Bình, đi đem vua Hàm Nghi về cửa Thuận An, nhân đáp tàu thuỷ đem đến ở đất Anh-xa-nhi (gần địa giới nước Pháp). Trước đây, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Định Tình tới đồn Pháp đầu thú, xin đón Xuất đế về, quan Pháp bèn cùng đi tới xứ Thằng Cục (thuộc thượng nguyên Tuyên Hoá). Bấy giờ, vua Hàm Nghi cùng 2 người đi theo, đương gối đầu vào gươm ngủ say, nghe quan Pháp chợt đến, sợ hãi dậy chống cự. Quan Pháp nắm tay vua, Lê Hợp (con của Thuyết) vung gươm ; một là muốn đâm quan Pháp, một là muốn đâm Xuất đế, không cho sống để về, viên quan Pháp liền giết chết ngay, đưa Xuất đế về tỉnh. (Xuất đế không chịu nhận là thực, quan tỉnh Quảng Bình hỏi ra mới biết viên huyện Tuyên Hoá là Nguyễn Nhuận, năm trước Nhuận từng sung chức Dực thiện, sai viên ấy đến xem, báo quả là đích thực).

Việc ấy tâu lên, xuống sắc sai quan tỉnh ấy phái người được việc hộ vệ về Kinh chiêm bái, bộ Binh phái quan đến địa đầu phủ Thừa đón tiếp và sửa sang phủ khi còn ẩn náu, để kịp đưa về ở đó. Liền tiếp được viên Toàn quyền Lê Na đến viện Cơ mật thương thuyết, được điện báo của quan đồn, Xuất đế tính rất bất thường, có ý không nghe, chống cự ; nay nếu rước về Kinh rất ngại, nghĩ nên đưa về ở chỗ khác, đợi 1 - 2 năm, nước ta yên ổn cả, sẽ xin đưa về. Viện thần đáp rằng : "Như thế sợ phụ tấm lòng của nhà vua mấy năm nay vẫn tưởng nhớ, nghĩ nên theo lời chuẩn đưa về Kinh, có nên thế nào, được bàn ngay trước mặt nhà vua cho chu đáo mà làm". Viên Toàn quyền đáp rằng : "Chậm 1 - 2 hôm rất là ngại, đợi đưa về cửa Thuận An, xin cho đình thần mấy người, theo viên đại thần ấy đến thăm hỏi, việc xong tức thời đáp tàu đi ; vả việc ấy, không những chủ ý của Toàn quyền, chủ ý của triều đình Pháp cũng định như thế. Huống hồ, Xuất đế là em nhà vua, chỉ duy nước ta là biết, còn nước Pháp đều không biết, nay đáp tàu đi, chẳng qua muốn xa thanh tích, phần thì Xuất đế được tĩnh dưỡng tâm tính, phần thì những người trông ngóng, không vin cớ được, đợi khi yên ổn sẽ về, quả không ngại gì, còn như quan Pháp bắt

được ấn vàng bạc và gươm báu 1 - 2 thứ, sẽ xin dâng nộp". Viện thần xét ý nói, hình như đã nhất định, bèn đem việc ấy mật tâu lại.

Vua nói : "Lòng người khôn lường, đường đời nhiều ngả, có quan hệ đến việc xử trí lắm, lòng quả nhân đã định, duy vẫn khó nói, nay quyết đoán như thế, tình cũng đáng thương, nhưng lý hoặc tất phải như thế, thực thấy triều đình Pháp, vẫn nhớ lòng tốt của Tiên thánh Hoàng đế, cho dài hưởng nối nghiệp vua, tấm lòng yêu nhà yêu cả quạ đậu trên nóc là như thế đấy". Bèn cho viện thần là : Đoàn Văn Bình và Lê Trinh, cùng với Tham tri bộ Công là Phạm Bỉnh ; 3 người ấy vốn biết rõ trạng mạo Xuất đế, đến cửa Thuận An thăm hỏi. Khi về tâu rằng : "Được thấy hình dung nét mặt, quả đã mười phần đích thực, duy mặt xanh xao, nghe nói mấy hôm nay hơi bị cảm, lúc ngồi cùng với người Pháp nói chuyện, tính hình như thất thường, còn như ngày nào đáp tàu đi, quan Pháp có ý rất cẩn mật, không dám hỏi rõ".

Vua nghĩ Xuất đế đã về, nên phải xuống Dụ để bá cáo.

Dụ rằng : "Vương giả đổi mệnh lớn, thuận ở trời mà ứng ở người ; người nhân đối với anh em, phải có nhân nghĩa cho hết đạo ; Nhà nước ta, trước nhân ách vận, quyền thần lộng quyền, bức bách em nhỏ ta là Ưng Lịch, lập lên làm vua, để thoả lòng riêng, rồi sinh mất hoà khí, hỏng việc, ức hiếp vua phải chạy, làm mê hoặc lòng người, để hại cho trăm họ. Trẫm nối ngôi lớn ấy nay đã 3 năm, thêm nghĩ đến người chạy ở nơi xa, từ đó đến nay, xuống Dụ bảo đón về ; cho lập tước công, không ngại đến 2 - 3 lần, mà quý quan vẫn dốc lòng bảo hộ, cũng thời thường tìm hỏi không được, may mà tháng trước Trương Quang Ngọc ra thú, tình nguyện chỉ bảo để đưa về ; quý đồn quan hiệp cùng với quan ở quân thứ đem quân tinh nhuệ vào xứ Ngả Hai ; bấy giờ quan Pháp vào thẳng đích chỗ ở, ở bên cạnh còn có con nghịch Thuyết là tên Hợp, cầm gươm ý muốn đâm giết Xuất đế, quan Pháp bất đắc dĩ phải giết chết tên Hợp, tức thời đưa em ta về đồn Đồng Ca, khoản đãi rất hậu, liền đánh điện tâu cho biết. Ta khôn xiết vui mừng, tức thời chuẩn cho quan tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị chỉnh đốn nghi vệ nhận đưa về, ở địa đầu phủ Thừa Thiên, phái ấn quan văn võ đem viện binh đi ngay để đón tiếp ; lại chuẩn cho khẩn cấp trần thiết nơi nhà cũ của trẫm để làm chỗ ở, về lòng hữu ái của trẫm, chắc tai mắt mọi người ai cũng trông nghe thấy. Sau tiếp được quý Toàn quyền đại thần, bèn xin nên giao cho quý quan đi đường thuỷ đưa về cửa Thuận An. Cứ theo lời bàn của viên Toàn quyền và các đại thần Đô thống trình bày công ấy hiện nhân khí lam chướng, tích thành cố tật, nước ta chữa chạy sợ không được khỏi, quý đại thần rất không yên tâm, chi bằng danh y ở quý quốc học thuật giỏi hơn, nên giao cho quý quan đưa về quý quốc, chọn nơi nuôi nấng, giữ gìn, ngày thêm thuốc chữa, quyết hẳn sớm yên, sẽ lại đưa về, xin đừng quan ngại, các ý như thế, quý quan kính yêu

như thế là tốt lắm, trẫm cũng lấy làm may. Nhưng nghĩ công ấy luyến mến cửa khuyết, tình rất ân cần, đã bàn đến Kinh thăm viếng, nhưng ngày đi đã ấn định, chưa theo đúng lời ấy, nhưng đó là do lòng thành ái của quý quan, không tiện lấy tình riêng ngăn trở, sợ mất lòng tốt ; trẫm đã phái quan đi theo liệt quý đại thần đến cửa Thuận An thăm xét, quả đã mười phần đích xác. Vả lại, trời không thể có 2 mặt trời, nước không thể có 2 vua, em ta là Ưng Lịch, thực đã về đến nơi, nghĩ nên tập phong tước công, để phù hợp với lời Dụ trước, còn 2 chữ "Hàm Nghi", cấm không được quen như cũ đề viết xưng hô, nếu gặp việc gì nói đến, chiểu theo tước danh gọi là quận công Lịch, cho chính danh phận, mà khỏi trái vượt. Sĩ phu các người, cùng hiểu bảo cho nhau, hễ có kẻ phạm, càng phải trị tội nặng không tha. Ngoài ra, phàm các bọn giặc trốn tránh, nay đã không vin cớ được, phải lục tục báo dẫn bè đảng, hoặc bắt chém tên đầu mục, đến thú ở quan địa phương, sở tại, để tỏ lòng thành thực hối tội, sẽ có xử trí. Nếu đã bảo ban, còn dám xưng viết nguỵ hiệu, mượn tiếng dụ dỗ, tụ họp nhiễu hại dân nơi ấy, sẽ phái quan quân đến đánh dẹp dữ dội, cho yên lòng dân. Còn như nghĩ phong cho công ấy làm quận công và phân biệt nghĩ thưởng cho bọn Trương Quang Ngọc chỉ bảo được đúng sự thực, giao cho tôn nhân, đình thần bàn định cho thoả hợp, tâu lên đợi trẫm định đoạt. Tờ Dụ này phải sao lục ngay, giao cho mỗi tỉnh 1 đạo, và quý quan giao in bức chân dung của công ấy, đợi xong, giao cho phủ Thừa Thiên và từ Quảng Trị trở ra Bắc, Quảng Nam trở vào Nam, cùng Ninh Bình trở ra Bắc, mỗi tỉnh 1 tấm, cho đem dán vào yết thị, để cho đều biết mà theo, khi nào ổn thoả cả, sẽ đem bức chân dung ấy đưa về dâng nộp ; phàm thần dân trong ngoài, đều đã mắt thấy, tai nghe, đều nên hiểu biết lòng tốt của trẫm, mà kính cẩn tuân theo".

Thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Binh, sung đại thần viện Cơ mật, Phó tổng tài Quốc sử quán, kiêm quản văn thần Phò mã, Quốc tử giám là Hoàng Hữu Thường chết. (Người phủ Thừa Thiên, xuất thân là Đồng tiến sĩ). Vua Dụ rằng : "Hoàng Hữu Thường văn học đức hạnh ít thấy, rất là đáng tiếc, cho gia ơn truy thụ Hiệp biện, ban cho bạc 100 lạng, tiền 600 quan và các hạng tơ lụa ; con trai, con gái, trẫm xin ngay trước mặt kính viếng 3 cây lụa dày, để có phân biệt.

Cho Bùi Ân Niên sung Phó tổng tài Quốc sử quán ; Hoàng Vỹ kiêm quản văn thần Phò mã ; Đoàn Văn Hội kiêm quản Quốc tử giám ; ngoài hàm sung đều vẫn giữ chức cũ.

Quan ở Khâm thiên giám dâng bản mẫu về khí tiết sang năm, có chia bàn : thượng nguyên, trung nguyên, hạ nguyên và cục số âm dương (đó cũng là việc lý khí của nhà phong thuỷ), cộng 12 tờ ; ngày tháng 10 năm ngoái, sai quan ở giám suy tính rõ ràng, viết kỹ lưỡng dâng lên để xem ; nay việc xong dâng lên.

Toàn quyền Ba-tô tư xét Vũ Văn Báo (nguyên Tổng đốc Sơn Tây) am hiểu tài cán, xin lưu ở nha Kinh lược để đợi bổ. Nguyễn Hữu Độ đem việc ấy tâu để xét lại thanh minh trình. Vua nói : "Báo chưa biết là đủ chăng ?" Sau y cho.

Tháng 11, người đứng đầu giặc là Lê Trực (người Quảng Bình, nguyên đỗ Tiến sĩ võ, làm quan Đề đốc) đem hơn 100 người trong bọn và súng ống, khí giới, đến đồn Thuận Bài đầu thú (có đủ giấy tờ). Viện thần cho Trực đường cùng ra thú, vẫn tự không biết, xem lời lẽ trong giấy có ý ngạo xược (Trực viết hàm của nguỵ, không viết niên hiệu), bàn với viên Toàn quyền, có xử trí riêng, sau viên Toàn quyền nói : "Tên ấy ra đầu thú, quan Pháp đã cho miễn tội, và ước hẹn có hậu thưởng ; nay phạm điều vô lễ ấy, nên đình việc thưởng cho, nhưng cho miễn tội, bắt phải dụ địch, tưởng tất phải hết sức làm việc". Viện thần đem việc ấy tâu lên.

Vua nói : "Quan Pháp còn muốn giảm việc, huống chi là ta, dẫu là một đứa cùng đinh, cũng là xích tử của triều đình, nên cho để tự sửa đổi.

Xuống Dụ rằng : "Đặt quan chia chức, triều đình chỉ vì nhân dân ; dẹp giặc yên dân, tư mục nên hết trách nhiệm ; mấy năm nay các tỉnh men núi ở Bắc Kỳ, vẫn còn bọn giặc, thường quấy nhiễu dân phương ấy, bạo ngược không dẹp, dân sao được yên. Gần đây cứ lời tâu xin của viên Toàn quyền đại thần Lê Na, về cách dẹp giặc, phải trước hết biết chúng, mới tiện trù tính, rất hợp lòng trẫm, vậy giao cho Kinh lược đại sứ thần, thông sức cho các tỉnh, phủ, huyện, hết lòng xét rõ cừ mục của giặc, tên họ là gì, quê quán ở đâu, giặc họ tên gì và chúng dùng phương pháp gì vận chở khí giới, tiền, gạo ; khi tụ họp để quấy nhiễu cướp bóc phải đi đường nào, khi phân tán để ẩn trú ở phương nào ; đã phân tán mà lại tụ họp, dùng mưu kế gì, hết thảy tình hình của địch, cốt phải xem xét kỹ lưỡng, đều do quan địa phương bẩm báo, để tiện bàn với quý quan mưu tính điều khiển, hoặc vỗ về, hoặc đánh dẹp, cho không lẻn trốn được chút nào, dân phương ấy sớm được sống lại nghỉ ngơi, mới là không phụ uỷ thác, nếu hư ứng tạm xong, tất can tội nặng".

Cho Hiệp biện Đại học sĩ, nguyên lĩnh Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp vào Kinh đợi Chỉ. Khi trước, Trọng Hợp xin về quê làm lễ phần hoàng (được cáo sắc truy tặng cho tiên tổ, nên làm lễ đốt sắc sao ở giấy vàng để tổ tiên nhận lấy), sau thường cáo ốm ; đến nay, viên Khâm sứ ở Hà Nội nghĩ viên ấy ở quê đã lâu, tưởng có điều không tiện, nên tư giục vào Kinh đợi lệnh. Sau Trọng Hợp lại xin cho đến tháng giêng sang năm sẽ vâng mệnh vào Kinh ; viên Toàn quyền vì đó đánh điện xin. Vua y cho.

Phan Đình Phùng làm sào huyệt ẩn náu ở sơn phận huyện Hương Khê ; quan đồn Pháp đốt phá đi, thu được khí giới, súng ống các hạng.

Thị lang lĩnh Tuần phủ Lạng Sơn, Cao Bằng là Vi Văn Lý và Tuần phủ Ninh Bình là Lê Văn Duyên, vì già ốm xin về hưu ; Nguyễn Hữu Độ làm tập tâu xin cho. Bộ thần cho là : "Tự Đức năm thứ 7 [1854] có nghị định chuẩn cho văn từ tứ phẩm ấn quan trở lên, như có mắc bệnh xin nghỉ gia hạn, hoặc cáo hưu, dâng sớ tâu xin, là do đặc chỉ tạm thời. Vi Văn Lý là người Thổ, chưa hiểu thể lệ, xin cho không bàn đến ; Lê Văn Duyên từ khi chưa được thực thụ, mới trong khoảng 1 tháng, đã vội lấy già ốm xin về hưu, huống hồ mới đem tình hình ốm đau trình lên để xét, mà viên Toàn quyền đã giục giao ấn, thì ẩn tình trong đó có mượn cớ để trả trách nhiệm hay không, vẫn chưa biết được, lại không theo lệ dâng sớ xin, rất là không hợp, danh khí của triều đình, đâu được cầu may mà được như thế. Vậy Lê Văn Duyên hàm mới được thăng xin cho tiêu đi". Sau lại bỏ không xét.

Vua ngự ở tiện điện nghe chính, cho vời Vũ Khoa yên ủi rằng : "Ngươi là người kỳ cựu, vốn có tiếng am hiểu tài cán, công việc thu xếp sau này, rất là việc khó, gần đây nhân tình thế nào ?". Khoa tâu rằng : "Ở hạ du thuộc hạt thần, đều được yên ổn, duy vùng thượng du bọn Phan Đình Phùng vẫn chưa ra thú, đã bàn với quan Pháp, tiến ngay đến chỗ đóng đồn, không biết trốn thoát phương nào". Lại hỏi : "Hai huyện Cam Môn, Cam Cát, cùng tiếp giáp với nước Xiêm, tình thế ra sao ?" Khoa xin sẽ làm tờ tâu trả lời. Vua lại nói : "Ngươi là người giữ trọng trách một địa phương, về bàn bạc vỗ về thế nào, cốt dẹp được giặc yên dân, để không phụ ý chí trách thành của trẫm. Sau Khoa tâu bày về việc ở 2 huyện Cam Môn, Cam Cát, nói xứ Trạng Mô, huyện Cam Cát, nguyên có đồn của nước Xiêm, hơn 10 nóc nhà tranh, quân đóng trên dưới 30 người. Sau vì mưa lụt, đồn luỹ mục nát, không thấy tu bổ, bất nhật tưởng cũng bỏ đi". Khoa nhân đó xin gia ơn cho 1 tản chức ở Kinh, để được gần đức trong sáng, được dạy bảo ngay, đó là lòng rất mong của kẻ sống thừa.

Vua nói : "Ngươi là bậc lão thành, vẫn chưa rõ dân ở hạt ấy có nghe hay không, không thế, thì như trước nói nhiều không hợp" ngày thứ 5, năm đầu vì ốm xin cáo, đến ngày tháng 2, năm thứ 2, cho đổi làm Hộ đốc ở Bình Định, Phú Yên, dân hạt ấy đều muốn lưu lại, cho bộ tư hỏi dân ở hạt ấy, chỉ theo ở dân, lâu không thấy tâu trả lời, liền cho đi cung chức.

Viên Toàn quyền Lê Na uỷ người trình bày : "Quận công Ưng Lịch (tức vua Hàm Nghi) đáp tàu sang nước Pháp chữa thuốc, về tiền chi phí hằng năm rất nhiều, nước Pháp chi cấp cũng tiện ; duy bên ngoài không hiểu, lại sinh bàn tán, nên do nước ta chi cấp, mới là hoàn toàn chu đáo ổn thoả (cấp cả năm, tiền Pháp là 20.000 quan, tính thành bạc là 4.981 đồng và 1 người đi theo, cấp tiền Pháp là 1.200 quan, thành bạc 299 đồng) ; đợi sau khi Bắc Kỳ có lệ thuế nào sẽ nghị định ổn thoả. Viện thần đem việc ấy tâu lên và nói : "Công ấy đi đường, tiền đi về đã do quan Pháp

chiếu cố, còn như chi phí hằng ngày, ở ta không có chước định, không khỏi phiền lắm, lại thiếu quốc thể ; duy ở nước ta tước quận công hằng năm theo lệ tiền là 800 quan, gạo 200 phương, nay tính cấp số ấy, thì chi phí rất nhiều, đợi Chỉ quyết định".

Vua nói : "Bản triều phàm các việc đã có lệ sẵn, giao cho viện thần bàn bạc ổn thoả".

Viên Toàn quyền đại thần là Lê Na uỷ người trình bày : "Danh khí của triều đình rất trọng, phàm có thăng, cất, truy, bổ, nêu theo điển lệ nghĩ định thi hành, cho khỏi quá lạm. Các tỉnh ở Bắc Kỳ trước đây do nha Kinh lược cùng viên Toàn quyền làm việc thoả đáng, quan ở bộ đại khái phần nhiều theo như nghĩ định. Từ nay trở về sau, ở Bắc Kỳ chọn bổ quan viên, trừ việc tầm thường theo lời tư thăng chuyển ra, còn thì ấn quan và phủ huyện ở các tỉnh phải tư cho viên đại thần ấy xét lại, sẽ làm tờ tâu xin chuẩn cho, các bộ phàm có việc gì quan trọng cũng thế". Vua nghe theo.

Quan bộ Lại tâu xin : "Gần đây có Dụ nghiêm cấm không được quen như cũ viết hai chữ "Hàm Nghi", là lấy kể từ ngày ấy trở về sau mà nói, gần đây cũng có người viết hai chữ ấy, xin cho dán đi cả".

Vua nói : "Bốn chữ "Hàm Nghi nguyên niên" là ở lịch vẫn còn, tỏ rõ nghĩa phận vua tôi, không nên chỉ trích hà khắc quá, trẫm chí ở trung hưng, phải lấy nghĩa lý trị thiên hạ, vậy giao cho bộ Lại hiểu bảo cho đều biết để theo".

Thu thuế đinh, điền, sản vật các năm trước cho tỉnh Thanh Hoá. Trước kia, quan Tổng đốc là Nguyễn Thuật dâng tập tâu trình bày : "Hạt ấy nhiều lần bị giặc quấy nhiễu, nhân dân hao tán ; từ Đồng Khánh năm thứ 2 trở về trước đến Tự Đức năm thứ 36, phàm thuế chính cung đinh, điền và thuế sản vật biệt nạp, vẫn còn để thiếu, xin gia ơn khoan miễn cho".

Vua cho thang ấp [quê hương nhà vua] là nơi trọng địa, sau khi mới định, càng nên để ý vỗ về, bằng lòng tha cho.

Cần Chính điện Đại học sĩ, Bảo quốc huân thần Thái sư, sung Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ, Vĩnh Lại công là Nguyễn Hữu Độ chết. Khi Độ mới mắc bệnh, vua thường sai trung sứ đem quế, thuốc của vua vẫn dùng ban cấp cho, lại sai thầy thuốc tới điều trị, thân hành cầu đảo cho đến khi chết, nghỉ chầu 3 hôm, cấp tiền tuất 1.000 quan, lương sa chính sợi hàng Trung Hoa, nhiễu và lương sa nam mỗi thứ 4 tấm, vải trắng 10 tấm, sai quan tỉnh Hà Nội đến tế 1 lần ; rồi nha Kinh lược dâng tờ biểu để lại.

Vua xem rồi bảo rằng : "Cổ hiền cũng không hơn được, ý sâu xa, lời thống thiết, tấm lòng trung tỏ sáng như Mặt Trời, Mặt Trăng, khiến người khôn xiết đau xót". Lại tiếp tin báo (nha Kinh lược) việc khâm liệm cho vào quan tài viên quan

chết ấy đã xong, rước đến thờ ở sinh từ, quan quân Pháp xếp hàng đi đưa. Và hôm ấy các phủ phòng của quan Pháp đều đóng cửa nghỉ việc, các nhà buôn Pháp đều treo cờ rủ, hôm thành phục, viên Toàn quyền, Thống sứ, cùng tới thăm viếng, quý trọng như thế.

Vua nghĩ sang năm, sắp có việc ở đàn Nam Giao, sắc rằng : Đời xưa có mỗi năm làm đàn giao, tế trời đất 9 lễ, bản triều tế trời đất, phối hưởng tổ khảo, mỗi năm 1 lễ, chép ở tự điển, rất là to lớn long trọng. Trẫm từ khi nối ngôi tới nay, từng vì sau khi loạn lạc, chưa kịp cử hành, một niềm tôn kính, rất không tự yên ; vậy chuẩn cho tôn nhân đình thần, tuỳ nghi châm chước định điển lễ thế nào cho thích hợp, để kịp sang năm cử hành lễ lớn ; đợi ngày nào kho tàng của nước được sung túc, đồ thờ lễ phẩm đầy đủ, sẽ theo cũ mà làm.

Lại bản triều các liệt thánh lên ngôi, có kính đến Văn miếu làm lễ Thích điện [lễ tế Khổng Tử], trẫm khi làm điện hạ, thường thân tới bái yết, đạo thánh chưa từng một ngày quên ; từ khi lên ngôi tới nay, chưa kịp đến bái yết, vậy giao bộ Lễ nghĩ định một thể, sau khi tế Giao thì cử hành, để tỏ ý chí tôn sùng của trẫm.

Trà Quý Bình (nguyên sung Doanh điền sứ) có tội. Khi trước, Tuần phủ Bình Thuận là Lê Liêm cùng với Bình không hoà nhau, tới khi Liêm bị quân giặc là bọn Bùi Đản dìm chết ; sau xét ra Quý Bình không phải là không đem lòng hiềm thù, thông với địch, để hả giận riêng (ngầm dặn bọn Hiệp quản là Hồ Bình, cho tù ức hiếp trói lại), bản án dâng lên, xử đánh 80 trượng, đồ 2 năm, bọn Hồ Bình đều giảm đẳng kết tội có thứ bậc.

Nghị định thêm về bổng lệ cách, giáng của các con cháu tôn tước công và tôn thất.

(Phàm con cháu tôn tước công và tôn thất, không kể đã bổ quan hay chưa, gián hoặc có bị xét xử, trừ người thuộc tội nhẹ, đều chiếu lệ thường chi bổng ra, còn người nào thuộc tội nặng như những hạng : làm giặc, hùng hổ, hung ác, cùng giải chức đợi xét, hoặc giam để xét, thì lương bổng từng quý, theo lệ làm quan đều phải đình cấp, nhưng do quan ở phủ Tôn nhân đem cả hàm danh, sự trạng tư cho bộ Hộ biết để xét, đợi khi kết nghĩ, xét ra người nào được thoái giáng hạng nào, sẽ chiểu hạng thoái giáng mà cấp, phải cách mất quan chức, cùng giáng ly mà chưa biết xét bổ chức gì, đều chiểu nguyên bổng chi cấp, ngưng bắt đầu từ hôm án đã kết thành ; trong đó các người phải giáng ly, ngày nào xét bổ chức gì, sẽ chiểu lệ nguyên bổng mà làm, để đều được thấm nhuần, sau làm lệ mãi mãi).

Sắc cho kính rước bài vị hoàng thúc phụ Kiên Thái vương và bức ảnh của nhà vua tới điện Truy Tư để tôn thờ ; chuẩn cho quan bộ Lễ nghĩ soạn nghi lễ, quan bộ ấy xin tham chiểu lễ lớn như xa giá nhà vua đi, châm chước mà làm.

Vua nghe theo.

Tháng 12, làm lễ ban lịch.

Xuống Dụ : "Khi trước, cho Tổng đốc Hà Nội, Hưng Yên là Lê Đĩnh, nghỉ gia hạn 2 tháng về Kinh chiêm bái, nhân tiện về quê làm lễ phần hoàng (đã chú thích ở trên), khi hết hạn tới nhận chức ; nhưng hạt ấy là tỉnh lớn, công việc nhiều, quan to không nên vắng lâu, nên cho nguyên Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Khắc Mỹ án bổ chức khuyết ấy. Nay Lê Đĩnh đã đến, cho vẫn làm Tổng đốc Hà Nội, Hưng Yên như cũ, còn Nguyễn Khắc Mỹ lại theo lời như trước cho về quê thăm nuôi cha mẹ, khi hết hạn sẽ bổ nơi khác.

Tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình là Nguyễn Văn Thi dâng tập tâu trình bày : "Bọn nguyên Thị giảng học sĩ, sung Toản tu Quốc sử quán, đã hưu dưỡng là Vũ Tử Văn ; nguyên Thị độc lĩnh Án sát Phú Yên, sung Thương tá tỉnh ấy là Nguyễn Chất ; Trước tác lĩnh Đốc học tỉnh ấy là Trần Viết Thọ ; về Hàm Nghi năm đầu [1885], bọn giặc sấn vào tỉnh thành cướp lấy ấn quan phòng và khí giới, thế rất hoành hành, các viên ấy nghe biến, bèn biết thân đến hiểu dụ, nghiêm sắc mặt trách mắng bọn ấy giao trả ấn quan phòng, ra khỏi thành giải tán ; bọn ấy đã không chịu nhục với giặc, lại biết đuổi giặc, nghĩ nên khen thưởng để khuyến khích". Chuẩn cho đều thăng 1 trật.

Nguyên Thị lang bộ Công là Cao Hữu Sung bị khiển trách bãi chức.

Trước Hữu Sung việc kiểm giữ tiền lương chi cấp ở cục Thiên thành, làm việc xảy ra tai tiếng. Vua cho là đã sai quan Khoa đạo xét xử, dẫu không có tình tiết gì khác, nhưng việc làm thực là thiếu chức phận, bèn phải cách chức.

Tuy Lý vương là Miên Trinh lên thọ 70 tuổi. Cho Quảng Hoá quận công là Miên Uyển đem các phẩm vật ban cấp cho. (Kim tiền 1 đồng ; ngân tiền 3 đồng ; nhiễu ta, nhiễu Trung Hoa mỗi thứ 2 tấm ; áo rộng tay toàn tơ, sắc lục có 4 hoa rồng cuộn tròn, áo vừa tay sắc đỏ, áo hẹp tay bằng the lương toàn tơ, dệt hoa mẫu đơn liền cành, mỗi thứ đều 1 chiếc).

Quan Khoa đạo dâng sớ hặc tội viên Tri huyện Hương Trà là Nguyễn Tiến, xuất thân là họ ngoại, không có học thức gì khác, trước vì sau khi loạn lạc cần người, được chuẩn cho lĩnh huyện Phú Vinh, bèn bị tham hặc chỉ trích, đã được

khoan cho ; sau lại bổ đến Phong Điền, kế đến Hương Trà, bắt dân đưa gạo thơm, mượn tiền bạc của dân, việc làm như thế rất là coi thường pháp luật. Vậy viên ấy xin cho giải chức, giao bộ Hình xét xử, còn như nhân viên họ ngoại, xin giao cho đình thần xét định ổn thoả, cho nghiêm phép trước, để không phụ chí ý bảo toàn họ ngoại của nhà vua.

Phạm Đài rồi vì họ ngoại dâng tờ sớ xin cho ở ngoài yên lặng đợi lệnh. (Đài là Hồng lô Tự khanh, Tá lý bộ Lễ).

Mới đặt ở Thiên thành hữu cục : Kiển thị sứ 1 người, cung Kiển thị sứ 2 người và tính đặt các điển thủ viên binh (1 vệ Cung hộ, có quản vệ, điển tư đều 1 người, suất đội 4 người, lính 200 người ; ty Cung hộ : cửu phẩm 1 người, thư lại 4 người).

Quan tỉnh Quảng Nam nghĩ đệ việc nhũng nhiễu của quyền Tán lý là Lê Tựu Khiết và Lãnh binh Phan Tiến Hạc trình bày : "Những viên ấy tạ việc đòi lấy tiền của của dân, (bấy giờ 2 viên ấy đem quân trừ dẹp đảng nguỵ ở Quảng Nam, bắt được bọn Bá hộ Hoành, doạ là chứa cất tiền bạc của đảng nguỵ, viên bá hộ ấy phải đút lót bạc là 7 thoi) [mỗi điều ăn bao nhiêu đồng đã nói ở trên] ; chiểu luật tham tang phải cách chức, số bạc tham tang ấy trừ chi cấp cho viên binh ra, còn bao nhiêu bắt phải thu để sung công ; duy bọn ấy đánh dẹp, đều có chút công lao, xin có nên lượng giảm hay không ?".

Vua nói : "Hai viên tán, lãnh, dự có khoa danh, lại theo quân thứ có công trạng, phạm phải án ấy, chắc cũng chưa đến quên công hại việc, huống hồ khuyến khích trước quân, từng nghe các quân thứ ngoài Bắc đã có, không phải quả có việc thực riêng ăn của lót, nhiễu dân, vội đem nghiêm trị, sợ không tỏ có thể tất ; vả lại truy thu tiền hối lộ đa qua, sung làm của công, cũng là thiếu sót, số bạc ấy không thèm thu vào ; bọn Khiết, Hạc, cho gia ơn giáng 4 cấp, phải ly chức, nhưng cho sai phái làm việc ở phòng thứ, để được tự sửa đổi.

Mới đặt các viên dịch ở 3 thổ huyện : An Phúc, Hoà Đa và Tuy Lý (thuộc tỉnh Khánh Hoà), (An Phúc, Hoà Đa do 2 phủ huyện Ninh Thuận, Hoà Đa thống hạt, đặt thổ tri huyện và lại mục đều 1 người ; Tuy Lý do phủ Hàm Thuận thống hạt, số đinh điền ít, chỉ đặt có thổ huyện thừa). Cho người ở nơi ấy, làm việc ở nơi ấy, theo lời bàn của quan Tổng đốc Bình Thuận, Khánh Hoà là Vũ Doãn Tuân.

Bộ Lễ tâu : "Sang năm cử hành tế Giao, đình thần đã nghĩ xin rước Dực tông Anh hoàng đế lên phối hưởng ở đàn tròn ; còn thần Khiêm Sơn xin để phối hưởng ở án bên hữu đàn ấy, theo việc cũ năm Tự Đức thứ 3, thăng phối sơn thần Thuận Đạo).

Cho Tổng đốc Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang là Trần Lưu Huệ, quyền coi công việc ở nha Kinh lược. Bấy giờ Khâm sai đại thần khuyết chức, bàn chọn người có thể làm được ; viện thần đem Đoàn Văn Bình và Nguyễn Chính, Nguyễn Thuật sung cử. Sau tiếp được thư của viên Toàn quyền trình bày, xin cho Trần Lưu Huệ tạm trông coi. Vua nói : "Huệ tuy từng trải đã nhiều, nhưng còn có người Huệ cũng chưa kịp được, nhưng thực thà mà không đến, để trở ngại, cũng không hơn được Huệ, tạm y lời xin ấy cho thoả lòng tốt".

Lầu sách *Thái bình ngự lãm* đã làm xong.

Vua nghĩ mới lần đầu kính làm, hơi được nhanh chóng, được việc, cho từ đổng lý và các nhân viên dự làm việc được thưởng khen có thứ bậc. (Thưởng cho Đổng lý là Nguyễn Gia Trinh và Nguyễn Văn Thái, kim tiền hạng lớn đều 1 đồng, có cả dây thao rủ xuống ; trước sau dự làm rất khó nhọc được việc, 14 người được thăng 1 trật ; khó nhọc, được việc vừa, 13 người, thưởng cho ngân tiền tam thọ (đã chua ở trên) đều 1 đồng ; dự làm xếp đặt 4 người, thưởng cho ngân tiền Song long hạng nhỏ đều 1 đồng ; binh đinh các hạng thưởng cho tất cả mỗi người 1 quan tiền.

Thưởng cho Trương Quang Ngọc làm Lãnh binh tỉnh Khánh Hoà. Nguyễn Định Tình làm Phó lãnh binh tỉnh Bình Thuận và bọn Đinh Văn Xuân 7 người, đều thưởng cho hàm bát, cửu phẩm có thứ bậc. Khi trước Xuất đế trở về, vua cho bọn Quang Ngọc đã cùng đi theo, tình rất thân hậu, sau khi nghe Xuất đế đã ra đi, không khỏi sinh lòng gây việc, hoặc có nhầm theo, tất phiền xử trí, muốn triệu đến hỏi về việc Lê Thuyết, sẽ cần phải đề phòng, cho hết mầm ác, sai viện thần đem việc bàn bạc. Viên Toàn quyền Lê Na nói rằng : "Nhà vua có lo xa như thế, không dám lại trái ý ; duy nhiều lần cứ theo điện của các quan đồn đóng ở tỉnh Quảng Bình trình bày, 2 tên lần ấy ra thú, đã hứa là báo dẫn chỗ Xuất đế ở, nếu được đích xác, đã được khỏi tội, lại thưởng cho chức hàm, huống chi triều đình đã nhiều lần dụ bảo thưởng cho quan cao, tước hậu ; nay đã không gia thưởng, lại đem bắt tội sợ không tỏ được lệnh tín, và hiện nay ở Nghệ An, Hà Tĩnh gián hoặc còn đầu mục của giặc, nếu làm như thế thì bọn chúng sợ hãi không dám quay về ; sợ không phải là đắc kế. Như có quản ngại, xin liệu nơi phân phái cho bọn ấy làm chánh, phó lãnh binh, đều do quan tỉnh và quan Công sứ thời thường xem xét, nếu không yên thường thủ phận, triệt về cũng chưa muộn ; như thế đã không thất tín, cũng không còn nghi ngại".

Vua cho xử trí thoả đáng và khéo nên nghe theo.

Dâng tiền vào cung Gia Thọ. Lệ trước, hằng năm kính dâng tiền 10.000 quan ; bộ thần nghĩ, tháng 5 sang năm, gặp bát tuần khánh tiết, xin chiểu theo nghị định Tự Đức năm thứ 36 [1883] thất tuần đại khánh Dực tông Anh hoàng đế, chuẩn gia thêm 10.000 quan), dâng thêm 10.000 quan để khác năm thường.

Mới định dâng lễ phẩm 2 khánh tiết Nguyên đán và thọ thần của hoàng thúc mẫu.

(Quan phủ Nội vụ là Nguyễn Huề tâu nói : "Khi tấn phong Thái vương phi đã có dâng ngự lịch ; còn như khánh tiết và thọ thần, chưa kính dâng thứ gì, xin do bộ thần xét rõ điển lễ thi hành". Bộ thần tâu trả lời, đã xét điển lễ, không có giấy tờ rõ ràng ; duy thánh nhân đặt lễ, vì tình mà ra, xin châm chước tình lễ cho thích hợp, tết Nguyên đán dâng vàng tốt 6 lạng ; ngày khánh thọ, dâng vàng tốt 8 lạng, bạc 50 lạng).

Vua không được khoẻ. Vua từ trung tuần tháng ấy bị khó ở, vẫn cố gắng nghe việc triều chính, giấy sớ ở các nơi, đều cho theo lệ thường dâng tâu lên, tuỳ việc phê đáp ; đình thần dâng thư : xin đình các, bộ, nha dâng sớ, kêu xin giữ gìn cẩn thận.

Vua bảo rằng : "Việc nước còn nhiều quan hệ khẩn yếu, trẫm lấy làm lo, nên không thể không cố gắng". Rồi nhân khó nhọc mỏi mệt, thành ra trầm trọng, thái y dâng thuốc không công hiệu, ngày 25, là ngày Nhâm Dần, bệnh lại nguy kịch, ngày Giáp Thìn, giờ Giáp Tuất, mất ở chính điện Càn Thành, thọ 25 tuổi, con trai, con gái được 9 người (hoàng tử 6 người, hoàng nữ 3 người). Con vua đều thơ ấu, chưa thể nối ngôi được ; các quan vâng theo ý Chỉ của Nghi Thiên Chương Hoàng hậu [Hoàng hậu của Thiệu Trị] và Lệ Thiên Anh Hoàng hậu [Hoàng hậu của Tự Đức] đón con thứ 7 của Cung tông Huệ hoàng đế [Dục Đức Thuỵ quốc công, đẻ ra Thành Thái], vào nối nghiệp lớn, ngày Bính Ngọ, quần thần dâng thứ khuyên tiến, đến năm sau là năm Kỷ Sửu, mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Thân, lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hoà. Ngày Tân Dậu, rước quan tài vua đến điện Phụng An ; ngày Nhâm Tuất, làm lễ thành phục, ngày Tân Mùi, dâng tên thuỵ là Hoàng liệt thông triết mẫn huệ Thuần hoàng đế, miếu hiệu là Cảnh tông. Giờ Nhâm Thân, ngày Giáp Tý, tháng 3, rước tới Ninh lăng [an táng], làm lễ tuỳ đạo [đường ngầm ở dưới đất], gọi là Tư lăng. Ngày Ất Sửu, rước thần chủ đến điện Ngưng Hy. Năm Thành Thái thứ 6 [1894],

tháng 12, ngày Mậu Thân, rước thần chủ lên thờ phụ ở Thế miếu ; thánh vị vẫn để thờ ở điện Ngưng Hy.

Vua là người sáng suốt, quả cảm, cương quyết, lanh lợi, để chí về trung hưng, mọi người đương có hy vọng như Tuyên vương nhà Chu, thế mà không được sống lâu, không thành được việc lớn, đáng tiếc thay !.

BẢNG SÁCH DẪN

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỆ NGŨ KỶ - ĐỆ LỤC KỶ

A

A-lê-tu-tê (quan Ba người Pháp) : 264
A-linh Ca-li (quan chức người Pháp) : 286
A Rập : 34, 126
Á Tế Á (châu) : 187
Ái (châu) : 253
An Ấp : 9
An Bình nam : 408
An Cựu (chợ) : 411
An Cựu (xã) : 109
An dân tị phù (viên ngọc) : 188
An Dương (huyện) : 375, 426
An Định (huyện) : 219, 263
An Định (tổng) : 264
An Đức (thôn) : 24
An Giang (tỉnh) : 291, 293
An Khánh : 30
An Khánh công : 407
An Khê : 436
An Kiện (tổng) : 408
An Lãng (huyện) : 245
An Lão (huyện) : 375
An lăng : 109
An Lộc Sơn : 198
An Lưu (xã) : 112
An Mỹ (tổng) : 44, 263
An Nghĩa huyện chúa : 421
An Nhân (tổng) : 84
An Ninh (xã) : 112, 270
An Phúc (huyện) : 447
An Phúc quận công : 37

An Tân (đồn) : 347
An Thái : 84
An Thịnh Hạ (tổng) : 397
An Thuyên (xã) : 397
An Thư (tổng) : 84
An Truyền (xã) : 46
An Trường (xã) : 206
An Trường tử : 14
An Vĩnh (vụng biển) : 113
An-xa-tót (quan Tư người Pháp) : 337
An Xá (tổng) : 263, 264
An Xuân nam : 14, 165, 168
An Xuyên quận công : 179
An Ý (tên thụy) : 384
Anh Bình sơn trung thánh mẫu : 249, 250
Anh Bình Thánh mẫu : 250
Anh Duệ : 214
Anh Sơn (phủ) : 208
Anh Tôn : 384
Anh Tông : 240
Ánh-xa-nhi (địa giới Pháp) : 439
Áp-phong (quan Ba thầy thuốc người Pháp) : 264
Ăn trộm của cải ở phủ Nội vụ (điều luật) : 370
Ân Thi (huyện) : 295
Ẩn (tên người) : 386
Âu La Ba (châu) : 187

B

Ba-di (nhân viên điện báo người Pháp) : 353
Ba-duy-đam (Phó đô thống người Pháp) : 177, 183, 185, 186, 235, 243
Ba-đi-sô (Đề đốc người Pháp) : 196
Ba Đình (thôn) : 306, 347
Ba-đức-na (tức Ba-tờ-nô) (người Pháp) : 73, 74, 77
Ba-gia-chi (quan Năm người Pháp) : 228
Ba Lạt (cửa biển) : 220
Ba Lê (Paris, Thủ đô nước Pháp) : 436
Ba-nô (Thống binh người Pháp) : 325
Ba-rô (Khâm sứ Pháp) : 53, 77, 78, 79, 83
Ba-sô (Thượng thư người Pháp) : 228
Ba-tô (Thượng thư người Pháp) : 416
Ba-tô (Toàn quyền người Pháp) : 430, 431, 434, 442
Bác vật (sở) : 100
Bác Vọng : 150
Bạch thị : 303
Bái Ân (tổng) : 263

Bái Công : 240

Bái Đức (cửa) : 117

Bãi Sậy (quân khởi nghĩa) : 189, 295, 305

Ban Cố : 160

Bàn Canh : 102

Bản Sơn nguyên niên : 386

Bang Xương : 199

Bảng Sơn (xã) : 44

Bành Tư Viên : 384

Bào Hậu (thôn) : 221

Báo nghĩa thù huân (khánh vàng) : 201

Bảo Đài : 144, 145, 152

Bảo Đoá : 109

Bảo Khiêm : 109

Bảo Lỗi : 109

Bảo Thắng (châu) : 245

Báo Quốc (chùa) : 114

Bát phong (đình) : 362

Bát phong tùng luật (đình) : 349

Bay (Phó công sứ người Pháp) : 285, 393

Bắc Cần (trạm) : 83

Bắc Đài : 126

Bắc Kinh (Thủ đô Trung Quốc) : 391

Bắc Kỳ : 9, 19, 29, 37, 40, 44, 48, 49, 54, 71, 74, 75, 76, 82, 83, 84, 88, 92, 101, 110, 111, 127, 132, 134, 135, 136, 147, 148, 153, 154, 171, 173, 177, 199, 205, 216, 219, 221, 227, 228, 233, 234, 235, 243, 245, 252, 255, 256, 258, 260, 261, 265, 267, 271, 274, 275, 276, 277, 281, 289, 292, 293, 296, 298, 300, 305, 306, 307, 314, 315, 316, 317, 318, 334, 340, 341, 342, 345, 346, 349, 351, 358, 359, 363, 364, 366, 368, 371, 378, 379, 381, 391, 392, 393, 394, 397, 398, 399, 402, 408, 412, 416, 418, 420, 421, 430, 431, 434, 436, 437, 442, 443, 444

Bắc Lệ : 82, 83

Bắc Ninh (tỉnh) : 30, 34, 44, 60, 61, 66, 80, 81, 83, 88, 89, 100, 106, 113, 118, 120, 121, 189, 210, 229, 245, 254, 255, 260, 274, 277, 286, 305, 311, 322, 334, 354, 359, 377, 408, 417

Bắc Ninh Đề đốc quan phòng (dấu) : 30

Bắc sử : 198, 240

Bắc Thượng (xã) : 206

Bắc Trung (đài) : 126

Băng-xi-ê (quan Hai người Pháp) : 353

Bằng Tường (thị trấn) : 430

Bất Bạt (huyện) : 34, 402

Bến Ma (đồn) : 264

Bi-đê (Toàn quyền người Pháp) : 393, 416

Bi-ra-suy Bi-lê-di Ra-đô (quan Ba người Pháp) : 264

Bi-u (Toàn quyền người Pháp) : 307, 343, 366, 371, 394

Bị Lãm (đài) : 311

Biên Hoà : 74, 75, 76, 317, 391

Bình (đạo giáo) : 40, 41, 48

Bình (núi) : 193

Bình Đĩnh (thuyền) : 407

Bình Định (tỉnh) : 23, 37, 44, 52, 53, 80, 81, 84, 88, 100, 103, 104, 115, 117, 120, 127, 135, 137, 149, 150, 152, 153, 154, 179, 181, 183, 188, 190, 197, 204, 205, 208, 209, 216, 217, 219, 220, 230, 234, 238, 247, 248, 250, 252, 253, 257, 258, 267, 268, 269, 271, 273, 282, 287, 296, 297, 299, 305, 306, 307, 308, 310, 312, 313, 315, 322, 336, 338, 341, 347, 349, 352, 353, 354, 356, 357, 360, 363, 364, 373, 375, 378, 379, 381, 382, 392, 393, 394, 398, 401, 404, 415, 416, 420, 422, 423, 425, 429, 436, 443

Bình Định (trường thi) : 88, 296, 382, 404, 415

Bình Giang (huyện) : 233, 245

Bình Khê (huyện) : 436

Bình Sơn (huyện) : 114, 257, 269, 282, 283

Bình Thuận (tỉnh) : 259, 274, 291, 293, 299, 316, 317, 318, 325, 344, 350, 351, 352, 361, 363, 368, 373, 375, 378, 380, 381, 391, 392, 393, 394, 402, 404, 405, 410, 411, 412, 418, 433, 434, 437, 445, 447, 448

Bình Xuyên (huyện) : 245

Bính Đổng (xã) : 375

Bô-lê (quan Năm người Pháp) : 285

Bô-lo (quan Một người Pháp) : 337

Bô-mít (quan Năm người Pháp) : 228

Bô-trờ (điện báo viên người Pháp) : 228

Bô-ve (quan Một người Pháp) : 264

Bố Trạch (huyện) : 117, 201, 425

Bộc An Ý vương : 384

Bộc quốc thái vương : 384

Bộc vương : 384, 385

Bồi lăng : 96, 102, 106, 119, 435

Bội văn vận phủ: 9, 129, 160, 174, 186, 187, 192, 195, 319

Bồng Lai (xứ) : 270

Bồng Sơn (huyện) : 205

Bột Xuyên (tổng) : 408

Bờ Cạn (sách) : 147, 152

Bùi (họ) : 408

Bùi Ân Niên : 54, 65, 70, 98, 374, 378, 407, 413, 422, 441

Bùi Đản : 250, 445

Bùi Điền : 204, 219, 322, 338, 353

Bùi Hanh : 132

Bùi Hữu Tạo : 134, 148

Bùi Khu : 241

Bùi Quang Lộc : 270

Bùi Quang Thích : 68, 90, 119, 125, 173, 306

Bùi Quý thị : 384

Bùi Thị : 170, 235, 385, 408

Bùi Thị Đà : 411

Bùi Thị Thanh : 16

Bùi Thố : 272

Bùi Thức Kiên : 272, 377

Bùi Tiền : 86

Bùi Tiến Tiên : 128, 151, 181

Bùi Trạch : 230

Bùi Văn Bằng : 206, 354

Bùi Xá (xã) : 340

C

Ca-đô (Giám quốc người Pháp) : 390

Ca-lê (quan Năm người Pháp) : 325

Ca-mích (quan Năm người Pháp) : 285

Ca-suy-bi (Giám quốc người Pháp) : 366

Cam Cát (huyện) : 21, 120, 443

Cam Cát (xứ) : 395

Cam Kết (huyện) : 127

Cam Lộ (hạt) : 193

Cam Lộ (huyện) : 21, 265

Cam Lộ (phủ) : 44, 111, 112, 145, 150, 248, 263, 311, 424

Cam Môn (huyện) : 21, 120, 127, 443

Cam Môn (xứ) : 395

Can Lộc (huyện) : 165, 168, 276, 303, 366

Can Thiện : 45

Càn Thành (cung) : 417

Càn Thành (điện) : 95, 212, 449

Cảnh Dương (phường) : 248

Cảnh Thái đế : 97

Cảnh tông (miếu hiệu) : 449

Cảnh tông Thuần hoàng đế : 11, 12, 28, 35, 81, 97, 123, 137, 157, 158, 161, 163, 167, 170, 193, 218, 252, 279, 304, 334, 357, 380, 406, 429

Cảnh tông Thuần hoàng đế Thực lục Chính biên : 159

Cao Bằng (tỉnh) : 245, 260, 291, 307, 308, 443

Cao Bộ (tổng) : 408

Cao Chính Thuyết : 207

Cao Duy Trí : 115

Cao đế : 387

Cao Đệ : 183, 247

Cao hoàng đế : 8, 176, 196, 238, 239, 256, 438

Cao Hữu Sung : 47, 53, 55, 139, 173, 181, 200, 202, 211, 232, 255, 270, 390, 419, 446

Cao Miên (nước) : 291

Cao tôn : 387

Cao Văn Đức : 297

Cao Văn Triết : 297

Cao Xuân Dục : 6, 7, 10, 14, 46, 101, 135, 159, 165, 168, 189, 230, 375, 383

Cao Xuân Tiếu : 231

Cát-li-da (quan Năm người Pháp) : 228

Cát Sơn (phường, xã) : 235, 270, 345, 408

Cầm Bá Thước : 107, 406

Cấm thành : 180, 311, 321, 362

Cẩm Giàng (huyện) : 233

Cẩm Giàng quận công : 56

Cẩm Khê (huyện) : 247

Cẩm Sa (thôn) : 350

Cẩm Thuỷ (huyện) : 185, 206, 219, 311, 357

Cẩm Xuyên (huyện) : 222, 303, 383

Cần Chính (điện) : 17, 18, 42, 46, 53, 59, 65, 97, 154, 177, 180, 195, 196, 221, 225, 258, 275, 307, 311, 356, 381, 444

Cập Nhất (xã) : 216

Câu Hoan (tổng) : 84, 250

Câu Xá (xứ) : 270

Cầu Son : 284

Cây Da (xứ) : 204

Cây Gạo (thôn) : 429

Cô-bi (tướng Pháp) : 50, 54

Cô-ra-xi (Toàn quyền Pháp) : 127, 132, 136, 138, 141, 148, 154, 156, 176, 177, 185, 186, 215, 218, 316

Cô-lô (người Pháp) : 353

Cô-lô-vi-e (Đề đốc người Pháp) : 196

Cô-phi-nghiệp (tướng Pháp) : 48

Cô-suy (Đô thống người Pháp) : 265

Cổ Thành (xã) : 236

Côn Lôn : 147

Công Lạc quốc : 179

Công Lưu : 8

Công Nghĩa (nhà) : 389

Công-tăng (Khâm sứ, Toàn quyền người Pháp) : 366, 390, 393

Công tử Củ : 240

Công Xương (hiệu buôn người Thanh) : 434

Cơ Sằn : 28

Cơ Tử : 28

Cù Thản : 89

Cù Vân (xã) : 330

Cục gạo : 399, 416

Cung tông Huệ hoàng đế : 17, 449

Cư Chính (xã) : 414

Cừ Hà (phường) : 248

Cử Sĩ (ấp) : 404, 413, 433

Cự Lữ (xứ) : 206

Cự Nham (thôn) : 381

Cửa Hội (cửa biển) : 364

Cương giới vựng biên : 290, 329

Cương mục : 6, 386, 387

CH

Cha Nói (phường) : 425

Chấn Định quận công : 66

Chấn Lào (đồn) : 145, 147

Chấn Tĩnh quận công : 111, 112

Chấp Khiêm (điện) : 96, 99, 102, 106, 119, 138, 145

Chất đế : 386

Chất Long (xã) : 416

Châu Lộc (huyện) : 257

Châu Thị : 270

Chí hậu : 319

Chí Linh (huyện) : 259

Chí Trù (nước) : 319

Chỉ Kiều : 45

Chiêm Hà (thành) : 29

Chiêu Thương (cầu) : 399, 400

Chiêu thương (cục) : 399

Chính An (xã) : 363

Chính Lộ (xã) : 247

Chính Mông đường (nhà) : 114, 170, 180, 369

Chính Mông (xã) : 247

Chính biên : 5, 7, 8, 11, 162, 387

Chính biên Đệ lục kỷ : 158

Chính biên Đệ tứ kỷ : 124, 385

Chính yếu : 9

Chu (triều đại) : 5, 158, 161, 174, 337, 450

Chu công : 162, 174, 428

Chu Đình Kế : 26, 33, 48, 54, 70, 73, 77, 98, 117, 124, 151, 179, 181, 197, 205, 213, 219, 236, 258, 297

Chu Kỳ : 8

Chu Ôn : 240

Chu Tuyên Vương : 319, 402

Chu Tự : 129

Chu Tử : 386, 387

Chu Văn Giảng : 248
Chu Văn vương : 319
Chu Vũ vương : 162
Chuẩn Kích (thuyền đồng) : 66
Chúc Sơn (tổng) : 408
Chung Sơn (núi) : 362
Chương Đức (huyện) : 408
Chương Mỹ (huyện) : 408

D

Dã Cát (tổng) : 408
Dê-dô (Chánh Toàn quyền Pháp) : 430, 434
Di-mông (điện báo viên người Pháp) : 353
Diệm Văn Cường : 276
Diên An (xã) : 236
Diên Bình nguyên niên : 386
Diên Điệp : 407
Diên Hà (Huyện) : 321
Diên Khánh (phủ) : 412
Diên Phúc (huyện) : 348
Diên Xuân (Hoàng thái phi) : 28
Diến (nước) : 290
Diễn Châu (phủ) : 208, 337
Diệp Văn Cương : 323, 397
Diên Linh (xã) : 262
Diên xuân (tiết) : 29, 52, 180
Diệu Đế (chùa) : 132
Dinh thiện (sở) : 41
Do Đạo (xã) : 321
Do Linh (hạt) : 193
Do Linh (huyện) : 263, 265
Doãn Nhượng : 384
Doanh (chợ) : 411
Du-ba-lư (quan Tư người Pháp) : 228
Du Viên (tổng) : 375
Dụ Mỹ Hưng (cửa hiệu) : 369
Dục Đức : 172
Dục Đức đường (nhà) : 170, 282
Dục Đức Thuỵ quốc công : 449
Dục Thuý (núi) : 31
Duệ Tôn : 387
Dung-kỳ Di-huy (Giám quốc người Pháp) : 390
Dũng Quyết (núi) : 64
Dũng Thọ (thôn) : 308
Duy dũng tướng quân : 250
Duy Tân : 157, 159
Duy Xuyên (huyện) : 213, 397
Duyệt Thị đường (nhà) : 16, 196
Dực miếu : 387

Dực tông : 23, 35, 336

Dực tông Anh hoàng đế : 6, 8, 16, 17, 22, 33, 55, 71, 72, 98, 100, 102, 103, 129, 130, 144, 156, 170, 172, 174, 176, 191, 192, 194, 198, 199, 201, 211, 238, 239, 256, 302, 319, 320, 365, 371, 376, 386, 423, 447, 449

Dực tông Anh hoàng đế Thực lục Chính biên : 54

Dực tông Anh hoàng đế Thực lục Chính biên Đệ tứ kỷ : 124

Dực vận công thần : 397, 398

Dương Chước Ân : 45

Dương Danh Lập : 61, 62, 106

Dương Đình Long : 104

Dương Đồ : 383

Dương Đức Vị : 25

Dương Giáp : 102

Dương Hoà (xã) : 40, 41, 104

Dương Hưng Lang : 166, 169

Dương Hữu Quang : 39

Dương Sơn (thôn) : 350

Dương Quán : 209

Dương Thúc Cáp : 81

Dương Văn Qua : 281

Dương Xuân (xã) : 24

Dưỡng Thiện đường : 16

Dưỡng Thiện đường điện hạ : 18

Dưỡng Thiện đường hầu : 17

Đ

Đa-bi Di-e (quan Một người Pháp) : 264

Đa-cúc-ti (ngân khố viên người Pháp) : 228

Ba Gia Chi : 228

Đa-la-câu-ra-xuy (Thống tướng Pháp) : 127

Đa-mô-suy (quan Năm người Pháp) : 228

Đa-ra-lăng E-trờ (Phó chưởng hộ người Pháp) : 229

Đà Nẵng : 42, 75, 127, 293, 296, 306, 429, 435

Đà Nẵng (cảng) : 42

Đà Nẵng (cửa biển) : 25, 149, 307, 308, 352, 407

Đại bất kính (điều luật) : 370

Đại Chiêm (cửa biển) : 289, 406

Đại Lý (nha) : 289, 332, 379

Đại Lý (tự) : 185

Đại Nam công báo (cục) : 248, 249

Đại Nam cương giới vựng biên : 290

Đại Nam hội điển: 292

Đại Nam hoàng đế : 79, 156, 421

Đại Nam hoàng đế (ấn ngọc) : 79, 221, 227

Đại Nam nhật báo (cục) : 406
Đại Nam thiên tử chi bảo (ấn) : 360
Đại Phiên : 9
Đại Phúc (xã) : 379
Đại Thanh : 285, 394
Đại Thanh (nước) : 60, 137, 153, 163
Đại Từ (huyện) : 245, 330
Đàm Hước (tên người) : 145
Đàn Kiên (tổng) : 375
Đào Bá Khải : 89
Đào Doãn Địch : 89, 204
Đào Hữu Ích : 103
Đào Khâm : 414
Đào Quý : 120
Đào Thị Hiển : 100
Đào Tiến : 314, 366, 367, 417, 422, 423, 434
Đào Văn Trứ : 83
Đào Xuân Bách : 281
Đắc-mi-e (thương chính người Pháp) : 228
Đặng Cát : 150
Đặng Đề : 219
Đặng Đình Trân : 311
Đặng Đức Địch : 71, 101, 120, 125, 126, 179, 215
Đặng Huy Cát : 23, 348
Đặng Huy Phổ : 348
Đặng Huy Sán : 17, 248
Đặng Hữu Phổ : 150
Đặng Nhai : 100
Đặng Quỹ : 179
Đặng Thị Hối : 247
Đặng Thị Trường : 247
Đặng Thông : 365
Đặng Văn Dũng : 185
Đặng Văn Duy : 181
Đặng Văn Hà : 295
Đặng Văn Hoài : 251
Đặng Văn Thiêm : 348
Đặng Xá (xã) : 40
Đậu (tên người) : 369
Đê-lê Sán-luy-sơ (quan Ba người Pháp) : 276
Để cung : 194
Đệ ngũ kỷ Chính biên : 387
Đệ tứ kỷ : 11, 17, 23, 54, 110, 379
Địa-lỵ-a (tàu thuỷ) : 113
Địch Trung tử : 280, 361, 378
Địch Châu : 245
Địch Long (Tổng lãnh sự người Pháp) : 244
Điềm Dương (thuyền) : 25
Điên Kiệt : 240
Điển quốc công : 229
Điện Bàn (huyện) : 213
Điện Hải (đồn) : 149
Điều Vàng (đồn) : 121

Điệu (tên người) : 369
Đinh Công Mi : 65
Đinh Công Tráng : 306, 363
Đinh Duy Tân : 52, 53, 190, 339, 374
Đinh Gia Lễ : 230
Đinh Hoè : 68
Đinh Hội : 149, 150, 205, 307, 356
Đinh Tử Lượng : 140, 144, 147, 152
Địch Long (Tổng lãnh sự người Pháp) : 244
Đình Long (Khâm sứ người Pháp) : 254
Đinh Nho Điển : 26
Đinh Nho Quang : 28, 124, 295
Đinh Sán : 322
Đinh Tử Lượng : 27, 33, 71, 80, 81, 101, 124, 139
Đinh Văn Chất : 374
Đinh Văn Xuân : 448
Đinh Viết Tân : 25, 43
Đinh Viết Tấn : 23
Đinh Vy : 433
Đỉnh Hồ : 19, 105, 174, 194
Đình Chuyên (tên người) : 109
Định Hải (ấp) : 220
Định Hải (đồn) : 220
Định Tường (tỉnh) : 291, 294
Định Viễn công : 394
Đoàn Dũng : 34
Đoàn Như Bích : 183, 215, 262, 281, 301, 309, 412
Đoàn Nhượng : 149
Đoàn Tố : 301
Đoàn Văn Bình : 440, 448
Đoàn Văn Hội : 22, 33, 37, 48, 50, 61, 70, 71, 84, 107, 117, 171, 184, 216, 220, 258, 320, 345, 349, 366, 401, 402, 407, 413, 423, 441
Đoàn Văn Huệ : 409
Đoàn Văn Phòng : 90
Đoàn Văn Phương : 107
Đô-mô-mi (quan Tư người Pháp) : 228
Đô-nê-e (quan Năm người Pháp) : 228
Đô-phối (người Pháp) : 417, 418
Đồ Sơn : 336
Đỗ Đệ : 149
Đỗ Đình Trịch : 82
Đỗ Gia Cát : 231
Đỗ Huy Liệu : 137, 297
Đỗ Huy Toản : 59
Đỗ Hữu Lợi : 27, 42
Đỗ Phát : 420
Đỗ Thị Ba : 247
Đỗ Tuyển : 366
Đỗ Văn Ái : 295
Đỗ Văn Đội : 354
Đỗ Văn Thố : 286
Đỗ Xuân Sinh : 295

Đôn Trực : 302
Đông (tỉnh) : 82, 244, 245, 310
Đông An (thôn) : 380
Đông Anh (huyện) : 311
Đông Bình Hán vương : 195
Đông Bình vương : 192, 195
Đông Các (điện) : 381, 389
Đông Dương (xã) : 235
Đông Dương (xe kéo) : 253
Đông Đường (xứ) : 309
Đông Gia (bến sông) : 399, 400
Đông Gia (chợ) : 325
Đông Hoa (sách) : 191
Đông Khuê (huyện) : 245
Đông Ngàn (huyện) : 245
Đông Quốc Lạc : 174
Đông Sơn (huyện) : 233, 234
Đông Tân Niên (thôn) : 131
Đông Thành (thôn) : 135
Đông Trì (ấp) : 411
Đông Triều (cung) : 9
Đông Triều (hạt) : 120, 233
Đồng Ca (đồn) : 440
Đồng Châu : 254
Đồng Chi (xứ) : 116
Đồng Lam (phường) : 397
Đồng Khánh : 7, 11, 12, 28, 68, 73, 97, 107, 115, 123, 150, 157, 159, 161, 163, 164, 167, 171, 174, 175, 190, 191, 193, 217, 218, 221, 222, 252, 279, 304, 312, 320, 321, 323, 324, 325, 334, 341, 355, 357, 374, 380, 387, 403, 406, 407, 410, 426, 429, 444
Đồng Khánh (ấn kiếm) : 184
Đồng Khánh hoàng đế : 226, 227
Đồng Khánh (kim khánh) : 210
Đồng Khánh (tiền đồng) : 313, 329
Đồng Khánh sắc tứ : 201, 210, 224
Đồng Khánh sắc tứ báo quốc huân thần (kim bài) : 195
Đồng Khánh sắc tứ tá quốc huân thần (kim bài) : 195
Đồng Khánh thông bảo (tiền) : 254, 314
Đồng Sĩ Vịnh : 25, 183, 300, 309, 329
Đồng Tình (thôn) : 429
Đồng Trọng Duật : 166, 169
Đổng Văn Quý : 89
Đồng Văn Tốn : 15
Đồng Xuân (công chúa) : 111, 194, 359
Đổng Chiêu : 200
Đổng Trác : 199
Động Chu (đồn) : 45
Động Hải (phường) : 248
Động Ngang (xứ) : 44
Đơ-bô-mông (quan Năm người Pháp) : 228
Đơ-ni-en Hoa-linh (người Pháp) : 353

Đờ (Khâm phái đại thần người Pháp) : 391
Đờ-li-cô (người Pháp) : 48
Đức Bố : 347
Đức Hoà (tổng) : 421
Đức Hoà bá : 302
Đức-lý-cố (Toàn quyền Pháp) : 42
Đức quốc công : 229
Đức Thọ (phủ) : 21, 47
Đức Viên (nhà) : 362
Đường (triều đại) : 5, 6, 158, 233, 240, 387, 404
Đường An (huyện) : 247
Đường Cảnh Tùng : 34
Đường Đức Tông : 161
Đường Hào (huyện) : 82, 247
Đường lệ (thơ) : 195
Đường Minh Hoàng : 197, 198

E

Ê-mô-ni-e (người Pháp) : 100
E-tô-na (quan Tư người Pháp) : 228

G

Gâm (sông) : 245
Ghi (Phó thượng thư người Pháp) : 228
Gia Bình (huyện) : 310
Gia Cát Võ Hầu : 239
Gia Định : 8, 151, 154, 246, 254, 256, 259, 294, 318, 341, 349, 366, 388, 392, 393, 430
Gia Định (tỉnh) : 24, 76, 126, 132
Gia Đốc (công chúa) : 194, 359, 415
Gia Hưng (phủ) : 148
Gia Hưng công : 194, 359
Gia Hưng quận vương : 22, 24, 27, 31, 59, 106
Gia Hưng vương : 59, 111, 112, 148, 150
Gia Lâm (huyện) : 60, 274, 310
Gia Long : 19, 31, 58, 121, 132, 388
Gia Long nhất thống địa dư chí: 290
Gia Lộc (huyện) : 233, 274, 310
Gia-mê (quan Sáu người Pháp) : 228
Gia Miêu ngoại trang : 95
Gia-mông (quan Bảy người Pháp) : 228
Gia Thọ (cung) : 23, 36, 51, 52, 123, 129, 136, 137, 184, 203, 218, 219, 304, 336, 371, 428, 449
Gia tô (đạo) : 40, 41

Giác Hoàng (chùa) :

Giai (tên người) : 379

Giản Hoàn (đồn) : 121

Giản Tông (miếu hiệu) : 96, 103, 105, 106, 107, 387, 423

Giản tông Nghị hoàng đế : 5, 6, 7, 9, 13, 16, 39, 104, 111, 121, 158, 172, 222, 386

Giảng sách : 103

Giáo Hoàng (chùa) : 132

H

Hà-a-măng (Toàn quyền Pháp) : 29, 30

Hà Cối (châu) : 411

Hà Dương : 252

Hà Đông (hạt) : 347

Hà Đông (huyện) : 213, 321, 351, 397, 421

Hà Hưu : 102

Hà Khánh Sinh : 245

Hà Khẩu (thôn) : 308

Hà Lam (xã) : 242

Hà Nam (tỉnh) : 26

Hà Nam (trường thi) : 408

Hà Nội (tỉnh) : 25, 29, 34, 39, 40, 43, 46, 47, 48, 50, 55, 60, 61, 65, 66, 68, 73, 80, 81, 83, 84, 91, 100, 101, 104, 110, 117, 118, 120, 121, 126, 131, 134, 135, 146, 147, 148, 173, 189, 215, 216, 225, 227, 228, 229, 230, 245, 247, 255, 256, 261, 265, 273, 274, 277, 279, 280, 282, 284, 296, 301, 305, 307, 308, 310, 311, 315, 316, 334, 368, 375, 376, 377, 408, 435, 442, 444, 446

Hà Nội (trường thi) : 100, 110, 265 277, 279, 282, 296

Hà Quang Nhạn : 115

Hà Thái hậu : 199

Hà Thanh (phủ) : 222, 407

Hà Thanh (xã) : 270

Hà Thúc Quán :

Hà Tĩnh (tỉnh) : 21, 37, 47, 48, 49, 52, 53, 54, 55, 61, 62, 66, 81, 100, 112, 115, 116, 117, 120, 134, 137, 143, 147, 148, 150, 152, 154, 178, 182, 183, 185, 199, 202, 203, 207, 209, 210, 221, 222, 233, 234, 247, 248, 252, 253, 255, 256, 262, 263, 264, 269, 272, 276, 277, 280, 281, 287, 298, 299, 301, 303, 305, 306, 309, 310, 312, 314, 315, 321, 326, 338, 345, 346, 347, 348, 358, 362, 364, 365, 366, 373, 374, 375, 381, 383, 403, 407, 412, 424, 435, 436, 448

Hà-truất Mang (Toàn quyền Pháp) : 42
Hà Trung (huyện) : 292
Hà Trung (phủ) : 263, 347, 407
Hà Văn Long : 283
Hà Văn Mao : 185, 206, 219, 311
Hà Văn Quan : 22, 35, 84, 120, 124, 132, 259, 271, 282, 305, 307, 356, 402, 406
Hà Văn Thứ : 65
Hà Văn Trứ : 301
Hạ Tuần : 102
Hách-tô (Khâm sứ) : 221, 243, 254, 299, 332, 335, 350, 364, 366, 373, 394, 395, 396, 406, 420, 423, 424, 429, 436, 437
Hải Chân Chính (xã) : 429
Hải Dương (tỉnh) : 25, 46, 47, 55, 60, 80, 81, 82, 84, 89, 90, 99, 104, 113, 116, 118, 119, 126, 148, 188, 216, 229, 233, 245, 247, 254, 255, 259, 274, 277, 279, 289, 305, 311, 354, 375, 376, 383, 411, 425, 435, 446
Hải Hậu (xứ) : 420
Hải Lăng (huyện) : 84, 235, 250, 255, 407
Hải Ninh (đạo) : 411
Hải Ninh (phủ) : 411
Hải Ninh Kỳ ngoại hầu : 150
Hải Ninh quận công : 17, 37, 194, 365
Hải Phòng (tỉnh) : 25, 84, 89, 99, 100, 125, 228, 229, 421, 435
Hải Phòng (đài) : 127, 185, 375
Hải Phòng (đồn) : 126
Hải phòng (nha) : 127, 185, 375
Hải Vân : 240, 375
Hải Vân (công xưởng) : 379
Hải Vân (cửa biển) : 373
Hàm Nghi : 7, 11, 12, 28, 59, 96, 97, 98, 123, 137, 156, 159, 161, 163, 164, 167, 170, 171, 175, 176, 182, 190, 191, 197, 237, 240, 241, 259, 263, 264, 281, 322, 323, 324, 334, 338, 348, 359, 362, 364, 368, 369, 374, 385, 387, 439, 441, 443, 444, 446
Hàm Nghi đế : 11, 97, 109, 123, 136, 183, 191, 200, 202, 209, 221, 263
Hàm Nghi Xuất đế : 12, 423
Hàm Thao : 152
Hàm Thuận (phủ) : 381, 447
Hàn Dũ : 10
Hàn Xương Lê : 10
Hán (người) : 68, 69
Hán (triều đại) : 5, 6, 102, 103, 157, 158, 225, 240, 383, 387
Hán Chiêu đế : 194
Hán gian : 44, 65
Hán Hiển Tông : 319
Hán Linh đế : 199
Hán Quang Vũ : 192
Hán thư : 9
Hán thư Nguyên hậu truyện : 336

Hán Tuyên đế : 224
Hanh-sờ (quan Năm người Pháp) : 228
Hạo (tên người) : 16
Hân Vinh (đền) : 410, 431
Hân Vinh (từ đường) : 432
Hậu lăng : 435
Hậu Lộc (huyện) : 263, 292
Hậu Tắc : 8, 162
Hậu Thắng (giáp) : 412
Hiên Viên : 160
Hiến đế : 199
Hiến tổ Chương hoàng đế : 8, 72, 107
Hiến Tông : 386
Hiển Nhân (cửa) : 139
Hiệp Hoà (vua) : 29, 385
Hiệp kỷ (lịch) : 38
Hiếu Tư (điện) : 23, 50, 80, 122, 146, 181, 185, 214
Hiếu lăng : 422
Hiệu Sơn (núi) : 203
Hoa-nê (quan Bảy người Pháp) : 185, 187
Hoà An (thôn) : 380
Hoà Đa (huyện) : 380, 447
Hoà Khiêm (điện) : 17, 18, 23, 24, 32, 36, 37, 39, 51, 52, 54, 63, 70, 72, 77, 80, 81, 99, 103, 104, 119, 131, 137, 138, 145, 172, 174, 180, 320, 349, 371, 376
Hoa Kỳ (nước) : 47
Hoà Bình (cửa) : 139
Hoà Canh (xã) : 66
Hoà Luật (xã) : 302, 340
Hoà Nhu (tên thuỵ) : 302
Hoà thanh (đội) : 182
Hoà Thanh (đồn) : 95
Hoà Thịnh quận công : 114, 126, 382
Hoà Thược (đồn) : 25
Hoà Vinh (huyện) : 229, 347, 348, 409
Hoá Giang (sông) : 82
Hoá Nhật thư trường (hành lang) : 362
Hoả Xá (nước) : 59, 189
Hoài An (huyện) : 408
Hoài Đức công : 142, 179, 258
Hoài Đức quận công : 59, 113, 126
Hoài Nhân (phủ) : 197
Hoài Nhân (phủ thành) : 307
Hoan (châu) : 240, 253
Hoàn công : 187, 240
Hoàng Bá Trinh : 254, 259, 363
Hoàng Bật Đạt : 282, 306, 323
Hoàng Cao Khải : 101, 132, 134, 173, 222, 236, 244, 295, 301, 305, 310, 311, 321, 354, 425
Hoàng Chấn : 403
Hoàng Côn : 205, 211, 262, 301
Hoàng Công : 211
Hoàng Công Bình : 301
Hoàng Diễm : 268

Hoàng Diệu : 26
Hoàng Dung Tân : 48
Hoàng đế chi bảo (ấn) : 243
Hoàng Điệu : 369
Hoàng Đình Kinh : 83
Hoàng Đôn Điển : 89
Hoàng Đức Tân : 253, 388
Hoàng Hoản : 193
Hoàng Hữu Thường : 23, 26, 33, 48, 84, 120, 126, 137, 139, 151, 155, 179, 184, 196, 219, 230, 258, 305, 345, 366, 367, 381, 399, 402, 413, 422, 431, 441
Hoàng Hữu Xứng : 6, 7, 14, 25, 184, 264, 274, 285, 290, 329
Hoàng Nguyên Xuân : 82
Hoàng Nhân : 369
Hoàng Quế Lan : 60, 82
Hoàng Phúc : 353
Hoàng Tá Trinh : 352
Hoàng Tá Viêm : 29, 30, 34, 40, 49, 66, 68, 88, 89, 146, 280, 281, 301, 302, 309, 313, 315, 344, 361, 367, 369, 378
Hoàng Thủ Trung : 73, 284
Hoàng Trung : 270
Hoàng Tướng Hiệp : 73, 90, 284
Hoàng Văn Hoè : 30, 89
Hoàng Văn Phúc : 270, 274
Hoàng Văn Quỳ : 14
Hoàng Văn Trung : 15
Hoàng Văn Tường : 430
Hoàng Văn Vận : 292
Hoàng Vĩ : 259, 289, 305, 312, 345, 361, 421, 441
Hoàng Vĩnh : 86
Hoàng Vy : 436
Hoàng Xuân : 32
Hoàng Xuân Phong : 202
Hoàng Xuân Phùng : 303, 348, 365, 366
Hoành (tên người, Bá hộ) : 447
Hoắc Quang : 224
Hoằn : 386
Hoằng Hoá công : 37
Hoằng Hoá hương công : 150
Hoằng Tín đại phu : 359
Học phi : 16, 18, 23, 24, 28, 180, 223
Hồ Bình : 445
Hồ Đệ : 283, 298, 366, 367
Hồ Đình : 26
Hồ Hiển : 27
Hồ Hoành : 15
Hồ Hữu Nho : 45
Hồ Khắc Hoà : 89
Hồ Kiệm : 208
Hồ Lãm : 339
Hồ Lệ : 27, 151, 181, 197, 261, 283, 364, 366, 367, 369, 380, 397, 426, 427

Hồ Ngoạn : 42, 322
Hồ Ngọc Hào : 150
Hồ Như Lễ : 25, 26
Hồ Phi Tự : 47
Hồ Phong : 307
Hồ Quý Thiều : 339
Hồ Thị Đốc : 111, 194
Hồ Tiến Nghị : 208
Hồ Tiến Tử : 44
Hồ Trí : 127, 236, 246, 277, 305, 365
Hồ Trung Lượng : 14
Hồ Tư Cung : 59
Hồ Văn Dũng : 312, 365
Hồ Văn Hiển : 33, 80, 90, 124, 137, 139, 140, 143, 147
Hồ Văn Phấn : 89
Hồ Văn thị : 180, 311
Hồ Văn Tích : 297
Hổ phục sơn (núi) : 362
Hội An (xã) : 85, 406
Hội điển : 426
Hội Hải (cửa biển) : 289
Hỗn Bản (xã) : 206
Hồng Cai : 170
Hồng Côn : 37
Hồng Chuyên : 66
Hồng Danh : 37
Hồng Dư : 37
Hồng Đãi : 194
Hồng Đình : 107
Hồng Đồn : 37
Hồng Hợi : 16, 96
Hồng Hưu : 22, 24, 27, 28, 31, 59, 65, 77, 95, 106, 111, 112, 172, 194, 359
Hồng Hữu : 37
Hồng Hỷ : 37
Hồng Kiện : 37, 437
Hồng Kỳ : 37
Hồng Mao (nước) : 400, 416
Hồng Ngãi : 37
Hồng Nhĩ : 37
Hồng Nhiệm : 24
Hồng Phì : 37
Hồng Phiên : 37
Hồng Phó : 37, 80
Hồng Sâm : 194
Hồng Tảo : 37
Hồng Tích : 298, 388
Hồng Thành : 40, 66
Hồng Thị : 37, 369
Hồng Thiết : 37
Hồng Tô : 37
Hồng Tố : 36, 37, 80
Hồng Truyền : 437
Hồng Trứ : 14
Hồng Tu : 37, 194

Hồng Tuân : 37

Hồng Uẩn : 404

Hồng Vu : 37

Huệ đế : 102, 387

Huệ Nam (điện) :

Hùng dũng vô địch đại tướng quân (súng đồng) : 343, 380

Hùng Quan (huyện) : 406

Huyền cung : 99

Huyền Thiên Chí Tôn Ngọc hoàng Thượng đế (tượng) : 107

Hứa Quảng Hán : 224

Hưng Hoá (tỉnh) : 34, 60, 61, 67, 68, 73, 81, 90, 124, 135 173, 205, 211, 247, 260, 277, 284, 306, 349, 358, 408, 424, 425, 448

Hưng lợi trừ hại (bài luận) : 360

Hưng Nguyên (huyện) : 257

Hưng Nhân (huyện) : 296, 321

Hưng Thịnh Hạ (tổng) : 397

Hưng Yên (tỉnh) : 28, 40, 43, 47, 68, 81, 83, 90, 91, 104, 113, 118, 124, 173, 189, 216, 222, 236, 244, 245, 255, 277, 295, 301, 305, 310, 311, 321, 354, 425, 446

Hương (sông) : 106, 138, 186, 403, 431

Hương Cảng : 312

Hương Giang (bến) : 106

Hương Khê (huyện) : 47, 116, 183, 203, 222, 303, 381, 442

Hương Sơn (huyện) : 116, 222, 303, 314

Hương Thuỷ (huyện) : 45, 109, 374

Hương Trà (huyện) : 40, 112, 140, 447

Hữu Hùng (giáp) : 412, 413

Hữu kỳ (miền) : 22, 81, 104, 176, 193, 282, 315, 344

Hữu Lũng (huyện) : 83, 245

Hữu Thắng (giáp) : 412

Hữu Tiệp (ấp) : 412

Hữu Tiệp (giáp) : 412

Hy Hoà : 256

Hy hoà thuỷ phủ thánh mẫu : 249

K

Kê-ninh-vi Lê-ra-mông Ra-bô (quạn Hai người Pháp) : 264

Kệ Sơn (chợ) : 65

Kiên Giang (huyện) : 239

Kiên Giàng hầu : 114, 145, 156

Kiên Giang quận công : 35, 63, 114, 145, 155, 156, 170, 171, 173, 337

Kiên huyện công : 255, 326

Kiên huyện hầu : 421

Kiên quốc công : 16, 97, 156, 170, 191, 192

Kiên Thái phi : 408, 421

Kiên Thái vương : 95, 97, 170, 389, 407, 410, 421, 422, 423, 445

Kiên Thái vương phi : 16, 384, 385, 425

Kiên vương : 191, 192, 202, 223, 235, 241, 255, 270, 283, 385

Kiến An vương : 326

Kiến Hoà quận công : 57, 113

Kiến Nghiệp (Kinh đô) : 362

Kiến Phúc : 7, 11, 13, 18, 19, 20, 21, 28, 38, 51, 72, 77, 79, 97, 109, 123, 124, 137, 175, 182, 203, 222, 240, 282, 286, 295, 311, 324, 359, 374, 379, 386, 387, 423

Kiến Thuỵ (phủ) : 82, 245, 375

Kiến Văn : 387

Kiến Văn đế : 97

Kiến Vũ nguyên niên : 387

Kiến Vương phi : 382

Kiến Xương (huyện) : 30, 245

Kiều Đại (thôn) : 71

Kiều Hữu Hanh : 354

Kim Âu (xã) : 306

Kim Bí (xã) : 216

Kim-bô (Suất đội người Pháp) : 264

Kim Động (huyện) : 236, 301

Kim Giang (xã) : 334

Kim Huy (huyện) : 245

Kim Long (nhà thờ đạo) : 139, 140

Kinh Thành (huyện) : 375

Kinh (người) : 127

Kinh (núi) : 174

Kinh Dịch : 224, 239, 361

Kinh Lễ : 427

Kinh Môn (hạt) : 233

Kinh Môn (phủ) : 245, 347

Kinh Thi : 22

Kinh Thư : 22, 224, 256, 382

Kinh Thượng thư : 102

Kỳ Anh (huyện) : 222, 347

Kỳ Anh quận công : 51, 303

Kỳ Ngoại hầu : 37, 56, 66, 107, 150, 188, 327, 426

Kỳ Phong quận công : 107, 194, 241, 326

Kỳ Sơn (núi) : 8

Kỳ Vĩ bá : 59

Kỳ Vĩ hầu : 22, 27, 59

Kỳ Vĩ quận công : 59, 154

KH

Khách (người) : 363, 364

Khám biện (ty) : 41, 42

Khang Thúc : 162

Khang vương : 198

Khánh Hoà (tỉnh) : 64, 81, 103, 181, 200, 234, 254, 258, 259, 299, 306, 318, 344, 352, 361, 375, 378, 381, 392, 401, 402, 404, 412, 418, 436, 447

Khánh Mỹ (hội) : 200

Khâm định Việt sử : 386

Khâm định Việt sử cương mục : 71, 367

Khâm định Việt sử thông giám cương mục : 80

Khâm thiên giám : 22, 171, 177, 180, 184, 206, 221, 232, 257, 258, 331, 345, 381, 389, 435, 441

Khâm Thịnh : 407

Khâm Văn (điện) : 311, 405

Khe Cây Giang : 264

Khe Chử : 264

Khiêm cung : 17, 33, 35, 36, 39, 47, 51, 56, 72, 102, 123, 136, 137, 139, 141, 144, 147, 152, 261, 435

Khiêm Hoà (điện) : 361

Khiêm lăng : 33, 39, 56, 63, 99, 106, 119, 211, 320, 329, 433

Khiêm Lăng (đình) : 419

Khiêm Sơn (núi) : 33, 99, 102, 106, 447

Khoa Hội (thi) : 179

Khoa Hương (thi) : 179

Khôn Thái (điện) : 211, 212

Khổng Minh : 345

Khổng Tử : 160, 240, 428, 445

Khung (sông) : 290, 291, 424

Khung Giang (sông) : 152, 265, 285, 290

Khương hậu : 319, 336

Khương Mỹ (thôn) : 350

Khương Tự : 184

L

La-ca-lê (quan Tư người Pháp) : 228

La Chử (xã) : 112, 139

La Đậu : 113, 114

La-lơ-ri-ê (Thống nhiếp Pháp) : 127

La Sơn (huyện) : 182, 197, 303

La Thành : 34, 47, 99, 102, 435

Lã Bố : 199

Lã Năng Hoằng : 48

Lã Xuân Oai : 32, 68, 82, 121
Lạc Biên (phủ) : 424
Lai Hạ (thôn) : 296
Lại Hợp Phái : 374
Lang Cầu : 44
Làng Thìn : 62
Lãng quốc công : 17, 19, 385, 387, 423
Lạng Quang : 82
Lạng Sơn (tỉnh) : 32, 34, 50, 61, 82, 120, 121, 126, 132, 135, 202, 245, 248, 263, 307, 308, 430, 443
Lao Bảo (trấn) : 44, 45
Lao năng khả thưởng (kim khánh) : 360
Lão Thuộc (đồn) : 205, 219, 307, 356
Lạp (người, nước) : 22, 176
Lạp Biệt Tô (quan Ba người Pháp) : 228
Lâm Duy Thiếp : 293, 294, 295
Lâm Đồng (xã) : 375
Lâm Hoành : 45
Lâm Thao (phủ) : 34, 68
Lân kinh : 160
Lê Bá Đôn : 435
Lê Bảng : 286, 306
Lê-bồi-gi-ư-phi (quan Ba người Pháp) : 228
Lê Bình : 42
Lê Cát : 115
Lê Chuân : 15, 165, 169
Lê Chuẩn : 45
Lê Cơ : 48, 124
Lê Dĩnh : 135
Lê Diệu : 52
Lê Doãn : 23
Lê Doãn Nha : 282
Lê Duy Cung : 149
Lê Duy Hinh : 99, 298
Lê Duy Thuỵ : 27, 65, 128, 149, 150
Lê Đài : 282
Lê Đại : 23, 26, 45, 178, 182, 247
Lê Địch Cát : 259
Lê Điều : 35, 89
Lê Đình Hoè : 27
Lê Đình Luyện : 14, 165, 168
Lê Đình Mại : 374
Lê Đình Soạn : 422
Lê Đình Vũ : 428
Lê Đình Xuân : 26
Lê Đính : 147, 154, 309
Lê Đĩnh : 135, 173, 189, 230, 305, 366, 376, 446
Lê Đồng Ký : 214
Lê Đức Dụ : 301
Lê Đức Thuận : 231
Lê Hoàn : 165, 168
Lê Hợp : 439
Lê Huy Khanh : 292
Lê Huy Kiên : 249

Lê Hữu Thường : 98, 220, 270, 289, 305, 307, 329, 366, 380, 396, 402, 419, 435
Lê Hy : 165, 169
Lê Khắc Quýnh : 282
Lê Khoa : 277
Lê Kiện : 182
Lê Kinh Tuấn : 14
Lê Kỷ : 369
Lê Liêm : 104, 124, 181, 445
Lê Liễn : 409
Lê Long Việt : 387
Lê Lượng : 211
Lê Mô Khải : 25, 90, 282, 309, 362
Lê-mô-ny (quan Tư người Pháp) : 353
Lê Nhất Hoàn : 303
Lê Nhất Hoãn : 347
Lê Na (Toàn quyền người Pháp) : 73, 74, 78, 82, 98, 99, 110, 111, 112, 243, 438, 439, 442, 443, 444, 448
Lê Ngọc Uẩn : 68
Lê Như Dạng : 119
Lê Ninh : 182, 310
Lê Phú Ân : 425
Lê Phục : 366
Lê Quang Chỉ : 258, 283, 379, 381
Lê Quang Nhạ : 197
Lê Sán : 297
Lê Sâm : 255
Lê Sĩ : 45
Lê Thản : 263, 292
Lê Thanh : 23, 27
Lê Thận : 77, 132, 149, 151, 188, 216
Lê thị : 311
Lê Thị Nhâm : 421
Lê Thiệm : 374
Lê Thiện Thi : 282
Lê Thiệu : 15
Lê Thìn : 65
Lê Thuận Lý : 365, 381, 419, 433, 434
Lê Thuỵ : 283, 375
Lê Thuyết : 152, 191, 202, 221, 237, 239, 240, 242, 247, 261, 263, 282, 309, 430, 448
Lê Tiến Thông : 188, 197, 247
Lê Trí Thực : 282, 314
Lê Trinh : 184, 339, 434, 440
Lê Trung Cương : 25
Lê Trung Đình : 146, 149
Lê Trực : 25, 442
Lê Túc Tông : 386
Lê Tùng : 416
Lê Từ : 372
Lê Tựu Khiết : 378, 447
Lê Uyển : 269, 283
Lê Văn Bằng : 27, 101, 196
Lê Văn Bình : 352
Lê Văn Chiếu : 25
Lê Văn Duyên : 73, 90, 309, 443

Lê Văn Đạo : 181, 204
Lê Văn Hào : 284
Lê Văn Hoằng : 295
Lê Văn Hổ : 29, 30, 61, 89
Lê Văn Ngãi : 151
Lê Văn Nghiêm : 411
Lê Văn Nhượng : 322
Lê Văn Ninh : 412
Lê Văn Phù : 267
Lê Văn Quý : 25
Lê Văn Thị : 180
Lê Văn Toản : 297
Lê Văn Trinh : 25
Lê Văn Vận : 230
Lê Văn Quyền : 371
Lê Viết Diễn : 137, 308
Lê Viết Huy : 81, 104
Lê Xuân Tranh : 255
Lễ Dương (huyện) : 297
Lệ Thiên Anh hoàng hậu : 449
Lệ Thuỷ (huyện) : 248, 253
Lịch đại đế vương (miếu) : 19, 229, 304
Liêm Ái (xã) : 271
Liêm, bình, cần, cán (kim khánh) : 314, 361
Liên Năng (phường) : 72
Liên Thành : 430
Liễn Cốc (xã) : 296
Liệt thánh Thực lục Tiền biên : 5
Linh Hựu (chùa) : 132
Linh Mụ (chùa) : 100, 193
Linh sơn giám công thông đại tướng quân : 249
Linh Xuân : 44
Long An (điện) : 80, 114, 146, 181, 185, 189, 214
Long Biên (thành) : 345
Long Hưng (xã) : 255
Long tàng phụ (núi) : 362
Long vân khế hội (huy chương) : 26
Long Việt : 387
Lô-hu Câu-cơ (Thượng thư người Pháp) : 276
Lô-mi-ơ (Toàn quyền Khâm sứ Pháp) : 110, 113, 120, 126, 132, 135
Lỗ (nước) : 187
Lỗ Đông (nguyên) : 353
Lỗ sử : 5
Lộ Châu (đồn) : 25, 26
Lộc (giám mục) : 140
Lộc Giang (thôn) : 307
Lỗi Dương (xã) : 375
Lơ-suy-en : 325
Lợi Đạt (tàu) : 99
Lợi Xá (xã) : 330
Lục Đầu (sông) : 60
Lục Giác (lầu) : 362

Lục trí thần thông (gác) : 362
Lư Châu : 362
Lư-sơ (quan Ba người Pháp) : 424
Lực dũng tướng quân : 250
Lương Chính (châu) : 406
Lương Huy Ý : 88, 89
Lương Quy Chính : 29, 30, 117, 126, 150
Lương Sơn Bạc : 198
Lương Tài : 310
Lương Thành : 27, 73, 124, 140, 141, 179, 219, 220, 242, 243, 261, 348, 371, 404
Lương Thường (huyện) : 219
Lương Trạch : 409
Lương Tú Thứ : 68
Lương Tuấn Tú : 245, 308, 430
Lương Uyên : 303
Lương Văn Cảnh : 409
Lương Văn Phú : 89, 297
Lương Văn Tạo : 83
Lương Văn Trực : 301
Lương Xá (tổng) : 408
Lương Xuân Huyến : 183, 190
Lưu Biểu : 200
Lưu Cung : 25, 126, 201, 252, 258, 283, 296, 348, 375, 379
Lưu Đức Xứng : 159, 165, 168
Lưu Huy (đền) : 408
Lưu Hướng : 10, 160
Lưu Thiện Kế : 65
Lưu Tử Chinh : 10
Lưu Văn Thúc : 89
Lưu Văn Toàn : 297
Lưu Vĩnh Phúc : 34, 60, 66
Lý Chấn : 241
Lý-cố (Toàn quyền Pháp) : 42, 43
Lý Hoà (thôn) : 358
Lý Mai (Khâm sứ Pháp) : 110
Lý Nhân (xã) : 104
Lý Nhân Bắc (phường) : 248
Lý Thành Long : 113, 116
Lý Văn Chỉnh : 368

M

Ma-sa-đa (quan Tư người Pháp) : 228
Ma-sếch (ngân khố viên người Pháp) : 228
Mã Hạc : 147
Mã hoàng hậu : 319
Mã Trụ : 68
Mã Viện : 319
Mạc Đình Ngô : 260

Mai Lĩnh (núi) : 145
Mai Lĩnh (xứ) : 311
Mai Thị Bái : 116
Mai Văn Kinh : 115
Mai Văn Nghị : 27
Mai Văn Thượng : 25
Mai Xuân Thưởng : 322, 338, 353
Man (người) : 22, 176, 363, 405, 424
Mán (người) : 104
Mang Cá (thành) : 99
Măng-suy-e (quan Năm người Pháp) : 228
Mẫn hoàng đế : 71
Mẫn Tuyên : 60, 82
Mậu Lâm (đồn) : 258
Mậu Thịnh (thôn) : 306
Mậu vương : 414
Mi-lê (quan Ba người Pháp) : 258
Mi-lô (tướng Pháp) : 54, 60, 82, 98, 100, 121, 126, 127
Miên Bàng : 179, 180
Miên Duyện : 150
Miên Điều : 113
Miên Đình : 51
Miên Định : 39, 95, 144, 148, 155, 156, 171, 179, 180, 288
Miên Hạp : 362
Miên Lâm : 59, 113, 126, 179, 258
Miên Miễn : 56
Miên Niết : 66
Miên Ninh : 52, 70, 122
Miên Ổn : 365
Miên Phương : 376
Miên Tả : 179
Miên Tăng : 37, 38
Miên Tằng : 17, 150
Miên Tranh : 194
Miên Trí : 37, 38, 40, 111
Miên Triệu : 37, 38, 194
Miên Trinh : 149, 150, 194, 446
Miên Trữ : 48, 113, 382, 383, 426
Miên Tuấn : 114, 126, 382, 383
Miên Uyển : 362, 446
Miết-lăng-di (quan Tư người Pháp) : 337
Minh (triều đại) : 160
Minh Ân (viện) : 389
Minh Cầm (đồn) : 322
Minh Đức hoàng hậu : 319
Minh Hoàng : 198
Minh Huệ đế : 387
Minh Linh (huyện) : 265
Minh Lý bá : 408
Minh Mệnh : 31, 37, 52, 57, 58, 66, 67, 81, 90, 121, 128, 135, 254, 313, 314, 404, 413, 417, 424
Minh Mệnh chính yếu thư : 84
Minh sử : 97

Minh Thành (điện) : 146, 422
Mo-nanh (Phó công sứ người Pháp) : 229
Mô-lăng (Tham tán người Pháp) : 228
Mộ Đức (huyện) : 149, 219, 220, 257, 271, 284
Mộc Kiều (cầu) : 284
Mông Lĩnh (thôn) : 350
Mông-tây (quan Ba người Pháp) : 353
Mục Sơn (xã) : 206
Mục Vương : 229
Mưu phản đại nghịch (điều luật) : 135, 370
Mường Vang (châu) : 62
Mi-ben-li (ký lục người Pháp) : 312
Mi-sinh (ký lục người Pháp) : 286
Mi-sô (Toàn quyền Pháp) : 420
Mỹ Đức (đạo) : 49, 65, 81, 101, 104, 117, 255, 277, 402, 408
Mỹ Đức (phủ) : 408
Mỹ Hào (huyện) : 233, 247, 274
Mỹ Hội (phường) : 262
Mỹ Khê (thôn) : 306
Mỹ Lộc (đình) : 253
Mỹ Lương (huyện) : 49, 65, 408
Mỹ Thổ (đồn) : 270
Mỹ Thuỷ : 297
Mỹ Trang (núi) : 271

N

Na Bôn : 44, 62
Na-viên (Lãnh sự Pháp) : 80
Ná Nậm : 138
Nam Chân (trạm) : 229
Nam Dương (tên đất) : 187
Nam Định (tỉnh) : 25, 30, 47, 68, 80, 81, 100, 104, 107, 110, 111, 117, 118, 119, 125, 215, 220, 229, 245, 254, 255, 277, 279, 280, 282, 296, 306, 310, 311, 322, 358, 368, 420, 421
Nam Định (trường thi) : 110, 277, 296
Nam Giao (đàn tế) : 33, 62, 126, 157, 172, 222, 258, 371, 445
Nam Kỳ : 34, 74, 76, 92, 153, 189, 291, 298, 299, 317, 391, 393
Nam Ổ (tên đất) : 215
Nam Phố (chợ) : 140
Nam Quan (tên đất) : 82, 245
Nam Sách (hạt) : 233
Nam Sách (phủ) : 82, 245, 259

Nam Sách quận công : 365

Nam sử : 174

Nam Xang (đài) : 126

Năng An (huyện) : 247

Nê-di (Phó thống sứ người Pháp) : 298

Nê-gi-y (quan Bảy người Pháp) : 228

Ninh Bình (tỉnh) : 30, 40, 43, 47, 48, 49, 56, 60, 68, 74, 75, 76, 117, 119, 127, 132, 142, 147, 173, 179, 183, 189, 230, 236, 243, 255, 271, 277, 300, 306, 309, 310, 311, 317, 322, 329, 358, 391, 402, 408, 441, 443

Ninh Giang (hạt) : 233, 310

Ninh lăng (lễ) : 33, 36, 38, 98, 101, 102, 104, 106, 114, 410, 449

Ninh Phú (ấp) : 200

Ninh Thuận (phủ) : 251, 381, 447

Ninh Xá (xã) : 270

Nô (Thống sứ Bắc Kỳ người Pháp) : 298

Nông Cống (huyện) : 242, 249, 292, 407

Nước Trắng (trại) : 357

Nước Trong (trại) : 357

NG

Nga (nước) : 110

Nga Sơn (huyện) : 306

Ngả Hai (xứ) : 440

Ngân Câu (thôn) : 350

Ngân Hà (thôn) : 350

Nghệ An (tỉnh) : 21, 47, 48, 54, 55, 62, 64, 81, 99, 100, 104, 112, 116, 117, 126, 134, 136, 147, 148, 150, 152, 179, 197, 203, 207, 208, 210, 221, 234, 248, 253, 256, 257, 263, 264, 276, 277, 280, 281, 289, 290, 296, 299, 301, 308, 310, 321, 326, 337, 338, 346, 348, 349, 354, 358, 362, 363, 364, 374, 375, 382, 383, 388, 407, 408, 412, 417, 421, 424, 435, 448

Nghệ An (trường thi) : 179, 321, 408

Nghi Dương (huyện) : 375

Nghi quốc công : 36, 80

Nghi Tàm (phường) : 230

Nghi Thiên ChươngHoàng hậu : 449

Nghi Vệ (xã) : 60

Nghi Xuân (huyện) : 276, 303

Nghĩa Trụ (sông) : 60

Nghiêm Niệm : 73, 90

Nghiêm Xuân Phương : 260, 308
Ngọ Môn (cửa) : 420
Ngọ Môn (lầu) : 66
Ngọc Canh (xã) : 66
Ngọc Côn : 201
Ngọc điệp : 405, 423
Ngọc điệp tôn đồ : 423
Ngọc điệp tôn phả : 401, 423
Ngọc Quan (huyện) : 406
Ngọc Sơn (thôn) : 381
Ngọc Sơn (tổng) : 397
Ngọc Sơn (xã) : 397
Ngọc Thụ (thôn) : 350
Ngọc Trản (đền) : 234
Ngô Đại đế : 362
Ngô Đạt : 47
Ngô Đắc Quang : 259
Ngô Đình Bàn : 100, 196
Ngô Đức Đạt : 263, 292
Ngô Đức Quang : 302
Ngô Đức Tiến : 119
Ngô Huệ Liên : 6, 7, 10, 14, 165, 168
Ngô Như : 354
Ngô Quang Huy : 334
Ngô Quảng : 198
Ngô Tất Ninh : 29, 30, 68, 88, 89, 124, 139, 140, 143, 151, 403
Ngô Trọng Tố : 151, 178, 185, 210, 260, 305, 358
Ngô Tu : 107
Ngô Văn Bàn : 33
Ngô Văn Tuấn : 267, 379
Ngô Xuân Quýnh : 282
Ngũ hành hồng phạm : 160
Nguỵ Kham : 338
Nguỵ Khắc Đản : 338
Nguỵ Khắc Kiều : 202
Nguỵ Liễu Ông : 404
Nguỵ Thù : 240
Nguyên (quân) : 174
Nguyên phi Phan thị : 109
Nguyễn Âu Chuyên : 81
Nguyễn Bá Nghi : 219
Nguyễn Bá Thiệu : 249
Nguyễn Bái : 33, 436
Nguyễn Bái Kỳ : 42
Nguyễn Bình : 403
Nguyễn Bỉnh : 309
Nguyễn Cao : 89, 334
Nguyễn Cận : 15
Nguyễn Chất : 446
Nguyễn Chí Thứ : 339
Nguyễn Chiểu : 301

Nguyễn Chính : 25, 47, 54, 116, 150, 152, 154, 183, 221, 257, 308, 310, 337, 349, 363, 366, 448
Nguyễn Chính Nhã : 408, 417
Nguyễn Chính Văn : 352
Nguyễn Chúc : 189, 190, 301
Nguyễn Côn : 149
Nguyễn Công Yến : 359
Nguyễn Cương : 322
Nguyễn Cửu Luyện : 90
Nguyễn Dật : 366
Nguyễn Diễm : 290
Nguyễn Diệm : 224
Nguyễn Diệu : 339
Nguyễn Dĩnh : 59
Nguyễn Doãn Tựu : 103, 312
Nguyễn Du : 52
Nguyễn Duy Hiệu : 151, 398
Nguyễn Duy Thiên : 25
Nguyễn Duy Thiện : 38
Nguyễn Đại Đoan : 15, 166, 169
Nguyễn Đắc Hanh : 298
Nguyễn Đắc Tính : 25
Nguyễn Đinh Đức : 268
Nguyễn Đình Chiểu : 352
Nguyễn Đình Diểu : 168
Nguyễn Đình Dương : 90, 139, 168, 211, 248
Nguyễn Đình Điển : 168
Nguyễn Đình Đường : 25
Nguyễn Đình Lục : 337
Nguyễn Đình Nên : 326
Nguyễn Đình Nhuận : 29, 30, 34, 68, 88, 89
Nguyễn Đình Phổ : 101, 102, 179, 320
Nguyễn Đình Tân : 222, 223
Nguyễn Đình thị : 170
Nguyễn Đình Tiếp : 27, 33
Nguyễn Đình Tuấn : 46
Nguyễn Đình Tuyển : 248
Nguyễn Đình Tựu : 150, 351, 409
Nguyễn Đĩnh : 209, 302
Nguyễn Định Tình : 439, 448
Nguyễn Đốc : 277
Nguyễn Đới : 321
Nguyễn Đức Đạt : 241
Nguyễn Đức Luận : 208
Nguyễn Đức Nhuận : 338
Nguyễn Đức Quý : 81
Nguyễn Gia Trinh : 381, 416, 432, 435, 448
Nguyễn Hàm Quang : 23, 45, 125, 222, 286
Nguyễn Hanh : 26, 27, 33, 42, 70, 80, 102, 124, 139, 140, 200, 201, 236, 277
Nguyễn Hậu : 50
Nguyễn Hiệp : 271, 287, 322, 353, 381, 398

Nguyễn Hiệu : 351, 352, 354, 357
Nguyễn Hoàn Dực : 401
Nguyễn Hoằng : 258, 334
Nguyễn Hoằng Tuân : 126
Nguyễn Học : 213
Nguyễn Hổ : 26, 27
Nguyễn Huề : 261, 305, 448
Nguyễn Huy Lân : 89, 132, 248, 307
Nguyễn Huy Quỳnh : 115
Nguyễn Huy Trác : 211, 300
Nguyễn Hữu (họ) : 224, 225
Nguyễn Hữu Bằng : 339
Nguyễn Hữu Cận : 15, 166, 169
Nguyễn Hữu Chính : 65, 374
Nguyễn Hữu Cư : 43
Nguyễn Hữu Danh : 89
Nguyễn Hữu Dật : 378
Nguyễn Hữu Đảng : 413, 416, 425
Nguyễn Hữu Độ : 48, 50, 55, 65, 71, 83, 100, 124, 132, 134, 146, 148, 154, 155, 156, 171, 173, 177, 178, 180, 181, 184, 185, 195, 201, 205, 208, 211, 216, 221, 222, 224, 225, 227, 230, 243, 248, 258, 264, 275, 283, 293, 298, 299, 307, 313, 314, 316, 326, 342, 343, 345, 349, 355, 363, 366, 368, 371, 375, 376, 377, 379, 381, 393, 397, 398, 404, 420, 425, 430, 431, 433, 436, 437, 442, 443, 444
Nguyễn Hữu Đôn : 309
Nguyễn Hữu Hiệp : 412
Nguyễn Hữu Kính : 378
Nguyễn Hữu Lang : 376, 397, 398, 430
Nguyễn Hữu Lãng : 347
Nguyễn Hữu Lưu : 339
Nguyễn Hữu Mẫn : 323
Nguyễn Hữu Ngoạn : 27, 33, 101, 126, 200, 201
Nguyễn Hữu Phi : 354
Nguyễn Hữu Phu : 89
Nguyễn Hữu Quang : 409
Nguyễn Hữu Tạo : 149
Nguyễn Hữu Thảng : 23, 25, 27
Nguyễn Hữu Thận : 179, 201, 236, 273, 381
Nguyễn Hữu Thi : 25
Nguyễn Hữu thị : 312
Nguyễn Kham : 184
Nguyễn Khắc Mỹ : 446
Nguyễn Khắc Vỹ : 55, 56, 279, 305, 366
Nguyễn Khoa : 45, 208
Nguyễn Khoa Luận : 115, 124
Nguyễn Khuyến : 50
Nguyễn Lệ : 249, 292
Nguyễn Lịch : 115
Nguyễn Liên : 52, 53, 110, 303

Nguyễn Loan : 219
Nguyễn Lộc : 90
Nguyễn Lữ : 173, 248, 313
Nguyễn Lương : 358
Nguyễn Lượng : 179
Nguyễn Ngoạn : 25, 71, 149, 181
Nguyễn Ngọc Chấn : 29, 30, 61, 89
Nguyễn Nguyên Thành : 282
Nguyễn Nhuận : 439
Nguyễn Như Cung : 206, 219, 330
Nguyễn Ôn : 248
Nguyễn Phạm Tuân : 201, 270, 282, 322, 353
Nguyễn Phiên : 23, 297
Nguyễn Phổ : 57
Nguyễn Phụ : 81, 422, 434
Nguyễn Phục : 420
Nguyễn Phương : 346
Nguyễn Quang Bích : 34, 68, 90
Nguyễn Quang Huấn : 89
Nguyễn Quang Huy : 297
Nguyễn Quang Khoan : 61
Nguyễn Quát : 15, 165, 169
Nguyễn Quýnh : 242
Nguyễn Sô : 366
Nguyễn Tạ : 237
Nguyễn Tán : 151
Nguyễn Tạo : 242
Nguyễn Tăng Ý : 277
Nguyễn Tất Đạt : 82, 374
Nguyễn Tế Mỹ : 47
Nguyễn Thạc : 201, 215, 249, 269, 286, 310
Nguyễn Thành : 25, 374
Nguyễn Thành Toản : 309
Nguyễn Thành Ý : 23, 25, 33, 48, 54, 136, 147, 154, 233, 279
Nguyễn Thân : 71, 149, 150, 197, 217, 219, 230, 257, 258, 267, 268, 269, 271, 273, 307, 310, 315, 322, 329, 336, 347, 348, 351, 352, 354, 357, 360, 367, 376, 378, 39, 416, 418, 420, 422, 423
Nguyễn Thận Tu : 326
Nguyễn thị : 224, 290
Nguyễn Thị Chất : 116
Nguyễn Thị Đào : 201, 369, 370
Nguyễn Thị Giản : 411
Nguyễn Thị Thích : 421
Nguyễn Thị Thiện : 100
Nguyễn Thị Thừa : 437
Nguyễn Thích : 81, 152
Nguyễn Thiên : 233
Nguyễn Thiện Hành : 14
Nguyễn Thiện Hạnh : 165, 168

Nguyễn Thiện Thuật : 29, 30, 68, 82, 89
Nguyễn Thoại : 15
Nguyễn Thuận : 98
Nguyễn Thuật : 6, 7, 14, 51, 65, 66, 81, 84, 110, 124, 125, 148, 171, 179, 184, 221, 243, 258, 312, 313, 359, 364, 365, 366, 367, 372, 378, 397, 402, 403, 409, 413, 415, 423, 425, 426, 444, 448
Nguyễn Thuý : 287
Nguyễn Thư : 23, 282
Nguyễn Thức Tự : 49
Nguyễn Thượng Phiên : 26, 33, 65
Nguyễn Tiến : 446
Nguyễn Tiến Đạo : 219, 267, 268, 429
Nguyễn Tiến Quý : 269, 284
Nguyễn Tiến Tăng : 409
Nguyễn Tố : 339
Nguyễn Trác : 231
Nguyễn Trăn : 65
Nguyễn Trần Cáp : 50, 366
Nguyễn Trần Hợp : 425
Nguyễn Tri Phương : 293, 294, 377
Nguyễn Trì : 89, 312, 379, 381, 389
Nguyễn Triệu : 89
Nguyễn Trinh : 403
Nguyễn Trọng Biện : 83, 149
Nguyễn Trọng Đĩnh : 165, 169
Nguyễn Trọng Đỉnh : 15
Nguyễn Trọng Hiệp : 383
Nguyễn Trọng Hợp : 29, 42, 44, 48, 50, 54, 84, 100, 124, 171, 179, 210, 216, 245, 260, 277, 284, 292, 305, 309, 310, 316, 342, 343, 345, 349, 359, 364, 366, 367, 381, 397, 420, 442
Nguyễn Trọng Tạo : 260, 276
Nguyễn Trung : 45, 426, 427
Nguyễn Trung Hội : 73
Nguyễn Trực : 282
Nguyễn Trực Lượng : 379
Nguyễn Tu : 29, 30, 61, 89, 124, 210
Nguyễn Tú : 179
Nguyễn Tuân : 301
Nguyễn Tuy : 205
Nguyễn Tư Giản : 274, 359
Nguyễn Tư Thành : 282
Nguyễn Từ : 34
Nguyễn Tử Thản : 366
Nguyễn Tự Cường : 301
Nguyễn Tự Khiểm : 301
Nguyễn Tự Như : 193, 301
Nguyễn Tự Tân : 149
Nguyễn Văn : 50
Nguyễn Văn Ban : 120
Nguyễn Văn Bản : 412, 425

Nguyễn Văn Bân : 424, 434
Nguyễn Văn Bình : 119
Nguyễn Văn Cát : 27, 33, 98
Nguyễn Văn Chẩn : 62
Nguyễn Văn Chất : 352
Nguyễn Văn Chi : 289
Nguyễn Văn Chư : 29, 30, 61, 89, 127, 366
Nguyễn Văn Cố : 26
Nguyễn Văn Cường : 273
Nguyễn Văn Dụ : 149, 150, 281, 309
Nguyễn Văn Dung : 369
Nguyễn Văn Đạo : 208, 401
Nguyễn Văn Đắc : 65
Nguyễn Văn Đỉnh : 47
Nguyễn Văn Đôn : 297
Nguyễn Văn Đới : 424, 425
Nguyễn Văn Giáp : 29, 30, 34, 68, 89, 135
Nguyễn Văn Hanh : 89, 183
Nguyễn Văn Hân : 295
Nguyễn Văn Hậu : 89, 403
Nguyễn Văn Hoành : 149
Nguyễn Văn Học : 312, 371
Nguyễn Văn Huân : 354
Nguyễn Văn Huấn : 368
Nguyễn Văn Hữu : 258, 283
Nguyễn Văn Hy : 297
Nguyễn Văn Lâm : 416
Nguyễn Văn Lẫm : 412
Nguyễn Văn Lễ : 301
Nguyễn Văn Lệ : 351
Nguyễn Văn Lữ : 24
Nguyễn Văn Lý : 295
Nguyễn Văn Mẫn : 89
Nguyễn Văn Mùi : 89
Nguyễn Văn Nhung : 46
Nguyễn Văn Như : 89
Nguyễn Văn Niên : 39
Nguyễn Văn Phẩm : 398
Nguyễn Văn Phó : 200, 201, 236, 305, 311
Nguyễn Văn Phong : 89, 259, 289, 295, 361, 378
Nguyễn Văn Quy : 297
Nguyễn Văn Quý : 310
Nguyễn Văn Sang : 301
Nguyễn Văn Sinh : 292
Nguyễn Văn Sính : 268, 322
Nguyễn Văn Tân : 375
Nguyễn Văn Thái : 329, 348, 448
Nguyễn Văn Thận : 90
Nguyễn Văn Thê : 339
Nguyễn Văn Thi : 60, 68, 124, 229, 311, 446

Nguyễn Văn Thị Chuyên : 16
Nguyễn Văn Thì : 205
Nguyễn Văn Thiện : 416
Nguyễn Văn Thoả : 267, 379
Nguyễn Văn Thu : 349
Nguyễn Văn Thuận : 90
Nguyễn Văn Thuý : 26, 27
Nguyễn Văn Trung : 247, 398
Nguyễn Văn Tường : 17, 22, 26, 27, 33, 37, 43, 46, 54, 59, 65, 77, 95, 109, 111, 112, 135, 138, 141, 144, 146, 147, 148, 154, 170, 176, 176, 178, 195, 223, 237, 238, 239, 240
Nguyễn Vận : 366
Nguyễn Viết Tuyển : 339
Nguyễn Viết Vinh : 89, 375
Nguyễn Vỹ : 165, 258, 262, 283, 313
Nguyễn Xuân : 282
Nguyễn Xuân Duẩn : 61, 65, 260, 274, 359, 366, 408
Nguyễn Xuân Huyền : 329
Nguyễn Xuân Ôn : 197, 241, 282, 337, 349
Nguyễn Xuân Phiếu : 47
Nguyễn Xuân Tâm : 45
Nguyễn Xuân Thưởng : 165, 168
Nguyễn Xuân Tiếp : 301
Nguyệt Đức (sông) : 60
Nguyệt Phiếu (xã) : 45
Ngư Sơn (núi) : 66
Ngư Võng (thôn) : 308
Ngự (bến) : 403
Ngự (núi) : 186
Ngự (sông) : 403
Ngự tiền (ấn) : 139, 247
Ngự tiền chi bảo (ấn) : 171, 221, 247
Ngưng Hy (điện) : 390, 450

NH

Nhã Nam (đồn) : 61
Nhạc chính (đội) : 182, 338
Nhân Tôn : 384
Nhật Lệ (cửa biển) : 145
Nhiêu Tập (xã) : 46
Nho Quan (phủ) : 31, 354
Nhu Gia : 302
Nhữ Nam quận vương : 384

O

Ôn công : 428
Ôn Khiêm : 23, 72, 123, 136, 137
Ôn Kiều : 102
Ôn Nghị : 191, 192, 384
Ôn Nghị Kiên vương : 223, 241
Ôn Nhã : 302
Ông Ích Khiêm : 25, 26, 33, 103

P

Pha-lê (quan Ba người Pháp) : 276
Pha-lê-tu-tê (quan Ba người Pháp) : 258
Pha-cô (Khâm sứ Pháp) : 53
Phả Lại tử : 397, 398
Phạm Bành : 282, 306, 323
Phạm Biểu : 307
Phạm Bính : 27, 273, 287
Phạm Bỉnh : 33, 363, 373, 440
Phạm Đài : 447
Phạm Đăng Toản : 56
Phạm Hàm : 260, 309
Phạm Huy Dự : 82
Phạm Hữu Bằng : 82
Phạm Hữu Dụng : 140, 184, 283, 361, 366, 367, 375
Phạm Hữu Tâm : 294
Phạm Hữu Thanh : 184
Phạm Hy Lượng : 31, 48, 60
Phạm Khắc Doãn : 165, 168
Phạm Khắc Tuy : 297
Phạm Khoa : 196
Phạm Ngọc Côn : 425
Phạm Ngọc Thọ : 201, 258, 283, 363
Phạm Như Hinh : 374
Phạm Như Vỵ : 389, 401, 419
Phạm Như Xương : 26, 183, 205, 353
Phạm Phú Khang : 403
Phạm Phú Lâm : 139, 247, 277, 289
Phạm Phú Thứ : 293
Phạm Phúc Lâm : 237
Phạm Sĩ : 307, 354, 422
Phạm Thanh Thục : 23, 27
Phạm Thận Duật : 51, 54, 63, 65, 73, 77, 81, 95, 102, 114, 120, 123, 125, 137, 138, 139, 140, 143, 145, 147, 151, 154
Phạm Thị Xoa : 411

Phạm Thông : 322

Phạm Tiên : 323

Phạm Tiến Học : 268

Phạm Tiến Uyển : 45

Phạm Trọng Di : 269, 283

Phạm Trung Trực : 82

Phạm Tuân : 14, 165, 168

Phạm Tuyên : 301

Phạm Tự : 428

Phạm Tường : 426

Phạm Văn Chất : 379

Phạm Văn Khoa : 303

Phạm Văn Khôi : 309

Phạm Văn Linh : 65

Phạm Văn Mỹ : 143

Phạm Viết Trang : 33, 42, 70, 126

Phạm Vụ Mẫn : 30

Phạm Xuân : 349

Phạm Xứng : 81, 104, 244, 253, 273, 305

Phan Chuyên : 107

Phan Đình Bình : 110, 111, 124, 146, 154, 155, 156, 171, 177, 178, 180, 181, 184, 185, 195, 201, 209, 216, 262, 271, 278, 293, 312, 313, 326, 349, 361, 368, 369, 370

Phan Đình Huấn : 53

Phan Đình Phùng : 116, 202, 203, 282, 442, 443

Phan Đỉnh Tân : 82

Phan Đức : 89

Phan Huy : 249, 292

Phan Huy Nhuận : 237, 269, 279, 312, 339

Phan Huy Quang : 82

Phan Khắc Đoan : 208

Phan Khắc Hoà : 202, 366

Phan Lang (tỉnh) : 380, 381

Phan Liêm : 215, 237, 243, 254, 259, 269, 277, 302, 306, 308, 310, 313, 315, 321, 329, 348, 350, 351, 352, 353, 361

Phan Ngọc Thọ : 262

Phan Phương : 374

Phan Quang Cư : 202

Phan Thanh Giản : 293, 294, 295, 377

Phan Thế Đĩnh : 358

Phan thị : 109, 302, 378

Phan Thị Nhàn : 97

Phan Thiện : 403

Phan Tiến Giảng : 292

Phan Tiến Hạc : 379, 447

Phan Trọng Du : 272

Phan Trọng Mưu : 65, 116, 202, 282

Phan Văn Cựu : 267

Phan Văn Dư : 60, 104, 272

Phan Văn Mỹ : 90, 147

Phan Văn Quý : 267
Phan Văn Tập : 15, 166, 169
Phan Văn thị : 180
Phan Văn Thông : 349
Phan Văn Tuyển : 25, 26
Phan Văn Xiển : 301
Phan Vu Hán : 113, 114
Phan Xuân Quán : 81
Pháp (nước) : 24, 75, 76, 77, 82, 88, 119, 120, 125, 126, 136, 137, 153, 154, 177, 183, 186, 187, 190, 196, 216, 227, 238, 239, 261, 264, 275, 276, 289, 299, 307, 319, 325, 332, 335, 341, 343, 344, 346, 366, 380, 388, 390, 392, 393, 396, 400, 406, 412, 416, 417, 419, 424, 430, 432, 439, 443
Phát Diệm (xã) : 31
Phát Diệm (xứ) : 243
Phấn nghĩa quân : 43, 140
Phế đế : 17, 23, 28, 35, 37, 38, 47, 57, 59, 150, 387, 423
Phó Duyệt : 162
Phong Đăng (huyện) : 117
Phong Nha (xứ) : 270
Phong Niên (huyện) : 117
Phong Phú (huyện) : 253
Phong-tê-ni (viên chức người Pháp) : 353
Phổ Lỗ Sĩ : 47
Phổ Yên (huyện) : 330
Phờ-lăng-xoa (Toàn quyền Pháp) : 353
Phu Tử : 184
Phù Cát (huyện) : 53
Phù Định Tam : 113, 114
Phù Lương (sông) : 60, 82
Phù Lưu Tế (tổng) : 408
Phù Lưu Thượng (tổng) : 408
Phù Mỹ (huyện) : 204
Phù Nghĩa tử : 177, 368
Phù Nhi (làng) : 34
Phù Xa (làng) : 34
Phú Gia (thôn) : 254
Phú Khê (xã) : 314
Phú Khương (xã) : 397
Phú Lạc (thôn) : 353
Phú Liêu (xã) : 250
Phú Lương (huyện) : 330
Phú Lương (phường) : 250
Phú Lương (xã) : 109, 195
Phú Môn (xứ) : 206
Phú Mỹ (phường) : 248
Phú Ninh (sông) : 262
Phú Sơn (xã) : 397
Phú Trạch (thôn) : 350
Phú Vinh (huyện) : 46, 409, 446
Phú Xuân (Kinh đô) : 241

Phú Xuân (xã) : 109, 250

Phú Xuyên (huyện) : 190

Phú Yên (tỉnh) : 38, 59, 65, 75, 81, 103, 115, 117, 134, 148, 150, 151, 181, 183, 188, 190, 19, 205, 211, 216, 220, 234, 238, 247, 252, 271, 287, 299, 305, 306, 308, 312, 313, 318, 322, 338, 341, 349, 352, 354, 357, 358, 364, 373, 375, 392, 393, 394, 398, 401, 404, 436, 443, 446

Phúc Ấm (xã) : 397

Phúc Duyên (tháp) : 108

Phúc Khánh (thôn) : 53, 130, 187, 336

Phú Lộc (huyện) : 254

Phúc Lộc (thôn) : 254

Phúc Lợi (tổng) : 421

Phúc Mỹ tử : 408

Phúc Sơn (thượng nguyên) : 354

Phục Ba : 225, 291

Phục Lễ công chúa : 359, 415

Phùng Văn Kỷ : 297

Phùng Văn Thuận : 190

Phụng An (điện) : 449

Phụng Tiên (điện) : 56, 113, 121, 146, 185, 189, 214, 239, 258, 365, 371, 376, 378, 379, 437

Phương Bài (thôn) : 308

Phương Giao (đồn) : 68

Phương Hạnh (tổng) : 408

Phương Hữu Thăng : 82

Phương Lâm (tỉnh) : 402, 408

Phương Lâm (xã) : 402

Phương Ngọc Côn : 349

Pôn-be (Toàn quyền Pháp) : 246, 253, 257, 265, 276, 282, 284, 289, 314, 315, 316, 343, 394, 402

Q

Quả Dũng tướng quân : 250

Quách Dĩ : 240

Quách Phần Dương : 361

Quách Tử Nghi : 404

Quan Âm (cầu) : 82

Quan Hoá (huyện) : 219

Quan lại thụ tài (điều luật) : 370

Quan Thánh bảo cáo : 349

Quan thánh đế quân : 250, 341

Quản Trọng : 240

Quang Âm : 82

Quang Hiến hoàng hậu : 129

Quang Vũ : 102, 240, 387

Quảng Bá (phường) : 230

Quảng Bí (tổng) : 408

Quảng Bình (tỉnh) : 28, 48, 54, 65, 68, 80, 81, 90, 97, 99, 104, 116, 117, 133, 334, 144, 152, 181, 201, 202, 203, 205, 209, 211, 219, 232, 233, 234, 236, 237, 240, 244, 248, 253, 256, 257, 262, 263, 269, 270, 271, 273, 274, 277, 280, 281, 289, 299, 301, 307, 313, 315, 321, 322, 324, 326, 330, 338, 342, 344, 345, 346, 347, 358, 362, 363, 368, 369, 373, 374, 375, 376, 378, 382, 397, 401, 406, 407, 412, 417, 425, 435, 439, 440, 442, 446, 448

Quảng Hoá quận công : 362, 446

Quảng Nam (tỉnh) : 25, 42, 60, 75, 81, 83, 84, 103, 104, 107, 114, 117, 125, 128, 134, 148, 149, 150, 151, 152, 155, 181, 185, 197, 204, 205, 208, 213, 214, 219, 229, 234, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 253, 256, 259, 261, 267, 268, 269, 273, 282, 285, 286, 289, 296, 298, 299, 310, 312, 315, 320, 321, 324, 326, 329, 336, 339, 347, 348, 350, 351, 352, 353, 354, 357, 360, 361, 364, 366, 369, 372, 373, 374, 375, 378, 397, 402, 403, 406, 409, 416, 420, 421, 429, 435, 436, 441, 447

Quảng Ngãi (tỉnh) : 38, 56, 65, 81, 103, 113, 114, 117, 134, 146, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 165, 168, 197, 204, 205, 209, 213, 214, 217, 219, 220, 229, 230, 234, 236, 238, 247, 248, 255, 257, 258, 262, 267, 268, 269, 271, 273, 282, 289, 296, 299, 307, 310, 315, 321, 322, 324, 329, 336, 347, 351, 352, 354, 356, 357, 360, 361, 368, 371, 373, 375, 376, 378, 379, 397, 404, 408, 412, 416, 418, 420, 421, 422, 428, 429

Quảng Nghĩa : 190

Quảng Phú (trạm) : 407

Quảng Tế (huyện) : 219

Quảng Thi (xã) : 206

Quảng Trạch (phủ) : 201, 209

Quảng Trị (tỉnh) : 21, 23, 27, 28, 38, 40, 44, 45, 53, 60, 81, 84, 85, 86, 90, 112, 114, 115, 116, 117, 127, 134, 138, 139, 140, 141, 143, 144, 147, 150, 151, 152, 155, 166, 170, 173, 181, 183, 189, 193, 200, 202, 205, 208, 211, 219, 232, 233, 234, 235, 237, 240, 248, 250, 253, 255, 256, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 267, 270, 274, 281, 282, 286, 287, 289, 298, 299, 301, 311, 315, 320, 321, 324, 326, 330, 338, 339, 344, 345, 348,

358, 373, 374, 375, 382, 407, 408, 418, 420, 424, 425, 434, 435, 440, 441, 446

Quảng Xá (tổng) : 408

Quảng Xương (huyện) : 242, 249, 292

Quảng Yên : 43, 81, 86, 119, 120, 259, 277, 279, 425

Quần Ngọc (tranh vẽ) : 162

Quế Dương : 60

Quế Sơn (huyện) : 205, 213, 253, 285, 397

Quốc Oai : 49

Quốc sử quán : 6, 7, 22, 54, 71, 94, 120, 158, 159, 171, 177, 181, 191, 216, 221, 231, 258, 279, 285, 313, 329, 331, 381, 411, 431, 441, 446

Quốc tử giám : 14, 46, 54, 150, 165, 168, 185, 275, 332, 441

Quy Lại (xã) : 183

Quy quốc công : 229

Quỳ Châu (phủ) : 126, 314

Quỳ Hợp (đền) : 183

Quỳnh Đôi (thôn) : 81, 221

Quỳnh Lưu (huyện) : 221

Quỳnh quốc công : 194

R

Ra-măng (Toàn quyền Pháp) : 29, 30

S

Sa Đông (xóm) : 262

Sa Lộc (núi) : 336

Sà Kiều (xã) : 231

Sài Quất (thôn) : 296

Sài Gòn : 34, 75

Sam-bô (Khâm sứ Pháp) : 24, 29, 40, 46, 48, 50, 53, 135, 136, 141, 146, 148, 151, 154, 156, 177, 183, 185, 186, 211, 218, 243

Sao Bích : 50

Sao Chổi : 206, 207

Sao Kim : 207

Sao Thái Bạch : 206, 207

Sao Tuệ : 50, 207

Sầm Dục Anh : 68, 82

Sậy (quân khởi nghĩa) : 189, 190

Sinh-bích (Thượng thư Pháp) : 100, 126, 146, 177, 185, 187, 205, 210, 215, 218

Sanh-xuân-bi (quan Một người Pháp) : 264

So-ngắt (Thượng thư Pháp) : 228

Son (nguồn) : 425

Sô : 40

Sở Chỉ : 126

Sở Cung vương : 192

Sở Khâu (thành) : 187

Sơn Dương (huyện) : 406

Sơn Luân : 59

Sơn Quả (xã) : 40

Sơn Tây (tỉnh) : 29, 34, 35, 42, 49, 50, 66, 68, 81, 84, 89, 90, 100, 104, 113, 117, 118, 125, 135, 209, 216, 229, 245, 247, 252, 255, 260, 277, 284, 305, 312, 349, 358, 375, 381, 402, 406, 408, 411, 425, 442, 448

Sùng Ân (điện) : 146, 379

Suy-mông (quan Một thầy thuốc người Pháp) : 285

Sử ký : 102, 160, 192

Sử quán : 9, 66, 81, 101, 137, 148, 185, 189, 204, 220, 237, 249, 273, 287, 312, 346, 362, 364, 375, 379, 385, 387, 390, 406

Sương Tự Tần : 160

T

Tá Bang (châu) : 62

Tả (đạo giáo) : 41

Tả Quan (xã) : 375

Tả truyện : 427

Tạ Hiện : 30, 82

Tạ Thúc Dĩnh : 26, 362, 416, 430

Tài dũng tướng (kim bài) : 188

Tài Lương (tổng) : 205

Tam Dương (tổng) : 66

Tam Hà (xứ) : 263

Tam Kỳ (xứ) : 347

Tam Kỳ (thôn) : 350

Tam pháp (ty) : 22, 176

Tam quốc : 362

Tạng Lâm (tên đất) : 402

Tào Bôn : 361

Tào Man : 200

Tào Tháo : 200

Tào thị : 225

Tào Vũ Huệ : 361

Tảo (tên người) : 369
Tăng Duệ : 214
Tăng Duệ (hoàng thái tử) : 297
Tăng Quang Giáp : 301
Tầm Dương (huyện) : 414
Tân Định (huyện) : 64
Tân Giang : 138
Tân Khai (thôn) : 308
Tân Mỹ (phường) : 44
Tân Niên (xã) : 340
Tân Phúc quận công : 294
Tân Quý (ấp) : 200
Tân văn (báo) : 438
Tần Mục Công : 174
Tấn (triều đại) : 102, 103, 174, 240
Tấn Văn Công : 174
Tất (sông) : 117
Tất Tác (thôn) : 381
Tây Ba (cửa) : 404
Tây Hồ (phường) : 230
Tây Nhị (ấp) : 411
Tề (triều đại) : 387
Tề Chiêu Nghiệp : 387
Tề Hoàn Công : 174, 186, 187
Tế Bắc (nhà) : 341
Tích Chỉ (đền) : 308, 310
Tịch An (xã) : 397
Tịch An Đông (thôn) : 397
Tiêm (người) : 127
Tiềm Để (cung) : 57, 194, 247
Tiên Canh (xã) : 66
Tiên Giang (tổng) : 421
Tiên Yên (châu) : 411
Tiền biên : 7, 8, 157, 159, 162
Tiền Tiệp (giáp) : 412
Tiêu Sâm : 160
Tiểu Ất : 102
Tiểu Bạch : 240
Tín Lăng : 187
Tín Nghĩa hội : 40
Tín quốc công : 404
Tinh-tu-ma-du (quan Năm người Pháp) : 228
Tĩnh Dương (thuyền) : 46
Tĩnh dương (vệ) : 312
Tĩnh Gia (huyện) : 242
Tĩnh Gia quận công : 171
Tĩnh Hải (thuyền) : 25
Tĩnh Thần (trạm) : 298, 407
Tịnh Bình : 426
Tô Nguyên Chương : 82
Tôn quốc công : 48
Tôn Thái vương : 414, 430

Tôn Thất Bá : 25, 183, 194, 201, 215, 249, 258, 279, 283, 339

Tôn Thất Bàn : 25

Tôn Thất Chấn : 112

Tôn Thất Côn : 42

Tôn Thất Cự : 363

Tôn Thất Diễm : 388

Tôn Thất Diễn : 112

Tôn Thất Dũng : 112

Tôn Thất Đề : 347, 401

Tôn Thất Đính : 147

Tôn Thất Đoá : 196

Tôn Thất Hoè : 46, 89

Tôn Thất Hội Thường : 52

Tôn Thất Hỗn : 27

Tôn Thất Hợp : 293, 294, 295

Tôn Thất Huy : 112

Tôn Thất Khang : 347

Tôn Thất Lệ : 138, 139, 140

Tôn Thất Linh : 112

Tôn Thất Lương : 181

Tôn Thất Mỹ : 367

Tôn Thất Nhụ : 292

Tôn Thất Niêm : 141, 184

Tôn Thất Phê : 101, 126

Tôn Thất Phiên : 23, 26, 33, 45, 73, 77, 79, 115, 139, 140, 147, 152, 193, 197, 220, 252, 326, 345, 366, 381, 401, 402, 413, 422, 435, 436

Tôn Thất Tân : 112

Tôn Thất Thế : 27, 33, 42, 62, 73, 124, 125, 181, 258, 367, 376

Tôn Thất Thiệu : 208

Tôn Thất Thuyết : 17, 22, 26, 27, 33, 37, 43, 44, 46, 51, 54, 59, 65, 77, 95, 97, 109, 111, 123, 135, 138, 141, 142, 143, 144, 145, 147, 148, 152, 153, 154, 171, 176, 178, 183, 191, 238

Tôn Thất Trang : 27

Tôn Thất Triệt : 26, 28, 60, 73, 107

Tôn Thất Trường : 46, 59, 115

Tôn Thất Vịnh : 29, 30, 34, 90, 237, 261, 347, 367, 422

Tôn Thất Vu : 25

Tôn Thất Vỹ : 349

Tôn Thất Uý : 31, 48, 60

Tôn Thực : 384

Tống (triều đại) : 5, 103, 161, 203

Tống công : 240

Tống Duy Tân : 282

Tống Huy Tông : 161

Tống Khâm Tông : 198

Tống Phúc Tiệp : 27

Tống Sơn (huyện) : 95, 220, 339, 417, 418

Tống sử Lễ chí : 102

Tống Thái Tông : 345

Tống Triết Tông : 319

Tống Tử Dục : 387

Tu-tê (quan Ba người Pháp) : 276

Tú Lộc (công nữ) : 421

Tuân Hoặc : 200

Tuân quốc công : 52, 70, 113, 122, 382, 426

Tùng Thiện công : 298, 388

Tuy An quận công : 362

Tuy Hoà quận công : 37

Tuy Lai (tổng) : 408

Tuy Lý (huyện) : 150, 447

Tuy Lý công : 194

Tuy Lý huyện công : 107, 150

Tuy Lỷ quận công : 194

Tuy Lý vương : 37, 149, 194, 446

Tuy Phong (huyện) : 381

Tuy quốc công : 37

Tuy Thành (gác) : 132

Tuy Viễn (huyện) : 436

Tuyên Hoá (huyện) : 201, 322, 347, 439

Tuyên Nhân (Hoàng thái hậu) : 319

Tuyên Quang (tỉnh) : 73, 90, 119, 135, 245, 252, 260, 277, 284, 349, 358, 406, 425, 448

Tuyên Thành (tên đất) : 160

Tuyên vương : 229, 450

Tư lăng : 449

Tư lăng biệt điện : 390

Tư Mã Thiên : 160

Tư Nghĩa (huyện) : 257

Từ Diên Húc : 34, 50, 82

Từ Dụ (Bác duệ Thái hoàng Thái hậu) : 192, 204, 215, 222, 225, 238, 240, 259, 322, 337, 420, 428, 430

Từ Dụ (Thái hoàng Thái hậu) : 17, 18, 19, 36, 38, 54, 59, 70, 80, 95, 98, 105, 106, 123, 129, 130, 131, 139, 141, 144, 146, 150, 155, 184, 188, 190, 191, 200, 203, 211, 329

Từ hải : 160, 162, 174, 183, 186, 192, 199, 200, 224, 233, 241, 256, 414

Từ nguyên : 256

Từ Vân (gác) : 132

Từ Văn Phúc : 208

Từ Ý : 36

Tứ Phương (gác) : 417

Tứ Tây (xã) : 109

Tử Đường : 6

Tử Nghi : 361, 404

Tử Ngư : 240

Tự Cường (lầu) : 417

Tự Đức : 7, 9, 11, 12, 13, 16, 17, 20, 21, 22, 39, 52, 57, 58, 62, 65, 67, 68, 70,

72, 76, 80, 85, 86, 94, 97, 107, 109, 113, 117, 121, 124, 128, 129, 131, 133, 170, 173, 175, 178, 182, 184, 190, 196, 197, 209, 212, 222, 230, 235, 236, 250, 259, 263, 275, 284, 294, 308, 323, 324, 325, 329, 330, 334, 337, 339, 347, 349, 358, 368, 377, 380, 382, 384, 385, 387, 388, 397, 401, 407, 411, 417, 421, 443, 444, 447, 448, 449

Tự tiện rời bỏ chức dịch (điều luật) : 370

Tương Dương (phủ) : 126, 314, 363

Tường Nhạn (thuyền) : 46

Tường Quang (gác) : 132

TH

Thạch Bằng (xã) : 306

Thạch Bi (đồn) : 258

Thạch Bích (động Man) : 290, 354, 422

Thạch Hà (huyện) : 203, 303, 347

Thạch Hãn (xã) : 138, 255

Thạch Kiều (cầu) : 284

Thạch Kính Đường : 387

Thạch Tân (núi) : 219, 269

Thạch Tân (thôn) : 397

Thạch Tấn : 387

Thạch Than (thôn) : 429, 430

Thạch Thất : 49

Thái Bình (tên người) : 422

Thái Bình (tổng) : 245, 408

Thái Bình công : 297

Thái Bình ngự lãm (lầu) : 362, 448

Thái Giáp : 18

Thái Hoà (điện) : 18, 19, 98, 99, 174, 175, 218, 253, 304, 315, 339, 376, 449

Thái Hữu Thường : 366

Thái miếu : 23, 43, 52, 122, 132, 172, 222, 258, 305, 320, 371

Thái Mô : 428

Thái Nguyên (tỉnh) : 61, 81, 83, 89, 106, 119, 125, 210, 222, 245, 260, 274, 277, 286, 306, 330, 334, 359, 408, 417

Thái Nhâm : 203, 319

Thái Tây (nước) : 187

Thái Thịnh công : 80

Thái thúc (thơ) : 195

Thái Tự : 203

Thái Văn Dũng : 267, 268, 416

Thái Văn Đồng : 297

Thái Văn Hiển : 89, 281, 309

Thái Văn Trung : 429

Thái vương : 385

Thang Hoà : 404

Thanh (người) : 68, 69, 116, 127, 148, 185, 219

Thanh (nước) : 29, 30, 32, 39, 50, 51, 58, 61, 62, 66, 68, 73, 77, 82, 83, 110, 113, 114, 121, 125, 135, 206, 245, 253, 256, 285, 290, 291, 312, 318, 357, 366, 391, 397, 399, 405, 430, 434

Thanh Bình (đồn) : 95

Thanh bình (thự) : 182

Thanh Cú lũ khoảng mẫn bản nguyên biên : 66

Thanh Đàm (thôn) : 223

Thanh Hà (huyện) : 310

Thanh Hà (xã) : 84, 209

Thanh Hoá (tỉnh) : 21, 24, 47, 48, 54, 59, 60, 61, 62, 66, 68, 71, 73, 81, 98, 100, 104, 107, 110, 111, 114, 116, 117, 120, 124, 125, 127, 147, 148, 154, 155, 171, 179, 181, 185, 193, 206, 209, 210, 216, 219, 220, 229, 230, 233, 234, 235, 242, 243, 249, 253, 255, 256, 261, 263, 268, 271, 277, 280, 281, 292, 296, 299, 301, 306, 311, 314, 316, 317, 318, 321, 323, 325, 326, 330, 338, 341, 342, 346, 347, 351, 354, 357, 358, 367, 368, 372, 375, 381, 382, 387, 391, 392, 406, 407, 408, 409, 410, 417, 418, 421, 424, 425, 437, 444

Thanh Hoá (trường thi) : 100, 104, 110, 111, 179, 408

Thanh Lãng (sách) : 117

Thanh Lãng (trang) : 117

Thanh Lương (thôn) : 205

Thanh Mai (đồn) : 245

Thanh Nga (xã) : 216

Thanh Oai (huyện) : 40, 189, 190

Thanh Tân (xã) : 40

Thanh Thuỷ (đồn) : 219

Thanh Trà (thôn) : 397

Thanh Trì (huyện) : 189, 190

Thẳnh Hoá : 44

Thành Hoá hầu : 408

Thành Ngọc Uẩn : 50

Thành Thái : 5, 7, 9, 10, 23, 84, 96, 97, 159, 201, 390, 449

Thành Tổ : 23, 35

Thành vương : 18, 192, 240

Thánh chế thi văn : 201

Thánh tổ Nhân hoàng đế : 8

Thánh Từ : 32, 36, 37

Thăng Bình (hạt) : 347

Thăng Bình (phủ) : 104, 206, 213, 403

Thăng Long (thành) : 256
Thằng Cục (xứ) : 439
Thân Văn Tài : 44
Thân vương (đền) : 389
Thần Khê (huyện) : 321
Thận Tu (phòng) : 362
Thập Tháp (chùa) : 135
Thất Khê (huyện) : 245
Thế Lộc tử : 302
Thế miếu : 23, 70, 77, 96, 102, 103, 114, 172, 221, 371, 376, 386, 450
Thế tổ : 102, 263
Thế tổ Cao hoàng đế : 8, 176, 196, 238, 239, 256
Thi Điện : 67, 81, 137, 179
Thi Đình : 66, 67
Thi Hội : 21, 45, 46, 66, 67, 70, 81, 133, 179, 435
Thi Hội võ : 21, 63, 64
Thi Hương : 21, 63, 70, 88, 104, 110, 179, 296, 309, 320, 324, 339
Thi Hương võ : 21, 63, 100
Thi Nại (cửa biển) : 75, 80, 151
Thị Thông : 423, 424
Thích điện : 445
Thiên Cầu (núi) : 83
Thiên Đàn : 428
Thiên Đức (sông) : 60
Thiên Hoàng long sơn (lăng) : 407
Thiên Lộc (gác) : 160
Thiên Mụ (chùa) : 108, 112
Thiên Tân : 51, 66, 82
Thiên thành (cục) : 389, 390, 401, 404, 414, 416, 419, 431, 432, 433, 435, 446, 447
Thiên Thụ (lăng) : 33, 39, 133, 403
Thiên Y La Na Diễn vương : 249, 250
Thiện phi : 170, 222, 223
Thiết Sơn : 245
Thiết Tường : 220
Thiều Văn Dược : 89, 263
Thiếu đế : 199
Thiệu Hoá (phủ) : 59, 261
Thiệu Trị : 31, 121, 212, 235, 314, 377, 410, 449
Thịnh quốc công : 126
Thọ quốc công : 229
Thọ Xuân (huyện) : 107, 206, 261
Thọ Xuân vương : 39, 142, 144, 146, 148, 155, 156, 171, 179, 180, 183, 288
Thọ Xương (huyện) : 101, 135, 308
Thổ (người) : 127, 131, 443
Thông Thiên quận chúa : 249
Thu Bồn (hạt) : 214
Thu Cúc : 68

Thuần hoàng đế : 449

Thuần Nghị : 97, 170, 384, 385, 422, 423

Thuận An (cửa biển) : 24, 25, 37, 43, 45, 73, 74, 79, 80, 108, 112, 119, 136, 154, 325, 345, 399, 439, 440, 441

Thuận Bài (đồn) : 442

Thuận Đạo (sơn thần) : 447

Thuận Lương : 60

Thuận Ổn (tàu) : 99

Thuận Thành (huyện) : 60, 245, 310

Thuận Tiếp (tàu thuỷ) : 99

Thuận Vương hầu : 302

Thục Luyện (đồn) : 29, 34, 68, 284

Thuý Loan (thôn) : 350

Thuỷ Ba (xã) : 144

Thuỷ Dương (thôn) : 254

Thuỷ Đường (huyện) : 247

Thuỷ Nguyên (huyện) : 247, 375

Thuỷ Xá (nước) : 59, 127, 189

Thuỵ Giang (thôn) : 380

Thuỵ Nguyên (thôn) : 219

Thuỵ Nguyên quận vương : 194, 195, 368, 370

Thuỵ quốc công : 194, 387, 423, 449

Thuỵ Thánh (lăng) : 422

Thừa Lưu (trạm) : 254

Thừa Thiên (phủ) : 20, 23, 24, 25, 27, 38, 40, 41, 42, 46, 52, 53, 54, 62, 66, 74, 81, 84, 88, 90, 100, 101, 107, 109, 112, 115, 116, 117, 120, 125, 127, 134, 140, 145, 146, 150, 178, 179, 183, 193, 208, 209, 215, 219, 223, 227, 231, 237, 249, 254, 255, 269, 279, 283, 286, 291, 296, 298, 307, 309, 314, 320, 324, 325, 326, 338, 339, 348, 349, 353, 363, 366, 368, 373, 374, 376, 379, 382, 399, 401, 404, 405, 410, 412, 415, 416, 420, 424, 426, 436, 437, 440, 441

Thừa Thiên (trường thi) : 88, 100, 112, 179, 296, 320, 349, 382, 404, 415

Thực lục : 5, 6, 7, 8, 157, 191, 385, 386

Thực lục Giản tông Nghị hoàng đế : 387

Thực lục Chính biên : 6, 7, 10, 158, 159, 162, 163

Thực lục về Cảnh tông Thuần hoàng đế : 159

Thương bạc (nha, sở, ty) : 24, 43, 74, 78, 79, 80, 98, 118, 120, 140, 148, 151, 155, 243

Thương Bặc : 8

Thương chính (nha, sở) : 50, 74, 76, 80, 127, 228, 289, 317, 318, 341, 353, 364, 391, 392, 393, 394, 406, 429, 437

Thương Ngô vương : 387

Thương Thành Thang : 402

Thường Chính (châu) : 406

Thường quốc công : 37, 437
Thường Tín (phủ) : 48, 65, 189, 190, 245, 301
Thường Xuân (châu) : 107
Thường Xuyên (đồn) : 258
Thượng Bình (xã) : 397
Thượng đế : 28, 96, 107, 382, 386
Thượng Kế : 62
Thượng Thọ (thôn) : 306
Thượng Trì (ấp) : 411

TR

Trà Mi (nguyên) : 214
Trà Quý Bình : 250, 251, 445
Trạch Trung (quán) : 362
Trang Cung : 195
Trang Nhàn : 303
Trang Uý (Hoàng thái hậu) : 319, 320
Trang Uý Hoàng thái hậu chi bảo (ấn) : 320
Trang Ý (Hoàng thái hậu) : 28, 322, 337, 339, 411, 435
Tràng An (Kinh đô) : 199
Trạng Khang : 256
Trạng Mô (xứ) : 443
Trân Cầu (thôn) : 350
Trần Bá Lộc (Giám mục người Pháp) : 310, 349, 357, 392, 398, 436
Trần Bạch Lân : 300
Trần Bân Ứng : 229
Trần Cán : 165, 169
Trần Chân : 301
Trần Chỉ Tín : 33
Trần Chính Trung : 301
Trần Cương : 390, 419
Trần Danh Phương : 401
Trần Dậu : 62
Trần Doãn Khanh : 43, 100, 205
Trần Dung Hanh : 297
Trần Duy Bức : 424
Trần Duy Lương : 401, 403
Trần Đạo Tiêm : 179
Trần Đạt : 90
Trần Đăng thị : 180, 311
Trần Đắc Quý : 60, 82
Trần Đình Túc : 146
Trần Đĩnh : 409
Trần Đức Phương : 435
Trần Đức Triều : 61
Trần Gia Tĩnh : 398

Trần Hữu Diệu : 26
Trần Hữu Khác : 326, 372, 428
Trần Hữu Văn : 61
Trần Hữu Viết : 281, 412, 425
Trần Khánh Hội : 81
Trần Khánh Tiến : 139, 185, 287, 358
Trần Khắc Vĩnh : 248
Trần Lục (giám mục) : 31, 59, 243
Trần Lưu Huệ : 47, 64, 83, 101, 132, 136, 207, 221, 264, 274, 282, 305, 313, 353, 363, 364, 425, 448
Trần Lý : 365
Trần Ngọc Côn : 365
Trần Nha : 89
Trần Nhân Tông : 174
Trần Như Tú : 260, 309
Trần Nhượng : 47, 55, 103
Trần Ôn : 297
Trần Phát : 65
Trần Quang Chuyên : 193
Trần Quang Huấn : 62
Trần Sán : 159, 165, 168, 426, 427
Trần Sĩ Trác : 10, 14
Trần Soạn : 73
Trần Thắng : 198
Trần thị : 303
Trần Thị Lựu : 201
Trần Thị Tiến : 428
Trần Thiện : 297
Trần Thuyết : 297
Trần Tiến : 366
Trần Tiễn Thành : 46, 66, 190, 275
Trần Tu : 149
Trần Tử Giải : 115
Trần Văn Bẩm : 89
Trần Văn Chuẩn : 44, 48, 54, 64, 83, 117, 124, 126, 133, 136
Trần Văn Cung : 297
Trần Văn Cư : 27, 201, 236, 244, 252, 253, 262, 273, 308
Trần Văn Dã : 416
Trần Văn Diệu : 166, 169
Trần Văn Dư : 104, 204, 213
Trần Văn Dự : 150
Trần Văn Dữ : 181, 403
Trần Văn Điều : 286
Trần Văn Đồ : 368
Trần Văn Lễ : 295
Trần Văn Lưỡng : 217, 219, 267, 268
Trần Văn Lý : 135
Trần Văn Mậu : 89
Trần Văn Nhĩ : 255
Trần Văn Quý : 101, 339
Trần Văn Tài : 47

Trần Văn Tô : 297
Trần Văn Tư : 200
Trần Văn Úc : 86
Trần Viết Thọ : 446
Trần Xuân Soạn : 27, 43, 138, 139, 140, 143, 147, 178, 282, 430
Trấn Biên (phủ) : 424
Trấn Bình (cửa) : 99
Trấn Bình (đài) : 54, 99, 126, 138, 139, 284
Trấn Định (phủ) : 21, 424
Trấn Man (phủ) : 21
Trấn Ninh (phủ) : 21, 424
Trấn Ninh quận công : 179
Trấn quốc công : 179
Trấn Tĩnh (phủ) : 21, 424
Triều Sơn (xã) : 195
Triệu Đức Vọng : 90, 286
Triệu Hốt : 240
Triệu Ốc : 60, 61, 82
Triệu Phong (huyện) : 407
Triệu Phong (phủ) : 236, 255, 260, 263, 277
Triệu Phong quận công : 194
Triệu Phổ : 345
Triệu Thôi : 240
Triệu Tường (thành) : 220, 418
Trình (làng) : 62
Trinh Thuận (khánh) : 188
Trinh Tiết (tổng) : 408
Trinh Từ : 303
Trình Y Xuyên : 384
Trịnh Bỉnh Điểm : 209
Trịnh Hoài Đức : 404
Trịnh Hốt : 187
Trịnh Hữu Phu : 14
Trịnh Lạc : 27, 47, 381, 415
Trịnh Nhạc : 253, 277
Trịnh Quang Chiểu : 312
Trịnh thị : 311
Trịnh Uyển : 249, 292
Trịnh Vạn (tổng) : 107
Trịnh Văn Ất : 82
Trịnh Văn Bưu : 182, 248
Trịnh Văn Hoá : 412
Trịnh Văn Thái : 268
Trọng Anh Tề : 102
Trọng Miên Trí : 37
Trọng Quý : 387
Trù Biện : 50
Trúc Ảnh (xã) : 397
Trúc Lâm (đồn chính) : 203
Trúc Lâm (xã) : 202
Trung An (tổng) : 205

Trung Bát (xứ) : 203

Trung Hoa : 362, 363, 378, 430, 435, 444, 446

Trung Lộc (thôn, xã) : 253, 285, 289

Trung Nghĩa (đền) : 26, 131, 229, 294, 304

Trung Nghĩa đường : 198

Trung Quốc (nước) : 180, 203, 209, 245, 284

Trung Tôn : 387

Trùng Tiêu (đền) : 132

Trung Trì (ấp) : 411

Trùng Nhĩ : 174, 240

Truy Tư (điện) : 389, 390, 405, 431, 432, 445

Trừng Phương (nhà thuỷ tạ) : 413

Trừng quốc công : 24, 98

Trương Bang Xương : 199

Trương Công Sương : 398

Trương Đăng Quế : 275

Trương Đình Chất : 254

Trương Đình Hội : 193

Trương Đĩnh : 409

Trương Định : 241

Trương Như Cương : 104, 115, 141, 243, 306, 367, 425, 437

Trương Như Lý : 295

Trương Phu Kính : 427

Trương Quang Đàm : 44

Trương Quang Đản : 6, 7, 14, 29, 30, 60, 61, 88, 89, 104, 124, 140, 141, 147, 173, 181, 273

Trương Quang Hùng : 217

Trương Quang Ngọc : 439, 440, 441, 448

Trương Quang Thủ : 203

Trương Xá : 296

Trương thị : 410

Trương Tuấn Nhiếp : 165, 168

Trương Văn Ban : 89, 196, 282, 301

Trương Văn Đễ : 26, 48, 132, 139, 140, 143, 147, 152, 178

Trương Văn Định : 40

Trương Văn Đức : 40

Trương Văn Hậu : 134, 315

Trương Văn Hùng : 27, 42, 98, 127, 308

Trương Văn Lễ : 33, 57

Trương Văn Uyển : 293, 294, 295

Trương Vĩnh Ký : 246, 260, 276

Trương Vĩnh Thanh : 34

Trương Vĩnh Thế : 276

Trương Vịnh : 433

Trường Định (phủ) : 309

Trường Huân (thôn) : 350

Trường Khánh (phủ) : 190

Trường Ninh (cung) : 211, 212, 229, 304, 305, 337, 339, 371, 422

Trường Thi : 139

U

U-đa-ni (Thượng tá người Pháp) : 285
Uy Mục đế : 386
Ưng Bác : 38, 150
Ưng Chân : 150, 172, 194
Ưng Cừ : 37
Ưng Diễn : 150
Ưng Dũng : 150
Ưng Đăng : 16, 114, 223, 255, 326, 384
Ưng Đỗ : 38
Ưng Đường : 172
Ưng Hiệp : 38, 150
Ưng Hỗ : 16, 17
Ưng Huy : 150
Ưng Kỹ : 156
Ưng Kỷ : 170
Ưng Lịch : 95, 97, 223, 423, 440, 441, 443
Ưng Linh : 150
Ưng Phong : 421
Ưng Phương : 194
Ưng Quyến : 367
Ưng Suất : 150
Ưng Tuấn : 38
Ưng Vệ : 150
Ứng Chân (chùa) : 107
Ứng Hoà (hạt) : 40, 189
Ứng Hoà (phủ) : 101, 230, 245, 334
Ứng Hoà (thành) : 46, 230

V

Vạn niên thành (cục) : 390
Vạn niên Thiên Thành hữu cục (lăng) : 425
Vạn Ninh (châu) : 411
Vạn Thành (xứ) : 309
Vạn thế vĩnh lại (tiền) : 27, 78, 188, 222, 343
Vạn Thiện (công ty gạo) : 416, 421
Vạn Thọ (hành cung) : 413
Vạn Tuế (cung) : 404, 415, 430, 431, 432
Vạn vạn cát cục : 348
Vạn vạn niên cát cục kim tinh (lăng) : 329
Vạn vạn niên đại cát cục : 340, 371

Vạn Xuân (xã) : 117, 379

Vàng (làng) : 62

Văn Đế : 102, 387

Văn Giang (huyện) : 310

Văn Khắc Thân : 44

Văn La (tổng) : 408

Văn lý mật sát (ấn) : 79, 139, 171, 221, 247

Văn miếu : 19, 229, 253, 304, 445

Văn Minh (điện) : 24, 51, 95, 101, 123, 136, 180, 184, 195, 216, 431

Văn Phú Trí : 169

Văn thánh : 101, 285

Văn Tiến Đạo : 379

Văn Tiến Hùng : 267, 379

Văn Trưng (xã) : 216

Văn Xá (xã) : 139, 321

Văn vương : 382

Vân Hán (sông) : 402

Vân Nội (tổng) : 408

Vân Quý : 68, 82

Vận học tầm nguyên : 160

Ve (đồn) : 203

Ve-ra-nê (Tham tán người Pháp) : 215

Vệ (nước) : 174, 186, 187

Vệ Chính bá : 22, 27, 59

Vệ Chính hầu : 59

Vệ quốc công : 185, 187, 188

Vi-lăng-xa (phó điện báo viên người Pháp) : 229

Vi-nê (Đô thống Pháp) : 218, 219, 228

Viêm Minh (thôn) : 350

Viên Thiệu : 199, 200

Việt sử cương mục : 273

Việt sử tổng vịnh : 190

Vinh quốc công : 37, 437

Vĩnh An hầu : 378

Vĩnh Định (sông) : 84, 407

Vĩnh Gia nguyên niên : 386

Vĩnh Khắc : 59

Vĩnh Lại bá : 177, 221, 225, 258, 381

Vĩnh Lại công : 444

Vĩnh Lại quận công : 381, 431

Vĩnh Lại tử : 376, 398

Vĩnh Lệ : 127

Vĩnh Long : 24, 293, 294

Vĩnh Thuận (huyện) : 230

Vĩnh Thừa : 127

Vĩnh Tường : 34, 286

Võ Duy Tĩnh : 150

Võ Duyệt : 132

Võ học (nhà) : 72, 101, 124

Võ Khoa : 147

Võ Thành Danh : 45

Võ Túc : 90

Võ Văn Báo : 154

Võ Văn Hoạt : 135

Võ Văn Kiểu : 267

Vu (Công sứ người Pháp) : 368

Vu Khiêm : 404

Vu Viện Hiên (Chưởng ấn người Pháp) : 228

Vũ Bá Ba : 296

Vũ Bá Liêm : 236, 253, 271, 296

Vũ can (thự) : 182

Vũ Danh thị : 302

Vũ Doãn Tuân : 181, 200, 250, 251, 352, 402, 447

Vũ Dốc : 62

Vũ Dũng tướng quân : 250

Vũ Duy Tinh : 149, 197, 214, 236, 257, 273, 408

Vũ Đức Hậu : 279, 427

Vũ Gia Trinh : 419

Vũ Hoá : 205

Vũ Hội : 149, 221

Vũ Hưu : 194

Vũ Hữu Ngọc : 119

Vũ Hữu Tín : 189

Vũ Ích Khiêm : 173, 183

Vũ Khoa : 210, 253, 264, 272, 287, 303, 306, 312, 346, 347, 348, 381, 436, 443

Vũ Lân : 307

Vũ Ngọc Tuân : 297, 310

Vũ Như : 184, 220, 279

Vũ Nhữ : 81

Vũ Thành : 416

Vũ thị : 302

Vũ Thị Đà : 421

Vũ Trọng Bình : 25, 54, 99, 125, 146, 236, 261, 296

Vũ Trọng Liễn : 14

Vũ Tử Văn : 137, 189, 446

Vũ Văn Báo : 220, 305, 310, 322, 358, 366, 381, 411, 442

Vũ Văn Dũng : 376, 379

Vũ Văn Đản : 301

Vũ Văn Đằng : 379

Vũ Văn Đức : 27, 42, 101, 107

Vũ Văn Giai : 271

Vũ Văn Huệ : 248

Vũ Văn Hưu : 271

Vũ Văn Kiểm : 374

Vũ Văn Kiều : 268
Vũ Văn Lịch : 25
Vũ Văn Mẫn : 295
Vũ Văn Nhiêu : 253
Vũ Văn thị : 302
Vũ Văn Ty : 374
Vũ Văn Vận : 297
Vũ Văn Vĩ : 25
Vũ Xã (xã) : 255
Vũ Xuân Bật : 308
Vũ Xuân Cẩn : 209
Vũ Xuân Cơ : 181, 296, 310
Vũ Xuân Hoán : 308
Vũ Xuân Hoạt : 308
Vũ Xuân Khoa : 302
Vũ Xuân Phố : 302
Vũ Xuân Trừng : 308
Vũ Xuân Uyên : 302
Vũ Xuân Yên : 302
Vương Duy Trinh : 115
Vương Đức Bảng : 82
Vương Hoà Trợ : 230
Vương Lộc (xã) : 206
Vương Nham : 428
Vương Quý : 8
Vương Tôn Giả : 414
Vương Tử Tấn : 192
Vy An (Thống sứ Pháp) : 289
Vy An (Toàn quyền Pháp) : 297
Vy Văn Lý : 307, 443

X

Xa-đi-ca-nô (Giám quốc người Pháp) : 366
Xá (giặc) : 62, 127
Xã Tắc (đàn tế) : 17, 18, 19, 32, 33, 102, 106, 172, 229, 371, 382
Xiêm (nước) : 285, 290, 395, 424, 443
Xiêm La (nước) : 285, 424
Xuân An (thôn) : 380
Xuân Đài : 75
Xuân Đình (xã) : 40
Xuân Hoà (tổng) : 264
Xuân kinh : 8, 160, 174
Xuân Lâm : 138
Xuân Phong (thôn) : 429
Xuân Phú Trung (tổng) : 397
Xuân Thu (kinh) : 6, 286

Xuân Thu (thời) : 240, 427

Xuân Yên (phường) : 397

Xuất đế : 7, 11, 12, 71, 97, 174, 182, 191, 241, 263, 387, 423, 439, 440, 448

Xui (làng) : 62

Xung đế : 386

Xuyên quốc công : 179, 180, 376

Xương Ấp : 387

Xương Ấp vương : 194

Xương lăng : 133

Xương Thịnh : 62

Y

Y Doãn : 162

Y Xuyên : 384

Yên Đức (huyện) : 408

Yên Kinh : 110, 135

Yên Lê (xứ) : 206

Yên Thế (huyện) : 245

Y Pha Nho (nước) : 76

MỤC LỤC

CHÍNH BIÊN - ĐỆ TỨ KỶ

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Trang

ĐỆ NGŨ KỶ :

- Lời dụ 5
- Phàm lệ 11
- Tổng mục 13
- Quyển I (Tự Đức) - [1883] 16
- Quyển II (Tự Đức) - [1883] 39
- Quyển III (Kiến Phúc) - [1884] 51
- Quyển IV (Kiến Phúc) - [1884] 72
- Quyển V (Kiến Phúc) - [1884] 97
- Quyển VI (Kiến Phúc) [1884] 109
- Quyển VII (Hàm Nghi) - [1885] 123
- Quyển VIII (Hàm Nghi) - [1885] 136

ĐỆ LỤC KỶ :

- Quyển đầu 157
- Phàm lệ 163
- Tổng mục 167

- Quyển I (Hàm Nghi) - [1885] 170
- Quyển II (Đồng Khánh) - [1885] 193
- Quyển III (Đồng Khánh) - [1886] 218
- Quyển IV (Đồng Khánh) - [1886] 252
- Quyển V (Đồng Khánh) - [1886] 279
- Quyển VI (Đồng Khánh) - [1887] 304
- Quyển VII (Đồng Khánh) - [1887] 334
- Quyển VIII (Đồng Khánh) - [1887] 357
- Quyển IX (Đồng Khánh) - [1888] 380
- Quyển X (Đồng Khánh) - [1888] 406
- Quyển XI (Đồng Khánh) - [1888] 429

BẢNG SÁCH DẪN 450

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Tp. Đà Nẵng HUỲNH BÁ VÂN
Viện trưởng Viện Sử học TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập nội dung :
LƯU HOA SƠN - NÔNG THỊ HUỆ

Trình bày bìa :
NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in và phụ trách phần chữ Hán :
NGUYỄN ĐỨC NHUỆ – NGUYỄN HỮU TÂM

Phụ trách phần Sách dẫn :
NGÔ VŨ HẢI HẰNG

Chế bản :
VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM THỰC LỤC - TẬP CHÍN
Mã số : 7X417N6-CNĐ

In 1.200 bản, khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam-260 Hùng Vương, Tam Kỳ. Số XB : 10-2006/CXB/170-2018/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2007.

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄



50 NĂM
THÀNH LẬP
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄





Giá : 98.000đ